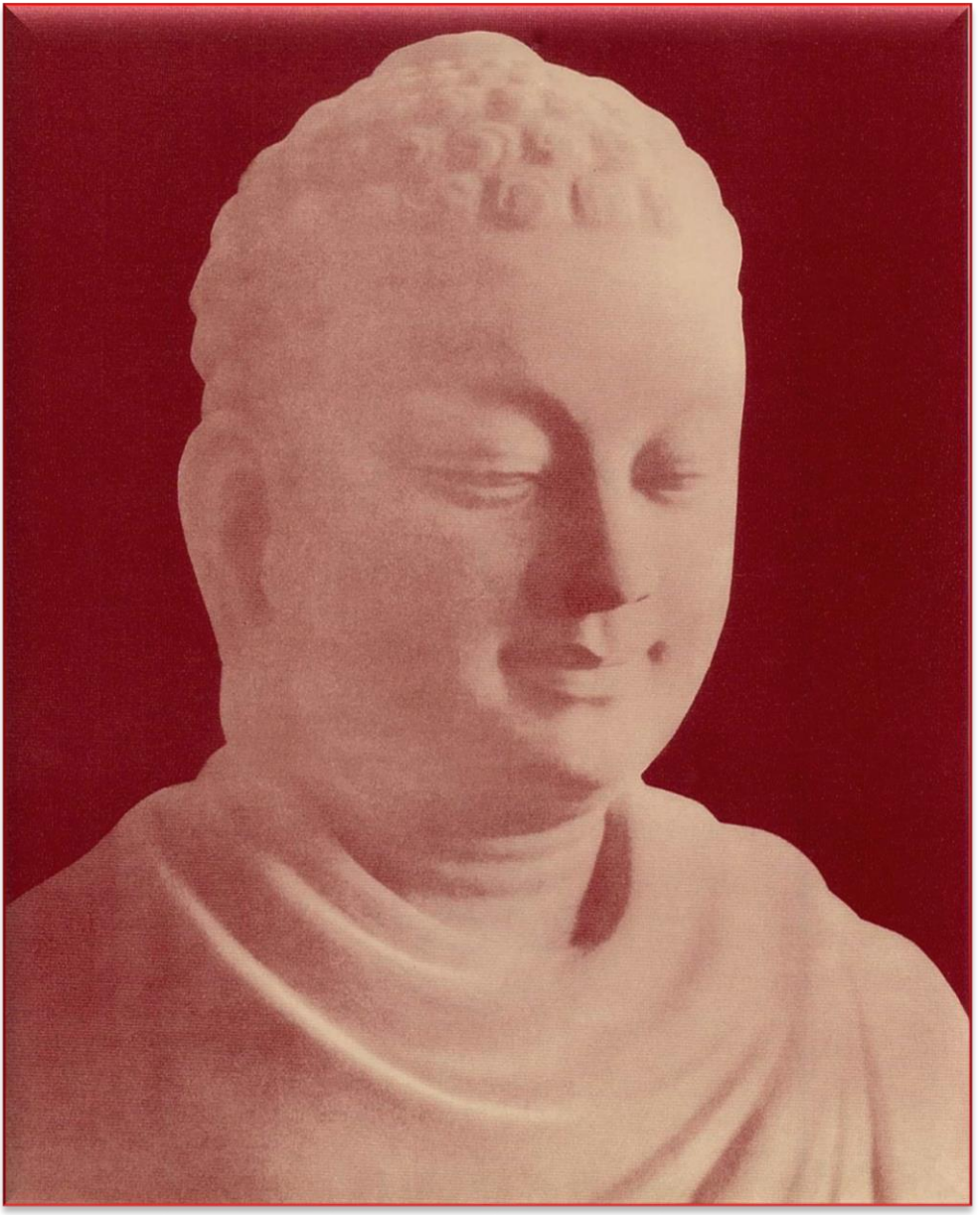

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 56

BỘ KINH TẬP III

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 56

BỘ KINH TẬP III

SỐ 468 → 489

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 3 – T056

SỐ 468 3
KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI VẤN 3
QUYỂN THƯỢNG 3
PHẨM 1: TỰA 3
PHẨM 2: BỒ-TÁT GIỚI 3
PHẨM 3: KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN 7
PHẨM 4: VÔ NGÃ 11
PHẨM 5: NIẾT-BÀN 13
PHẨM 6: BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 15
PHẨM 7: HỮU DƯ KHÍ 16
PHẨM 8: Đi Lại 18
PHẨM 9: TRUNG ĐẠO 18
PHẨM 10: GIỚI THẾ GIAN 19
PHẨM 11: GIỚI XUẤT THẾ GIAN 21
PHẨM 12: GIỚI THƯỢNG XUẤT THẾ GIAN 22
PHẨM 13: BỒ-TÁT THỌ GIỚI 23
PHẨM 14: TỰ MẪU 25
QUYỂN HẠ 35
PHẨM 15: PHÂN BIỆT BỘ 35
PHẨM 16: TẠP VẤN 37
PHẨM 17: CHÚC LỤY 48
SỐ 469 64
KINH VĂN-THÙ VẤN TỰ MẪU PHẨM 14 64
SỐ 470 67
KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI TUẦN HÀNH 67
SỐ 471 75
KINH VĂN-THÙ-THI-LỢI HÀNH 75
SỐ 472 84
KINH ĐẠI THỪA THIỆN KIẾN BIẾN HÓA VĂN-THÙ-SƯ-LỢI VẤN PHÁP 84
SỐ 473 91
KINH DIỆU CÁT TƯỜNG BỒ-TÁT SỞ VẤN ĐẠI THỪA PHÁP LOA 91
SỐ 474 98
KINH DUY-MA-CẬT 98
QUYỂN THƯỢNG 98
PHẨM 1: PHẬT QUỐC 98

PHẨM 2: THIỆN QUYỀN (PHƯƠNG TIỆN QUYỀN XẢO)..... 105
PHẨM 3: ĐỆ TỬ 108
PHẨM 4: BỒ-TÁT..... 116
PHẨM 5: ĐÀM LUẬN CÁC PHÁP..... 121
PHẨM 6: BẤT TƯ NGHÌ..... 129
QUYỂN HẠ 132
PHẨM 7: QUÁN NHÂN VẬT 132
PHẨM 8: CHỦNG TÁNH CỦA NHƯ LAI 140
PHẨM 9: NHẬP VÀO BẤT NHỊ..... 146
PHẨM 10: PHẬT HƯƠNG TÍCH 151
PHẨM 11: VIỆC LÀM CỦA BỒ-TÁT 155
PHẨM 12: THẤY PHẬT A-SÚC..... 161
PHẨM 13: CÚNG DƯỜNG PHÁP 165
PHẨM 14: KÝ THÁC DI-LẶC 168
SỐ 475 172
KINH DUY-MA..... 172
SỐ 476 245
KINH THUYẾT VÔ CẤU XỨNG..... 245
QUYỂN 1 245
PHẨM 1: Tựa..... 245
PHẨM 2: HIỂN BÀY PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO BẤT KHẢ TƯ NGHÌ 254
QUYỂN 2 258
PHẨM 3: THANH VĂN..... 258
PHẨM 4: BỒ-TÁT..... 267
QUYỂN 3 275
PHẨM 5: THĂM BỆNH..... 275
PHẨM 6: BẤT TƯ NGHÌ..... 283
QUYỂN 4 291
PHẨM 7: quán HỮU TÌNH 291
PHẨM 8: BỒ-ĐỀ PHẦN 300
PHẨM 9: PHÁP MÔN BẤT NHỊ..... 308
QUYỂN 5 314
PHẨM 10: PHẬT HƯƠNG ĐÀI 314
PHẨM 11: BỒ-TÁT HẠNH 321
QUYỂN 6 330
PHẨM 12: QUÁN NHƯ LAI 330
PHẨM 13: CÚNG DƯỜNG PHÁP 335
PHẨM 14: CHÚC LỤY 340
SỐ 477 344

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẢNH VƯƠNG ... 344
SỐ 478 ... 381
KINH ĐẠI THỪA ĐẢNH VƯƠNG ... 381
SỐ 479 ... 417
KINH ĐỒNG TỬ THIỆN TƯ ... 417
QUYỂN THƯỢNG ... 417
QUYỂN HẠ ... 437
SỐ 480 ... 458
KINH NGUYỆT THƯỢNG NỮ ... 458
QUYỂN THƯỢNG ... 458
QUYỂN HẠ ... 475
SỐ 481 ... 491
KINH BỒ-TÁT TRÌ NHÂN ... 491
QUYỂN 1 ... 491
PHẨM 1: BỐN PHÁP ... 491
PHẨM 2: PHẬT DIỆU TUỆ SIÊU VƯƠNG ... 498
QUYỂN 2 ... 506
PHẨM 3: VUA TRÌ THÍ ... 506
PHẨM 4: MƯỜI TÁM CHỦNG TÁNH ... 509
PHẨM 5: HIỂU RÕ VỀ BA CÕI ... 513
PHẨM 6: CÁC NHẬP ... 515
PHẨM 7: MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN ... 517
QUYỂN 3 ... 521
PHẨM 8: BA MƯƠI BẢY PHẨM ... 521
QUYỂN 4 ... 533
PHẨM 9: THẾ GIAN VÀ XUẤT THẾ GIAN ... 533
PHẨM 10: HỮU VI VÀ VÔ VI ... 535
PHẨM 11: BỒ-TÁT BẢO QUANG ... 537
PHẨM 12: BẢN SỰ ... 540
PHẨM 13: NHÓM BẠT-ĐÀ-HÒA – NĂM TRĂM BỒ-TÁT ... 541
PHẨM 14: CHÚC LỤY ... 545
SỐ 482 ... 547
KINH TRÌ THẾ ... 547
QUYỂN 1 ... 547
PHẨM 1: TỨ LỢI ... 547
PHẨM 2: NĂM ẤM (PHẦN 1) ... 562
QUYỂN 2 ... 570
PHẨM 2: NĂM ẤM (PHẦN 2) ... 570
PHẨM 3: MƯỜI TÁM TÁNH ... 580

QUYỂN 3 588
PHẨM 4: MƯỜI HAI NHẬP 588
PHẨM 5: MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN 591
PHẨM 6: BỐN NIỆM XỨ 597
PHẨM 7: NĂM CĂN 602
QUYỂN 4 606
PHẨM 8: TÁM THÁNH ĐẠO 606
PHẨM 9: THẾ GIAN, XUẤT THẾ GIAN 610
PHẨM 10: PHÁP HỮU VI, VÔ VI 612
PHẨM 11: BẢN SỰ 614
PHẨM 12: CHÚC LỤY 622
SỐ 483 625
KINH TAM-MẠN-ĐÀ BẠT-ĐÀ-LA BỒ-TÁT 625
PHẨM 1: NGŨ CÁI (NĂM THỨ NGĂN CHE) 625
PHẨM 2: HỐI QUÁ 625
PHẨM 3: NGUYỆN LẠC 627
PHẨM 4: KHUYẾN THỈNH 628
PHẨM 5: THÍ PHƯỚC 630
SỐ 484 632
KINH BỒ-TÁT BẤT TƯ NGHÌ QUANG SỞ THUYẾT 632
SỐ 485 649
KINH VÔ SỞ HỮU BỒ-TÁT 649
QUYỂN 1 649
QUYỂN 2 676
QUYỂN 3 699
QUYỂN 4 720
SỐ 486 741
KINH BỒ-TÁT SƯ TỬ TRANG NGHIÊM VƯƠNG THỈNH VẤN 741
SỐ 487 745
KINH BỒ-TÁT LY CẤU TUỆ HỎI VỀ CÁCH THỨC LỄ PHẬT 745
SỐ 488 750
KINH BẢO THỌ BỒ-TÁT BỒ-ĐỀ HẠNH 750
SỐ 489 766
KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN 766
QUYỂN 1 766
QUYỂN 2 774
QUYỂN 3 784
QUYỂN 4 794
QUYỂN 5 804

QUYỂN 6 812
QUYỂN 7 822
QUYỂN 8 833
QUYỂN 9 843
QUYỂN 10 855
QUYỂN 11 866
QUYỂN 12 877
QUYỂN 13 887
QUYỂN 14 895
QUYỂN 15 903
QUYỂN 16 911
QUYỂN 17 916
QUYỂN 18 922
QUYỂN 19 931
QUYỂN 20 938

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 56

BỘ KINH TẬP III

SỐ 468

QUYỂN THƯỢNG & HẠ

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 468

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI VẤN

Hán dịch: Đời Lương, Tam tạng Tăng-già-bà-la, người nước Phù Nam.

QUYỂN THƯỢNG

PHẨM 1: TỰA

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, đang ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá. Các đại Tỳ-kheo này đều là những bậc A-la-hán, đã hết sạch các lậu, không còn phiền não, thân tâm đều được tự tại, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, điều phục các căn, việc đáng làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, thấu hiểu được sự và nghĩa, hữu lậu đã hết, chánh trí khéo giải thoát, cho đến tất cả tâm đều được tự tại. Tên của các vị là: Trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ly-bà-đa, Tu-bà-hống, A-nan-đà, các vị như vậy, cho đến một ngàn hai trăm năm mươi vị A-la-hán. Lại còn có một ngàn ba trăm chúng Tỳ-kheo phàm phu.

Lại có Bồ-tát Kim Cang, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Quán Thế Âm. Bồ-tát Đại Đức Dũng Mãnh, Bồ-tát Vô Tận Ý, Bồ-tát Đại Ý, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi... Các vị Bồ-tát nhiều vô lượng như vậy.

-oOo-

PHẨM 2: BỒ-TÁT GIỚI

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con muốn hỏi Thế Tôn về việc dùng thắng ngữ để nói về giới Bồ-tát ở thế gian. Cúi xin Thế Tôn vì con mà giảng nói, con xin lắng nghe.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ông hãy lắng nghe! Nay ta sẽ giảng nói: Không giết hại chúng sinh,

không trộm cắp của cải người khác, không phá phạm hạnh, không khởi lên lời nói dối, không uống rượu. Cần nên ghi nhớ như vậy. Không ca múa, xướng hát. Không đeo hoa, xoa hương và đội mão quý. Không nằm, ngồi giường cao rộng. Không ăn trái giờ giấc. Nếu phạm vào giới này thì không thành tựu ba thừa. Tại sao? Vì như thế là bị phạm. Tóc dài bằng hai ngón tay để ngang thì nên cạo, hoặc trong phạm vi hai tháng, nếu ngắn quá mà cạo là Bồ-tát không biết luật. Nếu tóc dài quá hai ngón tay, cũng là Bồ-tát không biết luật. Móng tay không được để dài, chỉ được để bằng hạt lúa nằm ngang. Tại sao? Vì để gãi ngứa. Như thế là Bồ-tát phân biệt.

Vì cúng dường Phật, Pháp, Tăng và Bát-nhã ba-la-mật, hoặc vì cha mẹ, anh em thì được cất giữ tiền bạc. Vì xây chùa, tạc tượng, bố thí... nếu có những trường hợp như vậy thì được nhận vàng, bạc, của cải mà không bị tội lỗi. Nếu ăn cơm vắt thì vắt bằng trứng gà lớn, ăn đúng giờ, không có duyên cớ gì thì không được ngó qua người khác. Như vậy là Bồ-tát phân biệt.

Không được mua bán, nhận vật người cúng dường thì không được bán hay đổi chác. Nếu có người cúng dường đến ức vạn cũng nên nhận. Vì sao? Vì có nhân duyên. Tự thân không được làm ác, cũng không được dạy người khác làm ác. Không được vì sự lợi dưỡng mà nịnh khen người khác. Nếu họ vì mình mà sát sinh để cúng dường thì không được ăn. Nếu phải ăn thịt nên xem đó như là cây gỗ mục nát thì mới được ăn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu người muốn ăn thịt thì nên tụng chú này: "Đa điệt tha *(đây có nghĩa là như thị)*. A nại ma, a nại ma *(đây có nghĩa là vô ngã vô ngã)*. A thị bà đa, A thị bà đa *(đây có nghĩa là vô thọ mạng, vô thọ mạng)*. Na xá na xá *(đây có nghĩa là thất, thất)*. Đà ha đà ha *(đây có nghĩa là thiêu, thiêu)*. Bà phất bà phất *(đây có nghĩa là phá phá)*. Tăng kha lật đa nhị *(đây có nghĩa là hữu vi)* Sa ha *(đây có nghĩa là trừ sát khứ)*.

Tụng chú này ba lần như vậy rồi mới được ăn. Nếu như cơm thì cũng không được ăn. Vì sao? Vì không suy nghĩ về cơm nên không được ăn. Vậy nên biết chú này là chú ăn thịt.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như được ăn thịt thì tại sao trong các kinh như kinh Tượng Quy, kinh Đại Vân, kinh Chỉ Man, kinh Lăng-già… đều lại cấm?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Như con sông sâu rộng không thấy bờ bên kia, nếu không có điều

kiện thì không qua được. Nếu có điều kiện thì Bồ-tát có qua không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ qua, con sẽ qua. Hoặc là con dùng thuyền, dùng bè, hoặc dùng các vật khác.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vì chúng sinh không có sức từ bi, mang tâm ý sát hại, do nhân duyên ấy cho nên cấm việc ăn thịt. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Có chúng sinh lại ưa y phấn tảo. Ta nói y phấn tảo như là: Sự khất thực, ngồi nơi gốc cây, ngồi nơi chỗ đất trống, ngồi ở nơi thanh vắng hay ở nơi nghĩa địa, một ngày ăn một bữa, quá giờ không ăn, nơi ở chỉ cần ba y. Vì giáo hóa chúng sinh nên ta nói về hạnh Đầu-đà. Như vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu chúng sinh có tâm sát hại, do tâm đó cho nên sinh ra vô số tội lỗi. Vì thế ta cấm ăn thịt. Nếu không mang tâm sát hại, với tâm đại Từ bi, vì giáo hóa tất cả chúng sinh nên không có tội lỗi. Không được ăn tỏi, nếu có lý do gì thì mới được ăn, hoặc là hòa với thuốc để trị bệnh thì mới được dùng. Không được uống rượu, nếu thầy thuốc bảo hòa thuốc với rượu thì nên hòa ít rượu mà nhiều thuốc mới được dùng. Không được dùng dầu thơm để thoa vào người, nếu có lý do mới được dùng. Được dùng sữa, bơ, và những thực phẩm làm ra từ sữa. Nếu vì phong, đàm, lạnh, trước tiên ta nên ăn cháo sữa.

Phật liền nói kệ:

Thân bỏ ác làm thiện
Tâm, khẩu cũng đều bỏ
Hết thảy xứ sở bỏ
Điều Bồ-tát nên làm.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có ba mươi lăm thứ đại cúng dường, Đại Bồ-tát cần phải biết. Đó là: Đèn, hương đốt, hương xoa thân, hương rải đất, hương bột, ca-sa, dù hoặc là cờ của Long tử và các loại phướn khác, loa, trống, trống lớn, linh, phèn la, đồ múa hát và ngọa cụ, hoặc trống ba đoạn, hoặc trống có eo, trống tiết, trống triệt, hoa Mạn-đà-la, trì địa, sái địa, hoa xâu, lụa dây, cơm, nước uống và vật có thể ăn, có thể nuốt, cho đến hương có mùi vị và trầu cau, tăm, hương dùng để tắm và các vật dụng để tắm. Đấy gọi là những thứ đại cúng dường.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có hai mươi sáu tà kiến, các Đại Bồ-tát cần nên tránh xa. Đó là: giết ngựa cúng lửa, giết người để tế lửa. Một lúc bắn bốn phương, giết ngựa để lấy bốn ngàn đầu. Trừ bỏ năm tạng lại bỏ bảy báu vào bên trong dâng cho

Bà-la-môn. Giết người rồi đem của báu bỏ vào bên trong cũng lại như vậy. Bắn bốn phương làm cho tên bay khắp mọi nơi, bày đủ bảy thứ báu cúng cho Bà-la-môn. Cỡi ngựa chạy bốn phương không nơi nào là không đến. Trải bảy báu dâng cho Bà-la-môn, tới tận chỗ cùng cực mà tên bay, ngựa chạy đến, chúng sinh bị chết đầy dẫy trong đó, chất chứa đủ loại đồ vật, tất cả đều bị đốt sạch. Làm lễ tất cả Thiên thần. Làm lễ tất cả cây cối. Làm lễ tất cả thần núi. Làm lễ tất cả chỗ người xưa đã ở. Làm lễ những cây to lớn. Làm lễ các loại tượng thần: Ma-ha-thủ-la, Tỳ-nữu-câu-ma-lặc, Phạm thiên, vua Diêm-la, Năng Tỳ-sa-môn, Nhân-đà-la, Tửu thiên nữ, Cát-đa-da-ni, Độc-già-thiệt-đà-gi-giá, Văn-trì-ưu-ma-la. Tất cả đều giống với tà kiến. Các loại ấy nên tránh xa, không nên lễ bái. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta không cho những việc này là công đức.

Đức Phật liền nói kệ:

Hai mươi sáu loại trên
Đều là tà chớ theo
Chẳng an ổn chẳng hơn
Không thoát khỏi các khổ.
Nếu nương Phật, Pháp, Tăng
Hay nương bốn Thánh đế
Nơi an ổn hơn hết
Giải thoát tất cả khổ.

Những loại tà kiến ấy, họ truyền với nhau cho đó là công đức: Giết ngựa có công đức, giết người có công đức, bắn bốn phương có công đức, giết tất cả chúng sinh có công đức, nhưng thật ra chẳng có công đức gì cả. Nếu khởi lên một tâm niệm từ bi thì công đức đó rộng lớn không thể nghĩ bàn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy là việc mà Bồ-tát nên làm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn hỏi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri về các hạnh của các Bồ-tát ở đời vị lai. Nếu Đức Như Lai chấp nhận thì con sẽ hỏi.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tùy ý ông hỏi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những lúc nào bốn chúng không được gây tiếng động? Dù cho tiếng đó có phát ra từ miệng, thân, gỗ, đá và các thứ khác?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Không được làm động trong sáu thời. Đó là: Khi lễ Phật, khi nghe pháp, khi chúng hòa hợp, khi khất thực, khi trong giờ ăn, khi đi đại tiểu tiện.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cớ gì trong sáu thời không được gây tiếng động?

Đức Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì trong những lúc đó có chư Thiên đến. Các chư Thiên ấy tâm thường thanh tịnh, tâm không nhiễm ô, tâm rỗng lặng, tâm tùy Ba-la-mật, tâm quán pháp Phật. Nếu gây động trong những lúc đó thì làm cho tâm họ không định được. Do không định nên đều bỏ đi. Mà khi chư Thiên đi rồi thì quỷ ác đến, sẽ gây ra những việc không lợi ích, không an ổn, lại sinh ra tai họa, làm cho dân chúng đói khát, lại xâm phạm lẫn nhau. Vì thế, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Phải nên vắng lặng khi lễ Phật Ứng Cúng, Chánh Biến Tri.

Đức Phật liền nói kệ:

Thân, khẩu không gây động
Kể cả tiếng gỗ, đá
Người vắng lặng lễ Phật
Được Như Lai khen ngợi.

-oOo-

PHẨM 3: KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin hỏi, mong Như Lai giải đáp cho.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tùy ý ông hỏi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vì sao Như Lai vào Niết-bàn?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta không vào Niết-bàn. Vì sao? Vì do chúng sinh. Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ngọc lưu ly trong suốt, không cấu bẩn, nếu để nó vào chỗ có các vật trắng, xanh, vành, đỏ thì ngọc lưu ly ấy sẽ tùy theo màu sắc của vật đó. Lưu ly tuy vô tâm, nhưng nó làm cho người thấy sắc khác nhau.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng lại như vậy. Nếu có chúng sinh thấy Như Lai vào Niết-bàn, hoặc chuyển pháp luân, hoặc hàng phục các ma, hoặc hiện thần thông, hoặc đại tiểu tiện, hoặc ăn, hoặc ngủ, hoặc đi, hoặc cười. Đó là tùy theo ý của chúng sinh, thấy Như Lai như vậy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như hư không, không có sắc, nhưng sắc lại hiện ra trong đó. Hư không không nắm bắt được, nhưng nắm bắt được các sắc. Hư không không có ý nhưng lại sinh nhớ tưởng. Hư không không có xứ sở, nhưng có xứ sở là vì chúng sinh. Hư không không rơi rớt, nhưng rơi rớt lại nương vào hư không. Pháp thân của Như Lai không phải là thân uế, không phải là thân máu thịt, mà là thân kim cang, thân không hủy hoại được. Thân không thể phá, thân không thể ví dụ, nhưng lại có khả năng hiện ra được tất cả các sắc, dùng thân trí tuệ kim cang hiện ra thân tan hoại.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu Phật không vào Niết-bàn thì thế gian không biết Phật là Pháp thân, vì không phải kim cang thì bị hư nát, còn như kim cang thì không bị hư nát. Vì sao? Vì thân tuệ của Như Lai hiện ra Niết-bàn, chứ không phải là Niết-bàn thật, cho nên nói vào Niết-bàn chỉ là phương tiện.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Niết-bàn có nhiều nghĩa:

Lớn chẳng phải là Niết-bàn, gọi là Niết-bàn tức vô thức. Niết-bàn của Đại thừa gọi là Đại Bát Niết-bàn.

Niết-bàn nhỏ là Niết-bàn của hàng Duyên giác, Thanh văn.

Lớn chẳng phải là Niết-bàn, vì Niết-bàn như hư không.

Nhỏ là nghiệp của mình chứ không phải là nghiệp của người khác. Vì thế nên nói là Niết-bàn nhỏ. Niết-bàn là nghĩa thấp, ta nói chết là Niết-bàn. Nhưng Như Lai không chết. Vì sao? Vì Thanh văn hãy còn không sinh, già, chết, không lo sầu, khổ não, huống nữa là Pháp thân của Như Lai, là thân không thể nghĩ bàn, thân không sinh, thân không diệt, thân không thể thiêu đốt được. Chư Thiên ở cõi trời Trường Thọ thấy Như Lai nhập Niết-bàn liền cảm thương luyến tiếc, nên ra sức tạo nhân duyên gieo trồng Bát-nhã ba-la-mật, cũng ra sức tạo nhân duyên gieo trồng nhân Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát.

Đức Phật liền nói kệ:

Như Lai thân kim cang
Ngày nay đã hư hoại
Thân này còn tan rã
Huống gì sức suy mòn.
Do đó sinh luyến thương

Để mau đạt Pháp thân
Vì vậy nên Như Lai
Thị hiện tướng Niết-bàn.
Như Lai thân diệu pháp
Chẳng phải pháp thấy nghe
Không sinh cũng không diệt
Không thể nghĩ bàn được.

Trong chúng hội, lúc ấy có Bồ-tát Đại Ý, cũng liền nói kệ:

Như Lai không Niết-bàn
Niết-bàn chẳng Như Lai
Chẳng phải tâm ý thức
Vì lìa tướng hữu, vô.
Nếu người thấy Mâu-ni
Vĩnh viễn lìa sinh tử
Thành tựu không chỗ chấp
Vì không vướng kia đây.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai không có tâm ý thức thì làm thế nào để thực hiện việc độ chúng sinh? Chúng sinh đời vị lai sẽ có mối nghi này.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Như hư không không có tâm ý thức, nhưng lại là chỗ ở của tất cả chúng sinh. Bốn đại không có tâm ý thức nhưng lại là nơi nương tựa của tất cả chúng sinh. Mặt trời, mặt trăng không có tâm ý thức, nhưng lại chiếu sáng cho tất cả chúng sinh. Cây cối không có tâm thức nhưng có thể cung cấp cho chúng sinh những hoa và quả.

Như vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Có ngọc ma-ni được gọi là Tùy theo ý của tất cả chúng sinh, được sinh sản từ trong biển, người ta đem đặt trên cột cờ, tùy theo sự mong muốn của chúng sinh mà nó tuôn ra nào là vàng, bạc, lưu ly, trân châu và các vật khác để nuôi dưỡng mạng sống của con người được lâu dài. Ngọc ma-ni không có tâm ý thức, nhưng lại tùy theo ý muốn của chúng sinh không có tổn giảm. Nếu thế gian này bị tiêu sạch, thì ngọc sẽ đi đến một phương khác. Hạt châu nếu chưa bị rơi mất thì biển cả không bị khô cạn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng như vậy. Làm việc cho tất cả chúng sinh nhưng Như Lai không diệt. Vì sao? Vì Như Lai không tâm, ý, thức.

Đức Phật liền nói kệ:

Phật không tâm ý thức
Làm tất cả các việc
Như Lai không nghĩ bàn
Người hãy tin như vậy.

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ca ngợi Đức Như Lai bằng kệ:

Con lễ tất cả Phật
Điều Ngự không ai bằng
Ứng thân và Pháp thân
Cũng lễ nơi tháp Phật.
Nơi đản sinh, thành đạo
Nơi pháp luân, Niết-bàn
Nơi đi, đứng, nằm, ngồi
Tất cả con đều lễ.
Chư Phật không nghĩ bàn
Pháp mầu cũng như vậy
Thâm tín và quả báo
Cũng không thể nghĩ bàn.
Nay đem bài kệ này
Ca ngợi Đức Như Lai
Trong ngàn vạn ức kiếp
Không đọa vào nẻo ác.

Phật liền khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay! Lành thay! Như Lai là không thể xưng lường, không thể nghĩ bàn.

Rồi Phật nói kệ:

Phật sinh dòng Cam Giá
Diệt rồi không sinh lại
Nếu ai quy y Phật
Không sợ khổ địa ngục.
Phật sinh dòng Cam Giá
Diệt rồi không sinh lại
Người nào quy y Phật
Không sợ khổ ngạ quỷ.
Phật sinh dòng Cam Giá
Diệt rồi không sinh lại
Nếu ai quy y Phật
Khỏi sợ khổ súc sinh.

-oOo-

PHẨM 4: VÔ NGÃ

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh đời vị lai sẽ nói: "Có ngã hiện bày cùng khắp tất cả chốn." Vì sao? Vì tất cả hành, nó ra khỏi ba đời, khổ, vui, yêu, giận đều là tướng của ngã. Thưa Thế Tôn! Ý của hàng ngoại đạo chấp ngã là như vậy.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ví như nam châm hút hết mạt sắt, như vậy, mạt sắt là ngã hay nam châm là ngã? Nếu ông cho mạt sắt không phải là ngã, nam châm không phải là ngã, như vậy thì ngã không phải là hiện bày khắp. Nếu như nam châm, mạt sắt đều là ngã thì tại sao lại lấy ngã để hút ngã? Như vậy cũng không là hiện khắp. Vì sao? Vì nó tự hút thân nó. Những gì có hình sắc đều là bốn đại, tất cả đều vô thường. Nếu đã là vô thường thì không phải chân thật, đã không chân thật thì không chắc chắn, nếu không chắc chắn thì là không xứ. Do không xứ cho nên nói là vô ngã.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giống như một người già ngồi trong đêm tối, sờ nơi hai đầu gối của mình mà nói: "Ta có hai đứa con thơ này chăng?" Nếu trong thân của người già ấy có ngã, thì tại sao không biết đấy là đầu gối mình, lại cho đó là con thơ? Do sự việc ấy, cho nên thật sự là không có ngã. Đây là do người có tà kiến, đối với không xứ lại chấp ngang. Ví như thấy bóng nắng tưởng là có nước, nhưng thật ra là không có nước. Do mắt bị loạn. Như vậy chẳng phải ngã mà lầm tưởng là ngã. Những người như thế là hạng tối tăm, mê lầm, tà kiến, chẳng phải chánh kiến.

Nếu ngã có khắp tất cả, thì nó đi khắp cả năm đường, trong khi đó cõi trời, người là vui, còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là khổ.

Nếu nói ngã có khắp tất cả thì khi ngã ấy chịu khổ, lẽ ra trời và người cũng phải cùng chịu khổ. Vui là do tạo nghiệp thiện mà được, khổ là do gây nghiệp ác phải chịu. Vui là sinh ra tham đắm, khổ là sinh ra giận dữ. Hoặc có người mạnh khỏe, hoặc có kẻ sợ sệt. Như vậy là tướng khác cho nên biết ngã không có cùng khắp. Ta không nói đây là sự suy nghĩ chân thật.

Nếu ngã vượt qua ba đời thì quá khứ đã qua, giống như đèn đã tắt. Vị lai vì chưa đến, cũng như đèn chưa thắp. Hiện tại thì không đứng lại, giống như dòng nước chảy. Như vậy, ngã chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là vị

lai, cũng chẳng phải là hiện tại, không có thời gian. Vì sao? Vì vượt quá thời gian. Nếu không thời thì không số. Do không số cho nên không có ngã. Vì sao? Vì có thể phân chia.

A là tiếng lìa ngã. Đa là không phá. Ma là diệt kiêu mạn. Lại nữa, A là chân thật lìa ngã. Vì chân thật lìa ngã cho nên cả hai bên nói A. Vì thế, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do phân biệt chữ nên biết nhất định là không có ngã.

Đức Phật liền nói kệ:

Nam châm hút mạt sắt
Hai loại cái nào ngã
Không khắp và tự hút
Nhất định là không ngã.
Như khát thấy bóng nắng
Tưởng nước, nhưng không phải
Tà kiến lầm chấp ngã
Việc ấy cũng như vậy.
Phân biệt nơi chữ A
Nhất định biết không ngã.

-oOo-

PHẨM 5: NIẾT-BÀN

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn, Duyên giác, phàm phu không thể phân biệt được. Chỉ có Đức Như Lai Chánh Biến Tri mới có thể nói được về Niết-bàn.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Niết-bàn không diệt. Vì sao? Vì không đoạn phiền não, nên không có chỗ đến. Vì sao? Vì không có chỗ. Đến, là nghĩa được. Không đến cho nên không được. Vì sao? Vì không khổ, không vui, không đoạn, chẳng đoạn, không thường, chẳng thường.

Đức Phật liền nói kệ:

Không đoạn, không diệt
Không sinh, không khởi
Không đọa, không rơi
Không đi, không trụ.

Tướng của Niết-bàn là thường trụ, không đoạn, chẳng thường. Vì sao? Vì không có sinh tử.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sinh tử ta hãy còn không thấy, huống nữa là thấy được lỗi lầm của sinh tử.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Niết-bàn ta hãy còn không thấy, huống nữa là thấy được công đức của Niết-bàn.

Đức Phật liền nói kệ:

Nếu thấy có một pháp
Các pháp khác đều thấy
Một pháp đã là không
Hết thảy pháp cũng không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên biết! Các pháp là không. Nếu không diệt thì không sinh. Nếu không đoạn thì không diệt. Nếu không thường thì không sinh. Vì không phiền não, nên không đoạn, không diệt. Vì phiền não không có nơi chốn nên không sinh.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Do không chướng ngại nên không diệt, không diệt nên không chướng ngại. Do sinh thiện, ác, không thiện không ác nên không chướng ngại.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy là nói về Niết-bàn.

Đức Phật liền nói kệ:

Không diệt, không đến
Không đoạn, không thường
Không chướng, không ngại
Là nói Niết-bàn.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Niết-bàn thường trụ, không có mặt trời, mặt trăng, sao, đất, nước, gió, lửa, không có ngày, đêm, số lượng, không hình, không sắc, không già, bệnh, chết, không năm tháng, không chỗ tạo ra, là thường, là hằng, lìa hết các nghiệp khổ. Đây là Niết-bàn mà người thiện đã nói.

Đức Phật liền nói kệ:

Niết-bàn không mặt trời
Trăng, sao và bốn đại
Không ngày, đêm, số lượng
Không hình, sắc, hư không.
Cũng không già, bệnh, chết
Không năm, tháng, tạo tác
Đã đoạn gốc sinh tử
Là thường cũng là hằng.
Tướng Niết-bàn cũng vậy
Người thiện đã nói thế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo nói: Thế gian là không. Lại có kẻ nói thế gian là chẳng không. Đây có phải là tà ý phân biệt của hàng ngoại đạo?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đây là ý nghĩ không chân thật của ngoại đạo. Nếu nói thế gian này là không, thì không có sinh tử. Vì sao? Vì là không. Sinh tử nếu không, thì Niết-bàn cũng không. Nếu Niết-bàn là không, thì không có thần thông. Còn như nói thế gian là chẳng không, thì sinh tử cũng không. Vì sao? Vì là chẳng không. Do sinh tử là chẳng không, cho nên Niết-bàn cũng không. Nếu đã không có Niết-bàn, thì cũng không có thần thông.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thế gian đã không sinh, không hoại thì cần gì đến Niết-bàn? Nếu sinh tử không hoại, mất, thì không gọi là sinh tử. Vì sao? Vì không mất. Nếu sinh tử không mất, thì sinh tử tức là Niết-bàn. Do đấy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chẳng nên nói thế gian là không, là chẳng không. Cũng không nên nói thế gian nên đoạn cùng do chẳng đoạn.

Vì sao? Vì do không có. Đoạn là đoạn phiền não. Không đoạn là chẳng phải đoạn phiền não. Cũng không phiền não cùng chẳng phải là phiền não. Cũng không giải thoát. Nếu không giải thoát tức không Niết-bàn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Diệt cũng không. Vì sao? Vì sinh tử là không và chẳng không, thế nên không diệt. Nếu sinh tử như vậy thì ai thích đạt Niết-bàn?

Đức Phật liền nói kệ:

Nếu thế gian là không
Thì không có sinh tử
Do sinh tử là không
Nên Niết-bàn cũng không.
Thế gian nếu chẳng không
Cũng không có sinh tử
Sinh tử đã là không
Niết-bàn cũng chẳng có.
Sinh tử nếu như vậy
Ai sẽ thích Niết-bàn?

-oOo-

PHẨM 6: BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin hỏi về Bát-nhã ba-la-mật. Có phải tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà ra phải không? Có phải tất cả Phật, tất cả pháp đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà ra phải không?

Phật đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, tất cả Phật, tất cả pháp đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà ra cả. Bồ-tát đối với sắc hành, hành nơi tướng, đối với sắc hoại hành, hành nơi tướng. Nếu đối với sắc diệt hành thì hành nơi tướng. Nếu hành sắc không, thì hành nơi tướng. Như vậy là Bồ-tát không có phương tiện tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bát-nhã ba-la-mật không dùng tâm ý thức mà tu hành.

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật không nắm bắt được như thế thì làm sao tu hành Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tu hành ấy chẳng phải là tu hành, là vì không dùng tâm ý thức. Này

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tâm nghĩa là tích tụ, ý nghĩa là nhớ nghĩ, thức nghĩa là hiện biết. Như vậy là không dùng tâm ý thức này mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật, không cho sự tu hành là tu hành, vì không xứ là tu hành.

Tu hành là không nương vào Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Không phải quá khứ, không phải vị lai, cũng không phải hiện tại. Không phải trong, ngoài, không phải trung gian. Tu hành như vậy là tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Không tu hình sắc là tu Bát-nhã ba-la-mật. Không phải đất, nước, gió, lửa là tu hành Bát-nhã. Không phải có, không phải không, không phải Thanh văn, Duyên giác, không phải thiện, bất thiện, vô ký, không phải mười hai nhân duyên, không phải nam, không phải nữ; không phải chẳng nam, không phải chẳng nữ, không phải thường, không phải trí, không phải sinh, không phải diệt, không thể đếm, không thể bàn, không thể nói năng, không thể nương tựa, không danh tự, không tướng, không tướng khác, không tăng, không giảm, tự tánh thanh tịnh, chân thật, không thể biết, bao trùm khắp cả hư không, không sắc, không tạo tác, vượt hơn ba đời, không khổ, không vui, không mặt trời, mặt trăng và các sao. Tu hành như vậy mới là tu hành Bát-nhã ba-la-mật.

Chân thật không phải là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không phải là chân thật. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tu hành như vậy mới gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật liền nói kệ:

Pháp này không nghĩ bàn
Lìa cả tâm ý thức
Đoạn tất cả ngôn ngữ
Là tu hành Bát-nhã.

-oOo-

PHẨM 7: HỮU DƯ KHÍ

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác có còn phát khởi phiền não không? Nếu khởi thì có bao nhiêu phiền não?

Phật đáp:

–Vì chưa trọn vẹn nên gọi là khởi. Ví như khí hương. Nói về khí thì có đến hai mươi bốn thứ nghiệp khí: Khí kiến xứ, khí nhiễm, khí sắc nhiễm, khí hữu nhiễm, khí vô minh nhiễm, khí hành, khí thức xứ, khí danh sắc, khí

sáu nhập, khí xúc, khí thọ, khí ái, khí thủ, khí hữu, khí sinh, khí lão, khí bệnh, khí tử, khí ưu, khí bi, khí khổ, khí não, khí mệt nhọc, khí nương tựa. Đấy gọi là hai mươi bốn thứ khí. Ngoài thân, khẩu, ý ra thì đây gọi là nghiệp khí. Đoạn kiến, thường kiến, gọi đó là khí kiến xứ. Tham chấp vào y bát… đấy gọi là khí nhiễm. Mười thứ sắc ý, gọi đó là khí sắc nhiễm. Vô sắc giới gọi đó là khí hữu nhiễm. Trí không thanh tịnh, trí bị chướng ngại, trí không biết khắp, gọi đó là khí vô minh. Nếu thân, khẩu, ý giác quán đến các thứ, gọi đó là khí hành. Nhớ tưởng đến tất cả sắc có khổ, có vui, không khổ, không vui, tưởng phân biệt như vậy, gọi là khí thức xứ. Cứng, ướt, nóng, nhẹ, động, tất cả đều có, gọi đó là khí danh sắc. Mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý đối với pháp, gọi đó là khí sáu nhập. Lạnh, nóng, cứng, ướt, đói, khát, ấm, trơn, đây gọi là khí xúc. Thọ nhận khổ, vui, không khổ, không vui, gọi đó là khí thọ. Họ, tên, đất, nước, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, khổ não, đói khát... đối với những thứ ấy mà không biết đủ, thì gọi là khí ái. Dục thủ, kiến thủ, giới thủ, đây gọi là khí thủ. Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, gọi đó là khí hữu. Đời sau đối với khổ địa ắt sẽ sinh, gọi đó là khí sinh. Các căn bị suy hoại, gọi đó là khí lão. Các thứ bệnh hoạn gọi đó là khí bệnh. Tưởng Niết-bàn, tưởng chết, đây gọi là khí tử. Thân thể khô gầy, đây gọi là khí ưu. Kêu la, khóc lóc, đây gọi là khí bi. Thân thể bị phiền não, bức bách, gọi đó là khí khổ. Quá khổ, đây gọi là khí não. Thân tâm khốn đốn, gọi đó là khí mệt nhọc. Bị sợ hãi không có nơi nương tựa, gọi đó là khí nương tựa.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là hai mươi bốn thứ khí. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Thế Tôn không lấy sự quay về nương tựa vào khí, để làm chỗ quay về nương tựa. Vì sao? Vì chỉ có Đức Như Lai mới làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh không phải là nơi để quay về nương tựa. Đức Như Lai không có tướng, không lường xét, không tích tụ nhân, Thanh văn nghe pháp, Phật không nghe pháp. Vì sao? Vì không chỗ nào là không biết.

Đức Phật liền nói kệ:

A-la-hán có khí
Là do có lỗi lầm
Chỉ có Phật vượt qua
Làm chỗ nương chúng sinh.

-oOo-

PHẨM 8: ĐI LẠI

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lai khứ nghĩa là gì?

Phật đáp:

–Lai nghĩa là hướng tới. Khứ nghĩa là bỏ đi. Nếu không hướng tới, bỏ đi thì không đến, không đi, đấy là hành xứ của bậc Thánh. Lai nghĩa là si, khứ nghĩa là không si. Không phải si, không phải là không si, đấy là hành xứ của bậc Thánh. Lai là hữu vi, khứ là vô vi. Không hữu vi, không vô vi, đấy là hành xứ của bậc Thánh. Lai nghĩa là thức, khứ nghĩa là phi thức. Chẳng phải thức, chẳng phải là phi thức, đấy là hành xứ của bậc Thánh. Lai nghĩa là danh sắc, khứ là không phải danh sắc. Không phải danh sắc, không phải là không danh sắc, đấy là hành xứ của bậc Thánh. Lai nghĩa là sáu nhập, khứ là không phải sáu nhập. Không phải nhập, không phải là không nhập, là hành xứ của bậc Thánh. Cho đến lo, buồn, mệt mỏi cũng lại như vậy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Lai nghĩa là ngã, khứ nghĩa là vô ngã. Chẳng phải ngã, chẳng phải là vô ngã, không đến, không đi, là hành xứ của bậc Thánh. Lai nghĩa là thường, khứ nghĩa là không thường. Chẳng phải thường, chẳng phải là không thường, là hành xứ của bậc Thánh. Lai nghĩa là đoạn, khứ nghĩa là không đoạn. Chẳng phải đoạn, chẳng phải là không đoạn, là hành xứ của bậc Thánh. Lai nghĩa là có, khứ nghĩa là không. Chẳng phải có, chẳng phải không, là hành xứ của bậc Thánh.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa của lai, khứ là như vậy.

Đức Phật liền nói kệ:

Nghĩa lai, khứ không tướng
Các pháp cũng như vậy
Không biết, không thể nói
Gọi là pháp lai khứ.

-oOo-

PHẨM 9: TRUNG ĐẠO

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói không có hai pháp. Tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều không nghi hoặc, đều biết trung đạo, cho đến phàm phu cũng có thể phát sinh lòng tin.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Minh, vô minh là không hai. Do không hai cho nên không thành ba trí. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là trung đạo đầy đủ, chân thật quán các pháp.

Hành, không hành là không hai. Do không hai cho nên không thành ba trí. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là trung đạo đầy đủ, chân thật quán các pháp. Thức không phải thức, cho đến già, chết, không phải già, chết là không hai cũng lại như vậy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu vô minh có, thì chỉ là một bên, còn nếu vô minh không thì cũng là một bên. Vậy, khoảng giữa của hai bên này, không có sắc, không thể thấy, không có xứ, không tướng, không tướng đối đãi, không tướng nêu lên. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là trung đạo. Hành, thức, cho đến lão, tử cũng lại như vậy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy là trung đạo đầy đủ, chân thật quán chánh pháp. Các pháp không hai. Không hai có nghĩa là gì? Nghĩa là Mạt-đà-ma *(Mạt nghĩa là chư, không. Đà-ma nghĩa là trong, giữa. Chỗ vướng chấp ở giữa. Đó là Mạt-đà-ma).* Vì sao? Vì không chấp giữ nơi thường kiến, hữu kiến, nên gọi là Mạt-đà-ma.

Đức Phật liền nói kệ:

Các pháp không có hai
Cũng lại không có ba
Trung đạo ấy đầy đủ
Gọi là đạo chân thật.

-oOo-

PHẨM 10: GIỚI THẾ GIAN

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Màu sắc, y phục của Bồ-tát có bao nhiêu thứ? Sao gọi là quy y? Cúi xin Đức Thế Tôn vì con mà rộng giảng nói và để tạo lợi ích cho các Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Màu: không đỏ lắm, không vàng lắm, không đen lắm, không trắng lắm, màu sắc phải thanh tịnh đúng như pháp. Ba pháp phục và các thứ y phục khác màu sắc đều cũng như vậy. Nếu chính mình nhuộm, hoặc nhờ người khác nhuộm thì phải nhồi, đập đúng như pháp mới thành. Tùy thời giặt giũ cho sạch sẽ, còn như đồ để ngồi được cho phép dùng màu xanh, vàng, hay tạp sắc.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sắc y của Bồ-tát là như vậy. Trong tâm của Bồ-tát phải vắng lặng đúng như pháp mới mặc, đó là tương ưng với Đại thừa. Nếu mặc Niết-bàn tăng (quần) phải cách mắc cá hay ngón tay. Nếu Bồ-tát muốn nói chuyện cùng với quốc vương, đại thần, thì tùy theo phía khách hỏi một câu, trả lời một câu, chớ có sai khác, cứ như thật mà nói. Nếu khách hỏi nhiều câu thì cũng trả lời nhiều câu. Cứ thế, cho đến Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà, Sa-môn, Xà-lê, Hòa thượng và cha mẹ, vợ con, tôi tớ cùng với hạng nghèo cùng xin ăn, tùy theo thứ lớp hễ có hỏi thì tùy theo đó mà trả lời. Hoặc các chúng trời, rồng, Dạ-xoa, La-sát, Tỳ-xá-xà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, hoặc người, hoặc quỷ, Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, phàm phu, hễ có hỏi thì cũng đúng như pháp mà trả lời. Không vì việc nuôi sống, không vì lợi riêng cho mình, không tà mạng, không đùa cợt, cần nên nghĩ như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là quy y?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Người xin quy y, nên nói như vầy: "Bạch Đại đức! Con là: tên, họ... quy y Phật từ đây cho đến ngày chứng Bồ-đề." Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy. Rồi lại nói: "Con là: tên, họ... đã quy y Phật rồi, đã quy y Pháp rồi, đã quy y Tăng rồi." Nói như vậy ba lần. Tiếp đến nói: "Bạch Đại đức! Con: tên, họ... trì giới Bồ-tát từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, không giết hại chúng sinh và xa lìa ý tưởng giết hại chúng sinh. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không trộm cắp và xa lìa các ý tưởng trộm cắp. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không phá bỏ phạm hạnh và xa lìa các ý tưởng phá bỏ phạm hạnh. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không nói dối và xa lìa các ý tưởng nói dối. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không uống các thứ rượu và xa lìa các ý tưởng uống rượu. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không đeo hương hoa và xa lìa các ý tưởng đeo hương hoa. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không ca múa, xướng hát, đàn nhạc và xa lìa các ý tưởng ca múa, xướng hát, đàn nhạc. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không ngồi nằm nơi giường cao rộng và xa lìa ý tưởng ngồi nằm nơi giường cao rộng. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không ăn quá ngọ và xa lìa các ý tưởng ăn quá ngọ. Từ nay cho đến ngày chứng Bồ-đề, con không cầm nắm vàng bạc, sinh tượng và xa lìa các ý tưởng cầm nắm vàng bạc, cho đến sẽ đầy đủ sáu Ba-la-mật, đại Từ, đại Bi.

Đức Phật liền nói kệ:

Phát lời thề chánh giác
Nương tựa vào Tam bảo
Thọ trì mười giới cấm
Cũng thề đến Chánh giác.
Sáu độ cùng bốn Đẳng
Thực hành được đầy đủ
Tu hành được như vậy
Cùng Đại thừa tương ưng.

-oOo-

PHẨM 11: GIỚI XUẤT THẾ GIAN

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giới xuất thế gian của Bồ-tát có bao nhiêu thứ?

Phật đáp:

–Nếu đem tâm phân biệt nam nữ, không phải nam, không phải nữ... đấy là Bồ-tát đã phạm tội Ba-la-di. Nếu đem tâm phân biệt súc sinh, ngạ quỷ, nam nữ, không phải nam, không phải nữ, các Thiên thần nam nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, đấy là Bồ-tát đã phạm tội Ba-la-di. Nếu đem thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa, hoặc thọ giới Bồ-tát xuất thế gian mà không khởi lên tâm Từ bi, đấy là Bồ-tát đã phạm tội Ba-la-di. Nếu đem thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa, đối với vật của người khác hoặc nhỏ, hoặc lớn, hoặc dài, hoặc ngắn, hoặc có sắc, hoặc có hình, hoặc trụ, hoặc động, hoặc cất giấu, hoặc dời đi, hoặc có phong gói, hoặc chứa đầy, nếu khởi lên ý tưởng trộm cắp thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa, khởi tâm nói dối thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa, khởi tâm muốn lấy cây lá, vỏ hay nước cây thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa của Bồ-tát. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa mà khởi lên ý tưởng ca múa, đàn nhạc, hoa hương, anh lạc thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa của Bồ-tát. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa mà khởi lên ý tưởng ngồi nằm giường cao rộng lớn thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa của Bồ-tát. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa mà khởi lên ý tưởng ăn quá ngọ, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa của Bồ-tát. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa mà khởi lên ý tưởng nắm giữ vàng bạc châu báu thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa của Bồ-tát. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa mà cạo lông trên thân, hoặc cắt móng tay như mặt trăng mồng một, nếu khởi lên ý tưởng đó thì phạm Thâu-lan-giá của Bồ-tát. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi

ba thừa mà khởi lên ý tưởng chặt phá cây cỏ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa mà khởi lên ý tưởng bài bác danh dự của người khác, như về hình sắc, hoặc dòng họ, hoặc của cải, hoặc kỹ thuật, hoặc xe cộ, hoặc thân lực... thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa, đối với vật dụng của Phật, Pháp, Tăng như là hương hoa, hương xoa, y phục, châu báu… nếu Bồ-tát dùng chân giẫm lên những thứ ấy thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giẫm đạp tháp Phật, hoặc nơi Phật đã tu hành, hoặc nơi cây Bồ-đề, hoặc nơi chuyển bánh xe pháp, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu người không tin, không kham nổi ba thừa, mà ói mửa, chớp mắt mất các oai nghi, ai khởi lên ý tưởng này, thì phạm Đột-kiết-la. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa, thấy vật của người khác, hoặc là những thứ y phục mà người khác thích, rồi trá hiện để cầu lợi rồi đổ tội lỗi cho người, nếu khởi lên ý tưởng này, thì phạm Ba-la-đề-xá. Nếu thân, khẩu, hành không kham nổi ba thừa, từ trước tới giờ chưa phạm tội nghịch, bảo vệ khiến cho không sinh, đấy là Bồ-tát Tăng-diễm Già-đà-ni *(Tăng-diễm nghĩa là nghịch thủ. Già-đà-ni nghĩa là làm cho không sinh)*. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khiến không khác, là điều Bồ-tát cần nên học. Đấy gọi là giới của Bồ-tát xuất thế gian.

-oOo-

PHẨM 12: GIỚI THƯỢNG XUẤT THẾ GIAN

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là giới thượng xuất thế gian, vô lậu không thể nghĩ bàn, không xứ, không có chỗ vướng mắc?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giới là đối với chúng sinh, vô ngã, chẳng phải là vô ngã, không sự, không nhân, không người giáo hóa, không đi, không thể không đi, không chỗ đi, không danh, không sắc, không sắc tướng, không thể không sắc tướng, không vắng lặng, không phải là không vắng lặng, không thể lấy, không thể không lấy, không chân thật, không thể không chân thật, không thân, không lời, không nói, không tâm, không thế gian, không phải là không thế gian, không phải pháp thế gian, không phải là không pháp thế gian, không tự khen giới của mình, không hủy giới của người khác, không tìm lỗi của người khác, không vì trì giới mà coi thường người khác, không biết giới, không suy nghĩ về giới, không có chỗ biết, không có chỗ suy nghĩ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là Thánh giới thượng xuất thế gian. Nó không lậu, không sinh, không chỗ vướng mắc, vượt khỏi ba cõi, lìa tất cả chỗ nương tựa.

Đức Phật liền nói kệ:

Người giữ giới xuất thế
Không cấu, không thể có
Kiêu mạn và chỗ nương
Vô minh cùng trói buộc.
Các lỗi lầm như vậy
Tất cả đều không có
Không trong lặng, ngoài lặng
Cũng không trong ngoài lặng.
Biết trong ngoài cũng không
Người biết, được giải thoát.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người có giới đối với pháp Phật không tự xem xét chính mình, không chấp vào thọ mạng, không chấp vào tất cả chúng sinh, sẽ đạt được chánh hạnh là chánh trụ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là người có giới, đối với pháp Phật không vướng mắc vào thế gian, không nương vào thế gian, được ánh sáng, không có tối tăm, không thật có, không tự mình tưởng, không tưởng đến người khác, không chìm đắm vào tưởng. Giới thanh tịnh là không có bờ bên này, không có bờ bên kia, không có giữa dòng, không chỗ vướng mắc, không bị trói buộc, không tội lỗi, không rơi rớt.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy là người có giới đối với pháp Phật và danh sắc tâm không vướng mắc. Thường bình đẳng tạo lợi ích, tâm thường vắng lặng, không có ngã và ngã sở. Người này như trong giới đã nói, trụ vào không chỗ học, không giải thoát, không có chỗ tạo ra, là đạt được đạo vô thượng, là giới tướng thanh tịnh, đó là vô thắng giới, vô định giới, vô trí tuệ giới. Đấy là tánh của Thánh nhân không thể thủ đắc, là giới được Phật khen ngợi, là không, không cùng với giới của ngã…, có khả năng an ổn để vào định của bậc Thánh. Nếu định được thanh tịnh thì tu hành phát tuệ, nhờ tuệ mà được trí, nhờ trí mà được giải thoát.

-oOo-

PHẨM 13: BỒ-TÁT THỌ GIỚI

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ giới pháp của các Bồ-tát đã thọ trì sẽ như thế nào?

Phật đáp:

–Người thọ giới, nên đến trước bàn Phật, hết lòng thành kính lễ bái, nói lên lời này:

"Con là: tên, họ... cúi xin chư Phật nhớ nghĩ đến con. Chư Phật Thế Tôn là bậc Chánh Tri, dùng trí tuệ Phật, không có sự vướng mắc. Con nay phát tâm Bồ-đề làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, cũng làm cho họ được an lạc. Con nay phát tâm đạo vô thượng, cũng như quá khứ, hiện tại, vị lai các Bồ-tát đã phát tâm. Con nay phát tâm Bồ-đề vô thượng, xem tất cả chúng sinh như cha mẹ, anh em, chị em, nam nữ, bạn bè thân thuộc... làm cho họ được giải thoát, vượt khỏi sinh tử, cho đến khi khiến được họ phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, siêng năng tinh tấn, tùy theo sự cần dùng của chúng sinh mà tất cả tài, pháp đều đem ban cho cả, rồi dùng phương tiện tài, pháp này mà thâu nhận tất cả chúng sinh, dần dần tùy nghi, làm cho chúng sinh thoát khỏi sinh tử, cho đến khi khiến họ được an trụ nơi Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Con sẽ khởi luôn sáng suốt tiến tới, không buông lung."

Nói lên ba lần như vậy. Đấy gọi là mới phát tâm Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy là việc các Bồ-tát đã thọ, đã làm, vì muốn giáo hóa các Bồ-tát, chứ không vì hàng Thanh văn, Duyên Giác, không vì hàng phàm phu và những kẻ xấu ác.

-oOo-

PHẨM 14: TỰ MẪU

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả tự mẫu nên nói như thế nào? Tất cả các pháp đều nhập vào tự mẫu này và tự mẫu Đà-la-ni?

Phật nói:

–Tất cả các pháp đều nhập vào tự mẫu và tự mẫu Đà-la-ni. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như nói chữ A là phát ra tiếng vô thường, nói chữ A kéo dài là phát ra tiếng lìa ngã. Nói chữ Y là phát ra tiếng các căn, nói chữ Y kéo dài là phát ra tiếng về bệnh tật. Nói chữ Ưu là phát ra tiếng hoang loạn, nói chữ Ưu kéo dài là phát ra tiếng nêu chúng sinh hạng kém. Nói chữ Ly là phát ra tiếng ngay thẳng, mềm dịu, tương tục, nói chữ Ly kéo dài là phát ra tiếng đoạn trừ nhiễm du hý. Nói chữ Lê là phát khởi tiếng nêu ra tướng sinh pháp, nói chữ Lê kéo dài là phát ra tiếng nói về tướng nhiễm nơi ba cõi. Nói chữ Kiên là phát ra tiếng nói về chỗ dấy khởi lỗi lầm tai họa. Nói chữ Ế là phát ra tiếng nói về Thánh đạo thù thắng. Nói chữ Ô là phát ra tiếng giữ lấy. Nói chữ Úc là phát ra tiếng hóa sinh bình đẳng. Nói chữ Am là phát ra tiếng vô ngã sở. Nói chữ Á là phát ra tiếng chìm mất, diệt tận. Nói chữ Ca là phát ra tiếng vượt qua quả báo của nghiệp. Nói chữ Khư là phát ra tiếng nêu hư không ngang bằng với tất cả các pháp. Nói chữ Già là phát ra tiếng nói về pháp sâu xa. Nói chữ Hằng là phát ra tiếng trừ cứng chắc, nặng, vô minh, si, ám, minh (tối tăm). Nói chữ Nga là phát ra tiếng tham dự nơi biết, hành. Nói chữ Già phát ra tiếng bốn Thánh đế. Nói chữ Xa là phát ra tiếng đoạn trừ dục nhiễm. Nói chữ Xà là phát ra tiếng vượt qua lão tử. Nói chữ Thiền là phát ra tiếng thâu phục ngôn ngữ xấu ác. Nói chữ Nhã phát ra tiếng nói về an trụ. Nói chữ Đa là phát ra tiếng đoạn trừ các kết. Nói chữ Tha là phát ra tiếng nêu đặt, giải đáp. Nói chữ Đà là phát ra tiếng hàng phục các ma oán. Nói chữ Đàn là phát ra tiếng diệt trừ các cảnh giới. Nói chữ Na là phát ra tiếng diệt trừ các phiền não. Nói chữ Khinh Đa là phát ra tiếng như vậy, không khác, không phá. Nói chữ Khinh Tha là phát ra tiếng nói về lực dũng mãnh, mau chóng, vô úy. Nói chữ Khinh-đà là phát ra tiếng nói về chỗ hiện bày tịch tĩnh giữ gìn an ổn. Nói chữ Khinh-đàn là phát ra tiếng nói về bảy thứ tài sản bậc Thánh. Nói chữ Khinh-na là phát ra tiếng phân biệt về danh sắc. Nói chữ Phả là phát ra tiếng tác chứng được quả. Nói chữ Bà là phát ra tiếng giải thoát mọi trói buộc. Nói chữ Phạm là phát ra tiếng sinh khởi nơi ba cõi. Nói chữ Ma là phát ra tiếng đoạn trừ kiêu mạn. Nói chữ Da là phát ra tiếng phân biệt như pháp. Nói chữ La là phát ra tiếng ưa thích không ưa thích Đệ nhất nghĩa. Nói chữ Lạ là phát

ra tiếng đoạn trừ tham ái. Nói chữ Bà là phát ra tiếng nói về thừa thù thắng. Nói chữ Xả là phát ra tiếng nói về tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Nói chữ Tỷ là phát ra tiếng thâu phục sáu nhập không thể không biết về sáu Thông. Nói chữ Sa là phát ra tiếng nhận biết về Nhất thiết trí. Nói chữ Ha là phát ra tiếng chính thức diệt trừ phiền não. Nói chữ La là phát ra tiếng nói về chữ sau cùng, vượt qua các pháp này không thể nói.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy là nghĩa của tự mẫu, tất cả chữ đều nhập vào trong ấy.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ta sẽ nói tám chữ. Những gì là tám? Chữ Bả là Đệ nhất nghĩa. Tất cả các pháp vô ngã đều nhập vào đây. Chữ La là dùng tướng hảo, không tướng hảo nhập vào nghĩa Pháp thân của Như Lai. Chữ Bà là pháp của người ngu, pháp của người tuệ, như pháp hóa độ, nghĩa không ngu si, không trí tuệ. Chữ Xà là nghĩa vượt qua sinh, lão, bệnh, tử để nhập vào không sinh, không lão, không bệnh, không tử. Chữ Già là nghĩa vượt qua quả báo của nghiệp để nhập vào chốn không nghiệp, quả báo. Chữ Tha là nghĩa Tổng trì các pháp, các ngôn ngữ, không, vô tướng, vô tác để nhập vào pháp giới. Chữ Xả là Xa-ma-tha (Chỉ) Tỳ-bà-xá-na (Quán) để nhập vào quán như thật về các pháp. Chữ Sa là tất cả pháp, niệm niệm sinh diệt, cũng không diệt, chẳng diệt, vì xưa nay thanh tịnh vắng lặng. Tất cả các pháp đều nhập nơi Niết-bàn. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là tám chữ có thể lãnh nhận để nhập vào tất cả các pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tiếng vô thường?

Phật đáp:

–Tiếng vô thường: Nghĩa là tất cả pháp hữu vi đều vô thường. Như nhãn nhập vô thường. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập cũng vô thường. Sắc nhập vô thường. Thanh, hương, vị, xúc, pháp nhập cũng vô thường. Như nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng vô thường. Sắc ấm vô thường cho đến thức ấm cũng như vậy. Đấy gọi là tiếng vô thường.

Tiếng vô ngã: Nghĩa là tất cả các pháp đều vô ngã. Nói có ngã, có người tạo ra, có việc tạo ra... hoặc đoạn, hoặc thường, thì đấy là ngã tưởng. Còn ngã giác là ngoại đạo nói. Do quá khứ thì đã diệt, vị lai thì chưa đến, còn hiện tại thì không dừng trụ. Mười hai nhập, mười tám giới, năm ấm đều không có ngã. Đấy là nghĩa chữ A kéo dài.

Tiếng các căn: Nghĩa là tiếng lớn. Như nhãn căn gọi là tiếng lớn. Nhĩ

căn cho đến ý căn đều gọi là tiếng lớn. Đấy là gọi chữ Y, là tiếng lớn.

Tiếng nhiều bệnh tật: Nhãn rất nhiều bệnh tật, cho đến ý cũng lại như vậy. Cho nên gọi là tiếng nhiều bệnh tật.

Tiếng hoang loạn: Đất nước thì không yên, dân chúng lại áp bức lẫn nhau, giặc giã cứ nổi lên, lúa thóc thì mất mùa. Đây gọi là tiếng hoang loạn.

Tiếng chúng sinh thấp: Chúng sinh thấp kém, nghèo cùng, khốn khổ, không có căn lành và các loại cầm thú, trùng, ve... Đấy gọi là tiếng chúng sinh thấp.

Tiếng ngay thẳng mềm dịu tương tục: Ngay thẳng nghĩa là không dua nịnh, không dua nịnh là không quanh co, không quanh co tức là chân thật. Chân thật là làm đúng với lời nói. Làm đúng với lời nói là thực hành đúng lời Phật dạy. Đấy gọi là ngay thẳng. Mềm dịu có sáu thứ: Mắt dịu dàng, cho đến ý dịu dàng. Đấy gọi là mềm dịu. Tương tục nghĩa là không tách rời tất cả pháp thiện. Đấy gọi là tiếng ngay thẳng mềm dịu.

Tiếng đoạn nhiễm du hý: Đoạn nhiễm cõi Dục nơi ba mươi sáu thứ phiền não ràng buộc. Là suy nghĩ về sự dứt lìa bốn sử. Đoạn có nghĩa là trừ diệt. Du hý nghĩa là đầy đủ cả năm dục. Chúng sinh du hý ở trong năm dục đó, nên cần phải đoạn. Đấy gọi là tiếng đoạn nhiễm du hý.

Tiếng nêu ra tướng sinh pháp: Tất cả các pháp đều lấy vô ngã làm tướng, tướng của niệm niệm đều sinh diệt, vắng lặng. Lấy vô ngã làm tướng, nghĩa là sắc ấm vô thường, cho đến thức cũng như vậy. Đấy gọi là lấy vô ngã làm tướng. Còn niệm niệm sinh diệt, nghĩa là tất cả các hành được sinh ra trong từng niệm niệm, hễ sinh thì phải diệt. Đấy gọi là tất cả các pháp niệm niệm sinh diệt. Vắng lặng nghĩa là không, không xứ sở, không sắc, không thể, ngang bằng với hư không. Đấy gọi là tướng vắng lặng. Quá khứ, vị lai và hiện tại đều vô thường. Đấy là tiếng của tướng sinh pháp.

Tiếng nói về tướng nhiễm nơi ba cõi: Tướng là tướng đầy đủ năm thứ dục nơi dục giới, tướng nhiễm sắc nơi sắc giới, tướng nhiễm không sắc nơi vô sắc giới. Đấy gọi là tướng. Ba cõi: Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Cõi Dục là những cõi nào? Là địa ngục cho đến trời Tha hóa tự tại. Cõi Sắc là những cõi nào? Là cõi Phạm thân cho đến cõi Sắc cứu cánh. Cõi Vô sắc là cõi nào? Là Không xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Nhiễm chấp ba cõi với chín mươi tám thứ phiền não ràng buộc. Đấy gọi là tiếng nêu ra tướng nhiễm của ba cõi.

Tiếng nói về chỗ dấy khởi lỗi lầm tai họa: Có ba thứ cầu: Cầu dục, cầu hữu, cầu phạm hạnh.

Cầu dục là cầu sắc, thanh, hương, vị, xúc. Sao gọi là cầu sắc? Cầu sắc có hai thứ: Một là hiển sắc, hai là hình sắc. Hiển sắc có mười hai thứ: Xanh, vàng, đỏ, trắng, khói, mây, bụi, sương mù, bóng ánh sáng, sáng, tối. Hình sắc có tám thứ: Dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, bằng, không bằng. Đấy gọi là sắc dục. Sao gọi là tiếng dục? Tiếng có bảy thứ: Tiếng loa, tiếng trống, tiếng trống con, tiếng trống lớn, tiếng hát, tiếng nam, tiếng nữ. Đấy gọi là tiếng dục. Sao gọi là hương dục? Hương có bảy thứ: Hương rễ, hương lõi, hương vỏ, hương đường, hương lá, hương hoa, hương trái, hoặc hương nam, hương nữ. Đấy là hương dục. Sao gọi là vị dục? Vị có bảy thứ: Vị ngọt, vị nồng, vị mặn, vị đắng, vị chát, vị nhạt, vị cay, hoặc vị nam, vị nữ. Đấy là vị dục. Sao gọi là xúc dục? Xúc có tám thứ: Lạnh, nóng, nặng, nhẹ, nhám, trơn, đói khát hoặc xúc nam, xúc nữ. Đấy gọi là xúc dục.

Sao gọi là cầu hữu? Cầu cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đấy gọi là cầu hữu.

Sao gọi là cầu phạm hạnh? Vì xuất gia khổ hạnh nên muốn cầu về thiên đường, muốn cầu về Niết-bàn. Đấy gọi là cầu phạm hạnh. Cầu nghĩa là gì? Nghĩa là ưa thích tham chấp.

Sao gọi tiếng nói về chỗ khởi lỗi lầm tai họa? Vì các cõi của chúng sinh đều là lỗi lầm và hoạn nạn. Ngoại trừ thiên đường và Niết-bàn ra, còn tất cả cõi nơi xứ khác đều có lỗi lầm và hoạn nạn. Đấy gọi là tiếng nói về chỗ phát khởi lỗi lầm tai họa.

Tiếng Thánh đạo thù thắng: Là tám con đường chánh: Tức từ chánh kiến cho đến chánh định, không có lỗi lầm, không có sự vướng mắc, nên gọi là Thánh đạo. Đấy là tiếng Thánh đạo thù thắng.

Tiếng giữ lấy: Là nắm giữ các pháp, nên gọi đó là tiếng giữ lấy.

Tiếng hóa sinh: Bốn ấm thọ, tưởng, hành, thức, đấy gọi là hóa sinh. Lại nói thai sinh, noãn sinh, thấp sinh và hóa sinh.

Thai sinh có bốn: Châu Đông Phất-vu-đãi, Nam Diêm-phù-đề, Tây Câu-da-ni, Bắc Uất-đơn-việt. Sinh bằng trứng là chỉ có các loài chim, sinh nơi ẩm thấp là chỉ cho các loài muỗi, nhặng, rận... Hóa sinh là chỉ cho chư Thiên. Đấy gọi là tiếng hóa sinh.

Tiếng vô ngã sở: Tất cả các pháp đều không phải là sở hữu của ngã, cũng không khởi ngã. Vô ngã sở là không có ngã sở, mạn. Đấy là tiếng vô ngã sở.

Tiếng chìm mất diệt tận: Do vô minh diệt nên hành diệt, cho đến sinh diệt nên ưu bi, khổ não diệt.

Còn chìm mất diệt tận: Niết-bàn vắng lặng, không còn sinh trở lại.

Đấy gọi là tiếng hoàn toàn diệt tận.

Tiếng vượt qua nghiệp quả báo: Nghiệp là ba nghiệp: Thân ba, miệng bốn và ý ba. Nghiệp quả báo là ba nghiệp thanh tịnh. Đấy gọi là tiếng vượt qua nghiệp quả báo.

Tiếng hư không... các pháp: Các pháp ngang bằng với hư không. Sao gọi là ngang bằng với hư không? Vì các pháp chỉ có danh, chỉ có tưởng, không có tướng, không phân biệt, không hình thể, không lay, không động, không thể nghĩ bàn, không khởi, không diệt, không chỗ làm theo, không tướng, không chỗ tạo ra, không có tướng mạo, không hình sắc, không chỗ đi, trụ, bình đẳng với hư không, không già, không chết, không lo buồn, khổ não.

Sắc thì bằng với hư không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Quá khứ thì đã qua, vị lai thì chưa đến, hiện tại thì không dừng lại. Đấy gọi là tiếng các pháp ngang bằng với hư không.

Tiếng nói về pháp sâu xa: Từ vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, ưu bi, khổ não. Vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt thì ưu bi, khổ não cũng diệt. Vì lý đó là chân thật, nên gọi là sâu xa. Sâu xa nghĩa là mười hai nhân duyên ấy, chấm dứt đường ngôn ngữ không bờ bến, không xứ sở, không thời gian, hoàn cảnh, dứt lìa trượng phu, dứt lìa tánh thế gian, nhập vào bình đẳng, phá chấp của mình và người. Đấy gọi là tiếng nói về pháp sâu xa.

Tiếng trừ, kiên (cứng chắc) trọng (nặng) vô minh, si, ám, minh (tối tăm): Kiên (cứng chắc) nghĩa là năm kiến chấp như thân kiến... Trọng (nặng) nghĩa là năm ấm. Vô minh là không biết được biên vực trước sau, có tội hay không có tội, không hiểu rõ Phật, Pháp, Tăng, không biết người thí, giới, thiên, không biết ấm, giới, nhập. Đấy gọi là vô minh. Si là quên mất sự hiểu biết và nhớ nghĩ. Đấy gọi là si. Ám là vào thai khổ não, chịu tất cả sự không sạch, lại sinh thọ lạc mê lầm, lui tới. Đấy gọi là ám. Minh (tối tăm) nghĩa là không biết ba đời, không có phương tiện, không hiểu rõ. Đấy gọi là minh (tối tăm). Trừ là chân thật chắc chắn, chỉ bày ánh sáng, trừ nhân quả, trừ phiền não, trừ không phải phiền não, trừ các tập khí còn sót để nhập vào bình đẳng, không nghĩ bàn làm chính. Đó là nghĩa của trừ. Đấy gọi là tiếng trừ kiên trọng vô minh si ám minh.

Tiếng tham dự tri hành: Có tám thứ tham dự tri hành: Từ chánh kiến cho đến chánh định. Đấy gọi là tham dự tri hành của Bồ-tát. Trừ đoạn năm kiến gọi là chánh kiến, không suy nghĩ về tham, sân, si gọi là chánh tư duy. Thân, ý, nghiệp thanh tịnh gọi là chánh nghiệp. Khẩu nghiệp thanh tịnh gọi

là chánh ngữ. Quanh co, dối gạt, trá hiện thiểu dục, đem lợi để cầu lợi. Mua bán năm thứ, như là buôn bán rượu, bán thịt, bán thuốc độc, bán đao kiếm và bán nữ sắc... ngoài những nghiệp ác này thì gọi là chánh mạng. Thân làm thiện, ý nghĩ thiện gọi là chánh tinh tấn. Luôn nhớ nghĩ đến bốn niệm xứ gọi là chánh niệm. Tâm định, không vướng mắc, tướng vắng lặng, tướng diệt, tướng không là chánh định. Đấy gọi là tiếng tham dự tri hành.

Tiếng bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế. Sao gọi là Khổ đế? Vì có khả năng đoạn mười sử. Sao gọi là Tập đế? Vì có khả năng đoạn bảy sử. Sao gọi là Đạo đế? Vì có khả năng đoạn tám sử, cắt đứt bốn dòng suy nghĩ, cho đến cắt đứt mọi sự trói buộc của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đấy gọi là tiếng bốn Thánh đế.

Tiếng đoạn trừ dục nhiễm: Dục là nhiễm, lạc, bất yếm (không chán), dục, trang nghiêm, trước, tư thái, tư duy nơi dục, tư duy nơi xúc, đãi, tập cận.

Nhiễm: Là trói buộc. Lạc: Là ưa thích nơi sáu trần. Bất yếm: Là chuyên tâm tham chấp vào duyên, không còn có một ý tưởng nào khác. Dục: Là ham thích. Trang nghiêm: Là ý khởi nhiễm. Trước: Là buông thả nơi dục. Tư thái: Là tạo ra các dáng vẻ, điệu bộ. Tư duy nơi dục: Là vướng mắc nơi năm dục. Tư duy nơi xúc: Là tướng dục quen gần. Đãi: Là dùng hương hoa để dẫn dắt. Tập cận: Là chạy theo tâm dục nhiễm. Đoạn: Là diệt trừ pháp bất thiện nêu trước. Đấy gọi là tiếng đoạn trừ dục nhiễm.

Tiếng vượt qua lão, tử: Lão là thân thể bị tiêu giảm, đi đứng phải chống đỡ, các căn bị suy mòn, gọi đó là già. Chết là các căn bị hủy hoại. Do đâu đã chết rồi lại đi tìm nơi khác để thọ sinh? Vì hành nghiệp đã thành thục. Đây gọi là chết. Già, chết có gì khác nhau? Các căn đã đến thời kỳ hao mòn, gọi là già. Các căn hoại diệt thì gọi là chết. Trước già, sau chết, gọi đó là già chết. Vượt qua khỏi già chết này thì gọi là độ. Độ có nghĩa gì? Nghĩa là vượt qua đến bờ bên kia, tự tại không còn bị sinh lại nữa. Đấy gọi là tiếng vượt qua già, chết.

Tiếng thâu phục lời nói ác: Thâu phục nghĩa là thâu phục lời nói, thâu phục thân thể. Sao gọi là thâu phục lời nói? Là đem lời nói của đồng loại để phá bỏ lời nói của loại khác. Dùng lời nói của loại khác để phá trừ lời nói đồng loại. Dùng lời chân thật thâu phục lời không chân thật. Dùng lời không chân thật thâu phục lời chân thật. Dùng phi ngôn ngữ để thâu phục ngôn ngữ. Dùng ngôn ngữ để thâu phục phi ngôn ngữ. Dùng Đệ nhất nghĩa để thâu phục chẳng phải Đệ nhất nghĩa. Dùng chẳng phải Đệ nhất nghĩa để thâu phục Đệ nhất nghĩa. Dùng lời quyết định để thâu phục lời không quyết

định. Dùng lời không quyết định để thâu phục lời quyết định. Dùng một để thâu phục nhiều. Dùng nhiều để thâu phục một. Dùng không phạm để thâu phục bị phạm. Dùng bị phạm để thâu phục không phạm. Dùng hiện chứng để thâu phục không hiện chứng. Dùng không hiện chứng để thâu phục hiện chứng. Dùng mất để thâu phục không mất. Dùng không mất để thâu phục mất. Dùng chủng loại không được để thâu phục chủng loại. Dùng chẳng phải là chủng loại không được để thâu phục chẳng phải là chủng loại.

Ác là nói không chân thật, không chắc chắn, không phân biệt.

Thâu phục nghĩa là đoạn, là ngăn, là trừ. Đấy gọi là tiếng thâu phục lời nói ác.

Tiếng nói về an trụ: Là lời nói để phân biệt, chỉ bày rõ ràng, không làm trở ngại đạo, tùy theo pháp mà nói. Đấy gọi là nói. An trụ: Là đặt yên tại một chỗ. Là nói về Nê-hoàn, nói về xuất thế gian, là lời nói để thuật lại, lời nói không tướng, lời nói không có dung mạo, lời nói không khác, lời nói không tạo ra, lời nói giác ngộ, lời nói về không, lời nói vắng lặng. Đấy gọi là tiếng nói về an trụ.

Tiếng nói về đoạn trừ kết: Từ vô minh diệt cho đến lão tử diệt, diệt tất cả ấm. Diệt có nghĩa là làm cho mất đi, không sinh trở lại. Đấy gọi là diệt. Đoạn tức là cắt đứt mọi trói buộc, dứt sạch gốc rễ của phiền não, không còn sót lại. Đấy gọi là tiếng nói về đoạn trừ kết.

Tiếng nêu đặt, giải đáp: Là tùy vấn đáp, phân biệt đáp, phản vấn đáp, trí đáp.

Sao gọi là tùy vấn đáp? Nghĩa là theo câu hỏi mà trả lời.

Sao gọi là phân biệt đáp? Tùy theo câu hỏi của đối phương đưa ra mà phân biệt cho rộng.

Sao gọi là phản vấn đáp? Nếu có người hỏi thì có thể hỏi ngược lại để trả lời.

Sao gọi là nêu đặt, giải đáp ? Như đối phương hỏi về ngã đoạn, ngã thường thì nêu đặt, không trả lời ngay. Dùng câu hỏi phân biệt để hỏi, thì tùy theo câu hỏi mà trả lời. Dùng câu hỏi phản chất để hỏi, thì phân biệt mà trả lời. Dùng câu hỏi nêu đặt giải đáp để hỏi, thì phản chất mà trả lời. Dùng câu hỏi tùy vấn đáp để hỏi, thì nêu đặt mà trả lời. Đấy gọi là tiếng nêu đặt giải đáp.

Tiếng hàng phục các giặc ma: Ma tức là bốn ma. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi là giặc ấm ma. Từ cõi này qua cõi khác, chấm dứt mọi việc, gọi là giặc tử ma. Vô minh, ái thủ, gọi là giặc phiền não ma. Năm dục đều đủ là hình thể của thiên ma, gọi là giặc thiên ma. Đấy gọi là tiếng hàng phục

giặc ma.

Tiếng diệt trừ các cảnh giới: Diệt sắc cho đến diệt xúc. Cảnh giới là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đấy gọi là tiếng diệt trừ các cảnh giới.

Tiếng trừ diệt các phiền não: Là đoạn diệt phiền não. Trừ diệt phiền não: Nhiễm dục là thứ độc lớn, phải lấy quán bất tịnh làm thuốc để trừ. Sân hận cũng là thứ độc lớn, lấy từ bi làm thuốc để trừ. Vô minh cũng là thứ độc lớn, lấy quán mười hai nhân duyên làm thuốc để trừ. Đấy gọi là tiếng trừ diệt các phiền não.

Tiếng không khác, chẳng phá: Không khác là không phá, không khác. Là Đệ nhất nghĩa thật đế, không, không tướng, không hình, bình đẳng, không động, không thể nghĩ bàn. Đấy gọi là không khác. Chẳng phá: Là không có hình khác, bình đẳng, không tướng, không động, không phá, không đoạn, thuần nhất, không có lỗi lầm, không tâm, không trước sau. Đấy gọi là tiếng không khác, không phá.

Tiếng lực dũng mãnh mau chóng vô úy: Dũng mãnh nghĩa là tinh tấn. Lực là mười Lực. Chóng là nhanh chóng. Vô úy là không sợ bất cứ nơi nào. Đấy gọi là tiếng lực dũng mãnh mau chóng vô úy.

Tiếng thí, tịch tĩnh, giữ gìn an ổn: Thí có hai thứ: nội thí và ngoại thí. Sao gọi là nội thí? Là nói về bốn chân đế. Sao gọi là ngoại thí? Là thí da, thịt, máu, đất, nước, vợ con, trai gái, của cải, lúa thóc... Tịch tĩnh có ba: thân, khẩu, ý. Sao gọi là thân vắng lặng (tịch tĩnh)? Vì thân không làm ba việc lỗi lầm. Miệng vắng lặng: Không có bốn lỗi của miệng. Ý vắng lặng: Không tham, không sân, không si. Giữ gìn: Là giữ gìn các căn. An ổn: Là cùng chung với nhau, hòa hợp, không tìm lỗi của nhau, tri túc, thiểu dục, không vạch sở trường, sở đoản của nhau. Không tìm lỗi của người khác: Nghĩa là không tìm lỗi lầm của nhau. Không đem lời người này nói với người kia. Đấy gọi là tiếng thí vắng lặng, giữ gìn, an ổn.

Tiếng nói về bảy Thánh tài: Một là tín, hai là hổ, ba là thẹn, bốn là thí, năm là giới, sáu là văn (hiểu biết), bảy là tuệ. Đấy gọi là tiếng nói về bảy Thánh tài.

Tiếng phân biệt danh sắc: Danh là bốn ấm, sắc là bốn đại. Phân biệt là phân biệt về danh sắc. Đấy gọi là tiếng phân biệt danh sắc.

Tiếng Đệ nhất nghĩa: Là phân biệt năm ấm. Đấy gọi là tiếng Đệ nhất nghĩa.

Tiếng tác chứng đắc quả: Quả tức là bốn quả: Từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán và quả Duyên giác. Đắc: Nghĩa là nhập. Chứng: Là hiện chứng. Tác: Là tạo tác. Đấy gọi là tiếng tác chứng đắc quả.

Tiếng giải thoát mọi trói buộc: Trói buộc nghĩa là sự trói buộc của ba độc: tham, sân, si. Giải thoát: Là thoát khỏi ba độc trói buộc này. Đấy gọi là tiếng giải thoát khỏi mọi sự trói buộc của ba độc.

Tiếng sinh nơi ba hữu: Nghĩa là sinh hữu, hiện hữu và hậu hữu. Đấy gọi là tiếng sinh nơi ba hữu.

Tiếng đoạn kiêu mạn: Kiêu là kiêu ngạo về sắc, về sức trẻ, về sự giàu có, về sự tự tại, về tộc họ, về sự hành thiện, về thọ mạng, về sự thông sáng. Đấy gọi là tám kiêu ngạo. Mạn: Là mạn mạn, đại mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, bất như mạn, thắng mạn, tà mạn. Đấy gọi là bảy thứ mạn. Đoạn là cắt đứt sự kiêu mạn. Đấy gọi là tiếng cắt đứt sự kiêu mạn.

Tiếng thông đạt các pháp: Thông đạt nghĩa là biết đúng như cảnh. Các pháp: Là pháp thiện, pháp bất thiện, năm dục có đủ là pháp bất thiện, đoạn trừ năm dục là pháp thiện. Đấy gọi là tiếng thông đạt các pháp.

Tiếng phân biệt như pháp: Như là nghĩa cùng, bằng. Pháp là pháp thiện, pháp bất thiện. Pháp bất thiện là không đoạn trừ các thứ của năm dục. Pháp thiện là đoạn trừ các thứ của năm dục. Đoạn, có nghĩa là phá diệt. Đấy gọi là tiếng phân biệt như pháp.

Tiếng lạc, bất lạc Đệ nhất nghĩa: Lạc là cảnh giới của năm dục. Bất lạc là không vướng mắc nơi năm dục. Đệ nhất nghĩa: Là không, vô tướng. Đấy gọi là tiếng lạc, bất lạc Đệ nhất nghĩa.

Tiếng đoạn trừ ái: Ái là sắc ái, cho đến xúc ái. Đoạn là diệt trừ. Đấy gọi là tiếng đoạn trừ ái.

Tiếng thừa thù thắng: Đó là ba thừa: Phật thừa, Duyên giác thừa và Thanh văn thừa.

Bát-nhã ba-la-mật, mười Địa là Phật thừa.

Điều phục được chính mình, chính mình được vắng lặng để nhập Niết-bàn, là Duyên giác thừa.

Các căn của chúng sinh được nhu hòa, vì sợ hãi muốn vượt qua sinh tử là Thanh văn thừa. Đấy gọi là tiếng nói về thừa thù thắng.

Tiếng tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ: Gắn bó nơi suy nghĩ, quán xét không đổi, gọi là tín. Siêng năng dũng mãnh, tấn tới, làm việc giữ gìn việc, gọi là tinh tấn. Chuyên nhất thâu giữ tâm gọi là niệm. Không bị lay động trước các cảnh động, gọi là định. Trí tuệ thuần nhất bình đẳng thì gọi là tuệ. Đấy gọi là tiếng tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ.

Tiếng thâu phục sáu nhập bất đắc bất tri sáu Thông: Sáu nhập là từ nhãn nhập cho đến ý nhập. Thâu phục là thâu phục sắc cho đến thâu phục

pháp. Sáu Thông: Là Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Thần túc và Lậu tận thông. Bất tri (không biết) tức là vô minh. Bất đắc bất tri (Không thể không biết) là trừ khử được vô minh. Đấy gọi là tiếng thâu phục sáu nhập không thể không biết sáu Thông.

Tiếng nhận biết Nhất thiết trí: Nhất thiết trí là biết hết về tất cả pháp thế gian. Thế gian nghĩa là niệm niệm sinh diệt. Lại nữa, thế gian là ấm, giới, nhập. Lại nữa, thế gian có hai thứ: một là thế gian của chúng sinh, hai là thế gian của hành. Thế gian của chúng sinh là chỉ cho tất cả chúng sinh. Thế gian của hành là có thể biết, hoặc biết hết trụ xứ của chúng sinh nơi tất cả thế giới. Trí có hai thứ: Trí Thanh văn và trí Nhất thiết. Trí giác: Biết được thân mình và biết được thân người. Đấy gọi là tiếng nhận biết Nhất thiết trí.

Tiếng chánh diệt trừ phiền não: Diệt trừ (sát) nghĩa là trừ đoạn. Phiền não là chín mươi tám thứ sử: Chỗ đoạn của Khổ đế nơi cõi Dục mười sử. Tập, Diệt bảy sử. Đạo đế tám sử. Tư duy bốn sử. Chỗ đoạn của Khổ đế nơi cõi Sắc chín sử. Tập, Diệt sáu sử. Đạo đế bảy sử. Tư duy bốn sử. Cõi Vô sắc cũng như vậy. Chánh: Nghĩa là trừ đoạn phân minh, không còn các thứ cấu uế khác. Đấy gọi là tiếng chánh diệt trừ phiền não.

Tiếng nói về đây là chữ cuối cùng, vượt qua được pháp này, thì không thể nói: Nếu không có chữ thì gọi là Niết-bàn. Còn như có chữ thì gọi là sinh tử. Sau cùng: Lại không có chữ nào, chỉ trừ chữ La. Không thể nói: Không thể nắm bắt được, không thể phân biệt được, vì vô sắc nên không thể nói. Các pháp là ấm, giới, nhập, ba mươi bảy phẩm. Đấy gọi là tiếng nói về chữ sau cùng, vượt qua đấy là không thể nói.

-oOo-

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI VẤN

QUYỂN HẠ

PHẨM 15: PHÂN BIỆT BỘ

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, đệ tử ở đời vị lai sẽ phân biệt các bộ như thế nào và bộ căn bản ra sao?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Các đệ tử ở đời vị lai sẽ chia ra thành hai mươi bộ để làm cho các pháp được an trụ. Hai mươi bộ này đều chứng bốn quả, ba tạng bình đẳng, không có hạ, trung, thượng. Ví như vị của nước biển chỉ là một không có khác, như người có hai mươi đứa con. Những lời nói của Như Lai là chân thật.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hai bộ căn bản xuất phát từ Đại thừa mà ra, từ Bát-nhã ba-la-mật mà ra. Thanh văn, Duyên giác, chư Phật, tất cả đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà ra. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như đất, nước, gió, lửa, hư không là nơi để cho các chúng sinh an trụ. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật và Đại thừa là nơi phát xuất của tất cả Thanh văn, Duyên giác, chư Phật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là bộ?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hai bộ đầu tiên: Một là Ma-ha Tăng-kỳ *(Đây là nói đại chúng già trẻ cùng chung một hội kết tập bộ Luật)*. Hai là Thể-tỳ-lý *(Đây là nói chỉ thuần những bậc lão túc ở trong hội cùng kết tập bộ Luật)*. Sau khi ta Niết-bàn một trăm năm, hai bộ này sẽ phát triển lên. Từ Ma-ha Tăng-kỳ xuất ra bảy bộ. Khoảng một trăm năm này xuất hiện một bộ gọi là Chấp Nhất Ngữ Ngôn *(Quan điểm của bộ này đồng với Tăng-kỳ, nên gọi là Nhất)*. Nơi một trăm năm đó, từ bộ Chấp Nhất Ngữ Ngôn, lại xuất hiện một bộ gọi là Xuất Thế Gian Ngữ Ngôn. Cũng trong một trăm năm, từ bộ Xuất Thế Gian Ngữ Ngôn, xuất phát một bộ gọi là Cao-câu-lê-kha *(Theo họ của Luật chủ mà ra)*. Cũng khoảng một trăm năm, từ bộ Cao-

câu-lê-kha, xuất phát một bộ gọi là Đa Văn *(Từ Luật chủ mà ra, nên có trí đa văn)*. Cũng trong một trăm năm, từ bộ Đa Văn xuất phát một bộ gọi là Chỉ-để-khả *(Đây là tên núi, nơi Luật chủ ở)*. Lại, trong một trăm năm, từ bộ Chỉ-để-khả xuất phát một bộ gọi là Đông Sơn *(Cũng là chỗ của Luật chủ ở).* Cũng trong một trăm năm, từ bộ Đông Sơn xuất hiện một bộ gọi là Bắc Sơn *(Cũng là chỗ của Luật chủ ở)*. Bảy bộ này đều xuất phát từ bộ Ma-ha Tăng-kỳ, cộng chung với bộ chính Ma-ha Tăng-kỳ này, thành ra tám bộ.

Lại, cũng trong một trăm năm, từ bộ Thể-tỳ-lý, sẽ liên tục xuất phát mười một bộ. Cụ thể là, trong một trăm năm xuất phát ra một bộ gọi là Nhất thiết ngữ ngôn *(Luật chủ chấp có ba đời, nên tất cả đều thuộc về ngữ ngôn)*. Cũng trong một trăm năm, từ bộ Nhất thiết ngữ ngôn xuất phát một bộ gọi là Tuyết Sơn *(Cũng là nơi Luật chủ ở)*. Cũng trong một trăm năm, từ bộ Tuyết Sơn xuất phát một bộ gọi là Độc Tử *(Họ của Luật chủ).* Cũng trong một trăm năm, từ bộ Độc Tử xuất phát một bộ gọi là Pháp Thắng *(Tên của Luật chủ).* Cũng trong một trăm năm, từ bộ Pháp Thắng xuất hiện một bộ gọi là Hiền *(Tên Luật chủ).* Cũng trong một trăm năm, từ bộ Hiền xuất phát một bộ gọi là Nhất Thiết Sở Quý *(Do Luật chủ thông đạt nên mọi người tôn trọng như vậy)*. Cũng trong một trăm năm, từ bộ Nhất Thiết Sở Quý xuất phát một bộ gọi là Nhưng Sơn *(Chỗ ở của Luật chủ)*. Cũng trong một trăm năm, từ Nhưng Sơn xuất phát một bộ gọi là Đại Bất Khả Khí *(Lúc Luật chủ mới sinh, người mẹ đem bỏ xuống giếng. Người cha tìm con, tuy bị rơi nhưng chưa chết, nên gọi là Đại Bất Khả Khí, lại gọi là Năng Xạ)*. Cũng trong một trăm năm, từ bộ Đại Bất Khả Khí xuất phát một bộ gọi là Pháp Hộ *(Tên của Luật chủ)*. Lại trong một trăm năm, từ bộ Pháp Hộ xuất phát một bộ gọi là Ca-diếp-tỳ *(Họ của Luật chủ)*. Cũng trong một trăm năm, từ bộ Ca-diếp-tỳ xuất phát một bộ gọi là Tu-đố-lộ-cú *(Luật chủ chấp nghĩa của kinh)*. Mười một bộ này đều xuất phát từ bộ Thể-tỳ-lý. Như vậy, cộng chung lại thành mười hai bộ.

Đức Phật liền nói kệ:

Bộ Ma-ha Tăng-kỳ
Xuất hiện thêm bảy bộ
Thể-tỳ-lý mười một
Cộng chung lại hai mươi
Mười tám, hai bộ chính
Phát xuất từ Đại thừa
Không đúng cũng không sai
Ta nói vị lai khởi.

-oOo-

PHẨM 16: TẠP VẤN

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai, các ngoại đạo sẽ nói lời như vầy: "Xưa kia, có phải Đức Thế Tôn nói kinh Hỏa Tụ, làm cho sáu mươi Tỳ-kheo chết, sáu mươi Tỳ-kheo hoàn tục, sáu mươi Tỳ-kheo giải thoát." Thế Tôn chẳng phải là Nhất thiết trí. Vì sao? Vì không thấy việc này. Ngoại đạo sẽ hỏi như vậy thì trả lời thế nào?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như người đốt đèn, mục đích không phải để giết trùng. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng như vậy, tùy theo khả năng thọ nhận của chúng sinh để vì họ mà giảng nói. Như Lai giảng nói pháp không phải là không nhân duyên. Nếu chúng sinh tạo nghiệp sát sinh thì nhất định phải chịu quả báo. Do chúng sinh ấy không đủ sức thọ pháp cho nên hoàn tục, còn chúng sinh đủ sức thọ pháp thì được giải thoát, tất cả đều theo nhân duyên cả, chứ không phải do Đức Như Lai tạo ra. Vì sao? Vì Phật sinh ra từ thế gian, Phật không nói Phật tạo ra thế gian. Nếu người hay sát sinh thì phải chịu quả chết yểu. Nếu người không sát sinh thì được sống lâu và đạt quả giải thoát. Tuy các chúng sinh này hoàn tục, nhưng đời vị lai, Như Lai sẽ hóa độ họ. Thế nên, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không có lỗi.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, khi chiếu vào các hoa Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi, Uất-ba-la... Hoặc có hoa còn búp, hoặc có hoa đã nở, hoặc có hoa đã tàn, rơi rụng xuống đất. Đây chẳng phải là mặt trời, mặt trăng, có tâm phân biệt. Vì sao? Vì mặt trời, mặt trăng vô tâm. Do vô tâm cho nên hoa tự nở, rồi tự rụng, chứ chẳng phải lỗi của mặt trời, mặt trăng. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai giảng nói pháp cũng như vậy. Có chúng sinh sống lâu, chết yểu, không bệnh, có bệnh, nhiều bệnh, ít bệnh, đáng ghét, đáng thương, có hạ, trung, thượng, sang hèn, giàu nghèo, hoặc sinh vào châu Diêm-phù-đề, hoặc sinh vào châu Uất-đơn-việt, hoặc sinh nơi châu Câu-da-ni, Phất-vu-đãi, hoặc sinh lên cõi Tứ Thiên vương, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Hoặc có chúng sinh lại sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la... Tất cả đều lấy nghiệp mình tạo ra làm tài sản, lấy nghiệp làm phần, nghiệp làm chỗ sinh. Chỉ có nghiệp tạo ra chứ không phải là các vật khác tạo ra, có thượng, trung hạ, chẳng phải là do ta tạo. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh lấy nghiệp mình tạo ra làm

tài sản.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát rất chú trọng đến bố thí, có khi bố thí cả vợ con... Ví như Tu-đạt-noa đem hai con của mình thí cho Bà-la-môn xấu ác. Bà-la-môn này lại đánh đập hai đứa trẻ ấy. Thưa Thế Tôn! Do đâu không có tâm Từ bình đẳng? Nếu Bồ-tát không có tâm Từ bi thì không gọi là Bồ-tát. Thế Tôn, các Bồ-tát có tâm bình đẳng không? Nếu có tâm bình đẳng thì sao lại đem con của mình cho người khác đánh đập? Có người hỏi thế thì sẽ trả lời ra sao?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như người có hai đứa con, đem đứa con nhỏ cho đứa con lớn. Này Bồ-tát Văn-thù! Như vậy cha mẹ đó có tâm bình đẳng không? Đứa anh đánh đứa em cho đến chết. Vậy ai có tội?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tâm của cha mẹ bình đẳng, không có tội lỗi, đứa anh phải chịu tội này.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta luôn dùng tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, như La-hầu-la đáng yêu đáng nhớ, Đề-bà-đạt-đa cũng đáng yêu đáng nhớ. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì vậy Bồ-tát không có tội lỗi.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như có một người ngày ngày thường bố thí thức ăn, có người đến xin, người này liền cho. Người xin nhận được thức ăn rồi, lại còn trộm cắp của cải của người ấy. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vậy ai là người mắc tội?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người làm bố thí không mắc tội, vì người làm bố thí chỉ có ý cho chứ không có ý tạo điều kiện để cho người kia ăn trộm.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy! Bồ-tát chỉ có ý ban cho, chứ không có tâm giết hại. Thế nên Bồ-tát không có tưởng hại. Người giết tự chuốc lấy tội giết người.

Đức Phật liền nói kệ:

Thường hành tâm bình đẳng
Lúc thí không tưởng hại
Người kia tạo tội giết
Ta bình đẳng, không lỗi.
Có thọ mạng, tưởng thọ

Lại có tâm giết hại
Mạng đoạn ngay khi đó
Người hại chịu tội giết.
Nếu không có thọ mạng
Mới khởi tâm thọ mạng
Khi ấy khởi tưởng hại
Thì đây cũng có tội.
Đề-bà và La-hầu
Thương nhớ không có khác
Tâm từ bi như vậy
Là Bồ-tát bình đẳng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Thật đúng như lời Phật nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai nếu có người vấn nạn: Như Lai Thế Tôn thường nói: "Nếu người có thể nói về hai mươi bốn xứ thì liền sinh về hai mươi bốn xứ ấy. Hai mươi bốn xứ là: Vua nơi bốn châu, cõi Tứ Thiên vương, cho đến Tha hóa tự tại Thiên vương, Phạm thân, Phạm phú lâu, Đại phạm, đạt được Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, có trí tuệ lớn, có các hạnh thiện, không động, không buông lung. Đấy là hai mươi bốn xứ. Nay Đức Như Lai đã có thể nói đến thì cũng nên đạt được chỗ này." Khi tà kiến kia vấn nạn như thế thì trả lời ra sao?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai giảng nói pháp không phải vì nhân duyên đó. Này Bồ-tát Văn-thù! Như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng làm lợi ích cho các loại hoa, tuy có năng lực đó nhưng nó không mong cầu báo ân. Vì sao? Vì mặt trời, mặt trăng vô tâm.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng lại như vậy. Do không mong cầu báo ân nên mới vì người mà giảng nói pháp. Vì sao? Vì Như Lai vô tâm. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không vướng mắc đối với các pháp. Thế nên, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp mà Như Lai đã nói ra không phải vì ta. Vì sao? Vì xưa kia, trong ba a-tăng-kỳ kiếp, Như Lai bố thí đầu, mắt, tủy, não, các phần tay chân, và cả đất nước, vợ con, nô tỳ, voi ngựa... Đối với người nhận của cho, Như Lai không có tâm mong cầu báo đáp. Như Lai không cầu quả báo thế gian. Vì sao? Vì ta giảng nói các pháp, không phải vì ta, không vì thân ta, không vì thân người, không vì thân ta và người. Nếu vì tự thân, tha nhân và thân ta và người, thì Như Lai đã bị

vướng mắc.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cũng như mặt trời, mặt trăng, không thể khởi lên suy nghĩ: Hoa sẽ báo ân ta hay không báo ân ta. Vì mặt trời, mặt trăng là vô tâm. Đức Như Lai cũng vô tâm. Vì sao? Vì Như Lai không thể nắm bắt. Đã không nắm bắt thì làm sao được báo. Trong đêm ấy, ta tuy nói đã chứng được đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nhưng ta chưa từng nói ra một chữ. Vì sao? Vì quả vị ấy là không thể thủ đắc. Như Lai không thể thủ đắc. Như Lai không có quả báo. Vì sao? Vì đã lìa khổ vui. Trước kia, ta suy nghĩ: Lúc chứng được Bồ-đề, tất cả chỗ mong cầu đều được, nhưng rồi cũng không chỗ thủ đắc, không hình, không tướng.

Đức Phật liền nói kệ:

Nhật nguyệt chiếu các hoa
Không có tưởng báo ân
Như Lai không nắm bắt
Nên cũng không cầu báo.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia, Thế Tôn nói không có chúng sinh chết chẳng đúng thời tiết. Vì sao? Vì tuy sẽ chết nhưng chưa đến lúc chết thì không chết. Vì thế các người tà kiến sẽ hỏi lời này: "Đợi cho đến lúc chết ta mới được giết, như vậy người giết không có tội lỗi. Vì sao? Vì người kia đã đến lúc chết, nên ta giết là không có tội." Như vậy thì trả lời thế nào?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như có người xây cất cung điện, xây xong muốn ở đây, liền đi hỏi thầy tướng ngày nào tốt, ngày nào không tốt để biết chọn ngày ở. Thầy tướng đáp: Không nên ở. Vì sao? Vì sẽ bị lửa đốt. Nếu người có cố ý đốt cũng bị đốt, không có ý đốt cũng bị đốt. Người chủ lại hỏi: Nếu việc này xảy ra thì nên làm gì? Thầy tướng đáp: Cần phải đề phòng. Nghe vậy, người chủ hết sức cẩn thận, gia công đề phòng. Như vậy, nếu có người đem lửa đến đốt cung này, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người đốt lửa đó có tội chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Thưa Thế Tôn! Có tội, có tội.

–Đúng vậy! Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hoặc đúng thời chết, hoặc không đúng thời chết, nếu người cố tâm giết hại thì nhất định vào địa ngục, như đốt cung điện.

Đức Phật liền nói kệ:

Đến lúc không đến lúc
Nếu người cố giết hại
Thì sẽ đọa địa ngục
Ví như đốt cung điện.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai hạng tà kiến sẽ nói lời này: Có người giết người không bị mắc tội. Vì sao? Vì giết thân chứ không có giết mạng. Nếu thân là mạng thì như khi cha mẹ chết, người con đem thân cha mẹ đi thiêu, lẽ ra phải chịu tội giết. Vì sao? Vì thân là mạng. Thế nên biết thân không phải là thọ mạng, thọ mạng không phải là thân. Vì sao? Vì thân khác mạng khác. Nếu thân tức là mạng, hoặc mạng tức là thân, thì thiêu thân tức là thiêu mạng. Nếu thọ mạng đi đến đời sau thì thân cũng nên đi đến. Nếu thân bị thiêu, mạng không bị thiêu, do đó biết thân chẳng phải tức là mạng. Vì sao? Vì mạng không thể bị thiêu. Thế nên thân không phải là mạng, mạng không phải là thân. Do đó, giết thân không mắc tội. Vì sao? Vì nó khác mạng. Như người hỏi đường, cứ đi theo sự hướng dẫn của người kia. Như vậy, thưa Thế Tôn! Việc thiêu riêng, mắc tội riêng. Tại sao? Vì mạng đã qua đời sau mà thân vẫn còn đây. Do đó nên biết, thân chẳng phải là thọ mạng.

Thưa Thế Tôn! Có người nào có thể giết mạng được không? Nếu người có thể giết mạng thì không nên sinh lại. Nếu mạng đã bị giết thì không cần Niết-bàn. Nếu thân là thọ mạng thì khi thân bị giết, mạng cũng bị giết. Nếu thân là thọ mạng thì khi giết, thân liền được Niết-bàn. Vì sao? Vì không khác. Cho nên không có quả báo của sát sinh.

Thưa Thế Tôn! Nếu thân bị giết, thọ mạng sinh lại rồi đi nhận dòng họ khác, cho nên người này không mắc tội giết. Vì sao? Vì thọ mạng sinh lại. Sinh lại là sinh vào những nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la... Đấy gọi là sinh lại. Thế nên, giết thân không gọi là giết mạng. Như các Thiền sư dạy các đệ tử phải trừ tâm ý thức. Như trừ tâm ý thức để không sinh lại. Đã không sinh lại thì không có thân trở lại, nếu không có thân trở lại thì cũng không có mạng, không có mạng thì không sinh lại. Như vậy thì Thiền sư giết thọ mạng của người. Thưa Thế Tôn! Sẽ đáp lại các tà kiến kia như thế nào?

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Giới có hai thứ: Đó là giới thân, miệng, không phải tâm ý thức. Nếu tâm ý thức là giới thì không có người trì giới.

Vì sao? Vì tâm phải duyên vào cảnh, khó chế ngự, không có chỗ trụ. Ví như dòng nước chảy xiết, như khỉ vượn chạy nhảy không dừng, không thể giữ lại. Thế nên, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Không có giới cho tâm ý thức, tuy thân miệng có giới nhưng tâm ý thức không phải là xứ của tội giết hại. Tại sao? Vì không phải xứ của giới. Nếu tâm vui thì có thể được định, tâm không vui thì không được định. Thế nên, người tu học dùng tâm định để giết, chẳng phải là người có thể giết. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như vậy, định mắc tội giết, chứ không phải là tâm mắc tội giết.

Lại nữa, nếu giết tự thân thì không có tội báo. Vì sao? Như Bồ-tát tự sát thì chỉ được công đức, vì thân ta là do ngã. Nếu thân do ngã mà phải chịu tội báo, thì khi cắt móng tay làm tổn thương đến ngón tay, như vậy thì phải mắc tội. Vì sao? Vì tự gây thương tổn đến thân. Nếu thân tự chết, chúng sinh đến ăn thịt, lúc đầu không có tâm bố thí, như thế thì không được phước mà cũng không có tội. Vì sao? Vì các Bồ-tát xả thân không phải là vô ký, cho nên chỉ được công đức. Thế nên phiền não diệt thì tâm diệt, tâm diệt thì ý diệt, ý diệt thì thức diệt, thức diệt thì thân diệt, thân diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì mạng diệt, mạng diệt nên các căn diệt, các căn diệt nên các nhập diệt, các nhập diệt nên các giới diệt, các giới diệt nên các ấm diệt. Các ấm diệt nên không còn sự liên tục, không còn liên tục nên tâm ý thức không có xứ sở, tâm ý thức không có xứ sở cho nên thanh tịnh.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như chiếc áo bị bẩn, dùng nước tro giặt tẩy đi, kết quả là nhơ bẩn hết nhưng áo vẫn còn. Vì sao? Vì cấu bẩn đã bị tẩy đi. Do tẩy bẩn nên áo được sạch. Như vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các lỗi là bẩn, dùng nước trí tuệ tẩy trừ tâm cấu uế đó, do trừ tâm cấu uế nên được thanh tịnh.

Đức Phật liền nói kệ:

Ví như chiếc áo bẩn
Dùng nước tro tẩy sạch
Nước tro tẩy sạch bẩn
Áo ấy được trong sạch.
Như vậy do lỗi lầm
Làm nhiễm ô tâm thức
Tẩy bằng nước trí tuệ
Tâm liền được thanh tịnh.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo theo tà kiến ấy sẽ hỏi: "Nếu Thế Tôn là Bậc Nhất Thiết Trí thì vì sao khi trước không dự báo về việc hai nữ ngoại

đạo là Tôn-đà-lợi và Chiên-già-ma-ni đến hủy báng Như Lai? Vì thế nên biết Như Lai chẳng phải là Bậc Nhất Thiết Trí, do không ngăn cản được việc hủy báng của họ, khiến nhiều kiếp phải rơi vào đường ác, cho đến đọa vào địa ngục vô gián.” Như vậy thì sẽ trả lời với họ bằng cách nào?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nay ta hỏi ông, như có một vị thầy thuốc giỏi, biết rõ các bệnh phong đàm nhiệt của chúng sinh, nhưng khi bệnh chưa phát mà lo trị trước có được không?

–Không được, thưa Thế Tôn!

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! đấy là thầy thuốc biết bệnh phải không?

–Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta cũng như vậy, biết các chúng sinh nhiều tham, nhiều sân, nhiều si, sống lâu, chết yểu, nghiệp ác, nghiệp thiện, Như Lai tuy biết trước nhưng chưa phải thời, thì không nói.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hai người nữ Tôn-đà-lợi và Chiên-già-ma-ni này, đời quá khứ thường giết hại chúng sinh, khởi lên nghiệp xấu ác, thường chê bai Thánh nhân, nên phải bị đọa vào ngục A-tỳ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nghiệp ác của chúng sinh không phải do ta tạo ra. Nếu chúng sinh chịu khó nghe pháp thì ta sẽ vì họ mà giảng nói. Còn nếu không chịu khó nghe thì ta không giảng nói.

Này Bồ-tát Văn-thù! Như người bệnh quá nặng, không thể chữa trị, thầy thuốc đành phải bó tay trở về, không cho một ít thuốc nào, Như Lai cũng như vậy, biết hai người này không thể giáo hóa được, vì vậy nên im lặng, không làm trái việc ghi nhận.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu người có thể thọ ký thì ta liền thọ ký, như ta đã thọ ký cho các đệ tử được quả vị Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát, hoặc không thọ ký nói sẽ được ba thừa. Vì sao? Vì không thể định rõ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu có người chê bai hư không, thì hư không sẽ đáp thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thưa Thế Tôn! Hư không không ngôn ngữ. Vì sao? Vì hư không là không.

–Đúng vậy! Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai bằng với hư không, hư không không có ngôn ngữ, Như Lai cũng không ngôn ngữ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Có đời xấu ác đủ năm thứ ô trọc: Kiếp

trược, chúng sinh trược, mạng trược, phiền não trược và kiến trược.

Sao gọi là kiếp trược? Vì khi ba thứ tai họa nổi lên, lại sát hại lẫn nhau, chúng sinh chịu đói khát, các bệnh tật phát sinh. Đấy gọi là kiếp trược.

Sao gọi là chúng sinh trược? Chúng sinh ác, chúng sinh thiện, chúng sinh hạng thấp, hạng vừa, hạng cao, chúng sinh hơn, kém, chúng sinh bậc nhất, chúng sinh không phải bậc nhất. Đấy gọi là chúng sinh trược.

Sao gọi là mạng trược? Chúng sinh mười tuổi, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, bảy mươi, tám mươi, chín mươi, một trăm tuổi, hai trăm tuổi, bốn trăm tuổi, tám trăm tuổi cho đến một ngàn tuổi, có thọ, có yểu. Đấy gọi là mạng trược.

Sao gọi là phiền não trược? Vì nhiều tham, nhiều sân, nhiều si. Đấy gọi là phiền não trược.

Sao gọi là kiến trược? Kiến tà, giới thủ, kiến thủ, kiến thường, kiến đoạn, kiến hữu, kiến vô, kiến ngã, kiến chúng sinh. Đấy gọi là kiến trược.

Như Lai không có năm thứ ô trọc này.

Đức Phật liền nói kệ:

Như Lai như hư không
Làm gì có ngôn ngữ!
Như Lai không năm trược
Cho nên không nghịch ký.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai, người tà kiến sẽ chê bai Phật như vầy: "Nếu như Đức Như Lai là Bậc Nhất Thiết Trí, thì vì sao phải đợi chúng sinh tạo tội rồi sau mới chế giới?"

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như thế tức là tướng của Nhất thiết trí. Nếu ta làm ngược việc chế giới, thì người sẽ hủy báng ta. Vì sao? Vì tôi chưa tạo tội, tại sao phải cưỡng nói. Đấy chẳng phải là Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tôi không có tội lỗi gì. Như Lai không tâm Từ bi, không tạo lợi ích, không thâu nhận chúng sinh.

Như người không có con nói là có con, vào lúc nào đó tôi sẽ sinh. Lời này là trống rỗng, đâu đáng để tin. Vì sao? Vì không chân thật. Nếu thật thấy sinh con thì mới tin. Như vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người chưa tạo tội, trời, người không thấy, thì tại sao lại nghịch chế giới. Ví như thầy thuốc giỏi biết được các bệnh phong, đàm, nhiệt... phát sinh từ đâu và cũng

biết được thuốc để trị bệnh này.

Như người khỏe mạnh, không bệnh tật gì, có cần đến thầy thuốc không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không cần trị. Nếu người ấy phát sinh bệnh, thầy thuốc liền điều trị, thế gian sẽ khen ngợi: Đấy là thầy thuốc bậc nhất.

–Như vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả Thanh văn, tất cả chúng sinh, có người nên chế giới, có người không nên chế giới. Ta biết mọi nẻo hành nơi tâm của tất cả chúng sinh, nếu chưa tạo tội thì ta chưa chế giới. Nếu người đã tạo tội thì ta liền chế giới. Ta làm như vậy thì thế gian không chê bai. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chúng sinh có hạ, trung, thượng, Như Lai chế giới cũng lại như vậy. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như gieo lúa, mè, đậu... khi nó mới nảy mầm liền đem dùng, có được không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Thưa Thế Tôn! Không thể dùng được. Vì sao? Vì nó chưa thành sản phẩm.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Căn lành của tất cả chúng sinh chưa thuần thục cũng như vậy, không thể ép phải chế giới. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như các hoa Câu-vật-đầu, Ưu-bát-la mới mọc, được ánh sáng mặt trời chiếu vào, có thể làm cho nở hoa được không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không thể được, thưa Thế Tôn. Vì sao? Vì nó mới mọc.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Khi căn lành chưa thành thục cũng lại như vậy. Như Lai cũng thế, không được chế giới. Vì sao? Vì không phải thời. Nếu không phải thời mà chế giới thì chúng sinh không thọ, lại còn nói: "Tôi không tội, cớ gì lại chế giới?"

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như gieo lúa chưa chín, có thể thu hoạch được không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không thể thu hoạch, thưa Thế Tôn! Không phải thời hãy còn chưa có hoa nở, huống gì là được gạo.

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta chưa chế giới cũng lại như vậy. Các đệ tử không có phạm, không có kết quả phạm. Vì vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta không nghịch giới.

Đức Phật liền nói kệ:

Không tội mà nghịch chế
Chúng sinh không tín thọ
Thế nên thấy có tội
Lúc đó mới chế giới.
Như cây vừa nảy mầm
Không thể kết hoa trái
Các Tỳ-kheo không tội
Cũng vậy, không chế giới.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người tà kiến nói như vầy: "Trời Ma-hê-thủ-la tạo ra thế gian này." Lời tà thuyết như vậy phải phá bỏ bằng cách nào?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy là lời hư dối, không phải lời chân thật. Lại còn có ngoại đạo khác nói: Chẳng phải do Thủ-la tạo. Nếu do Thủ-la, thì không nên tự hủy báng. Vì sao? Vì do chính mình. Nếu do chính mình thì tất cả thế gian tôn thờ Thủ-la làm thầy, không có thầy nào khác. Nếu tất cả thế gian đều tự có thầy thì tất cả thế gian không phải do Thủ-la tạo ra. Nếu tất cả việc do Thủ-la tạo ra thì sự thờ Thủ-la không có gì đáng nghi. Vả lại, trong kinh Ma-hê-thủ-la không nói lời này. Nếu như có lời này thì chúng sinh không nên sinh nghi. Thế nên, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Biết thế gian này không phải do Thủ-la tạo ra, đó chỉ là lời nói hư vọng, không thật.

Đức Phật liền nói kệ:

Nếu các nghiệp thiện ác
Ma-hê-thủ-la tạo
Thế gian không việc chứng
Không người nói quyết đoán
Lời này không chân thật
Tuy nói nhưng không thành.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri là ở trong pháp mà có thân hay là lấy pháp làm thân? Tất cả các pháp làm sao ngang bằng với hư không?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Không ở trong pháp mà có thân. Vì sao?

Vì như hư không. Giống như không ở trong hư không mà có hư không. Vì sao? Vì hư không là không xứ. Do không xứ nên gọi là hư không. Hư không không có ý vui để nắm bắt hư không. Lại nữa, hư không là không hình, không tạo ra, nên gọi là hư không.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hư không là chẳng phải có chẳng phải không. Vì sao? Vì chẳng ở nơi có chẳng ở nơi không. Vì sao? Vì nếu ban đầu có, cho nên sau thành không. Hoặc ban đầu không về sau thành có. Hoặc ban đầu có thì sau sẽ có, hoặc sau không thì lúc đầu cũng không. Như vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tám loại ngôn ngữ là chung cho tất cả các pháp.

Phật nói tiếp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta không nói có sắc là thân. Vì sao? Vì tất cả chư Phật ngang bằng với hư không, vì biến khắp tất cả, vì không tư duy, vì không tâm thức, vì không xứ, vì không trong ngoài. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như vậy mới gọi là Thế Tôn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Gọi là Phật thì không thể lấy thân, khẩu, ý để biết, cho nên mới gọi là Phật. Vì sao? Vì hư không không lấy thân, khẩy, ý để biết hư không.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu không có tâm ý thì xứ này là có hay là không. Nếu có thì quyết định là có, nếu không thì quyết định là không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có Thế Tôn, cũng không có Thiện Thệ. Vì sao? Vì không thể nắm bắt, vì ngang bằng với hư không. Nếu ngang bằng với hư không thì tại sao có sắc tướng? Nếu có sắc tướng thì là vô thường. Nếu đã là vô thường thì sao bằng với hư không?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như vỗ hai tay lại thì phát ra tiếng. Tiếng đó là từ tay trái phát ra hay từ tay phải phát ra? Nếu từ tay trái phát ra, thì là tiếng thường có, nếu từ tay phải phát ra thì cũng vậy. Vì sao? Vì hai tay thường có, một tay thì không thể có tiếng, mà phải vỗ chung với nhau mới phát ra tiếng. Như vậy, Phật xuất hiện từ thế gian nhưng không vướng mắc ở thế gian, như hoa sen mọc từ nước, nhưng không bị dính nước. Như vỗ hai tay lại mới phát ra tiếng. Cũng có, cũng không, cũng hiện, không hiện, có thể nắm bắt, không thể nắm bắt, như trăng trong nước. Như Lai Chánh Biến Tri cũng lại như vậy.

-oOo-

PHẨM 17: CHÚC LỤY

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có người hoặc thọ trì pháp này, hoặc giảng nói pháp này, hoặc tụng, hoặc chép, hoặc dạy người khác chép, thì công đức có được là không thể lường tính, có thể làm phát sinh Nhất thiết chủng trí. Những thiện nam, thiện nữ như vậy nhập vào cảnh giới Phật, trụ vào cảnh giới Phật, theo Phật tu học, ý nguyện được thành tựu tròn đầy. Nếu ta đem bảy thứ báu có khắp nơi thế giới này và đủ loại y phục, hàng ngày dùng để bố thí thì công đức có được sẽ vô lượng, vô biên. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này thì công đức có được lấy một phần trăm chia ra làm trăm phần như vậy, lần lượt hơn trăm phần đó, lấy một phần sau, cũng còn gấp hơn vạn bội. Vì sao? Vì phát sinh Nhất thiết trí. Kinh này dù ở nơi nào cũng nên được cúng dường. Địa thanh tịnh này có khả năng trừ các ác, là nơi chốn thanh tịnh, vắng lặng, là nơi chư Thiên hành hóa, là nơi được chư Phật hộ niệm, nơi được trời người tôn quý, là trụ địa của Như Lai.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi tên là gì? Và cách phụng trì ra sao?

Phật đáp:

–Này A-nan! Kinh này gọi tên là Văn-thù-sư-lợi Sở Vấn, ông nên theo đấy mà thọ trì. Cũng gọi là Chủng Chủng Lạc Thuyết. Cũng gọi là Đoạn Nhất Thiết Nghi. Cũng gọi là Bồ-tát Chư Hành Tu Đố Lộ, ông nên theo đấy mà thọ trì.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, việc gì đáng làm đã làm, việc gì nên làm đã làm xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã cắt đứt mọi ràng buộc, đã trừ sạch tất cả phiền não, đã tẩy hết mọi thứ phiền não cấu uế, đã hàng phục các ma, đã được các pháp Phật, Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến, thành tựu được mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đầy đủ năm nhãn, Phật nhãn không chướng ngại, thấy hết cả thế gian. Lúc đó Thế Tôn suy nghĩ như vầy: “Ta mới thành đạo, trước nên thuyết pháp cho ai? Chúng sinh nào có hạnh thiện, thanh tịnh? Người nào dễ giáo hóa, ít tham sân si? Người nào có đủ khả năng hiện chứng trí tuệ? Chúng sinh nếu không nghe pháp này thì nhất định sẽ bị thoái chuyển. Vì thế, việc trước hết ta nên giảng nói pháp, chúng sinh có thể gắng sức thọ nhận để

không nghi ngờ, chê bai.” Thưa Thế Tôn! Vậy A-la-hán Chánh biến tri... có nghĩa là gì?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! A-la-hán-đa tức đã đạt được Chánh biến tri, nên gọi là A-la-hán-đa.

Lại nữa, A là nghĩa gì? Vượt qua phần vị phàm phu nên gọi là A.

La nghĩa là gì? Là từ nhiễm mà được không nhiễm. Đấy là nghĩa của La.

Ha nghĩa là gì? Nghĩa là do diệt phiền não nên được sáng suốt

Na nghĩa là gì? Nghĩa là thẳng đến đạo giác ngộ, không còn bị sinh tử trói buộc.

Đa nghĩa là gì? Là tìm cầu chân thật.

Tam-miệu Tam-phật-đà nghĩa là gì? Là tự giác, giác tha, thấy đúng khắp.

Bà nghĩa là gì? Là các pháp bình đẳng như hư không.

Ma nghĩa là gì? Là có khả năng diệt trừ kiêu mạn.

Da nghĩa là gì? Là phân biệt như pháp.

Am nghĩa là gì? Là biết được thân đời sau.

Ca nghĩa là gì? Là dứt nghiệp, chẳng phải nghiệp.

Sa nghĩa là gì? Là biết được biên vực luân chuyển của sinh tử.

Bà nghĩa là gì? Là giải thoát, thoát khỏi sự trói buộc.

Ưu nghĩa là gì? Là có khả năng đáp đúng theo câu hỏi.

Đà nghĩa là gì? Là được vắng lặng.

Tha nghĩa là gì? Là thọ trì pháp tánh không thể tướng.

Sở tác dĩ biện nghĩa là gì? Là xả bỏ tay chân nơi nhục thân, việc làm đã hoàn tất, nên gọi là đã xong việc.

Ca Ly: Nghĩa là đã xả bỏ rồi, không xả bỏ lại.

Ca: Nghĩa là thấy các pháp rõ như xem lòng bàn tay.

Ly: Nghĩa là tâm ngay thẳng, nhu hòa liên tục.

Ca: Nghĩa là đoạn các hành nghiệp.

Ly: Nghĩa là trừ tánh ba nghiệp.

Đa: Nghĩa là nhận biết đúng.

Da: Nghĩa là chấm dứt âm thanh, thành tựu như pháp.

Sở tác dĩ biện: Nghĩa là hoàn tất các căn lành, đã dứt bỏ được gánh

nặng, không còn trở lại sinh tử.

Dĩ đoạn nhất thiết chư kiết: Nghĩa là cắt đứt hết tất cả sự trói buộc của tham, sân, si.

Đoạn tất cả phiền não: Nghĩa là diệt sạch các phiền não, vượt ra khỏi ba cõi.

Đã tẩy sạch các phiền não nhơ bẩn: Nghĩa là không còn tập khí của phiền não nơi nghiệp.

Đã hàng phục các ma: Nghĩa là trừ các tử ma.

Đã được các pháp Phật: Nghĩa là vượt qua tất cả Bát-nhã ba-la-mật để đến tất cả Bát-nhã ba-la-mật. Đấy gọi là đã được các pháp Phật.

Nhất thiết trí: Nghĩa là không việc gì mà không biết.

Nhất thiết kiến: Nghĩa là hiện chứng tất cả các pháp.

Thành tựu mười Lực: Nghĩa là thần lực như pháp... Khen ngợi Phật lực hơn lực của tất cả chúng sinh, gấp trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần, không thể nghĩ bàn, không thể đếm. Phật thành tựu vô biên lực, từ Phật lực phát ra vô lượng lực, thành tựu tất cả các lực, cho nên gọi là thành tựu mười Lực.

Mười lực: Nghĩa là lực thị xứ phi xứ, lực nghiệp, lực định, lực căn, lực dục, lực tánh, lực chí xứ đạo, lực túc mạng, lực Thiên nhãn, lực lậu tận.

Bốn vô úy: Là Nhất thiết trí vô úy, Nhất thiết lậu tận vô úy, Năng thuyết chướng đạo vô úy, Thuyết tận khổ đạo vô úy.

Mười Lực, bốn Vô úy, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả là mười tám pháp Bất cộng.

Mười tám pháp Bất cộng thành tựu tròn đầy, nên năm nhãn cũng tròn đầy, đó là Thiên nhãn, Phật nhãn, Pháp nhãn, Tuệ nhãn và Nhục nhãn. Đức Phật có vô lượng nhãn. Vì sao? Vì cảnh giới vô lượng cho nên Phật thành tựu năm nhãn không bị chướng ngại, chỗ thấy thông suốt như hư không. Dùng nhãn này để thấy tất cả thế gian, dùng mắt không chướng ngại để thấy thế gian, dùng mắt chướng ngại cũng thấy tất cả thế gian. Thấy rồi, thì suy nghĩ như vậy.

Trước hết, ta nên nói pháp cho những người nào?

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta nói lời này có nghĩa gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con chưa hiểu được ý của Thế Tôn.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Trong cảnh giới của Phật ở đây có vô số chúng sinh, nhưng trước nhất là giảng nói pháp cho A-la-la và Uất-đầu-lam-phất. Ngoài hai ông này ra không còn ai khác. Đáng tiếc là hai ông ấy đã qua đời cách đây bảy ngày. Ta trước hết sẽ dùng trí Phật để giảng nói về mười Địa của Bồ-tát, sau ta mới dùng trí thế gian để giảng nói pháp cho chúng sinh. Hai người này không nghe được pháp của ta nên bị thoái chuyển, thọ mạng chỉ hơn bảy ngày. Nghe lời ấy, chư Thiên đến thưa với ta: "Đúng vậy! Thưa Thế Tôn! A-la-la và Uất-đầu-lam-phất đã mất cách đây bảy ngày."

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sao gọi là hạnh thiện trong sạch của chúng sinh? Vì có thể hóa độ được và cũng dễ chỉ dạy.

Chúng sinh: Nghĩa là người nhiều công đức.

Thanh tịnh: Nghĩa là tâm thanh tịnh.

Hạnh thiện: Nghĩa là tự thực hành các căn lành.

Có thể hóa độ: Là chỉ nghe những lời tóm lược thì được độ.

Dễ chỉ dạy: Nghĩa là có khả năng phân biệt các pháp.

Nếu có chúng sinh khéo diệt trừ các cấu uế nơi thân, khẩu, ý, không bị ái kiến trói buộc, thì trước hết ta sẽ giảng nói pháp và làm cho họ hiểu rõ để không còn hủy báng ta nữa.

Đức Phật liền nói kệ:

Uất-đầu-lam-phất
Tiên A-la-la
Mất đã bảy ngày
Ta trước đã ghi.
Sau có chư Thiên
Đến báo với ta:
Đúng vậy, Thế Tôn
Đúng vậy, Thiện Thệ
Hai người đã mất
Cách đây bảy ngày.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Không người nào có trí tuệ nhanh chóng, ngoại trừ Như Lai Thiện Thệ Thế Tôn.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả công đức không bằng tâm xuất gia. Vì sao? Vì tại gia có vô lượng tội lỗi, xuất gia có vô lượng công đức.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Tất cả công đức không bằng tâm xuất gia. Vì sao? Vì tại gia có vô lượng lỗi lầm, xuất gia có vô lượng công đức.

Tại gia là bị chướng ngại, xuất gia không bị chướng ngại. Tại gia còn thu giữ các cấu uế, xuất gia lìa các uế tạp. Tại gia tạo các việc ác, xuất gia lìa các việc ác. Tại gia là nơi trần cấu, xuất gia là chỗ trừ các trần cấu. Tại gia là còn chìm đắm trong bùn đục, xuất gia là đã thoát khỏi bùn đục. Tại gia là theo pháp của người ngu, xuất gia là tránh xa pháp của người ngu. Tại gia là không được chánh mạng, xuất gia là được chánh mạng. Tại gia là nhiều oan gia, xuất gia là không còn oan gia. Tại gia là nhiều khổ, xuất gia là ít khổ. Tại gia là lo buồn, sầu não, xuất gia là vui vẻ. Tại gia là nấc thang bước vào đường ác, xuất gia là đường giải thoát. Tại gia là nơi trói buộc, xuất gia là nơi giải thoát. Tại gia là còn sợ hãi, xuất gia là không sợ hãi. Tại gia là có hình phạt, xuất gia không có hình phạt. Tại gia là nơi thương tổn, xuất gia là nơi không thương tổn. Tại gia có nhiệt não, xuất gia không có nhiệt não. Tại gia còn có vui tham lợi, xuất gia không còn vui tham lợi. Tại gia là chỗ ồn ào, xuất gia là nơi vắng lặng. Tại gia là chỗ keo kiệt, xuất gia chẳng còn chỗ keo kiệt. Tại gia là chỗ thấp kém, xuất gia là chỗ cao quý hơn hết. Tại gia bị phiền não thiêu đốt, xuất gia là dập tắt được lửa phiền não. Tại gia là thường vì người khác, xuất gia là thường vì mình. Tại gia là tâm hạnh nhỏ, xuất gia là tâm hạnh lớn. Tại gia là lấy khổ làm vui, xuất gia là lấy việc xuất ly làm vui. Tại gia phát triển gai gốc, xuất gia là diệt trừ gai gốc. Tại gia là thành tựu pháp nhỏ, xuất gia là thành tựu pháp lớn. Tại gia là không có dụng pháp, xuất gia là có dụng pháp. Tại gia là nhiều hối tiếc, xuất gia là không hối tiếc. Tại gia là càng tăng trưởng các thứ khổ đau, xuất gia không còn các thứ ấy. Tại gia là bị ba thừa chê trách, xuất gia là được ba thừa khen ngợi. Tại gia không biết đủ, xuất gia thường biết đủ. Tại gia ma vương luôn quyến luyến, xuất gia làm ma vương kinh sợ. Tại gia có nhiều buông lung, xuất gia không còn buông lung. Tại gia là chỗ bị khinh miệt, xuất gia không còn chỗ khinh miệt. Tại gia là kẻ làm nô bộc, xuất gia là kẻ làm chủ. Tại gia là bờ sinh tử, xuất gia là bờ Niết-bàn. Tại gia là chỗ đọa lạc, xuất gia là không còn đọa lạc. Tại gia là nơi đen tối, xuất gia là nơi sáng suốt. Tại gia các căn không bị câu thúc, xuất gia là thu giữ các căn. Tại gia nuôi lớn sự kiêu mạn, xuất gia là diệt trừ sự kiêu mạn. Tại gia là chỗ thấp kém, xuất gia là chỗ thanh cao. Tại gia có nhiều việc phải làm, xuất gia không còn chỗ làm. Tại gia ít quả báo, xuất gia nhiều quả báo. Tại gia là nhiều quanh co, xuất gia là tâm ngay thẳng. Tại gia thường hay buồn, xuất gia luôn vui vẻ. Tại gia như gai chích vào thân, xuất

gia không bị gai chích. Tại gia là nơi bệnh tật, xuất gia là không bệnh tật. Tại gia là pháp già suy, xuất gia là pháp trai trẻ, mạnh khỏe. Tại gia là buông theo cái chết, xuất gia lấy tuệ làm thân mạng. Tại gia là pháp dối gạt, xuất gia là pháp chân thật. Tại gia là tạo ra nhiều việc, xuất gia ít tạo ra các việc. Tại gia uống nhiều độc tố, xuất gia là uống chánh pháp. Tại gia nhiều tán loạn, xuất gia không tán loạn. Tại gia bị lưu chuyển, xuất gia không bị lưu chuyển. Tại gia như thuốc độc, xuất gia như cam lộ. Tại gia là thương yêu mà bị xa cách, xuất gia là không có xa cách. Tại gia nhiều ngu si, xuất gia là trí tuệ sâu xa. Tại gia ham pháp trần uế tạp, xuất gia vui pháp thanh tịnh. Tại gia mất sự suy nghĩ bên trong, xuất gia là được sự suy nghĩ bên trong. Tại gia là nơi không nương tựa, xuất gia là nơi có nương tựa. Tại gia là không tôn quý thù thắng, xuất gia là có tôn quý thù thắng. Tại gia là không có chỗ định trụ, xuất gia là có chỗ định trụ. Tại gia không thể làm chỗ nương, xuất gia có thể làm chỗ nương. Tại gia nhiều sân giận, xuất gia nhiều từ bi. Tại gia mang gánh nặng, xuất gia bỏ gánh nặng. Tại gia không có việc rốt ráo, xuất gia có việc rốt ráo. Tại gia có tội lỗi, xuất gia không có tội lỗi. Tại gia có quá lỗi lầm, xuất gia không có lỗi lầm. Tại gia có nạn khổ, xuất gia không nạn khổ. Tại gia còn lưu chuyển trong sinh tử, xuất gia có kỳ hạn ra khỏi sinh tử. Tại gia có ô uế, xuất gia không có ô uế. Tại gia có ngã mạn, xuất gia không có còn mạn. Tại gia lấy của cải làm quý, xuất gia lấy công đức làm của báu. Tại gia nhiều tai họa bệnh dịch, xuất gia lìa tai họa bệnh dịch. Tại gia còn bị thoái lui, xuất gia thường tăng trưởng. Tại gia dễ được, xuất gia khó được. Tại gia có thể làm được, xuất gia không làm được. Tại gia là thuận dòng, xuất gia là nghịch dòng. Tại gia là biển phiền não, xuất gia như là thuyền bè. Tại gia là bờ bên này, xuất gia là bờ bên kia. Tại gia buộc càng thêm, xuất gia lìa trói buộc. Tại gia là gây ra oan gia, xuất gia là diệt oan gia. Tại gia được sự giáo giới của quốc vương, xuất gia là được sự giáo giới của pháp Phật. Tại gia có thể phạm tội, xuất gia không thể phạm tội. Tại gia là phát sinh ra khổ, xuất gia là phát sinh ra vui. Tại gia là cạn cợt, xuất gia là sâu xa. Tại gia là bạn dễ được, xuất gia là bạn khó được. Tại gia lấy vợ làm bạn, xuất gia lấy định làm bạn. Tại gia là lưới, xuất gia là phá lưới. Tại gia lấy sự thương tổn làm hơn hết, xuất gia lấy việc giữ gìn, lãnh thọ làm trên hết. Tại gia cầm cờ phướn của ma vương, xuất gia cầm cờ phướn của Phật. Tại gia là trụ bên này, xuất gia là trụ bên kia. Tại gia làm phát triển phiền não, xuất gia là thoát khỏi phiền não. Tại gia như rừng gai, xuất gia là lìa khỏi rừng gai đó.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta chê trách tại gia, khen ngợi xuất gia, dù lời nói có đầy cả hư không cũng không hết. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-

lợi! Đấy gọi là lỗi lầm của tại gia và công đức của xuất gia.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát có bao nhiêu tâm niệm?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các Bồ-tát luôn tự nghĩ: "Lúc nào ta được xuất gia và ở trong Tăng chúng? Lúc nào ta hòa hợp tự tứ? Lúc nào ta tu hành giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Lúc nào ta mặc y phục như Đại Mâu-ni Tôn. Lúc nào ta được tướng tốt của bậc Tiên sư. Lúc nào ta được thuận tiện ở nơi vắng lặng. Lúc nào ta khất thực đối với tốt xấu, nhiều ít không sinh tăng giảm, hoặc được, hoặc không được, hoặc lạnh, hoặc nóng, hoặc thứ lớp đi khất thực, mục đích chỉ là trị bệnh đói, như mỡ bôi xe, vì muốn duy trì thọ mạng, dùng ít để tự nuôi sống. Lúc nào ta lìa được tám pháp thế gian, không bị tám pháp này làm chuyển động. Lúc nào ta lìa bỏ quốc thành để ham thích núi rừng, đối với mười hai nhập không vui không vướng mắc. Lúc nào ta phòng hộ sáu căn khiến được thiền định. Lúc nào thì ta điều phục sáu căn như cai quản nô tỳ. Lúc nào thì ta ngồi thiền, siêng năng đọc tụng kinh sách và luôn vui vẻ đoạn trừ các phiền não ràng buộc, tu đầy đủ các hạnh. Lúc nào ta biết đủ. Lúc nào ta không còn ưa đến các vui thú. Lúc nào thì ta vì mình, vì người mà siêng năng tu hành tinh tấn. Lúc nào ta thực hành các đạo hạnh của Bồ-tát. Lúc nào thì ta làm chỗ tôn quý bậc nhất cho thế gian. Lúc nào ta thoát khỏi sự nô lệ của ái. Lúc nào ta thoát khỏi tại gia. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đấy gọi là tâm niệm của Bồ-tát.

Đức Phật liền nói kệ:

Nếu ai tâm suy nghĩ Bồ-tát
Ta biết người ấy có công đức
Công đức vô lượng không cùng tận
Nhận được Pháp thân Phật thanh tịnh
Không đọa cõi ác chịu các khổ
Thành tựu đầy đủ trí tuệ Phật.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngoài thế giới của Phật ra, các Phật ở hiện tại, nếu có người ở đây muốn thấy Đức Phật ấy, thì bằng cách nào để thấy?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu chuyên nhớ nghĩ đến mười tôn hiệu của Như Lai thì đối với người ấy, Phật luôn trụ tại đó, không diệt, người ấy cũng luôn được nghe chư Phật thuyết pháp và thấy Đức Phật kia đang ở

trong bốn chúng. Như vậy càng làm tăng thêm tuổi thọ, không có các thứ bệnh tật. Thế nào là mười tôn hiệu Phật? Đó là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nhớ nghĩ mười tôn hiệu là: Trước tiên nhớ nghĩ đến sắc thân có đầy đủ tướng tốt của Phật, lại nhớ nghĩ đến Pháp thân thọ mạng vô tận, từ đó suy nghĩ: "Phật không phải là sắc thân mà Phật là Pháp thân. Phải nắm giữ và nắm giữ một cách kiên trì, thì liền thấy Phật như hư không, do ưa thích hư không nên biết nghĩa của tất cả pháp.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như núi Tu-di, vì bị chướng ngại do các núi: núi Kiền-đà, núi Y-sa-đà, núi Tu-đà-lê, núi Kha-la-để-ca, núi A-thâu-ca-la, núi Tỳ-na-đa, núi Ny-dân-đà-la, núi Chước-ca-la. Nếu có người một lòng nhớ nghĩ về mười tôn hiệu Phật thì các núi này không thể làm chướng ngại được. Vì sao? Vì do chánh niệm, do oai thần của chư Phật.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Niệm mười tôn hiệu Phật giống như hư không, do biết như hư không nên không có lỗi lầm, do không lỗi lầm nên được Nhẫn vô sinh. Như vậy là nương vào danh tự để làm tăng trưởng chánh niệm, thấy được tướng hảo và chánh định đầy đủ của Phật. Chánh định đầy đủ rồi, liền thấy được các Đức Phật kia. Như soi gương nước thấy được bóng của mình. Thấy được các Đức Phật cũng lại như vậy. Đấy gọi là định ban đầu.

Lại nữa, như một tượng Phật hiện rõ rệt trong gương, việc thấy rõ mười phương chư Phật cũng lại như vậy. Từ đó về sau, thường chánh niệm, suy nghĩ, liền có tướng khởi, do tướng khởi, cho nên thường vui thích thấy Phật. Khi nghĩ như vậy, chư Phật liền hiện ra, cũng không cần thần thông, không cần qua thế giới kia, chỉ ở tại nơi này cũng được gặp Đức Phật ấy và nghe Phật thuyết pháp, hiểu được nghĩa như thật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Dùng pháp nào để khởi lên định quý báu này?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cần nên gần gũi tri thức thiện, cúng dường, luôn luôn tinh tấn, không rời bỏ sự tinh tấn, không xả bỏ trí tuệ, không lay động trí tuệ, làm cho trí tuệ kiên cố, đem lợi ích cho trí tuệ, thường nhập vào sự tin sâu để cho rễ tinh tấn càng thêm vững chắc, không bị các thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn hủy hoại. Đó là bốn pháp có khả năng làm phát sinh định này.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lại còn có pháp nào có thể làm phát sinh định ấy?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Biết hổ thẹn, sám hối, cung kính cúng dường, thờ kính những người nói pháp như cúng dường Phật. Bốn pháp này có khả năng làm phát sinh thiền định. Lại trong chín mươi ngày tu hành về tưởng vô ngã, ngồi thẳng, chuyên tâm nhớ nghĩ, không suy nghĩ tạp loạn, trừ những lúc ăn uống, kinh hành, đại tiểu tiện. Ngoài những trường hợp này ra đều không được ngồi dậy.

Lại có bốn pháp có khả năng làm phát khởi định ấy. Đó là: Thấy được chư Phật, khuyến khích người nghe pháp, không ganh ghét người phát tâm Bồ-đề, thực hành theo những việc làm của Bồ-tát.

Lại có bốn pháp: Một là tạo tượng. Hai là bố thí cho người có lòng tin. Ba là giáo hóa chúng sinh, khiến họ lìa sự kiêu mạn để được Bồ-đề. Bốn là bảo vệ, thu giữ, lãnh thọ chánh pháp của chư Phật.

Lại có bốn pháp: Ít nói năng, không ở tại gia; hòa hợp với người xuất gia, không vướng mắc các pháp tướng, ưa thích cảnh vắng lặng.

Lại có các pháp: Nhẫn vô sinh, nhàm chán tất cả các hành, tất cả chỗ sinh, tất cả tà kiến, tất cả năm dục cũng không suy nghĩ, tu hành vô lượng định, không nổi sân giận. Đối với bốn Nhiếp pháp thường nhớ không quên, thành tựu Từ, Bi, Hỷ, Xả, không vạch tìm lỗi người khác, thường nghe thuyết pháp, bản chất ngay thẳng, tu hành ba nghiệp thanh tịnh, vui thích khen ngợi việc tài thí, không khởi tâm bỏn sẻn, luôn ca ngợi việc pháp thí, không khởi lên pháp keo kiệt, tu hạnh nhẫn nhục, cùng ở nơi an lạc. Nếu có người khinh khi, mắng nhiếc, chê bai, đánh đập, trói buộc... thì nghĩ: "Đấy là nghiệp đời trước nên ta mới chịu quả báo này, không nên sân hận lại với họ." Tùy theo sự ghi nhận thọ trì của mình mà đem diễn nói cho người khác, làm cho họ suy nghĩ tu hành chánh hạnh, không sinh ganh ghét, không khen mình chê người, bớt ngủ nghỉ, lìa biếng nhác, lúc nào cũng tin Phật, Pháp, Tăng, luôn cung kính bậc thượng trung hạ tọa, thấy người khác ít đức thì phải luôn ghi nhớ không quên, nói năng chân thật, không có những lời nói giả dối.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người xuất gia có thể tu định này, người tại gia cũng có thể tu tập. Như người tại gia có thể tu định này, người xuất gia cũng có thể tu tập, cần giảng thuyết rộng rãi để cho mọi người tu hành.

Người tại gia có thể tu tập định này như thế nào? Dùng quả báo của tín nghiệp, xả bỏ tất cả tiền tài, quy y Tam bảo, thọ trì năm giới, không chê,

không phá, không nhiễm, không thiếu, thọ trì mười việc thiện để làm phát sinh các việc thiện, tu hành phạm hạnh, hủy bỏ năm dục, không sinh ganh ghét, không luyến tiếc vợ con, vui thích việc xuất gia, thọ trì tám giới, luôn lui tới chỗ chúng Tăng, tâm biết hổ thẹn, thường sinh tâm cung kính đối với người xuất gia, không nên keo kiệt nơi pháp, luôn vui trong việc giáo hóa người khác, tỏ ra thương yêu, nhớ nghĩ cung kính các bậc Hòa thượng, A-xà-lê và những người thuyết pháp, tâm nhớ tưởng cha mẹ hay bậc tri thức thiện, cũng như nhớ tưởng Phật, làm sao cho cha mẹ và tri thức thiện được ở nơi an ổn. Đấy là cách tu định này của người tại gia.

Người xuất gia tu định này như thế nào? Là không phá giới, không làm nhiễm ô giới, không hủy phạm giới, thường phải tu giới thanh tịnh, giới không cấu, giới không tạp, giới không chỗ dựa, giới không chỗ thủ đắc, giới không đọa lạc, giới được bậc Thánh khen ngợi, giới người tuệ tán thán, khéo giữ gìn Ba-la-đề-mộc-xoa. Được như vậy thì thành tựu tất cả các hành xứ, thường sợ tội lỗi nhỏ, nghiệp thanh tịnh, mạng thanh tịnh, vui thích sâu xa về pháp Nhẫn vô sinh, không kinh sợ đối với không, vô tướng, vô tác, trước mắt luôn siêng năng, tinh tấn, chánh niệm, luôn có sự tin nơi tâm, thành tựu hổ thẹn, không vướng mắc vào pháp thế gian, không mang tâm ganh ghét, thường thực hành công đức đầy đủ và nhàm chán cách nói năng theo thế gian, không thích nói năng trau chuốt. Biết ân và biết sự báo ân, biết kính sợ bậc Hòa thượng, A-xà-lê, không sinh tâm kiêu mạn. Thường vui thích với bậc thầy tối thắng và thích gần gũi bạn hiền. Nếu có bạn hiền, ta nên đến để hỏi pháp. Khi đã nghe pháp rồi thì theo lời dạy đó mà tu hành. Hoặc dựa vào kinh sách, hoặc dựa vào lời thầy dạy, luôn nhớ tưởng người nói pháp, cha mẹ, bạn hiền như nhớ tưởng Phật, thích ở nơi vắng lặng, không ham đến thế gian, tâm không bị trói buộc vào thân mạng, của cải. Nhớ đến việc chết chóc mà không dựa vào lợi dưỡng, không có sự xúc phạm, tâm không khao khát tham ái, thâu nhận chánh pháp, yêu thích bậc tôn trưởng, không cất giữ y bát, không ăn thức ăn cách đêm, luôn vui với hạnh khất thực, theo thứ lớp khất thực, luôn có tâm hổ thẹn, phải xét lại lỗi lầm của mình, không nắm giữ vàng bạc, châu báu. Đối với pháp chân thật không sinh kinh nghi, thường tu tâm Từ để đoạn trừ sân hận, luôn nuôi giữ tâm bi để đoạn trừ việc sát hại, lúc nào cũng làm nhiều lợi ích cho tất cả thế gian, phải hiện bày từ bi đối với mọi chúng sinh, luôn vui thích kinh hành, bớt ngủ nghỉ, bỏ biếng nhác. Nếu trụ được công đức như vậy thì có thể tu thiền định này.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Lúc nào cũng phải đầy đủ các điều thiện, thường nhớ nghĩ Như Lai, chuyên tâm suy nghĩ, không khởi lên

đoạn tưởng, giữ gìn các căn. Đối với việc ăn uống cần phải biết đủ, đầu đêm và cuối đêm phải bớt việc ngủ nghỉ, lìa xa các phiền não. Được vậy mới có thể phát sinh thiền định. Không tham chấp vào thiền vị, phải phân biệt sắc tướng thì mới được tưởng bất tịnh. Không vướng mắc vào giới, ấm, nhập, không khen mình, không có kiêu mạn. Đối với tất cả các pháp luôn nghĩ tưởng đến A-lan-nhã. Còn đối với tất cả chúng sinh thường sinh tưởng thân hữu. Không vì danh tiếng mà trì giới cấm, luôn thực hành thiền định, không nhàm chán sự học, nhờ sự học nên không sinh kiêu mạn. Đối với pháp không nên nghi ngờ, không chê bai Phật, không hủy hoại Pháp, không phá Tăng. Luôn gần gũi người thiện, phải tránh xa người không tốt. Vui thích với những lời nói xuất thế của Phật, thọ niệm sáu pháp, tu năm giải thoát, dứt khoát diệt chín thứ sân hận, cắt đứt tám biếng lười, tu tám tinh tấn, thực hành chín tưởng định, tu tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, thành tựu các thiền giải thoát Tam-muội Tam-ma-bạt-đề. Không bị động trước mọi điều thấy. Tai luôn chú ý nghe pháp, phân biệt các ấm là không có tướng trụ. Sợ hãi sinh tử giống như người rút đao muốn hại mình. Đối với mười hai nhập, tưởng như xóm làng trống không. Đối với mười tám giới tưởng như rắn độc. Còn đối với Niết-bàn thì sinh tưởng vắng lặng. Quán năm dục, tưởng như gai chích, muốn vượt ra khỏi sinh tử, không có tranh cãi, giáo hóa chúng sinh tu các công đức. Nếu người có khả năng thực hành như vậy thì đạt được thiền định sâu xa.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu người tu hành định ấy, công đức có được vĩnh viễn không bị thoái chuyển.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như ba ngàn đại thiên thế giới nếu đem nghiền nát thành vi trần, thế giới nhiều ít như số bụi đó, với đầy cả bảy báu, đem ra bố thí, theo ý ông thì công đức của người bố thí có nhiều không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Hết sức nhiều, thưa Thế Tôn!

–Nay ta nói cho ông biết! Nếu thiện nam, thiện nữ được trực tiếp nghe định này, không có tâm sợ hãi, thì công đức có được còn nhiều hơn người bố thí kia, huống nữa là đem lòng tin mà suy nghĩ tu hành, thọ trì đọc tụng, lại còn rộng nói cho người khác, huống chi là người tu tập đạt được định này, số công đức đó ta không thể nói hết.

Thế nên, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các thiện nam thiện nữ cần phải tu tập định này, nhớ luôn giữ gìn định này, lại còn diễn giảng rộng rãi cho người khác.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đến thời kỳ kiếp thiêu, nếu có Bồ-tát đã

thọ trì định này mà lại sợ lửa thiêu bức thì không có điều đó. Nếu gặp nạn vua, nạn quỷ thần ác và các thứ ác độc, thì những nạn đó không thể hại được Bồ-tát trì định. Chỉ trừ khi nghiệp ác quá nặng, quyết định phải chịu quả báo.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu Đại Bồ-tát trì định này thì không có tật bệnh, sáu căn trong sạch, không có các phiền não.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu người trì định ấy thì được chư Thiên, Rồng, Thần ủng hộ và được chư Thiên khen ngợi, cho đến chư Phật cũng thường ca tụng, chư Thiên luôn vui thấy, cho đến chư Phật cũng ưa thấy.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu người thọ trì định ấy, những pháp chưa được nghe thì nay đều được nghe, cho đến trong giấc ngủ cũng mộng thấy định ấy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! ta nói công đức của định ấy hoặc một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể hết, không có cùng tận, huống nữa là Bồ-tát đạt được định ấy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như có người thân mạnh mẽ, nhiều sức, đi qua hướng Đông, trải qua trăm ngàn năm, đi qua các phía Nam, Tây, Bắc, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy. Ý ông nghĩ sao? Người nào có thể đếm số một do-tuần, hai do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần, nơi người này đã đi qua không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bạch Thế Tôn! Ngoài Phật là bậc Nhất thiết chủng trí và đại trí Xá-lợi-phất cùng những vị Bồ-tát không thoái chuyển ra, thì không ai có thể đếm được.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ đem rất nhiều châu báu ngang với số đếm nơi người kia đã trải qua, để bố thí. Nếu lại có người nghe định này, nghe rồi tùy hỷ phát nguyện, muốn được Tam Bồ-đề, muốn được sự học rộng, đem công đức tùy hỷ này so với công đức bố thí trên, trăm phần, ngàn phần không thể so sánh được. Người này đã được chư Phật hiện tại và vị lai cùng tùy hỷ, ta cũng tùy hỷ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Công đức nơi quả báo của định này thật không thể nghĩ bàn.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu trong một ngày Bồ-tát tu định này, so với công đức có được của chúng sinh trong quá khứ, hiện tại và vị lai thì công đức của chúng sinh không thể bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần của định ấy.

Đức Phật liền nói kệ:

Niệm mười hiệu Như Lai
Được vô biên công đức
Các công đức như thế
Không thể kể hết được.
Đem cho nhiều châu báu
Như đã nói ở trên
Nghe định tâm tùy hỷ
Công đức không thể đếm.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các thứ hoa đã cúng xong, dùng để trị các bệnh, hoặc làm cho tiêu trừ các ác độc, phương pháp ấy như thế nào? Nếu các loại hoa cúng dường Phật, hoa cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, hoa cúng dường nơi Phật đản sinh, hoa cúng dường nơi cây Bồ-đề, hoa cúng dường nơi chuyển pháp luân, hoa cúng dường nơi pháp, hoa cúng dường Bồ-tát, hoa cúng dường chúng Tăng, hoa cúng dường tượng Phật, pháp ấy như thế nào? Làm thế nào để tất cả các hoa nhập vào trong hoa Phật? Thưa Thế Tôn! Cách dùng hoa này là một hay có nhiều thứ? Chú này có một hay nhiều chú?

Phật đáp:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hễ mỗi mỗi hoa thì có mỗi mỗi chú, cứ một hoa tụng chú một trăm lẻ tám lần.

Tụng chú cúng dường hoa Phật: Nam-mô Phật thát tả dã sa ha.

Tụng chú cúng hoa Bát-nhã ba-la-mật: Na mạt kha lư lý bát nhã ba la mật ca đa sa.

Chú cúng hoa nơi Phật đản sinh: Na mạt ba đà chế điểm đam diêm sa ha.

Chú cúng hoa nơi cây Bồ-đề: Nam-mô bồ đề bức lực khám lam sa ha.

Chú cúng hoa nơi chuyển pháp luân: Nam-mô đạt ma chước kha la dạ sa ha.

Chú cúng hoa nơi tháp: Na mạt du bả ca sa ha.

Chú cúng hoa Bồ-tát: Nam-mô bồ đề tát đỏa dã sa ha.

Chú cúng hoa chúng Tăng: Na mạt tăng già dã sa ha.

Chú cúng hoa tượng Phật: Na mạt ba la để da sa ha.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Kinh chú như vậy ông nên thọ trì.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cách dùng hoa này: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tin theo mà tu hành thì nên dậy sớm, tắm rửa sạch sẽ, nhớ nghĩ đến công đức của Phật, cung kính hoa này, không nên giẫm đạp hoặc bước qua, cầm nắm phải đúng pháp và cắm nơi bình sạch. Nếu người bị lạnh nóng thì dùng hoa này vò vào nước lạnh rồi xoa lên thân. Nếu đầu, trán bị đau nhức thì cũng dùng nước đó mà xoa. Nếu bị ói mửa, xuất huyết, hoặc đầy bụng, đau nhức thì dùng hoa vò vào nước mà uống. Nếu miệng bị lở đau, dùng hoa vò vào nước ấm rồi uống. Nếu người quá nóng nảy dùng nước lạnh và đường cát rồi vò hoa này hòa chung lại, lấy nước mà uống. Nếu quá nhiều tham lam trong người, vò hoa này vào nước tro rồi xoa ở nơi kín, lại dùng hoa vò trong nước lạnh xoa lên đỉnh đầu thì mối tham trong người lần lần tiêu sạch, luôn được mọi người kính yêu. Nếu trời mưa không ngớt thì dùng hoa này đốt ở nơi vắng vẻ, mưa liền dứt. Nếu trời làm khô hạn, cũng dùng hoa này cắm trong nước ở nơi vắng vẻ trong sạch, lại tụng chú vào nước lạnh rồi rảy lên hoa thì khi ấy trời liền đổ mưa. Nếu trâu, ngựa, voi... bản tánh khó điều phục, dùng hoa này cho chúng ăn thì rất dễ điều phục. Nếu cây trái, hoa quả không tươi tốt thì dùng hoa này vò vào nước phân trâu lạnh, tưới vào gốc, khi tưới rồi không được giẫm qua thì hoa trái đậu rất nhiều. Nếu trong ruộng, cỏ mọc um tùm, lấn cả lúa mạ thì giã hoa cho vụn, rải vào ruộng lúa sẽ phát triển tươi tốt. Nếu ở những nơi cao nguyên, đại lục, không có nước thì mời bốn Tỳ-kheo đến rải hoa lên nơi ấy, trong một ngày tụng chú một trăm lẻ tám biến, cứ như vậy cho đến bảy ngày, đào giếng thì liền được nước. Nếu trong nước nhà nhiều bệnh tật xảy ra, dùng hoa vò vào nước lạnh rồi bôi lên loa, trống... thổi, đánh lên tiếng, làm cho người bệnh nghe, liền hết bệnh. Nếu địch của quốc gia hay oan gia muốn xâm nhập bờ cõi, dùng nước hoa rảy lên biên cương ấy thì giặc liền lui binh. Nếu trên núi cao có đá tảng, có rất nhiều Tỳ-kheo đến chà hoa trên tảng đá đó, chà hoa xong cùng nhau lễ bái, giây lâu trên đá liền sinh châu báu. Nếu người ngu si lấy những hoa cúng dường có đến trăm thứ, ít thì có đến bảy thứ, giã mịn, trước nên trì chú một trăm lẻ tám biến rồi hòa chung lại với sữa bò, xong làm thành viên lớn bằng viên đạn, ngày uống một viên. Khi uống cũng tụng chú một trăm lẻ tám biến thì lần

lần sẽ được thông minh, căn tánh lanh lợi, trong một ngày có thể tụng thuộc một trăm bài kệ. Nếu người nào có thể lấy hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Uất-bà-la… hoặc có thứ mọc dưới nước, có loại mọc trên đất, những hoa đó có đến trăm thứ, hái đem cúng dường, sau vò vào nước, tùy theo việc cần dùng, hoặc xoa, hoặc rải đều có hiệu quả. Nếu được trăm thứ hoa, đem nghiền thành bột, hòa chung với nước làm thành viên, nếu bị thương nặng, nên lấy thuốc đó xoa nhẹ lên vết thương thì liền bớt. Nếu bị ung nhọt hay bị các thứ độc khác, hoặc uống thuốc này, hoặc dùng thuốc này để xoa thì bệnh được trừ. Nếu người luôn khó thở bị đau tức, thân thể càng ngày càng gầy mòn, nên dùng nước của lá đại tiểu mạch vò chung lại với hoa này thoa lên người bệnh thì liền được thắm tươi trở lại. Lại có thể dùng nước hoa Mạt lợi hòa với bột hoa làm thành viên, thoa lên trán tất cả oan gia thấy được đều sinh yêu mến.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bài chú của hoa này:

Nam-mô Phật thát tả dã ca ha (1) Na mạt kha lư lý bát nhã ba la mật đa tụ sa ha (2) Na mạt ba đà chế điểm đam diêm sa ha (3) Nam-mô bồ đề bức lực khám lam sa ha (4) Nam-mô đạt ma chước kha la dạ sa ha (5) Na mạt du bạc da sa ha (6) Nam-mô bồ đề tát đỏa dã sa ha (7) Na mạt tăng già dã sa ha (8) Na mạt ba la để da sa ha (9).

Mỗi mỗi chú tụng một trăm lẻ tám biến, chương cú của chú này, dù ở nơi nào ông cũng nên nói như pháp cúng hoa Phật, hay các hoa khác cũng như vậy.

Đức Phật liền nói kệ:

Bụi dưới chân người thiện
Là tối thắng đệ nhất
Ở trong các thế giới
Núi vàng không thể qua.
Bụi dưới chân Đức Phật
Cắt đứt khổ, buồn, lo
Không như núi vàng kia
Càng làm thêm sợ hãi.
Phật, Bát-nhã, đản sinh
Bồ-đề, xứ pháp luân
Tháp và các Bồ-tát
Chúng Tăng cùng tượng Phật.
Nơi đây có chín loại
Cần sửa lễ cúng dường

Là ở trong thế gian
Nên lễ bái cung kính.
Hay đoạn tất cả ác
Trừ phiền não ba cõi
Công đức tự tăng trưởng
Thọ mạng cũng tăng theo.
Sắc diện luôn tươi thắm
Thân ngay thẳng có sức
Việc làm luôn tốt đẹp
Chư Phật đều khen ngợi.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với các Bồ-tát, Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như cùng với các Thanh văn, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân và tất cả đại chúng nghe Phật giảng dạy đều vui vẻ lãnh nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 469

KINH VĂN-THÙ VẤN TỰ MẪU PHẨM 14

Hán dịch: Đời Đường, Sa-môn Bất Không.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào, tất cả các pháp thể nhập vào hết thảy các tự mẫu và các chữ của Đà-la-ni?

Đức Phật nói:

–Tất cả các pháp thể nhập vào các tự mẫu và các chữ của Đà-la-ni. Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, như:

Khi xướng lên chữ "Á" là âm thanh vô thường.

Khi xướng lên chữ "Ả" là âm thanh xa lìa ngã.

Khi xướng lên chữ "Y" là âm thanh của các căn rộng lớn.

Khi xướng lên chữ "Ý" là âm thanh tai hại của thế gian.

Khi xướng lên chữ "Ổ" là âm thanh của nhiều sự bức bách.

Khi xướng lên chữ "Ô" là âm thanh tổn giảm nhiều chúng sinh ở thế gian.

Khi xướng lên chữ "Lữ" là âm thanh ngay thẳng, dịu dàng, liên tục của chúng sinh.

Khi xướng lên chữ "Lữ" là âm thanh đoạn trừ ô nhiễm, tán loạn.

Khi xướng lên chữ "Lực" là âm thanh sinh khởi pháp tướng.

Khi xướng lên chữ "Lự" là âm thanh nơi tướng nhiễm ô của ba cõi.

Khi xướng lên chữ "Ế" làm âm thanh khởi lên sự mong cầu.

Khi xướng lên chữ "Ái" là âm thanh của oai nghi thù thắng.

Khi xướng lên chữ "Ô" là âm thanh chấp giữ.

Khi xướng lên chữ "Áo" là âm thanh hóa sinh.

Khi xướng lên chữ "Ám" là âm thanh không có ngã sở.

Khi xướng lên chữ "Ác" là âm thanh chìm đắm.

Khi xướng lên chữ "Già" là âm thanh thọ nhận quả báo của nghiệp.

Khi xướng lên chữ "Khư" là âm thanh xuất ra tất cả các pháp bình đẳng như hư không.

Khi xướng lên chữ "Nga" là âm thanh sâu xa của pháp.

Khi xướng lên chữ "Già" là âm thanh diệt hết vô minh, tối tăm dày đặc.

Khi xướng lên chữ "Ngưỡng" là âm thanh của năm cõi thanh tịnh.

Khi xướng lên chữ "Tả" là âm thanh của bốn Thánh đế.

Khi xướng lên chữ "Tha" là âm thanh không tiêu diệt hết tham dục.

Khi xướng lên chữ "Nhạ" là âm thanh vượt trên sự già, chết.

Khi xướng lên chữ "Toản" là âm thanh chế ngự các lời ác.

Khi xướng lên chữ "Nương" là âm thanh hàng phục các ma.

Khi xướng lên chữ "Tra" là âm thanh dứt bặt ngôn ngữ.

Khi xướng lên chữ "Trá" là âm thanh phát ra để đối đáp.

Khi xướng lên chữ "Noa" là âm thanh phát ra để thu phục ma tranh tụng.

Khi xướng lên chữ "Đồ" là âm thanh tiêu diệt hết sự nhơ uế nơi các cảnh giới.

Khi xướng lên chữ "Noa" là âm thanh diệt trừ hết các phiền não.

Khi xướng lên chữ "Đa" là âm thanh của chân như không hề gián đoạn.

Khi xướng lên chữ "Đà" là âm thanh của uy lực tăng trưởng, không sợ hãi.

Khi xướng lên chữ "Na" là âm thanh của sự điều phục nơi luật nghi, tịch tĩnh, an ổn.

Khi xướng lên chữ "Đà" là âm thanh của bảy loại tài sản bậc Thánh.

Khi xướng lên chữ "Nẵng" là âm thanh biết khắp cả danh và sắc.

Khi xướng lên chữ "Bạt" là âm thanh về sự thù thắng của nghĩa lý.

Khi xướng lên chữ "Pha" là âm thanh chứng đắc quả vị.

Khi xướng lên chữ "Ma" là âm thanh giải thoát sự trói buộc.

Khi xướng lên chữ "Bà" là âm thanh thoát khỏi ba cõi.

Khi xướng lên chữ "Mãng" là âm thanh chấm dứt kiêu mạn.

Khi xướng lên chữ "Dã" là âm thanh thông đạt của Phật.

Khi xướng lên chữ "La" là âm thanh về ý nghĩa thù thắng của an lạc và khổ đau.

Khi xướng lên chữ "Kha" là âm thanh đoạn trừ chi phần ái dục.

Khi xướng lên chữ "Vả" là âm thanh của thừa tối thượng.

Khi xướng lên chữ "Xả" là âm thanh phát ra tín, tấn, niệm, định và tuệ.

Khi xướng lên chữ "Sái" là âm thanh chế ngự sáu xứ, chứng đắc sáu trí thần thông.

Khi xướng lên chữ "Sa" là âm thanh hiện chứng Nhất thiết trí.

Khi xướng lên chữ "Hạ" là âm thanh cắt đứt phiền não, xa lìa tham dục.

Khi xướng lên hai chữ "Khất Sái" là âm thanh nêu sự trọn vẹn của tất cả văn tự, bặt dứt mọi ngôn thuyết.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đây là ý nghĩa của các tự mẫu, tất cả các văn tự đều thể nhập vào trong ấy.

-oOo-

SỐ 470

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI TUẦN HÀNH

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, người nước Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm đủ năm trăm vị, đang ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá.

Buổi xế hôm ấy, Đức Thế Tôn khoan thai đi từ phòng ra ngoài, cả đại chúng vây quanh, cung kính cúng dường để mong được nghe thuyết pháp.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tuần tự đi đến khắp chỗ ở của năm trăm vị Tỳ-kheo, cuối cùng đến chỗ của Trưởng lão Xá-lợi-phất, thấy Trưởng lão Xá-lợi-phất ngồi một mình ngay thẳng, nhập thiền suy nghĩ. Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức nhập thiền?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Đúng vậy! Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức vì chưa vắng lặng muốn được sự vắng lặng mà nhập thiền? Vì trước đã vắng lặng, nay còn chỗ nào chưa vắng lặng mà phải nhập thiền? Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức dựa vào thiền nào? Là dựa vào quá khứ, là dựa vào vị lai, là dựa vào hiện tại, là dựa vào trong, ngoài mà nhập thiền? Lại nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Là nương vào thân mà thiền hay nương vào tâm mà thiền?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đối với nghĩa thiền này, tôi có tất cả sự thấy được hạnh pháp lạc, có tất cả tâm không bị tán loạn, như vậy là chánh niệm.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức được pháp đó chăng? Pháp đó là pháp nào? Là thấy hạnh pháp lạc hay không thấy hạnh pháp lạc?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp ấy còn không được thì làm gì có pháp, hoặc thấy hạnh pháp lạc, hoặc không thấy hạnh pháp lạc? Lại nữa, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai nói pháp lìa dục cho các người là hàng Thanh văn, tôi nương vào pháp đó, như vậy là nhập thiền.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Thế nào là pháp lìa dục? Đức Như Lai nói cho các người là hàng Thanh văn? Đại đức Xá-lợi-phất nương vào pháp đó mà thực hành?

Trưởng lão Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Các Tỳ-kheo cũng như thế. Nương vào quá khứ mà thực hành, nương vào vị lai mà thực hành, nương vào hiện tại mà thực hành, cho đến nương vào tâm mà thực hành. Những pháp như vậy cần nên biết. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai vì các người là hàng Thanh văn mà nói pháp lìa dục này, tôi tùy theo đó mà thực hành.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu nói: Nương vào quá khứ mà thực hành, nương vào vị lai mà thực hành, nương vào hiện tại mà thực hành, cho đến nương vào tâm, lìa dục mà thực hành như vậy. Này Đại đức Xá-lợi-phất! Như các pháp đó, Như Lai quá khứ không, Như Lai vị lai không, Như Lai hiện tại cũng không, thì như vậy pháp này là không?

Đại đức Xá-lợi-phất! Hôm nay vì sao lại nói: Nương vào quá khứ mà thực hành, nương vào vị lai mà thực hành, nương vào hiện tại mà thực hành? Có phải do không có pháp nên cũng không có chỗ nương?

Lại nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Như Lai quá khứ, Như Lai vị lai, Như Lai hiện tại, không có người khiến trụ, không có chỗ để có thể trụ. Nếu không trụ thì chỗ nương cũng không thể được.

Lại nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu có người nói: Như Lai ở hiện tại, vị lai hay quá khứ có nương, không nương, người nói như vậy tức là chê bai Như Lai. Vì sao? Vì chân như là không nhớ nghĩ, cũng không có đối tượng để nhớ nghĩ. Chân như là không thoái chuyển, chân như là không tướng.

Lại nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Chân như quá khứ là không thể thủ đắc, chân như vị lai là không thể thủ đắc, chân như hiện tại là không

thể thủ đắc, cho đến chân như của tâm cũng không thể thủ đắc. Những điều như vậy cần nên biết.

Lại nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Lại không có pháp nào ở ngoài chân như mà có thể hiển bày nói nêu.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai trụ nơi chân như rồi sau đấy thuyết giảng pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Chân như chẳng có, thì làm sao Như Lai trụ vào chân như rồi mới giảng nói pháp? Đại đức Xá-lợi-phất! Pháp đó cũng không thì làm thế nào Như Lai trụ vào chân như rồi mới giảng nói pháp? Như Lai cũng không, vậy chỗ nào để Như Lai trụ nơi chân như rồi mới giảng nói pháp? Tất cả các pháp đều không thể thủ đắc. Chư Phật Như Lai cũng không thể thủ đắc. Lại pháp ấy có thể thủ đắc, pháp không thể thủ đắc, cả hai như vậy là không thể thủ đắc. Như Lai chẳng phải nói, cũng chẳng phải là không nói. Tại sao? Này Đại đức Xá-lợi-phất! Vì Như Lai là không nói, là không thể nói năng, đấy mới là Như Lai.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Có người nào thọ pháp như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu có người không bám lấy pháp giới hữu vi, không mong cầu Niết-bàn, thì người ấy mới có thể thọ trì được pháp này. Nếu có người không thủ đắc pháp quá khứ, không biết gì về pháp ấy, không thủ đắc pháp vị lai, hiện tại, cũng không biết về pháp ấy, người như vậy mới có thể thọ pháp này. Hoặc không thấy nhiễm, hoặc không thấy tịnh, hoặc không tâm chấp giữ, người như vậy mới thọ pháp này. Hoặc chẳng phải là hành của ngã, chẳng phải là hành không ngã, chẳng phải là hành lấy bỏ, người như vậy mới có thể thọ pháp này. Người như vậy mới có thể nhận biết nghĩa của những lời giảng nói này.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Làm thế nào để nhận biết?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Đây là không thể nói, cũng không có chỗ hỏi là làm thế nào để nhận biết?

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nói pháp quá sâu, người tin pháp này

thì quá ít. Văn-thù-sư-lợi! Đây không phải là cảnh giới của A-la-hán, của người Hữu học, Vô học, huống chi là tất cả phàm phu còn ngu tối.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng thế, đúng thế! Này Đại đức Xá-lợi-phất! Đúng không phải là cảnh giới của A-la-hán. Tại sao? Vì A-la-hán là không có các cảnh giới. A-la-hán là không trụ, không xứ, mới gọi là A-la-hán. Không thể thủ đắc mới gọi là A-la-hán. Do không nói, nêu mới gọi là A-la-hán. Tại sao? Vì vô vi, vô trụ mới gọi là A-la-hán. A-la-hán ấy ở cảnh giới nào? A-la-hán thì chẳng phải là danh, chẳng phải là sắc, còn phàm phu ngu tối thì phân biệt danh sắc. A-la-hán đối với danh sắc đó không phân biệt, nhận biết, mới gọi là A-la-hán. A-la-hán không phải là danh để phân biệt, không phải là sắc để phân biệt. Phàm phu ngu tối cũng không thể thủ đắc. Pháp của phàm phu cũng không thể thủ đắc. A-la-hán cũng không thể thủ đắc. Pháp của A-la hán cũng không thể thủ đắc. Nếu không thể thủ đắc thì không có phân biệt. Nếu không phân biệt thì không có đối tượng hành. Nếu không đối tượng hành thì không hý luận. Nếu không hý luận thì là vắng lặng. Như vậy là không hành cũng không hý luận. Người vắng lặng thì không giữ lấy có, cũng không giữ lấy không, chẳng phải là có, chẳng phải là không, như vậy là không nắm giữ. Nếu người không nắm giữ thì không có chỗ thủ đắc, người như vậy mới lìa tất cả thủ đắc, không tâm, lìa tâm mới trụ vào pháp Thanh văn. Nên biết như vậy.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói pháp này rồi, có năm trăm Tỳ-kheo liền đứng dậy rời khỏi tòa, bỏ đi, còn nói:

–Chúng tôi không muốn thấy thân của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, cũng không muốn nghe đến danh hiệu của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi. Bất cứ nơi nào nếu có Văn-thù-sư-lợi ở đó thì chúng tôi cũng tránh xa. Vì sao? Vì Đồng tử Văn-thù-sư-lợi khác với phạm hạnh của chúng tôi, do vậy nên phải tránh xa.

Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát nói pháp này, lẽ nào ý của Bồ-tát không muốn cho các chúng sinh biết nghĩa đó?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Đại đức Xá-lợi-phất.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Như vậy thì tại sao lại để cho năm trăm Tỳ-kheo ấy rời khỏi tòa? Lại còn chê bai, hý luận, phỉ báng bỏ đi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Các Tỳ-kheo đó đã nói như vầy: "Ta không muốn thấy thân của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, cũng không muốn nghe đến danh hiệu của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi. Ở nơi nào hễ có Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thì cũng nên tránh xa." Nói như vậy là lành thay, lành thay! Này Đại đức Xá-lợi-phất! Các Tỳ-kheo ấy thật khéo nói lời như thế. Vì sao? Vì không có Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nên không thể thủ đắc. Như vậy, những lý lẽ đó là không thể thủ đắc, không thể thấy, cũng không thể nghe. Dù ở nơi nào nếu có Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thì cũng nên tránh xa. Người nói như thế thì nơi chốn Văn-thù-sư-lợi đến cũng không. Nếu nơi đó đã không thì không thể gần gũi, cũng không thể tránh xa.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói pháp này rồi, năm trăm Tỳ-kheo nghe vậy liền quay trở lại, cùng hướng đến Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và nói:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói pháp như vậy, chúng tôi không thể hiểu.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo các ông là hàng Thanh văn, là đệ tử của Như Lai nên học như vậy. Này các thầy Tỳ-kheo! Pháp như vậy không phải do thức mà biết được, không phải do trí mà biết được. Vì sao? Vì pháp giới vốn là như vậy. Pháp giới như vậy là không nhớ nghĩ, không thoái chuyển. Như vậy, pháp ấy là không nhớ nghĩ, không thoái chuyển, không phải do thức biết được, không phải do trí biết được. Nếu không phải do thức biết được, không phải do trí biết được thì không phải là chỗ để nhớ nghĩ. Tỳ-kheo các ông là Thanh văn, đệ tử của Như Lai, nên học như vậy. Phật nói: "Người học như vậy thì được pháp tối thắng, là ruộng phước cho thế gian, nên nhận sự cúng dường."

Khi giảng nói pháp này, trong số năm trăm Tỳ-kheo kia, có đến bốn trăm Tỳ-kheo không còn nhận lấy các pháp, dứt sạch các ràng buộc của phiền não, tâm được giải thoát, một trăm Tỳ-kheo còn lại khởi lên tâm ác, tự thân sẽ bị đọa vào địa ngục lớn.

Lúc này, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát nói pháp không cứu hộ được chúng sinh, mà còn làm mất một trăm Tỳ-kheo như vậy.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Chớ nói như thế. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Một trăm Tỳ-kheo ấy đọa vào địa ngục lớn Khiếu Hoán, chịu một đời, rồi sinh lên chỗ đồng nghiệp ở cõi trời Đâu-suất-đà, được vậy là nhờ

đã nghe pháp ấy. Này Xá-lợi-phất! Các Tỳ-kheo ấy nếu không được nghe pháp môn như vậy thì nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục, mãn một kiếp mới sinh vào loài người. Nhờ nghe pháp môn này mà một kiếp ở địa ngục chỉ thọ có ít nghiệp. Này Xá-lợi-phất! Một trăm Tỳ-kheo ấy, sẽ ở trong hội ban đầu của Như Lai Di-lặc làm Thanh văn, chứng A-la-hán, diệt sạch các lậu. Như vậy, này Xá-lợi-phất! Nghe pháp môn này được phước hơn hẳn, chẳng phải tu bốn Thiền, không phải là bốn Vô lượng, không phải là bốn Tam-ma-bạt-đề vô sắc. Vì sao? Nếu người không được nghe pháp môn này thì không thể thoát khỏi sinh tử. Ý ta nói là người ấy không thể thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, buồn, khổ, lo sầu, áo não.

Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Thật là hiếm có! Chỉ Đồng tử Văn-thù-sư-lợi mới có thể khéo giảng nói pháp môn này và thành tựu chúng sinh như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Chân như không giảm, chân như không tăng, pháp giới không giảm, pháp giới không tăng, giới các chúng sinh không giảm, không tăng. Vì sao? Vì trước chỉ nói: Không người có thể nương, không chỗ có thể nương, chứ chẳng phải là nương, hay không nương. Này Đại đức Xá-lợi-phất! Không nương như vậy mới là Bồ-đề. Bồ-đề như vậy tức là giải thoát. Nếu người nương vào pháp tức là còn phân biệt. Nếu biết chẳng phải làm, cũng chẳng phải chẳng làm, thì đó là Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này Xá-lợi-phất! Đúng như những lời Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói. Pháp giới không giảm, pháp giới không tăng, giới các chúng sinh không giảm, không tăng, không nhiễm, không tịnh.

Đức Thế Tôn vì muốn làm rõ nghĩa này nên lập lại bằng kệ:

Nói các pháp quá khứ
Hiện tại và vị lai
Nói chẳng phải nghĩa này
Chẳng phải tướng, không tướng.
Hoặc tướng, hoặc không tướng
Đều không chỗ phân biệt
Tùy phân biệt nên được
Phân biệt nên không tướng.
Nếu phân biệt hữu vi
Thì phân biệt Niết-bàn

Cả hai đều nghiệp ma
Tuệ sáng biết như vậy.
Ấm, nhập, giới, chỉ danh
Không tướng không sinh, diệt
Nếu quán sát phân biệt
Ấy là không quan sát.
Tuệ sáng không phân biệt
Hành cảnh giới như không
Nếu phân biệt tức giữ
Không phân biệt không giữ.
Giữ phân biệt, bị trói
Không phân biệt, giải thoát
Nếu biết pháp như vậy
Người ấy gọi là trí.
Người tường tận như vậy
Là trí không phân biệt
Có trí nên trí nói
Cả hai đều là không.
Nếu người biết như vậy
Gọi người đó là trí
Báu đầy ba ngàn cõi
Đem bố thí được phước.
Nếu người nghe pháp này
Phước đó còn nhiều hơn
Bố thí, trì giới, nhẫn
Thần thông không chướng ngại.
Nhiều kiếp thường tu hành
Không bằng nghe kinh này
Nếu biết pháp môn ấy
Bậc Chánh Biến Tri nói.
Người nghe kinh này rồi
Tất cả đều Như Lai.

Khi Như Lai giảng nói pháp môn này xong, có mười ngàn chúng sinh liền xa lìa trần cấu, ở trong các pháp được mắt pháp trong sạch. Có năm trăm Tỳ-kheo phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, Đức Thế Tôn thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo này, Đức Thế Tôn nói:

–Tỳ-kheo các ông đến kiếp Tinh dụ đều thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng cùng một hiệu: "Như Lai Pháp Hoa Chánh Biến Tri."

Đức Thế Tôn giảng nói rồi, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, Trưởng lão Xá-lợi-phất, các chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... đều vui vẻ thọ nhận, phụng hành.

-oOo-

SỐ 471

KINH VĂN-THÙ-THI-LỢI HÀNH

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Đậu-na-quật-đa, người nước Thiên Trúc.

Con là Đậu-na-quật-đa, quy mạng Đức Như Lai Đại Trí Hải Tỳ-lô-giá-na.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo hội đủ. Các vị ấy đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, đạt ba Minh, sáu Thông, có đủ tám môn Giải thoát, tuệ và tâm không còn chướng ngại, tất cả đều trong sạch. Năm trăm vị Tỳ-kheo này, mỗi người đều ở phòng riêng của mình, ngồi kiết già, thân tâm vắng lặng, nhập Tam-muội chánh thọ.

Bấy giờ, Đồng chân Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi, vì muốn phát khởi pháp hạnh của mình và cũng muốn cho mọi người thấy, nghe, biết, đạt được lợi ích, nên đã dậy thật sớm tuần tự dạo khắp các phòng, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất một mình ở trong phòng ngồi kiết già nhập Tam-muội hàng phục tự thân. Đồng chân Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi thấy như vậy nhưng không gọi. Lại đến các phòng khác xem xét, như thế lần lượt cho tới khi mặt trời mọc. Ngay lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất... cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đều đã xuất định. Các vị Tỳ-kheo đó và các Tỳ-kheo ở phương khác đến cùng đại chúng thảy đều tập hợp.

Lúc này, Đức Thế Tôn từ tòa đứng dậy, thân tướng đoan nghiêm, ung dung yên lặng bước đi như Sư tử vương, ra khỏi phòng trải tòa ngồi. Tất cả đại chúng vây quanh hai bên, thể hiện sự cung kính đối với Đức Thế Tôn, không ai dám đến trước mặt. Ở giữa đại chúng Đức Thế Tôn là bậc đứng đầu, vô thượng, với sắc diện rạng rỡ như núi vàng, với tâm đại Bi bủa khắp như mây lành ban cho những cơn mưa pháp.

Bấy giờ, Đồng chân Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi, ở trong chúng hội hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vừa rồi tôi xem khắp các phòng, thấy Tôn giả ngồi kiết già một mình điều phục tự thân, lúc đó Tôn giả đang ngồi thiền hay không ngồi thiền?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Lúc ấy thật sự là tôi đang ngồi thiền.

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi lại hỏi:

–Ý Tôn giả thế nào? Vì muốn trừ bỏ phiền não chưa đoạn nên ngồi thiền chăng? Hay vì phiền não đã đoạn rồi, lại cầu đoạn trừ nữa cho nên ngồi thiền? Vì nương vào các pháp trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai nên ngồi thiền? Hay nương vào các pháp của năm ấm như sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên ngồi thiền? Hay vì nương nơi các căn thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mà ngồi thiền? Hoặc vì nương vào các pháp nơi sáu trần như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cho nên ngồi thiền? Hoặc nương vào pháp nơi ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc nên ngồi thiền? Hoặc nương vào các pháp sai khác ở bên trong, bên ngoài, hay cả trong ngoài mà ngồi thiền? Hoặc vì nương vào các pháp nơi thân, nơi tâm, hoặc danh sắc của thân tâm cho nên ngồi thiền? Như thế các pháp mà tôi hỏi, xin Tôn giả mau đáp, nương vào pháp nào mà ngồi thiền?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Nhân giả! Tôi nay hiện thấy các pháp lạc hạnh nhớ mãi không quên, vì thế mà ngồi thiền.

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi lại hỏi:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thật có các pháp có thể hiện thấy lạc hạnh, nhớ nghĩ không quên chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Nhân giả Văn-thù! Các pháp lạc hạnh như thế tôi thật không thấy, nhưng Đức Thế Tôn đã vì hàng Thanh văn và tất cả đại chúng nói pháp thiền định vắng lặng. Tôi nương theo các pháp như thế mà hành trì.

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi lại hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Như Lai đã vì hàng Thanh văn giảng nói các pháp gì gọi là thiền định vắng lặng, để Tôn giả nương theo đó mà tu hành?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Thưa Nhân giả Văn-thù! Có Tỳ-kheo ở đời quá khứ, hiện tại, vị lai, nương theo các pháp đó mà tu hành. Nói lược, cho đến nương vào các pháp nơi tâm, ý... mà thực hành, giống như các pháp hạnh kia. Đó chính là các pháp thiền định vắng lặng, Đức Thế Tôn đã vì hàng Thanh văn và đại chúng

mà chỉ bày. Tôi y theo đó tu hành.

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi lại hỏi:

–Tôn giả nói Như Lai đã vì Thanh văn và đại chúng giảng nói pháp ba đời, cho đến tâm ý... Tôn giả nương theo đó mà tu hành là không đúng. Vì sao? Vì đời quá khứ hiện không có Như Lai, đời vị lai hiện không có Như Lai và đời hiện tại hiện cũng không có Như Lai. Nếu như thế, đối với tất cả pháp cầu mong ở thân Như Lai đều không thể được. Tôn giả nay vì sao lại nói: Tôi nương theo các pháp đời quá khứ, hiện tại, vị lai mà tu hành?

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cùng tột nơi đời quá khứ, hiện tại, vị lai, kia không phải là đây, đây không phải là kia, mỗi mỗi đều sai khác, không có tướng để tạo ra, không có xứ sở, cũng không có chỗ nương trụ, là không có chỗ trú, tức không có nơi chốn nương tựa để có thể thủ đắc.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có người nói: Đời quá khứ, hiện tại, vị lai, ở trong thực tế nói là có chỗ nương, hoặc không có chỗ nương, phải biết những người kia đã hủy báng Như Lai, là mắc trọng tội. Vì sao? Vì trong chân thật tế kia, không có nhớ nghĩ, cũng không có rơi rớt, không có hình sắc cũng không có tướng trạng để có thể thủ đắc. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong chân thật tế, các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, thật không thể thủ đắc, lược nói cho đến các pháp như tâm, ý cũng không thể thủ đắc. Lìa ngoài thật tế thì không có một pháp nào có thể thủ đắc, nên gọi là không, vì không nên không pháp, không thể hiển bày, nêu giảng.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi:

–Như Lai há không trụ ở trong thật tế mà thuyết pháp sao?

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi đáp:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong chân thật tế, có chỗ nào là xứ sở để nói Như Lai trụ trong thật tế mà thuyết pháp? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Pháp vốn tự là không, vì sao nói Như Lai trụ trong thật tế rồi thuyết pháp? Chẳng những không có pháp mà Như Lai cũng không. Đã không thì vì sao nói Như Lai trụ trong thật tế để thuyết pháp? Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không thủ đắc. Như Lai cũng vậy, thật không thể thủ đắc, thể của pháp được giảng nói cũng lại như vậy. Hợp thời không thể thủ đắc, không hợp thời cũng không thể thủ đắc. Cả hợp và không hợp thời cũng đều không thể thủ đắc. Như Lai lại không thể hiển hiện trong các thời để thuyết giảng hay không thuyết giảng. Vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì đối với Như Lai, tất cả đường ngôn ngữ đều dứt bặt, đều là vô vi, vô tác, không có chỗ để nêu, đặt.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi! Như lời Nhân giả nói: Ở đây ai có thể là bậc Pháp khí?

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi đáp:

–Nếu người có thể phá bỏ được chân lý của thế gian, cũng lại không cần nhập Niết-bàn, ở đây người ấy đáng là bậc Pháp khí. Nếu có thể đối với các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai mà không chứng, không thuyết, người ấy ở đây đáng là bậc Pháp khí. Không thấy có phiền não có thanh tịnh, không thấy có hữu vi, vô vi, ở đây, người ấy là bậc Pháp khí. Nếu không có ngã, cũng không không ngã, đối với việc làm không giữ, không bỏ, người ấy là bậc Pháp khí. Những người như thế, dù có lắng nghe, lãnh thọ, đối với pháp được giảng nói cũng không giữ lấy, quyết định cho là liễu nghĩa.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi:

–Nếu nói như thế thì đối với nghĩa đó làm sao tu hành, làm sao giáo hóa, an trụ?

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi nói:

–Trong nghĩa đó mà còn có nói năng hoặc hỏi về chỗ giáo hóa an trụ sao? Vì trong nghĩa ấy đã không còn ngôn thuyết và cắt đứt mọi nẻo hành của tâm, tại sao còn hỏi về giáo hóa an trụ?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi:

–Thưa Nhân giả! Nghĩa này rất sâu xa, ít người chứng biết, ít người thọ trì. Vì sao? Vì tất cả những vị Hữu học và A-la-hán ở quả vị đó còn bị mê mờ, huống gì là hàng phàm phu đối với nghĩa lý thâm diệu mà có thể hiểu rõ.

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi nói:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các vị A-la-hán ở trong nghĩa đó không có sự phân biệt các địa. Do A-la-hán không phân biệt các địa để có thể trụ. Vì không trụ nên mới gọi là A-la-hán, vì không thủ đắc nên mới gọi là A-la-hán, vì dứt đường ngôn ngữ nên mới gọi A-la-hán. Do dứt đường ngôn ngữ mà A-la-hán có được sự phân biệt các địa để tu hành, nhưng không có nơi chứng. Do không có nơi chứng nên A-la-hán có được sự phân biệt các địa để tu hành, lấy pháp vô vi mà đặt tên. Vì không hiển bày nên gọi là vô vi, vì không có người tạo ra cũng không có nơi để trụ. Vì sao gọi A-la-hán là quả vị có thể đạt được? Các vị A-la-hán không do danh nên gọi là A-la-hán, không do sắc nên gọi là A-la-hán, chỉ có phàm phu ở trong danh sắc,

vọng khởi lên sự phân biệt. Danh sắc thật sự không có phân biệt như vậy. Các bậc A-la-hán đều biết như thế nên không sinh phân biệt. Do đấy các vị A-la-hán không do danh, không do sắc, nên gọi là A-la-hán. Không có phàm phu, cũng không có pháp của phàm phu. Không có A-la-hán, cũng không có pháp của A-la-hán có thể chứng đắc. Thế nên A-la-hán không tạo ra sự phân biệt. Do không tạo các hành, không có hành xứ, không có người tạo ra, nên mới là thiền định vắng lặng. Không tạo ra là có, không tạo ra là không, không tạo ra là chẳng có chẳng không. Nếu vô tác, vô vi, thì trong đó không thể có thủ đắc. Đều xa lìa tất cả tâm có, không và không hành nào có thể thủ đắc. Nói vậy là quyết định chính trụ trong quả Sa-môn.

Bấy giờ, khi Đồng chân Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi giảng nói như vậy, ở trong đại chúng có năm trăm vị Tỳ-kheo, từ tòa ngồi đứng dậy, đến trước Đức Thế Tôn nói lớn:

–Từ nay trở đi, không cần thấy thân tướng Bồ-tát Văn-thù, lại cũng không cần nghe danh hiệu của Bồ-tát Văn-thù, như thế mới mau lìa bỏ, không cần hướng đến tất cả trụ xứ của Bồ-tát Văn-thù. Vì sao? Vì Bồ-tát Văn-thù đã nói phiền não và giải thoát đều cùng một tướng. Năm trăm Tỳ-kheo nói những lời đó rồi đều ra khỏi chúng hội khởi lên ý nghĩ: Tại sao chúng ta ở trong pháp hội của Đức Thế Tôn, vui mừng ưa tu học phạm hạnh, ngày nay bỗng nghe những pháp tệ ác như thế? Thế rồi, năm trăm A-la hán ấy bỏ đi.

Tôn giả Xá-lợi-phất thấy sự việc đó, liền bảo Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi:

–Này Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi! Bồ-tát giảng nói pháp mà không muốn cho chúng sinh quyết định để hiểu rõ về pháp ấy như thế nào sao?

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi đáp:

–Đúng thế, đúng thế!

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi! Nếu nói như thế, thì vì sao năm trăm Tỳ-kheo ấy, từ tòa ngồi đứng dậy bỏ đi, chê bai lời Nhân giả đã nói, còn ở trước Đức Phật nói lớn: Không cần thấy thân tướng, cũng không cần nghe danh hiệu của Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi…

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Lành thay! Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả đã khéo nêu bày. Các Tỳ-kheo kia đã nói rất đúng. Vì sao? Vì thật không có Văn-thù để có thể thủ đắc. Nếu thật sự không có Văn-thù để có thể nắm giữ, thì những vị kia không thể thấy, không thể nghe và như thế, những nơi chốn kia cũng phải lìa bỏ. Vì sao? Vì tất cả chỗ ở của Bồ-tát Văn-thù và thân của

Bồ-tát Văn-thù đều không thật có, cái không thật có đó không thể gần gũi, nên cũng phải xa lìa.

Khi Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi nói lời này, thì năm trăm vị Tỳ-kheo kia đã trở lại, nhập vào chúng hội và cùng thưa với Bồ-tát Văn-thù:

–Như lời Nhân giả đã giảng nói, không phải là vì chúng tôi, nên chúng tôi làm sao hiểu được.

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi khen ngợi các Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Đúng vậy! Đức Như Lai Thế Tôn dạy hàng Thanh văn ở trong pháp ấy nên làm như thế, không cần nhận biết. Các Tỳ-kheo ở trong pháp ấy cũng làm như thế mà không cần nhận biết, cũng chẳng phải là không cần nhận biết. Vì sao? Vì pháp như vậy tức là thường trụ cũng gọi là pháp giới. Nếu pháp giới thường trụ thì không có nhớ nghĩ. Không có nhớ nghĩ tức tất cả là không chứng, cũng không phải là không chứng. Không không chứng cũng chẳng phải là không chứng, không nhớ, không nghĩ. Hiểu được như thế, mới gọi là đệ tử Thanh văn chân thật của Như Lai, gọi là cao tột, đáng được mọi người cúng dường.

Khi Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi giảng nói như vậy, thì trong năm trăm vị Tỳ-kheo đó, có bốn trăm vị ở trong pháp vô lậu tâm được giải thoát. Còn một trăm vị Tỳ-kheo kia, lại khởi thêm tâm chê bai hủy báng, ngay thân của đời này bị đọa vào đại địa ngục.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói với Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi! Nhân giả cớ sao không thuận theo chúng sinh mà thuyết pháp, khiến một trăm vị Tỳ-kheo bị thoái chuyển đọa lạc?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chớ nên nói như vậy. Vì sao? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Một trăm vị Tỳ-kheo đó, nếu không được nghe chỗ căn bản của pháp sâu xa này, nên biết là họ nhất định bị đọa vào đại địa ngục, thọ khổ một kiếp, ra khỏi địa ngục, sau đó được làm thân người ở cõi người. Nhưng do các Tỳ-kheo ấy vốn đã nghe được pháp sâu xa kia, nên mọi tội nặng của nghiệp ác hiện có đáng bị đọa vào đại địa ngục thọ khổ một kiếp, ngày nay bị đọa vào địa ngục Khiếu hoán, chỉ chịu khổ một lần liền được sinh lên cõi trời Đâu-suất, hưởng mọi an vui.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả nên biết các Tỳ-kheo đó do đã được nghe pháp này rồi, sẽ mau trừ được tội nặng, chỉ còn chịu ít tội nhẹ.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả phải biết, một trăm vị Tỳ-kheo đó,

vào thời Đức Phật Di-lặc hạ sinh thành đạo, trong hội thuyết pháp ban đầu, họ đều có mặt trong chúng Thanh văn, chứng được quả A-la-hán, dứt các hữu lậu, không còn phiền não, đạt ba Minh, sáu Thông, đủ tám môn Giải thoát, những ràng buộc của thân tâm đều trừ sạch. Thế nên, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đối với pháp căn bản của Tu-đa-la, thà có tâm nghi nghe nhận, không cần thành tựu tâm bốn Thiền định và tâm bốn Vô lượng, lại cũng không cần thành tựu tâm bốn Định vô sắc. Vì sao? Vì thành tựu các pháp như thế, nhưng nếu không nghe được pháp căn bản sâu xa này, thì vẫn ở trong phiền não, không được giải thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não. Ta thương xót những người đó nên nói rõ về pháp căn bản này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi:

–Thật là hiếm có! Chính Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi mới có thể khéo giảng nói pháp căn bản như thế, vì nhằm giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi đáp:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Chân thật tế là không tăng, không giảm. Pháp giới không tăng không giảm. Chúng sinh giới cũng không tăng không giảm. Vì sao? Vì các pháp như thế đều dùng lời mà nói, nên không thể thủ đắc. Kia không phải đây, đây không phải kia, tức tự không tự có thì nương vào chỗ nào? Thế nên, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-đề tức là giải thoát. Vì sao? Vì pháp trí hiện có chứ không có gì khác. Chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác nếu hiểu như thế, gọi là nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đúng thế! Đúng thế! Như Bồ-tát Văn-thù-thi-lợi đã nói. Trong chân thật tế là không tăng, không giảm. Pháp giới, chúng sinh giới cũng không tăng không giảm, nên không thọ nhận phiền não cũng không thọ nhận giải thoát.

Đức Thế Tôn nói lời đó rồi, muốn làm rõ nghĩa chân thật ấy, nên dùng kệ:

Pháp quá, hiện, vị lai
Là lời không chân thật
Pháp kia nơi xứ thật
Một tướng không sai khác.
Nếu không tướng phân biệt
Đó tức có chân tướng
Không tướng, không phân biệt
Phân biệt cũng không tướng.
Nếu không khởi phân biệt

Không hiểu rõ Niết-bàn
Cả hai đều ma sự
Người trí cần phải biết.
Trong các ấm giới nhập
Ta tuy nói danh tự
Không khởi chấp danh tự
Cả hai thành một tướng.
Khởi tâm chánh phân biệt
Liền trở thành tà niệm
Diệu trí không phân biệt
Dùng quán hạnh có không.
Phân biệt có suy lường
Không phân biệt không nghĩ
Biệt rõ tức là tướng
Không rõ được Niết-bàn.
Nếu hiểu được như thế
Gọi là bậc Đại trí
Thế nên người đại trí
Được trí không phân biệt.
Trí thuyết nêu về trí
Trí nêu hoàn tự không
Trong đó người nhẫn nhịn
Thì gọi là đại trí.
Giả sử đầy ba cõi
Đem bảy báu bố thí
Người tin hiểu pháp này
Phước kia là hơn hết.
Giả sử trong ức kiếp
Thí, giới, nhẫn, tinh tấn
Biện thông, thành tựu phước
Không bằng trì kinh này.
Bậc chí chân đã nói
Ai thọ trì kinh này
Là kinh sức công đức
Tất cả được thành Phật.

Khi Thế Tôn nói kệ về pháp căn bản của Tu-đa-la rồi, có một vạn đủ các loài chúng sinh xa lìa trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Năm trăm Tỳ-kheo ở trong pháp vô lậu, tâm đều được giải thoát. Tám vạn Thiên tử

nơi cõi Dục chưa phát tâm, nay đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thọ ký cho họ, đều ở trong kiếp Tinh tú, chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng một danh hiệu là Như Lai Khai Hoa Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Phật giảng nói kinh này xong, Đồng tử Văn-thù-thi-lợi, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng năm trăm Tỳ-kheo, tám bộ Trời, Rồng cùng các Quỷ, Thần... nghe Phật giảng nói đều vui vẻ phụng hành.

-oOo-

SỐ 472

KINH ĐẠI THỪA THIỆN KIẾN BIẾN HÓA VĂN-THÙ-SƯ-LỢI VẤN PHÁP

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thiên Tức Tai.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Thứu phong, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo và Đại Bồ-tát như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng vây quanh.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

–Này Phật tử! Nay ta sẽ vì các chúng sinh –là những người đối với bốn Thánh đế, tâm sinh điên đảo, thường phải ở mãi trong luân hồi, không thể lìa khỏi– mà thuyết giảng pháp bốn Thánh đế chân thật này.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác! Vì nhân duyên gì, các chúng sinh không thể xa lìa khỏi vòng luân hồi hư vọng như vậy, trong ấy chẳng hiểu chẳng biết gì cả?

Phật nói:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ta thấy chúng sinh chịu nhận lấy vòng luân hồi hư vọng như vậy. Vì sao? Này thiện nam! Đó đều vì từ vô thủy đến nay, vọng sinh phân biệt chấp trước nơi cái ta - kia.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì nhân duyên như vậy nên phải chịu nghiệp báo ngu si, chịu sự luân hồi hư dối này. Vì sao? Vì các chúng sinh ngu tối này, chẳng nghe, chẳng biết về pháp vắng lặng cao tột hơn hết thảy, chẳng tự mình suy nghĩ để hiểu rõ nơi ba nghiệp, lại buông lung thân, khẩu, ý, tạo các phiền não như tham, sân, si theo ngã.

Nay ta là Tỳ-kheo ở trong giáo pháp của Đức Như Lai, được xuất gia thọ giới thanh tịnh, tu tập giữ gìn phạm hạnh, xa lìa nẻo luân hồi, được đạo Niết-bàn, thoát vòng khổ não. Lại tự suy nghĩ: “Tánh của phiền não này

tức là pháp thiện, tức là pháp hữu lậu, tức là pháp vô lậu, tức là pháp luân hồi, tức là thế gian, tức là xuất thế gian, tức là trí, tức là pháp dứt bỏ, tức là pháp quyết định, tức là trí quán pháp viên mãn, tức là quán pháp Khổ, Tập, Diệt, quyết định về Đạo, cho đến quyết định về pháp giới."

Lại suy nghĩ: "Tất cả hành là hư giả, tất cả hành là khổ não, tất cả hành là vô tướng. Ta, nếu đạt được như vậy, tức là có thể xa lìa tất cả hư giả và được tùy ý thọ sinh."

Nếu quán ngã, thấy chẳng lìa Đạo đế, tức là đạt được pháp kia và làm việc gì đều được tùy ý. Lại đối với pháp kia, ghi nhớ không lầm, ở nơi tất cả pháp, tâm không sai khác, có thể nhận biết như vậy, tức là được xa lìa bất tín, si, lầm, hủy báng, khen ngợi, được giải thoát tất cả cái khổ về ngã này và ngay khi ấy, ngã không còn một mảy may nào khó thực hành.

Nếu A-la-hán nào có thể nhận biết về ngã này, thì vị ấy, khi mạng chung, tự thấy chỗ thọ sinh, xả bỏ được tâm cũ, được Bồ-đề của Phật, tùy theo sự ưa thích mà tự tại đi đến, tức là được đến cảnh giới vô vi. Vị ấy đạt được khổ trí, pháp trí này.

Nếu biết rõ ngã tập hợp tất cả pháp, tức sinh tâm bất tín, nghi ngờ, chê bai, cùng các thứ sợ hãi. Nếu chẳng tin pháp này, dứt hết tập này, vị đó khởi lên suy nghĩ như vầy: "Diệt đế quyết định". Vị đó lại suy nghĩ: "Pháp này nên thực hành như vậy, thì đạt được Diệt đế." Pháp ấy nếu tạo quyết định diệt, quyết định như thế thì tâm ý vị đó sinh nghi hoặc và sau khi chết bị đọa trong địa ngục lớn.

Thế nào là tư duy như thật sinh tất cả pháp?

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là tâm thấy bốn Thánh đế?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu người nào thấy được tất cả pháp chẳng sinh tức là Khổ đế. Nếu thấy tất cả pháp sinh ra bị tiêu trừ tức là Tập đế. Nếu thấy tướng của tất cả pháp là vắng lặng, Niết-bàn cao tột tức là Diệt đế. Nếu thấy tánh của hết thảy các pháp đều rốt ráo, tức là Đạo đế.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu vị kia thấy bốn Thánh đế này là chẳng phải thật, chẳng phải hư; là pháp thiện, là pháp bất thiện; là hữu lậu, là vô lậu; là thế gian, là xuất thế gian; là trí hữu vi, là trí vô vi; là pháp không biến đổi, là pháp trí quán khổ tập thấy rõ, tức quyết định về diệt đế, cho đến quyết định về pháp giới, Đạo đế chẳng thể thay đổi. Vậy do đâu tất cả chúng sinh ngu mê lại tham đắm dục lạc? Ở trong pháp thật tướng ấy lại sinh lầm lạc? Các chúng sinh kia, đối với pháp vắng lặng không biết tư duy

đúng, cho đến tự tánh của hết thảy pháp vắng lặng đều không được hiện tiền, không biết pháp này là chẳng phải thủ, chẳng phải xả, chẳng phải lìa thủ xả. Ngay nơi cảnh giới tham cũng hiện bày Niết-bàn. Cảnh giới sân, cảnh giới si, cho đến cảnh giới luân hồi cũng đều có thể hiện bày cảnh giới Niết-bàn vắng lặng.

Nếu người nào, đối với tất cả pháp, có thể hiện bày tự tánh bình đẳng như vậy, thì sẽ được tự tại vô ngại trong tất cả pháp.

Thế nào là chẳng biết pháp chân thật kia? Nếu người nào, đối với pháp bất sinh, bất diệt, tâm đồng như hư không, thì đối với Phật bình đẳng không thể nắm bắt được, Pháp bình đẳng không thể nắm bắt được, Tăng bình đẳng không thể nắm bắt được, cho đến Niết-bàn vắng lặng bình đẳng cũng không thể nắm bắt được. Như vậy, đối với tất cả pháp chưa từng có, chẳng còn sinh nghi ngờ, liền được xa lìa si, không sinh, không xuất, đạt đến tất cả cảnh giới Niết-bàn vắng lặng cao tột.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tất cả pháp của chân đế như thế, chẳng thể thấy được, cho nên Tu-bồ-đề mới không đi đảnh lễ Như Lai. Như Tu-bồ-đề hãy còn đạt được vô ngã, huống là Như Lai làm sao mà thấy có? Đừng nên hiểu như vậy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như vậy, trong tất cả pháp bất sinh nếu có chỗ thấy, tức chẳng phải là thấy bốn Thánh đế.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là thấy bốn Niệm xứ?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tu-bồ-đề sẽ quán được thân bất tịnh, thấy niệm xứ của thân. Quán thọ là khổ, thấy niệm xứ của thọ. Quán tâm vô thường, thấy niệm xứ của tâm. Quán pháp vô ngã, thấy niệm xứ của pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thật tướng như vậy làm sao thuyết giảng? Vả lại, làm thế nào để thấy được bốn Niệm xứ chân thật?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hãy dừng lại ở đây. Đế chân thật mà Như Lai thuyết giảng là khó hiểu, khó biết.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Cúi xin Thế Tôn, hãy nói về việc đó, phân biệt diễn giảng rộng về bốn Niệm xứ chân thật kia.

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu ông thấy thân cũng như hư không, tức là thấy Thân niệm xứ trong thân này.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với nội, ngoại trung gian, ở trong thọ mà có chỗ để đạt được tức là thấy Thọ niệm xứ.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thấy tâm trí này, có vuông, tròn, lớn, nhỏ, tức là thấy Tâm niệm xứ trong tâm này.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu ở trong các pháp thiện, bất thiện, hữu lậu, vô lậu, cho đến phiền não thế gian, xuất thế gian, mà có chỗ để đạt được, tức là chẳng phải thấy Pháp niệm xứ trong pháp này.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bốn Niệm xứ chân thật ấy, nên hiểu như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là thấy bốn Chánh cần?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu người nào quán mười hai duyên sinh là hoàn toàn vắng lặng, cho đến vô tánh, đối với tất cả pháp, chẳng thể nắm bắt, thì vị kia sẽ phát khởi tâm tinh tấn khen ngợi pháp, diệt trừ tất cả nghiệp bất thiện đã sinh; với tất cả pháp bất thiện chưa sinh, khiến cho không sinh; pháp thiện chưa sinh, phát khởi tâm tinh tấn khiến cho sinh; pháp thiện đã sinh, khiến cho được tồn tại lâu dài, không bỏ mất; sẽ phát khởi tâm tinh tấn tròn đầy, như tất cả pháp lìa thủ, lìa xả, chẳng phải là lìa thủ xả. Nếu người nào được sự nhớ nghĩ chân chánh như vậy, thì vị đó tâm sẽ không còn phát khởi trở lại nữa và liền đạt được hạnh Tam-ma-địa này.

Vị kia tư duy như thế nào để đắc thần túc? Làm thế nào để trụ nơi tất cả pháp bình đẳng? Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Phải nên thấy bốn Chánh cần như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là thấy năm Căn?

Phật nói:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu vị nào, thấy tất cả pháp là hoàn toàn không sinh, tức là hiểu được Tín căn. Vì lẽ gì? Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì vị này đối với Tín căn hoàn toàn không sinh, nên ở nơi tất cả pháp, tâm không thể thủ đắc, vì vốn đã lìa danh tự.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, lìa được nhớ nghĩ, không hướng cầu, không dừng lại ở nơi chốn, thì đó gọi là Tinh tấn căn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả các pháp, trước mắt lìa bỏ sự thông tỏ rõ ràng, xa lìa sai biệt, tâm không còn phát khởi, thì đó là Niệm căn.

Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với các pháp, có thể lìa sinh diệt, tánh của chủ thể, đối tượng nhận biết, tánh không, tánh chẳng phải là không, thì đó là Định căn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu tánh hoặc có, hoặc không, đối với tất cả pháp không thể thủ đắc, thì đó là Tuệ căn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nên hiểu như vậy để biết rõ về năm Căn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là thấy năm Lực?

Phật nói:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thấy được tất cả tâm pháp rộng lớn này đều lìa tánh, lìa tướng, thì đó là Tín lực.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với đạo Bồ-đề tinh tấn cầu công đức, có thể lìa thủ, xả, cũng chẳng phải là lìa thủ, xả, thì đó là Tấn lực.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, lìa các việc nhớ nghĩ, không mang sự tính toán, thì đó là Niệm lực.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đạt đến nơi tất cả pháp đều là vô tướng, thì đó là Định lực.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thể xa lìa tất cả mọi đối tượng nhận thức cho đến Niết-bàn, thì đó là Tuệ lực.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nên hiểu như vậy để biết rõ về năm Lực.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là thấy bảy Giác phần?

Phật nói:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thấy tất cả pháp là không có tự tánh, không nhớ nghĩ, thì đó là Niệm giác phần.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, tâm chẳng thể lường xét, nói là thiện hay bất thiện và được thọ ký, thì đó là Trạch pháp giác phần.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, có thể lìa thủ, xả, chẳng phải là lìa thủ, xả, lại đối với các pháp lìa bỏ sự lo nghĩ, thì đó là Tinh tấn giác phần.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, chẳng sinh sự

vướng mắc tham ái, hiểu tất cả pháp là vô sinh, thì đó là Hỷ giác phần.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, tâm sinh tin ưa, hiểu tất cả pháp không thể thủ đắc, thì đó là Khinh an giác phần.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, tâm không trạo cử, thì đó là Định giác phần.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp không trụ, không chấp, không thể giác quán, ở nơi hết thảy các pháp cũng không sinh tham đắm, nếu đạt được xả như vậy, thì đó là Xả giác phần.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bảy Bồ-đề phần này, nên hiểu như vậy, để có thể thấy rõ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là thấy tám Chánh đạo?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu không chấp nơi chỗ thấy đúng, cho đến không chấp vì thấy tất cả đều là không tánh, pháp không có hai tướng, tâm không trở ngại, thì đó là Chánh kiến.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thấy tất cả pháp lìa các trở ngại, cũng chẳng phải lìa các trở ngại, tâm không chỗ vướng mắc, thì đó là Chánh tư duy.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thấy tất cả pháp không có giới hạn, nêu rõ cái không giới hạn, khéo giảng nói về bình đẳng, thì đó là Chánh ngữ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thấy tất cả pháp không có động tác, lìa tâm thương xót, vốn chẳng sinh, thì đó là Chánh nghiệp.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp không vui mừng, không sân giận, vì các pháp không sinh, thì đó là Chánh mạng.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp không có sự khởi, diệt, không có dụng sức, thì đó là Chánh tin tấn.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tất cả pháp, niệm niệm chẳng sinh, không có hiểu, biết, lìa mọi suy nghĩ, thì đó là Chánh niệm.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu đối với tự tánh, phi tánh của tất cả pháp mà có thể xa lìa, không có sự vướng mắc, thì đó là Chánh định.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tám Chánh đạo này, nên hiểu như vậy, tức là có thể biết rõ.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu người nào thấy tâm của bốn Thánh đế như vậy, tức là được thấy bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc,

năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Chánh đạo phần. Tâm chân thật chính là cầu sang bờ bên kia, đến cõi thật tế, được an lạc lớn, đặt được gánh nặng xuống, xa trần, lìa cấu, quán thân vô tướng, đạt đến Nhẫn vô sinh. A-la-hán, Sa-môn, Bà-la-môn đến được bờ thanh tịnh bên kia, gọi là học rộng, là chân Phật tử, là con của bậc Năng Nhân, có thể thắng mọi oan gia, trừ bỏ được phiền não, được sự vững vàng, không già nua, không lo sợ, không nghi hoặc, cũng không luận bàn vô ích, không đây không kia, thì gọi Tỳ-kheo này là ngọn cờ của Thánh pháp.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu được pháp nhẫn như vậy, thì được lợi ích rất lớn, đáng được tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la… cúng dường.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cho nên người này, đối với tất cả các quốc độ, không hề vô ích nên được thọ nhận sự cúng dường các thức ăn uống thanh tịnh, vì đã xa lìa nẻo luân hồi, đến được bờ Niết-bàn, thoát khỏi các vòng khổ, cho đến đạt được Nhất thiết Chánh biến tri, Chánh đẳng Chánh giác. Người phát khởi tâm pháp này, cầu nguyện điều gì cũng đều đạt được.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp này, có ba vạn hai ngàn Thiên tử đều đắc pháp ấy. Chúng chư Thiên đó, ở trước Đức Như Lai Thế Tôn Ứng Chánh Đẳng Giác và Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cùng tung rải hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la để cúng dường và thưa:

–Những vị nào ở trong pháp Phật của Như Lai đã được xuất gia thọ giới thanh tịnh, nếu khi nghe thuyết giảng pháp này, một lòng lắng nghe, lãnh thọ thì sẽ chứng đắc đạo Bồ-đề.

Lại có chúng Tỳ-kheo gồm đủ tám ngàn một trăm vị, tâm dứt sạch các lậu, đạt được giải thoát, không còn thọ sinh.

Lại có bốn vạn hai ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, tất cả cung điện của ma vương, núi rừng, đất đai rộng lớn trong tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách. Nơi hư không mưa xuống các loại hoa trời và có lời tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Khéo giảng nói pháp này! Thật là hy hữu!

Âm thanh phát ra như vậy, mười phương đều nghe.

Phật thuyết giảng kinh này xong, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi và chúng Đại Bồ-tát, các Tỳ-kheo, chư Thiên, dân chúng nơi thế gian, A-tu-la, Càn-đạt-bà... nghe Phật thuyết giảng đều rất vui vẻ, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

SỐ 473

KINH DIỆU CÁT TƯỜNG BỒ-TÁT SỞ VẤN ĐẠI THỪA PHÁP LOA

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại điện Phổ Biến, thuộc nước Xá-vệ, ngồi trên tòa Sư tử báu, cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn năm trăm người. Lại có các Đại Bồ-tát và chúng gồm trăm ngàn người có duyên thuần thục đã được hóa độ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường, nương nơi oai thần của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay đảnh lễ và bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Có phước đức lớn, làm sao đối chiếu lường xét? Phước lớn như vậy, có đến vô lượng trăm ngàn ức triệu, chúng duyên thuần thục đã được hóa độ, ý nguyện đầy đủ, thì do đâu Như Lai còn vì chúng kia nêu giảng giáo pháp?

Đức Thế Tôn nghe hỏi như vậy, bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Này Diệu Cát Tường! Hạnh đại trí tuệ, đại Từ, đại Bi là chẳng thể nghĩ bàn, là phước đức lớn. Phước lớn như vậy, sẽ khiến cho tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác phát khởi phương tiện lớn, tinh tấn, trì giới và nguyện thực hành thành tựu, để được Tam-ma-địa cao tột, quán tưởng đến tất cả chúng duyên thuần thục đã được hóa độ. Đó tức là Như Lai nêu giảng giáo pháp.

Phật lại bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Phước đức đạt được, do thọ trì pháp mười điều thiện của tất cả chúng sinh hiện có trong cõi Nam Diêm-phù-đề, nếu đem nhân phước đức đó lên thành trăm lần, thì bằng phước đức của một Kim luân vương, Kim luân vương này thống lãnh bốn châu lớn, bảy báu đầy đủ, đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, ma-ni báu, ngọc nữ báu, chủ kho tàng báu, chủ binh báu. Lại có một ngàn người con, oai đức dũng mãnh, sắc tướng đoan nghiêm, có thể

phá dẹp tất cả các quân khác.

Này Diệu Cát Tường! Kim luân vương đó có oai lực lớn như vậy.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của mỗi mỗi chúng sinh trong tất cả chúng sinh hiện có nơi bốn châu lớn như thế, đều ngang đồng với phước đức của một Kim luân vương. Phước đức của tất cả chúng sinh kia có được như vậy, đem nhân lên ngàn lần, thì đó tức là phước đức của một Thiên chủ Đế Thích. Đế Thích có năng lực oai thần phước đức lớn như vậy.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của mỗi mỗi chúng sinh trong tất cả chúng sinh hiện có ở bốn đại châu như vậy, đều ngang đồng với phước đức của một Đế Thích. Phước đức của tất cả chúng sinh kia có được như vậy, nếu đem so lường thì phải nhân lên trăm ngàn lần. Đó tức là phước đức của một trời Đại lực Na-la-diên. Trời Na-la-diên có năng lực phước đức oai thần lớn như vậy.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của mỗi mỗi chúng sinh trong tất cả chúng sinh hiện có ở bốn đại châu như vậy, đều ngang đồng với phước đức của một trời Đại lực Na-la-diên. Phước đức của tất cả chúng sinh kia có được như vậy, nếu đem so lường thì phải nhân lên đến vô số trăm ngàn lần. Đó tức là phước đức của một ma vương trời Tha hóa tự tại thuộc cõi Dục. Như vậy, ma vương từ lâu đã trồng căn lành, nên được sinh về cõi trời nơi Dục giới, có oai lực lớn và có thể điều phục các hàng trời người.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của mỗi mỗi chúng sinh trong tất cả chúng sinh hiện có ở bốn đại châu như vậy, đều ngang đồng với phước đức của một ma vương. Phước đức của tất cả chúng sinh kia có được như vậy, nếu đem so lường thì phải nhân lên đến vô lượng trăm ngàn lần. Đó tức là phước đức của một Phạm thiên trong hai ngàn thế giới, vì Phạm thiên kia ở nơi hai ngàn thế giới đều thực hành Từ bi để giáo hóa.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của mỗi mỗi chúng sinh trong tất cả chúng sinh hiện có nơi hai ngàn thế giới như vậy, đều ngang đồng với phước đức của một Phạm thiên ở nơi hai ngàn thế giới kia. Phước đức của tất cả chúng sinh ấy có được như vậy, nếu đem so lường thì phải nhân lên đến vô số trăm ngàn lần. Đó tức là phước đức của trời Đại tự tại và Phạm thiên, là vị chủ thế giới tam thiên đại thiên. Trời Đại tự tại và Phạm vương kia, ở nơi thế giới tam thiên đại thiên, đều thực hành Từ bi để giáo hóa.

Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Bồ-tát nên thấy rõ! Trong thời kỳ kiếp hoại này, trải qua một trung kiếp, lửa dữ sẽ thiêu đốt. Bấy giờ trời Đại tự tại và trời Phạm vương sẽ trút mưa lớn xuống, nước mưa đó đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới và lên đến cõi Phạm thiên. Nước lớn này chính là do oai lực của trời Đại tự tại và Phạm vương tạo ra.

Như vậy, trời Đại tự tại và Phạm vương kia, do trồng căn lành lớn nên được sinh lên cõi trời, đầy đủ trí tuệ và có oai lực lớn.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của mỗi mỗi chúng sinh trong tất cả chúng sinh hiện có ở nơi thế giới tam thiên đại thiên như vậy, đều ngang đồng với phước đức của một trời Đại tự tại và Phạm vương nơi thế giới tam thiên đại thiên. Phước đức của tất cả chúng sinh kia có được như vậy, nếu đem so lường thì phải nhân lên đến vô số trăm ngàn câu-chi, đó tức là phước đức của một bậc Duyên giác đại tinh tấn.

Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Ông chớ có cho, phước đức của tất cả chúng sinh nơi thế giới tam thiên đại thiên, đều như phước đức của Đại phạm vương, ngang đồng với bậc Duyên giác kia mà cho là nhiều. Giả sử, phước đức hiện có của tất cả chúng sinh nơi các cõi Phật trong mười phương, ngang đồng với phước đức của một bậc Duyên giác tinh tấn, thì cũng chưa phải là nhiều.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của mỗi mỗi chúng sinh trong tất cả chúng sinh nơi các cõi Phật trong mười phương kia có được như vậy, đều ngang đồng với phước đức của một bậc Duyên giác. Phước đức của tất cả chúng sinh kia có được như thế, nếu đem so lường thì phải nhân lên đến vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lần, đó tức là phước đức của một Bồ-tát mới phát tâm.

Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Chớ cho, phước đức của tất cả chúng sinh gấp vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lần, ngang đồng với phước đức của một Bồ-tát mới phát tâm là nhiều. Giả sử, cõi hư không khắp trong mười phương, có các loài sinh từ trứng, sinh từ bào thai, sinh từ chỗ ẩm ướt, sinh từ sự biến hóa, loài có sắc, loài không sắc, có tưởng, không tưởng, chẳng có tưởng, chẳng không tưởng, phước đức của tất cả những chúng sinh ấy có được như thế, nhiều gấp vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lần, đều ngang đồng với phước đức của một Bồ-tát mới phát tâm, thì cũng chưa gọi là nhiều.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức của tất cả chúng sinh trong cùng khắp cõi hư không như vậy, đều ngang đồng với phước đức của một Bồ-tát mới phát tâm, nếu đem so lường thì phải nhân lên cho đến gấp

vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lần, đó tức là lượng phước đức có trong một lỗ chân lông của Như Lai. Mỗi lỗ chân lông nơi thân của chư Phật, Như Lai, lại có chín mươi chín ngàn lỗ chân lông vô cùng nhỏ, đẹp.

Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Như vậy, phước đức nơi tất cả lỗ chân lông của thân Phật, nếu đem so lường thì nhân gấp vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lần, đó tức là phước đức của một thứ vẻ đẹp trong phần thân Như Lai. Như vậy, tám mươi vẻ đẹp nơi thân Phật, mỗi mỗi đều đầy đủ phước đức như thế.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Phước đức có được từ tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, nếu đem so lường thì nhân gấp vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lần, đó tức là lượng phước đức của một tướng tốt là tướng hoa văn trong lòng bàn tay, bàn chân của Như Lai. Mỗi mỗi vẻ đẹp của tướng hoa văn như vậy, đều có tám mươi vẻ đẹp hiện rõ trong lòng bàn tay, bàn chân.

Kệ tụng:

Dù, lọng, cờ, cát tường
Vòng, khâu, mão, gậy báu
Bình báu, voi, ngựa, hổ
Kim sí, cá Ma-kiệt.
Rùa, cá và khổng tước
Chim Ca-lăng-tần-già
Chim mạng mạng, Tá-sa
Tạt-câu-la, uyên ương.
Anh vũ, nga, cưu, mạch
Đại dược đề nỗ ngưu
Dê, rồng và ngưu vương
Núi báu, quả cát tường.
Nai chúa Bá-na-ba
Kiếm bén, ngọc ma-ni
Chày Kim cang, cung, cờ
Tam xoa, cày và búa.
Chày giã, tên, tơ lụa
Ngu-noa và Di-già
Phạm thiên, Đế Thích chủ
Trì quốc thiên, Thủy thiên.
Quảng mục, Đa văn thiên
Đại tiên, cát tường nhật

Hỏa thiên, nguyệt phong thiên
Tướng hoa sen chữ vạn.
Sa-tất-đế-ca hảo
Nột-lý-phạ hiền tòa
Kính Phất Kiều-thi-ca
Đồng tử, đồng nữ thiên.
Cổ loa mật lý nga
Vòng tay và chuông lắc
Hoa tai cùng với nhẫn
Quân-noa-la-la-đa.
Vua hoa đẹp vua cây
Trong chúng Thích sư tử
Như vậy đủ tám mươi
Mỗi mỗi đều tên đẹp
Xuất hiện nơi tay chân.

Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Tất cả phước đức hiện có của tám mươi vẻ đẹp như vậy, nếu đem so lường thì nhân đến gấp vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha lần, đó tức là phước đức nơi một tướng của bậc Đại trượng phu trong phần thân của Như Lai. Như vậy, ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu nơi thân Phật, mỗi mỗi đều có phước đức như thế, cùng xuất hiện rõ nơi thân Phật.

Kệ tụng:

Tướng nhục kế đỉnh đầu
Búi tóc màu xanh biếc
Mềm mại xoay bên phải
Trán rộng và bằng phẳng.
Lông trắng giữa chặng mày
Da mềm và đẹp đẽ
Mắt như cánh sen xanh
Răng đều, kín, ngay thẳng.
Đầy đủ bốn mươi cái
Bốn răng cửa đều bén
Trắng như ngọc kha tuyết
Mang tai và ngực, ức.
Nửa trên như sư tử
Tướng lưỡi rộng và dài
Thân hình đẹp, tròn đầy

Như cây Ni-câu-đà.
Lông xoay về bên phải
Chân rốn sâu, ẩn kín
Bắp vế thon, bằng phẳng
Bắp chân như nai chúa.
Lòng bàn chân đều đặn
Tay chân đều mềm mại
Mười ngón thon và dài
Đều có tướng màn lưới.
Bước đi thẳng tới trước
Lưỡi thường được vị ngon
Tướng lành ở nơi thân
Bảy chỗ đều đầy đặn.
Lòng bàn chân bằng thẳng
Hiện tướng ngàn căm xe
Đại trượng phu như vậy
Đủ ba hai tướng tốt.

Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Đây là ba mươi hai tướng của bậc Đại trượng phu, phước đức có được nơi ba mươi hai tướng này, nếu đem so lường thì nhân lên cho đến vô lượng, vô số chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể lường tính, không gì ngang bằng, chẳng thể nói hết, đó là phước do chúng duyên đã thuần thục, được hóa độ đầy đủ theo ý nguyện. Cho nên Như Lai đã vì chúng được hóa độ mà giảng nói pháp nhân duyên thành thục.

Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Âm thanh nêu giảng diệu pháp của Như Lai, tất cả chúng sinh ở khắp vô lượng, vô biên, vô số thế giới đều được nghe.

Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Chẳng phải chỉ có âm thanh nêu giảng như vậy, mà ánh sáng nơi thân Như Lai cũng có thể chiếu soi rực rỡ khắp vô lượng, vô biên, vô số thế giới, khiến cho các hữu tình đều thấy thân Phật như thế, là chẳng thể nghĩ bàn!

Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Đại trí tuệ, đại Từ bi là đại phước đức. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát nên hiểu đúng đắn về nguyện lực, thực hành đại phương tiện, trì giới thanh tịnh, sẽ chứng đắc Tam-ma-địa cao tột.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Thân Phật là vô vi, lìa các tướng, cho nên tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát đều chẳng

thể thấy được. Sắc thân hóa hiện của Như Lai có hai nghĩa: Một là vì đáp lại hạnh nguyện độ sinh trong nhân. Hai là vì nhân duyên được độ của các hữu tình đã thuần thục

Do vậy, nên Như Lai hóa hiện sắc thân. Thân hiện ra thanh tịnh vi diệu, khiến cho các chúng sinh gần gũi, cúng dường để được lợi ích lớn.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Thân Phật là cao tột, nên tướng tốt cũng cao tột. Tướng tốt cao tột nên ánh sáng cũng cao tột. Ánh sáng cao tột nên Phạm âm cao tột. Phạm âm cao tột nên thuyết pháp cao tột. Thuyết pháp cao tột nên Phật hạnh cao tột. Phật hạnh cao tột nên sắc thân của Như Lai hiện ra sẽ khiến cho các hữu tình kia được lợi ích lớn.

Lại nữa, này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Trong thân Như Lai thâu giữ đầy đủ tất cả các tướng. Tùy theo căn cơ, ý muốn, tánh tình... lợi, độn không đồng của chúng sinh, đều được gần gũi, ưa thích, nghe diệu pháp và đều được độ thoát, cho đến khi đi đứng đều được thấy Phật.

Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Như Lai đầy đủ Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, thương xót hữu tình, tạo lợi ích an vui cho vô lượng trời, người và các chúng sinh khác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Phật, đảnh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Nay con vui sướng vì đạt được lợi ích tốt đẹp. Như vậy Đức Thế Tôn là bậc không vướng mắc, cao quý hơn tất cả trong ba cõi, tạo lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Phật đã xét xem tất cả pháp thế gian, chẳng lay động như núi Tu-di, chẳng chấp trước như hư không, chẳng thể nghĩ, chẳng thể bàn, cũng chẳng phải là thấy, chẳng phải là không thấy.

Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh này xong, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường, các Tỳ-kheo và các Đại Bồ-tát, tất cả chúng Trời, Người, A-tố-lạc, Đạt-lý-phạ... nghe Phật giảng nói đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 474

KINH DUY-MA-CẬT

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN THƯỢNG

PHẨM 1: PHẬT QUỐC

Nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Duy-da-ly, ngụ ở vườn Nại thọ, cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo gồm tám ngàn vị, chúng Đại Bồ-tát ba vạn hai ngàn vị, đều là các bậc Bồ-tát đã chứng đắc thần thông. Tất cả các bậc Đại thánh này có thể thuận theo thế tục để giáo hóa, những việc Phật làm đều làm theo được, làm thành trì để giữ gìn chánh pháp, gầm lên tiếng gầm của sư tử khiến mười phương đều nghe. Mọi người không mời mà vẫn đến làm bạn, đem an vui tới cho họ, làm hưng thịnh dòng giống Tam bảo khiến không bị dứt mất, chiến thắng ma vương, oán thù. Tất cả những người đã được giáo hóa đều tin hiểu và đều vượt qua cõi sinh tử, đạt giải thoát không còn trở ngại, không mất biện tài. Các báu niệm và định Tổng trì đều thành tựu. Bố thí điều ý, tự tồn, hành giới, nhẫn, tinh tấn, nhất tâm (thiền định), trí tuệ, hàng thiện quyền trở xuống đạt được chỗ dứt hết mọi chấp trước, chứng đạt pháp nhẫn không phát khởi (pháp Nhẫn vô sinh) không thoái chuyển. Đã chuyển bánh xe chánh pháp, tùy theo hình tướng của mọi người mà hiện bày đạo đức trí tuệ, làm vị thầy dẫn đường đúng đắn cho muôn loài. Do không sợ nên không lay động. Đem phần phước đức trí tuệ đã thành tựu và dùng tướng hảo đã đạt được để có thể tự trang nghiêm tạo vẻ đẹp bậc nhất, xả bỏ của cải thế gian, ý chí và đức hạnh cao thượng, tiếng tốt lan khắp, có chí kim cang, được tánh Phật thánh. Dùng pháp cảm hóa người, rưới mưa cam lộ, hiểu rõ âm thanh ngôn ngữ của mọi loài, thuyết pháp lưu loát như nước chảy, tiếng nói trong suốt hòa nhập vào pháp vi diệu. Thấy rõ nguồn gốc sinh tử, đoạn trừ các ách, vượt qua các sợ hãi, rống tiếng rống của sư tử, chẳng nói nhiều, thuyết pháp như sấm rền, không thể ước lượng vì đã vượt quá mọi ước lượng. Dùng sự dẫn dắt của trí tuệ trên

nẻo quý báu của đạo pháp làm Đại sư. Dùng hạnh trì túc hiện bày rộng xa âm thanh của Phật và công đức của pháp. Vào khắp các cõi, tùy thuận giáo hóa chúng sinh, giảng nói trí tuệ của chánh pháp không thể so sánh, đúng như trí tuệ của Phật, dùng mười Lực, bốn Vô úy và mười tám pháp Bất cộng của Phật, vượt qua mọi sự sa rớt vào hầm hố của các đường ác, sinh trong năm đường, làm vị thầy thuốc vĩ đại, dùng trí tuệ, dùng sự khéo léo chữa bệnh cho chúng sinh, đúng bệnh cho thuốc, khiến mau bình phục, đạt được vô lượng việc tốt, làm nghiêm tịnh vô lượng cõi Phật, tu học vô lượng trí tuệ của Phật, lãnh hội, giảng dạy về minh trí, noi theo dấu vết sáng suốt, theo thứ lớp phát huy nguồn gốc của phước đức trí tuệ, nhập vào yếu chỉ của pháp sâu xa, có thể hoàn thành vô lượng Tam-muội, Phật lực, vô úy, tất cả đều đầy đủ.

Tên của các vị đó là: Bồ-tát Chánh Quán, Bồ-tát Kiến Chánh Tà, Bồ-tát Định Hóa Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại, Bồ-tát Pháp Tạo, Bồ-tát Quang Tạo, Bồ-tát Quang Tịnh, Bồ-tát Đại Tịnh, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Thường Tiếu, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Chánh Nguyện Chí, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Bảo Thậm Trì, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Trì, Bồ-tát Bảo Thủy, Bồ-tát Thủy Quang, Bồ-tát Xả Vô Nghiệp, Bồ-tát Trí Tích, Bồ-tát Đăng Vương, Bồ-tát Chế Ma, Bồ-tát Tạo Hóa, Bồ-tát Minh Thí. Bồ-tát Thượng Thẩm, Bồ-tát Tướng Tích Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Lôi Âm, Bồ-tát Thạch Ma Vương, Bồ-tát Chúng Hương Thủ, Bồ-tát Chúng Thủ, Bồ-tát Thường Ưng, Bồ-tát Bất Trí Viễn, Bồ-tát Thiện Ý Gián, Bồ-tát Liên Hoa Tịnh, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Khuy Âm, Bồ-tát Phạm Thủy, Bồ-tát Thường Thủy, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Thắng Tà, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kết, Bồ-tát Châu Kết, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Nhu Thủ… Các bậc Bồ-tát thượng thủ như thế có ba mươi hai ngàn vị.

Lại có một vạn Bà-la-môn đều như Biên Phát... từ cảnh giới ở bốn phương đến chỗ Phật để nghe pháp. Tất cả chư Thiên cùng với các chúng của họ đồng tới pháp hội.

Có một vạn hai ngàn chư Thiên của trời Đế Thích từ bốn phương đến cùng với các trời Đại tôn thần diệu khác và nhiều Long, Thần, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc... và đại chúng của họ đều đến tập hợp. Trong đại hội cũng có các chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tề tựu đông đủ.

Bấy giờ, Đức Phật với vô số trăm ngàn chúng quyến thuộc vây quanh,

vì họ mà thuyết giảng kinh. Những người từ bên ngoài cảnh giới Tu-di đến đều vân tập ở khắp bốn phía. Tất cả chúng hội đều tự nhiên an tọa nơi tòa Sư tử.

Bấy giờ, nước Duy-da-ly có vị con nhà trưởng giả tên là La-lân-na-kiệt *(Hán dịch là Bảo Sự)* cùng với năm trăm vị con nhà trưởng giả khác đều có tâm chí quyết định tin tưởng nơi đạo Chánh chân vô thượng, cầm lọng bằng bảy báu đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, dùng lọng báu cùng che nơi phía trên Phật, do oai thần của Phật nên khiến thành một lọng báu lớn che khắp tất cả tam thiên đại thiên cõi Phật.

Bấy giờ, các đại chúng từ các thế giới đến đều thấy lọng báu che khắp trên tam thiên thế giới này. Các núi Tu-di, Mục-lân, Đại mục-lân, Tuyết sơn, Bảo sơn, Hắc sơn, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, thảy đều hiện trong lọng báu ấy. Biển lớn, sông to, suối nguồn, ngòi rạch trong tam thiên thế giới này và trên mặt trời, mặt trăng, tinh tú, Thiên cung, Long cung, các cung tôn thần đều hiện rõ trong lọng báu.

Cõi Phật nghiêm tịnh của chư Phật trong mười phương và ngay tại chỗ chư Như Lai ấy đang thuyết pháp cũng đều hiện rõ trong lọng báu, đều từ xa thấy và nghe được. Tất cả chúng ma được điều chưa từng có, đảnh lễ Phật và đứng qua một bên. Có bao nhiêu nước đều nhìn thấy rõ hết thảy. Đồng tử Bảo Sự ở trước Phật, dùng kệ khen ngợi:

Mắt trong sáng, đẹp như hoa vàng
Lời tịnh, ý tịch, qua bờ giác
Trừ sạch dục si, xưng vô lượng
Đảnh lễ Sa-môn dấu tịch nhiên.
Thấy được Đại Thánh, tướng ba cõi
Hiện cõi Phật con rất sáng ngời
Thuyết pháp tối thượng dứt trừ nghi
Hư không, trời, thần được nghe thấy.
Các Pháp vương giảng trao kinh đạo
Đem pháp giảng thuyết ban cho người
Gióng lên trống pháp bày nghĩa diệu
Cúi lạy Pháp Vương rất tôn quý.
Thuyết danh tự chẳng có chẳng không
Do nhân duyên nên các pháp sinh
Chẳng ngã, chẳng tạo, kia chẳng biết
Như Phật thanh tịnh thân tướng đẹp.
Trước tại Bồ-đề, hàng phục ma

Đắc cam lộ thành đạo giác ngộ
Dùng tâm dứt chấp mà hiện hành
Tất cả dị học đều kính phục.
Ba lượt chuyển pháp nơi đại thiên
Người lãnh thọ tu hành chánh định
Trời người được thấy theo nghe pháp
Tam bảo hiện bày ở thế gian.
Phật thuyết pháp chỉ dạy mọi người
Không hề mong cầu, luôn vắng lặng
Thượng trí thương độ khỏi già chết
Đảnh lễ biển pháp đức vô biên.
Cúng dường phụng sự như Tu-di
Không giới, có giới đều thương tưởng
Giảng dạy vô biên nhớ hành khắp
Ai nghe danh Phật chẳng kính thờ.
Nay dâng Năng Nhân lọng thiện này
Trong đó hiện thế giới tam thiên
Cung điện chư Thiên và Rồng, Thần
Kiền-đạp-hòa cùng các Duyệt-xoa.
Do biết các sở hữu thế gian
Mười lực xót thương biến hóa ra
Chúng thấy hiếm có, khen ngợi Phật
Cúi lạy Đại trí rất tôn quý.

Đồng tử Bảo Sự nói kệ khen ngợi Phật xong, với tâm ý cung kính, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Năm trăm đồng tử này đều có tâm chí vững chắc nơi đạo Chánh chân Vô thượng, ước muốn được nghe nói về quốc độ thanh tịnh của Phật. Cúi xin Phật giảng dạy rõ cho chúng con về hạnh thanh tịnh của Như Lai ở nước Phật.

Bấy giờ, Phật bảo đồng tử Bảo Sự:

–Này đồng tử! Hãy nghe cho kỹ và khéo ghi nhớ. Ta sẽ vì các vị giảng thuyết về sự thanh tịnh ở cõi Phật của Như Lai, Bồ-tát.

Lúc này, Bảo Sự và các đại chúng vâng theo lời dạy, lắng nghe.

Phật bảo đồng tử:

–Nơi ở của tất cả các loài bò, bay, máy, cựa, người, vật đều là nước Phật của Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát muốn giáo hóa chúng sinh nên thâu lấy nước Phật, vì muốn khiến cho muôn dân (chúng sinh) nước Phật đều phụng

thờ pháp luật nên nhận lấy nước Phật, vì muốn khiến cho muôn dân nước Phật nhập vào thượng trí của Phật nên nhận lấy nước Phật, vì muốn khiến cho muôn dân nước Phật thấy rõ về việc làm của Thánh điển để phát tâm ý nên nhận lấy nước Phật. Vì sao? Vì muốn hướng dẫn, làm lợi ích cho tất cả dân chúng khiến sinh vào nước Phật. Ví như có người muốn ngay giữa hư không xây dựng cung điện, phòng ốc thì hoàn toàn không thể được.

Như vậy, này đồng tử! Bồ-tát vì muốn độ cho muôn loài nên nguyện nhận lấy nước Phật. Nguyện nhận lấy nước Phật thì chẳng phải là ở nơi hư không.

Đồng tử nên biết, Bồ-tát vì không cầu quốc độ nên ở ngay nơi nước Phật mà đắc đạo, vì không bảo: Ta dạy bảo muôn người nên sinh về cõi Phật, vì Bồ-tát dùng tánh hiền thiện đối với quốc độ nên ở ngay nước Phật đắc đạo. Thường thành tựu các điều thiện, vì người gánh vác trọng trách nên sinh về cõi Phật.

Bồ-tát hoằng dương đạo lý nên ở ngay nước Phật đắc đạo, thường dùng pháp Đại thừa xây dựng muôn dân nên có được cõi Phật.

Bồ-tát dùng bố thí làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, vì tất cả việc bố thí là giúp cho muôn dân sinh nơi cõi Phật.

Bồ-tát dùng trì giới làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, tròn đầy ước nguyện, đem mười hạnh thiện tập hợp muôn dân sinh về cõi Phật.

Bồ-tát dùng nhẫn nhục làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, có đủ ba mươi hai tướng để tự làm nghiêm tịnh kinh, dùng hạnh nhẫn để giáo hóa muôn dân sinh nơi cõi Phật.

Bồ-tát dùng tinh tấn làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, dùng các gốc đức tu hành đúng đắn, siêng năng kết hợp muôn dân sinh về cõi Phật.

Bồ-tát dùng thiền định làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, vì biết được tâm niệm, làm an ổn muôn dân sinh về cõi Phật.

Bồ-tát dùng trí tuệ làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, hay dùng sự dắt dìu đúng đắn để thành tựu cho muôn dân sinh nơi cõi Phật.

Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả giúp muôn dân sinh nơi cõi Phật.

Bồ-tát thực hành bốn ân làm cõi nước, nên ở ngay nước Phật đắc đạo, đem tuệ thí, nhân ái, lợi nhân... làm lợi ích cứu giúp tất cả, quy tụ muôn dân sinh nơi cõi Phật.

Bồ-tát thực hành phương tiện quyền xảo nên ở ngay nước Phật đắc

đạo, dùng tất cả hành theo phương tiện quyền xảo để thâu phục giáo hóa muôn người sinh nơi cõi Phật.

Bồ-tát thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo nên ở ngay nước Phật đắc đạo, dùng Căn, Lực, Giác ý, cố gắng dắt dẫn muôn dân sinh nơi cõi Phật.

Bồ-tát dùng pháp để giáo hóa nên ở ngay nước Phật đắc đạo, thị hiện tất cả hạnh thiện để được thấy cõi Phật.

Bồ-tát giảng thuyết dứt trừ tám nạn nên ở ngay cõi Phật đắc đạo. Tất cả vì dứt trừ các nạn của đường ác mà có cõi Phật.

Bồ-tát tự học, không chê bai sự tiếp nhận của ai nên ở ngay nước Phật đắc đạo. Dứt trừ các sự tiếp nhận sai lầm mà có cõi Phật.

Bồ-tát tịnh tu mười hạnh thiện nên ở ngay nước Phật đắc đạo, chẳng xa lìa các thứ tài sản, đủ phạm hạnh, lời nói thành thật, khỏi rơi vào đường ác, nói lời dịu dàng, không phân biệt quyến thuộc, thường gần gũi bạn lành, không ganh ghét, ngã mạn, dứt trừ tâm ý giận dữ, dùng chánh kiến dạy người sinh về cõi Phật.

Như vậy, này đồng tử! Bồ-tát do tu đúng theo hạnh ấy nên có danh dự. Có danh dự rồi, liền sinh về cõi thiện. Sinh về cõi thiện rồi liền lãnh thọ phước. Lãnh thọ phước rồi liền hay phân chia phước. Thường hay phân chia phước rồi liền thực hành phương tiện thiện xảo. Thực hành phương tiện thiện xảo rồi tức là làm thanh tịnh nước Phật. Làm thanh tịnh nước Phật rồi thì người, vật đều tịnh. Người vật đều tịnh rồi thì có trí tịnh. Có trí tịnh rồi thì có sự dạy bảo tịnh. Có sự dạy bảo tịnh thì lãnh thọ tịnh.

Như vậy, này đồng tử! Bồ-tát muốn làm cho cõi Phật thanh tịnh thì phải đem tâm ý tịnh hành đúng như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát do ý tịnh nên được cõi Phật tịnh.

Lúc này, Hiền giả Xá-lợi-phất nương nơi oai thần của Phật suy nghĩ: "Do ý tịnh nên được nước Phật tịnh. Vậy Đức Thế Tôn của ta đây khi làm Bồ-tát tâm ý không tịnh chăng? Tại sao cõi Phật này cấu uế như thế?"

Phật biết ý nghĩ ấy, liền bảo:

–Thế nào, này Hiền giả Xá-lợi-phất? Mặt trời, mặt trăng trong sáng, người mù không thấy là do lỗi của mặt trời, mặt trăng chăng?

Hiền giả Xá-lợi-phất đáp:

–Dạ thưa không, kính bạch Thế Tôn! Chẳng phải là lỗi của mặt trời, mặt trăng.

Phật nói:

–Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Lỗi này do nơi mọi người không có trí tuệ nên không thấy được nước Phật thanh tịnh, đẹp đẽ của Như Lai, chứ chẳng phải do lỗi của Như Lai.

Này Xá-lợi-phất! Cõi Phật của ta thanh tịnh mà thầy lại chưa thấy.

Phạm chí Biên Phát thưa với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Xin Hiền giả chớ nên cho cõi Phật này là cấu uế. Vì sao? Vì con thấy cõi Phật của Đức Thích-ca Văn nghiêm tịnh như là Thiên cung tươi sáng, thanh tịnh kia.

Hiền giả Xá-lợi-phất bảo:

–Còn tôi thì thấy quốc độ này cũng có cấu uế xen tạp. Sáu địa lớn đó có Hắc sơn, cát đá nhơ nhớp dẫy đầy.

Biên Phát thưa:

–Hiền giả, do tâm ý của Hiền giả lãnh hội sư cấu uế, chứ không dựa vào tuệ giác thanh tịnh để nhìn cõi Phật. Phải bình đẳng như Bồ-tát tâm ý thanh tịnh, dựa vào tuệ giác của Phật thì thấy nước Phật đều thanh tịnh.

Bấy giờ, Phật liền dùng ngón chân ấn xuống đất. Ngay khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới này đều chấn động. Biết bao nhiêu các châu báu được tích tập, làm nghiêm tịnh khắp mọi nơi chốn. Ví như các thứ báu hiện bày đẹp đẽ, thanh tịnh nơi cảnh giới của Như Lai. Vô lượng các thứ nghiêm tịnh ngay lúc đó đều xuất hiện. Tất cả chúng ma khen là điều chưa từng có và đều tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu.

Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Ông hãy nhìn sự nghiêm tịnh của cõi Phật này.

Hiền giả Xá-lợi-phất đáp:

–Dạ vâng, kính bạch Thế Tôn! Thật con chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe. Nay cõi Phật hiện ra toàn là sự đẹp đẽ, thanh tịnh.

–Này Hiền giả Xá-lợi-phất! Cõi Phật của Như Lai là như vậy, nhưng vì hóa độ những người thấp kém nên Như Lai tùy theo hạng người nhiều tham, giận, hại này mà hiện bày cõi Phật khác nhau. Ví như chư Thiên cùng ăn bát bằng vàng, nhưng người nào nhiều phước thì đưa tay lên là bát liền sạch.

Như vậy, này Hiền giả Xá-lợi-phất! Nếu người nào tâm ý thanh tịnh thì liền tự thấy cõi Phật của chư Phật thanh tịnh.

Ngay khi Phật thị hiện sự nghiêm tịnh của cõi Phật này, có tám vạn bốn ngàn người phát tâm cầu đạo của Bồ-đề vô thượng. Trưởng giả tử Bảo Sự và năm trăm đồng tử đều được pháp Nhẫn nhu thuận.

Phật hiện thần túc, khi ấy ngay nơi quốc độ không ai là không vui mừng và đều đạt được ước nguyện.

Ba vạn hai ngàn hành giả đệ tử, trời và người xa lìa trần cấu, sinh các Pháp nhãn. Tám ngàn người phiền não hết sạch, tâm ý giải thoát.

-oOo-

PHẨM 2: THIỆN QUYỀN (PHƯƠNG TIỆN QUYỀN XẢO)

Bấy giờ, trong thành lớn Duy-da-ly có vị trưởng giả tên là Duy-ma-cật *(Hán dịch là Vô Cấu Xưng),* ở nơi chư Phật đời trước đã từng lập hạnh tu gốc thiện, được pháp nhẫn, được biện tài, thần thông tự tại, được sự không sợ, hàng phục ma oán, thâm nhập vi diệu, phát sinh Trí tuệ ba-la-mật, hành phương tiện thiện xảo, vào khắp các đường, khiến đạt được ước nguyện căn cơ của chúng sinh, gọi là thọ sinh đầy đủ, lập nên đạo lớn, việc làm tốt đẹp, đối với hạnh thiện của Phật - Thánh đều đã tạo lập, tâm Bồ-đề như biển đều đã nhập vào, được chư Phật tán dương. Đệ tử, Phạm thiên, Đế Thích, vua chúa thế gian đều kính trọng, vì muốn hóa độ mọi người nên trưởng giả đã sử dụng phương tiện khéo léo, cư trú trong thành Duy-da-ly, có của cải vô lượng, cứu giúp người nghèo, thu phục những người hành theo giới ác bằng phương tiện thiện xảo, thu phục những người giận dữ bằng nhẫn nhục thuần hòa, thu phục những người biếng nhác bằng hình thức bạch y tinh tấn, dùng thiền định chánh thọ để thu phục những kẻ tâm ý mê lầm, thu phục những người trí tà bằng trí tuệ quyết định.

Tuy làm hàng tại gia mà lại kính giữ hạnh thiện của Sa-môn, lấy việc cư ngụ tại gia làm hạnh mà không vướng mắc, thị hiện có vợ con mà thường tu phạm hạnh.

Tuy có gia đình mà thường như ở chỗ vắng vẻ, hiện tướng ăn mặc, trang sức đẹp đẽ để trang nghiêm thân mà bên trong luôn như thiền định.

Nếu ở chỗ cờ bạc vui chơi là chỉ để hóa độ muôn người.

Tiếp nhận dị đạo là để chỉ dạy Phật đạo.

Nói rành sách vở thế gian mà không lìa Thánh điển, dùng pháp lạc làm niềm vui.

Ai thấy cũng kính trọng, nhưng làm người cao nhất trong việc cúng dường.

Đối với những bậc kỳ cựu luôn vui vẻ.

Mọi sự mưu sinh ở đời đều hài hòa dung hợp. Tuy đạt được lợi lộc thế tục mà không lấy đó làm mừng.

Đến các ngả tư là để phổ biến, giữ gìn pháp Phật. Vào chỗ các chúng diễn thuyết để hướng dẫn, hoặc nơi cung vua thì đích thân đến xem, không ưa pháp của đạo nhỏ.

Đối với những người hiếu học, đích thân đến khuyến khích, chỉ dạy, mở mang cho tuổi trẻ.

Vào các chốn kỹ viện là để trừ tội ác dâm dục cho chúng. Vào các quán rượu là để làm cho người lập chí.

Vào trong hàng trưởng giả thì làm bậc trưởng giả chân chánh để cắt đứt mọi tham chấp cho họ.

Vào trong hàng quân tử thì làm quân tử chân chánh để dạy sự nhẫn nhục cho họ.

Vào trong hàng Phạm chí thì làm Phạm chí chân chánh để dẫn dắt họ theo hạnh cao xa.

Vào trong hàng quần thần thì làm quần thần trung hậu để giảng dạy chánh pháp cho họ.

Vào trong hàng vương tử thì làm vương tử chân chánh để dạy sự trung hiếu, khoan hòa, nhân từ, giáo hóa để trừ bỏ những phong tục xấu.

Vào trong hàng người cao quý thì dùng nhã nhạc để dạy cho cung nữ đoan chánh.

Vào hàng thứ dân chú trọng thương yêu họ, làm cho họ hưng khởi phước lực.

Vào trong hàng Đế Thích thì làm Đế Thích chân chánh, làm người tự tại mà thị hiện vô thường.

Vào trong Phạm thiên thì làm Phạm thiên chân chánh, luôn hiện trí tuệ thù thắng của Phạm thiên.

Vào trong hàng Tứ Thiên vương thì làm Tứ Thiên vương chân chánh để khiến họ hộ trì tất cả thiên hạ.

Trưởng giả Duy-ma-cật dùng phương tiện thiện quyền chẳng thể tính kể như thế, vào khắp mọi nơi chốn.

Trưởng giả lại còn theo phương tiện, thị hiện thân thể bị bệnh. Vì trưởng giả bị bệnh nên các quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, quần thần, thái tử và các chúng khác, vô số ngàn người đến thăm bệnh. Ai đến thăm bệnh, Trưởng giả Duy-ma-cật cũng vì họ mà thuyết pháp:

–Thân bốn đại này là pháp tử vong.

Các Nhân giả! Thân này là vô thường, là không khỏe mạnh, là không sức lực, là không vững chắc, là khổ, là già, là bệnh, là nhiều đau đớn, sợ

hãi.

Các Nhân giả! Cái thân như vậy, người sáng suốt đừng tin cậy.

Thân này như bọt nước trôi nổi.

Thân này như bong bóng, không thể tồn tại lâu dài.

Thân này như dợn nắng, khát ái nhọc nhằn.

Thân này như cây chuối, ruột không bền chắc.

Thân này như huyễn, chuyển thọ báo ứng.

Thân này như chiêm bao hiện ra sợ hãi.

Thân này như hình ảnh hiện ra từ sự chiếu sáng.

Thân này như tiếng vang, nhân duyên tan thì mất.

Thân này như mây nổi, không đứng yên.

Thân này như ánh chớp, là pháp phân tán.

Thân này không có chủ thể, nên như đất.

Thân này chẳng phải là thân, nên như lửa.

Thân này chẳng phải là thọ mạng vì như gió.

Thân này chẳng phải là người vì như nước.

Thân này không có thật, vì bốn đại làm nhà.

Thân này trống rỗng, không ngã, không tánh, không mạng, không người.

Thân này không có ngã vì ngã là chuyển, lìa.

Thân này như bó củi, nhờ các dây gân ràng rịt mà đứng vững.

Thân này không chân thật, chỉ do gió khéo hợp lại.

Thân này là vô dụng, bất tịnh, thối hư.

Thân này là hư dối, che phủ bao thứ mau hư mục, là pháp hoại diệt.

Thân này là tai họa, đủ cả một trăm lẻ một thứ bệnh.

Sự già nua của thân này là oán tặc vì già lo khổ.

Thân này là đường cùng vì chắc chắn sẽ chết.

Này các Nhân giả! Thân này đáng chán, nên phát hạnh thanh tịnh không dâm dục. Chúng ta nên học như Pháp thân Phật, là Pháp thân sinh từ phước đức. Pháp thân Phật là Pháp thân sinh từ trí tuệ, sinh từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến; sinh từ Từ, Bi, Hỷ, Xả; sinh từ bố thí, điều ý, tự tổn; sinh từ nhẫn nhục, nhân ái, nhu hòa; sinh từ nỗ lực tinh tấn, công đức; sinh từ thiền giải, định ý, chánh thọ; sinh từ Trí độ vô cực (Bát-nhã ba-la-mật) nghe đức; sinh từ trí phương tiện thiện xảo, từ hết thảy Trí tuệ

ba-la-mật; sinh từ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; sinh từ thần thông; sinh từ Chỉ và Quán; sinh từ mười Lực; sinh từ bốn Vô sở úy; sinh từ mười tám pháp Bất cộng của Phật; sinh từ việc đoạn trừ tất cả các điều ác; sinh từ việc tập hợp tất cả các điều thiện; sinh từ sự thật; sinh từ sự thành thật, từ không thể kể xiết hạnh thanh tịnh như vậy mà thành tựu thân Như Lai.

Như vậy, này các Nhân giả! Muốn khỏi tất cả bệnh thì phải tự cố gắng, phải phát hạnh Đại thừa.

Cứ như thế, Trưởng giả Duy-ma-cật đã giảng nói pháp thích hợp cho những người đến thăm bệnh ông, làm cho vô số ngàn người cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng.

-oOo-

PHẨM 3: ĐỆ TỬ

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật tự nghĩ: "Ta bị bệnh không thể rời giường nhưng lòng vẫn luôn nghĩ đến Phật."

Phật cũng vui lòng về vị trưởng giả này nên bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa với Phật:

–Con không thể đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, con thường ngồi yên bên gốc cây. Khi ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật đến bảo: "Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Bất tất phải ngồi như vậy mới là ngồi yên. Hiền giả ngồi yên là nên ngồi như pháp, không hiện thân ý nơi ba cõi mới là ngồi yên. Bên trong không chỗ trụ cũng không khởi hai quán đối với ngoại cảnh, đó mới là ngồi yên. Đứng vững nơi thiền mà không hiện các thân diệt ý đó là ngồi yên. Đối với sáu mươi hai kiến chẳng động, quán hành ba mươi bảy phẩm, với sinh tử phiền não cấu uế mà không tạo tác, ngay khi hành thiền cũng như Niết-bàn. Nếu Hiền giả ngồi yên được như vậy, trụ vững được như vậy, đó là hiểu rõ về pháp ngồi yên của Như Lai."

Kính bạch Thế Tôn! Bấy giờ con nghe những lời ấy và lặng thinh không thể trả lời, do vậy nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Hiền giả Đại Mục-kiền-liên:

–Thầy hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên thưa với Phật:

–Con không thể đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây con thuyết pháp cho các cư sĩ trẻ tuổi, bấy giờ Trưởng giả Duy-ma-cật đến bảo: "Hiền giả đừng nên thuyết pháp cho các bạch y tại gia như Hiền giả đã nói. Muốn thuyết pháp thì phải đúng như pháp. Như pháp là lìa cấu uế nơi con người, lấy vô ngã để lìa những trần nhiễm, lấy không có mạng để lìa sinh tử, lấy không có nơi chốn để làm trước sau, dứt bỏ như diệt trừ tướng, lấy không buông thả làm sự không chướng ngại, cho đến lấy không già để chấm dứt các tạo tác, lấy việc tùy thuận ăn uống để lìa các tổn hại, cứu giúp tất cả, bình đẳng như hư không vì không thân sơ, lấy vô ngã để trừ ngã, ngã sở, lấy tâm không phân biệt để lìa phân biệt, lấy không cấp bậc để không có sự so sánh, lấy tướng nhân duyên để nhập vào nẻo vô đẳng, lấy pháp tánh học đúng để sửa đổi các tình, lấy sự thật thâm nhập vào không có chỗ nhập. Nhớ nghĩ, hiểu biết, tin tưởng vững vàng, trước sau bất động, bất động thì sáu căn không dựa vào, không mong cầu nơi mọi người, vị lai không trụ. Không là chỗ dừng chân chánh, Vô tướng là chỉ sự tu hành, Vô nguyện là lìa vực thẳm, không tự đề cao, không tự dung nạp, vì xa lìa sự sinh khởi mà sống không nhà; mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm đã qua không chỗ trụ, cũng không phải là không trụ tâm, đã đạt vô trí là lìa các pháp hành. Thưa Hiền giả! Như thế thì thuyết cái gì là thuyết pháp? Thuyết pháp là lời lẽ bình đẳng, nghe là ngay nơi bình đẳng mà nghe. Thuyết không đúng như câu cú thì như vậy là chẳng phải thuyết, chẳng phải nghe, vì chưa từng nói ra. Như nhà ảo thuật thuyết pháp cho nhân vật ảo thuật. Nên lập ý ấy mà thuyết pháp. Phải tùy đức hạnh của người mà thuyết, phải khéo thấy điều ấy mà hiện bày trí tuệ, đem tâm đại Bi không si vọng mà thành lập Đại thừa, báo đáp ân Phật, bên trong thì tánh thanh tịnh, không dứt tuyệt Tam bảo. Yêu thích đem việc thuyết pháp như vậy mà thuyết pháp."

Khi Trưởng giả Duy-ma-cật thưa nói những lời như vậy. Kính bạch Thế Tôn! Có tám ngàn cư sĩ phát tâm cầu đạt đạo Chánh chân Vô thượng. Con không có được sự hùng biện như thế, do vậy con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Hiền giả Đại Ca-diếp:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả Đại Ca-diếp thưa với Phật:

–Con không thể đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, con khất thực nơi xóm làng nghèo, bấy giờ Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: "Hiền giả có tâm đại Bi mà bỏ nhà giàu, khất thực nơi người nghèo. Nên biết, đem pháp thí bình đẳng mà bố thí cho khắp tất

cả những nơi Hiền giả đi đến khất thực. Có thể vì không ăn, nhưng vì thương xót nên đến xin ăn. Như chẳng vì thuyết pháp ở xóm làng trống vắng, nhưng đi vào làng xóm là vì muốn hóa độ cho nam nữ. Đi vào thành ấp, biết rõ về dòng họ để đến nhà nghèo thiếu khất thực. Đối với các pháp không tiếp nhận, thấy sắc cũng như mù, nghe âm thanh cũng như tiếng vang, ngửi hương thơm cũng như gió thoảng, nếm mùi vị mà không dùng thức phân biệt, tiếp xúc với mịn trơn đều không ham thích, biết các pháp như huyễn, như nay tuổi già đã vượt qua tám tà, đạt tám Giải thoát, chánh định hiện tiền, dùng chánh định vượt qua tà định. Đem những gì xin được kính biếu mọi người, cũng đem kính dâng lên chư Phật và Hiền thánh, rồi sau đó mới ăn. Ăn như vậy là không phải có nhiều lao nhọc, cũng không phải là không lao nhọc, không có định ý, cũng không chấp giữ, không ở sinh tử, không vào Niết-bàn. Như Hiền giả ăn thức ăn xin được của người cúng cho thì chẳng phải là không có phước, cũng chẳng phải là phước lớn, chẳng phải là tổn giảm, cũng chẳng phải là tăng trưởng, là đi đúng đường đi của Phật, chứ không đi theo đường đi của đệ tử. Như vậy là Hiền giả không ăn thực phẩm si vọng của người trong nước cúng dường."

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con nghe nói như vậy, thấy thật chưa từng có, nên đảnh lễ tất cả các Bồ-tát. Người có gia đình đã dùng trí tuệ hùng biện như vậy để khuyên mọi người phát tâm Bồ-đề vô thượng, nên từ đó đến nay con không khuyên ai lập hạnh Thanh văn, Duyên giác nữa, mà thường xuyên khuyên mọi người học đạo Bồ-đề vô thượng. Do vậy nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Trưởng lão Tu-bồ-đề:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa với Phật:

–Con không thể đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, con vào khất thực nơi nhà trưởng giả, khi ấy Trưởng giả Duy-ma-cật lấy bát của con đựng đầy cơm rồi nói: "Thưa Hiền giả! Giả sử Hiền giả bình đẳng đối với sự ăn thì đối với các pháp cũng bình đẳng, bình đẳng đối với các pháp thì đối với các sự cúng dường cũng bình đẳng. Khất thực như vậy mới nên nhận lấy thực phẩm. Nếu Hiền giả không dứt bỏ dâm, nộ, si, mà cũng không thường sống với tất cả. Nếu không biết bản thân mình đã được nhất hành thì chẳng phải là không thông tỏ, chẳng phải hướng đến hữu ái, chẳng phải đắc trí tuệ Bát-nhã, cũng chẳng phải là tội cùng cực. Chánh giải thoát, đã được giải thoát là không mở không buộc, không phải thấy bốn Đế, không phải là không thấy bốn Đế, không phải đắc đạo, không

phải phàm phu, không phải nói pháp phàm tục, không phải là chân, không phải là không chân. Tất cả là không pháp hành, lìa tưởng về pháp, không thấy Phật, không nghe pháp, thì cũng có thầy như Bất-lan Ca-diếp, Ma-ha Ly-cù-da, Lâu-a-di Chuyên-cơ-da, Kim-ly-ba, Hưu-ca-chiên Tiên, Tỳ-lư-đặc Ni-kiền Tử... Lại nữa, thưa Hiền giả! Những vị thầy đó nói nương tựa là đạo, theo những thầy này là trụ vào các kiến chấp, là bị đọa vào nhị biên, không đến được cõi Phật, là đã quay về với tám nạn, là ở nơi các phiền não. Không tin chúng là lìa được đường cấu uế, không sinh tử. Nhưng những người thầy đó đối với mọi người cũng là tưởng về tha nhân. Nếu Hiền giả còn tưởng về tha nhân như những người kia thì chẳng giúp cho sự diệt trừ. Người cúng dường cho Hiền giả trở lại cùng với chúng ma nắm tay nhau làm bạn phiền não. Đối với tất cả mọi người tưởng như bóng dáng thì chỗ trụ ấy như là hủy báng chư Phật, chê bai kinh điển, không nương chúng Tăng, không bao giờ được diệt độ. Hiền giả đem hạnh như vậy mà nhận lấy thực phẩm khất thực được sao?"

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con nghe như vậy thì mù mờ không biết trưởng giả nói gì và không biết phải trả lời thế nào, liền để bát lại và ra khỏi nhà trưởng giả. Trưởng giả Duy-ma-cật nói: "Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Xin Hiền giả lấy bát, đừng sợ! Này Hiền giả! Thế nào, Như Lai có dùng tưởng mà giảng nói không? Lấy gì để sợ?" Con đáp: "Không". Trưởng giả Duy-ma-cật nói: "Tưởng là huyễn hóa mà tự nhiên. Hiền giả há không nói tất cả pháp, tất cả người đều là tự nhiên đó sao? Cho đến như người trí không để cho mắt vướng mắc, nên không sợ hãi. Tất cả đều tách rời khỏi văn tự, vì văn tự tự nó đã giải thoát.. Tướng giải thoát chính là các pháp."

Ngay khi Trưởng giả Duy-ma-cật nói pháp này. Bạch Thế Tôn! Có hai trăm hàng trời, người đắc Pháp nhãn thanh tịnh. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Hiền giả Phú-lâu-na:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả Phú-lâu-na thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, ở nơi khác, bên một đại thọ, con thuyết pháp Tử Úy cho Tỳ-kheo A-di-hành. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: "Hiền giả muốn đặt người này vào chỗ nào? Dùng pháp gì để dạy cho Tỳ-kheo ấy? Không lẽ đi ngược lại tâm ma-ni ấy? Như vậy là đã hạ thấp hạnh chân chánh. Lại không nên vì không xem xét căn tánh của người nghe mà nói lên tâm ý của họ. Nên chọn lấy cách làm cho họ không

bị tổn thương, đừng đem gạch chưa nung làm bếp, có thể khiến họ đi vào dấu vết của đường sinh tử mênh mông, đừng chuyên dắt dẫn, để họ tự giữ. Lại nữa, thưa Hiền giả! Những vị Tỳ-kheo này đối với đại đạo đã có tâm chí quyết định, tại sao Hiền giả lại quên đạo ý đó mà khuyến khích tu hành theo pháp đệ tử?"

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật liền nhập định Tam-muội Như kỳ tượng, nhớ đời trước của các Tỳ-kheo này đã từng gieo trồng gốc rễ công đức nơi đạo Chánh giác Vô thượng, ở chỗ năm trăm Đức Phật, trải qua thời gian và nhân nơi tâm đạo đó mà được giải thoát. Ngay khi đó, các Tỳ-kheo đều cúi đầu lạy sát chân Trưởng giả Duy-ma-cật vì đã thuyết pháp ấy, khiến họ đều không còn thoái chuyển. Từ đó đến nay, con nghĩ đến đệ tử chưa quán xét về người thì không thể thuyết pháp. Vì sao? Vì không thể thường định về nguồn gốc của ý căn và biết rõ nguồn gốc của công đức như Phật.

Bạch Thế Tôn! Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả đó.

Phật bảo Trưởng lão Ca-chiên-diên:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả Ca-chiên-diên thưa với Phật:

–Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, Phật vì hai Tỳ-kheo thô tháo hiện bày phép tắc rồi Phật vào tịnh thất, sau đó con vì họ diễn nói rộng những điều chính yếu trong kinh. Con nói về nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã. Bấy giờ Trưởng lão Duy-ma-cật đến nói với con: "Thưa Hiền giả Ca-chiên-diên! Xin Hiền giả đừng đem cái nghĩa đợi làm mới phát khởi để thuyết pháp. Thưa Hiền giả! Nếu các pháp hoàn toàn không sinh, không tưởng, không khởi, không diệt thì đó là nghĩa vô thường. Năm ấm rỗng lặng, không chỗ khởi, do biết như vậy là nghĩa khổ. Đối với ngã không phải ngã mà chẳng phải hai, là nghĩa vô ngã. Không như vậy, không diệt là trước sau hoàn toàn diệt, diệt này là nghĩa không."

Kính bạch Thế Tôn! Khi Trưởng giả Duy-ma-cật thuyết pháp như vậy thì tâm phiền não sẵn có của các Tỳ-kheo đó đều được giải thoát. Do vậy nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Trưởng lão A-na-luật:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả A-na-luật thưa với Phật:

–Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con

nhớ ngày trước, con kinh hành ở một chỗ nọ, thấy có Phạm thiên tên Tịnh Phục Tịnh cùng với một ngàn Phạm thiên đi đến chỗ con, cúi đầu làm lễ và hỏi: "Thiên nhãn của Hiền giả A-na-luật thấy được bao nhiêu?" Con trả lời: "Này Nhân giả! Tôi thấy tam thiên đại thiên quốc độ của Phật tựa như thấy cái mũ báu trong lòng bàn tay." Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: "Thế nào, thưa Hiền giả A-na-luật! Thiên nhãn của Hiền giả thọ thân tướng hay là không thọ? Giả sử có thọ thân tướng thì cùng với năm thông của ngoại đạo đồng nhau. Nếu không thọ tướng thì không thọ tướng là không tính toán, tức là không có sự thấy."

Kính bạch Thế Tôn! Bấy giờ con lặng thinh, còn các Phạm thiên kia nghe trưởng giả nói thì vui mừng cho là điều chưa từng có, liền lạy trưởng giả và hỏi: "Ở đời ai có được Thiên nhãn?" Trưởng giả Duy-ma-cật trả lời: "Có Đức Phật, Thế Tôn, Ngài thường an trú trong chánh định, thấy hết mọi cõi Phật nhưng không nói ra."

Bấy giờ, trong chúng gồm năm trăm Phạm thiên đều phát đầy đủ tâm Bồ-đề vô thượng xong, bỗng nhiên biến mất. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Trưởng lão Ưu-ba-ly:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả Ưu-ba-ly thưa với Phật:

–Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước có hai vị Tỳ-kheo chưa thực hiện luật, lấy làm xấu hổ đưa nhau đến chỗ Đức Như Lai, ngang qua chỗ con, hỏi: "Kính thưa Hiền giả! Chúng con chưa thực hành luật, thành thực lấy làm xấu hổ, muốn đến yết kiến Đức Phật. Xin Hiền giả giải tỏa tâm đó cho chúng con." Con liền nói pháp cho họ. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: "Thưa Hiền giả Ưu-ba-ly! Xin Hiền giả đừng giải thích và dùng sự dạy bảo làm trái với hạnh của họ. Lại nữa, kính bạch Hiền giả! Chưa thực hành luật là không chấp ở trong, ở ngoài, cũng không có hai bên. Vì sao? Vì bản ý này là của Đức Như Lai, muốn vì người phiền não chấp giữ phiền não được dứt sạch, khi ý ác đã cởi bỏ rồi thì chỗ ý nương tựa cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở hai bên. Ý đó như thế nào thì việc thực hành luật cũng vậy. Các pháp cũng thế. Sự chuyển động cũng vậy. Khi tâm ý của Hiền giả Ưu-ba-ly trong sạch, Hiền giả dùng tâm ý trong sạch ấy làm tâm ý giải thoát thì có thể làm cho nó trở lại thành bẩn hay sạch được không?" Con trả lời: "Không thể." Trưởng giả Duy-ma-cật lại nói: "Như tâm tánh trong sạch cùng việc chưa thực hành luật, tất cả các pháp, tất cả tâm người từ suy nghĩ

mà có bẩn. Dùng sạch mà quán bẩn, không điên đảo với sạch thì cũng là cái bẩn của ngã... Nhơ nhớp cùng với tánh sạch, tánh sạch cùng với chỗ dấy khởi hoàn toàn không chốn trụ. Lại, tất cả pháp có thể thấy biết, như trăng trong nước, tất cả các pháp từ nơi ý sinh ra. Biết như vậy là phụng hành luật. Biết như vậy là biết đúng.” Bấy giờ, hai vị Tỳ-kheo nói: “Thật là bậc Trí tuệ cao vời! Hiền giả Ưu-ba-ly không bằng. Hiền giả giữ giới luật của Phật trên hết mà không thể nói như vậy.” Con trả lời: “Ngoại trừ Đức Như Lai, chưa có sự biện tài nào của đệ tử và Bồ-tát mà dẹp bỏ sự hoài nghi một cách thông tuệ như thế.” Hai vị Tỳ-kheo hết cả hoài nghi, liền phát tâm Bồ-đề vô thượng. Lại nói: “Nguyện cho tất cả mọi người cũng được hùng biện sắc bén như vậy.”

Bạch Thế Tôn! Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Hiền giả La-vân:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả La-vân thưa với Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, các trưởng giả tử đến lạy sát chân con và hỏi: “Thưa Hiền giả La-vân! Hiền giả là con Phật, bỏ quả vị Chuyển luân vương mà xuất gia học đạo, vậy sự xuất gia ấy có những lợi ích gì?” Con liền nói cho họ một cách đúng đắn về mục đích tốt đẹp của Sa-môn. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: “Thưa Hiền giả La-vân! Nói về mục đích tốt đẹp của Sa-môn thì không nên nói như Hiền giả đã nói. Vì sao? Vì không tốt đẹp, không mục đích, mới là Sa-môn, mới là người hành đạo. Thưa Hiền giả La-vân! Lìa dấu tích bên này, bên kia, khoảng giữa, ở nơi Niết-bàn, nhận trí sáng suốt, vời gọi các bậc Hiền thánh, chiến thắng các loại quân ma, vào năm đường, sạch năm mắt, nhận năm Lực, lập năm Căn, qua bờ bên kia, giáo hóa ngoại đạo, làm người dẫn đường đúng đắn, cứu vớt chúng sinh ra khỏi bùn lầy, không thọ ngã, không thọ bỉ thử, không dấy khởi, tùy thuận, dứt hết giận dữ tạp loạn, chiến thắng ý mình, hộ trì ý chí người, dứt dòng họ, mở bày việc học theo nẻo lớn lao. Làm được như vậy mới là làm Sa-môn.” Ngay khi Trưởng giả Duy-ma-cật dạy các đồng tử về pháp tự nhiên, khó gặp Phật ra đời này, các đồng tử nói: “Thưa cư sĩ! Chúng tôi không nghe Phật dạy người trái ý cha mẹ mà học đạo.” Trưởng giả Duy-ma-cật nói: “Đúng! Phải quán thanh tịnh để phát tâm Bồ-tát. Người thực hành ứng hợp thì có thể được chí xuất gia kiên cố.”

Bấy giờ, có ba mươi hai trưởng giả tử đều phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả A-nan thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, thân thể Đức Thế Tôn bị trúng gió nhẹ, cần dùng sữa bò. Hôm ấy, vào lúc sáng sớm, con vào thành Duy-da-ly, đến một nhà đại Phạm chí, đứng ngoài cửa. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: "Thưa Hiền giả A-nan! Tại sao mới sáng sớm mà Hiền giả cầm bát đứng đây?" Con trả lời: "Thưa cư sĩ! Đức Thế Tôn thân bị trúng gió nhẹ, cần dùng sữa bò nên tôi đến đây." Trưởng giả Duy-ma-cật liền nói: "Đừng, đừng! Xin Hiền giả đừng nói như vậy. Thân của Đức Như Lai là thân kim cang, dứt hết điều ác, hội đủ điều thiện thì còn bệnh tật gì? Hãy lặng thinh mà đi đi! Hiền giả A-nan, đừng hủy báng Đức Như Lai. Cẩn thận, đừng nói lại lời ấy, đừng để chư Thiên đại tôn thần diệu nghe lời ấy, hay các hội Bồ-tát nơi nước Phật phương khác nghe được lời ấy. Vả lại, thưa Hiền giả A-nan! Chuyển luân thánh vương nhờ phước đức mà còn được tự tại, huống chi là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là Bậc ban bố phước đức cho mọi người và tụ hội vô lượng phước và là bậc hơn hết. Đi đi thôi, Hiền giả A-nan! Đừng làm xấu hổ, đừng để hàng ngoại đạo dị học nghe lời thô này, là tại sao thầy ta bị bệnh. Bệnh của mình không thể cứu được thì sao có thể cứu được bệnh của người khác? Hiền giả hãy đi mau đi, đừng nói nữa! A-nan nên biết! Pháp thân của Như Lai không phải là cái thân tư dục. Phật là Đấng Thế Tôn, vượt qua các thế gian. Thân Phật là vô lậu, các lậu đã hết. Thân Phật là vô số, các hành đã trừ. Thân ấy làm sao có bệnh?"

Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con thật xấu hổ, không lẽ được gần Phật mà lại nghe lầm. Tức thì nghe trong không trung có tiếng bảo con: "Đúng vậy, Hiền giả A-nan! Như cư sĩ đã nói, chỉ vì Đức Phật xuất hiện nơi đời có năm thứ ô trược nên hiện thành bệnh tật để chỉ dạy cho tất cả kẻ tham lam, nghèo thiếu. Vậy cứ đi đi, Hiền giả A-nan, cứ kiếm sữa, đừng xấu hổ."

Bạch Thế Tôn! Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Cứ như thế, năm trăm đệ tử thượng thủ của Phật đều thưa với Phật về trường hợp cũ. Tất cả đều hướng về Phật thuật lại lời nói hay đẹp của Trưởng giả Duy-ma-cật.

-oOo-

PHẨM 4: BỒ-TÁT

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Bồ-tát Di-lặc thưa với Phật:

–Con không đủ sức đến thăm vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, con ở trên cung trời Đâu-suất, vì các chư Thiên thuyết pháp. Con nói về hạnh không thoái chuyển của Bồ-tát Đại nhân. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: "Thưa Bồ-tát Di-lặc! Đức Thế Tôn thọ ký cho Nhân giả một đời nữa là thành tựu đạo quả Chánh chân Vô thượng, vậy Bồ-tát dùng đời nào để đắc? Quá khứ chăng? Vị lai chăng? Hiện tại chăng? Bồ-tát nếu dùng đời quá khứ thì quá khứ đã hết rồi, đời vị lai chưa đến, còn đời hiện tại thì hiện tại không ngừng.

Đúng như Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ-kheo: Về chỗ sâu xa nơi sự sinh thì đúng là sinh là già, là bệnh, là chết, là đầu, là cuối và chưa sinh cùng sẽ sinh, cả hai điều này chẳng phải là vô sinh. Do vậy mà luận: Không thể từ vô sinh mà chứng đắc tối chánh giác. Như vậy thì dùng cái gì để thọ ký?

Thưa Bồ-tát Di-lặc! Chắc chắn từ chân như sinh chăng? Từ chân như diệt chăng? Nếu từ chân như thì không sinh, không diệt. Tất cả nhân đều chân như, tất cả pháp cũng chân như, chúng Hiền thánh cũng toàn là chân như. Đến như Bồ-tát Di-lặc cũng là chân như. Về sự việc thọ ký Bồ-đề vô thượng thì tất cả chúng sinh đều được. Vì sao? Vì chân như không nói vì mình, cũng không vì người để nói lên. Như Bồ-tát Di-lặc được thành Bồ-đề vô thượng thì tất cả chúng sinh cũng sẽ được Bồ-đề. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh chính là Bồ-đề. Như Bồ-tát Di-lặc được diệt độ thì tất cả chúng sinh cũng sẽ được diệt độ. Vì sao? Vì Như Lai không bỏ chúng sinh để riêng một mình diệt độ, nhất định các phàm phu sẽ được diệt độ.

Thưa Bồ-tát Di-lặc! Cùng với hàng trời người bàn luận thì đừng phi thời. Phật là không qua mà cũng không trở lại.

Thưa Bồ-tát Di-lặc! Nếu chư Thiên này muốn thấy đạo thì chính là hành đạo tà, vì không từ thân, không từ chánh giác, cũng không thể từ ý.

Diệt là Phật, vì tất cả như ảo hóa. Vô tỷ là Phật, vì tất cả tạo nghiệp. Vô vi là Phật, vì tất cả không mê lầm. Đoạn trừ là Phật, vì xa lìa tất cả. Không dục là Phật, vì đối với các sự thọ nhận đều đầy đủ. Không xen tạp là Phật, vì đều bao gồm trong một trí. An lạc là Phật, vì mọi sự suy nghĩ

đều vui. Không nói là Phật, vì không vướng mắc vào các nẻo chấp trước. Trụ là Phật, vì trú ở pháp tánh. Vào khắp là Phật, vì tự nhiên như vậy. Bất nhị là Phật, vì tách rời hai pháp. Gầy dựng là Phật, vì chứa nhóm thành tín. Bình đẳng là Phật, vì đồng đẳng như hư không. Vô số là Phật, vì lìa chỗ khởi đầu. Biết rõ là Phật, vì biết rõ tâm hành của chúng sinh. Ở trên là Phật, vì nhập chốn không tham. Không hội là Phật, vì đoạn trừ lao ngục. Thánh sư là Phật, vì không thể so sánh, giáo hóa dìu dắt tất cả. Chẳng phải hiện danh là Phật, vì đã thấy đế. Không màu sắc là Phật, vì lìa sạch, nhơ. Thuận theo là Phật, vì bản tánh đã thanh tịnh. Sáng suốt là Phật, vì tự nhiên đã sạch. Không thọ là Phật, vì các lưới nghi đã cắt. Không nhiều là Phật, vì các pháp đồng giác ngộ. Không dục là Phật, vì sắc đẹp đã xả. Mầu nhiệm là Phật, vì sự giác ngộ rất cao xa.”

Kính bạch Thế Tôn! Ngay khi Trưởng giả Duy-ma-cật thuyết pháp như vậy thì trong chúng chư Thiên có hai trăm vị chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Đồng tử Quang Tịnh:

–Đồng tử hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Đồng tử Quang Tịnh thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, con đi ra thành lớn Duy-da-ly. Khi ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật cũng vừa mới vào thành. Con thi lễ và hỏi: “Cư sĩ từ đâu đến đây?” Trưởng giả trả lời: “Tôi từ đạo tràng đến đây.” Con hỏi: “Đạo tràng là chỗ nào?” Trưởng giả trả lời: “Tâm vô sinh là đạo tràng, vì chế ngự hoàn toàn ý xấu ác. Tâm thuần thục là đạo tràng, vì tập quen sự tăng thượng. Tâm Hiền thánh là đạo tràng, vì đi đến chỗ thù thắng. Tâm Bồ-đề là đạo tràng, vì không quên xả bỏ. Tâm bố thí là đạo tràng, vì không mong đáp trả. Tâm trì giới là đạo tràng, vì ý nguyện đầy đủ. Tâm nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sinh không tạo rối loạn. Tâm tinh tấn là đạo tràng, vì tâm không thoái lui. Tâm thiền định là đạo tràng, vì ý hành xuất ly. Tâm trí tuệ là đạo tràng, vì mắt tuệ thấy hết các pháp. Tâm Từ là đạo tràng, vì ý bình đẳng. Tâm Bi là đạo tràng, vì chịu được khổ. Tâm Hỷ là đạo tràng, vì dùng pháp lạc làm vui mọi người. Tâm Hộ (Xả) là đạo tràng, vì tùy thuận theo sự hướng dẫn mà xả bỏ chấp trước. Tâm thần thông là đạo tràng, vì chứng đắc sáu Thần thông. Tâm chỉ nghĩ đến việc là đạo tràng, vì không tức giận. Tâm diệt là đạo tràng, vì độ chúng sinh. Tâm bốn ân là đạo tràng, vì nhóm họp mọi người. Tâm đa văn là đạo tràng, vì từ lãnh thọ mà thành tựu. Tâm bất sinh là đạo tràng, vì như tự nhiên quán. Tâm của

pháp đạo phẩm là đạo tràng, vì không chấp trước về số, không rơi vào nẻo số lượng. Tâm đế là đạo tràng, vì không tích chứa quả báo thế gian. Tâm duyên khởi là đạo tràng, vì vô minh cho đến lão tử đều vô cùng tận. Tâm làm tịch tĩnh các phiền não là đạo tràng, vì Phật từ nơi đấy mà thành Tối chánh giác. Tâm chúng sinh là đạo tràng, vì người vật là như nhiên. Tâm các pháp là đạo tràng, vì từ không thành tựu Tối chánh giác. Tâm chiến thắng quân ma là đạo tràng, vì không có nghiêng đổ. Ba cõi là đạo tràng, vì tuy ở nhưng không rơi vào dục. Tòa Sư tử là đạo tràng, vì khéo thắng, không còn sợ hãi. Lực, vô úy là đạo tràng, vì tất cả không hoạn nạn. Trí của ba đạt là đạo tràng, vì không còn sót lại sự chướng ngại nào. Một ý nghĩ biết tất cả các pháp là đạo tràng, vì Nhất thiết trí đã hiện bày đủ khắp. Như vậy, thưa Nhân giả! Bồ-tát nếu thích ứng nơi các pháp Ba-la-mật, như thích ứng chỗ giáo hóa mọi người, như thích ứng nơi lãnh thọ pháp thì được mọi sự ủng hộ, không bị rơi vào cõi Dục. Đó là tất cả từ tâm Phật đến ở nơi tất cả pháp Phật."

Bạch Thế Tôn! Khi Trưởng giả Duy-ma-cật nói pháp như vậy thì có năm trăm vị trời, người phát tâm Bồ-đề vô thượng. Vì vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Bồ-tát Trì Nhân thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, con ở trong tịnh thất, bấy giờ Thiên ma Ba-tuần –dáng như Đế Thích– dẫn một vạn hai ngàn ngọc nữ, tấu nhạc hát ca, đi đến tịnh thất con, lạy sát chân, cùng với quyến thuộc cúng dường con, rồi đứng sang một bên. Con tưởng là Đế Thích nên khen: "Hãy đến đây, này Câu-dực! Tuy phước đức đáng có cũng đừng nên buông thả. Tất cả dục lạc nên quán là vô thường, không bền vững, nhiều lỗi lầm, nên tu phước đức." Ma vương liền thưa với con: "Thưa Chánh sĩ! Xin Đại sĩ hãy nhận một vạn hai ngàn Thiên nữ này để giúp việc quét dọn." Con bảo: "Này Câu-dực! Đừng đem vật mỹ miều độc hại này thúc ép đệ tử của Thích-ca. Những người này không thích hợp với tôi." Khi ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật đến nói với con: "Này Tộc tánh tử! Đối với họ, chớ khởi tâm ô nhiễm. Đó là ma vương đến quấy phá người đấy, chứ chẳng phải Đế Thích đâu!" Trưởng giả Duy-ma-cật lại nói: "Này Ba-tuần! Hãy cho ta những ngọc nữ này. Như ta thì nhận được, chứ đừng cho đệ tử của Thích-ca." Ma vương kinh sợ, nghĩ: "Đại sĩ Duy-ma-cật này chắc không giúp mình." Ma vương muốn

tàng hình trốn đi nhưng không thể được. Hiện hết thần lực, ma vương vẫn không thể trốn đi lại nghe trong không trung có tiếng bảo: "Ba-tuần! Hãy đem ngọc nữ cho đi thì mới thoát được." Ma vương vì sợ, nên miễn cưỡng cho ngọc nữ. Trưởng giả Duy-ma-cật bảo các ngọc nữ: "Ma vương đã đem các ngươi cho ta. Nay các ngươi nên phát tâm Bồ-đề vô thượng." Các ngọc nữ nói: "Trưởng giả dạy như vậy, nếu chúng tôi phát tâm cầu đạt đại đạo thì làm thế nào để vui chơi?" Trưởng giả nói: "Các ngươi phát tâm Chánh chân Vô thượng rồi thì có cái vui chánh pháp có thể để tự vui được. Các ngươi đã được cái vui đó thì sẽ không còn vui theo cái vui dục lạc kia." Các ngọc nữ hỏi: "Vui theo chánh pháp là thế nào?" Trưởng giả Duy-ma-cật nói: "Đó là vui không xa lìa Phật, vui lắng nghe Pháp, vui cúng dường Tăng, vui không nương ba cõi, vui không ghét ba cõi, vui biết dục là vô thường, vui quán chủng tánh như rắn độc, vui tùy thuận hộ trì tâm đạo, vui an lạc với người và vật, vui dùng lễ kính trọng người, vui bố thí các thứ hiện có, vui kính thờ chân nhân giới hạnh, vui nhẫn nhục điều phục không nhẫn nhục, vui siêng năng biết thực hành công đức, vui thiền định hành thiện, vui trí tuệ sâu rộng, vui tuyên dương rộng pháp Phật, vui chiến thắng quân ma, vui chuyển hóa phiền não, vui làm sạch nước Phật, vui thành tựu tướng hảo để hội họp giáo hóa, vui trang nghiêm đạo tràng, vui ba cửa giải thoát, vui đạo Niết-bàn, vui nhập nơi pháp sâu không thích phi thời, vui tập quen với người tự nhiên, không thích tức giận sai trái, vui tập quen theo bạn lành, vui xa lìa bạn ác, vui sự tốt đẹp, vui với pháp vô lượng đạo phẩm… Như thế đó là Bồ-tát vui với cái vui chánh pháp để tự an vui." Bấy giờ, Ba-tuần bảo các ngọc nữ: "Ta muốn cùng các ngươi trở về Thiên cung." Các Thiên nữ nói: "Ma vương đã đem chúng tôi cho vị cư sĩ này, lại vui với cái vui chánh pháp, chúng tôi rất vui. Chúng tôi không thích cái vui nơi năm dục nữa." Ba-tuần nói: "Thưa cư sĩ! Xin Đại sĩ phóng xả những Tiên nữ này, đem tất cả mọi thứ hiện có bố thí cho người khác, đó là Bồ-tát." Trưởng giả Duy-ma-cật nói: "Ta đã phóng xả rồi đó, ngươi đem họ đi đi. Ấy là khiến cho tất cả chúng sinh tuân thừa pháp hạnh, đạt được ước nguyện." Các Thiên nữ làm lễ và hỏi Trưởng giả Duy-ma-cật: "Chúng tôi nên ở Thiên cung theo cách nào?" Trưởng giả Duy-ma-cật nói: "Các chị! Có một cõi trời tên là Thường mở pháp môn vô tận. Các chị nên tới đó ở. Sao gọi là Thường mở pháp môn vô tận? Ví như một ngọn đèn đốt cháy cả trăm ngàn ngọn đèn, làm cho tối tăm đều sáng và cái sáng ấy không bao giờ cùng tận. Như thế, này các chị! Một vị Bồ-tát dùng đạo khai mở, dẫn đường cho cả trăm ngàn Bồ-tát. Tâm đạo của Bồ-tát đó không bao giờ hao tổn lại còn tăng thêm rất nhiều. Công đức như vậy nhưng nếu không đem

dẫn đường cho kẻ khác tất hao hụt hết, cho nên có tên là Thường mở pháp môn vô tận. Các chị nên theo đó tu học. Vô số Thiên tử, Thiên nữ nơi cõi ma chưa vị nào có thể có được tâm đạo như các chị, nhưng đối với giáo pháp của Đức Như Lai còn có sự nối tiếp."

Khi Trưởng giả Duy-ma-cật thuyết pháp cho tất cả mọi người xong, ma vương cùng quyến thuộc của ma đều rút lui.

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Duy-ma-cật có sự cảm hóa như vậy, do đấy, con không đủ sức đến thăm bệnh trưởng giả ấy.

Phật bảo trưởng giả tử Thiện Kiến:

–Ông hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Trưởng giả Thiện Kiến thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Vì sao? Vì con nhớ ngày trước, con mở đại hội cúng tế nơi nhà cha con, thời hạn bảy ngày. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma-cật đến đàn đại cúng tế, bảo con: "Trưởng giả tử! Không nên cúng tế như mọi người cúng tế. Hãy nên cúng tế như pháp, cần gì cúng tế theo tư dục như thế." Con hỏi: "Cúng tế như pháp là thế nào?" Trưởng giả Duy-ma-cật nói: "Trưởng giả tử! Người cúng tế không có mục đích mưu cầu, cho nên kính đãi mọi người. Vậy thì cúng tế như pháp nghĩa là gì? Nghĩa là vì Phật sự mà không dứt tâm Từ, vì việc người mà không dứt tâm Bi, vì việc pháp mà không dứt tâm Hỷ, vì tuệ lực mà không dứt tâm Xả, vì bố thí mà không dứt đàn tràng, vì giới hóa độ người mà không rời luật, biết vô ngã mà không dứt nhẫn nhục, vì việc làm của thân tâm mà không dứt tinh tấn, vì việc đạo mà không dứt thiền tư, vì học rộng mà không dứt trí tuệ. Nếu người nào không bố thí thì không dứt tánh Không, làm việc thế tục mà không dứt Vô tướng, ở trong cuộc đời mà không dứt Vô nguyện, vì hộ trì chánh pháp mà không dứt lực hành, vì ban ân cho người mà không dứt tuổi thọ, biết sự thật của người mà không dứt khiêm nhường, cung kính, vì công đức bền chắc mà không dứt tính mạng và tài sản, vì sáu sự tư niệm mà không dứt các niệm, vì thực hành sáu pháp bền chắc mà không dứt tâm học tập, vì tu tập chánh định mà không dứt cách sống trong sạch, thực hành hoan hỷ mà không dứt học tập theo Hiền thánh, vì dứt tâm không sinh mà không dứt người ngu, làm Sa-môn không dứt chánh tánh, khéo đọc tụng, thọ trì mà không dứt tánh nghe. Ở nơi chốn núi, đầm lãnh thọ pháp, không dứt ở chỗ trống vắng, nghĩ phát sinh tuệ giác của Phật, không dứt thiền tọa, vì tất cả phiền não mà không xa rời người hiền, vì tu hành tướng hảo và làm trang nghiêm cõi Phật mà không dứt phần phước nghiệp, vì tùy theo nghiệp của chúng sinh để thuyết

pháp mà không dứt phần trí tuệ, vì đoạn mọi phiền não, các pháp bất thiện mà không dứt tất cả phần công đức, tất cả trí giác, tất cả pháp thiện hoàn toàn không dứt, nhờ đạo phẩm của chánh pháp mà mang lại tất cả. Như thế, gọi là cúng tế như pháp. Bồ-tát gây dựng sự cúng tế đúng pháp như vậy được gọi là cúng tế vĩ đại, cũng là phước đức trên hết của thế gian."

Bạch Thế Tôn! Khi Trưởng giả Duy-ma-cật nói pháp này thì trong chúng Phạm chí có hai trăm Bà-la-môn phát tâm Bồ-đề vô thượng. Khi ấy, tâm con được thanh thản lạ lùng, được cùng gặp bậc Chánh sĩ đức hạnh cao vời, con liền cởi ra trăm ngàn xâu chuỗi ngọc anh lạc nơi cổ kính dâng trưởng giả, nhưng trưởng giả không nhận. Con nói: "Xin Đại sĩ nhận cho, rồi cho ai thì tùy ý." Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật mới nhận chuỗi ngọc anh lạc, chia làm hai phần, vẫn như nhà cúng tế, đem một phần cho những người hành khất nghèo khổ nhất trong nước, lại đem một phần dâng Đức Như Lai Đầu-ba-biến Chí Chân Đẳng Chánh Giác, thấy đại chúng và quốc độ của Đức Như Lai Đầu-ba-biến, quốc độ của Ngài tên là Viêm Khí, thấy chuỗi ngọc anh lạc treo nơi nước kia biến thành gác ngọc nơi giao lộ của Đức Phật ấy. Đã thấy sự biến hóa như thế rồi, lại nghe trưởng giả nói: "Như vậy đó, thưa Nhân giả! Người bố thí được gần Như Lai và người bố thí tài vật không khởi tưởng thì cho một người nghèo cũng đồng với không biết bao nhiêu niệm có tâm đại Bi. Không cầu quả báo như vậy gọi là cúng tế đúng pháp hoàn hảo. Trong nước, những người nghèo thấy các thần lực biến hóa ấy và nghe những lời dạy của Phật nên đều phát tâm Bồ-đề vô thượng."

Bạch Thế Tôn! Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Như vậy, tất cả các Bồ-tát, ai cũng thuật lại lời nói của Trưởng giả Duy-ma-cật và cũng thưa là không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy.

-oOo-

PHẨM 5: ĐÀM LUẬN CÁC PHÁP

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma-cật.

Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Duy-ma-cật ấy tuy là Ưu-bà-tắc nhưng thâm nhập pháp yếu, đức hạnh thuần khiết, tài hùng biện vững vàng, trí tuệ không thể so lường, biết hết mọi pháp thức của tất cả Bồ-tát, vào hết mọi

kho tàng của Phật, chế ngự các loại ma, dùng đức để chiến thắng chúng, chỉ hành theo trí tuệ phương tiện, đều đạt hoàn hảo. Tuy nhiên, con xin nương tựa nơi Phật, muốn đến đó để mở bày, hóa độ cho mười phương.

Ngay khi ấy, các vị Bồ-tát, các đại đệ tử của Phật, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương... đều nghĩ: "Nay hai vị Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi và Duy-ma-cật đàm luận với nhau thì chắc chắn nói về Đại thừa." Tức thì tám ngàn Bồ-tát, năm trăm Thanh văn, năm trăm ngàn hàng trời, người cùng muốn đi nghe.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi với sự tháp tùng của các Bồ-tát, các vị đại đệ tử, trời, người và quyến thuộc, cùng đi vào thành lớn Duy-da-ly.

Trưởng giả Duy-ma-cật nghĩ: "Nay Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng đến đây, ta sẽ làm cho phòng này trống không và hợp các tòa ngồi lại làm thành một tòa, rồi lấy cớ bệnh mà nằm."

Đại sĩ Văn-thù vào nhà Trưởng giả Duy-ma-cật, thấy nhà trống không, chỉ độc một cái giường nằm. Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Phiền cho Bồ-tát quá! Xưa kia nếu không từng quen biết thì bây giờ đâu có đến thăm nhau.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thế nào cư sĩ? Bệnh cư sĩ có chịu nổi không? Có bớt không, hay là tăng? Đức Thế Tôn ân cần hỏi thăm nhiều lắm, rằng: "Cư sĩ đứng ngồi có được nhẹ nhàng, tới lui có được vững vàng tự tại không? Bệnh cư sĩ do đâu mà có? Đã bao lâu rồi? Và khi nào thì hết?"

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Bệnh này phát sinh đã lâu rồi. Từ si có ái nên bệnh của tôi phát sinh. Vì tất cả chúng sinh bệnh nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sinh không bệnh, thì bệnh tôi cũng hết. Vì sao? Bồ-tát muốn xây dựng chúng sinh nên vào sinh tử, đó là bệnh. Làm cho tất cả chúng sinh hết bệnh thì Bồ-tát không còn bệnh nữa. Ví như vị trưởng giả chỉ có đứa con một mắc bệnh. Đứa con bệnh thì cha mẹ bệnh theo. Đứa con lành thì cha mẹ cũng lành. Bồ-tát cũng vậy, thương tất cả chúng sinh như con nên chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sinh lành thì Bồ-tát lành.

Lại nói: "Bệnh Bồ-tát do đâu mà có?", thì thưa Đại sĩ, bệnh Bồ-tát là do đại Bi mà có.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Tại sao nhà cửa trống không, không có cả người hầu?

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Quốc độ của chư Phật cùng với nhà này đều trống không như hư không.

Hỏi:

–Sao gọi là không?

Đáp:

–Vì không mà không.

Hỏi:

–Đã không, vì sao là không?

Đáp:

–Không, vì không phân biệt là không.

Hỏi:

–Không do ai làm?

Đáp:

–Không là do phân biệt, mà phân biệt cũng là không.

Hỏi:

–Không, nên tìm ở đâu?

Đáp:

–Không, nên tìm ở sáu mươi hai thứ kiến chấp.

Hỏi:

–Sáu mươi hai thứ kiến chấp nên tìm ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm ở trong sự giải thoát của Như Lai.

Hỏi:

–Sự giải thoát của Như Lai nên tìm ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm trong tâm hành của chúng sinh.

Thưa Nhân giả! Bồ-tát hỏi tôi sao không có người hầu, thì thưa Bồ-tát, tất cả quân ma đều là người hầu của tôi. Vì những ai lưu chuyển cũng là người hầu của tôi. Vì sao? Vì việc làm của ma là thọ nhận sinh tử. Sinh tử tức là người hầu của Bồ-tát. Người lưu chuyển nhận lấy các thứ kiến chấp, mà Bồ-tát thì không dao động vì kiến chấp.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Bệnh của cư sĩ là loại bệnh gì?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát! Bệnh của tôi không hiện rõ nên không thể thấy.

Hỏi:

–Bệnh ấy thuộc về thân hay thuộc về tâm?

Đáp:

–Bệnh tôi thuộc về thân vì thân là đại địa, thuộc về tâm vì tâm là pháp huyễn.

Hỏi:

–Trong bốn đại chủng: địa, thủy, hỏa, phong, thì bệnh của trưởng giả thuộc đại chủng nào?

Đáp:

–Đại chủng ấy là tập khí của tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Bồ-tát nên quán các tâm bệnh của chúng sinh như thế nào? Lại nữa, dùng sự tu tập gì đối với Bồ-tát có bệnh?

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Đối với thân vô thường đừng cho là Niết-bàn, đối với thân khổ sở thường biểu lộ sự không đam mê, không cho Niết-bàn là an ổn để thích thú nơi Niết-bàn, hiện thân vô ngã mà giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh. Thân trống vắng đừng cho là vắng lặng hoàn toàn vì sẽ hiện bày việc làm trước đây. Thường thương bệnh người khác mà không kể bệnh của mình. Do biết kiếp quá khứ mà hướng dẫn, tạo lợi ích cho người và vật không mê lầm. Nhớ nghĩ việc thiện để tu hành, sống đời trong sạch nhưng không cầu mong, thường siêng năng làm bậc y vương để chữa trị mọi bệnh cho chúng sinh. Đó là Bồ-tát hay an ủi người bệnh.

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi:

–Thế nào gọi là Bồ-tát có bệnh mà tâm không rối loạn?

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Bồ-tát có bệnh thì biết bệnh này trước khi sinh ra là trụ ở chỗ dục. Bệnh này sinh ra là từ tư tưởng không thành thật, ở trong các phiền não.

Lại hỏi:

–Bệnh tự thân nó đối với các pháp không thể thủ đắc. Vì sao? Vì bệnh chỉ nương vào bốn đại chủng. Lại các đại chủng này hoàn toàn không có chủ thể, thì cái để nương vào đó cũng không có ngã. Bệnh ấy là chuyên chấp nơi vô ngã, chuyên chấp cả hai đều không. Biết được gốc bệnh rồi thì nên siêng năng, không còn ý tưởng ngã, nhân. Nếu khởi pháp tướng thì

thân này là do các pháp hợp lại mà thành ra. Vậy pháp sinh thì sinh, pháp diệt thì diệt, pháp chuyển thì chuyển, không nhớ nghĩ đến nhau, không biết nhau. Vì khi sinh không nói ta sinh, khi diệt không nói ta diệt. Bồ-tát biết tưởng về pháp, nuôi dưỡng ý tưởng đó mà không trụ. Nếu dùng ý tưởng về pháp để thọ báo là trở ngại lớn. Đã lìa bệnh rồi thì ngã không còn là ngã nữa.

–Trừ bệnh bằng cách nào?

–Nghĩa là đoạn trừ ngã, ngã sở.

–Thế nào là đoạn trừ ngã, ngã sở?

–Nghĩa là tự mình không tham dục.

–Sao gọi là tự mình không tham dục?

–Nghĩa là bên trong không khởi nghiệp.

–Sao gọi là bên trong không khởi nghiệp?

–Nghĩa là phải thể hiện bình đẳng, bất động, không thể động.

–Thế nào là bình đẳng?

–Nghĩa là ngã bình đẳng, Niết-bàn cũng bình đẳng. Vì sao? Vì ngã với Niết-bàn cả hai đều là không.

–Sao gọi là không?

–Gọi là không, vì cả hai đều như vậy. Thành tựu đạo Thánh là đều từ nơi bình đẳng. Bệnh cũng như vậy, không khác.

–Tại sao gọi là sự thọ nhận cũng không?

–Nghĩa là đã hiểu rõ do không biết các tưởng là bất tận, ở nơi tưởng để thủ chứng Niết-bàn. Như vậy, cả hai cái đều là các tưởng, làm tăng trưởng các đường ác, phải nên gần gũi tất cả chúng sinh, hưng khởi tâm đại Bi mình vì mọi chúng sinh, tự tạo pháp tỉnh thức và quán xét: Chỉ trừ khử bệnh chứ không trừ khử pháp, cũng không trừ khử gốc bệnh đã sinh. Biết cội gốc của bệnh mà thuyết pháp.

–Gốc bệnh là gì?

–Nghĩa là ban đầu chưa sáng tỏ. Chưa sáng tỏ tức là gốc của bệnh.

–Sao gọi là chưa sáng tỏ?

–Là ở nơi ba cõi mà không sáng tỏ.

–Làm sao để biết cái không sáng tỏ ấy?

–Nghĩa là đình chỉ tâm. Đình chỉ tâm là do không thủ đắc chứ không phải là do không sáng tỏ.

–Vì sao không thủ đắc?

–Vì không thủ đắc nơi hai kiến, nghĩa là thấy trong, thấy ngoài, toàn bộ là không thể thủ đắc.

Thưa Đại sĩ Văn-thù! Như thế gọi là Bồ-tát có bệnh mà tâm không loạn động. Tuy có già, bệnh, chết, Bồ-tát biết rõ về chúng. Nếu không được như vậy thì chỗ tu trị của Bồ-tát không có lợi ích gì cả. Ví như thắng kẻ thù mới có thể gọi là dũng mãnh, nhưng đoạn tuyệt tất cả khổ, già, bệnh, chết mới gọi là Bồ-tát. Bồ-tát nếu có bệnh thì nên xét như vậy. Như bệnh của tôi cũng không thật không có, cũng vậy. Bệnh của chúng sinh cũng không thật, không có, cũng thế. Khi quán xét như thế thì không còn rơi vào vọng kiến. Để hưng khởi tâm đại Bi, Bồ-tát chắc chắn phải đoạn trừ phiền não. Để hợp với đạo ý thì thực hiện đại Bi đó. Vì sao? Vì Bồ-tát rơi vào vọng kiến thì Bồ-tát nhờ đại Bi đó mà thoát khỏi, không rơi vào vọng kiến. Bồ-tát đại Bi không kể sự sinh ra, vì Bồ-tát sinh ra vì sự giải thoát, giải thoát sự đọa lạc, giải thoát sự sinh ra, giải thoát sự thọ thân, luôn luôn vì người khác mà nói về Phật, thuyết giảng pháp. Đó là lời thề nguyện.

Như Phật đã dạy: Bồ-tát tự mình an thân mà không cởi mở sự trói buộc cho chúng sinh thì không phải là nơi chốn để tự an thân. Bồ-tát cởi mở mọi trói buộc cho chúng sinh, đó là việc nên làm, vì thế nói Bồ-tát đã được giải thoát rồi thì việc làm của Bồ-tát không còn bị trói buộc.

–Trói buộc là gì? Cởi mở là gì?

–Bồ-tát thiền định là trói buộc nơi ngã, là lấy đạo để trói buộc ngã. Trói buộc là Bồ-tát dùng phương tiện sinh trong năm đường để giải thoát sự thọ sinh cho chúng sinh. Bồ-tát không có phương tiện mà dựa vào trí là trói buộc. Hành phương tiện mà dựa vào trí là cởi mở, có trí tuệ không dựa vào phương tiện là trói buộc, có trí mà dựa vào phương tiện là cởi mở.

–Thế nào gọi là không phương tiện, dựa vào trí là trói buộc?

–Đó là dựa vào pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mà thọ sinh, không làm trang nghiêm tướng và cõi Phật để giáo hóa mọi người. Đó là không có phương tiện mà dựa vào trí là trói buộc.

–Thế nào là hành phương tiện mà dựa vào trí là cởi mở?

–Đó là làm trang nghiêm tướng và cõi Phật để hóa độ mọi người, nhưng hiểu rõ về các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mà thọ sinh. Đó là hành phương tiện, dựa vào trí là cởi mở.

–Thế nào là có trí, không dựa vào phương tiện là trói buộc?

–Đó là dựa vào sự hiểu biết, hành khổ hạnh, mong thọ báo, tu tập tất cả gốc phước thiện. Đó là có trí, không dựa vào phương tiện là ràng buộc.

–Thế nào là có trí, dựa vào phương tiện là cởi mở?

–Đó là đoạn trừ các kiến chấp, thực hành khổ hạnh không mong cầu thọ báo, trồng cội gốc phước đức để phân bố đạo này cho tất cả. Đó là có trí, dựa vào phương tiện là cởi mở.

Thưa Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên xét các pháp như vậy. Giả sử thân có bệnh thì quán thân là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, đó là tuệ giác. Lại thọ thân này, không dùng nó để đoạn sinh tử ác, mà để làm lợi ích tốt đẹp cho mọi người, tâm hợp với đạo, đó gọi là phương tiện. Lại, nếu thân có bệnh mà biết ý dị đồng, lỗi đó chẳng phải mới thì quán xét nó vốn có, đó là trí tuệ. Giả sử thân có bệnh nhưng không vì thế khởi ý Niết-bàn, đó là phương tiện.

Như vậy, thưa Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát có bệnh nhưng ý không loạn động, cũng không trụ nơi cao. Vì sao? Vì nếu trụ cao là pháp của người ngu, còn trụ thấp là pháp của Thanh văn, cho nên Bồ-tát trụ không cao, không thấp, ở khoảng giữa, là vô sở xứ. Đó là hạnh của Bồ-tát, không phải hạnh của phàm phu, không phải hạnh của bậc Hiền. Đó là hạnh Bồ-tát ở nơi nẻo sinh tử mà không làm hạnh nhơ bẩn, đó là hạnh Bồ-tát.

Quán sát hạnh Niết-bàn mà không nương tựa Niết-bàn, ấy là hạnh Bồ-tát. Làm việc của bốn ma mà vượt qua hạnh của ma, ấy là hạnh Bồ-tát. Hành trí tuệ học rộng hạnh biết thời, ấy là hạnh Bồ-tát. Đối với hạnh bốn chân đế, không dùng hạnh biết rõ về đế, ấy là hạnh Bồ-tát. Quán sát hạnh vô sinh, không cho là khó đến, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong hạnh duyên khởi, đối với các kiến chấp không ham muốn, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong đại chúng, không có hạnh mong cầu, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong hạnh nhàn cư, không diệt tận thân tâm, ấy là hạnh Bồ-tát. Ở trong hạnh ba cõi, không làm hỏng pháp tánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tâm rỗng lặng, không làm gì mà làm tất cả mọi việc, lấy đức trong sáng làm hạnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Hành sáu Ba-la-mật là vì mọi người nên hành Ba-la-mật, ấy là hạnh Bồ-tát. Lãnh thọ đạo pháp, không dấy khởi đạo nhỏ, ấy là hạnh Bồ-tát. Dùng hạnh Chỉ và Quán, biết việc làm của ma, không diệt dấu vết, ấy là hạnh Bồ-tát. Không ứng, không hiện hạnh của Thanh văn, Duyên giác, không hủy bỏ pháp hạnh của Phật, ấy là hạnh Bồ-tát.

Khi Trưởng giả Duy-ma-cật giảng nói như vậy, thì có tám ngàn người, trời cùng phát tâm Chánh giác Vô thượng. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi rất hoan hỷ.

Hiền giả Xá-lợi-phất nghĩ: "Không có giường ghế thì các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở đâu?"

Trưởng giả Duy-ma-cật biết ý nghĩ ấy nên nói:

–Thế nào, thưa Hiền giả! Hiền giả đến đây là vì chánh pháp hay là vì chỗ ngồi?

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Cư sĩ! Tôi đến đây là vì chánh pháp, không phải vì chỗ ngồi.

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Dạ, kính bạch Hiền giả! Điều lợi cho chánh pháp thì thân mạng cũng không tiếc, huống chi là chỗ ngồi.

Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Điều lợi cho chánh pháp thì không cầu sắc, thống (thọ) tưởng, hành, thức, không phải cầu các ấm, các nhập, không phải cầu nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Cầu chánh pháp thì không cầu theo sự chấp nơi Phật, không cầu theo sự chấp nơi Pháp, không cầu theo sự chấp nơi Tăng. Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Cầu chánh pháp thì không cầu biết Khổ, không cầu đoạn Tập, không cầu chứng Diệt, tu Đạo. Vì sao? Vì có pháp không phóng dật nhưng có pháp phóng dật. Nên biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, thì người cầu pháp như thế là cầu pháp không phóng dật.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Không có trần cảnh lìa nhiễm trần cảnh. Pháp nhiễm ô đó tức là ở một bên. Người cầu pháp này là cầu pháp không tham dâm.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Pháp không có biên giới, phạm vi. Hễ có biên giới, phạm vi thì có phân chia. Người cầu pháp này là cầu không có biên vực. Pháp không bất tịnh, người bất tịnh thì đối với pháp có thủ, có xả. Người cầu pháp là cầu chỗ không lấy, không bỏ. Pháp không phải là nơi ẩn nấp, nhưng có pháp thì có chỗ ẩn nấp. Người cầu pháp là cầu chỗ không ẩn nấp. Pháp không có tưởng, ở trong chỗ suy tưởng chấp chặt sự hiểu biết. Người cầu pháp là cầu chỗ không suy tưởng. Pháp không có phiền não, ở trong dòng chảy nơi pháp là gần gũi tất cả. Người cầu pháp thì không cầu cái tất cả. Pháp thì không thấy, nghe, nghĩ, biết, nhưng đối pháp có thấy, nghe, nghĩ, biết, thì đã sai khác. Người cầu pháp là cầu cái không thấy, nghe, nghĩ, biết. Do vậy, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Cầu pháp là đối với tất cả pháp không cầu gì cả.

Khi Trưởng giả Duy-ma-cật giảng nói như trên thì có năm trăm hàng trời, người đối với các pháp sinh khởi Pháp nhãn.

-oOo-

PHẨM 6: BẤT TƯ NGHÌ

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật hỏi Đại sĩ Văn-thù:

–Kính thưa Đại sĩ! Đại sĩ đã từng du hóa nơi vô lượng, vô số trăm ngàn ức cõi Phật. Vậy có những cõi Phật nào sử dụng những tòa Sư tử tuyệt hảo nhất không?

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Có đấy, này tộc tánh tử! Về phía Đông, cách quốc độ Phật này bằng ba mươi sáu hằng hà sa thế giới, có thế giới tên Tu-di phan, Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Tu-di Đăng Vương Như Lai, Chí Chân Đẳng Giác, hiện còn tại thế. Thân Ngài cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. Tòa Sư tử của Ngài cao sáu vạn hai ngàn do-tuần. Cõi nước Tu-di phan có tám trăm bốn mươi vạn tòa Sư tử. Như Lai nơi cõi nước ấy thọ trì tất cả. Tòa Sư tử đó đẹp đẽ bậc nhất.

Lúc này, Trưởng giả Duy-ma-cật liền nhập định Như kỳ tượng, hiện thần túc, tức thì Như Lai Tu-di Đăng Vương cho dời ba vạn hai ngàn tòa Sư tử cao lớn đẹp đẽ – từ xưa chưa từng thấy – đến phòng của trưởng giả. Các vị Bồ-tát, các Thanh văn, chư Thiên, Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương đều đến, vào nhà Trưởng giả Duy-ma-cật, thấy phòng của trưởng giả rất rộng lớn, dung chứa ba mươi hai ngàn tòa Sư tử mà không dồn ép gì cả. Cùng lúc, thành Duy-da-ly cũng không hề bị trở ngại. Chỗ ở của Phật và chỗ ở của Tứ Thiên vương cũng không bị ngăn ngại. Ai cũng thấy như cũ, không giảm.

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Xin mời Đại sĩ đến ngồi trên tòa Sư tử, mời các Bồ-tát, thượng nhân cùng ngồi. Xin các vị tự biến thân mình cho xứng với tòa ấy. Các vị Bồ-tát được thần thông thì tự biến mình cao lớn bốn vạn hai ngàn do-tuần, ngồi lên tòa Sư tử. Các vị Bồ-tát mới phát tâm và các Thanh văn đều không lên được.

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Dạ, xin mời Hiền giả Xá-lợi-phất lên ngồi trên tòa Sư tử.

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Tộc tánh tử! Tòa này cao lớn quá, tôi không lên được.

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Thưa Hiền giả! Xin Hiền giả đảnh lễ Đức Tu-di Đăng Vương Như Lai, sau đó thì ngồi được.

Khi ấy, các Bồ-tát mới phát tâm và các vị đại Thanh văn cùng đảnh

lễ Đức Tu-di Đăng Vương Như Lai, tức thì cùng ngồi được trên tòa Sư tử.

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Thật chưa từng có! Tộc tánh tử! Phòng này đã chứa được số tòa cao lớn như vầy, mà thành Duy-da-ly cũng không có gì chướng ngại. Chỗ Phật ở và chỗ của Tứ thiên không hề bị trở ngại. Nơi thành thị, thôn xóm cùng với cung điện chư Thiên, Long vương và Quỷ thần cũng không thấy chướng ngại gì.

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Dạ, thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Chư Như Lai và Bồ-tát có tám pháp môn Bất khả tư nghì. Vị Bồ-tát nào biết được pháp môn giải thoát ấy thì đem núi Tu-di cao rộng nạp vào trong hạt cải mà núi vẫn không thêm bớt gì. Vì khi thực hiện việc đó, khiến Tứ Thiên vương cùng chư Thiên nơi cõi trời Đao-lợi không biết là ai nạp mình vào đấy. Chỉ có người khác mới thấy Tu-di nạp vào hạt cải. Như thế gọi là pháp môn nhập cảnh giới bất khả tư nghì.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Bấy giờ, tam thiên thế giới như Phật đã thu nhỏ để trong lòng bàn tay phải, rồi đem đặt ở hằng hà sa Phật quốc, vậy mà người trong đó không hay biết ai đem mình để qua đây, rồi đưa trở về chỗ cũ, cũng không để cho mọi người hay biết mình quay lại, vì vẫn nguyên trạng.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Có vô lượng người thờ luật sinh tử. Bồ-tát ở pháp môn Bất tư nghì vì những người thờ luật sinh tử, hóa hiện bảy ngày đêm thành ra một kiếp, làm cho họ tin và gọi đó là một kiếp, không biết đó là bảy ngày đêm.

Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát ở trong pháp môn Bất tư nghì, đem mọi sự tốt đẹp của các quốc độ làm thành một quốc độ, đem tất cả chúng sinh đặt trong lòng bàn tay phải, tùy thuận giáo hóa họ và cùng du hành đến các thế giới như mặt trời mọc, không gây chấn động một quốc độ nào. Theo đó lễ bái, phụng sự chư Phật nơi mười phương, lại làm cho tất cả chúng sinh từ nơi một lỗ chân lông thấy cả nhật, nguyệt, tinh tú của mười phương thế giới. Mười phương tối tăm đều theo vào mà không hề tổn hại. Lại làm cho tất cả cõi Phật hiện có không giảm mà to lớn hơn và tất cả đều được tu hành. Lại có thể nắm lấy hằng sa thế giới phương dưới đưa lên đặt ở vô số cõi Phật khác nhau, giống như tiếp lấy người rớt hầm đặt lên đất bằng. Lại, Bồ-tát ở trong pháp môn Bất tư nghì vì tất cả chúng sinh hiện hình Phật như Phật đã hiện, hiện hình Duyên giác như Duyên giác đã hiện, hiện hình Thanh văn như Thanh văn đã hiện, hoặc hiện hình Thích, Phạm,

Chuyển luân vương như họ đã hiện. Tùy theo sở nguyện thượng, trung, hạ của từng âm thanh, ngôn ngữ, trong mười phương thế giới, dùng tất cả ngôn ngữ, âm thanh êm ái của Phật để dẫn dắt họ như phát ra âm thanh vô thường, khổ, không, vô ngã của Phật. Vì sự việc giảng nói pháp của chư Phật như vậy nên phát ra các loại âm thanh như thế.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp nghe nói về pháp môn Bất tư nghì của Bồ-tát bèn nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Giống như Hiền giả ở trước các phàm phu hiện bày những thứ danh hương, nếu chẳng phải chỗ thấy biết của Bồ-tát thì không thể hiểu được. Nay các Thanh văn nghe lời này, có thể cùng lúc thấy được việc làm chẳng thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Ai nghe pháp môn Bất tư nghì ấy mà không phát tâm Bồ-đề vô thượng, thì như vậy, thưa Hiền giả, chúng ta làm sao dứt tuyệt gốc rễ đó? Đối với pháp Đại thừa như thế là chúng ta đã làm cho hạt giống bị hư hoại.

Tất cả hàng Thanh văn nghe lời này đều than khóc vang thấu đến tất cả tam thiên thế giới. Còn các Bồ-tát thì vui mừng lãnh thọ lời dạy ấy. Nếu hiểu rõ được pháp môn Bất tư nghì thì tất cả quân ma sẽ không làm gì được.

Khi Hiền giả Đại Ca-diếp giảng nói lời này, có ba vạn hai ngàn trời, người đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Trưởng giả Duy-ma-cật thưa với Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Thưa Hiền giả! Vô số vô lượng ma vương trong mười phương đều làm việc tạo sự sợ hãi, Bồ-tát ở trong pháp môn Bất tư nghì thường giải thoát cứu độ người. Việc làm của ma trong mười phương vô lượng thế giới là: hoặc theo Bồ-tát cầu xin tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, tủy, não, máu, thịt, da, xương, vợ con, tôi tớ, quyến thuộc, cầu xin thành nước, thôn xóm, của cải, thóc lúa, vàng bạc, ngọc minh nguyệt, san hô, châu báu, y phục, thức ăn uống và tất cả mọi thứ sở hữu. Bồ-tát ở trong pháp môn Bất tư nghì hay dùng phương tiện thiện xảo vì các Bồ-tát, tạo phương tiện thị hiện làm cho tánh họ được kiên cố. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát ở trên cao xa thì không thể khiến hàng phàm phu làm những việc thúc bách Bồ-tát như vậy.

Này Hiền giả Ca-diếp! Giống như voi quý giẫm đạp thì làm sao loài lừa chịu nổi? Việc làm như thế, các Bồ-tát khác không thể làm được. Bồ-tát nhẫn chịu sự bức bách cũng giống như vậy. Bồ-tát hội nhập nơi pháp môn trí tuệ phương tiện Bất tư nghì là như thế.

-oOo-

KINH DUY-MA-CẬT

QUYỂN HẠ

PHẨM 7: QUÁN NHÂN VẬT

Bấy giờ, Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi hỏi Trưởng giả Duy-ma-cật:

–Bồ-tát nhìn chúng sinh như thế nào?

Đáp:

–Như nhà ảo thuật nhìn sự việc ảo thuật, Bồ-tát nhìn chúng sinh cũng như vậy.

Như người có trí thấy trăng dưới nước, Bồ-tát nhìn chúng sinh cũng như vậy.

Như người thấy mặt mình trong gương, Bồ-tát nhìn chúng sinh cũng như vậy.

Nói tóm lại là như dợn nắng khi trời nóng, như tiếng vang của âm thanh, như mù trong hư không, như phần không của địa, thủy, hỏa, phong, như các hữu tình đồng như nhau, như hình tướng của không hình tướng, như bậc A-la-hán còn dứt trừ ba kết sử, như bậc Dự lưu còn chấp thấy tự thân, như sở hữu của Như Lai, như sự thấy của hình tượng, như không thân mà thấy thân của bậc đắc định diệt tận, như dấu chim bay trong không gian, như con của Thạch nữ, như cảnh mộng lúc thức giấc, như phiền não khi chưa sinh, như chân nhân còn phải tái sinh, Bồ-tát nhìn chúng sinh cũng như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Bồ-tát nhìn chúng sinh như vậy rồi làm sao thi hành đức từ?

Trưởng giả Duy-ma-cật đáp:

–Bồ-tát nhìn chúng sinh như huyễn như vậy nên biết được vạn pháp cũng như thế, nhưng vẫn giảng nói pháp cho chúng sinh là vì Bồ-tát dùng đức từ để tu chỉ. Tu chỉ mà dùng đức từ là vì không còn sự phát sinh nữa.

Bồ-tát thi hành đức từ không nhiễu loạn vì không còn tỳ vết.

Thi hành đức từ đồng đẳng, vì đồng với ba đường ác.

Thi hành đức từ không tranh cãi, vì không còn chỗ chấm dứt.

Thi hành đức từ không hai, vì trong ngoài không còn tập khí.

Thi hành đức từ không nóng giận, vì tất cả đều thành tựu.

Thi hành đức từ kiên cố, vì bền chắc như kim cang, không thể phá hủy.

Thi hành đức từ thanh bạch vì bên trong tự tánh đã thanh tịnh.

Thi hành đức từ bình đẳng, vì bình đẳng như hư không.

Thi hành đức từ của Như Lai, vì theo sự giác ngộ đã có.

Thi hành đức từ của Phật-đà vì thức tỉnh cho hàng phàm phu.

Thi hành đức từ tự nhiên vì để tự giác ngộ.

Thi hành đức từ Bồ-đề vì đồng đẳng một vị.

Thi hành đức từ không ai sánh bằng, vì đoạn tuyệt mọi thứ xấu ác.

Thi hành đức từ đại Bi vì dùng pháp Đại thừa để hướng dẫn.

Thi hành đức từ không ngắm nhìn, vì xem vạn vật như hư không.

Thi hành đức từ bố thí vì không hối tiếc gì cả.

Thi hành đức từ giữ giới, vì giúp mắt sáng cho người phá giới.

Thi hành đức từ nhẫn nhục vì hộ trì cho người và cho mình.

Thi hành đức từ tinh tấn vì gánh vác, giáo hóa chúng sinh.

Thi hành đức từ nhất niệm vì tư duy điều đã suy nghĩ.

Thi hành đức từ trí tuệ vì để biết đúng thời gian.

Thi hành đức từ theo phương tiện quyền xảo vì biểu hiện nghe biết tất cả.

Thi hành đức từ không dua nịnh vì tâm ý trong sáng, không cầu cạnh.

Thi hành đức từ không tô điểm, vì tâm không còn đắm chấp.

Thi hành đức từ vô ngã, vì không còn ý ác.

Thi hành đức từ an vui để mong đạt đến giác ngộ.

Đức từ của Bồ-tát là thành lập an ổn lớn.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Đức bi là thế nào?

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Bồ-tát tạo lập công đức tu tập hoàn tất, chỉ vì mọi người.

Hỏi:

–Đức hỷ là thế nào?

Đáp:

–Bố thí cho mọi người không hối hận.

Hỏi:

–Đức xả là thế nào?

Đáp:

–Là làm lợi ích cho tất cả.

Hỏi:

–Sinh tử là đáng sợ, Bồ-tát lấy gì để chế ngự?

Đáp:

–Đối với sự sợ hãi về sinh tử thì Bồ-tát dùng ý chí của Đức Thế Tôn để chế ngự.

Hỏi:

–Muốn xây dựng đại pháp của bậc Thánh thì nên xây dựng như thế nào?

Đáp:

–Muốn xây dựng đại pháp của bậc Thánh thì phải đồng đẳng với tất cả để hóa độ chúng sinh.

Hỏi:

–Muốn độ thoát chúng sinh thì phải trừ cái gì?

Đáp:

–Muốn độ thoát chúng sinh thì phải trừ phiền não cho họ.

Hỏi:

–Muốn trừ phiền não cho họ thì phải đi theo cái gì?

Đáp:

–Đã trừ phiền não cho họ rồi thì nên ứng hợp với tự nhiên.

Hỏi:

–Thi hành những gì để ứng hợp với tự nhiên.

Đáp:

–Không sinh, không diệt là ứng hợp với tự nhiên.

Hỏi:

–Không sinh những gì, không diệt những gì?

Đáp:

–Bất thiện thì không sinh, thiện thì không diệt.

Hỏi:

–Thiện với bất thiện lấy gì làm gốc?

Đáp:

–Thiện với bất thiện lấy thân làm gốc.

Hỏi:

–Thân lấy gì làm gốc?

Đáp:

–Thân lấy tham dục làm gốc.

Hỏi:

–Tham dục lấy gì làm gốc?

Đáp:

–Tham dục lấy xen tạp không chân thật làm gốc.

Hỏi:

–Xen tạp không chân thật lấy gì làm gốc?

Đáp:

–Lấy không trú làm gốc.

Như vậy, thưa Nhân giả! Gốc của không trú thì không có chỗ làm gốc, từ gốc của không trú mà lập nên tất cả pháp.

Bấy giờ, trong phòng của Trưởng giả Duy-ma-cật nghe các bậc Thượng nhân nói chuyện, có một Thiên nữ liền hiện thân, đem hoa trời rải trên các Bồ-tát và đại đệ tử. Hoa đến các vị Bồ-tát thì theo ý mình, còn đến các vị đại đệ tử thì không rơi. Các vị đại đệ tử dùng thần lực phủi bỏ nhưng không phủi bỏ được.

Thiên nữ hỏi Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Tại sao các Hiền giả phải phủi bỏ hoa này?

Hiền giả Xá-lợi-phất đáp:

–Vì hoa ấy không đúng pháp nên phải phủi bỏ.

Thiên nữ thưa:

–Chẳng phải vậy. Hoa này đúng pháp, vì sao Hiền giả bảo là không đúng pháp? Chỉ do Hiền giả cho là không đúng nên thành không đúng pháp thôi. Xin Hiền giả hãy nhìn các vị Bồ-tát, hoa không dính nơi thân vì đã đoạn tuyệt tất cả chỗ đúng pháp hay không đúng pháp? Ví như người đàn ông khi sợ thì hàng phi nhân hại được. Đệ tử sợ sinh tử nên các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc hại được. Bậc lìa sợ hãi rồi thì năm dục không làm gì nổi. Tập quán kết sử chưa hết thì hoa dính vào thân. Tập quán kết sử hết rồi thì hoa không thể vướng mắc.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiên nữ ở trong phòng này đã bao lâu?

Thiên nữ thưa:

–Con ở trong phòng này lâu bằng thời gian Hiền giả giải thoát.

Hỏi:

–Ở lâu đến như vậy sao?

Đáp:

–Hiền giả giải thoát cũng lâu như vậy sao?

Hiền giả Xá-lợi-phất lặng thinh không trả lời.

Thiên nữ hỏi:

–Tại sao bậc Đại trí kỳ cựu mà lặng thinh?

Đáp:

–Vì chân giải thoát siêu việt mọi ngôn ngữ, văn tự nên tôi không biết nói thế nào.

Thiên nữ thưa:

–Nếu Hiền giả dựa vào ngôn ngữ văn từ để nói về giải thoát thì tất cả tướng trạng của ngôn ngữ văn tự cũng là giải thoát. Vì sao là giải thoát? Vì không trong, không ngoài, không hai bên để thủ đắc. Ngôn ngữ, văn tự cũng không trong, không ngoài, không hai bên để thủ đắc.

Do vậy, kính bạch Hiền giả! Xin đừng dùng văn tự để nói về giải thoát. Vì sao? Vì tất cả pháp đều từ đó mà đạt giải thoát.

Hỏi:

–Chứ không phải do không dâm nộ si mà giải thoát sao?

Thiên nữ đáp:

–Người rất kiêu mạn thì không cần nói như vậy để giải thoát. Còn người không kiêu mạn thì bản thể của dâm nộ si là giải thoát.

Hiền giả Xá-lợi-phất khen:

–Lành thay! Lành thay! Thiên nữ đạt gì, chứng gì mà biện luận hay như vậy?

Thiên nữ thưa:

–Con không đắc, con không chứng, biện luận mới được như vậy. Vì nếu có đắc, có chứng thì đối với các pháp tự nhiên thành kẻ tăng thượng mạn.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Trong ba thừa, chí nguyện của Thiên nữ cầu thừa nào?

Thiên nữ thưa:

–Hành theo pháp đệ tử thì đi theo pháp đệ tử. Hành theo pháp Duyên giác thì mắt thấy được đạo. Cầu Đại thừa thì tự mình thực hành đại Bi. Như vào rừng chiên-đàn thì chỉ ngửi hương thơm của chiên-đàn, không ngửi hương thơm gì khác. Cũng như vậy, kính bạch Hiền giả! Ở trong phòng hương thơm công đức của Phật thì không thích hương thơm của Thanh văn, Duyên giác. Nếu Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, Thiên, Long, Quỷ thần được vào phòng này, nghe Chánh sĩ thuyết pháp thì ai cũng thích hương thơm mỹ đức của Phật, hoàn toàn không còn ưa thích hương thơm dục lạc.

Xưa, khi Bồ-tát phát tâm xuất gia, con ở trong phòng này mười hai năm, không nghe nói về pháp Thanh văn, Duyên giác, chỉ nghe về pháp Bồ-tát thù diệu là đại Từ, đại Bi và những sự chứa nhóm công đức bất khả tư nghì của pháp Phật.

Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Phòng này thường có tám pháp tự nhiên chưa từng có, để biểu hiện giáo hóa. Tám pháp đó là:

Phòng này ngày cũng như đêm thường chiếu soi bằng ánh sáng màu hoàng kim, dùng trí tuệ để thấy Phật, không dùng ánh sáng của mặt trời, mặt trăng để vui chơi. Đó là sự chưa từng có thứ nhất.

Vào phòng này và ở trong đó thì không còn tất cả sự cấu uế của dâm nộ si. Đây là sự chưa từng có thứ hai.

Phòng này thường có Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương và các Bồ-tát ở cõi khác tới hội họp. Đó là sự chưa từng có thứ ba.

Phòng này thường nghe giảng thuyết, chỉ dẫn về sáu pháp Ba-la-mật và các pháp bất thoái. Đó là sự chưa từng có thứ tư.

Phòng này thường tấu âm nhạc bậc nhất của chư Thiên, phát ra vô lượng âm thanh giáo pháp để giáo hóa. Đó là sự chưa từng có thứ năm.

Phòng này có bốn kho tàng lớn chứa đầy bảo vật, chu cấp cùng khắp. Người nghèo thiếu cầu xin thì được vô tận. Đó là sự chưa từng có thứ sáu.

Phòng này có Đức Như Lai Thích-ca Văn, Đức A-súc, Đức Bảo Thủ, Đức Nhạo Hân, Đức Bảo Nguyệt, Đức Bảo Tịnh, Đức Vô Lượng, Đức Cố Thọ, Đức Sư Tử Hưởng, Đức Tuệ Tác Tư. Các Đức Như Lai ấy, nếu bậc Chánh sĩ này nghĩ tới, nói đến thì các vị liền hiện ra. Các Đức Như Lai hiện ra giảng nói về việc của Phật, tất cả đều vui thích. Đó là sự chưa từng có thứ bảy.

Phòng này thanh tịnh, thường hiện bày cung điện đẹp đẽ của chư Thiên và tịnh độ trang nghiêm của chư Phật. Đó là pháp tự nhiên chưa từng có thứ tám.

Như vậy, kính bạch Hiền giả! Phòng này thường thể hiện đúng tám sự chẳng thể nghĩ bàn như thế. Có ai nghe thấy được những sự chẳng thể nghĩ bàn như vậy mà lại bỏ để học pháp Thanh văn?

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

–Vì sao Thiên nữ không chuyển thân nữ?

Thiên nữ thưa:

–Mười hai năm con đã dùng thân nữ, cầu tìm mà được. Như vậy, tướng nữ nhân cũng là huyễn ảo. Xét về thế gian cũng như vậy, thế mà Hiền giả còn hỏi con sao không chuyển thân nữ.

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Quán các thân đều chẳng có.

Thiên nữ thưa:

–Thưa Hiền giả! Đúng như vậy! Tất cả các pháp cũng không có sự lập thành. Sao Hiền giả lại hỏi con không chuyển thân nữ?

Khi ấy, Thiên nữ liền dùng thần lực biến hóa, làm cho Hiền giả Xá-lợi-phất giống như Thiên nữ, còn Thiên nữ thì biến hóa thành như Hiền giả Xá-lợi-phất. Hóa hiện xong rồi, hỏi:

–Thế nào, thưa Hiền giả, vì sao lại chuyển làm thân nữ ấy?

Hiền giả Xá-lợi-phất, qua hình dáng Thiên nữ, nói:

–Tôi không biết chuyển cách nào mà thành ra thân nữ này.

Thiên nữ thưa:

–Kính thưa Hiền giả! Nếu có thể chuyển thân người nữ này thì tất cả người nữ cũng chuyển được. Nếu họ không phải là nữ thì ngay nơi thân nữ cũng không thấy là thân nữ. Các người nữ tuy là thân nữ, nhưng không phải là nữ, cũng không phải thấy biết là nữ. Lại, như Phật dạy: “Tất cả các pháp chẳng phải nữ, chẳng phải nam.”

Khi ấy, thân Xá-lợi-phất trở lại như cũ.

Thiên nữ thưa:

–Kính thưa Hiền giả! Duyên nào làm ra tướng nữ ấy?

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Tôi không làm ra, cũng không phải là không làm ra.

Thiên nữ thưa:

–Cũng như vậy, thưa Hiền giả! Các pháp không phải là làm ra, cũng không phải là không làm ra. Không phải làm, không phải không làm. Đó là lời Phật đã dạy.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

–Thiên nữ chết ở đây sẽ sinh đến đâu?

Thiên nữ đáp:

–Phật hóa sinh ở đâu thì con sinh ở đó.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Như Phật hóa sinh thì không phải là chết và sinh.

Thiên nữ thưa:

–Chúng sinh cũng vậy, cũng không chết và sinh.

Hiền giả nói:

–Thiên nữ bao lâu nữa thì thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Thiên nữ thưa:

–Bao lâu tất cả hàng phàm phu chứng đắc pháp thì con mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi:

–Sao lại nói là bao lâu tất cả hàng phàm phu chứng đắc pháp? Há có việc đó sao?

Thiên nữ đáp:

–Đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không có việc đó. Vì sao? Vì Phật không có sự thành lập, vậy nên không có sự thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Hiện nay chư Phật đang đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và các vị đã đắc, sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như số cát sông Hằng, thì gọi đó là gì?

Thiên nữ đáp:

–Đây là dùng lời lẽ, chữ nghĩa mà nói chứ không phải là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có quá khứ, vị lai, hiện tại. Ba đường… cũng như vậy. Kính bạch Hiền giả! Hiền giả đắc đạo như thế nào?

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Sự đắc ấy là không còn mê lầm.

Thiên nữ nói:

–Đúng như vậy! Thưa Hiền giả! Con thành Phật cũng đem cái chưa thành kia mà thành Chánh giác.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật thưa với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Vị Thiên nữ này đã phụng sự chín mươi hai ức Đức Phật, trí tuệ, thần thông đã hiểu rõ, chí nguyện đã đầy đủ, đã đắc pháp nhẫn, không còn thoái lui, bản nguyện và việc làm đúng như lời nói, tùy theo ý muốn có thể hóa hiện.

-oOo-

PHẨM 8: CHỦNG TÁNH CỦA NHƯ LAI

Bấy giờ, Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi hỏi:

–Tộc tánh tử! Thế nào là Bồ-tát đi đến mọi nơi chốn đều làm phát triển pháp Phật?

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Bồ-tát qua lại cùng khắp mọi nơi, có trí tuệ nên làm phát triển pháp Phật.

–Bồ-tát qua lại là thế nào?

–Nghĩa là Bồ-tát đến chỗ của năm tội vô gián nhưng lại hay làm khiến không tranh chấp, giận dữ.

Đến địa ngục nhưng lại hay làm khiến trừ sạch tối tăm, nhơ bẩn.

Đến súc sinh thì làm cho dứt trừ ngu muội và hay làm khiến không kiêu ngạo.

Vào đường ngạ quỷ nhưng lại có thể khiến tất cả phước đức đều được đầy đủ.

Đến chỗ vô trí không bị đồng hóa, mà lại hay làm, khiến hiểu biết đạo.

Ở nơi giận dữ mà lại biểu hiện lòng nhân từ, không tổn hại chúng sinh.

Ở chỗ kiêu mạn là vì thị hiện làm cầu cống để độ mọi người đi qua.

Ở chỗ phiền não mà lại thị hiện hoàn toàn sạch sẽ.

Như ở đường ma thì thường làm cho quân ma hiểu biết về nguyên do.

Ở đường Thanh văn mà lại làm cho người chưa được nghe pháp, được nghe.

Ở đường Duyên giác mà lại hay thực hành đại Bi, an trụ một chỗ để giáo hóa mọi người.

Vào trong hạng nghèo hèn mà lại đem của cải nhiều vô số để bố thí.

Vào trong hạng tồi tàn mà lại đem tướng oai nghiêm để làm tôn

nghiêm dòng họ.

Vào trong phái dị học thì làm cho tất cả thế gian đều nương theo.

Vào khắp hết thảy các đạo, thường vì tất cả để giải bày pháp chánh yếu.

Đạt đến đạo Niết-bàn, vượt khỏi sinh tử mà như chưa dứt hết.

Đó là Bồ-tát qua lại cùng khắp, đi vào các đạo để truyền bá pháp Phật.

Trưởng giả Duy-ma-cật lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Đại sĩ! Những gì là chủng tử của Như Lai?

Đáp:

–Thân thể hiện hữu là chủng tử, vô minh cùng khát ái là chủng tử, tham, sân, si là chủng tử, bốn điên đảo là chủng tử, năm triền cái là chủng tử, sáu nhập là chủng tử, bảy thức trú là chủng tử, tám tà đạo là chủng tử, chín não là chủng tử, mười nghiệp ác là chủng tử. Đó là chủng tử của Như Lai.

Trưởng giả Duy-ma-cật hỏi:

–Đại sĩ nói như vậy là thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Không phải từ hư không vô tận mà phát sinh đạo ý của Chánh chân Vô thượng, mà phải từ trong bụi bặm phiền não của người chưa thấy chân đế, mới có thể phát sinh đạo ý của Chánh chân Vô thượng.

Này Tộc tánh tử! Ví như đất liền ở vùng cao thì không thể mọc lên hoa sen xanh, hoa phù dung, đỗ hoành… Nơi ruộng bùn lầy, thấp ướt mới mọc các loài hoa ấy. Như vậy, không thể từ hư không vô tận mà sinh ra pháp Phật, mà phải từ trong bụi bặm phiền não mới có chúng sinh để phát khởi tâm Bồ-đề. Do có tâm Bồ-đề thì mới sinh ra pháp Phật. Từ nơi sự thấy được thân mình chồng chất như núi Tu-di thì mới có thể thấy thân của tất cả chúng sinh, phát khởi tâm Bồ-đề nên mới sinh ra pháp Phật. Nương vào điểm chánh yếu như vậy thì có thể biết được tất cả ruộng phiền não là hạt giống của Như Lai.

Lại nữa, như người không vào biển lớn mà có thể lấy được ngọc báu dạ quang hay sao? Cũng vậy, không vào chốn bụi bặm phiền não thì làm sao có thể phát sinh Nhất thiết trí?

Hiền giả Đại Ca-diếp khen:

–Lành thay! Lành thay! Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đại sĩ nói lời ấy thật thú vị. Đúng như ý của Đại sĩ, ruộng phiền não là hạt giống của Như Lai. Đâu phải chỉ những người thân kiến mới có thể phát đạo ý Chánh chân

Vô thượng. Tuy kẻ phàm phu tạo đủ năm tội vô gián nhưng cũng có thể phát tâm Bồ-đề vô thượng và đầy đủ pháp Phật.

Đắc A-la-hán là bậc Ứng chân, thì không còn phát khởi tâm Bồ-đề để đạt đầy đủ pháp Phật nữa. Như kẻ các căn bại liệt thì không còn được lợi ích gì đối với năm dục lạc.

Như vậy, đệ tử đã đoạn kết sử thì đối với pháp Phật không lợi, không lạc, không còn chí nguyện gì nữa. Do vậy, phàm phu đối với pháp Phật có sự nối tiếp. Như đệ tử thì không có. Vì sao? Vì phàm phu nghe pháp Phật thì hay phát đại Bồ-đề, khiến Tam bảo không bị dứt mất. Còn hàng đệ tử trọn đời được nghe pháp Phật như Lực, Vô sở úy… mà lại không thể phát tâm đại Bồ-đề.

Bây giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát đang ngồi, hiệu là Chúng Tượng Kiến, hỏi Trưởng giả Duy-ma-cật:

–Thưa cư sĩ! Ai là cha mẹ, vợ con, người giúp việc, kẻ làm thuê, thân thích, quen biết, tôi tớ của cư sĩ? Đâu là nô tỳ, gia nhân, voi, ngựa, xe cộ của cư sĩ?

Khi ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật trả lời Bồ-tát Chúng Tượng Kiến bằng kệ:

Trí độ, mẹ Bồ-tát
Phương tiện quyền là cha
Bồ-tát do đấy sinh
Được thấy tất cả Phật.
Pháp lạc thì là cha
Từ bi là con cái
Chân thật để sống vui
Ở thì nhớ nghĩa không.
Biết rõ các phiền não
Sinh ra theo sở thích
Đạo Vô thượng là bạn
Giác ý không chấp trước.
Dũng mãnh làm kết quả
Sáu độ, bạn đồng hành
Bốn ân là kỹ nữ
Ưa ca ngợi đạo đức.
Tổng trì là hoa viên
Hoa giác đẹp tuyệt vời
Chắc chắn đạt tri kiến

Cây pháp lớn: núi rừng.
Tám giải thoát: ao hồ
Nước định trong và đầy
Như rải các hoa tịnh
Tắm rửa không nhơ bẩn.
Năm thông là xe cộ
Đại thừa khó vượt hơn
Điều khiển: tâm Bồ-đề
Dạo đi đường tám chánh.
Tướng đầy đủ dung quang
Trang sức bằng vẻ đẹp
Hổ thẹn làm hành động
Không nghi làm vòng hoa.
Bảy Thánh tài dồi dào
Người xin ban cho pháp
Được quả báo rộng lớn
Truyền bá đạo cùng khắp.
Giữ như đạt pháp thiền
Đạo thanh tịnh giải thoát
Do vậy nương theo Phật
Chí vững không lay động.
Ăn cơm pháp cam lộ
Uống nước vị giải thoát
Thanh tịnh không nghi, mạn
Giới phẩm làm hương xoa.
Nơi chúng bụi bặm kia
Dũng mãnh không ai hơn
Thâu phục hết thảy ma
Hướng dẫn đến đạo tràng.
Sinh ra ở chỗ nào
Không còn gốc si mê
Ở cùng khắp mọi nơi
Giúp đỡ, độ chúng sinh.
Cúng dường muôn ức Phật
Hiến cúng khắp ba cõi
Vô ngã tức là Phật
Dưỡng dục khắp muôn loài.
Sửa sang tịnh độ Phật

Giáo hóa mọi quần sinh
Do vậy được lợi ích
Người người thực hành theo.
Hết thảy nơi các loại
Âm thanh và thần biến
Một lúc hiện đủ cả
Bồ-tát ưa tinh tấn.
Tà hạnh tùy thuận hiện
Theo dục dẫn dắt đến
Phương tiện Ba-la-mật
Chỉ dạy các phép tắc.
Nên bày lời lẽ hay
Hoặc hiện thân già, chết
Chỉ dạy cho chúng sinh
Hãy lìa xa pháp huyễn.
Lửa đốt hết hiện kiếp
Sinh lại nơi đại địa
Chúng sinh tưởng thường còn
Chỉ cho biết vô thường.
Giả sử ngàn vạn ức
Từ một làng đi ra
Đều trở về nhà trống
Bố thí để làm đạo.
Như nói lời thần chú
Chúng sinh gặp hiểm nguy
Đều đến để cứu họ
Bồ-tát không sợ hãi.
Các đạo giáo thế gian
Theo về để tu học
Chẳng học theo tà kiến
Nhân đó dạy người mê.
Hoặc làm nhật nguyệt thiên
Hoặc làm Phạm trung tôn
Lấy đức làm chủ đất
Làm thần gió cũng vậy.
Trong kiếp có tật bệnh
Thị hiện các dược liệu
Cứu giúp cho an ổn

Trừ bệnh, hết mọi độc.
Trong kiếp bị đói khát
Thì thí cho ăn uống
Đói khát cứu trước tiên
Sau nói cho pháp diệu.
Trong kiếp có giặc giã
Thì khởi lên tâm Từ
Dạy cho đừng tranh chấp
Dân chúng được cứu tế.
Nếu ở trong chinh chiến
Thì được chúng hùng dũng
Giúp cho được hòa bình
Bồ-tát oai lực mạnh.
Đến chốn có ngục hình
Mà cõi Phật không có
Thì đi ngay tới đấy
Cứu vớt mọi khổ não.
Những nơi đến giáo hóa
Năm đường đều rực sáng
Hiện đến các chốn ấy
Là nơi Bồ-tát sinh.
Hiện khát khao dục lạc
Nhưng bỏ để tu thiền
Luôn ngăn chặn ma vương
Chẳng biết được manh mối.
Trong lửa sinh hoa sen
Mới đáng gọi hy hữu
Đuốc lớn không sánh bằng
Nơi dục là như vậy.
Dân chúng tụ hội đông
Thì phát triển nông vụ
Hướng dẫn không tham dục
Dùng trí Phật lập nên.
Cầu làm tướng thế gian
Tôn trưởng hoặc thầy vua
Giúp trên, cưu mang dưới
Để lê dân an ổn.
Giúp cho người cùng khốn

Rất nhiều các của cải
Nhân làm việc bố thí
Khuyên phát tâm đạo đức.
Với những kẻ kiêu mạn
Thì hiện làm lực sĩ
Trừ khử sự cao ngạo
Khiến trụ đạo Vô thượng.
Thấy người gặp sợ hãi
Đến trước để an ủi
Giúp cho không còn sợ
Mới chỉ dạy chân đạo.
Làm tiên nhân năm thông
Tu tập các phạm hạnh
Giữa chúng giữ tịnh giới
Nhẫn nhục và Từ bi.
Để nuôi kính muôn dân
Nhận biết ưa tinh tấn
Thị hiện làm tôi tớ
Dạy cho lập đức tin.
Theo phương tiện tùy nghi
Khiến người được pháp lạc
Hiện bày Nhất thiết trí
Học sâu phương tiện quyền.
Hành động không ngăn ngại
Du hóa khắp mọi nơi
Tập hợp vô biên tuệ
Thuyết pháp nhiều vô lượng.

-oOo-

PHẨM 9: NHẬP VÀO BẤT NHỊ

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật thưa với các Bồ-tát:

–Thưa các Chánh sĩ! Bồ-tát ưa thích nhập vào pháp môn không hai (Bất nhị) như thế nào?

Trong đại hội có Bồ-tát hiệu là Pháp Tác, nói:

–Này Tộc tánh tử! Khởi phân là hai, không khởi không sinh thì không có hai. Được pháp Nhẫn không khởi là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thủ Bế nói:

–Ngã với ngã sở là hai, như không có hai, không đồng với hình tượng thì không có ngã và ngã sở. Vì không có ngã, ngã sở thì không có chỗ đồng với hình tượng. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bất Tuân nói:

–Có với thọ là hai. Như không có sự thọ nhận thì không thủ đắc. Vì không thủ đắc nên không tạo tác. Do không tạo tác, không theo đuổi. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thủ Lập nói:

–Lao nhọc và sự sống là hai, vì lao nhọc là sự sống. Chẳng biết, chẳng vui, để vượt qua các hiểu biết, để thọ nhận nơi cõi Sắc, Dục. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Túc nói:

–Suy nghĩ với biết là hai, nên đem không suy nghĩ, không biết đối với các pháp nghĩ làm, thực hành không nghĩ và không làm. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Đa nói:

–Tâm Bồ-tát với tâm đệ tử là hai. Như ta đem những ý ấy để tiếp xúc thì không tâm Bồ-tát, không tâm đệ tử, cùng với không, tâm đồng một tướng. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Nhãn nói:

–Một tướng với không tướng là hai. Nếu hoàn toàn không nhìn, không nhìn kỹ, không nhìn sơ qua thì không tạo nên tướng hoàn chỉnh, cũng không tạo nên tướng tạm thời. Ngay nơi nhìn, không nhìn và nhìn bình đẳng. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phụng Dưỡng nói:

–Thiện với bất thiện là hai. Ngay nơi thiện, bất thiện nhưng không lệ thuộc gọi là vô tưởng. Dùng vô tưởng lập nên nhưng không phải là hai, ở ngay nơi đó mà không vượt qua. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

–Tất cả và không thọ là hai. Nên như kim cang không giác tri, không ngu si, không tỏ ngộ. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Dũng Ý nói:

–Hữu lậu với vô lậu là hai, nhưng đắc chánh pháp thì tâm ý bình đẳng. Đắc bình đẳng rồi thì hoàn toàn không còn ý tưởng hữu lậu, vô lậu, cũng không dùng vô tưởng để thủ đắc, không trụ nơi tưởng, thọ. Ấy là vào pháp

môn không hai.

Bồ-tát Tịnh Giải nói:

–Có số và vô số là hai, nhưng nếu lìa tất cả số thì đạo cùng với hư không đồng nhau. Tâm ý hoàn toàn giải thoát thì không vướng mắc. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nhân Thừa nói:

–Thế gian với Thế Tôn là hai. Nếu ý thế gian là không, ngay trong đó không xả, không niệm, không nương vào Thế Tôn. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Mục Kiến nói:

–Tận với bất tận là hai. Tận là hoàn toàn tận, hoàn toàn tận là bất tận, như vậy gọi là không tận, không chỗ tận, cho nên gọi là tận. Nói tận là không có tận. Nhập như vậy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phổ Bế nói:

–Ngã với vô ngã là hai, như không thủ đắc ngã thì làm sao thủ đắc vô ngã? Ngay nơi ngã tự nhiên không có tác giả. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Minh Thiên nói:

–Minh với không minh là hai. Không minh có nhiều cho nên có minh. Như vậy không dụng, không tính toán để mà tính toán. Ngay trong ấy được bình đẳng, không dùng cả hai để chứng đắc pháp yếu. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Ái Cận nói:

–Thế gian không với tạo tác là hai. Sắc là không, không phải sắc diệt mới không, mà là tánh của sắc là không. Như vậy thọ, tưởng, hành, thức với không, là hai. Thức là không, không phải thức diệt mới không, mà là tánh của thức là không. Vị kia đối với năm ấm biết rõ tánh của nó. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Quang Tạo nói:

–Không của bốn đại chủng và đại chủng là hai. Không của đại chủng tự nhiên, bốn đại cũng như vậy. Gốc của không tự nhiên, ngọn của không tự nhiên, biết rõ về chủng này. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Ý nói:

–Nhãn với sắc là hai. Biết nhãn thì thấy sắc không nhiễm, không giận, không si, gọi đấy là thanh tịnh. Như vậy, nhĩ với thanh, tỷ với hương, thiệt với vị, thân với xúc, ý với pháp là hai. Người biết tâm thì đối với pháp

không nhiễm, không giận, không si, như vậy là thanh tịnh. Trụ như vậy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói:

–Bố thí với Nhất thiết trí là hai, nhưng bố thí tự nhiên, Nhất thiết trí cũng như vậy. Nhất thiết trí tự nhiên, bố thí cũng như vậy. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, Nhất thiết trí là hai. Trí tuệ tự nhiên, Nhất thiết trí cũng vậy. Nhất thiết trí tự nhiên, trí tuệ cũng vậy. Nhập vào sự đồng nhất đó, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thâm Diệu nói:

–Không, Vô tướng, Vô nguyện là hai. Như không thì vô tướng, vô tướng thì vô nguyện, nhưng vô nguyện thì không có tâm, không ý, không thức, không hành động, theo một hướng thực hành các môn giải thoát. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịch Căn nói:

–Phật, Pháp, Tăng là hai. Phật tánh là Pháp, pháp tánh là Tăng. Tất cả là Tam bảo không có phân loại. Không phân loại thì chân chất. Chân chất thì đúng với các pháp. Thuận hành như vậy, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bất Hủy Căn nói:

–Thân với thân diệt là hai. Có thân thì có diệt. Tại sao từ thân sinh ra thấy? Từ thấy có thân cho nên có thân là có hủy diệt lẫn nhau. Vị ấy không còn những phiền não tự nhiên như diệt, nhưng không mê không hoặc. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Đoạn nói:

–Thân, khẩu, ý là hai. Vì sao? Vì thân này là tướng vô vi. Như thân vô vi thì tướng của khẩu cũng vô vi. Như khẩu vô vi thì tướng của tâm cũng vô vi. Như tâm vô vi thì tất cả pháp cũng vô vi. Nó vốn không là hai là ba. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phước Độ nói:

–Hành phước, chẳng hành phước cùng với chẳng biết hành là hai. Đối với hành phước, chẳng hành phước và chẳng biết hành như nhau, không có tạo tác thì đó là không hai. Đối với tội, phước không theo hiểu biết để hành động, mà đúng theo tướng tự nhiên, vì biết đó là không, không phải là phước, không phải là phi phước, cũng không phải là vô tri. Người hiểu rõ như vậy, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thủ Hoài nói:

–Duyên dựa với khen ngợi là hai. Nếu không duyên dựa thì không có sự bất thiện, cũng không phi thiện. Như không bất thiện, không phi thiện, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nguyệt Thạnh nói:

–Tối với sáng là hai. Không tối, không sáng thì không có hai. Tại sao? Vì như nhập định diệt tận thì không tối không sáng, theo như tướng nơi các pháp mà bình đẳng nhập vào. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

–Thích Niết-bàn với không ưa sinh tử là hai. Nhưng không thích Niết-bàn, không ghét sinh tử mới không có hai. Vì ở sinh tử ràng buộc mới cầu giải thoát. Nếu hoàn toàn không buộc thì ai cầu mở? Như không buộc không mở thì không ghét, không thích. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tâm Châu Lập nói:

–Đường chính với đường tà là hai. Nhưng sống theo đường chính thì không ưa đường tà, cũng không học theo trần tục, không có tướng đường chính, không có tướng đường tà. Bậc Như Như Tưởng thì không cần hành đạo. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thành Lạc Ngưỡng nói:

–Thành thật với không thành thật là hai. Nhưng người thấy thành thật còn không thấy thành thật thì làm sao có thể thấy hư ngụy. Tại sao? Vì đó không phải mắt thịt thấy được, phải dùng mắt tuệ mới thấy được. Người thấy như vậy, không thấy, cũng không phải không thấy. Ấy là vào pháp môn không hai.

Các vị Bồ-tát mỗi người đều nói như vậy rồi lại hỏi Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Đại sĩ! Thế nào là Bồ-tát nhập vào pháp môn không hai?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như các Bồ-tát đã nói đều là những hạnh rất sâu xa. Nhưng theo tôi thì đối với tất cả pháp không chấp giữ, không vượt qua, không đắc, không tư duy, không biết, không thấy, không nghe. Ấy là vào pháp môn không hai.

Lúc ấy, Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi lại hỏi Trưởng giả Duy-ma-cật:

–Chúng tôi, mỗi người đều nói về kiến giải của mình rồi. Vậy theo Nhân giả thì thế nào là vào pháp môn không hai?

Trưởng giả Duy-ma-cật im lặng không nói.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Cho đến không có văn tự ngôn ngữ mới thật là vào pháp môn không hai.

Khi nêu giảng pháp môn này, trong chúng hội có năm ngàn Bồ-tát đạt được nhập vào pháp môn ấy cùng chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

-oOo-

PHẨM 10: PHẬT HƯƠNG TÍCH

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Sắp quá giờ ngọ, các đại nhân này sẽ thọ thực ở đâu?"

Trưởng giả Duy-ma-cật biết ý nghĩ ấy, nên thưa:

–Kính thưa Hiền giả! Như Đức Như Lai dạy về tám hạnh giải thoát, vậy có thể chen sự ăn uống vào công việc nghe pháp chăng? Tuy nhiên, cần nghe pháp thì nên ăn trước.

Lúc này, Trưởng giả Duy-ma-cật liền nhập định chánh thọ Tam-muội Như kỳ tượng, thị hiện thế giới ở phương trên, cách quốc độ này bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Chúng hương, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Hương Tích Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Tất cả đệ tử và Bồ-tát ở đây đều thấy cõi nước đó, hương thơm tỏa khắp chư Thiên, muôn dân nơi cõi Phật trong mười phương. Hương thơm của thế giới ấy là bậc nhất so với hương thơm của các Phật độ. Thế giới đó không có tên Thanh văn, Duyên giác. Đức Như Lai kia cũng chẳng thuyết pháp cho Bồ-tát. Thế giới này toàn dùng hương thơm làm lầu đài, kinh hành trên đất thơm, vườn hoa toàn là hương thơm. Bồ-tát muốn thọ thực thì dùng toàn các hương thơm. Hương thơm của thế giới này tỏa khắp vô lượng thế giới.

Khi ấy, Đức Phật với các chúng Bồ-tát cùng ngồi thọ thực. Có Thiên tử học Đại thừa tên Hương Tịnh đứng hầu. Tất cả đại chúng ở đây đều thấy Như Lai Hương Tích cùng với các Bồ-tát ngồi thọ thực.

Đại sĩ Duy-ma-cật hỏi chúng Bồ-tát:

–Các tộc tánh tử! Ai có thể đến xin cơm của Phật Hương Tích?

Tất cả đều nói không thể. Liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Trong chúng này của Đại sĩ chưa hiểu hết sự việc sao?

Đáp:

–Như Phật đã dạy: Chưa hiểu thì sẽ học.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật không rời chỗ ngồi mà hóa làm một vị Bồ-tát ở trước chúng hội, có ánh sáng rực rỡ và bảo vị hóa Bồ-tát đó:

–Ông đi từ quốc độ của cõi Phật này, vượt qua bốn mươi hai hằng hà sa thế giới, đến thế giới Chúng hương, chỗ Đức Phật Hương Tích. Đến nơi, chắc chắn sẽ thấy Đức Phật đang thọ thực, thì đảnh lễ nơi chân Phật và tác bạch đúng như lời của ta: "Trưởng giả Duy-ma-cật kính thưa: Xin được phần thực phẩm thừa của Đức Thế Tôn, vì muốn đem về làm việc Phật ở thế giới Nhẫn (Ta-bà), giúp cho những người biếng trễ ở đây được tâm ý rộng lớn, cũng để làm cho danh tiếng của Như Lai được nghe khắp."

Trước chúng hội, vị hóa Bồ-tát liền vọt lên phương trên, bỗng nhiên biến mất. Cả chúng hội đều nhìn thấy. Hóa Bồ-tát lên đến thế giới Chúng hương, kính lạy nơi chân Đức Phật Hương Tích và thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Bồ-tát Duy-ma-cật kính lạy dưới chân Thế Tôn, cung kính thưa hỏi Đức Vô Lượng đứng ngồi có nhẹ nhàng, đi lại có vững vàng, ít bệnh, ít phiền não, khí lực an vui chăng? Và kính xin được phần thực phẩm thừa của Đức Thế Tôn để về làm việc Phật nơi thế giới Ta-bà, giúp cho những người biếng lười được tâm ý rộng lớn và cũng làm cho danh tiếng của Như Lai được nghe cùng khắp.

Các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng hương đều ngạc nhiên, hỏi:

–Người này từ đâu đến đây? Những thế giới nào có những người biếng nhác?

Liền hỏi Đức Phật. Phật Hương Tích đáp:

–Phương dưới, cách đây trải qua bốn mươi hai hằng hà sa thế giới, có thế giới tên là Nhẫn, Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, nơi cõi đủ năm thứ uế trược, giảng dạy chánh pháp cho những người biếng nhác yếu kém. Thế giới ấy có vị Bồ-tát tên Duy-ma-cật đang thuyết pháp cho các vị Bồ-tát, nay sai hóa thân đến tán dương danh hiệu ta.

Bồ-tát ở thế giới Chúng hương thưa:

–Vị ấy làm sao mà biến hóa được như thế? Công đức, năng lực, thần thông và vô úy đến như vậy?

Đức Phật Hương Tích nói:

–Rất lớn! Tất cả thế giới ở đâu, vị ấy đều sai hóa thân đến đó để làm Phật sự, để dắt dẫn mọi người.

Bấy giờ, Như Lai Hương Tích lấy bát cơm đầy với tất cả hương thơm đưa cho hóa Bồ-tát. Chín vạn Bồ-tát ở thế giới Chúng hương đều nói:

–Chúng con muốn đến thế giới Nhẫn để diện kiến Đức Thích-ca Văn.

Đức Phật Hương Tích bảo:

–Tộc tánh tử! Nên đi tới cõi ấy. Nhưng phải thu hương thơm nơi thân để đi vào thế giới kia, đừng khiến người ở thế giới Nhẫn sinh tâm phóng dật. Hãy đem sự ưa thích của các người đi theo. Đừng nghĩ Bồ-tát ở cõi nước ấy không bằng mình. Không được đối với cõi ấy sinh tâm thoái lui mà tạo chướng ngại cho tư tưởng. Vì sao? Vì Phật độ vốn rỗng lặng. Chư Phật Thế Tôn muốn độ người nên hiện ra quốc độ như vậy.

Hóa Bồ-tát nhận cơm rồi cùng với các đại nhân nương vào Thánh chỉ của Phật Hương Tích và nơi hóa thân của Trưởng giả Duy-ma-cật, bỗng chốc từ thế giới Chúng hương đã đến nhà Trưởng giả Duy-ma-cật. Trưởng giả Duy-ma-cật liền biến hóa làm thành chín vạn tòa Sư tử đẹp đẽ đặt ở trước. Các Bồ-tát của thế giới Chúng hương đều an tọa. Vị hóa Bồ-tát dâng bát cơm thơm đầy lên Phật và Trưởng giả Duy-ma-cật, hương thơm của cơm tỏa khắp cả thành Duy-da-ly và tam thiên đại thiên thế giới.

Bấy giờ, trong thành Duy-da-ly, các Phạm chí, cư sĩ, Hiền giả Nguyệt Cái… nghe hương thơm ấy đều đắc pháp tự nhiên chưa từng có, thân và tâm đều vui thích. Tám vạn bốn ngàn người cùng vào phòng Trưởng giả Duy-ma-cật, thấy trong phòng có rất nhiều Bồ-tát, lại thấy các tòa Sư tử cao lớn đẹp đẽ. Thấy vậy, ai cũng rất hoan hỷ, lạy các Đại Bồ-tát, các đại đệ tử rồi lui ra đứng qua một bên. Các vị địa thần, chư Thiên nơi cõi Dục, cõi Sắc đều đến phòng của Trưởng giả Duy-ma.

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa với Hiền giả Xá-lợi-phất và các đại đệ tử:

–Thưa quý Hiền giả! Các vị có thể thọ thực cơm của Như Lai Hương Tích, chỉ có mùi đại Bi vô hạn lượng để hộ trì tâm ý.

Có vị Thanh văn nghĩ: "Cơm này ít mà đại chúng này ai ai cũng sẽ thọ thực."

Hóa Bồ-tát thưa:

–Bốn biển có thể cạn, nhưng cơm này không hết. Giả sử mỗi người ăn mỗi vắt cơm như núi Tu-di thì cũng không thể hết. Tại sao? Vì giới cho đến định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến là vô tận, nên cơm của Như Lai là không thể hết.

Bấy giờ cơm trong bát ấy làm no đủ tất cả chúng trong đại hội mà vẫn không hết. Các Bồ-tát, đệ tử, chư Thiên và loài người, ai ăn cơm ấy rồi thân cũng nhẹ nhàng, an ổn, giống như tất cả các Bồ-tát ở cõi nước An dưỡng. Được hương thơm ấy xông thì nơi các lỗ chân lông được an ổn. Cũng như quốc độ Chúng hương, hương thơm làm mất tám nạn.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma-cật hỏi các Bồ-tát Chúng hương:

–Các Tộc tánh tử! Như Lai Hương Tích thuyết pháp thế nào?

Các Bồ-tát ấy thưa:

–Đức Như Lai của quốc độ chúng tôi không nói bằng văn tự, chỉ dùng hương thơm làm cho các Bồ-tát tự đi vào pháp. Các Bồ-tát ấy đều ngồi bên gốc cây hương thơm, được hương thơm lan tỏa bình đẳng tất cả, đều được đắc định Nhất thiết hương đức. Đã gắng thọ nhận đạt được định rồi thì Bồ-tát đối với tất cả hành không còn lệ thuộc, vướng mắc.

Các Bồ-tát Chúng hương hỏi Trưởng giả Duy-ma-cật:

–Đức Thế Tôn Thích-ca Văn đang thuyết giảng pháp gì?

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Quốc độ này chúng sinh cứng cỏi, khó hóa độ, nên Đức Phật ở đây phải dùng lời nghiêm khắc để giảng thuyết. Rằng: Đây là địa ngục, đây là đường súc sinh, ngạ quỷ. Đây là quả báo do hành động ác của thân, miệng, ý, cho đến rất nhiều hạnh xấu xa bất thiện, nên vì họ giảng thuyết vô số pháp chính yếu để thuần hóa tâm ý thô tháo của họ. Giống như voi, ngựa hung hăng không thuần thục thì phải trói buộc, kiềm chế, cộng thêm đánh đập cho đau, sau đó mới thuần. Như vậy, những người cứng cỏi khó hóa độ nên phải dùng những lời khuyên dạy nghiêm khắc, khiến họ được nhập vào chánh pháp.

Các Bồ-tát Chúng hương nói:

–Thật là chưa từng có! Như Đức Thế Tôn Thích-ca Văn nơi thế giới Nhẫn đã dùng tâm ý lớn của bậc Thánh để giảng giải theo pháp của người nghèo kém, tham lam, các vị Bồ-tát cũng phải chịu nhiều khó nhọc nơi quốc độ đó. Thật là kỳ diệu!

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Đúng như các vị đã nói! Bồ-tát ở quốc độ này đối với đời năm thứ ô trược luôn đem tâm đại Bi để tạo lợi ích cho mọi người. Phần nhiều ở quốc độ kia phải thực hành trong trăm ngàn kiếp. Vì sao? Này các Tộc tánh tử! Vì ở thế giới Nhẫn có pháp mười đức thiện làm thanh tịnh mà các thế giới kia không có. Mười đức thiện ấy là:

1. Đem bố thí giúp đỡ nghèo khó.

2. Đem kính giới để giáo hóa sự vô lễ.

3. Đem nhẫn nhục giáo hóa hung bạo.

4. Đem tinh tấn giáo hóa biếng nhác.

5. Đem thiền định giáo hóa loạn ý.

6. Đem trí tuệ giáo hóa trí ác.

7. Đem sám hối vượt qua tám nạn.

8. Đem Đại thừa phổ biến khắp nơi.

9. Đem việc vun trồng công đức để giúp đỡ người không có đức.

10. Đem tụ họp độ mọi người.

Đó là mười công đức nên phát tâm nhận lấy thế giới ấy.

Các vị Bồ-tát Chúng hương nói:

–Bồ-tát dùng bao nhiêu pháp hành không sai trái để đi từ thế giới Nhẫn này đến Phật độ kia?

Trưởng giả Duy-ma-cật đáp:

–Có tám pháp hành không thương tổn nên Bồ-tát đi từ thế giới Nhẫn này đến cõi Phật kia.

Tám pháp ấy là:

Vì chúng sinh đặt ra sự hổ thẹn, lánh xa loạn động.

Vì tất cả mọi người nên chịu khổ, nhẫn nhịn sự gây hấn.

Làm các phước thiện để cứu giúp chúng sinh.

Thương kính các chúng sinh khác, không chia rẽ.

Kinh pháp Bồ-tát này chưa nghe thì tùy ý nghe, không hoài nghi.

Không ganh ghét đối với sự việc được hiến cúng của người khác.

Không mưu cầu lợi ích cho bản thân.

Thường xem xét lỗi mình, không nêu dẫn khuyết điểm của người. Thường xuyên tra cứu để học hỏi các kinh.

Đó là tám pháp.

Ngay khi Trưởng giả Duy-ma-cật và Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi nói pháp cho đại hội thì có trăm ngàn trời, người phát tâm Bồ-đề vô thượng, mười ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

-oOo-

PHẨM 11: VIỆC LÀM CỦA BỒ-TÁT

Khi ấy, Đức Phật thuyết pháp trong vườn Nại Thị thì vườn này bỗng nhiên rộng ra, đẹp lên. Toàn thể chúng hội đều thấy sắc vàng ròng.

Hiền giả A-nan thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao có hiện tượng tốt đẹp ấy? Là vườn này bỗng nhiên rộng ra và đẹp lên, toàn thể chúng hội đều thấy sắc vàng ròng?

Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Ấy là do Trưởng giả Duy-ma-cật và Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng muốn đến đây, nên trước hết hiện ra điềm lành như vậy.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma-cật thưa với Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi:

–Con muốn đi đến yết kiến Như Lai. Các Bồ-tát này có thể cùng đến yết kiến Phật, đảnh lễ, hầu hạ, cúng dường.

Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi nói:

–Tốt lắm! Hãy đi đi. Nên biết, bây giờ là đúng lúc.

Trưởng giả Duy-ma-cật liền nhập định, vận dụng thần túc làm cho toàn thể đại chúng trong pháp hội cùng với các tòa Sư tử đều đứng trong lòng bàn tay phải của trưởng giả, cùng đi đến chỗ Phật. Đến nơi, các vị Bồ-tát đều rời tòa, bước xuống, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi lui ra đứng qua một phía. Các vị Thanh văn, Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương cũng cúi đầu lạy sát chân Phật rồi đứng về một phía.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thăm hỏi các Bồ-tát rồi bảo ngồi lại chỗ của mình. Tất cả đều vâng lời.

Chúng hội ngồi yên xong, Đức Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Ông đã thấy việc làm của Bồ-tát Đại sĩ chưa?

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật nói:

–Dùng những tướng nào để biết được sự di chuyển đó?

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa:

–Sự di chuyển đó không thể nghĩ biết, ý không nghĩ tới, trí không lường nổi. Con thấy thật là không thể nghĩ bàn.

Hiền giả A-nan thưa Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Hương thơm con nghe hôm nay, trước đây chưa từng có. Đây là hương thơm gì?

Phật nói:

–Đó là hương thơm xuất ra từ những lỗ chân lông nơi thân của các vị Bồ-tát.

Hiền giả Xá-lợi-phất nói với Hiền giả A-nan:

–Tất cả lỗ chân lông của chúng ta cũng được hương thơm này.

Hiền giả A-nan nói:

–Hương thơm ấy từ đâu ra?

Đáp:

–Hương thơm này là từ cơm do Trưởng giả Duy-ma-cật xin của Phật Hương Tích, nên tất cả lỗ chân lông của mọi người nơi phòng ăn đều thơm như vậy.

Hiền giả A-nan hỏi:

–Hương thơm này tồn tại bao lâu?

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Tồn tại đến khi cơm này tiêu hết.

Hỏi:

–Cơm này bao lâu mới tiêu?

Đáp:

–Cơm này tồn tại đến bảy ngày đêm mới tiêu, nhưng tùy theo lời nói, nếu đệ tử ăn cơm này mà không đắc đạo thì không tiêu. Nếu ăn cơm này mà dừng nửa chừng thì không tiêu. Người mới hành đại đạo, ăn cơm này mà không chứng đắc pháp nhẫn cũng không tiêu. Nếu chứng đắc pháp nhẫn, ăn cơm này đạt đến Nhất sinh bổ xứ thì mới tiêu.

Này Hiền giả A-nan! Giống như thuốc A-hôn-đà, mùi thơm của nó cũng lan khắp một nhà, tạo ra hương thơm ngọt ngào, làm cho tiêu tan các hơi của thuốc độc. Cơm này cũng vậy, chưa nở ra hạt liền tiêu, cho đến các độc hại, tất cả trừ hết, hương thơm của cơm này mới tiêu.

Hiền giả A-nan thưa:

–Cõi Phật đó vì Phật sự mà làm ra cơm như vậy hay sao?

Phật nói:

–Đúng như vậy! Đúng như vậy! Này Hiền giả A-nan! Có cõi Phật lấy ánh sáng để làm Phật sự. Có cõi Phật lấy Bồ-tát để làm Phật sự. Có cõi Phật lấy sắc tướng, danh hiệu của Như Lai để làm Phật sự. Có cõi Phật lấy y phục, thức ăn, vườn hoa, lầu đài để làm Phật sự. Có cõi Phật lấy chỗ thị hiện thần thông biến hóa để làm Phật sự. Có cõi Phật lấy sự rỗng lặng mênh mông để làm Phật sự, khiến cho Đại sĩ được nhập vào giáo pháp. Có thế giới lấy hình ảnh chiêm bao, ảo thuật, tiếng vang, trăng dưới nước, dợn nắng, lời lẽ ví dụ để làm Phật sự. Có thế giới lấy sự trong sạch, không thân, không chứng đạt, không nói năng, không thủ đắc mà vì mọi người làm Phật sự.

Như vậy, này Hiền giả A-nan! Không chỉ riêng có nghĩa này và việc làm này, cũng không vì người làm việc Phật. Do bốn loại ma, với tám mươi bốn thứ phiền não mà trăm ngàn loại người bị khốn đốn, cho nên chư Phật vì chúng mà làm Phật sự.

Này Hiền giả A-nan! Đó gọi là pháp Phật. Tùy theo chỗ thực hành mà nhập được pháp môn. Bồ-tát nhập được pháp môn này, nếu đạt được tất cả cõi Phật rộng lớn, đẹp đẽ thì cũng không lấy đó làm vui mừng. Được cõi Phật không đẹp cũng không vì thế lánh xa, mà càng gần gũi và càng thêm cung kính Như Lai. Nhiệm mầu thay! Tất cả pháp của Phật lấy bình đẳng độ người, nhưng cõi Phật có khác nhau. Ví như có cõi Phật, đất có giới hạn mà đường đi vô hạn, sự che chở cũng không giới hạn.

Như vậy, này Hiền giả A-nan! Thân của các Như Lai với nhiều hình sắc, nhưng trí tuệ thì không hạn lượng.

Này Hiền giả A-nan! Sắc thân, uy đức, tướng hảo, dòng họ lớn, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực vô úy và pháp Phật, Từ, Bi, Hỷ, Xả, tuổi thọ, thuyết pháp độ người, cho nên gọi là Đẳng Chánh Giác, là Như Lai, là Phật. Ba đức hiệu này nghĩa rất rộng. Ta dù sống lâu cả một kiếp cũng chưa nói ra được hết nghĩa nơi tam thiên đại thiên để biết tâm ý của chúng sinh. Bậc trí tuệ, đa văn, được Tổng trì về niệm, vì tất cả mọi người giảng nói về nghĩa của ba đức hiệu này cùng kiếp cũng chưa hết, vì đây là đức hiệu của Đẳng Chánh Giác, là Như Lai, là Phật. Cho nên, này Hiền giả A-nan! Phật đạo vô lượng, trí tuệ biện tài của Như Lai là không thể nghĩ bàn.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

–Từ nay về sau con không dám tự cho mình là thượng trí, đa văn nữa.

Phật nói:

–Này A-nan! Ông đừng có nhàm chán như vậy. Vì sao? Vì trong hàng đệ tử, thầy là đa văn hơn hết, nhưng so sánh với các Bồ-tát thì chưa thấy bằng. Đại dương sâu thẳm còn có thể ước lượng được, còn trí tuệ, Tổng trì về định niệm, các thứ đạt được của Bồ-tát thì không thể lường nổi.

A-nan! Các ông hãy gác lại việc quán sát những việc làm của Bồ-tát, vì đây là do Trưởng giả Duy-ma-cật nhất thời thị hiện công đức thiện. Các hàng Thanh văn, Duyên giác, tất cả biến hóa trong trăm ngàn kiếp cũng không thể hiện được.

Lúc ấy, các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng hương đến, chắp tay thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các danh hiệu của Như Lai, chúng con ghi nhớ không quên. Đối với cõi Phật này, hoàn toàn không dấy khởi tưởng chấp. Lại như phương tiện quyền xảo của chư Phật, Thế Tôn là không thể nghĩ bàn, vì độ người, tùy theo sự ưa thích mà thị hiện Phật độ trang nghiêm đẹp đẽ. Cúi xin Phật ban cho chúng con pháp của Phật để khi trở về quốc độ của mình, chúng con sẽ nhớ mãi Đức Như Lai.

Phật bảo các Bồ-tát:

–Có một pháp môn tên là Hết và Không hết. Các ông nên tu học.

–Hết là thế nào?

–Tức pháp môn đó là hữu vi.

–Không hết là thế nào?

–Tức pháp môn đó là vô vi.

Như Bồ-tát thì không hết hữu vi, không trụ vô vi. Lấy gì để đối với hữu vi mà không động? Nghĩa là không rời đại Từ, không bỏ đại Bi, tánh hòa vui không phóng dật. Thấy mọi người thì vui vẻ, phụng thờ Thánh chúng, bố thí thân mạng để lãnh thọ chánh pháp. Không nhàm chán trong việc gieo trồng pháp thiện, không trụ ở phần công đức. Học pháp không lười biếng, thuyết pháp không quên. Khuyên phụng thờ chư Phật. Sinh ra ở đâu cũng không sợ. Giàu có không kiêu mạn, không khinh người chưa học, không bị các cảnh làm cho cấu uế. Thủ chân, hóa sinh, hoan hỷ, được thọ ký. Dùng lực để an cho mình, dùng vui vẻ để an cho người. Thiền định để nghĩ đến học hành, sống chết vì nghĩ đến phương tiện thiện xảo. Ai tới cầu xin thì tưởng như bạn hiền. Biết tất cả thì nghĩ đến đầy đủ. Có của cải thì nghĩ đến bố thí. Giới hoen ố thì nghĩ đến nương tựa, giữ gìn. Giận dữ thì nghĩ đến nhẫn nhục. Lười biếng thì nghĩ đến siêng năng. Loạn tâm thì nghĩ đến chánh niệm. Trí ác thì nghĩ đến trí tuệ. Đối với sáu Độ thì tưởng như cha mẹ. Đối với các pháp phẩm Trợ đạo thì tưởng như bà con. Thực hành các pháp thiện không nhàm chán. Đem đẹp đẽ của các cõi làm thành cõi Phật của mình. Sống chết vô số kiếp mà ý chí vẫn dũng mãnh. Nghe công đức vô lượng của Phật mà chí nguyện không mệt mỏi, làm chỗ nương về cho người lao nhọc, làm phước cho người bần cùng, nhận làm người dẫn đường cho mọi người, hiểu rõ ấm, nhập, thu phục quân ma, không phải mưu cầu mà vì pháp. Trí tuệ sâu rộng, ít mong cầu, biết đủ, hiểu rõ hết thảy thế gian mà không đắm nhiễm theo thế tục, được Hiền thánh trong đời giáo hóa. Hiện các nghi thức phát khởi thần thông. Nghe nhiều, học rộng, giữ gìn trí tuệ. Biết rõ nguồn gốc căn bản, loại bỏ hoài nghi cho mọi người. Vô ngại, vô trụ, đạt đến biện tài. Giáo hóa chư Thiên theo mười điều thiện thanh tịnh. Xây dựng phạm hạnh, hành bốn Vô lượng, đạt đến âm thanh như Phật, thuyết giảng các pháp của Phật, dẫn theo đường Phật bằng hành động thiện. Dứt trừ nghiệp của thân khẩu ý vì muốn tốt đẹp hơn hết. Ưa thích an trú nơi các kinh, đem giáo lý Đại thừa giáo hóa chúng Bồ-tát. Đức hạnh không giảm, pháp thiện không mất.

Như vậy, này các Tộc tánh tử! Do thích ứng với pháp ấy nên không

hết hữu vi.

Bồ-tát không ở vô vi là thế nào? Nghĩa là cầu về không mà chẳng lấy không làm chứng đắc. Cầu về vô tướng, vô vi, vô nguyện mà không lấy vô tướng, vô vi, vô nguyện để chứng đắc. Quán sát sự vô thường mà không chán điều thiện. Quán sát sự đau khổ của thế gian để sinh thành tín. Quán sát vô ngã mà chỉ dạy cho người không mệt mỏi. Quán sát sự dứt bặt của pháp tịch nhiên mà không chuyển vận. Quán sát sự thoái chuyển mà thân tâm không thuận theo. Quán sát không nơi chốn mà trụ nơi sinh tử để đoạn dứt các lậu, hoặc. Quán sát sự không làm mà làm các việc dẫn dắt người. Quán sát về vô ngã mà dùng xe đại Bi để cứu giúp. Quán sát sự vô sinh mà không theo Thanh văn, Duyên giác. Quán sát các pháp phóng dật mà không bỏ phước đức. Quán sát các pháp hư giả mà bền vững đối với chánh trí. Quán sát nói năng mà không nhàm chán trí tuệ. Quán sát không thân sơ, hợp nghĩa thì làm.

Như vậy, này các Tộc tánh tử! Đó gọi là Bồ-tát không ở vô vi.

Lại nữa, đầy đủ phước đức nên không hết hữu vi. Đầy đủ trí tuệ nên không ở vô vi.

Thực hành đại Từ nên không hết hữu vi. Có tâm đại Bi nên không ở vô vi.

Vì dẫn dắt chúng sinh nên không hết hữu vi. Vì cầu pháp Phật nên không ở vô vi.

Vì đầy đủ thân tướng Phật nên không hết hữu vi. Vì đầy đủ Nhất thiết trí nên không ở vô vi.

Vì thực hành phương tiện quyền xảo nên không hết hữu vi. Vì biểu hiện trí tuệ nên không ở vô vi.

Vì làm thanh tịnh cõi Phật nên không hết hữu vi. Vì gây dựng giác ngộ nên không ở vô vi.

Vì khuyến dụ người tinh tấn nên không hết hữu vi. Vì tạo lợi ích cho mọi người nên không ở vô vi.

Vì tính giúp làm việc thiện nên không hết hữu vi. Vì mở bày lực thiện nên không ở vô vi.

Vì đầy đủ sở nguyện nên không hết hữu vi. Vì bản nguyện nên không ở vô vi.

Vì đầy đủ tánh nên không hết hữu vi. Vì tánh tịnh nên không ở vô vi.

Vì năm thông không tà nên không hết hữu vi. Vì biết sáu Thông của Phật nên không ở vô vi.

Vì hành sáu Độ nên không hết hữu vi. Vì không làm viên mãn thời gian nên không ở vô vi.

Vì cầu báu của Phật nên không hết hữu vi. Vì không cầu nơi không quý báu nên không ở vô vi.

Vì tập hợp các thứ thuốc nên không hết hữu vi. Vì biết bệnh chúng sinh nên không ở vô vi.

Vì sinh tử tự nhiên nên không hết hữu vi. Vì Niết-bàn tự nhiên nên không ở vô vi.

Bấy giờ, các Bồ-tát của thế giới Chúng hương nghe như vậy rất vui mừng và đều phát khởi tâm thiện, đem tất cả hoa quý đẹp ở tam thiên đại thiên thế giới chất lên đến ngang đầu gối để cúng dường Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải Phật ba vòng để thứ lớp tập hợp. Bấy giờ quốc độ Phật bỗng nhiên biến mất. Các Bồ-tát trong giây lát trở về lại nước Chúng hương và ở bên cạnh Phật Hương Tích.

-oOo-

PHẨM 12: THẤY PHẬT A-SÚC

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Trưởng giả Duy-ma-cật:

–Tộc tánh tử! Ông muốn thấy Như Lai nhưng thấy bằng cách nào?

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Con nhìn thấy Đức Thế Tôn trước không sinh, sau không diệt, hiện tại không trụ, rỗng lặng, nhập vào không thực có. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đã lìa ba cõi, không còn mỏi mệt. Hiểu rõ ba môn giải thoát, đắc trí của ba đạt. Lấy chỗ không đến để đạt đến tất cả pháp. Được vô ngại, trụ vững nơi sự chân thật như không chỗ trụ, như trí tuệ không xen tạp. Không sinh các nhân duyên, không tướng tạo ra, không tướng thuần thục, không tướng tạm thời, không phải một tướng, không phải không tướng. Không phải không nhìn thấy, không phải nhìn thấy, không phải nhìn thấy kỹ, không phải nhìn thấy sơ qua. Không phải ở bờ bên này, không phải qua bờ bên kia, không phải ở giữa dòng. Không lấy cái này, không lấy cái kia, không lấy cái khác. Không hiểu bằng trí tuệ, không trụ nơi thức, không tối, không sáng, không rõ ràng, không tên tuổi, không mạnh, không yếu. Không chỉ dạy, không phải không chỉ dạy. Không sạch, không phải không sạch. Không tạo tác, không phải không tạo tác. Không nói, không im. Không phải cho, không phải nhận. Không phải trì giới, không phải phạm giới. Không phải nhẫn nhục, không phải tranh cãi. Không phải tinh tấn, không

phải biếng trễ. Không phải thiền định, không phải tán loạn. Không phải trí tuệ, không phải ngu si. Không thật, không dối, không ra, không vào, không đến, không đi, đoạn trừ các âm thanh tạp loạn. Chẳng phải có cõi, chặng phải không có cõi. Không còn hữu dư, chẳng phải diệt tận. Không khuôn mẫu, không nhớ tưởng, không lấy, không bỏ, bình đẳng với chánh pháp. Không thể cân, không thể lường. Không phải đi qua, không phải trở lại, không phải tạo tác, không phải thấy, không phải nghe. Chẳng phải ý, chẳng phải thức. Vượt qua đời sống, thẳng đến tuệ giác, bình đẳng với chúng sinh. Giảng thuyết hết thảy pháp, không đời sống, không của cải, không chướng ngại, đối với tất cả thọ đều ưa thích. Không xem xét, không kích động, không hủy hoại, không bền chắc, không sợ hãi, không lo buồn, không vui mừng, không âm thanh, diệt tất cả không còn ngôn ngữ.

Như vậy, kính bạch Thế Tôn! Thân của Như Lai là như vậy, nên quán sát như vậy. Quán sát như vậy gọi là quán sát chính xác. Quán sát khác đi là quán sát sai lầm.

Hiền giả Xá-lợi-phất nương nơi Thánh chỉ của Phật và thưa Phật:

–Trưởng giả ấy chết từ thế giới nào mà sinh đến thế giới này?

Phật nói:

–Ông hãy hỏi Trưởng giả Duy-ma-cật.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thưa Tộc tánh tử! Đại sĩ chết từ thế giới nào mà sinh đến đây?

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Như chính Hiền giả dùng pháp để chứng diệt, sẽ sinh ở đâu?

–Làm sao có pháp đó, đã mất mà còn sinh?

Trưởng giả Duy-ma-cật nói:

–Nếu không chết, không sinh thì làm sao có các pháp? Sao lại còn hỏi con như vậy: "Chết từ thế giới nào mà sinh đến đây?" Nhà ảo thuật tạo ra nam, nữ đâu có thể gọi là chết ở đâu mà sinh đến đây?

Hiền giả Xá-lợi-phất nói:

–Người do biến hóa thì không có chết và sinh đến gì cả.

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Như Lai lẽ nào không dạy tất cả các pháp biến hóa tự nhiên hay sao?

Đáp:

–Đúng như vậy.

Hỏi:

–Tướng biến hóa tự nhiên thì trái với các pháp sao lại hỏi: "Chết từ thế giới nào mà sinh đến đây?" như vậy.

Kính bạch Hiền giả Xá-lợi-phất! Chết là các hành chấm dứt. Còn sống là các hành còn tồn tại. Bồ-tát chết mà không dứt gốc thiện, sống mà không tăng trưởng pháp ác.

Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Vị Tộc tánh tử này từ thế giới A-duy-la-đề của Đức Phật hiệu là A-súc đến. *(A-súc tiếng Hán gọi là Vô Nộ (không giận dữ). A-duy-la-đề là Diệu lạc.)*

Hiền giả Xá-lợi-phất thưa:

–Hy hữu thay, kính bạch Thế Tôn! Vị trưởng giả này từ nơi cõi Phật thanh tịnh đến, mà ưa thích thế giới nhiều giận dữ.

Trưởng giả Duy-ma-cật thưa:

–Thế nào, thưa Hiền giả! Ánh sáng của mặt trời vận hành chiếu soi khắp tất cả những nơi tối tăm, là ưa thích tối tăm chăng?

Đáp:

–Chẳng phải vậy. Mặt trời vận chuyển không ngừng, ánh sáng của nó luôn luôn sáng rực nên đi khắp các chỗ tối tăm.

Hỏi:

–Mặt trời vì sao vận hành ở cõi Diêm-phù-đề?

Đáp:

–Vì muốn chiếu ánh sáng để trừ bóng tối.

Hỏi:

–Như vậy, thưa Hiền giả! Bồ-tát nếu sinh ở cõi Phật bất tịnh vì để làm thanh tịnh cho mọi người, nhưng không bị nhiễm ô. Những ai được tiếp cận, được gần gũi với Bồ-tát thì được trừ hết tối tăm.

Bấy giờ, đại chúng khao khát muốn thấy thế giới Diệu lạc, Đức Như Lai A-súc và các đại nhân của nước ấy. Phật biết ý nghĩ của đại hội, liền bảo Trưởng giả Duy-ma-cật:

–Tộc tánh tử! Hãy thị hiện giữa chúng hội này về thế giới Diệu lạc, Như Lai A-súc, các Bồ-tát và chúng đệ tử. Cả chúng hội ở đây đều muốn được nhìn thấy.

Bấy giờ, Bồ-tát Duy-ma-cật nghĩ: "Ta nên ở đây, đừng đứng dậy khỏi chỗ ngồi mà hiển thị thế giới Diệu lạc bao gồm núi Thiết vi, sông ngòi, ao hồ, khe suối, biển cả, đất liền, chỗ sáng tối của các núi Tu-di, mặt trời, mặt

trăng, các ngôi sao, rồng, thần, Thiên cung, Phạm cung… và đầy đủ các chúng Bồ-tát, đệ tử, thành thị, thôn xóm, muôn dân, vua chúa, đến cả Đức Như Lai A-súc và cây Bồ-đề cùng tòa hoa sen của Ngài… Tất cả những gì có thể làm Phật sự ở mười phương và có ba cầu thang quý từ cõi Diêm-phù-đề đến cung trời Đao-lợi. Cầu thang ở cõi trời Đao-lợi, chư Thiên dùng để xuống cõi Diêm-phù-đề lễ bái Phật, cúng dường và nghe kinh pháp. Người ở cõi Diêm-phù-đề cũng đi bằng cầu thang ấy để lên cung trời Đao-lợi. Trời, người thấy nhau, đạt được vô số sự vui đẹp như vậy. Từ trên thế giới Diệu lạc đến cõi trời A-ca-nị-trá thứ hai mươi bốn, tách lấy thế giới ấy rồi nhập vào thế giới Nhẫn này, làm cho tất cả chúng hội hai bên đều được thấy nhau."

Trưởng giả Duy-ma-cật lại nghĩ: "Muốn làm cho chúng hội vui", liền nhập định Tam-muội Chánh thọ Như kỳ tượng, hiển thị thần túc, ngồi trên tòa Sư tử, trước đại chúng, dùng tay phải nhận lấy thế giới Diệu lạc, đến nhập vào thế giới Nhẫn. Các Bồ-tát, đệ tử và chư Thiên đắc thần thông thì thấy được đem đi, đều nói:

–Cúi xin Thế Tôn thương xót nhận lấy chúng con. Cúi xin Thế Tôn đặt yên chúng con.

Đức Phật A-súc dùng phương tiện tiếp nhận mọi người và nói cho họ hiểu: Không phải Như Lai làm mà là Trưởng giả Duy-ma-cật tiếp nhận. Ngoài ra, chư Thiên chưa được thần thông thì không biết ai đem mình đi.

Tuy được thế giới Diệu lạc nhập vào thế giới Nhẫn, mà thế giới Nhẫn không thêm không bớt. Lại thế giới này cũng không dồn ép và thế giới kia cũng không giảm bớt.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn Thích-ca Văn bảo đại chúng:

–Các ông hãy nhìn Như Lai A-súc của thế giới Diệu lạc. Quốc độ đó trang nghiêm đẹp đẽ, Bồ-tát tịnh hạnh, đệ tử thanh bạch của Ngài.

Cả chúng hội đều thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy, chúng con mong nhận được nhiều cõi Phật đẹp đẽ, thanh tịnh này. Các Bồ-tát đều muốn học theo những việc của Như Lai A-súc và các Bồ-tát đã làm.

Ngay khi ấy, cả đại hội thấy cõi Phật của Như Lai A-súc, có mười bốn na-do-tha người phát tâm Bồ-đề vô thượng, đều nguyện được sinh về thế giới Diệu lạc.

Phật liền thọ ký:

–Những vị này sẽ đều được sinh về cõi Diệu Lạc và đời sau sẽ giáo

hóa nơi thế giới Nhẫn của ta. Giáo hóa xong, sẽ trở về thế giới kia.

Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Ông đã thấy thế giới Diệu lạc và Như Lai A-súc rồi phải không?

–Đúng như vậy, kính bạch Thế Tôn! Con đã thấy quốc độ và muôn dân nơi cõi kia, tất cả đều thanh tịnh, đẹp đẽ, đều được thần lực như Trưởng giả Duy-ma-cật.

Kính bạch Thế Tôn! Chúng con sung sướng, may mắn được gặp gỡ bậc Chánh sĩ và phục vụ. Những người ở đâu nếu nghe được pháp này thì sung sướng, được lợi ích hoàn toàn. Ai nghe lời này mà không tin ưa? Như có ai tay cầm được cuốn kinh này đọc tụng, thì như vậy là đã được chư Phật nhớ nghĩ đến. Như có ai đọc lên kinh pháp này thì như vậy là được lãnh thọ chánh pháp, được lìa bỏ các đường ác, được Như Lai đến nhà. Nếu ai nghiên cứu, thông suốt kinh này, làm đúng theo giáo pháp đã giảng dạy mà cung kính, tôn thờ, thì như vậy là được phước thí của chư Phật, được trí tuệ của đại pháp. Người nào đem bốn câu trong kinh này dạy cho người khác là được thọ ký, được pháp lạc và hiểu rõ.

-oOo-

PHẨM 13: CÚNG DƯỜNG PHÁP

Bấy giờ Thiên đế Thích bạch Phật:

–Thật là nhiều phước thay, kính bạch Thế Tôn! Con mới được gần gũi Như Lai và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Tuy đã nghe trăm ngàn lần nhưng chưa có pháp giáo hóa như thế này. Cũng nhờ đời trước đã nghe pháp ấy mà không nghi, cho nên được nương theo pháp này, có thể thọ trì đọc tụng, huống hồ là còn được trực tiếp đón nhận ngay nơi tâm. Những người thọ trì giáo pháp này, con không trái với họ. Nếu tất cả đều thấy đạo, không xa lìa chư Phật, ngay khi ấy họ được vượt lên trên, thu phục quân ma, đạt đến đạo ý, được Phật hộ niệm: "Người này chắc chắn đạt được." Người thọ trì pháp này, con cùng với quyến thuộc của con sẽ hỗ trợ để họ được an ổn. Ở bất cứ thôn xóm, thành thị, núi rừng, đồng nội… chỗ nào có pháp này, con cùng với quyến thuộc của con cùng đi đến chỗ đó. Chư Thiên chưa ưa thích thì con sẽ làm cho họ tin ưa. Nhất định sẽ đem sự ưa thích để hộ trì pháp.

Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Đế Thích, ta rất tùy hỷ với ông. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đắc đạo đều giảng thuyết pháp này. Do vậy, nếu Đế Thích muốn được cúng dường chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai hay hiện

tại thì nên tiếp nhận pháp này, thọ trì, đọc tụng, tự thanh tịnh cho mình và chỉ dạy cho bạn đồng học, thì đó chính là làm cho Thiên đế đầy trong tam thiên thế giới của Như Lai. Giả sử như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng rú… tràn đầy vô số đều là Như Lai, có thiện nam hay thiện nữ nào – hoặc một kiếp, hoặc trăm kiếp - cung kính, tôn trọng, phụng thờ, cúng dường, cúng dường tất cả mọi thứ để sống an ổn, để đạt đến sự an lạc. Đến khi chư Phật ấy nhập Niết-bàn, dạy: "Tất cả đều một lòng đào đất, xây tháp bằng bảy báu để tôn trí xá-lợi đầy cả thế giới Phật ở khắp bốn phương, cao đến cõi Phạm thiên, trưng bày cờ phướn, lọng báu, xây dựng tháp riêng cho mỗi Đức Phật, cúng dường các thứ hoa hương, cờ, lọng, phướn báu, kỹ nhạc từ một kiếp, hoặc một trăm kiếp." Đế Thích, ý ông thế nào? Người này gieo trồng như vậy có thể tăng thêm phước đức nhiều không?

Đế Thích thưa:

–Rất nhiều, kính bạch Thế Tôn! Phước đức của người ấy nói cả trăm ngàn kiếp cũng không thể hết được.

Phật bảo Thiên đế Thích:

–Ông nên biết! Thiện nam hay thiện nữ nào lãnh thọ pháp yếu về môn chẳng thể nghĩ bàn đã giảng nói này, phụng trì, giảng thuyết thì phước đức của người ấy còn nhiều hơn phước đức của người kia. Vì sao? Vì chư Phật và giáo pháp đều phát sinh từ pháp này, nên phước bố thí ấy là chẳng thể nghĩ bàn.

Phật bảo Thiên đế Thích:

–Xưa, cách đây vô số kiếp không thể tính kể, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Tỳ-sa-xa-la-da (Dược Vương) gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới của Ngài tên là Thái Thanh, kiếp tên là Tịnh trừ. Bấy giờ, này Thiên đế Thích, Như Lai Dược Vương thọ mạng là ba mươi kiếp, chúng đệ tử của Ngài có ba mươi sáu ức, Bồ-tát có mười hai ức.

Thời ấy có Chuyển luân thánh vương tên là Bảo Cái. Vua có đủ bảy báu, làm chủ bốn thiên hạ. Năm kiếp phụng thờ Như Lai Dược Vương, hướng dẫn quyến thuộc hiến cúng Như Lai Dược Vương mọi mặt để được sống yên ổn. Đến khoảng giữa năm kiếp ấy, Thánh vương Bảo Cái triệu tập một ngàn người con và bảo: "Các con đã thấy Như Lai Dược Vương, vậy nên cúng dường phụng thờ để Ngài sống yên ổn."

Khi ấy, một ngàn người con vâng lời vua cha, đều đem sự an hòa cúng dường Như Lai Dược Vương đến trọn năm kiếp và tất cả quyến thuộc

của Ngài cũng đều được yên ổn.

Thái tử thứ nhất tên là Thiện Túc, ngồi một mình, nghĩ: "Có cách gì hiến cúng hơn nữa?"

Lúc này trong không trung có vị Thiên, nương Thánh chỉ của Phật, bảo: "Này Chánh sĩ! Cúng dường pháp là hơn hết trong mọi sự cúng dường."

Thái tử Thiện Túc liền hỏi: "Cúng dường pháp là thế nào?"

Vị Thiên nói: "Sao không đến hỏi Như Lai Dược Vương? Phật sẽ chỉ dạy đầy đủ cho thái tử về sự cúng dường pháp."

Bấy giờ, thái tử Thiện Túc liền đứng dậy, đi đến chỗ Như Lai Dược Vương, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật và thưa: "Kính bạch Thế Tôn! Cúng dường pháp là thế nào? Thế nào là người thấy pháp? Sao lại gọi như vậy?"

Phật Dược Vương nói: "Cúng dường pháp, như chư Phật đã dạy trong các kinh sâu xa: Là nơi thế gian nương về, thật là khó thấy, khó lãnh thọ. Do không kiêu mạn, vi diệu, không hình tượng, nghĩa lý công bằng dễ hiểu. Bồ-tát tu tập đạt đến các kho pháp của Tổng trì. Kinh ấy được đóng dấu đúng đạo lý, kinh pháp ấy là bánh xe thanh tịnh nhập vào sáu Độ. Hãy chọn để học những pháp đạo phẩm, thể nhập vào chánh đạo, vì ban bố đại Từ, xây dựng đại Bi, lìa các tà kiến, thấy nguồn gốc của duyên khởi. Người không thọ mạng, không nữ, không nam, như hư Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô vi, là đi trên đất đạo, là ở pháp luân, trăm ngàn chư Thiên cùng tán dương: Pháp tạng độ nhiều, giúp đỡ mọi người, thuyết minh rõ đường đi của chư Phật, Bồ-tát, làm cho họ đi vào nghĩa lý chánh yếu của các pháp. Hiểu rõ vô thường, khổ, không, vô ngã, không phạm giới. Tất cả những kẻ hiểu ngược lại đều bị sợ hãi. Hướng về chư Phật, thấy phàm phu sinh tử mà không đồng sinh tử, mà biết hiện diệt độ. Học tập như vậy, theo như lời dạy của kinh, phân biệt tư duy để thọ pháp. Như vậy là cúng dường pháp.

Lại nữa, này Tộc tánh tử! Cúng dường pháp là nghe pháp, sống theo pháp, chuyển vận pháp bằng duyên khởi. Tùy thuận, xa lìa các biên kiến, được pháp nhẫn bất sinh, bất khởi, chẳng phải ta, chẳng phải người, chỉ do nhân duyên. Không chống đối, không lãnh thọ. Theo chỗ không tranh đó mà xả bỏ mọi việc làm của ngã. Y theo ý nghĩa, không theo hình thức để học kinh điển. Y theo trí tuệ, không theo văn hoa. Theo nghĩa đúng học kinh điển chứ không theo nghĩa sai. Đem sự học tập của mình y theo pháp không theo người. Đắc các pháp không lãnh thọ, không nơi chốn. Diệt vô minh nên các hành cũng diệt. Cho đến thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử khổ đều diệt. Diệt như vậy, quán sát mười hai

duyên khởi như thế, vì vô cùng tận mà nhận lấy vi diệu, thấy được những điều mà người không thấy. Tộc tánh tử, đó là cúng dường pháp vô thượng."

Như vậy, này Thiên đế Thích! Thái tử Thiện Túc từ nơi Đức Phật Dược Vương được nghe về việc cúng dường pháp, liền được thuận nhẫn, bèn cởi áo báu dâng lên Phật cúng dường và thưa: "Kính bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai nhập diệt, con sẽ lãnh thọ phụng thờ chánh pháp, lập nên pháp cúng dường để ủng hộ đạo. Cúi xin Như Lai thương tưởng xây dựng để con thu phục quân ma, nhận lấy pháp của Phật."

Đức Phật Dược Vương biết tâm ý của thái tử, liền bảo: "Sau này ông sẽ giữ gìn thành trì chánh pháp."

Bấy giờ, thái tử Thiện Túc từ nơi được thấy Thế Tôn, với lòng tin của mình, bỏ nhà học đạo, siêng năng tu tập theo pháp thiện, không lâu chứng đắc năm Thần thông, được nhập vào Tổng trì của các đạo, biện tài lưu loát. Cho đến sau khi Đức Thế Tôn Dược Vương nhập Niết-bàn, dùng trí tuệ, năng lực của mình suốt trong mười kiếp truyền bá, giảng thuyết giáo pháp mà Như Lai Dược Vương đã thuyết giảng. Pháp thí theo đó được truyền bá.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Thiện Túc giáo hóa ngàn vạn ức người khiến học theo đạo lớn, mười bốn ức người hiểu rõ pháp Thanh văn. Ngoài ra có vô lượng người được sinh lên cõi trời.

Như vậy, này Thiên đế Thích! Vua Bảo Cái lúc xưa, nay được thành Phật hiệu là Như Lai Bảo Thành, còn thái tử Thiện Túc thì chính là ta. Ngoài ra, những người còn trong Hiền kiếp ấy đều đắc đạo quả Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là ngàn Đức Phật ra đời trong Hiền kiếp này. Đức Phật Câu-lưu-tôn là vị đầu tiên và vị cuối cùng là Đức Như Lai Lâu-do.

Như vậy, này Thiên đế Thích! Nên biết điều cốt yếu này. Xưa, bản thân ta thực hành pháp cúng dường các Đức Như Lai nên được giáo hóa trên hết, giáo hóa lâu dài, giáo hóa theo nguyện, giáo hóa tối thượng, không thể so sánh.

Thế nên, Thiên đế Thích nên biết! Cúng dường pháp này chính là cúng dường Phật.

-oOo-

PHẨM 14: KÝ THÁC DI-LẶC

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Này Bồ-tát Di-lặc! Đây gọi là phẩm Vô số ức kiếp tu tập Phật đạo. Ông hãy theo đó mà truyền bá, lãnh thọ kinh pháp Phật đã giảng dạy. Sau khi Như Lai diệt độ, nên truyền bá rộng rãi pháp này. Vì sao? Vì đời sau sẽ có Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ, Thiên, Long, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà… gặp được kinh này sẽ gieo trồng công đức nhiều hơn trước. Người đã tu tập Bồ-đề vô thượng, chưa được nghe và thọ trì pháp này, nếu được nghe pháp ấy thì chắc chắn rất ưa thích, dốc lãnh thọ giáo pháp căn bản chánh yếu của Phật.

Lại nữa, này Di-lặc! Kinh này tạo lợi ích cho các tộc tánh tử, thế nên hãy truyền bá khắp kinh này.

Bồ-tát có hai ấn. Đó là:

1. Ưa thích câu văn, văn từ bóng bẩy.

2. Thâm nhập kinh pháp diệu hóa sâu xa.

Bồ-tát nếu ưa thích câu văn, văn từ bóng bẩy thì nên biết đó là hàng Bồ-tát mới tu học.

Nếu được kinh điển thâm diệu này, lãnh thọ và thực hành rộng rãi, không lo sợ, nghe được rồi lưu truyền, thì nên biết đó là Bồ-tát tu học phạm hạnh đã lâu.

Lại có bốn việc Bồ-tát mới tu học bị hao tổn. Bốn việc đó là:

1. Đối với kinh chưa nghe, nghe thì kinh sợ, nghi ngờ.

2. Bồ-tát mới tu học không khuyến khích, tán trợ, chỉ tăng thêm rối loạn. “Ta chưa từng nghe, kinh này từ đâu đến?”

3. Đối với người hiểu rõ kinh điển sâu xa, ưa giảng về pháp vi diệu này thì không theo lãnh thọ, tu tập.

4. Tuy ở gần mà không cung kính, còn hủy báng, công kích.

Đó là bốn việc Bồ-tát mới tu học bị hao tổn không đạt đến pháp nhẫn sâu xa.

Lại nữa, này Di-lặc! Có hai hạng Bồ-tát tuy hiểu rõ kinh pháp sâu xa, vẫn còn bị hao tổn. Hai hạng đó là:

1. Bồ-tát tu tập theo biên kiến, không xét hạnh của mình, dựa vào sự hiểu biết mà khinh miệt người.

2. Không thọ trì, không đọc tụng, cũng không mong cầu. Bản thân học hiểu rõ kinh pháp sâu xa lại khinh mạn, tham đắm, ganh ghét, không dung nạp người, cũng không bố thí pháp.

Đó là hai hạng, nên tuy hiểu pháp sâu xa vẫn còn dễ hao tổn, không thể nhanh chóng gần gũi, không thể phát sinh pháp nhẫn.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có. Nhờ vào những lời hoàn hảo, con sẽ tránh xa những điều ác ấy để kính giữ đạo phẩm của Đức Như Lai đã tu tập trong vô số kiếp. Nếu thiện nam nào hội nhập kinh điển này thì sẽ khiến cho chính tay họ được tự chọn lấy kinh điển này, rồi chỉ giúp cho người đồng học, giảng thuyết rộng rãi, rõ ràng. Trong thời kỳ của Thế Tôn, nếu ai được kinh điển như vậy, vui thích truyền cho nhau thì nên biết, hàng Bồ-tát này đều được Di-lặc xây dựng.

Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Bồ-tát Di-lặc! Như Lai rất tùy hỉ nơi lời nói tốt đẹp của ông.

Bấy giờ, tất cả các Bồ-tát cùng thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai nhập diệt, chúng con ở cõi Phật này, nơi đây xin sẽ truyền bá Phật đạo, chỉ dạy cho bạn bè đồng học tùy theo căn cơ của họ.

Bấy giờ, Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Ở bất cứ thành thị hay thôn xóm, núi rừng hay đồng nội có hành trì kinh điển sâu xa này thì chúng con sẽ huy động các quyến thuộc đi đến chỗ giảng pháp để hộ trì người giảng pháp, trong phạm vi một trăm do-tuần, sẽ làm cho tất cả được nghe và thấy người giảng pháp, không cho ai hại được.

Lúc ấy, Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Ông hãy tiếp nhận kinh điển này, phụng trì, đọc tụng, giảng thuyết để truyền bá cho mọi người.

Hiền giả A-nan thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Con sẽ lãnh thọ, truyền bá kinh này cho tất cả mọi người. Kính bạch Thế Tôn! Kinh điển này nên đặt tên là gì và sẽ phụng trì như thế nào?

Phật nói:

–Này Hiền giả A-nan! Kinh điển này gọi là lời thuyết giảng của Duy-ma-cật. Cũng gọi là "Khen ngợi pháp môn Bất khả tư nghì." Ông hãy theo đấy mà phụng trì.

Phật thuyết giảng kinh này xong, mọi người lãnh thọ. Trưởng giả Duy-ma-cật, Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi làm thượng thủ.

Chúng Bồ-tát, đại đệ tử cùng tất cả chúng hội nghe Phật thuyết giảng đều rất hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 475

KINH DUY-MA

(Kinh Duy-ma-cật Sở Thuyết)

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.

1. Tịnh độ.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại thành Tỳ-da-ly, trong lâm viên Yêm-ma-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn vị, chúng Đại Bồ-tát ba mươi hai ngàn vị. Chúng Đại Bồ-tát là những vị mà ai cũng biết, bản hạnh của đại trí đã hoàn thành cả, thường được uy đức của chư Phật xây dựng, làm thành trì mà tiếp nhận, giữ gìn chánh pháp, hùng biện như tiếng sư tử gầm, uy danh vang động khắp cả mười phương, mọi người không mời, vẫn đến làm bạn để đem lại yên vui cho họ, tiếp nối dòng giống Tam bảo, làm cho không bị tuyệt diệt, chiến thắng ma vương oán thù, chế ngự các phái ngoại đạo, đã được trong sạch, vĩnh viễn diệt hết những thứ ngăn che và ràng buộc, tâm trí thường xuyên sống trong giải thoát vô ngại, niệm Tổng trì, định Tổng trì và tài hùng biện đều không cùng tận, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, cùng với phương tiện, lực, không phẩm chất nào mà không đầy đủ, đạt đến pháp Nhẫn vô sinh vốn không thủ đắc gì cả, đã thuận theo và chuyển đẩy bánh xe chánh pháp không còn thoái lui, khéo biết thật tướng của các pháp và trình độ nơi chúng sinh, trùm lên trên các chúng mà không có gì e sợ, tu sửa tâm tánh bằng công đức và trí tuệ, trang sức thân thể bằng tướng tốt và vẻ đẹp nên hình dáng bậc nhất, xả bỏ mọi sự trang điểm, làm đẹp của thế gian, danh tiếng cao cả, quá hơn núi Tu-di, đức tin sâu xa, kiên cố như đá kim cương, chánh pháp soi khắp mà mưa xuống nước ngọt cam lộ, lời tiếng nhiệm mầu bậc nhất trong mọi thứ lời tiếng, nhập sâu nơi duyên khởi, không còn cả thói quen về nhị biên có không, thuyết pháp thì không sợ, tựa như sư tử gầm lên, pháp được thuyết ra thì tựa như sấm sét, không thể ước lượng và vượt quá ước lượng, quy tụ vàng ngọc của chánh pháp tựa như thuyền trưởng nơi biển cả, thấu triệt

nghĩa lý sâu xa, nhiệm mầu của các pháp, khéo biết khuynh hướng và kiến thức của muôn loài, gần được tuệ giác tự tại, mười Năng lực, bốn Vô uý và mười tám pháp Bất cộng của Phật, tất cả toàn là những phẩm chất không gì có thể so sánh, đóng bít tất cả cửa ngõ của các nẻo đường ác, sinh trong năm đường mà biểu hiện thân hình của năm đường ấy, là vị thầy thuốc vĩ đại, khéo chữa mọi bệnh, tùy bệnh cho thuốc, khiến được bình phục, tạo thành vô lượng công đức, làm sạch vô biên thế giới, ai thấy ai nghe đều được lợi ích, việc làm không gì là không hiệu quả. Tất cả phẩm chất như vậy, chúng Đại Bồ-tát ấy đều có đủ cả. Danh hiệu các vị là Bồ-tát Đẳng Quan, Bồ-tát Bất Đẳng Quan, Bồ-tát Đẳng Bất Đẳng Quan, Bồ-tát Định Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Quang Tướng, Bồ-tát Quang Nghiêm, Bồ-tát Đại Nghiêm, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Chấp Bảo Cự, Bồ-tát Bảo Dũng, Bồ-tát Bảo Kiến, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Vô Duyên Quán, Bồ-tát Tuệ Tích, Bồ-tát Bảo Thắng, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Hoại Ma, Bồ-tát Điện Đức, Bồ-tát Tự Tại Vương, Bồ-tát Công Đức Tướng Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Âm, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Diệu Sinh, Bồ-tát Hoa Nghiêm, Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Phạm Võng, Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Vô Thắng, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Chân Kế, Bồ-tát Di-lặc, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, đồng đẳng như vậy có ba mươi hai ngàn vị.

Lại có mười ngàn Phạm vương, như Phạm vương Thi-khí…, từ những bốn đại lục khác đến chỗ Đức Thế Tôn để nghe pháp. Có một vạn hai ngàn Thiên đế cũng đến từ những bốn đại lục khác và tám bộ có oai lực lớn, cùng đến ngồi trong pháp hội. Đến ngồi trong pháp hội còn có bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Lúc này, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các chúng vô số trăm ngàn như vậy, đều cung kính bao quanh Ngài, trông như núi Tu-di nổi bật giữa biển cả. Ngài ngồi trên pháp tòa Sư tử tạo bằng các thứ ngọc, làm mờ các chúng đã đến ở đây.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-da-ly có trưởng giả tử tên là Bảo Tích, cùng với năm trăm trưởng giả tử khác cầm những chiếc lọng làm bằng bảy chất liệu quý báu, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy ngang chân Ngài. Rồi ai cũng đem lọng của mình hiến lên Đức Thế Tôn. Do sức mạnh nơi tâm trí của Đức Thế Tôn khiến cho những chiếc lọng ấy hợp lại làm một cái,

che khắp cả đại thiên thế giới. Cả thế giới vừa rộng vừa dài này hiện ra trong lọng ấy. Những núi Tu-di, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Mục-chân-lân-đà lớn, núi Thơm, núi Ngọc, núi Vàng, núi Đen, núi Sắt bao quanh, núi Sắt bao quanh lớn, biển cả, sông ngòi, dòng thác, suối nguồn, thái dương, nguyệt cầu, tinh tú, Thiên cung, long cung, cung điện của các thần, đều hiện ra trong lọng ngọc ấy. Tất cả mười phương, các vị Thế Tôn, các vị Thế Tôn thuyết pháp cũng hiện ra trong lọng ngọc. Toàn thể các chúng nhìn thấy sức mạnh nơi tâm trí của Đức Thế Tôn thì tán dương là hiếm có, chắp tay lạy Ngài, nhìn Ngài, mắt không rời. Bấy giờ, trưởng giả tử Bảo Tích đối trước Đức Thế Tôn, dùng kệ tụng tán dương Ngài:

Mắt trong dài rộng
Như cánh hoa sen
Tâm sạch vượt qua
Tất cả thiền định.
Từ lâu dồn chứa
Vô lượng nghiệp tịnh
Dẫn dắt chúng sinh
Bằng sự Niết-bàn.
Thế nên con xin
Kính lạy Thế Tôn
Chúng con đã được
Nhìn thấy sức thần.
Của Đức Thế Tôn
Làm cho hiện lên
Vô lượng quốc độ
Trong đó ngay như.
Các vị Thế Tôn
Đang thuyết chánh pháp
Chúng con cũng được
Thấy nghe tất cả.
Pháp lực Pháp vương
Siêu việt quần sinh
Thường cho chúng sinh
Cả pháp và của.
Lại khéo phân biệt
Thật tướng các pháp
Với Đệ nhất nghĩa
Cũng không xao động.

Đối với các pháp
Ngài đã tự tại
Con xin kính lạy
Đức Vua chánh pháp.
Thế Tôn thuyết pháp
Siêu việt có không
Hễ có nhân duyên
Thì có các pháp.
Không có bản ngã
Không có tác giả
Không có đến cả
Chủ thể hưởng chịu.
Nhưng nghiệp thiện ác
Vẫn không hề mất
Khởi đầu ở dưới
Gốc cây Bồ-đề.
Ngài đã chiến thắng
Đạo quân ma vương
Thực hiện Niết-bàn
Thành tựu Chánh giác.
Không còn tâm ý
Không còn thọ tưởng
Thế mà Ngài vẫn
Chiến thắng ngoại đạo.
Ngài đã ba lần
Chuyển đẩy pháp luân
Khắp cả toàn thể
Thế giới đại thiên.
Pháp luân như vậy
Vốn thường thanh tịnh
Chứng cớ trời người
Ai cũng đắc đạo.
Ba ngôi Vô thượng
Xuất hiện thế giới
Đem pháp diệu này
Cứu vớt quần sinh.
Những ai một lần
Tiếp nhận pháp ấy

Cũng không bao giờ
Còn bị thoái chuyển.
Mà là thường xuyên
Thể hiện vắng lặng
Như thế Thế Tôn
Là đại y vương.
Cứu vớt chúng sinh
Vượt qua già chết
Con lạy Biển pháp
Công đức vô biên.
Y như núi lớn
Chê khen không động
Từ bi thương hết
Người thiện kẻ ác.
Tâm Ngài bình đẳng
Tựa như không gian
Ai nghe về đấng
Quý nhất loài người.
Mà không tôn kính
Và không phụng sự
Con hiến Thế Tôn
Chiếc lọng tầm thường.
Vậy mà trong đó
Hiện lên đủ cả
Đại thiên thế giới
Thiên cung, Long cung.
Cùng với cung điện
Của cả tám bộ
Lại hiện toàn thể
Vũ trụ vạn hữu.
Đấng mười Năng lực
Từ bi biểu hiện
Đến như thế ấy
Làm cho các chúng.
Thấy sự hiếm có
Ai cũng tán dương
Con xin lạy Đấng
Cao nhất ba cõi.

Pháp vương rất thánh
Ai cũng quy ngưỡng
Lắng lòng nhìn Ngài
Ai cũng hoan hỷ.
Ai cũng thấy Ngài
Ở trước mặt mình
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Dùng một âm thanh
Ngài thuyết chánh pháp
Chúng sinh các loài
Ai cũng hiểu cả.
Ai cũng bảo rằng
Ngài nói như mình
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Âm thanh duy nhất
Thuyết pháp duy nhất
Chúng sinh các loài
Ai cũng hiểu cả.
Tiếp nhận khác nhau
Ích lợi cũng khác
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Ngài thuyết chánh pháp
Bằng một âm thanh
Mà người lo sợ
Người lại vui mừng.
Người sinh chán bỏ
Người hết hoài nghi
Đó là sức thần
Đặc biệt của Ngài.
Con xin kính lạy
Đấng mười Năng lực
Cực kỳ tinh tấn
Con xin kính lạy.
Đấng đã hoàn thiện
Sự không e sợ

Con xin kính lạy
Đấng đã đủ cả.
Phẩm chất đặc biệt
Con xin kính lạy
Đấng Đại Đạo Sư
Của cả mọi người.
Con xin kính lạy
Đấng đã diệt trừ
Kết thắt ràng buộc
Con xin kính lạy.
Đấng đã đạt đến
Bờ bến bên kia
Con xin kính lạy
Đấng đã vượt qua.
Toàn thể thế gian
Con xin kính lạy
Đấng đã rời hẳn
Nẻo đường sống chết.
Trạng huống qua lại
Của các chúng sinh
Ngài rõ tất cả
Ngài đã khéo léo.
Thể hiện giải thoát
Đối với các pháp
Ngài như hoa sen
Không dính việc đời.
Ngài khéo nhập vào
Cái hạnh rỗng lặng
Ngài khéo thấu triệt
Thật tướng các pháp.
Không còn chướng ngại
Con xin kính lạy
Đấng như hư không
Không dựa đâu cả.

Trưởng giả tử Bảo Tích nói kệ tụng ấy rồi, lại thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm trăm trưởng giả tử đi với con đây đều đã phát tâm Bồ-đề vô thượng, ước muốn được nghe về sự thực hiện tịnh độ. Kính xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con về việc làm để thực hiện tịnh độ của

các vị Bồ-tát.

Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm, Bảo Tích! Ông có thể vì các vị Bồ-tát mà hỏi Như Lai về việc làm để thực hiện tịnh độ. Ông hãy nghe cho kỹ, hãy khéo nghĩ nhớ. Như Lai sẽ nói cho ông.

Bảo Tích và năm trăm trưởng giả tử vâng lời mà nghe.

Đức Thế Tôn nói:

–Này Bảo Tích! Chúng sinh là tịnh độ của Bồ-tát. Tại sao? Vì Bồ-tát tùy chúng sinh được giáo hóa mà lấy tịnh độ, tùy chúng sinh được thuần hóa mà lấy tịnh độ, tùy chúng sinh đáng do tịnh độ nào mới nhập tuệ giác của Phật mà lấy tịnh độ ấy, tùy chúng sinh nên do tịnh độ nào mới mọc lên gốc rễ Bồ-tát mà lấy tịnh độ ấy. Sự thể vì Bồ-tát lấy tịnh độ toàn là để đem lại lợi ích cho chúng sinh. Như có người muốn xây dựng lầu đài trên chỗ đất trống thì tùy ý vô ngại. Nếu ở trong hư không thì không bao giờ thành tựu gì cả. Bồ-tát cũng vậy, vì tạo mọi thành tựu cho chúng sinh mà nguyện lấy tịnh độ: nguyện lấy tịnh độ không phải ở trong không.

Bảo Tích! Tâm ngay thẳng là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh không dua nịnh vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tâm sâu xa là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh gồm đủ công đức vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tâm Bồ-đề là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh theo Đại thừa vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bố thí là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh có thể bỏ, cho tất cả vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Giữ giới là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh làm theo mười nghiệp thiện vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh với ba mươi hai tướng trang nghiêm vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tinh tấn là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh siêng tu tất cả công đức vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Thiền định là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh tâm không loạn động vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Trí tuệ là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh thuộc loại chánh định vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bốn Tâm vô lượng là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh Từ, Bi, Hỷ, Xả vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bốn pháp nhiếp hóa là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh thuộc về giải thoát vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng

sinh đạt phương tiện vô ngại đối với các pháp vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Ba mươi bảy Bồ-đề phần là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì những chúng sinh có Niệm xứ, có Chánh cần, có Thần túc, có Căn, có Lực, có Tuệ giác và có đường chánh vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Tâm hồi hướng là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì được tịnh độ hoàn hảo với tất cả phẩm chất tốt đẹp. Khéo nói để trừ khử tám tai nạn là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì được tịnh độ không có ba đường ác, tám tai nạn. Tự giữ giới hạnh mà không chê lỗi người là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì tịnh độ không có danh từ phạm giới. Mười nghiệp thiện là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Chánh giác thì chúng sinh không chết yểu, rất giàu có, đủ phạm hạnh, nói chắc thật, nói hòa nhã, nói hóa giải, nói hữu ích, không ganh ghét, không giận dữ và thấy chính xác vãng sinh nơi tịnh độ của Bồ-tát. Bảo Tích! Đại loại như vậy, Bồ-tát tùy tâm ngay thẳng mà phát khởi việc làm, tùy chỗ phát khởi việc làm mà được tâm sâu xa, tùy tâm sâu xa mà ý thức được thuần hóa, tùy ý thức được thuần hóa mà làm đúng như nói, tùy làm đúng như nói mà hồi hướng, tùy hồi hướng mà có phương tiện, tùy phương tiện mà tác thành cho chúng sinh, tùy chỗ tác thành cho chúng sinh mà quốc độ thanh tịnh, tùy quốc độ thanh tịnh mà thuyết pháp thanh tịnh, tùy thuyết pháp thanh tịnh mà tuệ giác thanh tịnh, tùy tuệ giác thanh tịnh mà tâm thanh tịnh, tùy tâm thanh tịnh mà công đức thanh tịnh. Do vậy, Bảo Tích! Bồ-tát muốn được tịnh độ thì phải tịnh tâm, tâm tịnh thì độ tịnh.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, vâng theo sức mạnh nơi tâm trí của Đức Thế Tôn mà nghĩ: "Nếu Bồ-tát tâm tịnh thì độ tịnh, vậy Đức Thế Tôn của chúng ta đây khi làm Bồ-tát, tâm ý hẳn là dơ bẩn chăng, tại sao quốc độ này nhơ bẩn đến như thế?"

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ ấy, nên bảo:

–Ý Tôn giả nghĩ thế nào? Mặt trời mặt trăng kia nhơ bẩn chăng, tại sao người mù không thấy?

Tôn giả thưa:

–Không phải, bạch Thế Tôn! Sự thể này là lỗi ở người mù, không phải ở mặt trời mặt trăng.

–Này Xá-lợi-phất! Vì chúng sinh tội lỗi nên không thấy quốc độ của Như Lai trang nghiêm thanh tịnh. Điều đó không phải là lỗi của Như Lai. Này Xá-lợi-phất! Quốc độ của Như Lai thanh tịnh mà Tôn giả không thấy.

Khi đó, Phạm vương Loa Kế bạch với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Xin Tôn giả đừng có ý nghĩ ấy, rằng quốc độ này là nhơ bẩn. Tại

sao? Vì chính con thấy quốc độ của Đức Thế Tôn Thích-ca thanh tịnh như là Thiên cung Tự tại.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Còn tôi thì thấy quốc độ này bao nhiêu là gò đống, hầm hố, gai góc, cát sỏi, núi đồi, đất đá, nhơ bẩn tràn trề.

Phạm vương Loa Kế bạch:

–Vì tâm của Tôn giả có cao có thấp, lại không dựa vào tuệ giác của Phật, mới thấy quốc độ này dơ bẩn. Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát đối với chúng sinh toàn là bình đẳng, trong chỗ sâu xa của tâm trí đã là thanh tịnh, lại dựa vào tuệ giác của Phật, thì quốc độ này thanh tịnh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lấy ngón chân ấn xuống đất, tức thì cả đại thiên thế giới có bao nhiêu trăm ngàn châu ngọc trang trí, y như quốc độ Bảo trang nghiêm của Đức Như Lai Bảo Trang Nghiêm. Toàn thể đại chúng tán dương là sự chưa từng có và ai cũng tự thấy ngồi trên hoa sen ngọc.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hãy nhìn sự thanh tịnh của quốc độ này.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn! Thật con chưa từng thấy, cũng chưa từng nghe. Quốc độ này hiện ra toàn là thanh tịnh.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Quốc độ của Như Lai cũng thanh tịnh đến như vậy, nhưng vì hóa độ những kẻ thấp kém nên hiện ra dơ bẩn. Sự thể cũng như chư Thiên cùng ăn bát ngọc, nhưng tùy phước của mỗi người mà thấy màu cơm khác nhau. Ấy vậy, Xá-lợi-phất, hễ ai tâm tịnh thì thấy quốc độ này đủ thứ trang nghiêm.

Khi Đức Thế Tôn thị hiện sự trang nghiêm của quốc độ này thì năm trăm trưởng giả tử đi với Bảo Tích đều được pháp Nhẫn vô sinh, tám mươi bốn ngàn người phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đức Thế Tôn thu thần túc, quốc độ này trở lại như cũ, thì ba mươi hai ngàn trời với người cầu Thanh văn thừa, biết các pháp hữu vi toàn là vô thường, xa lìa mọi trần cấu, Pháp nhãn trong sáng, tám ngàn Tỳ-kheo không còn tham vướng nơi các pháp, phiền não hết sạch, tâm ý giải tỏa.

2. Phương tiện.

Bấy giờ, trong thành lớn Tỳ-da-ly có trưởng giả tên là Duy-ma, đã từng hiến cúng vô lượng chư Phật, trồng sâu gốc lành, được pháp Nhẫn vô sinh, hùng biện vô ngại, thần thông diệu dụng, được các Tổng trì, được sự không sợ, chiến thắng ma vương thù oán, nhập vào pháp môn sâu xa, khéo

léo về Trí độ, tinh thông phương tiện, đại nguyện thành tựu, biết rõ khuynh hướng của tâm trí chúng sinh, phân biệt các căn lanh chậm, đối với Phật đạo thì tâm đã thuần thục và quyết định nơi pháp Đại thừa, mọi việc làm đều khéo lượng định, cử động theo cử động của Phật, tâm như biển cả, được chư Phật tán dương, đệ tử của Ngài là Phạm vương, Đế Thích, những vị Hộ thế đều kính trọng cả. Vì muốn hóa độ mọi người, Trưởng giả Duy-ma sử dụng phương tiện khéo léo mà cư trú trong thành Tỳ-da-ly, với tư thế thu phục những người nghèo nàn bằng tài sản vô lượng, thu phục những người phạm giới bằng giới hạnh thanh tịnh, thu phục những người giận dữ bằng nhẫn nhục thuần hòa, thu phục những người biếng nhác bằng tinh tấn vĩ đại, thu phục những người loạn tâm bằng thiền định nhất tâm, thu phục những người vô trí bằng trí tuệ quyết định. Làm người bạch y mà lại kính giữ giới hạnh thanh tịnh của bậc Sa-môn, ở trong gia đình mà không vướng mắc nơi ba cõi, thị hiện có vợ con mà thường tu phạm hạnh, thị hiện có bà con mà thường thích xa rời, dùng phục sức đẹp mà trang nghiêm thân thể bằng các tướng hảo, ăn uống mà lấy sự vui thích thiền định làm mùi vị, đến chỗ cờ bạc là chỉ để hóa độ cho người, tiếp nhận dị giáo mà không làm thương tổn chánh tín, biết rành sách đời mà thường thích pháp Phật, ai cũng kính trọng mà làm bậc cao nhất trong sự hiến cúng, chấp hành chánh pháp mà thu phục lớn nhỏ, mọi sự mưu sinh tuy được lợi lộc mà không lấy làm mừng, đến các ngả tư để tạo mọi ích lợi cho người, tham gia việc nước để che chở tất cả, vào chỗ diễn thuyết và hội thảo thì hướng dẫn bằng Đại thừa, vào các học đường thì mở mang tuổi trẻ, vào các ổ điếm để nói lên tội lỗi của dâm dục, vào các quán rượu để làm cho người tỉnh trí. Ở trong thành phần trưởng giả thì làm trưởng giả cao quý để nói cho họ về chánh pháp thù thắng, ở trong thành phần cư sĩ thì làm cư sĩ cao quý để cắt đứt sự tham đắm cho họ, ở trong thành phần Sát-lợi thì làm Sát-lợi cao quý để dạy sự nhẫn nhục cho họ, ở trong thành phần Bà-la-môn thì làm Bà-la-môn cao quý để dứt trừ sự ngạo mạn của họ, ở trong thành phần đại thần thì làm đại thần cao quý để dạy chánh pháp cho họ, ở trong thành phần vương tử thì làm vương tử cao quý để dạy sự trung hiếu cho họ, ở trong thành phần nội quan thì làm nội quan cao quý để dạy sửa cho cung nữ, ở trong thành phần dân chúng thì làm người dân cao quý để khiến cho dân chúng tạo phước, ở trong thành phần Phạm thiên thì làm Phạm thiên cao quý để dạy tuệ giác siêu việt cho họ, ở trong thành phần Đế Thích thì làm Đế Thích cao quý để chỉ dạy sự vô thường, ở trong thành phần Hộ thế thì làm Hộ thế cao quý để hộ trì chúng sinh.

Trưởng giả Duy-ma đem bao nhiêu phương tiện như vậy mà tạo lợi

ích cho mọi người. Lại còn dùng phương tiện thị hiện thân thể bị bệnh. Vì trưởng giả bị bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn…, các vương tử cùng với những quan chức liên hệ, nhiều ngàn người đến thăm bệnh. Ai đến thăm, Trưởng giả Duy-ma cũng nhân nơi thân bệnh mà thuyết pháp:

–Các Nhân giả! Thân này là không thường, không mạnh, không sức, không chắc, là vật chóng suy yếu, không thể tin được. Là đau khổ, là buồn bực, là nơi mọi bệnh tập hợp, các Nhân giả, cái thân như vậy người sáng suốt đừng có tin cậy. Thân này như đống bọt, không thể nắm xát; thân này như bong bóng, không thể còn lâu; thân này như sóng nắng, sinh từ khát ái; thân này như cây chuối, ruột không có chắc; thân này như ảo thuật, sinh từ điên đảo; thân này như chiêm bao, hư vọng thấy ra; thân này như hình ảnh, hiện từ nghiệp lực; thân này như tiếng vang, thuộc các nhân duyên; thân này như mây nổi, chốc lát tan mất; thân này như điện chớp, một thoáng không ngừng. Thân này không có chủ thể nên như đất, thân này không có tự ngã nên như lửa, thân này không có sinh mệnh nên như gió, thân này không có tái sinh nên như nước. Thân này không thật, bốn đại làm nhà; thân này trống rỗng, không ngã, ngã sở; thân này vô tri, như cỏ cây ngói đá; thân này không có tạo tác, chỉ như sức gió chuyển động; thân này bất tịnh, dơ bẩn đầy dẫy; thân này dối trá, dẫu nhờ tắm rửa ăn mặc cũng chắc chắn bị hoại diệt; thân này là tai họa vì đủ cả một trăm lẻ một bệnh khổ; thân này như giếng gò, vì bị già yếu thúc bách; thân này không cố định, thế nào cũng chết; thân này như rắn độc, như giặc thù, như xóm vắng vì do ấm xứ giới hợp thành.

Các Nhân giả! Thân này đáng chán, nên thích thân Phật. Vì thân Phật là Pháp thân, sinh từ vô lượng công đức trí tuệ, từ giới định tuệ giải thoát và giải thoát tri kiến, Từ, Bi, Hỷ, Xả, từ các pháp Ba-la-mật là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ; sinh từ phương tiện, từ sáu Thông, từ ba Minh, từ ba mươi bảy Bồ-đề phần, từ Chỉ và Quán; sinh từ mười Lực, bốn Vô úy, mười tám Bất cộng; sinh từ sự đoạn trừ tất cả điều ác mà tập hợp tất cả điều thiện, từ sự chân thật, sự bất phóng dật: từ vô lượng pháp thanh tịnh như vậy mà sinh thân Phật. Các Nhân giả! Muốn được thân Phật, khỏi mọi bệnh tật của chúng sinh, thì phải phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Cứ như vậy, Trưởng giả Duy-ma đã nói pháp thích hợp cho những người đến thăm bệnh ông, khiến cho nhiều ngàn người cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng.

3. Đệ tử.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma tự nghĩ: "Nay con bệnh tật không rời khỏi giường thế này, tâm Từ rộng lớn của Đức Thế Tôn đâu có bỏ mà không thương đến." Đức Thế Tôn biết ý ông, nên bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước, con ngồi yên trong rừng, bên gốc cây, khi ấy Trưởng giả Duy-ma đến, thưa: "Kính bạch Tôn giả Xá-lợi-phất! Bất tất phải ngồi như vầy mới là ngồi yên. Ngồi yên là ở trong ba cõi mà vẫn không hiện hành thân ý mới là ngồi yên, không xuất định diệt tận mà vẫn hiện hành những cử động khuôn phép mới là ngồi yên, không bỏ pháp Phật mà vẫn hiện hành mọi sự của người thường mới là ngồi yên, tâm không hướng nội cũng không hướng ngoại mới là ngồi yên, không động nơi mọi thứ kiến chấp mà vẫn tu hành ba mươi bảy giác phần mới là ngồi yên, không dứt phiền não mà vẫn nhập Niết-bàn mới là ngồi yên. Ngồi được như vậy thì Phật mới ấn chứng."

Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con nghe lời ấy mà lặng thinh, không thể đáp lại. Do vậy con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây con vào thành Tỳ-da-ly, ở trong một ngõ tắt của phường khóm, thuyết pháp cho các cư sĩ. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến thưa với con: "Kính bạch Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Thuyết pháp cho cư sĩ thì đừng nói như Tôn giả nói. Thuyết pháp là thuyết đúng với pháp: pháp không sinh thể, vì tách rời mọi cấu uế của sinh thể; pháp không tự ngã, vì tách rời mọi cấu nhiễm của tự ngã; pháp không sinh mệnh, vì tách rời sinh tử; pháp không tái sinh, vì thời gian trước sau đều dứt hết; pháp thường vắng lặng, vì diệt các tướng; pháp siêu việt các tướng, vì không duyên đâu cả; pháp không tên chữ, vì tuyệt hết mọi ngôn từ; pháp không nói năng, vì tách rời tìm tòi cứu xét; pháp không hình tướng, vì như hư không; pháp không thảo luận vô ích, vì rốt ráo là không; pháp không ngã sở, vì tách rời ngã sở; pháp không phân biệt, vì tách rời các thức; pháp không so sánh, vì không đối chiếu; pháp không thuộc nhân tố, vì không ở

nơi mọi nhân tố; pháp đồng pháp tánh, vì nhập vào thể tánh của các pháp; pháp tùy theo chân như, vì không tùy theo gì cả; pháp trú ở thực tánh, vì những quan điểm cực đoan không thể làm loạn động; pháp không dao động, vì không dựa vào sáu đối tượng; pháp không thời gian, vì thường không ngừng; pháp thích hợp với không, thích ứng vô tướng, thích nghi vô tác; pháp tách rời tốt xấu, pháp không thêm bớt, pháp không sinh diệt, pháp không có đối tượng để quy về, pháp siêu việt giác quan, pháp không cao thấp, pháp thường trú bất động, pháp tách rời mọi loại quan sát. Dạ, kính bạch Tôn giả! Thực tướng của các pháp như vậy thì có thể thuyết giảng được sao? Thuyết pháp là người nói không nói, không chỉ thị, người nghe không nghe, không thủ đắc. Như nhà ảo thuật thuyết pháp cho nhân vật ảo thuật: Hãy có ý thức ấy mà thuyết pháp cho người. Phải biết trình độ của chúng sinh có lanh có chậm, phải hiểu các pháp không bị trở ngại, rồi đem tâm đại Bi mà tán dương Đại thừa, nghĩ báo ân Phật mà tiếp nối Tam bảo, rồi mới thuyết pháp.”

Khi Trưởng giả Duy-ma thuyết pháp như thế thì tám trăm cư sĩ đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Con không có được sự hùng biện như vậy, nên không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Đại Ca-diếp thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con khất thực nơi xóm nghèo, bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến thưa với con: “Dạ, kính bạch Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôn giả có tâm Từ bi mà không đồng đẳng, vì bỏ nhà giàu mà khất thực người nghèo. Kính bạch Tôn giả! Hãy sống bình đẳng rồi nên tuần tự khất thực. Hãy vì không ăn mà nên xin ăn, vì hủy diệt trạng huống hòa hợp nên nhận lấy vắt ăn, vì không tiếp nhận nên tiếp nhận thực phẩm, vì quán tưởng làng xóm trống vắng mà đi vào làng xóm; thấy hình sắc cũng như không thấy, nghe âm thanh cũng như nghe tiếng vang, ngửi hơi thơm cũng như gió thoảng, nếm mùi vị mà không phân biệt, được tiếp xúc cũng như tuệ giác tiếp xúc; biết các pháp như huyễn ảo, không tự tánh, không tha tánh; vốn không cháy, nên nay không tắt. Kính bạch Tôn giả Đại Ca-diếp! Nếu có thể không bỏ tám tà mà nhập tám Giải thoát, nếu bằng tà pháp mà nhập chánh pháp, nếu đem một bữa ăn mà cho mọi người, mà hiến chư Phật và Hiền thánh Tăng, thì sau đó mới nên ăn. Ăn như vậy không phải có phiền não không phải không phiền não, không phải nhập định không phải xuất

định, không ở thế gian không ở Niết-bàn. Người cho thì không kể phước lớn hay phước nhỏ, không kể ích lợi hay tổn hại. Như thế là đi vào đường đi của Phật chứ không đi theo Thanh văn. Kính bạch Tôn giả! Ăn như vậy mới là không ăn một cách vô ích các thực phẩm của người cho."

Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con nghe nói như vậy tình cảm thấy hiếm có, sinh lòng kính trọng sâu xa đối với các vị Bồ-tát. Con lại nghĩ, người có gia đình mà trí tuệ và hùng biện còn đến như thế thì ai mà không phát tâm Bồ-đề vô thượng. Từ đó đến nay, con không còn khuyên ai bằng pháp Thanh văn, Duyên giác nữa. Và do đó, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con đến khất thực nơi nhà trưởng giả, trưởng giả lấy bát của con đựng đầy cơm, rồi nói với con: "Dạ, kính bạch Tôn giả Tu-bồ-đề! Nếu bình đẳng đối với sự ăn thì đối với các pháp cũng bình đẳng, bình đẳng đối với các pháp thì đối với sự ăn cũng bình đẳng, khất thực như vậy mới nên nhận lấy thực phẩm. Nếu Tôn giả không dứt bỏ tham, sân, si mà cũng không sống với tham, sân, si; không hủy diệt thân thể mà vẫn tùy thuận nhất tướng; không hủy diệt vô minh với tham ái mà vẫn phát khởi minh sát với giải thoát; dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, không mở không buộc; không phải thấy bốn chân lý, không phải không thấy bốn chân lý; không thủ đắc đạo quả; không phải phàm phu, không phải tách rời phàm phu; không phải Thánh nhân, không phải không Thánh nhân; thành tựu các pháp mà tách rời ý tưởng về các pháp, thì mới nên nhận lấy thực phẩm. Nếu Tôn giả không thấy Phật, không nghe Pháp, lãnh giáo pháp của sáu phái ngoại đạo kia làm thầy của Tôn giả và Tôn giả xuất gia với họ, họ đọa lạc, Tôn giả cũng đọa lạc, như thế mới nên nhận lấy thực phẩm. Nếu Tôn giả nhập vào các loại tà kiến chứ không đến bờ bên kia, ở trong tám nạn chứ không được không nạn, hòa đồng phiền não và tách rời pháp thanh tịnh, Tôn giả được định không cãi thì chúng sinh cũng được định ấy, ai cúng dường Tôn giả thì không gọi là gặp ruộng phước, ai hiến cúng Tôn giả thì đọa vào ba đường dữ, Tôn giả với quân ma cùng nắm tay mà làm bạn với phiền não, Tôn giả với quân ma và phiền não không khác gì nhau cả, oán ghét chúng sinh, phỉ báng Phật và pháp Phật, không dự vào hàng ngũ chúng Tăng và không bao giờ được Niết-bàn cả: Tôn giả

(đủ phương cách và khéo léo, dám làm được) như vậy mới nên nhận lấy thực phẩm."

Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con nghe vậy mà hoang mang, không biết trưởng giả nói gì, không biết trả lời thế nào, nên để bát lại mà muốn đi ra. Trưởng giả thưa: "Dạ, kính bạch Tôn giả Tu-bồ-đề! Xin hãy lấy bát, đừng sợ. Ý của Tôn giả nghĩ sao? Nếu Đức Thế Tôn tạo ra nhân vật biến hóa, đem những điều trên đây chất vấn thì Tôn giả có sợ không?" Con trả lời: "Không." Trưởng giả nói: "Các pháp toàn như ảo hóa, Tôn giả không nên sợ. Tại sao? Vì mọi sự nói năng không tách rời ảo hóa. Người có trí thì không vướng mắc nơi văn tự đã được nói ra, nên không sợ gì cả. Tại sao không nên vướng mắc nơi văn tự? Vì văn tự tự nó đã là sự tách rời, tách rời văn tự thì thế là giải thoát, giải thoát chính là các pháp."

Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp này thì hai trăm hàng trời, người được mắt pháp trong sáng. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Phú-lâu-na:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Phú-lâu-na thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con ở trong rừng lớn, bên một đại thọ, thuyết pháp cho các vị Tỳ-kheo mới thọ đại giới. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Dạ, kính bạch Tôn giả Phú-lâu-na! Trước hết Tôn giả hãy nhập định quán xét những người này đã, mới nên thuyết pháp. Tôn giả đừng đem thực phẩm dơ bẩn đặt vào bát ngọc. Tôn giả nên biết các vị Tỳ-kheo này nghĩ gì, đừng lầm lưu ly là thủy tinh. Tôn giả không biết trình độ của người nghe thì đừng tác động họ bằng pháp Tiểu thừa: Họ không bị thương thì Tôn giả đừng làm cho họ thương tổn. Người muốn đi đường lớn thì đừng chỉ ngõ hẹp. Đừng đem biển cả nhét vào dấu chân bò. Đừng đem mặt trời coi như đôm đốm. Kính bạch Tôn giả Phú-lâu-na! Những vị Tỳ-kheo này từ lâu đã phát tâm Đại thừa, nửa chừng quên tâm ấy, tại sao Tôn giả lại đem pháp Tiểu thừa mà hướng dẫn. Con thấy Tiểu thừa trí tuệ nhỏ, cạn, chẳng khát đui mù, không thể phân biệt về trình độ lanh chậm của chúng sinh." Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma tức thì nhập định, làm cho các vị Tỳ-kheo tự nhớ về đời trước đã từng gieo trồng các loại gốc rễ công đức nơi chỗ năm trăm Đức Phật, hồi hướng đến Bồ-đề vô thượng, tức thì thông suốt, phục hồi tâm cũ. Các vị Tỳ-kheo ấy lạy ngang chân Trưởng giả Duy-ma. Trưởng giả nhân đó thuyết pháp, làm cho họ không còn thoái chuyển

nơi Bồ-đề vô thượng. Con nghĩ hàng Thanh văn không xét trình độ của người thì không nên thuyết pháp. Và do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-chiên-diên:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Ca-chiên-diên thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước, Đức Thế Tôn đã lược nói cho các vị Tỳ-kheo về chỗ chính yếu của các pháp, sau đó con quảng diễn nghĩa lý chính yếu ấy, rằng đó là vô thường, khổ, không, vô ngã, vắng lặng. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Dạ, kính bạch Tôn giả Ca-chiên-diên! Xin đừng đem cái tâm sinh diệt mà nói về pháp thật tướng. Kính bạch Tôn giả! Vô thường nghĩa là các pháp triệt để bất sinh bất diệt, khổ nghĩa là năm uẩn rỗng lặng mà không có khởi lên, không nghĩa là các pháp triệt để không hiện hữu, vô ngã nghĩa là ngã và ngã sở mà thấy là bất nhị, vắng lặng nghĩa là các pháp vốn không cháy nay không tắt." Khi Trưởng giả Duy-ma thuyết pháp như vậy thì các Tỳ-kheo tâm được giải thoát. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-na-luật:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả A-na-luật thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con kinh hành nơi một chỗ nọ, bấy giờ có Phạm vương tên Nghiêm Tịnh, cùng với mười ngàn Phạm thiên phóng ánh sáng trong suốt, cùng đến chỗ con, lạy mà hỏi: "Thiên nhãn của Tôn giả thấy được bao nhiêu?" Con trả lời: "Nhân giả, tôi thấy đại thiên thế giới này của Đức Thế Tôn Thích-ca, tựa như hình trái Yêm-ma-la trong lòng bàn tay." Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Dạ, kính bạch Tôn giả A-na-luật! Thiên nhãn của Tôn giả thấy là có hay không có hành tướng? Có hành tướng thì không khác gì năm thông của ngoại đạo, không có hành tướng thì là vô vi, chẳng nên có sự thấy."

Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con lặng thinh, còn các Phạm thiên nghe trưởng giả nói thì vui mừng chưa từng có, liền lạy trưởng giả mà hỏi: "Đời có ai được Thiên nhãn thật không?" Trưởng giả trả lời: "Có, Đức Thế Tôn được Thiên nhãn thật, thường ở trong chánh định mà vẫn thấy hết mọi cõi Phật, thấy không phải bằng nhị biên." Bấy giờ, Phạm vương Nghiêm Tịnh và năm trăm Phạm thiên quyến thuộc đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, lạy

ngang chân trưởng giả rồi ẩn mất. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây có hai vị Tỳ-kheo phạm giới, lấy làm xấu hổ, không dám hỏi Đức Thế Tôn, nên đến hỏi con: "Kính bạch Tôn giả Ưu-ba-ly! Chúng con phạm giới, thật là xấu hổ, không dám hỏi Đức Thế Tôn, xin Tôn giả giải tỏa mối nghi ngờ và hối hận cho chúng con có thể thoát khỏi lỗi này." Con liền giải thích đúng pháp cho hai vị ấy. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Dạ, kính bạch Tôn giả Ưu-ba-ly! Xin đừng làm tăng thêm cái tội của hai vị Tỳ-kheo ấy. Tôn giả nên giải tỏa thẳng vào tội lỗi, đừng quấy rối tâm họ. Tại sao? Vì tội của họ không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Như Đức Thế Tôn đã dạy, tâm bẩn thì con người bẩn, tâm sạch thì con người sạch. Tâm không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Tâm như vậy thì tội cũng vậy, các pháp cũng vậy, tất cả toàn là chân như. Như khi Tôn giả đem tâm tánh vốn sạch mà thực hiện giải thoát, thì tâm tánh ấy vốn có bẩn chăng?" Con trả lời: "Không." Trưởng giả lại nói: "Tâm tánh của chúng sinh không bẩn cũng y như thế. Kính bạch Tôn giả! Vọng tưởng là bẩn, không vọng tưởng mới sạch, điên đảo là bẩn, không điên đảo mới sạch, chấp ngã là bẩn, không chấp ngã mới sạch. Kính bạch Tôn giả! Các pháp sinh diệt không ngừng, như ảo thuật, như ánh chớp. Các pháp không chờ nhau, đến nỗi một thoáng cũng không ngừng. Các pháp toàn là vọng thấy, như chiêm bao, như sóng nắng, như trăng dưới nước, như ảnh trong gương, các pháp toàn do vọng tưởng. Biết như vậy là tuân giữ giới luật, biết như vậy là khéo hiểu giới luật." Bấy giờ, hai vị Tỳ-kheo nói: "Thật là bậc Trí tuệ cao vời, Tôn giả Ưu-ba-ly không bằng. Tôn giả đã giữ giới trên hết mà không thể nói như vậy." Con liền trả lời: "Ngoại trừ Đức Thế Tôn, chưa có Thanh văn với Bồ-tát nào chế ngự nổi sự hùng biện của Trưởng giả Duy-ma. Trí tuệ của trưởng giả thấu suốt đến như thế." Khi ấy, hai vị Tỳ-kheo hết cả hoài nghi, hối hận, phát tâm Bồ-đề vô thượng, nguyện cho tất cả chúng sinh cũng được hùng biện như vậy. Do đó, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả La-hầu-la:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả La-hầu-la thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước, các trưởng giả tử từ thành Tỳ-da-ly đến chỗ con, lạy rồi hỏi:

"Dạ, kính bạch Tôn giả La-hầu-la! Tôn giả là con Phật, bỏ ngôi vị Luân vương mà xuất gia, tu tập chánh pháp. Vậy sự xuất gia có những lợi ích gì?" Con liền nói cho họ một cách đúng pháp về công đức, lợi ích của sự xuất gia. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Dạ, kính bạch Tôn giả La-hầu-la! Không nên nói công đức, lợi ích của sự xuất gia. Tại sao? Vì không lợi ích, không công đức mới là xuất gia. Pháp hữu vi mới có thể nói là có lợi ích, có công đức. Còn xuất gia là pháp vô vi. Trong pháp vô vi thì không có lợi ích, không có công đức. Kính bạch Tôn giả! Xuất gia thì không thế này, không thế khác, không lưng chừng. Tách rời sáu mươi kiến chấp mà ở nơi Niết-bàn; bậc Trí vâng chịu và hàng Thánh đi theo; chiến thắng các loại quân ma, vượt năm đường, sạch năm mắt, được năm căn bản, lập năm năng lực; không gây rối ai, bỏ mọi điều ác; xô ngã ngoại đạo, vượt trên giả danh; thoát khỏi bùn lầy, không hệ lụy, không ngã sở, không vâng chịu, không loạn động; trong tâm hoan hỷ và nâng đỡ chúng sinh; thuận theo thiền định, tách rời lầm lỗi: có năng lực làm được như vậy mới là xuất gia thật." Trưởng giả Duy-ma bảo các trưởng giả tử: "Các vị nên cùng nhau xuất gia trong pháp Phật. Tại sao? Vì khó gặp được thời gian có Phật." Các Trưởng giả tử nói: "Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe nói Phật dạy cha mẹ không đồng ý thì không được xuất gia." Trưởng giả Duy-ma nói: "Nhưng các vị phát tâm Bồ-đề vô thượng thì thế là xuất gia là có giới Cụ túc rồi đó." Bấy giờ ba mươi hai trưởng giả tử đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước thân thể Đức Thế Tôn có chút bệnh, cần đến sữa bò. Con liền cầm bát, tới một nhà đại Bà-la-môn, đứng ngoài cửa. Bấy giờ Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Dạ, kính bạch Tôn giả A-nan! Tại sao mới sáng sớm mà Tôn giả cầm bát đứng đây?" Con trả lời: "Thưa cư sĩ! Đức Thế Tôn thân có chút bệnh, cần đến sữa bò, nên tôi đến đây." Trưởng giả Duy-ma liền nói: "Đừng, đừng, Tôn giả A-nan! Đừng nói như vậy. Thân Đức Thế Tôn là thân kim cương, dứt hết điều ác, hội đủ điều thiện, thì còn bệnh tật gì, có bực bội nào? Hãy lặng thinh mà đi đi, Tôn giả

A-nan, đừng phỉ báng Đức Thế Tôn, đừng để người khác nghe lời thô ấy, đừng để chư Thiên đại oai đức, hay các vị Bồ-tát đến từ các phương tịnh độ, nghe được lời ấy. Kính bạch Tôn giả! Luân vương nhờ chút phước mà còn được vô bệnh, huống chi Đức Thế Tôn tụ hội vô lượng phước đức và là bậc hơn hết? Đi đi thôi, Tôn giả A-nan, đừng để chúng tôi cũng chịu sỉ nhục này. Ngoại đạo Phạm chí nghe được lời ấy thì sẽ nghĩ sao gọi là thầy, bệnh mình không tự cứu được thì làm sao cứu được mọi người. Tôn giả hãy kín đáo đi mau đi, đừng để ai nghe. Kính bạch Tôn giả A-nan! Nên biết thân Phật là Pháp thân, không phải cái thân nghĩ đến ái dục. Phật là Đấng Thế Tôn, vượt quá ba cõi. Thân Phật vô lậu, các lậu đã hết. Thân Phật vô vi, không thuộc phạm vi số lượng. Thân Phật như vậy, làm sao có bệnh?" Bấy giờ, bạch Thế Tôn! Con thật xấu hổ: Có thể nào gần Đức Thế Tôn mà lại nghe lầm? Tức thì trong không trung có tiếng nói bảo con: "Tôn giả A-nan, sự thể đúng như trưởng giả nói. Chỉ vì Đức Thế Tôn xuất hiện trong giai đoạn có đủ năm thứ ô trược, nên hiện hành bệnh tật để giáo hóa chúng sinh. Vậy cứ đi đi, Tôn giả A-nan, cứ kiếm sữa, đừng có xấu hổ."

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Duy-ma trí tuệ hùng biện đến như thế. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Cứ như vậy, năm trăm đại đệ tử của Đức Thế Tôn ai cũng thưa với Ngài về trường hợp cũ, thuật lại lời nói của Trưởng giả Duy-ma và cũng nói không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy.

4. Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Đại sĩ hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Bồ-tát Di-lặc thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây con nói hạnh của quả vị bất thoái cho Thiên vương Đâu-suất và quyến thuộc của ông. Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Kính bạch Bồ-tát Di-lặc! Đức Thế Tôn thọ ký cho Nhân giả một đời nữa là thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, vậy Nhân giả dùng đời nào để nhận được thọ ký, quá khứ, vị lai hay hiện tại? Nếu dùng đời quá khứ thì đời quá khứ đã qua rồi, nếu dùng đời vị lai thì đời vị lai chưa đến, nếu dùng đời hiện tại thì đời hiện tại không ngừng, đúng như Thế Tôn đã nói, chư Tỳ-kheo, chính ngay bây giờ mà các vị vừa sinh vừa già vừa chết. Nếu dùng cái không có đời nào mà nhận được thọ ký, thì không có đời nào là vị trí chính yếu, trong vị trí chính yếu cũng không có thọ ký, không có sự Bồ-đề vô thượng. Như vậy làm sao Nhân giả được thọ ký một đời, từ

chân như sinh mà thọ ký, hay từ chân như diệt mà được thọ ký? Từ chân như sinh thì chân như không sinh, từ chân như diệt thì chân như không diệt. Tất cả chúng sinh toàn là chân như, tất cả các pháp cũng toàn chân như, tất cả Hiền thánh cũng toàn là chân như, đến như Nhân giả cũng là chân như. Nếu Nhân giả được thọ ký thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng được thọ ký, tại sao, vì chân như là không nhị biên, không có các tánh khác nhau. Nếu Nhân giả được Bồ-đề vô thượng thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng được, tại sao, vì chúng sinh chính là Bồ-đề. Nếu Nhân giả được Niết-bàn thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng được Niết-bàn, tại sao, vì chính Phật biết hết thảy chúng sinh rốt ráo là vắng lặng, tức tướng Niết-bàn không trở lại vắng lặng nữa. Do vậy, Nhân giả không nên đem pháp này mà chỉ dẫn chư Thiên, vì thật ra không có người phát tâm Bồ-đề vô thượng, cũng không có người thoái chuyển tâm ấy. Nhân giả nên làm cho chư Thiên này bỏ sự phân biệt về Bồ-đề. Tại sao? Vì Bồ-đề không thể được bằng thân, không thể được bằng tâm. Tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt hết các tướng. Không xét là Bồ-đề, vì rời mọi sự duyên dựa. Không biết là Bồ-đề, vì không mọi sự nhớ nghĩ. Đoạn trừ là Bồ-đề, vì xả bỏ mọi thứ kiến chấp. Tách rời là Bồ-đề, vì tách rời mọi thứ vọng tưởng. Chướng ngại là Bồ-đề, vì làm chướng ngại mọi sự nguyện cầu. Không chứng vào là Bồ-đề, vì không có tham chấp. Thuận với là Bồ-đề, vì thuận với chân như. Trú ở là Bồ-đề, vì trú ở pháp tánh. Đạt đến là Bồ-đề, vì đạt đến thật tế. Bất nhị là Bồ-đề, vì tách rời ý thức và đối tượng của ý thức. Đồng đẳng là Bồ-đề, vì đồng đẳng hư không. Vô vi là Bồ-đề, vì không sinh trú diệt. Biết rõ là Bồ-đề, vì biết rõ tâm hành của chúng sinh. Không hội tụ là Bồ-đề, vì giác quan và đối tượng không hội tụ với nhau. Không hợp là Bồ-đề, vì tách rời thói quen của phiền não. Không vị trí là Bồ-đề, vì không có hình sắc. Giả danh là Bồ-đề, vì danh từ là không. Như biến hóa là Bồ-đề, vì không có lấy bỏ. Không loạn động là Bồ-đề, vì thường tự yên tĩnh. Khéo vắng lặng là Bồ-đề, vì bản tánh thanh tịnh. Không lấy là Bồ-đề, vì tách rời mọi vin, níu. Không khác là Bồ-đề, vì các pháp đồng đẳng. Không sinh là Bồ-đề, vì không gì có thể ví dụ. Nhiệm mầu là Bồ-đề, vì các pháp khó biết."

Bạch Thế Tôn! Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp như vậy thì có hai trăm trời, người được pháp Nhẫn vô sinh. Do vậy, nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Quang Nghiêm:

–Đồng tử hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đồng tử Quang Nghiêm thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ trước đây con đi ra thành Tỳ-da-ly, thì gặp trưởng giả vừa vào thành ấy. Con thi lễ và hỏi: "Cư sĩ từ đâu đến đây?" Trưởng giả trả lời với con: "Tôi từ đạo tràng đến đây." Con hỏi: "Đạo tràng là chỗ nào?" Trưởng giả trả lời: "Tâm ngay thẳng là đạo tràng, vì không có giả dối. Phát khởi việc làm là đạo tràng, vì có thể làm thành mọi việc. Tâm sâu xa là đạo tràng, vì tăng thêm công đức. Tâm Bồ-đề là đạo tràng, vì không lầm lẫn. Bố thí là đạo tràng, vì không có hy vọng đáp trả. Trì giới là đạo tràng, vì ý nguyện đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sinh tâm không bị chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng, vì không biếng nhác thoái lui. Thiền định là đạo tràng, vì tâm thuần hóa ôn hòa. Trí tuệ là đạo tràng, vì hiện thấy các pháp. Từ là đạo tràng, vì đồng đẳng với chúng sinh. Bi là đạo tràng, vì chịu được mệt nhọc khổ sở. Hỷ là đạo tràng, vì vui thích về pháp. Xả là đạo tràng, vì ghét thương đều cắt đứt. Thần thông là đạo tràng, vì thành tựu sáu Thông. Giải thoát là đạo tràng, vì có thể từ bỏ. Phương tiện là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sinh. Bốn Nhiếp pháp là đạo tràng, vì thâu tóm, dẫn dắt chúng sinh. Đa văn là đạo tràng, vì thực hành đúng như đã nghe. Chế ngự tâm là đạo tràng, vì chánh quán các pháp. Ba mươi bảy giác phần là đạo tràng, vì xả bỏ pháp hữu vi. Đế là đạo tràng, vì không lừa đảo thế gian. Duyên khởi là đạo tràng, vì vô minh cho đến lão tử đều vô cùng tận. Các phiền não là đạo tràng, vì biết đúng như sự thật. Chúng sinh là đạo tràng, vì biết là vô ngã. Tất cả các pháp là đạo tràng, vì biết các pháp là không. Chiến thắng quân ma là đạo tràng, vì không có nghiêng đổ. Ba cõi là đạo tràng, vì không có đối tượng để hướng tới. Sư tử gầm là đạo tràng, vì không còn e sợ. Lực, Vô úy và pháp Bất cộng là đạo tràng, vì không còn mọi lầm lỗi. Ba Minh là đạo tràng, vì không còn sót lại sự chướng ngại nào. Một ý nghĩ biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu nhất thế trí. Như vậy, thiện nam! Bồ-tát nếu thích ứng các pháp Ba-la-mật mà giáo hóa chúng sinh, thì mọi động tác, cất chân lên để chân xuống, nên biết toàn là từ đạo tràng mà đến ở nơi pháp Phật."

Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp như vậy thì năm trăm hàng trời, người đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Bồ-tát hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Bồ-tát Trì Thế thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy.

Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con ở trong tịnh thất, bấy giờ ma vương Ba-tuần đổi dáng Đế Thích, cùng mười hai ngàn Thiên nữ tấu nhạc hát ca mà đến chỗ con, cùng nhau lạy ngang chân con, rồi chắp tay cung kính đứng qua một phía. Con tưởng là Đế Thích nên bảo: "Đến đây tốt lắm, Kiều-thi-ca. Nhưng phước đức đáng hưởng cũng đừng buông thả. Phải xét năm dục vô thường để cầu pháp thiện. Đem thân thể tính mạng và tài sản mà thực hiện sự bền chắc."

Ma vương liền thưa với con: "Kính bạch Chánh sĩ! Xin hãy nhận mười hai ngàn Thiên nữ này để giúp việc quét tưới."

Con bảo: "Kiều-thi-ca! Đừng đem vật phi giới pháp đến cho Sa-môn Thích tử. Những Thiên nữ này không phải là vật thích nghi với tôi."

Nói chưa xong thì Trưởng giả Duy-ma đến, thưa với con: "Người này không phải Đế Thích, mà là ma vương đến quấy phá Bồ-tát đó. Tức thì trưởng giả bảo ma vương: "Hãy cho ta những Thiên nữ này. Ta thì nhận được."

Ma vương kinh sợ, nghĩ trưởng giả này chắc sẽ não hại mình. Ma vương muốn tàng hình trốn đi mà không tàng hình được. Cùng tận thần lực, ma vương vẫn không thể trốn đi. Thì nghe trong không gian có tiếng bảo: "Ba-tuần, hãy đem Thiên nữ cho đi thì mới đi được."

Ma vương vì sợ nên miễn cưỡng mà cho. Trưởng giả Duy-ma bảo các Thiên nữ: "Ma vương đã đem các người cho ta, vậy các người nên phát tâm Bồ-đề vô thượng." Trưởng giả liền thích nghi mà thuyết pháp cho họ phát tâm.

Lại bảo: "Các người đã phát tâm rồi thì có cái vui của chánh pháp có thể vui được, không cần vui theo năm dục nữa."

Các Thiên nữ hỏi: "Vui theo chánh pháp là thế nào?"

Trưởng giả nói: "Là thích tin Phật, thích nghe Pháp, thích cúng Tăng, thích rời năm dục, thích xét năm uẩn như giặc thù, thích xét bốn đại như rắn độc, thích xét sáu giác quan như xóm vắng, thích giữ gìn tâm Bồ-đề, thích tạo lợi ích cho chúng sinh, thích kính thờ sư trưởng, thích bố thí rộng rãi, thích giữ giới bền chắc, thích ôn hòa nhẫn nhục, thích siêng năng tập hợp căn lành, thích thiền định không có loạn động, thích tuệ sáng không có dơ bẩn, thích mở rộng tâm Bồ-đề, thích chiến thắng quân ma, thích đoạn tuyệt phiền não, thích làm sạch thế giới, vì thích thành tựu tướng hảo mà tu tập mọi thứ công đức, thích trang nghiêm đạo tràng, thích nghe giáo pháp sâu xa mà không sợ, thích ba cửa giải thoát mà không thích phi thời, thích gần đồng học và thích tâm không tức giận, không tạo chướng ngại đối với

những người không phải đồng học, thích nâng đỡ bạn ác và thích thân gần tri thức thiện, thích tâm vui mừng thanh tịnh, thích tu vô lượng các pháp giác phần. Như thế đó là sự vui thích chánh pháp của Bồ-tát."

Bấy giờ, Ba-tuần bảo các Thiên nữ: "Ta muốn cùng các người trở về Thiên cung."

Các Thiên nữ nói: "Ông đã đem chúng tôi cho vị cư sĩ này, lại có cái vui chánh pháp làm cho chúng tôi rất thích rồi, chúng tôi không còn thích cái vui của năm dục nữa."

Ma vương nói: "Thưa cư sĩ, xin phóng xả những Thiên nữ này. Vì cho người tất cả, đó là Bồ-tát."

Trưởng giả Duy-ma nói: "Rồi, ta đã phóng xả rồi đó, nhà ngươi đem họ đi đi. Ấy là để làm cho tất cả chúng sinh được hoàn hảo về ước nguyện chánh pháp."

Các Thiên nữ hỏi Trưởng giả Duy-ma: "Chúng tôi nên ở Thiên cung theo cách nào?"

Trưởng giả Duy-ma nói: "Các chị, có một pháp môn tên là Ngọn đèn vô tận, các chị nên tu học. Ngọn đèn vô tận là như một ngọn đèn đốt cháy cả trăm cả ngàn ngọn đèn, làm cho tối tăm đều sáng lên cả và cái sáng ấy không bao giờ cùng tận. Như thế, các chị, một vị Bồ-tát mở mắt dẫn đường cho cả trăm cả ngàn chúng sinh, làm cho họ phát tâm Bồ-đề vô thượng, thế nhưng tâm Bồ-đề vô thượng của vị Bồ-tát ấy vẫn không cùng tận, mà tùy pháp mình nói còn tự tăng thêm mọi thứ pháp thiện, như thế gọi là ngọn đèn vô tận. Các chị dẫu ở Thiên cung, vẫn đem ngọn đèn vô tận này làm cho vô số Thiên tử, Thiên nữ phát tâm Bồ-đề vô thượng, thì thế là báo đáp ân đức của Phật, lại rất lợi ích cho cả chúng sinh."

Lúc ấy các Thiên nữ đem đầu mặt lạy ngang chân Trưởng giả Duy-ma, rồi theo ma vương trở về Thiên cung. Trong chốc lát họ ẩn mất tất cả.

Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Duy-ma có thần lực tự tại và trí tuệ hùng biện như vậy, nên con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả tử Thiện Đức:

–Trưởng giả tử hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Trưởng giả tử Thiện Đức thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy. Tại sao? Vì con nhớ ngày trước con thiết lập hội đại thí nơi nhà cha con cho phép, hiến cúng tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo, những người nghèo khổ, thấp kém, cô độc, hành khất, kỳ hạn đủ bảy ngày. Bấy giờ

Trưởng giả Duy-ma đến hội đại thí, bảo con: "Trưởng giả tử, hội đại thí thì không nên như ông thiết lập. Hãy làm hội pháp thí, cần gì hội tài thí như thế này."

Con hỏi: "Thưa cư sĩ, hội pháp thí là thế nào?"

Trưởng giả trả lời: "Hội pháp thí thì không trước không sau, một lúc mà hiến cúng tất cả chúng sinh, đó là hội pháp thí."

Con hỏi: "Như thế là thế nào?"

Trưởng giả nói: "Vì tuệ giác Bồ-đề mà khởi lên tâm Từ. Vì cứu vớt chúng sinh mà khởi lên tâm Bi. Vì giữ chánh pháp mà khởi lên tâm Hỷ. Vì thâu giữ trí tuệ mà khởi lên tâm Xả. Vì thâu những kẻ tham lẫn mà khởi lên Thí độ (Bố thí ba-la-mật). Vì giáo hóa những kẻ phạm giới mà khởi lên Giới độ. Đem sự vô ngã mà khởi lên Nhẫn độ. Đem sự bất kể thân tâm mà khởi lên Tinh tấn độ. Đem Bồ-đề vắng lặng mà khởi lên Thiền độ. Vì sự toàn trí mà khởi lên Tuệ độ. Vì giáo hóa chúng sinh mà khởi lên không. Vì không bỏ hữu vi mà khởi lên vô tướng. Vì thị hiện thọ sinh mà khởi lên vô tác. Vì hộ trì chánh pháp mà khởi lên diệu lực nơi phương tiện. Vì hóa độ chúng sinh mà khởi lên bốn Nhiếp pháp. Vì kính thờ tất cả mà khởi lên sự trừ khử ngạo mạn. Đem thân thể, tính mạng và tài sản không bền chắc mà khởi lên thân thể, tính mạng và tài sản bền chắc. Nơi sáu sự tưởng niệm mà khởi lên tưởng niệm. Nơi sáu cách hòa kính mà khởi lên tâm ngay thẳng, chân chất. Vì đúng đắn làm lành mà khởi lên cách sống trong sạch. Đem tâm trong sạch hoan hỷ mà khởi lên sự thân gần Hiền thánh. Vì không ghét kẻ ác mà khởi lên tâm thuần hóa. Vì sự xuất gia mà khởi lên tâm sâu xa. Vì sự làm đúng với lời nói mà khởi lên đa văn. Vì sự không tranh cãi mà khởi lên ở chỗ vắng lặng. Vì hướng tới tuệ giác của Phật mà khởi lên sự ngồi yên. Vì cởi mở sự ràng buộc nơi chúng sinh mà khởi lên sự tu hành. Vì sự đầy đủ tướng hảo và làm thanh tịnh cõi Phật mà khởi lên nghiệp phước. Vì để biết tâm lý của chúng sinh, thuyết pháp thích ứng, mà khởi lên nghiệp trí. Vì biết các pháp, không lấy không bỏ, nhập vào đồng nhất, mà khởi lên nghiệp tuệ. Vì đoạn mọi phiền não, mọi chướng ngại, mọi bất thiện, mà khởi lên mọi nghiệp thiện. Vì được tất cả trí tuệ và tất cả pháp thiện mà khởi lên mọi pháp hỗ trợ tuệ giác của Phật. Như thế, thiện nam, gọi là hội pháp thí. Bồ-tát ở nơi hội pháp thí như vậy là bậc thí chủ vĩ đại, cũng là ruộng phước của toàn thể thế gian."

Bạch Thế Tôn! Khi Trưởng giả Duy-ma nói pháp này thì trong chúng Bà-la-môn có hai trăm người phát tâm Bồ-đề vô thượng. Còn con, bấy giờ tâm được thanh tịnh và con tán dương là chưa từng có. Con cúi đầu lạy

ngang chân Trưởng giả Duy-ma và cởi ra kính dâng trưởng giả xâu chuỗi ngọc trị giá cả trăm cả ngàn lạng vàng, nhưng trưởng giả không nhận.

Con nói: "Kính thưa cư sĩ, xin nhận cho con rồi cho ai thì tùy ý."

Bấy giờ trưởng giả mới nhận chuỗi ngọc, chia làm hai phần, đem một phần cho người hành khất thấp nhất trong hội đại thí, đem một phần dâng Đức Như Lai Nan Thắng. Tất cả các chúng trong hội đại thí đều thấy thế giới Quang minh, thấy Đức Như Lai Nan Thắng, thấy nửa xâu chuỗi ngọc ở thế giới ấy biến thành đài ngọc bốn trụ, bốn phía đều được trang sức, không ngăn che nhau. Trưởng giả Duy-ma hiện thần biến rồi nói: "Nếu người cho tâm ý bình đẳng, thì cho một người hành khất thấp nhất cũng như hiến lên ruộng phước Phật-đà, không khác gì cả. Hễ tâm đại Bi bình đẳng, không cầu quả báo, thì như thế gọi là pháp thí toàn hảo." Trong thành, một kẻ hành khất thấp nhất thấy thần lực ấy và nghe lời nói ấy, cũng phát tâm Bồ-đề vô thượng. Do vậy, con không đủ sức đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Như thế, các vị Bồ-tát ai cũng thưa với Phật về trường hợp cũ, thuật lại lời nói của Trưởng giả Duy-ma và cùng nói không đủ sức đến thăm bệnh vị trưởng giả ấy.

5. Thăm bệnh.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại sĩ Văn-thù:

–Đại sĩ hãy đến thăm bệnh Trưởng giả Duy-ma.

Đại sĩ Văn-thù thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Thượng nhân ấy khó mà đối đáp. Vì Thượng nhân ấy thấu suốt thật tướng một cách sâu xa, diễn nói pháp yếu một cách khéo léo, hùng biện luôn thông suốt, trí tuệ không bị cản trở, biết hết mọi thể thức đúng pháp của Bồ-tát, vào hết mọi kho tàng bí yếu của Phật-đà, chiến thắng các loại quân ma, du hành các pháp thần thông, trí tuệ phương tiện đều đã hoàn hảo. Tuy nhiên, con xin vâng theo Thánh ý của Đức Thế Tôn, đến thăm bệnh bậc Thượng nhân ấy. Thế là các vị Bồ-tát, các đại đệ tử của Phật, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương…, cùng nghĩ nay hai vị Đại sĩ Văn-thù và Duy-ma đàm luận với nhau thì chắc chắn nói về diệu pháp. Tức thì tám ngàn Bồ-tát, năm trăm Thanh văn, một trăm ngàn trời, người, đều cùng đi theo.

Đại sĩ Văn-thù, với sự cung kính bao quanh của các vị Bồ-tát, các vị đại đệ tử của Phật và các thiên nhân, đi vào thành Tỳ-da-ly. Trưởng giả Duy-ma nghĩ: "Đại sĩ Văn-thù cùng đại chúng sẽ đến đây." Trưởng giả liền

dùng thần lực làm cho phòng mình trống không, không để vật gì, cũng không có người hầu, chỉ để lại một cái giường mà nằm với bệnh tật. Đại sĩ Văn-thù vào nhà Trưởng giả Duy-ma, thấy phòng trưởng giả không có gì hết, chỉ độc một cái giường nằm. Trưởng giả Duy-ma nói:

–Đại sĩ đến tốt quá, Đại sĩ Văn-thù. Ấy là Đại sĩ không đến mà đến, không thấy mà thấy đó.

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Đúng như vậy, Trưởng giả Duy-ma. Nếu đến rồi thì không đến nữa, nếu đi rồi thì không đi nữa, bởi vì đến thì không từ đâu đến, đi thì cũng không đi đến đâu và thấy được thì không còn thấy nữa. Nhưng hãy gác việc ấy lại. Trưởng giả Duy-ma, bệnh trưởng giả chịu nổi không? Chữa trị có bớt mà không thêm không? Đức Thế Tôn ân cần hỏi thăm nhiều lắm. Trưởng giả Duy-ma, bệnh trưởng giả do đâu và đã bao lâu rồi? Làm sao mà hết được?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Từ si mà có ái, nên bệnh tôi sinh ra. Chúng sinh bệnh nên tôi bệnh. Chúng sinh bệnh hết thì bệnh tôi cũng hết. Tại sao, do Bồ-tát vì chúng sinh mà vào sinh tử, có sinh tử là có bệnh. Nếu chúng sinh hết bệnh thì Bồ-tát không còn bệnh nữa. Như vị trưởng giả chỉ có đứa con một, đứa con bệnh thì cha mẹ bệnh theo, đứa con lành thì cha mẹ cũng lành. Bồ-tát cũng vậy. Thương chúng sinh như con, nên chúng sinh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sinh lành Bồ-tát mới lành. Đại sĩ hỏi bệnh tôi do đâu, thì thưa Đại sĩ, bệnh Bồ-tát là do đại Bi mà có.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Trưởng giả, phòng này tại sao trống không, không cả người hầu?

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thế giới của Phật cũng không, giống như vầy.

Hỏi:

–Vì gì mà không?

Đáp:

–Vì không mà không.

Hỏi:

–Không, vì sao mà không?

Đáp:

–Vì không phân biệt.

Hỏi:

–Không mà có thể phân biệt được sao?

Đáp:

–Chính sự phân biệt cũng không.

Hỏi:

–Không, nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm thấy ở trong sáu mươi hai kiến chấp.

Hỏi:

–Sáu mươi hai kiến chấp nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm thấy trong sự giải thoát của Phật.

Hỏi:

–Sự giải thoát của Phật nên tìm thấy ở đâu?

Đáp:

–Nên tìm thấy trong tâm hành của chúng sinh.

Đại sĩ hỏi tại sao tôi không có người hầu, thì tất cả quân ma, ngoại đạo toàn là người hầu của tôi. Lý do là vì quân ma ưa thích sinh tử mà Bồ-tát thì không từ bỏ sinh tử, ngoại đạo ưa thích kiến chấp mà Bồ-tát thì không dao động vì kiến chấp.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi:

–Bệnh của trưởng giả có trạng huống gì?

Đáp:

–Bệnh tôi không có trạng huống, không thể thấy được.

Hỏi:

–Bệnh ấy chung với thân hay chung với tâm?

Đáp:

–Bệnh tôi không phải chung với thân, vì thực tánh của thân là tách rời, cũng không phải chung với tâm, vì tâm thì như huyễn ảo.

Hỏi:

–Trong bốn đại chủng, bệnh trưởng giả là đại chủng nào?

Đáp:

–Bệnh tôi không phải đại chủng đất, cũng không tách rời đại chủng đất; các đại chủng thủy, hỏa và phong cũng vậy. Nhưng bệnh của chúng

sinh do bốn đại chủng mà có và vì chúng sinh bệnh nên tôi bệnh.

Lúc ấy, Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát nên an ủi như thế nào đối với Bồ-tát có bệnh?

Trưởng giả thưa:

–Hãy nói thân vô thường mà đừng bảo chán bỏ thân. Nói thân khổ sở mà đừng bảo thích thú Niết-bàn. Nói thân vô ngã mà bảo giáo hóa hướng dẫn chúng sinh. Nói thân trống vắng mà đừng bảo vắng lặng hoàn toàn. Hãy khuyên sám hối tội cũ nhưng không nói tội thường còn, di chuyển theo thời gian. Khuyên do bệnh của mình mà thương bệnh người khác. Khuyên nên ý thức cái khổ nơi vô số kiếp quá khứ mà nghĩ nhớ đến việc tạo lợi ích cho chúng sinh. Khuyên nhớ phước đã làm và nhớ cách sống trong sạch. Khuyên đừng lo rầu mà thường siêng tinh tấn. Khuyên nguyện làm thầy thuốc bậc nhất để chữa trị mọi bệnh. Bồ-tát nên khuyến khích như vậy cho Bồ-tát có bệnh, để Bồ-tát có bệnh được hoan hỷ.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát có bệnh thì thuần hóa tâm mình như thế nào?

Trưởng giả thưa:

–Bồ-tát có bệnh nên nghĩ bệnh mình sinh ra từ phiền não điên đảo nơi đời trước, không phải có thật, thì ai là người theo bệnh. Tại sao như vậy? Vì bốn đại chủng hòa hợp thì có cái danh từ giả đặt gọi là thân, bốn đại chủng không có chủ thể thì thân cũng không có tự ngã. Lại nữa, bệnh đây là do chấp ngã, nên đừng có chấp ngã. Biết gốc bệnh rồi thì nên trừ khử ý tưởng ngã, ý tưởng chúng sinh, bằng cách khởi lên ý tưởng pháp. Nên nghĩ như vầy: Chỉ do các pháp hợp lại mà thành ra thân này, vậy sinh chỉ là pháp sinh, diệt chỉ là pháp diệt. Chính các pháp cũng không thông tin cho nhau, khi sinh không nói ta sinh, khi diệt không nói ta diệt. Bồ-tát có bệnh lại nghĩ như vầy để trừ bỏ ý tưởng về pháp: Ý tưởng về pháp cũng là điên đảo. Điên đảo là họa lớn, ta phải trừ bỏ. Trừ bỏ bằng cách nào? Phải tách rời ngã, ngã sở. Làm sao tách rời ngã, ngã sở? Phải tách rời nhị biên. Làm sao tách rời nhị biên? Phải thể hiện bình đẳng mà không nghĩ đây là các pháp ở trong, đây là các pháp ở ngoài. Thể hiện bình đẳng như thế nào? Là ngã bình đẳng, Niết-bàn cũng bình đẳng. Tại sao như vậy? Vì ngã với Niết-bàn cả hai đều là không. Vì gì mà không? Vì chỉ có danh từ. Cả hai pháp đều không có tự tánh quyết định: được bình đẳng như vậy thì không còn bệnh nữa, mà chỉ có cái bệnh về không. Nhưng cái bệnh về không cũng là không. Vậy là Bồ-tát có bệnh đem cái không chịu gì hết mà chịu mọi cảm giác. Chưa gồm đủ các pháp Phật thì cũng không hủy diệt cảm giác

mà chọn lấy sự chứng đắc.

Nếu thân thể khổ sở thì nghĩ đến chúng sinh trong các đường dữ mà khởi lên tâm đại Bi, rằng mình thuần hóa thì cũng sẽ thuần hóa cho hết thảy chúng sinh và chỉ trừ khử bệnh chứ không trừ khử pháp. Vì đoạn tuyệt gốc bệnh mà giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh. Gốc bệnh là gì? Là duyên dựa: duyên dựa là gốc bệnh. Duyên dựa vào gì? Duyên dựa vào ba cõi. Làm sao đoạn tuyệt duyên dựa? Hãy không thủ đắc: không thủ đắc thì không duyên dựa. Không thủ đắc là gì? Là siêu việt nhị biên. Nhị biên là gì? Là thấy trong thấy ngoài và toàn bộ là không thể thủ đắc. Đại sĩ Văn-thù! Như thế gọi là Bồ-tát có bệnh thuần hóa tâm mình, đoạn tuyệt những nỗi khổ, già, bệnh, chết bằng tuệ giác Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu không được như vậy thì sự tu trị của Bồ-tát không có trí tuệ và lợi ích gì cả. Thắng kẻ thù mới là mạnh, đoạn tuyệt cả già, bệnh, chết mới gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh lại nghĩ, bệnh mình không thật, không có, bệnh chúng sinh cũng không thật, không có. Khi xét như vậy mà đối với chúng sinh dấy lên tâm đại Bi ái kiến thì phải tức khắc xả bỏ. Tại sao? Do Bồ-tát vì trừ khử phiền não mà dấy lên đại Bi, còn đại Bi ái kiến thì đối với sinh tử có lòng chán mệt. Xả bỏ đại Bi ái kiến thì không bị ái kiến ngăn che. Sinh ra ở đâu cũng không bị ràng buộc, như thế mới có thể thuyết pháp mà cởi mở mọi trói buộc cho chúng sinh. Như Phật đã dạy, mình bị trói buộc mà cởi mở được trói buộc cho người thì vô lý, mình không bị trói buộc mà cởi mở được trói buộc cho người thì có lý. Do vậy, Bồ-tát không nên khởi lên sự trói buộc. Trói buộc là gì? Cởi mở là gì? Tham đắm mùi thiền là sự trói buộc của Bồ-tát, phương tiện mà sinh là sự cởi mở của Bồ-tát. Thêm nữa, tuệ giác không phương tiện là trói buộc, tuệ giác có phương tiện là cởi mở, phương tiện không tuệ giác là trói buộc, phương tiện có tuệ giác là cởi mở. Tuệ giác không phương tiện là trói buộc, là thế nào? Là Bồ-tát do ái kiến mà làm sạch thế giới và làm nên chúng sinh, ở trong pháp không, vô tướng, vô tác và tự thuần hóa, như vậy gọi là tuệ giác không phương tiện là trói buộc. Tuệ giác có phương tiện là cởi mở, là thế nào? Là Bồ-tát không đem ái kiến mà làm sạch thế giới và làm nên chúng sinh, ở trong pháp không vô tướng, vô tác tự thuần hóa mà không chán mệt, như vậy gọi là tuệ giác có phương tiện là cởi mở. Phương tiện không tuệ giác là trói buộc, là thế nào? Là Bồ-tát ở nơi các phiền não, tham dục, sân hận và tà kiến… mà trồng các gốc rễ công đức, như vậy gọi là phương tiện không tuệ giác là trói buộc. Phương tiện có tuệ giác là cởi mở, là thế nào? Là Bồ-tát rời bỏ các phiền não, tham dục, sân hận và tà kiến… mà trồng các gốc rễ công đức, hồi hướng đến Bồ-đề vô thượng, như vậy gọi là phương tiện có tuệ giác là cởi

mở. Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên xét các pháp như vậy. Lại xét thân này là vô thường, khổ, không, vô ngã, đó là tuệ giác; dầu thân có bệnh mà thường ở trong sinh tử tạo lợi ích cho tất cả chứ không chán mệt, đó là phương tiện. Lại xét thân không rời bệnh, bệnh không rời thân, thân này bệnh này không cái nào mới không cái nào cũ, đó là tuệ giác; dù thân có bệnh mà không vĩnh viễn trụ nơi Niết-bàn, đó là phương tiện.

Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có bệnh nên thuần hóa tâm mình như vậy mà không ở trong sự thuần hóa, cũng không ở trong sự không thuần hóa. Tại sao, vì ở trong sự không thuần hóa là phàm phu, ở trong sự thuần hóa là Thanh văn, do vậy, Bồ-tát không ở trong sự thuần hóa, không ở trong sự không thuần hóa, tách rời nhị biên ấy là hạnh của Bồ-tát. Ở trong sinh tử mà không ô nhiễm, ở trong Niết-bàn mà không vĩnh diệt, ấy là hạnh của Bồ-tát. Không phải làm như phàm phu, không phải làm như Hiền thánh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Không phải việc làm dơ bẩn, không phải việc làm trong sạch, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tuy đã vượt quá quân ma mà vẫn thị hiện chiến thắng quân ma, ấy là hạnh của Bồ-tát. Cầu trí toàn giác mà không cầu kết quả chưa đến lúc, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán sát các pháp không sinh mà không nhập vào chính vị, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán sát mười hai duyên khởi mà nhập vào tà kiến, ấy là hạnh của Bồ-tát. Thu nhận chúng sinh mà không ái chấp, ấy là hạnh của Bồ-tát. Thích thú xa rời mà không diệt tận thân tâm, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong ba cõi mà không làm hỏng pháp tánh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong không mà trồng các gốc rễ công đức, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong vô tướng mà hóa độ chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong vô tác mà thị hiện thọ thân, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sự dấy lên mà dấy khởi hạnh thiện, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sáu Độ mà biết khắp tâm, tâm sở của chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sáu Thông mà không diệt tận phiền não, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Tâm vô lượng mà không ham sinh Phạm thiên, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong thiền định giải thoát và Tam-muội mà không thọ sinh theo thiền định, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Niệm xứ mà không vĩnh viễn lìa thân thọ tâm pháp, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Chánh cần mà không xả bỏ thân tâm tinh tấn, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bốn Thần túc mà đã được thần thông tự tại, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong năm Căn mà biết rõ các căn lanh chậm của chúng sinh, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong năm Lực mà thích cầu mười Lực của Phật, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong bảy Giác chi mà phân biệt tuệ giác của Phật, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong tám Chánh đạo mà thích đi theo Phật đạo vô lượng, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong Chỉ và Quán là những pháp hỗ trợ cho tuệ giác mà không

tuyệt đối sa vào tịch diệt, ấy là hạnh của Bồ-tát. Đi trong sự không sinh không diệt của các pháp mà trang nghiêm thân thể bằng các tướng hảo, ấy là hạnh của Bồ-tát. Hiện ra cử động của Thanh văn, Duyên giác mà không rời bỏ các pháp của Phật-đà, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tùy thuận sự trong sạch rốt ráo của các pháp, theo chỗ thích ứng để biến hiện thân mình, ấy là hạnh của Bồ-tát. Quán các quốc độ hoàn toàn tịch tĩnh như hư không mà biến hiện mọi thứ tịnh độ, ấy là hạnh của Bồ-tát. Được Phật tuệ, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, mà không rời bỏ đường đi của Bồ-tát, ấy là hạnh của Bồ-tát.

Khi Trưởng giả Duy-ma nói như vậy, thì trong số đại chúng đi theo Đại sĩ Văn-thù có tám ngàn trời, người cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng.

6. Bất khả tư nghì.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy trong phòng của Trưởng giả Duy-ma không có giường ghế thì nghĩ: "Các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở đâu." Trưởng giả Duy-ma biết ý nghĩ ấy nên thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thế nào thưa Tôn giả! Tôn giả đến đây là vì chánh pháp hay vì chỗ ngồi?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Tôi đến đây là vì chánh pháp, không phải vì chỗ ngồi.

Trưởng giả thưa:

–Dạ, kính bạch Tôn giả! Cầu chánh pháp thì thân mạng cũng không tiếc, huống chi là chỗ ngồi. Cầu chánh pháp thì không phải cầu theo năm uẩn, mười hai xứ hay mười tám giới, không phải cầu theo ba cõi. Dạ, kính bạch Tôn giả! Cầu chánh pháp thì không theo sự tham đắm nơi Phật, tham chấp nơi Pháp, hay tham vướng nơi Tăng. Cầu chánh pháp thì không cầu theo sự biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, tại sao, vì pháp không có hý luận; nếu nói tôi phải biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, thì thế là hý luận, không phải cầu chánh pháp. Dạ, kính bạch Tôn giả! Pháp thì tịch diệt, đi theo sinh diệt thì cầu sinh diệt chứ không phải cầu chánh pháp. Pháp thì không nhiễm đắm, nếu nhiễm theo các pháp thì dẫu đến Niết-bàn cũng là nhiễm đắm, không phải cầu chánh pháp. Pháp không phải chỗ đi, đi theo các pháp là đi theo chỗ đi, không phải cầu chánh pháp. Pháp không lấy bỏ, lấy bỏ các pháp thì thế là lấy bỏ, không phải cầu chánh pháp. Pháp không nơi chỗ, vướng mắc nơi chỗ thì là vướng mắc, không phải cầu chánh pháp. Pháp thì vô tướng, nhận thức theo tướng thì thế là cầu tướng, không phải

cầu pháp. Pháp không trú ở, trú ở các pháp thì thế là trú ở, không phải cầu chánh pháp. Pháp không thể thấy nghe, hay biết, đi theo thấy nghe hay biết thì thế là thấy nghe hay biết, không phải cầu chánh pháp. Pháp thì vô vi, đi theo hữu vi thì thế là hữu vi, không phải cầu chánh pháp. Do vậy, kính thưa Tôn giả! Cầu pháp là đối với các pháp không cầu gì cả. Khi Trưởng giả Duy-ma nói như trên đây thì có năm trăm trời, người đối với các pháp được mắt pháp trong sáng.

Trưởng giả Duy-ma hỏi Đại sĩ Văn-thù:

–Kính thưa Đại sĩ! Đại sĩ đã từng du hóa nơi vô số thế giới, vậy thế giới nào có những tòa Sư tử tuyệt hảo nhất?

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Trưởng giả, phía Đông, vượt qua ba mươi sáu hằng sa thế giới, có thế giới tên Tu-di tướng, Đức Phật giáo chủ thế giới ấy hiệu là Tu-di Đăng Vương, hiện còn tại thế. Thân Ngài cao tám mươi bốn ngàn do-tuần, tòa Sư tử của Ngài cũng cao với số ấy, đẹp đẽ bậc nhất.

Trưởng giả Duy-ma liền hiện thần lực, tức thì ba mươi hai ngàn tòa Sư tử cao lớn đẹp đẽ được Đức Như Lai Tu-di Đăng Vương cho dời đến phòng của Trưởng giả Duy-ma. Các vị Bồ-tát, các vị đại đệ tử, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương…, trước đấy chưa bao giờ được thấy. Phòng của trưởng giả bấy giờ rộng lớn, chứa ba mươi hai ngàn tòa Sư tử ấy mà không bị chướng ngại gì cả. Cùng lúc, thành Tỳ-da-ly, cả đại lục Diêm-phù và ba đại lục khác, cũng không bị dồn ép gì, ai cũng thấy như cũ.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma thưa với Đại sĩ Văn-thù:

–Xin mời Đại sĩ đến ngồi trên tòa Sư tử! Mời các Bồ-tát thượng nhân cùng ngồi! Xin các vị tự biến thân mình cho xứng với tòa ấy. Các vị Bồ-tát được thần thông thì tự biến mình cao lớn bốn mươi hai ngàn do-tuần, ngồi lên trên tòa Sư tử. Các vị Bồ-tát mới phát tâm, các vị đại đệ tử đều không lên ngồi được.

Trưởng giả Duy-ma thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Xin mời Tôn giả lên ngồi trên tòa Sư tử!

Tôn giả nói:

–Trưởng giả, tòa này cao lớn quá, tôi không lên được.

Trưởng giả thưa:

–Dạ, kính bạch Tôn giả! Xin Tôn giả đảnh lễ Đức Như Lai Tu-di Đăng Vương thì lên ngồi được.

Các vị Bồ-tát mới phát tâm và các vị đại đệ tử cùng lạy Đức Như Lai Tu-di Đăng Vương và tức thì cùng lên ngồi được trên tòa Sư tử.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Trưởng giả, thật là chưa từng có! Cái phòng như vầy, chứa được số tòa cao lớn như vầy, mà thành Tỳ-da-ly không có gì trở ngại, thành thị thôn xóm nơi toàn cõi Diêm-phù, cùng với cung điện của chư Thiên, Long vương và Quỷ thần trong ba đại lục khác cũng không thấy dồn ép gì.

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Dạ, kính bạch Tôn giả! Chư Phật, Bồ-tát có pháp giải thoát tên là Bất khả tư nghì. Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát này thì đem núi Tu-di cao lớn nạp vào trong hạt cải mà không thêm không bớt gì. Núi Tu-di vẫn nguyên trạng, bốn Thiên vương cùng chư Thiên cõi trời Đao-lợi cũng không hay biết mình được nạp vào đó, chỉ có người đáng được hóa độ bằng sự này mới thấy Tu-di nạp vào hạt cải. Như thế gọi là pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì. Lại đem bốn đại dương nạp vào một lỗ chân lông, vậy mà không làm náo động các loài thủy sản, bốn đại dương cũng vẫn nguyên trạng, long chúng, quỷ thần cùng với A-tu-la…, cũng không hay biết mình được nạp vào đó và họ cũng không bị quấy rối gì. Kính bạch Tôn giả! Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì ngắt lấy đại thiên thế giới rồi, như vòng tròn của người thợ gốm, để trong lòng bàn tay phải, ném quá hằng sa thế giới, vậy mà chúng sinh trong đó không hay biết mình đến đâu; rồi lấy đặt lại chỗ cũ, cũng không để cho chúng sinh hay biết mình trở lại và đại thiên thế giới cũng vẫn nguyên trạng. Kính bạch Tôn giả! Có những người thích tồn tại lâu dài mới hóa độ được, thì Bồ-tát kéo dài bảy ngày đêm thành ra một kiếp, làm cho họ thấy đó là một kiếp; có những người không thích tồn tại lâu dài mới hóa độ được, thì Bồ-tát rút ngắn một kiếp thành ra bảy ngày đêm, làm cho họ thấy đó là bảy ngày đêm. Kính bạch Tôn giả! Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì đem mọi sự trang nghiêm của các quốc độ tập hợp lại nơi một quốc độ để chỉ cho chúng sinh, hoặc đem chúng sinh nơi một quốc độ đặt trong lòng bàn tay phải, bay đến mười phương chỉ cho khắp cả, mà không làm biến động nguyên trạng. Kính bạch Tôn giả! Phẩm vật hiến cúng chư Phật của mười phương chúng sinh, Bồ-tát làm cho thấy cả nơi một lỗ chân lông; nhật nguyệt tinh tú của mười phương thế giới cũng làm cho thấy được nơi một lỗ chân lông. Kính bạch Tôn giả! Tất cả luồng gió của mười phương thế giới, Bồ-tát hút vào trong miệng mà thân thể không bị thương tổn, cây cối ở ngoài cũng không gãy. Mười phương thế giới khi lửa của kiếp tận cháy lên, Bồ-tát nạp hết vào

bụng, lửa vẫn nguyên trạng mà không hại gì cả.

Lại nữa, ở phương dưới quá hằng hà sa thế giới chư Phật, nhấc một cõi Phật đặt lên phương trên khỏi hằng hà sa số thế giới, mà chỉ như cầm mũi kim chích lấy đưa lên một lá táo, không náo động gì cả. Kính bạch Tôn giả! Vị Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì thì sử dụng thần lực biến thể thân Phật, thân Duyên giác, thân Thanh văn, thân Đế Thích, thân Phạm vương, thân Thế chủ, thân Luân vương. Trong mười phương thế giới có bao nhiêu âm thanh, cung bậc cao vừa thấp, đều có thể biến làm âm thanh của Phật, diễn tả về vô thường, khổ, không, vô ngã, những pháp mà mười phương chư Phật nói, cũng nghe được qua âm thanh ấy. Kính bạch Tôn giả! Ấy là con chỉ nói tóm lược về năng lực của pháp giải thoát Bất khả tư nghì. Nếu nói phong phú thì trọn kiếp nói không hết.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, thì tán dương là chưa từng có và nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Có ai biểu hiện hình sắc trước người mù, thì người mù vẫn không thể thấy được. Thanh văn nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì thì không thể hiểu được cũng y như vậy. Bậc có trí nghe pháp môn này thì ai mà không phát tâm Bồ-đề vô thượng. Tại sao chúng ta dứt tuyệt gốc rễ, đối với pháp Đại thừa này thì chúng ta đã như là hạt giống hư nát. Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì như thế thì nên gào khóc cho chấn động đại thiên thế giới, còn Bồ-tát thì nên cả mừng, đặt trên đỉnh đầu mà tiếp nhận pháp môn ấy. Bồ-tát chỉ mới tin hiểu pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì mà tất cả quân ma đã không biết làm thế nào. Khi Tôn giả Đại Ca-diếp nói lời này thì ba mươi hai ngàn trời, người đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma thưa với Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Bạch Tôn giả! Ma vương trong vô lượng thế giới khắp mười phương đa số là Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, sử dụng phương tiện giáo hóa chúng sinh nên hiện làm ma vương. Lại nữa, kính bạch Tôn giả Đại Ca-diếp! Vô lượng Bồ-tát nơi mười phương có ai đến xin tay chân, tai mũi, đầu mắt, tủy não, máu thịt, da xương, thôn xóm, thành thị, vợ con, tôi tớ, voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu, y phục, ẩm thực, thì người xin đa số là Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, sử dụng phương tiện mà đến thử nghiệm, làm cho họ bền chắc. Tại sao? Vì Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì thì có sức mạnh của uy đức, hiện làm những việc thúc bách khó làm như vậy. Những kẻ phàm phu với những người thấp kém thì không có năng lực, không thể

làm những sự thúc bách của Bồ-tát như vậy. Voi quý giẫm đạp thì không phải là loài lừa có thể làm được. Như thế đó gọi là Bồ-tát ở trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì.

7. Quan sát chúng sinh.

Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát nhìn chúng sinh như thế nào?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Như nhà ảo thuật nhìn thấy nhân vật ảo thuật, Bồ-tát nhìn chúng sinh cũng vậy. Như người có trí thấy trăng dưới nước, thấy mặt trong gương, như nước nơi sóng nắng, như vang tiếng hô, như mây trong không, như đống bọt nước, như bong bóng nước, như cái chắc của cây chuối, như sự lâu của ánh chớp, như cái đại thứ năm, như cái uẩn thứ sáu, như cái căn thứ bảy, như cái nhập thứ mười ba, như cái giới thứ mười chín: Bồ-tát nhìn chúng sinh như vậy. Như sắc của cõi Vô sắc, như mầm của hạt giống cháy, như chấp ngã của Tu-đà-hoàn, như đầu thai của A-na-hàm, như ba độc của A-la-hán, như tham sân, phá giới của Bồ-tát được Nhẫn vô sinh, như tập quán phiền não của Phật-đà, như sự thấy hình sắc của người mù, như hơi thở ra vào của người nhập định diệt tận, như dấu chim bay trong không gian, như con của thạch nữ, như phiền não của người được biến hóa, như cảnh mộng lúc thức tỉnh, như sự thọ thân của người nhập Niết-bàn, như lửa không có hơi khói: Bồ-tát nhìn chúng sinh như vậy.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Bồ-tát nhìn như vậy rồi làm sao thi hành đức từ?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Bồ-tát nhìn như thế rồi nghĩ mình phải nói cho chúng sinh cái pháp như vậy, đó mới là đức Từ chân thật. Bồ-tát thi hành đức từ tịch diệt, vì không sinh ra nữa. Thi hành đức Từ không nóng, vì không còn phiền não. Thi hành đức Từ bình đẳng, vì ba thời gian đều bình đẳng. Thi hành đức Từ không cãi, vì không còn sự nổi dậy. Thi hành đức Từ bất nhị, vì trong ngoài không kết hợp. Thi hành đức Từ không hỏng, vì tuyệt đối diệt tận. Thi hành đức Từ kiên cố, vì tâm không bị hủy hoại. Thi hành đức Từ thanh tịnh, vì bản tánh của các pháp là thanh tịnh. Thi hành đức Từ vô biên, vì ví như không gian. Thi hành đức Từ của A-la hán, vì phá tan đám giặc kết sử. Thi hành đức Từ của Bồ-tát, vì đem yên vui lại cho chúng sinh. Thi hành đức Từ của Như Lai, vì chứng đắc chân như. Thi hành đức Từ của Phật-đà, vì thức tỉnh cho chúng sinh. Thi hành đức Từ tự nhiên, vì không cần nhân

tố thúc đẩy mà vẫn vận hành. Thi hành đức Từ Bồ-đề, vì đồng đẳng nhất vị. Thi hành đức Từ không ai sánh bằng, vì đoạn tuyệt mọi thứ tham ái. Thi hành đức Từ đại Bi, vì hướng dẫn bằng pháp Đại thừa. Thi hành đức Từ không chán, vì xét về không, vô ngã. Thi hành đức Từ pháp khí, vì không tiếc để gì cả. Thi hành đức Từ giữ giới, vì hoán cải những người phạm giới. Thi hành đức Từ nhẫn nhục, vì hộ trì cho người và cho mình. Thi hành đức Từ tinh tấn, vì gánh vác chúng sinh. Thi hành đức Từ thiền định, vì không thụ hưởng mùi vị của năm dục. Thi hành đức Từ trí tuệ, vì không có cái lúc không biết. Thi hành đức Từ phương tiện, vì biểu hiện tất cả. Thi hành đức Từ không bí ẩn, vì tâm ngay thẳng rất trong sáng. Thi hành đức Từ tâm sâu xa, vì không làm xen tạp. Thi hành đức Từ không dối trá, vì không có sự trống rỗng, giả tạo. Thi hành đức Từ yên vui, vì làm cho chúng sinh được sự yên vui của Phật. Đức Từ của Bồ-tát đến như vậy.

Đại sĩ Văn-thù lại hỏi:

–Còn đức Bi là thế nào?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Là Bồ-tát tạo tác công đức thì tất cả đều cho chúng sinh.

Hỏi:

–Đức Hỷ là thế nào?

Đáp:

–Làm được lợi ích gì cho chúng sinh thì hoan hỷ, không hối hận.

Hỏi:

–Đức Xả là thế nào?

Đáp:

–Làm được sự che chở nào cũng không hy vọng đáp trả.

Đại sĩ Văn-thù hỏi:

–Ở trong sinh tử mà có sự sợ hãi thì Bồ-tát nương tựa vào đâu?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

–Nương tựa vào sức mạnh của công đức nơi Đức Thế Tôn.

Hỏi:

–Bồ-tát muốn được nương tựa vào sức mạnh của công đức nơi Đức Thế Tôn thì nên đứng vào chỗ nào?

Đáp:

–Đứng vào chỗ muốn giải thoát chúng sinh.

Hỏi:

–Muốn giải thoát chúng sinh thì phải trừ cái gì?

Đáp:

–Giải trừ phiền não cho họ.

Hỏi:

–Muốn giải trừ phiền não cho họ thì phải đi theo cái gì?

Đáp:

–Phải đi theo chánh niệm.

Hỏi:

–Đi theo chánh niệm như thế nào?

Đáp:

–Đi theo sự bất sinh, bất diệt.

Hỏi:

–Cái gì bất sinh? Cái gì bất diệt?

Đáp:

–Ác thì bất sinh, thiện thì bất diệt.

Hỏi:

–Thiện với ác do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do thân làm gốc.

Hỏi:

–Thân do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do tham dục làm gốc.

Hỏi:

–Tham dục do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do phân biệt không chính xác làm gốc.

Hỏi:

–Phân biệt không chính xác do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do ý tưởng điên đảo.

Hỏi:

–Ý tưởng điên đảo do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Do sự không trú ở làm gốc.

Hỏi:

–Sự không trú ở do cái gì làm gốc?

Đáp:

–Không trú ở thì không có gốc gác và từ sự không trú ở mà thiết lập các pháp.

Bấy giờ, trong phòng Trưởng giả Duy-ma có một Thiên nữ, thấy các bậc Thượng nhân và nghe các vị nói, liền biểu hiện thân mình, đem thiên hoa rải trên các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử. Hoa đến các vị Bồ-tát thì rơi rớt, đến các vị đại đệ tử thì vướng mắc. Các vị đại đệ tử dùng thần lực phủi bỏ mà không phủi bỏ được. Thiên nữ hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tại sao phải phủi bỏ hoa này?

Tôn giả nói:

–Hoa này không đúng phép nên phải phủi bỏ.

Thiên nữ thưa:

–Xin Tôn giả đừng nói hoa này không đúng phép. Tại sao? Vì hoa này không có phân biệt. Phân biệt là Tôn giả tự có. Xuất gia trong pháp Phật, có phân biệt là không đúng phép, không phân biệt mới là đúng phép. Tôn giả hãy nhìn các vị Bồ-tát: hoa không vướng mắc là vì đã đoạn tuyệt phân biệt. Con người khi sợ thì ma quỷ được dịp. Các vị cũng vậy, sợ sinh tử nên năm dục được dịp. Không sợ thì năm dục không làm gì được. Tập quán kết sử chưa hết thì hoa vướng mắc vào mình, tập quán kết sử hết rồi thì hoa không thể vướng mắc.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiên nữ ở trong phòng này đã bao lâu?

Thiên nữ thưa:

–Con ở trong phòng này bằng thời gian Tôn giả giải thoát.

Hỏi:

–Ở lâu đến như vậy sao?

Đáp:

–Tôn giả giải thoát đã bao lâu?

Tôn giả lặng thinh, không trả lời.

Thiên nữ hỏi:

–Tại sao bậc đại trí kỳ cựu mà lặng thinh?

Tôn giả nói:

–Vì giải thoát siêu việt mọi ngôn ngữ, nên tôi không biết nói thế nào.

Thiên nữ thưa:

–Ngôn ngữ văn tự cũng là giải thoát. Vì sao? Vì giải thoát không trong, không ngoài, không giữa, ngôn ngữ văn tự cũng không trong, không ngoài, không giữa. Do vậy, kính bạch Tôn giả! Đừng rời văn tự mà nói giải thoát. Tại sao? Vì các pháp toàn là thực thể của giải thoát.

Hỏi:

–Chứ không phải xa rời dâm nộ si là giải thoát?

Đáp:

–Phật vì người tăng thượng mạn mà nói lìa dâm nộ si là giải thoát, người không tăng thượng mạn thì Phật nói bản thể của dâm nộ si là giải thoát.

Tôn giả khen:

–Hay lắm Thiên nữ! Thiên nữ đạt được cái gì, chứng đắc cái gì mà biện luận đến như vậy?

Thiên nữ thưa:

–Con không được, không chứng, biện luận mới như vậy. Vì nếu có được, có chứng, thì đó là kẻ tăng thượng mạn trong pháp Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiên nữ, trong ba thừa, chí nguyện của Thiên nữ cầu thừa nào?

Thiên nữ thưa:

–Đem pháp Thanh văn mà giáo hóa chúng sinh thì con là Thanh văn, đem pháp Duyên khởi mà giáo hóa chúng sinh thì con là Duyên giác, đem pháp đại Bi mà giáo hóa chúng sinh thì con là Đại thừa. Nay, như vào rừng Chiêm-bặc thì chỉ ngửi hơi thơm hoa ấy mà không ngửi hơi thơm gì khác; vào phòng này cũng vậy, chỉ ngửi hơi thơm công đức của Phật mà không thích nghe hơi thơm công đức của Thanh văn, Duyên giác. Kính bạch Tôn giả! Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương, chư Thiên, long, quỷ thần mà vào phòng này, nghe thượng nhân chủ phòng luận thuyết về chánh pháp, thì ai cũng thích hơi thơm công đức của Phật từ phát tâm Bồ-đề vô thượng mà ra. Kính bạch Tôn giả! Con ở trong phòng này đã mười hai năm, từ đầu đến giờ không nghe nói về pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, mà chỉ nghe nói về pháp Bồ-tát là đại Từ, đại Bi và những sự bất khả tư nghì của Phật. Kính bạch Tôn giả! Phòng này thường có tám sự hiếm có khó được. Những gì là tám sự? Phòng này, ngày cũng như đêm, thường chiếu soi bằng ánh

sáng màu hoàng kim, không dùng ánh sáng của mặt trời mặt trăng, đó là sự hiếm có khó được thứ nhất. Vào phòng này thì không bị mọi sự nhơ bẩn quấy rối, đó là sự hiếm có khó được thứ hai. Phòng này thường có Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương và các vị Bồ-tát ở thế giới khác tới tụ hội luôn, đó là sự hiếm có khó được thứ ba. Phòng này thường nói sáu Ba-la-mật, các pháp bất thoái, đó là sự hiếm có khó được thứ tư. Phòng này thường tấu âm nhạc bậc nhất của chư Thiên, xuất ra vô lượng âm thanh pháp hóa, đó là sự hiếm có khó được thứ năm. Phòng này có bốn kho tàng lớn, chứa đầy vật báu chu cấp cho kẻ nghèo thiếu, cầu thì được vô tận, đó là sự hiếm có khó được thứ sáu. Phòng này có Đức Thích-ca, Đức Di-đà, Đức A-súc, Đức Bảo Đức, Đức Bảo Viêm, Đức Bảo Nguyệt, Đức Bảo Nghiêm, Đức Nan Thắng, Đức Sư Tử Hướng, Đức Nhất Thế Lợi Thành, mười phương vô lượng chư Phật như vậy, thượng nhân chủ phòng nghĩ đến là các Ngài đến cho, nói rộng về kho tàng bí yếu của chư Phật, nói rồi trở về, đó là sự hiếm có khó được thứ bảy. Phòng này hiện lên cung điện của chư Thiên và tịnh độ của chư Phật, đó là sự hiếm có khó được thứ tám. Kính bạch Tôn giả! Phòng này thường thể hiện tám sự hiếm có khó được như vậy. Có ai nghe thấy những sự bất khả tư nghì như thế mà còn thích pháp Thanh văn?

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Tại sao Thiên nữ không chuyển thân nữ?

Thiên nữ thưa:

–Mười hai năm nay con tìm tướng nữ nhân không được, thì chuyển cái gì. Như nhà ảo thuật làm ra nữ nhân huyễn ảo, có người hỏi nữ nhân ấy sao không chuyển thân nữ đi, thì hỏi như vậy có đúng không?

–Không, Tôn giả trả lời, huyễn ảo không có định tướng thì chuyển cái gì.

Thiên nữ thưa:

–Các pháp toàn là như vậy, không có định tướng, sao Tôn giả lại hỏi con không chuyển thân nữ.

Thiên nữ tức thì dùng thần lực biến Tôn giả Xá-lợi-phất y như Thiên nữ, còn Thiên nữ tự biến y như Tôn giả Xá-lợi-phất, rồi hỏi:

–Sao Tôn giả không chuyển thân nữ?

Tôn giả, bằng hình dáng Thiên nữ, nói:

–Tôi không biết chuyển sao mà thành thân nữ!

Thiên nữ thưa:

–Nếu Tôn giả chuyển được thân nữ này thì mọi nữ nhân cũng chuyển được. Tôn giả không phải nữ nhân mà biến thể thân nữ, thì mọi nữ nhân cũng vậy, biến thể thân nữ mà không phải nữ nhân. Do vậy mà Phật đã nói các pháp phi nam, phi nữ.

Tức thì Thiên nữ thu lại thần lực, thân Tôn giả Xá-lợi-phất trở lại như cũ.

Thiên nữ hỏi:

–Sắc tướng của thân nữ bây giờ ở đâu?

Tôn giả nói:

–Sắc tướng của thân nữ không phải ở đâu, không phải không ở đâu.

Thiên nữ thưa:

–Các pháp cũng vậy, không phải ở đâu, không phải không ở đâu. Không phải ở đâu, không phải không ở đâu, đó là điều Phật nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thiên nữ chết ở đây thì sinh ở đâu?

Thiên nữ thưa:

–Người do Phật biến hóa sinh ở đâu thì con sinh ở đó.

Tôn giả nói:

–Người biến hóa thì không chết và sinh.

Thiên nữ thưa:

–Chúng sinh cũng vậy, không chết và sinh.

Tôn giả hỏi:

–Thiên nữ bao lâu nữa thì đạt được Bồ-đề vô thượng?

Thiên nữ thưa:

–Bao lâu Tôn giả trở lại làm phàm phu thì con sẽ được Bồ-đề vô thượng.

Tôn giả nói:

Tôi mà ở lại làm phàm phu thì vô lý.

Thiên nữ thưa:

–Con mà được Bồ-đề cũng là vô lý. Tại sao? Vì Bồ-đề thì không có chỗ ở và vì vậy không có ai thành được.

Tôn giả nói:

–Nếu vậy, chư Phật đang được đã được sẽ được Bồ-đề, số lượng bằng hằng sa, thì nói là gì?

Thiên nữ thưa:

–Ấy toàn là lấy lời chữ phổ thông mà nói về ba thời gian, không phải là Bồ-đề có thời gian tính. Bạch Tôn giả! Tôn giả được đạo quả A-la-hán chăng?

Tôn giả nói:

–Ấy là gì không được mà được.

Thiên nữ nói:

–Chư Phật Bồ-tát cũng vậy, vì không được mà được.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Vị Thiên nữ này đã hiến cúng chín mươi hai ức Đức Phật, đã du hóa bằng thần thông của Bồ-tát, chí nguyện đã đủ, đã được pháp Nhẫn vô sinh, trú ở quả vị bất thoái và do bản nguyện mà tùy ý biểu hiện để giáo hóa chúng sinh.

8. Đường đi của Phật.

Bấy giờ, Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Bồ-tát làm sao để thông suốt đường đi của Phật?

Trưởng giả Duy-ma thưa:

Bồ-tát đi theo những đường không phải nên đi thì gọi là thông suốt đường đi của Phật.

Hỏi:

–Bồ-tát đi theo những đường không phải nên đi là thế nào?

Đáp:

–Là làm năm tội vô gián mà lại không quấy phá, tức giận. Đến địa ngục mà lại không có các thứ nhơ bẩn của tội ác. Đến súc sinh mà lại không có ngu muội. Đến A-tu-la mà lại không có kiêu ngạo. Đến ngạ quỷ mà lại hoàn thiện công đức. Đi theo đường đi nơi cõi Sắc và Vô sắc mà lại không cho là thù thắng. Thị hiện tham dục mà lại xa rời nhiễm chấp. Thị hiện sân hận mà lại không tức giận chúng sinh. Thị hiện ngu si mà lại thuần hóa tâm tánh bằng trí tuệ. Thị hiện tham tiếc mà lại xả bỏ của trong của ngoài, tính mạng cũng không tiếc. Thị hiện phạm giới mà lại đứng yên trong tịnh giới, đến nỗi lỗi nhỏ cũng sợ lớn. Thị hiện giận dữ mà lại thường Từ bi, ẩn nhẫn. Thị hiện biếng nhác mà lại nỗ lực tu tập công đức. Thị hiện loạn động mà lại thường xuyên chánh niệm, chánh định. Thị hiện ngu si mà lại thông suốt trí tuệ thế gian, xuất thế gian. Thị hiện dua nịnh dối trá mà lại khéo léo sử dụng phương tiện, tùy theo ý nghĩa trong kinh. Thị hiện kiêu ngạo mà lại

đối với chúng sinh thì in như cầu đường. Thị hiện phiền não mà lại tâm thường thanh tịnh. Thị hiện quân ma mà lại thuận với trí tuệ của Phật, không theo sự chỉ dạy của người khác. Thị hiện Thanh văn mà lại nói cho chúng sinh những pháp chưa nghe. Thị hiện Duyên giác mà lại thành tựu đại Bi, giáo hóa chúng sinh. Thị hiện bần cùng mà lại có bàn tay ngọc, công đức vô tận. Thị hiện thân hình tồi tàn mà lại đủ các tướng hảo để tự trang nghiêm. Thị hiện thấp kém mà lại sinh trong dòng giống của Phật, đủ mọi công đức. Thị hiện ốm yếu, xấu xí mà lại được thân Na-la-diên, chúng sinh ai cũng thích nhìn. Thị hiện già bệnh mà lại vĩnh viễn chặt đứt gốc rễ của bệnh tật, vượt khỏi sự sợ hãi về chết. Thị hiện có tài sản mà lại thường xét vô thường, thật sự không ham gì cả. Thị hiện có vợ, có thiếp, có thể nữ, mà lại thường rời xa bùn lầy của năm dục. Thị hiện đần độn mà lại thành tựu hùng biện, nhớ hết không quên. Thị hiện sự cứu vớt theo pháp tà mà lại cứu vớt chúng sinh bằng chánh pháp. Thị hiện nhập vào sinh tử mà lại cắt đứt nhân tố sinh tử. Thị hiện nhập Niết-bàn mà lại không cắt đứt sinh tử. Kính bạch Đại sĩ Văn-thù! Bồ-tát có năng lực đi theo những đường không phải nên đi như vậy là thông suốt đường đi của Phật.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma hỏi Đại sĩ Văn-thù:

–Thế nào là hạt giống của Phật?

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Thân thể hiện hữu là giống của Phật, vô minh với ái làm giống của Phật, tham, sân, si là giống của Phật, bốn thứ điên đảo là giống của Phật, năm sự che phủ là giống của Phật, sáu nhập là giống của Phật, bảy thức xứ là giống của Phật, tám tà là giống của Phật, chín não là giống của Phật, mười nghiệp ác là giống của Phật. Nói tổng quát thì sáu mươi hai kiến chấp và hết thảy phiền não là giống của Phật.

Hỏi:

–Đại sĩ nói như vậy là thế nào?

Đáp:

–Là nếu thấy vô vi, nhập chính vị, thì không còn phát tâm Bồ-đề vô thượng được nữa. Đất liền vùng cao không thể mọc lên hoa sen, bùn lầy thấp ướt mới mọc hoa ấy; như vậy thấy vô vi, nhập chính vị, thì không bao giờ còn sinh ra những phẩm chất của Phật, mà trong bùn lầy phiền não mới sinh khởi những phẩm chất ấy. Gieo giống trong không thì không bao giờ mọc cây, gieo vào đất bẩn mới mọc tốt tươi; thấy vô vi, nhập chính vị, thì không sinh ra những phẩm chất của Phật, mà chấp ngã như núi Tu-di đi nữa cũng vẫn phát được tâm Bồ-đề vô thượng, sinh ra những phẩm chất ấy.

Do vậy, mọi phiền não là giống của Như Lai. Không vào biển cả thì không được ngọc vô giá, không vào biển cả phiền não thì không được ngọc Nhất thế trí.

Tôn giả Đại Ca-diếp tán dương:

–Lành thay! Lành thay! Đại sĩ Văn-thù nói lời ấy thật là thú vị. Đúng như Đại sĩ nói, phiền não là giống của Như Lai. Chúng tôi ngày nay không kham nỗi việc phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đến nỗi kẻ tạo năm tội vô gián mà vẫn còn có thể phát tâm Bồ-đề vô thượng và sinh ra những phẩm chất của Phật, nhưng chúng tôi thì vĩnh viễn không thể. Kẻ giác quan bại liệt thì không còn được hưởng gì về năm dục, hàng Thanh văn đoạn tuyệt kết sử thì trong pháp Phật không còn ích gì: vĩnh viễn không có chí nguyện gì nữa. Do vậy, kính bạch Đại sĩ Văn-thù! Phàm phu mà báo đáp được ân Phật, còn Thanh văn thì không thể. Tại sao, vì phàm phu nghe nói những phẩm chất của Phật thì phát tâm Bồ-đề vô thượng, làm cho Tam bảo không bị đứt mất. Còn Thanh văn thì dẫu trọn đời nghe những phẩm chất của Phật như Lực, Vô úy…, cũng vĩnh viễn không thể phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, trong đại hội có vị Bồ-tát danh hiệu là Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Thưa trưởng giả! Ai là cha mẹ, vợ con, bà con thân thích, người giúp việc, kẻ quen biết của trưởng giả? Tôi tớ gia nhân, voi ngựa xe cộ của trưởng giả đâu cả?

Trưởng giả Duy-ma trả lời bằng kệ sau đây:

Trí độ: mẹ Bồ-tát
Phương tiện ấy là cha
Những vị thầy của người
Đều do đó mà sinh.
Pháp lạc ấy là vợ
Từ bi là con gái
Chân thành là con trai
Nhà là không tuyệt đối.
Phiền não là đệ tử
Tùy ý mà chuyển hóa
Giác phần: tri thức thiện
Do đó thành Chánh giác.
Sáu độ: bạn đồng hành
Bốn Nhiếp là kỹ nữ
Ca tụng các lời pháp

Thì lấy làm âm nhạc.
Tổng trì là hoa viên
Pháp vô lậu: cây rừng
Giác chi là bông hoa
Trái: giải thoát, trí tuệ.
Tám giải thoát: ao hồ
Nước định trong và đầy
Rải bảy thứ hoa tịnh
Tắm cho người không bẩn.
Voi ngựa là năm thông
Đại thừa là xe cộ
Điều khiển: tâm bồ-đề
Dạo đi đường tám chánh.
Tướng thì làm đẹp người
Hảo thì làm đẹp dáng
Hổ thẹn là thượng phục
Tâm sâu xa: vòng hoa.
Bảy Thánh tài: vàng ngọc
Dạy bảo để lời thêm
Làm như nói, hồi hướng
Thì lấy làm lợi lớn.
Bốn thiền là giường ghế
Sống trong sạch mà có
Đa văn với trí tuệ
Là tiếng tự đánh thức.
Ăn cơm pháp cam lộ
Uống nước mùi giải thoát
Tắm rửa bằng tâm tịnh
Xoa mình bằng giới pháp.
Tiêu diệt giặc phiền não
Dũng mãnh không ai bằng
Chiến thắng bốn quân ma
Thượng cờ Bồ-đề tràng.
Chứng ngộ không sinh diệt
Thị hiện nên thọ sinh
Hiện khắp mọi thế giới
Như mặt trời soi khắp.
Hiến cúng khắp mười phương

Vô số ức Như Lai
Như thân mình thân Phật
Không có ý phân biệt.
Thế giới với chúng sinh
Tuy biết toàn là không
Nhưng thường tu tịnh độ
Giáo hóa cho muôn loài.
Sắc thanh và cử động
Của bao loại chúng sinh
Bồ-tát lực vô úy
Một lúc hiện đầy đủ.
Biết đó là việc ma
Vẫn thị hiện làm cả
Trí phương tiện khéo léo
Tùy ý hiện được hết.
Hoặc hiện già, bệnh, chết
Tác thành cho chúng sinh
Biết toàn như huyễn ảo
Nên không e ngại gì.
Hiện lửa cháy kiếp tận
Trời đất đều đỏ rực
Vì người tưởng thường còn
Hiện cho biết vô thường.
Vô số vạn ức người
Cùng đến mời Bồ-tát
Bồ-tát cùng đến cả
Làm cho hướng Phật tuệ.
Lý thuyết cùng chú thuật
Công nghệ với kỹ thuật
Thị hiện làm hết thảy
Lợi ích cho quần sinh.
Các đạo giáo thế gian
Đều đi tu trong đó
Để giải trừ sai lầm
Không phải sa tà kiến.
Thị hiện thần Thái dương
Cùng với thần Thái âm
Là thị hiện Phạm vương

Tự xưng chủ thế giới
Hoặc hiện đất với nước
Cũng hiện gió và lửa.
Thời kỳ bệnh truyền nhiễm
Thì hiện các dược liệu
Ai dùng dược liệu ấy
Hết bệnh hết chất độc.
Thời kỳ bệnh đói khát
Hiện làm vật uống ăn
Trước hết cứu đói khát
Rồi nêu giảng pháp Phật.
Thời kỳ có chinh chiến
Thì phát khởi tâm Từ
Giáo hóa cho chúng sinh
Khiến đừng có tranh chấp.
Khi đại chiến xảy ra
Thì làm cho cân sức
Và hiện oai thế lớn
Hòa giải cho hòa bình.
Trong tất cả thế giới
Chỗ nào có địa ngục
Thì đi ngay đến đó
Cứu vớt mọi khổ não.
Trong tất cả thế giới
Súc vật nhai nuốt nhau
Cũng hiện đến nơi ấy
Tạo ích lợi cho chúng.
Thị hiện hưởng năm dục
Nhưng cũng hiện tu thiền
Làm ma vương bối rối
Không tìm được cơ hội.
Trong lửa sinh hoa sen
Mới đáng gọi hiếm có
Tu thiền trong dục lạc
Cũng hiếm có như thế.
Hoặc hiện làm dâm nữ
Dẫn dụ kẻ háo sắc
Trước móc kéo bằng dục

Sau dẫn vào đường Phật.
Hoặc làm chủ thị thành
Hoặc cầm đầu thương mãi
Làm quốc sư, đại thần
Để che chở cho người.
Với bao người khốn cùng
Thì hiện kho vô tận
Nhân đó mà khuyên bảo
Cho phát tâm Bồ-đề.
Với những kẻ ngã mạn
Thì hiện đại lực sĩ
Trừ khử sự cao ngạo
Đem vào đạo tối thượng.
Ai lâm cảnh sợ hãi
Đến trước họ an ủi
Trước ban sự không sợ
Sau làm cho phát tâm.
Hoặc hiện xa dâm dục
Làm tiên nhân năm thông
Mở, dẫn cho muôn loài
Trụ nơi giới, nhẫn, từ.
Thấy ai cần cung phụng
Thị hiện làm tôi tớ
Cho họ đẹp dạ rồi
Sau làm cho phát tâm.
Ai cần dùng những gì
Để được nhập Phật đạo
Thì đem lực phương tiện
Mà cung cấp đủ cả.
Đường đi này vô tận,
Chốn hành không bến bờ
Trí tuệ thật vô biên
Độ thoát vô số người.
Giả sử hết thảy Phật
Trải qua vô lượng kiếp
Khen ngợi công đức ấy
Còn không thể cùng tận!
Ai nghe đường đi này

Không phát tâm Bồ-đề?
Trừ kẻ không xứng đáng
Tối tăm không trí tuệ!

9. Hội nhập pháp môn bất nhị.

Bấy giờ, Trưởng giả Duy-ma thưa với các vị Bồ-tát:

–Kính bạch các Đại sĩ! Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị như thế nào, xin các vị tùy theo chỗ ưa thích mà nói ra.

Trong đại hội:

Bồ-tát Pháp Tự Tại nói:

–Sinh với diệt là hai, pháp vốn không sinh thì nay không diệt, được pháp Nhẫn vô sinh như vậy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Đức Thủ nói:

–Ngã với ngã sở là hai, nhưng có ngã thì có ngã sở, không ngã thì không ngã sở, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Bất Tuân nói:

–Cảm thụ với không cảm thụ là hai, nhưng nếu pháp không cảm thụ thì không thủ đắc, vì không thủ đắc nên không lấy không bỏ, không làm không đi, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Đức Đỉnh nói:

–Dơ với sạch là hai, nhưng thấy được thật tánh của sự dơ thì cũng không có sự sạch, tùy thuận với sự diệt, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thiện Tú nói:

–Động với nghĩ là hai, nhưng không động thì không nghĩ, không nghĩ thì không phân biệt, thông suốt như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thiện Nhãn nói:

–Một tướng với không tướng là hai, nhưng nếu biết một tướng là không tướng, cũng không chấp giữ không tướng, thể nhập bình đẳng, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Tý nói:

–Tâm Bồ-tát với tâm Thanh văn là hai, nhưng xét thật tánh của tâm là không, in như ảo hóa, thì không tâm Bồ-tát không tâm Thanh văn, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phất-sa nói:

–Thiện với ác là hai, nhưng không dấy khởi thiện ác, thể nhập vô tướng mà thông suốt, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Sư Tử nói:

–Tội với phước là hai, nhưng nếu đạt được thật tánh của tội thì thấy không khác phước, đem tuệ kim cương mà xác quyết trạng thái này, không buộc không mở, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

–Hữu lậu với vô lậu là hai, nhưng nếu thấy được các pháp bình đẳng thì không khởi lên ý tưởng hữu lậu vô lậu, không vướng mắc nơi tướng, cũng không trú ở nơi vô tướng, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tịnh Giải nói:

–Hữu vi với vô vi là hai, nhưng nếu tách rời số lượng thì tâm như hư không, trí tuệ thanh tịnh không có trở ngại, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Na-la-diên nói:

–Thế gian với xuất thế gian là hai, nhưng tánh không của thế gian tức là xuất thế, trong đó không vào không ra, không đầy tràn không tản mạn, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thiện Ý nói:

–Sinh tử với Niết-bàn là hai, nhưng thấy được thật tánh của sinh tử thì không sinh không tử, không buộc không mở, không sinh không diệt, hiểu như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hiện Kiến nói:

–Tận với bất tận là hai, nhưng cứu cánh của các pháp thì tận với bất tận toàn là vô tận, vô tận là không, không thì không có tận với bất tận, ngộ nhập như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

–Ngã với vô ngã là hai, nhưng ngã còn không thể thủ đắc, vô ngã làm sao thủ đắc, thấy thật tánh của ngã thì không còn khởi lên ý niệm nhị biên, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Lôi Thiên nói:

–Minh với vô minh là hai, nhưng thật tánh của vô minh chính là minh, minh cũng không thể nắm lấy, siêu việt số lượng, ở đây bình đẳng, không hai, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

–Sắc với sắc không là hai, nhưng sắc là không, không phải sắc diệt mới không, mà là tánh của sắc tự không, như vậy thọ tưởng hành thức, thức với thức không là hai, thức là không, không phải thức diệt mới không, mà

là tánh của thức tự không, trong đây thông suốt, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Minh Tướng nói:

–Bốn đại với không là hai, nhưng thật tánh của bốn đại tức là thật tánh của không: tối sơ và tối hậu đã không thì trung gian cũng không; biết thật tánh của đại và không là như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Ý nói:

–Nhãn với sắc là hai, nhưng nếu biết nhãn đối với sắc không tham, sân, si, đó là tịch diệt, như vậy nhĩ với thanh, tỷ với hương, thiệt với vị, thân với xúc, ý với pháp là hai, nếu biết ý đối với pháp không tham, sân, si, đó là tịch diệt, sống trong đó ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói:

–Bố thí với hồi hướng nhất thế trí là hai, nhưng thật tánh của bố thí là thật tánh của hồi hướng nhất thế trí, như vậy trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ với hồi hướng nhất thế trí là hai, thật tánh của trí tuệ là thật tánh của hồi hướng nhất thế trí, trong đó nhập vào sự đồng nhất, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thâm Tuệ nói:

–Không, vô tướng, vô tác là hai, nhưng không là vô tướng, vô tướng là vô tác, nếu không vô tướng, vô tác, thì không tâm ý thức, một cửa giải thoát là ba cửa giải thoát, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tịch Căn nói:

–Phật, Pháp, Tăng là hai, nhưng Phật là Pháp, Pháp là Tăng, Tam bảo như vậy toàn là vô vi, đồng đẳng với không gian, tất cả các pháp cũng là như vậy và thuận hành như thế ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói:

–Thân với thân diệt là hai, nhưng thân là thân diệt, tại sao, vì thấy thật tánh của thân thì không dấy khởi sự thấy thân và sự thấy thân diệt, thân với thân diệt là không hai, chẳng phân biệt, trong đó không kinh không sợ, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thượng Thiện nói:

–Nghiệp thiện nơi thân khẩu ý là hai, nhưng ba nghiệp toàn là thật tánh của vô tác, thân vô tác là khẩu vô tác, khẩu vô tác là ý vô tác, ba nghiệp vô tác là các pháp vô tác, tùy thuận trí tuệ vô tác như vậy ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phước Điền nói:

–Hành phước, hành tội, hành bất động là hai, nhưng ba hành ấy thật tánh là không, không thì không hành phước, không hành tội, không hành bất động, ba hành mà không còn khởi dấy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói:

–Từ ngã mà khởi lên nhị biên là hai, nhưng thấy thật tánh của ngã thì không khởi lên nhị biên, không khởi lên nhị biên thì không nhận thức: không nhận thức ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Đức Tạng nói:

–Có thủ đắc là hai, nhưng không thủ đắc thì không lấy, không bỏ, không lấy không bỏ ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói:

–Tối với sáng là hai, nhưng không tối không sáng thì không có nhị biên, tại sao, vì như nhập định diệt tận thì không tối không sáng, thật tánh của các pháp cũng là như vậy, trong đó bình đẳng hội nhập, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

–Thích Niết-bàn với chán thế gian là hai, không thích Niết-bàn, không chán thế gian, thế là bất nhị, tại sao, vì có buộc thì có mở, nếu vốn không buộc thì ai cầu mở, mà không buộc không mở thì không thích không chán, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Châu Đỉnh Vương nói:

–Đường chánh với đường tà là hai, nhưng sống theo đường chánh thì không phân biệt đây là tà đây là chánh, thoát ly nhị biên ấy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Lạc Thật nói:

–Thật với không thật là hai, nhưng thật còn không thấy là thật, huống chi là không thật, tại sao, vì đó không phải mắt thịt thấy mà là mắt tuệ thấy, nhưng mắt tuệ thì không thấy không không thấy, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Các vị Bồ-tát mỗi người nói rồi, hỏi Đại sĩ Văn-thù:

–Thế nào là Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị?

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Theo ý tôi thì đối với các pháp không nói, không nêu, không chỉ, không biết, siêu việt mọi nẻo vấn đáp, ấy là nhập vào pháp môn bất nhị.

Đại sĩ Văn-thù hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Chúng tôi đã nói cả rồi, trưởng giả cũng nên nói, thế nào là Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị?

Trưởng giả Duy-ma lặng thinh, không nói gì cả.

Đại sĩ Văn-thù khen:

–Lành thay! Lành thay! Đến nỗi không cả văn tự ngôn ngữ, mới thật là nhập vào pháp môn bất nhị.

Khi nói về phẩm Nhập vào pháp môn bất nhị này thì trong đại hội có năm ngàn vị Bồ-tát nhập vào pháp môn bất nhị, thực hiện pháp Nhẫn vô sinh.

10. Đức Phật Hương Tích.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất trong tâm suy nghĩ: "Sắp đến đứng bóng, các vị Bồ-tát này sẽ thọ thực ở đâu?" Trưởng giả Duy-ma biết ý nghĩ ấy nên thưa:

–Phật dạy tám pháp Giải thoát, Tôn giả thực hành, vậy có thể chen việc ăn vào sự nghe pháp chăng? Tuy nhiên, Tôn giả nghĩ đến sự ăn thì xin chờ chốc lát, con sẽ làm cho Tôn giả được thực phẩm rất hiếm có.

Trưởng giả Duy-ma tức thì nhập vào chánh định, dùng diệu lực của thần thông thị hiện cho đại hội thấy khu vực Thiên đỉnh, quá bốn mươi hai hằng sa thế giới, có thế giới tên là Chúng hương, Đức Phật giáo chủ hiệu là Hương Tích, hiện đang tồn tại. Hơi thơm của thế giới này là bậc nhất so với hương liệu của nhân loại và chư Thiên trong mười phương thế giới. Thế giới này không có đến cả cái tên Thanh văn, Duyên giác, chỉ có chúng Đại Bồ-tát thanh tịnh và được Phật Hương Tích thuyết pháp cho. Thế giới ấy toàn dùng hương thơm làm lầu đài. Kinh hành trên đất thơm. Hoa viên toàn là hương thơm. Hơi thơm nơi thực phẩm của thế giới này thì tràn cả mười phương vô lượng thế giới. Bấy giờ là lúc Phật với chúng Bồ-tát của thế giới ấy đang cùng thọ thực. Có các Thiên nhân cùng tên Hương Nghiêm, cùng phát tâm Bồ-đề vô thượng, đang hiến cúng Phật và chúng Bồ-tát của thế giới ấy. Đại hội ở đây không ai không nhìn thấy như vậy.

Trưởng giả Duy-ma hỏi các vị Bồ-tát:

–Thưa các Đại sĩ! Ai có thể đến lấy cơm của Đức Phật Hương Tích?

Do thần lực của Đại sĩ Văn-thù, ai cũng lặng thinh. Trưởng giả Duy-ma thưa Đại sĩ Văn-thù:

–Đại chúng này thật đáng xấu hổ.

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Như Phật đã dạy, đừng làm kinh động những người tu học chưa thấu

đáo.

Trưởng giả Duy-ma tức thì không rời chỗ ngồi mà hóa hiện một vị Bồ-tát đứng trước mặt đại hội, với tướng hảo, ánh sáng và uy đức đều siêu việt, làm mờ cả đại hội và bảo:

–Ông hãy đến khu vực Thiên đỉnh, quá bốn mươi hai hằng sa thế giới, có thế giới tên Chúng hương, Đức Phật giáo chủ hiệu là Hương Tích, đang thọ thực với chúng Đại Bồ-tát của thế giới ấy. Ông đến đó, tác bạch đúng như lời tôi: Cư sĩ Duy-ma kính lạy dưới chân Thế Tôn, tôn kính vô lượng, hỏi thăm Ngài sinh hoạt bình thường, ít bệnh ít phiền, khí lực yên vui chăng? Xin được phần thừa nơi thực phẩm của Đức Thế Tôn để về làm việc Phật ở thế giới Sa-bà, là khiến cho những người ưa thích pháp nhỏ đều được đạo lớn, cũng để làm cho danh tiếng của Thế Tôn được nghe đến ở đây.

Vị Bồ-tát hóa thân tức thì ở trước đại hội mà thăng lên Thiên đỉnh, cả chúng hội đều thấy. Lên tới thế giới Chúng hương, vị Bồ-tát hóa thân kính lạy dưới chân Đức Phật Hương Tích và cả đại hội đều nghe lời nói của vị Bồ-tát ấy: Cư sĩ Duy-ma kính lạy dưới chân Thế Tôn, tôn kính vô lượng, hỏi thăm Ngài sinh hoạt bình thường, ít bệnh ít phiền, khí lực yên vui chăng? Xin được phần thừa nơi thực phẩm của Đức Thế Tôn để về làm việc Phật ở thế giới Sa-bà, là khiến cho những người ưa thích pháp nhỏ đều được đạo lớn, cũng để làm cho danh tiếng của Thế Tôn được nghe đến ở đây.

Các vị Đại sĩ ở thế giới Chúng hương thấy vị Bồ-tát hóa thân thì khen là hiếm có và hỏi: "Vị Thượng nhân này từ đâu đến đây? Thế giới Sa-bà ở đâu? Thế nào gọi là người ưa thích pháp nhỏ?" Họ hỏi Đức Phật Hương Tích.

Ngài nói: "Ở Thiên để, cách đây bốn mươi hai hằng sa thế giới, có thế giới tên Sa-bà, Đức Phật giáo chủ hiệu Thích-ca Mâu-ni, hiện đang tồn tại. Ngài ở trong giai đoạn dữ dội, đầy cả năm thứ uế trược, diễn giảng chánh pháp cho những người ưa thích chánh pháp thấp nhỏ. Thế giới Sa-bà có vị Bồ-tát tên Duy-ma, sống trong sự giải thoát Bất khả tư nghì, thuyết pháp cho các vị Bồ-tát, nên phái hóa thân lên đây, tán dương danh hiệu và thế giới của Như Lai để làm cho các vị Bồ-tát ở thế giới ấy tăng tiến công đức."

Các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng hương nói: "Bồ-tát Duy-ma là người như thế nào mà hóa thân được như vầy? Công đức, năng lực và thần thông ra sao?"

Đức Phật Hương Tích nói: "Rất lớn, mười phương ở đâu Bồ-tát Duy-ma cũng sai hóa thân đến đó để thi hành việc Phật, tạo lợi ích cho chúng sinh."

Đức Phật Hương Tích liền lấy bát thơm đựng đầy cơm thơm, đưa cho Bồ-tát hóa thân. Lúc ấy chín trăm vạn Bồ-tát của thế giới Chúng hương cùng nói: "Chúng con muốn đến thế giới Sa-bà để hiến cúng Đức Thế Tôn Thích-ca và hội kiến với Đại sĩ Duy-ma và với các vị Bồ-tát."

Đức Phật Hương Tích nói: "Nên đi đi. Nhưng phải thu hơi thơm nơi thân thể của các vị, đừng để người của thế giới Sa-bà dấy khởi mê hoặc, tham đắm. Lại nên bỏ hình cũ của các vị, đừng để những người cầu đạo Bồ-tát ở thế giới Sa-bà tự khinh, xấu hổ. Các vị cũng đừng khinh thế giới Sa-bà mà tạo chướng ngại cho mình, tại sao, vì mười phương thế giới toàn như hư không, với lại chư Phật hóa độ cho những người ưa thích chánh pháp thấp nhỏ thì không thể hiện hết tịnh độ của mình."

Vị Bồ-tát hóa thân lãnh nhận bát cơm rồi cùng chín trăm vạn Bồ-tát của thế giới Chúng hương, nhờ thần lực của Đức Phật Hương Tích và của Trưởng giả Duy-ma nên trong chốc lát biến mất khỏi thế giới Chúng hương và hiện đến phòng của Trưởng giả Duy-ma. Trưởng giả biến hóa ra chín trăm vạn tòa Sư tử đẹp như những tòa Sư tử đã có. Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương đều ngồi trên ấy. Vị Bồ-tát hóa thân đưa bát cơm thơm cho Trưởng giả Duy-ma, hương thơm khắp cả thành Tỳ-da-ly và đại thiên thế giới.

Bấy giờ, trong thành Tỳ-da-ly, Bà-la-môn, cư sĩ…, nghe hơi thơm ấy thì cả thân và tâm đều thích thú, ai cũng tán dương là chưa hề có. Chủ trưởng giả là Trưởng giả Nguyệt Cái và tám mươi bốn ngàn người, cùng đến phòng của Trưởng giả Duy-ma, thấy trong phòng Bồ-tát rất nhiều, các tòa Sư tử rất đẹp, ai cũng đại hoan hỷ, lạy các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử của Phật, rồi đứng qua một phía. Các vị thần đất, thần hư không, chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc, nghe hơi thơm thì ai cũng đến phòng của Trưởng giả Duy-ma.

Trưởng giả Duy-ma thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất và các vị đại Thanh văn:

–Xin các vị thọ thực. Cơm vị cam lộ này của Như Lai là do đại Bi xông ướp, vậy xin đừng đem cái ý thức hữu hạn mà thọ thực, khiến không thể tiêu được.

Có vị Thanh văn nghĩ: "Cơm này ít thế, làm sao cả đại chúng ai cũng thọ thực."

Vị Bồ-tát hóa thân thưa:

–Xin Tôn giả đừng đem cái đức nhỏ và cái trí nhỏ mà ước lượng về đức vô lượng và tuệ vô lượng của Đấng Như Lai. Bốn biển có thể khô hết mà cơm này vẫn vô tận. Giả sử có ai ăn mỗi vắt bằng núi Tu-di thì ăn đến một kiếp cũng không hết được. Tại sao, vì thực phẩm dư ra của đấng giới vô tận, định vô tận, tuệ vô tận, giải thoát vô tận và giải thoát tri kiến vô tận, thì không bao giờ cùng tận. Thế rồi cơm trong bát ấy làm no đủ cả đại hội mà vẫn không hết.

Các vị Bồ-tát, Thanh văn, chư Thiên, người, ai ăn cơm ấy thân cũng được diệu lạc tựa như các vị Bồ-tát ở thế giới Nhất thế lạc trang nghiêm. Những lỗ chân lông của họ cũng xuất ra hơi thơm tinh tế, tựa như hơi thơm các thứ cây của thế giới Chúng hương.

Lúc ấy, Trưởng giả Duy-ma hỏi các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng hương:

–Đức Như Lai Hương Tích thuyết pháp bằng gì?

Các vị Bồ-tát ấy nói:

–Đức Như Lai của thế giới chúng tôi không nói bằng lời chữ, chỉ dùng hương thơm mà làm cho chư Thiên, Nhân loại đều nhập vào chánh pháp. Các vị Bồ-tát ở thế giới chúng tôi cùng ngồi bên cây hương thơm, nghe hương thơm tinh tế ấy thì thể hiện chánh định Nhất thế đức tạng. Thể hiện chánh định này thì bao nhiêu phẩm chất của Bồ-tát đều hoàn hảo cả.

Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Đức Thế Tôn Thích-ca thuyết pháp bằng gì?

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thế giới này chúng sinh rất khó giáo hóa, nên Đức Phật ở đây phải dùng lời nói cứng cỏi để chế ngự thuần hóa họ. Rằng đây là địa ngục, đây là súc sinh, đây là ngạ quỷ, đây là những chỗ tai nạn, đây là chỗ người ngu si đến; đây là hành tà của thân, đây là quả báo từ hành tà của thân, đây là hành tà của miệng, đây là quả báo từ hành tà của miệng, đây là hành tà của ý, đây là quả báo từ hành tà của ý; đây là sát sinh, đây là quả báo của sát sinh, đây là trộm cắp, đây là quả báo của trộm cắp, đây là tà dâm, đây là quả báo của tà dâm, đây là vọng ngữ, đây là quả báo của vọng ngữ, đây là lưỡng thiệt, đây là quả báo của lưỡng thiệt, đây là ác khẩu, đây là quả báo của ác khẩu, đây là ỷ ngữ, đây là quả báo của ỷ ngữ, đây là tham lam, đây là quả báo của tham lam, đây là sân hận, đây là quả báo của sân hận, đây là tà kiến, đây là quả báo của tà kiến; đây là keo kiệt, đây là quả báo của keo kiệt, đây là phá giới, đây là quả báo của phá giới, đây là giận dữ, đây là quả

báo của giận dữ, đây là biếng nhác, đây là quả báo của biếng nhác, đây là ý loạn, đây là quả báo của ý loạn, đây là ngu si, đây là quả báo của ngu si; đây là kết giới, đây là giữ giới, đây là phạm giới, đây là đáng làm, đây là không đáng làm, đây là chướng ngại, đây là không chướng ngại, đây là bị tội, đây là rời tội, đây là sạch, đây là bẩn, đây là hữu lậu, đây là vô lậu, đây là tà đạo, đây là chánh đạo, đây là hữu vi, đây là vô vi, đây là thế gian, đây là Niết-bàn. Người khó hóa cải thì tâm họ như vượn như khỉ, nên phải áp dụng bao nhiêu cách nói ấy mới chế ngự khiến cho tâm họ được thuần hóa. Voi ngựa hung hăng thì phải làm đau đến xương cốt, sau đó mới thuần. Chúng sinh ương bướng khó hóa cải, nên phải dùng mọi lời nói đắng cay, đau đớn mới làm cho họ nhập vào chánh pháp.

Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương nghe nói như vậy thì cho thật là hiếm có và nói:

–Như Đức Thế Tôn Thích-ca mà phải ẩn đi vô lượng năng lực tự tại, đem giáo pháp của người nghèo kém ưa thích để hóa độ họ. Các vị Bồ-tát ở thế giới này cũng lao nhọc, khiêm tốn, sinh trong thế giới này bằng tâm đại Bi vô lượng.

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thế giới này, các vị Bồ-tát đối với chúng sinh luôn có tâm đại Bi thật kiên cố, đúng như các vị đã nói. Nhưng các vị Bồ-tát ở thế giới này tạo lợi ích cho chúng sinh một đời cũng hơn cả trăm ngàn đời của thế giới các vị. Tại sao, vì thế giới Sa-bà này có mười pháp thiện mà các thế giới thanh tịnh khác không có. Mười pháp thiện ấy là gì? Là đem bố thí mà thu phục nghèo nàn, đem tịnh giới mà thu phục phạm giới, đem nhẫn nhục mà thu phục sân hận, đem tinh tấn mà thu phục biếng nhác, đem thiền định mà thu phục loạn ý, đem trí tuệ mà thu phục ngu si, nói các pháp dứt trừ tai nạn để cứu vớt những kẻ bị tám nạn, đem pháp Đại thừa cứu độ những kẻ ưa thích pháp nhỏ, đem căn lành cứu vớt những kẻ vô phước, đem bốn Nhiếp pháp tác thành cho chúng sinh. Đó là mười pháp thiện.

Các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương nói:

–Bồ-tát thành tựu được bao nhiêu pháp thì sống trong thế giới này một cách không bị thương tổn mà sinh các cõi tịnh?

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Thành tựu tám pháp thì Bồ-tát sống trong thế giới này không bị thương tổn mà sinh các cõi tịnh. Tám pháp ấy là gì? Là (một), tạo lợi ích cho chúng sinh mà không trông mong báo đáp; (hai), thay chúng sinh mà chịu mọi khổ não, công đức làm ra đem cho chúng sinh cả; (ba), tâm ý bình

đẳng đối với chúng sinh, khiêm tốn vô ngại; (bốn), coi các vị Bồ-tát khác như Phật; (năm), kinh pháp chưa nghe thì nghe mà không hoài nghi; (sáu), không chống đối các vị Thanh văn, không ganh ghét sự được hiến cúng của người khác và không tự cao về lợi lộc của mình; (bảy), thuần hóa tâm mình, thường xét lỗi mình mà không nêu dẫn khuyết điểm của người; (tám), thường xuyên nhất tâm mà cầu công đức. Đó là tám pháp.

Trong đại hội, khi Trưởng giả Duy-ma và Đại sĩ Văn-thù nói pháp này thì có trăm ngàn trời, người phát tâm Bồ-đề vô thượng, mười ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

11. Việc làm của Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thuyết pháp ở lâm viên Yêm-ma-la. Vườn này bỗng nhiên rộng ra, đẹp lên, toàn thể đại hội đều thành màu sắc hoàng kim.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do nào mà có hiện tượng tốt đẹp như vầy, là vườn này bỗng nhiên rộng ra và đẹp lên, tất cả đại hội đều thành màu sắc hoàng kim?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ấy là Trưởng giả Duy-ma và Đại sĩ Văn-thù, cùng đại chúng cung kính bao quanh, ý muốn đến đây, nên trước hết hiện ra điềm lành như vậy.

Trưởng giả Duy-ma thưa với Đại sĩ Văn-thù:

–Hãy cùng nhau đến yết kiến Đức Thế Tôn, cùng chư Bồ-tát lễ bái hiến cúng.

Đại sĩ Văn-thù nói:

–Tốt lắm, hãy đi đi. Bây giờ là lúc thích hợp.

Trưởng giả Duy-ma tức thì vận dụng thần lực, nâng cả đại hội, cùng với các tòa Sư tử, đặt trong bàn tay phải, đi đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến rồi, quỳ gối sát đất, kính lạy ngang chân Ngài, đi quanh Ngài bảy vòng, chuyên chú, chắp tay, đứng về một phía. Các vị Bồ-tát cũng đều rời khỏi tòa Sư tử, lạy ngang chân Phật, rồi cũng đi quanh Ngài bảy vòng và đứng về một phía. Các vị đại đệ tử, Đế Thích, Phạm vương, bốn Thiên vương…, cũng đều rời khỏi tòa Sư tử, lạy ngang chân Phật, đứng về một phía.

Đức Thế Tôn đúng phép an ủi hỏi han các vị Bồ-tát rồi, bảo ngồi lại như cũ. Tất cả đều vâng lời. Đại chúng ngồi yên xong, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả đã thấy việc làm từ thần lực tự tại của Bồ-tát Đại sĩ chưa?

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

–Vậy ý Tôn giả nghĩ thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Con thấy thật là chẳng thể nghĩ bàn, ý không ngờ tới, trí không lường nổi.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe có hơi thơm mà trước đây chưa có, hương thơm ấy là gì?

Đức Thế Tôn dạy Tôn giả A-nan:

–Đó là hơi thơm xuất ra từ những lỗ chân lông của các vị Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả A-nan:

–Những lỗ chân lông của chúng tôi cũng xuất ra hơi thơm ấy.

Tôn giả A-nan nói:

–Hơi thơm ấy từ đâu mà có?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Ấy là Trưởng giả Duy-ma đã xin cơm thừa của Đức Phật ở thế giới Chúng hương mà mời mọi người có mặt nơi phòng trưởng giả đều được ăn, nên lỗ chân lông của ai cũng xuất ra hơi thơm như vậy.

Tôn giả A-nan hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Hơi thơm này tồn tại bao lâu?

Trưởng giả thưa:

–Tồn tại đến khi cơm tiêu hết.

–Cơm này tồn tại bao lâu?

–Cơm này tồn tại đến bảy ngày mới tiêu. Lại nữa, thưa Tôn giả A-nan, hàng Thanh văn chưa nhập chính vị, ăn cơm này thì nhập chính vị mới tiêu. Nhập chính vị rồi, ăn cơm này thì đạt tâm giải thoát mới tiêu. Chưa phát tâm Đại thừa, ăn cơm này thì phát tâm ấy mới tiêu. Phát tâm ấy rồi, ăn cơm này thì được pháp Nhẫn vô sinh mới tiêu. Được pháp Nhẫn vô sinh rồi, ăn cơm này thì được quả vị một đời nữa làm Phật mới tiêu. Tựa như có thần dược tên là Thượng vị, ai dùng thì chất độc trong người tiêu hết, thần dược ấy mới tiêu. Cơm này cũng vậy, trừ hết chất độc phiền não mới tiêu.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Thật là chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Cơm này mà làm được việc Phật làm như thế.

Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Đúng như vậy, A-nan. Có thế giới lấy ánh sáng của Phật mà làm

việc Phật. Có thế giới lấy Bồ-tát mà làm việc Phật. Có thế giới lấy người Phật hóa ra mà làm việc Phật. Có thế giới lấy cây Bồ-đề mà làm việc Phật. Có thế giới lấy y phục hay đồ nằm của Phật mà làm việc Phật. Có thế giới lấy cơm ăn mà làm việc Phật. Có thế giới lấy vườn rừng, lầu đài mà làm việc Phật. Có thế giới lấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp mà làm việc Phật. Có thế giới lấy thân Phật mà làm việc Phật. Có thế giới lấy sự trống không mà làm việc Phật. Chúng sinh thích ứng với những duyên tố trên đây mà được vào chánh pháp. Có thế giới lấy chiêm bao, ảo thuật, hình ảnh, tiếng vang, bóng trong gương, trăng dưới nước, sóng nắng, những ví dụ như thế mà làm việc Phật. Có thế giới lấy âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm việc Phật. Có thế giới trong sạch lấy sự vắng lặng, không nói năng, không chỉ bảo, không bày biện mà làm việc Phật. Như thế đấy, A-nan, chư Phật cử động tới ngừng, mọi việc toàn là việc Phật. A-nan, quân ma có bốn loại, phiền não có tám mươi bốn ngàn thứ, chúng sinh vì thế mà khốn đốn, còn chư Phật thì lấy chính những thứ ấy mà làm việc Phật.

Và như thế đó gọi là nhập được pháp môn của Phật. Bồ-tát nhập được pháp môn này thì thấy mọi thế giới trong sáng không mừng, không ham, không tự cao, thấy mọi thế giới nhơ bẩn không lo, không ngại, không thoái lui. Đối với chư Phật, hãy sinh tâm thanh tịnh, hoan hỷ, tôn kính, thấy rất hiếm có. Chư Phật thì phẩm chất bình đẳng, chỉ vì giáo hóa chúng sinh mà hiện ra thế giới khác nhau. A-nan, Tôn giả thấy đó, thế giới của chư Phật, đất có giới hạn mà hư không đâu có giới hạn, sắc thân của chư Phật cũng vậy, sắc thân ấy có giới hạn mà tuệ giác vô ngại đâu có giới hạn. A-nan, tất cả những gì của chư Phật, như sắc thân, uy đức, tướng hảo, chủng tộc, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Lực, Vô úy, pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, uy nghi, việc làm, đời sống, thuyết pháp, giáo hóa, thành tựu cho chúng sinh, làm sạch thế giới, tất cả phẩm chất của Phật toàn hảo như vậy đồng đẳng hết thảy, nên tôn xưng là Đấng Chánh Biến Tri, Đấng Như Lai, Đấng Giác Giả. A-nan, nếu Như Lai giảng nói rộng rãi về ba đức hiệu ấy, thì Tôn giả đem sự sống lâu cả một kiếp cũng không thể tiếp nhận trọn vẹn. Giả sử chúng sinh cả đại thiên thế giới này đều như Tôn giả, đa văn bậc nhất, được Tổng trì về ký ức, chúng sinh như thế đem sự sống lâu cả một kiếp cũng không thể tiếp nhận cho hết. A-nan, tuệ giác của Phật không có giới hạn, hùng biện của Phật là không thể nghĩ bàn.

Tôn giả A-nan thưa với Phật:

–Từ nay sắp đi, con không dám tự gọi là đa văn nữa.

Phật nói:

–Tôn giả đừng có cái ý thức thoái lui ấy. Tạo sao, vì Như Lai nói Tôn giả đa văn hơn hết trong hàng Thanh văn, đâu có nói trong hàng Bồ-tát. Thôi, hãy ngừng lại ở đây, A-nan, những người có trí thì không nên có một nhận thức giới hạn nào về các vị Bồ-tát. Đại dương sâu thẳm còn có thể ước lượng được, còn thiền định, trí tuệ, Tổng trì, hùng biện, tất cả phẩm chất này của Bồ-tát thì không thể lường nổi. A-nan, các người hãy gác lại việc làm của Bồ-tát. Vì Trưởng giả Duy-ma nhất thời thị hiện thần lực mà hàng Thanh văn, Duyên giác tận lực biến hóa trong năm ngàn kiếp cũng không thể làm được.

Lúc ấy, các vị Bồ-tát đến từ thế giới Chúng hương, chắp tay thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con mới thấy thế giới này thì cho là thấp kém, bây giờ tự hối, xin từ bỏ tư tưởng ấy. Tạo sao, vì phương tiện của chư Phật thật là chẳng thể nghĩ bàn, để độ chúng sinh nên hiện ra thế giới thích ứng khác nhau. Dạ, kính bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn ban cho chúng con chút ít huấn dụ, để khi về thế giới của mình chúng con nhớ mãi về Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy:

–Bồ-tát có một pháp môn giải thoát tên là Hết và Không hết, các vị nên tu học. Hết là hữu vi. Không hết là vô vi. Mà Bồ-tát thì không hết hữu vi, không ở vô vi.

Không hết hữu vi là thế nào? Là không rời đại Từ. Không bỏ đại Bi. Phát khởi sâu xa tâm cầu nhất thế trí mà không bao giờ bỗng chốc bị quên mất. Giáo hóa chúng sinh không bao giờ mỏi mệt. Thường nhớ và làm theo bốn thứ nhiếp pháp. Không tiếc tính mạng mà giữ gìn chánh pháp. Không biết chán mệt trong việc gieo trồng các gốc rễ pháp thiện. Chí nguyện thường ở trong phương tiện hồi hướng. Cầu pháp không khác. Thuyết pháp không lẫn. Nỗ lực phụng sự chư Phật. Vào trong sinh tử mà không sợ. Vinh nhục không làm cho mừng lo. Không khinh những người tu học chưa thấu đáo. Kính trọng những người tu học như kính trọng Phật. Ai sa vào phiền não thì làm cho họ có chánh niệm. Không quý trọng cái vui xa lìa. Không ham cái vui của mình. Vui mừng cái vui của người. Ở trong thiền định thấy như ở trong địa ngục. Ở trong sinh tử thấy như du ngoạn hoa viên. Thấy ai đến cầu xin thì coi như bậc thầy tốt. Xả bỏ tất cả, vì có đủ ý tưởng về nhất thế trí. Thấy người phạm giới thì sinh tâm cứu vớt, giữ gìn. Đối với sáu Độ thì có ý tưởng là cha mẹ. Đối với giác phần thì có ý tưởng là bà con. Thật hành pháp thiện không có giới hạn nào cả. Đem những sự trang nghiêm của các tịnh độ làm thành quốc độ của mình. Thật hành bố thí vô hạn. Tướng

hảo hoàn bị. Tẩy trừ điều ác, làm sạch thân, miệng, ý. Sống chết vô số kiếp mà ý chí vẫn dũng mãnh. Nghe nói công đức vô lượng của Phật mà chí nguyện không mệt mỏi. Dẹp giặc phiền não bằng kiếm báu trí tuệ. Siêu thoát uẩn xứ giới. Gánh vác chúng sinh, vĩnh viễn làm cho họ giải thoát. Trấn áp quân ma bằng sự đại tinh tấn. Thường cầu sự không phân biệt, trí tuệ hội nhập thật tướng. Thật hành ít ham muốn và biết vừa đủ mà không xả bỏ việc đời. Không thiếu sót uy nghi mà tùy thuận việc thế gian. Sử dụng tuệ giác thần lực mà dẫn dắt chúng sinh. Được Tổng trì về ký ức, nghe thì không quên. Khéo biết về trình độ, loại bỏ hoài nghi cho chúng sinh. Đem tài hùng biện mà thuyết pháp vô ngại. Làm sạch mười nghiệp thiện mà chấp nhận phước báo trong chư Thiên nhân loại. Thực hành bốn Tâm vô lượng mà mở đường Phạm thiên. Khuyến thỉnh thuyết pháp, tùy hỷ tán dương, được âm thanh của Phật. Thân, miệng, ý hoàn thiện, được uy nghi của Phật. Tu hành sâu xa các loại pháp thiện. Tu hành chuyển tới hơn lên. Đem giáo lý Đại thừa mà tác thành cho Bồ-tát Tăng. Tâm không phóng dật, không mất pháp thiện. Hành trì như vậy gọi là Bồ-tát không hết hữu vi.

Không ở vô vi là thế nào? Là tu học về không mà không lấy, không thực hiện chứng đắc. Tu học về vô tướng, vô tác mà không lấy vô tướng, vô tác làm chứng đắc. Tu học sự không phát khởi mà không lấy sự không phát khởi làm chứng đắc. Quan sát sự vô thường mà không chán điều thiện. Quan sát sự đau khổ mà không ác cảm với sinh tử. Quan sát sự vô ngã mà huấn dụ cho người không mệt. Quan sát sự dứt bặt mà không vĩnh viễn dứt bặt. Quan sát sự xa lìa mà cả thân và tâm đều làm điều thiện. Quan sát không có chốn quy về mà quy hướng về pháp thiện. Quan sát sự vô sinh mà đem sự sinh gánh vác chúng sinh. Quan sát sự vô lậu mà không đoạn tuyệt các lậu. Quan sát sự không làm mà làm theo các pháp giáo hóa muôn loài. Quan sát về Không mà không bỏ đại Bi. Quan sát chính vị mà không tùy theo tiểu thừa. Quan sát các pháp hư dối, không chắc, không sinh thể, không chủ thể, không khái niệm, vậy mà bản nguyện chưa viên mãn thì luôn tỏ ra chắc thật đối với phước đức, thiền định, trí tuệ. Hành trì như vậy gọi là Bồ-tát không ở vô vi.

Thêm nữa, đủ phước đức thì không ở vô vi, đủ trí tuệ thì không hết hữu vi. Từ bi vĩ đại nên không ở vô vi, bản nguyện viên mãn nên không hết hữu vi. Tập hợp dược phẩm chánh pháp nên không ở vô vi, tùy bệnh mà cho dược phẩm ấy nên không hết hữu vi. Biết bệnh chúng sinh nên không ở vô vi, diệt bệnh chúng sinh nên không hết hữu vi. Các vị Bồ-tát, chánh sĩ hành trì như vậy, không hết hữu vi, không ở vô vi, gọi là pháp môn giải thoát Hết và Không hết. Các vị hãy tu học pháp môn giải thoát ấy.

Lúc này, các vị Bồ-tát của thế giới Chúng hương nghe được pháp môn ấy thì đều hết sức hoan hỷ. Các vị đem hoa quý với bao nhiêu màu sắc và hương thơm tung rải khắp đại thiên thế giới, hiến cúng Đức Thế Tôn, hiến cúng kinh này và hiến cúng các vị Bồ-tát. Xong rồi, các vị ấy lạy ngang chân Đức Thế Tôn, tán thán chưa từng có, nói:

–Đức Thế Tôn Thích-ca đã có thể thực hiện được phương tiện khéo léo như vậy, tại thế giới này.

Nói rồi biến mất, trở về thế giới Chúng hương của các vị ấy.

12. Nhìn Phật Bất động.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Trưởng giả muốn thấy Như Lai, mà thấy Như Lai bằng cách nào?

Trưởng giả thưa:

–Con nhìn thấy thật tướng của thân con thế nào thì nhìn thấy Đức Thế Tôn cũng y như vậy. Con nhìn thấy Đức Thế Tôn trước không đến, sau không đi, hiện không đứng. Con không nhìn thấy sắc, chân như của sắc, tánh của sắc, không nhìn thấy thọ, tưởng, hành, thức, chân như của thức, tánh của thức. Không phát sinh từ bốn đại chủng. Đồng đẳng không gian. Sáu quan năng không dồn chứa. Đã siêu việt sáu quan năng. Không ở trong ba cõi. Thoát ly ba thứ dơ bẩn. Thuận theo ba cửa giải thoát. Ba minh trí toàn hảo. Đồng đẳng vô minh. Không đồng nhất, không mâu thuẫn, không chủ thể, không khách thể. Không phải khái niệm không, không phải khái niệm chấp thủ. Không ở bờ bên này, không ở bờ bên kia, không ở giữa dòng, vậy mà hóa độ chúng sinh. Quan sát tịch diệt mà không vĩnh diệt. Không phải cái này, không phải cái kia, không lấy cái này, không lấy cái kia. Không phải nhận biết bằng trí, không phải nhận biết bằng thức. Không tối, không sáng. Không tên, không tướng. Không mạnh, không yếu. Không sạch, không dơ. Không thuộc phương hướng, không tách phương hướng. Không phải hữu vi, không phải vô vi. Không chỉ rõ, không phô diễn. Không phải bố thí hay keo kiệt. Không phải trì giới hay phạm giới. Không phải nhẫn nhục hay sân hận. Không phải tinh tấn hay biếng nhác. Không phải định ý hay loạn động. Không phải trí tuệ hay ngu si. Không thật, không dối. Không đến, không đi. Không ra, không vào. Tất cả nẻo nói năng đều bị cắt đứt. Không phải ruộng phước hay phi ruộng phước. Không phải thích ứng hiến cúng hay phi thích ứng hiến cúng. Không lấy, không bỏ. Không có, không không. Đồng đẳng với chân tế, bình đẳng với pháp tánh. Không thể cân, không thể lường, vượt quá mọi sự cân lường. Không lớn, không nhỏ. Không thấy, không nghe. Không hay, không biết. Thoát ly mọi kết buộc.

Đồng đẳng với trí giác. Bình đẳng nơi chúng sinh. Với các pháp thì không phân biệt. Không đánh mất, không dơ bẩn, không bực tức, không thao tác, không phát động, không phát sinh, không hủy diệt, không e sợ, không lo buồn, không vui mừng, không chán nản. Không đã có, không sẽ có, không đang có. Không thể phân biệt, biểu thị bằng mọi thứ ngôn ngữ. Bạch Thế Tôn! Thân thể của Ngài là như vậy. Nên nhìn thấy như vậy. Nhìn thấy như vậy là nhìn chính xác, nhìn thấy khác đi là nhìn sai lầm.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Trưởng giả Duy-ma:

–Trưởng giả chết từ thế giới nào mà sinh đến thế giới này?

Trưởng giả Duy-ma hỏi lại:

–Pháp của Tôn giả được có chết có sinh không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Không.

Trưởng giả Duy-ma nói:

–Nếu pháp không chết, không sinh thì sao Tôn giả lại hỏi con chết ở đâu sinh đến đây. Thưa Tôn giả! Ý của Tôn giả nghĩ thế nào, nhà ảo thuật biến ra nam nữ, thì có thể gọi nam nữ ấy là chết và sinh không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Không có chết và sinh gì cả.

–Kính bạch Tôn giả! Tôn giả đã nghe Phật dạy các pháp đều như huyễn ảo chăng?

–Tôi nghe đúng như thế.

–Vậy, các pháp như huyễn ảo thì sao Tôn giả lại hỏi con chết ở đâu sinh đến đây. Kính bạch Tôn giả! Chết là hủy hoại một cách hư giả, sinh là liên tục một cách hư giả. Bồ-tát chết mà không chết gốc lành, sinh mà không sinh rễ ác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Có một thế giới tên là Diệu hỷ, Đức Phật giáo chủ hiệu là Vô Động. Trưởng giả Duy-ma mất ở thế giới ấy mà sinh đến thế giới này.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thật là chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Vị trưởng giả này bỏ được thế giới thanh tịnh mà sinh đến thế giới có nhiều oán hại này.

Trưởng giả Duy-ma nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả nghĩ thế nào, khi ánh sáng mặt trời xuất hiện thì có ăn nhập với bóng tối không?

–Không, ánh sáng xuất hiện thì bóng tối không còn.

–Mặt trời vì sao vận hành ở đại lục Diêm-phù?

–Vì muốn chiếu ánh sáng trừ bóng tối.

–Bồ-tát cũng vậy, tuy sinh ở thế giới uế trược để giáo hóa chúng sinh, hủy diệt phiền não, ám chướng cho chúng sinh, chứ không phải ăn nhập với ám chướng.

Bấy giờ, đại hội khao khát muốn được thấy thế giới Diệu hỷ, thấy Đức Như Lai Vô Động, thấy chúng Bồ-tát và Thanh văn của thế giới ấy. Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của đại hội, nên bảo Trưởng giả Duy-ma:

–Đại sĩ, hãy hiển thị cho đại hội này về thế giới Diệu hỷ, về Đức Như Lai Vô Động, về chúng Bồ-tát và Thanh văn của thế giới ấy. Đại hội này ai cũng muốn được nhìn thấy.

Trưởng giả Duy-ma suy nghĩ: "Mình đừng đứng dậy khỏi chỗ ngồi ở đây mà tiếp nhận thế giới Diệu hỷ, bao gồm Thiết vi, núi sông, khe hang, ghềnh thác, biển cả, suối nguồn, Tu-di, thái dương, nguyệt cầu, tinh tú, chư Thiên, chúng rồng, chúng quỷ, chúng thần, cung điện Phạm thiên…; bao gồm Bồ-tát, Thanh văn, thành thị, thôn xóm, nam nữ, lớn nhỏ; đến cả Đức Như Lai Vô Động và cây Bồ-đề, những hoa sen quý, tất cả những gì có thể làm việc Phật bất cứ ở đâu. Có ba đường cấp từ Diêm-phù đến Đao-lợi. Do các đường cấp ấy mà chư Thiên xuống lễ bái Đức Như Lai Vô Động, nghe và tiếp nhận kinh pháp Ngài nói. Người Diêm-phù cũng đi bằng đường cấp ấy mà lên đến Đao-lợi, thấy hàng chư Thiên. Thế giới Diệu hỷ hoàn thành tất cả thành quả như vậy. Trên đến Hữu đỉnh, dưới đến thủy luân, ta hãy dùng tay phải ngắt lấy, rồi như cái vòng của người thợ gốm, ta đem nhập vào thế giới này. Ta hãy làm như cầm vòng hoa mà hiển thị cho đại hội." Trưởng giả Duy-ma nghĩ như vậy rồi nhập chánh định, hiện thần lực, dùng tay phải ngắt lấy thế giới Diệu hỷ để vào thế giới này. Những vị Bồ-tát, Thanh văn và chư Thiên có thần thông thì cùng nói: "Dạ, bạch Thế Tôn! Ai lấy chúng con đem đi, xin Thế Tôn cứu cho."

Đức Như Lai Vô Động nói: "Không phải Như Lai làm, mà làm việc này là thần lực của Trưởng giả Duy-ma."

Những người chưa được thần thông thì không hay biết mình đi đến đâu. Thế giới Diệu hỷ tuy nhập vào thế giới này mà thế giới này không thêm không bớt, cũng không dồn ép. Thế giới này vẫn nguyên trạng, không có gì khác lạ.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn Thích-ca bảo cả đại hội:

–Các vị hãy nhìn Đức Như Lai Vô Động của thế giới Diệu hỷ, nhìn

thế giới tráng lệ, Bồ-tát tịnh hạnh và Thanh văn thanh bạch của Ngài không?

Cả đại hội đều nói:

–Dạ, chúng con đã nhìn thấy.

Đức Thế Tôn Thích-ca lại nói:

–Nếu Bồ-tát muốn được thế giới thanh tịnh như vậy thì phải tu học theo đường đi của Đức Như Lai Vô Động.

Khi thế giới Diệu hỷ hiện ra thế giới Sa-bà này thì có mười bốn na-do-tha người phát tâm Bồ-đề vô thượng, cùng nguyện sinh về thế giới Diệu hỷ. Đức Thế Tôn Thích-ca liền thọ ký:

–Các người sẽ được sinh về đó.

Thế giới Diệu hỷ ở thế giới Sa-bà này làm những sự lợi ích đáng làm rồi thì trở về chỗ cũ. Đại hội ai cũng thấy như vậy.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Tôn giả nhìn thấy thế giới Diệu hỷ và Đức Như Lai Vô Động rồi phải không?

–Dạ phải, con đã nhìn thấy. Bạch Thế Tôn! Con nguyện cho chúng sinh đều được cõi tịnh như Đức Như Lai Vô Động, đều được thần lực như Trưởng giả Duy-ma. Bạch Thế Tôn! Chúng con được thiện lợi mới gặp người như vậy mà thân gần tôn kính. Chúng sinh có ai, hoặc bây giờ, hoặc sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt, mà được nghe kinh pháp này thì cũng là đã được thiện lợi, huống chi nghe rồi tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, giải thích, làm đúng. Nếu tay ai cầm được cuốn kinh này thì thế là đã cầm được kho tàng pháp bảo. Ai nghiên cứu, thuộc lòng, giải thích, làm đúng, thì thế là đã được chư Phật hộ trì, nghĩ nhớ. Ai hiến cúng những người như vậy thì nên biết thế là hiến cúng Đức Thế Tôn. Ai sao chép, gìn giữ kinh này thì thế là nhà họ có Phật. Ai nghe kinh này mà tùy hỷ thì thế là đạt được trí tuệ toàn giác. Ai tinh hiểu kinh này, dầu một bài chỉnh cú bốn câu mà thôi, rồi loan báo và giải thích cho người, thì người ấy đã được thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng.

13. Hiến cúng bằng Pháp.

Bấy giờ, từ trong đại hội, Đế Thích thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tuy con từ Đức Thế Tôn và Đại sĩ Văn-thù nghe đến hàng trăm hàng ngàn kinh điển, nhưng chưa hề nghe được kinh điển nói về thần lực siêu việt và thật tướng quyết định như thế này. Theo chỗ con hiểu ý hướng của Đức Thế Tôn, nếu có chúng sinh nào nghe được kinh

điển ấy, tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, thì chắc chắn được pháp thật tướng quyết định mà không còn nghi ngờ gì nữa, huống chi còn làm đúng theo kinh dạy. Người như vậy thì đóng nẻo đường ác, mở cửa đường thiện, thường được chư Phật hộ trì, chiến thắng ngoại đạo, trấn áp quân ma, tu luyện tuệ giác, ở yên đạo tràng, đi theo dấu đi của Đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Nếu ai tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, làm đúng kinh dạy, thì con và tùy thuộc của con xin hiến cúng, cung phụng. Bất cứ thôn xóm, thành thị, núi rừng, đồng nội, chỗ nào có kinh điển này, thì con và tùy thuộc của con vì nghe pháp mà đến chỗ ấy. Rồi ai chưa tin thì con giúp cho họ tin tưởng, ai tin rồi thì con giữ gìn cho họ.

Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm, Đế Thích, tốt lắm, đúng như ông nói; Như Lai tùy hỷ với ông. Kinh điển này diễn nói một cách phong phú về Bồ-đề vô thượng là tuệ giác chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại. Do vậy, Đế Thích, thiện nam hay thiện nữ nào tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, hiến cúng kinh điển này, thì thế là hiến cúng chư Phật cả ba thời gian.

Đế Thích, giả sử chư Phật đầy cả đại thiên thế giới như mía, tre, lau, lúa, mè, rừng, rú. Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào, hoặc một kiếp, hoặc dưới một kiếp, cung kính tôn trọng, tán dương hiến cúng chư Phật ấy, cung phụng những thứ để sống yên ổn. Khi chư Phật ấy nhập diệt, thì đem toàn thân xá-lợi của mỗi Ngài mà dựng những ngôi tháp bằng bảy chất liệu quý báu, chu vi bằng một đại lục của nhân loại, cao đến Phạm thiên, trụ biểu tráng lệ. Dùng mọi thứ hoa, hương, vòng hoa, cờ, phướn, âm nhạc, tất cả đều tinh tế bậc nhất, hiến cúng một kiếp hay dưới một kiếp. Đế Thích, ý ông nghĩ thế nào, người ấy gieo trồng phước đức như vậy nhiều không?

Đế Thích thưa:

–Nhiều lắm, bạch Thế Tôn! Phước đức của người ấy nói cả trăm ngàn ức kiếp cũng không hết được.

Đức Thế Tôn nói:

–Đế Thích, ông nên biết thiện nam hay thiện nữ nào nghe kinh điển nói về sự giải thoát chẳng thể nghĩ bàn này, nghe rồi tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, làm đúng, thì phước của họ hơn phước của người trước. Tại sao như vậy, vì tuệ giác Bồ-đề của chư Phật đều xuất phát từ kinh điển này; tuệ giác Bồ-đề vô hạn thì phước đức của người ấy cũng vô hạn.

Đức Thế Tôn dạy Đế Thích:

–Vô số kiếp về quá khứ, bấy giờ có Đức Phật tên là Dược Vương

gồm đủ tôn hiệu: bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiến cúng, bậc Biết đúng và khắp, bậc Hoàn hảo sự sáng tạo, bậc Khéo qua Niết-bàn, bậc Lý giải vũ trụ, bậc Không ai trên nữa, bậc Thuần hóa mọi người, bậc Thầy cả trời người, bậc Tuệ giác hoàn toàn, bậc Tôn cao nhất đời. Thế giới của Ngài tên là Đại trang nghiêm, thời kỳ của Ngài tên là Trang nghiêm. Ngài sống lâu hai mươi tiểu kiếp. Tăng Thanh văn của Ngài có ba mươi sáu ức na-do-tha. Tăng Bồ-tát của Ngài có mười hai ức. Đế Thích, bấy giờ có vị Luân vương tên là Bảo Cái, đủ bảy thứ quý báu, thống trị cả bốn đại lục nhân loại. Luân vương có một ngàn người con, đẹp, khỏe, khả năng chiến thắng mọi kẻ thù nghịch. Luân vương Bảo Cái cùng thân quyến hiến cúng Đức Như Lai Dược Vương, cung phụng mọi sự để sống yên ổn, tròn đầy năm kiếp như vậy. Qua thời gian ấy, Luân vương Bảo Cái nói với một ngàn người con: "Các con hãy như ta, đem tâm trí sâu xa hiến cúng Đức Thế Tôn." Cả ngàn người con vâng mạng phụ vương, hiến cúng Đức Dược Vương tròn đầy năm kiếp, tất cả yên ổn. Trong số ngàn người con, có một vương tử tên là Nguyệt Cái, ngồi nghĩ một mình, xem có cách gì hiến cúng hơn nữa. Do thần lực của Đức Dược Vương, trong không gian có thiên nhân bảo: "Thiện nam, hiến cúng bằng chánh pháp thì hơn hết mọi sự cúng." Vương tử Nguyệt cái tức thì hỏi: "Hiến cúng bằng chánh pháp là thế nào?" Thiên nhân nói: "Vương tử nên đến hỏi Đức Như Lai Dược Vương. Ngài sẽ dạy đầy đủ cho vương tử về sự hiến cúng bằng chánh pháp." Vương tử Nguyệt Cái liền đến chỗ Đức Như Lai Dược Vương, lạy ngang chân, rồi đứng qua một phía, thưa: "Bạch Thế Tôn! Trong mọi sự hiến cúng, sự hiến cúng bằng chánh pháp là hơn cả, vậy hiến cúng bằng chánh pháp là thế nào? Đức Như Lai Dược Vương dạy: "Thiện nam, hiến cúng bằng chánh pháp là kinh pháp sâu xa của Như Lai thuyết ra, thế giới khó tin khó nhận, tinh tế khó thấy, trong sáng không bẩn, không phải chỉ có tư duy phân biệt mà có thể thủ đắc. Kinh pháp ấy thuộc về kho tàng chánh pháp của Bồ-tát. Kinh pháp ấy được khuôn dấu Tổng trì ấn chứng, đưa đến quả vị Không còn thoái chuyển, hoàn thành sáu Độ, khéo phân biệt nghĩa, thuận pháp Bồ-đề, đứng trên các kinh. Kinh pháp ấy làm cho nhập vào đại Từ bi, xa quân ma, khử tà kiến, thuận theo đạo lý duyên khởi chứ không chấp bản ngã, không chấp linh hồn, không chấp sinh thể, không chấp sinh mạng, phù hợp với không, không tướng, không tác, không khởi. Kinh pháp ấy làm cho chúng sinh ngồi nơi đạo tràng, chuyển pháp luân, chư Thiên, Long, Thần đều tán dương, khen ngợi. Kinh pháp ấy làm cho chúng sinh nhập vào kho tàng pháp Phật, thâu tóm trí tuệ của Hiền thánh, thuyết minh đường đi của Bồ-tát. Kinh pháp ấy căn cứ vào thật tướng của các pháp

mà nói rõ về vô thường, đau khổ, thật ngã, không ngã, dứt bặt, cứu được chúng sinh phá giới. Quân ma, ngoại đạo và những kẻ tham đắm, đều khiến phải sợ hãi, còn chư Phật, Hiền thánh thì ai cũng tán dương. Kinh pháp ấy chống khổ sinh tử, chỉ vui Niết-bàn, do chư Phật trong mười phương ba đời giảng nói. Nếu nghe được kinh pháp như vậy mà tin hiểu, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, dùng sức của phương tiện mà phân tích, giải thích, mở bày chỉ rõ và giữ gìn cho chúng sinh, như thế gọi là hiến cúng bằng chánh pháp. Lại nữa, đối với các pháp hãy thực tu đúng như lời dạy. Hãy thích hợp mười hai duyên khởi mà tách rời tà kiến, được Nhẫn vô sinh. Quyết định không bản ngã, không sinh thể, nhưng đối với quả báo duyên khởi thì không chống đối, không tranh biện, tách rời mọi thứ sở hữu của bản ngã. Y theo nghĩa mà không y theo lời, y theo trí mà không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa mà không y theo kinh không liễu nghĩa, y theo pháp mà không y theo người. Thuận với thật tướng của các pháp, không có đối tượng được hội nhập, quy hướng hội nhập. Vô minh hủy diệt triệt để nên các hành cũng hủy diệt triệt để, cho đến sinh hủy diệt triệt để nên lão tử cũng hủy diệt triệt để. Hãy quan sát như thế, như vậy duyên khởi không có cùng tận, cũng không có phát khởi, như thế đó gọi là sự hiến cúng bằng chánh pháp tối thượng."

Đức Thế Tôn bảo Đế Thích:

–Vương tử Nguyệt Cái từ nơi Đức Như Lai Dược Vương nghe pháp như vậy thì được đức nhẫn nhu thuận, tức khắc cởi áo khoác quý báu và đồ trang sức hiến cúng Đức Như Lai Dược Vương, rồi thưa: "Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập diệt, con sẽ làm theo sự hiến cúng chánh pháp mà hộ trì chánh pháp. Nguyện xin Thế Tôn đem uy thần mà thương tưởng xây dựng cho con, làm cho con chiến thắng quân ma, tu hạnh Bồ-tát." Đức Như Lai Dược Vương biết tâm ý sâu xa của Vương tử Nguyệt Cái, nên thọ ký: "Sau này ông sẽ là thành trì của chánh pháp."

Đế Thích, bấy giờ Vương tử Nguyệt Cái thấy pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, nên đem đức tin mà xuất gia, tu tập pháp thiện. Tinh tấn không bao lâu, Tỳ-kheo Nguyệt Cái được năm Thần thông, đủ đạo Bồ-tát, được Tổng trì, hùng biện bất tận. Sau khi Đức Như Lai Dược Vương nhập diệt, Tỳ-kheo Nguyệt Cái sử dụng thần thông, Tổng trì và hùng biện của mình, trọn vẹn mười tiểu kiếp phân bố pháp luân mà Đức Như Lai Dược Vương đã chuyển. Tỳ-kheo Nguyệt Cái vì gìn giữ chánh pháp mà nỗ lực tinh tấn, nên chính cái thân ấy đã làm cho trăm vạn ức người an trụ nơi Bồ-đề vô thượng không còn thoái chuyển, làm cho mười bốn na-do-tha người phát

khởi một cách sâu xa tâm chí Thanh văn, Duyên giác, làm cho vô lượng chúng sinh được sinh vào cảnh giới của chư Thiên.

Đế Thích, Luân vương Bảo Cái lúc ấy có phải ai đâu, chính là vị đã được thành Phật với danh hiệu Như Lai Bảo Diệm. Còn ngàn vương tử là ngàn Đức Phật trong Hiền kiếp, đầu tiên là Đức Ca-la, cuối cùng là Đức Lâu-chí. Trong đó, Tỳ-kheo Nguyệt Cái chính là bản thân của Như Lai.

Đế Thích, hãy nhận thức điều cốt yếu đó. Rằng trong mọi sự hiến cúng, hiến cúng chánh pháp mới là tối thượng, mới là bậc nhất, không gì có thể sánh bằng. Do vậy, Đế Thích, hãy đem sự hiến cúng chánh pháp mà hiến cúng Như Lai.

14. Ký thác Từ tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Đại sĩ Di-lặc:

–Như Lai ngày nay đem pháp Bồ-đề vô thượng đã tập hợp trong vô số kiếp mà ký thác cho Đại sĩ. Kinh pháp như thế này, sau khi Như Lai nhập diệt, vào thời kỳ cuối cùng của pháp Phật, Đại sĩ hãy vận dụng thần lực mà lưu hành tại đại lục Diêm-phù, đừng để mất đi. Trong thời kỳ sau này, sẽ có thiện nam, thiện nữ, có thiên, long, quỷ thần, có Càn-thát-bà, La-sát…, phát tâm Bồ-đề vô thượng, ưa thích kinh pháp vĩ đại. Nếu để cho họ không nghe được kinh pháp như thế này thì họ mất lợi ích tốt đẹp. Nếu họ nghe được kinh pháp như thế thì chắc chắn tin tưởng và thích thú nhiều lắm, phát tâm hiếm có, đem đỉnh đầu của mình mà tiếp nhận, rồi tùy người thích ứng ích lợi như thế nào mà giảng giải phong phú. Đại sĩ Di-lặc! Nên nhận thức Bồ-tát có hai sắc thái. Sắc thái thứ nhất là ưa thích văn từ hay ho. Sắc thái thứ hai là không e ngại ý nghĩa sâu xa mà lại chính xác hội nhập. Ưa thích văn từ sâu xa là Bồ-tát mới tu học. Một cách không e ngại, nhập vào kinh pháp sâu xa và không nhiễm chấp như thế này, nghe rồi thì tâm trí thanh tịnh, tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, làm đúng kinh dạy, thì nên nhận thức họ là Bồ-tát tu học đã lâu. Đại sĩ Di-lặc! Lại có hai điều nữa gọi là người mới tu học, không thể quyết định đối với kinh pháp sâu xa này. Ấy là một, đối với kinh pháp sâu xa này, chưa nghe thì nghe rồi thì kinh hoảng, hoài nghi, không thể thuận theo, phỉ báng, không tin và phát ngôn kinh pháp này tôi chưa nghe nói đến bao giờ, từ đâu mà có ra đây. Hai, gặp người hộ trì và giải thích kinh pháp sâu xa này thì không những không chịu thân gần, tôn kính, phụng sự, mà có khi còn công kích. Có hai điều như vậy thì biết đó là Bồ-tát mới tu học, tự làm thương tổn, không thể thuần hóa tâm mình trong kinh pháp sâu xa này. Đại sĩ Di-lặc! Lại có hai điều nữa, Bồ-tát tuy tin hiểu kinh pháp sâu xa này mà vẫn tự làm

thương tổn, không thể thực hiện pháp Nhẫn vô sinh. Hai điều ấy, một là khinh dể Bồ-tát mới tu học mà không giảng giải cho họ, hai là tin hiểu kinh pháp sâu xa này mà lại phân biệt, chấp trước.

Đại sĩ Di-lặc nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có! Như Đức Thế Tôn đã huấn dụ, con sẽ tránh xa những điều bất thiện như vậy, kính giữ pháp Bồ-đề vô thượng mà Đức Thế Tôn đã tập hợp trong vô số kiếp. Trong thì vị lai, thiện nam hay thiện nữ nào tìm cầu Đại thừa, thì con sẽ làm cho chính tay của họ có được kinh pháp này. Con sẽ đem lại cho họ sức mạnh ký ức, làm cho họ tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, loan báo và giải thích rộng rãi. Bạch Thế Tôn! Sau này, trong thời kỳ cuối cùng của pháp Phật, nếu ai có khả năng tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, thuộc lòng, loan báo và giải thích về kinh pháp này, thì nên nhận thức toàn là thần lực của Di-lặc xây dựng.

Đức Thế Tôn nói:

–Tốt lắm, Di-lặc! Như lời Đại sĩ nói, Như Lai tùy hỷ cho Đại sĩ.

Các vị Bồ-tát khác cũng chắp tay thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chúng con cũng xin lưu hành kinh pháp Bồ-đề vô thượng này trong mọi thế giới. Chúng con lại mở mắt dắt đường cho những người thuyết pháp có được kinh pháp này.

Lúc ấy, bốn vị Thiên vương cũng thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bất cứ chỗ nào, thành thị hay thôn xóm, núi rừng hay đồng nội, ở đâu có cuốn kinh pháp này, có người nghiên cứu và thuộc lòng, loan báo và giải thích, thì chúng con sẽ huy động thuộc hạ của chúng con, vì nghe pháp mà đến chỗ ấy, hộ trì người ấy, làm cho trong phạm vi một trăm do-tuần, không một ai tìm được cơ hội thuận tiện để tác hại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Tôn giả hãy tiếp nhận, kính giữ kinh pháp này, lưu hành rộng rãi.

Tôn giả A-nan thưa Phật:

–Dạ, bạch Thế Tôn! Con nguyện tiếp nhận và kính giữ kinh pháp chính yếu này. Bạch Thế Tôn! Kinh pháp chính yếu này tên là gì?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh pháp chính yếu này tên là Trưởng Giả Duy-ma Tuyên Thuyết, cũng tên là Pháp Môn Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì. Tôn giả hãy tiếp nhận và kính giữ như vậy.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng hoàn tất kinh pháp này, thì Trưởng giả Duy-ma, Đại sĩ Văn-thù, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan…, cùng

với chư Thiên, Nhân loại, Tu-la, tất cả đại hội nghe những điều Đức Thế Tôn tuyên thuyết, ai cũng rất hoan hỷ, tin tưởng, tiếp nhận và phụng hành.

-oOo-

SỐ 476

KINH THUYẾT VÔ CẤU XỨNG

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 1

PHẨM 1: TỰA

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ở rừng Yêm-la-vệ thuộc thành Quảng nghiêm, cùng với tám ngàn vị đại Tỳ-kheo, ba vạn hai ngàn vị Đại Bồ-tát. Các vị ấy đều được tất cả đại chúng biết đến, có đại thần thông, sự nghiệp tu tập đã thành tựu, được oai đức của chư Phật gia hộ, giữ gìn, giữ vững thành lũy chánh pháp, nắm giữ tất cả chánh pháp, dùng tiếng gầm của sư tử để diễn giảng, với âm thanh hòa nhã chấn động khắp mười phương, làm bạn lành của chúng sinh mà không mời đến, nối dõi Tam bảo không cho đoạn tuyệt, chiến thắng các ma oán, chế ngự các ngoại đạo, dứt hẳn tất cả nghiệp chướng và những thứ ngăn che, trói buộc, với niệm định Tổng trì đều viên mãn, kiến lập nẻo trí giải thoát không chướng ngại, đạt được tất cả pháp một cách thù thắng không gián đoạn, thành tựu niệm, tuệ, đẳng trì, Đà-la-ni, đạt bố thí điều phục đệ nhất, giới thể tịch tĩnh, an nhẫn chánh cần, tĩnh lự, Bát-nhã, phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực trí Ba-la-mật-đa, chứng đắc pháp nhẫn bất khởi mà không có chỗ thủ đắc, có thể chuyển pháp luân không thoái chuyển, đắc vô tướng, được ấn chứng bằng diệu pháp, biết rõ các căn hơn kém của hữu tình, là người mà cả đại chúng không ai vượt hơn, có thể điều phục đạt được vô sở úy, đã chứa nhóm hành trang phước trí vô tận, có thân tướng tốt đẹp đệ nhất, vứt bỏ tất cả đồ trang sức tốt đẹp ở thế gian, tiếng tốt đồn vang xa đến trời Đế Thích, đức tin kiên cố giống như kim cang, có niềm tin không hoại với pháp Phật, ban bố chánh pháp quý báu trong sạch như mưa cam lộ, lời nói của các vị ấy vi diệu đệ nhất trong các lời nói, đối với nghĩa pháp sâu xa thì đi sâu vào duyên khởi, đã đoạn trừ hai biên, kiến tập tương tục, diễn giảng không sợ sệt giống như sư tử gầm, các vị ấy diễn giảng pháp như sự chấn động của sấm vang, không

thể so lường vượt ngoài cảnh giới so lường, cất giữ trí tuệ của pháp bảo làm đại đạo sư, chánh trực, xét kỹ, nhu hòa, kín đáo, đạt hoàn hảo các pháp khó thấy khó nghe, thể nhập vào tất cả thật nghĩa sâu xa, biết được ý thích của chúng sinh có chỗ quay về hay không có chỗ quay về, đạt được Phật trí Vô Đẳng Đẳng quán đảnh, tiếp cận với lực, vô úy và pháp Bất cộng của Phật, đã diệt trừ tất cả cõi ác đầy sợ hãi, vượt qua hết thảy hố sâu nguy hiểm, quăng bỏ hoàn toàn dao gậy kim cang của duyên khởi, thường nghĩ thị hiện sinh về các cõi để làm đại y vương, biết rõ phương thuật, tùy theo căn bệnh mà cho thuốc, bệnh tật chóng lành khiến chúng sinh được an vui, thành tựu vô lượng công đức, trang nghiêm thanh tịnh vô lượng cõi Phật, ai thấy nghe đều được nhờ ân lợi ích, việc làm của các vị không bị tổn thất. Công đức của các vị ấy dù khen ngợi trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do-tha kiếp cũng không hết. Tên các vị ấy là: Bồ-tát Đẳng Quán, Bồ-tát Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Đẳng Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Định Thần Biến Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại, Bồ-tát Pháp Tràng, Bồ-tát Quang Tràng, Bồ-tát Quang Nghiêm, Bồ-tát Đại Nghiêm, Bồ-tát Bảo Phong, Bồ-tát Biện Phong, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Diên Cảnh, Bồ-tát Thường Hỷ Căn, Bồ-tát Thường Hỷ Vương, Bồ-tát Vô Khuất Biện, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Chấp Bảo Cự, Bồ-tát Bảo Cát Tường, Bồ-tát Bảo Thí, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Quang Võng, Bồ-tát Vô Chướng Tĩnh Lự, Bồ-tát Tuệ Phong, Bồ-tát Thiên vương, Bồ-tát Hoại Ma, Bồ-tát Điện Thiên, Bồ-tát Hiện Thần Biến Vương, Bồ-tát Phong Tướng Đẳng Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Vân Lôi Âm, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Vương, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Đại Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Xả Thiện Ách, Bồ-tát Diệu Tuệ, Bồ-tát Diệu Sinh, Bồ-tát Liên Hoa Thắng Tạng, Bồ-tát Tam-ma-địa Vương, Bồ-tát Liên Hoa Nghiêm, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Phạm Võng, Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Vô Thắng, Bồ-tát Thắng Ma, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Châu Kế, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Châu Bảo Cái... Ba vạn hai ngàn Đại Bồ-tát là bậc Thượng thủ như vậy.

Lại có một vạn Phạm thiên, Phạm vương Trì Kế làm thượng thủ vốn từ bốn đại châu Vô ưu, vì muốn chiêm ngưỡng lễ lạy cúng dường Đức Thế Tôn và nghe pháp nên đến dự đại hội này.

Lại có một vạn hai ngàn Thiên đế từ phương khác của bốn đại châu, cũng vì muốn chiêm ngưỡng lễ lạy cúng dường Đức Thế Tôn và nghe pháp mà đến dự đại hội này.

Ngoài ra, còn có chư Thiên với oai lực lớn, các chúng Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tố-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Ma-hô-lạc-già, Thích, Phạm, Hộ thế... đến hội hợp. Bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng đều có mặt đông đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng đến cung kính vây quanh. Ngài giống như núi chúa Đại bảo diệu cao tọa lạc trong biển cả. Với dáng oai nghiêm vời vợi, Ngài ngồi trên tòa Bảo tạng đại sư tử hiển bày rực rỡ oai quang làm che khắp cả đại chúng.

Khi ấy, tại thành Quảng nghiêm, có một vị Bồ-tát thuộc dòng Ly-chiêm-tỳ tên là Bảo Tánh cùng năm trăm đồng tử dòng Ly-chiêm-tỳ, mỗi người cầm một lọng báu được trang hoàng bằng bảy báu đến rừng Yêm-la, nơi Thế Tôn ở. Họ đem lọng báu của mình dâng cúng Đức Thế Tôn. Sau khi cúng dường xong, họ đảnh lễ sát chân Thế Tôn rồi đi nhiễu bảy vòng và lui đứng qua một bên. Nhờ oai thần của Đức Phật, các lọng báu tự nhiên hợp thành một lọng lớn che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Tướng của thế giới này rộng lớn như vậy nhưng đều hiện rõ nơi lọng báu ấy. Tất cả núi chúa Đại bảo diệu cao, tất cả núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Đại mục-chân-lân-đà, núi Hương, núi Báu, núi Vàng ròng, núi Hắc, núi Luân vi, núi Đại luân vi, biển cả, sông ngòi, khe suối, ao đầm và trăm câu-chi hòn đảo của đại châu, mặt trời, mặt trăng, sao, cung điện trời, cung điện rồng, cung điện của các tôn thần, cùng các thành ấp, xóm làng, đô thị của Tam thiên đại thiên thế giới đều hiện trong lọng báu ấy. Chánh pháp mà chư Phật Như Lai nơi mười phương nói ra đều đồng vang lên trong lọng báu, ai nấy đều nghe rất rõ.

Thấy thần lực của Đức Phật, đại chúng đều vui mừng hớn hở cho là điều chưa từng có và chắp tay lễ lạy Phật, chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn mắt không tạm rời, đều đứng im lặng.

Bấy giờ, ở trước Phật, Bồ-tát Bảo Tánh quỳ sát đất, chắp tay cung kính khen ngợi Phật bằng kệ:

Mắt sạch to dài rất đẹp đẽ
Sáng như cánh hoa sen xanh biếc
Đã chứng ý lạc tĩnh đệ nhất
Xa-ma-tha thắng đến bờ kia.
Đã chứa vô biên nghiệp thanh tịnh
Đạt danh văn quảng đại thù thắng
Nên con cúi lạy Đại Sa-môn
Mở bày dẫn dắt đường tịch tĩnh.

Đã thấy Đại Thánh dùng thần biến
Hiện khắp vô lượng cõi mười phương
Trong đó chư Phật diễn giảng pháp
Tất cả ai nấy đều được nghe.
Pháp vương, pháp lực vượt quần sinh
Thường đem pháp tài ra bố thí
Phân biệt rõ ràng tướng các pháp
Quán Đệ nhất nghĩa, dẹp ma oán.
Với các pháp đã được tự tại
Nên cúi đầu lạy Đấng Pháp Vương
Nói pháp không có cũng chẳng không
Tất cả đều do nhân duyên sinh.
Không ngã, không tạo, không người thọ
Nghiệp thiện ác không bao giờ mất
Nơi cây Phật mới thắng sức ma
Đắc cam lộ Bồ-đề tịch tĩnh.
Đây chẳng phải tâm ý thọ hành
Tà ngoại đạo không thể so lường
Ba chuyển pháp luân ở đại thiên
Luân ấy năng tịch, bản tánh tịch.
Pháp hy hữu Trí thiên nhân chứng
Bấy giờ, Tam bảo hiện thế gian
Dùng pháp diệu này cứu muôn loài
Không lo, không sợ, luôn an lạc.
Đại Y Vương thoát sinh già chết
Lạy đấng biển công đức vô biên
Tám pháp bất động như núi chúa
Dù thiện, bất thiện đều thương xót.
Tâm hành bình đẳng như hư không
Ai lại không kính Đấng Năng Nhân
Đem lọng báu này dâng Thế Tôn
Tam thiên thế giới hiện trong đó.
Cung điện trời, rồng, thần vân... vân...
Lạy đấng thân công đức trí kiến
Thần biến mười Lực hiện thế gian.
Tất cả đều như bóng nắng sáng.
Chúng thấy khen ngợi chưa từng có
Lạy Đấng Mười Lực đại trí kiến

Chúng hội chiêm ngưỡng Đại Mâu-ni
Ai nấy sinh tâm tin thanh tịnh.
Và thấy Thế Tôn ở trước mặt
Đây là tướng Bất cộng Thế Tôn
Phật dùng một âm thanh giảng pháp
Từng loại chúng sinh đều được hiểu.
Và cho rằng tiếng Ngài giống mình
Đây là tướng Bất cộng Thế Tôn
Phật dùng một âm thanh giảng pháp
Tất cả chúng sinh đều được hiểu.
Và được thọ hành đạt lợi ích
Đây là tướng Bất cộng Thế Tôn
Phật dùng một âm thanh giảng pháp
Có người sợ hãi, người vui mừng.
Có người nhàm chán, người hết nghi
Đây là tướng Bất cộng Thế Tôn
Lạy Đấng Mười Lực vững dũng mãnh
Lạy Đấng đã đắc vô sở úy.
Lạy Đấng đạt Định pháp Bất cộng
Lạy Đấng đại đạo sư tất cả
Lạy Đấng đoạn trừ các kết sử
Lạy Đấng đã trụ bờ bên kia.
Lạy Đấng cứu khổ khắp các loài
Lạy Đấng không ở cõi sinh tử
Với hữu tình đạt tâm bình đẳng
Với các cõi, tâm đều giải thoát.
Mâu-ni tu hoàn toàn không ấy
Giống như hoa sen không nhiễm nước
Lìa tất cả tướng, không chốn lìa
Mãn tất cả nguyện, không chỗ nguyện.
Oai thần lực lớn không thể bàn
Lạy Đấng như không, không chỗ trụ.

Sau khi dùng kệ khen ngợi Đức Thế Tôn, Bảo Tánh thưa:

–Năm trăm đồng tử này đã phát tâm Bồ-đề vô thượng. Họ hỏi con về việc trang nghiêm, thanh tịnh cõi Phật. Cúi xin Như Lai thương xót nói cho họ về tướng của cõi Phật thanh tịnh, làm thế nào để tu tập về cõi Phật thanh tịnh của Bồ-tát?

Nghe hỏi như vậy, Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Bồ-tát Bảo Tánh! Vì các Bồ-tát mà ông thưa hỏi Như Lai về tướng của cõi Phật thanh tịnh và hỏi về sự tu tập cõi Phật thanh tịnh của Bồ-tát. Ông hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ. Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông.

Khi ấy, Bảo Tánh và các Bồ-tát thưa:

–Cúi xin Phật giảng nói, chúng con đều rất muốn được nghe.

Thế Tôn bảo các Bồ-tát:

–Cõi của các hữu tình là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Vì sao? Này các thiện nam! Tất cả các Bồ-tát tùy theo các hữu tình mà làm tăng trưởng lợi ích, sau đó đưa họ vào cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, tùy theo các hữu tình mà làm phát sinh những công đức thanh tịnh rồi đưa họ vào cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, tùy theo các hữu tình cần cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh nào để được điều phục thì đưa họ vào cõi Phật ấy, tùy theo các hữu tình cần cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh nào để ngộ nhập trí của Phật thì đưa họ vào cõi Phật ấy, tùy theo các hữu tình cần cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh nào để phát sinh căn hạnh của bậc Thánh thì đưa họ vào cõi Phật ấy. Vì sao? Này các thiện nam! Bồ-tát đưa chúng sinh vào cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh với mục đích làm họ tăng trưởng lợi ích và để phát sinh những công đức thanh tịnh.

Này các thiện nam! Ví như có người muốn xây nhà cửa cung điện nơi khoảng đất trống, trang hoàng theo ý muốn không bị chướng ngại. Nếu làm ở trong hư không thì không bao giờ thành tựu. Cũng vậy, Bồ-tát biết các pháp đều như hư không, chỉ vì muốn làm tăng trưởng lợi ích cho các hữu tình và để sinh công đức thanh tịnh nên đưa họ vào cõi Phật như thế. Việc đưa họ vào cõi Phật thanh tịnh như vậy chẳng phải giống việc làm ở hư không.

Lại nữa, này Bồ-tát Bảo Tánh! Các ông nên biết, cõi phát sinh tâm Bồ-đề vô thượng là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề thì tất cả hữu tình phát sinh hướng về Đại thừa đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi thuần an lạc là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề tất cả hữu tình không dua nịnh, không dối gạt đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi gia hành hoàn hảo là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình phát tâm giữ gìn tốt đẹp gia hành hoàn hảo đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi ý lạc tối thượng là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình thành tựu đầy đủ pháp thiện đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu bố thí là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình xả bỏ tài pháp đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu tịnh giới là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình thành tựu viên mãn mười đạo nghiệp thiện đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu an nhẫn là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình có ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân, an nhẫn nhu hòa, tịch tĩnh đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu tinh tấn là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình dũng mãnh tinh tấn đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu tĩnh lự là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình thành tựu đầy đủ chánh niệm, chánh tri, chánh định đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu Bát-nhã là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình đã nhập chánh định đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi bốn Tâm vô lượng là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình thường sống trong Từ, Bi, Hỷ, Xả đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi bốn Nhiếp sự là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả hữu tình đều được thâu gồm vào giải thoát đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi phương tiện thiện xảo là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, các hữu tình quán sát thiện xảo về các pháp đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu ba mươi bảy phần Bồ-đề là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, các hữu tình thông đạt tất cả Niệm trụ, Chánh đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác chi, Đạo chi đầy đủ đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Cõi tu hồi hướng là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, thì cõi của Bồ-tát ấy đầy đủ các đức trang

nghiêm.

Cõi giảng nói hoàn hảo về diệt trừ tám nạn là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, cõi ấy vĩnh viễn không còn cõi ác, nguy ách.

Cõi tự mình giữ giới hạnh không gièm chê người là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, cõi ấy không có cái tên phạm giới cấm.

Cõi mười đạo nghiệp thiện rất thanh tịnh là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, các hữu tình sống lâu, bền vững, giàu có, phạm hạnh, nói năng chân thật, nói lời hòa nhã, quyến thuộc không xa lìa nhau, khéo tuyên thuyết mật ý, lìa các tham dục, tâm không sân hận, các hữu tình chánh kiến như vậy đến sinh vào cõi của Bồ-tát ấy.

Này các thiện nam! Như thế nếu Bồ-tát tùy theo sự phát tâm Bồ-đề thì ý lạc được thuần tịnh, nếu tùy theo ý lạc thuần tịnh thì được gia hành hoàn hảo, nếu tùy theo gia hành hoàn hảo thì ý lạc tăng trưởng, nếu theo ý lạc tăng trưởng thì được dừng lại, nếu theo sự dừng lại thì được phát khởi, nếu theo sự phát khởi thì được hồi hướng, nếu theo sự hồi hướng thì được tịch tĩnh, nếu theo sự tịch tĩnh thì hữu tình thanh tịnh, nếu theo hữu tình thanh tịnh thì có cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, nếu theo cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh thì có giáo pháp thanh tịnh, nếu theo giáo pháp thanh tịnh thì có phước diệu thanh tịnh, nếu theo phước diệu thanh tịnh thì có tuệ diệu thanh tịnh, nếu theo tuệ diệu thanh tịnh thì có trí diệu thanh tịnh, nếu theo trí diệu thanh tịnh thì có hạnh diệu thanh tịnh, nếu theo hạnh diệu thanh tịnh thì có tự tâm thanh tịnh, nếu theo tự tâm thanh tịnh thì có các công đức diệu thanh tịnh.

Này các thiện nam! Thế nên muốn siêng năng tu tập về cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ-tát thì trước tiên nên dùng phương tiện trang nghiêm thanh tịnh chính tâm mình. Vì sao? Vì nếu các Bồ-tát tâm trang nghiêm thanh tịnh thì đắc được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh.

Bấy giờ, nhờ oai thần của Đức Phật, Tôn giả Xá-lợi Tử suy nghĩ: "Do tâm Bồ-tát trang nghiêm thanh tịnh nên cõi Phật cũng trang nghiêm thanh tịnh. Đức Thế Tôn của ta khi hành hạnh Bồ-tát vì tâm không trang nghiêm thanh tịnh nên cõi Phật của Ngài xen tạp ô uế như vậy chăng?"

Biết tâm niệm của Tôn giả, Đức Phật nói:

–Này Xá-lợi Tử! Ý ông thế nào? Mặt trời, mặt trăng ở thế gian có bất tịnh chăng mà người mù không thấy?

Tôn giả thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không, đó là lỗi của người mù chứ chẳng phải do mặt trời, mặt trăng.

Đức Phật nói:

–Cũng vậy, vì lỗi của chúng sinh nên không thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Thế Tôn, chứ chẳng phải do lỗi của Như Lai.

Này Xá-lợi Tử! Cõi trang nghiêm thanh tịnh của ta, ông không thấy được đâu.

Khi ấy, Phạm vương Trì Kế nói với Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Tôn giả đừng nghĩ cõi Phật ấy không trang nghiêm thanh tịnh. Vì sao? Vì cõi Phật ấy rất trang nghiêm thanh tịnh.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Này Đại Phạm Thiên vương! Cõi Phật ấy trang nghiêm thanh tịnh thế nào?

Phạm thiên Trì Kế thưa:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Giống như cung trời Tha hóa tự tại, có vô lượng công đức báu trang nghiêm. Tôi thấy cõi trang nghiêm thanh tịnh của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni cũng có vô lượng công đức trang nghiêm như vậy.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Này Đại Phạm Thiên vương! Tôi thấy cõi ấy đất đai lồi lõm, gò đồi, hầm hố, gai gốc, cát sỏi, đất đá, núi non đầy dẫy ô uế.

Phạm thiên Trì Kế thưa:

–Thưa đại Tôn giả! Vì tâm có cao thấp không trang nghiêm, thanh tịnh tức cho ý lạc trí tuệ của Đức Phật cũng như vậy, nên thấy cõi Phật không trang nghiêm, thanh tịnh. Nếu các Bồ-tát đối với hữu tình có tâm bình đẳng nơi công đức trang nghiêm, tức cho ý lạc trí tuệ của Đức Phật cũng vậy thì thấy cõi Phật ấy rất trang nghiêm thanh tịnh.

Biết đại chúng nghi ngờ, Đức Thế Tôn liền nhấn ngón chân xuống đất. Tức thời hiện ra vô lượng trăm ngàn vật báu đẹp đẽ trang nghiêm trong tam thiên đại thiên thế giới giống như cõi Vô lượng công đức bảo trang nghiêm của Phật Công Đức Bảo Trang Nghiêm. Cả đại chúng đều khen ngợi là chưa từng có và đều tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Ông có thấy các đức trang nghiêm thanh tịnh nơi cõi Phật kia không?

Tôn giả Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự việc này xưa nay con chưa từng thấy, chưa từng nghe cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh hiện lên như vậy.

Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Cõi Phật của ta cũng thanh tịnh như vậy. Vì muốn làm thành thục cho các hữu tình thấp kém, mà thị hiện cõi với vô lượng thứ xen tạp, ô uế như thế.

Này Tôn giả Xá-lợi Tử! Chư Thiên nơi cõi trời Tam thập tam đều ăn bằng bát báu, nhưng tùy theo nghiệp của họ mà nhận lấy thức ăn có khác nhau. Cũng vậy, này Tôn giả Xá-lợi Tử! Vô lượng hữu tình sinh vào một cõi Phật. Tùy theo tâm của họ tịnh hay uế mà thấy có khác nhau. Nếu tâm người tịnh thì thấy cõi ấy có vô lượng công đức diệu bảo trang nghiêm.

Ngay lúc Phật hiện bày cõi trang nghiêm thanh tịnh ấy thì năm trăm đồng tử đi theo Bồ-tát Bảo Tánh chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Tám vạn bốn ngàn hữu tình phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền thâu giữ thần túc và thế giới ấy trở về như cũ. Ba vạn hai ngàn chư Thiên và người cầu Thanh văn thừa liền biết pháp hữu vi đều là vô thường, xa lìa mọi phiền não cấu uế, đạt được mắt pháp thanh tịnh. Tám ngàn Tỳ-kheo lìa hẳn các lậu, tâm hoàn toàn giải thoát.

-oOo-

PHẨM 2: HIỂN BÀY PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO BẤT KHẢ TƯ NGHÌ

Bấy giờ, trong thành Quảng nghiêm có Đại Bồ-tát thuộc dòng Ly Chiêm Tỳ tên Vô Cấu Xứng, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, đã trồng sâu căn lành với chư Phật; đắc đại biện tài vi diệu, đầy đủ Nhẫn vô sinh, đạt các Tổng trì, có thần thông tự tại, đạt vô sở úy, đánh bại sức ma oán, thể nhập sâu vào cửa pháp, Trí độ đã hoàn mãn, thông đạt các phương tiện, đại nguyện đã tròn đủ, biết rõ những ý thích và các hành của chúng sinh, biết rõ các căn hơn kém của muôn loài, Trí độ đã thành tựu, thuyết pháp thông suốt, chín chắn tu tập Đại thừa, làm việc gì cũng suy nghĩ kỹ càng, luôn sống trong oai nghi của Phật, tâm nhập vào biển tuệ, được chư Phật tin tưởng, khen ngợi, diễn nói, được Phạm vương Hộ Thế kính lạy. Vì muốn làm thành thục cho các hữu tình nên Bồ-tát Vô Cấu Xứng dùng phương tiện khéo léo ở thành Quảng nghiêm, giàu có vô tận, giúp đỡ làm lợi ích cho kẻ nghèo khổ không nơi nương tựa cậy nhờ, đầy đủ giới thanh

tịnh, bảo hộ giúp đỡ những ai phạm giới vượt giới, đem tâm nhẫn nhục điều phục làm lợi ích cho những ai sân giận, ganh ghét, bị đánh đập khổ sở, dùng đại tinh tấn giúp đỡ những ai biếng nhác buông lung, an trụ vào chánh niệm tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí để giúp đỡ những kẻ tâm tán loạn, dùng sự lựa chọn chính xác nhất định để giúp đỡ những kẻ vọng kiến tuệ ác. Mặc dù là cư sĩ nhưng vị ấy có đầy đủ công đức oai nghi của một Sa-môn, mặc dù ở tại nhà nhưng không bị vướng vào ba cõi, mặc dù thị hiện có vợ con nhưng luôn tu hành phạm hạnh, mặc dù thị hiện có quyến thuộc nhưng thích xa lìa, mặc dù mặc y phục trang sức quý báu nhưng trang nghiêm thân bằng các tướng tốt đẹp, mặc dù thị hiện nhận thức ăn nhưng lấy mùi vị bằng tĩnh lự đẳng chí, mặc dù thích vui chơi đánh cờ nhưng thật sự luôn vì làm thành tựu đầy đủ cho các hữu tình, mặc dù tuân theo những quy luật lễ nghi của ngoại đạo nhưng với pháp Phật thì ưa thích không hoại, mặc dù biết rõ về thư luận thế gian nhưng ở trong phòng luôn thưởng thức, nghiền ngẫm pháp lạc, mặc dù thị hiện trong tất cả chúng hội, thành ấp nhưng luôn là người thượng thủ về nêu giảng pháp, vì tuân theo giáo lý thế gian nhưng đối với những người tôn quý, ti tiện làm việc gì cũng đều thị hiện không trái ngược họ, mặc dù không mong cầu của cải quý báu nơi thế gian nhưng đối với điều lợi ở thế tục thì thị hiện những thói quen thế tục, vì làm lợi ích cho muôn loài mà đi vào chợ búa, vì bảo vệ quần sinh mà làm công việc của vua, vào chỗ giảng nói luận bàn thì dùng pháp Đại thừa để hướng dẫn, vào các học đường để dạy dỗ kẻ mới học, vào nhà mại dâm để chỉ bày tội lỗi của dâm dục, vì kiến lập chánh niệm, chánh tri mà dạo chơi nơi kỹ nhạc. Nếu ở chỗ trưởng giả là người tôn kính trong hàng trưởng giả thì giảng nói thắng pháp cho họ. Nếu ở chỗ cư sĩ, là người tôn kính trong hàng cư sĩ, thì đoạn trừ tham chấp cho họ. Nếu ở chỗ Sát-đế-lợi, thì là người tôn kính trong hàng Sát-đế-lợi, lấy nhẫn nhục giáo hóa. Nếu ở chỗ Bà-la-môn, là người tôn kính trong hàng Bà-la-môn, thì trừ ngã mạn cho họ. Nếu ở chỗ đại thần, là người tôn kính trong hàng đại thần, thì lấy chánh pháp giáo hóa. Nếu ở chỗ vương tử là người tôn kính trong hàng vương tử, thì lấy trung hiếu để chỉ dạy. Nếu ở chỗ nội quan, là người tôn kính trong hàng nội quan, thì giáo hóa các cung nữ. Nếu ở chỗ thứ dân, là người tôn quý trong hàng thứ dân, thì tu tập phước nghiệp tương tự với ý thích thù thắng. Nếu ở chỗ Phạm thiên, là người tôn kính trong hàng Phạm thiên, thì chỉ dạy chúng Phạm thiên về các tĩnh lự sai khác. Nếu ở chỗ Đế Thích, là người tôn kính trong hàng Đế Thích, thì thị hiện tự tại, tất cả đều vô thường. Nếu ở chỗ Hộ thế, là người tôn kính trong hàng Hộ thế, thì giữ gìn tất cả chúng sinh được lợi ích an lạc.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng dùng vô lượng phương tiện nơi nẻo tuệ thiện xảo bất khả tư nghì như vậy để làm lợi ích cho các hữu tình. Ông ta dùng phương tiện thị hiện bị bệnh. Do ông ta bệnh, nên các hàng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn,... các vương tử đều đến thăm bệnh.

Khi ấy, nhân vì thân bệnh, Vô Cấu Xứng giảng pháp cho họ:

–Thưa các vị, thân do bốn đại chủng hợp thành. Nó vô thường, không chắc thật, không lâu bền, không có sức mạnh, khô héo mau chóng, không thể nào giữ gìn mãi được, là đồ chứa các bệnh khổ não, nhiều tội lỗi, là pháp biến đổi hư hoại.

Thưa các vị, thân là như vậy, người thông minh có trí tuệ không nương vào. Thân như đống bọt nước không thể nắm lấy, thân như bong bóng nước không đứng lâu, thân như sóng nắng do khát ái phiền não sinh ra, thân như cây chuối hoàn toàn không có lõi cứng, thân như huyễn do điên đảo sinh khởi, thân như mộng vì thấy hư vọng, thân như ảnh do nghiệp duyên mà hiện ra, thân như tiếng vang lệ thuộc vào các nhân duyên, thân như mây biến đổi trong chốc lát, thân như ánh chớp thay đổi trong mỗi niệm, thân không có chủ vì như đất, thân là vô ngã vì như nước, thân không phải hữu tình vì như lửa, thân không phải thọ mạng vì như gió, thân không phải Bổ-đặc-già-la vì như hư không, thân không thật vì lấy bốn đại làm nhà, thân là không vì xa lìa ngã và ngã sở, thân là vô tri như cây cối... Thân không tạo tác vì do sức gió làm lay động, thân là bất tịnh đầy dẫy ô uế, thân hư dối tuy mượn những thức ăn uống để che đậy nhưng tất cả đều hủy diệt, thân nhiều hoạn nạn do bốn trăm lẻ bốn bệnh hợp thành, thân dễ tan hoại như giếng gò, thường bị già khô hành hạ, thân không nhất định vì tất nhiên phải chết, thân như oán thù bao vây, đầy dẫy rắn độc, thân như làng xóm trống vắng do các uẩn xứ giới hợp thành.

Thân như vậy đó, các vị nên nhàm chán xa lìa mà nên sinh tâm vui thích thân Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai do vô lượng pháp thiện hợp thành; do tu vô lượng phước đức trí tuệ thù thắng mà sinh ra; do tu vô lượng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thù thắng mà sinh ra; do tu Từ, Bi, Hỷ, Xả mà sinh ra; do tu bố thí, điều phục, tịch tĩnh, nhẫn nhục, tinh tấn, tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí, Bát-nhã, phương tiện, nguyện lực trí mà sinh ra; do tu tất cả đến bờ bên kia mà sinh ra; do tu sáu Thần thông mà sinh ra; do tu ba Minh mà sinh ra; do tu ba mươi bảy phần Bồ-đề mà sinh ra; do tu Chỉ Quán mà sinh ra; do tu mười Lực, bốn Vô sở úy mà sinh ra; do tu mười tám pháp Bất cộng mà sinh ra; do đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, tụ tập tất cả pháp thiện mà sinh ra; do tu chín chắn chân thật không

buông lung mà sinh ra; do tu vô lượng nghiệp thanh tịnh mà sinh ra.

Thưa các vị, thân công đức của Như Lai như vậy, các vị nên phát tâm mong cầu chứng đắc. Muốn được thân như thế, các vị phải đoạn trừ tất cả bệnh của hữu tình để phát tâm Bồ-đề vô thượng.

Vì các chúng hội đến thăm bệnh, Vô Cấu Xứng giảng pháp khiến cho vô số ngàn người đều phát tâm cầu đạt đạo quả Bồ-đề vô thượng.

-oOo-

KINH THUYẾT VÔ CẤU XỨNG

QUYỂN 2

PHẨM 3: THANH VĂN

Bấy giờ, Bờ-tát Vô Cấu Xứng suy nghĩ: "Ta bị bệnh không rời khỏi giường nằm như vậy, lẽ nào Đức Thế Tôn đại Bi không đoái tâm thương xót mà không bảo người đến hỏi thăm bệnh tình?" Biết ý ông ta, Đức Thế Tôn thương xót nên bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Tôn giả Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, con đang ngồi thiền trong rừng cây. Lúc đó Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy dưới chân con và nói: "Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Không cần ngồi như vậy mới là ngồi thiền. Người ngồi thiền không hiện thân tâm ở ba cõi, đó là ngồi thiền. Không khởi định diệt mà hiện các oai nghi, đó là ngồi thiền. Không xả bỏ tất cả tướng đã chứng đắc mà hiện tất cả pháp của hàng phàm phu, đó là ngồi thiền. Tâm không trụ bên trong cũng không hành bên ngoài, đó là ngồi thiền. Trụ vào ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề mà không lìa tất cả kiến giải, đó là ngồi thiền. Không xả bỏ sinh tử mà không phiền não, mặc dù chứng Niết-bàn mà không có chỗ trụ, đó là ngồi thiền. Nếu ngồi thiền như vậy thì được Phật ấn chứng."

Bạch Thế Tôn! Khi đó con nghe vậy liền nín thinh không thể trả lời được. Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không có đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ lại trước đây có một lần, con đến ngả tư đường thuộc thành Quảng nghiêm giảng nói pháp giải thoát cho các cư sĩ. Lúc đó, Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy nơi chân con và nói: "Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên! Nói pháp cho hàng cư sĩ, không nên nói như Tôn giả. Mà nói pháp là phải nói như pháp." Con hỏi: "Thế nào là nói như pháp?" Ông ta trả lời: "Pháp

không có ngã vì lìa cấu uế của ngã, pháp không có hữu tình vì lìa bụi bặm của hữu tình, pháp không có thọ mạng vì lìa sinh tử, pháp không có Bổ-đặc-già-la vì trước sau đều đoạn, pháp luôn tịch tĩnh vì diệt các tướng, pháp lìa tham chấp vì không có chỗ duyên, pháp không có văn tự vì đoạn dứt ngôn ngữ, pháp không có ví dụ để nói vì xa lìa tất cả tư tưởng sóng nước, pháp ở khắp tất cả vì như hư không, pháp không hiển bày, không có tướng, không có hình thể vì xa lìa tất cả hành động, pháp không có ngã sở vì lìa ngã sở, pháp không phân biệt vì lìa tâm thức, pháp không so sánh vì không đối đãi nhau, pháp không thuộc vào nhân vì không ở trong duyên, pháp đồng với pháp giới vì thể nhập vào tất cả pháp giới đích thực, pháp tùy theo Như vì không có chỗ theo, pháp trụ vào thật tế vì rốt ráo bất động, pháp không lay động vì không nương tựa vào sáu cảnh, pháp không đến đi vì không có chốn trụ, pháp thuận với không vì tùy theo vô tướng, ứng với vô nguyện vì xa lìa tất cả tư tưởng tăng giảm, pháp không thủ xả vì lìa sinh diệt, pháp không chấp giữ vì vượt qua tất cả đạo nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, pháp không cao thấp vì thường trụ bất động, pháp lìa tất cả phân biệt về chỗ hành vì đã đoạn rốt ráo tất cả các hý luận. Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên! Tướng của pháp như vậy mà có thể giảng nói được sao? Vậy người nói pháp là tất cả đều tăng trưởng, tổn giảm. Người nghe pháp cũng đều tăng trưởng, tổn giảm. Nếu đối với xứ ấy không tăng, không giảm, thì với xứ ấy không thể nói, không thể nghe, không thể phân biệt. Thưa Tôn giả Mục-kiền-liên! Ví như thầy ảo thuật hóa người huyễn hóa, giảng nói các pháp trụ tâm như vậy, mới có thể nói pháp, phải hiểu rõ hoàn toàn căn tánh sai khác của các hữu tình, dùng tuệ diệu quán sát không bị chướng ngại, khen ngợi Đại thừa, nhớ nghĩ báo ân Phật, ý lạc thanh tịnh, từ ngữ pháp thiện xảo, nối dõi Tam bảo không cho đoạn tuyệt, đó mới nên nói pháp."

Bạch Thế Tôn! Khi đại cư sĩ ấy giảng nói pháp như vậy, trong chúng có tám trăm cư sĩ đều phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng. Bạch Thế Tôn! Lúc đó con im lặng không thể biện luận được nữa. Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp-ba:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Tôn giả Đại Ca-diếp-ba thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, con vào thành Quảng nghiêm, theo những ngõ hẻm nhà nghèo khó để khất thực. Khi ấy, Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy nơi sát chân con và nói: "Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp-ba! Mặc dù

Tôn giả có tâm Từ bi nhưng không phổ cập, bỏ nhà giàu đến khất thực nhà nghèo. Thưa Tôn giả Ca-diếp! Nên trụ vào pháp bình đẳng mà khất thực theo thứ tự. Vì không có thức ăn nên đi khất thực, vì muốn phá trừ người chấp trước đối với thức ăn nên đi khuất thực, vì muốn nhận thức ăn bố thí của người nên đi khất thực, vì có tư tưởng vào xóm làng trống vắng mà vào xóm làng, vì muốn thành tựu đầy đủ cho các nam nữ lớn nhỏ mà vào thành ấp, vì có tư tưởng hướng Phật mà đến các nhà để khất thực, vì không thọ nhận mà thọ nhận thức ăn ấy, thấy sắc giống như mù, nghe tiếng như âm thanh vọng lại, ngửi mùi thơm như gió, ăn mùi vị không phân biệt, thọ các xúc như trí chứng, biết các pháp như tướng huyễn, không có tự tánh không có tha tánh, không bộc phát, không tịch tĩnh. Thưa Tôn giả Ca-diếp! Nếu có thể không lìa bỏ tám tà để thể nhập vào tám Giải thoát, lấy tà bình đẳng nhập vào chánh bình đẳng, lấy một vắt cơm bố thí cho tất cả, cúng dường cho chư Phật cùng chúng Hiền thánh rồi sau đó mới ăn. Thức ăn ấy chẳng tạp nhiễm, chẳng lìa tạp nhiễm; chẳng nhập định tịnh, chẳng ra khỏi định tịnh; chẳng trụ sinh tử, chẳng trụ Niết-bàn; như vậy mới có thể ăn. Những người cúng dường cho Tôn giả không có quả nhỏ, không có quả lớn, không tổn giảm không tăng trưởng, hướng đến cõi Phật không hướng đến Thanh văn. Thưa Tôn giả Ca-diếp! Nếu ăn thức ăn ấy thì không uổng phí thức ăn của người cúng dường.”

Bạch Thế Tôn! Nghe ông ta nói vậy, con đạt được điều chưa từng có. Tất cả các vị Bồ-tát đều rất tôn kính ông ta.

Kỳ lạ thay, bạch Thế Tôn! Ở đó có cư sĩ với biện tài trí tuệ như vậy. Ai có trí tuệ được nghe ông ta nói mà lại không phát tâm Bồ-đề vô thượng. Từ đó đến nay, con không chỉ dạy hữu tình cầu các thừa Thanh văn, Duyên giác nữa, mà con chỉ dẫn dạy họ phát tâm mong cầu Bồ-đề vô thượng. Cho nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Thiện Hiện:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng?

Tôn giả Đại Thiện Hiện thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, con vào thành Quảng nghiêm để đi khất thực, theo thứ tự con vào nhà ông ta. Khi ấy, Vô Cấu Xứng cúi đầu lạy sát chân con và tự tay lấy bát con đựng đầy thức ăn ngon, rồi nói: “Thưa Tôn giả Thiện Hiện! Đối với thức ăn, nếu lấy tánh bình đẳng nhập vào tánh bình đẳng của các pháp, đem tánh bình đẳng của các pháp nhập vào tánh bình đẳng của chư Phật thì mới có thể nhận lấy thức ăn. Thưa Tôn giả Thiện

Hiện! Nếu không đoạn trừ tham, sân, si cũng không tương ưng với nó, không hoại thân kiến mà nhập vào nhất đạo, không diệt vô minh và các hữu ái mà phát sinh tuệ minh để giải thoát, đem pháp tánh bình đẳng nơi vô gián nhập vào pháp tánh bình đẳng giải thoát, không tháo bỏ không trói buộc, không thấy bốn Đế chẳng phải là không thấy bốn Đế, chẳng phải chứng đắc quả, chẳng phải là phàm phu, chẳng phải lìa pháp của phàm phu, chẳng phải Thánh chẳng phải phi Thánh, mặc dù thành tựu tất cả pháp nhưng lìa vọng tưởng về các pháp thì mới có thể lấy ăn. Thưa Tôn giả Thiện Hiện! Không thấy Phật, không nghe pháp, không cung kính Tăng thì đám lục sư ngoại đạo: Mãn Ca-diếp-ba, Mạt-tát-yết-ly-cù-xá-ly Tử, Tưởng Phệ-đa Tử, Vô Thắng Man, Ca-diễn-na, Ly-hệ-thân Tử là thầy của Tôn giả, Tôn giả xuất gia với họ. Đám lục sư ấy đọa thì Tôn giả cũng đọa, như thế thì mới có thể lấy ăn. Nếu Tôn giả rơi vào các kiến chấp mà không rơi vào ở giữa, hai bên, vào tám chỗ nạn không thoát ra được cùng với tạp nhiễm mà lìa thanh tịnh. Nếu hữu tình đạt được định Vô tránh thì Tôn giả cũng đạt được, nhưng không gọi là ruộng phước thanh tịnh. Những người bố thí thức ăn cho Tôn giả đọa vào các cõi ác rồi Tôn giả cùng đám ma nắm tay nhau, kết bạn cùng với các phiền não. Tự tánh của phiền não tức là tự tánh của Tôn giả. Các hữu tình sinh tâm oán hận, chê bai chư Phật, hủy báng Chánh pháp, không dự vào Tăng số thì hoàn toàn không có cơ hội đạt Bát-niết-bàn. Nếu có đủ phương cách khéo léo, làm được như vậy thì có thể lấy ăn."

Bạch Thế Tôn! Khi nghe ông ta nói như vậy, con mịt mù, mê muội, quên hết đường đi. Con không biết phải nói gì và trả lời thế nào. Con muốn để bát lại mà ra khỏi nhà. Khi ấy, Vô Cấu Xứng nói với con: "Thưa Tôn giả Thiện Hiện! Tôn giả hãy cầm bát, chớ có sợ. Ý Tôn giả thế nào? Như chư Phật, Như Lai hóa ra người huyễn. Người huyễn hóa đó đem việc này ra hỏi, thì Tôn giả có sợ không?" Con nói: "Không sợ." Vô Cấu Xứng nói: "Tánh tướng của các pháp đều như huyễn hóa. Tất cả hữu tình và các lời nói năng, tánh tướng của chúng đều như vậy. Những người có trí không nên chấp trước vào văn tự, cũng không sợ sệt. Vì sao? Vì tất cả sự nói năng đều lìa tánh tướng của văn tự. Nếu hoàn toàn chẳng có văn tự thì đó là giải thoát. Tướng giải thoát tức là tất cả pháp."

Bạch Thế Tôn! Khi đại cư sĩ ấy nói pháp, có hai vạn Thiên tử xa lìa mọi phiền não cấu uế, trong các pháp đắc được Pháp nhãn thanh tịnh. Năm trăm Thiên tử đắc pháp nhẫn thuận. Lúc đó, con im lặng không nói năng gì được và cũng không sao trả lời. Cho nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Thế Tôn bảo Tôn giả Mãn Từ Tử:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng?

Mãn Từ Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, ở trong rừng con giảng pháp cho Tỳ-kheo mới học. Khi ấy, Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy sát chân con và nói: "Thưa Tôn giả Mãn Từ Tử! Trước tiên Tôn giả nên nhập định để quán sát tâm Tỳ-kheo, rồi sau đó mới giảng pháp cho họ. Không nên đem thức ăn nhơ nhớp bỏ vào bình báu. Trước tiên nên biết rõ các Tỳ-kheo có ý muốn gì, đừng đem báu phệ lưu ly vô giá sánh bằng với viên thủy tinh tầm thường dễ vỡ. Thưa Tôn giả Mãn Từ Tử! Tôn giả chớ không quán sát căn tánh sai khác của các loài hữu tình mà trao cho họ pháp thuộc Tiểu thừa. Họ đã không bị tổn thương thì đừng làm cho họ tổn thương. Họ muốn đi đường lớn thì đừng bảo đi đường nhỏ, chớ lấy ánh sáng mặt trời đem sánh với lửa đom đóm, không nên lấy biển cả đặt vào dấu chân bò, không nên đem núi Diệu cao để trong hạt cải, không nên đem tiếng gầm của sư tử sánh bằng với tiếng của loài dã can. Thưa Tôn giả Mãn Từ Tử! Các Tỳ-kheo ấy đều đã phát tâm Đại thừa từ thuở xa xưa, cầu Bồ-đề giữa chừng thì quên mất ý ấy. Vậy sao đem pháp Thanh văn thừa mà chỉ dạy họ. Tôi quán sát trí tuệ của hàng Thanh văn thấp kém quá hơn người mù bẩm sinh không có Đại thừa. Quán căn tánh nói trí diệu của các hữu tình chứ không thể quán căn tánh lợi, độn của hữu tình." Khi ấy, Vô Cấu Xứng liền nhập Tam-ma-địa Như thị thắng khiến các Tỳ-kheo theo đó nhớ lại vô lượng sự sai khác ở kiếp trước, đã từng gieo trồng căn lành với năm trăm Đức Phật ở quá khứ, đã chứa nhóm, tu tập vô lượng công đức thù thắng, hồi hướng lên Chánh đẳng giác Vô thượng. Sau khi nhớ lại đời kiếp trước, các vị ấy cầu tâm Bồ-đề và trở lại hiện tại, cúi đầu lạy sát chân cư sĩ. Nhân đây, Vô Cấu Xứng giảng pháp khiến họ không thoái chuyển nơi đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con nghĩ: "Các vị Thanh văn không biết căn tánh sai khác của hữu tình. Nếu không thưa với Như Lai thì không nên vội giảng nói pháp cho họ. Vì sao? Vì các Thanh văn không biết căn tánh hơn kém của hữu tình, chẳng phải luôn ở trong định như Phật." Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Thế Tôn bảo Ma-ha Ca-đa-diễn-na:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Ca-đa-diễn-na thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây, có một lần, sau khi Đức Thế Tôn giảng pháp cho Tỳ-kheo, con liền nhập định. Sau đó, con phân biệt, chọn lựa cú nghĩa của Khế kinh giảng nói về nghĩa vô thường, nghĩa không, nghĩa vô ngã, nghĩa tịch diệt. Khi ấy, Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy sát chân con và nói: "Thưa Tôn giả Đại Ca-đa-diễn-na! Không nên đem tâm hành phân biệt mà nói về thật tướng của các pháp. Vì sao? Vì các pháp hoàn toàn chẳng phải đã sinh, chẳng phải đang sinh, chẳng phải sẽ sinh; chẳng phải đã diệt, chẳng phải đang diệt, chẳng phải sẽ diệt, đó là nghĩa vô thường. Thấu đạt tánh của năm uẩn hoàn toàn là không, không có chỗ sinh khởi, đó là nghĩa khổ. Các pháp hoàn toàn không có sở hữu, đó là nghĩa không. Biết ngã là không có ngã, không có hai, đó là nghĩa vô ngã. Không có tự tánh, không có tha tánh, xưa không bùng cháy nay không dập tắt, không tịch tĩnh, hoàn toàn tịch tĩnh rốt ráo tịch tĩnh, đó là nghĩa tịch tĩnh."

Khi Bồ-tát Vô Cấu Xứng giảng nói pháp ấy thì các Tỳ-kheo đoạn hết các lậu, tâm được giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con im lặng không thể nói gì cả. Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Vô Diệt:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Tôn giả Đại Vô Diệt thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, con đi kinh hành một mình trong rừng. Khi ấy, có Phạm vương tên Nghiêm Tịnh cùng một vạn Phạm chúng đều phóng ra ánh sáng lớn. Họ đến chỗ con cúi đầu lạy sát chân con và hỏi: "Thưa Tôn giả Vô Diệt! Tôn giả đắc Thiên nhãn có thể thấy bao xa?" Khi ấy con trả lời: "Đại tiên nên biết! Tôi có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới cõi Phật của Như Lai Thích-ca Mâu-ni như thấy quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay." Khi ấy Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy sát chân con và nói: "Thưa Tôn giả Vô Diệt! Thiên nhãn mà Tôn giả đắc được là có hành tướng hay không có hành tướng? Nếu có hành tướng tức là đồng với năm thần thông của ngoại đạo. Còn nếu không có hành tướng tức là vô vi lẽ ra không thể thấy. Vậy thì Thiên nhãn mà Tôn giả đắc được có thể thấy thế nào?"

Bạch Thế Tôn! Lúc đó con im lặng không thể trả lời được. Các Phạm chúng nghe ông ta nói vậy thì bừng tỏ cho là chưa từng có, liền lạy, hỏi: "Trong đời, ai là người có được chân Thiên nhãn?" Vô Cấu Xứng trả lời: "Chỉ có Phật Thế Tôn mới đắc được chân Thiên nhãn, không lìa định tịch

tĩnh mà vẫn thấy các cõi Phật không có hai tướng và các tướng.” Bấy giờ, Phạm vương ấy cùng quyến thuộc năm trăm người đều phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng. Lúc đó, họ lễ bái Vô Cấu Xứng rồi bỗng nhiên biến mất. Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng?

Tôn giả Ưu-ba-ly thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần: Có hai vị Tỳ-kheo phạm giới đã thọ. Hai vị ấy rất xấu hổ không dám đến chỗ Đức Phật, lại đến lạy sát chân con, nói: “Thưa Tôn giả Ưu-ba-ly! Hai chúng tôi nay đã vi phạm vượt quá giới luật, thật lấy làm xấu hổ không dám đến chỗ Đức Phật. Chúng tôi xin Tôn giả hãy giải bày nỗi ưu lo để chúng tôi khỏi tội ấy.” Con liền như pháp giải nói để hai vị ấy không còn lo buồn nữa, giới đã phạm được thanh tịnh trở lại và con chỉ dạy, khuyến khích, hướng dẫn, an ủi hai vị ấy. Lúc đó, Vô Cấu Xứng đến lạy sát chân con và nói: “Thưa Tôn giả Ưu-ba-ly! Không nên kết thêm tội cho hai vị Tỳ-kheo này, mà phải làm thế nào để dứt hẳn mối lo âu đó ngay. Họ đã phạm rồi chớ nên làm loạn tâm họ. Vì sao? Vì tánh của tội ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Như lời Phật dạy: “Vì tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm, vì tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh.” Như vậy, tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, cũng không ở chặng giữa. Tâm ấy như vậy nên tội cấu uế cũng như vậy. Tội cấu uế của “Như” như vậy, nên các pháp cũng như vậy, không ngoài “Như.” Thưa Tôn giả Ưu-ba-ly! Tâm của Tôn giả vốn thanh tịnh, vậy khi được giải thoát thì tâm vốn thanh tịnh ấy có bị nhiễm bao giờ không?” Con trả lời: “Không.” Vô Cấu Xứng nói: “Tâm tánh của tất cả hữu tình cũng vốn thanh tịnh chưa từng bị nhiễm. Thưa Tôn giả Ưu-ba-ly! Nếu có phân biệt, phân biệt khác tức là có phiền não. Nếu không có phân biệt, không phân biệt khác tức là tánh thanh tịnh. Nếu có điên đảo là có phiền não. Còn như không điên đảo là tánh thanh tịnh. Nếu còn chấp ngã tức thành tạp nhiễm, không chấp ngã là tánh thanh tịnh. Thưa Tôn giả Ưu-ba-ly! Các pháp sinh diệt không ngừng, nó như huyễn, như hóa, như điện, như chớp, như mây. Các pháp không quay lại đợi nhau, cho đến một niệm nó cũng không tạm dừng. Tánh của các pháp đều thấy một cách hư vọng, như mộng, như dợn nắng, như thành Kiền-đạt-bà. Tất cả pháp đều do tâm phân biệt mà phát sinh ảnh tượng như trăng trong nước, như bóng trong gương. Ai biết được như vậy gọi là trì giới luật rốt ráo. Ai biết được như vậy gọi là

điều phục hoàn hảo.” Nghe giảng nói như thế, hai vị Tỳ-kheo tỏ ngộ cho là chưa từng có và cùng nói: “Cư sĩ thật kỳ diệu thay, với trí tuệ biện tài thù thắng như vậy, Tôn giả Ưu-ba-ly không thể nào sánh kịp. Đức Phật dạy trì luật rất là cao cả không thể nói được.” Con liền bảo: “Hai vị đừng có nghĩ về cư sĩ ấy như vậy. Vì sao? Vì ngoài Đức Như Lai ra chưa có một Thanh văn và các Bồ-tát nào có thể ngăn chặn trí tuệ biện tài của cư sĩ ấy. Trí tuệ biện tài sáng suốt, thù thắng của ông ta là như vậy.”

Bấy giờ, hai vị Tỳ-kheo liền đoạn sạch mối lo âu, đều phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng giác Vô thượng và làm lễ phát nguyện: “Nguyện các hữu tình đều được trí tuệ biện tài thù thắng như vậy.” Khi ấy, con im lặng không nói được gì cả. Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Phật bảo Tôn giả La-hỗ-la:

–Ông nên đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Tôn giả La-hỗ-la thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần: Có các đồng tử dòng Ly-chiêm-tỳ đến lễ lạy con và hỏi: “Thưa Tôn giả La-hỗ-la! Tôn giả là con của Phật, vì đạo mà bỏ ngôi vị Chuyển luân vương để xuất gia. Việc xuất gia ấy có những công đức lợi ích gì?” Con liền như pháp giảng nói cho các đồng tử về công đức, lợi ích của việc xuất gia. Khi đó, Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy sát chân con nói: “Thưa Tôn giả La-hỗ-la! Tôn giả không nên giảng nói những công đức, lợi ích của việc xuất gia như vậy. Vì sao? Vì không có công đức, không có lợi ích, đó chính là xuất gia. Thưa Tôn giả La-hỗ-la! Đứng về pháp hữu vi thì có thể nói là có công đức, có lợi ích. Nhưng xuất gia là pháp vô vi. Trong pháp vô vi thì không thể nói là có công đức, lợi ích. Thưa Tôn giả La-hỗ-la! Xuất gia không có bên này, không có bên kia, cũng không ở chặng giữa. Nó xa lìa các kiến, không có sắc, phi sắc, đó là đường đến Niết-bàn, được người trí khen ngợi, được bậc Thánh bảo hộ, chiến thắng chúng ma, vượt ra khỏi năm đường, tịnh tu năm nhãn, an lập vào năm nhãn, chứng đắc năm Lực, không còn khổ não, lìa các pháp ác, bẻ gãy đám ngoại đạo, thoát khỏi giả danh, ra khỏi bùn nhơ dục không bị đắm nhiễm, không còn sự ràng buộc vì lìa ngã, ngã sở, dứt hẳn các hữu vì đã đoạn trừ các hữu, không bị nhiễu loạn vì đã đoạn trừ sự nhiễu loạn, khéo điều phục tâm mình khéo bảo hộ tâm người, tùy thuận vào pháp chỉ tịch diệt, siêng năng tinh tấn tu pháp quán thù thắng, xa lìa tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện. Nếu có thể được như vậy mới gọi là chân xuất gia.” Khi ấy, Vô Cấu Xứng nói với các đồng tử: “Hôm nay các vị nên cùng nhau xuất

gia trong chỗ khéo giảng thuyết về Tỳ-nại-da. Vì sao? Vì gặp Phật ra đời là khó, tránh xa khổ nạn là khó, được làm thân người là khó, đầy đủ an lạc là điều khó bậc nhất." Các đồng tử thưa: "Thưa đại cư sĩ! Chúng tôi nghe Đức Phật dạy: "Nếu cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia." Vô Cấu Xứng nói: "Này các đồng tử! Các ông chỉ phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng, siêng năng tu tập chánh hạnh thì đó là xuất gia, là thọ cụ túc, thành tánh Tỳ-kheo." Lúc này, ba mươi hai đồng tử dòng Ly-chiêm-tỳ đều phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng và thề nguyện tu hành chánh hạnh. Con thì im lặng không thể nói được gì nữa. Cho nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan-đà:

–Ông nên đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng?

Tôn giả A-nan-đà thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần Thế Tôn hiện thân bệnh nhẹ cần dùng sữa bò. Vào sáng sớm, con sửa sang pháp phục, ôm bát đến đứng trước nhà Bà-la-môn ở thành Quảng nghiêm để xin sữa. Khi ấy, Vô Cấu Xứng đến lạy sát chân con và nói: "Thưa Tôn giả A-nan-đà! Làm gì mà mới sáng sớm đã ôm bát đứng ở đây vậy?" Con trả lời: "Cư sĩ, vì Thế Tôn bệnh cần dùng sữa bò nên tôi đến đây." Vô Cấu Xứng nói với con: "Thôi, thôi, thưa Tôn giả! Tôn giả đừng nói như vậy, chớ phỉ báng Thế Tôn. Đừng đem việc hư dối mà phỉ báng Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai do kim cang hợp thành, đã trừ hẳn tất cả pháp ác và tập khí phiền não, đã thành tựu viên mãn tất cả pháp thiện thì đâu có bệnh gì, còn có phiền não gì? Thưa Tôn giả A-nan-đà! Tôn giả hãy lặng lẽ trở về đừng xin nữa, đừng làm cho người khác nghe lời thô ấy, chớ để cho chư Thiên có đại oai đức và các Bồ-tát đến từ các cõi Phật nghe được lời nói ấy. Thưa Tôn giả A-nan-đà! Chuyển luân thánh vương thành tựu được chút căn lành còn không bị bệnh, huống chi thân là Như Lai có vô lượng căn lành, đầy đủ phước trí, nếu có bệnh thì nhất định không có vấn đề ấy xảy ra. Thưa Tôn giả A-nan-đà! Tôn giả hãy mau lặng lẽ về đi đừng để chúng tôi phải chịu sự nhục đó. Nếu các Bà-la-môn ngoại đạo nghe lời thô này thì họ sẽ nói: "Như vậy sao gọi là thầy. Thân mình có bệnh còn không cứu nổi làm sao có thể cứu bệnh cho người khác được." Tôn giả hãy mau lặng lẽ đi đi đừng để mọi người nghe thấy. Còn nữa, thưa Tôn giả A-nan-đà! Thân Như Lai là Pháp thân chứ chẳng phải thân ô uế xen tạp, là thân xuất thế gian không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, là thân vô lậu đã lìa hẳn tất cả lậu, là thân vô vi đã xa lìa các hữu vi, vượt qua khỏi

các số vì các số đã tịch tĩnh. Thân Phật như vậy thì làm gì có bệnh."

Bạch Thế Tôn! Khi ấy, nghe ông ta nói như vậy, con thật thấy xấu hổ vô cùng, không lẽ ở gần Phật mà con nghe lầm sao. Ngay lúc đó, giữa hư không con nghe tiếng nói: "Này A-nan-đà! Đúng như lời cư sĩ ấy nói. Thân chân thật của Thế Tôn thực sự không có bệnh. Nhưng vì Như Lai hiện ra ở đời năm trược là vì muốn giáo hóa, dìu dắt những hữu tình hạnh ác, khổ não, nghèo cùng mà thị hiện việc như vậy. Hãy đi đi, này A-nan-đà, hãy đi lấy sữa, chớ có hổ thẹn."

Bạch Thế Tôn! Nghe Đại sĩ ấy biện luận như vậy con không biết nói gì cả, nên phải im lặng không trả lời. Cho nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Cứ như vậy, Đức Thế Tôn lần lượt bảo năm trăm vị Thanh văn là các đại đệ tử: "Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng." Các vị Thanh văn ấy đều trình bày duyên cớ trước đây của mình cho Đức Phật. Vị nào cũng khen ngợi Bồ-tát Vô Cấu Xứng và đều từ chối không đủ khả năng đến thăm bệnh ông ta.

-oOo-

PHẨM 4: BỒ-TÁT

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, con giảng pháp giải thoát về quả vị Bất thoái chuyển của Bồ-tát cho Thiên vương cùng quyến thuộc ở cõi trời Đâu-suất. Khi ấy, Vô Cấu Xứng đến cúi đầu lạy sát chân con và nói: "Thưa Bồ-tát Từ Thị! Đức Phật Thế Tôn đã thọ ký cho Bồ-tát còn một đời nữa sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Bồ-đề vô thượng. Vậy Bồ-tát được thọ ký vào đời nào vậy, quá khứ, vị lai hay hiện tại? Nếu đời quá khứ thì đời quá khứ đã qua, nếu đời vị lai thì đời vị lai chưa đến, nếu đời hiện tại thì đời hiện tại không trụ. Như Đức Thế Tôn đã nói: Này các Tỳ-kheo! Các ông, sinh, già, chết, trong mỗi sát-na. Chết đó rồi sinh đó. Nếu vì vô sinh mà được thọ ký thì vô sinh tức là đã nhập vào chánh tánh. Khi vô sinh này đã nhập trong chánh tánh thì không có vấn đề thọ ký, cũng không chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề. Vậy làm sao Bồ-tát Từ Thị được thọ ký? Theo Như sinh được thọ ký hay theo Như diệt mà được thọ ký? Nếu theo Như sinh

được thọ ký thì "Như" không có sinh. Nếu theo "Như" diệt được thọ ký thì "Như" không có diệt. Không sinh không diệt theo trong lý chân như thì không có vấn đề thọ ký. Tất cả hữu tình đều Như, tất cả các pháp cũng đều Như, tất cả Hiền thánh cũng đều là Như, cho đến Từ Thị cũng là Như. Nếu Bồ-tát Từ Thị được thọ ký thì tất cả hữu tình cũng sẽ được thọ ký như vậy. Vì sao? Vì chân như chẳng phải sự hiển bày của hai, cũng chẳng phải sự hiển bày các tánh khác. Nếu Bồ-tát Từ Thị chứng Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng thì tất cả hữu tình cũng sẽ được chứng như vậy. Vì sao? Vì đối với Bồ-đề thì tất cả hữu tình đều giác ngộ như nhau. Nếu Bồ-tát Từ Thị Bát-niết-bàn thì tất cả hữu tình cũng sẽ Bát-niết-bàn. Vì sao? Vì chẳng phải là hữu tình thì không Bát-niết-bàn. Đức Phật nói chân như là Bát-niết-bàn, vì Ngài quán sát thấy bản tánh của các hữu tình đều tịch tĩnh, đó là tướng Niết-bàn. Thế nên nói chân như là Bát-niết-bàn. Thưa Bồ-tát Từ Thị! Bồ-tát đừng đem pháp này chỉ dạy chư Thiên, chớ đem pháp này làm trở ngại chư Thiên. Bồ-đề không có các hướng mong cầu, cũng không thoái chuyển. Thưa Bồ-tát Từ Thị! Bồ-tát hãy làm cho chư Thiên này xả bỏ các phân biệt kiến chấp về Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề không phải dùng thân để chứng hay dùng tâm để chứng. Tịch diệt là Bồ-đề vì tướng của tất cả hữu tình, của tất cả pháp đều tịch diệt. Không tăng trưởng là Bồ-đề vì tất cả đối tượng được duyên không tăng trưởng. Không hành là Bồ-đề vì không hành tất cả hý luận và tất cả tác ý. Đoạn tận là Bồ-đề vì đã đoạn tận các kiến chấp. Xả ly là Bồ-đề vì xả ly tất cả chấp thủ. Ly hệ là Bồ-đề vì lìa hẳn tất cả pháp động loạn. Tịch tĩnh là Bồ-đề vì tất cả phân biệt đã hoàn toàn tịch tĩnh. Rộng lớn là Bồ-đề vì tất cả hoằng nguyện không thể nào so lường được. Không tranh là Bồ-đề vì xa lìa tất cả chấp trước, tất cả sự tranh luận. An trụ là Bồ-đề vì trụ trong pháp giới. Tùy chí là Bồ-đề vì tùy theo chân như. Bất nhị là Bồ-đề vì xa lìa tất cả pháp tánh sai biệt. Kiến lập là Bồ-đề vì đã nhập vào trong thật tế. Bình đẳng là Bồ-đề vì tất cả nhãn-sắc cho đến ý-pháp đều bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề vì đã xa lìa hoàn toàn sinh-trụ-dị-diệt. Biến tri là Bồ-đề vì biết khắp tất cả tâm hành của các hữu tình. Vô quán là Bồ-đề vì sáu xứ bên trong không bị xen tạp. Không xen tạp là Bồ-đề vì xa lìa hẳn tất cả phiền não và tập khí tương tục. Không xứ sở là Bồ-đề vì ở trong chân như đã xa lìa tất cả phương hướng xứ sở. Không trụ là Bồ-đề vì không thấy mọi nơi. Chỉ có tên là Bồ-đề vì tên Bồ-đề này không có tác dụng. Không phóng túng là Bồ-đề vì xa lìa hẳn tất cả mọi lấy và bỏ. Không loạn là Bồ-đề vì tự mình luôn tịch tĩnh. Tịch tĩnh rốt ráo là Bồ-đề vì bản tánh thanh tịnh. Hiển bày rõ ràng là Bồ-đề vì tự tánh không xen tạp. Vô thủ là Bồ-đề vì lìa các duyên dựa. Không khác là Bồ-đề vì giác ngộ tánh bình

đẳng của các pháp. Không thí dụ là Bồ-đề vì lìa hẳn các so sánh. Vi diệu là Bồ-đề vì rất khó hội nhập. Biến hành là Bồ-đề vì tự tánh hiện bày cùng khắp như hư không. Đến đỉnh cao là Bồ-đề vì đạt đến chỗ cùng cực của các pháp. Không nhiễm là Bồ-đề vì không bị nhiễm vào tất cả pháp thế gian. Như vậy, Bồ-đề chẳng phải do thân chứng, chẳng phải do tâm chứng."

Bạch Thế Tôn! Khi đại cư sĩ ấy giảng nói pháp này, trong chúng trời người có hai trăm Thiên tử đắc pháp Nhẫn vô sinh. Lúc ấy, con im lặng không nói gì được. Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Thế Tôn bảo Đồng tử Quang Nghiêm:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Đồng tử Quang Nghiêm thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, con vào thành Quảng nghiêm. Ngay lúc đó Bồ-tát Vô Cấu Xứng cũng mới vừa vào thành. Con làm lễ ông ta và hỏi: "Cư sĩ từ đâu đến?" Ông ta trả lời: "Từ diệu Bồ-đề đến." Con hỏi: "Thưa cư sĩ, diệu Bồ-đề là gì?" Ông ta trả lời: "Ý lạc thuần nhất, thẳng thắn là diệu Bồ-đề, vì nhờ ý lạc này mà không hư dối. Pháp khởi gia hành là diệu Bồ-đề, vì tất cả việc làm có thể thành tựu. Tăng thượng ý lạc là diệu Bồ-đề, vì chứng hoàn toàn pháp thù thắng. Tâm đại Bồ-đề là diệu Bồ-đề vì đối với tất cả các pháp không quên mất. Bố thí thanh tịnh là diệu Bồ-đề vì không mong cầu quả báo ở thế gian. Trì giới kiên cố thanh tịnh là diệu Bồ-đề vì các nguyện cầu đều được viên mãn. Nhẫn nhục hòa nhã là diệu Bồ-đề vì đối với hữu tình không có tâm sân giận. Dũng mãnh tinh tấn là diệu Bồ-đề vì nỗ lực siêng năng tu hành không biếng nhác. Tịch chỉ tĩnh lự là diệu Bồ-đề vì tâm điều thuận nên có thể gắn nhận. Bát-nhã thù thắng là diệu Bồ-đề vì hiện thấy tánh tướng của tất cả pháp. Từ là diệu Bồ-đề vì tâm bình đẳng với các hữu tình. Bi là diệu Bồ-đề vì hay nhẫn nhục chịu các khổ não. Hỷ là diệu Bồ-đề vì thường lãnh thọ pháp lạc. Xả là diệu Bồ-đề vì đoạn trừ dứt hẳn tất cả sân ác. Thần thông là diệu Bồ-đề vì đầy đủ sáu Thần thông. Giải thoát là diệu Bồ-đề vì lìa các sự động phân biệt. Phương tiện là diệu Bồ-đề vì làm thành thục cho các hữu tình. Nhiếp sự là diệu Bồ-đề vì thâu tóm lấy tất cả hữu tình. Đa văn là diệu Bồ-đề vì luôn khởi hạnh chân thật. Điều phục là diệu Bồ-đề vì quán sát đúng như lý. Ba mươi bảy phẩm Bồ-đề là diệu Bồ-đề vì xả bỏ tất cả pháp hữu vi. Tất cả thật tế là diệu Bồ-đề vì không lừa dối tất cả hữu tình. Mười hai nhân duyên là diệu Bồ-đề vì vô minh không cùng tận cho đến lão, tử, ưu, bi, khổ, não đều không cùng tận. Dứt các phiền não là diệu Bồ-đề vì hiện chứng như thật về tánh pháp

chân thật. Tất cả hữu tình là diệu Bồ-đề vì lấy vô ngã làm tự tánh. Tất cả pháp là diệu Bồ-đề vì giác ngộ tất cả đều là không tánh. Chiến thắng ma oán là diệu Bồ-đề vì tất cả ma oán không còn khuynh động. Không lìa ba cõi là diệu Bồ-đề vì xa lìa tất cả việc hướng đến các cõi. Đại sư tử gầm là diệu Bồ-đề vì có thể quyết định hoàn toàn không sợ sệt. Các lực, vô úy, pháp Bất cộng của Phật là diệu Bồ-đề vì không nhàm chán. Ba minh quán chiếu là diệu Bồ-đề vì lìa các phiền não, đạt được trí vô dư rốt ráo. Trong một sát-na tâm giác ngộ các pháp hoàn toàn không sót là diệu Bồ-đề vì chứng đắc viên mãn trí Nhất thiết trí. Như vậy, này các thiện nam! Nếu các Bồ-tát chân thật hướng đến tương ưng đầy đủ, Ba-la-mật đa tương ưng đầy đủ, làm thành thục cho các hữu tình tương ưng đầy đủ, tất cả căn lành tương ưng đầy đủ, giữ gìn chánh pháp tương ưng đầy đủ, cúng dường Như Lai tương ưng đầy đủ, tất cả việc làm, đi tới qua lại, nhấc chân hạ chân, tất cả đều từ diệu Bồ-đề mà đến. Tất cả đều từ pháp của chư Phật mà đến, an trụ vào tất cả pháp diệu của chư Phật."

Bạch Thế Tôn! Khi đại cư sĩ ấy nói pháp, có năm trăm Thiên tử đều phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng. Lúc đó, con im lặng không thể nói gì được. Nên nay con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Thế Tôn bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Bồ-tát Trì Thế thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần con ở nơi tịnh thất. Khi ấy ma oán ác dẫn một vạn hai ngàn Thiên nữ ma giống như trời Đế Thích, tấu nhạc đàn ca đến chỗ con, tất cả cúi đầu lạy sát chân con, tấu những âm nhạc trời để cúng dường, rồi chắp tay cung kính đứng lui qua một bên. Lúc ấy con nghĩ đó là Đế Thích thật nên con nói với họ: "Lại đây, này Kiều-thi-ca! Mặc dù phước có đó, nhưng ông không nên buông lung, phải quán sát các dục vui chơi đều là vô thường. Đối với thân mạng tài sản phải siêng năng để chứng pháp chắc chắn chân thật." Họ nói với con: "Thưa chánh sĩ! Xin hãy nhận mười hai ngàn Thiên nữ này để hầu hạn trước sau." Con liền trả lời: "Thôi đi, này Kiều-thi-ca! Không dùng vật phi pháp ấy mà bố thí cho một Sa-môn Thích tử như ta." Con nói chưa dứt thì Vô Cấu Xứng đến, cúi đầu lạy sát chân con và nói: "Đó chẳng phải là Đế Thích mà chính là ma oán ác đến quấy nhiễu Bồ-tát đó." Vô Cấu Xứng nói với ma ác: "Ngươi hãy trao các Thiên nữ này cho ta. Đây là vật thích hợp trong nhà cư sĩ như ta, đó chẳng phải việc mà Sa-môn Thích tử nhận lấy." Khi ấy, ma ác kinh hãi, nghĩ Vô

Cấu Xứng có lẽ sẽ làm hại, nên muốn ẩn hình mà đi, nhưng bị Vô Cấu Xứng dùng thần lực giữ lại không cho đi. Ma đã cố dùng hết uy lực nhưng cũng không sao đi được. Ngay lúc này, giữa hư không có tiếng phát ra: "Này ma ác oán, ngươi nên đem Thiên nữ dâng cho đại cư sĩ ấy đi, nếu vậy ngươi mới có thể an ổn trở về Thiên cung." Vì sợ hãi nên ma ác oán ấy đã đem cho một cách miễn cưỡng. Bấy giờ, Vô Cấu Xứng nói với các Thiên nữ: "Ma ác oán ấy đã đem các cô dâng cho ta. Các cô nay nên phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng." Rồi ông ta tùy theo sở thích mà nói pháp cho họ, tùy thuận khiến thành tựu đầy đủ về diệu Bồ-đề, để họ hướng đến Chánh đẳng giác. Ông ta lại nói: "Các cô đã phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng có vườn vui đại pháp để tự mình vui chơi, đừng vui theo các vui của năm dục." Các Thiên nữ thưa: "Thưa đại cư sĩ! Sao gọi là vườn vui đại pháp?" Vô Cấu Xứng nói: "Vườn vui đại pháp nghĩa là có niềm vui với chư Phật thanh tịnh, không hoại, niềm vui thường nghe Chánh pháp, niềm vui siêng năng cung kính cúng dường Tăng hòa hợp, siêng năng cung kính thừa sự. Niềm vui đối với ba cõi luôn xa lìa, niềm vui không trụ vào các đối tượng được duyên, niềm vui quán sát các uẩn là vô thường như oan gia, niềm vui quán sát không điên đảo về các giới, chúng như rắn độc, niềm vui quán sát không điên đảo về các xứ, chúng như làng xóm không người, niềm vui giữ gìn chắc chắn tâm Bồ-đề, niềm vui làm lợi ích cho các hữu tình, niềm vui hầu hạ các bậc sư trưởng, niềm vui bố thí lìa tham lam keo kiệt, niềm vui giới thanh tịnh mà không trì trệ, niềm vui nhẫn nhục mà chấp nhận hòa thuận, niềm vui tinh tấn mà tu tập căn lành, niềm vui tĩnh lự mà biết không loạn, niềm vui Bát-nhã lìa vô minh, niềm vui rộng lớn vi diệu của Bồ-đề, niềm vui có thể chiến thắng đám ma oán, niềm vui biết rõ các phiền não, niềm vui tu tập trang nghiêm các cõi Phật, niềm vui trang nghiêm thân bằng các tướng tốt tròn đầy, niềm vui tu tập chân chánh hai thứ hành trang là phước và trí, niềm vui trang nghiêm đầy đủ diệu Bồ-đề, niềm vui không sợ hãi pháp thâm sâu, niềm vui quán sát đúng đắn ba môn giải thoát, niềm vui duyên hợp chân chánh với Bát-niết-bàn, với phi thời niềm vui không quán sát, niềm vui gần gũi đồng loại thấy có công đức, niềm vui không oán ghét, không thấy lỗi lầm của dị loại, niềm vui thích gần gũi với bạn lành, niềm vui thích che chở bạn ác, niềm vui thâu tóm hoàn hảo các phương tiện thiện xảo, niềm vui hoan hỷ tin các pháp, niềm vui tu tập sự tối thượng vi diệu của tất cả phần Bồ-đề không biếng nhác. Như vậy, này các cô, đó là vườn vui đại pháp của Bồ-tát. Các Đại Bồ-tát thường trụ trong vườn vui đại pháp này. Các cô nên vui theo đó, đừng vui theo dục lạc." Khi ấy, ma ác oán bảo các Thiên nữ: "Các ngươi hãy lại đây, ta muốn cùng các ngươi trở về Thiên

cung.” Các Thiên nữ thưa: “Ma ác, ông hãy đi đi, chúng tôi không theo ông về đâu. Vì sao? Vì ông đã đem chúng tôi dâng cho vị cư sĩ này rồi, làm sao chúng tôi cùng ông trở về được. Chúng tôi nay vui theo vườn vui pháp, không vui theo dục lạc. Ông hãy về một mình.” Khi ấy, ma ác thưa Vô Cấu Xứng: “Thưa đại cư sĩ! Xin hãy buông xả các cô này đi. Tâm không tham đắm nơi tất cả sở hữu mà đem bố thí hết thảy, đó là Đại Bồ-tát.” Vô Cấu Xứng nói: “Ta đã buông thả rồi, ngươi hãy dẫn họ đi, để cho nguyện về tất cả pháp hữu tình của các ngươi được đầy đủ.” Khi ấy, các Thiên nữ lạy Vô Cấu Xứng và hỏi: “Thưa đại cư sĩ! Thiên nữ chúng tôi trở về lại cung ma, phải tu hành như thế nào?” Vô Cấu Xứng nói: “Các ngươi nên biết, có pháp môn vi diệu tên là Vô Tận Đăng, các ngươi cần phải học.” Các Thiên nữ lại hỏi: “Sao gọi là Vô Tận Đăng?” Vô Cấu Xứng trả lời: “Này các cô, ví như một ngọn đèn đốt sáng cho trăm ngàn ngọn đèn khác, khiến cho chỗ tối tăm sáng lên, ánh sáng của ngọn đèn kia không cùng tận và cũng không giảm bớt. Như vậy, này các cô, một vị Bồ-tát giáo hóa kiến lập cho câu-chi na-do-tha chúng sinh hướng đến cầu đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, nhưng tâm Bồ-đề của vị Bồ-tát ấy không bao giờ tận, cũng không thoái chuyển mà lại tăng trưởng. Như vậy, dùng phương tiện thiện xảo giảng nói chánh pháp cho người thì với các pháp thiện càng được tăng trưởng. Không tận cũng không giảm sút. Các cô nên biết, pháp môn vi diệu này tên là Vô Tận Đăng, các cô cần phải học. Mặc dù ở trong cung ma, các cô phải khuyến hóa cho vô lượng Thiên tử, Thiên nữ phát tâm Bồ-đề. Các cô làm như vậy tức là biết ân Như Lai, đền đáp một cách chân thật, cũng là làm lợi ích cho tất cả hữu tình.” Thế rồi, các Thiên nữ ấy cung kính đảnh lễ dưới chân Vô Cấu Xứng. Bấy giờ, Vô Cấu Xứng xả thần lực đã khống chế ma ác lúc trước để ma ác oán cùng quyến thuộc bỗng nhiên biến mất trở về Thiên cung.

Bạch Thế Tôn! Đại sĩ Vô Cấu Xứng ấy có những thần thông tự tại, trí tuệ biện tài, biến hiện thuyết pháp như vậy, nên con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả tử Tô-đạt-đa:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng?

Tô-đạt-đa thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ khả năng đến thăm bệnh vị ấy. Vì sao? Vì con nhớ trước đây có một lần, ở tại nhà cha con thiết lập đại hội bố thí trong bảy ngày bảy đêm để cúng dường tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, các ngoại đạo, người nghèo khổ, thấp kém, kẻ cô độc và người đi xin. Thời

gian đại hội này đã mãn bảy ngày thì Vô Cấu Xứng đến nơi, nói với con: "Thưa trưởng giả tử! Đại hội bố thí không phải như ông đã lập ra như vậy đâu, ông nên lập hội thí pháp, chứ lập hội tài thí làm gì?" Con nói: "Thưa cư sĩ! Thế nào gọi là hội pháp thí?" Cư sĩ trả lời: "Hội pháp thí là không trước không sau mà cúng dường một lần cho tất cả hữu tình đó gọi là hội pháp thí viên mãn. Việc ấy như thế nào? Nghĩa là vì hành tướng Bồ-đề vô thượng mà phát sinh đại Từ, vì hành tướng giải thoát các hữu tình mà phát sinh đại Bi, vì hành tướng tùy hỷ của các hữu tình mà phát sinh đại Hỷ, vì hành tướng thâu tóm chánh pháp, thâu gồm trí mà phát sinh đại Xả, vì hành tướng điều phục hoàn toàn tịch tĩnh mà phát sinh Bố thí ba-la-mật, vì hành tướng hữu tình hóa hiện phạm giới cấm mà phát sinh Tịnh giới ba-la-mật, vì hành tướng tất cả pháp vô ngã mà phát sinh Kham nhẫn ba-la-mật, vì hành tướng khéo xa lìa thân tâm mà phát sinh Tinh tấn ba-la-mật, vì hành tướng giác chi tối thắng mà phát sinh Tĩnh lự ba-la-mật, vì hành tướng nghe trí Nhất thiết trí mà phát sinh Bát-nhã ba-la-mật, vì hành tướng hóa độ tất cả chúng sinh mà phát sinh tu Không, vì hành tướng tu sửa tất cả pháp hữu vi mà phát sinh tu Vô tướng, vì hành tướng cố làm cho ý thọ sinh mà phát sinh tu Vô nguyện, vì hành tướng giữ gìn rốt ráo chánh pháp mà phát sinh đại lực, vì hành tướng tu tập hoàn toàn nhiếp sự mà phát sinh mạng căn, vì hành tướng cung kính tôn trọng tất cả hữu tình nô bộc mà phát sinh không kiêu mạn; vì hành tướng tất cả bền chắc, không bền chắc, thay đổi mà phát sinh chứng đắc thân mạng, tài sản bền chắc; vì hành tướng tùy niệm của sáu loại mà phát sinh chánh niệm, vì hành tướng tu các pháp vi diệu thanh tịnh mà phát sinh ý lạc, vì hành tướng siêng năng tu tập chánh hạnh mà phát sinh tịnh mạng, vì hành tướng hoan hỷ gần gũi thanh tịnh mà phát sinh gần gũi phụng thờ Hiền thánh, vì hành tướng không oán ghét sân giận người chẳng phải Thánh mà phát sinh tâm điều phục, vì hành tướng xuất gia hoàn toàn thanh tịnh mà phát sinh ý lạc thanh tịnh tăng thượng, vì hành tướng thường tu tập trung đạo mà phát sinh phương tiện thiện xảo đa văn, vì hành tướng thông đạt pháp không tranh mà phát sinh thường ở nơi thanh vắng, vì hành tướng một lòng cầu Phật Trí mà phát sinh ngồi thiền, vì hành tướng một lòng dứt trừ phiền não cho tất cả hữu tình mà phát sinh tu hoàn hảo Du-già Sư-địa; vì hành tướng đầy đủ tướng hảo để làm thành thục cho các hữu tình, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật mà phát sinh hành trang là phước đại diệu; vì hành tướng biết tâm hành của tất cả hữu tình rồi tùy theo căn tánh của họ để giảng pháp mà phát sinh hành trang là trí đại diệu; vì hành tướng không nắm bắt, không buông xả các pháp, ngộ nhập vào nhất môn chánh lý mà phát sinh hành trang là tuệ đại diệu; vì hành tướng đoạn trừ tất

cả phiền não tập khí, các sự chướng ngại của pháp bất thiện mà phát sinh chứng đắc tất cả pháp thiện; vì hành tướng theo hành trang của tất cả pháp thiện giác ngộ trí Nhất thiết trí mà phát sinh chứng đắc tất cả pháp phần Bồ-đề đã tu. Này thiện nam! Đó gọi là hội pháp thí. Nếu các Bồ-tát an trụ vào hội pháp ví như vậy thì gọi là Đại thí chủ, được trời, người thế gian cúng dường."

Bạch Thế Tôn! Khi đại cư sĩ ấy nói pháp như vậy, trong chúng Phạm chí có hai trăm vị phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng. Lúc đó, con khen ngợi là chưa từng có, hoan hỷ thanh tịnh, cung kính đảnh lễ chân đại cư sĩ và cởi châu bảo anh lạc giá trị trăm ngàn ân cần dâng cúng, nhưng Bồ-tát không chịu nhận. Con nói: "Đại cư sĩ! Hãy thương xót tôi mà thọ nhận cho. Nếu không cần thì ông cho ai tùy ý." Lúc đó, Vô Cấu Xứng mới chịu nhận anh lạc và chia làm hai phần. Một phần cho người ăn xin hèn kém đáng chê nhất trong đại thí hội ấy và một phần dâng cho Đức Như Lai Nan Thắng. Rồi ông ta dùng thần thông làm cho cả đại chúng đều thấy cõi Dương diệm và Đức Như Lai Nan Thắng, lại thấy phần anh lạc đã bố thí ở phía trên Đức Phật ấy, biến thành đài báu đẹp đẽ, bốn góc đài báu trang hoàng đủ kiểu rất khéo. Sau khi dùng thần thông biến hóa như vậy, Vô Cấu Xứng lại nói: "Nếu thí chủ đem tâm bình đẳng bố thí cho người ăn xin hèn hạ nhất trong hội này thì cũng giống như tưởng về ruộng phước của Như Lai không phân biệt, tâm bình đẳng, với tâm đại Từ, đại Bi bố thí khắp cho tất cả mà không cầu quả báo. Đó gọi là viên mãn hội pháp thí." Khi ấy, những người ăn xin thấy ông ta dùng thần thông biến hóa và được nghe giảng pháp đều đắc ý lạc tăng thượng Bất thoái chuyển, liền phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Đại cư sĩ ấy đầy đủ những thần thông biến hóa, biện tài vô ngại như vậy, nên con không dám đến thăm bệnh ông ta.

Như vậy, Đức Thế Tôn bảo từng vị Đại Bồ-tát đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng nhưng các Bồ-tát ấy đều thưa Đức Phật những lý do của mình và khen ngợi lời nói của vị Đại sĩ Vô Cấu Xứng. Vị nào cũng thưa là không dám đến thăm bệnh.

-oOo-

KINH THUYẾT VÔ CẤU XỨNG

QUYỂN 3

PHẨM 5: THĂM BỆNH

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Ông hãy đến thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Bồ-tát Diệu Cát Tường thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại cư sĩ ấy khó bề đối đáp lại được, vì ông ấy đã thể nhập sâu vào pháp môn, có khả năng hiện thuyết khéo léo, trụ vào biện tài vi diệu, trí tuệ vô ngại, đã hoàn thành những sự nghiệp của tất cả Bồ-tát, tùy ý nhập vào chỗ bí mật của chư Như Lai và các Đại Bồ-tát, thâu phục chúng ma, đã sử dụng phương tiện thiện xảo thuận hợp, đã đạt đến chỗ tối thắng không hai, không xen tạp, nẻo hành về pháp giới đã rốt ráo đến bờ bên kia, với một tướng, ông ta có thể trang nghiêm cả pháp giới, giảng pháp môn vô biên tướng trang nghiêm, thấu rõ căn hành của tất cả hữu tình, có thể hiện bày các thần thông với diệu dụng tối thắng, đạt đến chỗ đại trí tuệ phương tiện thiện xảo, đã giải quyết được tất cả những vấn đáp một cách tự tại, không sợ, không phải là những lý lẽ thấp kém, dù sắc bén, có thể tranh biện nổi. Tuy vậy, con sẽ nương nơi oai thần của Phật đến thăm bệnh ông ta. Đến đó, con sẽ tùy theo năng lực của mình để đàm luận.

Thế rồi, trong chúng có các Bồ-tát và đại đệ tử Thanh văn, Thích, Phạm, Hộ thế, chư Thiên... đều nghĩ: "Hai vị Bồ-tát này đều là người có thắng giải quảng đại sâu xa. Nếu cùng nhau bàn luận quyết định là nói giáo pháp vi diệu. Vì nghe pháp, chúng ta cũng sẽ đốc suất nhau đi theo đến đó."

Bấy giờ, trong chúng có tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn, vô lượng trăm ngàn Thích, Phạm, chư Thiên, Hộ thế... vì nghe pháp nên xin đi theo. Lúc này, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng các Bồ-tát, đại đệ tử Thanh văn, Thích, Phạm, chư Thiên, Hộ thế cung kính đảnh lễ Thế Tôn rồi cùng nhau ra khỏi rừng Yêm-la đến thành Quảng nghiêm để thăm bệnh Bồ-tát Vô Cấu Xứng. Khi ấy, Vô Cấu Xứng suy nghĩ: "Ta nên dùng thần lực biến thành nhà trống, không còn những giường chiếu, ghế ngồi, của cải, vật dụng và những người hầu... Chỉ để lại một chiếc giường hiện đang nằm

bệnh.” Sau khi nghĩ như vậy, Vô Cấu Xứng liền dùng sức đại thần thông làm cho nhà mình trống không, không còn vật gì cả, chỉ để lại một chiếc giường hiện đang nằm bệnh mà thôi.

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường cùng đại chúng vào nhà ông ta, nhưng thấy nhà trống không, không có những vật dụng cả người thị giả nữa, chỉ có một chiếc giường Vô Cấu Xứng đang nằm. Thấy Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Vô Cấu Xứng vui mừng chào:

–Lại đây, không đến mà đến, không thấy mà thấy, không nghe mà nghe.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Đúng rồi, cư sĩ! Nếu đã đến tức là không còn đến, đã đi tức là không còn đi. Vì sao? Đã đến chẳng phải từ đâu đến, đã đi chẳng phải từ chỗ nào đi. Đã thấy tức là không còn thấy, đã nghe tức là không còn nghe. Thôi hãy gác việc đó qua một bên. Này cư sĩ! Bệnh ấy có chịu nổi không? Mạng sống có thể cứu được không? Giới có điều hòa không? Bệnh có thể trị liệu được chăng? Có thể làm cho bệnh ấy đừng tăng nữa được chăng? Thế Tôn ân cần gởi lời thăm ông. Này cư sĩ! Bệnh có thuyên giảm chút nào chăng? Đi đứng khí lực có được khỏe không? Nguồn gốc của bệnh do đâu mà có? Bệnh đã bao lâu rồi? Phải làm sao cho hết bệnh?

Vô Cấu Xứng nói:

–Vô minh nên có ái của các hữu tình sinh ra đã lâu rồi, bệnh này của tôi sinh ra cũng như vậy. Lâu xa trước cả sinh tử đến nay. Vì hữu tình bệnh nên tôi cũng bệnh. Nếu hữu tình hết bệnh thì tôi cũng hết bệnh. Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát theo các hữu tình trôi mãi dòng sinh tử, do theo vào sinh tử thì có bệnh. Nếu các hữu tình lìa được bệnh khổ thì các Bồ-tát không còn bệnh. Ví như cư sĩ, trưởng giả ở thế gian chỉ có một người con duy nhất nên rất yêu thương, cưng chìu không muốn xa nó. Nếu đứa con bệnh thì cha mẹ cũng bệnh, còn như con lành bệnh thì cha mẹ cũng hết bệnh. Cũng vậy, Bồ-tát thương các hữu tình giống như con một. Nếu hữu tình bệnh thì Bồ-tát cũng bệnh, hữu tình hết bệnh thì Bồ-tát hết bệnh. Đại sĩ lại hỏi bệnh ấy từ đâu mà có? Bồ-tát có bệnh là do tâm đại Bi sinh ra.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Này cư sĩ! Vì sao nhà này hoàn toàn trống không, lại không có cả người hầu?

Vô Cấu Xứng nói:

–Tất cả cõi Phật đều không.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Lấy gì làm không?

Vô Cấu Xứng trả lời:

–Lấy không làm không.

Hỏi:

–Không này vì sao lại không?

Đáp:

–Vì không này không phân biệt nên không.

Hỏi:

–Tánh không có thể phân biệt được sao?

Đáp:

–Nó có thể phân biệt nhưng cũng đều không. Vì sao? Vì tánh không không thể phân biệt nên là không.

Hỏi:

–Không này phải tìm ở đâu?

Đáp:

–Tìm trong sáu mươi hai kiến chấp.

Hỏi:

–Sáu mươi hai kiến chấp này nên tìm ở đâu?

Đáp:

–Tìm trong các pháp giải thoát của chư Phật.

Hỏi:

–Pháp giải thoát của chư Phật phải tìm ở đâu?

Đáp:

–Tìm trong tâm hành của tất cả hữu tình. Đại sĩ lại hỏi vì sao không có thị giả? Tất cả ma oán và các ngoại đạo đều là thị giả của tôi cả. Vì sao? Vì tất cả ma oán vui thích sinh tử, tất cả ngoại đạo thì ham thích các kiến chấp. Với những thứ ấy, Bồ-tát đều nhàm chán, xa lìa. Cho nên oán ma và ngoại đạo là thị giả của tôi.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Này cư sĩ! Bệnh này tướng như thế nào?

Đáp:

–Bệnh của tôi hoàn toàn không có sắc tướng, cũng không thể thấy.

Hỏi:

–Bệnh này tương ưng với thân hay tương ưng với tâm?

Đáp:

–Bệnh của tôi chẳng tương ưng với thân vì lìa tướng thân, cũng tương ưng với thân vì như ảnh tượng. Chẳng tương ưng với tâm vì lìa tướng tâm, cũng tương ưng với tâm vì như huyễn hóa.

Hỏi:

–Địa, thủy, hỏa, phong giới, trong bốn giới này bệnh thuộc vào giới nào?

Đáp:

–Thân của các hữu tình đều do bốn đại mà có. Vì chúng có bệnh nên tôi bệnh. Nhưng bệnh này chẳng phải do bốn đại ấy sinh vì lìa tánh của giới.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Bồ-tát an ủi Bồ-tát bị bệnh như thế nào để họ được vui vẻ?

Vô Cấu Xứng trả lời:

–Chỉ bảo thân vô thường nhưng khuyên không nhàm chán thân. Chỉ bảo thân có khổ mà không khuyên thích nhập Niết-bàn. Chỉ bảo thân là vô ngã nhưng khuyên làm thành thục cho các hữu tình. Chỉ bảo thân là không tịch nhưng không khuyên tu tịch diệt rốt ráo. Chỉ bảo sám hối tội trước nhưng không nói tội có thay đổi. Khuyên lấy bệnh của mình mà thương các hữu tình để trừ bệnh cho họ. Khuyên phải nhớ đến tội khổ lúc trước đã chịu mà làm lợi ích cho hữu tình. Khuyên phải nhớ vô lượng gốc lành đã tu để tu mạng thanh tịnh. Khuyên đừng sợ hãi mà phải tinh tấn dũng mãnh. Khuyên phát nguyện rộng lớn mà làm đại y vương trị liệu các bệnh thân tâm của các chúng sinh để vĩnh viễn được tịch diệt. Bồ-tát nên an ủi Bồ-tát bị bệnh như vậy để họ được vui vẻ.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Bồ-tát trị bệnh phải điều phục tâm như thế nào?

Vô Cấu Xứng nói:

–Bồ-tát bị bệnh nên nghĩ như vầy: Bệnh này của ta đều do phiền não, vọng tưởng điên đảo hư dối từ đời trước sinh ra. Trong thân hoàn toàn không có một pháp nào chân thật cả, vậy ai có thể chịu bệnh đó. Vì sao? Vì do bốn đại hòa hợp lại giả gọi là thân, trong các đại không có chủ, thân cũng không có ngã. Nếu bệnh này do chấp ngã sinh ra thì không nên vọng sinh chấp ngã. Nên hiểu rõ chấp ngã này là nguồn gốc đưa đến bệnh. Vì vậy nên trừ diệt tất cả ý tưởng về ngã, an trụ vào ý tưởng pháp. Nên nghĩ:

Do các pháp hòa hợp lại mà thành ra thân này, sinh diệt xoay vần, vậy sinh chỉ do pháp sinh, diệt chỉ do pháp diệt. Như thế, các pháp xoay vần liên tục nhưng chúng không biết lẫn nhau lại không nhớ nghĩ đến. Khi sinh không nói là ta sinh, đến khi diệt không nói là ta diệt. Bồ-tát có bệnh nên biết đúng đắn về pháp tưởng như vậy. Pháp tưởng này của ta là điên đảo. Hễ có pháp tưởng là có đại hoạn, ta nên trừ bỏ chúng, cũng cần phải diệt trừ tất cả đại hoạn của hữu tình. Làm thế nào để trừ đại hoạn ấy? Nghĩa là phải trừ bỏ chấp ngã và ngã sở. Làm thế nào để trừ bỏ chấp ngã và ngã sở? Là lìa bỏ hai pháp. Làm sao lìa hai pháp? Là với pháp trong và pháp ngoài hoàn toàn không hành. Làm thế nào để không hành hai pháp? Là quán bình đẳng, không động, không chuyển, không có đối tượng để quan sát. Bình đẳng thế nào? Nghĩa là ngã và Niết-bàn cả hai đều bình đẳng. Vì sao? Vì tánh của hai pháp là không. Hai pháp ấy đã không có vậy lấy cái gì làm không? Chỉ dùng danh tự giả gọi là không. Hai pháp ấy không thật, đã thấy bình đẳng thì không còn bệnh gì nữa cả, chỉ có cái bệnh không, nên quán bệnh không ấy cũng là không. Vì sao? Vì bệnh không ấy hoàn toàn là không. Bồ-tát có bệnh, đem cái không có sự thọ mà thọ nhận các thọ. Nếu đối với pháp Phật mà chưa được viên mãn thì không nên diệt thọ để có chỗ chứng đạt, phải lìa hai pháp chủ thể thọ và đối tượng được thọ. Nếu khổ chạm vào thân thì nên thương tất cả hữu tình trong đường nguy hiểm mà phát tâm đại Bi diệt trừ các khổ cho họ. Bồ-tát có bệnh nên nghĩ như vầy: Đã diệt trừ bệnh của mình thì cũng nên trừ bỏ các bệnh của hữu tình. Khi diệt trừ bệnh của mình và người như vậy, thì không có một pháp nhỏ nào để có thể trừ diệt. Nên quán sát đúng đắn bệnh do nhân duyên sinh, hãy mau diệt trừ, vì họ mà giảng nói chánh pháp. Sao gọi là bệnh do nhân duyên sinh? Nghĩa là có duyên suy nghĩ, các thứ duyên suy nghĩ này đều là nhân của bệnh. Hễ ai có duyên suy nghĩ thì đều có bệnh. Duyên suy nghĩ vào đâu? Duyên vào ba cõi. Làm sao biết duyên suy nghĩ như vậy? Nghĩa là thông đạt rõ ràng, đúng đắn chỗ có duyên suy nghĩ này hoàn toàn là không thủ đắc. Nếu không thủ đắc thì không duyên suy nghĩ. Làm thế nào để chấm dứt duyên suy nghĩ, nghĩa là không duyên vào nhị kiến. Thế nào là nhị kiến? Là nội kiến và ngoại kiến. Nếu không có hai kiến này thì vô sở đắc. Đã vô sở đắc thì duyên suy nghĩ hoàn toàn chấm dứt. Vì duyên suy nghĩ hoàn toàn chấm dứt nên không có bệnh. Nếu mình không có bệnh thì đoạn diệt bệnh của hữu tình.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Bồ-tát có bệnh nên điều phục tâm như vầy: Chỉ có Bồ-đề của Bồ-tát mới có thể đoạn trừ tất cả khổ già, bệnh, chết. Nếu tự mình không siêng năng tu hành như vậy tức là bị vứt bỏ uổng phí. Vì sao? Vì như người chiến thắng quân địch thì mới gọi là người dũng

tướng. Cũng vậy, nếu đoạn dứt hẳn khổ già, bệnh, chết thì mới gọi là Bồ-tát.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Bồ-tát bệnh nên tự mình quán sát, nếu bệnh này của ta chẳng phải thật, chẳng phải có, thì tất cả bệnh của các hữu tình cũng chẳng phải thật, chẳng phải có. Khi quán như vậy không nên lấy ái kiến buộc tâm mình vào các hữu tình để phát sinh tâm đại Bi, mà cần phải đoạn trừ phiền não của khách trần để phát sinh tâm đại Bi với các hữu tình. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát đem ái kiến buộc tâm mình, phát sinh tâm đại Bi với các hữu tình thì tức là nhàm chán sinh tử. Nếu đoạn trừ phiền não của khách trần, phát sinh tâm đại Bi với các hữu tình tức là không nhàm chán sinh tử. Vì các hữu tình mà Bồ-tát ở trong sinh tử không nhàm chán, không bị ái kiến trói buộc tâm mình. Vì không bị ái kiến trói buộc tâm nên ở trong sinh tử đều không bị trói buộc. Vì không bị trói buộc trong sinh tử nên được giải thoát. Vì ở trong sinh tử được giải thoát nên có năng lực giảng nói pháp vi diệu khiến cho các hữu tình xa lìa sự trói buộc, chứng đắc giải thoát. Đức Thế Tôn căn cứ vào mật ý này mà nói. Nếu bản thân mình bị trói buộc mà cởi tháo trói buộc cho người thì không có vấn đề ấy. Còn như bản thân mình đã tháo gỡ sự trói buộc thì có thể tháo gỡ trói buộc cho người, việc này là có thực. Cho nên Bồ-tát dốc cầu giải thoát, xa lìa các sự trói buộc.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Sao gọi là Bồ-tát bị trói buộc? Sao gọi là Bồ-tát được giải thoát? Nếu các Bồ-tát tham đắm, chấp vào những sự tu về tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí thì gọi là Bồ-tát bị trói buộc. Nếu các Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo giúp đỡ các hữu tình nhưng không chấp trước đó là Bồ-tát được giải thoát. Nếu không có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu thì gọi là trói buộc. Nếu có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu thì gọi là giải thoát. Vì sao Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu gọi là trói buộc? Nghĩa là Bồ-tát lấy pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện để tự điều phục mình, không dùng tướng tốt trang nghiệm nơi thân mình, trang nghiêm cõi Phật làm thành thục cho các chúng sinh. Bồ-tát này không có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu nên gọi là trói buộc. Vì sao Bồ-tát có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu gọi là giải thoát? Nghĩa là Bồ-tát lấy pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện để điều phục tâm mình, quán sát các pháp hữu tướng, vô tướng tu tập để chứng đắc, lại dùng tướng tốt trang sức thân mình, trang nghiêm cõi Phật, làm thành thục chúng sinh. Các Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu gọi là giải thoát. Vì sao Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu gọi là trói buộc? Nghĩa là Bồ-tát an trụ vào các kiến, tất cả phiền não

trói buộc tùy miên, tuy tu các gốc lành nhưng không hồi hướng lên Chánh đẳng Bồ-đề, lại chấp trước sâu chặt vào đó. Bồ-tát này không có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu gọi là trói buộc. Vì sao Bồ-tát có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu gọi là giải thoát? Nghĩa là các Bồ-tát xa lìa các kiến, nghĩa là tất cả phiền não trói buộc, tùy miên, tu các gốc lành hồi hướng lên Chánh đẳng Bồ-đề mà không chấp trước. Bồ-tát này có phương tiện thiện xảo thâu giữ tuệ diệu gọi là giải thoát.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Bồ-tát có bệnh nên quán các pháp, thân và bệnh đều là vô thường, khổ, không, vô ngã đó gọi là tuệ. Mặc dù thân có bệnh nhưng thường ở trong sinh tử làm lợi ích cho hữu tình mà không hề mệt mỏi, đó gọi là phương tiện. Lại quán thân tâm và các bệnh xoay vần nương vào nhau lưu chuyển mãi không có đầu mối, sinh diệt không gián đoạn, chẳng phải mới, chẳng phải cũ, đó gọi là tuệ. Không mong cầu thân, tâm và các bệnh hoàn toàn tịch diệt, đó gọi là phương tiện.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Bồ-tát có bệnh nên điều phục tâm mình như vầy: Không nên an trụ vào tâm điều phục hay không điều phục. Vì sao? Vì nếu trụ vào tâm không điều phục thì đó là pháp của phàm phu. Nếu trụ vào tâm điều phục thì đó là pháp của Thanh văn. Cho nên Bồ-tát không an trụ vào hai biên này, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu ở chỗ ấy, chẳng phải nẻo hành của phàm phu, chẳng phải nẻo hành hóa của bậc Thánh thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu ở chỗ quán sát chốn hành của sinh tử mà không có chốn hành của tất cả phiền não, thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu ở chỗ quán sát chốn hành của Niết-bàn mà không có chốn hành tịch diệt rốt ráo thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu ở chỗ thị hiện chốn hành của bốn ma nhưng vượt qua chốn hành của tất cả ma sự, thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu cầu nẻo hành của trí Nhất thiết trí mà không có nẻo hành của phi thời chứng trí, thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu cầu nẻo hành của trí bốn Đế diệu mà không có chốn hành phi thời chứng đế thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu quán sát đúng đắn về chốn hành của nội chứng nên bao gồm chốn hành của sinh tử, thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu hành theo chốn hành của tất cả duyên khởi là có thể xa lìa chốn hành của kiến chấp thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu hành theo nẻo hành hóa tất cả hữu tình và các pháp lìa nhau mà không có nẻo hành phiền não tùy miên thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu quán sát đúng đắn chốn hành vô sinh mà không rơi vào chốn hành của chánh tánh nơi Thanh văn thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu bao gồm tất cả chốn hành hóa của hữu tình mà không có chốn hành của phiền não, tùy miên thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu thật sự ưa thích chốn hành xa lìa mà

không cầu chốn hành của thân tâm tận diệt thì đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu thích quán sát chốn hành của ba cõi mà không hoại chốn hành của pháp giới, thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát tánh Không mà có chốn hành cầu tất cả công đức thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát Vô tướng mà chốn hành cầu độ thoát hữu tình thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát Vô nguyện mà có chốn hành thị hiện có cõi thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích qua lại vô tác mà có chốn hành thường tạo tất cả căn lành không thay đổi đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích qua lại nơi sáu Độ nhưng chốn hành không hướng đến diệu trí nơi bờ bên kia của tâm hành hữu tình, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát bốn Tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả mà có chốn hành không cầu sinh vào cõi Phạm thiên, đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích qua lại nơi sáu Thần thông mà có chốn hành không hướng đến chứng đắc lậu tận thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích kiến lập các pháp mà có chốn hành không duyên dựa theo tà đạo, thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát sáu niệm mà có chốn hành không theo đó sinh ra các lậu thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát phi chướng mà có chốn hành không mong cầu tạp nhiễm, đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát các định tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí mà có chốn hành không theo thế lực của các định để đến thọ sinh, đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích qua lại niệm trụ mà có chốn hành không mong cầu xa lìa thân thọ tâm pháp, đó là chốn hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích qua lại nơi chánh đoạn mà không thấy hai pháp thiện và bất thiện, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích qua lại nơi thần túc mà có chốn hành của thần túc biến hóa tự tại không dụng công, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích qua lại nơi năm Căn mà có chốn hành với diệu trí không phân biệt các căn thắng liệt của tất cả hữu tình, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích an trụ vào năm Lực mà có chốn hành cầu mười Lực của Như Lai thì gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích an trụ vào sự viên mãn của bảy Đẳng giác chi mà có chốn hành không cầu sự sai biệt nơi diệu trí thiện xảo của pháp Phật, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích an trụ vào sự viên mãn của tám Chánh đạo mà có chốn hành không nhàm chán đám tà đạo, đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành cầu tư lương Chỉ, Quán mà chốn hành không rơi vào tịch diệt rốt ráo, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát các pháp không có tướng sinh diệt mà chốn hành

dùng tướng tốt trang nghiêm thân mình, thành tựu tất cả Phật sự đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích thị hiện oai nghi của Thanh văn, Độc giác mà chốn hành không lìa bỏ duyên suy nghĩ về tất cả pháp Phật đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành tùy theo với bản tánh hoàn toàn thanh tịnh, thường tịch nơi định diệu của các pháp mà có chốn hành chẳng phải là chẳng tùy theo sự ưa thích oai nghi nơi tất cả hữu tình, đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích quán sát tất cả cõi Phật là tánh không tịch, không thành, không hoại, như hư không mà có chốn hành chẳng phải là chẳng thị hiện tất cả công đức trang nghiêm nơi cõi Phật, làm lợi ích cho các hữu tình, đó là nẻo hành hóa của Bồ-tát. Nếu chốn hành thích thị hiện tất cả pháp Phật, chuyển pháp luân, vào đại Niết-bàn, làm Phật sự, mà có chốn hành chẳng phải là chẳng tu hành những sự sai biệt của hạnh Bồ-tát, đó gọi là nẻo hành hóa của Bồ-tát.

Khi Bồ-tát Vô Cấu Xứng giảng nói tất cả nẻo hành hóa là việc hiếm có của Bồ-tát, thì tám ức đồng tử mà Bồ-tát Diệu Cát Tường dẫn theo, được nghe pháp, đều phát tâm cầu quả đạo Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng.

-oOo-

PHẨM 6: BẤT TƯ NGHÌ

Thấy trong nhà này không có giường ngồi, Tôn giả Xá-lợi Tử thầm nghĩ: "Các Đại Bồ-tát và đại Thanh văn này phải ngồi ở đâu?", biết rõ tâm niệm của Tôn giả Xá-lợi Tử, Bồ-tát Vô Cấu Xứng liền nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Tôn giả vì pháp mà đến hay vì cầu chỗ ngồi mà đến?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Tôi vì pháp mà đến chứ chẳng phải vì cầu chỗ ngồi.

Vô Cấu Xứng hỏi:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Những người cầu pháp không đoái hoài đến thân mạng mình huống chi là chỗ ngồi. Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu sắc uẩn cho đến thức uẩn. Người cầu pháp không cầu nhãn giới cho đến ý thức giới. Người cầu pháp không cầu nhãn xứ cho đến pháp xứ. Người cầu pháp không cầu Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu sự chấp trước nơi Phật, Pháp và Tăng. Người cầu pháp không cầu theo sự biết khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo. Vì sao? Vì pháp không có hý luận. Nếu nói ta biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo tức là hý luận, chẳng phải gọi là cầu

pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu sinh, không cầu diệt. Vì sao? Vì pháp là tịch tĩnh và gần gũi với tịch tĩnh. Nếu hành sinh diệt thì đó là cầu sinh diệt, chẳng phải gọi là cầu pháp, chẳng phải cầu xa lìa. Người cầu pháp không cầu tham nhiễm. Vì sao? Vì pháp không có tham nhiễm lìa các tham nhiễm. Nếu đối với các pháp cho đến Niết-bàn mà có chút tham nhiễm thì đó là cầu tham nhiễm, chẳng phải gọi là cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu cảnh giới. Vì sao? Vì pháp chẳng phải là cảnh giới. Nếu hành tất cả cảnh giới thì đó là cầu cảnh giới, chẳng phải gọi là cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu thủ và xả. Vì sao? Vì pháp không thủ và xả. Nếu pháp thủ, xả thì là cầu thủ, xả, chẳng phải là cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu sự cất chứa. Vì sao? Vì pháp không cất chứa. Nếu thích cất chứa đó là cầu sự cất chứa, chẳng phải là cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu tướng của pháp. Vì sao? Vì pháp là vô tướng. Nếu theo tướng mà biết tức là cầu tướng chứ chẳng phải cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không trụ với pháp. Vì sao? Vì pháp không có chỗ trụ. Nếu trụ với pháp tức là cầu trụ, chứ chẳng phải cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu thấy nghe và hay biết. Vì sao? Vì pháp không thể thấy nghe hay biết. Nếu hành thấy nghe hay biết tức là cầu sự thấy nghe hay biết, chứ chẳng phải là cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Người cầu pháp không cầu hữu vi. Vì sao? Vì pháp là vô vi, lìa tánh hữu vi. Nếu hành hữu vi, tức là cầu hữu vi chứ chẳng phải cầu pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Cho nên, nếu muốn cầu pháp thì đối với tất cả pháp phải nên không có sự cầu.

Khi Vô Cấu Xứng giảng nói pháp ấy, có năm trăm Thiên tử xa lìa mọi cấu nhiễm của phiền não, ở trong các pháp được chứng đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng hỏi Đại sĩ Diệu Cát Tường:

–Đại sĩ đã từng đi qua vô lượng, vô số trăm ngàn câu-chi cõi chư Phật trong mười phương thế giới, vậy Đại sĩ thấy những cõi Phật nào có tòa Sư

tử đầy đủ công đức tốt đẹp thượng diệu?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Về phương Đông, cách đây ba mươi sáu hằng hà sa các cõi Phật có cõi Phật tên Sơn tràng. Như Lai nơi cõi ấy hiệu là Sơn Đăng Vương hiện đang trụ trì an ổn. Thân Đức Phật ấy cao tám mươi bốn ức du-thiện-na. Tòa Sư tử của Đức Phật ấy cao sáu mươi tám ức du-thiện-na. Thân của Bồ-tát nơi cõi ấy cao bốn mươi hai ức du-thiện-na, tòa Sư tử của Bồ-tát cao ba mươi bốn ức du-thiện-na.

Cư sĩ nên biết, tòa Sư tử của Như Lai nơi cõi ấy rất là thù diệu có đầy đủ công đức.

Khi đó, Bồ-tát Vô Cấu Xứng thu tâm nhập định phát sinh thần thông tự tại. Lập tức Đức Phật Sơn Đăng Vương ở thế giới Sơn tràng về phía Đông dời ba mươi hai ức tòa Đại sư tử cao rộng trang nghiêm sạch sẽ, nương hư không mà vào nhà Bồ-tát Vô Cấu Xứng. Điều này làm cho các Bồ-tát, đại Thanh văn, Thích, Phạm, chư Thiên, Hộ thế... xưa chưa từng thấy, chưa từng nghe. Nhà của ông ta sáng sủa rộng lớn nghiêm tịnh có thể dung chứa ba mươi hai ức tòa Sư tử mà không chướng ngại nhau, đại thành Quảng nghiêm, bốn đại châu như châu Thiệm-bộ... thành ấp, xóm làng, đô thị, đất nước trong các thế giới, cung điện của Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tố-lạc... cũng không bị chật hẹp. Tất cả đều thấy xưa sao bấy giờ vậy, không khác.

Lúc này, Bồ-tát Vô Cấu Xứng mời Bồ-tát Diệu Cát Tường lên ngồi tòa Sư tử cùng các Đại Bồ-tát và đại Thanh văn theo chỗ sắp đặt cùng đến an tọa, nhưng phải tự mình biến thân xứng với tòa Sư tử ấy. Các Đại Bồ-tát có thần thông đều biến thân cao bốn mươi hai ức du-thiện-na lên ngồi tòa Sư tử một cách đoan nghiêm. Các vị Bồ-tát mới tu học thì không thể lên ngồi tòa sử tử được. Khi ấy, Bồ-tát Vô Cấu Xứng liền giảng nói chánh pháp để tất cả vị đó đạt được năm Thần thông, các vị liền dùng thần lực tự mình biến hóa thân cao bốn mươi hai ức du-thiện-na rồi lên tòa Sư tử ngồi rất nghiêm chỉnh. Còn các đại Thanh văn không thể nào lên tòa Sư tử để ngồi được.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói với Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Vì sao Tôn giả không lên tòa ngồi.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Tòa ấy cao lớn quá, tôi không thể nào lên được.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Tôn giả nên lễ kính Đức Phật Sơn Đăng Vương để xin ban cho thần lực thì mới có thể lên ngồi được.

Lúc ấy, các đại Thanh văn đều lễ kính Đức Phật Sơn Đăng Vương để xin ban cho thần lực và tất cả đều lên tòa Sư tử ngồi rất chỉnh tề.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Thật kỳ diệu thay này cư sĩ! Ngôi nhà nhỏ như thế này lại có thể chứa trăm ngàn tòa Sư tử cao lớn nghiêm tịnh như vậy mà không bị chướng ngại, đến đại thành Quảng nghiêm, bốn đại châu như châu Thiệm-bộ..., thành ấp, xóm làng, đô thị, đất nước trong các thế giới, tất cả cung điện của Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tố-lạc... cũng không bị chật hẹp. Tất cả đều thấy trước sao nay vậy, không khác.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Chư Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác và Bồ-tát Không thoái chuyển có pháp giải thoát tên là Bất khả tư nghì. Nếu Bồ-tát trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì ấy thì có thể dùng thần lực đem núi chúa Diệu cao to lớn kia bỏ vào trong hạt cải mà hình thái và trọng lượng của hạt cải không tăng còn hình thái và trọng lượng của núi chúa Diệu cao thì không giảm. Mặc dù hiện tác dụng thần thông như vậy nhưng không làm cho bốn đại Thiên vương, trời Tam thập tam hay biết chúng ta đi đâu và vào đâu. Chỉ trừ những người nhờ sức thần thông để điều phục mới hay biết núi Diệu cao vào trong hạt cải. Cũng vậy, Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo và trí lực nhập vào cảnh giới giải thoát Bất khả tư nghì. Cảnh giới ấy chẳng phải hàng Thanh văn, Độc giác có thể lường tính được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì này thì có thể dùng thần lực đem nước nơi bốn biển sâu rộng bỏ vào lỗ chân lông mà hình thái và trọng lượng của lỗ chân lông không tăng, còn hình thể và trọng lượng của nước nơi bốn biển lớn không giảm. Mặc dù hiện tác dụng thần thông như vậy nhưng không làm cho các Rồng, Dạ-xoa, A-tố-lạc... biết chúng ta đến đâu và vào đâu. Cũng không làm cho các loài thủy tộc khác: cá, rùa, ba ba..., các rồng, thần... tất cả hữu tình lo sợ não hại, chỉ trừ những người nhờ sức thần thông để điều phục mới thấy nước của bốn biển lớn vào trong lỗ chân lông. Cũng vậy, Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo nơi trí lực nhập vào cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì, cảnh giới mà hàng Thanh văn, Độc giác không thể lường tính được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất

khả tư nghì với tam thiên đại thiên thế giới có hình tướng, trọng lượng rộng lớn như vậy mà có thể dùng thần lực, phương tiện đem lấy đặt trong lòng bàn tay, giống như bánh xe của thợ gốm quay tròn rất mau lẹ, quăng ra ngoài hằng hà sa cõi khác, rồi đem trở về chỗ cũ mà không khiến cho thế giới tăng hay giảm. Mặc dù hiện tác dụng thần thông như vậy nhưng làm cho hữu tình đang sống nơi ấy không biết rằng chúng ta đi đâu và về đâu, hoàn toàn không làm cho họ có ý tưởng qua lại, cũng không bị não hại. Chỉ trừ những người nhờ thần thông để điều phục mới biết thế giới có đến có đi. Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì dùng phương tiện thiện xảo nơi trí lực nhập vào cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì. Cảnh giới mà hàng Thanh văn, Độc giác không thể lường tính được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì như vậy, có các hữu tình cần có thời gian lâu dài để điều phục, có các hữu tình cần thời gian ít để điều phục thì có thể dùng thần lực theo sự thích nghi của họ mà kéo dài bảy ngày làm một kiếp, khiến hữu tình ấy cho rằng đã qua một kiếp. Hoặc rút ngắn một kiếp thành bảy ngày khiến hữu tình kia cho rằng qua bảy ngày theo sự hiểu biết của họ để điều phục. Mặc dù hiện tác dụng thần thông như vậy, nhưng không làm cho hữu tình đã giáo hóa ấy biết có thời gian kéo dài hay rút ngắn. Chỉ trừ những người nhờ sức thần thông để điều phục biết thời gian đã kéo dài, rút ngắn. Cũng vậy, Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất bất tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo, nơi trí lực nhập vào cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì. Cảnh giới mà hàng Thanh văn, Độc giác không thể lường tính được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì như vậy có thể dùng thần lực tập họp tất cả thế giới với các công đức trang nghiêm thanh tịnh của chư Phật đặt vào một cõi Phật để chỉ dạy cho các hữu tình. Lại dùng thần lực đem tất cả hữu tình trong một cõi Phật bỏ vào lòng bàn tay phải, rồi theo ý dùng uy lực nơi thần thông đi đến khắp mười phương, chỉ bày khắp tất cả cõi của chư Phật. Mặc dù đến tất cả cõi Phật nơi mười phương trụ vào một cõi Phật nhưng vẫn không bị lay động. Lại dùng thần lực từ một lỗ chân lông hiện ra tất cả vật cúng dường thượng diệu, đi qua khắp tất cả thế giới mười phương để cúng dường chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn. Lại dùng thần lực từ một lỗ chân lông hiện lên tất cả mặt trời, mặt trăng, sao trong các thế giới nơi mười phương, lại dùng thần thông hút đại phong luân... của tất cả thế giới khắp mười phương bỏ vào trong miệng mà thân không bị tổn hại. Tất cả cỏ cây, rừng rậm, mặc dù gặp gió này nhưng hoàn toàn không bị lay động. Khi tất cả cõi Phật trong mười phương thế giới gặp kiếp thiêu lại dùng thần lực nuốt tất cả lửa vào trong

bụng. Sức của lửa này cháy rực không dứt nhưng thân ấy hoàn toàn không bị tổn hại.

Lại dùng thần lực bưng một cõi Phật qua vô lượng câu-chi hằng hà sa cõi Phật ở phương dưới quăng trong một cõi Phật qua câu-chi hằng hà sa cõi Phật ở phương trên, chỉ giống như mũi kim nhọn đâm lá táo nhỏ quăng sang nơi khác mà hoàn toàn không bị tổn hại. Mặc dù hiện tác dụng thần thông như vậy nhưng người không có duyên thì không thấy, không biết, các hữu tình cũng không bị tổn hại. Chỉ trừ những người nhờ sức thần thông để điều phục thì mới thấy việc ấy. Cũng vậy, Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì dùng phương tiện thiện xảo và trí lực nhập vào cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì, cảnh giới mà Thanh văn, Độc giác không thể nào lường tính được.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu Bồ-tát an trụ nơi pháp giải thoát bất khả tư nghì như vậy thì có thể dùng thần lực hiện đủ sắc tướng của thân Phật, hoặc hiện các sắc tướng Thanh văn, Độc giác, hoặc hiện các sắc tướng của Bồ-tát có đầy đủ các tướng trang nghiêm. Hoặc hiện làm Phạm vương, Đế Thích, bốn đại Thiên vương, Chuyển luân vương... Hoặc dùng thần lực biến các hữu tình thành thân Phật và các Bồ-tát, Thanh văn, Độc giác, Thích, Phạm, Hộ thế, Chuyển luân vương... Hoặc dùng thần lực biến tất cả âm thanh sai khác bậc thượng, bậc trung, bậc hạ của các hữu tình trong mười phương thành một âm thanh vi diệu đệ nhất của Đức Phật. Từ âm thanh của Đức Phật này diễn nói những ngôn ngữ sai khác về nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, cứu cánh Niết-bàn, tịch tĩnh, cho đến tất cả âm thanh thuyết pháp của chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Độc giác đều từ trong đó phát ra. Cho đến tất cả âm thanh sai biệt về chữ, từ, câu của thân chư Phật mười phương giảng nói cũng đều phát ra từ âm thanh của Đức Phật ấy, khiến cho tất cả hữu tình được nghe và tùy theo sự sai biệt ấy mà đều được điều phục.

Hoặc dùng thần thông theo các âm thanh sai biệt của các hữu tình nơi mười phương, rồi ứng theo từng hạng mà phát ra những âm thanh giảng nói diệu pháp, khiến cho các hữu tình được lợi ích.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nay tôi nói sơ lược về sự việc Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo và trí lực nhập vào cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì. Nếu tôi có giảng nói, trải qua một kiếp hay hơn một kiếp hoặc quá hơn đó nữa thì với trí tuệ biện tài cũng không thể cùng tận. Trí tuệ biện tài của tôi cũng không cùng tận. Bồ-tát an trụ vào cảnh giới bất khả tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo và trí lực

nhập vào cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì cũng không cùng tận, vì nó là vô lượng.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp-ba nghe nói thần lực giải thoát bất khả tư nghì của Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát bất khả tư nghì liền khen ngợi là chưa từng có và nói với Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Ví như có người đứng đối diện với người mù, mặc dù người ấy có thể biểu hiện những hình tượng sai khác nhưng người mù kia hoàn toàn không thể thấy. Cũng vậy, tất cả Thanh văn, Độc giác đều giống như người mù kia, không có con mắt thù thắng, nghe nói thần lực giải thoát bất khả tư nghì của Bồ-tát an trụ nơi giải thoát bất khả tư nghì hiện ra, cho đến một việc cũng không thể hiểu nổi. Người nam, người nữ nào có trí, nghe nói về thần lực giải thoát bất khả tư nghì ấy mà lại không phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng. Đối với pháp Đại thừa này, chúng ta hiện cũng như hạt giống hư hoại, mất hẳn các căn, không làm gì được nữa. Nghe nói về thần lực giải thoát bất khả tư nghì, hàng Thanh văn, Độc giác chúng ta đều nên kêu khóc chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Còn tất cả các Bồ-tát nghe nói về thần lực giải thoát bất khả tư nghì thì đều hân hoan, vui mừng, cung kính thọ trì, giống như thái tử con vua nhận ngôi Quán đảnh, càng thêm có uy lực, có lòng tin hiểu kiên cố. Nếu các Bồ-tát nghe nói về thần lực giải thoát bất khả tư nghì này tất có tâm tin hiểu kiên cố, còn tất cả ma vương, các chúng ma không thể nào làm gì được với các Bồ-tát ấy.

Tôn giả Đại Ca-diếp-ba giảng nói như vậy thì trong chúng có ba vạn hai ngàn Thiên tử đều phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói với Tôn giả Đại Ca-diếp-ba:

–Những kẻ làm ma vương trong vô lượng, vô số thế giới khắp mười phương, phần đông đều là Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo để làm ma vương, vì muốn tạo mọi thành tựu đầy đủ cho các hữu tình.

Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp-ba! Tất cả các Bồ-tát trong vô lượng, vô số thế giới khắp mười phương, nếu có người đến xin vị ấy tay, chân, mũi, tai, đầu, mắt, tủy, não, máu, thịt, gân cốt, tất cả những bộ phận trên thân thể cho đến vợ con trai gái, nô tỳ thân thuộc, xóm làng, thành ấp, đô thị, bốn bộ châu..., những của cải nơi ngôi vị vua, các vật trang sức như châu báu, vàng bạc, trân châu, san hô, loa bối, lưu ly..., nhà cửa, giường chiếu, y phục, thức ăn uống, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, các thuyền lớn nhỏ, binh khí, quân chúng, tất cả đến hối thúc để xin thì phần đông những người đó là Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo,

hiện làm những việc như vậy để thử Bồ-tát, mục đích là để biết ý lạc kiên cố chăng. Vì sao? Vì các Bồ-tát dũng mãnh tăng thượng vì muốn đem lại lợi ích cho các hữu tình mà thị hiện những đại sự khó khăn như vậy. Kẻ phàm phu thấp kém, lại không có uy lực thì không thể nào hối thúc Bồ-tát để cầu xin được.

Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp-ba! Ví như lửa đom đóm hẳn không có oai lực để che ánh sáng mặt trời. Cũng vậy, kẻ phàm phu thấp kém, không có oai lực để đến hối thúc Bồ-tát nhằm cầu xin như vậy.

Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp-ba! Ví như voi quý hiện rõ oai lực chiến đấu, loài lừa không thể chống cự được, chỉ có voi quý chiến đấu với voi quý. Cũng vậy, kẻ phàm phu thấp kém không có uy lực để bức bách Bồ-tát. Chỉ có Bồ-tát hối thúc với Bồ-tát mà thôi. Đó gọi là Bồ-tát an trụ vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng phương tiện thiện xảo nơi trí tuệ nhập vào cảnh giới giải thoát bất tư nghì.

Khi giảng nói pháp này, có tám ngàn Bồ-tát được hội nhập nơi cảnh giới của Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo trí lực nhập vào pháp giải thoát Bất khả tư nghì.

-oOo-

KINH THUYẾT VÔ CẤU XỨNG

QUYỂN 4

PHẨM 7: quán HỮU TÌNH

Khi ấy, Đại sĩ Diệu Cát Tường hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Bồ-tát quán các hữu tình như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng trả lời:

–Ví như thầy ảo thuật quán sát những việc mình hóa ra. Bồ-tát quán sát một cách thật đúng đắn về tất cả hữu tình cũng vậy.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Như người trí quán trăng trong nước, quán ảnh tượng trong gương, quán nước của dợn nắng, quán âm thanh vọng lại, quán thành, đài bằng mây giữa hư không, quán sự chắc thật nơi đống bọt nước, quán bong bóng nước vừa nổi lên là tiêu mất ngay, quán phần lõi cứng của cây chuối, quán đại thứ năm, quán uẩn thứ sáu, quán căn thứ bảy, quán xứ thứ mười ba, quán giới thứ mười chín, quán các ảnh tượng của sắc nơi cõi Vô sắc, quán hạt giống mục nát mà nảy mầm, quán áo quần làm bằng lông rùa, quán người chết yểu mà thọ dục vui chơi, quán quả Dự lưu mà có phân biệt thân kiến, quán quả Nhất lai thọ hữu thứ ba, quán quả Bất hoàn nhập vào thai mẹ, quán độc tham, sân, si của bậc A-la-hán; quán Bồ-tát chứng đắc nhẫn có tâm tham lam, keo lận, phạm giới, sân, hại; quán tập khí tương tục của chư Như Lai, quán người mù bẩm sinh thấy các màu sắc, quán định trụ diệt có hơi thở ra vào, quán dấu chân chim giữa hư không, quán căn của người bán thạch ca có tác dụng, quán con của người thạch nữ có tạo nghiệp, quán điều Phật hóa ra có các trói buộc, quán các sự rốt ráo mà phát sinh phiền não, quán những gì đã thấy sau cơn mộng, quán không có lửa mà bị đốt cháy, quán A-la-hán có những đời sau, Bồ-tát nên quán sát tất cả hữu tình như vậy. Vì sao? Vì các pháp vốn không, chân thật vô ngã, không có hữu tình.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Nếu Bồ-tát quán tất cả hữu tình như vậy thì phải tu hành tâm Từ bi như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng trả lời:

–Sau khi Bồ-tát quán hữu tình như vậy rồi, tự nghĩ vì các hữu tình mà ta phải nói pháp như vậy để họ hiểu rõ ràng. Đó gọi là tu hành tâm Từ bi một cách chân thật và các hữu tình hoàn toàn an lạc, Bồ-tát ấy tu tâm Từ tịch diệt vì không có các chấp giữ, tu tâm Từ vô nhiệt vì lìa phiền não, tu tâm Từ như thật vì ba đời bình đẳng, tu tâm Từ không chống trái vì không cùng khởi, tu tâm Từ vô nhị vì lìa trong ngoài, tu tâm Từ không hoại vì trụ rốt ráo, tu tâm Từ kiên cố vì ý lạc tăng thượng như kim cang, tu tâm Từ thanh tịnh vì bản tánh thanh tịnh, tu tâm Từ bình đẳng vì đồng với hư không, tu tâm Từ A-la-hán vì diệt trừ hẳn giặc kết sử, tu tâm Từ Độc giác vì không nhờ sự giúp đỡ của thầy, tu tâm Từ Bồ-tát vì làm thành tựu đầy đủ cho hữu tình không dừng nghỉ, tu tâm Từ Như Lai vì giác ngộ tánh chân như của các pháp, tu tâm Từ Đức Phật vì giác ngộ hữu tình đang ở trong mộng, tu tâm Từ tự nhiên vì theo sự vận hành mà giác ngộ tánh của các pháp, tu tâm Từ Bồ-đề vì đồng một vị, tu tâm Từ không thiên vị vì đoạn sự thương ghét, tu tâm Từ đại Bi vì làm sáng rỡ Đại thừa, tu tâm Từ không tranh chấp vì quán vô ngã, tu tâm Từ không nhàm chán vì quán tánh không, tu tâm Từ pháp thú vì lìa sự luyến tiếc, tu tâm Từ tịnh giới vì tạo mọi thành thục cho các hữu tình phạm giới, tu tâm Từ kham nhẫn vì bảo hộ mình và người đừng làm cho tổn hại, tu tâm Từ tinh tấn vì gánh vác khổ cho các hữu tình làm những việc lợi lạc, tu tâm Từ tĩnh lự vì không còn ái nhiễm, tu tâm Từ Bát-nhã vì lúc nào cũng đều hiện trí pháp, tu tâm Từ phương tiện vì thị hiện khắp tất cả các môn, tu tâm Từ diệu nguyện vì đã phát sinh vô lượng đại nguyện, tu tâm Từ đại lực vì có thể làm tất cả việc rộng lớn, tu tâm Từ Nhã-na (trí) vì hiểu rõ tánh tướng của tất cả pháp, tu tâm Từ thần thông vì không hoại tánh tướng của tất cả pháp, tu tâm Từ thâu giữ sự việc vì dùng phương tiện làm lợi ích cho các hữu tình, tu tâm Từ không chấp trước vì có vô ngại nhiễm, tu tâm Từ không dối trá vì ý lạc thanh tịnh, tu tâm Từ không dua nịnh vì gia hạnh thanh tịnh, tu tâm Từ không lừa gạt vì không hư dối, tu tâm Từ tâm sâu xa vì lìa vết nhơ, tu tâm Từ an lạc vì làm cho chúng sinh có sự an lạc của chư Phật.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Đó là Bồ-tát tu tâm đại Từ.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Bồ-tát tu tâm đại Bi như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng trả lời:

–Tạo ra những căn lành tăng trưởng nào cũng đều đem lợi lạc cho các hữu tình, không tham tiếc gì cả. Đó gọi là Bồ-tát tu tâm đại Bi.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Bồ-tát tu hành tâm đại Hỷ như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Làm lợi ích cho các hữu tình đều hoan hỷ không hối hận. Đó gọi là Bồ-tát tu tâm đại Hỷ.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Bồ-tát tu tâm đại Xả như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Làm lợi ích với tâm bình đẳng không trông mong quả báo. Đó là Bồ-tát tu tâm đại Xả.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Nếu các Bồ-tát sợ sinh tử thì phải nương vào đâu?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Nếu các Bồ-tát lo sợ sinh tử phải luôn nương tựa vào đại ngã của chư Phật.

Lại hỏi:

–Bồ-tát muốn trụ vào đại ngã phải trụ như thế nào?

Trả lời:

– Muốn trụ vào đại ngã phải trụ trong sự giải thoát bình đẳng của tất cả hữu tình.

Lại hỏi:

–Muốn làm cho tất cả hữu tình giải thoát nên trừ diệt những gì?

Trả lời:

–Muốn làm cho tất cả hữu tình được giải thoát phải diệt trừ phiền não của họ.

Hỏi:

–Muốn diệt trừ phiền não cho tất cả hữu tình nên tu những gì?

Trả lời:

–Muốn diệt trừ phiền não cho tất cả hữu tình nên tu quán sát các tác ý đúng như lý.

Hỏi:

–Muốn tu, quán sát các tác ý đúng như lý nên tu như thế nào?

Trả lời:

–Muốn tu, quán sát các tác ý đúng như lý phải tu các pháp không sinh không diệt.

Hỏi:

–Pháp nào không sinh? Pháp nào không diệt?

Trả lời:

–Pháp bất thiện là không sinh, pháp thiện là không diệt.

Hỏi:

–Pháp thiện và bất thiện lấy gì làm gốc?

Trả lời:

–Lấy thân làm gốc.

Hỏi:

–Thân lấy gì làm gốc?

Trả lời:

–Lấy tham dục làm gốc?

Hỏi:

–Tham dục lấy gì làm gốc?

Trả lời:

–Lấy phân biệt hư vọng làm gốc.

Hỏi:

–Phân biệt hư vọng lấy gì làm gốc?

Trả lời:

–Lấy vọng tưởng điên đảo làm gốc.

Hỏi:

–Vọng tưởng đảo vọng lấy gì làm gốc?

Trả lời:

–Lấy vô trụ làm gốc.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Như vậy vô trụ lấy gì làm gốc?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Hỏi như vậy là phi lý. Vì sao? Vì vô trụ tức là không có gốc cũng không có chỗ trụ. Do không gốc, không có chỗ trụ nên có thể kiến lập tất cả các pháp.

Bấy giờ, trong nhà của Bồ-tát Vô Cấu Xứng có một Thiên nữ ở lâu rồi, thấy các bậc Đại nhân giảng nói pháp thì đạt được điều chưa từng có, nên vui mừng khôn xiết, liền hiện thân mình, dùng hoa trời rải cúng dường các Bồ-tát và chúng đại Thanh văn. Khi hoa trời ấy đến thân Bồ-tát thì hoa

liền rơi xuống đất, còn đến thân các vị đại Thanh văn thì hoa dính vào không rớt. Chúng đại Thanh văn muốn phủi hoa, bèn dùng thần lực của mình nhưng vẫn không sao rớt xuống.

Thiên nữ hỏi Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Vì sao phải phủi hoa?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Vì hoa không như pháp nên tôi phủi nó.

Thiên nữ nói:

–Thôi, Tôn giả đừng cho hoa ấy là không như pháp. Vì sao? Vì hoa ấy là như pháp. Thưa Tôn giả! Chỉ có Tôn giả là không như pháp. Vì sao? Vì hoa không phân biệt, không phân biệt khác, chỉ có Tôn giả tự có phân biệt, có phân biệt khác đó thôi. Đối với pháp thiện trong Tỳ-nại-da, nếu người xuất gia có phân biệt, có phân biệt khác tức là không như pháp. Còn nếu không phân biệt, không phân biệt khác tức là như pháp.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Thấy các Bồ-tát hoa không dính vào người đều do các vị ấy đã đoạn trừ hẳn tất cả phân biệt và phân biệt khác, thấy các Thanh văn hoa dính vào thân là vì chưa đoạn tận tất cả phân biệt và phân biệt khác.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Như khi nào người có sợ sệt thì phi nhân tìm đến làm hại. Nếu không sợ sệt thì tất cả phi nhân không làm hại được. Nếu ai sợ nghiệp phiền não sinh tử thì bị sắc, thanh, hương, vị, xúc... làm hại. Ai không sợ nghiệp, phiền não, sinh tử thì không bị sắc thanh hương vị xúc ở thế gian làm hại.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu ai chưa đoạn hẳn tập khí phiền não thì hoa ấy dính vào thân. Nếu ai đã đoạn hẳn tập khí phiền não rồi thì hoa ấy rơi xuống.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Thiên nữ ở nhà này đã bao lâu rồi?

Thiên nữ trả lời:

–Tôi ở nhà này cũng như thời gian Tôn giả Xá-lợi Tử đã trụ nơi giải thoát.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Thiên nữ ở nhà này lâu như vậy chăng?

Thiên nữ nói:

–Tôn giả trụ nơi giải thoát cũng lâu như vậy sao?

Tôn giả Xá-lợi Tử im lặng không trả lời.

Thiên nữ nói:

–Tôn giả là đại Thanh văn đầy đủ đại tuệ biện tài, hỏi một chút như vậy mà không trả lời được.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Người giải thoát thì xa lìa các danh ngôn, nên đối với điều đó tôi biết nói sao đây.

Thiên nữ nói:

–Văn tự được nói ra đều là tướng giải thoát. Vì sao? Vì tướng giải thoát này chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải chặng giữa mà có thể chứng đắc được. Văn tự cũng như vậy, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa mà có thể chứng đắc được. Cho nên chẳng phải lìa văn tự mà nói giải thoát. Vì sao? Vì tánh giải thoát ấy và tánh của tất cả pháp đều bình đẳng.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Há chẳng phải do lìa tham, sân, si... mà được giải thoát sao?

Thiên nữ nói:

–Vì những người tăng thượng mạn nên Đức Phật nói lìa tất cả tham, sân, si để được giải thoát. Nếu vì những người xa lìa tăng thượng mạn thì Ngài nói bản tánh của tất cả tham, sân, si... là giải thoát.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Lành thay! Này Thiên nữ! Làm thế nào mà cô chứng được trí tuệ biện tài như vậy?

Thiên nữ trả lời:

–Tôi không đắc, không chứng trí tuệ biện tài. Nếu nói tôi có đắc có chứng tức là kẻ tăng thượng mạn trong chỗ khéo thuyết pháp Tỳ-nại-da.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Đối với ba thừa, cô hướng về thừa nào?

Thiên nữ trả lời:

–Tôi hướng về cả ba thừa.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Cô dùng mật ý gì mà nói như vậy?

Thiên nữ nói:

–Vì thường giảng nói Đại thừa để người khác nghe, lãnh hội mà tôi làm Thanh văn. Vì tự nhiên hiện bày sự giác ngộ tánh chân thật của các

pháp mà tôi làm Duyên giác. Vì không bỏ tâm đại Từ bi mà tôi làm Đại thừa.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Vì hóa độ các hữu tình cầu thừa Thanh văn nên tôi làm Thanh văn. Vì hóa độ các hữu tình cầu thừa Độc giác nên tôi làm Độc giác. Vì hóa độ các hữu tình cầu thừa Vô thượng nên tôi làm Đại thừa.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Như có người vào rừng Chiêm-bặc-ca chỉ ngửi mùi thơm của cây Chiêm-bặc-ca chứ không thích ngửi mùi thơm của cây cỏ khác. Cũng vậy, nếu ai ở nhà này thì chỉ thích mùi thơm công đức của Đại thừa chứ không thích những mùi thơm công đức của Thanh văn, Độc giác. Vì trong nhà này luôn được xông ướp mùi hương thơm nơi công đức vi diệu của tất cả pháp Phật.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nếu có Thích, Phạm, bốn Đại Thiên vương, Na-dà, Dạ-xoa, A-tố-lạc... cho đến Nhân phi nhân mà vào nhà này đều được chiêm ngưỡng Đại sĩ và được gần gũi, lễ kính, cúng dường, nghe đại pháp. Tất cả đều phát tâm đại Bồ-đề, đều do mùi thơm công đức vi diệu của tất cả pháp Phật mà ra.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Tôi ở nhà này đã hơn mười hai năm rồi nhưng chưa hề nghe nói những ngôn luận tương ưng về Thanh văn, Độc giác, chỉ nghe các Bồ-tát Đại thừa hành ngôn luận tương ưng với diệu pháp đại Từ, đại Bi bất khả tư nghì của chư Phật.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này thường hiện lên tám pháp thù thắng chưa từng có. Tám pháp ấy là gì? Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nghĩa là nhà này thường có ánh sáng màu vàng ròng chiếu rực rỡ khắp ngày lẫn đêm đều giống nhau, không cần ánh sáng của mặt trời chiếu vào. Đó là pháp thù thắng chưa từng có thứ nhất.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này thường có tất cả Nhân phi nhân ở thế gian. Sau khi họ đã vào nhà này thì không bị tất cả phiền não làm hại. Đó là pháp thù thắng chưa từng có thứ hai.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này thường có những Thích, Phạm, bốn Đại Thiên vương... và các Đại Bồ-tát ở thế giới khác tụ tập không bao giờ ngớt. Đó là pháp thù thắng chưa từng có thứ ba.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này thường nghe ngôn luận tương ưng với sáu Ba-la-mật bất thoái chuyển của Bồ-tát. Đó là pháp thù thắng chưa từng có thứ tư.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này thường tấu lên những âm nhạc của trời, người. Từ những âm nhạc ấy diễn ra vô lượng trăm ngàn pháp âm. Đó

là pháp thù thắng chưa từng có thứ năm.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này có bốn kho báu lớn, châu ngọc đầy ắp không bao giờ hết, đem cung cấp bố thí cho tất cả những người nghèo khổ, người đơn chiếc, cô độc, người không chỗ nương tựa, người xin ăn, làm cho họ đầy đủ, nhưng châu báu không bao giờ hết. Đó là pháp thù thắng chưa từng có thứ sáu.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này có Như Lai Thích-ca Mâu-ni, Như Lai Vô Lượng Thọ, Như Lai Nan Thắng, Như Lai Bất Động, Như Lai Bảo Thắng, Như Lai Bảo Diệm, Như Lai Bảo Nguyệt, Như Lai Bảo Nghiêm, Như Lai Bảo Âm Thanh, Như Lai Sư Tử Hống, Như Lai Nhất Thiết Nghĩa Thành... vô lượng Đức Như Lai khắp mười phương như vậy, nếu Đại sĩ này phát tâm cầu thỉnh thì chư Như Lai lập tức đến giảng nói tất cả pháp môn bí yếu của chư Phật. Nói xong thì đi ngay. Đó là pháp thù thắng chưa từng có thứ bảy.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này luôn hiện tất cả cõi Phật trang nghiêm đủ công đức và các thứ trang sức lộng lẫy của cung điện trời. Đó là pháp thù thắng chưa từng có thứ tám.

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Nhà này luôn hiện tám pháp thù thắng chưa từng có như vậy. Ai có pháp bất tư nghì này mà còn phát tâm thích cầu pháp Thanh văn, Độc giác sao?

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Thiên nữ:

–Sao cô không chuyển thân nữ này?

Thiên nữ trả lời:

–Tôi ở nhà này đã hơn mười hai năm, tìm cầu tánh người nữ mãi vẫn không được thì làm sao có sự chuyển?

Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Ví như thầy ảo thuật hóa ra huyễn nữ. Nếu ai có hỏi: " Sao cô không chuyển thân nữ này?" Hỏi như vậy có đúng không?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Thiên nữ, không đúng. Vì huyễn đã không thật thì làm sao mà chuyển.

Thiên nữ nói:

–Cũng vậy, tánh tướng của các pháp đều chẳng chân thật, giống như huyễn hóa, tại sao Tôn giả hỏi là không chuyển thân nữ?

Ngay lúc đó, Thiên nữ dùng sức thần thông biến Tôn giả Xá-lợi Tử giống như một Thiên nữ, rồi tự biến mình như Tôn giả Xá-lợi Tử và hỏi:

–Sao Tôn giả không chuyển thân nữ đi?

Khi ấy, với dáng Thiên nữ, Tôn giả Xá-lợi Tử trả lời:

–Tôi không biết việc chuyển làm mất thân nam để thành thân nữ!

Thiên nữ lại nói:

–Nếu Tôn giả có thể chuyển thân nữ này, thì tất cả thân nữ khác cũng sẽ có thể chuyển được. Như Tôn giả Xá-lợi Tử thật chẳng phải là nữ mà hiện thành thân nữ. Tất cả thân nữ khác cũng lại như vậy. Mặc dù hiện thân nữ nhưng thật sự chẳng phải là nữ. Đức Thế Tôn y vào mật ý này mà giảng nói tất cả pháp chẳng phải nam, chẳng phải nữ.

Sau khi nói vậy xong, Thiên nữ thâu hồi thần lực trở lại và ai nấy đều hiện ra thân cũ của mình.

Thiên nữ hỏi Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Tôn giả, thân nữ nay ở đâu?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Thân nữ của tôi không còn, không biến chuyển.

Thiên nữ nói:

–Lành thay! Lành thay! Tôn giả! Tất cả cũng như vậy không còn, không chuyển, nói tất cả pháp không còn, không chuyển, đó chính là Phật ngữ.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Thiên nữ:

–Ở đây nếu cô chết rồi sẽ sinh ở đâu?

Thiên nữ nói:

–Chỗ Như Lai hóa sinh ở đâu thì tôi sẽ sinh nơi chỗ đó.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi:

–Hóa Như Lai không chết không sinh. Vì sao nói sẽ có chỗ sinh?

Thiên nữ trả lời:

–Thưa Tôn giả! Nên biết các pháp và hữu tình cũng như vậy, không diệt không sinh. Vì sao hỏi tôi sẽ sinh vào chỗ nào?

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Thiên nữ:

–Bao lâu nữa cô sẽ chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng?

Thiên nữ trả lời:

–Nếu như Tôn giả Xá-lợi Tử trở lại làm phàm phu, đầy đủ pháp phàm phu thì tôi chứng Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng lâu hay gần cũng thế.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Không xứ sở, không quả vị, tôi sẽ trở thành phàm phu đầy đủ pháp phàm phu.

Thiên nữ nói:

–Tôn giả, cũng vậy, khi nào không có xứ sở, không có quả vị thì tôi sẽ chứng Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Vì Bồ-đề vô thượng là không có chỗ trụ, cho nên cũng không chứng Bồ-đề.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Nếu vậy vì sao Đức Phật nói hằng hà sa chư Phật hiện chứng Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, đã chứng, sẽ chứng.

Thiên nữ nói:

–Thưa Tôn giả! Đó đều là dùng ngôn ngữ, văn tự của thế tục mà nói có chư Phật ba đời chứng đắc, chứ chẳng phải nói Bồ-đề có quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì Bồ-đề vô thượng là vượt qua ba đời. Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Tôn giả đã chứng đắc A-la-hán rồi sao?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Không đắc mà đắc, đắc mà không chỗ đắc.

Thiên nữ nói:

–Thưa Tôn giả! Bồ-đề cũng thế, không chứng mà chứng, chứng mà không chỗ chứng.

Khi ấy, Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói với Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Thiên nữ này đã từng cúng dường, gần gũi, tôn thờ hơn chín mươi hai trăm ngàn câu-chi na do đa Đức Phật, trí tuệ thần thông đã tự tại, sở nguyện đã đầy đủ, đắc Nhẫn vô sinh đối, với Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng đã vĩnh viễn bất thoái chuyển, theo diệu lực của bản nguyện, theo sở thích của mình, theo chỗ thích nghi mà tạo mọi thành thục cho chúng sinh.

-oOo-

PHẨM 8: BỒ-ĐỀ PHẦN

Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Với các pháp Phật, Bồ-tát làm thế nào để đạt đến chỗ cứu cánh?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Nếu các Bồ-tát hành không phải là nơi hướng tới thì mới đạt đến chỗ cứu cánh của pháp Phật.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Bồ-tát hành không phải là nơi hướng tới như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng trả lời:

–Các Bồ-tát mặc dù hành nơi cõi năm tội vô gián nhưng không có tâm sân giận, não hại. Mặc dù hành nơi cõi Ma-lạc-ca (địa ngục) nhưng lìa tất cả bụi bặm cấu uế phiền não. Mặc dù hành nơi các cõi bàng sinh nhưng lìa tất cả vô minh tăm tối. Mặc dù hành nơi cõi A-tố-lạc, (ngạ quỷ) nhưng lìa tất cả cao ngạo ngã mạn. Mặc dù hành nơi cõi Diệm-ma vương nhưng chứa nhóm hành trang phước tuệ rộng lớn. Mặc dù hành cõi định vô sắc nhưng không thích hướng về cõi đó. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh tham dục nhưng không thọ dục tất cả những gì ở trong đó, lìa tất cả sự đắm nhiễm. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh sân giận nhưng đối với tất cả cảnh giới của hữu tình lìa các sân giận, không có tâm tổn hại. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh ngu si nhưng với tất cả pháp đều xa lìa vô minh tăm tối, dùng ánh sáng trí tuệ để tự điều phục mình. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh tham lam keo kiệt nhưng vứt bỏ những gì trong ngoài, không đoái hoài đến thân mạng mình. Mặc dù thị hiện hành cõi hạnh phạm giới nhưng sống an ổn trong tất cả giới, công đức Đầu-đà ít muốn, biết đủ, trong một tội nhỏ cũng thấy rất sợ hãi. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh sân giận mà an trụ hoàn toàn vào tâm Từ bi không não hại. Mặc dù thị hiện hành cõi hạnh biếng nhác nhưng siêng năng tu tập tất cả căn lành, tinh tấn không thay đổi. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh căn loạn nhưng luôn an nhiên tịch tĩnh. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh ác tuệ nhưng hoàn toàn thông đạt tất cả tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, có lòng tin đạt cứu cánh tuệ Ba-la-mật đa. Mặc dù thị hiện hành cõi hạnh dua nịnh dối trá, nhưng hoàn thành phương tiện thiện xảo. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh phương tiện mật ngữ kiêu mạn, nhưng đều dốc thành lập cầu đò để cứu giúp muôn người. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh tất cả phiền não của thế gian nhưng tánh thanh tịnh hoàn toàn không nhiễm. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh chúng ma, nhưng có trí tuệ giác ngộ tất cả pháp Phật và tự chứng biết không nhờ vào người khác. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh Thanh văn nhưng giảng pháp chưa từng nghe cho các hữu tình. Mặc dù thị hiện hành nơi cõi hạnh Độc giác nhưng vì hoàn thành đại Từ, đại Bi tạo mọi thành thục cho chúng sinh. Mặc dù thị hiện ở cõi bần cùng nhưng được của cải châu báu vô tận. Mặc dù thị hiện ở cõi khuyết căn nhưng đầy đủ tướng tốt đẹp đẽ. Mặc dù thị hiện ở cõi ti tiện nhưng sinh vào nhà Phật thuộc dòng họ tôn quý tích tập hành trang phước tuệ thù thắng. Mặc dù ở cõi gầy ốm, xấu xí, bị mọi người ghét nhưng được thân như Na-la-diên đẹp đẽ, các hữu tình thích nhìn. Mặc dù ở cõi già bệnh, nhưng diệt trừ rốt ráo căn già bệnh vượt qua các sợ hãi về chết. Mặc dù hiện ở cõi cầu của cải địa vị, nhưng tu

tập nhiều quán tưởng vô thường, dứt các sự mong cầu. Mặc dù hiện ở cõi cung thất kỹ nữ với các thú vui nhưng luôn vượt qua khỏi các bùn dơ dục lạc, tu tập rốt ráo hạnh xa lìa. Mặc dù hiện ở cõi đần độn nhưng đầy đủ trang nghiêm biện tài, đắc Đà-la-ni, trí tuệ nhớ không mất. Mặc dù ở cõi tà đạo nhưng lấy chánh đạo độ các hữu tình. Mặc dù hiện ở cõi tất cả sinh nhưng thật sự đoạn hẳn tất cả nơi chốn sinh khởi. Mặc dù hiện ở cõi Bát-niết-bàn nhưng luôn xả bỏ sinh tử tương tục. Mặc dù thị hiện đắc diệu Bồ-đề chuyển đại pháp luân, nhập Niết-bàn, nhưng luôn siêng năng tu tập các hạnh Bồ-tát liên tiếp không gián đoạn.

Thưa Bồ-tát Diệu Cát Tường! Bồ-tát hành không phải là nơi hướng tới như vậy mới được gọi là đạt tới cõi cứu cánh của pháp Phật.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Cấu Xứng hỏi Đại sĩ Diệu Cát Tường:

–Những gì là chủng tánh của Như Lai? Xin Đại sĩ lược nói cho.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Tất cả chủng tánh của thân hư giả, là chủng tánh của Như Lai, tất cả chủng tánh của vô minh hữu ái là chủng tánh của Như Lai, chủng tánh của tham dục, sân giận, ngu si là chủng tánh của Như Lai, chủng tánh của hư vọng điên đảo là chủng tánh của Như Lai. Như vậy tất cả chủng tánh của năm uẩn, chủng tánh của sáu xứ, chủng tánh của bảy thức trụ, chủng tánh của tám tà, chủng tánh của chín não, chủng tánh của mười đạo nghiệp bất thiện, đó là chủng tánh của Như Lai. Nói tóm lại, chủng tánh của sáu mươi hai kiến, tất cả phiền não, pháp ác, bất thiện là chủng tánh của Như Lai.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Căn cứ vào mật ngữ nào mà Đại sĩ nói như vậy?

Bồ-tát Diệu Cát Tường trả lời:

–Chẳng phải người thấy vô vi đã nhập vào vị Chánh tánh ly sinh thì có thể phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng, mà cốt yếu là trụ vào các hành hữu vi phiền não, người chưa kiến đế thì có thể phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng. Ví như nơi cao đất khô cằn thì không thể sinh hoa Ôn-bát-la, hoa Bát-đặc-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-đồ-lợi. Bốn loại hoa này chỉ mọc trong chỗ ẩm thấp có bùn nhơ. Cũng vậy, chủng tánh của hàng Thanh văn, Độc giác đã thấy vô vi, đã nhập Chánh tánh ly sinh thì không thể phát tâm Nhất thiết trí. Chỉ ở trong các hành ẩm thấp bùn nhơ của phiền não mới phát sinh Nhất thiết trí. Vì ở trong ấy có thể sinh trưởng các pháp Phật.

Này thiện nam! Ví như trồng cây ở giữa hư không thì không bao giờ sinh trưởng, mà phải trồng nơi đất thấp ướt có phân mới sinh trưởng được. Cũng vậy, chủng tánh của hàng Thanh văn, Độc giác đã thấy vô vi, đã nhập

vào vị Chánh tánh ly sinh, thì không thể làm tăng trưởng các pháp Phật. Mặc dù phát sinh thân kiến lớn như núi Diệu cao nhưng có thể phát nguyện đại Bồ-đề. Vì ở trong đó phát sinh các pháp Phật.

Này thiện nam! Nếu như người không vào biển cả thì không thể lấy được châu báu phệ lưu ly vô giá, không vào biển cả sinh tử phiền não thì không bao giờ phát sinh châu báu Nhất thiết trí vô giá. Thế nên biết chủng tánh của tất cả phiền não, sinh tử là chủng tánh của Như Lai.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp khen Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Lành thay! Lành thay! Đại sĩ nói rất hay, là lời chân thật, lời thành thật, lời không khác. Đúng như Đại sĩ đã nói, tất cả chủng tánh của phiền não sinh tử là chủng tánh của Như Lai. Vì sao? Vì trong tâm tương tục của chúng tôi hiện nay, chủng tánh sinh tử đã khô nát rồi nên không bao giờ phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng giác. Thà có thể tạo nên nghiệp năm tội vô gián chứ không làm A-la-hán như chúng tôi không thể đạt đến giải thoát cứu cánh. Vì sao? Vì tạo nên nghiệp năm tội vô gián còn có năng lực làm dứt hết nghiệp ấy để phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng, lần lần thành tựu tất cả pháp Phật. Còn các A-la-hán chúng tôi thì không bao giờ có khả năng như vậy. Ví như người bị khuyết căn thì không thể nào hưởng được năm dục. Cũng vậy, các A-la-hán trừ sạch các lậu, đã dứt hẳn các kết sử thì không thể làm gì được với pháp Phật. Lại không có ý chí cầu diệu pháp của chư Phật. Cho nên hàng phàm phu có thể báo ân Phật, còn hàng Thanh văn, Độc giác thì không thể nào báo ân được. Vì sao? Vì phàm phu sau khi nghe pháp Phật thì tăng trưởng công đức, làm cho Tam bảo không đoạn tuyệt, có thể phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng, dần dần thành tựu các pháp Phật. Còn hàng Thanh văn, Độc giác dù trọn đời nghe nói về Vô úy, Lực của Phật cho đến tất cả công đức Bất cộng nơi pháp Phật... cũng không bao giờ phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng.

Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Cư sĩ! Cha mẹ, vợ con, nô tỳ, tôi tớ, bạn bè quyến thuộc, thị vệ, voi ngựa, xe cộ, người giữ ngựa ở đâu sao không thấy gì cả?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói kệ trả lời:

Tuệ độ: Mẹ Bồ-tát
Thiện phương tiện là cha
Những đạo sư thế gian
Đều do đấy mà sinh.
Diệu pháp lạc là vợ

Từ bi là con gái
Pháp chân đế: Con trai
Thắng nghĩa không là nhà.
Phiền não là đệ tử
Tùy ý mà chuyển hóa
Giác phần là bạn lành
Do đấy thành Chánh giác.
Sáu Độ là quyến thuộc
Bốn Nhiếp là kỹ nữ
Kết tập chánh pháp ngôn
Để làm âm nhạc diệu.
Tổng trì là vườn hoa
Đại pháp là cây rừng
Trang hoàng hoa giác phẩm
Quả giải thoát, trí tuệ.
Ao tám giải vi diệu
Nước định đầy, trong suốt
Trải đầy hoa bảy tịnh
Rửa sạch các bụi cấu.
Voi ngựa là thần thông
Lấy Đại thừa làm xe
Điều khiển: Tâm Bồ-đề
Đi vào đường tám chánh.
Trang hoàng bằng tướng diệu
Xen lẫn những tướng đẹp
Xấu hổ là y phục
Thắng ý lạc: vòng hoa.
Chánh pháp là châu báu
Hiển bày là phương tiện
Hành đúng đắn thắng lợi
Hồi hướng đại Bồ-đề.
Bốn tĩnh lự là giường
Sống trong sạch là nệm
Niệm trí luôn giác ngộ
Luôn luôn ở trong định.
Đã ăn, pháp bất tử
Lại uống mùi giải thoát
Tắm rửa tâm thanh tịnh

Xoa ướp bằng giới phẩm.
Tiêu diệt giặc phiền não
Dũng mãnh không ai bằng
Chiến thắng bốn quân ma
Dựng thắng cờ giác ngộ.
Tuy thật không sinh diệt
Cho nên nghĩ thọ sinh
Đều hiện các cõi Phật
Như mặt trời chiếu khắp.
Đem hết món thượng hạng
Cúng dường chư Như Lai
Với Phật và thân mình
Tất cả không phân biệt.
Dù biết các cõi Phật
Và hữu tình đều không
Nhưng thường tu tịnh độ
Lợi vật không mệt mỏi.
Tất cả các hữu tình
Sắc thanh và oai nghi
Bồ-tát lực vô úy
Đều hiện trong chốc lát.
Dù biết các nghiệp ma
Thị hiện chuyển theo đó
Đạt phương tiện cứu cánh
Tùy ý thành tựu cả.
Hoặc thị hiện thân mình
Có những già, bệnh, chết
Làm thành thục hữu tình
Như pháp huyễn tự tại.
Hoặc hiện nổi kiếp thiêu
Trời đất đều cháy rụi
Vì hữu tình chấp thường
Chiếu để biết mau diệt.
Ngàn câu-chi hữu tình
Cùng đến mời Bồ-tát
Nhận sự cúng dường ấy
Khiến họ hướng Bồ-đề.
Với những cấm chú thuật

Thư luận và kỹ nghệ
Đều biết rất hoàn hảo
Tạo lợi lạc hữu tình.
Các đạo pháp thế gian
Đều xuất gia trong đó
Theo phương tiện lợi sinh
Không rơi vào các kiến.
Hoặc làm mặt trời, trăng
Phạm vương chủ thế giới
Địa thủy và hỏa phong
Tạo lợi ích muôn loài.
Gặp kiếp bệnh truyền nhiễm
Hiện làm các thuốc hay
Diệt trừ các bệnh khổ
Để hướng đại giải thoát.
Nếu với kiếp đói khát
Hiện làm các thức ăn
Trước trừ đói khát ấy
Rồi nói pháp để vui.
Nếu với kiếp đao binh
Thì tu Từ bi tịnh
Để vô lượng chúng sinh
Vui mừng không sân giận.
Nếu gặp lúc đại chiến
Hiện các nhóm có sức
Đến giải hòa cho họ
Khuyến phát tâm Bồ-đề.
Các cõi Phật vô lượng
Địa ngục cũng vô biên
Đi ngay đến nơi ấy
Cứu khổ để an vui.
Ở các cõi bàng sinh
Tàn hại ăn nuốt nhau
Đều thị hiện vào đó
Lợi lạc nói đời trước.
Thị hiện thọ các dục
Nhưng luôn tu tĩnh lự
Chế ngự các ma ác

Để chúng không làm hại.
Như hoa mọc trong lửa
Nói là việc hiếm có
Tu định mà hành dục
Càng hiếm có hơn đây.
Hoặc hiện làm dâm nữ
Dụ những kẻ háo sắc
Trước dẫn bằng tướng dục
Sau bảo tu trí Phật.
Hoặc làm chủ thành ấp
Chủ buôn và quốc sư
Quan viên đến giúp đỡ
Làm lợi lạc hàm thức.
Vì những người khốn khổ
Hiện làm kho vô tận
Cung cấp hết nghèo đói
Khiến hướng đại Bồ-đề.
Với những người kiêu mạn
Hiện làm đại lực sĩ
Bẻ gãy cống cao ấy
Để trụ nguyện Bồ-đề.
Với những người sợ hãi
Dùng cách an ủi họ
Sau họ hết sợ rồi
Khuyên phát tâm Bồ-đề.
Hiện làm Tiên ngũ thông
Tu phạm hạnh thanh tịnh
Khiến họ trụ an lạc
Trong giới, nhẫn, từ, thiện.
Hoặc thấy các hữu tình
Hiện tại cần giúp đỡ
Vì họ làm tôi tớ
Đệ tử để giúp họ.
Dùng đủ mọi phương tiện
Khiến ưa thích chánh pháp
Ở trong các phương tiện
Đều tu học hoàn hảo.
Với vô biên hành động

Vô biên việc đã làm
Vô biên trí viên mãn
Độ thoát vô biên chúng.
Giả sử tất cả Phật
Trụ trong trăm ngàn kiếp
Khen ngợi công đức ấy
Vẫn chưa thể cùng tận.
Ai nghe pháp như vậy
Không nguyện đại Bồ-đề
Trừ hữu tình thấp kém
Và người không chút trí.

-oOo-

PHẨM 9: PHÁP MÔN BẤT NHỊ

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Cấu Xứng hỏi khắp các Bồ-tát ở trong chúng:

–Bồ-tát ngộ nhập vào pháp môn bất nhị như thế nào? Theo khả năng biện tài của mình, các vị tùy ý nêu bày.

Khi ấy, các Bồ-tát trong chúng hội theo chỗ thấu đạt của mình, lần lượt bày tỏ.

Bồ-tát Pháp Tự Tại nói:

–Sinh và diệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ các pháp xưa nay không sinh cũng không diệt, chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh như vậy, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thắng Mật nói:

–Ngã và ngã sở được phân biệt là hai. Vì do chấp ngã nên chấp ngã sở. Nếu hiểu rõ không có ngã, cũng không có ngã sở, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Vô Thuấn nói:

–Hữu thủ và vô thủ, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ không thủ, không chỗ đắc. Vì không chỗ đắc nên không tăng, không giảm, không làm không nghỉ, không chấp trước vào tất cả pháp. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thắng Phong nói:

–Tạp nhiễm và thanh tịnh, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tạp nhiễm và thanh tịnh là không hai thì không phân biệt, đoạn hẳn sự phân biệt, hướng đến dấu vết tịch diệt. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Tinh nói:

–Tán động và suy nghĩ, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ không bị tán động, không có đối tượng được suy nghĩ thì không tác ý, trụ vào không tán động, không có đối tượng được suy nghĩ thì không tác ý. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Nhãn nói:

–Một tướng, không tướng, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ các pháp không có một tướng, không có tướng khác cũng không có không tướng, thì biết một tướng, tướng khác, không tướng ấy là bình đẳng. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Tý nói:

–Hai tâm Bồ-tát và Thanh văn là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tánh của hai tâm là không, như huyễn, không có tâm Bồ-tát, không có tâm Thanh văn. Tướng của hai tâm ấy bình đẳng đều như huyễn hóa. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Dục Dưỡng nói:

–Thiện và bất thiện, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tánh thiện và tánh bất thiện không có chỗ phát sinh. Tướng và vô tướng cả hai đều bình đẳng, không nắm bắt không buông xả. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Sư Tử nói:

–Có tội và không tội, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ có tội và không tội cả hai đều bình đẳng. Dùng tuệ kim cang mà thông đạt các pháp không buộc không mở, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Sư Tử Tuệ nói:

–Hữu lậu và vô lậu, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tánh của tất cả pháp đều bình đẳng. Đối với lậu và vô lậu không có hai tưởng. Nếu không chấp vào hữu tưởng không chấp vào vô tưởng, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tịnh Thắng Giải nói:

–Hữu vi và vô vi, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tánh của hai pháp đều bình đẳng. Xa lìa các hành, giác tuệ như hư không. Trí tuệ thanh tịnh, không chấp lấy không xả bỏ, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Na-la-diên nói:

–Thế gian và xuất thế gian, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ bản tánh của thế gian là không tịch, không nhập, không xuất, không trôi,

không tan, không mất, cũng không chấp trước. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Điều Thuận Tuệ nói:

–Sinh tử và Niết-bàn, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tánh của sinh tử vốn là không, không có lưu chuyển, cũng không tịch diệt. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hiện Kiến nói:

–Hữu tận và vô tận, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ hoàn toàn không có hữu tận và vô tận. Chủ yếu đạt rốt ráo tận mới gọi là tận. Nếu đạt rốt ráo tận thì không còn tận đó gọi là vô tận. Nghĩa là trong từng sát-na nhất định không có hữu tận tức là vô tận. Vì hữu tận không có nên vô tận cũng không có, biết rõ tánh của hữu tận và vô tận là không. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phổ Mật nói:

–Hữu ngã và vô ngã, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ hữu ngã còn không thể thủ đắc huống chi vô ngã, thấy tánh ngã và vô ngã không có hai. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Lôi Thiên nói:

–Minh và vô minh, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ bản tánh của vô minh là minh. Minh và vô minh cả hai đều không thể thủ đắc, không thể tính lường, vượt qua sự tính lường, trong ấy hiện quán bình đẳng không có hai. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

–Sắc, thọ, tưởng, hành và thức với không, phân biệt là hai. Nếu biết tánh của thủ uẩn vốn là không. Sắc ấy là không, chứ chẳng phải sắc diệt mới là không. Cho đến thức uẩn cũng như vậy. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Quang Tràng nói:

–Bốn giới và không, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết bốn giới tức là tánh hư không. Tánh của bốn giới và không dù trước, giữa, sau đều không điên đảo nên tỏ ngộ đi vào các giới. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Diệu Tuệ nói:

–Nhãn - sắc, nhĩ - thanh, tỷ - hương, thiệt - vị, thân - xúc, ý - pháp, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tánh của tất cả đều là không. Thấy tự tánh của nhãn đối với sắc không tham, không sân, không si. Như vậy cho đến thấy tự tánh của ý đối với pháp không tham, không sân, không si.

Như vậy đều là không. Đã thấy như vậy rồi nên an trụ trong tịch tĩnh. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Vô Tận Tuệ nói:

–Tánh bố thí với hồi hướng Nhất thiết trí, phân biệt là hai. Như vậy, phân biệt tánh của giới, nhẫn, tinh tấn, tĩnh lự, Bát-nhã và hồi hướng Nhất thiết trí đều là hai. Nếu hiểu rõ tánh bố thí tức là đã hồi hướng Nhất thiết trí. Tánh hồi hướng Nhất thiết trí ấy tức là bố thí. Như vậy, cho đến tự tánh của Bát-nhã tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí. Tánh hồi hướng Nhất thiết trí ấy tức là Bát-nhã. Nếu hiểu rõ một lý như vậy, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ- tên Thậm Thâm Giác nói:

–Không, Vô tướng và Vô nguyện, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ trong cái không ấy hoàn toàn không có tướng. Trong không tướng ấy cũng không có nguyện. Trong không nguyện này không có tâm, không có ý, không có thức để chuyển. Như vậy tức là một môn giải thoát, thâu gồm tất cả vào ba môn giải thoát. Nếu thông đạt như vậy, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Tịch Tĩnh Căn nói:

–Phật, Pháp, Tăng, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ tánh Phật là tánh Pháp - Pháp là tánh Tăng. Như thế, Tam bảo đều là tướng vô vi cùng đồng đẳng với hư không. Các pháp cũng như thế. Nếu thông đạt như vậy, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Vô Ngại Nhãn nói:

–Thân kiến với diệt thân kiến, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ thân kiến tức là diệt thân kiến. Biết rõ rốt ráo như vậy nên không khởi thân kiến. Đối với thân kiến và diệt thân kiến không có phân biệt, không phân biệt khác, chứng đắc tánh diệt rốt ráo của hai pháp ấy không nghi ngờ, không sợ hãi. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thiện Điều Thuận nói:

–Ba loại luật nghi của thân, khẩu, ý, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ ba loại luật nghi ấy đều là tướng vô tác. Tướng ấy không có hai. Vì sao? Vì ba đạo nghiệp này đều là tướng vô tác. Tướng thân vô tác tức là tướng ngữ vô tác. Tướng ngữ vô tác tức là tướng ý vô tác. Tướng ý vô tác tức là tướng của tất cả pháp đều vô tướng. Nếu nhập vào tướng vô tạo tác, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Phước Điền nói:

–Hành tội, hành phước và hành bất động, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ hành tội, hành phước và hành bất động đều là tướng vô tác. Tướng ấy không có hai. Vì sao? Vì tánh tướng của hành phước, hành tội và hành bất động đều là không. Trong cái không ấy, không có sự khác nhau giữa ba hành tội, phước và bất động. Thông đạt rõ như vậy tức là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói:

–Tất cả hai pháp do ngã mà phát sinh. Nếu các Bồ-tát biết thật tánh của ngã thì không khởi hai. Vì không phát khởi hai nên không phân biệt. Vì không phân biệt nên không có đối tượng để phân biệt. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Thắng Tạng nói:

–Tất cả hai pháp do có sở đắc mà phát sinh. Nếu các Bồ-tát biết rõ các pháp hoàn hoàn không sở đắc, không nắm bắt, không xả bỏ. Đã không nắm bắt không xả bỏ, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói:

–Sáng và tối, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ thật tướng là không tối không sáng, tánh nó không có hai. Ví như Bí-sô nhập định diệt tận thì không có sáng không có tối. Tướng của tất cả các pháp cũng như vậy. Lãnh hội các pháp bình đẳng như thế, tức là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

–Thích Niết-bàn và chán sinh tử là hai. Nếu các Bồ-tát biết rõ Niết-bàn và sinh tử không có gì thích hay chán thì không có hai. Vì sao? Vì nếu bị sinh tử trói buộc thì cầu giải thoát. Nếu hoàn toàn không còn sự trói buộc của sinh tử nữa thì cầu Niết-bàn giải thoát để làm gì? Thông đạt như vậy nên không còn trói buộc không giải thoát, không thích Niết-bàn không chán sinh tử. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Châu Kế Vương nói:

–Chánh đạo và tà đạo, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát an trụ vào chánh đạo, hành tà đạo là hoàn toàn không hành. Vì không hành nên không có hai tướng chánh đạo và tà đạo. Vì trừ bỏ hai tướng nên không có hai giác. Nếu không có hai giác thì ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Bồ-tát Đế Thật nói:

–Hư và thật, phân biệt là hai. Nếu các Bồ-tát quán tánh của thật đế còn không thấy thật làm sao thấy hư. Vì sao? Vì tánh này chẳng phải do

Nhục nhãn thấy, chỉ có Tuệ nhãn mới thấy. Khi thấy như vậy, đối với tất cả pháp không thấy, không phải là không thấy. Đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Theo sự hiểu biết của mình, các vị Bồ-tát trong hội lần lượt phân biệt nói xong, đồng thời hỏi Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Thế nào là Bồ-tát ngộ nhập vào pháp môn bất nhị?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói với các Bồ-tát:

–Với những lời các vị đã nói, mặc dù đều hoàn hảo nhưng theo ý của tôi thì các vị nói như vậy vẫn gọi là hai. Nếu các Bồ-tát đối với các pháp không nói, không năng, không biểu hiện, không chỉ thị, lìa các hý luận, dứt hẳn sự phân biệt, đó là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị.

Khi ấy, Đại sĩ Diệu Cát Tường hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Chúng tôi đã nói theo ý của mình rồi. Nhân giả hãy nói đi. Thế nào là Bồ-tát ngộ nhập vào pháp môn bất nhị?

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Cấu Xứng im lặng không nói.

Bồ-tát Diệu Cát Tường lên tiếng:

–Lành thay! Lành thay! Bồ-tát như vậy đúng là ngộ nhập vào pháp môn bất nhị. Trong đó hoàn toàn không có những phân biệt về văn tự, ngôn ngữ.

Khi các Bồ-tát nói pháp này, trong chúng hội có năm ngàn Bồ-tát được ngộ nhập vào pháp môn bất nhị. Cùng một lúc, tất cả đều chứng nhập pháp Nhẫn vô sinh.

-oOo-

KINH THUYẾT VÔ CẤU XỨNG

QUYỂN 5

PHẨM 10: PHẬT HƯƠNG ĐÀI

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi Tử suy nghĩ: "Sắp đến giờ ăn, các Đại Bồ-tát này nói pháp chưa xong. Thanh văn chúng ta và các Bồ-tát sẽ thọ thực ở đâu?" Biết ý nghĩ của Tôn giả Xá-lợi Tử, Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Thưa Đại đức! Đức Như Lai dạy tám pháp giải thoát cho các vị Thanh văn, Tôn giả đã hiểu rồi nên đừng vì tài thực mà làm nhiễm ô tâm mình, hãy lắng nghe chánh pháp. Nếu Tôn giả muốn ăn thì hãy đợi một chút sẽ có món ăn chưa từng có.

Nói xong, Bồ-tát Vô Cấu Xứng liền nhập vào định Vi diệu tịch, dùng thần thông thù thắng thị hiện làm cho các Bồ-tát, đại Thanh văn thấy cách cõi Phật này về phương trên, qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên Nhất thiết diệu hương, Phật ở cõi ấy hiệu Tối Thượng Hương Đài, hiện đang trụ trì an ổn. Trong cõi ấy có mùi thơm vi diệu bậc nhất, các mùi thơm nơi cõi trời, người, cõi Phật khác nơi khắp mười phương cũng không sánh bằng. Cây cối trong cõi ấy đều tỏa ra mùi thơm ngọt ngào xông ướp tất cả mọi chốn. Cõi ấy không có tên của hàng Nhị thừa, chỉ có mỗi chúng Đại Bồ-tát thanh tịnh và được nghe Đức Như Lai Tối thượng Hương Đài thuyết pháp. Nơi thế giới này, tất cả lầu đài, cung điện, nơi kinh hành, vườn cây, y phục đều do vô số những hương thơm vi diệu tạo thành. Mùi thơm mà Đức Thế Tôn và chúng Bồ-tát nơi cõi ấy ăn là vi diệu hơn hết, xông ướp khắp vô lượng cõi Phật trong mười phương.

Khi Đức Như Lai và các Bồ-tát ấy cùng ngồi thọ thực, có vị trời tên là Hương Nghiêm, đã phát tâm sâu rộng đối với pháp Đại thừa dâng cúng Đức Như Lai và các vị Bồ-tát nơi cõi ấy.

Bấy giờ, tất cả đại chúng ở đây đều thấy Đức Như Lai cùng các Bồ-tát ngồi thọ thực với những sự việc như vậy.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng hỏi tất cả các vị Bồ-tát:

–Thưa các vị, ai có thể đến đó xin lấy cơm thơm vi diệu?

Do diệu lực từ oai thần của Bồ-tát Diệu Cát Tường, các Bồ-tát đều

im lặng.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng hỏi Đại sĩ Diệu Cát Tường:

–Vì sao Bồ-tát không gia hộ cho đại chúng này, để đến nỗi như vậy?

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Này cư sĩ! Ông không nên khinh chê các vị Bồ-tát ở đây. Như Phật đã dạy: "Chớ khinh chê người chưa học."

Khi ấy, ngay trên giường, Bồ-tát Vô Cấu Xứng bèn hóa hiện một vị Bồ-tát ở trước mặt đại chúng với thân vàng rực, tướng tốt trang nghiêm, ánh sáng oai đức che lấp cả đại chúng và nói với vị hóa Bồ-tát:

–Thiện nam! Ông nên đến phương trên cách cõi Phật này qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có cõi Phật tên Nhất thiết diệu hương, Phật ở cõi ấy hiệu Tối Thượng Hương Đài, đang cùng thọ thực với các Bồ-tát. Ông hãy đến đó, đảnh lễ nơi chân Phật và nói như vầy: "Phương dưới có Bồ-tát Vô Cấu Xứng, cúi đầu lạy nơi chân Ngài, gởi lời kính thăm Đức Thế Tôn có ít bệnh, ít phiền, đi đứng nhẹ nhàng, sức khỏe điều hòa và an lạc không? Nơi xa, tâm luôn hướng đến, đi nhiễu theo phía bên phải hơn trăm ngàn vòng, đảnh lễ nơi chân Thế Tôn và thưa xin được phần cơm thừa của Ngài để về cõi Kham nhẫn nơi phương dưới làm Phật sự, khiến cho các hữu tình ham dục lạc, tâm ý thấp kém sẽ ưa thích đại tuệ và cũng làm cho tiếng lành cùng vô lượng công đức của Như Lai bay tỏa khắp nơi."

Tức thì, trước đại chúng, hóa Bồ-tát liền bay lên hư không, toàn thể đại chúng đều thấy. Với thần thông nhanh chóng chỉ trong chốc lát đã đến cõi Nhất thiết diệu hương, đảnh lễ nơi chân Phật Tối Thượng Hương Đài và nói lại: "Phương dưới có Bồ-tát tên Vô Cấu Xứng, cúi đầu đảnh lễ nơi chân và kính thăm hỏi Thế Tôn có ít bệnh, ít phiền não, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực điều hòa và an lạc không, nơi xa, tâm luôn hướng đến, đi nhiễu hơn trăm ngàn vòng, đảnh lễ nơi chân Ngài, thưa xin được phần cơm thừa của Thế Tôn để về cõi Kham nhẫn nơi phương dưới làm Phật sự, khiến cho các hữu tình ham dục lạc, tâm ý thấp kém sẽ ưa thích đại tuệ và cũng làm cho tiếng lành cùng vô lượng công đức của Như Lai được lan tỏa khắp nơi."

Thấy hóa Bồ-tát này với tướng tốt trang nghiêm, ánh sáng oai đức vi diệu thù thắng, các Bồ-tát phương trên khen ngợi là chưa từng có: "Đại sĩ này từ đâu đến, cõi Kham nhẫn ở đâu. Vì sao gọi là ham dục lạc, tâm ý thấp kém." Họ liền hỏi Như Lai Tối Thượng Hương Đài: "Cúi xin Đức Thế Tôn hãy nói cho chúng con biết về sự việc này."

Đức Phật nói: "Này các thiện nam! Cách cõi Phật này, về phương dưới, qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có cõi Phật tên Kham nhẫn,

Phật nơi cõi ấy hiệu Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang trụ trì an ổn trong đời năm trược, giảng dạy chánh pháp cho các hữu tình ưa thích pháp thấp kém. Cõi ấy có Bồ-tát tên Vô Cấu Xứng đã an trụ vào pháp môn giải thoát bất khả tư nghì. Vì muốn khai thị pháp diệu cho các Bồ-tát, nên sai hóa Bồ-tát đến đây, xưng dương công đức danh hiệu của ta, khen ngợi các đức trang nghiêm ở cõi này để các Bồ-tát nơi đây tăng trưởng căn lành."

Các Bồ-tát nơi cõi này đều nói: "Đức của vị ấy như thế nào mà hóa hiện đại thần thông, sức vô úy như vậy?"

Đức Phật Tối Thượng Hương Đài nói: "Này các thiện nam! Đại Bồ-tát ấy đã thành tựu pháp công đức lớn lao, thù thắng, trong một sát-na hóa hiện vô lượng, vô biên Bồ-tát. Ông ta sai các Bồ-tát này đi khắp tất cả cõi nước trong mười phương, thi hành Phật sự, để tạo lợi ích, an lạc cho vô lượng hữu tình."

Thế rồi, Đức Như Lai Tối Thượng Hương Đài liền lấy bát tỏa mùi hương thơm đựng đầy cơm được ướp những mùi thơm, trao cho vị hóa Bồ-tát, lúc này có chín trăm vạn Đại Bồ-tát đồng lên tiếng xin Đức Phật Tối Thượng Hương Đài: "Chúng con muốn cùng với hóa Bồ-tát này đến cõi Kham nhẫn nơi phương dưới, chiêm ngưỡng Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni, đảnh lễ, cung kính, nghe chánh pháp, cũng để chiêm ngưỡng, kính lễ Bồ-tát Vô Cấu Xứng cùng các vị Bồ-tát ở đó. Cúi xin Thế Tôn gia hộ cho phép."

Đức Phật Tối Thượng Hương Đài dạy: "Này các thiện nam! Nay đã đúng lúc, các ông hãy đi đi. Các ông phải tự thâu giữ mùi thơm trên nơi thể mình, rồi vào cõi Kham nhẫn, đừng để các hữu tình của cõi ấy say đắm, buông lung. Các ông phải giấu sắc tướng của mình rồi vào cõi Kham nhẫn, đừng để các Bồ-tát nơi cõi ấy sinh xấu hổ. Đối với cõi Kham nhẫn, các ông đừng có dấy tưởng cho là thấp kém mà tạo chướng ngại cho mình. Vì sao? Này các thiện nam! Vì tất cả các quốc độ đều như hư không. Chư Phật, Thế Tôn vì muốn tạo mọi thành tựu đầy đủ cho các hữu tình, theo sở thích của chúng mà thị hiện các cõi Phật, hoặc nhiễm, hoặc tịnh, tướng không nhất định, nhưng sự thật thì các cõi Phật đều thanh tịnh, không khác nhau."

Bấy giờ, hóa Bồ-tát nhận bát cơm đầy cùng với chín trăm vạn Bồ-tát Tăng, nương oai thần của Đức Phật ở đây và diệu lực của Bồ-tát Vô Cấu Xứng, bỗng nhiên biến mất, trong chốc lát lặng lẽ hiện nơi nhà của Bồ-tát Vô Cấu Xứng ở cõi Kham nhẫn. Lúc này, Bồ-tát Vô Cấu Xứng bèn hóa hiện ra chín trăm vạn tòa Sư tử, trang nghiêm đẹp đẽ giống hệt như các tòa

Sư tử ở trước. Các Bồ-tát đều đến ngồi. hóa Bồ-tát đem bát cơm đầy đưa cho Bồ-tát Vô Cấu Xứng. Bát cơm được ướp mùi thơm vi diệu, mùi thơm này bay tỏa khắp đại thành Quảng nghiêm và cả tam thiên đại thiên thế giới. Hết thảy các cõi đều tỏa ngát mùi thơm. Các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, Nhân phi nhân... trong đại thành Quảng nghiêm, ngửi mùi thơm này, khen ngợi là chưa từng có, ngạc nhiên vô cùng, thân tâm phấn chấn. Vua dòng Ly-chiêm-tỳ trong đại thành này tên Nguyệt Cái cùng tám vạn bốn ngàn họ Ly-chiêm-tỳ trang sức đẹp đẽ rồi đến nhà Bồ-tát Vô Cấu Xứng. Thấy trong nhà ấy số Bồ-tát rất đông, có các tòa Sư tử cao rộng đẹp đẽ, ai nấy đều rất vui mừng cho là chưa từng có, cùng lễ lạy các Bồ-tát và đại Thanh văn, rồi đứng lùi qua một bên.

Khi ấy, địa thần và hư không thần, chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc ngửi hương thơm ấy rồi bèn cùng với quyến thuộc cả vô số trăm ngàn vạn người đều đi tới nhà Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói với Tôn giả Xá-lợi Tử cùng hàng đại Thanh văn:

–Tôn giả hãy ăn thức ăn cam lộ của Đức Như Lai đã cho, nó được xông ướp bằng tâm đại Bi. Vậy đừng đem tâm hành hạn hẹp, phần nhỏ mà ăn thứ cơm này. Nếu ăn như vậy thì nhất định không thể tiêu hóa.

Trong chúng có vị Thanh văn thấp kém nghĩ: "Cơm này rất ít, làm sao đủ cho cả đại chúng đông đảo như thế này."

Hóa Bồ-tát nói:

–Các vị đừng đem phước tuệ ít ỏi của mình mà so lường với vô lượng phước tuệ của Như Lai. Vì sao? Vì nước nơi bốn biển cả có thể bị cạn nhưng thức ăn thơm ngon ấy không bao giờ hết. Giả sử tất cả hữu tình trong vô lượng đại thiên thế giới cứ mỗi người mỗi vắt cơm, vắt cơm ấy sánh bằng núi Tu-di, vắt cơm lớn như vậy thì ăn trải qua một kiếp hoặc hơn trăm kiếp vẫn không hết. Vì sao? Vì thức ăn ấy do giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến vô tận sinh ra. Thức ăn hương thơm dư thừa này của Như Lai, dù vô lượng hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới ăn qua trăm ngàn kiếp cũng không bao giờ hết.

Thế rồi, cả đại chúng đều ăn thức ăn này và tất cả đều no đủ, nhưng thức ăn vẫn còn dư. Sau khi ăn cơm này xong, các Thanh văn, Bồ-tát, trời, người... tất cả chúng hội đều cảm thấy thân an lạc, ví như Bồ-tát ở thế giới Nhất thiết an trụ trang nghiêm. Sau khi được hưởng tất cả an lạc, những lỗ chân lông trên thân của các vị ấy đều tỏa ra mùi thơm giống như cây thơm ở thế giới Nhất thiết diệu hương luôn tỏa ra vô lượng mùi thơm vi diệu.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Cấu Xứng hỏi các Bồ-tát cõi Nhất thiết diệu hương:

–Các vị biết không? Đức Như Lai của các vị giảng nói pháp cho các Bồ-tát như thế nào?

Các Bồ-tát đều trả lời:

–Đức Như Lai nơi cõi chúng tôi không dùng lời chữ để giảng nói pháp mà chỉ dùng hương thơm làm cho các Bồ-tát đều được điều phục cả. Các Bồ-tát ở cõi chúng tôi đều ngồi bên cây hương thơm. Những cây hương thơm ấy đều tỏa ra những mùi thơm ngào ngạt. Nghe mùi thơm này, các Bồ-tát ấy đạt được định Nhất thiết đức trang nghiêm. Sau khi đạt được định này thì có đầy đủ tất cả công đức của Bồ-tát.

Các Bồ-tát đến từ phương trên hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Như Lai Thích-ca Mâu-ni ở cõi này giảng pháp cho các hữu tình như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Hữu tình nơi cõi này rất cứng cỏi, khó giáo hóa, nên Đức Như Lai ở đây phải dùng những lời giảng nói cứng rắn để điều phục, giáo hóa họ. Dùng những lời nói cứng rắn để điều phục, giáo hóa như thế nào? Nghĩa là giảng nói đây là cõi địa ngục, đây là cõi bàng sinh, đây là cõi ngạ quỷ, đây là chỗ tai nạn, đây là chỗ người căn bị thiếu, đây là hạnh ác của thân, là quả báo theo hạnh ác của thân; đây là hạnh ác của lời nói, là quả báo thuộc hạnh ác của lời nói; đây là hạnh ác thuộc về ý, là quả báo thuộc hạnh ác của ý; đây là sát sinh, là quả báo sát sinh; đây là trộm cắp, là quả báo của trộm cắp; đây là tà dâm, là quả báo của tà dâm; đây là lời nói hư dối, là quả báo của lời nói hư dối; đây là lời nói ly gián, là quả báo của lời nói ly gián; đây là lời nói thô ác, là quả báo của lời nói thô ác; đây là lời nói thêu dệt, là quả báo của lời nói thêu dệt; đây là tham dục, là quả báo của tham dục; đây là sân giận, là quả báo của sân giận; đây là tà kiến, là quả báo của tà kiến; đây là keo kiệt, là quả báo của keo kiệt; đây là phá giới, là quả báo của phá giới; đây là sân hận, là quả báo của sân hận; đây là biếng nhác, là quả báo của biếng nhác; đây là loạn tâm, là quả báo của loạn tâm; đây là ngu si, là quả báo của ngu si; đây là chỗ thọ học, đây là chỗ vượt qua của sự học; đây là giữ giới, đây là phạm giới là Du-già, đây là đoạn hẳn, là chẳng đoạn hẳn; đây là chướng ngại, đây chẳng phải là chướng ngại, đây là phạm tội, đây là xuất tội; đây là tạp nhiễm, đây là thanh tịnh; đây là chánh đạo, đây là tà đạo; đây là thiện, đây là ác; đây là thế gian, đây là xuất thế gian; đây là có tội, đây là không có tội; đây là hữu lậu, đây là vô lậu; đây là hữu vi, đây là

vô vi; đây là công đức, đây là lỗi lầm; đây là có khổ, đây là không khổ; đây là có vui, đây là không vui; đây có thể nhàm chán, đây có thể ham thích; đây có thể vứt bỏ, đây có thể tu tập; đây là sinh tử, đây là Niết-bàn. Pháp có vô lượng môn như vậy, hữu tình nơi cõi này tâm cứng cỏi nên Như Lai ở đây nói những pháp môn như vậy khiến tâm họ an trụ để điều phục. Ví như voi ngựa hung hăng không thể điều phục được thì phải dùng biện pháp đánh đập đau đớn thấu xương tủy, sau chúng mới điều phục. Cũng vậy, hữu tình ở đây cứng cỏi khó giáo hóa, Đức Như Lai dùng phương tiện bằng những lời nói cay đắng đau đớn như vậy để ân cần dẫn dắt rồi sau điều phục họ nhập vào chánh pháp.

Sau khi nghe nói vậy, các Bồ-tát đến từ phương trên đều vui mừng cho là chưa từng có và cùng nói:

–Thật kỳ diệu thay! Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni luôn làm việc khó làm, ẩn giấu vô lượng công đức tôn quý nên thị hiện những phương tiện điều phục như vậy. Vì tạo mọi thành thục cho những hữu tình bần cùng, thấp kém nên dùng những phương pháp điều phục để làm lợi ích. Các Bồ-tát ở cõi này cũng chịu khổ, đủ những lao nhọc, thành tựu tâm đại Bi tinh tấn thù thắng, hy hữu, kiên cố không thể nghĩ bàn, trợ giúp để xiển dương chánh pháp vô thượng của Như Lai, đem lại lợi lạc cho hữu tình khó giáo hóa.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Đúng vậy! Đúng như lời Đại sĩ đã nói! Như Lai Thích-ca hay làm những việc khó làm, ẩn giấu vô lượng công đức tôn quý, không sợ lao nhọc, dùng phương tiện để điều phục những hữu tình cứng cỏi khó hóa độ như vậy. Các Bồ-tát sinh nơi cõi Phật này cũng kham chịu những lao nhọc, thành tựu tâm đại Bi tinh tấn tối thắng, kiên cố không thể nghĩ bàn, trợ giúp xiển dương chánh pháp vô thượng của Như Lai, tạo lợi lạc cho vô lượng hữu tình.

Đại sĩ nên biết! Bồ-tát nơi cõi Kham nhẫn này hành hạnh Bồ-tát, tạo lợi ích cho hữu tình được công đức trong một đời nhiều hơn công đức của Bồ-tát ở thế giới Nhất thiết diệu hương hành hạnh Bồ-tát, tạo lợi ích cho các hữu tình trong trăm ngàn đại kiếp. Vì sao? Vì cõi Kham nhẫn có mười điều tu tập pháp thiện mà các thế giới Phật thanh tịnh khác trong mười phương không có. Những gì là mười?

1. Lấy Bố thí để hộ trì người nghèo khổ.

2. Đem Tịnh giới để hộ trì người phá giới cấm.

3. Lấy Nhẫn nhục để hộ trì các sân giận.

4. Lấy Tinh tấn để hộ trì người biếng nhác.

5. Lấy Tĩnh lự để hộ trì người loạn tâm.

6. Lấy Thắng tuệ để hộ trì người ngu si.

7. Nói pháp trừ tám nạn để hộ trì tất cả hữu tình bị tám nạn.

8. Giảng nói chánh pháp Đại thừa, hộ trì tất cả những ai thích pháp nhỏ.

9. Đem những căn lành thù thắng hộ trì những người chưa có những căn lành.

10. Lấy bốn Nhiếp pháp vô thượng luôn tạo mọi thành thục cho tất cả hữu tình.

Đó là mười điều để tu tập pháp thiện, chỉ cõi Kham nhẫn này mới có đầy đủ, còn những cõi Phật thanh tịnh khác trong mười phương thì không có.

Khi ấy, các Bồ-tát ở cõi Nhất thiết diệu hương nói:

–Các Bồ-tát ở cõi Kham nhẫn này thành tựu bao nhiêu pháp để không bị thương tổn, sau khi ở cõi này qua đời lại sinh vào cõi thanh tịnh khác?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Các Bồ-tát ở cõi Kham nhẫn này thành tựu tám pháp nên không bị thương tổn, sau khi ở đây qua đời được sinh vào cõi thanh tịnh khác. Những gì là tám?

1. Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Đối với hữu tình, ta nên làm những việc thiện mà không nên trông mong quả báo thiện.

2. Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Ta nên thay thế chịu những khổ não cho tất cả hữu tình. Ta được những căn lành nào đều đem cho họ.

3. Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Với tất cả hữu tình, ta nên có tâm bình đẳng, tâm không sợ sệt.

4. Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Ta nên bẻ gãy tâm kiêu mạn của các hữu tình để có sự kính ái như Phật.

5. Bồ-tát có tâm tin hiểu tăng thượng với những kinh điển sâu xa chưa từng nghe, vừa được nghe thì không nghi ngờ, không hủy báng.

6. Bồ-tát không ganh tỵ khi thấy người khác có lợi dưỡng. Còn mình có lợi dưỡng thì không kiêu mạn.

7. Bồ-tát điều phục tâm mình, luôn xét lỗi của mình, không gièm chê lỗi người.

8. Bồ-tát không hề phóng dật, thích tìm cầu các pháp thiện, tinh tấn

tu hành pháp phần Bồ-đề.

Các Bồ-tát ở cõi Kham nhẫn này nếu thành tựu đầy đủ tám pháp trên thì không bị tổn thương, sau khi ở đây qua đời sinh vào cõi thanh tịnh khác.

Khi Bồ-tát Vô Cấu Xứng cùng với Bồ-tát Diệu Cát Tường, các vị Bồ-tát khác ở trong đại chúng giảng nói vô số pháp vi diệu, có trăm ngàn chúng sinh cùng phát tâm cầu đạo quả Chánh đẳng giác Vô thượng, mười ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

-oOo-

PHẨM 11: BỒ-TÁT HẠNH

Bấy giờ, Đức Phật vẫn còn đang giảng pháp cho đại chúng ở rừng Yêm-la-vệ, ngay chỗ chúng hội bỗng nhiên rực rỡ, rộng lớn, sạch đẹp. Tất cả đại chúng đều hiện màu vàng rực.

Tôn giả A-nan-đà liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đây là tướng báo trước điều gì, làm cho trong chỗ của chúng hội bỗng nhiên rực rỡ, rộng lớn, sạch đẹp như vậy và đại chúng đều hiện màu vàng rực?

Đức Phật bảo Cụ thọ A-nan-đà:

–Đó là Bồ-tát Diệu Cát Tường và Bồ-tát Vô Cấu Xứng cùng đại chúng cung kính, vây quanh muốn đến chúng hội này nên hiện tướng trước như thế.

Khi ấy, Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói với Đại sĩ Diệu Cát Tường:

–Chúng ta nên cùng các Đại sĩ đến đảnh lễ cúng dường chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn và nghe pháp diệu.

Bồ-tát Diệu Cát Tường nói:

–Đã đến lúc chúng ta cùng đi thôi.

Thế thì Bồ-tát Vô Cấu Xứng hiện sức thần thông khiến các đại chúng vẫn ngồi trên tòa Sư tử rồi đặt trong lòng bàn tay phải của mình để đi đến chỗ Phật. Sau khi đặt xuống đất rồi, tất cả đều cung kính đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu theo phía bên phải bảy vòng rồi lui ra đứng một bên, chắp tay hướng về Phật.

Các Đại Bồ-tát rời khỏi tòa Sư tử cung kính đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu theo phía bên phải ba vòng rồi đứng lui qua một bên, chắp tay hướng về Phật.

Các đại Thanh văn, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương Hộ thế... cũng rời

khỏi tòa cung kính đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi lùi qua một bên, đứng chắp tay hướng về Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn như pháp ân cần hỏi thăm các Đại Bồ-tát cùng tất cả đại chúng:

–Các Đại sĩ! Các ông hãy về lại tòa của mình.

Theo lời dạy của Đức Phật, các Bồ-tát đều trở về chỗ của mình và an tọa.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Ông có thấy việc thể hiện thần lực tự tại của Bồ-tát Đại sĩ tối thắng ấy không?

Tôn giả Xá-lợi Tử thưa:

–Thưa vâng, con đã thấy.

Thế Tôn lại hỏi:

–Ông có ý tưởng gì?

Tôn giả Xá-lợi Tử thưa:

–Có ý tưởng là khó nghĩ bàn. Con thấy Đại sĩ ấy với tác dụng nơi công đức của thần lực thì thật là bất khả tư nghì, không thể tính toán, không thể suy nghĩ, không thể nêu xưng, không thể ngợi khen hết được.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan-đà thưa:

–Bạch Thế Tôn! Mùi hương thơm con ngửi được từ xưa đến nay chưa từng có, ấy là mùi thơm gì?

Phật nói:

–Này Tôn giả A-nan-đà! Mùi thơm đó từ lỗ chân lông của các Bồ-tát tỏa ra.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói với Tôn giả A-nan-đà:

–Lỗ chân lông của chúng tôi cũng tỏa ra mùi thơm ấy.

Tôn giả A-nan-đà hỏi:

–Vì sao thân của quý thầy có mùi thơm?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Đó là do Bồ-tát Vô Cấu Xứng dùng thần lực tự tại sai hóa Bồ-tát đến cõi Phật của Như Lai Tối Thượng Hương Đài ở phương trên, xin thức ăn dư thừa của Đức Phật ấy, về cúng dường đại chúng vừa rồi. Ai ăn thứ cơm đó thì tất cả nơi lỗ chân lông đều tỏa ra mùi thơm.

Tôn giả A-nan-đà hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Hương thơm ấy tồn tại bao lâu?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Thức ăn chưa tiêu hết thì hương thơm ấy vẫn còn.

Tôn giả A-nan-đà hỏi:

–Như vậy thức ăn ấy bao lâu mới tiêu?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Thức ăn này phân tán trong thân bảy ngày bảy đêm sau đó mới tiêu dần dần. Mặc dù nó tiêu lâu nhưng không gây bệnh hoạn.

Tôn giả nên biết! Hàng Thanh văn thừa chưa nhập vị Chánh tánh ly sinh, nếu ăn thức ăn này thì đến khi nhập vị Chánh tánh ly sinh rồi, sau đấy mới tiêu. Nếu người chưa lìa dục mà ăn thức ăn này thì khi đạt lìa dục, sau đó mới tiêu. Người chưa giải thoát, nếu ăn thức ăn này, tâm giải thoát rồi sau đó mới tiêu. Những vị có chủng tánh Đại thừa Bồ-tát, chưa phát tâm Bồ-đề vô thượng, nếu ăn thức ăn này thì sau khi phát tâm mới tiêu. Ai đã phát tâm Bồ-đề, nếu ăn thức ăn này thì khi chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, sau đó mới tiêu. Ai đã chứng pháp Nhẫn vô sinh, nếu ăn thức ăn này thì khi an trụ nơi quả vị Bất thoái chuyển, sau đó mới tiêu. Ai đã an trụ vào quả vị Bất thoái chuyển rồi, nếu ăn thức ăn này thì lúc an trụ nơi quả vị Nhất sinh sở hệ (Nhất sinh bổ xứ) sau đó mới tiêu.

Tôn giả nên biết! Ví như ở thế gian có thuốc đại dược vương tên là Tối thượng vị, nếu chúng sinh bị độc nơi toàn thân thì lấy cho họ uống, cho đến các chất độc ấy chưa tiêu hết thì đại dược vương đó chưa tiêu, khi nào chất độc hết hẳn, sau đó thuốc mới tiêu. Ai ăn thức ăn này cũng vậy, nếu tất cả chất độc phiền não chưa diệt trừ thì thức ăn vẫn không tiêu. Sau khi diệt trừ phiền não rồi thì thức ăn mới tiêu.

Tôn giả A-nan-đà nói:

–Đại sĩ được thức ăn thơm chẳng thể nghĩ bàn như vậy, có thể vì chúng sinh mà làm các Phật sự.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông vừa nói. Bồ-tát Vô Cấu Xứng này được thức ăn thơm chẳng thể nghĩ bàn, có thể vì chúng sinh mà làm các Phật sự.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan-đà:

–Như Bồ-tát Vô Cấu Xứng được thức ăn thơm, vì chúng sinh mà làm các Phật sự. Nơi mười phương cõi, hoặc có cõi Phật khác dùng ánh sáng để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng cây Bồ-đề để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng Bồ-tát làm Phật sự. Có cõi Phật dùng việc thấy tướng tốt đẹp nơi sắc thân

Như Lai mà làm các Phật sự. Có cõi Phật dùng những hóa nhân để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng những y phục để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng các ngọa cụ để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng những thức ăn uống để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng vườn cây để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng lầu đài để làm Phật sự. Có cõi Phật dùng hư không để làm Phật sự. Vì sao? Vì các hữu tình nhân nơi các phương tiện ấy mà được điều phục hóa độ. Hoặc có cõi Phật vì các hữu tình dùng những văn tự để giảng nói ví dụ như huyễn, như mộng, trăng trong nước, tiếng vang vọng lại, dợn nắng, bóng trong gương, mây nổi, thành Kiền-đạt-phược, lưới Đế Thích... mà làm Phật sự. Có cõi Phật dùng âm thanh ngôn ngữ, văn tự giảng nói về tánh tướng của các pháp để làm Phật sự. Hoặc có cõi Phật thanh tịnh tĩnh nhiên không nói không năng, không chê không khen, không có chỗ tìm cầu, không hý luận, không hiển thị. Hữu tình được hóa hiện nhân đấy mà tịch tĩnh, tự nhiên chứng nhập vào tánh tướng của các pháp để thực hành Phật sự.

Như vậy, Tôn giả nên biết! Cõi Phật nơi mười phương thế giới nhiều vô biên, Phật sự đã làm cũng vô lượng, vô biên. Nói tóm lại, tất cả các oai nghi tiến dừng, mọi thọ dụng, thi hành đều là hóa hiện để điều phục hữu tình. Cho nên tất cả là Phật sự.

Lại nữa, tất cả bốn thứ ma, tám vạn bốn ngàn phiền não ở thế gian luôn gây não hại cho hữu tình. Chư Như Lai luôn vận dụng pháp này vì các chúng sinh mà làm Phật sự. Pháp môn như thế gọi là ngộ nhập vào tất cả pháp Phật.

Nếu các Bồ-tát hội nhập vào pháp môn này, thì dù thấy tất cả cõi Phật đã thành tựu vô lượng công đức nghiêm tịnh rộng lớn, nhưng không vui thích; dù thấy tất cả cõi Phật không có công đức, cấu uế, cũng không sinh buồn giận. Đối với chư Phật đã phát sinh tâm tin thượng phẩm, thì luôn cung kính, khen ngợi là chưa từng có, dù tất cả công đức của chư Phật đều bình đẳng viên mãn, vì đạt được tánh của tất cả pháp là hoàn toàn bình đẳng chân thật. Vì muốn tạo mọi thành tựu đầy đủ cho những hữu tình khác nhau mà thị hiện những cõi Phật khác nhau.

Các vị nên biết! Như các cõi Phật mặc dù đất đai có tốt xấu khác nhau, nhưng trên hư không thì hoàn toàn như nhau. Như vậy, nên biết chư Phật Thế Tôn vì muốn tạo mọi thành tựu đầy đủ cho các hữu tình mà thị hiện những sắc thân khác nhau, nhưng không bị chướng ngại và phước đức trí tuệ rốt ráo viên mãn thì hoàn toàn giống nhau.

Các vị nên biết! Tất cả Như Lai đều bình đẳng, đó là oai quang nơi sắc thân tối thượng, tròn đầy, vô tận, các tướng tốt, vẻ đẹp, chủng tộc tôn

quý, thanh tịnh, các thứ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, các lực, vô úy, pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, lợi ích an lạc, oai nghi, việc làm, chánh hạnh, thọ mạng, giảng pháp, độ thoát, tạo mọi thành thục các hữu tình, làm thanh tịnh cõi Phật, tất cả đều bình đẳng, viên mãn tối thượng, rốt ráo vô cùng tận. Cho nên chư vị đều đồng gọi là Chánh đẳng giác, gọi là Như Lai, gọi là Phật-đà.

Tôn giả nên biết! Giả sử Như Lai muốn phân biệt giảng rộng về nghĩa ba câu ấy, dù trải qua một kiếp ông nghe không gián đoạn, cho đến hết tuổi thọ của mình cũng không thể hiểu hết được. Giả sử hữu tình trong tam thiên đại thiên thế gian đều như Tôn giả A-nan-đà đạt được niệm Tổng trì, Đa văn bậc nhất, trải qua một kiếp nghe không gián đoạn cho đến trọn tuổi thọ, cũng không thể lãnh hội hết được. Nghĩa vi diệu của ba câu Chánh đẳng giác, Như Lai và Phật-đà ấy không thể nào giảng nói cặn kẽ, rốt ráo được, chỉ trừ chư Như Lai. Như vậy nên biết, Bồ-đề của chư Phật với công đức vô lượng, biện tài không ngưng trệ, là không thể nghĩ bàn.

Sau khi Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan-đà thưa:

–Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau con không dám tự xưng mình đã đạt niệm Tổng trì, Đa văn bậc nhất nữa.

Đức Phật nói:

–Tôn giả không nên có ý nghĩ thoái chuyển như vậy. Vì sao? Vì từ xưa đến nay Như Lai chỉ nói Tôn giả là người đạt được Tổng trì, Đa văn bậc nhất trong chúng Thanh văn chứ không nói trong hàng Bồ-tát. Tôn giả đừng nói nữa. Nếu người có trí thì không nên so lường việc làm của Bồ-tát. Tôn giả nên biết! Đáy biển cả sâu thẳm còn có thể lường được, còn biển cả trí tuệ, niệm, định, Tổng trì, biện tài của Bồ-tát thì không ai có thể lường nổi.

Thanh văn các ông hãy gác những việc làm thuộc cảnh giới của Bồ-tát qua một bên, không nên suy nghĩ nữa. Trong khoảng chừng một bữa ăn, Bồ-tát Vô Cấu Xứng đã thị hiện thần thông biến hóa như vậy, còn tất cả Thanh văn và các Độc giác, trải qua trăm ngàn đại kiếp dù tận lực thị hiện thần thông biến hóa cũng không bằng.

Bấy giờ, các Bồ-tát đến từ phương trên đều lễ lạy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chắp tay cung kính thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con mới đến thấy những sự việc ở cõi Phật này liền có ý tưởng cho là thấp kém. Bây giờ, chúng con thấy hối hận và đã trừ bỏ tâm ấy rồi. Vì sao? Vì cảnh giới của chư Phật có phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, vì muốn tạo mọi thành tựu đầy đủ cho các

hữu tình, nên theo sở thích khác nhau của chúng mà thị hiện các cõi Phật như vậy, như vậy.

Kính bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn ban bố cho chúng con chút pháp để khi trở về thế giới Nhất thiết diệu hương, nhờ pháp ấy chúng con luôn nhớ Đức Như Lai.

Sau khi các Bồ-tát ấy nói vậy, Đức Thế Tôn dạy:

–Này các thiện nam! Có pháp môn giải thoát của Bồ-tát gọi là Hữu tận vô tận. Các ông nên cung kính lãnh thọ siêng năng tu học. Sao gọi là hữu tận vô tận? Hữu tận tức là pháp hữu vi có sinh diệt. Vô tận tức là pháp vô vi không sinh diệt. Bồ-tát không nên dứt bỏ hữu vi cũng không nên trụ vào vô vi. Vì sao Bồ-tát không dứt tận hữu vi? Vì các Bồ-tát không rời bỏ đại Từ, đại Bi, đại Xả, luôn phát tâm tăng thượng ý lạc; tôn trọng giữ chặt tâm niệm vào Nhất thiết trí không bao giờ quên mất; làm thành tựu đầy đủ cho các hữu tình không biết chán bỏ; không lìa bỏ bốn Nhiếp pháp, giữ gìn chánh pháp không tiếc thân mạng; tu tập các pháp thiện không bao giờ biết đủ; thích an lập vào những phương tiện hồi hướng; tìm cầu chánh pháp không hề mệt mỏi; giảng giải giáo pháp không che giấu; luôn thích chiêm ngưỡng, cúng dường, phụng thờ chư Phật; vào trong sinh tử mà không sợ sệt, mặc dù gặp thịnh suy nhưng không vui buồn; không bao giờ khinh khi những vị chưa học; với những người đã tu học thì kính trọng như Phật; đối với phiền não xen tạp nên suy nghĩ đúng lý; không đắm nhiễm với các vui xa lìa; không tham chấp vào những sự vui của mình; thâm tâm tùy hỷ với sự vui của người; tu tập được tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí như tưởng về địa ngục, không vướng chấp vào đó, dạo qua sinh tử tưởng như vườn hoa không nhàm chán; với người đi xin tưởng như bạn lành; đem cho tất cả các thứ sở hữu không tiếc nuối; có tưởng hồi hướng lên trí Nhất thiết trí; với những người phạm giới cấm có tưởng cứu hộ; với các pháp Ba-la-mật-đa có tưởng như cha mẹ mau làm cho viên mãn; với pháp phần Bồ-đề có tưởng như người hầu cận khiến đạt cứu cánh; với các pháp thiện luôn luôn siêng năng tu tập; thích trang nghiêm cõi Phật; thích khen ngợi cõi Phật khác; thích mau thành tựu cõi Phật của mình; mau thành tựu các tướng trang nghiêm tốt đẹp, viên mãn, do tu hành thanh tịnh là đại thí chủ vô ngại; được thân khẩu ý nghiêm sức do xa lìa tất cả những pháp ác, phạm giới; thân tâm được thử thách chịu đựng, do xa lìa tất cả phiền não sân hận; tu hành mau được cứu cánh do đã trải qua vô số kiếp sinh tử; tâm mình dũng mãnh, vững chắc do nghe vô lượng công đức của Phật không mệt mỏi; muốn diệt trừ tận gốc phiền não oán địch, thì dùng phương tiện tu sửa bằng

kiếm Bát-nhã; muốn gánh vác gánh nặng cho các hữu tình do biết rõ về uẩn giới xứ; muốn chiến thắng tất cả quân ma do tinh tấn mạnh mẽ không biếng nhác; muốn hộ trì chánh pháp vô thượng do lìa ngã mạn, siêng năng cầu trí tuệ giáo hóa thiện xảo; được thế gian tôn trọng kính mến vâng lời do luôn thích hành ít muốn biết đủ; với pháp thế gian không tạp nhiễm, tùy thuận với tất cả oai nghi không hủy hoại mà còn thị hiện hết thảy việc làm, phát sinh những thần thông diệu tuệ, làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình; thọ trì hết thảy chánh pháp đã được nghe; có diệu trí nơi chánh niệm, Tổng trì; phát sinh diệu trí biết các căn hơn kém mà đoạn tất cả nghi ngờ của hữu tình để chứng đắc biện tài vô ngại; giảng giải chánh pháp không bao giờ ngưng trệ; được thọ hưởng hỷ lạc thù thắng nơi trời, người do siêng năng tu tập thanh tịnh mười đạo nghiệp thiện; khai mở con đường Phạm thiên do tinh tấn tu hành bốn trí vô lượng; được âm thanh thượng diệu của Phật do siêng năng cầu thỉnh giảng pháp rồi tùy hỷ khen ngợi; được oai nghi thượng diệu của Phật do thường tu ba nghiệp tịch tĩnh thù thắng; tu hành trong mỗi niệm được tăng trưởng tốt do tâm không đắm nhiễm vào tất cả pháp; khéo điều phục chư Bồ-tát Tăng do thường đem giáo lý Đại thừa khuyến khích chúng sinh tu học; không làm mất tất cả công đức do không bao giờ buông lung; các căn lành lần lượt tăng trưởng do thích tu hành các đại nguyện; muốn trang nghiêm tất cả cõi Phật do luôn siêng năng tu tập căn lành rộng lớn; sự tu hành được rốt ráo vô tận do thường tu tập theo phương tiện thiện xảo, hồi hướng.

Này các thiện nam! Tu hành pháp như vậy gọi là Bồ-tát không tận hữu vi.

Thế nào là Bồ-tát không trụ vô vi? Nghĩa là mặc dù Bồ-tát hành Không nhưng với cái không ấy lại không thích tác chứng. Mặc dù hành Vô tướng nhưng với vô tướng lại không thích tác chứng. Mặc dù hành Vô nguyện nhưng với vô nguyện lại không thích tác chứng. Mặc dù hành vô tác nhưng đối với vô tác lại không thích tác chứng. Mặc dù quán chư hành đều là vô thường nhưng tâm không nhàm chán căn lành. Mặc dù quán thế gian tất cả đều là khổ nhưng vẫn cố ý thọ sinh trong sinh tử. Mặc dù thích quán sát bên trong không có ngã nhưng hoàn toàn không xả bỏ chán thân mình. Mặc dù thích quán bên ngoài không có hữu tình, nhưng luôn giáo hóa, chỉ dạy tâm không hề mệt mỏi. Mặc dù quán Niết-bàn rốt ráo tịch tĩnh nhưng hoàn toàn không rơi vào tịch diệt. Mặc dù quán nẻo xa lìa hoàn toàn an lạc nhưng đều không nhàm chán thân tâm. Mặc dù thích quán sát không có A-lại-da nhưng không hề rời bỏ pháp tạng thanh bạch. Mặc dù quán sát các pháp hoàn toàn vô sinh nhưng luôn gánh vác, tạo lợi ích cho các chúng

sinh. Mặc dù quán vô lậu nhưng lại thọ nhận luân hồi không dứt trong sinh tử. Mặc dù quán vô hành nhưng luôn thực hành, làm thành thục cho các hữu tình. Mặc dù quán vô ngã nhưng đối với hữu tình không bỏ tâm đại Bi. Mặc dù quán vô sinh nhưng đối với hàng Nhị thừa không rơi vào chánh vị. Mặc dù quán các pháp là không tịch, rốt ráo nhưng chẳng hề không tịch nơi phần phước đức đã tu. Mặc dù quán các pháp đều là viễn ly nhưng không xa lìa trí tuệ đã tu được. Mặc dù quán các pháp hoàn toàn không thật nhưng luôn an trụ vào tư duy viên mãn. Mặc dù quán các pháp hoàn toàn không có chủ nhưng luôn siêng năng cầu trí tự nhiên. Mặc dù quán các pháp không có biểu tướng nhưng đối với chỗ nghĩa hiện rõ thì an lập vào hạt giống của Phật.

Này các thiện nam! Tu hành pháp này gọi là Bồ-tát không trụ vào vô vi.

Này thiện nam! Các Bồ-tát vì luôn siêng năng tu tập hành trang về phước nên không trụ vô vi; vì siêng năng tu tập hành trang về trí nên không tận hữu vi; vì thành tựu đại Từ không giảm sút nên không trụ vô vi; vì thành tựu đại Bi không giảm sút nên không tận hữu vi; vì làm lợi ích an lạc cho hữu tình nên không trụ vô vi; làm cứu cánh viên mãn các pháp Phật nên không tận hữu vi; làm thành tựu viên mãn sắc thân Phật trang nghiêm với tất cả tướng tốt đẹp nên không trụ vô vi; vì chứng đắc thân trí Phật, tất cả Lực, Vô úy... nên không tận hữu vi; dùng phương tiện thiện xảo giáo hóa chúng sinh nên không trụ vô vi; vì dùng trí tuệ vi diệu quán sát hoàn hảo nên không tận hữu vi; vì tu sửa cõi Phật rốt ráo viên mãn nên không trụ vô vi; vì Phật thân an trụ vào thường vô tận nên không tận hữu vi; luôn tạo lợi ích cho chúng sinh nên không trụ vô vi; vì lãnh thọ pháp nghĩa không phế bỏ nên không tận hữu vi; vì tích chứa căn lành vô tận nên không trụ vô vi; giữ gìn căn lành không đoạn mất nên không tận hữu vi; vì muốn thành tựu viên mãn sở nguyện từ xưa nên không trụ vô vi; đối với tịch diệt vĩnh viễn không mong cầu nên không tận hữu vi; làm viên mãn ý lạc thiện thanh tịnh nên không trụ vô vi; làm tăng trưởng ý lạc thiện thanh tịnh nên không tận hữu vi; vì luôn luôn tự tại nơi năm Thần thông nên không trụ vô vi; vì nhằm đạt tới Phật trí với sáu Thông khéo viên mãn nên không tận hữu vi; hành trang về Ba-la-mật-đa viên mãn nên không trụ vô vi; những suy nghĩ trước đây chưa viên mãn nên không tận hữu vi; cất chứa pháp bảo không nhàm chán nên không trụ vô vi; không thích mong cầu pháp nhỏ nên không tận hữu vi; giữ vững lời nguyện không thoái lui nên không trụ vô vi; có thể làm cho thệ nguyện đạt cứu cánh viên mãn nên không tận hữu vi; tích trữ tất cả diệu pháp nên không trụ vô vi; tùy theo người đáng trao pháp nên không

tận hữu vi; biết rõ bệnh phiền não của chúng sinh nên không trụ vô vi; diệt trừ mọi bệnh phiền não của chúng sinh nên không tận hữu vi.

Này các thiện nam! Bồ-tát không tận hữu vi, không trụ vô vi như vậy gọi là an trụ vào pháp môn giải thoát Hữu tận vô tận. Các ông nên tinh tấn tu hành.

Bấy giờ, các Bồ-tát ở cõi Phật của Như Lai Tối Thượng Hương Đài thuộc thế giới Nhất thiết diệu hương nghe giảng nói pháp môn giải thoát Hữu tận vô tận rồi, tức giáo pháp được khai mở, tâm họ phấn khởi, ai nấy đều rất vui mừng khôn xiết, bèn đem vô lượng các hương hoa thượng diệu và những vật trang nghiêm để cúng dường Đức Thế Tôn và các Bồ-tát cùng pháp môn giải thoát Hữu tận vô tận đã nói. Lại đem nhiều hương hoa thượng diệu rải khắp tam thiên đại thiên thế giới, hương hoa ấy che lấp mặt đất tới đầu gối.

Khi ấy, các Bồ-tát cung kính đảnh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, đi nhiễu theo phía bên phải ba vòng, khen ngợi ca tụng Như Lai Thích-ca Mâu-ni, các Bồ-tát và pháp đã được giảng nói. Thế rồi các vị Bồ-tát ở cõi Diệu hương bỗng nhiên biến mất, trong chốc lát đã trở về cảnh giới của mình.

-oOo-

KINH THUYẾT VÔ CẤU XỨNG

QUYỂN 6

PHẨM 12: QUÁN NHƯ LAI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Này thiện nam! Trước đây vì muốn thấy thân tướng của Như Lai nên ông đến chúng hội này. Ông thấy Như Lai như thế nào?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Con quán Như Lai hoàn toàn không có chỗ thấy. Con quán như vậy. Vì sao? Vì con quán Như Lai trước không đến, sau không đi, hiện tại không trụ. Vì sao? Vì bảo con quán tánh chân như của sắc nơi Như Lai, tánh ấy chẳng phải tánh chân như của sắc thọ, tánh ấy chẳng phải tánh chân như của thọ tưởng, tánh ấy chẳng phải tánh chân như của tưởng hành, tánh ấy chẳng phải tánh chân như của hành thức, tánh ấy chẳng phải thức, không trụ trong bốn giới, đồng với hư không giới, chẳng phải do sáu xứ sinh khởi, vượt qua sáu căn, không bị tạp nhiễm trong ba cõi, xa lìa ba cấu, thuận với ba giải thoát, đạt đến ba Minh, chẳng phải minh mà lại minh, chẳng phải thông đạt nhưng lại thông đạt tất cả pháp không bị chướng ngại, thật tế chẳng phải tế, chân như chẳng phải như, đối với cảnh của chân như thường không chỗ trụ, đối với trí của chân như luôn không thuận với chỗ sáng, tánh của trí và cảnh của chân như đều lìa cả hai; chẳng phải do nhân sinh ra, chẳng phải do duyên khởi; chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng; chẳng phải tự tướng, chẳng phải tha tướng; chẳng phải một tướng, chẳng phải tướng khác; chẳng phải tướng của đối tượng, chẳng phải lìa tướng ấy, chẳng phải đồng với tướng ấy, chẳng phải khác với tướng ấy; chẳng phải tướng của chủ thể, chẳng phải lìa tướng ấy, chẳng phải đồng với tướng ấy, chẳng phải khác với tướng ấy; chẳng phải bờ bên này, chẳng phải bờ bên kia, chẳng phải giữa dòng; chẳng phải ở đây, chẳng phải ở kia, chẳng phải ở chặng giữa; chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải cả hai; chẳng phải đã đi, chẳng phải sẽ đi, chẳng phải đang đi; chẳng phải đã đến, chẳng phải sẽ đến, chẳng phải đang đến; chẳng phải trí, chẳng phải cảnh; chẳng phải chủ thể nhận thức, chẳng phải đối tượng được nhận thức; chẳng phải

ẩn, chẳng phải hiển; chẳng tối, chẳng sáng; chẳng đứng, chẳng đi; không danh, không tướng; không mạnh, không yếu; không trụ một nơi, không lìa một nơi; chẳng tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng tịch diệt, chẳng phải không tịch diệt; không có việc nhỏ nào để hiển bày, không có nghĩa nhỏ nào để nói; không bố thí, không xan tham; không giữ giới, không phạm giới; không nhẫn nhục, không sân giận; không siêng năng, không biếng nhác; không định tâm, không tán loạn; không trí tuệ, không ngu si; không nhớ kỹ, không quên mất; không xuất, không nhập; không đi, không đến; tất cả ngôn ngữ (nói năng) việc làm đều dứt bặt; chẳng phải ruộng phước, chẳng phải không có ruộng phước; chẳng phải được cúng dường, chẳng phải không đáng cúng dường; chẳng phải chủ thể chấp, chẳng phải đối tượng bị chấp; chẳng phải chủ thể thủ, chẳng phải đối tượng được thủ; chẳng phải tướng, chẳng phải không có tướng; chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác; không có số, lìa các số; không chướng ngại, lìa các sự chướng ngại; không tăng, không giảm; bình đẳng với mọi bình đẳng, đồng với chân thật tế, đồng đẳng với tánh pháp giới; chẳng phải chủ thể xứng hợp, chẳng phải đối tượng được xứng hợp, vượt qua tánh của các xứng hợp; chẳng phải chủ thể lường tính, chẳng phải đối tượng được lường tính, vượt ra khỏi các lường tính; không hướng đến, không quay ngược, vượt khỏi các sự hướng đến quay ngược; chẳng mạnh, chẳng yếu, vượt ra khỏi các mạnh yếu; chẳng lớn, chẳng nhỏ; chẳng rộng, chẳng hẹp; không thấy không nghe không hay không biết; lìa các sự trói buộc, an nhiên giải thoát; chứng nhập bình đẳng với trí Nhất thiết trí; chứng đắc chúng sinh không có hai; thông đạt các pháp không sai khác; biết rõ tất cả không tội không lỗi, không đục không dơ, không bị chướng ngại; lìa các phân biệt; không tạo dựng không phát sinh; không hư không thật; không phát khởi không cùng tận; không từng có không sẽ có, không sợ không nhiễm; không buồn không vui; không chán không thích; phân biệt tất cả nơi chốn đều không có chủ thể duyên; tất cả nơi chốn của danh ngôn đều không có chủ thể thuyết giảng.

Bạch Thế Tôn! Thân tướng của Như Lai là như vậy, phải quán như vậy không nên quán khác. Ai quán như vậy gọi là chánh quán. Nếu quán khác gọi là tà quán.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Cấu Xứng này qua đời ở cõi nào mà sinh vào cõi Kham nhẫn này?

Đức Thế Tôn nói:

–Ông hãy hỏi ông ta thử xem.

Tôn giả Xá-lợi Tử hỏi Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Ông qua đời ở cõi nào mà sinh đến cõi này?

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Tôn giả biết rất rõ về tác chứng nơi các pháp. Vậy có pháp nhỏ nào có thể diệt hay sinh không?

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Thưa Bồ-tát Vô Cấu Xứng! Không có pháp nhỏ nào có thể diệt hay sinh cả.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng hỏi:

–Nếu biết rõ tác chứng nơi tất cả pháp không diệt hay sinh, vậy sao Tôn giả hỏi tôi: Ông ở cõi nào qua đời mà sinh đến cõi này? Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Ý Tôn giả thế nào? Những nam nữ do huyễn hóa tạo ra chết ở cõi nào mà sinh đến ở đây?

Tôn giả Xá-lợi Tử trả lời:

–Nam nữ được huyễn hóa ấy không thể đưa ra để nói có chết hay sinh.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Như Lai lẻ nào không giảng nói tất cả các pháp như huyễn hóa sao?

Tôn giả Xá-lợi Tử đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Nếu tự tánh, tự tướng của các pháp như huyễn như hóa, vì sao Tôn giả lại hỏi ông chết ở cõi nào mà đến sinh cõi này? Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Chết tức là tướng đoạn diệt của các hành, sống là tướng liên tục của các hành. Mặc dù Bồ-tát qua đời nhưng không đoạn tất cả hành tướng của các pháp thiện. Mặc dù Bồ-tát sinh nhưng không tiếp tục tất cả hành tướng của pháp ác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Có thế giới Phật tên Diệu hỷ, Như Lai ở cõi ấy hiệu là Vô Động, vì hóa độ chúng sinh nên Vô Cấu Xứng ở cõi đó qua đời, sinh vào cõi này.

Tôn giả Xá-lợi Tử nói:

–Thật kỳ diệu thay! Bạch Thế Tôn! Đại sĩ này thật chưa từng có, có thể bỏ cõi Phật thanh tịnh, thích đến chốn đầy tạp nhiễm ô uế này.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi Tử! Ý Tôn giả thế nào? Ánh sáng mặt trời có thích nhập xen lẫn với tối tăm nơi thế gian không?

Tôn giả Xá-lợi Tử trả lời:

–Không, cư sĩ! Mặt trời vừa nhô lên thì bóng tối mất hẳn.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Mặt trời vì sao đi qua châu Thiệm-bộ?

Tôn giả Xá-lợi Tử trả lời:

–Vì chiếu ánh sáng diệt trừ tối tăm.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng nói:

–Bồ-tát cũng vậy, vì độ hữu tình mà sinh vào cõi Phật cấu uế, nhưng không ở xen tạp với những phiền não, chỉ nhằm diệt trừ phiền não tối tăm của chúng sinh mà thôi.

Bấy giờ, đại chúng đều khao khát muốn thấy những công đức trang nghiêm thanh tịnh nơi cõi Phật Diệu Hỷ, thấy Đức Như Lai Vô Động và chúng Bồ-tát, Thanh văn.

Biết tâm niệm của đại chúng, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Cấu Xứng:

–Này thiện nam! Tất cả đại chúng, những vị thần tiên trong đại hội này đều khao khát muốn thấy cõi Phật trang nghiêm công đức thanh tịnh Diệu hỷ, Đức Như Lai Vô Động và chúng Bồ-tát, Thanh văn, ông hãy hiện bày để họ mãn nguyện.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng suy nghĩ: "Ngay chỗ ngồi này, ta nên dùng sức thần thông dời mau thế giới Diệu hỷ và núi Thiết vi, vườn rừng, ao hồ, suối rạch, hang hốc, biển cả, sông lớn, núi Tu-di, núi đồi vây quanh, mặt trời, mặt trăng, sao, trời, rồng, quỷ, thần, chúng hội, cung điện Đế Thích, Phạm vương, chúng Bồ-tát, Thanh văn... xóm làng, thành ấp, đô thị, nhà ở của nam nữ lớn nhỏ, nói rộng cho đến Đức Như Lai Vô Động, Ứng Chánh Đẳng Giác, cây đại Bồ-đề, ngồi nghe pháp, biển hội đại chúng, các hoa sen báu, đi đến mười phương cõi vì các hữu tình mà làm Phật sự, có ba thang cấp báu tự nhiên vọt ra từ châu Thiệm-bộ thẳng đến đỉnh núi Tu-di. Cõi trời Tam thập tam vì muốn chiêm ngưỡng kính lạy cúng dường Như Lai Bất Động và nghe pháp nên mỗi ngày theo thang cấp báu này đi xuống. Người cõi châu Thiệm-bộ cũng muốn thấy nhà cửa vườn rừng nơi cõi trời Tam thập tam nên theo thang cấp báu này đi lên. Thế giới Diệu hỷ thanh tịnh được thành lập do vô lượng công đức hợp lại, dưới đến thủy luân trên đến trời Sắc cứu cánh. Ta lấy đặt trong lòng bàn tay phải, giống như vòng quay của người thợ gốm, giống như xâu vòng hoa rồi đặt vào thế giới này

để hiển bày cho đại chúng.” Sau khi nghĩ như vậy, ngay trên giường, Bồ-tát Vô Cấu Xứng nhập Tam-ma-địa hiện thần thông thù thắng, nhanh chóng lấy thế giới Diệu hỷ đặt trong lòng bàn tay phải rồi để vào trong thế giới này. Các Thanh văn, Bồ-tát, các hàng trời, người, đại chúng ở cõi ấy, ai có Thiên nhãn đều sợ hãi và cùng nói: “Ai đem chúng con đi? Ai đem chúng con đi vậy? Cúi xin Thế Tôn cứu hộ chúng con, cúi xin Bậc Thiện Thệ cứu giúp chúng con.”

Khi ấy, Phật Vô Động vì theo phương tiện để giáo hóa chúng sinh, nên nói: “Này các thiện nam! Các ông đừng sợ sệt, các ông đừng sợ sệt, đó là do sức thần thông của Bồ-tát Vô Cấu Xứng, chứ chẳng phải do Như Lai làm ra đâu.”

Trời, người và những người mới học ở cõi ấy chưa đắc Thiên nhãn thông thù thắng đều an nhiên, không hay không biết. Sau khi nghe nói vậy, họ đều hoảng hốt hỏi nhau: “Chúng ta đang đi đâu vậy?”

Mặc dù cõi Diệu hỷ nhập vào cõi này nhưng tướng của cõi này không giảm không tăng. Cõi Kham nhẫn cũng không trở nên chật hẹp. Mặc dù hai cõi xen lẫn với nhau nhưng đều thấy chỗ ở như cũ không thay đổi gì cả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni dạy đại chúng:

–Các ông có thấy thế giới Diệu hỷ, cõi Phật trang nghiêm, Đức Như Lai Vô Động và các Bồ-tát, Thanh văn không?

Đại chúng đều thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đã thấy.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Cấu Xứng liền dùng thần lực hóa hiện những hoa trời thượng diệu và các thứ hương bột khác, đưa cho đại chúng để rải cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni, Như Lai Vô Động và các Bồ-tát...

Đức Thế Tôn nói với đại chúng:

–Các ông muốn thành tựu cõi Phật trang nghiêm công đức như vậy vì các Bồ-tát thì phải tu học, thực hành những hạnh Bồ-tát mà trước kia Như Lai Vô Động đã từng tu tập.

Khi Bồ-tát Vô Cấu Xứng dùng sức thần thông thị hiện thế giới Diệu hỷ như vậy, thì có tám mươi bốn na-do-tha trời, người trong cõi Kham nhẫn đều phát tâm Chánh đẳng giác Vô thượng, ai nấy đều muốn được sinh về cõi Diệu hỷ. Đức Thế Tôn đều thọ ký cho tất cả sẽ sinh về cõi Phật của Đức Như Lai Vô Động.

Bồ-tát Vô Cấu Xứng dùng sức thần thông dời chúng Bồ-tát, Đức Như Lai Vô Động và cõi Diệu hỷ như vậy là vì muốn làm lợi ích cho hữu tình

nơi cõi Kham nhẫn. Việc ấy đã xong nên Bồ-tát Vô Cấu Xứng đem cõi ấy về lại chỗ cũ. Khi cả hai cõi phân riêng ra, đại chúng hai nơi đều thấy rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi Tử:

–Ông đã thấy Như Lai Vô Động và các Bồ-tát nơi thế giới Diệu hỷ rồi phải không?

Tôn giả Xá-lợi Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn, con đã thấy! Con nguyện cho các hữu tình đều ở cõi Phật trang nghiêm như vậy. Con nguyện cho các hữu tình được thành tựu công đức viên mãn với phước đức trí tuệ như thế. Tất cả đều giống như Đức Như Lai Vô Động. Con nguyện cho các hữu tình đều được thần thông tự tại như Bồ-tát Vô Cấu Xứng.

Bạch Thế Tôn! Chúng con đã đạt lợi ích thù thắng tốt đẹp là được chiêm ngưỡng gần gũi bậc Đại sĩ ấy. Nếu các hữu tình chỉ được nghe pháp môn thù thắng này, nên biết cũng được gọi là khéo đạt được lợi ích thù thắng, huống chi đã nghe rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng thông suốt, giảng nói cho người khác, lại dùng phương tiện tinh tấn tu hành. Nếu các hữu tình đạt được pháp môn thù thắng như vậy, tức là đạt được kho tàng pháp bảo. Nếu các hữu tình tin hiểu pháp môn thù thắng này tức là tiếp nối con đường của chư Phật. Nếu các hữu tình đọc tụng pháp môn thù thắng là thành Bồ-tát, cùng Phật làm bạn. Nếu các hữu tình thọ trì pháp môn này là giữ gìn chánh pháp vô thượng. Nếu ai cúng dường pháp này thì nên biết nhà người ấy có Như Lai. Nếu ai ghi chép cúng dường pháp môn thù thắng này tức là giữ gìn tất cả phước đức nơi trí Nhất thiết trí. Nếu ai tùy hỷ với pháp môn này tức là tạo lập nên pháp hội lớn lao. Nếu giảng giải cho người một bài tụng bốn câu của pháp môn thù thắng này thì đạt được quả vị Bất thoái chuyển. Nếu thiện nam, thiện nữ đối với pháp môn thù thắng này mà tin hiểu, thọ trì, ưa thích, quán sát thì được thọ ký đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng.

-oOo-

PHẨM 13: CÚNG DƯỜNG PHÁP

Bấy giờ, Thiên đế Thích bạch Phật:

–Mặc dù con được nghe Đức Phật và Bồ-tát Diệu Cát Tường giảng nói hơn trăm ngàn pháp môn sai biệt, nhưng con chưa từng nghe nói về môn giải thoát thần thông tự tại bất khả tư nghì này. Theo sự hiểu biết của con về nghĩa lý như Phật đã giảng nói, nếu các hữu tình được nghe pháp môn này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thuộc lòng, nêu giảng cho người thì

người đó chắc chắn là pháp khí, không hề nghi ngờ gì cả, huống chi lại tinh tấn tu tập đúng như lý. Hữu tình ấy đã bít lấp tất cả con đường nguy hiểm dẫn đến cõi ác, khai mở tất cả con đường đến cõi thiện, luôn được gặp tất cả chư Phật, Bồ-tát, chiến thắng tất cả tà luận của ngoại đạo, diệt hết thảy quân ma bạo ác, làm thanh tịnh đạo Bồ-đề, an trụ trong pháp diệu, bước theo con đường Như Lai đã đi.

Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình được nghe pháp môn này mà tin hiểu, thọ trì, cho đến tinh tấn tu tập đúng như lý thì con sẽ cùng quyến thuộc cung kính cúng dường thiện nam hay thiện nữ ấy.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thành ấp, xóm làng, đô thị nào thọ trì, đọc tụng, giảng nói pháp môn này, thì con cùng tất cả quyến thuộc đều đến đó để nghe pháp. Ai chưa tin con khiến cho họ tin. Ai tin rồi, con sẽ đúng như pháp hộ trì để họ không gặp chướng ngại.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Thiên đế Thích:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông đã nói. Ông đã tùy hỷ với pháp môn vi diệu mà Như Lai đã nói ra. Thiên đế Thích nên biết! Chư Phật trong quá khứ, vị lai và hiện tại chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, đều giảng nói chỉ bày pháp môn này. Cho nên nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe pháp môn này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thuộc lòng, giảng cho mọi người, ghi chép cúng dường tức là cúng dường chư Phật trong quá khứ, vị lai và hiện tại.

Này Thiên đế Thích! Giả sử Như Lai hiện diện đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới nhiều như mía, lau, tre, mè, lúa. Nếu thiện nam hay thiện nữ nào qua một kiếp, hay hơn một kiếp, cung kính, tôn trọng, ca ngợi, phụng thờ và đem những thứ cúng dường thượng hạng của người cùng những vật an ổn thượng diệu để sống mà dâng cúng chư Như Lai ấy, sau khi các vị Bát-niết-bàn, lại xây tháp bảy báu cúng dường toàn thân xá-lợi của mỗi vị. Tháp ấy rộng lớn khoảng bằng bốn châu thế giới, cao vút lên đến cõi Phạm thiên, có hiển tướng pháp luân, dùng hương hoa, cờ lọng, châu báu, âm nhạc, trang hoàng rất đẹp đẽ, sau khi xây tháp bảy báu cho mỗi Như Lai rồi, qua một kiếp hay hơn một kiếp nữa, đem tất cả các thứ cúng dường thượng hạng như vòng hoa, hương đốt, hương xoa, hương bột, y phục, cờ lọng, đèn, châu báu, âm nhạc, cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi. Ý ông thế nào? Nhờ việc làm này, thiện nam hay thiện nữ ấy được phước có nhiều không?

Thiên đế Thích thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Bạch Thiện Thế! Phước ấy khó lường, dù

trải qua trăm ngàn câu-chi na-do-tha kiếp cũng không nói hết lượng phước của người ấy đạt được.

Phật bảo:

–Này Thiên đế Thích! Đúng vậy, đúng vậy! Ta thật sự nói với ông. Nếu thiện nam, thiện nữ nghe pháp môn giải thoát thần thông tự tại bất tư nghì này mà tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thuộc lòng, giảng nói cho mọi người thì phước đức hơn người kia rất nhiều. Vì sao? Vì ngôi vị Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng của chư Phật đều từ đây mà sinh. Chỉ có cúng dường pháp thì mới có thể thực hiện được sự cúng dường pháp môn ấy, chẳng phải là dùng tài vật.

Thiên đế Thích nên biết! Công đức của Bồ-đề vô thượng thì nhiều, nhưng phước của người cúng dường pháp này thì càng nhiều hơn.

Đức Thế Tôn dạy Đế Thích:

–Về thời quá khứ, trải qua vô số đại kiếp không thể tính kể, lường xét, bàn luận, có Phật ra đời, tên là Dược Vương, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên Đại nghiêm, kiếp tên Nghiêm Tịnh. Như Lai Dược Vương sống hai mươi trung kiếp, có ba mươi sáu chi na-do-tha Thanh văn, mười hai câu-chi na-do-tha Bồ-tát. Bấy giờ, có Luân vương tên Bảo Cái, gồm đủ bảy báu, cai trị bốn đại châu, có cả thảy một ngàn người con đẹp đẽ, dũng mãnh, có thể đánh bại mọi quân địch.

Lúc đó, vua Bảo Cái cùng quyến thuộc cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi, phụng thờ Như Lai Dược Vương suốt năm trung kiếp, đem những thứ cúng dường thượng diệu ở cõi trời, người, cùng những vật phẩm an ổn tuyệt diệu để sống mà dâng cúng. Qua năm trung kiếp, vua Bảo Cái nói với một ngàn người con: "Các con nên biết! Phụ vương đã cúng dường Đức Như Lai Dược Vương. Các con cũng nên cung kính cúng dường như phụ vương vậy."

Nghe phụ vương nói, một ngàn người con đều vui mừng vâng lệnh và cùng thưa: "Lành thay! Chúng con đồng tâm cùng quyến thuộc cung kính, tôn trọng, ca ngợi, phụng thờ Như Lai Dược Vương suốt năm trung kiếp. Chúng con đem tất cả các thứ cúng dường an ổn thượng hạng và những vật an ổn tuyệt diệu để sinh sống mà cúng dường."

Lúc ấy, có một vương tử tên Nguyệt Cái, một mình ở chỗ vắng suy nghĩ: "Ta nên cung kính, cúng dường Đức Như Lai Dược Vương, nhưng còn có cách cung kính, cúng dường nào thù thắng, tối thượng hơn đây

không?" Nhờ thần lực của Phật, giữa hư không có vị trời nói với vương tử: "Nguyệt Cái nên biết! Trong các sự cúng dường, thì cúng dường pháp rất là thù thắng."

Vương tử liền hỏi: "Sao gọi là cúng dường pháp?"

Vị trời nói với Nguyệt Cái: "Ông hãy đến hỏi Đức Như Lai Dược Vương: Bạch Thế Tôn! Sao gọi là cúng dường pháp? Đức Phật ấy sẽ giảng giải, khai thị cho ông."

Sau khi nghe vị trời nói, Vương tử Nguyệt Cái liền đến hỏi Đức Như Lai Dược Vương, cung kính, ân cần lạy sát chân Ngài, đi nhiễu ba vòng rồi lui qua một bên thưa: "Bạch Thế Tôn! Con nghe nói trong tất cả sự cúng dường thì cúng dường pháp rất là tối thượng. Vậy tướng của sự cúng dường pháp ấy như thế nào?"

Đức Như Lai Dược Vương nói với Vương tử: "Nguyệt Cái nên biết! Cúng dường pháp nghĩa là đối với kinh điển do Phật nói ra thì tướng nó rất vi diệu sâu xa, thế gian rất khó tin, khó được độ, khó thấy, sâu kín, tinh túy, không nhiễm, liễu nghĩa, chẳng phải dùng phân biệt để biết, vì đó là kho tàng của Bồ-tát. Kinh Tổng trì ấy mang rõ dấu ấn của Phật, phân biệt, khai thị pháp luân bất thoái; sáu Độ từ đây mà có; giữ gìn hoàn hảo những gì đáng giữ gìn, thực hành theo pháp Bồ-đề phần; bảy Giác chi đích thân dẫn đầu; giảng nói, khai thị đại Từ, đại Bi, cứu giúp, đem sự an lạc đến các hữu tình; xa lìa tất cả kiến chấp nơi ma oán; phân biệt, xiển dương lý duyên khởi sâu xa; biết rõ trong không có ngã, ngoài không có hữu tình; đối với hai bên và chặng giữa không có thọ mạng, không có người nuôi dưỡng; hoàn toàn không có chút tánh Bổ-đặc-già-la; tương ưng với Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, vô khởi. Kinh pháp ấy đưa người đến diệu giác, chuyển bánh xe pháp; Trời, Rồng, Dạ-xoa, Kiền-đạt-phược đều cung kính, tôn trọng, ca ngợi, cúng dường, hướng dẫn chúng sinh cúng dường đại pháp; làm viên mãn pháp thí lớn lao cho chúng sinh, tất cả Hiền thánh đều thọ trì; khai mở tất cả diệu hạnh của Bồ-tát. Kinh pháp ấy làm chỗ quy về pháp nghĩa chân thật. Sự tối thắng vô ngại từ kinh pháp này mà phát sinh, nói rõ các pháp là vô thường, khổ, vô ngã, tịch tĩnh; phát sinh bốn pháp Ôn-đà-nam (bốn pháp ấn), diệt trừ tất cả tham lam keo kiệt, phá giới, sân hận, biếng nhác, vọng niệm, tuệ ác, sợ hãi, tất cả tà luận của ngoại đạo, kiến ác, chấp trước. Kinh pháp ấy phát sinh uy lực làm tăng thượng pháp thiện cho hữu tình, chiến thắng tất cả quân ma ác, được chư Phật Hiền thánh khen ngợi. Kinh pháp ấy có thể trừ khổ lớn trong sinh tử, thị hiện niềm vui lớn Niết-bàn, chư Phật mười phương ba đời đều nói. Với kinh ấy, ai thích nghe,

tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thuộc lòng, tư duy quán sát nghĩa lý sâu xa, làm cho kinh ấy sáng rõ, an lập, phân biệt, khai thị nẻo sáng, lại giảng giải cho mọi người, dùng phương tiện thiện xảo mà giữ gìn chánh pháp, thì người đó gọi là cúng dường pháp.

Lại nữa, này Nguyệt Cái! Người cúng dường pháp nghĩa là với các pháp phải điều phục như pháp, với các pháp phải tu hành như pháp, tùy thuận theo duyên khởi, xa lìa các tà kiến, tu tập pháp Nhẫn vô sinh, ngộ nhập không có ngã và không có hữu tình, không chống đối với lý nhân duyên, không tranh cãi, không sinh dị luận, tách rời ngã và ngã sở, không bị lệ thuộc, căn cứ theo nghĩa không căn cứ nơi văn từ, y theo trí không y theo thức, y theo liễu nghĩa đã được nói trong Khế kinh, tuyệt đối không y theo lời nói bất liễu nghĩa thuộc kinh điển thế tục rồi sinh chấp trước, y theo tánh không y theo sự thấy có sở đắc của Bổ-đặc-già-la. Theo tánh tướng đó mà giác ngộ các pháp, nhập thâu vào vô tạng, diệt A-lại-da, trừ khử vô minh cho đến lão tử; dứt sầu bi khổ não; quán sát mười hai nhân duyên ấy không chỗ cùng tận hay chỗ phát sinh; nguyện các hữu tình lìa bỏ các kiến chấp. Đó là cúng dường pháp tối thượng."

Bấy giờ, Đức Phật bảo Thiên đế Thích:

–Được nghe Phật Dược Vương giảng nói về sự cúng dường pháp rất là tối thượng ấy, Vương tử Nguyệt Cái đắc được pháp nhẫn thuận, liền cởi áo báu với những đồ trang sức dâng lên cúng dường Như Lai Dược Vương và thưa: "Bạch Thế Tôn! Sau khi Phật Bát-niết-bàn, con nguyện hộ trì chánh pháp, thực hành cúng dường pháp để giữ gìn chánh pháp. Cúi xin Như Lai dùng sức thần lực thương xót gia hộ con luôn chiến thắng đám ma khó chiến thắng mà giữ gìn chánh pháp, tu hạnh Bồ-tát."

Biết tâm ý tăng thượng của Vương tử Nguyệt Cái, Như Lai Dược Vương liền thọ ký: "Sau khi Như Lai Niết-bàn, ông sẽ giữ gìn thành lũy chánh pháp."

Nghe được Phật thọ ký, Vương tử Nguyệt Cái vui mừng khôn xiết. Trong Thánh pháp đời của Như Lai Dược Vương, ông ta đem tâm tin thanh tịnh, xả bỏ pháp tại gia đi đến nơi không nhà. Sau khi xuất gia, vương tử luôn tinh tấn, dũng mãnh tu tập các pháp thiện, siêng năng tạo điều thiện. Xuất gia chưa bao lâu, ông ta chứng được năm Thần thông, đạt đến cứu cánh nơi pháp Đà-la-ni, Biện tài vô ngại. Sau khi Đức Như Lai Dược Vương Bát-niết-bàn, ông ta đem trí lực thần thông đã chứng đắc được, suốt mười trung kiếp chuyển bánh xe chánh pháp mà Đức Như Lai đã chuyển. Nơi mười trung kiếp, Bí-sô Nguyệt Cái chuyển bánh xe chánh pháp, hộ trì

chánh pháp, dũng mãnh tinh tấn, an lập cả trăm ngàn câu-chi hữu tình để họ đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng đạt được Bất thoái chuyển, giáo hóa mười bốn na-do-tha chúng sinh, giáo hóa hàng thừa Thanh văn, Độc giác để tâm họ được điều thuận hoàn toàn, dùng phương tiện chỉ dạy cho vô lượng hữu tình để họ sinh lên cõi trời.

Phật bảo Thiên đế Thích:

–Chuyển luân vương Bảo Cái thuở đó đâu phải người nào xa lạ. Đừng sinh nghi ngờ, đừng quán gì khác. Vì sao? Nên biết rằng vị ấy chính là Như Lai Bảo Diệm, một ngàn người con ấy tức là một ngàn vị Bồ-tát trong Hiền Kiếp sẽ lần lượt thành Phật, vị Phật đầu tiên hiệu là Như Lai Ca-lạc Ca-tôn-đà, vị Phật sau cùng hiệu là Lô-chí, xuất hiện ở đời đã bốn vị rồi, các vị còn lại sẽ ra đời vào kiếp vị lai. Nguyệt Cái hộ pháp thuở ấy đâu phải người nào khác mà chính là thân ta.

Thiên đế Thích nên biết! Ta nói tất cả sự thiết bày cúng dường chư Phật, thì cúng dường pháp là tối tôn, tối thắng, tối thượng, tối diệu, là vô thượng. Cho nên Thiên đế Thích muốn được cúng dường Phật thì hãy cúng dường pháp, không phải cúng bằng tài vật.

-oOo-

PHẨM 14: CHÚC LỤY

Đức Phật nói với Bồ-tát Từ Thị:

–Ta đem đại pháp Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng đã được tập hợp trong vô lượng, vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha kiếp giao phó cho ông. Kinh điển này được sức oai thần của chư Phật giữ gìn, được sức oai thần của chư Phật gia hộ. Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn, trong đời ác năm trược, ông cũng phải dùng thần lực mà giữ gìn, bảo hộ kinh pháp này, đem giảng giải khắp châu Thiệm-bộ đừng để lạc mất. Vì sao? Vì vào đời vị lai, có người nam người nữ, các chúng trời, rồng, Dạ-xoa, Kiền-đạt-phược... đã trồng vô lượng căn lành thù thắng, đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng, tâm đã thông hiểu sâu rộng, nếu họ không được nghe kinh điển này thì sẽ làm mất vô lượng lợi lạc thù thắng. Còn ai nghe kinh này chắc chắn sẽ tin thích phát tâm hy hữu, hoan hỷ cung kính lãnh thọ. Ta giao phó các thiện nam, thiện nữ ấy cho ông. Ông nên hộ niệm đừng để họ gặp chướng ngại. Khi nghe họ tu học kinh điển này, cũng nên giảng giải rộng rãi theo pháp môn mà Phật đã nói.

Từ Thị nên biết! Nói chung có hai loại tướng ấn của Bồ-tát. Thế nào

là hai?

1. Tướng ấn tin thích những văn từ trau chuốt.

2. Tướng ấn không sợ pháp môn thâm diệu, ngược lại ngộ nhập vào tánh tướng của chúng.

Bồ-tát nào tôn trọng tin thích văn từ trau chuốt, nên biết đó là Bồ-tát mới tu học.

Bồ-tát nào đối với pháp thâm diệu không nhiễm, không chấp trước, thần thông tự tại bất tư nghì, đối với pháp môn giải thoát, kinh điển vi diệu không còn sợ sệt, sau khi nghe, thì tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thuộc lòng, giảng giải cho người khác, ngộ nhập đúng như thật, tinh tấn tu hành, đạt được tâm tin thích thanh tịnh xuất thế gian, nên biết đó là Bồ-tát đã tu học từ lâu.

Từ Thị nên biết! Do bốn duyên mà Bồ-tát mới tu học tự làm mình tổn thương, không thể đắc pháp nhẫn thâm diệu. Những gì là bốn?

1. Mới nghe kinh điển sâu xa, từ xưa chưa từng nghe thì sợ hãi, nghi ngờ, không tùy hỷ.

2. Nghe rồi lại phỉ báng, khinh chê nói: Kinh điển ấy trước đây tôi chưa nghe đến, vậy ở đâu mà có.

3. Thấy có thiện nam... thọ trì, giảng nói pháp môn thâm diệu ấy thì không thích gần gũi, cung kính lễ lạy.

4. Sau đó thì khinh mạn, oán ghét, phỉ báng.

Do bốn duyên này mà Bồ-tát mới tu học tự làm mình tổn thương, không thể đắc pháp nhẫn thâm diệu.

Từ Thị nên biết! Lại có bốn duyên, dù Bồ-tát tin hiểu pháp môn thâm diệu ấy, nhưng vẫn tự mình làm tổn thương, không thể mau chứng pháp Nhẫn vô sinh. Những gì là bốn?

1. Khinh chê Bồ-tát sơ học, mới tu tập theo hành Đại thừa.

2. Không thích chỉ dạy, giảng giải.

3. Không kính trọng, tha thiết với chỗ học sâu xa, rộng lớn.

4. Thích giáo hóa chúng sinh bằng tài thí thế gian, không thích pháp thí thanh tịnh xuất thế gian.

Do bốn duyên này, dù Bồ-tát tin hiểu pháp môn sâu xa, nhưng vẫn tự mình làm tổn thương, không thể mau chứng pháp Nhẫn vô sinh.

Sau khi nghe Phật dạy, Bồ-tát Từ Thị hết sức vui mừng và thưa Phật:

–Pháp của Thế Tôn rất là hy hữu! Pháp của Như Lai giảng nêu rất là

vi diệu. Theo lỗi lầm của Bồ-tát mà Phật đã dạy, con sẽ xa lìa hoàn toàn. Con sẽ giữ gìn, không làm mất đại pháp Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng mà Đức Như Lai đã tập hợp trong vô lượng, vô số trăm ngàn câu-chi na-do-tha kiếp. Nếu vào đời vị lai, có thiện nam hay thiện nữ nào học pháp Đại thừa, đó chính là pháp khí chân thật. Con sẽ làm cho trong tay họ có được kinh điển sâu xa ấy, sẽ cho họ có sức trí tuệ để thọ trì, đọc tụng, thuộc lòng, ghi chép cúng dường kinh này, tu hành không điên đảo cùng giảng giải cho người khác nghe.

Bạch Thế Tôn! Đời sau, với kinh này, nếu có ai nghe, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, thuộc lòng, tu hành không điên đảo, giảng nói cho người khác, thì nên biết đó là do sức oai thần từ sự giữ gìn gia hộ của con.

Đức Thế Tôn nói:

–Lành thay! Lành thay! Ông rất là tốt! Như Lai tùy hỷ cho ông lãnh thọ giữ gìn chánh pháp này.

Bấy giờ, tất cả chúng hội trong cõi này và các Bồ-tát đến từ phương khác đều chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai Bát-niết-bàn, chúng con từ các thế giới phương khác cũng đến đây giữ gìn đại pháp Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng mà Như Lai đã chứng đắc không cho mất, cùng đem giảng giải rộng rãi. Nếu thiện nam, thiện nữ nào tin hiểu, thọ trì, đọc tụng thuộc lòng kinh này, tu hành không điên đảo, giảng nói cho mọi người thì con sẽ hộ trì và cho họ có sức ghi nhớ để họ không gặp chướng ngại.

Khi ấy, trong chúng hội, bốn Đại Thiên vương cũng chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ở xóm làng, thành ấp, đô thị nào lưu hành pháp môn này, chúng con cùng quyến thuộc sẽ thống lãnh quân chúng đến nơi ấy nhằm bảo hộ người nghe pháp và người nói để có thể nêu giảng, thọ trì, đọc tụng pháp môn này, làm cho trong phạm vi bốn phía cả đến một trăm du-thiện-na đều được an ổn, không có các chướng nạn nguy hiểm, không có ai rình rập làm hại.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì pháp môn này, đem giảng giải cho mọi người để pháp môn ấy được lưu hành rộng khắp.

Tôn giả A-nan thưa:

–Con xin thọ trì pháp môn này. Pháp môn Như Lai đã giảng nói tên là gì và nên thọ trì như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo:

–Pháp môn này tên là Thuyết Vô Cấu Xứng Bất Khả Tư Nghì Tự Tại Thần Biến Giải Thoát nên theo đấy mà thọ trì.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Vô Cấu Xứng, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Tôn giả A-nan-đà và các Bồ-tát, các đại Thanh văn... chư Thiên, Trời, Người, A-tố-lạc... đều hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 477

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẢNH VƯƠNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ,
người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở vườn cây Nại thị thuộc thành Duy-da-ly, cùng với đại chúng gồm tám trăm vị Tỳ-kheo, một vạn vị Bồ-tát. Tất cả các vị đều thấu đạt thần thông của bậc Đại thánh, đều chứng đắc Đà-la-ni, biện tài vô ngại, thâu tóm trí tuệ của ba đời, cho đến trí Tam đạt: Không, Vô tướng, Vô nguyện mà không chấp vào quả vị chứng được, thực hành tâm Từ rộng lớn thương khắp tất cả, không chấp ngã, ngã sở, do dốc đạt được giải thoát nên thông suốt tất cả các pháp trong ba đời: Quá khứ, hiện tại, vị lai đều như huyễn hóa, mộng ảo, tiếng vang, ảnh trong gương, dợn nắng, như thân chuối, bọt nước, bong bóng nước, hiểu rõ ba cõi thật không hiện hữu, theo nhân duyên mà sinh ra, có lợi, không lợi, hoặc khen, hoặc chê, được khen hay không được khen, hoặc khổ, hoặc vui, đều vượt qua các pháp hiện có của thế gian. Dùng phương tiện quyền xảo tuy qua lại nơi ba đường ác nhưng luôn vượt khỏi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, thông suốt nghĩa lý của đạo, cứu độ chúng sinh. Chư Thiên đến cầu xin học hỏi, thọ trì pháp thâm diệu thì mở bày trí tuệ để được hội nhập nơi cửa đạo.

Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn mặc y mang bát vào thành Duy-da-ly khất thực, đến nhà Trưởng giả Duy-ma-cật. Con trai của Trưởng giả Duy-ma-cật tên là Thiện Tư, sáng sớm tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm xoa vào thân, mặc y phục mới, tay cầm hoa sen cùng với vợ con thưởng thức ca nhạc, vui chơi trên lầu. Do phước đức vun trồng từ đời trước đã cảm ứng nên từ xa thấy Đức Phật và đại chúng vào thành khất thực, hiện những điềm lành, đồng tử liền nói với vợ bằng kệ, thán tán công đức của Thế Tôn:

Âm thanh nghe hòa nhã
Đồng thời cùng vang lên
Kỹ nhạc từ chúng hội

Vọng đến tận lầu đài.
Quyết chắc Đại Hùng đến
Đấng cứu đời sáng chói
Nay dùng bàn chân phải
Đặt yên lên cổng thành.
Vô số loài chim, thú
Phát ra tiếng Từ bi
Từ xưa chưa từng nghe
Âm thanh vi diệu này.
Biết chắc Đại Hùng đến
Dẫn đường lợi chúng sinh
Nay đưa bàn chân phải
Đặt yên lên cổng thành.
Ngày nay con thấy Phật
Như thân báu anh lạc
Nhạc tự vang không tấu
Lòng vui thật nhiệm mầu.
Ba ngàn Thánh không nghỉ
Đức trang nghiêm thanh tịnh
Tất dùng bàn chân phải
Đặt yên lên cổng thành.
Ví như có bát lớn
Chứa hết nước ao hồ
Nghe âm thanh điều hòa
Biến khắp các cõi nước.
Biết rằng Đức Thế Tôn
Đại Thánh phóng hào quang
Ngài chỉ bày muôn loài
Chắc chắn sẽ vào thành.
Thần thông hóa chúng sinh
Như hoa quả tươi tốt
Ngần ấy thứ hương sắc
Tỏa khắp thơm ngào ngạt.
Quyết chắc Đức Thế Tôn
Thệ nguyện vốn đã lập
Nay dùng bàn chân phải
Đặt yên lên cổng thành.
Chiếu soi đến hư không

Khắp cùng cả trời đất
Che khuất ánh mặt trời
Hoàn toàn không ánh sáng.
Nhất định Thế Tôn đến
Hiện oai lực sáng chói
Nay dùng bàn chân phải
Giẫm lên nơi cổng thành.
Giống như hàng trời, người
Ở giữa cõi hư không
Những người theo sau Phật
Như trời hầu Phạm thiên.
Xót thương đời không nghỉ
Thế Tôn bậc dẫn đường
Nay dùng bàn chân phải
Giẫm lên nơi cổng thành.
Người trong thành xem biết
Phát tâm Từ không hận
Như cha mẹ con cháu
Đều cùng nhau luận bàn
Đức sáng luôn chiếu soi
Phước uy tự trang nghiêm
Nay dùng bàn chân phải
Đặt yên lên cổng thành.
Thấy nam, nữ, lớn, nhỏ
Đều cầm nhiều thứ hoa
Chắp tay hướng về Phật
Vui mừng tung rải lên.
Đạo sư không do dự
Hoa đức trang nghiêm thân
Nay dùng bàn chân phải
Đặt yên lên cổng thành.
Hoa của trời và người
Đầy khắp trong hư không
Rải hoa và đốt hương
Hương hoa thật vừa lòng.
Quyết chắc Đức Phật đến
Muốn vào Duy-da-ly
Nhằm giáo hóa đại chúng

Nên Thế Tôn đến đây.

Bấy giờ, vợ của Thiện Tư nghe xong bài kệ, vô cùng run sợ, đứng bên lan can suy nghĩ: Đây là những vị thần gì? Là trời, rồng, quỷ quái hay hàng Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân chăng? Hỏi xong thì đứng yên một chỗ, không lay chuyển, chẳng dám dời đổi. Khi ấy, Đức Phật đi đến nhà Đồng tử Thiện Tư, dừng lại phía trước cửa. Đồng tử Thiện Tư thấy Phật liền muốn xuống lầu ngay để đảnh lễ nghinh đón, tâm vô cùng vui mừng nên không thể tự kiềm chế bèn nhảy vội xuống lầu, vâng theo lời dạy của Đức Phật, trụ trên hư không, nói kệ tán thán:

Bậc Thánh tuệ an trụ
Vững mạnh trong loài người
Thương yêu đến chúng sinh
Xin nhận nước uống này.

Đức Thế Tôn vì Đồng tử Thiện Tư nói kệ:

Do trụ chân bản tế
Không bị nhiễm thế tục
Bản tế không thật có
Đó là tướng bản tế.

Đồng tử Thiện Tư dùng kệ hỏi Đức Phật:

Thế nào trụ bản tế?
Chân bản tế dẫn dắt
Vô minh nương bản tế
Sao gọi là hư không?

Đức Phật dùng kệ bảo Thiện Tư:

Tế đó, "chân bản tế"
Tế ấy tức Như Lai
Nếu xét trụ "bản tế"
Rõ ràng trụ như vậy.
Như tế, thật bản tế
Tế ấy tức Như Lai
Nếu rõ thật "bản tế"
Đồng tử trụ cũng vậy.

Đồng tử Thiện Tư dùng kệ bạch Phật:

Không tế là thế nào?
Sao gọi là tướng tế?
Dùng quyền phương tiện gì?
Mà gọi là "bản tế."

Đức Thế Tôn xét thấy tâm của Đồng tử Thiện Tư có thể thấu tỏ về đạo "vô xứ" liền dùng kệ bảo đồng tử:

Vô tế không thể đợi
Mới gọi thật bản tế
Tướng tế như hư không
Hư không cũng không tướng.

Thiện Tư dùng kệ hỏi Đức Phật:

Hay thay đạo chân chánh
Đạo Vô thượng nhiệm mầu
Khiến tất cả chúng sinh
Trụ như Bậc Đạo Sư.

Đồng tử Thiện Tư ở trước Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn Từ bi nhận đóa sen này.

Đức Phật liền nhận hoa. Đồng tử Thiện Tư tự phát ra lời nói:

–Do công đức này nên đạt đến đạo Chánh chân Vô thượng, thành tựu bậc tối Chánh giác, vì chúng sinh giảng thuyết kinh điển, khiến họ từ hàng phàm phu đạt được pháp đạo.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất ở trong chúng hội nói với Đồng tử Thiện Tư:

–Tâm nguyện của Đồng tử Thiện Tư hướng về điều gì? Pháp thành tựu đạo quả Chánh giác, tướng ấy là thế nào để vì chúng sinh mà giảng thuyết pháp đó?

Thiện Tư dùng kệ trả lời:

Chí Phật không chỗ đắc
Hàng Thanh văn cũng vậy
Sẽ thành Chánh giác ấy
Vì chúng sinh giảng nói.
Không có đối tượng thuyết
Cũng không nơi đạt đến
Đại trí nên hiểu rõ
Vốn thanh tịnh như vậy.
Chư Phật trong quá khứ
Đấng Vô Thượng cứu đời
Cũng không chấp các pháp
Dùng Niết-bàn độ sinh.
Không chấp vào pháp giới

Cũng không chúng sinh giới
Đó tức là "bản tế"
Thế gian không thấu rõ.
Giả gọi là pháp giới
Nương tướng có tên gọi
Cũng không có các tưởng
Càng không có nghiệp khác.

Bấy giờ, Hiền giả Bân-nậu Văn-đà-ni Tử vì Đồng tử Thiện Tư nên nói kệ:

Đồng tử, ông vì sao
Mà muốn học pháp này?
Pháp sâu xa khó đạt
Chiếu sáng chỗ mê lầm.
Như ông sinh đã lâu
Trí tuệ thật dũng mãnh
Cùng Thanh văn bàn luận
Đối đáp không sợ hãi.
Phân biệt khắp tất cả
An trú như vàng ròng
Pháp vương cao vời vợi
Như trăng tròn trên không.

Đồng tử Thiện Tư dùng kệ đáp:

Nhân giả hỏi chỗ sinh
Nơi sinh không chốn sinh
Các pháp không nơi khởi
Cái gì sinh ra pháp?
Pháp ấy không chỗ sinh
Tự nhiên không thật có
Vốn gọi là thanh tịnh
Không pháp, không chỗ đắc.
Các pháp vốn thanh tịnh
Chưa từng hiểu như vậy
Diệt vô minh, kiêu mạn
Nên Phật thuyết pháp này.
Ở nơi vườn Tiên nhân
Lần đầu chuyển pháp luân
Còn nhiều nghiệp Thanh văn

Buộc tâm vào hư không.
Diễn xướng pháp âm vang
Vì chúng nhiều biện tài
Dùng trí tuệ quyền xảo
Để thuyết pháp như thật.
Có sinh thì có diệt
Người ngu lầm không biết
Rơi vào nghiệp điên đảo
Như Bân-nậu đã nói.
Vì sinh nên già chết
Đó là lời thế gian
Pháp kia không ngôn từ
Tạm dùng lời để dạy.

Bấy giờ, Hiền giả Bân-nậu Văn-đà-ni Tử bạch Phật:

–Thật chưa từng có! Bạch Thế Tôn! Hôm nay Đồng tử Thiện Tư vào sâu nơi trí tuệ mênh mông như vậy, những điều đồng tử đã nêu bày thật không ai sánh kịp.

Phật nói:

–Đúng thế! Đúng thế! Đúng như lời Hiền giả Bân-nậu nói, không có sai khác.

Khi ấy, Phật bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Vì nhân duyên gì đồng tử muốn chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đồng tử Thiện Tư đáp:

–Vì chỗ sáng suốt của bậc Thánh tôn nên đã hỏi như vậy. Nương nơi bậc Đại thánh nên con phát lời thệ lớn. Đại Thánh chí nhân, nhờ ở sự giảng thuyết mà thân con được vắng lặng, không bị lệ thuộc. Do được trang bị lời thệ nguyện lớn nên tất cả đều không ngăn ngại. Không có đối tượng được giáo hóa như vậy mới gọi là hiểu rõ câu nghĩa sâu xa hết mực. Chúng sinh cũng vậy, không bị mê hoặc nên có thể hóa độ. Bậc chí hiền hiểu rõ tường tận câu nêu trên rất vi diệu, sâu xa, thấu rõ gốc ngọn của chân "bản tế", dùng vô lượng, vô số bao nhiêu điều để thấu đạt câu chương thâm diệu vô thượng. Sử dụng giáo pháp để hóa độ chúng sinh, thực hành các hạnh nghiệp khác nhau để chỉ dạy về "không chúng sinh." Giả như "không chúng sinh" thì tất cả đều không. Không trí là vì trí tuệ nơi chúng sinh vốn thanh tịnh, nhờ đạt đến gốc thanh tịnh nên không có khác nhau. Do hiểu được ý nghĩa này tức là trí sáng của thế gian. Kính thưa Thế Tôn! Nhờ con hiểu

được diệu nghĩa này mà thành tựu đạo quả Chánh giác và thuyết pháp cho mọi người.

Hiền giả A-nan đến trước chỗ Đức Phật, thưa:

–Thật chưa từng có! Đồng tử Thiện Tư này đầy đủ biện tài mới đạt được sự hội nhập sâu xa như vậy. Có khả năng giảng thuyết, thích ứng với nghĩa lý mà không bị lệ thuộc vào văn tự. Hàng trời, người ở thế gian, chúng nhân, A-tu-la nghe đến pháp này đều sợ hãi, không dám lãnh hội. Vậy ai sẽ là người tin hiểu, ưa thích pháp thâm diệu ấy? Chỉ có những người từ đời trước xa xưa đã từng nghe, học, thực hành pháp sâu xa này thì mới có thể tin hiểu, lãnh hội.

Khi ấy, Hiền giả A-nan dùng kệ khen ngợi:

Ví như đỉnh Tu-di
Trông xa rất hùng vĩ
Công đức của Thiện Tư
Giữa chúng lớn như vậy.
Nếu như vua các núi
Đứng vững nơi biển cả
Nay ở trong chúng đây
Thuyết giảng pháp diệu này.
Thiện Tư được khen ngợi
Thuyết pháp chẳng có, không
Cũng không ở bản tế
Thế gian đã không thấy.
Lời lẽ không sợ hãi
Không ai không cung kính
Xin Thiện Tư nói rõ
Làm sao biết ngọn nguồn?

Đồng tử Thiện Tư dùng kệ đáp:

Tôi do bỏ thân mạng
Mặc giáp không ngăn ngại
Tâm không tham chánh giác
Mới gọi là hiểu rộng.
Tham dục nên đọa lạc
Tích tập lắm tai ương
Ai vượt khổ, hoạn nạn
Được thấy bậc dẫn đường.
Là cảnh giới chư Phật

Cứu giúp cho thế gian
Thân không còn nguy hiểm
An trú trong Phật đạo.
Hư không và thân người
Cả hai đều không đạt
Như pháp không thủ đắc
Pháp hoại không lo sợ.
Hiểu thân Phật - hư không
Chân thật không nơi chốn
Nếu thành tựu nhẫn nhục
Vĩnh viễn không sợ hãi.
Từ đất đến hư không
Tự nhiên không thật có
Như Thiện Tư tự nhiên
Đều đạt không xứ sở.
Từ đất đến hư không
Thiện Tư không thể đạt
Không sinh, không tự nhiên
Vắng lặng không thật có
Hư không không có cao
Cũng lại không có thấp
Do hiểu rõ pháp này
Hoàn toàn không sợ hãi.

Bấy giờ, Phật bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Này Nhân giả! Thể tánh không sợ hãi chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không!

Thế Tôn lại hỏi:

–Đồng tử quả quyết không sợ sao?

–Bạch Thế Tôn! Không!

Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Nhân giả mới thật là không sợ hãi, không hề mang tâm lo sợ.

Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Từ có mà sinh sợ
Giả hiệu không thật có
Nếu hiểu được nhẫn này
Thế mới gần Phật đạo.

Do người tưởng có sợ
Chúng sinh hoàn toàn không
Nếu hiểu rõ như thế
Ở đấy không chỗ trụ.
Không chứng đạt chánh giác
Không chánh giác cũng vậy
Ngoài những điều không đạt
Thì không nên lo sợ.
Nếu hiểu rõ như vậy
Không trú cõi có không
Thiện Tư hiểu như thế
Đó là do Phật đạo.

Phật bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Nếu có Bồ-tát muốn mau chóng an trú, hoàn toàn đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải nên diệt trừ các tưởng về thường, tưởng về an ổn, tưởng về khổ, tưởng về chúng sinh, tưởng về nhân, thọ mạng, phân biệt, hiểu rõ chỗ hành hóa không chấp trước, hoàn toàn không nơi chốn nương tựa, tạo tác những hạnh nghiệp như vậy mới đạt đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật thuở xưa, khi thực hành hạnh nghiệp Bồ-tát cũng hành đạo như vậy, được trí tuệ nên không chấp vào pháp đã chứng đắc. Do đó gọi là Phật đạo. Đức Phật nói kệ:

Hiểu tưởng thường như huyễn
Chấp thường nên sinh tử
Thường, vô thường rỗng lặng
Tạo tác không thật có.
Chúng sinh có tưởng an
Tự nhiên rõ chẳng an
Tưởng này là điên đảo
Vì tưởng nên có người.
Nếu thấu tỏ pháp ấy
Không có gì sai khác
Tất không còn vọng tưởng
Không mạng, không có người.
Đạo sáng không thể dựa
Không đạo, cũng như thế
Mới gọi là gốc tịnh
Vì pháp không thật có.

Nếu có người thấu rõ
Tất sẽ hiểu gốc tịnh
Thiện Tư nên biết vậy
Đúng là đạo chân chánh.
Không tu theo thừa khác
Được Phật thừa cứu độ
Nếu có người tranh cãi
Thì chẳng hiểu đạo pháp.
Không tu hành tuệ nghiệp
Không hộ trì đạo pháp
Do không thuận hạnh ấy
Pháp Phật sâu khó tỏ.
Các pháp chẳng phải pháp
Vốn không có hình tướng
Sở hữu cũng rỗng lặng
Ba cõi đều chẳng an.
Xét các pháp vui, khổ
Như đi trong hư không
Nếu suy xét hạnh này
Thì tâm được giải thoát.
Có thân ngã, ngã sở
Pháp ấy cũng rỗng lặng
Nếu không ngã, ngã sở
Thì biết không thật có.
Đều không tưởng, thọ mạng
Chẳng chấp vào gốc ngọn
Giả dối tưởng chân thật
Thiếu trí nên mê lầm.
Ta, người cùng thọ mạng
Vốn tịnh, không chỗ có
Hành động của kẻ ngu
Chấp gốc tịnh mà có.
Phật đạo không nghĩ bàn
Không nghĩ về chỗ có
Nếu nghe pháp thâm diệu
Không lãnh thọ, phụng trì.
Chưa từng có giảng thuyết
Kinh pháp này như vậy

Pháp không thể chứng đạt
Không có người để chứng.
Ngồi nơi cội Bồ-đề
Do đó thành Chánh giác
Nếu không đạt đạo tuệ
Tức cũng không chốn biết.
Phật đạo và trí tuệ
Cũng không có ngôn thuyết
Phàm phu do tưởng cầu
Muốn được nghe pháp Phật.
Đây tức giáo chân thật
Pháp thâm diệu Phật nêu
Tâm ý hiểu rất sâu
Là nẻo hành của ma.
Nếu có người được nghe
Kinh điển Phật đã thuyết
Không hiểu nghĩa của kinh
Sự hộ trì các pháp.
Bồ-tát dốc chịu khổ
Không cầu đạo an ổn
Nên không đạo giác ngộ
Hai việc không giống nhau.
Ý thường theo sở thích
Cho là lời Phật thuyết
Như vậy là thế nào?
Chấp vào nghiệp điên đảo.
Nếu người vượt khổ não
Vào sâu pháp vi diệu
Phát ra âm thanh lớn
Của Phật không nghĩ bàn.

Phật bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Người học pháp này nên tu tập theo kinh điển vi diệu, chớ nắm bắt những nghĩa lý không lợi ích, những câu từ lộn xộn, sẽ không thành tựu được pháp sâu xa. Trí tuệ rộng lớn của Bậc Chánh Giác mới gọi là thâm diệu, mới là hợp với pháp. Đó gọi là không chứng đắc. Chúng sinh do rơi vào tà kiến nên không thể làm như thế được, không dùng Tam-muội để hiểu rõ nghĩa lý. Trí tuệ không cảnh giới, không trí tuệ cũng như thế, phải hiểu trí này tức chẳng phải nẻo hành của trí. Phật từ đời xa xưa nghe pháp

sâu xa ấy, do hiểu tâm luôn vắng lặng nên không có chấp trước. Nếu nghe kinh điển này mà có được sự an vui thì biết là đã từng ở nơi vô số Đức Phật tạo hạnh nghiệp, lập công đức. Thọ trì kinh này tâm luôn nhớ nghĩ, đọc tụng, đem thuyết giảng cho mọi người khắp mười phương.

Đức Phật lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Bồ-tát nên tu tập với thệ nguyện lớn như vậy. Người đời thường ở trong lo sợ, nên Bồ-tát khuyến khích họ tu học đạo giác ngộ để không còn sợ hãi. Đối với người sợ khó khăn lùi bước thì phải làm cho họ hiểu rõ, khuyên bảo thực hành mới hội nhập nơi trí tuệ của đạo.

Đồng tử Thiện Tư bạch Phật:

–Thưa vâng, con xin vui vẻ tin theo, người đời thì không dốc lòng tin. Tâm ý vốn rộng lớn như hư không nên vĩnh viễn không còn đối tượng được ưa thích.

Đức Phật lại bảo Thiện Tư:

–Nếu có Bồ-tát nào đạt được pháp sâu xa vi diệu thì vị ấy dùng phương tiện này để thích hợp với lời dạy của chư Phật, nên đối với đạo pháp không có sự tranh cãi. Do không tranh cãi nên đối với các pháp tức không còn sợ hãi, đều không thể bị gián đoạn. Hết thảy các pháp hiểu rõ về nguồn gốc là không, tâm ý không còn sự ưa thích, nên hội nhập vào đạo tuệ. Nếu có người nghe nói tất cả các pháp là có thì không chút sợ hãi. Nếu nghe nói các pháp là không, thì cũng không hề lo sợ. Đối với pháp có, không, không cho là thêm bớt, biết các pháp tương ưng và các pháp không tương ưng, các pháp siêng năng, các pháp lười biếng, hiểu rõ tất cả các pháp khắp mười phương, chỗ hướng đến của trí tuệ, hoặc chỗ không hướng đến. Hoặc lại không hiểu các pháp có ý niệm, các pháp không ý niệm, không biểu hiện sự kinh sợ. Đối với các pháp hữu vi, các pháp vô vi, các pháp có cảnh giới, các pháp không cảnh giới, các pháp hoan hỷ, các pháp không hoan hỷ, không lấy đó để phải sợ hãi. Đối với hết thảy các pháp chẳng phải là hữu vi, cũng chẳng phải là vô vi. Hết thảy các pháp vốn có sở hữu, vốn không sở hữu, các pháp vắng lặng, các pháp loạn động, không lấy đó để sợ hãi. Đối với các pháp điên đảo, không điên đảo, các pháp hư dối, chân thật, vô vi, không lấy đó để phải sợ hãi. Đối với các pháp có giới luật, không giới luật, sáng suốt, ngu tối, có tên gọi, không tên gọi, có hưng khởi, không hưng khởi, có lo sợ, không lo sợ, có sinh, không sinh, có chết, không chết, không lấy đó để phải sợ hãi. Đối với các pháp có đạo, các pháp không đạo, các pháp có diệt độ hoặc không diệt độ, các pháp phải trái, không lấy đó để phải sợ hãi. Vì sao? Vì các pháp đều rỗng lặng, không thật

đều như huyễn hóa, như bọt nước, thân chuối, hình ảnh, tiếng vang, dợn nắng, đối tượng được thấy trong mộng, vốn không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Giống như giữa hư không bỗng hiện ra mây mù, khói bụi… Giả hiện ra nên hư không chẳng thể bị nhơ bẩn, rồi bỗng nhiên diệt đi nên hư không tự nhiên cũng không trong sạch. Có đạo, không đạo, thế gian, xuất thế gian, hiểu rõ tánh như nhiên nên không còn chấp trước, hiểu mà không hiểu mới ứng hợp với đạo Chánh chân Vô thượng, không còn sợ hãi, tâm dứt mọi lo buồn. Đức Phật liền nói kệ:

Các pháp không thật có
Tự nhiên không chân thật
Tự nhiên là rỗng lặng
Tướng này liền diệt mất.
Các pháp không chống trái
Thế nên không thật có
Hiểu các pháp là không
Không tự nhiên mà có.
Chỗ các pháp chống đối
Cũng là không thật có
Hiểu các pháp rỗng lặng
Thì biết không chống trái.
Các pháp không thật có
Thanh tịnh không hình tướng
Không thể nắm bắt được
Cũng không chỗ quên mất.
Đoạn được tất cả pháp
Nên gọi là trí sáng
Pháp này luôn hủy hoại
Cũng hiện không chỗ hoại.
Các pháp không chỗ diệt
Cũng không chốn sinh khởi
Phần nhiều không bị hoại
Pháp không thể nắm bắt.
Các pháp vốn rỗng lặng
Cũng không thể thấy được
Giả sử không thể chứng
Phương tiện hiện chỗ có.
Các pháp không thật có
Từ nhân duyên mà sinh

Thật có, không thật có
Giảng nêu các kinh điển.
Các pháp cùng tương ưng
Thị hiện không chống trái
Chẳng trái là tự nhiên
Hoàn toàn không hình tướng.
Các pháp không tương ưng
Không tạo tác, diệt độ
Như thế không thủ đắc
Thường xa lìa số lượng.
Các pháp không chứng đạt
Cũng không có quá khứ
Hoàn toàn không có thật
Gọi là chân "bản tế."
Các pháp đều hoan hỷ
Cũng không phải hoan hỷ
Hoặc pháp không thủ đắc
Pháp đó không thể nêu.
Các pháp không buông lung
Cả hai không thật có
Tự nhiên không chấp giữ
Đó là tướng thâm diệu.
Các pháp không thể biết
Vô ngã mà tự nhiên
Do hiểu không mong cầu
Nên được tên tự nhiên.
Vô vi không chỗ thích
Thích ấy không thật có
Do có nghiệp vô minh
Nhân đó gọi vô vi.
Hoặc nhớ nghĩ các pháp
Hoàn toàn không thể thấy
Đây là lời chân thật
Nên gọi là ý niệm.
Không nhớ nghĩ các pháp
Không trú, không quay về
Hiểu được không chúng sinh
Nghĩa là pháp trong pháp.

Tất cả pháp như huyễn
Huyễn này không thật có
Do vì pháp vô minh
Nên giảng nói sinh tử.
Các pháp không tướng mạo
Đó là nghĩa như nhiên
Nếu không có các pháp
Giải thoát, chẳng giải thoát.
Giả gọi là cảnh giới
Tự nhiên không cảnh giới
Chỗ ngu si chấp trước
Gọi là từng cảnh giới.

Đức Phật lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là rỗng lặng, vốn chẳng thật có. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý là rỗng lặng, vốn không thật có. Đất, nước, gió, lửa là rỗng lặng, vốn cũng không hiện bày. Chúng do nhân duyên hòa hợp mà thành, giống như làm ngôi nhà cần có năm yếu tố. Những gì là năm? Một là cây, gỗ. Hai là ngói, cỏ. Ba là nền đất. Bốn là nhân công. Năm là đất bùn. Nhờ năm yếu tố này mới làm thành ngôi nhà. Khi tách riêng từng yếu tố thì chẳng có tên ngôi nhà. Nhân duyên hòa hợp sinh ra thân cũng như thế. Năm ấm hòa hợp liền có bốn đại, nhân đây gọi là thân, do các duyên đất, nước, gió, lửa hòa hợp. Như bốn cây cột, bốn bức vách của ngôi nhà, do bốn duyên hợp thành, tan hoại đều không nơi chốn. Giống như ở trong giấc mộng, thấy nhà cửa, thành ấp, cây cối, hoa quả, nước chảy, ruộng đất, trâu bò cày, các hạt giống, năm loại lúa thóc, mỗi loại đúng mùa theo thời tiết mọc lên. Dụng ý của người chủ là thu hoạch để tự nuôi thân. Do tâm ý bị vô minh nên không hiểu rõ tất cả ba cõi đều là rỗng lặng. Do nương vào mong cầu liền sinh ý thức, mười hai nhân duyên dẫn dắt, đưa đẩy luân chuyển, xoay vần không giới hạn, quấy nhiễu thần thức chìm đắm trong năm đường chẳng có lúc dừng nghỉ. Không biết nguồn gốc là rỗng lặng như đối tượng được thấy trong mộng, tỉnh giấc không biết nơi chốn là gì? Chỗ nào quay về. Đạt thành đạo quả Chánh giác mới biết năm đường vốn không nơi chốn, một mình không còn sợ hãi.

Đức Phật nói kệ:

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức
Mắt, tai, mũi, miệng, ý
Vắng lặng không thật có

Khác đất, nước, gió, lửa.
Rõ cảnh giới tự tại
Thuyết giảng tất cả kinh
Chỗ nói về cõi Phật
Cảnh kia tưởng diệt độ.
Các pháp có hình tướng
Vốn cũng không hợp thành
Chẳng hiểu biết vắng lặng
Gốc pháp không có thân.
Không thủ đắc, không đạt
Từ nhân duyên hợp thành
Không thể chứng nắm bắt
Hiện mong cầu được sinh.
Ở đó không giữ giới
Lại cũng không phạm giới
Không hành, không có giới
Đấy là tướng các pháp.
Các pháp không thật có
Nhân vô minh mà sinh
Do có pháp vô minh
Mới thấy biết trí tuệ.
Các pháp giả có tên
Tên ấy không thật có
Giả nêu không có pháp
Mới gọi là diệt độ.
Sinh mà không chốn sinh
Thị hiện có năm ấm
Ấm kia không chỗ thấy
Nhân có tên mà hiện.
Có mà không chốn có
Nhân biến hiện có pháp
Pháp lìa nghiệp sinh tử
Chẳng có nạn sinh tử.
Như thuật biến hóa hình
Ngu si cho có người
Có mà không thật có
Người sáng không còn mê.
Pháp sinh, không chốn sinh

Người trí không còn chấp
Các pháp đều là không
Người ngu không hiểu rõ.
Pháp đã có sinh ra
Thì phải có diệt mất
Từ sinh đến bệnh chết
Trừ bỏ, không lo sợ.
Tất cả pháp đều không
Pháp cũng không chốn về
Thiện Tư nên biết rõ
Phật đã thuyết giảng pháp.
Đạo pháp không tạo tác
Thì không thể đạt được
Nếu không chứng được đạo
Còn thấy việc ba cõi.
Nếu tưởng cầu Phật đạo
Chẳng phải cầu chánh giác
Nếu chí tâm cầu đạo
Thì không nên vọng tưởng.
Mọi sinh tử tự nhiên
Chẳng quán pháp tự nhiên
Tự nhiên không thật có
Đó là tướng giải thoát.
Hoàn toàn không chỗ sinh
Thuyết giảng không thể đạt
Do hành nghiệp vô minh
Nhân nêu pháp vô vi.
Dùng nhiều các nghĩa lý
Các pháp thì như nhiên
Chúng đều không sinh khởi
Nên không chống trái nhau.
Tất cả đều phụng hành
Pháp sâu xa vi diệu
Do hết thảy sinh khởi
Bồ-tát hành Từ bi.

Đồng tử Thiện Tư dùng kệ đáp:

Phật xuất hiện ở đời
Đều thương yêu chúng sinh

Thân vì còn lưới nghi
Nên nói nghĩa pháp này.
Lời Phật không nghĩ bàn
Hiện đầy đủ phương tiện
Hủy hoại các lưới ma
Diệt sáu mươi hai tà.
Đoạn trừ gốc sinh tử
Ngồi nơi cội cây Phật
Mãi không còn đắm chìm
Diệt hẳn các tưởng chấp.
Hiểu rõ nghiệp hư giả
Đức Phật diệt kiến chấp
Dũng mãnh vì thế gian
Dứt nghi ngờ cho con.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Nẻo hành của Bồ-tát chưa từng hư dối, hóa độ khắp nơi, nhờ ân đức che chở, cứu giúp nên không tranh cãi, trừ bỏ tất cả những lỗi lầm nên không còn cấu uế, thương yêu chúng sinh, thực hành nghĩa lý sâu xa, không còn vọng tưởng. Thế gian không kiên cố nên trừ bỏ ham muốn. Do không ham muốn nên dứt hết sự trói buộc, thường thực hành Từ, Bi, Hỷ, Xả cứu giúp chúng sinh, tâm không còn hư vọng, hành hóa theo tâm đại Từ, pháp không thể nắm bắt, tu tập về nghĩa lớn, không lìa bỏ tinh tấn, hành đạo chân chánh thì không bị nghiệp lay chuyển, không bị quấy phá, hành trì pháp nhẫn nhục nên không tranh cãi, không có đối tượng được thấy biết, sớm tối tuân hành. Thiện Tư nên dốc sức lìa bỏ sự biếng trễ, thành tựu đạo hạnh, nhập vào định ý chánh thọ, nên tâm vắng lặng. Do tu tập theo Thánh tuệ nên các pháp vĩnh viễn không còn chỗ chấp giữ. Thực hành vô sở úy, tâm không khiếp sợ, phát tâm Bồ-đề thì việc làm không bị chướng ngại nên thành tựu mười Lực của Như Lai. Phải thực hành những gì để đạt được chỗ thù thắng? Nên noi theo trí tuệ ấy, phụng hành bậc hơn người, đi khắp mười phương cõi Phật, việc làm không hề ngăn ngại, nhằm độ thoát tất cả.

Phật liền nói kệ:

Tạo nghiệp không hư vọng
Là lời của Bồ-tát
Nhờ phụng trì giải thoát
Không sợ các chướng ngại.
Không hạnh là chánh hạnh

Đó là nghiệp Bồ-tát
Nếu hiểu được hạnh này
Thì không còn tham cầu.
Dùng pháp để cứu độ
Các Bồ-tát đã giảng
Nghĩ không thủ đắc ấy
Hạnh này là vô thượng.
Nói ta làm đạo pháp
Tức ở trong điên đảo
Ở nơi nghiệp điên đảo
Liền có sự lo sợ.
Giả sử có tranh tụng
Không thấy chỗ tranh chấp
Người trí thấu đạt được
Thực hành thừa vô thượng.
Thừa ấy không sợ hãi
Đại thừa lớn bậc nhất
Sợ cùng với không sợ
Cũng đều không buông lung.
Tất cả không thật có
Tối thắng trong các hành
Ví rõ đều hư, tĩnh
Hành kia mới vô thượng.
Thực hành pháp thâm diệu
Giữ gìn tất cả pháp
Chỗ tế độ sâu xa
Diệt trừ các tưởng vọng.
Hành hóa pháp huyền diệu
Cả hai không nơi chốn
Có thể biết "Bản tế"
Không nhớ nghĩ các pháp.
Pháp hoàn toàn không uế
Cũng không lìa cấu uế
Pháp ấy vốn thanh tịnh
Trở lại bỏ các dục.
Mà thị hiện tà, nghịch
Ái dục không vững chắc
Không chuyển nghĩa văn tự

Câu này là vô thượng.
Không chấp như huyễn hóa
Đây là giáo vô ngôn
Nhờ bỏ hành điên đảo
Nên ý không tranh tụng.
Các hành của chúng sinh
Thật không thể nắm bắt
Nếu hiểu được hành này
Mới gọi là thiện giáo.
Chúng sinh do vô minh
Nên gọi là phàm phu
Pháp chúng sinh cũng vậy
Đạo này là vô thượng.
Niệm này của chúng sinh
Vĩnh viễn không thủ đắc
Đây là từ bậc nhất
Gọi là từ vô lượng.
Bố thí khắp thế gian
Mới gọi là Bồ-tát
Thường ưa thích xả bỏ
Mới gọi tâm tuệ đạo.
Giả sử không đạt pháp
Vì các pháp không thật
Bồ-tát thông suốt hết
Đó là thích bố thí.
Hiểu pháp không thủ đắc
Thì không còn sợ hãi
Trên hết trong các pháp
Nên gọi là bố thí.
Tướng pháp không thể đạt
Pháp Phật không nghĩ bàn
Giới ấy không hủy phạm
Không chấp vào các pháp.
Cảnh Phật không nghĩ bàn
Không thấy được các cõi
Nơi giới không tưởng, cầu
Được Bồ-tát khen ngợi.
Nên nhẫn các chúng sinh

Tất cả không thủ đắc
Lời Đức Phật đã dạy
Là pháp nhẫn bậc nhất.

Phật lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Sắc là không, không thể nắm bắt. Thọ, tưởng, hành, thức là không, cũng không thể nắm bắt. Gọi là không, sắc tức là không lại chẳng khác không. Thọ, tưởng, hành, thức là không, cũng chẳng khác không. Bốn đại, năm ấm, mười tám giới, ba cõi đều là không, mười hai nhân duyên là không, tức là không lại chẳng khác không. Thế gian, xuất thế gian, hữu vi, vô vi, bốn đại đều là không, cũng chẳng khác không. Sắc như bọt nước, thọ như bong bóng nước, tưởng như cây chuối, hành như mộng, thức như huyễn, ba cõi như biến hóa, năm đường như hình ảnh. Sở dĩ như hình ảnh là do nhân duyên sinh. Nguồn gốc của ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới đều do tâm ý tạo ra, giống như họa sĩ tô vẽ lên vách, ván. Nhân duyên hợp thành giống như chim bay giữa hư không. Bồ-tát cũng vậy, tu tập hành trì không mong cầu, du hóa khắp mười phương. Giống như mặt trời đi qua nơi hư không mà không bị cấu nhiễm, u ám. Bồ-tát cũng như thế, một mình đi vào ba cõi mà tâm không bị đắm nhiễm, trừ bỏ ba độc tăm tối: dâm, nộ, si. Giống như hoa sen sinh ra từ bùn lầy mà chẳng cùng bùn lầy hòa hợp, Bồ-tát cũng vậy, ở trong sinh tử mà chứng đắc đạo quả Chánh giác Vô thượng, tâm thanh tịnh như hư không, hoàn toàn không còn chấp trước, độ thoát cho tất cả chúng sinh.

Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Tâm ấy không thủ đắc
Thì không có tranh tụng
Nếu không chấp chúng sinh
Đó là nhẫn bậc nhất.
Bồ-tát lìa lười nhác
Tâm không chấp việc làm
Hoàn toàn không tu tập
Mới là tối tinh tấn.
Tâm và thân Bồ-tát
Chân thật không tà vạy
Không chấp sự giảng nêu
Là tinh tấn bậc nhất.
Nếu có người biếng trễ
Bồ-tát giáo hóa họ

Không tâm, không chốn hành
Trụ tinh tấn thứ nhất.
Tâm ấy không nắm bắt
Trong ngoài không đắm vướng
Nếu tâm không thủ đắc
Tức gọi là định ý.
Tâm thường siêng tu tập
An nhiên, không thật có
Không tư duy chánh thọ
Gọi là đạt Tam-muội.
Sở dĩ nói định ý
Do thực hành hạnh này
An trú vào tự nhiên
Là định ý bậc nhất.
Không biết trí hiện hữu
Sao biết pháp tự nhiên?
Tự nhiên và trí tuệ
Cả hai đều không thật.
Pháp ấy không thủ đắc
Biết thực hành chánh pháp
Chẳng dùng thức biết pháp
Tự nhiên, không thật có.
Nếu biết được hành này
Tâm Bồ-tát kiên cố
Thực hành Đệ nhất nghĩa
Thế gian không đạt tới.
Chúng hội không sánh bằng
Vì chúng mà thuyết pháp
Bồ-tát tuy giáo hóa
Không chấp vào chúng sinh

Đức Phật lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Tất cả các pháp giống như huyễn hóa, huyễn hóa vốn không nên đều không thật có. Người đời mê lầm, tự chấp thân mình và thân người khác đều là thật có. Do nơi có nên chìm đắm trong năm đường, nếu có thể hiểu được thì không còn lo sợ. Nguồn gốc của các pháp không có trong ngoài, nhờ hiểu rõ như vậy nên tâm không khiếp sợ, không bị nạn nơi ba cõi, ba cõi thảy đều không. Nếu có Bồ-tát hiểu được "gốc không" này, thì dù một mình trong ba đời mà không hề bị nạn. Thấu rõ về sinh tử cũng như hư

không, không hình tướng, cũng không tên gọi. Tất cả các pháp cũng không có hình tướng và tên gọi như vậy. Do vô minh nên giong ruổi trong ba cõi, lưu chuyển mãi không ngừng. Giống như năm việc ở giữa hư không, không thể làm cấu uế, tự nhiên như vậy nên tâm thanh tịnh. Nếu quyền biến chưa thông thì bị ba độc, năm ấm, sáu trần ngăn che. Tuy có phải trái, nhưng gốc tịnh không bị cấu nhiễm, tâm thường mở mang, thông suốt nghĩa không của ba đời nên hội nhập vào đạo lớn.

Phật liền nói kệ:

Chúng sinh như huyễn hóa
Huyễn ấy không thật có
Người giảng thuyết như vậy
Vĩnh viễn không sợ hãi.
Thân mình và thân người
Cả hai đều vắng lặng
Nếu hiểu được như vậy
Thì không còn lo sợ.
Các pháp trong lẫn ngoài
Không chấp có hiện hữu
Tâm không còn khiếp sợ
Không gặp nạn thế gian.
Các pháp không ngăn ngại
Như đi vào hư không
Chỗ đến như hư không
Pháp ấy là như nhiên.
Nếu hiểu được như thế
Bồ-tát dứt lo sợ
Phân biệt tất cả pháp
Hiểu rõ hành chúng sinh.
Không chấp vào chúng sinh
Pháp ấy đều như vậy
Đem phân biệt các cõi
Các cõi không thật có.
Đó là vào đường đạo
Gọi là đạo vô thượng
Do đạt được nghĩa này
Biết tâm hành chúng sinh.
Các cõi và chúng sinh
Cả hai không thật có

Do nhớ nghĩ như vậy
Nên hiểu tất cả pháp.
Các việc trong lẫn ngoài
Không tưởng cầu hòa hợp
Do vì không bỏ pháp
Mới gọi chân "bản tế."
Pháp ấy không nghĩ bàn
Nên gọi là pháp Phật
Đây tất không thật có
Nên cũng không hình thành.
Thực hành được như vậy
Số người không bao nhiêu
Dùng trí tuệ vô vi
Mới gọi trí tuệ Phật.
Thừa sự vì đại chúng
An ổn khắp tất cả
Không lo sợ thế gian
Vì đời không thật có.
Ở trong thế giới này
Hoặc các thế giới khác
Nẻo hành của Bồ-tát
Cầu đạt tuệ vô thượng.
Pháp ấy là sâu xa
Pháp Phật không nghĩ bàn
Nếu pháp không thủ đắc
Tức là gần Phật đạo.
Chư Phật và kinh pháp
Tất cả đều là không
Nếu thực hành như vậy
Sẽ được gần Phật đạo.
Do thực hành như thế
Người đời không thể sánh
Tâm kia không đắm vướng
Mới gần gũi Phật đạo.

Đức Phật lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Nếu có Bồ-tát nghe được pháp sâu xa này, hoặc thọ trì, đọc tụng, tâm không sợ hãi, khéo mặc áo giáp thệ nguyện, tâm như kim cang, đến nơi gốc cây Bồ-đề ngồi chốn đạo tràng, nhập vào cảnh giới của Phật, đạt

được pháp môn giải thoát chí chân vô ngại, quán pháp vô vi, không chỗ hòa hợp, đến cảnh giới chư Phật trong mười phương tu tập đại Từ bi rộng lớn, thành tựu mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Trí tuệ nơi ba đời của chư Phật sáng như mặt trời, mặt trăng, phước đức không ai sánh bằng, trí tuệ vượt hư không, ánh sáng của đạo rực rỡ không gì có thể ví dụ được, đạt đến trí tuệ vô thượng, vô kiến đảnh tướng. Nếu có người nghe được kinh điển vô hạn này, rồi đem nghĩa lý sâu xa trong ấy giảng thuyết cho người tin hiểu, ưa thích, thì nên biết người ấy trong quá khứ đã từng gặp chư Phật không thể tính kể. Lại có người không khinh mạn, đùa cợt, Đức Phật quán xét biết được người ấy vốn đã sớm tin hiểu kinh này, thì từ lâu thấy được Như Lai. Nếu người không ưa thích, tin hiểu kinh điển ấy, nghe rồi thì sinh đùa giỡn tức là kẻ phóng túng, là đám dị học của ngoại đạo, là các ma và quyến thuộc của chúng. Nếu người tin hiểu pháp này tức là đệ tử của Phật, Phật là Thầy của họ, được Phật sẽ gần gũi cho xuống tóc làm Sa-môn. Còn những kẻ bất tín kia là ngoại đạo, tà nghiệp, gồm chín mươi sáu tà phái, dị học.

Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Thấy Phật bên gốc cây
Hành đạo tràng chân thật
Người không tin Phật đạo
Trí tuệ không thể đạt.
Pháp ấy không ngăn ngại
Rốt ráo không thủ đắc
Hiểu pháp không xứ sở
Đó gọi là giải thoát.
Ý vào nơi Thánh tuệ
Vua của tất cả pháp
Các pháp và tuệ đạo
Chẳng phải điều Phật thuyết.
Hữu vi và vô vi
Kẻ ngu si tưởng chấp
Hàng Bồ-tát dứt tưởng
Chư Phật bậc sáng suốt.
Quán khắp thế gian này
Tất cả không thủ đắc
Do hiểu rõ thế gian
Cũng là không nơi chốn.
Phật, Thánh và chúng sinh

Nơi ấy không tưởng chấp
Người đã dứt mọi tưởng
Lành thay! Từ vô thượng.
Giả sử cõi chúng sinh
Pháp giới cũng như thế
Mới được gọi tên là
Bồ-tát dứt mọi chấp.
Do thấy việc bi thương
Tâm bi không hình tướng
Vì tâm bi không tướng
Kẻ ngu chẳng chốn hành.
Năm việc trong hư không
Không nơi nào không có
Cả thế gian như thế
Chính là bi hơn hết.
Chánh pháp vô thượng kia
Mới gọi là pháp Phật
Không tham đắm thế tục
Đó là pháp như nhiên.
Đấng cứu đời sáng soi
Sắc kia không thật có
Do pháp vô sắc ấy
Mới gọi vô kiến đảnh.
Hư không, không giới hạn
Bao trùm khắp tất cả
Là chánh pháp của Phật
Gọi là không thể quán.
Trí tuệ không thể đạt
Là đạo lớn vô thượng
Tuệ không thể thủ đắc
Đấy chẳng còn kiên cố.
Bờ này và bến kia
Đã thấy hoặc không thấy
Hiểu rõ, không hành theo
Chẳng phải cầu vọng tưởng.
Nhớ nghĩ pháp trí tuệ
Pháp ấy là bình đẳng
Nếu trái với pháp Phật

Thì không phải bạn lành.
Siêng năng, không siêng năng
Đều gọi là hư vọng
Không hành bình đẳng này
Thì không phải bạn lành.
Do sinh ra pháp ấy
Hoặc lại diệt pháp kia
Các chúng Tỳ-kheo này
Không khéo nghĩ lời Phật.
Có thể đoạn các khổ
Gốc tịnh không thật có
Thuyết giảng pháp như vậy
Tức giảng nêu lời Phật.

Phật lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Nếu cho các hành đều do sự tu tập mà đạt được thì nên dùng sự tu tập trong ba cõi để hành hóa về đạo. Có xét đến ngã và ngã sở nên thực hành đại Từ, tu tập đại Bi rộng lớn, nương vào ba cõi thực hành ba Giải thoát, ưa thích bốn đại nên tu tập vô thường, khổ, không, vô ngã. Do sinh, lão, bệnh, tử mà cầu bốn Vô sở úy, dùng mười hai nhân duyên để hiểu về mười hai bộ kinh. Nhờ mười tám giới mà tu tập mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Do chúng sinh trong mười phương phạm mười điều ác nên tu tập mười điều thiện, cầu mười Lực. Dùng ba sự che lấp để đạt ba sự sáng suốt, tham đắm nơi sáu tình nên tu sáu pháp Độ vô cực, sáu pháp Thần thông, tùy theo bệnh cho thuốc khiến không còn nguy hiểm. Đức Phật ví như vị lương y, kinh pháp như thuốc tốt, vì có bệnh tật mà có vị lương y cùng thuốc men, không bệnh thì không thuốc, tất cả đều vốn không, không hình tướng, không tên gọi cũng không có giả hiệu. Tâm như hư không, không gì so sánh được, mênh mông không giới hạn mới thích ứng với đạo.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

Pháp kia không chỗ trụ
Tu tập ở trong đó
Nêu giảng, tu diệt trừ
Cách pháp Phật rất xa.
Ở trong pháp vắng lặng
Tạo tư tưởng hư vọng
Do vì pháp hư vọng.
Không gần gũi Niết-bàn.

Thuyết giảng việc tranh cãi
Cho là đã diệt độ
Thiện Tư nên hiểu rõ
Hạnh ấy không chánh kiến.
Nếu có người tu hành
Thuyết nêu việc trái nghịch
Do phản loạn, đảo điên
Là nghiệp của kẻ học.
Đức Phật đã thuyết giảng
Đại Bồ-tát tuyên xưng
Vì người học đời sau
Nên khuyến hóa tu tập.
Nếu có người phụng trì
Phật giảng pháp sâu xa
Vì tất cả chúng sinh
Để cúng dường chư Phật.
Nếu có người trí sáng
Thọ trì pháp chân thật
Đời sau nhờ người ấy
Mà chánh pháp tồn tại.
Người không tu pháp này
Tâm vẫn còn tưởng nhớ
Tự ứng hợp với tuệ
Chẳng nhờ đến đạo khác.

Lúc Phật thuyết giảng kinh này, Đồng tử Thiện Tư chứng được pháp Nhẫn vô sinh, hết sức vui mừng nên bay vọt lên hư không, cách đất bốn trượng chín thước. Khi ấy Đức Phật vui cười, hào quang năm sắc uy nghiêm, mầu nhiệm với các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng từ kim khẩu Đức Thế Tôn phóng ra tỏa chiếu đến vô lượng cõi Phật trong mười phương, rồi trở lại nhiễu quanh chỗ Đức Phật ba vòng, theo đỉnh đầu mà nhập vào. Tam thiên đại thiên thế giới liền hiện đủ sáu cách chấn động. Trên hư không trời mưa xuống vô số bột thơm chiên-đàn, bột thơm mộc mật, lại mưa xuống đủ các thứ hoa tươi, trông rất đẹp mắt. Các loại nhạc khí như đàn không, đàn hầu, không tấu mà tự vang lên, hư không hiện bày đủ sự trang nghiêm trùm khắp mười phương, không nơi nào là không hiện rõ. Tam thiên đại thiên thế giới lại hiện ra nhiều thứ ngọc báu, đan xen các thứ màn trướng, lầu đài, cây cối, suối nước, ao hồ, năm âm thanh đều phát ra tiếng hòa nhã, diệu dụng. Người nghe thấy sự biến hóa này đều vui thích cho là

chưa từng có. Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, sửa lại y phục, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Do nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười? Thế Tôn đã cười thì tất có ý gì?

Rồi dùng kệ tán thán Phật:

Thánh Tôn chưa từng dối
Đại Hùng vui chân thật
Vì Từ bi giảng thuyết
Cớ gì mà cười vui?
Ở giữa chốn hư không
Cúng dường bậc tối thượng
Tất cả đều tán thán
Lành thay! Thuyết giảng kinh.
Như ánh sáng đèn lớn
Nhiều sắc màu vi diệu
Ánh sáng này cũng vậy
Rực rỡ chiếu xa gần.
Như pháp của chư Phật
Quyết trao cho chánh đạo
Nhiễu quanh Phật ba vòng
Bỗng nhiên thâu vào đảnh.
Nụ cười của Thế Tôn
Tỏa ánh sáng rực rỡ
Từ miệng nhập vào đảnh
Xin nêu ý lành này.

Đức Thế Tôn dùng kệ nói với Hiền giả A-nan:

Tộc tánh tử Thiện Tư
Tạo công đức vô lượng
Sẽ thành Bậc Chánh Giác
Tôn quý của trời, người.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Đồng tử Thiện Tư này sẽ gặp hàng triệu ức Đức Phật không thể tính kể, đời đời thân cận chưa từng xa lìa, thường chí tâm cúng dường chư Phật: Nào y phục, các vật dụng, thực phẩm, các loại giường nằm, đồ nằm, thuốc thang trị bệnh. Sau khi Phật diệt độ thì cúng dường xá-lợi, xây dựng tháp báu để phụng thờ, đem các thứ hương hoa thượng hạng, y phục tốt đẹp, nhiều loại châu báu, nhạc hay cờ phướn, hương chiên-đàn, hoa giải thoát

và những thứ the lụa, để cúng dường các Đức Như Lai Chí Chân. Vào đời sau cùng sẽ được thành Phật, hiệu là Vô Cấu Quang gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Đức Phật nói kệ:

Nếu dùng đủ các báu
Đầy khắp trong mười phương
Để cúng dường chư Phật
Các Như Lai cứu đời.
Nếu nghe được kinh này
Công đức hơn cúng dường
Sức an trú chánh pháp
Cứu độ khắp ba cõi.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất nghe Phật nói xong, tâm rất vui mừng cho là điều chưa từng có, bèn suy nghĩ: "Đức Phật Chí Thánh công đức hơn núi Tu-di, trí tuệ thì vượt ba đời, đạo không thể sánh như hư không, chẳng ai sánh bằng. Xét việc xưa biết việc nay, chỗ thấy biết thật vô cùng, trí sáng mênh mông, không gì ví dụ được, cứu giúp ngay nan, thông suốt như cõi không, không giới hạn, chúng sinh đều nương nhờ tâm Từ của Phật. Khi nhớ nghĩ ân đức của Đức Phật xong, Hiền giả Xá-lợi-phất cung kính nói kệ, tán thán:

Kinh này rất vi diệu
Vì cứu đời nên thuyết
Mà không nói danh hiệu
Làm sao biết xưng gọi?
Xưa nay chưa từng nghe
Thuyết giảng kinh pháp ấy
Pháp kia không trú xứ
Vui thay, pháp được giảng.
Giả sử pháp hữu lậu
Cùng với pháp vô lậu
Xét cũng không chỗ đạt
Vui thay pháp được thuyết.
Nếu khiến cõi hữu vi
Cùng với cõi vô vi
Cả hai không chấp trước

Kinh này thuyết như vậy.
Bậc cứu đời thuyết pháp
Dạy đạo hạnh chánh chân
Mà không thấy chỗ đạt
Nghĩa kinh này cũng thế.
Pháp chư Phật đã thuyết
Không gì tán thán hết
Tôi, ta không thủ đắc
Lành thay! Kinh được thuyết.
Giả sử mười phương cõi
Tự nhiên không thật có
Bậc cứu đời giảng nêu
Nhưng chưa bằng kinh này.
Xin nguyện Đấng Thế Tôn
Thương yêu đến muôn loài
Giảng thuyết nghĩa kinh này
Mà chưa đặt danh hiệu.

Phật bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Kinh này gọi là Đảnh Vương, là ví như ở trên đỉnh núi Tu-di đều thấy được bốn châu thiên hạ. Người hiểu được kinh này thì được bốn pháp không sợ hãi, đạt đến đạo lớn vô thượng, không còn sinh, lão, bệnh, tử, vượt qua mọi nguy nạn của ba cõi. Nếu người đời ưa thích pháp này thì khắp cả mười phương không ai là không được cứu giúp, vì thế nên gọi là Đảnh Vương. Còn việc phụng trì kinh này, nếu có người thọ trì kinh điển Phật đã giảng thuyết thì sẽ được các vị Tứ Thiên vương ủng hộ, hàng trời, người đến cả trăm vạn ức chúng, phát khởi vô số công đức Chánh chân Vô thượng. Bất luận là Duyên giác hay Thanh văn, nếu tuyên giảng pháp này đều được vô số sự ủng hộ của thế gian. Nhờ nghe pháp, nghiên cứu sâu xa, rồi giảng thuyết nghĩa lý để hiểu tường tận pháp thâm diệu vô thượng, mới thành tựu Phật đạo. Người có thể phụng trì tất cả các pháp không hề hồ nghi, nếu thọ trì, đem kinh này tuyên thuyết giáo hóa, khuyến dạy người khác, chẳng những chứng được pháp nhẫn thứ nhất mà còn được pháp thứ hai, thứ ba, đầy đủ ba pháp nhẫn. Pháp ấy không thể thủ đắc vì đạo không có nơi chốn, không ánh sáng nào có thể chiếu soi hết mới là đạo rộng khắp. Đối với tất cả pháp, người ấy không ham muốn, không mong cầu cho hiện tại. Nếu người thọ trì kinh này, đem những ngôn từ trong kinh Đảnh Vương mà Đức Phật đã thuyết để đọc tụng, giáo hóa cho người khác, thì phước ấy không thể lường tính. Nếu có người nữ thọ trì kinh này, tu hành theo trí tuệ

thì mau đạt được sự thù thắng, bỏ những hình trạng xấu của thân nữ, biết tất cả là một, do biết nhiều và một nên thọ trì pháp ấy. Giảng thuyết kinh này, hội nhập vào các nẻo hành hóa, làm sáng tỏ tất cả chỗ hướng về. Do vào được pháp này mà giảng thuyết, nên sáng nhiều chỗ, biết nhiều phẩm loại để tu tập tinh tấn, khiến vô số chúng sinh đều thọ pháp ấy. Bản thể vốn không, không có pháp được tuyên thuyết, đều không xứ sở, không thể thủ đắc. Vì sao? Vì gốc ngọn đều rỗng lặng. Từ xưa đến nay nghĩa không thể đạt đến kịp, tất cả các pháp cũng như vậy. Phụng trì pháp môn này tức rõ các pháp không thể thủ đắc, không vướng vào nẻo có, không, vốn là pháp thanh tịnh, mới gọi là thọ trì. Người nào ưa thích ánh sáng vô lượng thì phải tùy thời mà thuyết giảng kinh Đảnh Vương này, rộng cầu pháp giới, được mắt trí tuệ, không chấp nơi cảnh giới mới gọi là thọ trì. Các pháp thâm diệu vì pháp không thể chứng. Nếu không thể chứng thì chẳng có không, đầy đủ biện tài, chí cầu Phật đạo, giác ngộ như vậy để thông suốt nghĩa kinh, không thu không hiện như rồng biến hóa, trước sinh mây mù, sau mới đổ mưa. Tâm không từ đâu đến vì do nhân duyên hợp thành. Trí tuệ không hình tướng, đó là không thể nghĩ bàn. Nếu muốn tuyên thuyết vô số pháp, thì nên học kinh này, hiểu tất cả là không, không chấp trước vào pháp, tư duy kinh điển không rõ từ đâu đến, nhưng chỗ thuyết giảng khéo léo, như kinh đã nói, pháp không tự sinh. Ánh sáng huyền diệu soi chiếu như mặt trời, mặt trăng, ánh sáng ấy không từ đâu đến, không đi về đâu. Kinh điển cũng như vậy, soi chiếu khắp chốn có không mà không vướng vào không có. Nếu có Tỳ-kheo giữ gìn biện tài thanh tịnh không đoạn dứt thì phải hết lòng tu tập kinh Đảnh Vương này. Nhân vào ánh sáng của pháp chiếu soi vô lượng mà rộng nêu chánh pháp, mau được hội nhập nơi biện tài vô ngại. Nhờ sự tu tập kinh Đảnh Vương mà thế gian được lợi ích. Nếu không học theo kinh này thì không biết rõ về pháp vị, không thấu đạt chỗ huyền diệu của kinh ấy. Muốn cầu đạo vô thượng mà không phụng trì kinh này thì xa lìa giáo pháp của Phật. Các chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nếu không theo sự chỉ dạy của kinh này thì không có nẻo quay về nơi diệu nghĩa, nếu không mong cầu thì không đạt đến đạo chân chánh. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cầu trở về với pháp ấy, vì tất cả thế gian mà làm mắt pháp. Tất cả các pháp đều không thể dẫn dụ. Cũng như có người ở cõi trời Đao-lợi, tại nơi cung điện trời thì thấy cả thiên hạ. Người học kinh này siêu vượt hơn chúng sinh để cứu giúp muôn loài. Như người đứng trên đỉnh núi Tu-di quan sát khắp thiên hạ, kinh này cũng vậy, hiểu thông các pháp, thấy tất cả đều không, mở đường dẫn lối cho chúng sinh. Như người cầm đuốc lớn vào trong nhà tối thì dứt trừ được sự tối tăm. Kinh này cũng vậy, dùng ánh sáng của pháp

soi chiếu tất cả các pháp, tu tập phụng trì kinh này sẽ không còn tăm tối. Giống như ánh sáng mặt trời xuất hiện chiếu soi khắp thiên hạ. Kinh này cũng thế, đem ánh sáng của đạo pháp chiếu sáng khắp ba cõi, dùng trí tuệ đạo chỉ bày cho tất cả chúng sinh. Cũng như mặt trăng đi qua hư không mà chẳng ngừng nghỉ. Kinh này cũng vậy, soi chiếu khắp mười phương cõi chúng sinh đều được nhờ ân đức. Đó là pháp ấn, ấn chứng tất cả pháp, tạo lập ấn này là vì các Bồ-tát. Lại xét về ấn ấy cũng như hư không, không thật có, không thể làm cho có được. Hư không và ấn kia là hai, không hư dối. Phật và chánh pháp cũng như thế. Giảng thuyết kinh này cũng không có đối tượng để giảng thuyết. Cũng như quốc vương thương yêu đứa con muốn lập làm thái tử và đem đất nước, tài sản giao phó cho con. Nhà vua bảo với đại thần: Đem sự nghiệp lớn này giao phó cho thái tử, lại đem Thánh tài, thiên hạ, đất nước, tất cả muôn dân giao phó để nối truyền về sau, các đại thần đều phụng mạng. Ngày nay, kinh pháp này cũng như vậy. Đồng tử Thiện Tư theo Phật lãnh thọ pháp rồi sẽ đem truyền trao cho vô số Bồ-tát khiến họ nhập vào pháp vô thượng. Đức Phật kiến lập pháp chính yếu của kinh này cho các vị Bồ-tát. Gốc của phước đức rất mạnh mẽ, nếu dốc sức nắm giữ thì phước ấy không thể lường tính. Người thọ trì kinh này, thuyết giảng được kinh Đảnh Vương mà không giải được nghi ngờ thì không thành Chánh giác. Muốn đạt được biện tài thì đối với tất cả pháp không còn chấp trước, nên học các giáo pháp mà kinh Đảnh Vương đã giảng thuyết. Chỗ gọi là pháp thế gian tức là chánh đạo. Vì sao? Vì người đời tin vào đạo nếu gặp được kinh này, ban đầu dù không tin, nhưng nhờ nghe kinh, lâu ngày sẽ thành tựu. Nếu người thọ trì kinh này rồi, giảng thuyết rộng rãi cho người khác, đều gọi là bậc Chí hiền, khắp cả nhân loại không hề khinh dối, hiểu được pháp của chư Phật tạo lợi ích cho chúng sinh, ủng hộ thế gian không ai sánh bằng. Nếu nói kinh này thì được ngàn ức chư Thiên ở giữa hư không khen ngợi "Lành thay! Lời giảng thuyết của Bậc Chánh Giác. Lành thay! Khó có thể sánh kịp." Giảng thuyết kinh điển vi diệu là nêu lên sự tinh anh của đạo và trí tuệ, lợi ích không thể nghĩ bàn. Nếu giảng thuyết bốn câu kệ tụng cho người, hoặc lại tinh tấn tu học vô số kinh điển, hoặc dùng pháp sâu xa không nghĩ bàn giảng rộng cho người khác, thì người ấy có tâm Từ bao la, như cùng với Đức Phật đàm đạo, ưa thích kinh điển, tuyên dương pháp Đảnh vương này, hướng dẫn kinh điển nơi đạo Vô thượng nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

–Nếu người thọ lãnh pháp như vậy thì vào đời tượng pháp, kinh điển luôn được lưu truyền và giảng nói. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-

tắc, Ưu-bà-di thọ trì, đọc tụng kinh điển, thì công đức của người ấy là vô lượng, vô biên không thể nêu hết. Ví như hư không, không có biên vực. Này Hiền giả A-nan! Nếu người lãnh thọ kinh điển này, tuy không nhiều chỉ với bốn câu kệ mà đọc tụng, giảng thuyết cho người khác, thì phước đức không thể suy lường, là vô cùng vô tận không thể ví dụ.

Bấy giờ Đức Phật nói kệ:

Hư không còn đo được
Các tướng có thể nêu
Phước đức của người này
Không thể nào cùng tận.
Phụng thờ mười phương cõi
Đấng Vô Thượng cứu đời
Nếu có người thọ trì
Là cúng dường chư Phật.
Nếu người có thần thông
Nâng thế giới mười phương
Không bằng nghe kinh này
Và phụng thờ chư Phật.
Trong thế giới mười phương
Xả bỏ mười nghiệp ác
Nhờ phụng sự chư Phật
Nghe không bằng cúng dường.
Cúng dường Phật quá khứ
Và vị lai, hiện tại
Ở trong mười phương này
Được trời, người tôn kính.
Tất cả pháp hữu vi
Quy phục Đấng Đại Nhân
Nếu người trì kinh này
Điều Chánh Giác đã thuyết.
Dâng y và thực phẩm
Chẳng phải chính trí tuệ
Có người trì kinh này
Tuệ ấy là tối thượng.
Cả mười phương thế giới
Các châu báu đầy khắp
Đem dâng Đấng Chánh Giác
Phước này chưa thù thắng.

Có người học kinh này
Điều Đảnh Vương đã thuyết
Cúng dường các Đức Phật
Là chỗ nêu bậc nhất.
Như Lai giảng nói kinh
Không chấp vào Phật đạo
Tâm nương vào chỗ ấy
Nhằm cúng dường Như Lai.
Không nương vào thế tục
Là phụng sự bậc nhất
Không nâng cao, hạ thấp
Mới gọi là cúng dường.
Chánh pháp Đức Phật kia
Hết thảy không thủ đắc
Như Lai đã giảng thuyết
Là kính lễ bậc nhất.
Đã cúng dường, phụng sự
Nơi Đức Phật Định Quang
Thấy pháp các Bồ-tát
Là cúng dường bậc nhất.
Cúng dường bậc nhất ấy
Như cúng Phật, Thế Tôn
Từ đấy được thọ ký
Vị lai sẽ thành Phật.
Muốn ở trong Phật đạo
Bậc chúng sinh tôn quý
Tu pháp thanh tịnh này
Tức cúng dường Đạo Sư.
Nhờ cúng dường như thế
Chứng được đạo Vô thượng
Thương chúng sinh trì pháp
Hướng về tất cả tuệ.
Pháp chư Phật mười phương
Đã thuyết giảng cứu đời
Đều quy về nẻo chánh
Là cúng dường bậc nhất.
Đã được vào cõi Phật
Trí Phật không nghĩ bàn

Bèn gầm tiếng sư tử
Cũng như ta ngày nay.
Nhờ tiếng sư tử ấy
Trong các pháp dũng mãnh
Cứu thoát hàng ức chúng
Niết-bàn dứt các lậu.

Phật lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Ông lãnh thọ kinh điển này và đem nêu giảng khắp mười phương để cho tất cả chúng sinh thọ trì, phụng hành chánh pháp. Dùng trí tuệ vô biên chỉ dạy cho người đồng học khiến họ tu tập, thực hành sáu pháp Độ vô cực, vượt thoát ba cõi. Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh điển này và thuyết giảng cho người khác, thì phước đức không thể lường tính, giống như hư không, không thể hạn lượng.

Khi Đức Phật thuyết giảng như vậy xong, Đồng tử Thiện Tư và tất cả Thánh chúng, các bộ chúng, Trời, Rồng, Thần, A-tu-la, người thế gian, nghe điều Đức Phật giảng nói đều rất hoan hỷ, đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

SỐ 478

KINH ĐẠI THỪA ĐẢNH VƯƠNG

Hán dịch: Đời Lương, Vương tử Nguyệt-bà-thủ-na, người nước Ưu-thiền-ni.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngụ tại vườn cây Am-la, thuộc nước Tỳ-xá-ly, cùng với tám trăm vị Tỳ-kheo, mười ngàn Đại Bồ-tát, tám bộ chúng gồm chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần… hội đủ. Khi ấy, đến giờ thọ trai, Đức Phật đắp y, ôm bình bát đi vào thành lớn Tỳ-xá-ly để khất thực. Đức Phật lần lượt đi đến khu vực thuộc nhà Trưởng giả Tịnh Xưng. Ở đây, có một đồng tử tên là Thiện Tư Duy được nhũ mẫu chăm sóc đang ở trên lầu cao, tay cầm hoa sen, vô cùng vui vẻ. Nhờ căn lành từ đời trước nên Đồng tử Thiện Tư Duy hướng về nhũ mẫu, nói kệ:

Tiếng âm nhạc như vậy
Thế gian chưa từng có
Mẹ ơi! Hãy giúp con
Con muốn nhanh xuống lầu.
Ắt là Bậc Tinh Tấn
Thế Tôn ánh sáng lớn
Con muốn cất chân phải
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Mềm mại, rất thích thú
Muôn chim đều lượn quanh
Tiếng này chưa từng nghe
Đời này chưa từng thấy.
Chính Bậc Đại Tinh Tấn
Thương xót các chúng sinh
Dùng chân phải giẫm lên
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Như mẹ đeo chuỗi báu
Để trang sức nơi thân
Phát ra âm thanh hay

Khiến mọi người ưa thích.
Chính Bậc Thiên Trung Tôn
Công đức sáng trang nghiêm
Đặt ngay chân phải xuống
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Như người đánh trống đồng
Phát ra âm thanh lớn
Tất cả ở mọi nơi
Đều được nghe tiếng ấy.
Chính Bậc Nhân Trung Nhật
Đại Mâu-ni sáng tỏ
Vào trong thành lớn này
Lợi ích cho chúng sinh.
Như khi cây nở hoa
Các hoa đều rực rỡ
Tùy ý phát âm diệu
Khiến chúng sinh ưa thích.
Chính Bậc Đại Long Vương
Thiện Trụ Thiên Trung Tôn
Con muốn chân phải giẫm
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Trong sạch như hư không
Hoàn toàn không cấu uế
Lửa sáng màu vàng ròng
Che cả ánh mặt trời.
Chính là Bậc Lạc Kiến
Đầy đủ hào quang quý
Liền đặt chân phải xuống
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Như các chúng trời ấy
An trụ giữa hư không
Vui mừng mà khen ngợi
Xoay vòng trong không trung.
Chính là Bậc Lợi Đời
Tối thắng giữa chư Thiên
Liền đặt chân phải xuống
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Chúng sinh trong thành này

Đều sinh tâm Từ bi
Mọi người thương yêu nhau
Như tình thân mẫu tử.
Chính Bậc Công Đức Tụ
Hoa công đức trang nghiêm
Liền đặt chân phải xuống
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Như người nam, người nữ
Cầm nhiều loại hoa đẹp
Đầy tay mà đứng hầu
Hoan hỷ cùng chiêm ngưỡng.
Chính Bậc Nhân Trung Long
Hoa công đức trang nghiêm
Dùng chân phải giẫm xuống
Bên thảm cỏ tươi mềm.
Hoa trời vào hoa người
Đầy cả nơi hư không
Hương thơm bay ngào ngạt
Khiến mọi người yêu thích.
Chính Bậc Đại Tinh Tấn
Muốn đến Tỳ-xá-ly
Đấng Vô Thượng vào thành
Lợi ích cho chúng sinh.

Bấy giờ, nhũ mẫu nghe đồng tử nói xong thì vô cùng kinh ngạc, liền dẫn đồng tử đi xuống lầu và suy nghĩ: "Những lời vừa rồi là nói về ai? Là Trời hay Rồng, Dạ-xoa, La-sát, Quỷ thần, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già hay là người chăng? Nhũ mẫu bèn trở về chỗ cũ, đứng yên, không cử động.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đã đến bên ngoài cửa nhà Đồng tử Thiện Tư Duy. Đồng tử trông thấy Đức Phật đang ở bên dưới lầu liền vui vẻ chiêm ngưỡng Ngài. Nhờ thần lực của Phật nên Đồng tử Thiện Tư Duy ở giữa hư không, hướng về Đức Thế Tôn, nói kệ:

Thế Tôn - Bậc Đại Trí
An trú, không ai bằng
Thương xót các chúng sinh
Xin nhận đóa sen này.

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lại:

Ta ở trong cõi thật

Chẳng phải cảnh thế gian
Cõi ấy không có cõi
Đấy là tướng cõi thật.

Đồng tử Thiện Tư Duy dùng kệ hỏi Phật:

Thế nào trụ trong cõi
Đạo sư nơi cõi thật
Cõi ấy không có cõi
Chẳng có làm sao trụ?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Nếu cõi là cõi thật
Cõi tức là Như Lai
Trụ ở trong cõi thật
Đạo sư trụ như thế.
Nếu cõi là cõi thật
Cõi tức là Như Lai
Như trụ nơi cõi thật
Đồng tử! Ta cũng vậy.

Đồng tử Thiện Tư Duy dùng kệ bạch Phật:

Chẳng phải cõi là cõi
Cõi ấy có tướng gì?
Vì dùng phương tiện gì
Mà gọi là cõi thật?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Không chấp cõi, phi cõi
Nên gọi là cõi thật
Hư không là tướng cõi
Không ấy, chẳng tướng không.

Đồng tử Thiện Tư Duy nói kệ:

Xứ diệu là xứ thật
Không nơi nào hơn nữa
Mong tất cả chúng sinh
An trụ như Đạo Sư.

Bấy giờ, Đồng tử Thiện Tư Duy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn hãy thương con mà nhận đóa sen này.

Đức Thế Tôn liền nhận hoa sen của đồng tử dâng cúng. Sau khi Như

Lai nhận rồi, đồng tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ căn lành này mà nguyện cho con sẽ chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chúng sinh mà phân biệt, giảng nói không có pháp phàm phu, không có pháp Thanh văn.

Khi ấy, Tuệ mạng Xá-lợi-phất cũng có mặt trong đại chúng bèn hỏi Đồng tử Thiện Tư Duy:

–Đồng tử học pháp gì để giảng nói cho chúng sinh?

Đồng tử Thiện Tư Duy dùng kệ đáp:

Chư Phật và Thanh văn
Tất cả đều "vô đắc"
Tôi hiểu pháp như thế
Nên nói cho chúng sinh.
Cõi pháp này là không
Cũng không có ngôn thuyết
Bậc trí phải nên biết
Tánh của pháp là thế.
Đức Phật đời quá khứ
Tôn quý trong trời, người
Pháp này là vô đắc
Đạo Sư nhập Niết-bàn.
Cõi ấy không pháp giới
Cũng không cõi chúng sinh
Đấy là cõi vô thường
Chẳng cảnh giới thế gian.
Pháp giới chỉ là danh
Gọi tên để phân biệt
Phân biệt, không phân biệt
Biết rõ đều là không.

Lúc này, Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử dùng kệ hỏi Đồng tử Thiện Tư Duy:

Làm sao đối pháp này
Mà đồng tử tu tập
Sâu xa khó biết được
Người trí vẫn còn nhầm?
Đồng tử sinh chưa lâu
Mà trí tuệ thông suốt
Bàn luận với Thanh văn

Trí tuệ không chướng ngại.
Nơi nơi đều trong sáng
Như luyện thành vàng ròng
Như vua giữa mọi người
Như trăng nơi hư không.

Đồng tử Thiện Tư Duy dùng kệ đáp Tuệ mạng Phú-lâu-na:

Ông nay rõ mình hỏi
Xứ ấy không có sinh
Các pháp chưa từng sinh
Ai là người thọ sinh?
Không một pháp sinh ra
Tự tánh không nắm bắt
Đây là tánh các pháp
Cầu đạt không thể được.
Pháp cùng với pháp tánh
Hai đều không thủ đắc
Cả hai chưa từng có
Mà Phật thuyết pháp diệu.
Đây là lần thứ nhất
Thuyết nơi vườn Lộc uyển
Xoay vần giữa hư không
Để giác ngộ Thanh văn.
Tiếng pháp vang khắp chốn
Cứu độ cả muôn loài
Nhờ đạt trí phương tiện
Mà diễn thuyết như thật.
Sinh, lão cùng với tử
Là cảnh giới phàm phu
Này ông Phú-lâu-na
Điên đảo chưa trừ hết.
Sinh, lão cùng với tử
Lời nói thế gian này
Trong pháp dứt ngôn thuyết
Đó là lời mật ngữ.

Bấy giờ, Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Đồng tử Thiện Tư Duy ở trong pháp thâm diệu ấy đã có được trí tuệ thông tỏ.

Phật bảo Phú-lâu-na:

–Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông nói.

Phật nói với Đồng tử Thiện Tư Duy:

–Vì ý nghĩa gì mà con cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đồng tử Thiện Tư Duy nói kệ:

Vô thượng nơi trời, người
Biết rồi mà vẫn hỏi
Như Đức Phật đã dạy
Ai sẽ có mong cầu?
Con nay không mong cầu
Chỉ cầu pháp vô ngại
Pháp sâu xa vô thượng
Thanh tịnh lìa các lậu.
Chúng sinh không nắm bắt
Phi chúng sinh cũng thế
Ở đây không chìm mất
Nên trụ nơi thế gian.
Người biết được như vậy
Pháp sâu xa vô thượng
Đồng nhất và dị biệt
Như trên nêu cõi thật.
Giác ngộ cho chúng sinh
Chúng sinh không thủ đắc
Do chẳng có chúng sinh
Nên không người giác ngộ.
Trí tuệ và chúng sinh
Tự tánh không nắm bắt
Người biết được như vậy
Thì gọi là bậc Trí.
Thế Tôn, con cũng vậy
Tự nhiên được giác ngộ
Vì tất cả chúng sinh
Mà thuyết pháp vô thượng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật hết sức hy hữu! Đồng tử Thiện Tư Duy nhờ biện tài sâu xa này mà ở trong pháp vô chứng, vô đắc đã có thể giải thích

giảng nói. Tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la nơi thế gian ở trong pháp này đều sinh kinh sợ. Bạch Thế Tôn! Ai là người đối với pháp này mà chẳng tu học? Đây là pháp thâm diệu nên cần phải tu học trước tiên.

Tôn giả Tuệ mạng A-nan nói kệ:

Đồng tử Thiện Tư Duy
Ở trong đại chúng này
Như núi báu Tu-di
Người thấy đều ưa thích.
Ví như núi Tu-di
Sừng sững giữa biển lớn
Khéo thuyết pháp như vậy
Chỗ ưa thích của đời.
Chẳng phải danh, không danh
Lời đồng tử đã nêu
Giảng nói pháp cõi thật
Không phải cõi thế gian.
Khi nêu bày như thế
Không sinh tâm kinh sợ
Đồng tử vì ta nói
Làm sao biết như thế?

Đồng tử Thiện Tư Duy liền nói kệ:

Con không tiếc thân mạng
Để cầu pháp giải thoát
Cầu Bồ-đề như vậy
Bậc Đa văn nên biết.
Do dục tạo loạn động
Thế gian chịu các khổ
Con đã không tham vướng
Gặp Đạo Sư của đời.
Cảnh giới chư Phật ấy
Cứu giúp người thế gian
Nay ở trước Đức Phật
Thân không có lầm lỗi.
Hư không và thân con
Hai đều không nắm bắt
Nếu không pháp nắm bắt
Đối với pháp sợ gì?

Hư không và Đức Phật
Cả hai không thủ đắc
Người nhẫn được như vậy
Đối pháp không lo sợ.
Hư không cùng đại địa
Tự tánh không nắm bắt
Tự tánh của Thiện Tư
Với pháp không lo sợ.
Thiện Tư, hư không, địa
Xưa không, nay cũng không
Không tự tánh, không sinh
Người sợ: Không tự tánh.
Hư không chẳng cao, thấp
Rốt ráo không nắm bắt
Người biết pháp như vậy
Với pháp không còn sợ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Đồng tử Thiện Tư Duy:

–Con không sợ gì chăng?

–Bạch Thế Tôn! Con không còn sợ gì cả.

–Con không kinh sợ thật sao?

–Bạch Thế Tôn! Con không hề kinh sợ.

Phật bảo đồng tử:

–Lành thay! Lành thay! Con có thể ở trong pháp thâm diệu này mà không hề sợ hãi.

Đức Phật nói kệ:

Đối "Thể" sinh lo sợ
"Thể" này không thủ đắc
Thường nhẫn được như vậy
Người ấy cầu Bồ-đề.
Nói về tưởng chúng sinh
Chúng sinh không thủ đắc
Nếu biết được như vậy
An trụ ở thừa này.
Nếu không chứng Bồ-đề
Không chứng phi Bồ-đề
Càng không có chỗ chứng
Người ấy không lo sợ.

Nếu người rõ như vậy
Chẳng vướng trong có, không
Con nên biết như thế
Đạo này là Bồ-đề.

Này Thiện Tư Duy! Bồ-tát muốn mau chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn nhận biết rõ các tưởng về thường, tưởng về lạc, tưởng về tịnh, tưởng về chúng sinh, tưởng về người thì phải tu tập đạo này mới có thể hướng đến quả vị Chánh đẳng Chánh giác. Khi Như Lai hành đạo Bồ-tát cũng thường tu học hạnh như vậy. Sau khi Như Lai chứng đạo Vô thượng này rồi thì không thủ đắc một pháp nào gọi là chứng Bồ-đề.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta nói về tưởng thường
Thể thường không thủ đắc
Thường, vô thường đều không
Cầu chúng chẳng thể được.
Tưởng lạc về chúng sinh
Không biết nơi tưởng lạc
Đấy là tưởng điên đảo
Phân biệt sinh nơi người.
Nên chúng sinh có tưởng
Thọ mạng cùng với người
Nếu có kẻ biết pháp
Kia, đây không thủ đắc.
Phi đạo chứng Bồ-đề
Phi đạo cũng chẳng đạt
Đây là tánh các pháp
Cầu pháp không chấp giữ.
Tánh cùng với sự thật
Bậc trí không phân biệt
Con nên biết như vậy
Đạo này là Bồ-đề.
Không hành thừa diệu này
Phật thừa là vô thượng
Ở đây sinh phân biệt
Là người không biết pháp.
Không hành thừa diệu này

Phật thừa là vô thượng
Người không tu hạnh ấy
Định sâu xa khó chứng.
Các pháp không sự thật
Sự thật không thủ đắc
Nếu không có sự thật
Làm sao chứng được lạc.
Hoặc vui, hoặc là khổ
Như dấu trong hư không
Bậc trí biết như thế
Tâm họ được giải thoát.
Ta giảng thuyết có ngã
Pháp ấy không sự thật
Do vì không có ngã
Nên không có người biết.
Không có người biết được
Cảnh giới trí tuệ này
Đây do thuyết tưởng mạng
Rốt ráo không thủ đắc.
Hoặc ngã hoặc là mạng
Tự tánh không sự thật
Bậc Đại trí biết rõ
Trí kém bị mê lầm.
Tánh cùng với sự thật
Cảnh giới của phàm phu
Không biết trong thừa này
Phật thừa không nghĩ bàn.
Tu-đa-la sâu xa
Không nghe, không thọ trì
Ở trong pháp môn ấy
Không pháp để giảng thuyết.
Ta không chứng pháp nào
Cũng không pháp để thuyết
Khi ta ngồi đạo tràng
Không chứng đắc trí tuệ.
Không trí cũng như vậy
Bồ-đề không thủ đắc
Bồ-đề và đạo tràng

Khi nói không chấp giữ.
Phàm phu khởi phân biệt
Tán thán Phật thuyết pháp
Đây là lời bí mật
Phật thuyết giảng sâu xa.
Nếu không nghe pháp này
Bậc tối thắng đã nói
Chỗ thâm diệu và Phật
Cho là cảnh giới ma.
Người ấy không biết nghĩa
Chấp giữ nơi các pháp
Tất cả chúng Bồ-tát
Đã hiểu rõ pháp này.
Chư Phật và Bồ-đề
Cả hai không thủ đắc
Nói vọng ngữ như vậy
Cho rằng Phật thuyết pháp.
Như đây làm sao có
Chỗ nương tựa, mong cầu?
Nếu người có trí tuệ
Phân biệt pháp thâm diệu.
Nhờ tin mà tán thán
Chư Phật khó nghĩ bàn
Do đó, Thiện Tư Duy
Nên tu học chánh pháp.
Nghĩa pháp ấy sâu xa
Trí rộng lớn biết được
Như vậy mọi ngôn thuyết
Cũng không thể nắm bắt.
Chúng sinh bị điên đảo
Đây chẳng phải cõi mình
Không chỉ có Tam-muội
Có thể biết nghĩa này.
Tam-muội, phi Tam-muội
Ở trong không, cũng không
Chẳng phải cảnh giới trí
Chẳng phải không cõi trí.
Nên biết rõ cõi ấy

Chẳng phải cảnh trí tuệ
Xưa ta nghe pháp này
Thực hành chỗ thâm diệu.
Chúng sinh thích khác nhau
Người tín thọ rất ít
Nếu không tin kinh này
Pháp tối thắng đã thuyết.
Gieo căn lành: Nhiều Phật
Người ấy có thể tin.

Đức Phật bảo Đồng tử Thiện Tư Duy:

–Này đồng tử! Bồ-tát tự trang nghiêm như thế, cho nên ở trong chốn lo sợ của thế gian mà không sinh lo sợ. Do đấy, phải nên trang nghiêm như vậy.

Đồng tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con xin tin hiểu, thọ trì, phụng hành. Người ngu si thì không thể tin được.

Đức Phật bảo Đồng tử Thiện Tư Duy:

–Ta sẽ giảng nói cho con về hạnh sâu xa của Đại Bồ-tát. Tất cả pháp không chống trái, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp đoạn, tất cả pháp không đoạn, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp có, tất cả pháp không, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp phân biệt, tất cả pháp không phân biệt, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp hữu vi, tất cả pháp vô vi, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp có cảnh giới, tất cả pháp không có cảnh giới, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp hoan hỷ, tất cả pháp không hoan hỷ, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp sai biệt, tất cả pháp không sai biệt, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp có cầu đạt, tất cả pháp không cầu đạt, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp trong lành, tất cả pháp không trong lành, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp sáng tỏ, tất cả pháp không sáng tỏ, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp có tên gọi, tất cả pháp không có tên gọi, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp sinh, tất cả pháp không sinh, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp đáng sợ, tất cả pháp không đáng sợ, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp diệt, tất cả pháp không diệt, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp là đạo, tất cả pháp chẳng phải là đạo, nghe rồi không sợ hãi. Tất cả pháp là Niết-bàn, tất cả pháp chẳng phải là Niết-bàn, nghe rồi không sợ hãi. Khi giảng nói pháp này thì chúng hội đều không sinh sợ hãi.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ở trong tất cả pháp

Tự tánh không nắm bắt
Do không có tự tánh
Nên quán chỗ cùng diệt.
Tất cả pháp không diệt
Trong ấy cũng không tâm
Tất cả pháp chẳng có
Tự tánh không nắm bắt.
Các pháp không chống trái
Tâm ấy không thủ đắc
Nếu pháp không thủ đắc
Cũng không có chống trái.
Tất cả pháp chẳng có
Tánh ấy không có thật
Nếu tánh không thật có
Pháp ấy cũng không diệt.
Tất cả các pháp đoạn
Người trí biết không hai
Cho rằng là pháp đoạn
Chẳng hiển bày đoạn diệt.
Tất cả pháp không đoạn
Vi trần không nắm bắt
Vi trần, nhiều vi trần
Trong pháp không thủ đắc.
Tất cả pháp chẳng có
Nơi lời nói mà hiện
Như kia không nắm bắt
Thật có mà chẳng có.
Tất cả pháp chẳng có
Phương tiện có hiện bày
Nếu nói không có thật
Đấy đều là hý luận.
Tất cả pháp hòa hợp
Không chống, nên thuyết nêu
Tự tánh của tranh, cầu
Hoàn toàn không có thật.
Các pháp không hòa hợp
Không sinh cũng không diệt
Như vậy không thủ đắc

Xa lìa nơi các pháp.
Các pháp không chứng đắc
Cầu khởi đầu không đạt
Do không có khởi đầu
Nên gọi là cõi thật.
Tất cả pháp hoan hỷ
Hoan hỷ không thủ đắc
Nếu pháp không thủ đắc
Cũng không có ngôn thuyết.
Các pháp không hoan hỷ
Vì pháp không có hai
Trong tự tánh không thật
Đây là tướng sâu xa.
Các pháp đều không động
Vô ngã trong tự tánh
Do tự tánh chẳng có
Cầu động không thể được.
Không động là Niết-bàn
Cầu pháp không chấp giữ
Vì không có các pháp
Nên gọi là Niết-bàn.
Tất cả pháp vô thường
Nên nói nghĩa đệ nhất
Lời của chúng sinh này
Gọi đó là phân biệt.
Các pháp không phân biệt
Vô thường và vô trụ
Chúng sinh không thủ đắc
Đây là pháp trong pháp.
Tất cả pháp như huyễn
Huyễn ấy không nắm bắt
Do pháp không thủ đắc
Dựa nơi hành mà nói.
Tất cả pháp vô vi
Đây chính là tự thể
Do pháp không thủ đắc
Nên gọi là vô biên.
Những cảnh giới đã nói

Tự thể không cảnh giới
Phàm phu chấp hư vọng
Nên nói có cảnh giới.
Tự tại nói cảnh giới
Cũng nói không cảnh giới
Do nói cảnh giới này
Nên biết không cảnh giới.
Tất cả pháp là thật
Số đó không thủ đắc
Nếu thân không nắm bắt
Cho nên không có khác.
Do pháp không thủ đắc
Nên biết có chỗ chứng
Do có chỗ chứng đắc
Nên biết không thủ đắc.
Trong đó không trong lành
Cũng chẳng không trong lành
Không pháp, không trong lành
Đây là các pháp thật.
Các pháp không thủ đắc
Không nắm bắt, nêu bày
Do các pháp chẳng có
Nên biết các pháp có.
Các pháp chỉ có tên
Tên cũng không thủ đắc
Nếu pháp không chấp giữ
Nên biết có Niết-bàn.
Thọ cùng với chẳng thọ
Ở trong thọ thuyết giảng
Trong ấy không có nêu
Do nêu bày là danh.
Chẳng có, gọi là có
Ở trong có giảng nói
Do dấy khởi phân biệt
Thường rơi vào có, không.
Phàm phu thấy người huyễn
Chấp đó cho là thật
Pháp có, không bình đẳng

Người trí nghe không lầm.
Pháp sinh và không sinh
Cả hai không chấp giữ
Do phàm phu yếu kém
Nên nói có pháp sinh.
Nếu các pháp có sinh
Thì các pháp có diệt
Pháp sinh và pháp diệt
Cả hai không thủ đắc.
Tất cả pháp đều không
Không pháp để chứng đắc
Con nên biết như thế
Ta đã nói pháp sâu.
Bồ-đề không ngôn thuyết
Cũng không có người tạo
Nếu khi chứng Bồ-đề
Hiểu rõ cả ba cõi.
Nếu phân biệt Bồ-đề
Chẳng gọi cầu Bồ-đề
Tu hành về Bồ-đề
Không có tướng phân biệt.
Vạn vật đều không sinh
Cầu tự tánh cũng không
Vì tự tánh chẳng có
Đấy là tướng Niết-bàn.
Hoàn toàn không có sinh
Cầu chúng không thể được
Vì tự tánh chẳng có
Không diệt, chẳng không diệt.
Nếu biết được nghĩa này
Tự tánh của các pháp
Chúng không phải thật sinh
Thì không có chống trái.
Nghe nói pháp sâu xa
Người không sinh sợ hãi
Nên biết chúng sinh ấy
Phật nói là Bồ-tát.

Bấy giờ, Đồng tử Thiện Tư Duy dùng kệ bạch Phật:

Thế Tôn - Vô Thượng Sư
Vì con hiện ra đời
Ở trong pháp này nêu
Tướng khác chỉ tên gọi.
Mâu-ni hiện nơi đời
Phật sinh không nghĩ bàn
Đoạn sạch các lưới ma
Để hiện lưới chánh pháp.
Con đoạn hết sinh tử
Không lâu đến đạo tràng
Nếu người có tưởng khác
Vì tướng mà giảng thuyết.
Thế Tôn nói, nên cầu
Thấy rồi, nhập Niết-bàn
Độ thoát cả muôn loài
Dứt hẳn mọi nghi lầm.

Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Thiện Tư Duy:

–Hạnh không nghi lầm là hạnh Bồ-tát. Hạnh giúp đỡ là hạnh Bồ-tát. Hạnh không phân biệt, xa lìa tất cả lỗi lầm, dùng hạnh sâu xa thương yêu tất cả chúng sinh là hạnh Bồ-tát. Này Đồng tử Thiện Tư Duy! Hành theo tướng hành theo hư dối là tướng của dục. Xả bỏ hành của dục, xa lìa các sân hận, tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh, vì tâm không thể nắm bắt. Hành theo hạnh đại Từ để cầu pháp. Thực hành hạnh đại bố thí để không xả bỏ chúng sinh. Thực hành hạnh không nghi ngờ để không theo kiến giải của kẻ khác. Thực hành hạnh không bị phiền não bức bách để được an lành. Thực hành hạnh tinh tấn để không còn lười biếng. Thực hành hạnh Tam-muội để tâm được rộng mở. Thực hành hạnh trí tuệ để biết tất cả tướng của pháp. Thực hành hạnh vô úy để không còn khiếp nhược. Thực hành hạnh không chướng ngại để thành tựu hạnh thù thắng là ảnh tượng của Như Lai. Quán xét thế giới chúng sinh khắp mười phương để đạt được hạnh không vướng mắc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Nói các hạnh Bồ-tát
Xa lìa những nghi lầm
Hạnh cùng với ngu si
Cả hai không thủ đắc.
Phi hạnh dùng làm hạnh

Đó là hạnh Bồ-tát
Nếu người biết hạnh này
Người ấy hành vô ngại.
Nói các bậc Bồ-tát
Luôn gìn giữ các pháp
Để cầu vô sở đắc
Đấy là hành vô thượng.
Nếu nói ta tu hành
Tức trụ trong điên đảo
Do trụ trong điên đảo
Không thể được vô úy.
Đây là hành ngôn thuyết
Ngôn thuyết không nắm bắt
Nếu biết được như vậy
Là hành thừa vô thượng.
Đại thừa - thừa vô thượng
Thừa này không lo sợ
Lo sợ và không sợ
Tất cả đều hý luận.
Ta nói tất cả hành
Hết thảy hành đều không
Nếu các hành đều không
Đó là hành vô thượng.
Hành này là sâu xa
Giữ gìn tất cả pháp
Giữ gìn và thâm diệu
Đây phân biệt tất cả.
Sâu xa cùng với hành
Trong đấy cả hai không
Nếu biết ở cõi này
Không phân biệt các pháp.
Không pháp để chấp giữ
Không pháp, không thủ đắc
Đây là tánh các pháp
Không tánh để diễn thuyết.
Không bền chắc, không dục
Vì cầu nên hiện bày
Văn tự không chấp giữ

Đấy là câu vô thượng.
Ta dùng phương tiện nói
Người nghe chớ sinh sợ
Vì cầu không thể được
Cũng không hủy hoại tướng.
Các hạnh chúng sinh này
Thật lý không thể chứng
Nếu biết được như vậy
Gọi là khéo tu học.
Các chúng sinh là không
Nên ta nói chúng sinh
Pháp chúng sinh như vậy
Đạo ấy là vô thượng.
Hoặc tâm, hoặc chúng sinh
Hoàn toàn không thủ đắc
Đây là nghĩa đệ nhất
Bậc Đại Từ đã thuyết.
Các vị Đại Bồ-tát
Đại thí chủ thế gian
Vì thường tu bố thí
Nên gọi là thí chủ.
Nếu pháp không thủ đắc
Nên các pháp đều không
Khi ấy tu bố thí
Là Bồ-tát không trí.
Nếu pháp không thủ đắc
Ở trong pháp cao thấp
Do chẳng còn kinh sợ
Nên gọi Chân thí chủ
Nếu pháp không thủ đắc
Thì pháp không nghĩ bàn
Đây gọi Chân trì giới
Các pháp không chỗ nương.
Cõi Phật không nghĩ bàn
Vì các Bồ-tát nói
Kẻ ngu không hiểu biết
Giới cấm không thanh tịnh.
Nhẫn nhục với chúng sinh

Chúng sinh không chấp giữ
Đây là Nhẫn vô thượng
Nên ở trong pháp nêu.
Nếu tâm không chấp giữ
Cũng không có phân biệt
Đây là nhẫn vô thượng
Vì pháp không thủ đắc.
Nếu khi sinh mệt mỏi
Bồ-tát nên xa lìa
Là tinh tấn vô thượng
Theo tên gọi mà nêu.
Thân tâm luôn tinh tấn
Không nương vào các pháp
Đây là tinh tấn nhất
Vì các Bồ-tát nói.
Bồ-tát trong các pháp
Nếu không sinh mệt mỏi
Không dụng công, tinh tấn
Là tinh tấn vô thượng.
Nơi các pháp trong, ngoài
Tâm tánh không thủ đắc
Tâm ấy khéo điều hòa
Vì tâm không chấp giữ.
Duyên dựa cũng do tâm
Tự tánh không thật có
Không tâm Tam-ma-đề
Nên gọi là Tam-muội.
Thiện Thệ là ta nói
Tam-ma-bạt-đề này
Nếu không lìa pháp ấy
Ta nói khéo điều phục.
Không dùng trí tuệ biết
Pháp có ít tự tánh
Tự tánh cùng với pháp
Cả hai hoàn toàn không.
Không chấp tất cả pháp
Cảnh giới của tâm thức
Không dùng trí biết pháp

Tự tánh rốt ráo không.
Nếu biết được như vậy
Là niệm lực Bồ-tát
Hành trong nghĩa đệ nhất
Phi cảnh giới thế gian.
Tất cả chúng không thật
Mà vì nói chánh pháp
Ở trong đại chúng kia
Không khởi tưởng chúng sinh.
Chúng sinh ấy như huyễn
Huyễn này thảy đều không
Khi nghe nói như vậy
Không sinh tưởng chướng ngại.
Hoặc các pháp ta, người
Cả hai đều là không
Nghe nói pháp như vậy
Không sinh tưởng chướng ngại
Hai pháp trong và ngoài
Nẻo hành của bậc Trí
Tâm không có cao, thấp
Cùng tất cả thế gian.
Hết thảy pháp vô ngại
Như dấu giữa hư không
Tự tánh pháp cũng thế
Như dấu giữa hư không.
Bồ-tát biết như vậy
Gọi là khéo thông suốt
Hiểu rõ tất cả pháp
Biết nẻo hành chúng sinh.
Chúng sinh không nắm bắt
Cầu pháp cũng như thế
Trí biết rõ các cõi
Cõi ấy hoàn toàn không.
Ta nói nhập môn này
Hành nơi đạo Vô thượng
Chứng đạo như vậy rồi
Rõ các hành chúng sinh.
Cõi nước và muôn loài

Cả hai đều không thật
Trí bậc nhất như vậy
Biết tất cả các pháp.
Ở các pháp trong ngoài
Trí tuệ không chỗ chấp
Xa lìa, không chấp pháp
Đó gọi là cõi thật.
Pháp ấy không nghĩ bàn
Gọi là pháp chư Phật
Pháp kia không thật có
Không cũng hoàn toàn không.
Khi tu hành như vậy
Không chấp vào đời này
Trí ấy luôn thuận hợp
Gọi là trí chư Phật.
Các pháp không nghĩ bàn
Đối pháp, lý không thật
Vì pháp này không có
Pháp Phật gọi giác ngộ.
Chư Phật và pháp Phật
Tất cả đều không chấp
Không chấp ở Bồ-đề
Gọi là trí chư Phật.
Thừa này là Đại thừa
Thâu tóm mọi pháp môn
Độ thoát các thế gian
Thế gian không thủ đắc.
Tất cả các thế giới
Hiện có các chúng sinh
Bồ-tát vì cầu pháp
Đều gần gũi cung kính
Quán sâu các pháp ấy
Pháp Phật không nghĩ bàn
Vì không chấp các pháp
Người này chứng Bồ-đề.
Bồ-đề cùng với pháp
Tất cả đều không tướng
Người quán xét như vậy

Có thể chứng pháp Phật.
Khi quán xét như thế
Không chấp vào thế gian
Nhờ tâm không chấp giữ
Nên chứng đắc Bồ-đề.

Lại nữa, Thiện Tư Duy! Các Đại Bồ-tát, người chưa đầy đủ sự trang nghiêm, nay ta sẽ giảng nói. Nếu người nào được nghe pháp môn như vậy mà không sợ hãi, nên biết người ấy đã gần với đạo tràng, gần với cảnh giới của Phật, trụ vào đạo giải thoát không chướng ngại. Quán xét khắp mười phương mà tâm không chỗ chấp giữ, chính là chư Phật dùng tâm đại Từ, đại Bi và pháp Bất cộng để thể hiện, không nương vào sự che chở của tướng quán đảnh. Người nghe nói pháp môn thâm diệu như thế mà sinh tâm tin tưởng vui thích thì Như Lai thảy đều thấy, biết. Ở trong kinh này, người nào không tin hiểu, Như Lai cũng đều biết rõ. Nếu người tin nhận kinh này thì người ấy là đệ tử của Phật, Như Lai là thầy của người đó.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta đã ngồi đạo tràng
Đạo tràng hoàn toàn không
Vì không chấp Bồ-đề
Nên an trụ trong trí.
Pháp ấy không chướng ngại
Thể pháp rốt ráo không
Nếu pháp hoàn toàn không
Khi giải thoát mới biết.
Ở trong tất cả pháp
Trí tuệ nên thành Phật
Các pháp và trí tuệ
Đây là điều Phật thuyết.
Phàm phu vọng phân biệt
Lời nói chấp có, không
Chư Phật không phân biệt
Bồ-tát và bậc Trí.
Quan sát các thế gian
Thế gian hoàn toàn không
Thế gian luôn vắng lặng
Trí quán cũng như vậy.
Chúng sinh cùng với Phật

Không có tướng phân biệt
Do không có phân biệt
Gọi là từ vô thượng.
Hết các cõi chúng sinh
Chỗ Từ bi phát khởi
Bi ấy không thật sự
Bi cùng với sự thật.
Cảnh giới phàm phu này
Như thước, tấc trong không
Xưa không, nay cũng không
Thế gian cũng như vậy.
Gọi là Bi vô thượng
Đấy là pháp Vô thượng
Gọi là pháp chư Phật
Cầu chúng, không thủ đắc.
Lời nói của Thiện Thệ
Đấng Đạo Sư vô thượng
Cầu sắc không thể đạt
Như vậy pháp không sắc.
Tùy thế gian nên thuyết
Hư không không giới hạn
Nơi nơi không chấp giữ
Pháp chư Phật cũng thế.
Tùy thế gian nên thuyết
Trí tuệ vô thượng này
Trí tuệ không nắm giữ
Vì trí không thủ đắc.
Trí kia cũng không thật
Bờ này hay bờ kia
Vì hình tướng nên thuyết
Vì chấp giữ nơi tướng.
Không hành pháp thâm diệu
Nên biết trong pháp này
Tất cả đều bình đẳng
Nếu người dùng tướng nói.
Chẳng phải tri thức thiện
Chúng này hoặc chúng kia
Nếu nói có người cầu

Vì chấp tướng mà nêu.
Kia chẳng tri thức thiện
Hoặc cho pháp là có
Trừ bỏ đạt pháp không
Đồng tử! Pháp của ta.
Không được nói như vậy
Vì ta đã biết khổ
Trong tánh không khổ não
Nếu người nói như thế.
Không ở lâu pháp này
Các pháp vốn không tập
Gọi chúng là có tập
Nếu nói đoạn về tập.
Thì xa lìa pháp này
Nếu ở pháp định ấy
Vốn không, mà phân biệt
Ở trong pháp vốn không.
Xưa nay không có diệt
Nếu vì phân biệt nói
Vốn không, nay sao diệt?
Đồng tử! Con nên biết.
Thấy ấy chẳng chánh kiến
Người tu tập về đạo
Vì cầu nên diễn nói
Phó chúc cho người cầu.
Tu học ở trong đạo
Ta nói các Bồ-tát
Bậc đại trí tiếng tăm
Ở vào đời vị lai.
Hiểu được nghĩa sâu ấy
Nếu người trì kinh này
Bậc tối thắng đã thuyết
Gieo trồng nhiều căn lành.
Vì tất cả chúng sinh
Giảng thuyết Tu-đa-la
Bậc trí đã thọ trì
Người này đời vị lai.
Hộ trì chánh pháp Ta

Nói người ở pháp ấy
Trụ như không phân biệt
Như đấy là Bồ-đề
Bồ-đề không thủ đắc.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp này, Đồng tử Thiện Tư Duy chứng được pháp Nhẫn vô sinh, vô cùng vui mừng, cho là đạt được điều chưa từng có. Lúc chư Phật thường vì Bồ-tát mà thọ ký là hiện bày việc hy hữu. Bấy giờ, từ trong miệng Đức Thế Tôn phóng ra các hào quang gồm những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, pha lê, tỏa chiếu khắp tất cả vô lượng thế giới, trên lên đến cõi Phạm thế. Sau khi tỏa chiếu khắp các thế giới xong thì trở về chỗ Phật, xoay quanh Đức Phật ba vòng rồi nhập vào Phật đảnh. Lúc ấy, đại địa chấn động đủ sáu cách. Ở giữa hư không có các Thiên chúng mưa xuống nhiều hoa trời, trầm thủy, hương bột, trỗi lên các thứ âm nhạc trời với âm thanh vi diệu, tam thiên thế giới đều thanh tịnh, trang nghiêm giống như cõi Uất-đan-việt.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cung kính chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Như Lai thị hiện việc hy hữu này? Nếu không có duyên cớ thì Như Lai không thị hiện tướng lành ấy.

Tôn giả A-nan nói kệ:

Đạo sư vô thượng trong loài người
Không duyên, không hiện điều diệu kỳ
Nguyện xin Thế Tôn vì chúng nói
Tướng tốt này là nhân duyên gì?
Chư Thiên cùng ở giữa hư không
Cúng dường Bậc Tối Thắng vô thượng
Vô cùng vui mừng mà tán thán
Khéo thuyết pháp môn thắng vi diệu.
Như Uất-đan-việt ở phương Bắc
Đủ loại hoa đẹp để trang nghiêm
Các hào quang ấy cũng như vậy
Chiếu khắp cõi này đều nghiêm tịnh.
Các pháp của Phật cũng như thế
Vì chư Bồ-tát mà thọ ký
Phóng hào quang lớn, sáng đẹp này
Chiếu khắp mười phương nhập vào đảnh.
Bậc Mâu-ni Vô Thượng Tinh Tấn

Hiện hào quang này - việc hy hữu
Như Lai do đâu phóng hào quang?
Xin nguyện Đại Bi vì con nói.

Đức Phật liền vì Tôn giả A-nan nói kệ:

Đồng tử Thiện Tư Duy
Ở chỗ Đức Như Lai
Khắp trồng các căn lành
Sẽ làm Bậc Chánh Giác.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đồng tử Thiện Tư Duy này, vào đời vị lai sẽ được cúng dường vô số ức Phật, ở chỗ các Đức Phật luôn tin tưởng, cung kính, dùng đủ các thứ thực phẩm, y phục, đồ nằm, thuốc thang để cúng dường Đức Phật kia. Sau khi các Đức Phật đó nhập Niết-bàn thì đều thâu lấy xá-lợi, xây dựng tháp báu lớn cao trăm ngàn do-tuần, lấy tất cả vật báu để trang hoàng, dùng những hoa thơm, lọng báu, phướn báu, chiên-đàn, trầm thủy, đủ loại vị hương, nhạc hay để ca tụng, cúng dường tán thán chư Như Lai kia… và sẽ được thành Phật hiệu là Tịnh Nguyệt, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Các cõi nước mười phương
Châu báu đầy trong đó
Dùng những châu báu ấy
Cúng dường chư Như Lai.
Thế gian Vô Thượng Sư
Lời nói của Thế Tôn
Người nghe và thọ trì
Được công đức nhiều hơn.

Tôn giả Tuệ mạng Xá-lợi-phất dùng kệ bạch Phật:

Pháp thâm diệu, thù thắng
Bậc Tối Thắng đã thuyết
Kinh này gọi là gì?
Chúng con kính thọ trì.
Ở trong pháp môn ấy
Không nói một pháp không
Có cũng không thủ đắc
Pháp thù thắng đã thuyết.

Tất cả pháp hữu lậu
Cùng với pháp vô lậu
Ở đây không thủ đắc
Kinh vi diệu đã thuyết.
Tất cả pháp hữu vi
Cùng với pháp vô vi
Cả hai không thủ đắc
Trong kinh này đã nêu.
Thế Tôn – Vô Thượng Sư
Nêu về tất cả hành
Tất cả không thủ đắc
Trong kinh này đã nêu.
Pháp Đức Phật đã thuyết
Ở đây cũng không thuyết
Chỗ thuyết rất vi diệu
Cầu ngã không thể được.
Các cõi nước mười phương
Pháp Thế Tôn đã nói
Thế gian không tự thể tánh
Trong kinh này đã nêu.
Đạo Sư – Đấng Vô Thượng
Nguyện xin vì con nói
Kinh này gọi là gì?
Chúng con sẽ thọ trì.
Nghe lời như vậy rồi

Phật bảo Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

Kinh này tên Đảnh Vương
Đảnh ấy hoàn toàn không
Đại trí! Ông phải biết
Nên thọ trì như vậy.
Nếu có thể thọ trì
Pháp tối thắng đã giảng
Người ấy có thể biết
Chư Thiên và người đời.
Khi Phật thuyết pháp này
Trăm vạn người trong chúng
Các căn lành tăng trưởng
Đều phát tâm Bồ-đề.

Nhờ được nghe kinh ấy
Pháp thâm diệu, vô thượng
Chúng này ắt sẽ chứng
Vô thượng giữa thế gian.
Ở trong pháp sâu xa
Đều hiểu rõ tất cả
Chúng sinh chắc sẽ được
Thọ trì câu, chương này.
Nếu có thể thọ trì
Kinh Đảnh Vương đã thuyết
Ở trong tất cả pháp
Không sinh tâm mong cầu.
Trong ấy không một nhẫn
Cũng không nhẫn thứ hai
Nếu pháp không thủ đắc
Cũng không pháp để nêu.
Nếu có thể thọ trì
Tu-đa-la Đảnh Vương
Nhờ quan sát pháp này
Có thể sinh biện tài.
Nếu người tín nữ trí
Có thể trì kinh ấy
Chuyển đổi được thân nữ
Thành tựu pháp trượng phu.
Dùng một biết tất cả
Nhờ biết tất cả ấy
Các pháp Đà-la-ni
Trong kinh này đã nêu.
Giảng thuyết hết thảy pháp
Dung nạp được tất cả
Như vậy nói phần này
Ánh sáng pháp chiếu khắp.
Mỗi mỗi các thế gian
Đủ loại tên nên biết
Giảng nói ở khắp nơi
Pháp ấy không nắm bắt.
Pháp không theo duyên dựa
Cầu chúng không thể được

Tất cả pháp như vậy
Tổng trì đạt an lạc.
Nếu pháp không thủ đắc
Trong pháp chẳng có, không
Đấy là tánh các pháp
Gọi đó là Tổng trì.
Nếu có thể thọ trì
Kinh Đảnh Vương đã thuyết
Hào quang người trì pháp
Chiếu soi khắp mọi nơi.
Tất cả pháp thâm diệu
Pháp ấy không nắm bắt
Nếu pháp không thủ đắc
Cũng không ở có, không.
Nếu người đủ trí tuệ
Biện tài không chướng ngại
Mới biết được nghĩa này
Hoàn toàn không có thật.
Như rồng A-nậu-đạt
Giữa không, phun mưa lớn
Nước chẳng từ bên ngoài
Sức không thể nghĩ bàn.
Nếu muốn biết các pháp
Phân biệt không chướng ngại
Học Tu-đa-la này
Không nương tựa các pháp.
Ở trong pháp môn ấy
Pháp không từ đâu đến
Tất cả pháp không sinh
Trong kinh này đã nói.
Ví như ánh mặt trời
Tỏa chiếu khắp mọi nơi
Kinh này cũng như vậy
Chiếu khắp tất cả pháp.
Nếu Tỳ-kheo biện tài
Nên thọ trì kinh này
Học Tu-đa-la ấy
Kinh Đảnh Vương vi diệu.

Có thể mau chứng đắc
Biện tài không nghĩ bàn
Tu học kinh này rồi
Làm lợi ích cho đời.
Có người đối kinh này
Có thể tin, tùy hỷ
Pháp Tổng trì khó được
Vì không biết nghĩa lý.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Nếu không tu pháp này
Hành nghiệp hư dối khác
Rời rất xa pháp ta.
Ở trong đệ tử ta
Nếu người tu kinh này
Chính là mắt của đời
Không có ai sánh bằng.
Như vua trời Đao-lợi
Hay che chở thế gian
Kinh này cũng như vậy
Làm nhà cửa của đời.
Như ở đỉnh Tu-di
Thấy rõ khắp các cõi
Như thế trụ kinh này
Quán xét tất cả pháp.
Như đêm sao Hỏa hiện
Tất cả đều thấy rõ
Hào quang người trì kinh
Tối thắng trong các pháp.
Ví như ánh mặt trời
Tỏa chiếu khắp nơi chốn
Kinh này cũng như vậy
Diệt trừ hết thảy tối.
Như trăng giữa hư không
Chiếu sáng mà không trụ
Kinh này cũng như vậy
Chiếu khắp mười phương cõi.
Ấn này là ấn pháp
Tất cả ấn đã ấn

Ấn này ở thế gian
Là các bậc Bồ-tát.
Như ấn trong hư không
Xưa không, nay cũng không
Hư không cùng với ấn
Cả hai là phân biệt.
Như vậy pháp chư Phật
Trong kinh này đã nêu
Chư Phật không thể thuyết
Pháp cũng lại như vậy.
Như vua sắp mạng chung
Truyền ngôi cho thái tử
Ra lệnh các quần thần
Phò tá cho thái tử.
Như vậy, Thánh pháp tài
Bậc Thánh đã giữ gìn
Truyền trao cho A-nan
Vì các Bồ-tát nói.
Người hộ trì kinh này
Là các bậc Bồ-tát
Người thành tựu căn lành
Luôn gắn bó kinh ấy.
Nếu có thể thọ trì
Và diễn nói giảng rộng
Người ấy ắt thành Phật
Chắc chắn không có nghi.
Nếu người cầu biện tài
Với pháp không nương tựa
Nên thọ trì, giảng nói
Pháp môn Đảnh Vương thắng.
Nói về pháp thế gian
Tức gọi là Bồ-đề
Như vậy không sai biệt
Thông đạt về kinh này.
Đối với các thế gian
Người ấy không nghi hoặc
Thọ trì được kinh này
Cũng vì người khác nói.

Nghe kinh như vậy xong
Hiểu biết pháp chư Phật
Dùng pháp thâm diệu ấy
Làm lợi ích chúng sinh.
Khi Phật thuyết kinh này
Chư Phật đều tán thán
Lành thay! Đấng Vô Thượng
Lời nói rất vi diệu.
Dựng cờ pháp lớn ấy
Cờ pháp không nghĩ bàn
Nên dùng bốn câu kệ
Vì chúng sinh giảng rõ.
Kinh không nghĩ bàn này
Nếu vì người khác thuyết
Nên quán pháp vô lượng
Pháp quán không nghĩ bàn.
Chư Phật - Bậc Vô Thượng
Đoạn sạch tất cả pháp
Đều cùng thuyết kinh này
Pháp môn không nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ này xong, bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe pháp này rồi, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói rõ thì sẽ được công đức rất nhiều, vô lượng, không thể cùng tận. Ví như hư không không có giới hạn. Như vậy, này A-nan! Nếu người đối với pháp môn sâu xa này mà thọ trì, đọc tụng dù chỉ một bài kệ bốn câu lại vì người khác giảng rõ thì công đức của người ấy cũng lại như vậy không thể nêu bày hết.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói kệ:

Pháp thâm diệu vô biên
Kinh này nói nghĩa lớn
Người thọ trì, thuyết giảng
Nên khéo giữ gìn kinh.
Nếu vì phân biệt nói
Hư không hãy còn tận
Công đức của kinh này
Không thể nói hết được.
Nếu thọ trì kinh ấy

Tức là đã cúng dường
Tất cả chư Như Lai
Trong mười phương thế giới.
Khắp cõi nước mười phương
Hiện có Đại Mâu-ni
Người thọ trì kinh này
Tức lễ bái cúng dường.
Bậc đầy đủ mười hiệu
Trong cõi nước mười phương
Nếu người nghe kinh ấy
Tức là đã cúng dường.
Chư Thế Tôn quá khứ
Và chư Phật vị lai
Bậc Chánh Giác hiện tại
Trong thế giới mười phương.
Nếu có người thọ trì
Kinh Như Lai đã thuyết
Đều là đã cúng dường
Đấng Mâu-ni Sư Tử.
Dùng của báu cúng dường
Đấy là trí thế gian
Người thọ trì kinh này
Là trí tuệ vô thượng.
Nếu người dùng châu báu
Đầy khắp mười phương cõi
Đem dâng cúng chư Phật
Phước đức ấy rất nhiều.
Nếu đối với kinh này
Khéo học, vì người nói
Cúng dường của người này
Phật nói là bậc nhất.
Trong pháp ta đã nêu
Cầu Phật không chấp giữ
Ở đấy không sợ hãi
Tức là cúng dường Phật.
Cúng dường bậc nhất ấy
Thế gian không sánh kịp
Nếu người không hủy báng

Cũng gọi là cúng dường.
Chư Phật cùng với pháp
Mong cầu không thể được
Cúng dường bậc nhất này
Bậc Tối Thắng đã thuyết.
Chánh Biến Tri Nhiên Đăng
Dùng pháp này cúng dường
Đây cúng dường bậc nhất
Vì các Bồ-tát nói.
Ta đối với Phật kia
Nhờ sự cúng dường ấy
Sau đó được thọ ký
Đời vị lai thành Phật.
Nếu muốn cầu Phật đạo
Đứng đầu nơi chúng sinh
Tịnh tu hành đạo này
Mà cúng dường Đạo Sư.
Cúng dường như vậy rồi
Không lâu chứng Bồ-đề
Nên hành cúng dường ấy
Thông đạt tất cả pháp.
Cúng dường bậc nhất ấy
Tất cả pháp chư Phật
Chư Thế Tôn, Đạo Sư
Tất cả đều chứng đắc.
Được vào cảnh giới Phật
Trí Phật không nghĩ bàn
Ta gầm tiếng sư tử
Nhận thế gian cúng dường.
Gầm tiếng sư tử rồi
Tất cả pháp không sợ
Độ vô lượng chúng sinh
Vào Niết-bàn vô lậu.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Đồng tử Thiện Tư Duy và các Tỳ-kheo, tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… ở thế gian nghe lời Phật thuyết giảng đều vô cùng vui mừng, tin nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 479

KINH ĐỒNG TỬ THIỆN TƯ

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa, người Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Bà-già-bà (Thế Tôn) trú trong vườn Am-bà-la-ba-lê thuộc thành Tỳ-da-ly, cùng với chúng Thanh văn là tám ngàn Tỳ-kheo và một vạn Bồ-tát. Tất cả đại chúng như vậy đều biến hóa thành thân tướng chư Thiên.

Bấy giờ, vào sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y mang bát cùng với hóa chúng này vây quanh trước sau, thứ lớp vào đại thành Tỳ-da-ly khất thực, dần dần đi đến nhà của Ly-xa Tỳ-ma-la-cật. Trong nhà Ly-xa Tỳ-ma-la-cật có một đồng tử tên là Thiện Tư. Khi ấy, đồng tử đang được nhũ mẫu bồng đứng trên lầu gác của nhà mình, trong tay đang cầm một nhành hoa sen ngắm nghía vui đùa. Đồng tử này đã vua trồng các căn lành từ đời trước và nhờ sức thần thông của chư Phật nên khiến cho đồng tử bỗng nhiên dùng kệ thưa với nhũ mẫu:

Nay có tiếng vi diệu
Lấp các tiếng âm nhạc
Xin nhũ mẫu buông con
Để con rời lầu gác.
Ánh sáng này chiếu khắp
Quyết là Đại trượng phu
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào cửa thành này.
Vi diệu khiến ý vui
Chim chóc thay nhau hót
Tai con chưa từng nghe
Chim chóc hót như vậy.
Ắt là Đấng Điều Ngự

Vì lợi ích thế gian
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào cửa thành này.
Như mang các anh lạc
Tiếng khua vang khắp nơi
Âm hòa hợp vi diệu
Người nghe đều vui vẻ.
Hẳn chân ngàn bánh xe
Oai phước trang nghiêm thân
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào cửa thành này.
Như đại địa chấn động
Cũng như đánh chuông đồng
Các âm thanh như vậy
Không có, không người nghe.
Người ấy là mặt trời
Thân quang minh Đại Thánh
Sắp vào đại thành này
Khiến chúng sinh hết sợ.
Như cỏ cây rừng núi
Nhiều loài hoa trang nghiêm
Mùi hương thơm vi diệu
Tùy sở thích chúng sinh.
Nhất định khéo an trú
Cùng nguyện đại Long vương
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào trong thành này.
Như sáng chiếu hư không
Khắp đại địa đều sáng
Vượt ánh sáng mặt trời
Thế Tôn thân vàng ròng.
Ắt hoan hỷ quán sát
Đại oai phóng quang minh
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào trong thành này.
Di mẫu hãy xem đây
Chúng trời tại hư không
Vui mừng nên ca hát

Hiện bày các y phục.
Quyết định lợi ích đời
Các chúng sinh tối thắng
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào cửa thành này.
Nay trong đại thành ấy
Cùng nhau khởi tâm Từ
Mỗi mỗi đều vui mừng
Như cha mẹ thương con.
Đó là khối phước lớn
Các đức trang nghiêm thân
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào cửa thành này.
Lại đủ cả nam nữ
Cầm các loại hương hoa
Đầy khắp cả bốn phía
Tâm sinh vui mừng lớn.
Đó là Đại Tự Tại.
Hoa phước đức trang nghiêm
Chân phải vượt cổng thành
Sắp vào cửa thành này.
Hoa trời, người rải khắp
Hiện đầy cả hư không
Nơi nơi mưa các hương
Vi diệu càng vui thích.
Đó là Bậc Thiện Thệ
Đại trí tuệ vào thành
Vì lợi ích chúng sinh
Do vậy nay đến đây.

Bấy giờ, nhũ mẫu bồng Thiện Tư, nghe đồng tử tự mình nói kệ như vậy, tâm sinh khiếp sợ, thân nổi gai ốc, chân tay, đầu cổ rụng rời, đặt đồng tử ở trên lầu gác rồi liền suy nghĩ: "Đứa con này là ai vậy? Là Trời, là Rồng, là Dạ-xoa, là La-sát, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-già, Khẩn-na-la hay là Ma-hầu-la-già? Những lời ấy đâu phải là lời nói của đứa bé ở thế gian!" Thấy rồi, nhũ mẫu quyết định đứng yên không dám di động, không dám bước đi, không dám nói lớn, như nín thở cúi đầu, im lặng lắng nghe.

Lúc này, Đức Thế Tôn từ từ đến nhà Đồng tử Thiện Tư, đi vào một ngõ rộng tới trước cửa nhà của đồng tử thì dừng lại. Từ xa, Thiện Tư nhìn

thấy Đức Thế Tôn đứng bên dưới lầu gác, liền từ trên lầu cao cúi mình hướng về Đức Phật.

Đồng tử Thiện Tư nhờ thần lực của Phật, nên ở trong hư không an nhiên đứng yên, dùng kệ bạch Phật:

Thế Tôn trụ trong trí
Bậc tối thắng an trú
Vì lợi ích chúng sinh
Xin nhận hoa sen con.

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp Đồng tử Thiện Tư:

Ta trú trong thật tế
Chẳng phải cõi chúng sinh
Tế ấy không thật có
Là tế như thật tướng.

Đồng tử Thiện Tư lại dùng kệ bạch Phật:

Sao gọi Thế Tôn trụ?
Nơi chân thật tế ấy
Tế này đã không có
Không có, trụ chỗ nào?

Phật dùng kệ đáp:

Thật tế của Như tế
Tế kia là Như Lai
Như trú thật tế ấy
Ta trụ đó cũng vậy.
Chư Phật như thật tế
Thể ấy một không khác
Như chân thật tế ấy
Ta an trụ như vậy.

Đồng tử Thiện Tư dùng kệ bạch:

Phi tế, phi phi tế
Tế ấy có tướng sao?
Tạo những phương tiện gì
Được gọi là thật tướng.

Phật dùng kệ đáp:

Tế không thể chấp tế
Nên nói là thật tế
Tế ấy như hư không

Hư không cũng không tướng.

Đồng tử Thiện Tư lại dùng kệ bạch Phật:

Hiếm có xứ chân thật
Trú chỗ trú tối thượng
Nguyện chúng sinh trú đó
Như chỗ trú chư Phật.

Đồng tử Thiện Tư nói kệ này rồi một lòng chắp tay bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn thương xót con mà nhận hoa sen này.

Đức Thế Tôn vì thương xót Đồng tử Thiện Tư nên nhận hoa sen ấy. Phật nhận hoa rồi, bấy giờ Đồng tử Thiện Tư hết sức vui mừng, phát nguyện:

–Nhờ căn lành này, đời sau con sẽ chứng được đạo quả Bồ-đề vô thượng, như nay Đức Thế Tôn vì tất cả chúng sinh mà thuyết pháp. Tuy nhiên trong pháp ấy, pháp của các phàm phu và A-la-hán, hết thảy Thánh pháp đều không thể thủ đắc.

Khi đó, Trưởng lão Xá-lợi-phất cùng ở trong đại chúng nghe nói lời ấy, liền hỏi Đồng tử Thiện Tư:

–Này Đồng tử Thiện Tư! Chỗ đồng tử vừa nói là mình sẽ chứng đắc pháp như vậy rồi, vì các chúng sinh thuyết giảng. Vậy pháp ấy như thế nào? Làm sao nêu giảng?

Bấy giờ, Đồng tử Thiện Tư liền dùng kệ đáp:

Pháp kia không có Phật
Và tất cả Thanh văn
Con sẽ chứng pháp ấy
Vì các chúng sinh thuyết.
Pháp ấy không xứ sở
Lại cũng không đến đi
Người trí biết như vậy
Thể tánh là gốc pháp.
Tất cả Phật quá khứ
Hiện tại vô thượng tôn
Đều nhận biết như vậy
Nhập tịch diệt rốt ráo.
Trong ấy không pháp giới
Chúng sinh giới cũng không
Biên vực là như vậy
Thế gian không người vào.

Pháp giới là tên chữ
Chữ từ phân biệt sinh
Phân biệt, không phân biệt
Rốt ráo không thủ đắc.

Trưởng lão Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử ở trong đại chúng dùng kệ hỏi Đồng tử Thiện Tư:

Đồng tử ông làm sao
Học hiểu được pháp ấy?
Sâu xa khó thí dụ
Chỗ mê các bậc Trí.
Ông nay chưa tự đi
Mà biện tài như vậy
Đối với bậc Trí tuệ
Đại Thanh văn hơn hết?
Thân ông như vàng ròng
Khéo hiểu biết rộng khắp
Nổi bật nơi thành này
Như trăng ở hư không.

Đồng tử Thiện Tư lại dùng kệ đáp:

Tôn giả nay nói sinh
Sinh này không có chốn
Vì các pháp không sinh
Sinh này là cái gì?
Các pháp đã không sinh
Sao gọi là chân thể?
Con nói bản tánh ấy
Tất cả các pháp không.
Pháp và bản tánh pháp
Cả hai không thủ đắc
Đều đã không thủ đắc
Chư Phật nói pháp này.
Đó là luân tối thượng
Trước chuyển ở Lộc uyển
Hư không thu giữ rồi
Khiến nhiều Thanh văn ngộ.
Chỉ nghe tiếng thuyết pháp
Chúng sinh nhiều lầm dối

Nương phương tiện để đạt
Sẽ nêu như chân thật.
Nói về sinh và tử
Là cảnh giới phàm phu
Đây là thấy điên đảo
Phú-lâu-na chưa thấu.
Sinh tử và đây kia
Ngôn ngữ của thế gian
Trong pháp không ngôn ngữ
Tạm dùng ngôn ngữ thuyết.

Trưởng lão Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử nghe kệ như vậy rồi vui vẻ tán thán, liền bạch Phật:

–Thật là hy hữu! Thưa Đức Bà-già-bà! Thật là hy hữu! Thưa Đức Tu-già-đà! Đồng tử Ly-xa Thiện Tư này có trí tuệ sâu rộng như vậy thật khó có thể lường tính.

Đức Phật bảo Phú-lâu-na:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này Phú-lâu-na! Thật đúng như lời ông nói.

Đức Thế Tôn hỏi Đồng tử Thiện Tư:

–Này Đồng tử Thiện Tư! Nay ông nhằm vì ai mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đồng tử Thiện Tư dùng kệ tụng thưa Phật:

Phật Thế Tôn tối thắng
Biết mà còn hỏi con
Vì ai mặc áo giáp
Nay sẽ nêu chân thật.
Con không chỗ vì người
Cũng không mặc áo giáp
Trong pháp sâu xa trên
Không chúng sinh nhận, hóa.
Chúng sinh không chúng sinh
Tất cả đều không có
Chỗ này không mê lầm
Gọi đó là Thế Tôn.
Rõ pháp sinh như vậy
Như thật tế xứ thường
Chẳng một, chẳng phải khác
Sâu xa tối thượng ấy.

Con sẽ khiến chúng biết
Chúng sinh kia cũng không
Thể chúng sinh đã không
Trong kia sao có trí?
Trí tuệ và chúng sinh
Tánh rốt ráo không có
Nếu biết rõ như vậy
Gọi là Bậc Thế Trí.

Đồng tử Thiện Tư nói kệ như vậy rồi, liền bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Nếu nơi đời vị lai con tự biết rõ pháp như vậy rồi thì vì các chúng sinh mà giảng nói như vậy.

Khi ấy, Trưởng lão Tỳ-kheo A-nan ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Bạch Đức Bà-già-bà! Thật là hy hữu! Bạch Đức Tu-già-đà! Đồng tử Thiện Tư này đã có thể nói rõ về pháp cú hết mực sâu xa vi diệu như vậy, không nhiễm chấp nơi cú, không nương tựa vào cú. Trong pháp sâu rộng này, tất cả hàng trời, người nơi thế gian thường mê mờ sợ hãi. Bạch Thế Tôn! Nơi thật tánh sâu xa của các pháp như vậy ai không muốn hành? Chỉ có người từ xưa có nhân duyên ở trong pháp sâu rộng ấy mới có thể sinh tâm tin tưởng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan muốn nêu rõ nghĩa này nên nói kệ:

Giống như khối chân kim
Xa nhìn hiển bày rõ
Đồng tử Thiện Tư này
Đang ở trong đại chúng.
Ví như núi Tu-di
An trụ trong biển lớn
Khéo nói pháp như vậy
Trùm khắp thế gian này.
Không có, chẳng phải không
Đồng tử Thiện Tư nói
Thật tế kia như thế
Thật tế cũng là không.
Nay ông nói như vậy
Không từng sinh kinh sợ
Như thế, này Thiện Tư!
Ta làm sao biết được?

Ly-xa Thiện Tư dùng kệ đáp:

Con đã thề xả thân
Mặc áo giáp vô vi
Không mong nên cầu đạo
Đa văn nên nhận biết.
Vì năm dục làm mê
Đọa địa ngục đáng sợ
Nay thấy Đấng Vô Thượng
Làm sao con không vui.
Thế Tôn đại Từ bi
Hóa độ các chúng sinh
Thân con không tỳ vết
Nay đang ở trước Phật.
Hư không và thân con
Cả hai đều là không
Thân và không đã không
Sao phải sợ hư hoại?
Phật thân và thể không
Chân thật không thể phân
Nếu có tâm nhẫn này
Trong ấy không sợ hãi.
Hư không và đại địa
Trong chân như đều không
Con nay biết chân thật
Cho nên không sợ hãi.
Hư không khắp đại địa
Rốt ráo không thủ đắc
Vì không chân, không sinh
Chân thật không kinh sợ.
Hư không chẳng có cao
Chỗ thấp cũng không có
Người biết pháp như vậy
Không hề có sợ hãi.

Ly-xa Thiện Tư nói kệ như vậy rồi, Phật liền hỏi:

–Này Thiện Tư! Ông không sợ sao?

Thiện Tư bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con thật sự không sợ.

Phật lại hỏi:

–Ông không sợ sao?

Thiện Tư đáp:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn! Con thật sự không sợ.

Phật lại hỏi:

–Này Đồng tử Thiện Tư! Ông không sợ hãi sao?

Thiện Tư đáp:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn! Con thật không sợ hãi.

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này Ly-xa Thiện Tư! Nay ông mới đích thực có thể không khiếp, không sợ như vậy.

Phật vì việc này nên nói kệ:

Có Hữu nên sợ sinh
Hữu ấy không thủ đắc
Người nhẫn này tâm định
Liền đến gần Bồ-đề.
Chấp tướng nói chúng sinh
Nhưng chúng sinh không có
Thường thấu đạt như vậy
Kẻ ấy trú chân thừa.
Bồ-đề không người đắc
Chẳng đắc đắc, chẳng đắc
Lìa đắc, chẳng đắc ấy
Tâm sợ hãi tức không.
Có thể biết như vậy
Có không đều không trụ
Thiện Tư, ông nên biết
Đường này đến Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rồi, bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Này Đồng tử Thiện Tư! Cho nên Đại Bồ-tát muốn mau chóng đạt an lạc, chứng được đạo quả Bồ-đề vô thượng, phải nên nhớ nghĩ đến tướng thường, tướng lạc, tướng ngã, tướng tịnh, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng, tướng dưỡng dục Phú-già-la. Các tướng này là con đường thẳng chân chánh của đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Đồng tử Thiện Tư! Thuở xưa, lúc ta phát tâm hành trì hạnh Bồ-tát đã thường tâm niệm về con đường ấy. Vì ý nghĩa đó, nên ta nhân nơi

con đường ấy mà đạt đến Bồ-đề. Nhưng con đường này không có một pháp nào có thể thủ đắc. Đây tức là Bồ-đề vô thượng của ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nêu rõ lại nghĩa này nên nói kệ:

Ta tuy nói tướng thường
Thường ấy chẳng phải có
Đã biết không có thường
Liền không có tranh cãi.
Nếu chấp trước tướng lạc
Lạc cũng không chân thật
Đó là kiến điên đảo
Phú-già-la phân biệt.
Nếu biết các pháp chân
Mỗi mỗi không xứ tập
Tất cả không tạo tướng
Mạng và Phú-già-la.
Đường chẳng phải Bồ-đề
Không đường cũng như vậy
Ta nói bản tánh ấy
Các pháp không xứ sở.
Bản tánh và các vật
Người trí không phân biệt
Thiện Tư, ông nên biết
Đường này đến Bồ-đề.
Nếu chấp đường như vậy
Phật kia không hành đạo
Nếu chấp trước có tướng
Không biết rõ các pháp.
Không thể nương các thừa
Chỗ Từ bi chư Phật
Không có người năng hành
Xứ ấy lắng sâu diệu.
Tất cả chỗ không vật
Vật kia không thủ đắc
Vì đã không có vật
Tướng lạc không chỗ sinh.
Các niềm vui, nỗi khổ
Đường ấy như hư không
Có thể biết như vậy

Tâm ấy được giải thoát.
Ta tuy nói tướng ngã
Pháp ấy cũng không có
Đã không có ngã sở
Cũng lại không có trí.
Đã không có trí biết
Đây tức cảnh giới trí
Thọ mạng phân biệt có
Tướng ấy rốt ráo không.
Không ngôn thuyết, người biết
Tiểu trí bị mê hoặc
Tướng ngã và thọ mạng
Bản tánh chẳng phải có.
Bản tánh và các vật
Cảnh giới ngu si này
Tất cả không thể gần
Phật thừa không nghĩ bàn.
Không nghe kinh điển rộng
Không thọ trì, đọc tụng
Không nói kinh điển này
Không có tướng các pháp.
Ta không đắc các pháp
Chỗ nói lại cũng không
Ta xưa ngồi đạo tràng
Không một trí có chứng.
Như vậy ngã, trí này
Bồ-đề không thủ đắc
Bồ-đề và đạo tràng
Cả hai không người chứng.
Chúng phàm phu phân biệt
Chư Phật nói các pháp
Đây là mượn danh từ
Chỗ chư Phật thâm diệu.
Thâm diệu và chư Phật
Đó là cảnh giới ma
Không nghe kinh điển này
Phật Thế Tôn đã nói.
Cùng đều không biết vị

Chỗ lợi ích các pháp
Bồ-tát hành khổ hạnh
Hạnh ấy vì không biết.
Cho rằng Phật, Bồ-đề
Cả hai không thể thấy
Suy nghĩ như vậy rồi
Vọng ngôn cho: Phật nói.
Khen có các cảnh giới
Dựa vào sinh chấp trước
Đã có chỗ nhiễm chấp
Nên cũng không thấy ta.
Nếu có các chúng sinh
Thành tựu trí thâm diệu
Tất cả cùng nói lớn:
Chư Phật không nghĩ bàn.
Cho nên, này Thiện Tư!
Muốn biết pháp sâu xa
Nên dụng tâm tinh tấn
Liền rõ pháp chân thật.
Pháp ấy thật vô ngại
Nên gọi là thâm diệu
Lúc nói điều như vậy
Gọi là không thủ đắc.
Chúng sinh thấy điên đảo
Cảnh giới đây khác kia
Không do cầu thiền định
Có thể rõ thật nghĩa.
Tam-muội phi Tam-muội
Trong không, không thủ được
Chẳng phải trí cảnh giới
Vô trí cũng như vậy.
Tuy khiến biết tế kia
Cũng không trí cảnh giới
Pháp này từ duyên có
Thâm diệu tức nên vào.
Nếu có vui tịch tĩnh
Thì không có đây, kia
Nếu tâm thường tín lạc

Chính chốn nói kinh này.
Cõi Phật không phải một
Xưa trồng các căn lành
Trong nhiều chỗ chư Phật
Mới có thể thọ trì.

Đức Thế Tôn nói kệ rồi bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Này Đồng tử Thiện Tư! Vì ý nghĩa ấy nên tất cả chư Đại Bồ-tát cần phải mặc áo giáp như vậy. Ở trong tất cả chốn sợ hãi kinh của thế gian không nên sinh tâm lo âu sợ hãi mà phải phát tâm mặc áo giáp như vậy.

Khi ấy, Đồng tử Thiện Tư liền bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn! Con tin như vậy, nhưng trong thế gian lại có chỗ không tin.

Đức Thế Tôn lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Có các Đại Bồ-tát hành pháp sâu xa, có tướng như vậy, có điềm lành như vậy, có hình ảnh như vậy. Tất cả họ là các bậc trượng phu thiện, quán sát trong thế gian không có các pháp hơn kém. Đã thấy tất cả các pháp đều bình đẳng không có hơn kém, biết như vậy rồi nên tâm không sợ, không hãi, không kinh. Đoạn tất cả các pháp, biết như vậy rồi mà tâm không sợ hãi. Không đoạn tất cả các pháp, biết như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết có tất cả các pháp như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết không có tất cả các pháp như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết tất cả các pháp hợp như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết tất cả các pháp tan rã như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết tất cả các pháp hòa hợp như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết tất cả các pháp không hòa hợp như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết tất cả các pháp không thích ý như vậy rồi mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp không phải không vừa ý như vậy rồi mà không hề sợ hãi. Biết sự nhớ nghĩ về tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết không nhớ nghĩ về tất cả các pháp như vậy mà không sợ hãi. Biết sự tạo tác nơi tất cả các pháp như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết tất cả các pháp không tạo tác như vậy rồi mà không sợ hãi. Biết cảnh giới nơi tất cả các pháp như vậy mà không sợ hãi. Biết tất cả các pháp không phải cảnh giới như vậy mà không sợ hãi. Biết về sự hoan hỷ nơi tất cả các pháp như thế mà không sợ hãi. Biết sự không hoan hỷ nơi tất cả các pháp như thế mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp của thế đế như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp nơi phi thế đế như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp vắng lặng như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp không vắng lặng như vậy mà không sợ hãi. Biết về sự hiểu rõ tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết về sự không hiểu rõ tất

cả các pháp như thế mà không sợ hãi. Biết về sự trì giới nơi tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết về sự phá giới nơi tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết sự sáng rõ nơi tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết sự không sáng rõ nơi tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp có tên như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp không tên như vậy mà không hề sợ hãi. Biết ra khỏi tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết không ra khỏi tất cả các pháp như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp lo sợ như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp không lo sợ như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp sinh như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp không sinh như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp tử như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp bất tử như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp là Bồ-đề như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp không phải là Bồ-đề như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp là Niết-bàn như vậy mà không hề sợ hãi. Biết tất cả các pháp không là Niết-bàn như vậy mà không hề sợ hãi.

Lúc có thể nói pháp như vậy đó gọi là Bồ-tát không sợ, không khiếp, không kinh hãi.

Đức Thế Tôn nói lời như vậy rồi, muốn nêu rõ lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Tất cả pháp không có
Chân như không mê lầm
Vì không có các pháp
Tướng kia liền vắng lặng.
Các pháp không hơn kém
Đây, kia đều là không
Vì tất cả pháp không
Chân thật cũng là không.
Các pháp có hơn kém
Đây, kia cũng đều không
Các pháp đã đều không
Thì không có tranh cãi.
Tất cả pháp đã không
Bản tánh sao có tánh
Vì tánh ấy không có
Sao lại có hoại diệt?
Các pháp có đoạn sao?

Người trí không nghĩ vậy
Chỉ giả có tên đoạn
Tìm chỗ đoạn không được.
Muốn đoạn tất cả pháp
Vi tế tìm không thấy
Chút ít và vô số
Các pháp đều không có.
Các pháp là không có
Đó cũng là ngôn thuyết
Trong kia không như vậy
Chỉ thị hiện trong ấy.
Tất cả pháp vô hình
Chỉ có hiện trong tướng
Có có và không có
Tất cả đều giả danh.
Tất cả pháp hòa hợp
Thị hiện không hòa hợp
Chân như không hòa hợp
Rốt ráo không có vật.
Các pháp không hòa hợp
Không tạo và không diệt
Như vậy cũng không đắc
Các pháp mỗi mỗi không.
Các pháp không thủ đắc
Tất cả tiền tế không
Vì bản tế đã không
Nên gọi là thật tế.
Tất cả pháp hoan hỷ
Hoan hỷ không thủ đắc
Đã không có các pháp
Điều ấy không thể nói.
Các pháp không hoan hỷ
Cả hai cũng đều không
Trong chân như không vật
Đó là tướng thâm diệu.
Tất cả pháp không hiềm
Trong chân như không ngã
Vì chân như không có

Nên không có chỗ hiềm.
Không tán thán Niết-bàn
Pháp ấy không thủ đắc
Vì các pháp không có
Nên gọi là Niết-bàn.
Các pháp không có tên
Trong chân như thị hiện
Đó là giả danh nói
Nên gọi là suy nghĩ.
Các pháp không suy nghĩ
Pháp này không Định xứ
Cho nên không chúng sinh
Đó là thể các pháp.
Tất cả pháp như huyễn
Huyễn ấy không thủ đắc
Vì các pháp bất đắc
Nói các hành hữu vi.
Các pháp đã vô vi
Thể chân như đây, kia
Không có chốn các pháp
Nên nói không biên vực.
Tuy nói có cảnh giới
Cảnh giới thật không có
Vì phàm phu mà nói
Nên gọi là cảnh giới.
Các cảnh giới hư vọng
Nên nói không cảnh giới
Nói không có cảnh giới
Là chân tướng cảnh giới.
Nói thể tất cả pháp
Tất cả không số lượng
Tất cả đã không có
Các ông biết tịch định.
Vô đắc nói hữu đắc
Thị hiện có chỗ đắc
Chỗ của đắc vô đắc
Thị hiện nên có đắc.
Chỗ ấy không trì giới

Và phá giới cũng không
Không hành và không giới
Các pháp tướng như vậy.
Tất cả pháp đều không
Nên gọi là vô minh
Vì không có các pháp
Ông nên biết là sáng.
Các pháp là danh tự
Danh kia thật không có
Đã không có tên pháp
Biết vậy là Niết-bàn.
Nói có thọ nhận tên
Vì thọ nên thị hiện
Chỗ ấy không có thọ
Nên nói thị hiện thọ.
Không có là có tướng
Thị hiện gọi là có
Trong các pháp lìa có
Nên nói thường không có.
Như thấy huyễn hóa rồi
Ngu si nói có tướng
Biết có có không có
Chỗ ấy trí không lầm.
Không biết chỗ sinh pháp
Cả hai không thủ đắc
Vì người ngu si nói
Nói đó là chỗ sinh.
Các pháp nếu có sinh
Nên nói sẽ có tử
Chỗ sinh và chỗ tử
Cả hai không thủ đắc.
Tất cả pháp đều không
Các pháp không thủ đắc
Thiện Tư, ông nên biết
Ta nói pháp như vậy.
Bồ-đề không tạo tác
Chỗ đó không người tạo
Nếu sẽ đắc Bồ-đề

Thì liền thấy tam giới.
Nếu phân biệt Bồ-đề
Ấy không hành Bồ-đề
Hành hạnh cùng Bồ-đề
Tất cả không phân biệt.
Tất cả có chân thật
Chân thật không có chỗ
Vì chân thật không đắc
Đó là tướng Niết-bàn.
Rốt ráo không vượt ngoài
Ấy không chỗ thủ đắc
Vì không có các vật
Không sinh lại không diệt.
Nếu biết được nghĩa này
Các pháp không chân thật
Tất cả không thể sinh
Tức không cùng tranh cãi.
Nói pháp thâm diệu này
Lúc không hề sợ hãi
Ông nên biết người kia
Là Bồ-tát chân thật.

Đức Thế Tôn nói kệ này rồi, Đồng tử Thiện Tư dùng kệ bạch Phật:

Phật lợi lạc cho con
Xuất hiện ở thế gian
Lúc nói tướng pháp này
Con không có nghi hoặc.
Con nay được đầy đủ
Phật nói khó nghĩ bàn
Lưới các kiến trói buộc
Nay thoát được lưới ma.
Con đã đoạn sinh tử
Đã trụ nơi đạo tràng
Khi Như Lai nói tướng
Con đoạn trừ nghi kết.
Vì con nói chỗ đắc
Diệt trừ hết các kiến
Vô úy ích thế gian
Con khéo trừ tâm cấu.

-oOo-

KINH ĐỒNG TỬ THIỆN TƯ

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh không hư vọng.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh Từ bi.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh không lo sợ, vì có thể đoạn trừ tất cả các lỗi lầm, vì thương xót tất cả các chúng sinh.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh vô tướng hết sức sâu xa vi diệu.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh chân thật, có thể xa lìa tất cả dục tưởng. Hành không dục ấy là không yêu ghét.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành với tâm hạnh xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng, vì tâm ấy rốt ráo không chỗ thủ đắc.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh đại Từ bi, vì nơi tất cả pháp không có chỗ thủ đắc.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh đại bố thí, vì thật không có bố thí.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh không hư dối, vì không thọ quả báo nơi tất cả thân sau.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh nhẫn không não hại, hiện rõ sự không cạnh tranh.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh phát thệ nguyện, vì xả bỏ mọi sự lười biếng.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh Tam-muội, vì ưa thích vắng lặng.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh trí tuệ, vì ở trong tất cả pháp không chỗ thủ đắc.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh vô úy, vì tâm không hề lo sợ.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh vô ngại, vì thành tựu

các trí lực của Như Lai.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh tăng ích, vì vào cửa trí tuệ không có chấp trước.

Này Đồng tử Thiện Tư! Bồ-tát này hành hạnh quán khắp mười phương, vì không nhiễm đắm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Đồng tử Thiện Tư, nhằm nêu rõ lại nghĩa này nên nói kệ:

Người hành hạnh không nghi
Vì các Bồ-tát nói
Nghi hoặc và các hành
Cả hai không thủ đắc.
Vì các Bồ-tát nói
Xứ có hành, không hành
Nếu biết hành xứ này
Tất cả không cạnh tranh.
Thâu nhận tất cả pháp
Vì các Bồ-tát nói
Chỗ đắc không thật có
Hạnh này là tối thượng.
Ta hành hành xứ này
Ấy là hành điên đảo
Đã trụ hành điên đảo
Thì không có chỗ sợ.
Tuy gọi là hạnh tranh
Tranh ấy không thủ đắc
Nếu biết được như vậy
Hạnh ấy thừa tối thượng.
Thừa này không có sợ
Phật thừa là tối thượng
Sợ hãi, không sợ hãi
Tất cả pháp giả danh.
Tuy nói các hành xứ
Tất cả không thủ đắc
Hết thảy đã không đắc
Hạnh ấy là tối thượng.
Hành này hành sâu xa
Thương yêu tất cả pháp

Thương yêu hành sâu xa
Đều từ phân biệt sinh.
Sâu xa và các hành
Hai chỗ ấy đều không
Nếu biết biên vực ấy
Không chìm đắm nơi pháp.
Các pháp không thể nhiễm
Phi pháp lại cũng vậy
Bản tánh các pháp này
Nên nói không chỗ nhiễm.
Không chắc và không bền
Đó chỉ là hiện có
Không có danh tự xứ
Cú này là tối thượng.
Ta tuy nói có ái
Không sợ hãi chỗ ấy
Vì không có sự vật
Chỗ ấy không sinh tranh.
Hành các chúng sinh ấy
Chỗ này không có thật
Nếu có biết điều này
Là người khéo nói hành.
Chỗ ấy không chúng sinh
Nên ta nói chúng sinh
Chúng sinh, pháp bình đẳng
Đường này là tối thượng.
Tâm cùng chúng sinh có
Rốt ráo không thủ đắc
Đó gọi là tối từ
Ta trước nói đại Từ.
Đại thí chủ thế gian
Cũng gọi đại chúng sinh
Thường vui hành bố thí
Nên gọi đại thí chủ.
Pháp còn không thủ đắc
Huống là có biên vực
Các Bồ-tát đại trí
Nên gọi là thí chủ.

Phật đã không thủ đắc
Pháp cũng không nghĩ bàn
Giới này không khuyết phạm
Các pháp không chỗ dựa.
Tất cả không nghĩ bàn
Giới Phật không nghĩ bàn
Giới hạnh không phân biệt
Vì các Bồ-tát nói.
Nhẫn hướng các chúng sinh
Chúng sinh rốt ráo không
Đó là nhẫn tối thắng
Ta nói trong pháp hành.
Vì tâm không thủ đắc
Cạnh tranh không chỗ sinh
Đó là nhẫn tối thượng
Các pháp không thủ đắc.
Bồ-tát không biếng trễ
Không bị người hủy nhục
Đó là tinh tấn nhất
Gọi là không lấy, bỏ.
Thân tâm thiện chất trực
Có thể hành hạnh này
Đó là tinh tấn nhất
Vì các Bồ-tát nói.
Bồ-tát nếu lười biếng
Không phát khởi các hành
Không lấy cũng không bỏ
Trụ đó tinh tấn nhất.
Cõi tâm không thủ đắc
Hoặc ngoài hoặc ở trong
Nên gọi tâm tịch định
Tâm ấy không xứ sở.
Duyên dựa và tâm hành
Trong chân như không có
Tam-muội ấy khó bàn
Thị hiện định như vậy.
Ta nói Tam-muội này
Tu-già-đà tự tại

Có thể hành hạnh ấy
Ta nói đạt định ấy.
Không dùng trí biết được
Có các pháp chân như
Chân như và trí tuệ
Hai biên này không có.
Pháp này không thủ đắc
Đó là cảnh giới thức
Pháp không do thức biết
Tịch xứ ấy chân thể.
Người biết được như vậy
Người ấy đạt chân niệm
Bồ-tát hành chân như
Người đời không thể hành.
Thù thắng tất cả chúng
Vì chúng sinh thuyết pháp
Đã không tướng chúng sinh
Huống là có đồ chúng.
Chúng sinh như huyễn hóa
Huyễn hóa cũng không có
Người hay nói như vậy
Là người không sợ hãi.
Hoặc ta, hoặc thân khác
Cả hai đều không có
Có thể đạt trí này
Không hề có kinh sợ.
Ở trong và ở ngoài
Hữu tướng rốt ráo không
Tâm không chỗ khiếp nhược
Vượt hẳn tất cả đời.
Các pháp không tự thể
Giống như hành hư không
Đã như hành hư không
Pháp chân như cũng vậy.
Trí này khéo biết rõ
Bồ-tát không chỗ sợ
Khéo biết tất cả pháp
Là biết hành chúng sinh.

Đã biết không chúng sinh
Tất cả pháp cũng vậy
Biết rõ về trí, cõi
Cõi ấy không thủ đắc.
Nếu vào pháp môn này
Đường ấy là tối thắng
Có thể từ đường này
Liền biết hành chúng sinh.
Cảnh giới và chúng sinh
Cả hai không có vật
Muốn biết các pháp môn
Cần biết thắng trí này.
Hoặc trong, hoặc ở ngoài
Trí tuệ không xứ tập
Trong các pháp vô ngại
Nên gọi là thật tế.
Các pháp khó nghĩ bàn
Nên gọi là pháp Phật
Kia không có nơi chốn
Chỗ ấy lại cũng không.
Nếu có thể hành vậy
Thế gian không chướng ngại
Trí đã không có ngại
Nên gọi là trí Phật.
Các pháp khó nghĩ bàn
Chúng kia không chân chánh
Các pháp đã không Thể
Là biết pháp chư Phật.
Phật và pháp chư Phật
Cả hai đều không có
Vì không có Bồ-đề
Đó gọi là Phật đạo.
Người nương Đại thừa này
Đến chỗ pháp an lạc
Đời này là tối thắng
Người đời không thủ đắc.
Phàm chỗ có thế gian
Chúng sinh tất cả chốn

Bồ-tát là hơn hết
Người hành thắng trí này.
Hay cầu các pháp ấy
Pháp Phật khó nghĩ bàn
Đạt được các pháp này
Ấy liền gần Bồ-đề.
Bồ-đề và các pháp
Cả hai rốt ráo không
Có thể hành như vậy
Liền gần pháp chư Phật.
Hành giả có thể hành
Không nhiễm các thế gian
Đã không có tâm nhiễm
Thì gần đến Bồ-đề.

Đức Thế Tôn nói kệ này rồi lại bảo Đồng tử Thiện Tư:

–Này Thiện Tư! Nay ta nêu rõ: Nếu có Đại Bồ-tát nào khéo mặc áo giáp, ở trong kinh điển sâu xa như vậy có thể khéo thuyết giảng. Khi khéo giảng nói pháp tối diệu, vi mật, người ấy nghe rồi không kinh hãi, không sợ sệt, không hối hận, không chìm đắm. Đại Bồ-tát như vậy liền được trú nơi đạo tràng Bồ-đề, liền được nhập vào cảnh giới của chư Phật, liền chứng vô ngại, liền trụ trong pháp môn giải thoát vô vi. Lại nữa, có thể khéo trụ trong hành vô đắc, tức có thể quán sát tất cả mười phương, tức có thể chứng được đại Từ, đại Bi, liền đắc mười tám pháp Bất cộng của chư Phật, liền đắc bậc Quán đảnh tối đại vô thượng. Lúc giảng nói pháp sâu xa vi diệu này, có thể có người tin làm, có thể có người tư duy về pháp như vậy. Chư Phật đã quán sát thấy những vị Bồ-tát ấy, tất cả chư Phật đã hộ trì họ. Hoặc có Bồ-tát có thể tin hành, hoặc có người không tin hành, thì tất cả chư Phật cũng đều thấu rõ. Nếu người nào có thể nhập nơi pháp môn ấy thì chư Phật cũng đã biết rõ. Nếu người nào có thể tin làm pháp môn ấy thì ta sẽ vì các người ấy mà làm thầy, tất cả họ đều theo ta xuất gia.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Đồng tử Thiện Tư, nhằm nêu rõ lại nghĩa này nên nói kệ:

Bậc này chứng đạo tràng
Đạo tràng tức là không
Nếu không thủ Bồ-đề
Bậc kia liền trụ trí.
Các pháp không có ngại

Rốt ráo không thủ đắc
Pháp đã không thủ đắc
Giải thoát cũng như vậy.
Người hành trí chư Phật
Nơi tất cả các pháp
Và với các pháp hành
Thế Tôn nói như vậy.
Chỗ có ngại, không ngại
Ngu si khởi tâm ấy
Phật cùng Đại Bồ-tát
Không phân biệt như vậy.
Tuy quán pháp thế gian
Thế gian rốt ráo không
Trí hay quán thế gian
Trí ấy cũng không có.
Chúng sinh và chư Phật
Một loại không phân biệt
Đã không chỗ phân biệt
Từ bi là tối thắng.
Tánh pháp giới rộng lớn
Chúng sinh giới cũng vậy
Các Bồ-tát đại trí
Không tư duy như vậy.
Tuy muốn khởi tâm Từ
Từ ấy không tự thể
Thể từ và vô tánh
Phi cảnh giới chúng sinh.
Năm ngón lường hư không
Trước không nay cũng không
Các thế gian cũng vậy
Từ bi là tối thắng.
Bậc vô thượng các pháp
Gọi là pháp chư Phật
Chư Phật không chỗ đắc
Đó tức là chân thể.
Thế Tôn đại Từ bi
Không có hình và sắc
Pháp không sắc như vậy

Hành ấy gọi thế gian.
Hư không không bờ bến
Cảnh giới không thể nắm
Pháp chư Phật như vậy
Người trí hành thuận theo.
Đó là trí vô thượng
Mà trí không thủ đắc
Trí đã không chỗ đắc
Chỗ ấy thật không có.
Bờ này và bờ kia
Hoặc tư duy, hoặc thấy
Bậc ấy không hành này
Thâm diệu là gọi tướng.
Nếu rõ pháp bình đẳng
Tất cả chỗ bình đẳng
Trong pháp hành của ta
Không nhờ cầu tri thức.
Nếu tâm có lấy, bỏ
Phân biệt nơi hai kiến
Người nói có việc này
Chẳng phải tri thức thiện.
Nếu nói pháp này thành
Hoặc nói pháp này diệt
Thiện Tư, Tỳ-kheo ấy
Chẳng phải đệ tử ta.
Người nói chứng khổ diệt
Rốt ráo không thủ đắc
Pháp sư nói như vậy
Không thể nói pháp ta.
Các pháp không chỗ khởi
Sao nói các pháp tập
Không chỗ khởi nói diệt
Chúng ấy xa pháp ta.
Trong pháp tịch như vậy
Không có chỗ phân biệt
Các pháp đã không có
Chỗ diệt lại cũng không.
Nếu có tâm cạnh tranh

Sao nói là tịch diệt?
Thiện Tư, ông nên biết
Đây không phải chân thật.
Nói đạo với nói pháp
Đấy là thị hiện có
Đã có chỗ thị hiện
Nên giả hiện có đường.
Ta nói các Bồ-tát
Đại trí đời vị lai
Có thể hành như vậy
Là nương cảnh giới này.
Hành giả có thể hành
Chư Phật nói thâm diệu
Họ đã cúng dường ta
Lợi ích cho muôn loài.
Có thể trì kinh này
Các Bồ-tát đại trí
Trong đời vị lai kia
Vì gìn giữ các pháp.
Ta đã nói các pháp
Thường trụ không phân biệt
Đó tức là Bồ-đề
Lìa đó không đạo khác.

Lúc Đức Thế Tôn giảng nói pháp này rồi, Đồng tử Thiện Tư liền chứng đắc thuận Nhẫn vô sinh ở trong các pháp. Đã chứng đắc Nhẫn vô sinh nên vĩnh viễn xa lìa tất cả buồn vui của thế gian, được niềm vui lớn, liền bay trên hư không cách mặt đất bảy cây Đa-la.

Đức Thế Tôn liền mỉm cười. Khi các Đức Thế Tôn có pháp mỉm cười như vậy thì từ nơi diện môn phóng ra các loại ánh sáng, đó là: tím, xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, vừa xanh vừa trắng, xanh biếc, màu lục, pha lê. Ánh sáng ấy chiếu khắp vô lượng, vô biên các thế giới của chư Phật, cho đến cung điện nơi cõi Hữu đảnh, Đại phạm thiên, rồi trở về chỗ Phật, nhiễu quanh ba vòng và nhập vào đảnh Phật. Bấy giờ, đại địa hiện đủ sáu cách và mười tám tướng chấn động. Lúc này, trong hư không, trên thượng giới, trời mưa các loại bột Chiên-đàn, trầm thủy, hương bột, mưa các loại hoa trời, các loại âm thanh nơi cõi trời vi diệu tự nhiên phát ra, tam thiên đại thiên thế giới trở nên thanh tịnh, trang nghiêm, giống như cõi nước Uất-đan-việt nơi phương Bắc không khác. Cũng vậy, tam thiên đại thiên thế giới này

cũng không khác.

Bấy giờ, Trưởng lão Tỳ-kheo A-nan, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn! Con chưa rõ vì nhân duyên gì khiến Như Lai mỉm cười, phóng ra hào quang? Chư Phật Thế Tôn không phải không có nhân duyên mà phóng ra ánh sáng.

Tôn giả A-nan liền dùng kệ thưa Phật:

Chư Phật, Bậc Tối Thắng thế gian
Mỉm cười, phóng quang ắt có việc
Chỗ lợi ích đó xin Phật dạy
Vì nhân duyên gì hiện điềm lành?
Hư không - trời mưa hoa
Để cúng dường Thế Tôn
Hoan hỷ đều ca tụng
Khen ngợi thuyết kinh này.
Trong tam thiên thế giới
Thanh tịnh và trang nghiêm
Giống như Uất-đan-việt
Ánh sáng chiếu mười phương.
Như xưa các Thế Tôn
Trong ấy hành thọ ký
Phật phóng quang chiếu xong
Trở vào nơi đảnh Phật.
Thế Tôn đã phóng quang
Ánh sáng nhiều loại sắc
Từ diện môn Phật xuất
Vì con nói nhân này.

Đức Thế Tôn liền dùng kệ bảo Trưởng lão A-nan:

Đồng tử Thiện Tư này
Xưa trồng căn lành sâu
Ở trong đời vị lai
Thành Phật Lưỡng Túc Tôn.

Đức Phật nói kệ rồi, lại bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Đồng tử Thiện Tư từ nay trở đi cung kính cúng dường ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp chư Phật Như Lai, thừa sự, phụng hành, không làm trái lời dạy của chư Phật ấy. Lại nữa, còn cúng dường chư Thế Tôn ấy

đầy đủ tứ sự: Y phục, thuốc thang, phòng ốc, ngọa cụ. Sau khi các Như Lai ấy diệt độ, sẽ cúng dường xá-lợi, dùng nhiều loại châu báu để xây tháp, mỗi một tháp đều cao trăm ngàn do-tuần. Trong tất cả các bảo tháp ấy đều an trí Xá-lợi, dùng các loại danh hương để cúng dường. Lại dùng tất cả các loại tràng hoa để tạo vẻ trang nghiêm, tất cả các báu, tất cả các loại cờ phướn, vô số loại hoa đẹp và bột hương chiên-đàn, bột hương trầm thủy… rải lên trên ấy để cúng dường. Lại dùng các loại âm thanh thượng diệu để cúng dường. Cúng dường chư Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy rồi, thì xả bỏ thân sau cùng, thành Phật hiệu là Tịnh Nguyệt Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Tôn giả A-nan và chư đại chúng, nhằm nêu rõ lại nghĩa này nên nói kệ:

Các châu báu diệu kỳ
Đầy khắp mười phương cõi
Cúng dường Phật Thế Tôn
Và các chúng Bồ-tát.
Được nghe pháp tướng này
Như Đại Thánh đã nói
So công đức tài thí
Phước này nhiều hơn trước.

Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nghe Đức Thế Tôn đối chiếu về công đức liền dùng kệ bạch Phật:

Thế Tôn nói kinh này
Sâu xa tối vi diệu
Mà không nói danh tự
Sao chúng con thọ trì?
Kinh điển này nói rõ
Các pháp đều bình đẳng
Không có đắc, chẳng đắc
Hy hữu, Phật khéo nói!
Hữu lậu và hữu vi
Pháp vô lậu, vô vi
Kinh này không phân biệt
Thế Tôn khéo giảng nói.
Thế gian, xuất thế gian

Đệ nhất nghĩa, Thế đế
Hai cõi không sai khác
Kinh này nói như vậy.
Phật nói về các hạnh
Phương tiện vì chúng sinh
Chân lý thảy đều không
Từ kim khẩu Phật nói.
Chư Phật và các pháp
Tất cả vốn là không
Năng, Sở thừa đều không
Hy hữu, Phật khéo nói!
Chư Thế Tôn mười phương
Nói về các pháp tướng
Chúng vốn không chơn thể
Kinh này hành như vậy.
Lành thay! Đại Thánh Tôn!
Lành thay! Trí Tối Thắng!
Kinh này tên là gì
Vì chúng con nói rõ!
Trí tuệ nói vậy rồi
Ngày nay trừ các nghi
Đủ tám tướng công đức
Âm thanh bảo với họ.
Muốn biết tên kinh này
Gọi là Quán Đảnh Vương
Tuy nói Quán Đảnh Vương
Quán đảnh cũng không có.
Người thọ trì kinh này
Chư Phật nói người ấy
Nơi trời, người, thế gian
Sẽ là như tháp báu.
Chỗ ta nói kinh này
Thính chúng có tám ngàn
Các căn lành nhiều loại
Phát ý đạo vô thượng.
Chúng ấy ở đời sau
Tất thành bậc Vô thượng
Được nghe kinh diệu này

Phước đức khó nghĩ bàn.
Dừng trú nơi an ổn
Trong căn lành sâu mầu
Người ấy mới có thể
Thọ trì kinh điển này.
Buộc niệm, chuyên đọc tụng
Kinh pháp Quán Đảnh Vương
Những người này nơi ấy
Không nghi hoặc các pháp.
Đây không nói nhẫn đầu
Đệ nhị nhẫn cũng không
Tướng các pháp đã không
Sao lại có chỗ nói.
Nếu người nào thọ trì
Kinh điển Quán Đảnh Vương
Người làm những việc ấy
Biện tài nơi các pháp.
Nếu người nữ có trí
Thọ trì kinh điển này
Mau xả thân tạp uế
Thân bất tịnh nghiệp tội.
Một trí biết tất cả
Tất cả trí biết một
Đó là nắm các pháp
Trong kinh này nói đủ.
Pháp kinh này nêu giảng
Chỗ vào như hư không
Con nói vào đạo này
Làm sáng rõ các pháp.
Biết nhiều sự sáng tỏ
Có nhiều loại khắp nơi
Tuy nói về các pháp
Pháp ấy không thủ đắc.
Thể vô ngôn hiện có
Tướng ấy rốt ráo không
Biết các pháp môn này
Đó là thọ trì pháp.
Nói không có các pháp

Chỗ ấy không có, không
Đó là tướng thể pháp
Gọi là Đà-la-ni.
Nếu người muốn vô biên
Ánh sáng chiếu tất cả
Nên thọ trì kinh này
Khéo nói Quán Đảnh Vương.
Muốn cầu bờ pháp giới
Trong đó đã nói đủ
Giới ấy không thủ đắc
Nên gọi Đà-la-ni.
Tất cả pháp sâu mầu
Pháp là chốn vô đắc
Pháp đã không chốn đắc
Chốn ấy không cũng không.
Nếu thành tựu biện tài
Trí sâu xa vô ngại
Mới biết được nghĩa này
Là kinh không chỗ chấp.
Như rồng A-nậu-đạt
Ở trong không làm mưa
Nó không có tâm tưởng
Gọi không thể nghĩ bàn.
Nếu muốn nói rộng nhiều
Vô số biện tài thuyết
Y trong kinh này học
Không dựa tất cả pháp.
Pháp ấy không chỗ đến
Khéo nói như kinh này
Các pháp không có sinh
Như kinh này nêu rõ.
Như mặt trời chiếu sáng
Sáng ấy không chỗ đến
Kinh này sáng như vậy
Ánh pháp thường chiếu khắp.
Đời sau, thiện nam tử
Muốn biện tài vô tận
Nên học Quán Đảnh Vương

Khéo nói gốc pháp ấy.
Mau được biện vô ngại
Thâm diệu khó nghĩ bàn
Nếu học Quán Đảnh Vương
Nhiều lợi ích cho đời.
Nếu không tu pháp này
Quán Đảnh Vương vô thượng
Người ấy không thọ trì
Như vậy không thí dụ.
Tất cả bốn bộ chúng
Xa lìa nơi pháp hành
Người không rõ nghĩa này
Không nghĩa ấy là nghĩa.
Nếu có bốn bộ chúng
Khi thực hành hạnh này
Vô thượng trong các pháp
Tức là mắt thế gian.
Như cung điện Đao-lợi
Hiển hiện cao lồng lộng
Kinh điển này cũng vậy
Là tối thắng thế gian.
Như đứng đỉnh Tu-di
Nhìn thấy người thế gian
Trụ kinh này cũng vậy
Nhìn thấy tất cả pháp.
Như người trong đêm tối
Cầm cây đuốc cao lớn
Người ấy đi đến đâu
Trọn không còn bóng tối.
Kinh này đã chiếu sáng
Thấy rõ tất cả pháp
Người thọ trì kinh này
Thì không còn mê tối.
Như mặt trời chiếu khắp
Tất cả chốn đều sáng
Kinh điển này cũng vậy
Xuất sinh nhiều loại pháp.
Như trăng trong hư không

Lưu chuyển phóng ánh sáng
Kinh điển này cũng vậy
Chiếu khắp mười phương cõi.
Ấn này ấn các pháp
Ấn trong tất cả ấn
Nên để lại ấn này
Vì các bậc Bồ-tát.
Như muốn ấn hư không
Gốc không cũng không trụ
Hư không cùng với ấn
Cả hai đều phân biệt.
Phật và pháp như vậy
Trong kinh này đã nêu
Chư Phật không thể nói
Các pháp cũng như thế.
Như khi vua băng hà
Ân cần khéo phó chúc
Bảo các quan đại thần
Tài sản giao con ta.
Thánh pháp tài cũng vậy
Xưa ta tu tập được
A-nan, ông đời sau
Phó chúc các Bồ-tát.
Ta đã nói kinh này
Vì các vị Bồ-tát
Người thọ trì kinh này
Người ấy phước rất lớn.
Hay tin nhận kinh này
Dựa Quán Đảnh Vương nói
Người ấy nếu còn nghi
Ta sẽ không thành Phật.
Người muốn tự tại biện
Nơi các pháp vô ngại
Nên phải học kinh này
Ta khéo nói Quán đảnh.
Nói các pháp thế gian
Ấy là đạo Bồ-đề
Biết rồi chớ biếng trễ

Phải đọc tụng kinh này.
Những người chánh tín ấy
Trong thế gian không mê
Đã đọc tụng kinh này
Vì người khác giảng nói.
Đó là pháp chư Phật
Vì các Bồ-tát nói
Được nghe kinh này rồi
Sâu xa khó nghĩ bàn.
Khi đang nói kinh này
Mười phương tất cả Phật
Mỉm cười phóng ánh sáng
Đều nói: Khéo nêu giảng.
Giữ vững cờ đại thắng
Cờ pháp khó nghĩ bàn
Kệ bốn câu kinh này
Vì đại chúng diễn nêu.
Khéo hành nhiều phương tiện
Trong pháp khó nghĩ bàn
Người thọ trì kinh này
Lại vì người khác nói.
Người ấy cùng Phật ngữ
Chứng pháp bậc Vô thượng
Người thọ trì kinh này
Quán đảnh khó nghĩ bàn.

Đức Thế Tôn nói kệ đáp Tôn giả Xá-lợi-phất rồi, lại bảo Trưởng lão A-nan:

–Này A-nan! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, ở trong đời vị lai có thể có tâm tin nghe kinh này, thọ trì, đọc tụng thì người ấy sẽ được phước đức rất lớn. Phước đức ấy không thể lường tính, không có biên vực, ví như cõi hư không, không người nào có thể lường tính để biết được giới hạn.

Đúng vậy, đúng vậy! Này A-nan! Trong gốc pháp này, nếu người nào có thể thọ trì, hoặc tự mình đọc tụng, hay vì người khác nói, dù chỉ một bài kệ bốn câu, thì người ấy sẽ được nhiều căn lành công đức không thể lường xét, không thể nói hết, không có giới hạn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Tôn giả A-nan và đại chúng, nhằm nêu rõ

lại ý nghĩa này nên nói kệ:

Nếu đọc tụng kinh này
Thân phương tiện vô biên
Lợi ích nhiều chúng sinh
Quán Đảnh Vương thương xót.
Giả sử nay ta nói
Hư không có thể lường
Muốn so sánh kinh ấy
Không thể nào cùng tận.
Tất cả Phật mười phương
Bậc Vô thượng trong đời
Nếu thọ trì kinh này
Là cúng dường chư Phật.
Tất cả Phật mười phương
Vua pháp đoạn sinh tử
Người thọ trì kinh này
Là cúng dường chư Phật.
Các thế giới mười phương
Đoạn trừ gốc mười ác
Người nghe kinh điển này
Là cúng dường chư Thánh.
Hoặc chư Phật vị lai
Và Như Lai quá khứ
Hiện tại trong mười phương
Lưỡng Túc Tôn vô thượng.
Thường làm Sư tử gầm
Hẳn đáng được cúng dường
Hay thọ trì kinh này
Chỗ chư Phật thuyết giảng.
Đem tài, vật cúng dường
Chẳng phải người chánh trí
Nếu thọ trì kinh này
Là cúng dường trên hết.
Tất cả mười phương cõi
Đủ Bồ-tát hành thí
Dùng cúng chư Thế Tôn
Thua phước trì kinh này.
Nếu học kinh điển ấy

Quán Đảnh Vương nhất như
Cung kính chư Như Lai
Trong Như chân thật hiện.
Ta đã nói các pháp
Chư Phật không thủ đắc
Người nghe không sợ hãi
Tức là cúng dường Phật.
Là cúng dường sâu xa
Thế gian không người rõ
Chẳng thủ và chẳng xả
Là cúng dường tối thắng.
Chư Phật và các pháp
Tất cả không thủ, xả
Cúng dường tối thắng ấy
Chư Phật Thế Tôn khen.
Thuở xưa Phật Định Quang
Ta cúng dường pháp này
Cúng dường tối thắng ấy
Vì các Bồ-tát nói.
Lúc ở bên Phật đó
Ta giữ cúng dường này
Phật thọ ký cho ta:
Ông sẽ được làm Phật.
Nếu muốn sẽ làm Phật
Vì chúng sinh trên hết
Nên thành tựu đường này
Gọi là cúng dường Phật.
Ta cúng dường như vậy
Nay được thành Phật đạo
Thông suốt tất cả pháp
Đáng được trời, người cúng.
Tất cả pháp chư Phật
Bậc Vô thượng thế gian
Cúng dường này tối thắng
Trong các pháp cúng dường.
Chứng nơi cảnh giới Phật
Trí tuệ khó nghĩ bàn
Hay gầm tiếng sư tử

Như ta nay không sợ.
Gầm tiếng sư tử rồi
Đạt các pháp tự tại
Giải thoát các chúng sinh
Vào Niết-bàn vô lậu.

Đức Thế Tôn giảng nói kinh này xong, Đồng tử Thiện Tư và tất cả đại chúng, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Nhân phi nhân… ở trong thành Tỳ-da-ly, nghe Phật giảng nói rồi đều hoan hỷ tán thán và tin nhận, phụng hành.

-oOo-

SỐ 480

KINH NGUYỆT THƯỢNG NỮ

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư Xà-na-quật-đa, người Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở nơi tinh xá lợp bằng cỏ tranh, trong rừng cây cổ thụ, tại nước Tỳ-da-ly cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là các bậc A-la-hán.

Lại có tám ngàn Bồ-tát, đều là bậc có công đức lớn, có thần thông và oai lực lớn, tất cả đều thọ trì các Đà-la-ni, được biện tài vô ngại, đắc các thiền định, được pháp Nhẫn vô sinh, đầy đủ năm Thần thông, nói năng chân thật, không có hư dối, lìa các khen chê. Đối với quyến thuộc của mình và các lợi dưỡng đều không nhiễm vướng. Vì không mong cầu quả báo nên vì người khác nói pháp, khiến họ đắc pháp nhẫn sâu xa, có thể qua đến bờ bên kia. Các vị ấy đã đầy đủ vô úy, đã vượt qua việc ma, không còn kết nghiệp, đối với tánh của các pháp không bị ngăn che, nghi ngại. Do vô lượng, vô số trăm ngàn kiếp tu tập mà được thành tựu, thường dùng sắc diện tươi vui để an ủi, dẫn dắt người hành trì, không khiến họ buồn bã. Khéo dụng câu lời, tâm không biến đổi, biện thuyết không cùng tận, cũng đều được thành tựu pháp nhẫn bình đẳng, có thể ở trong đại chúng nói pháp vô úy, giảng nói một câu pháp, trải qua trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, đắc trí tuệ, phương tiện thiện xảo vô tận. Biết rõ ba đời đều như huyễn hóa, cũng như dợn nắng, như trăng trong nước, như mộng, như sao ban sáng, như tiếng vang trong hang trống. Biết tánh của các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, tâm thường vắng lặng, an trú vào pháp chân như, xa lìa các việc lấy, bỏ. Đã đạt vô lượng trí tuệ phương tiện thiện xảo, cũng biết được tâm hành của các chúng sinh và trí tuệ phương tiện thiện xảo, tùy theo mỗi chỗ giáo hóa, vì họ diễn nói các pháp. Đối với tâm của các chúng sinh không có tổn hại, lìa các ái nhiễm, không còn phiền não, đủ các hạnh nhẫn, đối với tánh các pháp đều đã biết rõ, đã thành tựu việc trang nghiêm các cõi Phật, thường thành

tựu Tam-muội niệm Phật và cũng có thể thành tựu việc khuyến thỉnh trí Phật, có thể đoạn trừ tất cả phiền não, kết sử, thường hiện bày diệu dụng nơi các thiền định, Tam-muội, cũng đều có thể đắc trí tuệ, phương tiện thiện xảo.

Tên các vị ấy là: Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Nan Hữu, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bất Xả Đảm, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Đà-la-ni, Bồ-tát Phóng Hương Quang, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Phân Biệt Kim Quang Minh Quyết Định Vương, Bồ-tát Na La Diên, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Hỷ Kiến, Bồ-tát Độ Chúng Sinh, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Thường Hỷ Căn, Bồ-tát Phá Ác Đạo, Bồ-tát Kim Cang Du Bộ, Bồ-tát Tam Giới Du Bộ, Bồ-tát Hành Bất Động, Bồ-tát Bất Không Kiến, Bồ-tát Công Đức Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Đức, Bồ-tát Như Hương Tượng, Bồ-tát Đắc Thâm Trí Biện, Bồ-tát Đại Biện, Bồ-tát Pháp Thượng Sinh, Bồ-tát Chư Pháp Vô Nghi Đức, Bồ-tát Sư Tử Du Bộ, Bồ-tát Tán Chư Khủng Bố, Bồ-tát Tế Tắc Chư Tướng, Bồ-tát Sư Tử Hống Âm, Bồ-tát Phi Bất Ngôn, Bồ-tát Biện Tụ, Đại Bồ-tát Di-lặc… là bậc Thượng thủ. Lại có trăm ngàn Đại Bồ-tát như vậy đều hội đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tinh xá lợp bằng cỏ, nơi rừng cây đại thọ, trong thành Tỳ-da-ly. Quốc vương, các đại thần, bá quan, các trưởng giả giàu có, các Bà-la-môn, cư sĩ, dân chúng và các người khách buôn từ xa đến, đều tôn trọng, cung kính phụng sự.

Thời ấy, trong thành có một vị Ly-xa tên là Tỳ-ma-la-cật, nhà cửa giàu có, của cải vô lượng, kho tàng đầy chật không thể tính kể, chăn nuôi gia súc rất nhiều. Người vợ tên là Vô Cấu, dung mạo đoan chánh, đầy đủ tướng đẹp đẽ. Người vợ khi đã thọ thai đủ chín tháng, liền sinh một người con gái dung mạo tươi đẹp, thân thể hoàn hảo, người xem không chán. Khi cô bé sinh ra có ánh sáng lớn chiếu rực khắp cả nhà. Cũng chính khi ấy, đại địa chấn động, các cây lớn quanh nhà đều có chất sữa đặc và dầu chảy ra rất nhiều. Trong thành Tỳ-da-ly, các loại trống lớn, trống nhỏ và các thứ âm nhạc không đánh, không tấu cũng đều tự phát ra tiếng. Trên hư không, trời mưa các thứ hoa. Bốn phía quanh nhà ấy có kho báu ẩn chứa tự bày ra và các ngọc quý cũng đều xuất hiện.

Khi sinh ra, cô bé không khóc lại chắp tay ngay ngắn, nói kệ:

Do xưa không tạo các nghiệp ác
Nay được thân thanh tịnh như vậy
Nếu người tạo tác các nghiệp ác

Không thể sinh vào nhà hào quý.
Cũng do xưa đoạn các hành ác
Bố thí, điều thuận, không buông lung
Cung kính, tề chỉnh nơi tôn nghiêm
Mới được sinh vào nhà hiền thiện.
Con nhớ ngày xưa Phật Ca-diếp
Vào thành Tỳ-da-ly khất thực
Con ở trên lầu được thấy Ngài
Được thấy vậy rồi tâm thanh tịnh.
Tâm con đã được thanh tịnh rồi
Tôn trọng cúng dường Như Lai ấy
Bấy giờ hiện không có hương hoa
Hương thoa, hương bột, đồ ăn uống.
Liền nghe tiếng dạy trong hư không:
Phật nơi thế gian không cầu báo
Có tâm thương xót các chúng sinh
Cho nên hàng ngày đi khất thực.
Ngươi muốn cúng dường Thế Tôn ấy
Nên phát tâm Bồ-đề vô thượng
So đồ cúng dường trong ba cõi
Không bằng người tin phát tâm đạo.
Con nghe trong không nói như vậy
Lại thấy tướng vi diệu chư Phật
Liền phát tâm Bồ-đề bất động
Con ở trên lầu buông thân xuống.
Trú trong không cao một Đa-la
Lại thấy mười phương hết thảy Phật
Như nhiều loại báu núi Tu-di
Thân Phật Ca-diếp cũng như vậy.
Khi ấy do thần lực chư Phật
Hoa Mạn-đà-la đầy tay con
Lúc con rải hoa cúng dường Phật
Kết thành lọng hoa tịnh, vi diệu.
Chỗ thấy chư Phật nơi mười phương
Thân tướng hảo trang nghiêm vi diệu
Con thấy lọng hoa Mạn-đà-la
Cũng lại đồng như Phật Ca-diếp.
Con ở trong không nói lời này:

Nguyện làm bậc Lưỡng Túc tối thắng
Tu hành cho đến vô số kiếp
Chưa được giác ngộ, thề không chuyển.
Những chúng trời, rồng và phi nhân…
Tám bộ số lượng đến hai ngàn
Họ nghe con gầm tiếng sư tử
Cũng phát tâm Bồ-đề vô thượng.
Con rời cõi trời Tam thập tam
Trở lại sinh vào Diêm-phù-đề
Thường không bỏ mất hạnh hiền hiện
Luôn khuyên mọi người tu phước nghiệp.
Khi con ở cõi trời Đao-lợi
Cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni
Nay thọ sinh không vì năm dục
Chỉ muốn cúng dường Như Lai này.
Con nhớ nghiệp báo của đời trước
Đã sinh ra tám mươi chín nơi
Đều hưởng phước đức như hiện nay
Người trí nên siêng cúng dường Phật.

Cô bé nói kệ này rồi liền đứng im. Cô gái ấy nhờ nhân duyên từ đời trước tạo các căn lành nên nơi thân tự nhiên mặc sẵn thiên y tốt đẹp quý giá. Từ thân cô ta phát ra ánh sáng kỳ diệu, vượt cả ánh sáng mặt trăng chiếu soi. Ánh sáng ấy có màu sắc vàng ròng tỏa khắp trong nhà. Do cha mẹ của cô thấy ánh sáng này nên đặt tên là Nguyệt Thượng.

Cô bé Nguyệt Thượng sinh ra chưa bao lâu thì thân thể bỗng nhiên lớn nhanh như cô gái tám tuổi. Chỗ cô bé thường đi lại, đứng ngồi đều sáng rực. Các lỗ chân lông nơi thân cô bé phát ra mùi hương Chiên-đàn, khi nói cười, trong miệng luôn tỏa mùi thơm như hoa Ưu-bát-la.

Trong thành Tỳ-da-ly, những con em của vua dòng Sát-lợi, các đại thần, cư sĩ, trưởng giả, Bà-la-môn… và các nhà giàu, các dòng họ hào quý khác có con trai còn trẻ, xa gần đều nghe danh tiếng của cô gái Nguyệt Thượng rất đoan chánh, đáng yêu, ở đời không ai sánh kịp. Nghe việc này rồi, các người con trai kia tâm ham muốn phát khởi mạnh, mỗi một đều nghĩ: "Mong cưới được cô Nguyệt Thượng ấy làm vợ."

Các chàng trai đã nghĩ như vậy rồi liền đi đến nhà ông Ly-xa Tỳ-ma-la-cật. Họ muốn trình lên ý nguyện của mình và mỗi mỗi chàng trai đều hứa sẽ mang cỗ phẩm bằng vô số châu báu quý giá, nào lạc đà, lừa, voi,

ngựa, tiền của. Hoặc cũng có người đã từng gặp gỡ nhà Ly-xa, họ nói lời lấn áp:

–Chúng tôi sẽ không chịu thua ai, phải đoạt cho được cô gái ấy.

Hoặc có người lớn tiếng:

–Ông nay nếu không gả cho tôi người con gái ấy, tôi sẽ cướp hết các thứ giường nệm, đồ nằm, tiền tài, y phục, chuỗi anh lạc mang đi hết. Hoặc có kẻ đòi đánh, đòi trói, toan dùng các việc khủng bố như vậy để đe dọa.

Bấy giờ, nhà Ly-xa Tỳ-ma-la-cật tâm sinh sợ hãi hết mực, nên ưu sầu, suy nghĩ: "Những người này có kẻ muốn dùng thế lực cướp đoạt con gái của ta mang đi, hoặc có kẻ muốn đoạt mạng ta." Ông Ly-xa kia ý niệm rối loạn, buồn phiền, áo não, hướng đến cô con gái mình cất tiếng than thở, rơi nước mắt.

Khi ấy, Nguyệt Thượng thấy thân phụ sầu lo khổ não, nên hỏi:

–Thân phụ hôm nay vì sao mà sầu não than khóc như vậy?

Ly-xa Tỳ-ma-la-cật nói với con gái:

–Nay con không biết sao? Vì thân con mà đám các nhà quý tộc, giàu có trong thành này đều oán kết với ta, đều muốn tranh nhau để xin cưới con. Ta nay lo sợ sẽ bị những kẻ có thế lực kia đến cướp con mang đi, còn tổn thương đến thân mạng ta và tiền tài, châu báu của gia đình!

Cô gái Nguyệt Thượng dùng kệ trả lời thân phụ:

Giả sử trong đại địa Diêm-phù
Tất cả các chúng sinh hiện có
Sức mỗi một như Na-la-diên
Người người tay cầm đao gậy nhọn.
Dốc toàn thân lực cùng rượt đuổi
Kẻ kia không thể hại được con
Tâm oán, gậy độc không thể hại
Nước, lửa cũng không thể cuốn, thiêu.
Không sợ loài quỷ sai tử thi
Và dùng lời phù chú trù ếm
Tâm Từ quyết định không sân hận
Tâm Từ hoàn toàn không sợ ai.
Con nay phát khởi tâm Từ ấy
Giúp đời cũng như giữ thân mình
Hiện con không làm khổ người khác
Thì ai sẽ có thể hại con?
Chán dục, tự mình không tưởng dục

Thành từ cũng chẳng sân giận, si
Con không tạo họa dục, sân, si
Nên không ai có thể hại được.
Con xem hết thảy các chúng sinh
Thảy đều tưởng như cha mẹ mình
Thế gian chỉ có tâm Từ ấy
Người khác quyết định không khi dối.
Giả sử hư không chìm trong đất
Và đặt Tu-di vào hạt cải
Vết chân bò đựng nước bốn biển
Cũng lại không thể hại thân con.

Nguyệt Thượng nói kệ này rồi, liền thưa với cha mẹ:

–Thưa cha mẹ! Nếu đã có việc như vậy xảy ra, chúng ta nên đi đến nơi các ngả tư đầu đường trong thành Tỳ-da-ly, rung chuông, lắc linh, báo cho hết thảy dân chúng trong thành được biết: "Kể từ nay trải qua bảy ngày, con gái của nhà Ly-xa Tỳ-ma-la-cật là Nguyệt Thượng quyết định sẽ đi ra bên ngoài, tự mình tìm chọn người chồng, đối tượng là tất cả các chàng trai chưa vợ. Mọi người nên tự sắm sửa về y phục, chuỗi ngọc anh lạc…, cũng cần quét dọn các đường phố trong thành, rải các thứ hương bột, hương đốt, bày biện các vòng hoa... mỗi một đều chuẩn bị đầy đủ, cờ phướn, lọng báu treo khắp, dùng những sự tốt đẹp ấy để tự trang nghiêm." Ý con như vậy, cha mẹ thấy thế nào?

Cha mẹ nghe con gái nói như thế liền hiểu được ý con. Người cha làm theo lời con gái mình, tức sai người nhà rung chuông, báo khắp tất cả dân chúng trong thành Tỳ-da-ly như lời con mình đã thưa.

Lúc ấy, tất cả dân chúng trong thành nghe lời thông báo như vậy thảy đều vui mừng, đều trở về nhà mình và đường sá quanh đấy lo quét dọn, trang hoàng đẹp đẽ, trang nghiêm còn hơn cả lời kêu gọi.

Cùng lúc, các chàng trai nơi các gia đình thuộc dòng vua, quan, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả, cho đến các người thợ giỏi trong thành Tỳ-da-ly đều gội tóc, tắm rửa, thoa các thứ dầu thơm, tranh nhau trang sức, mặc y phục đẹp, mang chuỗi ngọc anh lạc, lại cho gọi các vị trong hàng quyến thuộc gần gũi, bảo:

–Các vị tâm ý không được xáo trộn, đừng nghĩ gì khác, chỉ để ý đến cô Nguyệt Thượng. Nếu khi cô ấy xuất hiện mà không đi tới bên ta thì các vị phải dùng sức mạnh hỗ trợ ta để đoạt cho được cô ấy!

Đến ngày thứ sáu là ngày rằm trăng tròn, cô Nguyệt Thượng phát tâm

thọ Bát quan trai. Đêm ấy bầu trời trong sáng, cô ở trên lầu thong thả kinh hành. Nhờ thần lực của Phật nên ở bên tay phải của cô bỗng nhiên có một hoa sen xuất hiện. Hoa này lấy vàng ròng làm nhánh, bạc trắng làm lá, lưu ly làm nhụy, mã não làm đài. Hoa kia kết hợp do trăm ngàn cánh, ánh sáng rực rỡ vi diệu vô cùng. Trong hoa có hình Đức Như Lai hiện rõ thân màu vàng ròng, đang ngồi kiết già, oai quang hiển bày chiếu tỏa khắp lầu ấy, thấy rõ thân Ngài có ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, phát ra ánh sáng chiếu soi khắp nhà của Nguyệt Thượng. Khi đó, nơi tay phải của mình, Nguyệt Thượng bỗng thấy hoa, rồi lại được thấy và chiêm ngưỡng hình tượng Đức Như Lai kia, nên thân tâm hoan hỷ, mừng rỡ vô hạn.

Cô liền dùng kệ thưa hỏi Đức Như Lai hóa hiện ấy:

Không biết Nhân giả là Trời, Rồng
Là Khẩn-na-la hay Dạ-xoa
Hoặc quỷ thần, hoặc A-tu-la?
Nguyện Tôn đức vì con chỉ dạy.
Thân của Tôn giả khó nghĩ bàn
Như ánh mặt trời màu kim sắc
Hoặc lại biến hóa thân vàng óng
Thoạt tựa pha lê, sắc lụa hồng.
Con nơi thân tâm không có tưởng
Thấy công đức Ngài rất hoan hỷ
Ngài là sứ giả của vị nào?
Chẳng hay từ phương nào đi đến?
Không biết đến đây vì duyên gì?
Đến rồi lại muốn trở về đâu?
Tôn nghiêm rạng rỡ như lửa nhóm
Công đức cao vời tựa Tu-di.

Đức Như Lai hóa hiện dùng kệ trả lời:

Ta nay chẳng phải là trời, rồng
Không phải Dạ-xoa, Càn-thát-bà
Sư tử họ Thích, Phật Thế Tôn
Nay sai ta đến viếng chỗ nàng.
Nên chẳng phải Trời, Rồng, Dạ-xoa
Không phải người hay Khẩn-na-la
Chẳng phải Tu-luân, tám bộ chúng
Ta chính họ Thích, sứ giả Phật.

Nguyệt Thượng lại dùng kệ bạch với Đức Như Lai hóa thân:

Con nay nghe nói Phật Thế Tôn
Hình sắc thể kia như thế nào
Nguyện vì con nói hình tướng đó
Con được nghe rồi thường nhớ nghĩ.
Lại tự nhận là sứ giả Phật
Mà không vì con nói tướng Phật
Con thấy oai đức thần lực Ngài
Thế gian khó sánh, tức như Phật.

Đức Như Lai hóa hiện dùng kệ đáp:

Hình thể Thế Tôn sắc vàng ròng
Đủ ba hai tướng bậc đại nhân
Thường vì chúng sinh làm ruộng phước
Vì thế cho nên gọi là Phật.
Thường tự hiểu thấu hết thảy pháp
Lại hay biết rõ tâm chúng sinh
Gồm đủ các loại thượng, trung, ha
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Các việc thế gian đều biết rõ
Và cũng thông đạt hết thảy pháp
Biết các pháp rồi đến bờ kia
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Đối với hết thảy tâm chúng sinh
Trong mỗi mỗi tâm đều thấy biết
Nơi chúng sinh và tâm của họ
Hai chốn ấy đều không nhiễm chấp.
Nhân hành bố thí được làm Phật
Và cũng thường giữ giới thanh tịnh
Lại tu nhẫn nhục và tinh tấn
Thiền định, trí tuệ mau thành Phật.
Việc thế gian thảy đều biết rõ
Đó là hết thảy các nghề khéo
Trong tâm luôn Từ, Bi, Hỷ, Xả
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Hàng phục hết thảy các ma oán
Uy danh chấn động ngàn vạn cõi
Có thể tự giác đạo Vô thượng

Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Phật xưa thường hay chuyển pháp luân
Chuyển vận hết thảy pháp Vô thượng
Ánh sáng chiếu soi ngàn vạn cõi
Thường giảng nói khổ, không, vô ngã.
Có hàng ngàn cõi nước chư Phật
Cho đến trăm ức vô số cõi
Tướng lưỡi rộng lớn bao trùm khắp
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Có hàng ngàn cõi nước chư Phật
Số kia nhiều như cát sông Hằng
Vị ấy nói ra đều nghe khắp
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Ngàn ức cõi nước các Đức Phật
Vị ấy dùng tay nắm giữ được
An trú không động ngàn vạn kiếp
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Cõi nước chư Phật có ngàn ức
Những núi Tu-di trong cõi ấy
Ngài dùng sợi lông buộc chặt rồi
Nắm lấy đi khắp ngàn ức cõi.
Nghe câu nhiệm mầu của chư Phật
Nơi pháp tự tại vượt bờ kia
Đã tự giác ngộ, độ chúng sinh
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Đầy đủ tự tại khắp mười phương
Có thể thành tựu bốn Vô úy
Nơi pháp chư Phật không nghi ngại
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Không người có thể quán đảnh Phật
Thành tựu đầy đủ năm thứ mắt
Tròn đủ năm Căn và năm Lực…
Bảy phần giác đạo không nhiễm vướng.
Khéo giữ giới, khéo cùng an trú
Tịch định điều phục, rất khó sánh
Không còn dua nịnh, tâm điều thuận
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Đức Phật thường vào các thiền định

Không chút rối loạn, không sợ hãi
Biết thời giảng nói lợi chúng sinh
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Hết thảy công đức đều đầy đủ
Được các chúng sinh cùng cúng dường
Đủ Nhất thiết trí thấy các pháp
Vì vậy cho nên gọi là Phật.
Nếu ta nói trải qua một kiếp
Hoặc trải qua trăm ngàn vạn kiếp
Làm sao nói hết danh hiệu Phật
Nói không thể hết gọi là Phật.

Nguyệt Thượng nghe kệ này rồi, thân tâm hoan hỷ, vui mừng không kể xiết, trong lòng khát ngưỡng muốn được diện kiến Đức Như Lai, nên dùng kệ bạch với hóa tượng kia:

Tôn giả nói công đức như vậy
Con nay muốn thấy Phật được chăng?
Người trí nếu nghe được pháp này
Quyết không ưa thích ở tại gia.
Con nay nếu không thấy được Phật
Quyết sẽ không ăn, không uống gì
Cũng lại không còn ưa ngủ nghỉ
Và cũng không muốn ngồi giường chiếu.
Con thấy Tôn giả đã hoan hỷ.
Nghe công đức ấy ý thanh tịnh
Nếu thấy được thân tướng Phật kia
Tức sẽ phát tâm đại hoan hỷ
Phật đại trượng phu đời khó gặp
Trải qua trăm ngàn ức kiếp số
Con đã nghe tên đấng lậu tận
Thế Tôn bây giờ ở chỗ nào?

Như Lai hóa hiện liền đáp rõ:

Thế Tôn nay ở trong rừng lớn
Đồ chúng theo Ngài số trăm ngàn
Thanh tịnh, lìa cấu đều dũng mãnh.
Mỗi một gánh vác ba ngàn cõi
Trải qua nhiều kiếp tay không mỏi
Được định, trí tuệ, từ vô ngại

Đầy đủ đa văn như biển lớn.
Thần thông đi đến muôn ức chốn
Trong khoảnh khắc lễ khắp các Phật
Cúng dường ngàn vạn chư Phật rồi
Nơi thời gian ngắn liền trở lại.
Không có tưởng ta và tưởng Phật
Tướng cõi và tưởng pháp cũng không
Hết thảy các tưởng đều không nhiễm
Đối với chúng sinh làm lợi ích.
Cô nếu muốn thấy Đức Thế Tôn
Và đại chúng Bồ-tát, Thanh văn
Được nghe pháp chư Phật vi diệu
Hãy mau đến bên Đại Đạo Sư.

Bấy giờ, cô Nguyệt Thượng tay cầm hoa sen có hóa Phật, từ trên lầu đi xuống, đến bên cha mẹ nói kệ thưa:

Cha mẹ chiêm ngưỡng cành hoa này
Cành lá vi diệu sắc kim cương
Lại thấy trong hoa Đấng Vô Thượng
Các tướng trang nghiêm như núi chúa.
Đấng Tối tôn vi diệu như vậy
Có ai mà không muốn cúng dường?
Con nay thấy khắp ở trong nhà
Sắc vàng chiếu sáng, mẹ nên biết.
Thân Ngài không thể lường tính được
Trong khoảnh khắc biến thành nhiều sắc
Đỏ, trắng, vàng, tía và pha lê
Chúng ta nay thiết trai cúng dường.
Đại Thánh Cù-đàm tại rừng lớn
Nên mang hoa, hương và hương bột
Cha mẹ cùng thiết lễ cúng dường
Sẽ được vô lượng các công đức.
Cha mẹ nghe rồi, nói: Lành thay!
Con nêu lời này thật lợi ích
Bèn sắm các thứ hương hoa báu
Cờ phướn, lọng báu và vòng hoa.
Nguyệt Thượng, cha mẹ cùng thân quyến
Đều mang y phục rất tốt đẹp
Ngọc báu vô giá và âm thanh

Các thứ trang nghiêm đều đầy đủ.
Sửa soạn hoàn bị, liền ra đi
Đến nơi rừng lớn hầu Thế Tôn.

Hôm ấy, ngày hẹn của Nguyệt Thượng đã đến, ngày thứ sáu đã qua, nay là ngày thứ bảy. Lúc đó có vô lượng hàng ngàn đại chúng đều đến nhóm họp để ngắm nhìn Nguyệt Thượng. Trong chúng này, hoặc có các hạng người do tâm tham dục thúc đẩy mà đến nhóm họp. Hoặc có người nhân dịp đi thăm thành Tỳ-da-ly, thấy nơi thành ấy có các thứ trang nghiêm như những bức tranh vẽ trang trí trên lầu, từng đàn chim sẻ bay ngang cửa sổ, lan can tiện cong từng cột trụ ngắn…, các cảnh của nghệ thuật điêu khắc mà tập trung đến. Cũng có vô số đàn ông, đàn bà vì muốn ngắm nhìn cô Nguyệt Thượng nên lặn lội đến thành Tỳ-da-ly.

Khi ấy, Nguyệt Thượng vẫn luôn cầm cành hoa kia. Cha mẹ cô và các quyến thuộc mang theo các tràng hoa, hương thoa, hương bột, các thứ hương đốt xông và các thứ y phục tốt đẹp thượng hạng, các cờ phướn, lọng báu, các thứ âm thanh, các người hầu hạ trước cùng vây quanh, từ nhà đi ra, nhắm đến ngả tư đường phố.

Lúc Nguyệt Thượng cùng quyến thuộc tới ngả tư, thì số người cùng đi đến là vô lượng, vô biên. Khi thấy cô Nguyệt Thượng dừng tại nơi ngả tư, họ đều hướng đến chỗ ấy, luôn miệng nói lớn:

–Cô ấy là vợ tôi! Cô ấy là vợ tôi!…

Bấy giờ, người trong thành Tỳ-da-ly, phần nhiều là các người trai trẻ cùng lúc chạy đến, cất tiếng gọi lớn, hướng về Nguyệt Thượng. Khi thấy cô ta, nhiều người tiến nhanh tới, cô liền bay lên trụ trên hư không cao một cây Đa-la, nhưng tay vẫn cầm cành hoa kia, an nhiên ở trong không trung, dùng lời kệ thưa với mọi người:

Quý vị xem thân tốt đẹp này
Cũng như vàng ròng với sắc lửa
Do xưa chẳng phát khởi tâm dục
Nên nay được thân vi diệu ấy.
Do bỏ dâm dục như hầm lửa
Và các việc đời không nhiễm vướng
Tu tập khổ hạnh, giữ sáu căn
Và hành các phạm hạnh thanh tịnh.
Thấy thê thiếp người không tham dục
Tưởng như là mẹ, là chị, em
Như vậy mới sinh thân đáng mến

Mọi người ưa nhìn không biết chán.
Chân lông thân tôi phát hương thơm
Bay khắp thành này, há chẳng nghe?
Chẳng do tâm dục huân tập được
Đều do quả bố thí điều phục.
Nay tôi vốn không tâm dâm dục
Với người không dục, chớ khởi dục
Mong tôn tượng này chứng minh cho
Lời con chân thật không hư dối.
Các vị từ xưa hoặc cha tôi
Hoặc tôi từng làm mẹ các người
Cùng làm cha mẹ và anh em
Tại sao với nhau sinh tâm dục?
Hoặc xưa tôi có hại quý vị
Các vị hoặc lại giết hại tôi
Đều tạo oán thù, giết hại nhau
Vì sao ở đây sinh tưởng dục?
Nhờ không tham dục được đoan chánh
Tham dục ắt sinh chốn không lành
Người còn tâm dục không giải thoát
Vì vậy nay nên bỏ tâm dục.
Hoặc đọa địa ngục và ngạ quỷ
Hoặc rơi vào nơi loài súc sinh
Cưu-bàn, Dạ-xoa, A-tu-la
Tỳ-xá-già đều vì tham dục.
Đui mắt, không lưỡi, què cùng điếc
Thân thể hình dung đều thô xấu
Tất cả mỗi mỗi các lỗi lầm
Đều do nghiệp xưa nhiều tâm dục.
Nếu ở đời sau làm Luân vương
Đế Thích chủ trời Tam thập tam
Đại phạm tự tại, các chư Thiên…
Đều do rộng hành phạm hạnh tịnh.
Sinh bị câm ngọng, mất bản tánh
Heo, chó, ngựa, lừa và lạc đà
Voi, bò, cọp, ruồi nhặng, muỗi mòng
Bị quả báo này do nhiều dục.
Sinh nhà an vui địa chủ lớn

Trưởng giả giàu có và cư sĩ
Tất cả đều do hành phạm hạnh
Hiện được hoan hỷ và an lạc.
Gánh nặng, nấu đốt, khói xông mũi
Gông cùm xiềng xích thân khổ nhục
Chặt chân, xẻo mũi và móc mắt
Bị người sai sử đều vì dục.
Muốn thành Duyên giác, A-la-hán
Các tướng trang nghiêm thân chư Phật
Tự giác, giác tha lợi ích rộng
Đều do xa lìa tưởng có dục.
Theo dục đâu chỉ một tai họa
Rất nhiều xấu ác không lợi ích
Mong mau giải thoát các tham dục
Cùng tôi đi đến bên Như Lai.
Dù không quy y cũng bớt tội
Chỉ Phật tôn quý trong trời người
Các người mau đến bên Tôn đức
Trải vô lượng kiếp khó thấy Phật.

Nguyệt Thượng nói kệ cho mọi người nghe rồi, khi ấy mặt đất thảy đều chấn động, trong hư không có vô lượng các Thiên tử cất tiếng tán thán, y phục hiện rõ, cùng múa, ca vui tươi, hòa điệu vô lượng. Hoa trời mưa xuống số đến trăm ngàn, tạo các âm nhạc không thể nói hết.

Tất cả đại chúng đã được thấy, nghe như vậy rồi, liền sinh tâm chán lìa các tưởng tham dục, sinh tưởng hy hữu, chưa từng có. Ngay lúc ấy, toàn thân họ xao động, tâm không còn tác động của tham dục, cũng không sân, không giận, không tham, không si, không ganh, không tức, không tranh, không còn phiền não và các kết sử, tất cả đều dùng tâm hoan hỷ để làm tươi tắn thân tướng. Mỗi mỗi đều xem nhau như là cha mẹ, anh em, chị em, thân thuộc, tôn trưởng. Khi họ đã xả bỏ tất cả các phiền não rồi thì mỗi mỗi đều cúi đầu đảnh lễ Nguyệt Thượng.

Bấy giờ, đại chúng đem theo hương hoa, nào hương bột, hương thoa, vòng hoa, các loại y phục, các thứ chuỗi ngọc anh lạc… đều hướng về Nguyệt Thượng tung rải khen ngợi. Do thần lực của Phật, nên tất cả đồ vật kia biến thành một cái dù lớn che trên vị Như Lai hóa thân, rộng nửa do-tuần.

Lúc ấy, Nguyệt Thượng từ hư không lần xuống cách mặt đất bốn

ngón tay, chân bước trong hư không, kinh hành thong thả, trong chốc lát liền ra khỏi thành Tỳ-da-ly, nhằm đến chỗ Đức Thích-ca Như Lai. Nguyệt Thượng đặt chân đến đâu, đại địa đều chấn động. Toàn thể đám người đông đảo kia có đến tám vạn bốn ngàn, tuần tự đi theo Nguyệt Thượng.

Khi đó, Trưởng lão Xá-lợi-phất cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo, vào buổi sáng sớm, sửa y cầm bát, hướng đến thành Tỳ-da-ly để khất thực. Chúng Thanh văn ấy từ xa thấy Nguyệt Thượng và đại chúng vây quanh trước sau cùng nhau đi đến, Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói với Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp:

–Này Trưởng lão Ca-diếp! Người đang đi kia là cô Nguyệt Thượng, muốn đến chỗ Đức Phật. Chúng ta có thể nêu hỏi cô ta, tùy theo ý nghĩa sâu xa của câu trả lời, có thể biết được cô ta đã đạt pháp nhẫn chưa!

Trưởng lão Xá-lợi-phất cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đi đến gần Nguyệt Thượng. Trưởng lão hỏi:

–Hôm nay cô muốn đi đâu?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả đã hỏi như thế. Vậy xin thưa: Nay con cũng đi theo hướng như Tôn giả Xá-lợi-phất đang đi.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi Nguyệt Thượng:

–Tôi nay muốn vào thành Tỳ-da-ly, còn cô thì từ thành ấy đi ra, sao lại trả lời: "Con nay cũng đi theo hướng như Tôn giả Xá-lợi-phất đang đi."

Nguyệt Thượng trả lời:

–Nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất cất chân lên, đặt chân xuống thì phải nương vào chỗ nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi nay cất chân lên, đặt chân xuống đều nương vào hư không.

Nguyệt Thượng nói:

–Con cũng như vậy, đưa chân lên và đặt chân xuống đều nương vào hư không, nhưng hư không thì không khởi phân biệt. Vì vậy cho nên con nói: "Cũng như Tôn giả Xá-lợi-phất đang đi."

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Việc này cũng như vậy. Nay Tôn giả nói đi là đi đâu?

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

–Tôi hướng về Niết-bàn mà đi như vậy.

Nguyệt Thượng nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Hết thảy các pháp há chẳng phải là hướng về Niết-bàn mà đi sao? Con nay cũng hướng về phía ấy mà đi.

Trưởng lão Xá-lợi-phất lại hỏi Nguyệt Thượng:

–Nếu hết thảy các pháp đều hướng đến Niết-bàn, tại sao cô không vào diệt độ?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu hướng tới Niết-bàn tức không diệt độ. Vì sao? Vì hành Niết-bàn là không sinh diệt. Hành Niết-bàn là không thể thấy được, thể không phân biệt, là không hề diệt mất. Do ý nghĩa này nên hành Niết-bàn tức là Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi Nguyệt Thượng:

–Cô nay tu hành theo thừa nào? Là hành theo Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa hay là hành theo Đại thừa?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả đã hỏi con như vậy, nay con xin hỏi lại Tôn giả : Như pháp đã chứng đắc của Tôn giả Xá-lợi-phất là hành theo Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa hay là hành theo Đại thừa?

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

–Chẳng phải như vậy đâu! Này cô Nguyệt Thượng! Vì sao? Vì pháp kia là không thể phân biệt, không thể nói năng, chẳng phải khác, chẳng phải một, cũng chẳng phải nhiều.

Nguyệt Thượng nói:

–Vì vậy không nên phân biệt các pháp là một tướng hay khác tướng, không có tướng dị biệt. Ở trong các tướng đều không thể trú, cho nên Niết-bàn thật không thể diệt.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Thật là hy hữu, hy hữu! Cô nay đúng là biện tài vô ngại. Tất là xưa kia cô đã từng tôn phụng bao nhiêu Đức Phật nên mới được như vậy?

Nguyệt Thượng trả lời:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả đã hỏi con như thế, con xin thưa: Cũng như thật tế cùng với pháp giới.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Như cô nói thật tế cùng với pháp giới, có từ bao lâu?

Nguyệt Thượng đáp:

–Như từ khi vô minh có ái không khác.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Vô minh có ái lại có từ bao lâu?

Nguyệt Thượng thưa:

–Như cảnh giới của chúng sinh không khác.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Cảnh giới của chúng sinh lại có từ bao lâu?

Đáp:

–Như cảnh giới của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Nếu như thế thì cô đã nói về việc gì là giải thích về gì?

Đáp:

–Nương theo chỗ hỏi của Tôn giả mà con trả lời.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Tôi hỏi là nghĩa gì?

Đáp:

–Hỏi là văn tự.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Văn tự ấy vắng lặng, không có dấu vết.

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tướng diệt ở trong hết thảy pháp như vậy, như có người hỏi, có người trả lời, cả hai đều là tướng diệt, không thể nắm bắt được.

-oOo-

KINH NGUYỆT THƯỢNG NỮ

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất hỏi Nguyệt Thượng:

–Cô nay ở trong quả vị của Bồ-tát đã được tướng nhẫn như vậy, không lâu sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nguyệt Thượng nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Luận về Bồ-đề thì không có ngôn thuyết, chỉ tạm dùng văn tự mà nêu bày. Chỗ nói có người thành tựu cũng chỉ giả danh mà nói, hoặc lâu hoặc mau cũng đều là danh tự. Vậy thưa Tôn giả! Vì sao Tôn giả lại nói: "Không bao lâu nữa con sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Phàm là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chỗ không sinh, không thể nêu bày, không có thể tánh, nên trong ấy cũng lại không người có thể thành tựu. Vì sao? Vì thể tánh của Bồ-đề không có hai tướng nên Bồ-đề không hai mà cũng xa lìa cái hai ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Nguyệt Thượng:

–Trước hết, cô nên đến viếng Đức Phật. Vì để nghe pháp nên lát nữa chúng tôi cũng sẽ tới pháp hội để cùng nghe pháp.

Nguyệt Thượng lại bạch:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai không vì người nghe pháp mà giảng nói, cũng lại không vì người ưa pháp mà giảng nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Như Lai nếu như vậy thì Ngài sẽ vì ai mà giảng nói pháp?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có người nghe mà không sinh tưởng chấp trước, không sinh tưởng vui thích thì Như Lai Lai mới vì những người như vậy mà giảng nói pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với Nguyệt Thượng:

–Nếu có chúng sinh đến chỗ Đức Phật để nghe pháp, vì có người muốn nghe pháp lúc ấy Như Lai lẽ nào không vì họ giảng nói pháp?

Nguyệt Thượng đáp:

–Nếu có chúng sinh khởi tưởng như vầy: "Đó là Như Lai vì ta mà giảng nói pháp." Chúng sinh như vậy là trú vào tưởng ngã. Nếu có người chân chánh thông suốt, thể nhập nơi pháp tánh thì không có ý niệm như vậy. Họ sẽ không cho: "Đức Phật vì chúng ta nên giảng nói pháp như vậy."

Lúc ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Trưởng lão Xá-lợi-phất:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hôm nay cô Nguyệt Thượng đến yết kiến Đức Phật ắt có pháp nghĩa lớn. Chúng ta cũng có thể trở về, dẫu không khất thực cũng tốt, chớ nên để thân ở bên ngoài mà không được nghe pháp nghĩa. Như vậy là tất cả đại chúng Thanh văn đều quay trở về cùng với Nguyệt Thượng hướng đến chỗ Phật.

Nguyệt Thượng dần dần đi tới khu rừng lớn, nơi tinh xá lợp bằng cỏ tranh, đến trước Đức Phật cung kính, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi nhiễu theo phía bên phải ba vòng, đem tất cả các thứ hương hoa, hương bột, hương xoa, y phục, cờ phướn, lọng báu, những đồ cúng Phật tung rải nhiều lần lên chỗ Ngài. Lúc này, đại chúng mang theo các loại hương hoa, tràng hoa, hương xoa, hương bột, cũng đem tung rải nhiều lượt để cúng dường Phật. Tất cả hoa được tung rải ấy bay lên bên trên Đức Phật, biến thành một lọng báu bằng hoa, ngang rộng che khắp mười do-tuần.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bảo Nguyệt Thượng:

–Xưa kia cô từ đâu xả thân sinh đến đây? Xả thân này rồi lại sinh về đâu?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ý của Bồ-tát nghĩ thế nào? Con nay mang hình tượng Đức Như Lai ngồi trên tòa sen, vậy Ngài từ đâu xả thân sinh lại đây, nay nếu xả thân này rồi sẽ sinh về đâu?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Nguyệt Thượng:

–Đây là hóa thân. Phàm nói về hóa thân tức không có chỗ xả thân nên về sau cũng không sinh.

Nguyệt Thượng nói:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bản thể của hết thảy các pháp là biến hóa. Con ở nơi pháp ấy nên không thấy có lúc xả, không thấy có lúc sinh.

Bồ-tát Bất Không Kiến nói với Nguyệt Thượng:

–Đúng vậy! Này Nguyệt Thượng! Đã biết không thể dùng thân nữ để thành Phật, nay cô vì sao không chuyển thân nữ?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa thiện nam! Phàm là thể không thì không có chuyển đổi. Hết thảy các pháp cũng lại như vậy. Vì sao nay con phải chuyển thân nữ?

Bồ-tát Trì Địa nói với Nguyệt Thượng:

–Cô đã từng được thấy Đức Như Lai chưa?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa thiện nam! Con thấy Đức Như Lai cũng như trong tay con đang nắm giữ Đức Hóa Phật. Như Lai như vậy là bình đẳng, không có sai khác.

Bồ-tát Biện Tụ nói với Nguyệt Thượng:

–Cô nay đã có thể biện giải về pháp nghĩa rồi chăng?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa thiện nam! Thể của pháp giới là không thể nói nêu, cũng không thể dùng văn tự, toán số để thâu tóm được.

Bồ-tát Vô Ngại Biện nói với Nguyệt Thượng:

–Cô ở chỗ chư Như Lai thời quá khứ đã từng được nghe những pháp gì?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa thiện nam! Nay có thể ngước nhìn lên hư không, Đức Như Lai giảng nói pháp cùng với hư không này không khác. Người nghe pháp kia cũng lại như vậy. Thưa thiện nam! Tướng của các pháp kia như hư không, không có khác biệt.

Bồ-tát Hư Không Tạng nói với Nguyệt Thượng:

–Xưa kia cô đã từng cúng dường chư Phật, vậy việc phụng hành bố thí như thế nào và hồi hướng như thế nào?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa thiện nam! Như con nay đối với tượng hóa Phật này mà bố thí Phật, Tăng thì việc đạt được công đức như thế nào?

Bồ-tát Hư Không Tạng nói:

–Đây là hóa Phật. Nếu cúng dường nơi ấy thì không có tướng công đức.

Nguyệt Thượng nói:

–Thưa thiện nam! Cũng như vậy. Xưa kia con đối trước chư Như Lai hành bố thí và hồi hướng, cũng hành thí với tướng như vậy và cũng hồi hướng như vậy.

Bồ-tát Bất Tổn Tha Tâm nói:

–Tại sao nay cô đối với hết thảy chúng sinh có thể hiện bày tâm Từ khắp tất cả?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa thiện nam! Con như chúng sinh kia, không khác.

Bồ-tát Bất Tổn Tha Tâm lại nói:

–Như chúng sinh kia, việc ấy như thế nào?

Nguyệt Thượng đáp:

–Các chúng sinh ấy chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là vị lai, chẳng phải là hiện tại, mà tâm Từ kia cũng chẳng phải thuộc về quá khứ, vị lai và hiện tại, nên cũng không thể dùng lời để nói. Thưa thiện nam! Thế nên tâm Từ kia cũng lại như vậy.

Bồ-tát Hỷ Vương hỏi Nguyệt Thượng:

–Cô nay đã đạt được Pháp nhãn chưa?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa thiện nam! Con nay Nhục nhãn hãy còn chưa được, huống hồ là được Pháp nhãn.

Bồ-tát Kiên Ý nói với Nguyệt Thượng:

–Cô hành Bồ-đề trải qua thời gian bao lâu?

Nguyệt Thượng trả lời:

–Thưa thiện nam! Như ánh sáng của sóng nắng kia đã chiếu trong thời gian bao lâu thì con phát tâm Bồ-đề cũng lại như vậy.

Bồ-tát Di-lặc bảo Nguyệt Thượng:

–Khi nào cô có thể thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Nguyệt Thượng thưa:

–Cũng như Bồ-tát Di-lặc, khi nào có thể vượt khỏi địa của hàng phàm phu.

Lúc này, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sức biện tài của cô Nguyệt Thượng này thật là ít có. Làm sao cô ấy có thể cùng với các vị đại Long mặc áo giáp như vậy để cùng hỏi đáp, chỉ đứng không ngồi, lại không kính lễ các Bồ-tát?

Nguyệt Thượng thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cũng như đốm lửa, thể của nó là hay thiêu đốt, tất cả các vật đều có thể bị đốt cháy. Đúng vậy, thưa Tôn giả Xá-

lợi-phất! Các Bồ-tát cùng với chư Phật không có sai khác. Lúc ở trong các hành muốn thiêu rụi hết thảy các phiền não, có các phiền não hoặc của mình, hoặc của người khác đều thiêu đốt sạch.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Khi cô thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cõi Phật kia sẽ như thế nào?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong cõi Phật sau này của con, không có các vị tu hành hạnh nhỏ, trí nhỏ, ngôn từ hạn hẹp. Cũng như Tôn giả Xá-lợi-phất hiện nay, con tất nhận lấy cõi Phật như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với Nguyệt Thượng:

–Cô đã từng nói: Tất cả pháp giới bình đẳng với thể tánh Như Lai không có sai khác, nay tại sao chỗ thấy lại có hơn thua?

Nguyệt Thượng nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như nước trong biển lớn và nước nơi vết chân bò. Nước trong hai nơi ấy giống nhau không khác, nhưng dấu chân bò kia không thể tiếp nhận vô lượng, vô biên chúng sinh như nơi biển lớn được. Cũng vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Chư Phật và Thanh văn tuy đồng pháp giới nhưng các vị Thanh văn không thể vì vô lượng, vô biên chúng sinh tạo mọi lợi ích rộng lớn như chư Phật. Lại nữa, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như bên trong hạt cải có hư không, mười phương thế giới cũng có hư không, hư không nơi hai chỗ ấy tuy không khác, nhưng hư không trong hạt cải không thể dung chứa xóm làng, thành ấp, cõi nước, không thể nào kiến lập núi Tu-di, biển lớn giống như hư không trong mười phương thế giới được.

Cũng vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tuy đối với các môn Không, Vô tướng, Vô nguyện thì chư Phật bình đẳng với Thanh văn, nhưng hàng Thanh văn không thể cùng với vô lượng, vô biên các chúng sinh kia tạo vô số lợi ích rộng lớn giống như chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

–Như vậy, này Nguyệt Thượng! Chỗ đạt được giải thoát của Phật và Thanh văn lẽ nào không bình đẳng?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Chớ nói như vậy, nên nói là: Chư Phật và Thanh văn giải thoát đồng đẳng.

Trưởng lão Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Việc như vậy, tướng trạng thế nào?

Nguyệt Thượng đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nay con muốn hỏi, Tôn giả theo ý mình mà trả lời. Khi Tôn giả chứng đắc tâm giải thoát thì có thể khiến cho tam thiên đại thiên thế giới này bằng phẳng như bàn tay chăng? Lại có cây cối và núi rừng đều nghiêng mình cúi xuống hướng về Tôn giả không? Hoặc đã có thể diệt trừ hết tất cả các điều ác vi tế của riêng mình chưa? Đã diệt hết thảy phiền não của chúng sinh chưa? Đã được hết thảy chư Thiên đảnh lễ chưa? Đã quy tụ chúng ma khắp cả ba mươi do-tuần đến chưa? Có một niệm khởi tâm trí tuệ liền được giải thoát chưa? Lại có thể hàng phục quyến thuộc của tất cả ma chưa?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Tôi đối với tất cả các việc như vậy chưa được một việc nào.

Nguyệt Thượng lại nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát ngồi nơi đạo tràng Bồ-đề đều có các việc thù thắng như vậy, lại còn có vô lượng, vô biên việc thù thắng khác nữa. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Giải thoát của Thanh văn và giải thoát của chư Phật có các việc hơn thua, ưu khuyết, sai khác như vậy, vì sao Tôn giả cho rằng giải thoát của chư Phật Như Lai và giải thoát của Thanh văn bằng nhau?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tán thán Nguyệt Thượng:

–Lành thay! Lành thay! Nguyệt Thượng! Con nay đã có thể biện thuyết vô ngại như vậy.

Khi ấy, hình tượng Như Lai hóa thân trong tay phải của Nguyệt Thượng liền từ nơi hoa sen đứng dậy, đến chỗ Đức Thế Tôn nhiễu quanh Phật đủ ba vòng, rồi từ rốn mà vào, do thần lực của Phật nên đại địa chấn động.

Lúc đó, nơi mỗi mỗi lỗ chân lông của Đức Thế Tôn xuất hiện một hoa sen màu sắc như vàng ròng, dùng bạc làm lá, tạng báu công đức làm đài sen. Trong các hoa sen kia đều tự nhiên hiện ra một vị Phật ngồi kiết già. Hình tượng các Đức Như Lai hóa hiện này dùng các tướng tốt trang nghiêm hiện bày khắp mười phương các cõi nước của chư Phật, cùng hiển hiện, vì các chúng sinh nơi cõi ấy mà nói pháp. Khi các Ngài giảng nói pháp cú nơi cõi nước của các Đức Phật kia, nhưng nhờ thần lực của Như Lai nên âm thanh lại được nghe nơi cõi nước của Đức Phật này.

Nguyệt Thượng thấy rõ các thần thông thù thắng vi diệu như vậy nên rất vui mừng, toàn thân xúc động. Bên tay phải của cô đang cầm một hoa sen, bèn dùng hoa tung lên trên thân của Đức Như Lai. Hoa ấy bay đến nơi đảnh của Phật, liền biến thành một tấm trướng bằng hoa, vuông góc thẳng xuống có bốn trụ ngang rộng ngay ngắn hết sức cân đối. Trong tấm trướng lại hóa hiện một tòa ngồi, dùng các châu báu trang nghiêm, dùng vô lượng áo trời để trải lên trên, bỗng nhiên lại xuất hiện một hình tượng hóa Phật giống như Đức Thích-ca ngồi kiết già trên tòa kia. Khi Nguyệt Thượng rải hoa cúng đã nguyện:

–Bạch Thế Tôn! Con xin nguyện nương nơi diệu lực của căn lành này, ở đời sau nếu có các chúng sinh vin vào tướng chấp ngã, con sẽ vì họ giảng nói pháp để trừ diệt.

Bấy giờ, do uy lực của Đức Phật, nên lại có hoa sen thứ hai hiện ra bên tay phải của Nguyệt Thượng. Cô lại dùng hoa ấy rải lên trên Đức Như Lai, làm thành tấm trướng hoa thứ hai, dùng các thứ báu trang nghiêm như trên đã nói. Nguyệt Thượng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, nếu có chúng sinh chấp vào ngã kiến, con sẽ vì họ giảng nói pháp để trừ bỏ.

Lúc ấy, do thần lực của Phật, nên lại có cành hoa sen thứ ba hiện ra nơi tay phải của Nguyệt Thượng. Cô lại dùng hoa ấy tung lên trên Đức Như Lai, liền hóa thành tấm trướng hoa thứ ba, cũng dùng các thứ báu trang nghiêm như trên. Nguyệt Thượng lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, nếu có chúng sinh nương vào hết thảy tướng mà sinh tâm phân biệt, con sẽ vì họ giảng nói pháp để trừ bỏ tướng phân biệt ấy, cũng nhằm dứt trừ tâm tham dục, sân giận, ngu si.

Lúc đó, cô lại thấy có cành hoa sen thứ tư hiện ra nơi tay phải, Nguyệt Thượng cũng lại dùng hoa sen kia tung lên trên Đức Như Lai. Khi đến đảnh Đức Phật lại hóa thành tấm trướng hoa thứ tư, dùng các thứ trang nghiêm như trên. Nguyệt Thượng lại bạch Thế Tôn:

–Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, nếu có chúng sinh chấp vào bốn thứ điên đảo, con sẽ vì họ giảng nói pháp khiến trừ diệt hết bốn điên đảo ấy.

Bấy giờ, lại do thần lực của Như Lai, nên có hoa sen thứ năm hiện ra nơi tay phải của Nguyệt Thượng. Cô lại dùng hoa này tung lên trên Đức Như Lai, cũng lại hóa thành tấm trướng bằng hoa thứ năm, cũng được trang

nghiêm như trước. Nguyệt Thượng lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, nếu có chúng sinh bị năm thứ cái che lấp, con sẽ vì họ giảng nói pháp để diệt trừ.

Lại nhờ thần lực của Đức Phật, nên có cành hoa sen thứ sáu hiện ra nơi tay phải của Nguyệt Thượng. Cô lại cũng dùng hoa sen này tung lên trên chỗ Đức Như Lai, cũng liền biến thành tấm trướng bằng hoa thứ sáu, cũng được trang nghiêm như trước. Cô lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, nếu có chúng sinh đắm chấp vào sáu nhập, con sẽ vì họ giảng nói pháp để họ lìa mọi sự chấp trước.

Lại do thần lực của Đức Phật, ở bên tay phải của Nguyệt Thượng lại có cành hoa sen thứ bảy hiện ra. Cô liền dùng hoa ấy dâng cúng Đức Như Lai, cũng lại biến thành tấm trướng bằng hoa thứ bảy, hình trạng và sự trang nghiêm như trên. Nguyệt Thượng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, nếu có chúng sinh chấp trước vào bảy thức, con sẽ vì họ giảng nói pháp khiến được đoạn trừ.

Lại do thần lực của Phật, nên lại có cành hoa sen thứ tám hiện ra bên tay phải của Nguyệt Thượng. Cô lại đem dâng lên cúng Phật. Hoa ấy bay đến, theo thứ lớp biến thành tấm trướng hoa thứ tám, hình trạng và sự trang nghiêm cũng như trên. Cô lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện vào đời sau, nhờ nhân lành này, nếu có chúng sinh chấp trước vào tám thứ điên đảo, con sẽ vì họ giảng nói pháp khiến đều trừ diệt.

Lại do thần lực của Phật, nên lại có hoa sen thứ chín hiện ra nơi tay phải của Nguyệt Thượng. Cô lại tung lên trên đảnh của Đức Phật, theo thứ lớp hoa ấy cũng kết thành tấm trướng bằng hoa thứ chín, như trước đã nói. Nguyệt Thượng lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, nếu có chúng sinh chấp trước nơi chín sử, con sẽ vì họ giảng nói pháp khiến được trừ diệt.

Bấy giờ, do nơi thần lực của Đức Phật, nên lại có hoa sen thứ mười hiện nơi tay phải của Nguyệt Thượng. Cô lại tung lên để cúng dường Đức Như Lai, cũng theo thứ lớp hoa ấy lại kết thành tấm trướng thứ mười bằng hoa che ở bên trên, trang nghiêm ngang rộng như trước. Nguyệt Thượng lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nguyện nhờ vào nhân duyên của căn lành này, ở đời sau, sẽ có đầy đủ mười Lực như Đức Thế Tôn hiện nay, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương cõi nước không sai khác.

Lúc này, những tấm trướng bằng hoa kia được giăng cao lên đến Phạm cung, do đẩy từ mặt đất lên tới cõi trời Đại phạm… nhân có trướng hoa nên lại có vô lượng ngàn vạn Thiên chúng cùng vân tập đến pháp hội.

Khi đó, Đức Thế Tôn lại mỉm cười, từ trong kim khẩu phát ra vô vàn ánh sáng, gồm đủ các màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, vàng, bạc… soi chiếu tới vô lượng, vô biên cõi Phật, đến khắp cõi Phạm thiên, che khuất ánh sáng của mặt trăng, mặt trời. Oai lực của ánh sáng thù thắng, mạnh mẽ ấy, không gì có thể so sánh. Ánh sáng rực rỡ đó hiện bày khắp rồi trở lại nhập vào nơi đảnh của Phật.

Bấy giờ, trong chúng hội, Trưởng lão A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay dùng kệ thưa hỏi Đức Phật về nhân duyên của sự việc Ngài vừa mỉm cười và phóng quang:

Mắt sáng của Đấng Nhất Thiết Trí
Trong hết thảy pháp không còn nghi
Chiếu khắp thế gian, sáng bình đẳng
Và Ngài mỉm cười vì duyên gì?
Trải qua nhiều kiếp Phật hành thí
Giới hạnh thanh tịnh như châu báu
Trú nhẫn, bất động như Tu-di
Phóng quang, mỉm cười có duyên gì?
Thường tu tinh tấn và thiền định
Vượt khỏi sinh tử trong các cõi…
Ý hạnh sâu xa tựa như biển
Mỉm cười phóng quang có duyên gì?
Thường hành Từ bi không dừng nghỉ
Với tâm hỷ xả cũng như vậy
Với người lầm đường hay cứu giúp
Ngài cười phóng quang có duyên gì?
Chân lông Thế Tôn phóng ánh sáng
Đến khắp mười phương vô lượng cõi
Mặt trăng, mặt trời bị che khuất
Đoạt oai lực kia làm mắt người.
Phát ra âm thanh tịnh, vi diệu

Sáu mươi loại độc nhất trên đời
Tất cả người nghe không biết chán
Lại hay dứt trừ các phiền não.
Vô lượng chúng sinh mười phương cõi
Chỗ hành hiện có nơi các tâm
Thế Tôn đã biết đoạn lưới nghi
Ngài cười phóng quang có duyên gì?
Nay ai quyết định phát tâm đạo?
Ai nay nương Phật mở Đại thừa?
Nay ai được thỏa mãn tâm nguyện
Thế Tôn mỉm cười, lại phóng quang?
Ai nay hàng phục bốn loại ma
Là ma phiền não và ma chết
Ấm ma và cùng với thiên ma
Mỉm cười phóng quang có duyên gì?
Thế Tôn, nay ai chứng đạo quả?
Ai làm thể pháp nhân sư tử?
Tiếng tăm ai khắp mười phương cõi
Mỉm cười và phóng quang như vậy?
Đấng Nhất thiết trí, diệt bất thiện
Trong các hạnh từ, từ tối thắng
Với tâm phân biệt đều đã dứt
Mỉm cười phóng quang có duyên gì?
Ai nay là người được ích lớn?
Lại nay ai được tâm mãn nguyện?
Hòa hợp mười phương nay là ai
Phóng quang như vậy và mỉm cười?
Ngàn vạn chư Thiên trong hư không
Dạ-xoa, Kim sí, Ma-hô-la
Và các Thiên nữ chắp tay lạy
Chiêm ngưỡng Thế Tôn, tâm hoan hỷ.
Tụ tập vô lượng các Bồ-tát
Mười phương cõi nước đều chiêm ngưỡng
Trí sâu như biển muốn nghe pháp
Tịnh ý phóng quang, cười duyên gì?

Đức Thế Tôn dùng lời kệ đáp Trưởng lão A-nan:

A-nan! Ông thấy đồng nữ này
Chắp tay uy nghiêm ở trước ta

Thấy thần thông chư Phật vi diệu
Liền phát tâm Bồ-đề vô thượng.
Quá khứ từng gặp ba trăm Phật
Đời đời kiếp kiếp chỗ được thấy
Luôn sinh cung kính và tôn trọng
Ngưỡng nguyện mong được chứng Bồ-đề.
Nguyện không sinh vào nơi đường ác
Chỉ nguyện sinh trong cõi nhân, thiên
Chỗ sinh không quên tâm Bồ-đề
Sau khi mạng chung rõ đời trước.
Xưa gặp Như Lai là Ca-diếp
Đang ở trên lầu liền bước xuống
Nhờ cúng dường Thế Tôn Ca-diếp
Hiện được nhẫn thuận và vô sinh.
Lại gặp Đức Phật Câu-lâu-thôn
Phụng cúng tọa cụ, y phục đẹp
Cho nên hiện được thân sắc vàng
Thanh tịnh rực rỡ như trăng sáng.
Có Phật Ca-ni-ca Mâu-ni
Hương hoa, hương bột cùng cúng dường
Do vậy miệng thơm mùi hương quý
Như mùi Chiên-đàn, Ưu-bát-la.
Phật hiệu Thi-khí, Đấng Lưỡng Túc
Chiêm ngưỡng Phật ấy trọn bảy ngày
Cho nên hai mắt sắc sen xanh
Các loài được xem không biết chán.
Đã năm trăm đời lìa các dục
Thường hành các phạm hạnh thanh tịnh
Nếu người đến xem mà khởi dục
Liền được thanh tịnh không tham dục.
Nên sinh cõi trời Tam thập tam
Từ đó sinh lại dòng Ly-xa
Tất cả chỗ sinh biết duyên trước
Khéo nói các cú kệ nhiệm mầu.
Cảm hóa cha mẹ và người thân
Lợi ích chúng sinh nhiều vô lượng.
Vì muốn giáo hóa phát Bồ-đề
Sinh dòng Ly-xa đại hào quý.

Con gái, kẻ nam và người nữ
Giáo hóa khiến vào nơi Phật thừa
Hai vạn ba ngàn các người kia
Thành thục vô lượng đạo Bồ-đề.
Cô này khi đã chuyển thân nữ
Không lâu xuất gia trong pháp ta
Rộng hành đại phạm hạnh thanh tịnh
Từ đây mạng chung sinh cõi trời.
Cõi trời mạng chung lại sinh đây
Gặp đời xấu ác hộ pháp ta
Cùng các chúng sinh làm lợi ích
Xả thân thọ sinh trời Đâu-suất.
Sau này khi Di-lặc hạ sinh
Sẽ làm con Luân vương Nhưỡng Khư
Vương tử thời ấy rất tài nghệ
Đoan nghiêm đáng mến đủ các đức.
Cúng dường Thế Tôn trong ba tháng
Cùng đại chúng vây quanh hai bên
Được xuất gia gần gũi nơi Phật
Sáu ngàn ba trăm chúng tùy tùng.
Thọ trì chánh pháp Phật kia rồi
Về sau vãng sinh cõi An lạc
Đã được diện kiến Đức Di-đà
Lễ bái, tôn trọng và cúng dường.
Ở nơi Hiền kiếp các cõi Phật
Tất cả thế giới trong mười phương
Với hằng hà sa chư Như Lai
Đều vì chúng sinh làm lợi ích.
Tinh tấn, trí tuệ, sức thiền định
Như vậy cúng dường Đức Thế Tôn
Cúng dường chư Phật nhiều kiếp số
Giáo hóa vô lượng ngàn vạn chúng.
Đời sau tám vạn ức câu-chi
Sẽ được làm Phật hiệu Nguyệt Thượng
Thế Tôn danh hiệu Nguyệt Thượng ấy
Lông trắng chặng mày phát diệu quang.
Ánh sáng sắc vàng rất sáng đẹp
Rực rỡ chiếu soi khắp cõi Phật

Nhật, nguyệt, ánh lửa và ma-ni
Ánh sáng tinh tú đều không hiện.
Ngày, đêm, năm, tháng và bốn mùa
Đều do ánh sáng ấy không khác
Cõi ấy không có Bích-chi-phật
Cũng không tên Thanh văn, La-hán.
Chúng Bồ-tát dũng mãnh, thanh tịnh
Phật kia chính có đủ như vậy
Sắc thân đại chúng như vàng ròng
Các tướng trang nghiêm gồm trăm thứ.
Tất đều khiến người đáng ưa thích
Cõi kia không dục, chẳng thai sinh
Trong đài hoa sen tự hóa sinh
Vừa sinh liền có oai đức lớn.
Với toán số không thể lường tính
Thần thông vô lượng đến các cõi
Pháp Nhẫn vô sinh không chướng ngại
Ma chướng, ngoại đạo cõi này không.
Không bạn bè xấu, người phá giới
Thọ báo thanh tịnh như Đâu-suất
Nếu người cõi kia được sinh đến
Thọ nhận quả báo đều bình đẳng.
Vàng bạc, trân châu, lưới tốt đẹp
Rộng lớn che khắp cõi nước kia
Đại Thế Tôn ấy thọ dài lâu
Trụ thế bảy mươi ba ngàn kiếp.
Sau khi diệt độ vào Niết-bàn
Chánh pháp trụ thế mãn một kiếp
Phật ấy ở đời hoặc diệt độ
Giáo pháp an trụ, không sai khác.
Ta nếu một kiếp tán thán Phật
Thế Tôn, cõi nước, các công đức
Hôm nay ta nói các ví dụ
Trong biển chỉ lấy một giọt nước.

Khi ấy, Nguyệt Thượng theo hầu Phật, nghe pháp và được thọ ký nên hoan hỷ vô hạn, bèn bay lên hư không cách mặt đất bảy cây Đa-la. Đã an trú nơi ấy rồi, cô liền chuyển thân nữ thành nam tử, tức thời đại địa chấn động, phát ra âm thanh lớn, hoa trời rơi xuống như mưa, phóng ra ánh sáng

lớn chiếu khắp thế giới.

Bồ-tát Nguyệt Thượng trú nơi hư không dùng kệ tán thán Đức Phật:

Tu-di chuyển động, đất đảo lộn
Chỗ ở Tu-la đều bị diệt
Biển lớn khô cạn, trăng rơi xuống
Như Lai trọn không nói hư vọng.
Giả sử mười phương chúng đồng tâm
Hoặc lửa thành nước, nước thành lửa
Đấng Tối Tôn vô lượng công đức
Lợi ích chúng sinh không nói khác.
Đại địa hư không thành mù mịt
Trăm cõi đồng vào trong hạt cải
Lưới thưa có thể ngăn gió mạnh
Như Lai trọn không nói hư vọng.
Thế Tôn nói chân thật như vậy
Nên con quyết trụ đạo Bồ-đề
Đại địa nay đã chấn động khắp
Con chứng Bồ-đề, quyết không nghi.
Nay được thọ ký đạo giác ngộ
Liền chuyển pháp luân không sai biệt
Như Đức Thế Tôn đã nói pháp
Trong trăm số kiếp con đã nghe.
Lợi ích trời, người, tám bộ chúng
Và các Tỳ-kheo nơi bốn chúng
Lại vì vô lượng các Bồ-tát
Các vị với Phật chớ sinh nghi.
Đời sau đều thành không phân biệt
Vì vậy quyết phát tâm Bồ-đề
Các pháp thảy đều như huyễn hóa
Chư Phật giảng nói như mộng tưởng.
Xứ ấy không người, không nuôi dưỡng
Mạng, chúng sinh và Phú-già-la
Bản tánh của các pháp như vậy
Ví như hư không chẳng khác gì.
Trước đây con mang thân nữ nhân
Thân ấy thể không cũng không thật
Đã không thật thể đó là không
Thể không, không vật, không thể giữ.

Phân biệt điên đảo sinh thân ấy
Phân biệt như chim bay trong không
Ý muốn thành tựu Bồ-đề Phật
Lại muốn hàng phục bốn chúng ma.
Muốn trong tam thiên đại thiên giới
Chuyển vận bánh xe pháp vi diệu
Các vị dũng mãnh phát Bồ-đề
Tôn trọng cúng dường lên chư Phật.
Không lâu sẽ thành bậc công đức
Đồng với chân thể không sai khác
Bậc Sa-môn trượng phu thiện lợi
Lưỡng Túc Trung Tôn con đảnh lễ.
Cho vật quý trọng được quý trọng
Bố thí pháp tài được tự tại
Phật gốc an vui, thường ban vui
Hàng phục oán địch và các ma.
Nếu khen, nên khen Đấng Tối Thắng
Lại khen tự tại không tham muốn
Ý con quán sát các phương xứ
Nguyện thấy chư Phật khó nghĩ bàn.
Như nay Thích Sư Tử phóng quang
Con cũng sẽ biết mười phương Phật
Tất cả pháp đều đồng thể giác
Nơi pháp chân như đều không hai.
Vô lượng chúng sinh đồng thật tế
Người có nhẫn này sẽ làm Phật.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói kệ xong, từ hư không bước xuống, cúi đầu đảnh lễ. Khi lễ, đầu chưa rời khỏi mặt đất liền có vô lượng trăm ngàn Đức Phật hiện ra trước mắt, đồng thanh thọ ký cho Nguyệt Thượng sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Nguyệt Thượng chính mình được thấy trăm ngàn Đức Phật thọ ký rồi, vô cùng hoan hỷ, toàn thân xúc động, liền theo Đức Như Lai cầu xin xuất gia, bạch:

–Lành thay! Xin nguyện Đức Thế Tôn cho con được xuất gia trong giáo pháp của Thế Tôn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Nguyệt Thượng:

–Cha mẹ cô thuận cho cô xuất gia chưa?

Bấy giờ, cha mẹ sinh ra Nguyệt Thượng đã được thấy thần thông biến hóa, lại từ nơi Đức Phật được nghe lời thọ ký, nên bạch Phật:

–Thật vậy, bạch Thế Tôn! Chúng con chấp thuận, kính xin Đức Thế Tôn cho Nguyệt Thượng được xuất gia. Lại nguyện cho chúng con ở đời sau gặp được pháp như thế này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền cho phép đồng tử được xuất gia. Ngay khi ấy, liền có đến một vạn hai ngàn người đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc Đức Phật thuyết giảng pháp này, lại có bảy mươi ức các vị trời, người… xa cảnh trần, lìa cấu nhiễm, ở trong các pháp được Pháp nhãn thanh tịnh. Lại có năm trăm các thầy Tỳ-kheo đối với pháp vô vi liền được dứt hết lậu hoặc, tâm được giải thoát. Lại có hai trăm Tỳ-kheo-ni… cùng đồng loại hai vạn người đến đây, trong số ấy có người chưa từng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng đều phát tâm Bồ-đề.

Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Nguyệt Thượng, Trưởng lão A-nan, các chúng Bồ-tát và trong đại hội, các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… các loài trong tám bộ chúng đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 481

KINH BỒ-TÁT TRÌ NHÂN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN 1

PHẨM 1: BỐN PHÁP

Nghe như vầy:

Thuở nọ, Đức Phật ngụ nơi vườn trúc Ca-lân thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, hàng Bồ-tát không thể tính kể. Tất cả các bậc Đại thánh đều đã đạt được thần thông, biện tài vô ngại, trí tuệ không giới hạn, các căn đều tịch tĩnh, thông suốt tất cả những pháp căn bản, tùy theo bệnh mà cho thuốc để cứu giúp chúng sinh, làm chiếc cầu pháp để thoát khỏi ba cõi.

Khi ấy, Đức Thế Tôn giảng nói kinh pháp cho vô số trăm ngàn chúng và quyến thuộc vây quanh.

Bồ-tát Trì Nhân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để kiến lập thệ nguyện, vun trồng vô lượng công đức, hiểu rõ các pháp, thực hành hết thảy các pháp Ba-la-mật, thông đạt vô lượng phương tiện thiện xảo, giữ gìn tuệ căn bản không thể ví dụ, mặc áo giáp giới đức để truyền bá đạo lý chân chánh, giảng nói về ân đức và Từ bi cho chúng sinh, che chở cho chúng sinh như hư không, không thể lường xét, tâm được thanh tịnh, đầy đủ đức hạnh, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ, dùng các Ba-la-mật bao trùm khắp nơi? Vì những chúng sinh muốn thực hành những hạnh nghiệp ấy để đạt đến nguồn gốc thù thắng của đạo lớn vô thượng, nên con mới thưa hỏi Đức Như Lai về những điều như vậy. Con muốn thưa hỏi Đức Như Lai về sự hành hóa của hàng Bồ-tát Đại sĩ, các vị đi khắp ba cõi để giáo hóa, siêng năng giữ gìn giới cấm, giảng pháp khắp nơi, tu tập về hạnh thanh tịnh, bất cứ ở đâu cũng đều tu tập trọn vẹn Trí tuệ ba-la-mật, dùng vô lượng phương

tiện để giáo hóa đúng lúc. Vì những chúng sinh có tâm hộ trì chánh pháp nhưng không thể tự thông đạt được nên con mới thưa hỏi Đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát hiểu rõ các pháp, có thể giảng nói đúng lúc cho mọi người, tâm của các vị vững mạnh, không bỏ mất lực và niệm, đạt đến tuệ vi diệu, thông suốt tất cả các pháp, biết rõ nguồn gốc của chương cú, nghĩa lý, thường biết rõ thân mạng đời trước, không quên mất giữa chừng, thành tựu đạo Chánh chân Vô thượng và làm Bậc Tối Chánh Giác?

Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Bồ-tát Trì Nhân! Vì muốn cho chư Thiên và chúng sinh khắp mười phương được nhiều sự hộ niệm và được nhiều an ổn nên ông mới thưa hỏi Như Lai những ý nghĩa cốt yếu như vậy. Ông đã vun trồng công đức không thể nghĩ bàn, vì đã phá tan mọi lưới nghi cho chúng sinh, vì tâm Từ bi rộng lớn mà hiển bày ánh sáng lớn cho họ, đời hiện tại và vị lai ông nên tu tập tâm Từ bi vô tận của các Bồ-tát để hiển bày đạo lớn khắp chúng sinh, phát thệ nguyện rộng lớn để cứu giúp tất cả, giáo hóa, cứu giúp chúng sinh thoát khỏi các tai nạn, có được nơi nương tựa, giúp đỡ chúng sinh vượt qua ngã và ngã sở, khiến họ không còn bị đọa vào ba cõi ác và thoát khỏi các khổ nơi địa ngục, rồi kiến lập đạo quả Chánh chân Vô thượng cho họ. Ông cũng muốn cho chúng sinh thoát khỏi những tai nạn sinh, già, bệnh, chết, buồn rầu, khốn khổ… được an ổn lâu dài, ở đời vị lai, vào thời mạt pháp nên lưu truyền chánh pháp để làm tiêu tan sợ hãi cho chúng sinh, khiến họ không còn lo âu gì nữa. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Bồ-tát Trì Nhân và đại chúng yên lặng lắng nghe.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát có đầy đủ bốn pháp để quan sát những ngôn từ, lời dạy và để hiểu rõ các pháp, có thể dạy bảo cho mọi người đúng lúc. Những gì là bốn? Đó là: Tâm ý luôn luôn chân chánh, chí nguyện trọn vẹn với đạo pháp chưa từng xao lãng, tánh hạnh nhu hòa, đĩnh đạc, Từ bi và tâm luôn ứng hợp với những pháp thù thắng. Đó là bốn pháp. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Phân biệt những ý nghĩa về đạo, thông suốt hết mọi chủng tánh; thấu hiểu các hạnh và nẻo hướng đến của nghĩa lý; giảng nói tất cả những sự cốt yếu của các pháp; thông đạt nguồn gốc các pháp, tùy lúc mà hóa độ. Đó là bốn pháp. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Hiểu rõ vô lượng sự hành hóa của các pháp, dùng hạnh vượt trên tất cả để xiển dương vô lượng giáo pháp, nên phân tích và hành hóa đúng lúc, vun trồng

công đức vô tận để nhận biết rõ nhân duyên các pháp và đoạn trừ các tập. Đó là bốn. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Nương nơi chánh hạnh mà đạt được đạo quả Chánh chân Vô thượng; mau chóng đầy đủ diệt và đạo, thực hiện ba mươi bảy phẩm Trợ đạo; thông đạt các pháp bằng trí tự nhiên không có nơi nương tựa; biết rõ các phương tiện thiện xảo, thành tựu tâm Từ bi rộng lớn. Đó là bốn. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Tâm không còn nhơ uế, không ôm lòng tham tiếc, ganh ghét; dùng tâm Từ bi để cứu giúp chúng sinh, giới đức thanh tịnh, các hạnh đều trong sáng, luôn tinh tấn không hề biếng trễ, siêng tu thanh tịnh thành tựu đạo quả; hiểu rõ, thuận theo các hạnh, chuyên tư duy về đạo. Đó là bốn. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Tâm tánh thanh tịnh, các nguyện trong sáng; vun trồng các công hạnh, oai đức thanh tịnh; nhẫn nhục, nhu hòa, kiến lập pháp thù thắng; đạt được ánh sáng lớn chiếu soi khắp nơi, hiểu rõ ý nghĩa của kinh điển, hội nhập vào nẻo đạo. Đó là bốn. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Sớm tối siêng tu để cầu Nhất thiết trí, giữ tâm luôn định tĩnh, chánh niệm; thông đạt pháp môn giải thoát, thực hành theo tâm Bi; dùng tâm Từ, Hỷ, Xả không bờ bến để giúp chúng sinh khỏi các tai nạn; xiển dương nghĩa lý nơi chánh pháp và hiểu rõ về đạo. Đó là bốn. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Nương theo trí tuệ để hành hóa trọn vẹn; làm bậc Thánh sáng suốt, thanh tịnh, có chí nguyện rộng lớn; ưa thích đạt đến oai đức và tuệ không chướng ngại; tâm luôn nghĩ đến sự cứu giúp, chưa từng bỏ hạnh ấy. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để quan sát về ngôn từ, nghĩa lý và kiến lập thệ nguyện vững chắc. Những gì là bốn? Ý chí vững mạnh, mọi mong cầu đều đầy đủ; tánh và hạnh an ổn, sự tu hành đều thành tựu; sự hành hóa rốt ráo, nhớ nghĩ về đạo không gián đoạn; tu theo bốn Niệm xứ, thành tựu được đức độ mẫu mực. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để quan sát về ngôn từ, nghĩa lý và kiến lập thệ nguyện vững chắc. Những gì là bốn? Ý luôn dùng đức để kiến lập, tâm luôn nhớ nghĩ đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo của Phật; ý căn thông suốt, hiểu rõ những nơi từng sinh ra trong vô số kiếp thuở xưa; ý nương vào bình đẳng và tuệ thanh tịnh của bậc Thánh, không ai có thể phá hủy được, mau thành tựu quả vị Phật; giữ gìn Nhất thiết trí của chư Phật. Đó là bốn pháp. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Biết rõ hết thảy phương tiện, đầy đủ trí tuệ; thông đạt và siêng năng hiển bày tuệ chân chánh; có nhân duyên nên được gần gũi và đạt đến quả vị Phật; luôn tinh tấn hành hóa, chưa từng biếng trễ. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để kiến lập chí nguyện kiên cố. Những gì là bốn? Thường siêng năng, không xa lìa Phật đạo; tâm tánh an hòa, có thể chế ngự được ý; thông đạt các pháp, chưa từng buông lung, xiển dương đạo lý, các căn tịch tĩnh; luôn ứng hợp với nghĩa lý kinh

điển, không trái với lời Phật dạy. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để kiến lập chí nguyện kiên cố. Những gì là bốn? Kiến lập giới thanh tịnh, sự tu hành không có tỳ vết; không bị năm ấm ngăn che; tâm không chấp thủ, chưa từng biếng nhác; trừ sạch mọi tội lỗi diệt hết các phiền não. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để kiến lập chí nguyện kiên cố. Những gì là bốn? Tâm không tán loạn, luôn cầu pháp chân chánh; dùng phương tiện làm cho tâm an ổn, thuận theo tất cả các pháp; biết rõ lúc nào là đúng thời, không bỏ phép tắc; bất cứ sinh ra ở đâu cũng không tham sản nghiệp, chỉ thích làm vị Sa-môn. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để kiến lập chí nguyện kiên cố. Những gì là bốn? Thường gần gũi bạn lành, xa lìa bạn ác; ưa thích pháp sâu xa, chưa từng buông lung; quy y chư Phật và các Bồ-tát; thưa hỏi về giới luật, thông đạt các pháp quán. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để quan sát những ngôn từ và hiểu rõ các pháp cú. Những gì là bốn? Dùng mọi phương tiện để hiểu rõ các đạo nghiệp; thông suốt các pháp môn, nhân duyên và quả báo; luôn đặt trí tuệ là trên hết, hiểu rõ Phật đạo; thông đạt, xiển dương nghĩa lý, chương cú của các pháp. Đó là bốn. Bồ-tát lại có bốn pháp để quan sát về ngôn từ và hiểu rõ chương cú của các pháp. Những gì là bốn? Hiểu rõ, xiển dương những lời dạy chân thật; mở bày các pháp, thông đạt tất cả; phân tích các pháp, đầy đủ mọi phương tiện; biết rõ các nghĩa lý, nguồn gốc do đâu mà có. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để quan sát về nghĩa lý và ngôn từ. Những gì là bốn? Tu theo tuệ bậc Thánh, hiểu rõ đạo nghiệp; đạt được uy lực, ban bố các pháp; mau thành tựu quả vị Phật và tuệ thanh tịnh; dùng ánh sáng các Ba-la-mật chiếu soi khắp nơi. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để thông đạt các pháp. Những gì là bốn? Hiểu rõ các tập, siêng năng tu hành; diệt hết các nhân, không có điều gì mà không biết; nhờ vào sự chứng đắc nên đạt được thần lực; lúc nào cũng siêng năng tu tập, nghe nhận kinh điển chân chánh. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để hiểu rõ các pháp. Những gì là bốn? Biết rõ vạn vật đều là vô thường; nhận biết vạn vật vốn do các nhân mà thành; biết chắc vạn vật đều trở về sự diệt tận; hiểu rõ vô thường nên tu tập theo tám Chánh đạo. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để thông đạt các pháp. Những gì là bốn? Thông suốt các hành đều do các tập chứa nhóm; thấu đạt tất cả sự diệt tận của các tập; đạt được nhân duyên về năng lực lớn không cùng tận; nương vào phương tiện nên biết được sự hợp, tan của các hành. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để hiểu rõ các pháp. Những gì là bốn? Thông suốt hết mọi nẻo hướng đến của các nghĩa lý, ngôn từ; hiểu thấu các nghĩa lý mà không nhờ người khác; diễn nói hết thảy các pháp và tất cả mọi cội nguồn về tướng của trí tuệ; khiến cho tất cả các pháp đều kiến lập nơi tuệ vô tướng. Đó là bốn. Lại có bốn pháp, dù sinh ra ở đâu cũng thường biết

được đời trước của mình, nhớ nghĩ không quên, cho đến phát tâm Chánh chân Vô thượng. Những gì là bốn? Các căn sáng suốt, biết rõ pháp thiện, ác; nhờ biết rõ ý niệm phải, trái của người khác nên tất cả các ấm đều được tiêu trừ; sinh ở chỗ nào cũng luôn chánh niệm; thường hướng đến đạo Chánh chân Vô thượng. Đó là bốn. Lại có bốn pháp làm cho tâm ý không quên mất đạo Chánh giác. Những gì là bốn? Thường thực hành thiền định, thông đạt các phương tiện; trí tuệ thông suốt, xem ánh sáng trí tuệ là trên hết; biết rõ các pháp quán nên quan sát khắp nơi; đạt được trí tuệ nên ánh sáng chiếu cực xa. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để tâm ý không quên mất đạo Chánh giác. Những gì là bốn? Đạt được các pháp Tổng trì và tuệ không chỗ sinh; chứng đắc tuệ siêu việt tột cùng nơi bậc Thánh; dùng tuệ diệt trừ để quan sát ba cõi; dùng tuệ vô bờ để thấy khắp ba cõi. Đó là bốn pháp. Lại có bốn pháp, dù sinh ra bất cứ đâu cũng thường biết được đời trước, không hề tán loạn, hướng đến Chánh giác. Những gì là bốn? Nhờ đoạn trừ các kết sử nên không thể tán loạn, lời nói không bao giờ sai sót, tất cả các hạnh nghiệp đạt được đều là vô vi, đạt được hạnh như Phật và đạo lớn không cùng tận. Đó là bốn.

Khi ấy, Đức Phật nói kệ:

Người ấy đã thành tựu
Tâm, tánh thường sáng suốt
Chưa từng quên chánh pháp
Nhờ đạt được Chánh giác.
Hiểu rõ tất cả pháp
Nhu hòa, tu Từ bi
Biết các pháp là không
Thông đạt vô số hạnh.
Tu theo tuệ chân thật
Đầy đủ tuệ bậc Thánh
Diệt trừ tâm nhơ uế
Chưa từng có ganh ghét.
Dùng phương tiện đúng lúc
Thông hiểu tuệ vô thượng
Chí nguyện rất rộng lớn
Cho đến thành Chánh giác.
Tâm ý luôn tự tại
Ba mươi bảy trợ đạo
Tâm ấy đều thông suốt
Biết vô số đời trước.

Hiểu khổ từ đâu sinh
Đều do nguồn gốc tập
Tất cả đều sẽ diệt
Biết hết thảy vốn không.
Nhờ chánh pháp Bồ-tát
Giáo hóa khắp ba cõi
Khiến cho người tăm tối
Đều đạt đạo Vô thượng.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bồ-tát có năm pháp để thực hành về năng lực thanh tịnh, đạt được công đức như vậy. Những gì là năm? Nhờ bản tánh nhu hòa tuệ lực thanh tịnh nên các nguyện đều thanh tịnh, thần lực về tuệ sáng suốt của bậc Thánh và cội gốc công đức đều thanh tịnh, năng lực của đạo vô lượng nên các thệ nguyện đều thanh tịnh, thần lực của tuệ này dứt bặt các nghiệp chướng nên thần lực của tuệ thanh tịnh. Đó là năm. Lại có năm pháp khiến năng lực của tuệ được thanh tịnh. Những gì là năm? Nhờ năng lực ấy để xiển dương các oai nghi phép tắc, thành tựu các niệm khiến thần lực của tuệ thanh tịnh, nương vào phương tiện thiện xảo, hiểu rõ năng lực không tỳ vết, vì chúng sinh giảng rõ diệu lực của bậc Thánh, muốn đạt được năng lực của thần thông nên siêng năng tu tập. Đó là năm. Lại có năm pháp để làm năng lực của trí tuệ được thanh tịnh và đạt được tất cả những hạnh nghiệp công đức. Những gì là năm? Bố thí thanh tịnh gọi là diệu lực của trí tuệ; cứu giúp chúng sinh chính là năng lực thanh tịnh; kiến lập tâm Từ rộng lớn là thần lực của trí tuệ thanh tịnh; tâm Bi rộng lớn là thần lực của trí tuệ thanh tịnh; nhờ Hỷ, Xả không cùng tận nên là năng lực của trí tuệ thanh tịnh. Đó là năm. Lại có năm pháp làm năng lực thanh tịnh, đạt được công đức. Những gì là năm? Giới của vị ấy thanh tịnh nên đạt được tuệ thuần nhất, nhờ thực hành giới cấm nên dùng tuệ để cứu giúp chúng sinh, nhẫn thanh tịnh nên không bao giờ sân hận, năng lực của tuệ thanh tịnh nên cứu giúp những người không có thế lực, lực học rộng hiểu nhiều thanh tịnh nên thông đạt tất cả. Đó là năm. Lại có năm pháp để làm đầy đủ các công đức. Những gì là năm? Nhờ tu hành siêng năng nên đạt được chí nguyện về lực của trí tuệ, nhờ siêng năng tu tập nên tuệ thanh tịnh, có diệu lực của tuệ nhất tâm nên mau đạt được định ý, thông đạt tuệ thiền định, dùng tâm thanh tịnh rỗng lặng để quan sát ba cõi là không. Đó là năm. Lại có năm pháp để đạt được công đức. Những gì là năm? Trí tuệ thanh tịnh nên học rộng hiểu nhiều không hề nhàm chán; nhờ có được uy lực nên vượt trên thế lực; mạnh mẽ, có oai lực, cứu giúp người yếu đuối; nhờ uy lực nơi ánh sáng của bậc Thánh

nên hiểu biết thanh tịnh; dùng thần lực của tuệ thanh tịnh để diễn đạt về hữu, vô, sinh tử và vô vi. Đó là năm. Lại có năm pháp để thành tựu diệu lực ánh sáng của bậc Thánh và đạt được công đức. Những gì là năm? Nương vào năng lực của trí tuệ để phân tích các pháp quán; nhờ thông đạt các lực nên được thanh tịnh hoàn toàn; có ánh sáng của tuệ giải thoát nhờ thành tựu diệu lực bậc Thánh; đạt được tuệ vô sinh nên có được năng lực về đạo; nhờ nhất tướng và thật tướng đều thanh tịnh nên dùng năng lực của trí tuệ để quan sát thấy những vật sở hữu vốn là thanh tịnh. Đó là năm.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Hàng Bồ-tát Đại sĩ nên luôn tu tập theo những pháp thanh tịnh như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật nói kệ:

Năm Lực không gì sánh
Đạt được tuệ thanh tịnh
Tiêu trừ năm ấm cái
Tự nhiên đạt thần thông.
Bố thí, trì giới, nhẫn
Tinh tấn, nhất tâm, tuệ
Sáu độ vốn không tướng
Hành giả chẳng danh tự.
Đạo hạnh là tất cả
Không vướng mắc các cõi
Thoát ba cõi như huyễn
Đến nẻo không sinh tử.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Các Bồ-tát Đại sĩ lại có ba pháp, tuy ở trong cõi đầy sắc tướng nhưng luôn dùng năng lực của pháp thanh tịnh để siêng năng tu tập trí tuệ. Những gì là ba? Ưa thích đạo pháp, siêng năng không mệt mỏi, tu hành không hề buông lung. Đó là ba. Lại có ba pháp: Đối với sắc pháp luôn có tuệ lực thanh tịnh, mau thành tựu quả vị Phật, đạt đến Nhất thiết trí. Vì sao? Vì siêng năng tu tập nên không buông lung, thành tựu các pháp, nhờ tâm thanh tịnh nên đạt đến năng lực của đạo, mau thành tựu tinh tấn; tu hành theo Từ bi và trí tuệ không hề thoái chuyển, nhờ không thoái chuyển nên xiển dương đạo pháp, thành tựu công đức; nhờ đã thành tựu công đức nên mau chứng đắc các pháp, thông đạt diệu lực của trí tuệ, nhờ thông đạt như vậy tức là bậc Như Lai ở thế gian, liền đạt được oai đức diễn nói không chướng ngại, chính là đã làm theo Đức Như Lai, đạt được trí tuệ của bậc Thánh nên quan

sát nơi Đức Như Lai, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc đạo trí tuệ của Như Lai.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thuở xưa, trải qua vô số kiếp, Như Lai đã thực hành nghiệp Bồ-tát và đã được Phật Đăng Quang thọ ký: "Ở đời sau cùng, ông sẽ đạt được diệu lực của trí tuệ thanh tịnh và các Ba-la-mật giống như ta." Có Bồ-tát nào đạt được tuệ này thì vị ấy cũng chuyển pháp luân như Như Lai hiện nay đang chuyển pháp luân, cũng gầm lên tiếng gầm của sư tử giống như vậy. Nhờ đạt được tuệ này, vị ấy liền được tự tại đối với các pháp, đạt được tự tại rồi liền thành tựu đại đạo. Nếu muốn đạt đến trí tuệ không cùng tận này thì nên học pháp ấy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc quả vị Chánh giác Vô cực của Phật.

-oOo-

PHẨM 2: PHẬT DIỆU TUỆ SIÊU VƯƠNG

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thuở xưa, cách đây vô lượng, vô số kiếp không thể tính kể, khi ấy, có Đức Phật hiệu là Diệu Tuệ Siêu Vương đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Lúc Đức Phật ấy trụ thế, chúng Thanh văn không thể tính kể, hàng Bồ-tát thì vô số, đều là bản nguyện của Đức Phật ấy khi còn học đạo đã phát ra. Cõi nước ấy thanh tịnh, công đức cao vời, không có ba cõi ác và tám nạn, chúng sinh an ổn, đủ phước đức, yên vui, tất cả đều lìa tham dục, diệt trừ năm ấm, ở thế gian không thể so sánh được, họ đều dùng các đạo phẩm để cùng nhau an lạc, dùng bốn Thiền định để thực hành chánh niệm.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Đức Phật Diệu Tuệ Siêu Vương thọ tám mươi ức trăm ngàn kiếp. Chúng sinh trong cõi nước ấy sống đến ba mươi ức kiếp. Lúc ấy, trong nước không có vua cai trị muôn dân, mà chỉ có Đức Như Lai Diệu Tuệ Siêu Vương làm vị Pháp vương, dân chúng đều tôn xưng Đức Phật ấy là bậc Đạo Vương Vô Thượng. Hàng Bồ-tát của Đức Như Lai Diệu Tuệ Siêu Vương có khả năng làm tất cả như: tiêu trừ lưới nghi khắp chúng sinh, khiến họ hoan hỷ, diễn nói kho tàng pháp không cùng tận của Bồ-tát.

Khi ấy, các Bồ-tát nghe Đức Phật giảng nói về diệu lực của pháp thanh tịnh như vậy xong, có năm trăm Bồ-tát nhất tâm siêng năng, ngày

đêm ân cần, chẳng nghĩ đến ngồi, chẳng muốn ăn, suốt đời không nghĩ đến y phục, mà chỉ nghĩ đến đạo Pháp vương Chánh chân Vô cực, tư duy về diệu lực của pháp thanh tịnh ở đời tượng pháp. Nhờ cội gốc công đức về nhất tâm đã đạt được nên sau khi lâm chung, các vị ấy được sinh ra ở phương Đông, cách cõi nước của Đức Phật này tám ngàn ức cõi nước, đã sinh hoặc sẽ sinh đều chứng đắc pháp ấy, luôn ghi nhớ không quên, biết được đời trước, sáng suốt, thông minh, các căn lanh lợi, thấy khắp tất cả, suy xét biết rõ từ xưa đến nay. Lại nữa, ở cõi nước ấy có Đức Phật hiệu là Vô Lượng Hoa Vương, đang giảng nói kinh pháp, năm trăm Bồ-tát này sinh đến cõi nước của Đức Phật ấy, đến năm mười sáu tuổi, các vị đều xin cha mẹ xuất gia, trừ bỏ các nghiệp, làm vị Sa-môn tu hành thanh tịnh, ở chỗ Đức Phật ấy siêng năng tu tập suốt sáu mươi ức năm.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bấy giờ, năm trăm vị Bồ-tát ấy gặp được hai mươi ức chư Phật, đều ở nơi các cõi nước chư Phật ấy để siêng năng tu hành suốt ngày đêm, giống như ở chỗ Đức Như Lai Diệu Tuệ Siêu Vương. Trải qua một vạn kiếp, năm trăm vị ấy được hai vạn Đức Phật thọ ký là sẽ chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng. Trong ức vạn kiếp, cúng dường phụng sự hai vạn Đức Phật xong, năm trăm vị ấy đều lần lượt thành Phật trong một kiếp. Cho nên, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát Đại sĩ nào muốn mau thành tựu đạo quả Chánh chân Vô thượng, làm Bậc Tối Chánh Giác thì nên siêng năng tu học giống như vậy, dùng diệu lực của tuệ thanh tịnh nắm được điều cốt lõi của kinh điển, ngày đêm siêng tu, chớ nên biếng nhác, buông lung. Vì sao? Vì cội nguồn tu học của chư Phật đều nhờ vào siêng năng, lấy không buông lung làm nguồn gốc thì đạt đến đạo quả Tối Chánh Giác, đầy đủ các đạo phẩm. Thuở xưa, Như Lai luôn siêng năng như vậy nên mới được gặp mười hai ức chư Phật Thế Tôn, sinh ở chỗ nào cũng được diệu lực về ý, thông suốt hết từ xưa đến nay, biết rõ hết thảy đời trước, bất cứ gần hay xa đều thấy hết. Đó là nhờ Như Lai siêng năng học pháp này, không hề buông lung, ngày đêm siêng tu, chưa từng biếng trễ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng tâm Từ không thể cùng tận cùng với tâm Bi rộng lớn quan sát khắp bốn phương, rồi từ trong Tam-muội Chánh thọ hóa hiện chư Phật đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả chư Phật đều giảng nói kinh pháp, dứt trừ nghi ngờ của chúng sinh, những ai được nghe pháp đều hoan hỷ, chư Phật lại giảng nói pháp cho hàng Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại dùng thần thông hiển hiện oai đức khiến các chúng Bồ-tát trong vườn Trúc đều thấy được chư Như Lai khắp mười

phương đang giảng nói kinh pháp nơi cõi nước mình. Lúc ấy, tất cả chúng Bồ-tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Đức Phật kính và lễ khen ngợi:

–Thật là điều chưa từng có! Oai đức, thánh tuệ của chư Phật Thế Tôn là không thể nghĩ bàn. Đạo pháp thù thắng siêu tuyệt, cao vời vô lượng, giống như hư không, chẳng thể nắm giữ.

Đức Như Lai liền bảo các Bồ-tát:

–Điều này chưa phải là khó. Như Lai Chí Chân không thể giới hạn, không thể ví dụ. Vì sao? Này thiện nam! Thông đạt tất cả các pháp giới thì không có điều gì mà không thông suốt, Như Lai Chí Chân đã thông đạt tất cả pháp giới. Như Lai dùng công đức thần thông bằng một sợi lông để biến hóa thì đã không thể lường xét được, ánh sáng chiếu đến các thế giới khắp mười phương nhiều như số cát trong sông Hằng, trong ánh sáng ấy đều phát ra âm thanh diễn nói kinh pháp. Dù cho nơi mỗi lỗ chân lông của Như Lai phát ra trăm ngàn ức thần thông biến hóa thì cũng chẳng phải là khó. Vì sao? Vì công đức thần thông của Như Lai Chí Chân không có giới hạn, luôn cao vời như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như Lai biết được tâm chúng sinh nên thuyết pháp cho họ. Trong thời tượng pháp, ít có chúng sinh tin ưa như thế, cũng không siêng năng tu tập mong được an lạc, pháp vô lượng này cũng thật là hiếm có. Vì sao nay Như Lai xuất hiện ở đời năm trược. Những gì là năm trược? Một là chúng sinh nhiều xấu ác, không biết nghĩa lý. Hai là sáu mươi hai tà kiến dấy khởi mạnh mẽ, không chấp nhận lời dạy về đạo pháp. Ba là chúng sinh có nhiều tham dục, phiền não dấy khởi, không biết lìa bỏ. Bốn là mạng sống ngắn ngủi, thuở xưa, con người sống đến tám vạn bốn ngàn năm mới chấm dứt, ngày nay tuổi thọ khoảng chừng một trăm, hoặc dài hơn, hoặc ngắn hơn. Năm là tiểu kiếp sắp hết, ba tai nạn sẽ nổi lên làm hại tất cả. Nếu ở trong đời ác năm trược này mà có một người tin ưa nghĩa lý sâu thẳm của thời tượng pháp và có thể tin nhận về tuệ chân chánh của Phật như vậy thì đó là điều rất khó, chưa từng có, huống nữa là tin ưa, nghe nhận và thọ trì theo sự hành hóa của Phật.

Này chư thiện nam! Thuở xưa, từ vô số kiếp, Như Lai đã mặc áo giáp công đức lớn, suốt ngày đêm luôn tu tập theo các hạnh tinh tấn, nhẫn nhục, nhân đức, Từ bi… Nếu thấy chúng sinh ở chỗ nguy hiểm, tai nạn khổ sở, không ai cứu giúp, luôn lo sợ đọa vào các cõi ác thì Như Lai nguyện sinh đến các cõi ấy để dẫn dắt, làm lợi ích cho họ, cứu giúp các chúng sinh bị tai nạn khiến được gặp chánh đạo. Công đức của Như Lai Chí Chân không thể lường xét, như hư không một mình không có bạn nhưng mạnh mẽ, bao

trùm khắp mười phương. Bản nguyện của chư Phật đời quá khứ cũng đều thanh tịnh. Những ai có thể tin ưa, hoan hỷ và thọ trì nghĩa lý của vô lượng pháp sâu xa, vi diệu như vậy là đều nhờ thuở xưa, vị ấy đã từng được giáo hóa nên hôm nay mới tin nhận, hoan hỷ. Trong hiện tại, chúng sinh ít có niềm tin đối với những pháp mà Như Lai đã hiển bày như mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật và tuệ về không, vô… người ưa thích tu tập những pháp này thật là hiếm thấy. Nếu có thể hiểu được pháp này, đó là nhờ oai đức, thần thông biến hóa và công đức mạnh mẽ của Như Lai. Chư Phật này dùng năng lực của trí tuệ, phương tiện thiện xảo ngày đêm giáo hóa chúng sinh, siêng tu không biếng trễ, đều do thuở xưa luôn luôn nhất tâm, không bỏ pháp này, thường thực hành tâm Từ lớn, tu tập tâm bi không cùng tận, dùng tâm hỷ, xả rộng lớn để cứu giúp chúng sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Các vị học hạnh Bồ-tát nhưng ít có tâm thương xót, ở trong đời năm trược mà thành tựu đạo quả Tối Chánh Giác, vì chúng sinh đời năm trược mà giáo hóa thì thật là khó, cũng thật là hiếm có, nên làm theo sự giáo hóa của Như Lai trong hiện tại. Vì sao? Thuở xưa, Như Lai rất mực siêng năng tích chứa công đức, mỗi kiếp đều tự mình bố thí đầu mắt, da thịt, các chi phần, vợ con, nước thành, tùy tùng, xe cộ… không hề luyến tiếc, kể cả thân mạng cũng chẳng tham tiếc, vì biết ba cõi không thể nương tựa, chỉ có đạo mới có thể nương nhờ, dùng năng lực không cùng tận, thực hành phương tiện thiện xảo để giáo hóa chúng sinh, khiến họ có thể chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng. Nhớ lại thuở xưa, trong một ngày, Như Lai đều bố thí vô lượng, cho hết thân mạng mà không hề luyến tiếc, đều do thương xót, nhớ nghĩ đến chúng sinh nên giáo hóa khiến họ từ nơi tối tăm thấy được ánh sáng của đạo. Cũng nhớ về thuở xưa, cách đây vô số kiếp, thấy những chúng sinh đói khát, không có thức ăn nước uống, Như Lai liền bố thí đầy đủ theo khả năng của mình như: cắt da thịt của mình để nấu nướng rồi đem cho họ, không tạo ra các tai nạn, tâm không sân hận, chỉ tu hành theo tâm bi rộng lớn, thương xót chúng sinh, thực hành theo tâm Từ không bờ bến. Do đó, nên tư duy như vầy: Luôn tu tập siêng năng, giáo hóa chúng sinh như vậy, siêng năng chứa nhóm công đức như vậy thì sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Này các vị! Nên siêng năng tu học pháp vi diệu như vậy, tu tập đạo pháp không cùng tận như vậy, cũng nên tu hành hạnh Bồ-tát và giáo hóa chúng sinh giống Như Lai thuở xưa, vì họ mà diễn nói kinh pháp, thì sẽ được giải thoát giống Như Lai trong hiện tại.

Lúc ấy, trong Hiền kiếp có một ngàn Đức Phật đều khen ngợi hạnh nguyện thuở xưa của Như Lai, mỗi vị đều khen: "Đức Như Lai Năng Nhân thuở xưa tu hành siêng năng, không thể lường xét, không thể ví dụ, trí tuệ cao vời, đầy đủ các Ba-la-mật, ở trong đời năm trược, nhiễu loạn này để giáo hóa chúng sinh, công đức không cùng tận, không thể tính kể."

Do đó, này các vị! Có chúng sinh nào siêng năng tu hành như vậy, ưa thích tu tập, không hề buông lung thì người ấy sẽ mau thành tựu quả vị Chánh giác.

Lại nữa, Như Lai đạt được đạo quả Chánh chân Vô thượng, thành Bậc Tối Chánh Giác, lúc sắp diệt độ cũng giáo hóa vô lượng chúng sinh. Nếu có thể siêng năng tu tập như vậy thì nên theo lời dạy mà thực hành, không nên biếng trễ, nên kiến lập chùa, tháp ở nơi có xá-lợi của Phật dù bằng hạt cải, sẽ chứng đắc hạnh nghiệp diệt độ của Phật. Vì sao? Chư Phật khởi tâm Từ bi vì các chúng Bồ-tát đời vị lai mà bố thí, cũng vì các Bồ-tát tu hành Phật đạo nên đã từng giáo hóa, do nhân duyên này mà hiển bày đại đạo. Lại nữa, vì tâm Từ bi nên Như Lai sinh vào trong tám nạn, cũng vì tâm bi rộng lớn nên ban bố xá-lợi khắp nơi. Nếu có thể thâu lấy xá-lợi lớn bằng hạt cải và râu tóc của Như Lai rồi kiến lập chùa, tháp để cúng dường thì sau khi Như Lai diệt độ, người ấy sẽ gặp được xá-lợi, tâm rất vui mừng, rồi chọn nơi chốn để xây chùa tháp, tôn trí xá-lợi, tùy theo tâm nguyện của chúng sinh mà khởi tâm bi rộng lớn, nên biết đời trước người ấy đã tu hành pháp Bồ-tát, luôn đem tâm bình đẳng đối với chúng sinh nên đạt được những mong ước, xá-lợi lưu truyền khắp nơi. Chư Phật đã chứa nhóm công đức, ánh sáng không có giới hạn, cao vời như vậy, vì thương xót chúng sinh nên khởi tâm bi rộng lớn, vì đời mạt pháp mà kiến lập tâm Từ không cùng tận đối với tất cả chúng sinh. Có Bồ-tát nào ở thời tượng pháp mà ưa thích, siêng năng tu tập không buông lung, cho đến phát nguyện vào thời mạt pháp cũng hoằng hóa, giữ gìn, đọc tụng kinh điển, hoặc giảng nói cho người khác khiến kinh này được lưu truyền rộng rãi tức là đã kiến lập quả vị Bồ-tát; hoặc có thể giữ gìn, đọc tụng, giảng nói cho người khác, dùng kinh điển này để khai hóa các Bồ-tát khiến các vị tu học, đọc tụng và tiếp tục lưu truyền mãi. Vì sao? Vì kinh điển này còn tồn tại ở thế gian thì chánh pháp của Phật còn hiện hữu mãi, nên xem như Như Lai còn ở đời. Này các vị! Thuở xưa, Như Lai vốn đã dùng phương tiện như vậy để giáo hóa chúng sinh, thuyết giảng kinh điển, là để dìu dắt chúng sinh trong đời năm trược về sau mới giảng nói kinh điển này.

Này các vị! Nếu ở cõi nước, đô thành, huyện ấp, xóm làng nào có lưu

truyền kinh điển này, hoặc có người thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác như: học giả, thiện nam… thì nên thấy như Phật còn ở đời, khi sắp lâm chung, sẽ được Như Lai đến chỗ người ấy, vì Như Lai còn hiện hữu, không hề diệt độ. Vì sao? Này các vị! Chẳng phải Như Lai đã từng nói: Phật là Pháp thân, nếu thấy Pháp thân tức thấy Như Lai, không nên dùng sắc thân để quan sát Như Lai. Nếu tin nhận, nghe thấy, thọ trì kinh điển này thì thấy Như Lai; đã nghe pháp rồi như pháp mà tu hành mới gọi là thấy Phật; nghe giảng nói chánh pháp, thuận theo pháp mà hội nhập đạo gọi là thấy Phật. Như Lai chưa từng dùng pháp để phát sinh ra pháp, dùng chủ thể thực hành pháp mà diễn nói kinh điển, không ôm vọng tưởng để mong cầu các pháp mới gọi là thấy Như Lai, không chấp thủ đối với tất cả các pháp mới gọi là thấy Như Lai. Thiện nam nào không chấp vào các pháp đó là thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân không trụ nơi ngôn từ về pháp hay phi pháp nên không thể dùng pháp để quán thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai đã từng đưa ra ví dụ: Giống như bị trói vào chiếc bè nên pháp còn phải trừ bỏ huống nữa là phi pháp. Do đó, phải bỏ cả pháp và phi pháp mới gọi là thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân đều trừ bỏ các pháp, không hề giảng nói các pháp, cũng chẳng có xứ sở, không có đối tượng để sinh khởi cũng chẳng có danh hiệu huống nữa là giảng nói về các xứ sở. Vì sao? Vì Như Lai đã xa lìa tất cả các pháp. Nếu có thể quan sát như lời dạy của Như Lai thì thấy được Như Lai, vì chư Phật vốn đã đoạn trừ tất cả các pháp mới được chứng đắc đạo quả Chánh giác. Do đó, tất cả các pháp đều hư vọng không chân thật, thấy tất cả các pháp vốn là không, vốn thanh tịnh, quan sát chân thật như vậy mới thấy Như Lai. Lại nữa, này các vị! Không thủ đắc các pháp thì không có các pháp, gọi là không buông lung. Người nào không thấy có pháp cũng không thấy có phi pháp, do không thấy có pháp cũng chẳng có phi pháp nên mới hiểu rõ được nghĩa này. Nhờ hiểu được nghĩa này mới thấy bản tánh thanh tịnh, do quan sát bình đẳng chính là thấy Như Lai, thấy pháp như vậy cũng là thấy Như Lai. Quan sát Như Lai như vậy sau đó đạt được giác ngộ bình đẳng. Nếu quan sát Như Lai theo cách nào khác, thì đó là quán sai lệch. Người nào quán sai lệch rồi, gọi là quán hư dối, chẳng phải là quan sát chân thật.

Lại nữa, này các vị! Cho là chân thật tức bặt dứt hết thảy âm thanh, ngôn từ; không thật, không dối cũng chẳng phải chân thật hay hư dối, trừ sạch tất cả các nghiệp sở hữu, hoàn toàn không chấp thủ vào hết thảy đối tượng thọ nhận mới thấy Như Lai. Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân không chấp giữ các pháp, nếu có đối tượng sinh khởi thì khiến được sinh khởi, diệt trừ tất cả sự chấp giữ các pháp gọi là tự nhiên, do thông đạt về tự nhiên

nên quan sát như vậy gọi là quan sát chư Phật, nếu thấy như vậy là đã theo lời dạy của Như Lai. Những ai quán Phật như thế đều hội nhập tất cả các pháp vốn không, đã thông đạt tất cả các pháp vốn không, nên biết rõ hết thảy cũng vốn không, liền hiển bày đạo pháp, phân biệt các hành vốn đều thanh tịnh, tất cả các pháp đều trở về không, tất cả các pháp đều là pháp Như Lai thì được tự nhiên hội nhập vào đạo, biết tất cả các pháp đều thể nhập vào cảnh giới Như Lai, tất cả các pháp giới đều không thể nghĩ bàn liền thành Bậc Tối Chánh Giác. Cho nên, này các vị! Chư Phật đã giảng nói, tất cả các pháp đều là cảnh giới của Như Lai, cũng không có cảnh giới nào là cảnh giới của Như Lai. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều có cảnh giới, nhưng suy xét thì các pháp ấy không có cảnh giới, đó là cảnh giới của Như Lai. Tất cả các pháp đều là cảnh giới mà không thấy có các cảnh giới mới gọi là có cảnh giới, cảnh giới ấy cũng là cảnh giới của Như Lai. Tất cả các hạnh của chúng sinh đều không có cảnh giới mà có thể hiểu rõ cảnh giới thanh tịnh chân thật, tuy biết pháp ấy nhưng hoàn toàn không thể thông đạt, chỉ có Như Lai Chí Chân mới thông suốt tất cả, cho nên gọi là không có cảnh giới. Cảnh giới của Như Lai là cảnh giới không chấp thủ, gọi là cảnh giới của Như Lai. Vì sao? Vì chư Phật đã giảng nói về tận cội nguồn chân thật của các cảnh giới, nhưng không thấy có các cảnh giới mới gọi là cảnh giới của Như Lai. Tất cả các cảnh giới đều là cảnh giới của Như Lai. Nếu biết rõ không có cảnh giới cũng chẳng phải không có cảnh giới, thông suốt hết thảy, đó gọi là chứng đắc, không chấp thủ vào cảnh giới thì đó là cảnh giới của Như Lai.

Này các vị! Thông đạt tất cả các pháp là không có cảnh giới, đó là cảnh giới của Như Lai, là hội nhập nghĩa lý nơi nẻo đạo, quan sát các pháp như vậy chính là đạt đến cảnh giới của Như Lai, an lạc nhưng không thấy đối tượng an lạc là cảnh giới của Như Lai, không hề chấp giữ cũng chẳng yêu ghét. Vì sao? Vì biết không có cảnh giới gọi là cảnh giới Phật, cho nên nói: không có cảnh giới, đó là cảnh giới của Như Lai. Do tất cả các pháp không thể nắm giữ nên không có xứ sở, đối với tất cả các pháp không có đối tượng chấp thủ nên gọi là cảnh giới Như Lai. Khi được thể nhập vào tuệ nhưng tất cả các pháp đều không có đối tượng thể nhập, do đó, không có sáu pháp môn cũng không có đối tượng hội nhập. Vì sao? Này các vị! Không có các pháp môn cũng không có đối tượng hội nhập nên chẳng có sự thấy. Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân không thủ đắc các pháp cũng chẳng có đối tượng để hội nhập, không có đối tượng thấy cũng không có đối tượng thuyết giảng, không có thiện, ác, thô tế, vi diệu, ngôn từ hay gốc ngọn. Đó gọi là hội nhập vào tất cả các pháp, thể nhập vào chỗ không hình tướng,

không có sự ứng hợp nào mà chẳng ứng hợp, đối với tất cả các pháp, không siêng năng cũng chẳng biếng trễ, không hợp lại cũng chẳng tan rã, đó gọi là pháp môn tất cả các pháp, gọi là pháp môn không tên gọi, pháp môn không ngôn từ, pháp môn không có đối tượng hội nhập, pháp môn không chấp thủ, pháp môn không thể trao truyền, pháp môn vô sinh, pháp môn hoàn toàn tịch tĩnh… không nhờ những pháp môn này để có thể biết được các pháp. Nếu thấy được pháp thì chẳng phải nhờ pháp môn, vì pháp môn hoàn toàn tịch tĩnh, nên không phải do pháp môn mới có thể thông đạt được pháp. Nếu thấy pháp mà không nương pháp môn thì có thể chứng đắc các pháp, cũng chẳng có đối tượng để xuất hay nhập. Vì sao? Tất cả các pháp đều không có pháp môn, mà pháp môn cũng chẳng thể nắm bắt, tất cả các pháp đều là pháp môn tạm có, tất cả các pháp vốn thanh tịnh, tất cả các pháp môn không thể nghĩ bàn, tất cả các pháp không thể đoạn trừ cũng chẳng phải không thể đoạn trừ, không có giới hạn. Này các vị! Do đó, hết thảy các pháp đều không thể thủ đắc, là hư dối, không thật có, tất cả các pháp môn không thể lường, không thể xét. Pháp môn bản tế ấy không thể cùng tận, không thể diệt trừ, nắm bắt được bản tế hoặc thấu hiểu về bản tế thì chính là nghĩa chân thật. Thiện nam, thiện nữ nào thông đạt được những pháp môn này thì đã thể nhập vào tất cả các pháp môn, có khả năng giảng nói theo tâm nguyện của chúng sinh.

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Có Bồ-tát Đại sĩ nào muốn dùng phương tiện để hiểu rõ tất cả các pháp, phân biệt rành rẽ ý nghĩa các pháp, muốn thành tựu đầy đủ năng lực của ý, tùy theo thời nghi mà thể nhập các pháp, sinh ở chỗ nào tâm cũng không đoạn dứt, hoặc dùng tâm tịch tĩnh để chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng thì nên tu tập, thể nhập vào pháp môn này, nếu đạt được ánh sáng của pháp môn này thì nên siêng năng tu tập pháp ấy để mau chóng trở về nơi nương tựa.

-oOo-

KINH BỒ-TÁT TRÌ NHÂN

QUYỂN 2

PHẨM 3: VUA TRÌ THÍ

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thuở xưa, cách đây vô số kiếp không thể tính kể được, có Đức Phật hiệu là Ý Phổ Ngọc Vương, đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vào đời của Đức Phật ấy, có tám mươi ức na-do-tha chúng Sa-môn, đều là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc; các bậc Học và Vô học A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cũng có tám mươi ức na-do-tha, cùng với tám mươi bốn ức triệu chư Bồ-tát đều vân tập đến chỗ Đức Phật ấy.

Này Bồ-tát Trì Nhân! Lúc ấy, Đức Như Lai có tuổi thọ là tám vạn năm. Trong đời ấy có vị vua tên là Trì Thí, làm vua hai vạn cõi nước, dân chúng đông đảo, mưa gió điều hòa, lúa gạo được mùa, trăm họ được an ổn. Thành của vua ngự rộng bốn trăm tám mươi dặm, đều do châu báu và bốn loại ngọc báu làm thành, tường của thành ấy có bảy lớp, cây cối, hào sâu và lan can bao quanh đều có bảy lớp, có bảy lớp lưới châu báu bao bọc trên các vách tường và các hàng cây, dùng bốn loại báu đan xen làm màn giăng quanh ở trên. Trong hai vạn cõi nước ấy, mỗi cõi nước có năm trăm quận huyện. Lại nữa, trên những cây ấy đều mọc ra vải vóc tốt đẹp, tự nhiên có bảy báu và các y phục mịn màng; mỗi ao nước đều có năm trăm ao tắm vây quanh, mỗi ao tắm đều do bảy báu làm thành, mọc ra hoa sen bằng bảy báu như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng và hoa sen trắng đầy khắp trong ao. Những hoa sen ấy lớn bằng bánh xe. Nước trong những ao ấy tự nhiên có tám vị. Quốc vương của nước ấy có tám vạn bốn ngàn phu nhân, thể nữ; trong cung của hoàng hậu có hai vị thái tử: một vị tên là Vô Hạn Ý, vị kia tên là Vô Hạn Giới. Năm mười sáu tuổi, một hôm đang ngủ, trong giấc mộng, hai vị thái tử thấy hình tượng Đức Như Lai đẹp đẽ oai nghiêm, thân sắc vàng ròng, tướng tốt trang nghiêm, oai đức cao vời, ánh sáng chiếu khắp mười phương không có giới hạn. Trong giấc mộng thấy việc này rồi,

hai vị thái tử đều vô cùng hoan hỷ. Sau khi thức dậy, tâm họ rất thản nhiên, đều nhờ họ đã biết đạo chân chánh từ kiếp trước, liền nói kệ:

Trong mộng chúng con thấy
Bậc Tối Thắng trời, người
Sắc thân màu vàng ròng
Tướng do trăm phước thành.
Nhờ ở trong giấc mộng
Thấy tất cả công đức
Và gần gũi tôn nhan
Nên hoan hỷ vô lượng.
Quán ánh sáng bậc Thánh
Rực rỡ như mặt trời
Trong tâm rất vui mừng
Vượt trên tất cả chúng.
Oai đức thật cao vời
Giống như núi báu chúa
Ai thấy hình tượng Ngài
Đều rất đỗi vui mừng.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Sau khi thấy điềm lành này, hai vị thái tử liền đến chỗ vua cha và mẫu hậu để trình bày sự việc: "Thưa cha mẹ! Tối hôm qua, trong giấc mộng, anh em chúng con được thấy Đức Như Lai Chí Chân, nên chúng con xin cha mẹ để đến chỗ Đức Như Lai, hiện tại Ngài đang ở đời, đã giáo hóa từ lâu rồi, nhưng chúng con vì buông lung, bị chìm đắm trong năm dục, không biết Đức Phật ra đời, bị năm ấm trói buộc, các lưới ác che phủ, tự cao tự đại, không có tâm cung kính, vì bị mê hoặc như vậy nên không thể gặp Đức Như Lai để thưa hỏi và nhận lãnh đạo trí tuệ." Vua cha và mẫu hậu liền đồng ý. Sau khi xin cha mẹ xong, hai vị thái tử liền đến chỗ Đức Phật Ý Phổ Ngọc Vương cúi đầu đảnh lễ sát đất, thưa: "Thưa Thế Tôn! Chúng con bị tội lỗi che lấp, mê hoặc bao vây, bị tà vạy cám dỗ nên không được gần gũi phụng sự Ngài để thưa hỏi, nhận lãnh những lời dạy bảo. Chúng con thật hổ thẹn khi nhìn thấy tôn nhan của Ngài. Đức Thế Tôn vì tâm Từ bi rộng lớn nên đã chiếu ánh sáng đến để khai mở tăm tối cho chúng con, khiến chúng con được phụng sự, gần gũi Ngài. Hôm nay, chúng con muốn thỉnh Phật và Thánh chúng Bồ-tát nhận những phẩm vật của chúng con như: thực phẩm, y phục, giường chiếu, thuốc thang chữa bệnh… trong ba tháng; còn thành quách, vườn rừng, lâu đài, nơi ở được trang hoàng đẹp

đẽ, giăng cờ, lọng, các ao tắm đầy hoa sen… của vua cha thì chúng con sẽ xin vua cha và mẫu hậu để dâng lên Đức Như Lai, hàng Bồ-tát cùng các Thanh văn….”

Sau khi dùng tất cả những vật dụng để cúng dường Phật và Thánh chúng suốt ba tháng, hai vị thái tử được cha mẹ đồng ý cho đi xuất gia, dù họ rất buồn thương. Ở chỗ Đức Như Lai ấy, hai vị luôn kính tin, không luyến tiếc hoàng cung, liền xuất gia làm Sa-môn, học hạnh thanh tịnh. Khi ấy, thấy hai vị thái tử bỏ nước xuất gia, Đức Như Lai Chí Chân Ý Phổ Ngọc Vương liền quan sát căn tánh của thái tử Vô Hạn Ý và Vô Hạn Giới, rồi giảng nói rõ ràng về phẩm “Năm ấm suy” của Bồ-tát. Nghe xong, hai vị thái tử đều kính nhận, suốt tám vạn bốn ngàn năm chưa từng ngủ nghỉ, cũng chẳng nghĩ đến ăn uống, giường nằm, mà chỉ ngồi tư duy về nghĩa lý của kinh và đọc tụng, suốt tám vạn bốn ngàn năm chưa từng nghĩ tưởng gì khác, thường chánh niệm tư duy về sự trống rỗng của năm ấm, từ đầu đến cuối đều hoàn toàn là không, chẳng thật có, chúng chỉ tồn tại do điên đảo, do mê hoặc điều này nên không thể giác ngộ. Hiểu rõ năm ấm như vậy nên hai vị ấy tu tập phạm hạnh, nhờ tư duy pháp này nên thông đạt nghĩa lý sâu xa, không chấp vào nẻo hướng đến của các ấm, chí nguyện rộng lớn, không hề mong cầu nên sau khi lâm chung, được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Sau khi Đức Như Lai diệt độ, hai vị ấy lại từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh vào nhà trưởng giả giàu có ở cõi Diêm-phù-đề. Đến năm mười sáu tuổi, trong giấc mộng, họ lại thấy hình tượng của Đức Như Lai. Trong giấc mộng ấy, họ thấy mình theo Đức Như Lai nghe pháp như vậy mà được thông suốt về năm ấm cùng các nhập của hàng Bồ-tát. Sau khi tỉnh giấc hai vị ấy rất đỗi vui mừng, trong một vạn năm, luôn tu hạnh thanh tịnh, cũng thông đạt về năm ấm và các nhập từ đầu đến cuối. Sau khi lâm chung, họ lại sinh vào cõi trời Đao-lợi, vừa sinh ra liền mạng chung, được sinh trong nhà Phạm chí ở thế gian, gặp Đức Như Lai Ý Phổ Ngọc Vương thuở xưa. Vào thời mạt pháp sau cùng, chánh pháp còn sót lại trong khoảng một ngàn năm, nhờ cội gốc công đức thuở xưa nên hai vị ấy luôn có lòng tin, không luyến tiếc gia đình mà xuất gia học đạo, học rộng hiểu nhiều, trí tuệ như biển, thông suốt năm ấm và các nhập, suy tìm đến tận nguồn gốc, biết rõ lý chân chánh. Khi ấy, hai vị dùng phương tiện để khuyên dạy cho hai vạn người và hai vạn ức chư Thiên đều phát tâm nơi quả vị Chánh chân Vô thượng. Nhờ nhân duyên này, hai vị thái tử ấy đã cùng thực hành hạnh Bồ-tát, được gặp mười ức na-do-tha chư Phật, ở đời mạt pháp sau cùng, lại đạt được pháp Nhẫn vô sinh, lại gần gũi, cúng dường ức ức triệu chư Như Lai. Hai vị này trong một kiếp nữa, sẽ chứng đắc quả vị Chánh chân Vô thượng, làm

Bậc Tối Chánh Giác, vị thứ nhất tôn hiệu là Vô Lượng Âm, vị thứ hai tôn hiệu là Vô Lượng Quang. Do đó, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào muốn chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng, làm Bậc Tối Chánh Giác thì nên siêng năng tu tập theo kinh điển này để hiểu rõ các ấm, nhập và nguồn gốc hữu, vô của các pháp mà Như Lai đã giảng nói.

-oOo-

PHẨM 4: MƯỜI TÁM CHỦNG TÁNH

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào gọi là Bồ-tát hiểu rõ các tánh? Nếu có thể phân biệt về mười tám tánh thì có khả năng tư duy, nhận biết về các pháp quán như: tận cội nguồn tánh của mắt là không có nhãn giới, đều là không, không có ngã và ngã sở, chẳng thể tồn tại lâu dài. Tánh của mắt là trống rỗng nên gọi là thật tánh, nương vào thật tánh của mắt nên gọi là không chân thật, đều do tư tưởng mê hoặc tạo thành. Mắt không có đối tượng để thành tựu cũng chẳng nhận biết được các hành là hình tướng của hư không. Giống như hư không, hết thảy đều không có đối tượng để tạo thành, không có sự nắm bắt cũng chẳng có xứ sở. Mắt không phải bên trong, bên ngoài cũng không ở chặng giữa, tất cả các nghiệp là giả tạm, không chân thật cũng không thể nắm giữ, đều do nhân duyên sinh khởi, không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, đó là thật tánh vốn thanh tịnh, không hình tướng, tội hay phước có ra đều dấy khởi do điên đảo, vì duyên hiện tại trói buộc nên gọi là "nhãn không giới", không thể thấy, chấp vào mắt, cho là không có giới mà thức ở trong đó nên gọi là nhãn giới, nhãn căn thanh tịnh nên sắc sáng rỡ hợp với ý căn, do nhân duyên trói buộc nên ba pháp hòa hợp là mắt, sắc kết hợp với nhãn giới, mà nhãn giới ấy không phải là giới cũng không phải không là giới, những ai có trí tuệ sáng suốt mới thấu hiểu được. Do đó, Bồ-tát hiểu rõ nhãn giới tức là thông đạt nghĩa chân thật, vì biết rõ sắc vốn không thể nắm bắt. Thế nào gọi là hiểu rõ sắc không có giới? Vì không kết hợp với sắc cũng chẳng xa lìa sắc, không có đối tượng sinh trưởng, tuy bàn luận về sắc giới nhưng không thể nắm bắt sắc vì sắc không có xứ sở. Vì sao gọi sắc không có giới? Vì sắc không có bên trong, bên ngoài cũng không ở chặng giữa, chỉ tồn tại giả tạm, do tư tưởng ấy nên mắt mới thấy ánh sáng của sắc, tánh mắt thanh tịnh nên thấy sắc là đẹp, tạm gọi là sắc, không phải là có xứ sở. Ví như gương sáng thì thấy được cảnh tượng, khuôn mặt; mắt thanh tịnh không nhơ bẩn nên phản chiếu tưởng là có sắc, tuy thấy trong gương có hình ảnh nhưng hình ảnh ấy từ bên trong xuất ra chứ không phải từ bên ngoài vào,

do hình ảnh bên ngoài chiếu vào, lại hiện ra bên trong gương. Mắt cũng như vậy, do thanh tịnh mới thấy được sắc như thấy hình ảnh trong gương. Do thấy thật tánh của sắc và không sắc nên không chấp vào cảnh giới, không thể nắm giữ cũng chẳng có đối tượng thành tựu. Sắc tướng ấy vốn không sinh ra nên chúng sinh không thể hiểu được. Nếu thấy được sắc thì mới gọi là hiểu sắc. Giới cũng không có đối tượng sinh khởi nên không có giới, nhờ hiểu được sắc giới nên hiểu rõ tận cùng gốc rễ của sắc là không có quá khứ, không vị lai hay hiện tại, là trống rỗng, là thật tánh, nên gọi là tất cả đều do nhân duyên hòa hợp mà thành. Sắc giới là như vậy. Nhờ nhãn thức mà quan sát chân thật biết là không có giới. Thế nào gọi là quán? Nếu không có nhãn thức thì mắt và sắc không có xứ sở; vốn từ thanh tịnh mà đến nên mắt và sắc không thể thủ đắc, tất cả đều không thể nắm giữ. Nhãn thức không có pháp, chỉ tạm gọi mà thôi, nhãn thức không tập hợp, không có tướng chân thật; giới của nhãn thức cũng do điên đảo xen tạp từ đời trước mà có, bị nhân duyên hiện tại trói buộc cùng với nhân duyên hòa hợp nên gọi là nhãn thức, do đó chúng sinh luôn ở trong điên đảo. Chỉ có bậc Thánh mới phân biệt và thông đạt được nhãn thức là không có giới. Vì sao? Mắt không có đối tượng tạo thành, mười hai nhân duyên sinh khởi là do hòa hợp sinh ra, chỉ là sự tạo tác giả mà có, tạm gọi là nhãn thức; ưa thích sự vận hành của thức và khởi lên các sự chứa nhóm hợp thành thức, tuy có đối tượng để thấy nhưng đều hư vọng, không chân thật, hình tướng chỉ là tạm có, do nhân duyên hiển hiện mà thôi. Vì giảng nói về nhãn thức khiến chúng sinh hiểu rõ nên Như Lai đã diễn nói, phân biệt về các hình tướng, do các tưởng hợp thành nên gọi là thức, không có gì thành mắt, nhờ nguồn gốc thức thanh tịnh nên biết tướng do các hành mà có gọi là đối tượng thấy, do tập hợp nhãn thức như vậy nên gọi là không có giới. Vì sao? Vì mắt không mong rằng ta sẽ nắm bắt nhãn thức và cũng không thể hiểu rõ ràng về chúng; sắc và thức không đạt đến thật tướng. Vì sao? Vì không có đối tượng để tạo thành, chỉ tạm mượn ngôn từ để hiển bày ý nghĩa, vì cứu giúp những chúng sinh nguy khốn. Ý niệm là lĩnh vực, nguồn gốc của đối tượng hoạt động là mắt, là tướng tự nhiên của thức. Ba pháp: nhãn giới, sắc giới và thức giới nhóm họp thành các giới, vì nhân duyên giảng nói các pháp về tướng của nghiệp… nên tạm nói có mắt, sắc và thức. Đó là tư duy. Nhờ điều này để khiến chúng sinh hội nhập, đạt đến chỗ không còn thấy có mắt, không thấy có sắc giới cũng chẳng có thức giới. Giáo hóa như vậy là đoạn trừ các kiến chấp. Nếu có khả năng hiểu rõ, đạt đến các phương tiện để giác ngộ của Như Lai thì có thể thông suốt tất cả ba cõi là không có cõi. Vì sao? Vì chấp vào các cõi nhưng thật sự không có cõi, sắc không thể nắm bắt, tai,

thanh và thức giới cũng vậy, đối với mũi, hương và thức; lưỡi, vị và thức; thân, xúc và thức; ý, pháp và thức… mà suy lường, tư duy và quan sát đều không có đối tượng để tạo thành. Ý giới cũng là trống rỗng, không chân thật, thảy đều không thật có. Lại nữa, các chủng loại ấy đều không có đối tượng tạo thành. Ví như có người đem hạt giống gieo xuống đất, muốn chúng nảy mầm nhiều thì phải nhờ các nhân duyên như nước, ánh sáng mặt trời chiếu xuống, chỉ riêng hạt giống thì không thể tạo ra mầm, hạt giống ấy cũng không thể cùng mầm hợp thành, mà nhờ hạt giống sinh ra mầm, hạt giống không tách rời mầm, mầm cũng không thể tách rời hạt giống. Ý giới cũng vậy, từ ý nghiệp này mà hiển hiện các loại nghiệp khác, nên nói là ý giới. Ý không rời niệm, niệm cũng không rời ý, tuy ý giới có nhân duyên riêng biệt hợp thành. Ý giới ấy không phải bên trong, bên ngoài hay chặng giữa, đều do những tạo tác vốn có đời trước tạo thành và do ý nghiệp nương nơi giới mà hợp thành cùng với nhân duyên hiện tại sinh ra, cho nên tạm gọi là ý. Từ chính mình sinh khởi đủ tất cả tội, phước; mười hai duyên khởi là hiển bày có đối tượng giảng nói, cho nên gọi là ý giới. Dùng phương tiện để giảng nói là muốn chúng sinh hiểu rõ tận cùng nguồn gốc ấy, nếu cầu chân thật rốt ráo thì không có nguồn gốc cũng chẳng thể nắm bắt được. Vì sao? Vì tâm tự buông lung không có xứ sở. Nếu có nhận thức được những ngôn từ hòa dịu thì ý giới ấy cũng chẳng phải là chân thật, không có quá khứ, hiện tại hay vị lai. Người sáng suốt hiểu rõ ý giới và pháp giới đều không thật có. Thế nào là quan sát thật tướng của pháp giới? Đó là hết thảy đều không thật có, không thể nắm bắt. Pháp giới không tạo thành cũng không có hình tượng, chỉ do điên đảo mà kiến lập, không có người hay mạng sống, từ hư giả mà sinh khởi sự nhận thức, do đó gọi là pháp giới. Thế nào là hiểu rõ pháp giới nhưng pháp giới không hiển bày? Pháp giới là không thật có, đều từ nhân duyên phát sinh. Vì do nhân duyên sinh nên gọi là không có pháp giới. Vì pháp giới do nhân duyên hợp thành nên luôn biến chuyển, điên đảo. Như Lai Chí Chân thông đạt cảnh giới chúng sinh cho nên gọi là pháp giới. Đó là sự tập hợp giả tạm, tên gọi cũng không thật. Pháp giới không phải bên trong, không có bên ngoài cũng chẳng phải chặng giữa. Song, vì dứt trừ kết sử, chấp vào pháp thiện, bất thiện và đoạn trừ tất cả các sự bàn luận về giáo lý, cho nên gọi là thực hành. Sự bàn luận là không thật có, pháp giới cũng trống rỗng, không có sự thành tựu hình tướng, tên gọi cũng chỉ tạm có mà thôi. Pháp cũng như vậy, không có đối tượng tạo nên hình tướng, vì đoạn dứt những tư tưởng chấp về pháp nên mới hiện bày, giảng nói, nhưng hết thảy đều không có cảnh giới, như trước đã nói. Không có duyên quá khứ, hiện tại hay vị lai mà chỉ do kiến chấp

trói buộc, chúng sinh không hiểu được chúng từ duyên hợp thành. Người có trí tuệ thì thông đạt rõ ràng, pháp giới là không có cảnh giới, không nhiều, không ít, chỉ là phương tiện mà nói pháp giới. Người nào hiểu tường tận về pháp giới thì trừ sạch mọi đối tượng sinh khởi trong tất cả ba cõi. Do không vướng mắc các pháp nên không giảng nói về pháp giới hoặc nói về nhân duyên, tướng, dụng hay xứ sở của các pháp. Đó gọi là rốt ráo. Người có trí tuệ cho rằng tướng không có đối tượng sinh khởi. Vì sao? Vì tướng của pháp giới không có đối tượng tạo thành, pháp giới không có xứ sở, không có xứ sở cũng chẳng phải không có xứ sở, không có chỗ hòa hợp, an trụ cũng chẳng phải không an trụ. Quan sát, hiểu rõ pháp giới hoàn toàn không có đối tượng trụ chấp. Pháp giới không sinh ra, không phải chủ thể, không phải chỗ tập hợp, không phải tập hợp nên cũng chẳng tan rã. Pháp là không có đối tượng tạo lập cũng không thành tựu. Nếu có thể quan sát về pháp giới như vậy thì xét về ý thức mà không thấy có thức. Như vậy, nên quan sát như thế nào? Nên quán "Không có đối tượng sinh khởi cảnh giới" gọi là thức giới. Vì sao? Xét về ý thức thì không thật có, là giả tạm không thật, do điên đảo mà thành, từ ý niệm mà có ra nên gọi là ý thức, do sự tạo tác của phàm phu thiếu trí tuệ, chỉ có bậc Hiền thánh mới thông đạt rõ ràng mà thôi. Do hai pháp trên là chỗ duyên dựa cho ý thức nên chúng sinh không thể hiểu rõ được. Chỉ có bậc Trí mới có thể phân biệt hết thảy đều là hư vọng, từ tưởng không chân chánh mà sinh khởi ý thức. Cảnh giới của ý thức ấy không có gì đặc biệt, chỉ là muốn giảng nói tường tận nên tạm mượn ngôn ngữ. Sự vay mượn ấy là vì chúng sinh không hiểu được ngọn nguồn ý thức là không có cảnh giới, do nhân duyên chứa nhóm, xoay chuyển không bờ bến. Các bậc Hiền thánh không tìm cầu thức giới, không chấp ở trong, ở ngoài cũng chẳng phải ở giữa. Người có trí tuệ hiểu rõ ý thức ấy nhưng không thấy có ý thức mà thấy chúng đều từ nhân duyên, từ điên đảo dấy khởi. Do hai nhân duyên này mà có những chúng sinh từ tư tưởng không chân thật nên chấp nhận hư dối, đều từ sự vận dụng của tâm, theo tướng thế gian nên có ý thức. Tâm của chúng sinh vốn từ nhân duyên này mà có. Ý thức không có quá khứ, hiện tại hay vị lai. Xét về nguồn gốc của ý thức cũng không có đối tượng chấp giữ. Ý thức tồn tại không có quá khứ, vị lai cũng chẳng có đối tượng để kiến lập, ý không có đối tượng để nắm giữ. Vì sao? Ý thức vốn thanh tịnh, không có hai, không tướng cũng không phải hai tướng, tuy có chỗ để tồn tại nhưng không thể thấy. Người có trí tuệ hiểu rõ ý thức là như vậy. Những ai biết ý thức như thế thì không thấy có pháp để giảng nói, không có sự kết hợp cũng chẳng có sự tách rời; không có tướng sinh khởi cũng chẳng có tướng giáo hóa, chỉ riêng Hiền

thánh mới hiểu rõ. Thế nào là thức giới? Nghĩa là không từ đâu sinh ra cũng không có nhân duyên. Vì sao? Vì ý thức giới từ nhân duyên sinh khởi, xét về gốc ngọn của chúng thì không thể thấy. Người có trí tuệ hiểu rõ sự tạo thành ý là như vậy, vốn không có tạo tác, do chúng sinh tự tạo ra, không có đối tượng sinh khởi. Do chúng sinh tạo ra nên tướng cũng không có đối tượng sinh khởi.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào quan sát như vậy thì thông đạt về ý thức và cũng không chấp giữ thức.

-oOo-

PHẨM 5: HIỂU RÕ VỀ BA CÕI

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bồ-tát Đại sĩ nhờ thông đạt về ý thức nên không chấp vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nên quán sát như vầy: Tuy ở trong ba cõi nhưng không chấp giữ cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, hiểu rõ các cõi như vậy nên thấy đều không có các cõi, lại giảng nói rõ ràng. Biết tường tận chúng sinh ở trong cõi Dục nên Bồ-tát thị hiện ở cõi Dục, biết cõi Sắc và cõi Vô sắc nên thị hiện ở các cõi ấy, ở cõi nào thì thị hiện ở cõi đó, để diễn nói pháp cốt yếu. Các vị hiểu rõ các pháp là tự nhiên, không có cảnh giới, ba cõi cũng không có hình tướng, không có xứ sở, đều từ nhân duyên sinh, luôn xoay vần không giới hạn. Bậc trí thông đạt cảnh giới của ba cõi đều không thật có, từ không hợp thành, do điên đảo mà hiện hữu, hiểu như vậy là hiểu được sự giả tạm, nhưng hoàn toàn không bỏ hẳn sinh tử vì diệt trừ nghiệp điên đảo và tập khí trong ba cõi cho chúng sinh. Như Lai Chí Chân cũng giảng nói cho chúng sinh hiểu ba cõi là không có cảnh giới, chỉ vì họ thiếu trí tuệ, chất chứa những mê hoặc nên cho là có. Tất cả vốn thanh tịnh, tự nhiên, không có cảnh giới nào cả, cũng chẳng nương tựa vào ba cõi. Người có trí tuệ hiểu rõ điều này, là không có cảnh giới, quan sát ba cõi và chúng sinh đều không, bản thân mình cũng như hư không, không có gì cả. Tất cả các pháp đều từ nhân duyên sinh, từ điên đảo hợp thành, tạm có danh hiệu mà thôi, hết thảy đều không có đối tượng tạo thành, là rỗng không, không tạo tác, vốn tự nhiên thanh tịnh, bình đẳng như hư không, đối với tất cả các cõi đều không vướng mắc, giống như hư không thảy đều không thật có. Vì sao? Vì hoàn toàn tịch tĩnh. Hư không vốn thanh tịnh nên không thể nắm bắt, tất cả các cõi cũng như vậy, không ở trong, không ở ngoài cũng chẳng ở giữa, cõi không có cõi, đều không chấp giữ, không sinh khởi. Các bậc có

trí tuệ thấy không có sự phát sinh cũng còn phân biệt, không an trụ cũng chẳng phải không an trụ, không bình đẳng, không tà kiến, vốn thanh tịnh không chấp giữ. Bậc trí thông đạt như vậy nên không nắm giữ những điều giả tạm mà luôn bặt dứt ý niệm, không tạo tác. Do đó, bậc Trí không lấy các cõi làm cảnh giới, tướng cũng không có đối tượng sinh ra, chỉ theo thế gian để đặt tên mà thôi, nên không phân biệt, không sinh khởi tưởng. Nếu diệt trừ điều này thì không còn các cõi, giả sử nói là có thì xét tận ngọn nguồn cũng không thể biết, vì không thể biết nên tất cả cũng như vậy. Chỉ có bậc Trí mới thấy được.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào thông đạt như vậy thì hiểu rõ mười tám chủng tánh và ba cõi, các cõi của chúng sinh cùng cõi của chính mình, đạt đến bình đẳng như hư không. Nhờ quan sát như vậy nên các vị ấy luôn bình đẳng, không chấp giữ cảnh giới, do không chấp giữ nên thoát khỏi tất cả các cõi, nếu giảng nói thì chỉ tạm mượn mà thôi, biết hết thảy các cõi đều không thật có, ưa thích thể nhập vào đạo, thông suốt các cõi, biết tướng của chúng sinh là không hai, do thấy là không hai nên thấy các cảnh giới, dùng phương tiện thiện xảo để giảng nói cho chúng sinh, tạm nói là có mười hai duyên khởi để mở bày cho chúng sinh khiến họ thể nhập vào nghĩa rốt ráo, nhờ đạt được tuệ thấy khắp tất cả các cõi nên gọi là không có hình tướng.

Này Bồ-tát Trì Nhân! Như Lai Chí Chân không thủ đắc hết thảy xứ sở các pháp, cũng chẳng phải không thủ đắc, không hề quên mất tư duy bình đẳng mới đạt được đạo quả Chánh chân Vô thượng. Vì sao? Vì tất cả các pháp hoàn toàn không thật có, vốn chúng là tự nhiên, không hề thành tựu, thấy các cõi cũng đều như hư không, thật sự rỗng rang; do bình đẳng như hư không nên không có tướng sinh khởi. Như Lai thông đạt tất cả các cõi như vậy, nên Như Lai không cho rằng các cõi là tự nhiên, không cảnh giới cũng chẳng có hình tướng. Vì sao? Vì chúng không thật có cũng không thể nắm bắt. Do không thật có nên biết chúng là tự nhiên. Này Bồ-tát Trì Nhân! Nên biết, Như Lai đã giảng nói, nếu thông đạt về sự sinh khởi của các pháp thì hàng Bồ-tát Đại sĩ ấy có khả năng hiểu được tất cả ngọn nguồn, phân biệt thô, tế như vậy nên giảng nói ý nghĩa hợp, tan của các cảnh giới, thể nhập vào các cõi, hiểu rõ chúng chẳng phải là tự nhiên mà tất cả các cõi đều là cõi hư không, trở lại tự thiêu hủy, không có cảnh giới cũng không thể nhập. Giả sử cho là có thì không bao giờ nắm bắt được, vì chúng sinh không biết nên cho là có. Giống như nhà ảo thuật học làm các phép thuật,

vì chúng sinh mà hiện bày vô số sự biến hóa, nhưng những sự biến hóa ấy thì không thể nắm bắt hình tướng, dù cho bao nhiêu người đi nữa cũng không thể biết được. Họ nghe, tin theo sự biến hóa rồi cho là thật có, nhưng người hiểu biết thì biết đó chính là huyễn. Lời Như Lai nói cũng vậy. Nếu có thể hiểu rõ chúng huyễn hóa, không thật thì không bị chúng sinh mê hoặc; nếu có trí tuệ sáng suốt để tự thấu hiểu chính mình như huyễn hóa, hiểu được mọi sự giả tạm thì đời này, người ấy đạt được bản chất tự nhiên như huyễn. Bồ-tát nào thông suốt, thể nhập điều này thì có thể diễn nói về thật tướng của huyễn. Do hiểu được thật tướng nên sinh ở bất cứ đâu, vị ấy cũng như vậy, đều dùng phương tiện thiện xảo thị hiện, giảng nói cho chúng sinh hiểu biết thảy đều như huyễn hóa. Người nào được nghe, thấy, hiểu rõ pháp huyễn này thì không còn chấp giữ cho đến thành tựu đạo quả Chánh chân Vô thượng. Những người thiếu trí tuệ thì không thể nào thấu đạt được, cho nên mới vì họ mà diễn nói tất cả các pháp. Nếu biết tất cả các pháp thảy đều như huyễn, muốn thể nhập ý nghĩa này thì nên học về pháp cốt lõi sâu xa, không cầu nắm bắt sắc; do sắc không thể nắm bắt nên không thể đoạn trừ. Nói không thể đoạn trừ tất cả các cõi đều là giả tạm, muốn diễn nói về mọi sự hợp, tan, phân biệt các cảnh giới, tạo ra nhân duyên, phương tiện thiện xảo để giảng nói về cội gốc, ngọn nguồn của chân lý, thế gian, xuất thế gian, hữu vi, vô vi, thuận hợp, không thuận hợp, ứng hợp hoặc chẳng ứng hợp, giảng nói về phương tiện thiện xảo, hoặc hoàn toàn bặt dứt ngôn ngữ, có ý nghĩa, không có ý nghĩa, nói về nhân duyên mà phân biệt xứ sở hay không có xứ sở… thì nên thông đạt tất cả đều như huyễn.

-oOo-

PHẨM 6: CÁC NHẬP

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào là Bồ-tát thông suốt các nhập? Ở đây, Bồ-tát quan sát và hiểu rõ ngọn nguồn của mười hai nhập. Thế nào gọi là quán? Nghĩa là, đối tượng có thể quan sát là không thấy chỗ hội nhập của mắt, mắt không thành tựu, đều không thật có. Vì sao? Chỗ hội nhập của mắt đều từ duyên đối và điên đảo mà sinh khởi. Sự trói buộc của sắc và duyên khởi hòa hợp có hai nhân duyên: một là nhãn nhập, hai là theo đối. Vì phát sinh ra sắc nên gọi là nhãn nhập. Như vậy, mắt và sắc có hai chỗ nương tựa, chấp giữ, là chỗ nhập của mắt và sắc. Sắc chính là đối tượng của mắt, mắt thấy sắc, rồi chấp huyễn làm tướng, cho nên gọi là các nhập, chính là chứa nhóm và chấp giữ. Mắt không lệ thuộc sắc, sắc cũng không lệ thuộc mắt; sắc không lệ thuộc

sắc, mắt cũng không lệ thuộc mắt, hết thảy đều từ duyên khởi. Do sắc và duyên nên gọi là sắc nhập. Mắt thấy đối tượng là duyên nên gọi là có tướng, nên gọi nhập là nghiệp. Thế nào gọi nhập là nghiệp? Do lấy điên đảo làm lợi ích cứu cánh nên không thể nắm bắt được nhập, mắt và các sắc. Người có trí tuệ sáng suốt không tìm cầu các nhập nên thấy được chân lý. Do điên đảo hợp thành nên phàm phu thiếu trí tuệ cho là có hai tướng. Mắt thâu nhận sắc, liền hiển bày sự chân thật của nhập. Hiểu rõ chân lý sắc là đối tượng của mắt, không ở bên trong, không ở bên ngoài cũng không phải ở giữa. Mắt và các sắc không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, chỉ hiện bày mắt thấy sắc, do hiện bày mắt thấy sắc nên có tham muốn, nắm bắt. Phàm phu ít trí tuệ thì không thể biết sự vận hành này. Bậc có trí tuệ biết rõ là rỗng không, không thật có, do tư tưởng điên đảo nên thành các nhập, các nhập là thật tướng sao cho là có? Nhập ấy không có tướng, đều từ duyên khởi, cho nên gọi là các nhập. Như Lai đã giảng nói các nhập là trống rỗng, đều từ điên đảo, tạm có do nhân duyên, không có sự tạo tác cũng chẳng khiến người tạo tác. Mắt không thể gọi là sắc, sắc không thể gọi là mắt, cũng không có đối tượng nhận biết, hết thảy đều vắng lặng. Mắt, sắc và các nhập đều cùng tịch tĩnh, không có người tạo ra, từ nhân duyên sinh khởi. Phàm phu ít trí tuệ nên tâm luôn điên đảo, chỉ có bậc Hiền thánh mới thấu đạt được, chúng vốn không hề sinh ra cũng chưa từng diệt, không đến, không đi. Mắt không thể xa rời mắt, mắt không nghĩ là mắt, sắc cũng không bỏ sắc, liền biết là thật tướng vì sắc không nghĩ là sắc. Vì sao? Vì hết thảy đều không, hết thảy đều tịch tĩnh nên thông đạt thật tướng. Mắt không nương vào mắt, sắc không biết là sắc, vì là thật tướng. Thật tướng của mắt và sắc thì không thể thành tựu. Mắt không cầu nơi mắt cũng không tập hợp hay tan rã, hết thảy đều rỗng lặng. Mắt không chứa nhóm mắt, cho rằng ta là đối tượng của mắt. Sắc không chứa nhóm sắc, sắc là ngã sở, huyễn là thật tướng. Mắt, sắc đều là rỗng không nên gọi là thật tướng, chỉ tạm nói mà thôi. Tai - thanh, mũi - hương, lưỡi - vị, thân - xúc, tâm - pháp cũng không thể nắm bắt, đều là không thật có, cũng chẳng có đối tượng thành tựu. Vì sao? Vì từ nhân duyên sinh khởi, ở chỗ điên đảo, do hai nhân duyên mà kiến lập, từ tâm pháp khởi lên các nhập, cho nên gọi là các nhập. Do pháp nhân duyên nên tạm có các nhập, pháp không lệ thuộc tâm, tâm không lệ thuộc pháp, pháp không lệ thuộc pháp, tâm không lệ thuộc tâm mà lệ thuộc đều từ duyên khởi, kiến lập các pháp. Nhờ tâm thấy tướng, không thể nhập vào pháp, bậc Trí thông đạt điều này, nếu tìm cầu nguồn gốc các nhập mà thấy được chân lý thì đều là điên đảo hợp thành. Phàm phu ít trí tuệ nên thấy có hai tướng. Pháp không ở bên trong, bên ngoài cũng không ở giữa,

tâm không thể nhập vào pháp, pháp cũng không thể nhập vào tâm, không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, tất cả đều từ duyên sinh. Người thiếu trí tuệ không thể hiểu rõ, chỉ có bậc Trí mới thông đạt điều ấy. Vì sao? Tất cả đều không thật có, vì ở nơi thật tướng, không hoàn toàn thể nhập vào pháp cũng không có tướng chân thật nên không thành tựu, chỉ hiện hữu giả tạm mà thôi. Như vậy, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào hiểu rõ mọi đối tượng của các nhập thì liền thông đạt tất cả mười hai nhập, không còn vướng mắc, lệ thuộc, đoạn trừ các nhập. Do tạo lập các nhập và các phân biệt khiến không còn đối tượng sinh khởi, hiểu rõ về tướng không, giống như chỗ hòa hợp của các dòng nước, cho nên nói là nước luôn len lỏi vào khắp mọi nơi. Mười hai nhân duyên này cũng lại như vậy. Cho rằng trong, ngoài đều từ duyên sinh như dòng nước ấy đến và tồn tại ở nhiều nơi, tuy nói thật tướng không thể nắm bắt được xứ sở nhưng do bị kiến chấp trói buộc nên các nhập ấy mới hướng đến phiền não. Phàm phu không thể đoạn trừ phiền não nên gọi là nhập môn, mắt lệ thuộc sắc và tai, mũi, miệng, thân và tâm cũng vậy, không có nơi nương tựa. Bồ-tát Đại sĩ thông đạt thật tướng, hiểu rõ các nhập, nhờ hiểu rõ các nhập nên trừ sạch mọi kết sử. Này Bồ-tát Trì Nhân! Như vậy gọi là Bồ-tát thông suốt các nhập.

-oOo-

PHẨM 7: MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào là hiểu rõ, giảng nói và quan sát mười hai duyên khởi? Phải quán như thế nào? Đó là, không biết các pháp không có nghiệp vô minh, cho nên gọi là si; không biết chúng không có xứ sở, gọi là vô minh; không hiểu rõ các pháp có sinh khởi vô minh nên gọi là si. Sao không thông đạt điều này mà gọi là vô minh? Do vô minh làm duyên nên có hành. Nếu không thấu rõ các pháp, không làm theo pháp này, gọi là do vô minh làm nhân duyên nên liền có hành; có hành và duyên nên phát sinh thức, nên nói từ hành đến thức có hai tướng là danh và sắc. Do đó, từ thức làm duyên mà sinh ra danh và sắc, từ danh, sắc lại sinh ra sáu nhập, nên gọi là từ danh sắc làm duyên mà có sáu nhập; do đây liền có thọ, nên nói từ sáu nhập làm duyên sinh ra những đối tượng khác; nhân đây mà có thọ, nên nói từ đối tượng này làm duyên nên có thọ; lại sinh khởi ái nên nói từ thọ làm duyên sinh ra ái, từ duyên ái sinh ra thọ nên gọi từ duyên ái sinh khởi thọ; từ đối tượng là thọ lại có chấp giữ, nên gọi từ duyên thọ mà có chấp thủ, do nắm giữ nên sinh khởi mãi, gọi là từ duyên vốn có sinh ra đối tượng, từ duyên đã sinh khởi mà có già, bệnh, chết, than khóc, lo buồn, các việc không vừa

ý và các tai nạn, khổ đau nhóm họp, từ khi sinh ra đã có vô lượng khổ. Vì sao các khổ lại nhóm họp? Vì vô minh nên chứa nhóm các điên đảo, do từ ái mà khởi lên tham dục, tâm lúc nào cũng luyến tiếc không buông bỏ. Do đó, thế gian tự giam hãm mình trong mười hai duyên khởi, không có mắt sáng suốt nên bị lưới vô minh bao phủ, chịu bệnh tật, ở nơi tối tăm đều do vô minh dẫn đầu. Nên quán mười hai nhân duyên như vậy thì hiểu rõ vô minh này là giả tạm, không thật có. Lại nữa, vì không thể nhận biết bản tế. Vì sao không thể nhận biết? Vì không sáng suốt, vì vô minh nên không thể biết sự sinh khởi của bản tế. Nếu có trí tuệ sáng suốt thì nên quán điều này, hiểu rõ bản tế tức đạt đến chỗ không bờ bến, không khởi tư tưởng cũng chẳng phải không có tư tưởng, liền đoạn trừ mọi tư tưởng. Do đoạn dứt các tư tưởng nên không nương vào vô minh. Tất cả các pháp không phải là vô minh, mà cho là các pháp không xa lìa vô minh là tâm tự cao, tự đại. Vì sao? Vì bỏ vô minh, do đó gọi tất cả các pháp đều là vô minh. Người nào có thể hiểu rõ tất cả các pháp đều là vô minh thì thông đạt về nghiệp, không thể đạt đến trí tuệ. Do tiêu trừ vô minh nên gọi là hiểu rõ về nghiệp. Thế nào là tiêu trừ vô minh? Là thông suốt tất cả các pháp đều không thật có, là hư vọng, không chân thật, ở nơi pháp điên đảo biết là không thật có, chỉ tạm nói có mà thôi, do đó gọi là đoạn trừ vô minh, cũng đoạn trừ minh; minh và vô minh thảy đều hư vọng, không thật có nên gọi là vô minh. Do vô minh nên có sự tạo tác của nghiệp, lại khởi lên mười hai nhân duyên. Phàm phu thiếu trí tuệ, không thể thông đạt, tự mình lao vào tà kiến, tối tăm, hết thảy không thật có mà trở lại tạo ra có, cho nên gọi là hành; không có xứ sở, không có ngôn từ cũng chẳng phải không có ngôn từ, không nhận biết, sáng cũng chẳng phải là tối, nghiệp của các hành vốn là trống rỗng, đối tượng của pháp là không có mà trở lại tạo tác nên có đối tượng, đó gọi là duyên của vô minh, khiến thành tựu các hành. Hành ấy là vô thường, từ đây, chẳng phải do nghiệp mà có các hành. Lại nữa, quan sát các hành không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, vô minh ấy là không, là hiểu rõ vô minh, các hành vốn không, các hành đều là thật tướng, hành không hề chấp thủ. Do vô minh nên sinh khởi các hành mà vô minh ấy không lệ thuộc các hành, không đoạn trừ minh và hành, vô minh liền tiêu diệt, hành không trừ bỏ hành, bỏ hành và vô minh này thì phá hết tối tăm mà còn ở trong điên đảo vô minh thì không thể có, đó gọi là thật tướng. Hành không thể nắm bắt cũng gọi là thật tướng, do tối tăm che lấp nên gọi là vô minh, vì sự tăm tối của vô minh mà tạo ra các hành. Nếu pháp không có vô minh thì không thật có, do pháp giả tạm nên có vô minh, hành và thức, hành không lệ thuộc hành, không khởi lên thức và hành. Vì sao? Vì hành không biết là hành,

hành không có pháp đối tượng để có thể đạt đến được, từ hành và thức sinh ra các điên đảo. Hành và thức ấy không ở bên trong, không ở bên ngoài, không phải chặng giữa, không khởi lên thức, do buông lung, tạo tác nên sinh ra thức. Người có trí tuệ biết tìm cầu thức là không thể được vì thức không có đối tượng sinh ra cũng chẳng có đối tượng thấy, không thể phân biệt về thức, danh sắc, sáu nhập và đối tượng của thọ. Thọ có sinh, già, bệnh, chết, lo buồn, than khóc, nhóm họp những điều không vừa ý và khổ não… xoay vần không bờ bến, không thể chấm dứt sinh tử, rơi vào trong năm sông bốn dòng, không thể tự cứu mình, hiểu rõ chúng không có nguồn gốc, hết thảy đều không thể thủ đắc, không đạt đến, không cùng tận về nghiệp bình đẳng, ngay cả mười hai nhân duyên cũng vậy. Đây gọi là hai loại vô minh. Do đó, siêng năng cầu tất cả các pháp, vì cầu các pháp nên không có tư tưởng nào mà chẳng dấy khởi, đây là hội nhập mười hai nhân duyên bằng cách thuận hợp, sáng suốt.

Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào hiểu rõ, giảng nói về mười hai duyên khởi, biết được duyên hòa hợp là có đối tượng sinh khởi, phân biệt, không chứa nhóm, đó gọi là hiểu được chúng không có đối tượng sinh ra. Nếu thông đạt duyên khởi và quán mười hai nhân duyên thì không nên xét về sự phát sinh, không đạt đến tuệ phương tiện. Nếu có thể thông suốt mười hai nhân duyên là không có đối tượng sinh ra mới gọi là hiểu rõ và đạt đến tuệ vô sinh. Do đó, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát Đại sĩ muốn thể nhập vào tuệ vô sinh, kiến lập sự chứng đắc thì nên phân biệt, giảng nói và thực hành theo mười hai duyên khởi, ngoài ra còn phải biết các duyên khởi không có đối tượng sinh khởi, nhờ quán như vậy mới có thể đạt được tuệ vô sinh. Do đạt được tuệ vô sinh nên kiến lập sự chứng đắc, gọi là không có đối tượng sinh khởi, thông đạt đạo tuệ. Như vậy, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát Đại sĩ nào thực hành như vậy, đối với đối tượng phát sinh các duyên mà thấy không có đối tượng sinh ra thì thoát hẳn ba cõi, thông đạt nhân duyên, quan sát chúng là không có đối tượng sinh khởi. Nếu có Bồ-tát đạt đến tướng vô sinh thì mau chóng đạt được pháp Nhẫn vô sinh, dần dần gần gũi hạnh Bồ-tát, đích thân phụng sự chư Phật, được Phật thọ ký sẽ thành tựu đạo quả Chánh chân Vô thượng, làm Bậc Tối Chánh Giác. Lại nữa, nhờ chính mình kính giữ, tu hành theo lời Phật dạy như vậy nên các bậc Bồ-tát đều được thọ ký. Các vị đều tin ưa, phân biệt tất cả các pháp thế gian để cứu giúp thế gian, thông đạt cội nguồn mười hai duyên khởi là nhờ hiểu duyên khởi, được chư Phật Thế Tôn luôn thị hiện trước mặt, không còn sợ hãi ma Ba-tuần, nếu ở hiện tại mà thấy đất, nước và tất cả các vật đều sinh tử thì đã vượt qua các tai nạn, nhổ sạch gốc rễ vô minh. Thực hành như vậy thì đạt

được an lạc trọn vẹn, luôn gặp Bồ-tát.

Đức Phật bảo:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào hiểu rõ như vậy, biết ngã và ngã sở đều do nhân duyên mà có, nếu được nghe, hiểu rõ nguồn gốc về mười hai duyên khởi mà tin ưa, không nghi ngờ về ngọn nguồn thành tựu của chư Như Lai thì không bao lâu, vị ấy sẽ được thọ ký, đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Nhờ đã được thọ ký nên không bao lâu, vị ấy ở chỗ chư Như Lai mà được chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng, thành Bậc Tối Chánh Giác.

-oOo-

KINH BỒ-TÁT TRÌ NHÂN

QUYỂN 3

PHẨM 8: BA MƯƠI BẢY PHẨM

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào là Bồ-tát thông đạt về niệm xứ, phân biệt, quan sát và thực hành bốn Niệm xứ? Sao gọi là bốn Niệm xứ? Đó là tự quán nơi thân, thọ, tưởng và pháp. Thế nào là quán nơi thân, thọ, tưởng và pháp? Ở đây, Bồ-tát tự quan sát thật tướng của thân: vô thường, khổ và không chẳng phải là điều cốt lõi của thân, thân chính là bệnh tật, tai họa, nhóm họp các sự tổn hại cho là vui, luôn thay đổi không ngừng, nhơ uế chẳng sạch. Nên quan sát như vầy: Khắp trong thân này có vô số bệnh tật, chín nơi nhơ uế lúc nào cũng bài tiết chất chẳng sạch, giống như nhà xí. Lại nên quan sát kỹ như vầy: Không có sợi lông tóc nào đáng ưa, đáng giữ, nhơ uế chẳng sạch, chỉ là bọc da che thịt gân cốt chằng chịt, đều từ tội phước mà thành, tích tập các nhiễm ô liền có các ấm. Thế nào là tích tụ? Thế nào là các ấm? Đều do nhân duyên đời trước mà có các ấm, vốn nương vào sự giả tạm rồi cho sự tắm rửa, trang sức… là thân ta. Đây gọi là tích tụ.

Thế nào là các ấm? Từ nhân duyên sinh khởi thành ra quả báo, từ sự tạo tác mà có bốn đại, xét kỹ ngọn nguồn của thân đều chẳng thật có, thọ nhận bốn đại thành sắc ấm do nhân duyên nên tạm có. Vì sao gọi là thân? Là chính mình tạo tác nên gọi là thân, là chỗ nương của tâm nên gọi là thân, nơi tạo ra tội - phước gọi là thân, từ tư tưởng sinh khởi, dễ mất đáng khinh, cùng hòa hợp với các nghiệp tạo tác gọi là thân, từ nhân duyên mà có thân, không có một chút an ổn, lại tan rã ngay, không tồn tại lâu dài, không thể tồn tại mãi, sẽ phải xa lìa nên gọi là thân. Thân không ở trong, không ở ngoài cũng không ở chặng giữa, tuy có khổ não nhưng thân không biết là thân, cũng không thể thấy, không thể hiểu rõ, không vượt qua, cũng chẳng có tư tưởng, giống như các loài cỏ cây, ngói đá, thân chẳng tạo thành thân. Nhờ quán như vậy nên hiểu rõ, không còn tham đối với thân, không còn ưa thích, biết thân là tai họa. Thân không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, thân này như bọt nước, nhờ tắm rửa trang sức, thân này như nhà ở của tám mươi

thứ vi trùng, thân này là khổ đau, vô số bệnh tật; thân này không thể cứu, bị ba khổ làm nguy khốn. Nói khổ là tai họa sinh tử, hoạn nạn phải xa lìa. Thân này là vật để chứa khổ đau và các tai nạn. Nếu tư duy theo nghĩa này thì không còn tham thân mình, không ngưỡng mộ người khác cũng chẳng có đối tượng ưa thích. Thân này là vô ngã, chẳng có gì lợi ích, không thể nắm giữ cũng chẳng thật có. Thân này chẳng phải thật tướng mà trống rỗng, hoàn toàn không chân thật, chỉ kiến lập giả tạm mà thôi, là sự nhóm họp từ gốc tạo tác, không lợi ích, tuy có thân này nhưng chẳng phải là thân ta, nên siêng năng đoạn trừ tham dục. Khi đã quan sát về thân mình và mạng sống thì không còn vướng mắc vào hợp tan, không thấy đến đi hay xứ sở an trụ, chẳng còn thấy quá khứ, hiện tại hay vị lai, luôn dấy khởi tưởng nhưng không hề chấp giữ, không nương vào thân mạng, vì thân chẳng phải là ngã cũng chính là vô ngã, nên không có đối tượng chấp giữ, không hợp, không tan cũng chẳng từ đâu đến, chúng khiến cho phiền não thiêu đốt tâm không biết nơi hướng đến, xét ngọn nguồn của thân nhưng không thấy đối tượng sinh khởi tức đã an trụ vào diệt độ. Bồ-tát cũng vậy, nên quán thân chẳng phải thân, vì đã thông đạt thân là rỗng không, nếu thân muốn đầy đủ tức đã tự tiêu diệt, mà thân, ý phải trụ nơi sự vận hành thuận hợp. Đó là quán thân mà không chấp vào thân.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Thế nào là Bồ-tát quan sát về thọ? Bồ-tát nào quan sát ba thọ nơi thân là thọ lạc, thọ khổ và thọ không lạc không khổ. Xét những thọ ấy, không biết nơi hướng đến, không đến không đi, đều là rỗng không, do nhân duyên hòa hợp mà có, lại nhận chịu quả báo tội, phước, chỉ do điên đảo dấy khởi, biết thọ vốn là không, vì tư tưởng kiến lập. Quán như vậy rồi, vị ấy không vướng mắc thọ, không thấy có quá khứ, hiện tại hay vị lai, cũng chẳng có xứ sở, biết rõ thọ trong quá khứ là rỗng không chẳng có ngã cũng không có ngã sở, vô thường hay kiên cố đều là pháp điên đảo, thọ trong quá khứ là rỗng không, tịch tĩnh bặt dứt tư tưởng, hiện tại và vị lai cũng vậy. Nên biết, thọ không hề được kiến lập, không có hình tướng để nắm bắt, đều tự phân tán. Thọ ấy không khởi cũng chẳng diệt, không có xứ sở, không ở bên trong cũng chẳng ở bên ngoài. Phàm phu thiếu trí tuệ nên từ điên đảo sinh khởi thọ, quả báo tội phước có hợp thì có tan, cho nên gọi thọ là không, là pháp giả tạm, trống rỗng, biết được từ nhân duyên mà có thọ là thấu đạt xứ sở của tâm, thọ và ý đều trở về diệt độ, không thấy chỗ tích chứa của thọ nên tâm tự cho: Thọ là không, là thật tướng, không hình tướng, không thấy sinh ra vì thọ không có sinh khởi cũng chẳng diệt đi, không tạo lập tư tưởng; do không lập tư tưởng nên chẳng có tướng,

tướng không có đối tượng phát sinh. Như vậy là quán khắp thọ nơi thân, không có đối tượng duyên dựa, hiểu rõ thọ là chân thật vốn là không, nhờ đoạn trừ thọ, xa lìa các nhập về thọ, không hòa hợp với chúng nên không lệ thuộc thọ, các hành đều tịch tĩnh, mau chóng đạt đến phương tiện để thành tựu chánh định. Bồ-tát quan sát sự vận hành của thọ như vậy nên thông đạt các hành, thấy khắp mười phương.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Thế nào là Bồ-tát quan sát sự vận hành của tâm ý? Bồ-tát nào quan sát sự vận hành của tâm thì nên phát tâm quan sát về tâm pháp trong khoảng một niệm, nếu thấy tâm luôn thay đổi thì có khả năng quan sát. Vị ấy tự nghĩ: Tâm kia chưa từng buông lung, không đến đi, do các duyên khác nhau khiến có hình tướng. Tâm có đối tượng để dấy khởi cũng chẳng thành tựu, vì không hình tướng nên không thể nắm bắt, tâm không đến đi cũng chẳng có xứ sở, không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, do nhân duyên hiện bày mà có đối tượng để nhớ nghĩ. Nếu xét về tâm ấy thì không ở trong, không ở ngoài cũng không ở chặng giữa, không có phiền não, tâm không xứ sở cũng chẳng phải thật tướng, không thể thực hành xong cũng chẳng thể đoạn dứt. Nếu có đối tượng đoạn trừ thì gọi là tâm có vô số sự biến hóa. Giả sử không thể suy xét thì tướng sinh khởi liền tiêu diệt. Này Bồ-tát Trì Nhân! Tâm không có chỗ an trụ, không có chỗ tồn tại, nếu có chỗ tồn tại thì đã biết được, nên gọi là không có tâm niệm cũng chẳng có đối tượng thấy. Vì sao? Vì tâm ấy rỗng lặng, thật tướng, không hình dáng, không có chúng sinh. Lại nữa, tâm không thể nắm bắt vì chẳng có xứ sở, không có sự hòa hợp cũng chẳng có sự tan rã. Tâm không có quá khứ, không có vị lai cũng chẳng ở giữa nên không thể thấy. Tâm không phải thật tướng, chẳng thanh tịnh, tâm không tự biết là tâm, tâm không thể đoạn hẳn, tâm chẳng có tâm nên gọi là vốn thanh tịnh. Phàm phu do điên đảo nên lấy nhân duyên giả tạm làm thành các tướng, tâm tự dấy khởi niệm. Lại nữa, tâm ấy là rỗng không, chẳng có ngã, ngã sở mà cho là có thân tâm, luôn tồn tại lâu dài, vĩnh viễn an ổn, đó là do pháp điên đảo, là tự mình đi vào chỗ tối tăm. Quan sát tâm như vậy là đạt được niệm xứ về tâm nhu hòa, tâm không còn tưởng niệm cũng chẳng phải không có tưởng để hiểu rõ về tâm, mà không hề sinh khởi, không có đối tượng phát sinh tưởng. Vì sao? Vì tâm không có đối tượng phát khởi, không thể nắm bắt giới hạn sự chân thật, không thể thủ đắc tướng ấy vì tướng của tâm không dấy khởi. Người sáng suốt thì phân biệt, thông đạt điều này, biết sự tích tập của tâm và chỗ diệt tận. Các vị quan sát kỹ về tâm nên biết rõ tâm chẳng có sự chứa nhóm, không có chỗ diệt tận do chẳng nắm giữ được tâm. Tâm còn không thể nắm

bắt huống nữa là có đối tượng tích tập, có nơi nương tựa rốt ráo. Do đó, tâm không diệt các tưởng cũng chẳng phải không có tưởng vì đạt đến sự thanh tịnh của tâm. Tâm đã thanh tịnh thì không còn rơi vào phiền não, không bị nhiễm ô. Vì sao? Vì thông đạt, trừ hết các vướng mắc nên tâm thanh tịnh. Tâm chúng sinh do loạn động nên nhiễm phiền não. Tâm thanh tịnh là nhờ có khả năng nhận biết và đoạn trừ. Tâm tự nhớ nghĩ: Trong tâm có phiền não, do đó mới có thể quan sát hoạt động của chúng sinh. Tâm có đối tượng để vướng mắc là vì có phiền não, nhờ tâm sáng suốt nên đạt được sự thanh tịnh. Quan sát như vậy rồi, vị ấy không còn tham dục, phiền não, không mong đạt được tâm thanh tịnh, lúc ấy mới thấu đạt tâm vốn thanh tịnh. Bồ-tát quan sát sự vận hành của tâm ý như vậy là thông suốt về nguồn gốc thanh tịnh.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Thế nào là Bồ-tát luôn chú tâm nơi pháp để quan sát sự vận hành của pháp ấy? Bồ-tát nào quan sát tất cả pháp mà không chấp pháp bên trong, không nắm giữ pháp bên ngoài, không thấy ở giữa hoặc có khổ não. Pháp không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, do mười hai nhân duyên mà có, các pháp là điên đảo, không thể thành tựu. Lại quan sát pháp ấy không có bên trong, bên ngoài hay ở giữa. Pháp không có hợp, tan; hết thảy các pháp đều không có hình tướng, không thật có cũng chẳng phải không thật có, chỉ tạm nói có mà thôi. Tất cả các pháp giống như hư không, cũng là tưởng huyễn hóa, phát sinh thật tướng vốn sáng suốt, thanh tịnh nhưng do nương tựa vào phiền não. Hết thảy các pháp là không thể thấy, quan sát tướng chân thật của chúng giống như sự thấy trong giấc mộng, tỉnh giấc thì không còn đối tượng để thấy. Tất cả các pháp giống như hình ảnh phản chiếu, vốn thanh tịnh, không hình tướng, không có tên gọi và tưởng. Các pháp không thể tư duy. Tất cả các pháp như tiếng vang, từ hư không, chẳng kiến lập nên chúng là không, là thật tướng, không thể nắm bắt. Các pháp như sóng nắng, không thật có, nên kiến lập, quan sát các pháp như vậy. Phàm phu nếu thấy có vô số sự biến hóa thì biết là không có pháp, tức không cho là pháp không hợp không tan, thấy các pháp hoàn toàn không có sự nhiễm ô. Nhờ quán như vậy nên thấy tất cả các pháp không đến không đi, không chấp vào chỗ kiến lập của các pháp. Vì sao? Vì không có xứ sở cũng chẳng phải không có xứ sở, hết thảy các pháp đều từ nhân duyên sinh khởi, ở nơi điên đảo, xoay chuyển không cùng tận, không có ngôn ngữ cũng chẳng phải không có ngôn ngữ, không có hai tướng cũng chẳng phải một tướng, không có tướng nhỏ. Bậc trí thông đạt nên không nắm giữ cũng chẳng phải không nắm giữ. Vì sao? Vì các pháp không sinh cũng chẳng

khởi, không tạo cũng chẳng tác, cho đến không có người tạo tác. Các pháp lìa hình tướng cũng chẳng có thân thể, không phải tự nhiên hay tự nhiên mà thành. Các pháp có vô số, vốn là chân thật. Quan sát như vậy thì hiểu rõ tất cả các pháp, chúng không có ngã, ngã sở, không có người, không có mạng sống, xét kỹ đều là rỗng không, tâm liền nghĩ: Tất cả các pháp vốn là tánh không, là tự nhiên, không có tưởng, không chấp vào các tưởng cũng không mong tạo ra pháp. Xét hết thảy các pháp không hề sinh ra nên tự nghĩ: Pháp không có đối tượng phát sinh cũng chẳng hề diệt. Do quán như vậy nên đạt được niệm xứ về pháp, đối với tất cả các pháp đều thông đạt chúng không sinh khởi, biết là do tập và tưởng mà thành, lìa thật tướng nên không có tướng. Vì sao? Vì không có sự thành tựu. Pháp là vô tướng nên xả bỏ tướng. Các bậc có trí tuệ phân biệt biết rõ tất cả các pháp này vốn là không. Bồ-tát nên quan sát như vầy: Các pháp và sự vận hành của pháp đều do tạo tác, không thủ đắc các pháp, cũng không sinh, không khởi lên các pháp, nếu có đối tượng để dừng thì cũng chẳng có đối tượng diệt. Tất cả các pháp đều là tướng diệt độ, các tướng vốn vắng lặng và tịch tĩnh. Bồ-tát quán như vậy là thấy các pháp, thông đạt về niệm xứ, không có nơi chốn để dừng cũng chẳng phải không có đối tượng để dừng nghỉ, hết thảy đều thể nhập vào tướng sáng suốt của các pháp, tự quan sát tâm mình thì đạt được pháp niệm xứ, mới gọi là xiển dương kinh điển, đối với tất cả các pháp thì không có chỗ trụ, giảng nói các pháp, dùng trí tuệ để cứu giúp chúng sinh, đây gọi là bậc thấy được tánh chân thật của tất cả các pháp, đạt được pháp niệm xứ.

Đức Phật nói:

–Nhờ niệm xứ mà đạt đến sự siêng năng tu tập về thân, thọ, tưởng và pháp, hiểu rõ ba cõi là không, không chấp vào thân, thọ, tâm và pháp thì gọi là bốn Chánh cần.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bồ-tát nào thông đạt về năm Căn thì vượt trên thế gian, luôn quan sát chân chánh. Những gì là năm? Một là tín căn, hai là tinh tấn căn, ba là ý căn, bốn là định căn và năm là tuệ căn. Đó là năm Căn, nên quan sát sự vận hành của chúng. Thế nào là quan sát? Nghĩa là, tin tất cả các pháp đều từ nhân duyên mà khởi, kiến lập do điên đảo, do hư vọng hợp thành, xoay vần không cố định giống như bánh xe, không có giới hạn, cũng như giấc mộng tự nhiên biến mất; tin tất cả các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, bệnh tật, đau đớn, già yếu, không tồn tại mãi, không thể sống lâu, lại phải xa lìa. Các pháp đều là không thật có, các căn lập tức tan rã giống như

vạch ánh sáng, như sắc lực trẻ con, nhưng tư tưởng thì vui thích, cho là chân thật, không biết chúng đều là hư giả, không thật có. Những ai có tín căn đều biết tất cả các pháp không có quá khứ, hiện tại hay vị lai, không đến, đi cũng chẳng có chỗ trụ; tất cả các pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện, chẳng khởi chẳng vận hành không tưởng cũng chẳng thành tựu, giới và định đều thanh tịnh, trí tuệ biết rõ các pháp thanh tịnh. Nhờ có thể kính giữ, thực hành theo tín căn nên hành giả này không còn luân hồi, dốc tâm tin làm đầu, giữ gìn giới cấm, không bao giờ quên mất hoặc làm trái với đạo nghiệp. Do không quên mất nên vị ấy thuận theo chánh pháp, trụ ở tâm tin không thể lay động, những quả báo thiện, ác đều trở lại giúp đỡ, luôn tạo lập nghiệp ngay thẳng, không hề dối trá, đoạn trừ hết sáu mươi hai tà kiến, không tìm cầu sự học hỏi bên ngoài làm thầy, như đã có được mặt trời, mặt trăng nên không có dùng đèn đuốc, chỉ quy y Đức Như Lai và Thánh chúng tri thức thiện, khéo léo thành tựu trọn vẹn giới thanh tịnh, thường nhẫn nhục, nhu hòa. Như vậy là tâm tin không lay động, nhờ tâm tin ấy không thể lay động nên luôn giữ vững niềm tin, đầy đủ đạo pháp.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Thế nào là Bồ-tát quan sát tinh tấn căn? Thế nào là thành tựu đầy đủ và thông đạt các phương tiện? Bồ-tát nào tin vào đạo, không chống trái, nhờ siêng năng nên diệt trừ hết năm triền cái, nếu được nghe kinh điển sâu xa như vậy mà siêng năng kính nhận, thực hành suốt ngày đêm, không hề sợ hãi, tâm chẳng quên mất, thích học rộng nghe nhiều thì đối với pháp không hề bị trở ngại vì đoạn trừ vô minh, không xa lìa tinh tấn, nếu tâm khởi lên niệm ác hay pháp bất thiện thì dùng sức tinh tấn rộng lớn để tiêu trừ sạch. Sau khi đã thông đạt pháp, vị ấy lại siêng năng tu tập, chưa từng biếng nhác, không xem tinh tấn ấy là đủ mà lại càng siêng tu hơn, không vì sự thực hành này mà có đối tượng chống trái, không trở lại để theo thế lực, thông suốt các pháp, phân biệt ứng hợp, không tôn sùng người khác, do khéo léo, siêng năng tu học nên có tên gọi là tấn căn.

Đức Phật nói:

–Thế nào là Bồ-tát đạt được ý căn? Thế nào là hiểu rõ và thực hành theo ý căn? Bồ-tát nào làm chủ được ý mình, luôn bố thí, trì giới, học hỏi, đầy đủ phạm hạnh, giới phẩm trọn vẹn, hạnh nghiệp thanh tịnh, chánh định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến đều đầy đủ; thân, miệng và ý thanh tịnh, hoàn toàn rỗng không, luôn cung kính, tâm ý ngay thẳng, đối với tất cả các pháp không sinh khởi tưởng, biết chúng luôn tồn tại với nhiều tướng khác nhau để quan sát và thực hành, thông đạt khổ, tập dùng diệt đạo để đoạn

trừ, kiến lập niệm xứ, dùng phương tiện để thấu đạt các căn, lực, giác chi, nhất tâm, thiền định và Tam-muội chánh thọ, xiển dương các pháp Không, Vô tướng và Vô nguyện, thì đạt được tuệ vô sinh và nhẫn nhục của bậc Thánh, không còn tham dục, được diệt độ là nhờ chú tâm nơi niệm xứ, đầy đủ các pháp, không thực hành theo các địa của hàng Thanh văn, Duyên giác, kính giữ tuệ vô ngại, tâm không mê hoặc. Trong thời tượng pháp, những ai có thể siêng năng như vậy, cẩn thận đối với thân và miệng, không xa rời ý, không nương tựa người khác, quan sát pháp như vậy là bậc trên hết, có oai đức, đạt được cội nguồn chân chánh. Đó là thông suốt, đạt đến ý căn.

Thế nào là Bồ-tát đạt được định ý căn? Thế nào là hiểu rõ về định ý căn ấy? Bồ-tát nào thường thực hành thiền định, nhất tâm không tán loạn, tu hành theo hạnh nghiệp của bậc Hiền thánh, tâm không vướng mắc do không buông lung nên khéo léo an trụ trong thiền định, tâm ý sáng suốt, đạt được các định, quan sát pháp môn thiền định không hề điên đảo, nhờ không tán loạn nên thể nhập tịch tĩnh, từ Tam-muội xuất ra nhưng không nương vào thiền định, có sự ưa thích nên tạo lập đạo nghiệp, dùng thiền định làm nhân duyên, tự mình hoan hỷ, không nương vào người khác, có thiền định chánh thọ nhưng không lệ thuộc vào lời dạy về thiền, nhờ đạt được oai đức và định ý nhất tâm nên vị ấy không còn tham đắm lợi dưỡng, tu hành lặng lẽ, là bậc Tối thượng, có oai đức, đạt được định ý căn và được giải thoát.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào là Bồ-tát thực hành trí tuệ căn? Thế nào là hiểu rõ về trí tuệ căn? Là Bồ-tát không còn ngã và ngã sở. Sao lại gọi như vậy? Vì diệt trừ hết các khổ, làm tiêu tan hết sự tạo tác của thân, lúc nào cũng thực hành theo trí tuệ, thấy khắp nơi, không còn tham dục, đoạn trừ tập, chứng đắc đạo quả, hướng đến nẻo vô vi. Vì thực hành theo tuệ căn nên thấy khắp ba cõi đều bừng cháy, biết ba cõi là khổ. Bậc trí không nương vào ba cõi, quan sát hết thảy đều là Không, Vô tướng và Vô nguyện, tâm chẳng sinh khởi cũng chẳng vận hành, thấy chúng đều là hữu vi nên không bỏ hết thảy như cứu lửa cháy trên đầu, đầy đủ pháp Phật, chuyên tu tập các pháp, tuy ở trong ba cõi nhưng dập tắt và buông bỏ vướng mắc, đối với ba cõi không hề luyến tiếc, tiêu trừ hết mọi ưa thích, xả bỏ các pháp hữu vi, tất cả nhiễm ô và sự trói buộc của ái dục, tâm không hề bị vướng mắc, không ưa thích năm dục lạc, không tham đắm cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, tâm luôn mong muốn trí tuệ sáng suốt và vun trồng công đức của bậc Thánh không

có giới hạn giống như sông biển, sự hành hóa chí thành không bờ bến, thông đạt các pháp, dùng trí tuệ để hiểu rõ ba cõi nhưng không bị nhiễm ô. Đó là bậc hơn hết, đầy đủ công đức và trí tuệ căn, được đến bờ bên kia.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào gọi là căn? Căn nghĩa là không thể lay động, do không thể lay động nên chẳng buông lung, giong ruổi nên gọi là căn; vĩnh viễn không xoay vần, không nương tựa người khác, một mình không có bạn, tùy thuận theo giáo pháp gọi là căn; không nhục mạ người khác, không thể lay động, chẳng bị sai lầm gọi là căn. Này Bồ-tát Trì Nhân! Như vậy là Bồ-tát hiểu rõ về các căn.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát hiểu rõ về các căn của chúng sinh, khéo tu học Đại thừa, biết căn tánh của chúng sinh thanh tịnh hay nhiễm ô, căn tánh tham dục hay không tham dục, căn tánh sân hận hay không sân hận, căn tánh ngu si hay sáng suốt, biết căn tánh bị đọa vào cõi ác hoặc sinh vào loài người, biết căn tánh được sinh lên cõi trời hay cõi Phật khắp mười phương, căn tánh tâm thông minh, thấp kém hay trung bình… thảy đều thấy biết hết. Hoặc biết rõ hạng hạ tiện, thô xấu, các căn không đầy đủ, hoặc đủ các căn… đều biết tất cả; các căn ứng hợp với pháp, có căn tánh phương tiện hoặc chẳng có phương tiện cũng đều biết hết; căn tánh có tội hay không tội, căn tánh ô nhiễm hay không ô nhiễm, căn tánh nguy hại hay chẳng nguy hại thảy đều biết hết; căn tánh tùy thuận, căn tánh không tùy thuận, căn chướng ngại, căn không chướng ngại, căn hạnh cõi Dục, căn hạnh cõi Sắc, căn hạnh cõi Vô sắc, căn xiển dương điều lành, căn hoàn toàn ác… có thể biết tất cả; căn có nơi hướng đến, căn nhân từ, căn ở nơi tà kiến, căn tạo lập chánh kiến, căn tham tiếc, căn không keo rít… thảy đều biết hết; căn tánh nhạy bén, căn tánh chậm lụt, căn tánh mê hoặc, căn tánh sáng suốt, căn tánh nhanh nhẹn, căn tánh hiền hòa, căn tánh nhẫn nhục, căn tánh sân hận, căn tánh ganh ghét, căn tánh không ganh ghét, căn tánh đầy đủ sự bố thí, căn tánh không đầy đủ sự bố thí, căn tánh có niềm tin, căn tánh không có niềm tin, căn tánh tham dục, căn tánh lìa tham dục, căn tánh tại gia, căn tánh xuất gia, căn tánh trọn vẹn giới, căn tánh phá giới, thảy đều biết hết; căn tánh tin vào giới, căn tánh không tin vào giới, căn tánh thanh tịnh, căn tánh trọn vẹn nhẫn, căn tánh sân hận, căn tánh hướng đến tinh tấn, căn tánh biếng nhác, căn tánh tâm tán loạn, căn tánh giữ gìn điều cốt yếu, căn tánh định ý, căn tánh trí tuệ sáng suốt, căn tánh bỏ mất trí tuệ, căn tánh đầy đủ ánh sáng của bậc Thánh, căn tánh ngu si, căn tánh không sợ hãi, căn tánh tự cao tự đại, căn tánh không còn tự cao, căn tánh đạt được đạo, căn

tánh theo tà kiến, căn tánh tâm an ổn, căn tánh tâm ý buông lung… thảy đều biết hết; căn tánh ý tán loạn, căn tánh tịch tĩnh, căn tánh phát khởi, căn tánh không có đối tượng sinh khởi, căn tánh thanh tịnh, căn tánh ô nhiễm, căn tánh thông minh, căn tánh hiển bày sáng suốt, căn tánh Thanh văn, căn tánh Duyên giác, căn tánh thừa Bồ-tát, căn tánh thừa chư Phật… thảy đều hiểu rõ và biết tất cả. Đó gọi là bậc đạt được diệu lực, không có bạn cũng chẳng buông lung, gọi là không còn luân hồi, đạt đến phương tiện khéo léo, tên là ý căn, biết rõ căn tánh của chư Thiên, Rồng, Thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, là bậc Tối thượng oai đức cao vời, không ai sánh kịp cũng chẳng thể lay động, dùng mọi phương tiện để hành hóa, đạt đến bờ bên kia. Những ai siêng năng tu tập theo kinh điển như vậy thì mau chóng thông đạt, được tự tại đối với tất cả các pháp, đi đến các cõi nước khắp mười phương không hề bị chướng ngại.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Thế nào là Bồ-tát hiểu rõ về đạo? Thế nào là đạt được đạo? Đó là Bồ-tát thực hành theo tám Thánh đạo: Một là chánh kiến, hai là chánh niệm, ba là chánh ngữ, bốn là chánh mạng, năm là chánh nghiệp, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

Thế nào là chánh kiến? Đó là Bồ-tát đoạn trừ tất cả các tà kiến. Vì sao? Vì tất cả các đối tượng để thấy cho đến Niết-bàn, nếu muốn thấy Phật thì phải đoạn trừ các kiến chấp như vậy, mới gọi là chánh kiến. Do không có kiến chấp, không nắm giữ kiến chấp, không thành lập danh tự về các kiến chấp, không có chỗ nương tựa, tất cả đều không có đối tượng nhớ nghĩ, do không điên đảo, không có đối tượng, không có tưởng, nên gọi là chánh kiến. Thế nào gọi là thấy bình đẳng? Là buông bỏ hết tà kiến, hư vọng ở thế gian, như vậy là đoạn trừ hết các đối tượng thấy, trụ ở chánh kiến mà không hề vướng mắc, không có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng, không chấp vào Niết-bàn, xa lìa sự nắm bắt các dục và không chứa nhóm các kiến chấp. Thế nào là chánh kiến? Tất cả đều tịch tĩnh, không còn sinh khởi, an lạc, cũng chẳng tan mất, thấy tất cả là không tạo tác, vốn là thanh tịnh, không mong cầu hết thảy các pháp, cũng chẳng phải không có tưởng, ứng hợp với tất cả. Đó gọi là chánh kiến xuất thế gian. Thế nào là chánh kiến? Là không thủ đắc hiện tại, cũng chẳng ra khỏi thế gian mà dùng chánh kiến để hiện bày pháp thế gian và xuất thế gian nhưng không khởi tưởng hiện bày, diệt trừ tất cả các tưởng, không nắm giữ pháp tà kiến, bình đẳng đối với các pháp không bình đẳng, không còn tạo tác. Đó gọi là xuất thế gian, mới gọi là chánh kiến. Như vậy, tất cả các pháp đều không có đối

tượng sinh khởi, cho nên gọi là chánh kiến; thấy sự chân thật, ngay thẳng không sai lệch, đó gọi là chánh kiến. Này Bồ-tát Trì Nhân! Đó là Bồ-tát thực hành chánh kiến.

Thế nào là chánh niệm? Đó là biết như thật về tất cả các ý niệm, những tư duy về vô vi, pháp Phật, Thánh chúng… đều là tư tưởng tà vạy. Vì sao? Vì đoạn trừ tất cả những tư tưởng và tư duy về bình đẳng… thì niệm ấy gọi là chánh niệm, vì không còn các tưởng nên gọi là chánh niệm. Vì sao? Vì diệt trừ hết thảy những tư duy gọi là quan sát chân chánh, khi nào không có tà vạy cũng chẳng có các tưởng mới trụ trong chánh niệm, không thủ đắc tư duy, xa lìa các tưởng tà hay chánh… gọi là chánh niệm. Do trừ hết các tưởng, các tập khí, mọi ý niệm, xả bỏ sự hư vọng, điên đảo, dứt bặt các tưởng và chẳng phải tưởng… hết thảy các niệm, không nương vào các niệm, tiêu trừ các tưởng. Đó gọi là chánh niệm.

Thế nào là chánh ngữ? Tất cả ngôn từ đều là hư vọng, là điên đảo, là tưởng mê hoặc mà cho là chân thật rồi tự nghĩ: Đoạn trừ hết thảy các ngôn từ đã giảng nói, đó là chánh ngữ. Ngôn ngữ không thể diễn đạt, không đến, không đi, chỗ thấy cũng vậy, không có gì sai khác, do đạt được chánh ngữ nên miệng luôn nói lời ngay thẳng, chân thật, cho nên gọi là chánh ngữ, miệng nói lời thanh tịnh, bất cứ ở đâu cũng đều bặt dứt ngôn từ, biện tài, tuy tâm thông đạt nhưng miệng chẳng giảng nói, xả bỏ lời nói tà vạy, trụ nơi chánh ngữ.

Thế nào là chánh nghiệp? Đạt được chánh nghiệp thì biết rõ tất cả các nghiệp tà vạy. Tất cả những nghiệp ấy chẳng phải chân thật, vốn chẳng tạo tác. Vì sao? Vì tất cả các nghiệp đều không đạt đến chỗ rốt ráo mà chúng đều tan rã, đó gọi là chánh nghiệp. Nghiệp không có chánh, không có tà, không có đúng, chẳng có sai, không có tưởng cũng chẳng phải không có tưởng… đều vượt qua các nghiệp, không tạo tác chánh, tà, hiểu rõ các nghiệp là không tạo tác cũng chẳng phải không tạo tác, đó gọi là chánh nghiệp; có thể giảng nói về các nghiệp chánh, tà, hiểu đúng như thật về các nghiệp, cũng thấy được sự chân thật, không có sự ứng hợp nào mà chẳng ứng hợp, đó gọi là chánh nghiệp; do thực hành chân chánh, không có nghiệp tà, thấy bình đẳng, hành hóa theo chân lý, đó là chánh nghiệp.

Thế nào là chánh mạng? Nghĩa là, biết tất cả các mạng sống đều rơi vào tà vạy. Vì sao? Vì các tưởng như: tưởng về mạng sống, tưởng về vạn vật, về vô vi, Niết-bàn, tưởng về thanh tịnh và tưởng thấy Phật… cho đến trụ vào nhất tâm thanh tịnh, muốn được mạng sống thanh tịnh đều rơi vào nghiệp sai quấy. Tất cả các mạng sống đều là tánh mạng chân chánh, nhưng

không cho là tà cũng chẳng cho là chánh, đó gọi là chánh mạng; nói rằng tà mạng và tất cả các mạng sống đều thanh tịnh, đó là chánh mạng; hiểu rõ tất cả các mạng sống là không có chánh hay tà, trụ vào hạnh thanh tịnh, không buông lung, không có chánh hay tà, không có hai, chẳng phải một, không có sự ứng hợp nào mà chẳng ứng hợp, đó là chánh mạng; không trụ vào tà vạy để đạt được mạng sống thanh tịnh, không tưởng về mạng sống, không có thiện, bặt dứt ngôn ngữ, không có mạng sống cũng chẳng phải không có mạng sống, luôn thực hành bình đẳng, thấy biết chân không hư dối, đó gọi là chánh mạng.

Thế nào là chánh tinh tấn? Là trừ bỏ các tinh tấn tà vạy. Vì sao? Vì tất cả các sự tinh tấn đều rơi vào nẻo tà, ở đâu có tinh tấn mà tâm bị kết sử trói buộc thì gọi là tà tinh tấn. Vì sao? Vì tất cả các pháp không có tinh tấn chân thật hay tà vạy, các sự thực hành chân chánh thì không phải chân chánh, vì chúng chẳng phải chân chánh nên gọi là tà tinh tấn, là chẳng phải tinh tấn, không rốt ráo, chẳng có ngôn từ, bặt dứt sự tinh tấn vì chúng không thật có, đoạn trừ tưởng về Niết-bàn, không còn tưởng về pháp Phật, biết tinh tấn thực hành và tất cả các sự tinh tấn đều chẳng phải chân chánh, cho đến không có tinh tấn, tất cả đều bình đẳng nên không có tinh tấn, bình đẳng đối với tất cả các pháp, không gì khác biệt, không có tinh tấn, vượt trên những phương pháp, nếu có phương pháp thì cũng chẳng chấp giữ, không có gì mà chẳng ứng hợp. Đó là chánh tinh tấn, đạt được những điều này thì gọi là tinh tấn, cũng gọi tinh tấn là chánh định, bặt dứt cả tinh tấn mới gọi là chân lý, như vậy là thấy bình đẳng, không khởi tưởng về tinh tấn, do không có tưởng nên đúng là chánh tinh tấn.

Thế nào là chánh niệm? Tất cả các niệm đều là tưởng về tà, các niệm của ý cũng chính là tư duy tà vạy. Vì sao? Vì tất cả đều rơi vào tà kiến, chúng đều từ ý sinh khởi nên gọi là tà. Ý không có đối tượng để nhớ nghĩ. Vì sao? Vì tất cả các sự nhớ nghĩ đều do nhân duyên sinh, nên cũng gọi nhân duyên là tà vạy. Ý nơi đối tượng của niệm không khởi cũng chẳng diệt gọi là chánh niệm. Cho là chánh niệm vì không có ý niệm, trụ xứ và nghiệp phát khởi, không có ý cũng chẳng phải không có ý, thanh tịnh bậc nhất, ý niệm không tà vạy, đoạn trừ hết các tư duy, không khởi ý niệm đối với các điều tà thì gọi là an trụ nơi chánh niệm. Bậc chánh niệm ấy, không phải chánh, không phải tà, không phải chánh niệm hay tà niệm, diệt trừ tất cả các ý, các niệm và tư tưởng, hiểu rõ hết thảy nhưng tâm không hề loạn động, thường thực hành sáu Độ, gọi là trụ nơi chánh niệm, ý chưa từng sinh khởi tưởng có ý hay chưa có ý, thông suốt hết thảy ý niệm, biết chúng là chân thật nhưng không suy nghĩ có ý hay không có ý, ứng hợp hay chẳng

ứng hợp, đó là trụ nơi chánh niệm, không có ý cũng chẳng tà vạy, nhớ nghĩ đến hạnh bình đẳng, không có niệm cũng chẳng phải không có niệm, không có nhân, không tư duy cũng chẳng có đối tượng để tư duy, hết thảy đều chẳng mong cầu, đạt đến chỗ bặt dứt ngôn ngữ, không có ý cũng chẳng phải không có ý, trụ vào tư duy bình đẳng, không ngôn từ, chẳng bàn luận, xả bỏ hết thảy từ ngữ, hiểu đúng như thật, không hề giảng nói, chẳng có tư duy cũng không có tưởng. Đó gọi là trụ vào bình đẳng.

Thế nào là chánh định? Nghĩa là, thấy tất cả các định đều là tà định. Vì sao? Vì chấp giữ tưởng làm nhân duyên của định, chấp vào tà hay chánh đều là tà định, cho nên gọi thủ đắc định này không phải là chân chánh. Nếu đối với các thọ mà không có đối tượng thọ nhận, chẳng mong cầu tưởng về chánh định, không giảng nói về tịch tĩnh, không nhớ nghĩ đến chánh định, không có đối tượng duyên dựa, không tạo tác cũng chẳng truyền trao, bặt dứt sự vui mừng, vĩnh viễn an lạc, hiểu rõ về tưởng của định, đối với Tam-muội không có chỗ trụ chấp. Đó gọi là Chánh định Tam-muội. Sở dĩ gọi chánh định vì đối với tất cả các định không hề vướng mắc nên không buông lung, đạt được tuệ như thật thông suốt định ý, không nương vào các định, không mong cầu ý niệm, không lệ thuộc vào các hạnh chân chánh, do đó không có tưởng nào mà chẳng phải tưởng, chẳng phải tưởng ấy cũng không có tưởng, gọi là chánh định. Định này không chánh, không tà, tất cả đều chẳng mong cầu, vì đoạn trừ các tưởng và diệt hết các sự mong cầu, gọi là chánh định. Cho là chánh định vì không có định chánh hay tà, tâm không có đối tượng sinh khởi cũng chẳng có chánh hay tà, không có chánh định cũng chẳng có tà định. Vì sao? Vì có khả năng hiểu rõ các định phương tiện, cho đến trụ vào chánh định, không có tưởng về Tam-muội, không chứa nhóm bình đẳng, ban rải khắp tất cả mới gọi là chánh định, vị ấy không còn luân hồi, không tạo tác cũng chẳng buông lung, đối với các pháp chánh hay tà đều bình đẳng, tất cả định ý đều trở về nơi chánh định, biết tất cả ba cõi đều là pháp hữu vi, dùng trí tuệ để nhận biết và tư duy về chân lý, qua lại tự tại trong năm cõi.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Như vậy là Bồ-tát hiểu rõ ý nghĩa của đạo, đạt được như vậy nên thông suốt ngọn nguồn về đạo, nếu thực hành theo hạnh bậc Thánh, xiển dương chân lý như vậy gọi là chánh định.

-oOo-

KINH BỒ-TÁT TRÌ NHÂN

QUYỂN 4

PHẨM 9: THẾ GIAN VÀ XUẤT THẾ GIAN

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát làm thế nào để hiểu rõ những điều cốt lõi của pháp thế gian và xuất thế gian? Thế nào là thế gian và xuất thế gian? Đó là, Bồ-tát thường phải tư duy thuận hợp về thế gian và xuất thế gian. Thế nào là tư duy thuận hợp? Thế nào là pháp thế gian và pháp xuất thế gian? Nếu chấp vào pháp điên đảo thì đều từ tưởng mà có, do nhân duyên sinh khởi, hư vọng hòa hợp, có hai nhân duyên để kiến lập cũng từ hai loại tưởng mà sinh khởi: Một là từ hư vọng, hai là từ vô sinh. Từ ngôn ngữ hư dối và pháp mê hoặc thì có được tướng tăm tối, giống như trẻ thơ cầm vô số vật vẽ vào hư không. Phàm phu luôn ở trong thế gian, tưởng là có thế gian, xét thế gian ấy đều tan rã, thay đổi, hoại diệt, nhờ thấy tất cả các pháp thế gian đều từ hư vọng mà thành, nhân ấy không tạo tác, vốn chẳng sinh ra, các ấm và các nhập đều từ duyên mà khởi; sắc, thanh, hương, vị và xúc cũng là pháp do duyên mà có. Phàm phu thiếu trí tuệ tâm luôn duyên dựa nên không nói sắc do duyên tạo ra, sở dĩ thấy như vậy là do có vô số kiến chấp, lại có sự nương tựa, vướng mắc. Nếu xả bỏ hết những chủng tánh ấy thì khiến thế gian thấy được chỗ điên đảo. Do thấy được sự tồn tại của pháp thế gian và xuất thế gian như vậy nên biết chân lý của pháp thế gian, đạt đến cội nguồn thanh tịnh, đó là pháp xuất thế. Bậc trí không mong cầu pháp thế gian, thông đạt chúng là không thể nắm bắt, đối với pháp xuất thế gian cũng vậy. Nếu không thể hiểu rõ pháp thế gian và xuất thế gian thì không thể biết được hạnh nghiệp thế gian và xuất thế gian, không thông suốt được thế gian và xuất thế gian vốn thanh tịnh. Thế nào là thông suốt hạnh nghiệp xuất thế gian? Nếu thế gian vốn thanh tịnh thì xuất thế gian cũng vậy. Vì sao? Vì vĩnh viễn không thể nắm bắt. Pháp thế gian vốn thanh tịnh, thảy đều rỗng lặng, pháp xuất thế gian cũng vậy, vốn là tự nhiên; thế gian vốn tịch tĩnh vì thật tướng của thế gian luôn thành tựu rốt ráo, nên quan sát như vầy: Thế gian và xuất thế gian đều không thể nắm bắt, không thủ đắc xuất

thế gian, không đắm nhiễm thế gian, không nhớ nghĩ đến xuất thế gian, do không nhớ nghĩ đến thế gian và xuất thế gian nên không can dự vào sự thanh tịnh ở thế gian. Vì sao? Vì hiểu rõ thế gian vốn là pháp hư vọng tạm bợ, mê hoặc, nhờ thấy như vậy nên biết thế gian duyên dựa vào sự trống rỗng, nên không khởi tưởng đối với thế gian cũng không ưa thích xuất thế gian. Vì sao? Sở dĩ gọi thế gian vốn là do năm ấm, do tham cầu tập hợp tất cả pháp thế gian mà thành. Bậc trí thông đạt rằng tìm cầu các ấm thì vĩnh viễn không thể được, năm ấm là thật tướng nên không thể nắm bắt, năm ấm vốn thanh tịnh nên cũng không thể nắm giữ, năm ấm không đến, đi, không có đối tượng hướng đến, không thể biết được nơi chốn. Đó là xuất thế gian. Vì không tìm cầu nơi hướng đến của năm ấm nên không chấp vào năm ấm, biết tất cả vốn thanh tịnh và các nhập cũng vốn thanh tịnh. Bồ-tát nào quan sát pháp thế gian mà không có đối tượng để thấy thì vị ấy đã đạt đến pháp xuất thế, không còn chấp vào xuất thế gian cũng không hòa hợp với thế gian nên không có thế gian mà chỉ thấy xuất thế gian, ở nơi xuất thế gian nên không còn chấp pháp thế gian không thấy có sai khác, không còn xoay vần trong hai pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Nhân! Trong hiện tại, vị ấy hiểu rõ ngọn nguồn thế gian vốn không thật có, xuất thế gian cũng vậy. Tuy thấy có thế gian nhưng không có pháp thế gian, phân biệt về pháp xuất thế gian cũng giống như vậy, vì hiểu rõ không có pháp thế gian. Giả sử có người cho: Thế gian khác với xuất thế gian, thì đối với người ấy, Phật không xuất hiện ở đời, tuy Phật có ra đời nhưng họ vẫn gặp đời điên đảo, không thể phát tâm hành đạo, hiểu pháp chân chánh, phải nhờ bậc có trí tuệ quan sát thế gian để giảng nói kinh pháp, ở trong đời điên đảo, tham chấp mà cứu giúp chúng sinh, đó gọi là xuất thế gian. Cho nên, này Bồ-tát Trì Nhân! Nhờ hiểu rõ pháp chân chánh, dùng trí tuệ để quan sát và thông đạt thế gian điên đảo nên gọi là xuất thế gian. Như Lai xuất hiện ở đời, giảng nói các pháp khắp nơi, nhưng không phân biệt có hai loại thế gian và xuất thế gian, dùng trí tuệ chân chánh để quan sát và được chứng đắc, cho nên gọi là giảng nói pháp xuất thế gian.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Chẳng phải nhờ vào pháp này mà tồn tại ở thế gian, chúng không có đối tượng hướng đến, không thể tiêu trừ, không duyên dựa vào sự tranh luận về thế gian mà hiểu được ý nghĩa thế gian, không nhớ nghĩ pháp xuất thế gian, thông đạt ngôn từ ở thế gian, thấu rõ nguồn gốc các tưởng rồi cho rằng tưởng có hai, không thể thông suốt đúng như pháp nên không thể cứu giúp chúng sinh, không hiểu biết rõ cũng chẳng đạt được pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì dùng hai hạnh. Hai hạnh ấy không

thể biết được là thế gian hay xuất thế gian. Bồ-tát thấu rõ về phương tiện của tất cả các pháp như vậy thì thông suốt tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.

-oOo-

PHẨM 10: HỮU VI VÀ VÔ VI

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Sao gọi là Bồ-tát phân biệt biết rõ về pháp hữu vi và vô vi? Thế nào là pháp hữu vi và vô vi? Đó là, Bồ-tát dùng sự hiểu biết chân chánh để thuận theo nghĩa lý và tìm hiểu pháp hữu vi và vô vi. Thế nào là thuận theo nghĩa lý? Thế nào là tìm cầu điều trên? Đó là, không tạo tác pháp hữu vi, nếu có đối tượng để thấy thì tự nhiên biết tên gọi, có tạo tác nên gọi là hữu vi. Lại nữa, pháp hữu vi là hư giả, chuyển đổi. Thế nào là thay đổi? Do có tập hợp nên tự nhiên tan rã, kiến lập do hai nhân duyên mà nhân duyên vốn không cùng tận, tất cả mọi vật hiện có đều do nhân duyên sinh. Hết thảy các pháp hoặc không tạo tác, tự tạo tác hay bảo người khác tạo tác đều tự nhiên sinh ra, đó là pháp hữu vi, cũng chính là pháp tự nhiên, không có sự xoay vần nên gọi là hữu vi. Pháp hữu vi ấy không ở trong, không ở ngoài, cũng chẳng ở giữa, tồn tại huyễn hoặc, không hợp không tan, do tư tưởng hư vọng kiến lập, từ duyên vô minh sinh ra nghiệp ngu si mà có tất cả các pháp, chúng tự nhiên xoay vần, không thể tạo ra, từ pháp hữu vi mà nhận chịu tướng nghiệp, cũng do điên đảo, vì phàm phu do tối tăm nên duyên dựa vào danh tự ấy. Lại nữa, bậc có trí tuệ thì thông đạt không thể chạm tới biên vực của hữu vi, không nương tựa vào hữu vi cũng chẳng phải hòa hợp mà có pháp. Đó gọi là trí tuệ. Nhờ trí tuệ nên phân biệt được nẻo thật, có đối tượng tạo tác, bặt dứt tất cả sự tạo tác. Nhờ trí tuệ mà thấu rõ tất cả các hành đều trống rỗng, tạm bợ, các pháp này đều chẳng thật có, bao gồm cả tự nhiên cũng chẳng phải tự nhiên, từ ý niệm mà có ra hết thảy pháp hữu vi. Vì sao? Vì không nên làm theo nhân duyên hữu vi, hoặc biết rõ pháp vô vi là chưa từng chứa nhóm các duyên của pháp hữu vi, hiểu rõ vô vi như vậy mới thông đạt các pháp. Thế nào là hiểu rõ? Tất cả các pháp hữu vi đều chẳng thật có, là không có hình tướng, chúng không có giới hạn, chẳng có sự nhóm họp, bậc Trí quan sát về điều này, không có pháp hữu vi là chỗ đạt đến sự sinh khởi rốt ráo. Pháp hữu vi ấy cũng chẳng có đối tượng thọ nhận, đều chẳng khác biệt. Hữu vi và vô vi cũng không có gì khác nhau, đoạn trừ hết các nghiệp hữu vi, đó là hữu vi cũng là vô vi, đây là tướng hữu vi, đây là tướng vô vi. Sao gọi là tướng hữu vi? Nghĩa là, biết có sinh chắc

chắn có chết, có nhóm họp thì phải xa lìa. Thế nào là tướng vô vi? Là không sinh, không diệt, không tập hợp cũng chẳng xa lìa, phàm phu không thể hiểu rõ được hai nghĩa này nên chẳng thể biết được hữu vi, do các pháp có tướng sinh khởi, tướng hoại diệt, cũng chẳng trụ vào tướng khác, do từ không có tướng mà sinh rồi trụ nơi tướng khác, nếu không có tướng ấy thì Như Lai đã giảng nói, từ tướng này sinh khởi, từ tướng này hoại diệt cũng trụ vào tướng này.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Như Lai đã giảng nói, tất cả các pháp đều là tướng hữu vi, vì có sự thành tựu, không có tướng sinh khởi, không có tướng hoại diệt, cũng chẳng có tướng tồn tại. Như Lai cũng giảng nói tướng vô vi không là tướng phải tướng quấy, không thể dùng tướng hữu vi ấy để hướng đến vô vi. Vì phàm phu ít trí tuệ, Như Lai mới giảng nói các pháp, khi pháp hữu vi khởi lên thì phải diệt tận, chỉ có vô vi mới an lạc vì không tạo tác, không sinh, không diệt, cũng chẳng có chỗ trụ. Đó gọi là vô vi. Từ đối tượng tích tập ấy mà có sự sinh diệt, nếu chẳng tích tập thì hoàn toàn rốt ráo, không hoạt động, không rốt ráo cũng chẳng trụ ở đâu khác, đó là hiểu biết chân chánh, là bậc có trí tuệ, không mong tích tập, biết có đối tượng sinh khởi thì có tan rã, không bám víu vào nơi nào khác. Bồ-tát nào quan sát về pháp hữu vi và pháp vô vi thì nên quán như vầy, chúng không phải có cũng chẳng phải không, mà luôn thấy như thật, không thấy hữu vi và vô vi, hữu vi không thấy được vô vi, vô vi không thấy được hữu vi cũng chẳng thấy có vô vi nào khác mà tự biết là do ngã và ngã sở, có sự chân chánh là thấy được hạnh nghiệp hữu vi, không có hữu vi nào khác tức là thấy chân lý, mọi tư duy đều là vọng tưởng, pháp hữu vi và vô vi ấy hoàn toàn không có tưởng. Hữu vi và vô vi không có tưởng phân biệt và các tưởng khác, bặt dứt các sự vướng mắc là thông đạt về vô vi, diệt trừ các duyên, biết chúng vốn thanh tịnh, không có nhân duyên, nhân ấy vốn thanh tịnh tức thấy chân lý. Do có thể thấu rõ như vậy nên không tạo tác, không chứa nhóm. Bồ-tát nào có thể kiến lập hữu vi và vô vi như vậy thì hiểu rõ các pháp là không phải có cũng chẳng phải không, không duyên dựa vào hữu vi và vô vi mới có thể đạt được đạo quả giác ngộ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bồ-tát nào phân biệt năm ấm, hiểu rõ các chủng tánh, thông đạt sáu nhập, biết rõ mười hai nhân duyên, tường tận về bốn Niệm xứ, năm Căn, tám Chánh đạo, thấu rõ về hạnh nghiệp thế gian và xuất thế gian, nhận biết rõ về pháp hữu vi và vô vi thì nhờ sự thông suốt này, vị ấy hiểu rõ cội nguồn

của tất cả các pháp, giảng nói rộng rãi về các pháp, đạt được diệu lực của ý, biết tường tận chương cú của tất cả các pháp, bặt dứt sinh tử, tâm không hề tan hoại, có khả năng đạt đến đạo quả Chánh chân Vô thượng, thành Bậc Tối Chánh Giác.

-oOo-

PHẨM 11: BỒ-TÁT BẢO QUANG

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Về thời quá khứ, cách đây vô số kiếp không thể lường xét, không có giới hạn, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Như Lai Tử Kim Sơn Vương đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Như Lai Tử Kim Sơn Vương sống lâu năm kiếp, chúng Thanh văn không thể tính kể, chúng Bồ-tát cũng không có giới hạn, không thể biết được là nhiều hay ít. Cõi nước ấy hưng thịnh, mưa gió điều hòa, năm thứ lúa thóc hoa màu luôn được mùa. Dân chúng an lạc, mạnh mẽ không khiếp sợ, mỗi người đều đạt được tâm bình đẳng, thực phẩm sử dụng không bị bệnh tật, ít tham, sân, si, khéo léo tu tập, sống đúng lễ nghĩa, thuận theo giới luật thanh tịnh. Vì đoạn trừ lưới nghi cho hàng Bồ-tát và tất cả chúng sinh khiến các vị không còn kết sử, nên Đức Như Lai ấy đã khai mở kho tàng giáo pháp của Bồ-tát. Khi ấy, có vị Bồ-tát tên là Bảo Quang, nghe Đức Phật ấy thuyết giảng về hạnh nghiệp của các Bồ-tát xong, Bồ-tát Bảo Quang liền thông đạt các ấm, các nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, các căn, niệm xứ, tám Chánh đạo, pháp thế gian và xuất thế gian, pháp hữu vi và vô vi, liền kính nhận và siêng năng tu tập, trải qua mười hai ức năm, chưa từng khởi tâm tham, sân, si, không tham cầu lợi dưỡng, thực phẩm, y phục, giường chiếu, thuốc thang trị bệnh, tâm chỉ siêng tu, thể nhập đúng như pháp, luôn tư duy, tu tập tinh tấn trọn đời, ở chỗ Đức Phật tu phạm hạnh, sau khi lâm chung được sinh trở lại nước ấy, cũng trong loài người, ở nơi chỗ cũ, lại xuất gia học đạo, hiểu đúng như pháp, kính giữ để thực hành; lại ở cõi ấy sáu mươi ức năm, tu tập phạm hạnh, tâm không lìa xa, gặp được pháp Phật, luôn mong cầu không buông bỏ. Sau khi lâm chung, Bồ-tát ấy được sinh trở lại cõi Phật kia, gặp Đức Như Lai Tử Kim Sơn Vương vẫn còn ở đời, nên tiếp tục ở cõi nước ấy tu hành phạm hạnh. Trong mỗi kiếp, trải qua năm lần sinh ra rồi chết đi, sau khi Đức Như Lai Tử Kim Sơn Vương diệt độ năm kiếp, Bồ-tát ấy chính là bậc mô phạm, học rộng hiểu nhiều không có giới hạn, thông đạt các pháp, ở trong năm kiếp

mới có thể nghe nhận, quan sát những điều thưa hỏi từ Đức Phật kia, rồi đạt được diệu lực về ý, quan sát về Như Lai, vì chúng sinh mà giảng nói rõ ràng khai mở cho vô lượng người khiến họ phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng. Sau khi Đức Phật ấy diệt độ, chánh pháp trụ ở đời một kiếp, Bồ-tát ấy được sinh trở lại trong loài người năm trăm lần, thường xuất gia học đạo, tôn kính Đức Phật, hiểu rõ kinh điển, giáo hóa cho vô số chúng sinh, khiến họ thể nhập vào các hạnh. Bồ-tát Bảo Quang gặp được vạn ức Đức Phật, cuối cùng gặp Đức Phật tôn hiệu là Vô Lượng Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác và được Đức Phật ấy thọ ký: Trải qua vô lượng kiếp, ông sẽ chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng, vô số kiếp nữa, ông sẽ được gặp trăm ngàn triệu ức na-do-tha chư Phật và thành tựu quả vị Bồ-đề vô thượng, có tôn hiệu là Quyết Nhất Thiết Nghị Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, chúng Thanh văn không thể lường xét, không có giới hạn, chúng Bồ-tát có vô số. Dân chúng trong nước ấy sống lâu hai kiếp, lúa gạo đầy đủ và được an ổn. Do đó, này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào muốn thông đạt chánh pháp, được lợi ích như vậy thì nên siêng năng học hỏi, thọ trì và đọc tụng kinh điển cốt yếu này.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bồ-tát nào tu học theo kinh điển này muốn đạt được phương tiện thiện xảo thì thường tu học theo bốn pháp. Những gì là bốn? Một là, từ bỏ gia đình, dứt sạch các nghiệp, làm hạnh Sa-môn. Hai là, xa lìa nơi ồn ào, ở chỗ thanh tịnh để tu tập. Ba là, giữ giới thanh tịnh, không để thiếu sót, sai trái. Bốn là, không còn biếng nhác, siêng năng tư duy không dừng nghỉ. Đó là bốn. Lại nữa, thực hành theo bốn pháp này, siêng năng cầu học rộng hiểu nhiều, thường nhẫn nhục thì mau thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn? Một là, tuy ở cõi người nhưng luôn ở vùng giữa nước đầy đủ văn hiến. Hai là, gặp đời có Phật, không ở biên địa. Ba là, thường kính giữ chánh pháp, không hề chống trái. Bốn là, trừ sạch tội lỗi, không gặp tai ương. Đó là bốn. Bồ-tát nào tu học theo kinh điển cốt yếu như vậy thì có được oai lực, luôn bố thí, giữ giới thanh tịnh nhẫn nhục, siêng năng, nhất tâm trí tuệ, đạt được sự sáng suốt của bậc Thánh, nhờ tu tập pháp này mà đạt đến phương tiện thiện xảo như vậy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bồ-tát nên kiến lập công đức, ở chỗ thanh vắng, luôn biết đủ như vậy thì không còn bị trần cảnh ngăn che, thương xót chúng sinh, dùng tâm Từ bi rộng lớn để cứu giúp họ, sau đó mới học theo pháp như vậy thông đạt các hạnh cốt yếu. Lại nữa, Bồ-tát nên thể nhập vào pháp môn Tổng trì,

siêng năng tu học. Thế nào là thể nhập vào pháp môn Tổng trì, siêng năng tu học? Nghĩa là, lập chí siêng tư duy, thông đạt vô lượng pháp, dùng phương tiện để quan sát, kính giữ vô số hạnh. Lại hiểu rõ, quan sát các pháp môn định ý, các pháp môn cốt lõi, thể nhập nhân duyên chánh hạnh không thể nghĩ bàn, đạt được năng lực như vậy, thông suốt tất cả các pháp, phân biệt các pháp, chứng đắc diệu lực về ý; nhờ có khả năng thông đạt như vậy nên đoạn trừ hết sinh, già, bệnh, chết, ý chí mạnh mẽ, không khiếp sợ, không bỏ mất chánh pháp, cho đến chứng đắc đạo quả Chánh chân Vô thượng, thành Bậc Tối Chánh Giác.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Bồ-tát nào thông đạt pháp môn Tổng trì thì có khả năng hiểu rõ hết tất cả các pháp, tường tận về ngôn từ, dùng một pháp thể nhập vào trăm ngàn pháp, dùng diệu lực của đạo để phân biệt các pháp và thông đạt tất cả. Lại nữa, Bồ-tát nào đạt được pháp môn định ý, hội nhập vào âm thanh, liền thể nhập vào vô lượng pháp môn định ý, nhờ được thể nhập như vậy nên có khả năng thấu rõ vô số pháp môn; nhờ thể nhập vào pháp môn của tất cả các pháp nên giảng nói các pháp, cứu giúp khắp nơi. Lại nữa, Bồ-tát ấy thực hành theo trí tuệ nên có được diệu lực của tuệ, thông suốt về các tưởng, hiểu rõ về tưởng rồi, lại nhờ diệu lực của tuệ nên thấu rõ tất cả các pháp, thông suốt nhanh chóng không bị chướng ngại. Lại nữa, Bồ-tát nào thông đạt vô lượng pháp môn định ý, nhờ trụ vào địa này nên biết được tất cả các pháp khắp mười phương. Lại nữa, Bồ-tát nào thông đạt vô lượng pháp môn Tổng trì thì thấu suốt các diệu lực của pháp môn định ý không có giới hạn, nhờ pháp môn định ý này mà xiển dương nguồn gốc của các pháp không có giới hạn, nhờ đạt được địa của đạo này nên hội nhập khắp các pháp, không có điều gì mà chẳng thông đạt. Lại nữa, Bồ-tát có khả năng thông suốt và quan sát các hạnh của thế gian, phân biệt rõ về hữu vi và vô vi, thực hành các pháp, tâm không bị vướng mắc pháp hữu vi, vô vi, thực hành tất cả các pháp như vậy nên mau chóng thông đạt các pháp, đạt được trí tuệ sáng suốt. Lại nữa, Bồ-tát thực hành phương tiện thiện xảo, quan sát tất cả các pháp vốn không có đối tượng để thực hành, tuy quán như vậy nhưng không lệ thuộc pháp thế gian, không vướng mắc pháp thế gian, cũng không có đối tượng duyên dựa, nhờ tu theo các pháp như vậy nên mau chóng hiểu rõ tất cả các pháp, phân biệt các pháp, đạt được diệu lực của ý, dùng tài sản bố thí, thấu suốt chương cú, đoạn trừ sinh, già, bệnh, chết, đầy đủ các hạnh. Do đó, này Bồ-tát Trì Nhân! Có bốn pháp để Bồ-tát thực hành các pháp, đạt được giải thoát. Những gì là bốn? Đối với pháp này nên thực hành đúng như ý nghĩa, siêng tu tập chánh pháp, đối với kinh điển này không hề

chướng ngại và thể nhập vào khắp các tuệ bậc nhất.

-oOo-

PHẨM 12: BẢN SỰ

Đức Phật bảo Bồ-tát Trì Nhân:

–Về thuở quá khứ, cách đây vô số kiếp không thể tính kể, không có giới hạn, có Đức Phật hiệu là Vô Lượng Quang Siêu Thù Vương đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vào thời của Đức Phật ấy, chúng Thanh văn không thể tính kể, các chúng hội không có giới hạn, chúng Bồ-tát không thể lường xét. Đức Phật ấy trụ thế trong một kiếp. Cõi nước của Ngài đều do bảy báu làm thành, cây bằng bảy báu bao bọc chung quanh, tất cả các cây được trang hoàng bằng các loại báu, đẹp đẽ quý giá, khắp các nẻo đường đều có màn che, dưới các gốc cây đều có tòa Sư tử, trên các tòa ấy được trải những vải vóc mịn màng, tốt đẹp, hết thảy các chân của tòa ấy đều bằng lưu ly, dùng xích trân châu để trang hoàng các cây, có hương thơm tự nhiên, hợp thành lá, hoa luôn đua nhau nở rộ, ở trước các cây ấy có ao tắm tự nhiên, nước tám công đức, cát ở dưới đáy ao bằng pha lê, xa cừ, xích trân châu, ao tắm ấy được làm bằng ba loại báu, trong ao có hoa sen đủ màu sắc tự nhiên mọc lên. Lại nữa, lan can của các ao nước ấy bằng bảy thứ báu, tất cả lan can và đất đều bằng phẳng như bàn tay. Cõi nước của Đức Phật ấy thanh tịnh, không nhơ uế, có nhiều cây báu tốt tươi, như cây cổ thụ trú độ trời Đao-lợi, được trang trí bằng ngọc minh nguyệt rực rỡ, có ức ngàn cây đầy khắp cõi Phật ấy, ánh sáng của chúng tỏa chiếu, che lấp ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Các cây báu ấy có ngọc quý đan xen, phát ra âm thanh cực hay, những loài chim phượng và các ngọc nữ cõi trời ca múa hát xướng, đủ loại âm thanh êm tai như vậy vang khắp cả cõi Phật ấy. Cõi nước của Ngài không có ba đường ác, không phạm các điều ác, không giảng nói câu cú xen tạp cho chúng sinh mà chỉ giảng nói về pháp giải thoát, đó là nói về tạng pháp của Bồ-tát để giáo hóa cho vô số người trong một ngày khiến họ phát tâm Bồ-đề, do phát tâm như vậy nên đã dốc tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, liền đầy đủ các phẩm trợ đạo. Thế nên, này Bồ-tát Trì Nhân! Đức Như Lai Vô Lượng Quang Siêu Thù Vương do nhân duyên dùng phương tiện để giáo hóa khiến vô lượng, vô số chúng sinh phát tâm cầu đạo Bồ-đề, nên hiện nay, Ngài đản sinh ở phương dưới của cõi này. Ở cõi Phật ấy, Ngài đã thành tựu mọi hạnh Bồ-tát. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp tồn tại nửa

kiếp, sau khi chánh pháp diệt hết, có một vị Bồ-tát tên là Ý Vô Hạn sinh vào cõi nước của Đức Phật ấy. Cõi ấy cách đây mười cõi nước của chư Phật. Năm mười sáu tuổi, Bồ-tát Ý Vô Hạn liền xuất gia làm Sa-môn, ở chỗ Đức Phật Vô Lượng Quang Siêu Thù Vương để nghe nhận kinh điển. Khi pháp diệt hết, Bồ-tát ấy giảng nói về các ấm và phân tích rõ ý nghĩa của tất cả các nhập cho các Bồ-tát khác. Nghe pháp xong, các vị ấy đều siêng năng tu hành. Nhờ dùng phương tiện thiện xảo để đạt đến giải thoát ở nơi pháp này và nhân duyên gieo trồng cội gốc công đức mà Bồ-tát ấy được Đức Phật kia thọ ký và được gặp vô số chư Phật để nghe pháp này, sinh ở chỗ nào cũng biết được đời trước của mình, không lập gia đình, siêng tu phạm hạnh, luôn có tín tâm nên xuất gia làm Sa-môn lúc còn nhỏ tuổi, ở đâu cũng đạt được diệu lực của ý, thường phòng hộ thân, thành tựu công đức, đời sau cũng sẽ đạt được đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành Bậc Tối Chánh Giác, hiệu là Vô Lượng Quang Châu Vương Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Bồ-tát nào muốn mau chóng thành Phật, đạt được Nhất thiết trí, đầy đủ Phật đạo, thì ở nơi đời năm trược, lúc pháp gần diệt hết nên siêng năng, chí thành kính nhận, giảng nói pháp này, lúc nào cũng ưa thích siêng năng tu tập. Đến đời sau, những ai kính nhận kinh điển này, vun trồng vô lượng công đức, đọc tụng tu tập và giảng nói cho người khác thì phước của người ấy không thể ví dụ được.

-oOo-

PHẨM 13: NHÓM BẠT-ĐÀ-HÒA – NĂM TRĂM BỒ-TÁT

Bấy giờ, Bồ-tát Kiều-viết-đâu - thuộc nhóm năm trăm vị Bồ-tát như Bồ-tát Bạt-đà-hòa – từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời mạt pháp sau này, lúc pháp sắp diệt, chúng con sẽ thọ trì pháp ấy. Trong đời năm trược, chúng con sẽ ủng hộ chánh pháp, thọ trì kinh điển này và đọc tụng giữ gìn, giảng nói rộng rãi cho người khác.

Lại có vô số chúng Bồ-tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay, đảnh lễ Đức Phật rồi phát nguyện:

–Bạch Thế Tôn! Ở đời mạt pháp sau này, chúng con sẽ mặc áo giáp thệ nguyện kính nhận kinh này, thuận theo pháp vi diệu mà Đức Phật đã giảng nói.

Các Bồ-tát này đã chứa nhóm cội gốc công đức, đầy đủ kho tàng phẩm trợ đạo, ở chỗ nào cũng ủng hộ pháp. Sau khi nghe kinh pháp này,

các vị ấy càng thêm hoan hỷ, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho những người chưa thông đạt khiến họ thể nhập vào đạo rộng lớn.

Khi ấy, Đức Như Lai liền mỉm cười. Từ nơi miệng Đức Phật phát ra ánh sáng năm màu chiếu khắp tam thiên đại thiên cõi Phật, mặt đất chấn động đủ sáu cách. Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì mà Như Lai mỉm cười? Thế Tôn mỉm cười như vậy là có ý nghĩa gì khiến ánh sáng chiếu soi làm mặt đất chấn động?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy chúng Bồ-tát đứng trước Như Lai không? Vào đời sau, các vị này sẽ hộ trì chánh pháp, mặc áo giáp thệ nguyện để cứu giúp tai nạn nguy khốn cho chúng sinh, được chư Phật hộ niệm. Trải qua vô số kiếp, ở chỗ chư Phật, các Bồ-tát này đã mặc áo giáp thệ nguyện như vậy, ở trước chư Phật thọ trì kinh này, hộ trì ba phẩm chánh pháp, hướng dẫn cho vô số chúng sinh khiến họ đến chỗ chư Phật, nương theo ý nghĩa ba phẩm để tu tập chánh pháp. Hôm nay, chúng Bồ-tát này đang đứng trước Như Lai, ở đời vị lai, khi pháp sắp diệt, các vị này sẽ giáo hóa cho chúng sinh chưa thông hiểu, khiến họ kính nhận ba phẩm chánh pháp. Trong Hiền kiếp, các Bồ-tát này lại được gặp chư Phật, nhận lãnh chánh pháp của hàng ngàn chư Phật, vào đời vị lai cũng được gặp chư Phật và kính nhận giáo pháp như vậy.

Này A-nan! Chúng Bồ-tát này đã vun trồng công đức không thể lường xét, khó có thể tính kể những kinh pháp mà các vị này thực hành. Các Bồ-tát này luôn làm cho chúng sinh an ổn để cúng dường chư Phật. Giả sử Như Lai có giảng nói về các vị này đã tu tập chánh pháp và làm cho chúng sinh an ổn như thế nào thì người đời không thể tin được. Nếu không tin thì sẽ ở trong đêm dài bất an, bị đọa vào cõi ác.

Lại nữa, này A-nan! Như Lai sẽ giảng nói cho các ông hiểu rõ về việc làm lợi ích cho tất cả chúng sinh của các vị này. Giả sử hết thảy chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều do sự vận hành của tưởng nên bị đọa vào địa ngục, trong đại chúng này có một người bảo các chúng sinh trong địa ngục: "Mọi người đừng sợ hãi, tôi sẽ cứu giúp tất cả." Khi ấy, người đó dùng phương tiện đích thân cứu giúp tất cả chúng sinh ấy khiến họ thoát khỏi tai nạn, khổ đau nơi địa ngục, đều đến nơi an ổn. Trong vô số ngàn năm, người ấy phải ở trong địa ngục, cũng chưa từng biếng nhác, luôn khiến chúng sinh được an lạc. Này A-nan! Đối với chúng sinh, người ấy luôn

dùng tâm Từ bi để cứu giúp họ thoát khỏi địa ngục, được sự an ổn, vậy công đức có tăng trưởng nhiều không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Rất nhiều!

Đức Phật nói:

–Giả sử người ấy hiển bày thần thông cao vời để khiến cho chúng sinh đạt được an lạc bậc nhất, tăng trưởng an lạc không bờ bến, thành tựu tâm Từ bi rộng lớn, ai cũng được che chở thì công đức của vị ấy không thể dùng tâm để tư duy, cũng chẳng thể diễn tả bằng lời nói. Này A-nan! Tuy Bồ-tát ấy chịu ở trong địa ngục để cứu giúp vô số chúng sinh, đưa họ đến nơi an ổn, vì tâm Từ bi nên đã giúp chúng sinh thoát khỏi hoạn nạn, nhưng đó chỉ là sự an lạc hữu vi, dù làm như vậy gấp trăm, gấp ngàn, ức vạn lần hay hơn cả ức vạn lần cũng không bằng người thọ trì kinh điển này. Vì sao? Vì xét việc làm này chỉ là sự an lạc hữu vi nên có lúc chấm dứt, không thể đạt đến vô vi, không xa lìa tham dục, không đạt được diệt độ, không thành tựu thần thông, giác ngộ cũng chẳng đạt đến cốt lõi Niết-bàn tịch tĩnh.

Lại nữa, này A-nan! Các Bồ-tát ấy kiến lập chúng sinh nơi an lạc vô thượng, đạt đến Nhất thiết trí. Các vị này luôn phát nguyện học đạo Bồ-tát, chứng đắc Phật đạo, cứu giúp chúng sinh, kiến lập các địa Thanh văn, Duyên giác, hộ trì pháp Phật, tu hạnh Bồ-tát, an trụ quả vị Phật. Chúng Bồ-tát này luôn khuyên chúng sinh thực hành hạnh Bồ-tát, không lường xét lời Phật dạy, chẳng tin theo tà vạy, kiến lập tâm Từ, thành tựu Nhất thiết trí, nên công đức không có giới hạn.

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Trong một ngàn kiếp hoặc vô số kiếp cho đến trăm ức kiếp không thể tính kể, không bờ bến như vậy, chư Phật Thế Tôn vẫn thường giảng nói chánh pháp này, giáo hóa liên tục, cho đến vô số trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, các vị luôn nối tiếp nhau thành Phật, nên công đức không cùng tận, không có giới hạn. Vì sao? Từ thuở xưa, trăm ngàn ức chư Phật luôn thực hành hạnh Bồ-tát, kiến lập Phật đạo. Dù sinh ở chỗ nào, các ông cũng nên thọ trì kinh điển này, giúp đỡ, khuyến khích cho chúng sinh, đạt được đạo quả Chánh chân Vô thượng, thành Bậc Tối Chánh Giác. Vào đời vị lai sẽ có vô số Bồ-tát giáo hóa cho vô số chúng sinh, luôn khuyến khích, giúp đỡ họ đầy đủ pháp Phật, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Này A-nan! Các Bồ-tát ấy đã giáo hóa, kiến lập cho hết thảy chúng sinh khiến đạt được Nhất thiết trí, chứng đắc đạo quả Vô thượng.

Thiện nam, thiện nữ nào không trái với lời Phật dạy cũng chẳng đoạn

dứt nguồn gốc Nhất thiết trí, vào đời vị lai, khi pháp sắp diệt thì kiến lập, ủng hộ cho chúng sinh, an trụ vào tâm Từ bi rộng lớn, làm lợi ích khắp tất cả, khuyến khích giúp đỡ họ, khiến được an ổn, không đọa vào cõi ác, cúng dường, khen ngợi vô số ngàn ức Bồ-tát và chư Phật, thì thiện nam, thiện nữ ấy đạt được công đức không thể lường xét. Vì sao? Vì các thiện nam này đã vun trồng công đức không thể nghĩ bàn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Trong vô số ngàn triệu ức kiếp, Như Lai đã chứa nhóm chánh pháp quý báu này. Những thiện nam nào thọ trì pháp này thì được vô số chư Phật trong vô lượng cõi nước khắp mười phương và chư Phật hiện tại đều ủng hộ, khiến người tu học pháp này được an ổn.

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Chư Thiên và loài người đều cung kính đảnh lễ quy y, thưa hỏi và nhận lãnh giáo pháp ở các thiện nam này. Chư Phật khắp mười phương cũng khen ngợi các vị này. Kinh pháp mà các thiện nam ấy đã giảng nói, không ai sánh kịp. Này A-nan! Như Lai đã thọ ký cho những thiện nam này, khiến họ dứt sạch nghi ngờ. Ở đời vị lai, những ai thọ trì chánh pháp vô thượng này, hoặc tu tập, đọc tụng, giảng nói cho người khác cùng tu học, thì thiện nam, thiện nữ ấy sẽ mau chóng gần gũi Nhất thiết trí. Lúc pháp sắp diệt, người nào được nghe kinh pháp sâu xa này mà cung kính, hoan hỷ tin nhận thì được Phật thọ ký, thực hành hạnh Bồ-tát, đạt được đạo quả chí chân. Vào đời vị lai, những ai ưa thích hộ trì pháp này, tự mình kính nhận giáo pháp thì được chư Phật ủng hộ vì các thiện nam, thiện nữ này không hề chê bai kinh pháp vi diệu ấy. Đối với hàng Thanh văn thì Như Lai thọ ký sẽ được gặp Đức Phật Di-lặc xuất hiện ở thế gian, đoạn trừ hết các lậu hoặc, không có ái dục, nhờ tin nhận pháp sâu xa này nên không hề chê bai, đạt được công đức.

Đức Phật nói:

–Bồ-tát nào được nghe, tu tập và tin ưa pháp sâu xa này thì cũng được thọ ký: Đời vị lai, ở chỗ Đức Phật Di-lặc được xuất gia học đạo, lại lập thệ nguyện mới được quả báo thù thắng. Thiện nam, thiện nữ nào có cội gốc công đức, nhu hòa, vun trồng công đức không giới hạn thì đời vị lai, khi pháp sắp diệt sẽ kính nhận, tinh tấn tu hành pháp sâu xa này, công đức của vị ấy cao vời không thể lường xét.

-oOo-

PHẨM 14: CHÚC LỤY

Bấy giờ, Bồ-tát Trì Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đã vì chúng con mà giảng nói chánh pháp, chẳng phải cầu danh lợi. Ở đời vị lai, những ai được nghe kinh điển này thì sẽ ưa thích, kính nhận nghĩa lý vi diệu, nhờ đó mới mau chóng thông hiểu các pháp, đạt được tuệ phân biệt và diệu lực của ý, nhận rõ các pháp, thấu đạt tuệ về đạo, sinh ở chỗ nào cũng nhớ mãi không quên, dùng ánh sáng pháp rộng lớn chiếu khắp mười phương.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Trì Nhân! Bồ-tát nào quan sát pháp này thì được trí tuệ rộng lớn, sáng soi không bờ bến, chứa nhóm công đức không có giới hạn. Nếu đời vị lai, những ai thọ trì hoặc đọc tụng kinh pháp này, những kho tàng vi diệu khác của Bồ-tát và siêng năng tu tập các pháp giải thoát thì ma không thể phá hoại, không bị tội lỗi ngăn che, được Như Lai thọ ký sẽ được gặp hai, ba vị Phật, đạt được pháp Nhẫn vô sinh, nhờ chứng đắc pháp nhẫn này nên sẽ thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, tự thông hiểu các pháp và luôn tự tại, làm nghiêm tịnh cõi Phật, viên mãn cho hàng Thanh văn, thọ trì lời dạy về đạo, thực hành hạnh Bồ-tát. Do đó, này Bồ-tát Trì Nhân! Như Lai sẽ nói về pháp ấy để đoạn trừ tất cả nghi ngờ. Ở đời vị lai, những ai đạt được bốn nghĩa về hạnh tự tại, thực hành pháp Bồ-tát, thọ trì kinh điển này thì ủng hộ cho họ, khiến họ mặc áo giáp thệ nguyện. Những gì là bốn? Một là, tự mình đạt được cội gốc của công đức rộng lớn sâu xa không bến bờ, không thể giới hạn. Hai là, vì chúng sinh mà phát khởi nguồn gốc căn lành. Ba là, thưa hỏi, nhận lãnh kinh pháp cốt yếu của Như Lai. Bốn là, giữ gìn kho tàng chánh pháp, ở chỗ vô số chư Phật để tuyên nói, giáo hóa. Đó là bốn. Lại có bốn pháp để hộ trì pháp sâu xa ở đời vị lai. Những gì là bốn? Một là, luôn thâu giữ, siêng năng, ở trong đời ác vẫn tu tập, kính giữ chánh pháp. Hai là, nếu ở nơi tai nạn, nguy hiểm, khổ sở tột cùng, tranh luận về chánh pháp thì vẫn giữ gìn chánh pháp, khi mọi người tranh chấp thì giáo hóa khiến họ hòa hợp để ủng hộ chánh pháp. Ba là, thực hành nhẫn nhục, đầy đủ nhân từ, hòa nhã. Bốn là, ở đời vị lai, tâm không oán hận, ở đâu cũng thường thực hành Từ bi. Đó là bốn pháp để đạt đến pháp sâu xa, mau chóng thành tựu Nhất thiết trí.

Bấy giờ năm trăm Bồ-tát như Bồ-tát Bạt-đà-hòa, Bồ-tát Kiều-viết-đâu… và các Bồ-tát khác, nghe Đức Phật giảng nói về chánh pháp này, các vị đều ở trước Phật suy nghĩ: "Ở đời vị lai, chúng ta sẽ ủng hộ chánh pháp." Đức Phật liền dùng tay phải xoa đầu các Bồ-tát rồi nói:

–Này các thiện nam! Trong vô số kiếp, Như Lai đã chứa nhóm đạo quả Chánh chân Vô thượng này, thành tựu kho tàng báu rộng lớn, gắng nhẫn, siêng năng, chịu các hạnh khổ, đạt được an lạc, không bờ bến, bỏ hết tất cả an lạc, lo buồn nơi thân mới đạt được đạo pháp, thành Bậc Tối Chánh Giác, nay đem giao phó cho các ông. Nếu có thể tu học, đọc tụng pháp này thì giảng nói nghĩa lý rộng rãi cho bốn chúng. Nếu lúc chánh pháp sắp hủy diệt thì nên kiến lập, ủng hộ mới mong xiển dương ánh sáng pháp rộng lớn không bờ bến. Đức Phật lại giao phó cho các Bồ-tát: "Như Lai như cha, các Hiền thánh như con, Phật như vua, các ông như tôi, cha từ con hiếu, vua chánh tôi trung thì thiên hạ thái bình. Trong vô số kiếp, Như Lai đã chứa nhóm kho tàng chánh pháp quý báu này khiến lưu truyền khắp mười phương. Tất cả chư Thiên, loài người đều từ hiếu, quy y Như Lai. Như Lai đã dùng tâm Từ bi để cứu giúp."

Khi ấy, năm trăm Bồ-tát như Bồ-tát Bạt-đà-hòa, Bồ-tát Kiều-viết-đâu… và các chúng Bồ-tát khác cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, thưa:

–Thưa Thế Tôn! Nương vào thần lực của Phật, chúng con sẽ dốc tâm gánh vác, ủng hộ giáo pháp mà Như Lai đã giảng nói. Cúi xin Đức Như Lai rũ lòng ban ân, khiến kho tàng chánh pháp quý báu này được lưu truyền khắp mười phương, cho tất cả chúng sinh đời vị lai đều được nhờ ân.

Khi Đức Như Lai dùng oai thần giảng nói pháp này, có vô số Bồ-tát không thể tính kể đều đạt được Nhất sinh bổ xứ, đầy đủ cội gốc công đức, có trí tuệ trọn vẹn, vô số ức ngàn chư Thiên, loài người phát khởi tâm đạo, được Đức Phật thọ ký, ở đời vị lai sẽ thành Phật đạo, mỗi vị đều có danh hiệu.

Đức Phật giảng nói như vậy rồi, Bồ-tát Trì Nhân, năm trăm Bồ-tát như Bồ-tát Bạt-đà-hòa, Bồ-tát Kiều-viết-đâu… tất cả các chúng Bồ-tát và bốn bộ chúng, các hàng Trời, Người A-tu-la… nghe lời Phật dạy thảy đều hoan hỷ, đảnh lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 482

KINH TRÌ THẾ

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.

QUYỂN 1

PHẨM 1: TỨ LỢI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá cùng với đông đủ chúng đại Tỳ-kheo. Bấy giờ, Đức Thế Tôn được vô số trăm ngàn vạn chúng cung kính vây quanh nghe thuyết pháp. Trong chúng hội ấy có một Đại Bồ-tát tên Trì Thế, vì các Đại Bồ-tát với vô lượng công đức trang nghiêm mà phát tâm muốn biết rõ về tất cả pháp Ba-la-mật, muốn biết rõ việc phát khởi vô lượng nguyện, đầy đủ vô lượng trang nghiêm, muốn thông suốt về tướng quyết định của vô lượng các pháp, muốn phát khởi vô lượng nguyện trang nghiêm nơi chỗ hành của tâm sâu xa thanh tịnh, muốn biết rõ về bố thí được tròn đầy thanh tịnh, muốn biết rõ về trì giới thanh tịnh rốt ráo, muốn biết rõ về tâm nhẫn nhục nhu hòa tròn đủ, muốn biết rõ về tinh tấn thanh tịnh, muốn biết rõ về thiền định thanh tịnh, muốn thông suốt về Trí tuệ ba-la-mật, vì vô lượng công đức như vậy nên rời khỏi tòa ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, chắp tay hướng về Phật, bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Con xin phép được thưa hỏi Thế Tôn, vì muốn tạo lợi ích, an vui cho tất cả chúng sinh và các Đại Bồ-tát không đoạn mất giống Phật, chốn hành hóa đầy đủ uy nghi, không vướng mắc vào việc trì giới, thọ giới và hành dụng đại pháp tròn đủ thanh tịnh, khéo biết nắm giữ vô lượng hành xứ nơi đạo pháp, vì các Bồ-tát này nên nay con xin thưa hỏi Đức Thế Tôn. Kính bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát khéo biết về thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt về tướng của các pháp, cũng có thể chứng đắc niệm lực, cũng phân biệt rõ về chương cú nơi tất cả các pháp? Thế nào là Đại Bồ-tát khi chuyển thân luôn thành tựu chánh niệm, cho đến khi đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Lành thay! Lành thay! Này Bồ-tát Trì Thế! Ông đã có thể vì các Đại Bồ-tát nên thưa hỏi Như Lai những việc như vậy. Tức biết, ông vì thương xót thế gian nên làm nhiều việc an ổn cho chúng sinh, tạo lợi ích an vui cho chư Thiên và người đời, cũng làm ánh sáng lớn cho các Bồ-tát nơi đời này và đời sau. Công đức của ông là không thể hạn lượng, nên mới có thể thưa hỏi Như Lai những việc như thế. Ông chắc chắn muốn dứt trừ những sự nghi ngờ cho hết thảy chúng sinh, thương giúp tất cả chúng sinh nên làm ánh sáng lớn, muốn chỉ dạy những điều lợi ích, có ý nghĩa cho tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh có thể vượt qua con đường hiểm, muốn làm người cứu hộ, làm hải đảo, làm nhà cửa, làm chỗ nương tựa cho chúng sinh. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi ba đường ác, muốn đặt yên chúng sinh nơi đạo vô thượng, muốn giải thoát chúng sinh ra khỏi sinh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, muốn ban cho chúng sinh niềm vui Niết-bàn vô thượng. Ông muốn giữ gìn chánh pháp nơi đời sau, muốn độ chúng sinh nơi đời ác trược đầy những sợ hãi sau này. Này Bồ-tát Trì Thế! Ông nay hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, ta sẽ giải thích rõ việc này cho ông.

–Xin vâng, kính bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

–Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát vì thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng tu tập về thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ về văn nghĩa của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Phải đạt được niệm tròn đủ.

2. Phải đạt được niệm không gián đoạn.

3. Phải dùng tuệ an ổn để tự tăng trưởng.

4. Niệm thường tại tâm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ về văn nghĩa của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Phải khéo nhận biết nghĩa quyết định của các pháp.

2. Phải khéo nhận biết nghĩa của các pháp.

3. Phải khéo nhận biết vô số nhân duyên của các pháp.

4. Phải khéo nhập vào pháp môn như thật của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên

siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Phải khéo biết tướng của vô lượng pháp.

2. Phải khéo biết tu tập vô lượng pháp quyết định.

3. Phải nên hành vô lượng công đức để tự tăng trưởng.

4. Phải thấy biết tướng sinh diệt của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Cần phải gần gũi Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

2. Phải mau chóng đầy đủ các pháp trợ Bồ-đề.

3. Phải biết rõ các pháp phương tiện mà không theo lời nói của người khác.

4. Phải biết rõ tất cả trí tuệ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn pháp lợi ích nên siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh nên tâm không keo kiệt.

2. Thường hành giới thanh tịnh, vì an trú nơi Tỳ-lê-da ba-la-mật.

3. Phát khởi hạnh tinh tấn dũng mãnh không ngừng.

4. Vì chánh tư duy nên khéo hành Trí tuệ ba-la-mật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên siêng năng tu tập thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Thành tựu đầy đủ tâm sâu xa và nguyện thanh tịnh.

2. Thành tựu đầy đủ công đức của đối tượng hành hóa thanh tịnh.

3. An trụ nơi công đức nhu hòa, nhẫn nhục.

4. Phân biệt được ánh sáng nơi thật tướng của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Vì dốc sức muốn cầu đạt Nhất thiết trí.

2. Khéo biết phân biệt rõ các Tam-muội của thiền định giải thoát để phát sinh sự mong muốn lớn.

3. Vì muốn được tâm đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả nên tạo phương

tiện hành hạnh thanh tịnh.

4. Khéo tu tập nghĩa quyết định.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú của các pháp. Bốn pháp đó là:

1. Đầy đủ tuệ hạnh.

2. Cũng cầu đạt nơi chốn của trí hạnh thanh tịnh.

3. Ưa thích trí vô ngại.

4. Thường không xa lìa nguyện của Nhất thiết trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát có bốn pháp nên siêng tu tập thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ chương cú của các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát thấy rõ bốn việc lợi ích nên hay cầu niệm lực. Bốn việc đó là:

1. Tu tập đầy đủ niệm căn.

2. Hành tập tuệ an ổn.

3. Thường đầy đủ niệm không gián đoạn.

4. Nên tu tập đầy đủ bốn Niệm xứ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn thứ lợi ích nên có thể cầu đạt niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. Hành đầy đủ các pháp trợ Bồ-đề, nên niệm luôn ở nơi tâm.

2. Nhờ niệm căn bén nhạy nên khéo biết sự tu tập ở đời trước.

3. Vì trí tuệ thanh tịnh tròn đủ nên mau được niệm không gián đoạn.

4. Gieo trồng nhân duyên về Nhất thiết trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy rõ bốn việc lợi ích nên hay cầu niệm lực. Bốn việc đó là:

1. Tu tập đầy đủ phương tiện tư duy.

2. Tu tập trí tuệ như thật.

3. Siêng phát khởi tinh tấn để được pháp của chư Phật.

4. Không quên nhớ nghĩ để chứng đắc niệm lực không gián đoạn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là đạt được niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. Niệm tuệ an ổn do thường siêng năng tinh tấn không ngừng nghỉ.

2. Thường nhất tâm vì chứng đắc thật tướng của các pháp.

3. Thường không buông lung do chánh niệm các pháp.

4. Thường hộ trì các căn nhờ chánh tư duy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là chứng đắc niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. An trụ nơi sự trì giới thanh tịnh.

2. Thành tựu hành xứ oai nghi thanh tịnh.

3. Trừ bỏ năm thứ ngăn che nơi tâm.

4. Không bị pháp thế gian làm nhiễm ô, xa lìa nghiệp chướng, phiền não chướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là chứng đắc niệm lực. Bốn pháp đó là:

1. Dùng tâm không tán loạn cầu pháp thiện.

2. Siêng năng tu tập tướng nhất tâm.

3. Khéo nhận biết các pháp môn chánh nhập.

4. Xa lìa gia đình, không thích sự náo nhiệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp gọi là chứng đắc niệm lực. Đó là:

1. Gần gũi tri thức thiện.

2. Thường tu tập pháp sâu xa.

3. Thường thích đến chỗ chư Phật và Bồ-tát.

4. Thường thích thỉnh vấn pháp tu tập trí tuệ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thấy rõ bốn pháp nên gọi là chứng đắc niệm lực.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thấy rõ bốn việc lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt chương cú. Đó là:

1. Khéo biết rõ thật tướng của tất cả pháp.

2. Phân biệt nhân của tất cả pháp.

3. Biết nghĩa quyết định của các pháp.

4. Khéo biết ngôn ngữ, chương cú của tất cả pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy bốn pháp lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo biết rõ thứ lớp tùy nghi của các pháp.

2. Khéo biết rõ phương tiện nhân duyên của tất cả pháp.

3. Tu tập đầy đủ phương tiện của tất cả pháp.

4. Phân biệt, biết rõ kinh liễu nghĩa, kinh chưa liễu nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy bốn pháp lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo học hỏi trí tuệ là đạo, là phi đạo.

2. Nên đạt được lực thuyết giảng về nghĩa của tất cả pháp.

3. Mau chứng được hành xứ của trí tuệ thanh tịnh.

4. Tu tập Trí tuệ ba-la-mật tròn đủ.

Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thấy rõ bốn pháp lợi ích nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo biết tu tập tướng tập của các pháp.

2. Khéo biết tướng nhân của các pháp.

3. Khéo biết tướng duyên của các pháp.

4. Có thể nhập nơi phương tiện của nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Biết rõ về Khổ của các pháp.

2. Biết rõ về Tập của các pháp.

3. Biết rõ về Diệt của các pháp.

4. Biết rõ về Đạo của các pháp..

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Đó là:

1. Khéo biết các pháp hợp tan.

2. Tạo phương tiện để đạt được lực của nhân trước.

3. Khéo biết chỗ thích nghi của các pháp.

4. Khéo biết phân biệt về văn tự, chương cú.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp nên có thể tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa. Bốn pháp đó là:

1. Biết rõ về kinh không liễu nghĩa.

2. Ở trong kinh liễu nghĩa, không theo ngôn thuyết của kẻ khác.

3. Biết rõ tướng ấn của tất cả pháp.

4. Cũng khéo an trụ trong trí vô tướng của tất cả pháp.

Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát có bốn pháp nên hay tu tập tất cả tuệ phân biệt văn nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Hiểu rõ về pháp thiện, bất thiện.

2. Thành tựu an tuệ của niệm đệ nhất.

3. Có thể xa lìa năm thứ ngăn che nơi tâm.

4. Tâm luôn nhớ nghĩ đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Khéo tu tập bốn Niệm xứ.

2. Khéo tu tập tuệ học phân biệt.

3. Đối với các thiền định thì trí tuệ là đứng đầu.

4. Được thông tỏ ở trong trí tuệ quyết định.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Đạt được các môn Đà-la-ni.

2. Cũng tu tập trí vô sinh.

3. Nhập vào tận trí.

4. Cũng quán sát diệt trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Chấm dứt mọi tham ái, giận dữ.

2. Không tham đắm tất cả pháp hữu vi, vô vi.

3. Tâm thông suốt trí tuệ vô vi.

4. Đạt đến nơi chốn hành hóa của Như Lai.

Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát có bốn pháp chuyển thân thường được niệm không gián đoạn, cho đến đạt được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát có năm sức của tịnh trí, có thể đạt đầy đủ các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi thâm tâm.

2. Sức của tịnh trí nơi nguyện.

3. Sức của tịnh trí nơi căn lành.

4. Sức của tịnh trí nơi hồi hướng.

5. Sức của tịnh trí nơi nghiệp chướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí, có thể đạt đầy đủ các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi hành xứ oai nghi.

2. Sức của tịnh trí nơi niệm cụ túc.

3. Sức của tịnh trí nơi phương tiện.

4. Sức của tịnh trí nơi duyên chúng sinh.

5. Sức của tịnh trí nơi duyên tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi tâm xả.

2. Sức của tịnh trí tạo lợi ích cho chúng sinh.

3. Sức của tịnh trí sinh đại Từ.

4. Sức của tịnh trí sinh đại Bi.

5. Sức của tịnh trí sinh đại Hỷ, đại Xả.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí trì giới.

2. Sức của tịnh trí không chấp trước trì giới.

3. Sức của tịnh trí nhẫn nhục

4. Sức của tịnh trí không chấp trước nhẫn nhục.

5. Sức của tịnh trí đa văn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí tinh tấn sâu xa.

2. Sức của tịnh trí thọ nhận tinh tấn.

3. Sức của tịnh trí thiền định.

4. Sức của tịnh trí nơi phương tiện thiền định.

5. Sức của tịnh trí nơi phương tiện Chỉ Quán.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đạt đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi tuệ.

2. Sức của tịnh trí nơi phương tiện quyết định về đa văn.

3. Sức của tịnh trí thế gian, xuất thế gian.

4. Sức của tịnh trí nơi phương tiện tuệ.

5. Sức của tịnh trí hữu vi, vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại có năm sức của tịnh trí có thể đầy đủ được các công đức như trên. Đó là:

1. Sức của tịnh trí nơi phương tiện quán.

2. Sức của tịnh trí nơi minh giải thoát.

3. Sức của tịnh trí nơi tướng vô sinh.

4. Sức của tịnh trí nơi nhất tướng, vô tướng.

5. Sức của tịnh trí nơi Đệ nhất nghĩa, thế đế nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Do Đại Bồ-tát có năm sức của tịnh trí này nên mau đạt được đầy đủ tất cả công đức như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Do được lợi ích như vậy nên Đại Bồ-tát đối với sức của tịnh trí này luôn siêng năng tu tập.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thành tựu ba pháp, nên ở trong sức của tịnh trí có thể siêng năng tu tập. Ba pháp đó là:

1. Dục.

2. Tinh tấn.

3. Không phóng dật.

Đại Bồ-tát thành tựu ba pháp này, nên có thể siêng năng tu tập, có thể đạt đầy đủ tất cả công đức ở trong sức của tịnh trí. Vì sao?

Này Bồ-tát Trì Thế! Dục, Tinh tấn, Không phóng dật đều là chỗ căn bản của tất cả pháp. Đại Bồ-tát được sức của tịnh trí ấy thì có thể mau chóng được Nhất thiết trí, cũng gọi là bậc tinh tấn không thoái chuyển, cũng gọi là bậc không thoái chuyển nơi pháp, cũng nhờ đấy nên công đức mau được tăng trưởng, cũng ở trong tất cả pháp nhanh chóng có được sức của tịnh trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người nào ở trong tất cả pháp như vậy mà được sức của tịnh trí thì người đó là ruộng phước của thế gian. Người ấy có thể kế tiếp ta nhận lãnh sự cúng dường. Người ấy có thể đạt đến hành xứ của Như Lai. Người ấy có thể thấy pháp của Như Lai. Người ấy không lâu có thể chứng được trí tuệ của Như Lai.

Này Bồ-tát Trì Thế! Xưa kia trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, khi ta hành đạo Bồ-tát, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta: "Ông trải qua a-tăng-kỳ kiếp sẽ được làm Phật."

Ngay khi ấy Ta mới biết sức của tịnh trí như vậy hiện bày khắp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người nào ở trong tất cả pháp có thể thành tựu sức của tịnh trí như vậy, người ấy cũng sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như hôm nay ta đã đạt được. Người ấy cũng chuyển pháp luân như hôm nay ta đã chuyển pháp luân. Người ấy cũng gầm vang tiếng sư tử như ta hôm nay đã gầm vang tiếng sư tử. Người ấy cũng được sức tự tại ở trong tất cả các pháp như ta hôm nay.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ông đối với sức của tịnh trí này nên siêng năng tinh tấn hành trì, không lâu sẽ đạt được đầy đủ Nhất thiết trí.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nơi đời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước có Phật hiệu Trí Cao Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai Trí Cao Vương này có vô lượng Thanh văn Tăng, cũng có vô lượng Bồ-tát Tăng, là chỗ đạt đến của nhân duyên nơi bản nguyện của Phật. Quốc độ của Ngài không có ba đường ác. Các chúng sinh ở quốc độ đó không biết có sự khổ, tất cả đều được an vui, sung sướng trọn vẹn. Người lìa dục rất nhiều, có thể dứt trừ năm thứ ngăn che. Các chúng sinh này thành tựu được sự an vui thanh tịnh như vậy, như sự an lạc của người vào Đệ tứ thiền. Phật Trí Cao Vương này thọ sáu trăm vạn ức na-do-tha kiếp. Này Bồ-tát Trì Thế! Trong quốc độ ấy chỉ có Phật là vua, không còn có vua nào khác. Chúng sinh trong quốc độ ấy đều gọi Phật là Pháp vương. Phật Trí Cao Vương này thường thuyết giảng kinh "Đoạn trừ nghi hoặc nơi tất cả chúng sinh hoan hỷ nơi tâm của hết thảy chúng sinh thuộc Bồ-tát tạng" cho các Bồ-tát.

Bấy giờ, có năm trăm Bồ-tát nghe sức của tịnh trí nơi các Bồ-tát ấy, nên phát khởi sức tinh tấn như vậy, trọn đời không ngồi, trọn đời không nghĩ tưởng đến y phục, trọn đời không khởi tưởng ngã, tưởng nhân, tưởng chúng sinh, tưởng nam nữ, trọn đời hoàn toàn không ăn nhiều, chỉ tu tập lực của tịnh trí như vậy, siêng năng tinh tấn hành trì. Năm trăm Bồ-tát do nhân duyên của căn lành ấy, sau khi mạng chung đều được sinh nơi quốc độ ở phương Đông cách đây hơn mười vạn ức cõi nước. Sau khi sinh không bao lâu, nhờ tu tập pháp này nên được thành tựu lợi căn, biết rõ về túc mạng. Quốc độ đó có Phật hiệu là Vô Lượng Hoa Tích Vương, hiện đang thuyết pháp. Các Bồ-tát ở quốc độ đó mới mười sáu tuổi, đều ở chỗ Phật Vô Lượng Hoa Tích Vương xuất gia, trong sáu mươi ức năm hành phạm hạnh đồng tử, cũng tu hành tinh tấn như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Năm trăm Bồ-tát này được gặp hai mươi ức các Đức Phật như vậy, ở chỗ các Đức Phật đều siêng băng tinh tấn tu tập, thành tựu an tuệ của niệm bậc nhất, sau cùng được gặp Phật Vô Lượng Lực Cao Vương và được thọ ký, qua một vạn kiếp sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Năm trăm vị này, trong một vạn kiếp được gặp hai vạn ức Phật, đạt đầy đủ Phật đạo, ngay nơi một kiếp, lần lượt được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Trì Thế nên biết! Đại Bồ-tát muốn mau chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì đối với lực tịnh trí này nên sinh Dục, Tinh tấn, Không phóng dật. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì chư Phật thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều do Dục, Tinh tấn, Không phóng dật làm căn bản và còn các pháp trợ đạo khác nữa nên có thể đầy đủ pháp Phật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nhờ tinh tấn như vậy nên được gặp hai mươi ức Đức Phật, ở trong các pháp đời đời thành tựu niệm lực, đời đời biết được túc mạng, tu tập pháp này không ngừng nghỉ. Ta hoàn toàn không mất các pháp Dục, Tinh tấn, Không phóng dật ấy. Ta luôn thành tựu các pháp Dục, Tinh tấn, Không phóng dật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng tâm đại Từ bi ngoảnh nhìn bốn phương và thị hiện sức thần thông làm cho các cõi Diêm-phù-đề trong tam thiên thế giới đều có hóa Phật thuyết giảng kinh "Đoạn trừ nghi hoặc nơi tất cả chúng sinh hoan hỷ nơi tâm của hết thảy chúng sinh thuộc Bồ-tát tạng" này cho các chúng sinh, lại dùng thần lực làm cho đại chúng trong đại hội nơi vườn Trúc đều thấy chư Phật hiện hữu khắp cõi Diêm-phù-đề, mỗi một và đều đang thuyết pháp. Đại chúng trông thấy thảy đều vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng nhau lạy Phật và thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Thần lực của chư Phật Như Lai thật không thể nghĩ bàn, đã thành tựu vô lượng pháp không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo đại chúng:

–Này các thiện nam! Việc này đối với Như Lai chưa đủ lấy làm khó. Vì sao? Vì Như Lai khéo thông suốt tánh của các pháp. Như từ một lỗ chân lông phát ra sức thần thông, ánh sáng chiếu khắp hằng hà sa thế giới trong mười phương, diễn nói giáo pháp. Nơi một lỗ chân lông có cả trăm ngàn vạn ức phần cũng chưa hiện bày hết được một phần. Như Lai đã thành tựu công đức không thể nghĩ bàn như vậy.

Này các thiện nam! Như Lai quán sâu về tâm chúng sinh để thuyết pháp cho họ.

Này các thiện nam! Chúng sinh đời nay ít có người đối với pháp này ưa thích thực hành.

Này các thiện nam! Chúng sinh đời nay ít có người đối với pháp này thực hành một cách tinh tấn.

Này các thiện nam! Chúng sinh đời nay ít có người đối với pháp này thực hành không phóng dật. Vì sao? Vì Như Lai nay đã xuất hiện nơi đời có đủ năm thứ uế trược xấu ác, đó là: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược.

Này các thiện nam! Nếu có, cho đến chỉ một người có thể tin nhận pháp thanh tịnh sâu xa này, người đó có thể đạt đến trí tuệ Phật. Người như vậy thật là hiếm có, huống chi là người có thể tin và hiểu việc làm của Như Lai.

Này các thiện nam! Ta luôn luôn nơi cõi sinh tử trang nghiêm nguyện như vậy, hành nhẫn nhục, tinh tấn như vậy. Vì những chúng sinh khổ não không có người cứu hộ, không nơi nương tựa, phần nhiều bị đọa trong đường ác, ngay khi ấy, ta thành tựu Phật đạo, làm lợi ích cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh.

Này các thiện nam! Nên biết ân lực của Như Lai vốn thanh tịnh vì nguyện tinh tấn nên có thể làm cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh tin hiểu, thọ trì pháp sâu xa như vậy.

Này các thiện nam! Ta trong đời trước giáo hóa các chúng sinh, các chúng sinh này có thể hiểu được pháp của ta.

Này các thiện nam! Nay Phật dùng mười Lực, bốn Vô sở úy, ít có thể khiến chúng sinh tin hiểu pháp sâu xa này. Nếu chúng sinh nào trú trong pháp ấy là đều nhờ ân lực và phương tiện của Như Lai.

Ta ở trong cõi sinh tử luôn luôn không lìa pháp sâu xa này. Ta cũng luôn luôn dùng tâm đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả để thâu giữ chúng sinh. Ít có Như Lai nào xuất hiện nơi đời năm trược làm lợi ích cho chúng sinh. Vì sao? Này các thiện nam! Vì nơi đời trước, ta luôn dùng sức đại tinh tấn, sức đại phương tiện để giáo hóa chúng sinh tu tập đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này các thiện nam! Ta nhớ nơi đời quá khứ, trong một ngày xả bỏ ngàn thân để bố thí làm lợi ích cho chúng sinh.

Này các thiện nam! Ta ở trong vô số ngàn vạn đời như vậy, thấy chúng sinh bị đói khát, tự cắt thịt nơi thân để nấu cho họ ăn, mà tâm Ta lúc ấy vẫn không đau buồn, hối hận, chỉ hành đại Bi đối với khắp tất cả muôn loài.

Các thiện nam nên biết! Ta dùng sức đại tinh tấn, sức đại phương tiện như vậy để giáo hóa chúng sinh tích tập đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác này. Vì thế, này các thiện nam! Nên phát khởi Dục, Tinh tấn, Không phóng dật như vậy mà tu tập quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như ta khi hành đạo Bồ-tát. Các vị cũng nên giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh như ta.

Này các thiện nam! Chư Phật xuất hiện trong Hiền kiếp này không một vị nào là không khen ngợi ta thế này: "Phật Thích-ca Mâu-ni thực hành tinh tấn sâu xa như vậy. Phật Thích-ca Mâu-ni đầy đủ tinh tấn như vậy. Phật Thích-ca Mâu-ni đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật như vậy. Phật Thích-ca Mâu-ni khi hành đạo Bồ-tát đã giáo hóa chúng sinh như vậy. Ngài xuất hiện nơi đời năm trược làm lợi ích cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh."

Này các thiện nam! Vì hành đạo như vậy nên cần phát khởi Dục, Tinh tấn, Không phóng dật.

Này các thiện nam! Ta nay tuy đã đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà vẫn không ngừng tinh tấn. Đến lúc Niết-bàn vẫn tinh tấn dũng mãnh, nghiền nát thân thể ra như hạt cải, phân tán chân tay lóng đốt. Vì sao? Vì thương xót chúng sinh nơi đời vị lai.

Ta trong đời trước, khi hành đạo Bồ-tát, chúng sinh được ta giáo hóa, hoặc làm việc sai lầm mà bị đọa vào các xứ nạn, muốn gắng cứu giúp chúng, ta phát khởi tâm đại Bi hiện bày thần lực phân chia xá-lợi cho đến như hạt cải.

Sau khi Ta diệt độ, nếu có các chúng sinh nên dùng xá-lợi để hóa độ khiến tâm được thanh tịnh, khi tâm của các chúng sinh ấy được thanh tịnh rồi, thì ở khắp mọi nơi chốn đều được thành tựu theo nguyện.

Này các thiện nam! Ta xưa kia khi hành đạo Bồ-tát, trong tất cả chúng sinh thành tựu tâm Bi như vậy, nên nghiền nát thân thể, đem xá-lợi phân chia cùng khắp, đó là bản nguyện của ta. Ta dùng vô lượng nhân duyên phước đức như vậy, vì tâm đại Bi nên ta ở nơi đời xấu ác sau này luôn che chở khắp tất cả chúng sinh.

Này các thiện nam! Nếu các Bồ-tát ở trong pháp ấy có thể phát khởi Dục, Tinh tấn, Không phóng dật thì chắc chắn sẽ phát nguyện này, nơi đời sau cùng, đều thọ trì đọc tụng, thuyết giảng rộng những kinh như vậy cho mọi người. Ta sẽ dùng thần lực làm cho các Bồ-tát thọ trì, đọc tụng và thuyết giảng rộng cho mọi người. Ta cũng đem những kinh điển như vậy phó chúc cho các Bồ-tát ấy để họ có thể thọ trì, đọc tụng và thuyết giảng rộng cho người khác. Vì sao? Này các thiện nam! Vì tùy theo kinh này trụ

ở chỗ nào, nên biết ở chỗ đó có Phật chưa diệt độ, thế nên Như Lai đem kinh này phó chúc cho các Bồ-tát.

Các thiện nam nên biết! Ta trong đời trước dùng nhân duyên như vậy để thâu giữ chúng sinh, đời nay cũng thâu giữ chúng sinh và đời sau cũng lại sẽ thâu giữ chúng sinh. Nghĩa là hộ niệm kinh pháp này, khiến trong năm trăm năm sau sẽ được lưu hành cùng khắp.

Này các thiện nam! Ngay trong đời này hoặc sau khi ta diệt độ, nếu ở nơi xóm làng, thành ấp, đồng trống, núi rừng, có những kinh điển như vậy, nếu có người thọ trì, đọc tụng và giảng thuyết cho người khác thì nên biết nơi đó chắc chắn có Phật. Vì sao? Vì nhân duyên này nên ta nói chư Phật tức là Pháp thân. Do thấy Pháp tức là được thấy Phật. Không nên dùng sắc thân để thấy Phật. Nếu người nghe pháp, tin pháp, người này tức là tin Phật và nghe theo lời Phật dạy. Người nào ở trong pháp ấy mà tu hành đúng như lời dạy, người này tức là thấy Phật, người này được gọi là người nói như thật, người nói đúng pháp, người y theo pháp mà tu hành.

Này các thiện nam! Thân ta không phải pháp, không phải phi pháp mà gọi là "Tùy pháp hành", gọi là "Đệ nhất pháp thí", nghĩa là không tham đắm pháp, không tham đắm phi pháp. Vì sao? Vì nếu người tham đắm pháp, người đó không được gọi là người thấy Phật.

Này các thiện nam! Người không tham đắm nơi tất cả pháp, gọi là người thấy Phật. Nếu người đối với tất cả pháp không có chỗ thấy, đó gọi là người thấy Phật. Vì sao? Vì không thể dùng pháp để diễn đạt về Như Lai, không thể dùng phi pháp để diễn đạt về Như Lai, cũng không thể dùng pháp để thấy Như Lai. Vì sao? Này các thiện nam! Như trong kinh nói: "Các Tỳ-kheo nên biết! Pháp của ta nói ra giống như chiếc bè để qua sông, pháp hãy còn nên xả bỏ, huống chi là phi pháp. Người nào có thể xả bỏ pháp và phi pháp, đó gọi là người thấy Phật. Vì sao? Vì Như Lai gọi là người xả bỏ tất cả pháp, không còn tham đắm, không thọ nhận danh tự của các pháp, không rơi vào danh tự nơi pháp, huống gì là rơi vào danh tự nơi phi pháp."

Này các thiện nam! Lìa bỏ danh tự của tất cả pháp gọi là Như Lai. Người nào thấy được như vậy gọi là thấy Như Lai. Vì sao? Vì lìa bỏ chỗ thấy tất cả pháp gọi là thấy Như Lai. Do tất cả pháp là không thủ đắc, nên thấy biết như thật tất cả pháp gọi là thấy Như Lai.

Này các thiện nam! Nếu tất cả pháp không thể thủ đắc mà lìa bỏ tất cả pháp thì ngay trong đó không còn hý luận, không còn danh tự của pháp hay là phi pháp, không đến, không đi, đó gọi là thấy Như Lai. Người nào

thấy pháp như vậy, gọi là thấy Như Lai. Người nào có thể thấy Như Lai như vậy gọi là người chánh kiến. Người nào thấy khác đi, gọi là tà kiến. Nếu là người tà kiến tức là vọng kiến, người này không gọi là người thấy đúng đắn.

Này các thiện nam! Người thấy chân chánh là người đoạn trừ tất cả đường ngôn ngữ, phi chân, phi vọng, phi hữu, phi vô, xa lìa tất cả pháp, không thủ tất cả pháp, không đắc tất cả pháp. Người thấy như vậy gọi là thấy Như Lai. Vì sao?

Này các thiện nam! Không lấy pháp tánh để thấy Như Lai, người xa lìa sự thấy tánh nơi tất cả pháp gọi là thấy Như Lai. Nếu người có thể thấy như vậy gọi là chánh kiến.

Này các thiện nam! Các vị nên như vậy để thấy Như Lai. Các vị hãy quán sát đúng như lời dạy của ta để quán sát Như Lai. Người quán sát như vậy sẽ biết tất cả pháp đều là Như Lai, sẽ được chân như nơi tất cả pháp, sẽ được thật tướng của tất cả pháp, sẽ được tướng không hư vọng nơi tất cả pháp, sẽ biết tất cả pháp là pháp của Như Lai, sẽ biết tất cả pháp là hành xứ của Như Lai, sẽ biết tất cả pháp là hành xứ không thể nghĩ bàn.

Này các thiện nam! Cho nên ta nói tất cả pháp là hành xứ của Như Lai. Hành xứ của Như Lai là không hành xứ. Vì sao? Vì hành xứ của tất cả pháp, trong đó không có pháp nào có thể hành, nên nói không hành xứ là hành xứ của Như Lai. Hành xứ của tất cả pháp tức là không hành xứ, không hành xứ tức là hành xứ của Như Lai. Vì sao? Vì hành xứ của tất cả pháp là không sở hữu nên không hành xứ là hành xứ của Như Lai. Tất cả hành xứ nhập nơi hành xứ của Như Lai tức chẳng phải là hành xứ. Như Lai thông đạt, chứng đắc pháp này nên gọi không hành xứ là hành xứ của Như Lai.

Này các thiện nam! Người nào có thể biết không hành xứ của tất cả pháp thì người này có thể nhập nơi hành xứ của Như Lai. Người này có thể quán sát hành xứ của Như Lai. Người này có thể cầu đạt hành xứ của Như Lai. Người này cũng không tham đắm hành xứ của Như Lai. Vì sao? Vì người này biết không hành xứ là hành xứ của Như Lai, xa lìa hành xứ là hành xứ của Như Lai. Tức tất cả pháp là không thể thủ đắc, là không thể phân biệt, không thể tham đắm, nên gọi không phải hành xứ ấy là hành xứ của Như Lai, gọi là hành xứ của Nhập trí, vì không nhập nơi tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp đều không môn nên dùng môn ấy để nhập.

Này các thiện nam! Tất cả pháp là không nhập, không xuất, không có hình tướng. Vì sao? Vì Như Lai không có chỗ thủ đắc đối với các pháp thì lấy pháp nào hoặc xuất, hoặc nhập, hoặc thấy, hoặc thuyết.

Này các thiện nam! Đó gọi là nhập vào môn của tất cả pháp, vì không có tướng nhập. Tất cả pháp không hợp, không tan, không buộc, không mở. Vì môn của tất cả pháp là môn không nên gọi môn này là: Môn không thể ra, môn không thể vào, môn không thể quay về, môn không thể nói, môn rốt ráo không sinh. Do môn của pháp ấy, đối với pháp không chỗ thấy, không chỗ biết. Do pháp môn ấy, đối với pháp không chứng đắc, không chỗ nhập. Vì sao?

Này các thiện nam! Vì tất cả pháp là không có môn, vì môn vốn không thể thủ đắc.

Hư không là môn của tất cả pháp, vì từ xưa đến nay tánh vốn thanh tịnh.

Không đoạn là môn của tất cả pháp, vì đoạn vốn không sở hữu.

Vô biên là môn của tất cả pháp, vì biên vực là không thể thủ đắc.

Vô lượng là môn của tất cả pháp, vì lượng là không thể thủ đắc.

Vô tế là môn của tất cả pháp, vì các cõi là không thật có.

Này các thiện nam! Nếu thiện nam, thiện nữ nào có thể nhập pháp môn này tức nhập vào tất cả pháp môn, tức biết tất cả pháp môn, tức nói về tất cả pháp môn.

-oOo-

PHẨM 2: NĂM ẤM (PHẦN 1)

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Nếu Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc thật tướng của tất cả pháp, hoặc muốn phân biệt rõ chương câu của tất cả pháp, muốn được niệm lực, muốn được trí tuệ phân biệt tất cả pháp, muốn được đầy đủ chánh niệm chuyển thân không gián đoạn, cho đến đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sẽ mau chóng nhập vào pháp môn này, chứng đắc ánh sáng của trí tuệ. Vì sao? Vì ở trong pháp ấy mau đạt được đầy đủ.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát siêng năng tu tập pháp môn như vậy, nhập vào môn phương tiện này thì có thể phân biệt rõ phương tiện của ấm, phương tiện của giới, phương tiện của nhập, phương tiện của nhân duyên sinh pháp, phương tiện của bốn Niệm xứ, phương tiện của năm Căn, phương tiện của tám Thánh đạo, phương tiện của pháp thế gian, xuất thế gian, phương tiện để phân biệt pháp hữu vi, vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Bồ-tát phân biệt về phương tiện của năm ấm? Đại Bồ-tát chánh quán về năm thủ ấm, nghĩa là ấm vô minh ấm

là năm thủ ấm, ấm khổ là năm thủ ấm, ấm si là năm thủ ấm, ấm bệnh, ấm ung nhọt, ấm như mũi tên nhập vào thân là năm thủ ấm.

Bồ-tát phân biệt quán chọn sắc thủ ấm.

Thế nào là phân biệt quán chọn sắc thủ ấm?

Sắc thủ ấm này từ bốn đại sinh ra, giả gọi là sắc thủ ấm. Sắc ấm này không có tự tánh, chỉ do bốn đại hòa hợp giả gọi là sắc ấm. Sắc ấm không có tác giả, không người sai khiến làm, không tạo tác, không dấy khởi, không xuất, gọi là sắc ấm. Chỉ do bốn đại thâu nhận nhân duyên của nghiệp từ đời trước nên gọi là sắc ấm, nên phi ấm là sắc ấm, ví như hư không. Ấm thật không có tướng sinh như nói ấm hư không. Vì trong ấy không có pháp sinh, chỉ có danh tự, nên gọi là ấm hư không.

Phàm phu đối với không ấm này tưởng là ấm, do tâm điên đảo nên không thật tưởng là thật, tham đắm năm ấm của ngã, năm ấm của ngã sở, sắc ấm của ngã, sắc ấm của ngã sở. Các phàm phu này tham đắm sắc như vậy rồi, ở trong sắc nương tựa ngã và ngã sở, có sắc, thọ nhận sắc, giữ lấy sắc, chấp trước sắc, dựa vào sắc, thọ nhận và tạo tác các nghiệp ác bất thiện. Chúng ta không nên học theo phàm phu. Chúng ta nên siêng năng tu tập pháp trợ Bồ-đề. Nay nên chánh quán sắc ấm. Khi Bồ-tát chánh quán sắc ấm, biết nó đồng như đống bọt nước.

Thế nào gọi là biết đồng như đống bọt nước? Không đống là đống bọt nước, chỉ từ các duyên sinh ra, không thể nắm bắt được, không có bền chắc, trong đống bọt nước không có tướng đám tụ, không đám tụ là đám bọt nước. Sắc ấm cũng như vậy. Trong sắc ấm không có tướng ấm. Khi Bồ-tát quán sát như vậy liền nghĩ thế này: "Phàm phu không thể chánh quán sắc hư vọng, không thể biết đúng như thật về sắc vô thường, không thể biết đúng như thật về tướng sắc. Chúng ta vào chánh đạo không nên tham chấp nơi hư vọng, không nên tham đắm sắc. Vì sao? Vì sắc là tướng không thể tham đắm. Sắc chỉ có danh tự, không có tướng nhất định, nên quán sắc ấy không có tướng quyết định, vì lìa danh tự, nên gọi đó là sắc.

Lại nói sắc là tướng não hoại. Người trí thông đạt biết rõ là vô tướng. Chúng ta phải khéo biết tu tập phương tiện về sắc vô tướng, không tham đắm tướng của sắc. Nếu người tham đắm tướng của sắc tức là tham đắm sắc. Chúng ta phải khéo biết về tướng của sắc nhập. Bồ-tát khi chánh quán như vậy, quán đúng như thật lựa chọn về sắc. Sắc ấm này đều do phàm phu tưởng nhớ, phân biệt mà sinh khởi. Nếu pháp do tưởng nhớ, phân biệt mà sinh khởi, tức là không sinh, vì tất cả sự tưởng nhớ, phân biệt đều không chân thật. Phàm phu do điên đảo, nương tựa vào đó để khởi lên sắc, nên bị

sắc trói buộc, bị sắc làm hại, nên phải qua lại trong khổ não, vô minh, si ám. Tham đắm sắc không xả bỏ, thấy sắc có sự bền chắc, thường còn nên phàm phu này bị sắc trói buộc, vì sắc trói buộc nên qua lại trong cõi trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Tham đắm sắc vị sâu nặng, không thấy trong sắc có những tội lỗi xấu ác. Chúng ta không nên học theo phàm phu, cần phải quán chọn, phân biệt, tu tập phương tiện của sắc. Khi phân biệt, quán sát, chọn lựa sắc thì thấy tánh của sắc như mộng huyễn, ví như sắc trong mộng đều từ nhớ tưởng, phân biệt, giác quán phát sinh. Do nhân duyên của thấy, nghe, hiểu biết mà sinh khởi nên trong mộng cũng biết có mình và người, cũng thấy có đất, nước, lửa, gió, cũng thấy núi sông, rừng rú. Sắc tướng của cảnh trong mộng không có nhất định, chỉ do nhớ tưởng mà có. Tướng của sắc ấm cũng như vậy. Từ nhân duyên của nghiệp nơi đời trước hiện ra, nên không có tánh nhất định. Bồ-tát tư duy như vậy nên không giữ lấy sắc, hoặc ngã, hoặc ngã sở, chỉ chánh quán như thật sắc là tướng vô thường, hư vọng, điên đảo. Chúng sinh điên đảo, tham đắm chấp thủ sắc hoặc sắc của ngã, hoặc sắc của ngã sở, hoặc sắc của người khác, hoặc sắc của chỗ thuộc người khác. Khi chánh quán lựa chọn về sắc như vậy, chẳng thủ đắc sắc, chẳng thấy tánh của sắc, cũng chẳng tham đắm sắc vô thường. Bồ-tát bấy giờ hoặc ở trong sắc dứt trừ hết mọi ái niệm, tham đắm. Biết rõ về tướng chánh của sắc, biết rõ về tướng bình đẳng của sắc, biết rõ về tướng diệt của sắc, biết rõ về tướng diệt đạo của sắc, biết rõ sắc ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu.

Bồ-tát nghĩ thế này: "Thân sắc ấm này đều từ quả báo của nghiệp theo giác quán sinh khởi, bốn đại thâu tóm thân sắc ấm này, chẳng phải mình, chẳng phải người, không thuộc nơi nào, không từ đâu sinh ra. Quán sắc ấm như vậy, đối với nội sắc không tham không thọ nhận, đối với ngoại sắc không tham không thọ nhận, đối với sắc quá khứ không tham không thọ nhận, đối với sắc vị lai không tham không thọ nhận, đối với sắc hiện tại không tham không thọ nhận, liền biết tất cả sắc ấm là tướng vô sinh." Bồ-tát này, bấy giờ không diệt sắc, cũng không cầu diệt sắc pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát sắc thủ ấm như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát lựa chọn về thọ thủ ấm? Bồ-tát tư duy: "Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ này đều từ nhân duyên sinh ra, theo các nhân duyên vào trong tướng thọ, trong đó không có người thọ nhận, chỉ vì tham đắm, tham đắm tức không chân thật. Hư vọng là từ nhớ tưởng, phân biệt phát sinh." Bồ-tát này khi tư duy như vậy lại nghĩ: "Phàm phu ấy vì thọ hư vọng nên bị trói buộc, bị ba thọ làm

hại, nghĩa là khổ thọ, lạc thọ, chẳng khổ chẳng lạc thọ. Phàm phu này nếu thọ lạc là bị kết ái sai khiến, do kết ái sai khiến nên có thể sinh khởi các nghiệp ác. Nếu thọ khổ là bị kết giận dữ sai khiến, do kết giận dữ sai khiến nên khởi các nghiệp ác. Nếu thọ chẳng khổ chẳng lạc, là bị kết vô minh sai khiến, người này do kết vô minh sai khiến nên không thoát được ưu bi khổ não. Chúng ta nay không nên học theo phàm phu, nên chánh quán các pháp. Chúng ta nên quán đúng như thật về các thọ."

Bồ-tát quán như thật về thọ ấm, nghĩ thế này: "Phi ấm là thọ ấm. Từ tưởng nghĩ, phân biệt phát sinh, tương ưng với điên đảo, không có người thọ. Chỉ từ nghiệp nhân nơi đời trước sinh khởi, đời này duyên vào nên tự tánh của thọ vốn không, trong thọ không có tướng thọ."

Bồ-tát quán rõ thọ ấm giống như bong bóng nước mưa, nổi lên liền tan không có nhất định. Thọ ấm cũng như vậy, theo thứ lớp nhân duyên phát sinh, theo các nhân duyên không có lúc dừng, hư dối không thật. Từ sự tưởng nghĩ tương ưng với điên đảo mà sinh khởi, Bồ-tát bấy giờ nghĩ thế này: "Phàm phu thật đáng thương xót, bị các thọ khống chế, vì không chánh quán thọ ấm nên được lạc thọ liền sinh tham đắm, bị khổ thọ cũng sinh đắm chấp, được bất khổ bất lạc thọ cũng sinh đắm chấp. Bị các thọ trói buộc mà giong ruổi qua lại, từ thân này đến thân khác nhận chịu sự trói buộc, trôi lăn trong năm đường, không lúc nào dừng nghỉ. Phàm phu này tham đắm nơi các thọ, bị thọ khống chế, bị thọ ràng buộc nên không thoát khỏi thọ ấm. Đối với thọ ấm không thấy nơi chốn xuất ly, không biết chánh quán thọ ấm nên không biết quán như thật về thọ ấm là vô thường. Ở trong thọ ấm bị dục nhiễm trói buộc, không biết tướng như thật của thọ ấm. Chúng ta ngày nay không nên học theo phàm phu, nên quán như thật nhận biết đúng về thọ ấm, tức thì quán như thật thọ ấm: ấm không là thọ ấm, ấm không thật là thọ ấm, ấm điên đảo là thọ ấm, ấm chẳng trụ là thọ ấm. Bấy giờ thấy tướng như thật của thọ ấm không có tác giả, không có người sai khiến, tạo tác, trong thọ ấm không thấy tướng thọ ấm. Quán thọ ấm như vậy không thấy thọ ấm ở trong, không thấy thọ ấm ở ngoài, không chấp trước thọ của ta, không chấp trước thọ của người. Biết thọ ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không có pháp nào có thể sinh thọ ấm. Chỉ theo nghiệp báo từ đời trước tương ưng với điên đảo mà gọi là thọ ấm. Thấy thọ ấm do nhân duyên hư vọng tiếp nối hiện hành. Bấy giờ, không tham, không thọ nhận, không chấp trước thọ ấm quá khứ; không tham, không thọ nhận, không chấp trước thọ ấm hiện tại; không tham, không thọ nhận, không chấp trước thọ ấm vị lai. Người này ngay trong lạc thọ dứt bỏ kết ái, trong khổ thọ trừ bỏ kết giận dữ, trong chẳng khổ chẳng lạc thọ thấy biết kết vô minh,

nên siêng năng tinh tấn. Bồ-tát bấy giờ tâm không sinh ái với lạc thọ. Nếu thọ khổ thọ, tâm không sinh giận dữ. Nếu thọ chẳng khổ chẳng lạc thọ, tâm không sinh si.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phàm phu phần nhiều đối với lạc thọ sinh tham ái, với khổ thọ sinh sân hận, đối với chẳng khổ chẳng lạc thọ sinh si mê. Vì ái, giận, si nên các phàm phu này càng chìm sâu vào tăm tối, không thể biết như thật về thọ ấm, cũng không biết tướng của ái, giận, si nên càng tham đắm ái, giận, si, cho đây là ta, đây là của ta, là bỉ, thử…

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong đó chánh quán về thọ ấm, không bị ái, giận, si dẫn dắt. Nếu ái, giận, si phát sinh liền có thể dứt trừ, hành theo chánh đạo. Ở trong lạc thọ dứt trừ kết sử ái, nên siêng năng tinh tấn. Trong khổ thọ dứt trừ kết sử giận, nên siêng năng tinh tấn. Ở trong chẳng khổ chẳng lạc thọ dứt trừ kết sử si, nên siêng năng tinh tấn, biết rõ tướng như thật của ba thọ. Bấy giờ, có chỗ thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, đều xa lìa, không còn đắm chấp. Xa lìa kết sử ái, xa lìa kết sử giận, xa lìa kết sử si. Khi các thọ sinh ra đều có thể thấy biết, biết như thật về thọ ấm là vô thường. Nếu có thể biết được như vậy rồi, thì ở trong thọ ấm dứt trừ dục nhiễm. Vào trong con đường dứt trừ dục nhiễm của thọ ấm, không bị các thọ ấm làm nhiễm ô. Bồ-tát này nếu chánh quán thọ ấm như vậy, là biết như thật về thọ ấm, biết thọ ấm tập, thọ ấm diệt, thọ ấm diệt đạo, sau đó mới biết như thật thọ ấm là tướng không sinh. Vì tướng thọ ấm không sinh nên thông đạt thọ ấm là vô tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát tưởng ấm? Đại Bồ-tát khi chánh quán về tưởng ấm, thấy tưởng ấm đều do điên đảo sinh khởi, hư dối không chắc thật. Từ xưa đến nay là không tướng sinh, chỉ do nhân duyên hòa hợp và nghiệp lực từ đời trước sinh khởi, nên nghĩ thế này: Phi ấm là tưởng ấm, ấm hư vọng là tưởng ấm, ấm điên đảo là tưởng ấm. Trong tưởng ấm không có tướng của tưởng ấm. Ví như sau mùa Xuân mặt trời chiếu sáng, do danh tự cho nên nói là chiếu sáng. Tưởng ấm cũng như vậy. Do tướng của thức nên gọi là tưởng ấm. Phàm phu ở trong đó bị tưởng hư vọng trói buộc, hoặc biết vui, hoặc biết khổ, hoặc biết không vui không khổ, biết lạnh, nóng, nam, nữ, biết năm đường sinh tử, biết hợp tan, biết quá khứ, hiện tại, vị lai, biết tốt, biết xấu, biết có, biết không. Tưởng nhận biết của phàm phu đều là hư vọng, điên đảo, thuộc các nhân duyên, chỉ giả gọi là tưởng ấm, trong đó hoặc ở trong hoặc ở ngoài, hoàn toàn không có người tưởng. Phàm phu bị tưởng hư vọng trói buộc nên nhận biết về tham dục, sân giận, ngu si, biết vợ con. Phàm phu nương tựa vào tưởng ấm này

mà tham chấp nơi hư vọng. Do tưởng ấm ấy nên giong ruổi qua lại, không thể quán như thật về tưởng ấm là hư vọng. Phàm phu bị tưởng mình, tưởng người, tưởng nam, tưởng nữ trói buộc vào tưởng ấm nên không thể thoát được. Tham đắm tưởng ấm cho ngã là tưởng ấm, ngã sở là tưởng ấm. Chúng ta không nên học theo phàm phu.

Đại Bồ-tát chánh quán về tưởng ấm như vậy. Trong tưởng ấm thì tướng của tưởng ấm đó không thể thủ đắc, như ánh sáng trong bóng sáng, tướng của bóng sáng là không thể thủ đắc. Bồ-tát thấy tưởng ấm như tánh của ánh sáng, không tham, không thọ nhận, không đắm tưởng ấm quá khứ, không tham, không thọ nhận, không đắm tưởng ấm hiện tại, không tham, không thọ nhận, không đắm tưởng ấm vị lai, không phân biệt mình, người, liền đi vào con đường diệt tưởng thọ ấm. Hiểu rõ tưởng ấm là vô sinh, không thấy chỗ đến, chỗ đi của tưởng ấm, chỉ vì điên đảo tương ưng với nghiệp nhân nơi đời trước mà sinh khởi cùng duyên hiện tại trói buộc. Không ấm là tưởng ấm, quan sát tưởng ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, liền thấu rõ tưởng ấm là không sinh, cũng không phân biệt tưởng ấm diệt. Chỉ vì diệt tất cả tưởng thọ ấm, cũng vì trú nơi sự thấy biết như thật. Khi Bồ-tát quán như thật về tưởng ấm, xa lìa tất cả tưởng về tâm đạo, cũng không trụ nơi tất cả tưởng đạo, chỉ trụ nơi sự thấy biết tưởng ấm. Cũng biết đúng như thật về tưởng ấm, không tham đắm tưởng ấm, quán sát như thật tất cả tưởng ấm, biết như thật về tập diệt tận của tưởng ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán về tưởng ấm như vậy thì xa lìa dục nhiễm của tưởng ấm, cũng có thể hành đạo đoạn trừ dục nhiễm của tưởng ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát về hành ấm?

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát hành ấm từ điên đảo sinh khởi nhớ tưởng hư vọng, phân biệt, giả hợp mà có. Bấy giờ Bồ-tát hoặc thân, khẩu, ý hành đều quán bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã. Khi quán như vậy, nghĩ thế này: Phi ấm là hành ấm, ấm khổ là hành ấm, ấm do các nhân duyên sinh là hành ấm, ấm tượng là hành ấm. Các hành ấm không tăng, không giảm, không tích tập. Thân hành, khẩu hành, ý hành không có tác giả. Người trí không tham nhận hành ấm này. Vì sao? Vì các thân hành này không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở trung gian. Khẩu hành, ý hành cũng như vậy. Không ở trong ý, không ở ngoài ý, không ở trung gian. Trong hành ấm không có tướng của hành ấm. Vì sao? Vì hành ấm này do từ các nhân duyên điên đảo sinh khởi, hư dối không thật, do nghiệp báo của đời trước thâu tóm và cũng do nhân duyên đời này trói

buộc, nên có chỗ hành, chỗ hành hiện có, hoặc thân hành, khẩu hành, ý hành, đều chẳng phải là hành chân thật. Là hành không thật có, là hành hư vọng, là hành điên đảo, cho nên nói phi ấm là hành ấm. Vì sao? Vì người trí không quyết chắc được tướng của hành ấm là thân hành, khẩu hành, ý hành, chỗ này, chỗ kia, hoặc trong, hoặc ngoài. Lại nữa, hành của thân khẩu ý hãy còn không thể quyết định được về hành tướng để có thể đạt được, có thể nêu bày, huống chi là hành ấm mà có thể đạt được, có thể nêu bày? Cho nên nói không ấm là hành ấm.

Phàm phu khởi tưởng điên đảo tham đắm nơi hành của thân khẩu ý, nhớ nghĩ, phân biệt cho là hành ấm, nên bị hành ấm trói buộc mà giong ruổi, qua lại. Phàm phu do điên đảo nên sinh khởi hành thân, khẩu, ý, sinh khởi rồi, lại quay về tham đắm. Không có pháp mà sinh tưởng có pháp, không có ấm mà sinh tưởng có ấm, vì hành điên đảo, tham đắm nên bị hành ấm trói buộc khiến qua lại trong năm đường. Thường lệ thuộc nơi hành của thân, khẩu, ý, không thể quán như thật về hành của thân, khẩu, ý, nên không thể quán như thật về hành ấm. Do nghiệp của thân, khẩu, ý sinh khởi các hành, các phàm phu này vướng mắc nơi điên đảo, vì vướng mắc nơi pháp không chân thật, vì vướng mắc nơi hư vọng nên gọi là hành ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát ở trong đó chánh quán về các hành không có gốc rễ như vậy, yếu kém không lực, do các duyên hòa hợp nên có thể gọi là hành ấm, ở đấy không có hành ấm chân thật, nên không ấm là hành ấm. Từ xưa đến này, không sinh là hành ấm, không tánh là hành ấm. Ba đời của các hành đều không thể thủ đắc. Khi không có chỗ trụ, các hành niệm niệm luôn sinh diệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát chánh quán hành ấm như vậy là không, là không thể thủ đắc, không có tướng bền chắc, cho đến mảy may cũng không thể thủ đắc, nên nghĩ thế này: "Các phàm phu ấy bị pháp không bền chắc trói buộc, bị hành ấm trói buộc, bị tham đắm trói buộc nên phát sinh hành của thân, khẩu, ý." Cho ngã là hành, ngã sở là hành, khởi nghiệp như vậy là bị hành ấm trói buộc, không biết tánh của hành ấm nên nhập vào chốn vô minh si ám, ở trong các hành khởi tưởng cho là chân thật. Do điên đảo nên tham đắm nhận lãnh giữ lấy hành ấm. Người này vì tham đắm nhận lãnh giữ lấy hành ấm, nên hoặc khởi hành vui, hành khổ, hay khởi hành chẳng khổ chẳng vui.

Người này khởi hành vui xong, thân được vui vẻ, khởi hành khổ xong, thân bị khổ não, khởi hành chẳng khổ chẳng vui xong, thân được không khổ không vui.

Người này thân được vui sướng thì sinh ái, thân bị khổ thì sinh giận, thân được không khổ không vui thì sinh si.

Người ấy do ái, giận và si nên không thấy được lỗi lầm của các hành, không thể hành thân, khẩu, ý thanh tịnh. Người ấy do hành thân, khẩu, ý không thanh tịnh nên bị đọa trong đường không thanh tịnh là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc có khi được tạm sinh trong hàng trời, người, thì tham đắm nơi hành thân, khẩu, ý tức càng đắm chấp sâu nặng nơi hành ấm. Đại Bồ-tát nên chánh quán như vậy. Chúng ta nay không nên học theo phàm phu. Chúng ta nên hành thân, khẩu, ý thanh tịnh, không nên tham đắm nơi hành ấm, nên quán lỗi lầm của hành ấm, nên tìm đường ra khỏi hành ấm. Người quán sát như vậy gọi là "chánh quán như thật về hành ấm", cũng gọi là "chánh quán về hành ấm vô thường." Ngay khi ấy, quán như thật về các hành, các hành tập, các hành diệt, các hành diệt đạo, không thọ nhận, không tham, không vướng các hành, cũng không tham, không vướng nơi hành ấm.

Khi quán như vậy, là xa lìa tướng của hành ấm, cũng đi trên con đường không hành ấm, tức quán các hành là không, ở trong tất cả các hành sinh tâm sợ hãi, nhàm chán. Chỉ khởi hành thân, khẩu, ý thanh tịnh, trừ bỏ tướng hành, vì lìa tướng của hành ấm nên người này có chỗ đạt được của thân đều thanh tịnh. Vì sao? Vì người ấy thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh. Người ấy xa lìa tướng của hành ấm, hủy hoại các pháp và tướng căn bản. Khi chánh quán như vậy, thấy hành ấm không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không thủ đắc tướng sinh nhất định của các hành, cũng không thủ đắc tướng diệt nhất định của các hành, tức quán các hành không có tướng sinh diệt, hết thảy các hành cũng không sinh diệt. Người này quán sát tất cả các hành không có tướng sinh diệt nên sinh tâm nhàm chán, thông đạt đúng đắn về tướng tập diệt của các hành. Tuy chứng đắc tướng vô sinh các hành nhưng vẫn khéo thông đạt tướng của các hành. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì hành ấm này không có tướng nhất định, giống như thân cây chuối không thể có tướng bền chắc. Tướng không bền chắc ấy cũng không thể thủ đắc. Hành ấm này cũng như vậy, không thể có được tướng bền chắc, tướng không bền chắc ấy cũng không thể thủ đắc.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát lựa chọn, tư duy nhập vào hành ấm như vậy.

-oOo-

KINH TRÌ THẾ

QUYỂN 2

PHẨM 2: NĂM ẤM (PHẦN 2)

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát chánh quán về thức ấm?

Đại Bồ-tát quán phi ấm là thức ấm, ấm điên đảo là thức ấm, ấm hư vọng là thức ấm. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì thức ấm này từ điên đảo sinh ra, hư vọng làm duyên trói buộc, theo nghiệp nơi đời trước mà có, là chỗ hệ thuộc nơi duyên hiện tại, thuộc về các nhân duyên, hư vọng không có thật, từ nghĩ tưởng, phân biệt dấy khởi, theo thức sinh ra, có đối tượng nhận biết của thức nên gọi là thức. Từ nghĩ tưởng, phân biệt theo giác quán mà sinh, giả mượn mà có, có đối tượng nhận biết nên thường gọi là thức. Do biết các vật, do khởi tâm nghiệp, do tư duy, các duyên sinh ra tướng, do khởi lên vô số tư duy, nên được gọi là thức ấm.

Do có chỗ nhận thức nên có hình tượng của thức sinh xuất, vì chỉ rõ về nghiệp của tâm, thâu tóm tư duy nên gọi là thức ấm, hoặc gọi là tâm, hoặc gọi là ý, hoặc gọi là thức, đều là do ý nghiệp phân biệt nên thuộc về thức ấm, hiện ra tướng thức, hành thức, tánh thức, nên gọi là thức ấm.

Như vậy, phi ấm là thức ấm, không sinh, không khởi, không tạo tác, chỉ do điên đảo tương ưng với duyên nơi hư vọng mà biết nên gọi là thức ấm. Vì sao? Vì thức ấm này từ các duyên sinh khởi, không có tự tánh, thứ lớp tiếp nối sinh khởi, từng niệm từng niệm sinh diệt. Thức này rốt cuộc không sinh tướng ấm.

Vì sao? Vì tướng sinh của thức ấm này là không thể thủ đắc, tướng nhất định cũng không thể thủ đắc. Vì tướng sinh không thể thủ đắc, tướng nhất định không thể thủ đắc, nên nguồn gốc vốn không thật có, vì tự tướng vốn không, vì sự bền chắc không thể thủ đắc nên người trí chánh quán thấu đạt phi ấm là thức ấm.

Phàm phu đối với phi thức ấm sinh tưởng về thức ấm, do giác quán tưởng nghĩ, phân biệt điên đảo, tương ưng với hư vọng nên bị trói buộc mà tạm gọi là thức ấm. Tham chấp thức ấm này, nương tựa nơi đối tượng nhận thức, nương tựa nơi thức chủng, hiện ra tư duy nên sinh khởi thức ấm.

Người này với vô số phân biệt nên tham chấp nơi nội thức, tham chấp nơi ngoại thức, tham chấp nơi nội ngoại thức, tham chấp nơi thức xa, tham chấp nơi thức gần. Do tướng thức nên phân biệt sinh khởi thức ấm. Người này hoặc tâm, hoặc ý, hoặc thức do nhớ tưởng, phân biệt giả hợp nên tạm gọi là tâm, là ý, là thức.

Biết vô số tướng của tâm sinh như vậy là phàm phu tham chấp nơi thức ấm, bị thức ấm trói buộc, do tâm ý thức hòa hợp mà sinh khởi các loại thức ấm, phân biệt việc hư vọng, vì là một tướng, vì tướng quyết định, nên có thể đạt được tâm ấy, ý ấy, thức ấy, nên có thể được phân biệt ái chấp. Người này nương tựa nơi thức ấm, cùng tham chấp nơi thức ấm sâu dày, nên cũng được thức ấm quá khứ tham chấp nghĩ là có, cũng được thức ấm vị lai tham chấp nghĩ là có, cũng được thức ấm hiện tại tham chấp nghĩ là có.

Các phàm phu ở trong các pháp thấy, nghe, hay biết, chấp trước nên có thức ấm, tham chấp tưởng nghĩ là có. Người này tham chấp pháp thấy, nghe, hay biết nên bị thức ấm trói buộc, quý mến chỗ hiểu biết của mình. Do tâm ý thức hòa hợp trói buộc khiến giong ruổi qua lại, nghĩa là từ đời này đến đời khác, từ đời khác đến đời này đều bị thức ấm trói buộc nên không thể biết như thật về thức ấm. Thức ấm là hư vọng, không thật, tương ưng với điên đảo, vì thấy, nghe, hay biết mà sinh khởi, trong đó không có thức thật. Nếu không có thể thật quán như vậy hoặc khởi lên thức thiện, hoặc khởi lên thức bất thiện, hoặc khởi lên thức thiện, bất thiện. Người này thường hành động theo thức, không biết chỗ sinh của thức, không biết tướng như thật của thức.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong đó chánh quán như vậy, biết thức ấm là từ thức hư vọng sinh khởi. Nghĩa là trong pháp thấy, nghe, hay biết, các nhân duyên sinh khởi, vì không có pháp sinh pháp tưởng, nên tham chấp nơi thức ấm.

Chúng ta không nên học theo phàm phu, chúng ta phải chánh quán như thật về thức, chánh quán như thật về thức ấm. Các Bồ-tát này khi quán biết như thật thức ấm vốn hư vọng, không thật, từ xưa đến nay thường là không có tướng sinh, biết phi ấm là thức ấm, hình tượng ấm là thức ấm, huyễn ấm là thức ấm. Cũng như thức của người huyễn hóa, không ở bên trong, không ở bên ngoài, cũng không ở trung gian. Tánh của thức cũng như vậy, là tánh như huyễn, duyên sinh, hư vọng, theo tưởng nghĩ, phân biệt mà sinh khởi, không thật sự có, như người máy bằng gỗ. Thức cũng như vậy, từ điên đảo sinh khởi, do nhân duyên hư vọng hòa hợp nên có.

Khi quán như vậy, biết thức đều là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, biết tướng của thức như huyễn, quán tánh của thức như huyễn. Bấy giờ Bồ-tát nghĩ thế này: "Thế gian thật là cuồng si, nghĩa là từ nơi thức nghĩ tưởng phân biệt sinh khởi nơi thế gian, cùng tâm ý thức hòa hợp, ba cõi chỉ đều là thức. Tâm ý thức ấy cũng không có hình tướng, không có phương hướng, không ở trong pháp, không ở ngoài pháp. Phàm phu vì tương ưng với hư vọng trói buộc nên ở nơi thức ấm tham chấp cho là ngã hoặc ngã sở. Người này tham chấp thức ấm bên trong, tham chấp thức ấm bên ngoài, tham chấp thức ấm bên trong ngoài, tham chấp thức ấm nơi mình, nơi người. Người này quý trọng thức ấm, bị thức ấm ấy trói buộc, thọ nhận mùi vị của thức ấm, nói tướng của thức ấm, nghĩa là hoặc tâm, hoặc ý, hoặc thức hoạt động theo mùi vị ấy nên tham nhận thức ấm. Người này bị thức trói buộc, thức ấm hợp nên bị tâm ý thức dẫn dắt. Do sức nơi nhân duyên của tâm ý thức nên sinh ra phàm phu. Nếu tư duy thấp kém, chịu thân thấp kém. Nếu tư duy cao thượng, được thân cao thượng. Nếu tư duy trung bình, được thân trung bình. Người này tùy theo sức của tâm ý thức, sinh khởi nương tựa nơi các nhập, vì tham chấp thức ấm, nên không thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não."

Bồ-tát ở trong ấy chánh quán như thật về thức ấm. Quán như thật tướng của thức ấm là vô thường, nên không tham, không đắm, không nghĩ về thức ấm quá khứ. Biết phi ấm là thức ấm, cũng không tham, không đắm, không nghĩ về thức ấm vị lai. Biết phi ấm là thức ấm, cũng không nương tựa nơi thức ấm hiện tại. Biết như thật thức ấm là tướng vô thường, biết như thật thức ấm là tướng sinh diệt. Nếu người chánh quán tư duy về thức ấm như vậy gọi là người chánh quán đi vào con đường của thức ấm. Nghĩa là biết như thật về thức, biết như thật về thức tập, biết như thật về thức diệt, biết như thật về thức diệt đạo. Người này quán như thật về tướng tập diệt của thức ấm, có thể phá bỏ thức ấm, có thể đoạn trừ tất cả tướng. Biết tướng tập diệt của thức ấm, cũng là thấu rõ tướng tập diệt của thức ấm. Bồ-tát bấy giờ cũng không sinh thức ấm, cũng không diệt thức ấm, vì thức ấm này từ xưa đến nay không sinh. Khi quán như vậy không phân biệt tướng của thức diệt, thấu rõ tướng vô sinh của thức ấm. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì thức ấm này không sinh, không tướng, không thành, vì tánh của thức ấm này hư vọng nên nhập vào tướng vô sinh. Này Bồ-tát Trì Thế! Thức ấm hoàn toàn không có tướng sinh diệt, vì tướng của thức ấm này từ các duyên sinh ra.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán pháp nhân duyên như vậy, nên biết. Phi ấm là thức ấm. Quán sát, tin hiểu, chứng biết, thông đạt các thức

hiện có đều biết đúng như thật. Bồ-tát biết như thật về thức ấm nên phá bỏ tất cả pháp của đối tượng duyên, đối tượng nhận biết.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán thức ấm như vậy, biết thức ấm này không sinh, không tạo, không khởi, không nhận, không chỗ nhận, chỉ do các duyên sinh, các duyên hợp nên có. Duyên với pháp thấy, nghe, hay, biết nên bị buộc vào cái có, nhưng từ xưa đến nay rốt ráo là không. Khi quán thức ấm như vậy liền biết thức ấm là tướng không tạo, không khởi, không tham, không vướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán như vậy mà vào thức ấm. Nếu Bồ-tát có thể theo phương tiện nhập nơi năm ấm như vậy, có thể theo phương tiện chánh quán về năm ấm như vậy, đó là người thông đạt, đi vào tập diệt đạo của năm ấm, đều có thể đoạn trừ tướng của các ấm, biết chân thật về phương tiện của năm ấm. Do phương tiện này nên đối với năm thủ ấm không tham, không chấp, không buộc, không trói, biết như thật về tướng của sắc là vô thường. Bồ-tát này đối với sắc nếu có tâm dục nhiễm thì có thể đoạn trừ. Cũng biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, cũng biết như thật về tướng của thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nếu ở trong thọ, tưởng, hành, thức có tâm dục nhiễm thì có thể đoạn trừ. Bồ-tát ở trong năm thọ ấm vì đoạn trừ dục nhiễm nên tùy thuận, thông đạt, quyết định phương tiện của năm ấm. Khi quán như vậy thì có thể biết rõ tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm?

Đại Bồ-tát quán chúng sinh ban đầu khi mới vào thai là Ca-l-la, năm ấm trước diệt, liền có năm ấm sinh. Từ đây trở đi quán tướng sinh diệt của năm ấm. Tuy thức trước diệt nhưng cũng biết tướng thức của năm ấm không đoạn diệt. Tuy nương tựa nơi Ca-la-la cũng biết năm ấm là không thường, không đến. Quán như vậy là quán tướng sinh diệt trong một niệm lúc mới vào thai của năm thọ ấm. Từ Ca-la-la cho đến lúc sinh ra và sau khi lớn lên, cho đến khi chết, quán tướng sinh diệt trong từng niệm của năm thọ ấm này. Như vậy là quán sát tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đây là tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm. Nghĩa là năm thọ ấm trước diệt, kế tiếp là không vật đến thai. Khi thức vừa mới hợp thì năm ấm liền có sinh diệt. Do năm thọ ấm của Ca-la-la mà tạm gọi là người. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì thức không có chỗ nương thì không thể trụ. Chỗ thức nương tựa là năm thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Lại nữa, tướng sinh diệt vi tế nơi năm thọ ấm

của chư Thiên trong Vô sắc giới cũng nên biết như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm như vậy, trí tuệ của Bích-chi-phật còn không thể hiểu tới, huống gì là trí tuệ của Thanh văn. Chỉ có trí tuệ của chư Phật, Như Lai mới hiểu rõ năm thọ ấm. Tướng sinh diệt vi tế từ khi mới vào thai cho đến sinh nơi cõi trời Vô sắc thì các ấm sinh diệt trong từng niệm. Nghĩa là Nhất thiết trí tuệ xuất sinh trí tuệ của tất cả thế gian. Đại Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh đến cảnh giới của Phật tuệ. Người này tuy quán sát tướng vi tế của năm thọ ấm như vậy từ khi mới nhập thai cho đến sinh nơi cõi trời Vô sắc, nhưng cũng không thể biết rốt ráo như chư Phật đã biết.

Này Bồ-tát Trì Thế! Chư Phật Như Lai không theo trí tuệ khác mà tự nhiên chứng đắc phương tiện của Nhất thiết trí tuệ, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trí tuệ của chư Phật thông đạt khắp tất cả. Trí tuệ của chư Phật vô ngại, ở trong tất cả pháp đạt được trí tuệ quyết định, ở trong tất cả pháp đạt được sức tự tại. Vì sao? Vì ở trong vô lượng, vô biên ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, chư Phật đã từng hành pháp thâm diệu.

Này Bồ-tát Trì Thế! Tất cả phàm phu không thể quán năm thọ ấm theo phương tiện như vậy, huống hồ là quán tướng sinh diệt vi tế của năm thọ ấm. Vì sao? Vì các phàm phu không thể biết như thật về năm thọ ấm, phàm phu không biết thủ, không biết về thọ ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sao gọi là thủ? Thủ là thủ của ngã, thủ của chúng sinh, thủ của kiến chấp, thủ của giới, thủ của năm ấm, thủ của mười tám tánh, thủ của mười hai nhân duyên, đó là thủ. Cho đến tất cả pháp hiện có hoặc ở trong, hoặc ở ngoài, đó là thủ của dục, thủ của hữu, thủ của kiến, văn giác thức, thủ của ngã, thủ của ngã sở.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phàm phu đối với thủ hư vọng này không thấy, không biết, do nhân duyên điên đảo mà chấp thủ các pháp, nên họ bị chấp thủ trói buộc. Do vô minh làm nhân duyên chấp thủ các hành, các hành làm nhân duyên chấp thủ thức, thức làm nhân duyên chấp thủ danh sắc. Chúng sinh nhiễm chấp tướng thô của danh sắc nên hướng đến các sắc, đó là sắc thủ, sắc hợp, sắc buộc và chấp thủ bốn ấm vô sắc là thọ, tưởng, hành, thức, phân biệt là danh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu không có chư Phật thì chúng sinh chắc chắn không thể thấy, không biết, không thể chánh quán được năm thọ ấm. Chư Phật xuất hiện ở thế gian phá trừ sự nương tựa của chúng sinh về sắc, phá trừ sự nương tựa của chúng sinh về thọ, tưởng, hành, thức, phá trừ sự hòa hợp nơi một tướng, nên chư Phật Như Lai phân biệt nói như vầy: Chỗ các

ông nương tựa, chỗ các ông quy hướng, gọi là sắc, sắc đó chỉ do bốn đại hòa hợp. Thọ, tưởng, hành, thức chỉ có danh tự vì tướng của danh sắc thành tựu nên gọi là năm thọ ấm. Chúng sinh các ông chớ có tham chấp nương tựa vào năm thọ ấm không bền chắc này!

Này Bồ-tát Trì Thế! Vì sao Như Lai nói về thọ ấm?

Này Bồ-tát Trì Thế! Người phàm phu này từ điên đảo sinh ra, nhập vào lưới vô minh, giong ruổi qua lại không biết hướng đến chỗ nào. Tham thọ tướng của năm thọ ấm nên nghĩ thế này: "Ta nương tựa vào đây sẽ được an vui." Người này do tưởng lạc mà tham nương vào năm ấm, do tưởng khổ, tưởng chẳng khổ chẳng lạc mà tham nương vào năm ấm. Chỗ người phàm phu quay về nương tựa, đó là năm ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các phàm phu từ khi sinh ra đến nay do tối tăm nên không biết năm ấm chính là những gì, không biết năm ấm từ chỗ nào đến, vì không biết như thật về năm ấm, tham thọ năm ấm cho nên gọi là thọ ấm.

Ở trong đó ai là người thọ? Trong đó, người thọ không thể thủ đắc nhưng vì điên đảo tham chấp, hư vọng phân biệt, mà tự trói buộc nơi vô minh si ám, chấp thủ ngã, ngã sở, chấp thủ bỉ, thử, nên gọi thọ ấm là năm ấm. Không có người thủ, cũng không có tướng quyết định, cho nên người trí biết phi ấm là năm thọ ấm, ấm điên đảo là năm thọ ấm, ấm vô minh là năm thọ ấm. Phàm phu bị trói buộc ở nơi đó, tham nương vào năm thủ ấm. Do tham nương vào đó nên không biết những gì là thủ, những gì là thủ ấm. Chỉ vì tham chấp về năm ấm nên qua lại trong sinh tử. Vì tham chấp năm ấm này cho nên bị giong ruổi trong các cõi. Tham về những gì? Tham chấp về chỗ thấy, nghe, tham chấp về biết, thức, ái, vô minh. Các phàm phu này bị ái trói buộc, tham ái năm thọ ấm, bị các triền cái che lấp nên chìm vào vô minh tăm tối, không biết, không giác ngộ. Nay chúng ta tham chấp chỗ nào? Chỗ nào trói buộc? Do không biết nên qua lại trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Vì tham chấp sinh tử, không chịu buông bỏ nên bị sinh tử trói buộc, không đoạn trừ năm ấm, cũng không thể biết tướng như thật của năm ấm. Vì không biết như thật nên bị các khổ não làm hại, đọa mãi trong ngục Hư không, không biết đường nào ra. Vì người này không thấy đường ra, nên ở trong đường sinh tử từ vô thủy chịu các sinh tử, nên không thể thoát được sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, cũng không vượt qua được vô lượng đường hiểm của sinh tử, cũng không thể thoát được vô số khổ lớn, rồi trở lại hướng tới khổ, tham chấp nơi khổ, bị khổ sai khiến. Những gì là khổ? Năm thọ ấm là khổ. Khi sinh thì khổ về

sinh, khi diệt thì khổ về diệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta do nhân duyên này nên nói pháp cho các đệ tử: "Này các Tỳ-kheo! Phải chánh quán về sắc ấm. Cũng phải biết như thật về tướng của sắc là vô thường. Các ông nếu đối với sắc mà có dục nhiễm thì phải mau chóng đoạn trừ. Các ông nên chánh quán về thọ, tưởng, hành, thức. Cũng nên biết như thật về tướng thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nếu đối với thọ, tưởng, hành, thức mà có dục nhiễm thì phải mau chóng đoạn từ. Đoạn trừ dục nhiễm nên tâm được giải thoát chân chánh."

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người nào hiểu nghĩa pháp của ta đã thuyết giảng, có thể y theo lời thuyết giảng này mà tu hành thì sẽ thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não. Nếu người nào không thể theo như lời thuyết giảng mà tu hành thì sẽ bị sắc trói buộc, bị ái trói buộc, rơi vào vô minh tăm tối tham giữ năm ấm. Người này vì tham giữ nơi năm ấm nên không thể thoát khỏi con đường hiểm sinh tử.

Này Bồ-tát Trì Thế! Vì nghĩa này nên ta nói thế gian cùng tranh chấp với ta, chứ ta không tranh chấp với thế gian. Những gì là thế gian? Đó là tham chấp nơi năm thọ ấm, bị lệ thuộc thế gian. Người này tham về năm ấm, bị năm ấm trói buộc, không biết tánh của năm ấm, không biết tướng của năm ấm là không nên tranh chấp với ta. Người này làm trái nghịch với lời Phật dạy, tranh chấp với Phật nên rơi vào sự suy não lớn.

Nếu người nào ngay khi Phật còn tại thế hay sau khi Phật đã diệt độ, có thể quán năm thọ ấm là hư vọng, là không có thực, từ vô minh tăm tối điên đảo sinh khởi, vọng tưởng hư dối, chỉ lừa dối phàm phu, không phải năm ấm cho là năm ấm. Người như vậy không tranh luận với Phật. Người không trái lời Phật dạy sẽ được thoát khỏi mọi khổ não nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Chư Phật không tranh chấp với người đời, dứt trừ tất cả mọi sự tranh tụng, đó là Phật. Chỉ diễn nói pháp thật cho chúng sinh, nêu dạy thế này: "Những điều các ngươi giữ lấy trước kia đều là điên đảo. Tất cả chúng sinh do sức của điên đảo nên tham chấp về năm ấm, qua lại trong thế gian. Người này tham chấp về năm ấm rồi, phát sinh vô số tà kiến, tham chấp vô số danh tự, tham chấp vô số ưu bi khổ não. Người này bị vô số tà kiến phiền não, vô số ưu bi khổ não tàn hại, không thể làm người cứu hộ, làm nhà cửa, làm chỗ nương tựa, làm chỗ quy hướng. Chỉ có Phật mới có thể làm người cứu hộ. Phàm phu tâm hẹp hòi, trí tuệ kém nên tham đắm nơi dục, nương tựa nơi năm ấm nhiều lỗi lầm. Phàm phu này tranh cãi với người cứu hộ, người khiến cho tất cả quay về, người làm chỗ nương

tựa, người giải thoát tất cả khổ não!

Này Bồ-tát Trì Thế! Nay ta đưa cánh tay lên, người ấy có thể tìm thấy được năm ấm, thấy tướng năm ấm, tham chấp năm ấm, ta chắc chắn không làm thầy người đó, người đó cũng chẳng phải là đệ tử của ta, không theo ta xuất gia, không theo ta tu hành, không quy y ta. Người này vào đường tà, vào đường hư vọng, người chấp thủ điều chẳng thật, đó là người điên đảo không biết ý Phật, không biết Phật tùy nghi thuyết giảng năm ấm, không biết về Đệ nhất nghĩa của Phật. Người này không lãnh thọ lời Phật dạy, không xứng đáng nhận lãnh sự cúng dường mà lại nhận. Người này xuất gia ta còn không cho, huống là sẽ được nhận sự cúng dường của người. Vì sao? Vì người như vậy là bè nhóm của ngoại đạo, nghĩa là người sinh ra tướng của năm ấm, người tham chấp, quy hướng về năm ấm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Năm trăm năm về sau trong đời vị lai, khi chánh pháp sắp diệt, những người xuất gia trong giáo pháp của ta, phần nhiều sinh tướng năm ấm này, quyết định nói về tướng của năm ấm, tham chấp sâu dày nơi năm ấm, đi vào đường tà hư dối, ở trong pháp của ta được xuất gia khoác ca-sa, thường ưa tới lui nhà bạch y, nên biết người này cùng với ngoại đạo không khác, phần nhiều cũng nhờ nơi pháp của ta nên được nhiều người cung kính cúng dường. Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nói đó là người thấy chấp về năm ấm, chắc chắn nói tướng của năm ấm, tham vướng nơi năm ấm, không thọ nhận của người một chén nước. Vì sao? Vì những người ấy đối với pháp của ta cho đến chẳng có được một pháp Nhẫn nhu thuận. Người ấy trái ngược với pháp của ta, trái bỏ hạnh Thánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát nơi đời xấu ác sau này, nên phát đại thệ nguyện như vầy: Đối với kinh điển thâm diệu như vậy của ta phải cùng nhau hộ trì, cũng đoạn trừ kiến chấp về năm ấm của chúng sinh để thuyết pháp cho họ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Trong kinh này ta nói về sự phá trừ tất cả tướng của ấm, lìa tham chấp nơi tướng của ấm.

Bấy giờ có nhiều người tại gia, xuất gia nghe những kinh như vậy, phát sinh tranh cãi về thật tướng không sinh. Đại Bồ-tát ở trong đó nên phát đại thệ nguyện: "Chúng ta ở nơi đời ác sau này luôn tạo lợi ích cho các chúng sinh tà kiến, tham đắm nơi năm ấm. Nghĩa là độ thoát cho chúng sinh tham đắm vào năm ấm, tùy thuận nơi phương tiện dùng pháp làm lợi ích."

Thế nên, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát nếu muốn hiểu rõ về thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt rõ về chương cú của các pháp,

muốn đạt được niệm lực, muốn được chuyển thân thành tựu niệm không gián đoạn, cho đến đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên thường quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng hư vọng, tướng không bền chắc, tướng rốt ráo không, tướng từ xưa đến nay không sinh của năm thứ ấm này. Khi thường chánh quán trong năm thọ ấm, thì tất cả dục nhiễm hiện có liền có thể đoạn trừ, cũng đạt được phương tiện trong những pháp sâu xa như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Trong quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, có Phật hiệu Đại Ý Sơn Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Đại Ý Sơn Vương này có tám mươi ức na-do-tha chúng Thanh văn đều là A-la-hán, đã dứt hết các lậu và tám mươi ức na-do-tha học địa A-na-hàm, bốn mươi ức na-do-tha các Đại Bồ-tát. Phật Đại Ý Sơn Vương này thọ tám mươi vạn tuổi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bấy giờ có vua tên là Đức Ích. Vua Đức Ích này có hai vạn đại thành, dân chúng đông đúc, giàu có an vui. Thành đó có bảy lớp, ngang dọc mười hai do-tuần, đều dùng bốn thứ báu để xây nên. Có bảy lớp hào, đều có lan can, có bảy lớp hàng cây bao bọc chung quanh và các màn lưới báu trùm khắp bên trên. Các cây nơi hào thành và các màn lưới bao phủ ở trên đều dùng bốn thứ báu: vàng ròng, lưu ly, xa cừ, mã não hợp lại để tạo thành. Mỗi một thành lớn có năm trăm vườn rừng, đều có vỏ cây bảy báu đầy khắp trong đó. Mỗi một vườn rừng đều có năm trăm ao báu, tràn đầy nước tám công đức.

Này Bồ-tát Trì Thế! Vua Đức Ích này có tám vạn thể nữ, đại phu nhân của vua có hai người con: người thứ nhất tên Vô Lượng Ý, người thứ hai tên Vô Lượng Lực.

Này Bồ-tát Trì Thế! Hai vương tử này đều mười sáu tuổi, trong giấc mơ thấy Phật đoan nghiêm như ngọn cờ vàng Diêm-phù-đàn không gì có thể sánh bằng, nên đều rất hoan hỷ. Sau khi thức giấc, cả hai vương tử đều nói kệ.

Người thứ nhất nói:

Con nay mộng thấy Nhị Túc Tôn
Tướng kim sắc trăm phước trang nghiêm
Thành tựu vô lượng các công đức
Thấy xong, trong tâm rất hoan hỷ.

Người thứ hai nói kệ:

Mộng thấy Phật sáng như mặt trời
Đẹp đẽ đoan nghiêm, rất tôn quý
Cũng như Tu-di vua các núi
Cao vời rực rỡ thấy hoan hỷ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ngay khi ấy, hai Vương tử Vô Lượng Ý và Vô Lượng Lực cùng đi đến chỗ cha mẹ thưa đầy đủ việc này: "Kính thưa cha mẹ! Hôm nay hai anh em chúng con trong giấc mơ được thấy Phật. Cúi xin cha mẹ cho phép chúng con cùng đi đến chỗ Phật, vì rất lâu xa Phật mới xuất hiện ở đời, chúng con do buông lung nên không thể biết rõ, chìm đắm trong bùn năm dục, bị sắc trói buộc, bị thọ, tưởng, hành, thức trói buộc. Chúng con tại gia do phóng dật nên không thể gặp Phật."

Này Bồ-tát Trì Thế! Hai vương tử này thưa với cha mẹ việc như vậy xong, liền đi đến chỗ Phật Đại Ý Sơn Vương. Khi đến nơi, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường bốn sự: y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men trong ba tháng. Phía bên đại thành trang nghiêm, nơi vườn rừng vua Đức Ích thường dạo chơi được trang trí treo giăng cờ phướn, lọng báu, lụa màu, dùng các thứ hoa đẹp che phủ mặt đất, thỉnh Phật và chư Tăng đến ở nơi đó, trong ba tháng, hai vương tử dùng tất cả những vật dụng tạo an vui cúng dường Phật và chúng Tăng. Cúng dường xong hai vương tử cùng xin xuất gia trong pháp Phật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Đại Ý Sơn Vương biết sở nguyện nơi thâm tâm của hai vương tử ấy nên vì họ thuyết giảng kinh năm ấm, mười hai nhập, mười tám tánh phương tiện Bồ-tát. Trong bốn vạn năm hoàn toàn không ngủ nghỉ, thường không ăn nhiều, cũng không nằm nghiêng, chỉ hoặc ngồi, hoặc kinh hành. Lại trong bốn vạn năm không nghĩ đến việc khác, chỉ nghĩ về tướng của năm thọ ấm là không, là hư vọng. Biết năm thọ ấm này từ điên đảo sinh khởi, thấu rõ tướng của năm thọ ấm này rồi thì trong suốt thời gian thọ mạng thường tu phạm hạnh, sau khi mạng chung, liền được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Phật diệt độ rồi, được sinh trở lại nơi nhà đại cư sĩ trong cõi Diêm-phù-đề, đến năm mười sáu tuổi lại mộng thấy Phật, được Phật thuyết giảng kinh năm ấm, mười tám tánh phương tiện Bồ-tát này. Nghe pháp ấy xong rất kinh sợ và liền giác ngộ. Lại ở trong pháp Phật, mãn một vạn năm thường tu phạm hạnh, cũng lại theo phương tiện quán sâu xa về kinh năm thọ ấm, mười hai nhập, mười tám tánh phương tiện hành hóa của Bồ-tát này, mạng chung được sinh lên cõi trời Đao-lợi, khi thọ mạng nơi cõi trời hết, sinh vào nhà thuộc tộc họ Bà-la-môn lớn ở cõi Diêm-phù-đề. Trong một ngàn năm sau thời mạt pháp của Phật Đại Ý

Sơn Vương, hai người này do nhân duyên xưa nên lại được xuất gia, học vấn rộng khắp, trí tuệ như biển, cũng khéo quán sát phân biệt về tánh của năm ấm, vào pháp thông suốt như thật, ngay trong đời ấy, giáo hóa hai vạn người và hai mươi ức chư Thiên đến với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Hai vị Bồ-tát này từ đấy trở về sau, đời đời cùng một lòng, cùng được gặp mười ức na-do-tha Phật, sau đấy đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Được pháp nhẫn rồi, lại được gặp một ức na-do-tha Phật và sau cùng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng trong một kiếp, hai vị này lần lượt thành Phật, người thứ nhất hiệu là Vô Lượng Âm, người thứ hai hiệu là Vô Lượng Quang.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nên, Đại Bồ-tát nếu muốn mau chóng chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải ở trong pháp thanh tịnh không nhiễm này siêng năng tu tập về tánh ấm nhập ấy và thuyết giảng về thật tướng của tri kiến trong các pháp hữu vi khác.

-oOo-

PHẨM 3: MƯỜI TÁM TÁNH

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát biết rõ về mười tám tánh?

Các Đại Bồ-tát theo phương tiện chánh quán về mười tám tánh nghĩ thế này: Trong cảnh giới của nhãn tánh, thì nhãn tánh không thể thủ đắc. Nhãn tánh này là không ngã, không ngã sở, không thường, không bền chắc, vì tự tánh vốn không, vì trong nhãn tánh, tướng của nhãn tánh là không thể thủ đắc. Nhãn tánh hư vọng, không thật có, từ nhớ tưởng phân biệt sinh khởi. Nhãn tánh không có tướng nhất định. Tánh hư không là nhãn tánh. Ví như hư không không có tướng nhất định, không có gốc rễ, nhãn tánh cũng như vậy, không có tướng nhất định, cũng không có gốc rễ.

Vì sao? Vì trong nhãn tánh, thật sự là không thể thủ đắc. Nhãn tánh không có nơi chốn, không có phương hướng, không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Nhãn tánh không có tướng nhất định vì không có sự việc. Sự việc của nhãn tánh là không thể thủ đắc, do các nhân duyên sinh khởi nên nhãn tánh không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhãn tánh, nhãn tướng đều không thể thủ đắc. Nhãn tánh chỉ do nghiệp báo nơi đời trước, vì thuộc duyên hiện tại nên được gọi là nhãn tánh. Nhãn tánh tức là vô tánh. Trong nhãn tánh, nhãn tánh là không thể thủ đắc, do nhận biết về hành xứ nên gọi là nhãn tánh.

Nếu nhãn căn thanh tịnh, sắc ở chỗ có thể thấy được, tương ưng với ý căn, vì ba sự hòa hợp nên gọi là nhãn tánh. Trong nhãn tánh không có tướng nhãn tánh nhất định. Người trí hiểu rõ không nhãn tánh là tánh của nhãn tánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát nếu có thể quán sát nhãn tánh như vậy, liền thông đạt vô tánh là sắc tánh. Vì sao? Vì trong sắc tánh, sắc tánh là không thể thủ đắc. Sắc tánh này không hợp, không tan. Sắc không có tướng nhất định nên gọi là sắc tánh. Sắc không có cội rễ, không phân biệt, huống hồ là sắc tánh. Sắc tánh tức cũng không căn bản. Sắc tánh không ở trong sắc, không ở ngoài sắc, không ở trung gian, chỉ do nhớ tưởng, phân biệt. Sắc ở chỗ có thể thấy nhãn căn thanh tịnh do ý thức tương ưng, thấy sắc hiện tại nên thường gọi là sắc tánh. Ví như dáng mặt trong gương, nếu gương trong sáng thì dáng mặt hiện rõ. Dáng mặt trong gương không có tướng nhất định. Trong gương không có người nhưng thấy có dáng người là chỉ do bên ngoài có nên mới hiện lên dáng người trong gương. Nhãn tánh thanh tịnh như vậy duyên với sắc tánh ở chỗ có thể thấy, như hình tượng trong gương nên gọi là sắc tánh. Sắc không có tánh tướng, không hình tánh, không tánh nhất định, đó gọi là sắc tánh. Tướng của các sắc vô ngã nên gọi là sắc tánh, vì tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh nên nói là sắc tánh. Nếu Bồ-tát nhận biết sắc tánh này, liền biết vô tánh là sắc tánh, tánh vô sinh là sắc tánh, tánh vô tác là sắc tánh. Vì sao? Vì sắc tánh này không có quá khứ, vị lai, hiện tại, là tánh vô sở hữu, là tánh hư vọng, là tánh giả danh, nên gọi là sắc tánh.

Quán sát sắc tánh như vậy, Bồ-tát này chánh quán về tánh của nhãn thức. Nghĩa là không có nhãn thức trong nhãn thức, không có tánh của nhãn thức, không có tánh thường. Tánh nhãn thức không có nguồn gốc, là pháp không nhất định, tánh của nhãn thức không chỗ hiện bày. Tánh của nhãn thức này không hợp, không tan, không có căn bản, chỉ do nhân duyên nghiệp báo từ đời trước sinh khởi, thuộc duyên của hiện tại trói buộc vào duyên của sắc nên gọi là tánh của nhãn thức. Vì tùy theo tâm điên đảo của phàm phu nên thường gọi là tánh của nhãn thức.

Hiền thánh thông đạt tánh của nhãn thức tức là phi tánh. Vì sao? Vì tánh của nhãn thức không nhất định, từ các duyên sinh ra, vì thuộc các nhân duyên nên thường gọi là tánh của nhãn thức. Chỗ hành xứ của thức là tánh của nhãn thức, vì thức này không nhất định, nên nói là tướng không nhất định, không sinh, vì chỉ bày hư vọng, vì có thể phân biệt sắc tướng, vì có thể nêu rõ các duyên nên nói là tánh của nhãn thức. Tùy theo chỗ hiểu biết

của chúng sinh nên Như Lai theo phương tiện phân biệt, phá trừ một tướng hòa hợp, nên nói mười tám tánh này là để chỉ rõ thức không có tướng nhất định. Chỉ có mắt thanh tịnh mới có thể nhận biết về sắc tướng, vì hai pháp hòa hợp nên nói tánh của nhãn thức. Vì chỉ rõ thật tướng của nhãn thức nên nói tánh của nhãn thức. Tánh của nhãn thức chỉ ra chốn hành hoạt của mắt, có thể biết sắc là nhãn thức, nên nói tánh tức là vô tánh. Vì sao? Vì trong tánh của nhãn thức, người trí tìm tướng của tánh của nhãn thức là không thể thủ đắc. Trong tánh của nhãn thức cũng không tìm được nguồn gốc của tánh nhãn thức. Vì sao? Vì tánh không nhất định là tánh của nhãn thức, tánh của nhãn thức chỉ giả danh mà nói. Nói về tánh tức là nói nghĩa không thể nắm giữ, có thể có chỗ nhận biết là nhãn thức, ý nghiệp sinh khởi là tướng nhãn thức, nên gọi là nhãn thức.

Nhãn tánh, sắc tánh, nhãn thức tánh, nói ba sự hòa hợp vì biết tướng của các duyên, tức là lìa nghĩa của các tánh. Nghĩa là nêu rõ về nhãn tánh, sắc tánh, nhãn thức tánh có các thứ như vậy, để làm cho chúng sinh đi vào con đường chân thật, trong đó thật sự không có nhãn tánh, sắc tánh, nhãn thức tánh. Các Đức Như Lai theo phương tiện nói là thấy biết về các tánh tướng, phân biệt nói là các tánh. Nếu người nào thông đạt phương tiện của các tánh này thì biết ba tánh là vô tánh. Vì sao? Vì trong các tánh không có tánh tướng, nên tướng trong các tánh là không thể thủ đắc. Nhĩ tánh, thanh tánh, nhĩ thức tánh; tỷ tánh, hương tánh, tỷ thức tánh; thiệt tánh, vị tánh, thiệt thức tánh; thân tánh, xúc tánh, thân thức tánh cũng đều như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán sát, lựa chọn ý tánh? Bồ-tát nghĩ thế này: Ý tánh không nhất định, vì nguồn gốc là không thật có. Trong ý tánh không có ý tánh, không có tánh quyết định là ý tánh. Ví như các hạt giống được gieo trồng nơi đại địa, nhờ tưới nước, nhờ ánh sáng của mặt trời, nhờ không khí, dần dần nảy mầm, mầm không từ hạt giống sinh ra, hạt giống cũng không cùng với mầm hòa hợp. Mầm sinh thì hạt giống hoại, hạt giống không lìa mầm, mầm không lìa hạt giống, trong mầm không có hạt giống. Ý tánh cũng như vậy, có thể khởi sinh ý nghiệp, có thể hiện bày ý thức, như hạt giống hiện bày ra mầm nên được gọi là ý tánh. Lìa ý tánh thì không có ý, ý tánh không thể biết ý, vì tạm mượn danh tự mà nói là ý tánh. Ý tánh này không ở trong ý, không ở ngoài ý, không ở trung gian, chỉ do nhân duyên của nghiệp báo nơi đời trước nên sinh khởi.

Vì thức là ý nghiệp, vì biết đối tượng duyên, vì danh tự của các tánh hòa hợp, vì các duyên hiện tại sinh khởi nên thường gọi là ý tánh, tức là tướng của ý nghiệp không nhất định, là tướng hòa hợp của các duyên, nên

cũng nói ý tánh từ hòa hợp sinh khởi, tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh. Trong Đệ nhất nghĩa không có ý tánh. Vì sao? Vì nguồn gốc là không thật có, nên vô sinh là ý tánh, vì sinh vốn là vô sở hữu. Ý tánh tức là lời thế tục, trong Đệ nhất nghĩa không có ý tánh, quá khứ, vị lai, hiện tại đều không thể thủ đắc. Người trí thông đạt nên biết vô tánh là ý tánh.

Các Bồ-tát quán chọn về pháp tánh, biết vô tánh là pháp tánh. Pháp tánh không có tự tánh, tự tánh không thể thủ đắc. Tánh không nhất định là pháp tánh, vì nguồn gốc của pháp tánh là không thể thủ đắc, vì sự nhất định cũng không thể thủ đắc. Chỉ vì chúng sinh khởi điên đảo, hư vọng trói buộc, vì có chỗ nhận biết nên nói là pháp tánh. Vì muốn làm cho chúng sinh nhập nơi vô tánh nên nói là pháp tánh. Vì sao? Vì trong pháp tánh không có tướng pháp tánh. Pháp tánh này từ các duyên sinh ra, pháp từ các duyên sinh ra tức không tự tánh. Nơi các nhân duyên không có tự tánh, các nhân duyên đều từ các duyên hòa hợp nên nối tiếp sinh ra. Như Lai ở trong đó muốn giáo hóa chúng sinh nên nói là pháp tánh, dùng lời nói của thế tục để chỉ rõ về pháp vô tánh. Pháp tánh này không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian, chỉ làm cho chúng sinh thấy biết pháp thiện, bất thiện. Dùng pháp tánh để nêu rõ việc xa lìa tướng của tất cả pháp, vì thấy biết rốt ráo về tướng không. Nói rốt ráo không tức là pháp tánh. Vì sao? Vì vô sở hữu là pháp tánh, trong pháp tánh không có tướng nhất định. Ví như hư không không có tướng nhất định, nên thường gọi là hư không. Pháp tánh cũng như vậy, không có tướng nhất định, vì để mở bày về pháp tướng nên gọi là pháp tánh, pháp tánh tức là vô tánh. Vì sao? Vì pháp tánh này không ở quá khứ, không ở vị lai, không ở hiện tại, chỉ thuộc duyên hợp cùng các duyên nên thường gọi pháp tánh. Nói pháp tánh là tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh. Người trí chứng biết vô tánh là pháp tánh. Pháp tánh chẳng phải hợp, chẳng phải tan. Trong pháp tánh không có tướng pháp tánh, không nhiều, không ít, vì để chỉ bày phương tiện của tánh nên nói pháp tánh gọi là tánh. Nếu hành giả thật sự thông đạt tướng của pháp tánh này liền thấy biết là vô tánh. Pháp tánh trong ba cõi này không có tướng phân biệt. Do các nhân duyên hòa hợp, do phân biệt các pháp nên nói là pháp tánh. Chỉ rõ tánh không nhất định là pháp tánh. Người trí không dùng tướng của pháp tánh để thấy pháp tánh. Pháp tánh là tướng vô sinh. Vì sao? Vì trong pháp tánh không có tướng. Người trí thông đạt vô tướng là pháp tánh. Nơi pháp tánh không có tướng phân biệt, vì không tướng, không phân biệt nên gọi là pháp tánh. Trong pháp tánh không có trụ xứ, không xứ, không khởi, không trụ, không nương tựa là pháp tánh, vì từ xưa đến nay không sinh. Pháp tánh này không có người sinh. Vì sao? Vì trong pháp tánh không có tánh. Lại nữa,

pháp tánh không do hòa hợp mới có, không hợp, không tan, không tạo tác, không nhất định, đó gọi là pháp tánh.

Đại Bồ-tát quán sát pháp tánh như vậy, tức biết vô tánh là pháp tánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát ý thức tánh?

Đại Bồ-tát nghĩ thế này: Tánh bất sinh là ý thức tánh, tánh không nhất định là ý thức tánh. Ý thức tánh không nguồn gốc, không có pháp nhất định, dùng ý thức tánh chỉ rõ về tướng vô tánh. Vì sao? Vì trong ý thức tánh, tánh ý thức là không thể thủ đắc. Tánh ý thức này hư vọng không sở hữu, tương ưng với điên đảo, lấy ý làm đầu, do biết các pháp nên gọi là ý thức. Vì tùy theo chỗ hành của phàm phu nên gọi là ý thức tánh.

Hiền thánh quán biết phi tánh là ý thức tánh, hư vọng, không sở hữu là ý thức tánh. Nhưng vì chỉ rõ về pháp nhân duyên, vì lấy ý đứng đầu, vì biết các duyên hòa hợp nên nói là ý thức tánh. Tùy theo chỗ hiểu biết của chúng sinh nên nói như vậy.

Người trí biết phi tánh là ý thức tánh, từ các duyên sinh ra, do nhớ tưởng phân biệt khởi lên, không có tánh tướng. Tức là ở trong Đệ nhất nghĩa không có nghĩa của tánh, tướng. Để hướng dẫn chúng sinh trong pháp thế tục nên nói là ý thức tánh. Muốn làm cho chúng sinh biết: Vô tánh là ý thức tánh, chỉ vì để tiểu pháp hoại lìa các tánh nên nói là ý thức tánh. Vì sao? Vì Thánh nhân tìm cầu tánh ý thức là không thể thủ đắc. Ý thức tánh không ở trong tánh ý thức, không ở ngoài tánh ý thức, không ở trung gian. Người trí thông đạt tánh bất hợp là ý thức tánh. Ý thức không thể biết ý tánh, ý tánh không biết ý thức. Chỉ do các duyên sinh ra, từ điên đảo khởi lên do ý làm chủ.

Biết các duyên vì hai việc hòa hợp, vì vướng mắc nơi hư vọng, từ giác quán khởi sinh vì chỉ bày tướng thức cho chúng sinh nên nói là ý thức tánh. Ý thức này không ở quá khứ, không ở vị lai, không ở hiện tại, ý thức này không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không có trú xứ. Từ xưa đến nay, ý thức không có tướng sinh, trong ý thức không có nguồn gốc pháp định. Vì sao? Vì tánh tướng của ý thức này tức không có hai tướng, tức là vô tướng, vì tướng ấy không do hai tướng mà có. Tánh không chỉ rõ được là ý thức tánh. Người trí thông đạt tánh của ý thức như vậy, ý thức tánh này không ở trong tất cả pháp, không nơi chốn, không phương hướng, không cùng với pháp hoặc hợp, hoặc tan.

Thánh nhân thông đạt tướng bất sinh là ý thức tánh. Ý thức tánh này không đến, không đi, không duyên. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa, ý thức tánh không duyên, không thể thủ đắc, không thể chỉ bày. Người trí thông

đạt ý thức tánh không tạo tác là ý thức tánh, vì không thể tìm được tác giả; vô sinh là ý thức tánh, vì tướng sinh là không chỗ thủ đắc.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán sát về ý thức tánh như vậy. Khi các Bồ-tát khởi quán này, quán chọn Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều là tánh không sinh, là tánh vô sở hữu.

Thế nào là quán? Nghĩa là trong Dục giới không có Dục giới, trong Sắc giới không có Sắc giới, trong Vô sắc giới không có Vô sắc giới. Dùng giới để chỉ bày về pháp không giới. Vì người chấp giữ tướng Dục giới thì chỉ bày Dục giới, người chấp giữ tướng Sắc giới thì chỉ bày Sắc giới, người chấp giữ tướng Vô sắc giới thì chỉ bày Vô sắc giới, vì dựa vào giới mà nói không giới. Như chỗ biết rõ của người trí giới không thật có là ba cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc. Người trí không thủ đắc về ba cõi, vì Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới đều không có nguồn gốc, không có pháp nhất định, chỉ từ các duyên sinh khởi, nên người trí thấy biết vô giới là tam giới, trong đó không có tướng của giới. Tam giới này đều hư vọng hợp với hành điên đảo. Vì sao? Vì người trí không chấp nơi tam giới này, không thuyết tam giới hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại. Hiền thánh thông đạt tam giới này là hư vọng, vô sở hữu, vô tự tánh, xa lìa các pháp, chỉ từ điên đảo khởi lên. Vì dứt trừ điên đảo cho chúng sinh, vì thấy biết về tam giới nên Như Lai phân biệt nói về tướng của tam giới, muốn làm cho chúng sinh biết về nghĩa của không giới nên nói tam giới không phải do tánh tướng mà có. Người trí thấy biết tướng của tam giới là tướng không giới.

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Đại Bồ-tát quán như vậy: Quán tánh chúng sinh, tánh ngã tức là tánh hư vọng, tánh vô sở hữu, tánh vô sinh. Vì sao? Vì tánh chúng sinh, tánh ngã, tánh hư vọng không sai, không khác. Các tánh như vậy đều từ hư vọng mà ra, chỉ từ các duyên sinh, nên gọi đó là tánh, trong ấy không có tánh tướng nhất định. Vì sao? Vì trong hư không không có một tánh tướng nhất định nào. Các tánh tướng này đều nhập vào hư không, là nghĩa vô sở hữu.

Ví như hư không không có tánh, pháp này hoàn toàn là lìa tướng, là tướng vô sở hữu. Tất cả các pháp cũng xa lìa tánh tướng như vậy. Trong các tánh không có tánh tướng, tánh tướng không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Nơi tánh không có tánh, trong tánh không thâu gồm tánh, trong tánh không nương tựa vào tánh. Tất cả tánh không có chỗ nương tựa, tất cả tánh là không sinh. Người trí ở trong tánh của các pháp không thủ đắc tánh sinh, không thủ đắc tánh diệt, không thủ đắc tánh trụ. Tất cả các tánh không sinh, không khởi, không trụ, từ xưa đến nay là không thể

thủ đắc. Người trí không tham, không vướng nơi các tánh giả danh, không nhận, không niệm, cho nên người trí thông đạt, thấy biết tất cả đều là tướng vô sinh.

Nếu là tướng vô sinh tức là không có diệt, trong Đệ nhất nghĩa, tất cả các tánh đều không thể thủ đắc. Vì pháp thế tục nên phân biệt giảng nói về các tánh, trong Đệ nhất nghĩa không nói các tánh. Người trí thấy biết, thông đạt tất cả các tánh như Đệ nhất nghĩa.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Đại Bồ-tát quán sát, thông đạt về mười tám tánh, tam giới, tánh chúng sinh, tánh ngã, tánh hư không như vậy. Khi các Bồ-tát quán sát, thấu rõ như vậy thì không thủ đắc tánh và chẳng thấy tánh, cũng thông đạt tất cả các tánh là giả danh, cũng tin hiểu các nhập, tất cả tánh là vô tánh, cũng biết phân biệt các tánh. Vì thế tục nên phân biệt giảng nói các tánh, làm cho tất cả các tánh nhập trong Đệ nhất nghĩa. Cũng khéo thông đạt về phương tiện vô tánh, cũng vì chúng sinh mà phân biệt, giảng thuyết các tánh, cũng khiến cho chúng sinh khéo trụ nơi các phương tiện của tánh. Dùng lời nói thế tục mà thuyết giảng pháp vô tánh cho chúng sinh, cũng không dùng hai tướng để chỉ bày các tánh. Dù biết tất cả các tánh không phải hai, cũng dùng phương tiện nói các tánh là từ nhân duyên sinh khởi. Tuy dùng lời nói của thế tục để dẫn dắt chúng sinh nhưng cũng chỉ rõ về Đệ nhất nghĩa cho chúng sinh. Tuy biết phân biệt các tánh nhưng tin hiểu và thông đạt tất cả các tánh là vô sở hữu. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai do Đệ nhất nghĩa nên đối với tánh là không chỗ thủ đắc, cũng không thủ đắc tướng của các tánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta đối với các tánh không đoạn, không hoại mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có các tánh. Tất cả các tánh là không sở hữu, không nhất định; tất cả tánh đồng như hư không; tất cả tánh nhập nơi hư không; tất cả tánh không có tướng sinh. Như Lai thông đạt tất cả tánh như vậy. Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai không thuyết các tánh tướng, cũng không nói về thế lực của các pháp. Vì sao? Vì nếu pháp không sở hữu thì không nên nói tánh tướng vô sở hữu.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai cũng thuyết giảng về tánh tướng vô sở hữu, trong đó thật không chỗ nói về tánh tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là khéo phân biệt về các tánh. Đại Bồ-tát đạt được sự khéo phân biệt như thế nên có thể biết tất cả các tánh đều giả danh. Có thể biết tướng thế tục, có thể biết tướng Đệ nhất nghĩa, có thể biết các tánh quyết định, có thể biết thế đế, có thể biết phân biệt các tướng, có

thể biết tùy nghi, có thể biết các tướng hợp, có thể biết các tướng đi về đâu, có thể biết được chỗ đi vào các tướng, có thể phân biệt các tướng, có thể biết rõ các tướng là vô tánh, có thể làm cho tất cả các tánh đồng như tánh hư không. Đối với các tánh cũng không làm sai khác, ở nơi các pháp không thấy sai biệt, không nhận thức và không nói sai biệt, cũng vì chúng sinh nên khéo nói về các tánh hủy hoại.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như nhà huyễn thuật biết diễn cho chúng sinh nhiều trò ảo thuật, làm cho chúng sinh biết vô số tướng ảo thuật. Nếu có bạn bè tri thức nói đó là huyễn, là huyễn thật sự, là huyễn hư vọng, chỉ do chúng sinh điên đảo. Nếu người có trí thì biết là huyễn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Tánh thế gian như huyễn, các Đại Bồ-tát đi vào trong pháp huyễn này biết tánh thế gian như huyễn, chốn hành của thế gian như huyễn. Người này dùng sức của phương tiện chỉ rõ thế gian của chúng sinh là như huyễn. Nếu có người biết tướng như thật của thế gian này, thì nói thế gian là hư vọng, như huyễn. Nếu người có trí tuệ, lợi căn sâu xa, không cần chỉ bày, tự mình có thể biết được, biết các pháp như huyễn, là không, không thật, không có nguồn gốc. Biết tất cả pháp đều dối gạt các phàm phu, tất cả pháp đều ràng buộc trong duyên hư vọng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu các Đại Bồ-tát muốn vào phương tiện của các tánh như vậy, ở nơi các kinh điển sâu xa không nhiễm, không thủ đắc, nói về tất cả tướng tri kiến của các tánh, nói về tất cả các tánh không văn tự, không hòa hợp. Cũng nói về các tánh nơi trí tuệ phương tiện, cũng nói về các nhân duyên nơi ý nghĩa sâu xa của chỗ tạo tác, cũng nói về tướng như thật của tất cả các pháp, nghĩa là thế gian, xuất thế gian, hữu vi, vô vi, hệ thuộc, không hệ thuộc, khéo biết chỗ hướng đến của phương tiện, nói nghĩa đệ nhất, nghĩa thế tục, kinh liễu nghĩa, kinh chưa liễu nghĩa, giải thích vô số nhân duyên, ở trong kinh điển thâm diệu này nên siêng năng tinh tấn.

-oOo-

KINH TRÌ THẾ

QUYỂN 3

PHẨM 4: MƯỜI HAI NHẬP

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ về mười hai nhập?

Khi Đại Bồ-tát quán sát về mười hai nhập, nghĩ thế này: Nhãn nhập trong nhãn thì không thể thủ đắc, nhãn nhập trong nhãn không có tính nhất định. Lại nữa, nguồn gốc của nhãn nhập cũng không thể thủ đắc. Vì sao? Vì nhãn nhập từ các duyên sinh, khởi lên từ điên đảo. Do duyên nơi sắc nên buộc vào sắc, do hai pháp hợp lại mà có. Vì có sắc nên có nhãn nhập, vì có sắc nên nói nhãn nhập. Hai pháp nương nhau nên gọi là nhãn sắc. Nghĩa là nhãn và sắc, sắc làm duyên để đi vào trong cửa nhãn, nhãn làm cửa để sắc đi vào nên có sự thấy, cho nên nói nhập. Do sắc duyên nên nói nhãn nhập, do mắt thấy nên nói sắc nhập. Đứng về mặt tục đế nên nói như vậy. Thật ra mắt không nương sắc, sắc không nương mắt, mắt không nương mắt, sắc không nương sắc, mà chỉ từ các duyên sinh ra. Sắc làm duyên nên gọi là nhãn nhập. Lại từ các nhân duyên sinh ra sự thấy biết của mắt về các hình tướng nên nói là sắc nhập.

Vì sao nói như vậy? Nghĩa là tùy thuận theo pháp điên đảo của thế tục nên nói. Trong Đệ nhất nghĩa nhãn nhập là không thể thủ đắc, sắc nhập là không thể thủ đắc. Người trí tìm các nhập không thấy có thật nhập, chỉ do phàm phu tương ưng với điên đảo, vì hai tướng nên nói đây là nhãn nhập, đây là sắc nhập. Nhãn nhập, sắc nhập này là chỉ bày nhập hư vọng, muốn làm cho chúng sinh biết như thật về thật tướng của các pháp nên nói các nhập này đều từ các nhân duyên sinh, hành động tương ưng với điên đảo, trong đó thật tướng của các nhập là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì nhãn nhập hay sắc nhập không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Nhãn nhập, sắc nhập cũng không ở quá khứ, vị lai, hiện tại. Chỉ nhờ duyên hiện tại mà biết được sắc nên nói là nhãn nhập, giống như chỗ hành động của phàm phu. Người trí thông đạt các nhập đều là hư vọng, không có thật, từ điên đảo, nhớ nghĩ, phân biệt sinh khởi, nên thấy biết phi nhập là nhập,

không nói tánh các nhập. Các nhập không có tướng quyết định, chỉ do các nhân duyên sinh cho nên nói như vậy.

Như Lai thuyết giảng về chỗ thấy biết tướng của các nhập này. Nghĩa là các nhập ấy là hư vọng không có thật, thuộc các nhân duyên, tương ưng với hành hoạt điên đảo. Các nhập không có người làm ra, các nhập không có người sai khiến. Nhãn nhập không biết, không phân biệt sắc nhập, sắc nhập cũng không biết, không phân biệt được nhãn nhập, cả hai đều lìa tướng. Nếu pháp đã lìa tướng thì trong ấy không thể phân biệt được, nên nói tướng nhập này đều từ nhân duyên sinh, như phàm phu điên đảo. Hiền thánh thông đạt là nhãn nhập, sắc nhập không sinh, không diệt, không có tướng đến, tướng đi. Nhãn không biết nhãn, nhãn không phân biệt nhãn. Sắc không biết sắc, sắc không phân biệt sắc. Vì sao? Vì cả hai đều không, nên cả hai đều xa lìa. Nhãn không biết tánh của nhãn, sắc cũng không biết tánh của sắc. Nhãn và sắc đều không có tánh, không có pháp. Trong đó không có một tướng quyết định nào. Nhãn không tự làm, cũng không tự biết, sắc không tự làm, cũng không tự biết, cả hai đều không thật có. Nhãn không nghĩ ta là nhãn, sắc cũng không nghĩ ta là sắc. Tánh của nhãn và sắc như tánh huyễn, do hư vọng mà tạm gọi nên nói là nhãn, là sắc. Các Đại Bồ-tát quán sát nhãn nhập, sắc nhập như thế. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, cũng như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát ý nhập?

Khi các Đại Bồ-tát quán sát ý nhập, nghĩ thế này: "Ý nhập trong ý nhập là không thể thủ đắc, ý nhập không có tướng nhập nhất định, nguồn gốc của ý nhập cũng không có. Vì sao? Vì ý nhập là do các duyên sinh, từ điên đảo sinh khởi. Nhân ràng buộc vào pháp nhập, vào duyên, hai pháp hòa hợp nên có hành động. Ý nhập này nhân pháp nhập mà sinh ra, vì pháp nhập nên có thể phân biệt, giảng nói. Hai pháp này nương nhau. Ý là chỗ của pháp nhập, ý là cửa ngõ của pháp nhập. Pháp nhập là cửa ngõ của ý nhập, nên gọi là pháp nhập. Duyên vào cửa pháp nhập nên gọi là ý nhập. Chỉ bày cửa ý tướng nên nói là pháp nhập. Theo tục đế nên nói như vậy, thật ra ý không nương pháp, pháp không nương ý, chỉ do duyên sinh nên lấy các pháp làm duyên, nên nói là ý nhập. Do duyên sinh, vì sự chỉ bày ý tướng, nên nói pháp nhập, tùy thuận theo pháp điên đảo của tục đế nên nói như vậy. Trong Đệ nhất nghĩa, ý nhập là không thể thủ đắc, pháp nhập cũng không thể thủ đắc. Người trí tìm các nhập không thấy thật có, chỉ do phàm phu tương ưng với điên đảo, vì hai tướng nên nói là ý nhập, pháp nhập. Ý nhập, pháp nhập này hư vọng không có thật. Như Lai thông đạt như thật

nên chỉ rõ các nhập này. Các nhập này từ nhân duyên sinh, tương ưng với hành động điên đảo. Trong đó ý nhập, pháp nhập thật không thể thủ đắc.

Lại nữa, ý nhập, pháp nhập không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Ý nhập, pháp nhập không quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng có thể biết rõ về duyên hiện tại, nên nói ý nhập, pháp nhập là tùy thuận theo tâm của phàm phu. Người trí thông đạt ý nhập, pháp nhập này là hư vọng không có thật, từ nhớ tưởng điên đảo phân biệt sinh ra.

Phi nhập là nhập. Vì sao? Vì trong các nhập không có tướng nhập quyết định. Người trí thông đạt các nhập này là hư vọng, không có thật. Tự tánh của ý nhập, pháp nhập không thể thủ đắc, chỗ khởi thật tướng của ý nhập, pháp nhập này cũng không thể thủ đắc. Ý nhập, pháp nhập này chỉ do nhân duyên sinh. Như Lai nói chỗ thấy biết về tướng của các nhập là các nhập hư vọng không thật có, do tương ưng với các hành điên đảo, thuộc nhân duyên sinh. Ý nhập, pháp nhập không có người làm ra, không có người sai khiến. Ý nhập không biết, không phân biệt pháp nhập, pháp nhập cũng không biết, không phân biệt ý nhập. Vì sao? Vì cả hai đều xa lìa nhau. Nếu pháp xa lìa tướng thì trong đó không thể phân biệt. Các nhập này đều từ nhân duyên sinh, tùy thuận theo tâm điên đảo của phàm phu nên nói như vậy. Theo như sự thông đạt của Hiền thánh thì ý nhập, pháp nhập không sinh, không diệt, không đến, không đi. Ý nhập không biết ý, không phân biệt ý, pháp nhập không biết pháp, không phân biệt pháp. Cả hai đều không, nên cả hai đều xa lìa. Ý không biết tánh của ý, pháp không biết tánh của pháp, hai tánh này là vô sở hữu, trong đó không có một pháp nhất định nào. Ý không thể thành tựu ý, không thể phá hoại ý, pháp không thể thành tựu pháp, không thể phá hoại pháp, vì cả hai đều không thật có. Ý nhập không nghĩ: Ta là ý nhập. Pháp nhập không nghĩ: Ta là pháp nhập. Vì cả hai đều không, đều như tướng huyễn, chỉ là tạm mượn danh tự nên phân biệt nói như thế. Đại Bồ-tát quán sát ý nhập, pháp nhập như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát chánh quán sáu nhập bên trong, sáu nhập bên ngoài? Nghĩa là mười hai nhập này đều hư vọng, từ các duyên sinh, tương ưng với điên đảo. Do có hai tướng nên có hoạt dụng trong ngoài. Phàm phu không nghe pháp chân thật, không biết tướng như thật của mười hai nhập nên tham chấp nơi nhãn nhập, cho nhãn nhập là ngã, nhãn nhập là ngã sở. Tham chấp sắc nhập cho: Sắc nhập là ngã, sắc nhập là ngã sở. Tai theo tiếng, mũi theo mùi, lưỡi theo vị, thân theo xúc, ý theo pháp cũng như vậy: Cho ý nhập là ngã, ý nhập là ngã sở, pháp nhập là ngã, pháp nhập là ngã sở. Do tham chấp nên bị mười hai nhập trói buộc,

giong ruổi qua lại trong năm đường sinh tử không biết lối ra. Đại Bồ-tát ở trong đó khi chánh quán về mười hai nhập, thấy mười hai nhập này hư dối, không bền chắc, là không, như huyễn tướng, không tham chấp nhãn nhập là ngã hay ngã sở. Do không tham chấp nên không nhớ nghĩ, phân biệt. Đó là Bồ-tát biết rõ về mười hai nhập.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát đạt được phương tiện của các nhập như vậy nên ở trong mười hai nhập không bị ràng buộc, cũng chứng biết các nhập và phân biệt các nhập. Cũng nhờ các pháp duyên sinh mà thông đạt mười hai nhập, cũng dùng tướng vô tướng mà phá bỏ mười hai nhập, cũng không rơi vào nơi các nhập ở trong các cảnh giới. Cũng biết tánh của các nhập là vô tánh, cũng biết các nhập là phương tiện đến bờ cứu cánh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Giống như máy phát nước phun cả bốn mặt, mười hai nhập cũng như vậy. Nhờ nhân duyên trong ngoài nên có các hành động, trong đó không tìm ra một cái gì chân thật cả. Mười hai nhập này là máy nghiệp của đời trước ràng buộc nên có hành động.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nói nhập là do phàm phu không thấy, không biết, đó là cửa của phiền não đi vào. Mắt là cửa ngõ của sắc, do sinh yêu ghét, nên sắc là cửa ngõ của mắt. Do sinh yêu ghét nên tai, mũi, lưỡi, thân, ý là cửa ngõ của pháp. Do sinh yêu ghét nên pháp là cửa ngõ của ý. Do sinh yêu ghét nên mười hai nhập này hợp cùng với yêu ghét nên không biết tướng thật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong đó biết rõ tánh của các nhập, vì biết thật tướng của các nhập này nên không bị yêu ghét khống chế.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát biết rõ về các nhập.

-oOo-

PHẨM 5: MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát mười hai nhân duyên?

Đại Bồ-tát quán sát mười hai nhân duyên nghĩa là từ không có nên gọi là vô minh. Trong vô minh, vì không có pháp nên gọi là vô minh, vì không biết rõ nên gọi là vô minh.

Thế nào là không biết rõ?

Nghĩa là không biết trong vô minh không thể có pháp quyết định, đó gọi là vô minh. Vì sao? Nói vô minh duyên các hành, các hành là không thật có, nhưng phàm phu cho là có nên nói nhân vô minh duyên các hành.

Từ hành sinh khởi nên có thức, cho nên nói từ các hành làm nhân duyên sinh ra thức. Từ thức sinh ra hai tướng danh và sắc nên nói thức làm nhân duyên sinh ra danh sắc. Từ danh sắc sinh ra sáu nhập, nên nói là danh sắc làm nhân duyên sinh ra sáu nhập. Từ sáu nhập sinh xúc nên nói là sáu nhập làm nhân duyên sinh xúc. Từ xúc sinh thọ nên nói xúc làm nhân duyên sinh thọ. Từ thọ sinh ái nên nói thọ làm nhân duyên sinh ái. Từ ái sinh thủ nên nói ái làm nhân duyên sinh thủ. Từ thủ sinh hữu nên nói thủ làm nhân duyên sinh hữu. Từ hữu có sinh nói hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Từ sinh có ra lão, tử, ưu bi, khổ não nhóm họp nên nói sinh làm nhân duyên sinh ra lão, tử, ưu bi, khổ não nhóm họp. Như vậy tạo thành một khối khổ lớn.

Ở trong đó do pháp nào tập khởi? Nên biết điên đảo trái với sáng suốt, do khối vô minh làm cho thân sau nhiễm ái nương vào nhiễm hỷ mà tìm cầu chỗ sinh khắp nơi, đó là ái tập.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế gian bị mười hai nhân duyên này trói buộc, như không có mắt, rơi vào lưới vô minh, đọa trong sự tối tăm, vì vô minh là đứng đầu phát sinh đầy đủ mười hai nhân duyên. Các Đại Bồ-tát quán sát tư duy về thật tướng của vô minh, vì biết rõ vô minh là không, nên không có nguồn gốc. Vì sao? Vì vô minh không có, nên nguồn gốc cũng không. Người trí quán sát không nguồn gốc vốn là nguồn gốc nên không phân biệt nguồn gốc. Chấm dứt nhớ tưởng, phân biệt nên không tham chấp vô minh. Biết tất cả pháp không thật có, pháp đó không đúng như chỗ đã thuyết. Như nói tất cả pháp là không thật có tức là nói thấy biết về vô minh. Có thể thông đạt tất cả pháp là không thật có, đó chính là minh, trong ấy hoàn toàn chẳng có minh nào khác, chỉ thấy biết về vô minh, đó gọi là minh.

Thế nào là thấy biết về vô minh? Nghĩa là thấy biết tất cả pháp không thật có, tất cả pháp không thể thủ đắc, tất cả pháp đều hư vọng, điên đảo, tất cả pháp đó không đúng như chỗ đã thuyết. Đó gọi là thấy biết về vô minh. Thấy biết về vô minh tức là minh. Vì sao? Vì minh là vô sở hữu.

Vô minh làm nhân duyên sinh các hành, nên các pháp không thật có. Phàm phu chìm trong vô minh tối tăm, mê lầm tạo ra các hành nghiệp, hành nghiệp này không hình, không tướng, không nơi chốn. Vô minh này không thể sinh ra nghiệp, vì không có pháp mà khởi tạo tác nên nói vô minh làm nhân duyên sinh các hành. Các hành nghiệp không có tụ tập các hành nghiệp đến ở hoặc chỗ này hoặc chỗ kia. Các hành nghiệp cũng không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Vô minh vốn không có tánh vô minh. Hành nghiệp vốn không có tánh hành nghiệp. Các hành nghiệp không có chỗ nương, chỉ nương vào vô minh để sinh ra các hành nghiệp. Các hành nghiệp không

nương vô minh, vô minh không nương các hành nghiệp. Vô minh không biết vô minh, hành nghiệp không biết hành nghiệp. Các hành nghiệp - vô minh này do điên đảo nên từ vô minh sinh ra. Trong đó không tìm được vô minh, không tìm được các hành nghiệp, không tìm được tánh vô minh, không tìm được tánh các hành nghiệp. Chỉ vì tối tăm nên thường gọi là tối tăm. Do vô minh tối tăm này nên phân biệt nói là hành nghiệp. Vì từ pháp không có thật mà khởi tạo nên vô minh hành nghiệp cũng đều không có thật.

Hành nghiệp làm nhân duyên sinh thức. Thức không nương hành nghiệp, thức cũng không lìa hành nghiệp để sinh ra. Hành nghiệp cũng không sinh ra thức. Vì sao? Vì hành nghiệp không biết hành nghiệp. Hành nghiệp cũng không đem thức đến, chỉ do chúng sinh điên đảo theo hành nghiệp sinh ra thức. Thức này không ở trong hành nghiệp, không ở ngoài hành nghiệp, không ở trung gian. Thức này không có người tạo tác, không có người sai khiến, chỉ do hành nghiệp tiếp nối không dứt nên có thức sinh ra. Người trí tìm tướng của thức không thể được, cũng không tìm được cái sinh ra thức. Thức cũng không biết thức, thức cũng không thấy thức, thức cũng không nương thức.

Thức làm nhân duyên sinh danh sắc. Danh sắc không nương thức, danh sắc cũng không lìa thức mà sinh ra. Danh sắc cũng không theo trong thức đến vì chỉ duyên theo thức. Phàm phu tối tăm tham chấp nơi danh sắc, vì thức cũng không đem danh sắc đến. Người trí ở trong đó tìm danh sắc không thể được, không thể thấy. Danh sắc này không có hình tướng, không có phương hướng, từ nhớ tưởng, phân biệt mà sinh khởi. Tướng danh sắc này do nhân duyên của thức nên có. Tánh của thức còn không thể thủ đắc, huống là từ thức làm duyên sinh ra danh sắc. Nếu quyết định tìm được tánh của danh sắc, điều đó là không thể có.

Danh sắc làm nhân duyên sinh sáu nhập. Sáu nhập là nhân sinh khởi danh sắc. Vì danh sắc ở trong thân nên có hơi thở ra vào, làm lợi ích cho thân và tâm, tâm số pháp. Sáu nhập này hoàn toàn hư dối, không có thật, từ phân biệt sinh ra nên có hành động điên đảo.

Sáu nhập làm nhân duyên sinh xúc. Xúc này nương sắc mà có, xúc không tiếp xúc với sắc. Vì sao? Vì sắc vô tri, không khác gì với cỏ cây, ngói đá, chỉ từ sáu nhập sinh ra nên phân biệt nói là xúc. Vì sao? Vì sáu nhập còn hư vọng không có thật, huống là từ sáu nhập làm nhân duyên sinh ra xúc, xúc không có thật, từ nhớ tưởng điên đảo sinh ra. Xúc này không phương hướng, không nơi chốn, xúc này là không. Do xúc không có tánh

nên xúc không biết sáu nhập, sáu nhập cũng không biết xúc.

Xúc làm nhân duyên sinh thọ. Thọ này không ở trong xúc, không ở ngoài xúc, không ở trung gian. Xúc cũng không đem thọ từ nơi khác đến, mà là từ xúc sinh ra thọ. Bản thân xúc còn hư vọng không có thật, huống là từ xúc làm duyên sinh ra thọ. Các thọ không có một tướng quyết định nào, các thọ đều không thật có, chỉ từ điên đảo sinh khởi mà có hoạt dụng điên đảo.

Thọ làm nhân duyên sinh ái. Thọ không đem ái từ chỗ khác đến, thọ cũng không hòa hợp với ái. Thọ cũng không biết ái, ái cũng không biết thọ, cũng không phân biệt thọ. Ái không hòa hợp với thọ, ái cũng không nương thọ, cũng không lìa thọ mà có ái. Tướng của thọ trong thọ hãy còn không có, huống là thọ làm duyên sinh ra ái. Ái không ở trong thọ, không ở ngoài thọ, không ở trung gian. Trong ái, tướng ái không thể có. Ái này chỉ từ nhớ tưởng hư vọng, tương ưng với điên đảo nên gọi là ái. Ái không quá khứ, vị lai, hiện tại. Ái không phải do tướng trói buộc sinh ra, ái cũng không phải là tướng trói buộc, chỉ do nhân duyên nối nhau không dứt nên nói thọ làm nhân duyên sinh ái. Người trí thấy ái không nơi chốn, không phương hướng, là không, không bền chắc, hư vọng không có thật.

Ái làm nhân duyên sinh thủ. Ái không đem thủ từ nơi khác đến, ái cũng không hòa hợp với thủ, ái cũng không thể sinh ra thủ. Vì có ái nên gọi là thủ. Tùy theo nhân duyên hòa hợp nên nói như vậy. Thủ không hòa hợp với ái, cũng không xa lìa ái. Ái không hòa hợp với thủ, cũng không xa lìa thủ. Thủ không ở trong ái, không ở ngoài ái, không ở trung gian. Ái còn không có, huống là từ ái làm nhân duyên sinh ra thủ. Tướng quyết định của thủ không thể có. Người trí thấy biết thủ này hư vọng, không có thật, không có tướng thủ trong thủ. Thủ không quá khứ, vị lai, hiện tại. Thủ không ở trong thủ, không ở ngoài thủ, không ở trung gian. Thủ chỉ từ nhân điên đảo sinh ra. Do duyên sinh, các duyên hòa hợp nên có thủ, không có pháp hợp hay tan. Thủ không có nguồn gốc, không thể có một pháp nhất định. Phàm phu nhận thủ hư vọng này, các hành đều hư vọng nên thế gian bị thủ trói buộc. Người trí thông đạt thủ này hư vọng, là không, không bền chắc, không nguồn gốc, không thể có được pháp quyết định.

Thủ làm nhân duyên sinh hữu. Thủ không đem hữu đến, thủ không thể sinh ra hữu, nhưng nói thủ làm nhân duyên sinh hữu. Hữu không ở trong thủ, không ở ngoài thủ, không ở trung gian. Hữu không nương tựa thủ, thủ không hòa hợp với hữu, cũng không xa lìa hữu, chỉ do các nhân hòa hợp nên nói thủ làm nhân duyên sinh ra hữu. Thủ không thể sinh ra hữu, thủ

không phân biệt hữu. Bản thân thủ còn hư vọng, không có thật, huống là từ thủ làm nhân duyên sinh ra hữu. Hữu không đem thủ đến, không thể có hữu trong hữu. Hữu không ở trong hữu, không ở ngoài hữu, không ở trung gian. Hữu không quá khứ, vị lai, hiện tại. Người trí thông đạt hữu này hư vọng, tương ưng với điên đảo, không hợp không tan. Hữu không chỗ biết, không chỗ phân biệt. Hữu không nơi chốn, không phương hướng. Hữu không có đời trước, đời giữa, đời sau. Hữu này phi hữu nên cũng phi vô. Chỉ tùy thuận mười hai nhân duyên nên nói là hữu. Người trí thông đạt tướng của hữu là không, không bền chắc.

Hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Hữu không đem sinh đến. Sinh cũng không hòa hợp với hữu, cũng không xa lìa hữu. Sinh không ở trong hữu, không ở ngoài hữu, không ở trung gian. Hữu không thể sinh ra sinh, cũng không lìa hữu sinh ra sinh. Chỉ do mười hai nhân duyên tiếp nối nên nói hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Hữu không phải duyên, không phải không duyên với sinh. Hữu còn không thể có, huống là từ hữu làm nhân duyên sinh ra sinh. Người trí thông đạt: Sinh này không dựa vào nơi hữu mà sinh. Ở trong sinh không có tướng sinh, ở trong sinh không có tự tánh, trong sinh không có nguồn gốc, không một pháp nhất định nào có thể thủ đắc. Người trí thông đạt sinh này không tánh, không có thật, chỉ mười hai nhân duyên hòa hợp tiếp nối nên nói sinh từ hữu làm nhân duyên sinh ra, sinh không có pháp hợp hay tan. Sinh không ở trong hữu, không ở ngoài hữu, không ở trung gian. Sinh không phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Sinh không có đời trước, đời giữa, đời sau. Nguồn gốc của sinh này là không thể thủ đắc. Người trí thông đạt sinh là từ các nhân duyên sinh tương ưng với điên đảo, hư vọng, như tướng huyễn hóa, không có thật.

Sinh làm nhân duyên sinh ra lão, tử, ưu bi, khổ não. Sinh không đem lão, tử, ưu bi khổ não đến, sinh cũng không thể sinh ra lão, tử, ưu bi khổ não. Lão, tử, ưu bi khổ não không ở trong sinh, không ở ngoài sinh, không ở trung gian. Lão, tử, ưu bi khổ não cũng không dựa vào sinh. Do sinh cho nên nói lão, tử, ưu bi khổ não, vì để chỉ bày các pháp duyên sinh, nên sinh không hòa nhập, cũng không xa lìa với lão, tử, ưu bi khổ não. Sinh trong sinh còn không thể có, huống là từ sinh làm nhân duyên sinh ra lão, tử, ưu bi khổ não. Trong lão, tử, ưu bi khổ não thì lão, tử, ưu bi khổ não là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì lão, tử, ưu bi khổ não không ở trong lão, tử, ưu bi khổ não, không ở ngoài, cũng không ở trung gian. Lão, tử, khổ não không hòa hợp, cũng không xa lìa với lão, tử, khổ não, chỉ các duyên hòa hợp, tương ưng với điên đảo làm thành đầy đủ mười hai nhân duyên, nên nói sinh làm nhân duyên mà có lão, tử, ưu bi khổ não.

Lão, tử, khổ não không nơi nương tựa, tướng quyết định của lão, tử, khổ não là không thể có. Đời trước, đời giữa, đời sau của lão, tử, khổ não không thể tìm thấy được. Người trí thông đạt lão, tử, khổ não là hư vọng, không có thật, tương ưng với điên đảo, không nguồn gốc, không tạo tác, không khởi, không sinh. Quán pháp mười hai nhân duyên như vậy không thấy pháp nhân duyên hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng không thấy tướng của pháp mười hai nhân duyên, chỉ biết nhân duyên là không duyên, không sinh, không tướng, không tạo tác, không phát khởi, không nguồn gốc. Từ xưa đến nay, tất cả pháp không thật có nên thông đạt mười hai nhân duyên này thì cũng thấy mười hai nhân duyên ấy không có người làm, người thọ. Nếu pháp theo nhân duyên sinh ra, nhân duyên này không có, nên pháp cũng không. Bồ-tát tùy theo nghĩa vô minh nên biết tất cả pháp là không thể thủ đắc. Đi vào pháp quán như vậy thì không nhân duyên tức là mười hai nhân duyên. Trong đó không có pháp nào sinh ra. Bồ-tát quán mười hai nhân duyên là do hư vọng sinh. Tùy thuận nghĩa vô minh nên thông đạt mười hai nhân duyên. Nếu pháp đó không có thì pháp này cũng không, nên nói tùy thuận nghĩa vô minh.

Thông đạt mười hai nhân duyên, vô minh là không sinh, không tạo tác, không phát khởi, không nguồn gốc, không có pháp quyết định, không nhân duyên, không thật có. Bồ-tát bấy giờ không phân biệt là minh hay là vô minh. Thật tướng của vô minh tức là minh. Do vô minh nên tất cả pháp không thật có. Tất cả pháp không nhân duyên, không tưởng nghĩ phân biệt nên tùy thuận nơi nghĩa vô minh, thông đạt mười hai nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đây gọi là trí tuệ phương tiện của Đại Bồ-tát về mười hai nhân duyên. Nếu Đại Bồ-tát thông đạt mười hai nhân duyên hợp tan như vậy, đó gọi là Đại Bồ-tát chứng đắc trí tuệ vô sinh. Vì sao? Vì quán chỗ sinh diệt thì không thể biết hoàn toàn về mười hai nhân duyên. Nếu quán sát sự hợp và tan của mười hai nhân duyên, đó gọi là chứng đắc trí tuệ vô sinh. Nếu chứng đắc trí tuệ vô sinh, đó gọi là thông đạt mười hai nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát muốn đi vào chỗ thông đạt, muốn chứng trí tuệ vô sinh, cần phải siêng năng hành tập trí tuệ nơi mười hai nhân duyên này thì mới có thể quán và chứng tướng vô sinh của mười hai nhân duyên.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu Đại Bồ-tát biết vô sinh tức mười hai nhân duyên thì liền có thể đạt được phương tiện nơi mười hai nhân duyên này. Người ấy dùng tướng vô sinh để thấy biết ba cõi, mau được pháp Nhẫn vô

sinh. Nên biết Bồ-tát này ở chỗ chư Phật hiện tại gần được thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát ấy không lâu sẽ được thọ ký, lần lượt thọ ký.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát này nhân được thọ ký, tâm được an ổn, ở nơi phương tiện hướng tới của tất cả pháp được trí tuệ sáng suốt. Người ấy thông đạt mười hai nhân duyên là vô sinh, hiện tại được gần chư Phật. Người này không còn sợ hãi các ác ma. Người này vượt dòng sinh tử, đến bờ bên kia. Người ấy vượt được vũng bùn vô minh, đến được chỗ an ổn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ngay khi ta còn tại thế hay sau khi diệt độ, người nào tin, nghe, đọc tụng, tu tập mười hai nhân duyên phương tiện này, ta thọ ký cho người đó không lâu sẽ được pháp Nhẫn vô sinh. Ta cũng thọ ký cho người này không lâu ở chỗ chư Phật hiện tại, được thọ ký thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

PHẨM 6: BỐN NIỆM XỨ

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ bốn Niệm xứ?

Đại Bồ-tát quán sát bốn Niệm xứ: Thuận thân quán thân, thuận thọ quán thọ, thuận tâm quán tâm, thuận pháp quán pháp.

Thế nào là thuận thân quán thân; thuận thọ, tâm, pháp, quán thọ, tâm, pháp?

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Đại Bồ-tát thuận thân quán thân là quán tướng như thật của thân, nghĩa là quán thân này là vô thường, khổ, như bệnh, như ung nhọt, tướng của nó biến đổi, hư hoại, khổ não, buồn lo. Thân này bất tịnh, đáng ghét, trong đó tràn đầy những thứ nhơ nhớp, chín lỗ bài tiết thường tuôn ra những thứ dơ bẩn. Thân này nhơ nhớp giống như hầm xí. Khi quán thân như vậy, thân này chẳng có được một mảy may sạch sẽ, không có một chỗ nào là không đáng gớm. Thân này do các dây gân ràng rịt, xương cốt và da thịt bao bọc. Từ nhân duyên quả báo của đời trước phát sinh nghiệp, bị trói buộc trong tập và thủ.

Thế nào là tập? Thế nào là thủ? Nghĩa là từ nhân duyên đời trước mà có ra thân này, đó gọi là thủ. Nay nhờ vào các việc ăn uống, tắm rửa, y phục, giường nằm, mền nệm, thuốc thang, đó gọi là tập. Nhân duyên trong hiện tại như vậy đều bị trói buộc do tập và thủ. Lại do sức nơi quả báo của nghiệp đời trước nên có hoạt dụng. Lại nữa, thân này do bốn đại tạo thành

không có thật tướng nhất định, thuộc về sắc ấm, thường gọi là thân.

Sao gọi là thân? Vì hay có sự tạo tác nên gọi là thân, là chỗ nương tựa của tham chấp nên gọi là thân, vì tùy ý hoạt dụng nên gọi là thân, từ nhớ tưởng phân biệt sinh ra nên gọi là thân, hợp cùng với nghiệp nên gọi là thân. Thân này không lâu sẽ trở về chỗ hư hoại, tướng của nó thay đổi, không thường, không nhất định. Thân này không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở trung gian. Thân không biết thân, cũng không thấy thân. Thân này không tạo tác, không hành động, không cầu, cũng không có tâm, không khác gì với cỏ cây, ngói đá… Không có tướng nhất định của thân trong thân. Đó là chánh quán về thân. Biết nó không có tác giả, cũng không có người sai khiến. Thân này không có đời trước, đời giữa, đời sau. Thân này không có một tướng bền chắc, thường hằng nhất định nào, như đám bọt nước không thể nắm bắt. Thân này là chỗ ở của tám vạn loài trùng. Thân này bị trăm loại các thứ bệnh làm tổn hại. Do ba thứ khổ nên thân này là khổ, không có cứu được, đó là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Thân này là dụng cụ chứa các thứ khổ. Khi chánh quán thân như vậy, ai tư duy thân này không phải của ta, không phải của người, không được tự tại, không được tùy ý, dầu là làm thiện hay không làm thiện cũng như vậy. Thân này không có nguồn gốc, không thể có được pháp nhất định. Tánh của thân là không, không một tướng nhất định nào. Thân này được phát sinh do hư vọng, lệ thuộc vào pháp mà hành động, theo nhân duyên của nghiệp quả đời trước mà sinh khởi. Đối với thân không nên sinh tưởng có ngã và ngã sở. Chúng ta không nên tham tiếc mạng sống của thân này.

Bồ-tát khi quán như vậy, không thủ đắc sự hợp hay tan của thân. Cũng không thấy thân từ chỗ nào đến, đi về đâu và trụ ở chỗ nào, không phân biệt quá khứ, vị lai, hiện tại của thân này, thì liền không nương tựa thân mạng, không tham tiếc thân, cho là ngã, ngã sở, nên thường xa lìa cảm thọ về thân. Bồ-tát này quán thân là không, không có ngã, ngã sở. Trong thân này, ngã và ngã sở là không thể thủ đắc nên tướng của thân cũng là không thể thủ đắc. Bồ-tát này nếu không thủ đắc tướng thân thì không mong cầu nhập thân, vì thân không khởi tác đạo.

Thế nào là nhập? Thân này không người tạo tác, không người sinh khởi, thân này không có tướng tạo tác, sinh khởi mà từ các nhân duyên sinh ra. Các nhân duyên này hòa hợp thành thân, nhưng các nhân duyên này cũng hư dối không có thật, tương ưng với điên đảo, không bền chắc. Cũng do nhân duyên nên thân này được sinh ra, nhân duyên này cũng không sinh, không tướng. Quán thân như vậy tức là đi vào trong thân không tướng sinh.

Vào xong, quán thân không có tướng. Do chánh quán thân không có tướng, biết thân này không tướng, vì tướng không thể thủ đắc nên vô sinh, tướng quá khứ, vị lai, hiện tại của thân này là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì thân này không nguồn gốc, không thể có được pháp nhất định, cũng không tìm được thân hoặc đây hoặc kia. Khi quán như vậy, biết thân không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, liền đi vào cảnh giới bất sinh, bất diệt.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát quán thân, nhập thân tướng như thật thì đối với thân dục nhiễm liền làm cho chánh niệm an trụ trong thân, gọi đó là thuận thân quán thân.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thuận thọ quán thọ?

Đại Bồ-tát quán khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ, thấy ba thọ này không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Chỉ là sự tập hợp của nhân duyên hư vọng, quả báo nghiệp đời trước duy trì, tương ưng với điên đảo. Biết các thọ hư vọng, từ nhớ tưởng phân biệt sinh ra. Bồ-tát quán các thọ như vậy, chẳng được thọ quá khứ, vị lai, hiện tại. Bồ-tát thấy thọ quá khứ, vị lai, hiện tại là không, không có ngã, ngã sở, vô thường, không bền chắc, tướng của nó luôn thay đổi. Quán các thọ như vậy ở quá khứ là không tướng, là tướng tịch diệt, là tướng vô tướng. Quán tướng các thọ vị lai là không, không có ngã và ngã sở, vô thường, không bền chắc, tướng luôn thay đổi. Quán tướng các thọ trong vị lai là không tướng, là tướng tịch diệt, là tướng vô tướng. Khi Bồ-tát quán như vậy, suy nghĩ: "Các thọ không có tướng nhất định, không nguồn gốc, không phải là pháp nhất định, vì không phải là pháp tương tợ nên luôn luôn sinh diệt, không có lúc nào dừng."

Bồ-tát nghĩ: "Các thọ này không tạo tác, cũng không có người tạo tác, chỉ do tâm của phàm phu tương ưng với điên đảo nên sinh khởi. Ba loại thọ thuộc nghiệp nhân đời trước, hợp cùng với duyên đời nay nên có ra các thọ này. Các thọ này là không, không bền chắc, là pháp hư vọng, giống như nắm đấm giữa hư không. Quán thọ như vậy, tâm được trụ một chỗ. Bấy giờ Bồ-tát thông đạt tướng diệt mất của tập hợp các thọ, thấy các thọ không hợp, không tan, lại cũng không thấy thọ trong thọ."

Bồ-tát suy nghĩ: "Các thọ là không tánh nên liền thông đạt tướng vô sinh của các thọ. Các thọ này không sinh, không diệt, không tướng thành. Các thọ này đều không tướng, không có tướng thành." Tư duy như vậy thì khi thọ nhận các thọ hoàn toàn không đắm chấp. Thấy biết như thật tướng các thọ, xa lìa các sự cảm thọ, đối với các sự cảm thọ này cũng không đắm vướng. Đối với các thọ mà tâm phóng xả thì mau chóng được Tam-muội xả.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thuận thọ quán thọ như vậy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sao gọi là Đại Bồ-tát thuận tâm quán tâm?

Đại Bồ-tát quán tướng của tâm sinh, trụ, dị, diệt. Khi quán như vậy, suy nghĩ: "Tâm ấy không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, chỉ do thức duyên với tướng nên sinh ra, không nguồn gốc, không có pháp nhất định nào có thể thủ đắc. Tâm này không đến, không đi, không trụ, không dị, không có thể đắc. Tâm này không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Tâm này do thức duyên theo nhớ nghĩ mà sinh khởi. Tâm này không ở trong, không ở ngoài, không ở trung gian. Tâm này không có một tướng sinh, tâm này không tánh, không định, không người sinh, không người khiến sinh, vì khởi tạp nghiệp nên gọi là tâm, vì có thể biết duyên nên gọi là tâm, do niệm niệm sinh diệt tiếp nối không dứt nên gọi là tâm. Vì chỉ muốn khiến cho chúng sinh thông đạt tướng của tâm duyên nên không có tướng của tâm trong tâm. Tâm này từ xưa đến nay tánh thường thanh tịnh, không sinh không khởi. Vì nhiễm phiền não của khách trần nên có phân biệt. Tâm không biết tâm, cũng không thấy tâm. Vì sao? Vì tâm này là không, tự tánh của nó là không, không có nguồn gốc nên tâm này không có pháp nhất định. Vì pháp định đắc nên tâm này không có pháp hợp hay tan. Tâm này không có đời trước, đời giữa, đời sau. Tâm này vô hình, không thể thấy, tâm không tự thấy, không biết tự tánh, chỉ do phàm phu tương ưng với điên đảo, do hư vọng duyên với thức tướng nên sinh ra. Tâm này là không, không có ngã, ngã sở, không thường hằng, không bền chắc, tướng của nó luôn thay đổi." Tư duy như vậy là được thuận tâm niệm xứ. Bấy giờ người này không phân biệt là tâm, là phi tâm, chỉ biết tướng vô sinh của tâm, thông đạt tâm này là tánh vô sinh. Vì sao? Vì tâm không có tánh nhất định, cũng không có tướng nhất định. Người trí thông đạt tâm này không sinh, không tướng. Khi ấy quán sát như thật về tướng sinh diệt của tâm, khi quán sát như vậy không tìm được tướng sinh hay diệt của tâm, không còn phân biệt tâm diệt hay bất diệt, mà có thể đạt được tướng tâm chân thật, thanh tịnh. Bồ-tát nhờ tâm thanh tịnh này, nên phiền não của khách trần không thể nào làm hại. Vì sao? Vì Bồ-tát thấy biết tướng của tâm thanh tịnh, cũng thấy biết tướng tâm của chúng sinh thanh tịnh, nên nghĩ: "Tâm cấu bẩn nên chúng sinh cấu bẩn, tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh." Khi tư duy như vậy không tìm thấy tướng cấu bẩn của tâm hay tướng thanh tịnh của tâm. Chỉ biết tướng của tâm thường thanh tịnh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát thuận tâm quán tâm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thuận pháp quán pháp?

Đại Bồ-tát quán tất cả pháp không thấy ở trong, ở ngoài hay trung gian, cũng chẳng thấy các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Chỉ biết các pháp từ các nhân duyên sinh ra mà sinh khởi điên đảo, các pháp không có tướng nhất định, nghĩa là các pháp này thuộc người. Bản thể các pháp là ở trong các pháp không có các pháp. Các pháp không ở trong, ở ngoài hay trung gian. Các pháp không hợp cũng không lìa với các pháp. Tất cả pháp không nguồn gốc, không có tướng nhất định. Các pháp không thật có nên không hành động, không tạo tác. Tất cả pháp như hư không, vì không có thật. Tất cả pháp hư dối như huyễn vì tướng như huyễn không thật có. Tất cả pháp là tướng thường tịnh, vì hoàn toàn không nhơ. Tất cả pháp là tướng không thọ, vì các thọ không thật có. Tất cả pháp như mộng, vì tánh mộng không thật có. Tất cả pháp không có hình, vì hình không thật có. Tất cả pháp như bóng, vì tánh thường không có. Tất cả pháp không danh, không tướng, vì danh tướng không thật có. Tất cả pháp như tiếng vang, vì hư vọng tạo ra, không có thật. Tất cả pháp không tánh, vì tánh không thể thủ đắc. Tất cả pháp như dợn nắng, vì biết không có thật. Khi Bồ-tát quán tất cả pháp như vậy, không thấy các pháp có một tướng hay nhiều tướng, cũng không thấy pháp hợp hay tan với pháp, cũng không thấy pháp nương trú nơi pháp. Khi quán như vậy thấy tất cả pháp không từ đâu đến, cũng không thấy chỗ dừng của tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp không trụ, không nương tựa, không sinh khởi. Tất cả pháp không có chỗ dừng, vì chỗ dừng không thật có, vì chỗ dừng không nắm bắt được.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các pháp không sai khác, tất cả pháp không có tướng phân biệt. Từ các duyên điên đảo sinh ra nên có hoạt dụng, các pháp này không có nơi chốn, phương hướng. Người trí biết rõ các pháp không phải một tướng, không phải hai tướng, không phải nhiều tướng. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì tất cả pháp không sinh, không khởi, không tạo tác, không có tác giả. Tất cả pháp lìa nguồn gốc, tất cả pháp không có tự tánh. Vượt các tánh nên tất cả pháp không có chỗ quay về, vì các chỗ quay về không thật có. Quán các pháp như vậy, biết rõ các pháp không ngã, không nhân, quán sát các pháp không tánh, các pháp đều là không vì tánh nó tự không, các pháp vô tướng, vì không thấy tướng. Ở trong các pháp không phát nguyện, liền quán sát tất cả pháp không sinh, nghĩ thế này: "Ở trong đó thật sự chẳng có pháp sinh hay diệt." Khi quán như vậy, tâm trụ một chỗ, bấy giờ lại thông đạt được sự vô sinh của tất cả các pháp, cũng thấy biết được sự diệt tận và tập khởi của tất cả pháp, cũng có thể thể nhập nơi tất cả các pháp lìa tướng, lìa tánh. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì tất cả pháp không có tánh nhất định. Người trí thông đạt các pháp là vô tướng, lìa

tướng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thuận pháp quán pháp. Người quán như vậy đối với pháp không thủ đắc, không thọ nhận, đối với pháp không bị sinh, không bị trụ, không bị diệt, cho nên hành dụng mà thấy được tướng tận diệt, tướng tịch diệt của tất cả các pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là Đại Bồ-tát khéo quán sát về bốn Niệm xứ.

Thế nào là bốn Niệm xứ? Niệm xứ tức là tất cả pháp không xứ, không nơi sinh khởi, không chỗ thật có. Người thể nhập vào tất cả pháp như vậy thì chánh niệm không loạn, nên gọi là niệm xứ. Lại niệm xứ là tất cả pháp không trụ, không sinh, không thủ, là chỗ thấy biết như thật, gọi là niệm xứ.

-oOo-

PHẨM 7: NĂM CĂN

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ các căn?

Đại Bồ-tát chánh quán năm Căn xuất thế gian. Những gì là năm? Đó là: Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Khi Bồ-tát tu tập năm Căn, tin tất cả pháp đều từ các nhân duyên sinh mà có điên đảo, hợp với duyên hư vọng, giống như vòng lửa, lại cũng giống như tính chất của mộng. Tin tất cả các pháp đều vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, như bệnh tật, ghẻ lở, không bền chắc. Tướng của nó hư hoại, giả dối không thật. Lại tin tất cả pháp hư hoại, không có thật, giống như nắm đấm giữa hư không, như cầu vồng nhiều màu sắc dối gạt trẻ con. Do nhớ tưởng, phân biệt, giả mượn mà có, không có bản thể, không có pháp nhất định. Lại tin tất cả pháp không quá khứ, vị lai, hiện tại. Tin tất cả pháp không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Tin tất cả pháp là không, vô tướng, vô tác. Tin tất cả pháp không sinh, không tạo, không khởi, không tướng, xa lìa các tướng và tin trì giới được thanh tịnh, thiền định thanh tịnh, trí tuệ thanh tịnh, giải thoát thanh tịnh, giải thoát tri kiến thanh tịnh. Bồ-tát thành tựu được tín căn không thoái chuyển như vậy. Do tín căn đứng đầu nên giữ gìn giới đức, đức tin này thường không thoái thất. Thành tựu pháp bất thoái, an trụ bất động. Trong đức tin này thường tùy theo quả báo của nghiệp mà thành tựu. Người có tín tâm đoạn trừ tất cả tà kiến, không lìa tướng của pháp. Cầu thầy, chỉ lấy chư Phật làm thầy. Thường hành theo thật tướng của các pháp, biết việc làm chánh đạo của chư Tăng, giữ giới thanh tịnh, thành tựu nhẫn nhục, được bất động, tín bất hoại, vì tín tăng thượng như vậy, nên gọi là thành tựu tín căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát chánh quán tinh tấn căn, thành tựu tinh tấn căn, biết rõ tinh tấn căn?

Đại Bồ-tát thực hành tinh tấn không dừng nghỉ, thường muốn đoạn trừ năm thứ ngăn che nên siêng năng tinh tấn, cho đến vì nghe những pháp sâu xa như vậy nên gọi là tinh tấn. Bồ-tát ấy cầu pháp không dừng, không nghỉ, tinh tấn không thoái lui. Cũng muốn đoạn trừ các pháp chướng ngại nên siêng năng tinh tấn mà không khiếp nhược. Cũng vì muốn đoạn trừ vô số pháp ác bất thiện, suy não nên siêng năng tinh tấn. Lại vì muốn tăng trưởng vô số pháp thiện nên siêng năng tinh tấn. Bồ-tát này quyết định thành tựu tinh tấn, không tham chấp nơi tinh tấn mà thể nhập pháp tinh tấn bình đẳng, thành tựu tinh tấn bất thoái. Người này được chánh phương tiện, thông đạt tất cả pháp nên pháp hành luôn tinh tấn. Ở trong việc tinh tấn không lệ thuộc người khác, ở trong tinh tấn được trí tuệ sáng suốt, thành tựu tướng bất thoái, đạt được tinh tấn bất thoái. Vì tinh tấn tăng thượng như vậy nên được gọi là thành tựu tinh tấn căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát đạt được niệm căn và khéo tu tập niệm căn một cách trọn vẹn?

Đại Bồ-tát thường thâu giữ niệm lại một chỗ, nhu hòa, bố thí, phạm hạnh đầy đủ, giữ thanh tịnh hoàn toàn nơi giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Thường nghĩ đến việc làm thanh tịnh thân, khẩu ý nghiệp; thường nghĩ đến việc ấy một cách rốt ráo; thường nghĩ đến sinh, trụ, dị, diệt của tất cả pháp nên hành phương tiện; thường nghĩ đến tri kiến Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế; thường nghĩ đến các căn, lực, giác, đạo, thiền định, giải thoát, các Tam-muội phương tiện; thường nghĩ đến tất cả các pháp không sinh, không diệt, không tác, không khởi, tướng của nó là không thể nêu bày; thường nghĩ đến muốn được trí tuệ vô sinh; thường nghĩ đến muốn được đầy đủ trí nhẫn; thường nghĩ đến trí lìa, trí diệt; thường nghĩ đến muốn được đầy đủ pháp của Phật; thường nghĩ đến không để cho pháp Thanh văn, Bích-chi-phật vào tâm; thường nghĩ đến trí tuệ vô ngại; thường không quên, không mất, không thoái niệm này. Quán sát như vậy nhưng không chạy theo người khác. Người ấy được niệm tăng thượng bền vững như vậy, nên gọi là thành tựu niệm căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát đạt được định căn, đạt được phương tiện định căn?

Đại Bồ-tát ở trong định địa thường hành thiền định, không nương thiền định, không tham thiền định, giỏi nắm giữ tướng thiền định, giỏi đắc phương tiện thiền định, khéo sinh thiền định và cũng có thể hành thiền định

vô duyên. Biết hết các môn thiền định, biết rõ nhập thiền định, biết rõ trụ thiền định, biết rõ xuất thiền định, mà ở trong thiền định không hề nương chấp, khéo biết rõ tướng nơi đối tượng duyên, biết rõ tướng chân duyên, cũng không tham thọ các vị thiền. Ở trong các định được tự tại hiện bày diệu dụng mà không tùy thuộc người khác, cũng không sinh theo thiền định. Ở trong các định được sức tự tại, ở trong các định không lấy làm khó, không lấy làm dễ. Tùy theo ý muốn, người này được thiền định tăng thượng. Như vậy gọi là được định căn, được phương tiện định căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thành tựu tuệ căn, đắc tuệ căn phương tiện?

Đại Bồ-tát thành tựu thông đạt tuệ căn, nghĩa là có thể diệt ngay các khổ. Người thành tựu thông đạt tuệ thì ở mọi chỗ hành dụng đều được lìa quán, xả quán, thành tựu trí tuệ, thuận với Niết-bàn. Vì thành tựu tuệ căn này nên biết rõ về ba cõi như lửa dữ, biết rõ ba cõi đều là khổ, do trí tuệ này nên không ở trong ba cõi. Người này quán sát ba cõi đều Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô sinh, vô tác, vô khởi. Ngay khi ấy thấy con đường ra khỏi tất cả pháp hữu vi. Vì muốn được đầy đủ các pháp Phật nên siêng năng tinh tấn như cứu lửa cháy đầu. Trí tuệ của Bồ-tát này không thể hư hoại, vì trí tuệ thông đạt này có thể thoát ly ba cõi, cũng không lệ thuộc vào việc của ba cõi, đoạn tất cả sự ưa thích trong pháp hữu vi. Trong tất cả pháp có thể nhiễm, có thể ràng buộc, có thể đắm chấp mà tâm không còn ham thích. Đối với tất cả pháp năm dục, tâm xa lìa, tâm cũng không trụ nơi sắc giới, vô sắc giới, thành tựu trí tuệ tăng thượng, thành tựu vô lượng công đức giống như biển lớn. Do trí tuệ này, ở trong phương tiện tất cả pháp không còn nghi ngờ. Người dùng trí tuệ này thông đạt ba cõi, ở trong ba cõi, tâm không bị ràng buộc, vì được trí tuệ tăng thượng này nên gọi là tuệ căn, được phương tiện tuệ căn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là căn? V ì nghĩa tăng thượng nên gọi là căn, nghĩa bất động nên gọi là căn, nghĩa không thể hoại nên gọi là căn, không thể thoái lui nên gọi là căn, không tùy thuộc người khác nên gọi là căn, không thoái chuyển nên gọi là căn, không bị lôi kéo nên gọi là căn, tùy thuận theo chánh pháp nên gọi là căn, không tham chấp nên gọi là căn, không xen tạp nên gọi là căn.

Lại nữa, này Trì Thế! Đại Bồ-tát biết rõ các căn nơi chúng sinh, cũng có thể khéo phân biệt học căn. Bồ-tát biết các căn dục nhiễm của chúng sinh, biết các căn của chúng sinh lìa dục nhiễm, biết các căn sân hận, lìa sân hận của chúng sinh; biết các căn ngu si, biết các căn lìa ngu si của chúng

sinh; biết các căn sắp đọa nơi cõi ác của chúng sinh; biết các căn sinh trong loài người của chúng sinh; biết các căn sinh lên cõi trời của chúng sinh; biết các căn tâm nhu hòa của chúng sinh; biết các căn thượng trung hạ của chúng sinh; biết các căn hư hoại, không hư hoại của chúng sinh; biết các căn siêng tu, không siêng tu của chúng sinh; biết các căn giả dối, không giả dối của chúng sinh; biết các căn có tội, không tội, có cấu, không cấu của chúng sinh; biết các căn sân hận, không sân hận, biết tùy thuận, không tùy thuận của chúng sinh; biết các căn chướng ngại, không chướng ngại của chúng sinh; biết các căn tạo nghiệp nơi dục giới, tạo nghiệp nơi sắc giới, tạo nghiệp nơi vô sắc giới của chúng sinh; biết căn lành nhiều, căn lành ít của chúng sinh; biết các căn hoàn toàn định, không hoàn toàn định, tà định của chúng sinh; biết các căn keo kiệt, lìa keo kiệt; biết đùa giỡn, không đùa giỡn; biết điên cuồng, không điên cuồng; biết nóng nảy, không nóng nảy; biết sân giận, không nhẫn nhục; biết mềm mại hay nhẫn nhục; biết keo kiệt sâu dày; biết bố thí đầy đủ các căn cho chúng sinh; biết tin, biết không tin; biết cung kính, không cung kính; biết trì giới đầy đủ, biết trì giới thanh tịnh; biết nhẫn nhục đầy đủ, biết biếng trễ, biết tinh tấn, biết tâm tán loạn, biết tâm được định, biết có trí tuệ, biết không có trí tuệ, biết ám độn, biết không ám độn, biết tăng thượng mạn, biết không tăng thượng mạn, biết hành chánh đạo, biết hành tà đạo, biết vọng niệm, biết niệm an ổn, biết thu giữ căn, biết buông xả căn, biết căn hư hoại, biết căn không hư hoại, biết căn tịnh, biết căn bất tịnh, biết căn sáng suốt, biết căn phát Tiểu thừa, biết căn phát Bích-chi-phật thừa, biết căn phát chư Bồ-tát, biết căn phát Phật thừa. Bồ-tát có thể vượt qua được các căn như vậy bằng phương tiện phân biệt. Ở trong trí tuệ phương tiện, phân biệt các căn như vậy của chúng sinh, không tùy thuộc người khác nên gọi là được các căn phương tiện, cũng gọi là không bị người khác dẫn dắt, cũng gọi là không thể phá hoại, cũng gọi là không thoái chuyển, cũng gọi là được sức phương tiện, cũng gọi là đắc căn nhân, cũng gọi là đắc căn chư Thiên, căn nơi Rồng, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… cũng gọi là được tự tại lớn, cũng gọi là được bất hoại, bất động, cũng gọi là đến bờ kia. Người thành tựu công đức như vậy, đối với tất cả pháp mau chóng đắc tự tại.

-oOo-

KINH TRÌ THẾ

QUYỂN 4

PHẨM 8: TÁM THÁNH ĐẠO

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ đạo? Đại Bồ-tát an trụ trong đạo? Những gì là đạo?

Đó là tám phần Thánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành tám Thánh đạo? Thế nào gọi là chứng đắc phương tiện của tám phần Thánh đạo?

Đại Bồ-tát đắc chánh kiến, an trụ nơi chánh kiến, vì muốn đoạn trừ tất cả kiến nên hành đạo. Vì đoạn trừ tất cả các kiến nên an trụ nơi đạo, cho đến đoạn trừ kiến chấp về Niết-bàn, kiến chấp về Phật. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Vì tất cả kiến đều là tà kiến, cho đến kiến chấp về Niết-bàn, về Phật cũng như vậy. Vì phá tan tất cả sự tham chấp về các kiến nên gọi là chánh kiến. Lại không có các kiến, không giữ lấy các kiến, không niệm, không tham chấp, không duyên, không hành, không phân biệt tất cả các kiến, đó gọi là chánh kiến. Dùng chánh kiến này để thấy những gì? Nghĩa là thấy tất cả thế gian đều bị các kiến trói buộc, hư vọng, điên đảo. Khi thấy như vậy gọi là an trụ nơi việc đoạn trừ tất cả kiến. Chánh kiến cũng không niệm, không kiến, không tham chấp, phân biệt cho đến kiến chấp về Niết-bàn, kiến chấp về Phật cũng như vậy. Vì không khởi tất cả kiến nên hành đạo.

Thế nào gọi là chánh kiến? Tất cả pháp đều vắng lặng nên tướng không sinh, không diệt, đồng với Niết-bàn. Như vậy, tất cả pháp này cũng không niệm, không phân biệt. Không niệm, không phân biệt, không hiện tiền, không chánh, không tà, không lấy, không bỏ, gọi đó là chánh kiến xuất thế gian.

Thế nào là chánh kiến xuất thế gian? Người này không thủ đắc thế gian, không thủ đắc xuất thế gian, đã vượt khỏi thế gian, không còn phân biệt, đó gọi là chánh kiến xuất thế gian. Người chánh kiến là người thấy biết như thật về thế gian, xuất thế gian cũng như vậy. Người này không còn

phân biệt đây là thế gian, đây là xuất thế gian, đoạn trừ các vọng tưởng phân biệt, gọi là chánh kiến xuất thế gian. Người này không thấy tà, thấy chánh, đoạn tất cả ý niệm của tâm, đó gọi là chánh kiến. Lại nữa, người chánh kiến là ở trong các pháp hoàn toàn không sai biệt nên gọi là chánh kiến. Lại nữa, người chánh kiến là thấy biết như thật về nghĩa các tà kiến. Chánh kiến là quán các tà kiến tức là bình đẳng. Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ nơi chánh kiến.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát trụ trong chánh kiến, biết như thật về chánh tư duy và nghĩ thế này: "Tất cả tư duy đều là tà, cho đến tư duy về Niết-bàn, tư duy về Phật cũng đều là tư duy tà. Vì sao? Vì đoạn trừ các phân biệt, đó gọi là chánh tư duy, không còn phân biệt gọi là chánh phân biệt, đoạn trừ phân biệt là chánh phân biệt. Vì sao? Vì người này thấy biết tất cả tướng tư duy rồi thì không thấy có tà. Người này liền không còn phân biệt là đây, là kia, an trụ trong chánh phân biệt như vậy. Lại không còn phân biệt là chánh hay tà. Người này lìa các sự phân biệt, vượt qua các phân biệt, nên gọi là chánh tư duy. Người chánh tư duy tức là người thấy biết, phân biệt về tất cả phân biệt đều là hư dối, không thật, từ điên đảo sinh khởi. Trong các phân biệt không có phân biệt thì người này an trụ nơi chánh tư duy, lại không phân biệt là chánh hay tà. Lìa các phân biệt, vượt qua các phân biệt, đoạn trừ các phân biệt nên gọi là chánh phân biệt. Lúc ấy, người này ở trong tất cả phân biệt không còn bị ràng buộc, thấy biết các tánh phân biệt đều bình đẳng nên gọi là an trụ nơi Chánh tư duy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát siêng năng tu tập chánh ngữ tức người ấy thấy tất cả lời nói đều hư vọng không thật, đều từ điên đảo sinh ra, chỉ từ các nhân duyên, phân biệt, tưởng nghĩ mà có. Người ấy nghĩ thế này: "Tướng ngôn ngữ trong ngôn ngữ là không thể thủ đắc, dứt bặt tất cả ngôn ngữ, biết như thật tất cả khẩu nghiệp, gọi đó là chánh ngữ. Người có thể thấy lời nói không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, đó gọi là chánh ngữ. Khi người này an trụ trong thật tướng, những lời họ nói ra đều là chánh ngữ, nên nói an trụ trong chánh ngữ. Người này được an trụ nơi khẩu nghiệp thanh tịnh bậc nhất, cũng thấy biết các tướng của khẩu nghiệp, cũng thông đạt tất cả ngôn ngữ. Lời người này nói ra hoàn toàn không tà vạy, nên gọi là an trụ nơi chánh ngữ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát biết rõ tất cả nghiệp đều là tà nghiệp, biết tất cả nghiệp đều hư vọng, không có thật, không tạo tác, không sinh khởi. Vì sao? Vì trong các nghiệp không có một tướng nhất định, diệt tất cả các nghiệp gọi là chánh nghiệp. Người chánh nghiệp là đối với nghiệp

không phân biệt là tà hay chánh, vì bình đẳng đi vào các nghiệp nên không phân biệt là tà nghiệp hay chánh nghiệp, nên nói là chánh nghiệp.

Lại chánh nghiệp là nghĩa không bị ràng buộc trong ba cõi, thấy biết nghĩa như thật. Trong bình đẳng như thật lại không có phân biệt là tà, là chánh. Bồ-tát hành chánh nghiệp như vậy, là thấy biết như thật nơi tất cả nghiệp. Đối với các pháp không lấy không bỏ, nên gọi là hành chánh nghiệp, trong chánh nghiệp không có tà nghiệp. Người này vì thấy biết như thật nên nói an trụ nơi chánh nghiệp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ tất cả các mạng đều là tà mạng? Vì sao? Vì nếu có tướng mạng, tướng pháp, tướng thủ, cho đến tướng Niết-bàn, tướng Phật, tướng pháp Phật thanh tịnh, an trụ trong đó mà cho là mạng thanh tịnh đều gọi là tà mạng.

Người chánh mạng là xả bỏ sự tham chấp về của cải của đời sống riêng tư, chấm dứt các sự mua bán, đổi chác, không phân biệt, không hý luận, vượt qua tất cả hý luận, đó gọi là chánh mạng. Trong chánh mạng không còn phân biệt đây là chánh mạng, đây là tà mạng, liền được tất cả mạng thanh tịnh nên gọi là được chánh mạng thanh tịnh. Lại nữa, tất cả các mạng đều không sinh, không có chánh tà. Người đó được gọi là đắc mạng thanh tịnh, an trụ nơi chánh đạo, không còn hý luận. Trụ trong chánh mạng như vậy, không lấy chánh mạng, không bỏ tà mạng, cho nên nói là trụ trong chánh mạng. Bấy giờ không còn gọi người này là trụ nơi chánh, trụ nơi tà, được mạng thanh tịnh bình đẳng, lìa tướng mạng, không động, không tác, không nghĩ mạng, không nghĩ phi mạng. Chỉ gọi là người biết như thật, người thấy như thật, nên nói là trụ nơi chánh mạng.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ chánh tinh tấn? Đại Bồ-tát trụ nơi chánh tinh tấn là đoạn trừ tất cả đạo tinh tấn, nên gọi là trụ nơi chánh tinh tấn. Vì sao? Vì tất cả tinh tấn đều là tà, có các sự phát sinh, có tạo tác, có hành động, đều gọi là tà. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là tạo tác, tà có sự phát sinh, tạo tác là hư vọng. Nếu là hư vọng cũng là tà.

Chánh tinh tấn là không phát, không tác, không hành, không nguyện, ở trong tất cả pháp dứt hẳn sự tạo tác. Bồ-tát ở trong tất cả pháp dứt hết sự tạo tác, cho đến trong tướng Phật, tướng Niết-bàn, không còn sinh tướng tạo tác. Người này biết rõ tất cả sự tạo tác đều là hư vọng, vì không tạo tác nên hành đạo. Nếu là người chân chánh thì không tạo tác, tất cả pháp đều bình đẳng, không sai khác, vượt qua tướng tạo tác, không còn tạo tác. Bồ-tát này biết rõ tinh tấn không phải là đạo tinh tấn, không lấy, không bỏ nên nói là trụ nơi chánh tinh tấn.

Người chánh tinh tấn tức là ở nơi các nghĩa tinh tấn không thể thủ đắc, tức là thấy biết như thật nghĩa tất cả các pháp. Người thấy như vậy là chánh tinh tấn, không còn phân biệt là tà tinh tấn, hay là chánh tinh tấn, nên nói là chánh tinh tấn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ về chánh niệm?

Đại Bồ-tát thấy biết tất cả niệm đều là tà niệm, hễ có chỗ của đối tượng niệm đều là tà niệm. Vì sao? Vì tất cả niệm là tà niệm. Nếu ở chỗ đối tượng niệm mà sinh khởi đều là tà niệm, không tưởng, không niệm, gọi là chánh niệm. Vì sao? Vì tất cả niệm đều từ nhân duyên hư vọng sinh khởi, cho nên chỗ nào có sinh ra niệm là tà niệm, nếu chỗ nào không sinh không diệt, gọi là chánh niệm. Không có chỗ nào để nghiệp của niệm phát sinh, nên gọi là an trụ trong niệm thanh tịnh, không chỗ sinh tà niệm. Người này thấy biết tất cả pháp đều là tà, ở trong chánh pháp này không có niệm nên nói an trụ trong chánh niệm.

Lại nữa, người chánh niệm là đối với pháp không phân biệt là chánh niệm hay là tà niệm. Người này thông đạt tất cả niệm đều là tướng vô niệm, thường hành sáu tâm xả nên nói là trụ nơi chánh niệm. Người này không còn tham ưa, cũng không phân biệt vô niệm ấy, vì các pháp bình đẳng. Người này thông đạt tất cả niệm, vì thấy biết như thật nơi tất cả niệm, không lấy, không bỏ niệm hay phi niệm, nên nói an trụ trong chánh niệm. Đối tượng niệm của người này không phân biệt là bình đẳng hay không bình đẳng. Đối với niệm, phi niệm, không tùy thuộc, không duyên dựa. Do không duyên dựa nên biết tất cả niệm là phi niệm, tâm không còn ở trong niệm hay phi niệm. Người này an trụ nơi chánh niệm, không thể diễn nói, không thể chỉ bày, đoạn dứt tất cả ngôn ngữ, xa lìa tất cả ngôn ngữ, thấy biết như thật về tất cả ngôn ngữ, không còn phân biệt đây, kia nên gọi là an trụ nơi chánh niệm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ nơi chánh định?

Đại Bồ-tát quán tất cả định đều là tà định. Vì sao? Vì ở trong các pháp chấp thủ nơi tướng duyên định, chấp thủ nơi tướng biết định, chấp thủ nơi tướng Tam-muội hý luận về định thì đều gọi là tà. Tà tức là nghĩa tham chấp, định này không như vậy. Như đối tượng duyên chấp thủ nơi tướng hay không thủ nơi tướng cũng không cầu, không hý luận, không nhớ nghĩ, gọi đó là chánh định. Nếu không tham chấp, không phân biệt cái này, cái kia, chấm dứt sự ưa thích, tham vướng, không thọ vị định, phá trừ tướng chấp thủ nơi định, tâm không trụ nơi nào, đó gọi là chánh định.

Lại nữa, người chánh định là không nương tựa trong tất cả định,

không hý luận. Thông đạt như thật về bản thể của pháp, biết rõ tướng định, tâm không tham chấp, muốn phá ý niệm chỗ này, chỗ kia. Lời nói như vậy cũng không phân biệt, dứt trừ tất cả phân biệt nên gọi là chánh định. Lại nữa, trong chánh định hoàn toàn không sinh tưởng tà chánh, phá bỏ tất cả tưởng, dứt tất cả tưởng, diệt tất cả tưởng, gọi là chánh định.

Chánh định không sinh tà, chánh, không phân biệt tà, chánh, gọi đó là chánh định. Vì sao? Vì Bồ-tát này thông đạt định phương tiện nên trụ trong chánh định ấy, không còn bị định hay tướng định trói buộc, vượt qua các tướng định nên gọi là chánh định. Gọi chánh định là đối với các pháp không còn hý luận, bình đẳng trong các pháp, dứt bặt hý luận, nghĩa là không còn gọi đây là chánh, đây là tà. Chánh định tức là nghĩa bình đẳng nơi các pháp. Chánh định thoát ra khỏi các thiền định thuộc tất cả pháp hữu vi trong ba cõi, có thể thấy biết như thật về sinh tử trong năm đường.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là Đại Bồ-tát trụ ở trong chánh định, còn gọi là đắc chánh định phương tiện, gọi là biết rõ đạo, biết rõ về đạo phương tiện, nghĩa là thấy biết như thật, có thể đạt đến đạo Niết-bàn.

-oOo-

PHẨM 9: THẾ GIAN, XUẤT THẾ GIAN

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ pháp thế gian, xuất thế gian? Thế nào là Bồ-tát được phương tiện của pháp thế gian, xuất thế gian?

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán pháp thế gian, xuất thế gian. Những gì là pháp thế gian?

Bồ-tát suy nghĩ: "Tất cả pháp tưởng nghĩ, phân biệt đều từ các nhân duyên điên đảo phát sinh, lệ thuộc duyên hư vọng, từ hai tướng ấy sinh khởi, hoàn toàn không có thật, cũng như cầu vồng nhiều màu, giống như vòng lửa dối gạt phàm phu với nghĩa hư hoại, tạm mượn thế gian nên gọi là thế gian. Các pháp thế gian đều chẳng phải thật có, từ các duyên hư vọng, không có tướng sinh khởi, không có tướng tạo tác. Chỉ vì ấm, giới, nhập, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nên nói là thế gian, vì danh sắc nên nói là thế gian. Tùy theo chỗ tham chấp của tâm phàm phu, lại tùy theo vô số tham chấp nơi tà kiến như nùi tơ rối không có đầu mối, như rễ loài cỏ tranh bò lan dưới mặt đất đan nhau chằng chịt, tương ưng theo điên đảo nên gọi là pháp thế gian.

Những gì là pháp xuất thế gian?

Pháp thế gian như vậy từ xưa đến nay tánh vốn xa lìa, như thật, nên

gọi là xuất thế gian. Vì sao? Vì người trí tìm cầu pháp thế gian không thể được, tìm cầu pháp xuất thế gian không thể được, không có thế gian, không có xuất thế gian. Ở trong đó không phân biệt đây là thế gian, đây là xuất thế gian, chỉ vì thế gian nên nói xuất thế gian. Thật tướng của thế gian tức là xuất thế gian. Vì sao? Vì thế gian không thể có được tướng nhất định. Tướng thế gian từ xưa đến nay thường là không, vì pháp thế gian không nhất định, nên thế gian từ xưa đến nay là tướng tịch tĩnh. Bồ-tát này quán thế gian, xuất thế gian như vậy, không chấp thủ thế gian, cũng không tham vướng xuất thế gian. Người này vì không niệm, không tham vướng thế gian, xuất thế gian nên không tranh luận với thế gian. Vì sao? Vì người trí thông đạt thế gian là tướng hư vọng, thấy thật tướng của thế gian nên không còn phân biệt đây là thế gian, đây là xuất thế gian. Vì sao? Này Trì Thế! Thế gian là nghĩa năm thọ ấm, tất cả pháp thế gian được thâu gồm vào trong đó. Người trí tìm ấm chẳng được ấm, chẳng được tánh ấm, chẳng được chỗ ấm đến, chẳng được chỗ ấm trụ, chẳng được chỗ ấm đi, chẳng có năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, không phân biệt, không danh tự, không tánh, không tướng, không hành, thì gọi là xuất thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Bồ-tát quán pháp thế gian, xuất thế gian, không thấy thế gian hợp cùng với xuất thế gian, không thấy xuất thế gian xa lìa thế gian. Người này không lìa thế gian thấy xuất thế gian, cũng không lìa xuất thế gian thấy thế gian. Người này không còn duyên vào hai hành thế gian và xuất thế gian. Vì sao? Này Trì Thế! Vì tướng như thật của thế gian tức là xuất thế gian, không tìm thấy tướng thế gian trong thế gian, không tìm thấy được pháp thế gian trong pháp thế gian, vì không thấy có. Người thông đạt pháp này tức là xuất thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu thế gian cùng với xuất thế gian khác nhau, chư Phật sẽ không xuất hiện ở đời, chư Phật cũng sẽ không thuyết giảng tất cả thế gian là không thể thủ đắc, tất cả thế gian không sinh, thấy biết như thật về tất cả thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu không đắc thế gian, không thủ thế gian tức là xuất thế gian, cho nên phải biết thấy biết như thật về thế gian, vì thông đạt thế gian không thể thủ đắc tức là nói về xuất thế gian, cho nên chư Phật xuất hiện nơi thế gian. Tất cả các pháp thế gian hay xuất thế gian, vì không phân biệt, không hai, vì chứng tri kiến như thật, nên nói pháp xuất thế gian ấy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Pháp thế gian sâu xa như vậy, khó đạt được tận cùng, y vào pháp thế gian thì được pháp thế gian. Người hy vọng nơi pháp

xuất thế gian thì đối với lời nói thế tục, sinh tướng biết rõ về Đệ nhất nghĩa. Người trụ nơi hai pháp không thể vào được trong pháp như vậy. Vì sao? Vì người này không biết thế gian, không biết xuất thế gian, nên đều hành hai pháp ấy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Người hành hai pháp không thể thông đạt thế gian, xuất thế gian.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát biết rõ pháp thế gian, xuất thế gian như vậy nên đạt được phương tiện của pháp thế gian, xuất thế gian.

-oOo-

PHẨM 10: PHÁP HỮU VI, VÔ VI

Này Bồ-tát Trì Thế! Thế nào là Đại Bồ-tát biết rõ pháp hữu vi, vô vi và đắc phương tiện của pháp hữu vi, vô vi?

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát chánh quán pháp hữu vi, vô vi. Thế nào là chánh quán? Pháp hữu vi này không có người làm ra, không có người lãnh thọ. Pháp hữu vi này luôn luôn nằm trong sự tự sinh tự diệt nên gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi này do các hành hòa hợp với nhân duyên hư vọng. Vì sao? Vì các hành luôn ở trong sự tự diệt. Do hai tướng duyên, biết nên gọi là pháp hữu vi sinh. Pháp này không có người tạo tác, không có người sai khiến, pháp này tự sinh, không ai có thể tạo ra nên gọi là pháp hữu vi. Các pháp hữu vi này không ở trong, ngoài, trung gian, không hợp, không tan. Từ gốc hư vọng phân biệt sinh khởi, do nhân duyên vô minh nên đều không thật có, chỉ do sức của các hành nên có tác dụng. Pháp này không có người tạo tác, không có người làm ra, nên gọi là hữu vi. Hữu vi là nghĩa ràng buộc, tùy theo chỗ tham chấp điên đảo của phàm phu mà nói ra. Người trí thông đạt không theo pháp hữu vi, không bị pháp hữu vi trói buộc. Người trí không theo chỗ tính đếm nên gọi là hữu vi. Vì sao? Vì người trí không phân biệt hữu vi, vì phàm phu thế tục nên tạm gọi, phân biệt là hữu vi. Hiền thánh không theo danh số của tất cả các pháp. Các Hiền thánh lìa danh số của các pháp nên gọi "Đắc vô vi", nên gọi là Hiền thánh. Người trí thông đạt tất cả pháp hữu vi đều là vô vi nên không còn tạo ra các nghiệp. Người trí thấy rõ tất cả pháp hữu vi sinh khởi là do vọng tưởng hư dối, nên không còn khởi tác hữu vi. Vì sao? Vì pháp hữu vi không có tánh nhất định. Tất cả pháp hữu vi đều không có tánh, không khởi tác. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Không có trường hợp hành duyên hữu vi mà có thể thông đạt vô vi. Người thông đạt hoàn toàn không còn duyên nơi hữu vi. Thế nào là thông đạt? Người trí thấy tất cả pháp hữu vi đều hư vọng, không có nguồn gốc, không quyến thuộc, không ở trong số lượng. Khi quán như vậy không còn

tham chấp duyên nơi hữu vi, cũng không chấp thủ pháp hữu vi. Vì sao? Này Bồ-tát Trì Thế! Không phải lìa hữu vi là được vô vi, không phải lìa vô vi là được hữu vi. Tướng như thật của hữu vi chính là vô vi. Vì sao? Vì không có hữu vi trong hữu vi, không có vô vi trong vô vi. Chỉ vì chúng sinh tương ưng với điên đảo, làm cho họ thấy biết về pháp hữu vi nên phân biệt nói pháp hữu vi, pháp vô vi, tướng hữu vi, tướng vô vi. Ở trong ấy những gì là tướng hữu vi? Nghĩa là sinh, trụ, dị, diệt.

Thế nào là tướng vô vi? Nghĩa là không sinh, không trụ, không dị, không diệt. Đó là nói tướng hữu vi và tướng vô vi chỉ vì hướng dẫn cho phàm phu.

Này Bồ-tát Trì Thế! Pháp hữu vi không có tướng sinh, tướng trụ, tướng dị, tướng diệt, nên nói tướng sinh, trụ, dị, diệt là không có sinh, không có tướng. Nếu pháp hữu vi này nhất định có ba tướng, Phật sẽ quyết định nói tướng như vậy là sinh, tướng như vậy là diệt, như vậy là trụ, dị.

Này Bồ-tát Trì Thế! Như Lai thuyết giảng tất cả pháp đều là vô tướng. Này Trì Thế! Vô sinh nếu có tướng, vô diệt nếu có tướng, vô trụ, dị nếu có tướng, chắc chắn Phật phải nói đó là tướng vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu vô vi mà có tướng, có nói được thì chẳng phải là vô vi. Nói về tướng, chỉ vì phàm phu nên nói về số pháp, nói về ba tướng hữu vi là sinh, diệt, trụ, dị, nói ba tướng vô vi là vô sinh, vô diệt, vô trụ dị.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người thấy biết, thông đạt pháp hữu vi, vô vi, người ấy hoàn toàn không còn có sinh, diệt, trụ dị, nên gọi là người được vô vi.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sinh diệt tức là thấy nghĩa của tập diệt. Nếu pháp không tập khởi thì không có diệt mất. Nếu không tập khởi thì không có thoái thất, cũng không có trụ dị.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó gọi là thấy biết như thật về hữu vi. Nếu người thấy biết như thật về hữu vi thì không rơi trong pháp số là sinh, diệt, trụ, dị. Bồ-tát tư duy về pháp hữu vi, vô vi như vậy, không thấy pháp hữu vi hợp với pháp vô vi, cũng không thấy pháp vô vi hợp với pháp hữu vi. Chỉ nghĩ thế này: "Tướng như thật của pháp hữu vi tức là vô vi" thì hoàn toàn không còn phân biệt. Nếu không phân biệt pháp hữu vi, vô vi tức là pháp vô vi. Nếu phân biệt đây là hữu vi, đây là vô vi thì không thể thông đạt vô vi. Dứt trừ tất cả phân biệt, gọi là thông đạt vô vi. Thông đạt tánh duyên như thật, dứt các duyên, không ở pháp số, không ở phi pháp số.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đó là Đại Bồ-tát biết rõ phương tiện về pháp hữu

vi, vô vi, nghĩa là đối với các pháp không chỗ trụ, không bị trói buộc, cũng không tham thọ nhận pháp hữu vi hay vô vi.

-oOo-

PHẨM 11: BẢN SỰ

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu Đại Bồ-tát biết rõ như thật về năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập, mười hai nhân duyên, bốn Niệm xứ, năm Căn, tám Thánh đạo, pháp thế gian, xuất thế gian, pháp hữu vi, vô vi, sẽ được biết rõ về thật tướng của các pháp, cũng khéo phân biệt văn từ, chương cú của tất cả pháp. Cũng được niệm lực, do niệm lực này chuyển thân thành tựu niệm bất đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nơi đời quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước, bấy giờ có Phật hiệu là Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương này sống lâu năm kiếp, có vô lượng chúng Thanh văn. Quốc độ của Phật đó thanh tịnh, trang nghiêm, giàu có, an ổn, vui vẻ. Các chúng sinh ở quốc độ đó hoàn toàn sung sướng, ít tham dục, sân giận, ngu si, dễ dạy, dễ độ, dễ làm cho thanh tịnh. Này Trì Thế! Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương này vì các Bồ-tát cũng thuyết giảng kinh Đoạn Trừ Nghi Hoặc Cho Chúng Sinh Thuộc Bồ-tát Tạng này.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bấy giờ có Bồ-tát tên là Bảo Quang, nghe ấm, giới, nhập, duyên, bốn Niệm xứ, năm Căn, tám Thánh đạo, thế gian, xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, phương tiện thì liền phát khởi tinh tấn. Hai mươi ức năm hoàn toàn không sinh tâm ác, hoặc tham dục, sân giận, ngu si, hoặc lợi dưỡng về ẩm thực, y bát. Chỉ vì hội nhập nơi pháp môn phương tiện này nên thường siêng năng tinh tấn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát Bảo Quang ấy ở chỗ Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương trọn đời luôn tu phạm hạnh. Sau khi mạng chung được sinh trở lại làm người ở trong quốc độ của Phật đó. Mạng chung lúc tuổi còn nhỏ, liền sinh trở lại quốc độ Phật đó và tu tập phạm hạnh, nơi mỗi một kiếp có năm trăm lần sinh tử. Lần sinh cuối cùng lúc Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương sắp nhập Niết-bàn thì ở kiếp thứ năm thành tựu pháp đa văn như vậy, cũng chứng đắc phương tiện thật tướng của các pháp như vậy. Theo Phật nghe các pháp thì đều có thể ghi nhớ, được niệm lực như vậy nên bạch Phật: "Cúi xin Đức Thế Tôn rộng thuyết giảng các pháp

cho con. Ngay trong đời này độ thoát cho vô lượng, vô biên chúng sinh, khiến họ an trụ trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Phật Diêm-phù-đàn Kim Tu-di Sơn Vương này khi nhập Niết-bàn vì sự hộ trì pháp nên hộ niệm cho Bồ-tát Bảo Quang. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ một kiếp, người này ở trong một kiếp ấy, nơi năm trăm đời thường sinh vào cõi nhân gian, xuất gia học đạo, cũng thường đối với thật tướng của các pháp được tăng trưởng tự tại, cũng tạo lợi ích cho vô lượng, vô biên chúng sinh.

Này Bồ-tát Trì Thế! Bồ-tát Bảo Quang ấy lần lượt được gặp vạn ức chư Phật như vậy, vào đời sau cùng, được Phật Vô Lượng Quang thọ ký, trải qua a-tăng-kỳ kiếp sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong a-tăng-kỳ kiếp lại gặp trăm ngàn vạn ức na-do-tha chư Phật, sau cùng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành Phật hiệu là Nhất Thiết Nghĩa Quyết Định Trang Nghiêm gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Có vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng Bồ-tát và vô lượng Thanh văn Tăng. Phật sống hai kiếp, quốc độ của Đức Phật ấy giàu có, an ổn, vui tươi, tất cả đều được trang nghiêm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Bồ-tát muốn được các pháp phương tiện như vậy thì ở trong bốn pháp phải siêng năng tinh tấn. Bốn pháp đó là:

1. Xuất gia.

2. Độc hành.

3. Trì giới thanh tịnh.

4. Trừ tâm biếng trễ.

Bồ-tát có bốn pháp ấy nên siêng cầu về đa văn, an trụ nơi nhẫn nhục sẽ mau được gặp ngay bốn pháp. Đó là:

1. Sinh trong cõi Diêm-phù-đề.

2. Được gặp Phật.

3. Tùy pháp hành.

4. Đoạn trừ mọi nghiệp chướng của tội lỗi.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong pháp này phải siêng năng tinh tấn mới được sức của bố thí thanh tịnh, trì giới thanh tịnh, nhẫn nhục thanh tịnh, tinh tấn thanh tịnh, thiền định thanh tịnh, sức của trí tuệ thanh tịnh. Đại Bồ-tát trụ trong pháp này thì sẽ mau chóng được sức phương tiện như vậy.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát tuy hành pháp Đầu-đà vi tế, cũng thường có tâm đại Bi đối với chúng sinh. Người ấy đi vào tâm đại Bi nên ở trong pháp phương tiện này rất siêng năng tinh tấn.

Này Bồ-tát Trì Thế! Lại có Đại Bồ-tát muốn chứng đắc pháp như vậy phải siêng năng tinh tấn đi vào các môn Đà-la-ni. Vì sao nhập nơi môn Đà-la-ni cần phải siêng năng tinh tấn? Nghĩa là quán sát rõ vô lượng duyên của tất cả các pháp, cũng quán vô lượng phương tiện của tất cả pháp, cũng quán vô lượng phương tiện sinh khởi. Khi quán như vậy, dùng môn Tam-muội phương tiện khéo vào vô lượng duyên của các pháp môn, cũng vào vô lượng phương tiện, vào sự sinh khởi vô lượng duyên phương tiện, ở trong pháp này nhờ đạt được diệu lực nên biết rõ thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ văn từ, chương cú, cũng được niệm lực, cũng được chuyển thân thành tựu niệm bất đoạn, pháp bất thoái, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát đi vào các môn Đà-la-ni nên thông đạt nhân duyên tùy thuận nơi tất cả các pháp. Dùng một nhân duyên có thể đi vào ngàn loại nhân duyên, tùy sức của trí tuệ mà được phương tiện các pháp.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát ở trong pháp như vậy nhờ siêng năng tinh tấn nên đi vào môn nhất tướng Tam-muội, được môn nhất tướng Tam-muội thì đi vào môn vô lượng tướng Tam-muội. Đi vào như vậy rồi thì dùng vô số phương tiện nhân duyên đi vào các pháp môn ấy. Các Bồ-tát đi vào tất cả các pháp môn như vậy rồi thì sẽ được tất cả phương tiện của các pháp.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát phần nhiều hành trí tuệ nên biết rõ tướng các thiền định, cũng biết rõ Tam-muội vô duyên. Nhờ sức của Tam-muội phương tiện này nên biết rõ vô lượng duyên, phát sinh vô lượng thiền định. Bồ-tát trụ trong địa ấy tức đạt được tất cả thật tướng của các pháp phương tiện.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thường quán sát các duyên phương tiện của thế gian, thường quán sát duyên phương tiện của pháp hữu vi, thường quán sát các duyên phương tiện của thế đế, cũng thường siêng năng phá trừ duyên phương tiện của tất cả pháp, cũng không tham chấp một nơi nào. Bồ-tát tu tập pháp như vậy thì mau chóng được phương tiện thật tướng của các pháp.

Lại nữa, này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát siêng năng tinh tấn, phát khởi sức phương tiện mà cũng thường quán thật tướng của các pháp, không

nương tựa vào cái vui ở đời, cũng không thực hành xen tạp pháp của thế gian. Người thành tựu pháp như vậy thì sẽ mau chóng chứng đắc thật tướng của các pháp, cũng phân biệt rõ về văn từ, chương cú của tất cả pháp, cũng được niệm lực, cũng được chuyển thân thành tựu niệm bất đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát muốn được vượt qua bờ kia của các pháp thì ngay nơi pháp này phải y như lời dạy mà tu hành. Này Trì Thế! Các ông nên siêng năng tinh tấn đối với pháp này, không bao lâu các ông sẽ được trí tuệ vô ngại nơi pháp ấy.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nơi đời quá khứ vô lượng, vô biên bất khả tư nghì a-tăng-kỳ kiếp về trước, bấy giờ có Phật hiệu là Vô Lượng Quang Đức Cao Vương gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này sống lâu một kiếp, quốc độ của Đức Phật ấy dùng màn lưới bằng bảy báu che phủ ở trên, dùng tất cả các cây Đa-la bằng bảy báu để trang nghiêm cho thế giới đó. Các cây Đa-la này cũng dùng màn lưới bằng bảy báu bao phủ ở trên. Bên mỗi gốc cây có trải tòa Sư tử. Các cây Đa-la đều sinh ra thiên y, các tòa đều dùng lưu ly báu, vàng Diêm-phù-đàn, xích trân châu làm thành. Bốn bên các cây Đa-la đều có cây hương, cây hoa trang nghiêm chung quanh. Nơi mỗi gốc cây đều có hồ, nước tám công đức tràn đầy trong đó. Các ao đó đều dùng pha lê, xa cừ, xích trân châu làm thành. Trên mặt nước trong các ao đều có các loại hoa sen xanh, đỏ, trắng, hồng bao phủ, dùng toàn bảy báu làm lan can bao quanh các ao.

Này Bồ-tát Trì Thế! Quốc độ của Phật ấy dùng toàn các thứ báu như vậy để trang nghiêm thế giới. Lại có cây báu bốn bên như cây Ba-lợi-da Đa-la, Ca-câu-tỳ Đa-la ở cõi trời Đao-lợi. Ngàn vạn ức số cây báu như vậy bao bọc chung quanh thế giới. Các cây báu này sáng chói, che khuất tất cả ánh sáng của mặt trời mặt trăng, khiến chúng không còn hiện được.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các cây Đa-la và lưới báu tự nhiên phát ra vô số mùi thơm, tiếng hay như âm thanh ca ngâm của kỹ nữ cõi trời. Quốc độ của Phật đó thường phát ra những âm thanh vi diệu như vậy. Quốc độ ấy không có ba đường ác, cũng không có tên gọi ba đường ác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này vì các chúng sinh nên thuyết giảng nhiều pháp như vậy. Đó là Bát-nhã Ba-la-mật và kinh thuộc Bồ-tát tạng: Đoạn Nhất Thiết Chúng Sinh Nghi, Hỷ Nhất Thiết Chúng Sinh Tâm.

Này Bồ-tát Trì Thế! Khi Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương thuyết pháp, trong một ngày có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người đã phát tâm đều được đầy đủ pháp trợ Bồ-đề. Này Trì Thế! Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này dùng nhân duyên ấy để giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sinh thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong quốc độ của Đức Phật đó có vô số Đại Bồ-t át.

Này Bồ-tát Trì Thế! Sau khi Đức Phật đó diệt độ, chánh pháp trụ nửa kiếp. Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương này sau khi diệt độ, lúc chánh pháp sắp diệt thì ở phương dưới, cách mười thế giới Phật, có Bồ-tát tên là Vô Lượng Ý, mạng chung rồi thì thọ sinh trở lại, mới mười sáu tuổi xuất gia học đạo, ngay khi chánh pháp của Phật Vô Lượng Quang Đức Cao Vương sắp diệt, nghe giảng nói kinh Phương Tiện Ấm Giới Nhập này của Đại Bồ-tát, Bồ-tát Vô Lượng Ý nghe xong liền phát khởi đại tinh tấn, ngay nơi pháp ấy đạt đến tận cùng, thành tựu sức phương tiện sâu xa. Bồ-tát ấy nhờ nhân duyên của căn lành này, nên sau khi mạng chung được gặp hai mươi ức Phật, đều được thành tựu pháp như vậy, thường biết túc mạng, đồng chân xuất gia tu hành phạm hạnh, thường được niệm lực, đời đời không lìa pháp ấy, đời đời thành tựu niệm không gián đoạn, sau cùng đắc thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Phật Vô Lượng Quang Trang Nghiêm Vương.

Này Bồ-tát Trì Thế! Cho nên Đại Bồ-tát nếu muốn mau chóng đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu muốn mau chóng được đầy đủ tất cả trí tuệ, sau khi ta diệt độ năm trăm năm trong đời ác trược, phải siêng năng hộ trì, phát đại thệ nguyện, nên sinh tâm mong muốn, rất tinh tấn, hoàn toàn không buông lung, ở đời sau phải luôn hộ trì những kinh điển như vậy.

Bấy giờ, các Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa… là bậc Thượng thủ, từ tòa ngồi đứng dậy, hướng về phía Phật, chắp tay thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con trong năm trăm năm sau, sau khi Phật diệt độ, lúc chánh pháp sắp diệt, chúng con sẽ giữ gìn những kinh như vậy, sẽ siêng năng tinh tấn đọc tụng, lãnh thọ, cũng sẽ giảng dạy rộng rãi cho những người khác.

Lại có ngần ấy ngàn số Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Phật chiêm ngưỡng tôn nhan Phật và phát nguyện:

–Kính bạch Thế Tôn! Trong năm trăm năm nơi đời sau, chúng con phát thệ nguyện: Ở nơi trụ xứ của chư Phật thâm diệu không cấu nhiễm

như vậy, nghe các công đức thiện có thể sinh của Bồ-tát, được đầy đủ pháp trợ Bồ-đề cho các Bồ-tát, chúng con sẽ cùng nhau hộ trì người nghe pháp này, sẽ làm cho tâm người đó luôn thanh tịnh, vui vẻ và chuyên tâm dốc cầu, thọ trì, đọc tụng.

Bấy giờ, Phật liền mỉm cười. Ngay khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới có vô lượng ánh sáng chiếu khắp, tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách. Lúc này, Tôn giả A-nan liền rời tòa ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Vì sao hôm nay Đức Thế Tôn mỉm cười và đại địa chấn động?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy các Bồ-tát này phát đại thệ nguyện là ở đời sau sẽ hộ trì các pháp thâm diệu không cấu nhiễm như vậy không? Này A-nan! Các Bồ-tát này không phải chỉ đời này mới phát thệ nguyện như vậy. Này A-nan! Ta nhớ các Bồ-tát này ở chỗ vô lượng, vô biên chư Phật đã từng phát thệ nguyện như vậy. Ba đời hộ trì pháp của chư Phật, cũng thường làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ngày nay trong ba thời cũng hộ trì pháp của ta. Ngay hiện tại và sau khi ta nhập Niết-bàn, khi pháp sắp diệt cũng sẽ làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Này A-nan! Như Bồ-tát Bạt-đà-bà-la… ba thời hộ trì pháp của ta, cũng lại ngay trong Hiền kiếp này, ba thời hộ trì pháp của chư Phật. Đối với chư Phật đời vị lai cũng ba thời hộ trì pháp như vậy. Này A-nan! Ta nay khen ngợi người này thành tựu công đức vô lượng như vậy nói không thể hết luôn thương xót tạo lợi ích, an ổn cho chúng sinh.

Này A-nan! Nếu ta nói hết công đức của người ấy, người đời không thể tin. Nếu người không tin lời Phật, người đó mãi mãi mất mọi sự lợi ích, đọa nơi đường ác, chịu các khổ não.

Này A-nan! Ta nay nói sơ lược về các Bồ-tát này đã làm lợi ích cho chúng sinh. Giả sử tam thiên đại thiên thế giới, ở đó đầy cả chúng sinh đều bị đọa nơi đại địa ngục, trong đó có một người nói với các chúng sinh kia: "Các ngươi chớ có sợ hãi, nay ta sẽ thay thế cho tất cả các ngươi chịu khổ trong cõi này." Người này lập tức đưa chúng sinh ra khỏi địa ngục và đều vì mỗi một chúng sinh mà chịu khổ nơi địa ngục trải qua ngàn vạn năm.

Này A-nan! Ý ông nghĩ thế nào? Có phải người này làm lợi ích lớn, tạo an lạc lớn không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Người này đã làm lợi ích lớn, tạo an lạc lớn

cho chúng sinh.

–Này A-nan! Người này đưa chúng sinh ra khỏi địa ngục xong, hiện bày uy lực làm cho tất cả đều thành tựu sự an vui bậc nhất ở thế gian. Này A-nan! Có phải người này là người có công ơn ban vui cho chúng sinh không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Người này đã tạo lợi ích cho chúng sinh, không có thể dùng lời nói diễn đạt được.

–Này A-nan! Nay ta nói thật cho ông rõ: Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa… đã tạo lợi ích cho chúng sinh và nay cũng tạo lợi ích cho chúng sinh, việc làm lợi ích an vui của hai người này, toán số, thí dụ cũng không thể so sánh. Vì sao? Này A-nan! Vì sự ưa thích của người ấy hoàn toàn trái với pháp hữu vi, không phải vì sự nhàm chán, không phải vì lìa dục, không phải vì trí tuệ, không phải vì quả vị Sa-môn, không phải vì Niết-bàn. Này A-nan! Các Bồ-tát này làm lợi ích cho tất cả chúng sinh bằng cách ban vui vô thượng. Tất cả những người trí vì ưa cầu Phật đạo, đều làm Phật sự, người chưa đi vào chánh vị thì Bồ-tát này cũng làm cho họ được quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật. Các Bồ-tát đem pháp Phật giáo hóa, chỉ dạy khiến họ được lợi ích an vui.

Này A-nan! Các Bồ-tát này thường chỉ dạy, tạo lợi ích an vui cho các chúng Bồ-tát, vì không diệt mất giống Phật, vì giữ gìn hạt giống Nhất thiết trí nên trụ ở thế gian.

Này A-nan! Những vị ấy nơi quá khứ trong vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, khi hành đạo Bồ-tát đều khiến cho giống Phật không bị đoạn mất. Ở vô lượng trăm ngàn vạn na-do-tha kiếp đời vị lai cũng khiến cho hạt giống Phật không bị đoạn mất. Vì sao? Này A-nan! Vì các Bồ-tát ấy khi hành đạo Bồ-tát đã làm cho vô lượng chư Phật an trụ nơi Phật đạo. Các Bồ-tát này đời đời hộ trì, giáo hóa, thành tựu trăm ngàn vạn ức chư Phật, khiến thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đấy trở về sau cũng lại giáo hóa vô số trăm ngàn vạn ức chúng sinh, làm cho trụ trong Phật đạo. Nhờ sức giáo hóa này nên được đầy đủ pháp Phật, cũng đều sẽ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Cho nên các Bồ-tát như Bạt-đà-bà-la… này vì ban sự an lạc của giác ngộ, sự an lạc của Nhất thiết trí tuệ cho chúng sinh, nên luôn siêng năng tinh tấn.

Này A-nan! Nếu có người hỏi: "Các Bồ-tát nào là cha mẹ, là người cứu hộ, là nhà cửa, là chỗ nương tựa, là hòn đảo… cho chúng sinh?" Các

Bồ-tát sẽ nói đó là năm trăm Bồ-tát như các Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa…

Này A-nan! Người nào thành thật hỏi: "Người nào là các vị Bồ-tát ấy?", thì phải nói đó chính là năm trăm vị Bồ-tát như Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa…. Các vị thiện nam ấy vì không để đoạn mất giống Phật, không đoạn mất tất cả giống trí tuệ nên trụ ở thế gian. Các thiện nam này cũng ở năm trăm năm cuối nơi đời sau, dùng sức của phương tiện ấy giáo hóa, dùng nhân duyên tạo an lạc làm cho chúng sinh không rơi vào ba đường ác, cũng làm cho vô lượng trăm ngàn chúng sinh trụ nơi thừa Bồ-tát.

Này A-nan! Vô số ngàn Đức Phật nói về những công đức của những thiện nam này cũng không thể hết được. Vì sao? Vì các thiện nam ấy đã thành tựu công đức bất khả tư nghì như vậy.

Này A-nan! Những pháp tạng mà ta giảng dạy trong vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, các thiện nam ấy đều thọ trì hoàn mãn.

Này A-nan! Ta nay đem pháp bảo đã tu tập trong vô lượng ức kiếp này phó chúc cho các vị ấy. Các thiện nam ấy luôn được chư Phật hiện ở trong vô lượng a-tăng-kỳ quốc độ hộ niệm.

Này A-nan! Các thiện nam này được tất cả hàng trời, người ở thế gian lễ bái, cúng dường.

Này A-nan! Những vị này thường được ngàn Đức Phật trong mười phương khi giảng thuyết pháp luôn khen ngợi.

Này A-nan! Ta đã ấn chứng vì nhằm đoạn nghi ngờ cho tất cả chúng sinh. Người nào ở nơi đời sau cùng, thọ trì, đọc tụng, thông suốt về kinh này và giảng rộng cho người khác thì nên biết, thiện nam, thiện nữ ấy gần với Nhất thiết chủng trí. Người nào ở vào đời sau cuối, được nghe kinh thâm diệu như vậy mà tin hiểu và phát thệ nguyện thì Ta đều thọ ký cho họ được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu năm trăm năm cuối nơi đời sau sinh tâm tin hiểu, siêng năng tinh tấn hộ trì kinh này thì nay thiện nam, thiện nữ ấy được ta đem pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phó chúc cho họ. Nếu hàng Thanh văn tin thọ pháp sâu xa này, không có tâm trái ngược, ta cũng thọ ký cho họ đời sau sẽ được gặp pháp hội của Đức Phật Di-lặc. Người nào cầu Phật đạo nghe pháp này mà thọ trì, tin hiểu thì người ấy sẽ được Đức Phật Di-lặc thọ ký, nhờ bản nguyện nên được xuất gia học đạo.

Tôn giả A-nan nên biết! Những thiện nam, thiện nữ ấy, nơi đời sau lúc năm trăm năm cuối, đối với pháp này mà siêng năng tinh tấn hành trì thì nên biết, người ấy căn lành rất mạnh mẽ.

-oOo-

PHẨM 12: CHÚC LỤY

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Trì Thế bạch Phật:

–Kính bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn vì sự lợi ích cho các Đại Bồ-tát mà hộ niệm kinh này. Các Đại Bồ-tát ở đời sau được nghe pháp này thì tâm liền thanh tịnh, an vui, cũng vì muốn đạt được đầy đủ pháp như vậy nên siêng năng tinh tấn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì hộ niệm kinh này, liền dùng thần lực làm cho hương thơm lan khắp tam thiên đại thiên thế giới, từ xưa chưa từng có. Tất cả chúng sinh đều hướng đến nhau bằng tâm Từ.

Phật hộ niệm xong, bảo Bồ-tát Trì Thế:

–Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nay hộ niệm kinh Pháp Ấn Phẩm này để đoạn trừ tất cả nghi ngờ. Này Bồ-tát Trì Thế! Người nào thọ trì đọc tụng kinh này không lâu sẽ được tất cả trí tuệ, chỉ trừ bản nguyện. Ta nay cũng thọ ký cho người ấy mau chóng đạt được đầy đủ tất cả trí tuệ.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thọ trì đọc tụng kinh Pháp Ấn Phẩm này mà tư duy, vì người khác giảng nói thì người ấy không lâu sẽ mau chóng đạt được phương tiện của năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn Niệm xứ, năm Căn, tám Thánh đạo, pháp thế gian, xuất thế gian, pháp phương tiện hữu vi, vô vi, cũng mau chóng chứng đắc thật tướng của các pháp, cũng mau chóng đạt được sự phân biệt về chương cú nơi tất cả các pháp, cũng mau chóng chứng đắc niệm lực, cũng mau chóng đạt được chuyển thân, thành tựu niệm bất đoạn, cho đến được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Kinh này vào đời sau có thể vì chúng sinh làm nhân duyên phước đức, làm ánh sáng của đại pháp, làm ánh sáng của đại trí tuệ, cũng giúp cho các Bồ-tát đạt đầy đủ pháp trợ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Trì Thế! Các Bồ-tát nào ở đời sau cùng được gặp kinh này và kinh sâu xa khác thuộc tạng Bồ-tát, tương ưng với các Ba-la-mật, thì người ấy không bị việc ma che lấp, không bị nghiệp chướng não hại.

Này Bồ-tát Trì Thế! Nếu người ấy chưa được pháp Nhẫn vô sinh thì ta sẽ thọ ký cho người đó nơi Đức Phật thứ hai, thứ ba trong đời vị lai sẽ được pháp Nhẫn vô sinh. Khi đã được pháp Nhẫn vô sinh rồi, đối với tất cả pháp mau chóng đạt được sức tự tại, mau chóng được quốc độ thanh tịnh của Phật, mau được vô lượng chúng Thanh văn, mau được vô lượng chúng

Bồ-tát.

Này Bồ-tát Trì Thế! Ta nay thuyết giảng pháp ấn này vì đoạn trừ tất cả nghi ngờ cho đời sau. Này Trì Thế! Đại Bồ-tát thấy bốn việc lợi ích nên nơi đời sau cùng hộ trì những kinh này và phát thệ nguyện. Những gì là bốn nguyện? Các Bồ-tát nghĩ thế này:

1. Ta sẽ mau được vô lượng, vô biên công đức, cũng làm cho chúng sinh phát khởi căn lành lớn.

2. Cũng hộ trì chánh pháp cho chư Phật.

3. Cũng làm người giữ gìn tạng pháp cho chư Phật.

4. Cũng gặp và khen ngợi vô lượng chư Phật.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát lại thấy bốn việc lợi ích nơi đời sau cùng hộ trì kinh này và phát thệ nguyện. Những gì là bốn nguyện? Các Bồ-tát nghĩ như vầy:

1. Chúng ta nơi đời xấu ác, sợ hãi sau cùng vì sự hộ trì chánh pháp mà hành đại tinh tấn.

2. Nơi đời xấu ác, sau khi chánh pháp bị suy diệt, dốc giữ gìn tạng pháp, làm việc khó làm này.

3. Nơi đời xấu ác, sau khi pháp đạo loạn, chúng ta dốc bảo vệ chánh pháp nên tâm không loạn.

4. Bấy giờ sẽ được đầy đủ nhẫn nhục, dùng pháp không sân giận để giữ gìn chánh pháp.

Này Bồ-tát Trì Thế! Đại Bồ-tát thấy bốn việc lợi ích ấy nên nơi đời xấu ác sau cùng, hộ trì những kinh sâu xa như vậy và phát thệ nguyện như vậy. Bấy giờ năm trăm Bồ-tát như Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa… và các Bồ-tát khác, được nghe kinh Pháp Ấn Phẩm này, liền ở trước Đức Phật chắp tay phát nguyện: "Nơi đời xấu ác sau này xin dốc sức hộ trì pháp sâu xa ấy."

Phật đưa tay phải xoa đầu tất cả và dạy:

–Này các thiện nam! Ta nơi vô lượng a-tăng-kỳ kiếp tích tập pháp bảo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Tạng pháp bảo lớn thật khó tích tập, chịu vô lượng, vô biên các ưu bi khổ não, cũng xả bỏ vô lượng, vô biên sự hoan hỷ, an lạc. Nay ta đem phó chúc cho các ông, nơi đời sau cùng sẽ ở trong vô lượng kiếp kiến tập pháp tạng này và mở bày chỉ dạy cho tất cả mọi người, rộng vì bốn chúng phân biệt ban bố môn chánh pháp ấy, khiến không bị đoạn mất. Các ông phải đốt lên ngọn đuốc đại pháp.

Các thiện nam! Ngày nay Như Lai mong muốn: Phật tử các ông hãy

trụ chỗ Phật trụ. Ta ở nơi vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp kết tập Tạng pháp bảo này, vì các hàng trời, người rộng giảng dạy cùng khắp.

Ngay lúc ấy, các Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Già-la-ha-đạt-đa… liền đảnh lễ nơi chân Phật và thưa:

–Kính bạch Thế Tôn! Chúng con nương theo năng lực, cũng nương nhờ oai thần của Phật nên ở đời sau sẽ ban bố rộng khắp Tạng pháp bảo này.

Khi Phật thuyết giảng kinh Pháp Ấn Phẩm này, có vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ các Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ thành tựu căn lành, cùng có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều được thọ ký thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Phật thuyết giảng kinh này xong, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Bạt-đà-bà-la, Bồ-tát Già-la-ha-đạt-đa… và các Bồ-tát khác cùng bốn chúng, tất cả chúng Trời, Người, A-tu-la… nghe Phật giảng thuyết đều rất hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 483

KINH TAM-MẠN-ĐÀ BẠT-ĐÀ-LA BỒ-TÁT

Hán dịch: Đời Tây Tấn,
Cư sĩ Nhiếp Đạo Chân.

PHẨM 1: NGŨ CÁI (NĂM THỨ NGĂN CHE)

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại tòa Kim cang - chỗ thuyết pháp thanh tịnh, an nhiên, thuộc nước Ma-kiệt-đà, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp mọi nơi, Phật cùng chúng Đại Bồ-tát nhiều vô số… an tọa trong pháp hội. Bấy giờ, trong pháp hội đó có Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là bậc Đệ nhất.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát muốn được thanh tịnh không bị che lấp nên hành những pháp gì để được đắc đạo?

Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la trả lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn cầu đạo Bồ-tát, nên sửa lại y phục, ngày đêm sáu thời đảnh lễ nơi mười phương chư Phật, làm lễ ăn năn những điều ác đã tạo, những điều cần nhẫn thì nên nhẫn, những điều cần lễ thì nên lễ, những điều cần nguyện thì nên nguyện, những điều cần khuyến thỉnh thì nên khuyến thỉnh. Tất cả những tội che lấp, các trần cấu che lấp, các pháp che lấp như vậy đều được tiêu trừ, tất cả công đức đều được đầy đủ. Kinh Bát-nhã ba-la-mật Đâu-sa-đà-tỷ-la, tất cả Tam-muội, tất cả Đà-la-ni, tất cả phương tiện thiện xảo là tối tôn trong các kinh. Người nào làm được như vậy là chí thành đảnh lễ tất cả chư Phật.

-oOo-

PHẨM 2: HỐI QUÁ

Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la nói:

–Tất cả mọi người, thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, khởi lên các ý nghĩ ác nhiều như vi trần trong tất cả cõi Phật, con đều vì họ sám hối lỗi lầm. Con từ xưa đã tạo các điều ác đối với hằng sa chư Phật, chư

Bồ-tát, các tri thức thiện, cha mẹ, A-la-hán, Bích-chi-phật, hằng sa Thiên thần, hằng sa trong giáo pháp, đã phạm những điều ác như vậy. Trong quốc độ Tu-a-ma-đề, Phật A-di-đà, tất cả cõi chư Phật, tất cả pháp chư Phật, nếu có người hồ nghi khởi ý không tin, con thay thế họ sám hối tất cả tội lỗi. Nếu có người phỉ báng tất cả chư Phật, chư Bồ-tát, các tri thức thiện, các cha mẹ, các A-la-hán, các Bích-chi-phật và tất cả mọi người; hoặc chạy theo dục lạc, chạy theo si mê, chạy theo tự dụng; hoặc không nói cái ngu dốt của mình cho mọi người; hoặc bị tham dâm lôi kéo, bị keo kiệt ganh ghét lôi kéo, bị thức ăn ngon lôi kéo, bị dua nịnh lôi kéo, bảy trăm năm mươi thứ tham muốn lôi kéo. Khi tâm ấy rối loạn không thể tự chuyên chú thì ngay lúc đó vì bị sợ hãi che lấp tất cả nên khởi lên mọi lỗi lầm như thế, nay con đều xin sám hối tất cả.

Con từ vô số kiếp, khởi ý ác đối với Phật, hoặc tranh chấp làm não loạn Tỳ-kheo Tăng, hoặc hại A-la-hán, hoặc hại cha mẹ, hoặc thấy chánh pháp nói chẳng phải chánh pháp, hoặc thấy phi chánh pháp nói là chánh pháp, hoặc chê cười chỗ suy nghĩ của mọi người, thường bày những việc phi pháp, hoặc phạm những sai lầm khác, hoặc muốn phạm, hoặc đã phạm, hoặc phạm vào những lời răn dạy của bậc Đại Thánh, đời này hoặc đời trước, các Tỳ-kheo Tăng không biết pháp Phật, phạm những điều tội ác, tất cả tội lỗi đó, nay con đều xin sám hối.

Những ý ganh ghét con đã làm, nếu có Phật thì ngăn cản không cho họ thấy, nếu có người thuyết pháp nhằm làm rõ kinh thì ngăn cản không cho họ nghe, nếu có tri thức thiện thì ngăn cản không cho họ vào pháp hội, nếu có người tạo công đức bố thí các thứ, đồ ăn thức uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh thì ngăn họ không được bố thí, làm các tội ác vô số không dừng, lần lượt thay nhau tạo ra các tội, tất cả tội lỗi đó nay con đều xin sám hối.

Con đã tạo ra các tội, thấy người phạm đã không can ngăn mà lại hỗ trợ họ tạo tội, cho nên bị nghiệp tội lôi kéo nên sinh ở đời sau cùng, hoặc sinh ở nhà nghèo, hoặc xa lìa tri thức thiện, hoặc có Phật mà không thể thấy, hoặc có Bồ-tát tri thức thiện mà không được cùng vào pháp hội, cũng không thể được nghe kinh pháp, do làm những điều ác như vậy cho nên không thể gặp thân Hiền thánh, tất cả tội lỗi đó nay con đều xin sám hối. Con đã tạo ra các tội không thể được nghe pháp, hoặc nghe pháp mà tâm không thể lãnh thọ pháp, hoặc lãnh thọ rồi lại quên mất không kiên trì pháp, không giữ gìn pháp như thật, trái lại sinh khiếp nhược không biết chiêm ngưỡng, cho nên hình sắc không được đoan nghiêm, sinh ra thường thiếu

của cải quý giá, không thể được hạnh Đà-la-ni, không được hạnh Tam-muội, không được hạnh Bát-nhã ba-la-mật, không được trí tuệ nhập vào phương tiện thiện xảo, không thể được trí tuệ nhập vào mọi nơi chốn không ngăn ngại. Tất cả những tội đã tạo ra khiến không thể nhập vào trí tuệ ấy, các tội như vậy nay con đều xin sám hối.

Con đã tạo ra các tội, không thể đạt được công đức trí tuệ để nhập vào tất cả pháp hạnh, không thể được công đức trí tuệ nơi tâm ý của mọi người, không thể được nhân nơi năm Căn để nhập vào công đức trí tuệ của mọi người, không thể được công đức để nhập vào trí tuệ luật nghi của mọi người, không thể được công đức để nhập vào tất cả pháp tuệ, không thể được công đức trí tuệ giải thoát của mọi người, vì tạo ra những tội ấy cho nên không thể có được các công đức như vậy, tất cả tội lỗi đó nay con đều xin sám hối. Vì con tạo ra các tội nên không thể được sự thấy nghe thông suốt, không thể được thần túc bay đi, không biết được đời trước của mình, không biết được việc quá khứ vị lai, không thể có được âm thanh của Phạm thiên, không thể đạt được công đức của thân, khẩu, ý, không thể có được hạnh thanh tịnh, không thể có được đầy đủ các công đức. Do tạo ra các tội ấy cho nên không thể được các công đức như vậy, tất cả tội lỗi đó nay con đều xin sám hối. Nếu người khác khởi lên ý ác hướng đến con, hoặc dùng các binh khí, con đều khởi lên tâm Từ hướng tới người đó, cho dù kẻ đó hoặc dùng các binh khí, hoặc gây ra mọi sự che lấp, sợ hãi. Con vào pháp hội ở trước chư Phật dùng mắt chắc thật, trí tuệ chắc thật, lời nói chắc thật, ngay lúc ấy con đến trước Phật sám hối, quay về tự chính mình. Khi sám hối về chính mình rồi, tự ăn năn, trách mắng, không dám che giấu, từ nay về sau không dám tái phạm.

-oOo-

PHẨM 3: NGUYỆN LẠC

Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la nói:

–Thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát, nên phát nguyện tùy hỷ. Nay con tự quay về để hiểu biết hết thảy. Hiểu rõ về chư Phật, các Bồ-tát, các bậc Thiện tri thức, cha mẹ, A-la hán, Bích-chi-phật và tất cả mọi người, xin chí tâm cầu sự thương xót. Đối với những gì không thể hiểu rõ, nay đều thông tỏ, như chỗ nhận biết của chư Phật, như vậy, chỗ có thể tự quay về là đã tự quay về. Lại nữa, nay con xin kính lễ tất cả chư Phật, tất cả chư Bồ-tát, các bậc Thiện tri thức, cha mẹ, A-la hán, Bích-chi-phật, là ánh sáng vô thượng, tối thượng, không gì sánh bằng, như chỗ nhận biết của chư Phật,

như vậy chỗ nên làm lễ đều đã kính lễ.

Lại nữa, con nay xin kính lễ công đức của chư Phật, công đức của tất cả chư Bồ-tát, các bậc Thiện tri thức, các bậc A-la hán, Bích-chi-phật, cùng hết thảy mọi người trong mười phương đã tạo công đức. Như chỗ nhận biết của chư Phật, như vậy chỗ nên kính lễ về công đức đều đã kính lễ.

Đó là trí tuệ của Bồ-tát. Nếu thiện nam, thiện nữ có những công đức như vậy, xin nguyện tùy hỷ, hỗ trợ khiến họ hoan hỷ. Nếu có người cầu đạt được trí tuệ Phật, thì chỗ nêu tùy hỷ, con đã tùy hỷ. Với người chưa tạo công đức thì nay tạo công đức, con đều xin tùy hỷ, càng thêm tôn quý về chỗ công đức đã tạo, con cũng xin tùy hỷ. Con xin đem chỗ tùy hỷ về công đức ấy, khiến cho tất cả chúng sinh nơi mười phương thảy đều thành tựu các công đức.

-oOo-

PHẨM 4: KHUYẾN THỈNH

Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la nói:

–Thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát nên làm lễ khuyến thỉnh, con chí tâm kính thỉnh hết thảy chư Phật, Phật hiện tại, cho đến Phật chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết những vị ấy đã thành tựu Đẳng giác mà chưa chuyển pháp luân, con kính thỉnh chư Phật chuyển pháp luân. Nay chư Phật đã chuyển pháp luân, con kính thỉnh thuyết giảng kinh pháp cho tất cả mọi người đều được nghe lời dạy của Đức Phật, khiến được an ổn và các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-đà-la, A-tu-luân, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân, những chúng sinh đang ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, các loài ở trong chỗ đau khổ đều được giải thoát. Nếu ai có điều chưa hiểu thì khiến xả bỏ ý ngu si, được chánh ý vào nơi Phật đạo.

Lại nữa, chư Phật muốn vào Niết-bàn con kính thỉnh chớ vào Niết-bàn, vì tất cả mọi người từ vô số kiếp dùng Pháp thân trụ nơi không chỗ trụ, thuyết giảng kinh pháp cho tất cả mọi người được lời dạy của Đức Phật, đều được dũng mãnh đầy đủ pháp hạnh của Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la, khiến mọi người đều lấy đó làm căn bản được an ổn và các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-đà-la, A-tu-luân, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, các loài ở trong chỗ đau khổ sớm được giải thoát, nếu ai có điều chưa hiểu, khiến bỏ ý ngu si đều được chánh ý vào nơi Phật đạo, ai làm tà thì bỏ tà đạo vào nơi chánh đạo trụ vào

pháp chân như.

Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la nói:

–Thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát nên hành pháp bố thí, công đức con đã sám hối, các công đức nhẫn, lễ, nguyện lạc, khuyến thỉnh, hoặc muốn làm, hoặc đang làm, hoặc đã làm, các việc làm công đức, tất cả đều hợp thành một phước vị, như pháp của chư Phật, chỗ biết của chư Phật, công đức ấy liền sinh ra tướng của chư Phật, được pháp bố thí tự tại, người nhận thí và vật bố thí, cả ba đều vắng lặng. Đó là bố thí chân chánh, dứt hẳn không còn đắm chấp, con đem công đức của pháp bố thí này khiến mọi người đều được pháp bố thí, đều khởi ý bố thí Nhất thiết trí. Nay con gom lại pháp bố thí như chỗ hành trì của Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la, đem công đức này khiến tất cả đều được pháp bố thí, nhờ tạo công đức như vậy con không còn bị đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và không sinh vào đường ác đau khổ, được sinh ra chỗ có Phật, chỗ có Bồ-tát ở cõi Tu-a-ma-đề và Phật A-di-đà, con đem nhân công đức, tâm tốt tròn đủ của con phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Con đem công đức của pháp bố thí này, vì tất cả mọi người làm nhà, làm nơi cứu hộ, ai quay về tự chính mình là được độ thoát, ở trong tối được sáng, ở trong sáng càng sáng hơn, ở trong sự giữ gìn càng giữ gìn hơn, tất cả mọi người ai chưa được độ con sẽ độ họ, ai chưa giải thoát con sẽ giải thoát cho họ, ai chưa Niết-bàn con sẽ khiến họ vào Niết-bàn, sự tạo tác của tất cả mọi người đều khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Con đem công đức của pháp bố thí này khiến tất cả mọi người và chính bản thân con sinh ra chỗ nào cũng đều khởi lên ý thường cúng dường chư Phật, chư Bồ-tát, trước đem việc làm cúng dường chư Phật, Bồ-tát, khiến tất cả mọi người và chính bản thân con không lìa pháp Bồ-tát, không lìa tri thức thiện.

Văn-thù-sư-lợi, Duy-ma-kiệt và Tam-mạn-đà Bạt-đà-la…, chỗ hành của các Bồ-tát này đều đầy đủ Đà-la-ni, Tam-muội thanh tịnh, nhất tâm bất động, đều vì sự thành tựu, chốn hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, hiểu rõ phương tiện chỗ nhập vào tất cả các pháp không sai khác, khiến tất cả mọi người và con được đầy đủ tuệ hạnh của các Bồ-tát.

Con đem công đức của pháp bố thí này hồi hướng cho những loài ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và người bị trói buộc đều được giải thoát, người không có mắt được mắt, người điếc nghe được, người đau khổ đều được an ổn. Nếu ở cõi Phật này và cõi Phật khác, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến vô cùng tận, khoảng giữa loài côn trùng có chân không chân, hoặc chưa

sinh, hoặc thân mềm, hoặc hóa sinh, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng và tất cả Nhân phi nhân lần lượt nương nhờ vào Phật nhãn, thấy biết hết thảy, khiến tất cả đều được thân người, vào nơi Phật đạo nghe pháp, hiểu biết rồi thọ trì, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Con nắm giữ công đức của pháp bố thí này khiến tất cả mọi người cùng con đều được các hạnh của chư Phật, chư Bồ-tát, chư tri thức thiện, khiến tất cả mọi người đều đến cúng dường, khởi lên nguyện được cõi chư Phật làm cho thanh tịnh, hiểu biết tất cả pháp ba đời, ví như kim cang không có vật gì xuyên thủng, khiến tất cả mọi người cùng con đều được trí tuệ của Phật, hành tâm bình đẳng một cách đầy đủ làm cảm động tất cả, đối với các trí tuệ sâu xa đều đạt được, đối với các pháp không còn nghi ngờ. Con nắm giữ công đức này khiến nguyện của con đầy đủ pháp hạnh như Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la, đều được mười chủng lực, đó chính là quả vị chứng đắc. Nguyện đem công đức này khiến tất cả mọi người cùng con đều được phước.

-oOo-

PHẨM 5: THÍ PHƯỚC

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ muốn cầu đạo Bồ-tát, nên ngày đêm sáu thời sám hối tội lỗi, khuyên nên ham thích pháp hạnh như nói ở trên, phước ấy như thế nào?

Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la trả lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào phụng hành đạo Bồ-tát, đem bảy báu đầy trong cõi Diêm-phù-đề cúng dường hằng hà sa số chư Phật; lại có thiện nam, thiện nữ ngày đêm sáu thời khuyên nên ham thích pháp hạnh, những gì nên sám hối thì sám hối, những gì nên nhẫn thì nhẫn, những gì nên lễ thì lễ, những gì nên nguyện tùy hỷ thì nguyện tùy hỷ, những gì nên khuyến thỉnh thì khuyến thỉnh, những gì nên bố thí thì nên bố thí, ngày đêm phụng hành lời dạy như trước. Nếu đem phước cúng dường bảy báu nhiều như cát sông Hằng đầy cõi Diêm-phù-đề mà so sánh thì phước này gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn, gấp ức, gấp triệu lần, trọn không có gì sánh bằng, không có gì tính đếm, không có gì để thí dụ.

Khi giảng nói pháp này, vô số chư Thiên ở giữa hư không đem hương, hoa, kỹ nhạc trời cúng dường lên Đức Phật, các Bồ-tát, Bồ-tát Văn-thù-sư-

lợi và Bồ-tát Tam-mạn-đà Bạt-đà-la. Nói kinh này rồi, các chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, Nhân phi nhân nghe kinh xong, đều rất vui mừng, đến trước Đức Phật làm lễ, lui ra.

-oOo-

SỐ 484

KINH BỒ-TÁT BẤT TƯ NGHÌ QUANG SỞ THUYẾT

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại tinh xá Cấp cô cùng, nơi rừng Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, cùng đông đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo và năm trăm vị Đại Bồ-tát, đều là bậc được mọi người biết đến. Lúc Đức Thế Tôn ở tại trú xứ này thì vua, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ và các quyến thuộc luôn cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường nhiều phẩm vật như: y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men. Đó chính là sự thành tựu về chỗ sinh, về chủng tánh, đầy đủ Tam-muội, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng của Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài diễn nói chánh pháp, văn nghĩa đầu giữa cuối đều hoàn hảo, đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh giải thoát, đầy đủ năm nhãn là: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Phật nhãn, Pháp nhãn, khéo biết chỗ trú ở đời này và những đời khác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khéo thâu phục đám ngoại đạo Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử… Phật pháp hưng thịnh, trời người tôn kính. Đến giờ thọ thực, Đức Thế Tôn đắp y mang bát cùng chúng Tỳ-kheo Tăng vây quanh hướng vào đại thành Xá-vệ khất thực, đến đi qua lại, oai nghi luôn đầy đủ, nhìn xem dung mạo, mọi cử chỉ động tác của Đức Thế Tôn cầm y bát đều rất ung dung. Thân sắc vàng vi diệu, ánh hào quang sáng rực giống như ngọn lửa tỏa rộng, như ngọc báu, như ánh mặt trời mặt trăng xua tan màn đêm, thân đầy đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Ngài dùng chân sắc vàng ròng bước qua cửa thành. Ngay lúc đó đại thành Xá-vệ hiện ra các việc chưa từng có. Như kệ nói:

Thích sư tử Tiên nhân

Khi bước vào cửa thành
Hiện nhiều việc hy hữu
Tâm tịnh nghe ta nói.
Người mù được mắt sáng
Người điếc liền được nghe
Lõa thể được y phục
Cuồng loạn được chánh ý.
Đều hoan hỷ chắp tay
Nhìn Phật không hề chán
Các trống tự nhiên kêu
Tiêu sáo tự phát tiếng.
Nhạn, cù, cưu, uyên ương
Đều hót tiếng êm dịu
Mất của được kho báu
Các vật báu phát tiếng.
Đất chấn động sáu cách
Không tin được tâm định
Thế Tôn khi bước đi
Hoa sen đỡ bước chân.
Chúng sinh chạm được an
Mạng chung được sinh thiên
Người nữ mang thai khổ
An vui sinh con hiền.
Không tham, sân, si não
Cha mẹ con đều vậy
Bậc thềm diệu trang nghiêm
Mưa hoa trời vô số.
Chúng sinh không bệnh hoạn
Thoát tất cả các khổ
Khi Thế Tôn vào thành
Tất cả được an lạc.
Con cúng dường Thế Tôn
Xin Phật thương xót con
Phật đầy đủ phước đức
Con không thể nói hết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vào đại thành Xá-vệ tuần tự khất thực, đang đi giữa đường. Có một đứa bé bị bỏ rơi nơi khoảng đất trống gần đấy, dung mạo đoan nghiêm, tươi đẹp, tự mút ngón tay phải. Chỗ đất trống ấy có

nhiều cáo, chó sói, thấy đứa bé ấy bèn đến liếm rồi bỏ đi, không có ý gây hại. Đứa bé này nhờ phước đức gieo trồng căn lành từ lâu. Mọi người đứng nhìn sinh tâm hy hữu, họ đều đứng lại nơi khoảng đất trống ấy nhìn đứa bé khả ái, vui mừng thích xem.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn thấy nhiều người qua lại nơi chỗ đất trống kia, biết rồi nhưng vẫn hỏi và bảo Tôn giả A-nan:

–Ông đến chỗ đất trống kia xem mọi người qua lại để làm gì?

Tôn giả A-nan bạch:

–Con xin vâng.

Tôn giả A-nan liền đi đến chỗ đất trống ấy, thấy một đứa bé dung mạo đoan nghiêm, tự mút ngón tay phải, nhìn mọi người mắt không chớp. A-nan thấy rồi trở về bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chỗ ấy hiện có một đứa bé dung mạo đoan nghiêm, rất đáng thương mến, giống như tượng báu, nhìn mọi người mắt không hề chớp.

Đức Thế Tôn đối với đứa bé kia khởi tâm thương xót, quán xét về gốc căn lành, biết đã thành thục, có thể lãnh thọ chánh pháp. Lại biết căn lành của chúng sinh đã thành thục nên Phật liền đi tới chỗ đứa bé, đến nơi nhìn đứa bé nói kệ:

Vốn đã tạo nghiệp ác
Ngày nay báo ứng hiện
Bị bỏ chỗ trống này
Anh nhi khổ như vậy.

Khi đó, anh nhi nhờ thần lực của Phật và sức nơi căn lành vốn có của mình nên dùng kệ bạch Phật:

Cù-đàm còn chấp có
Tưởng thấy bỏ chỗ trống
Khi Phật ở đạo tràng
Không biết đến tưởng ấy?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Ta đã biết nơi tưởng
Nhưng ta hằng không tưởng
Do thương xót nơi con
Mà đến nơi trống này.

Anh nhi nói kệ:

Nếu không "đắc" chúng sinh

Hoàn toàn không thủ đắc
Phật thương xót nơi ai
Ai khiến chuyển tâm bi.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Chúng sinh không biết được
Vô ngã, không, tịch diệt
Vì giác ngộ muôn người
Ta đến thôn thành ấp.

Anh nhi nói kệ:

Đạt hiểu không, tịch diệt
Thấu rõ không, tịch diệt
Còn có tưởng chúng sinh
Như Lai không đoạn chăng?

Đức Thế Tôn nói kệ:

Sức Từ bi của Phật
Hiểu rõ không, tịch diệt
Vì giáo hóa chúng sinh
Đạo sư diễn nói pháp.

Anh nhi nói kệ:

Còn chấp có điên đảo
Như Lai chưa đoạn chăng?
Không sinh tưởng chúng sinh
Sinh bi như vậy sao?

Đức Thế Tôn nói kệ:

Sự hộ trì của Phật
Bồ-tát sinh tinh tấn
Vì chẳng rõ chúng sinh
Thế Tôn khởi trang nghiêm.

Anh nhi nói kệ:

Đây là trang nghiêm si
Nếu không chứng đắc vật
Nếu pháp chẳng là vật
Do đâu khởi trang nghiêm?

Đức Thế Tôn nói kệ:

Thần lực đại Bi này
Dẫn dắt đời như vậy

Còn không chấp trước vật
Vì chúng sinh nói pháp.

Anh nhi nói kệ:

Pháp chẳng có văn tự
Diễn nói làm sao được
Thế gian tôn hủy hoại
Phi pháp nói là pháp.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta chẳng hoại thế gian
Ta không nói phi pháp
Chúng sinh tạo mê lầm
Ta giải thoát cho họ.

Anh nhi nói kệ:

Kết sử không nguồn gốc
Cũng không có nơi chốn
Lại không ở trong ngoài
Làm sao thoát ràng buộc?

Đức Thế Tôn nói kệ:

Từ nơi vọng tưởng sinh
Cùng điên đảo phát khởi
Vì đoạn vọng tưởng kia
Anh nhi, ta nói pháp.

Anh nhi nói kệ:

Tâm tánh tự luôn tịnh
Trong đó không buộc ràng
Cho dù nhiều vọng tưởng
Tánh tịnh không sinh cấu.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Đúng vậy như con nói
Tâm tánh tự luôn tịnh
Khách trần phiền não kết
Người không tuệ sinh nhiễm.

Anh nhi nói kệ:

Kiết không có nơi chốn
Cũng không nơi chốn đắc
Thế nào gọi là sinh

Xin vì con diễn nói.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Giống như mây trên không
Nhìn thấy không chân thật
Kết sử sinh như vậy
Tuy thấy mà không thật.

Anh nhi nói kệ:

Pháp bình đẳng như như
Tánh sinh đó tức như
Nếu pháp là chân thật
Chẳng như, không thủ đắc.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Tất cả pháp chẳng như
Cũng trụ ở trong như
Hiểu rõ như vậy rồi
Không lỗi, không công đức.

Anh nhi nói kệ:

Nếu không được chúng sinh
Cù-đàm hòa hợp ai
Trước quán sát gốc pháp
Từ đâu có phiền não?

Đức Thế Tôn nói kệ:

Quá khứ với vị lai
Và cùng đời hiện tại
Phật thảy đều biết rõ
Vì chúng sinh nói pháp.

Anh nhi nói kệ:

Chỗ diễn thuyết ba đời
Nói những điều ta biết
Chính là đại ngã mạn
Tức là tự khen mình.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta chẳng tự khen mình
Cũng không khinh mạn ai
Như như đều hiển hiện
Thế nên gọi Như Lai.

Anh nhi nói kệ:

Như như, có thủ đắc
Không tương ưng ngôn thuyết
Chẳng nói, dùng lời nói
Thì chẳng phải là Như.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Phàm phu chạy theo tưởng
Trong như, sinh vọng tưởng
Vì đoạn trừ ngã tưởng
Như Lai hiện ở đời.

Anh nhi nói kệ:

Chánh giác chẳng ở đời
Khéo tu pháp vô sinh
Ở trong pháp vô sinh
Phật hiện không tương ưng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Vô sinh hiện có sinh
Phật xuất hiện ở đời
Đó là nói tục đế
Chẳng phải Đệ nhất nghĩa.

Anh nhi nói kệ:

Còn chấp có hai tưởng
Tục đế và chân đế
Ở trong đạo Nhất thừa
Cù-đàm nói chống trái.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Ta không nói nghịch nhau
Ta trụ nơi không trái
Vì chúng sinh chống trái
Anh nhi hiểu như vậy.

Anh nhi nói kệ:

Sám hối Đức Thế Tôn
Những gì con đã nói
Nhờ Phật lực hộ trì
Con mới nói được vậy.

Lúc này, Đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng từ trong pháp y ra đỡ

lấy anh nhi, khiến anh nhi vin vào ngón tay của Đức Phật rồi đứng lên. Đức Thế Tôn bèn đem Anh nhi từ chỗ ấy trở lại con đường chính. Đại chúng thấy việc chưa từng có nên càng sinh tâm cung kính khen ngợi Đức Thế Tôn: "Thật là hy hữu!" Vì Đức Thế Tôn đã thành tựu được pháp vi diệu thù thắng như thế nên mới có thể khiến cho kẻ cực khổ nguy ách ấy an trụ vào chánh pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo anh nhi:

–Hành nghiệp của con đã hết! Con có thể nhớ nghĩ về chỗ căn lành đã làm từ xưa khiến cho đại chúng sinh tâm hy hữu!

Khi ấy, Anh nhi bèn hiện đại thần lực bay lên hư không cao hơn bảy cây Đa-la, thân phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới của chư Phật. Do ánh sáng ấy nên trời Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế, cùng trăm ngàn chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già khác, trông thấy ánh sáng đó liền đến chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài, dùng các hoa trời tung lên cúng dường. Cúng dường xong, hướng về Đức Thế Tôn nói:

–Ánh sáng của Bồ-tát là không thể nghĩ bàn. Thân phóng ra ánh sáng tỏa chiếu khắp thế giới của Đức Phật ở đây khiến cho vô lượng chúng sinh được nhiều lợi ích không thể nghĩ bàn. Vậy nên gọi anh nhi này là Bất Tư Nghì Quang.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni chấp thuận đặt tên cho anh nhi này là Bất Tư Nghì Quang.

Lúc này, anh nhi Bất Tư Nghì Quang từ hư không hạ xuống đứng yên nơi đất, nhờ thần lực của Phật và sức nơi căn lành của mình nên thân tướng giống như đồng tử tám tuổi. Thích Đề-hoàn Nhân liền đem áo trời cúng dường cho anh nhi và nói:

–Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang! Xin hãy thương xót chúng tôi mà nhận lấy Thiên y này.

Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Bồ-tát không lấy y phục làm điều tốt đẹp, mà nên mặc đủ pháp phục để trang nghiêm thân. Này Kiều-thi-ca! Về pháp phục của Bồ-tát, ông nay nên lắng nghe!

Này Kiều-thi-ca! Tâm Bồ-đề là pháp phục của Bồ-tát vì đạt đến đạo tràng, thành tựu viên mãn tất cả Phật pháp. Có hổ có thẹn là pháp phục của Bồ-tát, vì điều phục thành tựu nơi tất cả chúng sinh đạt đến chỗ không lầm lỗi. Thệ nguyện bền vững trang nghiêm là pháp phục của Bồ-tát, vì làm xong mọi việc. Ngay thẳng, không dối trá là pháp phục của Bồ-tát, vì thành

tựu sự đoạn trừ huyễn hoặc hư giả. Siêng năng, tinh tấn là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu đầy đủ các căn lành. Ý chí luôn hỷ lạc là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu viên mãn tất cả pháp Phật. Trừ bỏ kiêu mạn là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu tròn đầy tất cả các thiền định. Cầu pháp, nghe pháp là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu viên mãn Bát-nhã ba-la-mật. Không khởi trí kiêu mạn là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu đầy đủ trí không chấp trước. Tạo nhiều lợi ích là pháp phục của Bồ-tát, vì thương xót tất cả chúng sinh, tạo đủ sự hiểu biết. Xả bỏ tất cả vật là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu viên mãn các tướng hảo. Hộ trì tịnh giới là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu tròn đủ thệ nguyện. Điều hòa nhẫn nhục là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu viên mãn rốt ráo âm thanh như Phạm thiên. Tinh tấn vững mạnh, tâm không lười biếng, thoái lui là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu viên mãn, vượt qua mọi sự việc. Được các thiền định, Tam-muội giải thoát là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu đầy đủ trí đại thông. Trí tuệ không hoại là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu việc đoạn trừ mọi kết sử, chướng ngại của các kiến. Hành trí đại phương tiện là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu sự giáo hóa chúng sinh. Đại Từ là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu sự cứu giúp chúng sinh. Đại Bi là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu ở trong đường sinh tử không hề mỏi mệt, nhàm chán. Đại Hỷ là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu đầy đủ đối với pháp hỷ. Đại Xả là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu việc xa lìa tâm thương ghét. Đối với các chúng sinh không có tâm não hại là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu sự không não hại nơi mình và người. Diễn giảng thuyết pháp là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu sự không khen mình, không chê người. Như thuyết tu hành là pháp phục của Bồ-tát, vì thành tựu sự đoạn trừ kết sử.

Này Kiều-thi-ca! Nên biết pháp phục của Bồ-tát là như vậy, dùng pháp trang nghiêm, sống luôn biết hổ thẹn.

Thích Đề-hoàn Nhân đối với anh nhi tăng thêm tâm cung kính, hết sức tôn trọng và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn thương xót chúng con khiến anh nhi nhận lấy y này.

Đức Thế Tôn bèn bảo Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang nên nhận y của Đế Thích. Đức Thế Tôn dùng tay phải lấy thiên y trao cho anh nhi. Anh nhi đầu gối bên phải quỳ sát đất, dùng tay phải nhận lấy y ấy rồi mặc vào.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đem Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang đến đại thành Xá-vệ thứ lớp khất thực. Khi ấy, đại chúng nam nữ lớn nhỏ, trưởng giả, cư sĩ, Sát-lợi, Bà-la-môn, vua và các phụ chánh đại thần, thấy

Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang đều sinh tâm hy hữu, họ cũng vì để diện kiến Đức Phật, kính lễ cúng dường nên đều tụ hội.

Đức Thế Tôn tuần tự khất thực, đến nhà người mẹ của Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang. Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang liền vào nhà mình đến trước chỗ mẹ, hướng về sinh mẫu nói kệ:

Mẹ không có lỗi lầm
Phải nên tự vui mừng
Con xưa tạo nghiệp ác
Nay sinh ở bụng mẹ.
Mẹ là ruộng phước con
Xót thương ân sinh thành
Mẹ chớ sinh xấu hổ
Mau đến chỗ Thế Tôn.
Mẹ nay được lợi lớn
Vì con mà mang thai
Công đức mẹ như thế
Đến hỏi Đấng Đạo Sư.

Khi ấy, Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Cho ta xin những thứ cần dùng như hương hoa, y phục. Ta muốn dâng lên mẹ để mẹ ta đem các vật này cúng dường Đức Phật, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thích Đề-hoàn Nhân đem hoa trời Mạn-đà-la, hương cõi trời và các y phục của chư Thiên trao cho Bồ-tát. Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang lại hướng đến mẹ mình, nói kệ:

Mẹ nhận hoa đẹp này
Hoa trời Mạn-đà-la
Hương diệu và y phục
Dâng lên cúng dường Phật.
Vật báu và thức ăn
Khó báo ân cha mẹ
Hướng dẫn vào chánh pháp
Là cúng dường song thân.
Cúng dường Thế Tôn rồi
Phát tâm đạo vô thượng
Con nhiều kiếp thường khuyên
Lúc nào cũng siêng năng.
Người mẹ sinh tâm vui

Hoàn toàn không xấu hổ
Đi đến chỗ Thế Tôn
Đảnh lễ rồi đứng trước.
Tung hoa lên Như Lai
Dâng hoa và y phục
Trồng căn lành nơi Phật
Và phát tâm Bồ-đề.
Vững trụ tâm Bồ-đề
Thưa hỏi Thích Sư Tử
Mang thai chúng sinh tịnh
Xin nói phước báo này.
Nay con nhờ nghiệp thiện
Không sinh các nẻo ác
Cúng vô số Phật rồi
Sau sẽ được thành Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở đại thành Xá-vệ tuần tự khất thực rồi cùng Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang và đại chúng ra khỏi đại thành hướng đến tinh xá Cấp cô cùng thuộc rừng Kỳ-đà. Đức Thế Tôn thọ trai xong, rửa tay, súc miệng rồi đến tòa ngồi diễn nói chánh pháp.

Lúc đó, vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la nghe Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang có đại thần thông không thể nghĩ bàn, nên ra lệnh chỉnh đốn bốn loại binh chúng sửa soạn xa giá, rồi đi đến tinh xá Cấp cô cùng thuộc rừng Kỳ-đà. Vua tới chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đảnh lễ dưới chân và lui ra ngồi một bên. Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang đang ở chỗ nào? Nghe nói Bồ-tát có sức thần thông không thể nghĩ bàn?

Đức Phật liền chỉ Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang cho vua Ba-tư-nặc. Vua vừa trông thấy Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang hình tướng đoan nghiêm thù thắng, tự tại không chút sợ hãi, tự trang nghiêm đầy đủ bằng giới, định, tuệ, liền nghĩ: "Bồ-tát đã gieo trồng căn lành gì? Tu tập phước đức gì mà có thân tướng vi diệu như vậy?"

Lúc đó, anh nhi Bất Tư Nghì Quang vâng theo thần lực của Đức Phật, biết ý nghĩ của vua nước Kiều-tát-la nên hướng đến vua, nói kệ:

Thường tu tâm Từ tịnh chúng sinh
Tu chánh niệm không thô uế ác
Giữ thân khẩu ý, phạm hạnh tịnh
Mới có được thân tịnh diệu này.

Xa lìa người ác, không tự tạo
Tăng trưởng tu tập thiện vô lượng
Lìa bỏ điều ác, không tranh cãi
Mới có được thân tịnh diệu này.
Cung kính Phật, Pháp và Thánh tăng
Thường luôn phụng thí dốc cúng dường
Không mắng nhiếc người, không bức hại
Mới có được thân tịnh diệu này.
Mạ ly, trách móc và hủy báng
Đối với người khác không như thế
Khen tốt, khen đẹp, không nói ác
Mới có được thân tịnh diệu này.
Tham keo ganh ghét và kiêu mạn
Xét kỹ hạnh mình không chê người
Mới có được thân tịnh diệu này.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

–Bồ-tát anh nhi Bất Tư Nghì Quang này thành tựu pháp thù thắng vi diệu như thế, do nghiệp chướng gì mà thọ sinh vào bụng của dâm nữ rồi bị bỏ nơi chỗ trống?

Phật bảo đại vương:

–Nơi thuở quá khứ hơn chín mươi mốt kiếp về trước, thời đó có Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Đại vương nên biết! Lúc ấy, trong giáo pháp của Đức Tỳ-bà-thi Như Lai có hai vị Bồ-tát: Một tên là Hiền Thiên, hai tên là Nhiêu Tài. Bồ-tát Hiền Thiên đối nơi đạo Vô thượng đạt được quả vị Không thoái chuyển, được Đà-la-ni và biện tài vô ngại, được Nhẫn vô sinh, có phước đức, uy lực, ít ham muốn, biết đủ, thường ưa chỗ vắng vẻ, đạt được thần thông. Còn Bồ-tát Nhiêu Tài thì tu học hạnh Đầu-đà, hầu cận Bồ-tát Hiền Thiên, thường lui tới các xóm làng, thành ấp hành xử nhiều việc. Bồ-tát Hiền Thiên nhiều lần quở trách: "Tại sao ông hay gây ra nhiều việc như thế mà không tự đoạn trừ?" Luôn được quở trách, dạy bảo như vậy nhưng Nhiêu Tài lại sinh tâm giận dữ không vui. Vì quá sân hận nên Nhiêu Tài đã tìm cách vu cáo, mắng nhiếc, nhục mạ Hiền Thiên. Khi ấy, Bồ-tát Hiền Thiên liền đuổi Nhiêu Tài ra khỏi trụ xứ khiến Nhiêu Tài càng thêm giận dữ, thô ác, đê tiện. Do nhân duyên của hành nghiệp bất thiện ấy, nên sau khi mạng chung thọ sinh vào thai của

dâm nữ, nhờ sự hộ trì của Bồ-tát Hiền Thiên nên không bị đọa vào địa ngục. Dâm nữ sinh ra thường đem vất bỏ, bị các thứ cáo, chó sói ăn thịt. Này đại vương! Do duyên ấy nên trong chín mươi mốt kiếp luôn bị chết như vậy, đời đời thường bị vất bỏ. Kiếp này cũng vậy, làm con của dâm nữ bị đem bỏ nơi chỗ trống cho cáo, chó sói ăn thịt. Này đại vương! Chớ nên nghi ngờ. Nhiêu Tài thời ấy luôn sân hận mắng nhiếc nay chính là Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang. Hành của nghiệp ác đã hết, do sức của nghiệp thiện nên tâm kết sử được thanh tịnh, ý vui thích với Đức Phật, đường ác của người này đều đã chấm dứt. Này đại vương! Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang ấy đã từng gặp sáu mươi bốn ức Đức Phật, kính lễ cúng dường tôn trọng tán thán, ở chỗ các Đức Phật này thường tu phạm hạnh, siêng năng tinh tấn cầu pháp, nên sức thiện gốc đó mới được như thế và đạt sức thần thông.

Này đại vương! Nghiệp trắng đen như vậy trọn không hề mất, thế nên người trí khéo giữ gìn thân, khẩu và ý nghiệp, thà bỏ thân mạng chứ không nên tạo nghiệp ác.

Vua Ba-tư-nặc bạch:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Hiền Thiên kia đã đạt được Nhất thiết trí hay là còn tu tập hạnh Bồ-tát?

Phật bảo nhà vua:

–Đại vương! Bồ-tát Hiền Thiên kia nay ở quốc độ của Đức Phật A-súc, tu hạnh Bồ-tát, hiệu là Đức Tạng.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các thiện nam, thiện nữ tu tập cần phải luôn thân cận với tri thức thiện. Vì sao phải gần gũi bậc Thiện tri thức? Bạch Thế Tôn! Vì gần gũi bậc Thiện tri thức, cung kính vây quanh, thường nghe pháp thiện, nghe pháp thiện rồi thì được tâm thiện. Đã có tâm thiện, nên tu tập hạnh thiện, làm các nghiệp thiện, hướng đến chỗ thiện được gặp tri thức thiện. Vì được bạn thiện, nên không làm điều ác, tu tập điều thiện. Tu tập điều thiện rồi thì không não hại mình, không não hại người. Nếu có Bồ-tát tự giữ mình, hộ trì người, thì có thể chứng đắc đạo Bồ-đề. Nếu đã an trụ vào đạo, có uy lực lớn tất tạo được nhiều lợi ích.

Phật nói:

–Lành thay! Đại vương đã nói rất đúng! Này đại vương! Bồ-tát gần gũi nơi tri thức thiện tức đầy đủ tất cả công đức nơi pháp thiện.

Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp, thì mau đạt được

đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được pháp nhẫn thanh tịnh?

Phật bảo anh nhi:

–Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì mau đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và pháp nhẫn thanh tịnh. Những gì là bốn?

1. Hiểu biết về nhân duyên nơi nhẫn.

2. Xa lìa chấp đoạn, thường.

3. Hiểu rõ về vô ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng.

4. Hiểu rõ về không tịch, tu hành pháp không.

Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp. Những gì là bốn?

1. Quá khứ vắng lặng.

2. Vị lai không nhận biết.

3. Hiện tại không trụ.

4. Ba đời bình đẳng.

Lại có bốn pháp:

1. Tự thanh tịnh.

2. Chúng sinh thanh tịnh.

3. Pháp thanh tịnh.

4. Thiền định thanh tịnh.

Lại có bốn pháp:

1. Thân tịch tĩnh.

2. Tâm tịch tĩnh.

3. Đạo tịch tĩnh.

4. Pháp tịch tĩnh.

Lại có bốn pháp:

1. Dùng pháp để quán Phật, không dùng sắc.

2. Dùng xa lìa để quán Pháp, không dùng ngã.

3. Dùng vô vi để quán Tăng, không dùng số đông.

4. Tuệ nhãn luôn được thanh tịnh.

Lại có bốn pháp:

1. Đầy đủ các pháp Ba-la-mật.

2. Không bỏ bốn Nhiếp pháp.

3. Khéo biết về phương tiện.

4. Nói chúng sinh không mà hành đại Bi.

Này anh nhi! Đó là Bồ-tát thành tựu bốn pháp nên mau đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và pháp nhẫn thâm diệu.

Khi giảng nói pháp ấy, Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang đạt được pháp Nhẫn vô sinh, vui mừng hết mực nên bay lên hư không, cao bảy cây Đa-la. Ngay lúc ấy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, ánh sáng chiếu khắp, trời tuôn mưa hoa, trăm ngàn kỹ nhạc không tấu mà tự vang lên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang nên mỉm cười, từ nơi diện môn của Đức Thế Tôn phát ra hào quang đủ các màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, pha lê. Ánh sáng ấy tỏa chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, che khuất cung điện của ma và ánh sáng của mặt trời mặt trăng, đoạn trừ nỗi khổ nơi cõi địa ngục, ngạ quỷ, lên đến cõi Phạm thế và trở lại nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng, rồi nhập vào tướng đảnh.

Lúc đó, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng đến Phật, nói kệ thưa:

Sắc tướng rất vi diệu
Vẻ đẹp trang nghiêm thân
Viên quang khéo đáp hỏi
Vì nhân duyên gì cười?
Giữ giới, hành không sợ
Định tuệ thắng, trang nghiêm
Quả giải thoát hiện vững
Vì nhân duyên gì cười?
Nhẫn lực và mười Lực
Nhẫn dũng tiến, khó động
Vui thấy hiện bốn Đế
Vì nhân duyên gì cười?
Thân Kim cang bền chắc
Lực tận Na-la-diên
Ý vui tiếng phạm âm
Xin diễn nói nghĩa cười.
Trời Phạm thiên ở trên
Không thấy đảnh Như Lai
Tuần tự chắp tay kính
Vì nhân duyên gì cười?
Cội Bồ-đề hàng ma

Được đạo tịnh vô cấu
Biết hạnh các chúng sinh
Xin nói duyên gì cười?
Chuyển pháp luân vô thượng
Nói động địa vô thường
Thâu phục trời, người, rồng
Thế Tôn vì sao cười?
Chiếu sáng trừ tối tăm
Nhãn thanh tịnh thấy khắp
Công đức như hư không
Vì nhân duyên gì cười?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay thấy Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang này đang trụ nơi hư không cách đất bảy cây Đa-la chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Con đã thấy, bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

–Này A-nan! Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang này trải qua trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp sẽ được thành Phật cũng hiệu là Bất Tư Nghì Quang, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời, cõi nước tên là Tịnh khiết, kiếp ấy gọi là Vô cữu.

Này A-nan! Cõi Phật Tịnh khiết này hết sức thanh tịnh, giống như các cung điện nơi cõi trời Tha hóa tự tại. Thọ mạng của Đức Phật ấy là hai mươi trung kiếp, chúng đại Thanh văn gồm tám vạn, chư Bồ-tát Tăng là ba vạn hai ngàn. Này A-nan! Do nhân duyên gì kiếp đó có tên là Vô cữu? Này A-nan! Thuở ấy, trong hàng trăm ngàn kiếp không có Phật ra đời, Đức Phật Bất Tư Nghì Quang này ở trong kiếp kia thành Phật đầu tiên, nên chư Thiên trời Tịnh cư vui mừng tán thán: "Kiếp này Vô cữu (Không có lỗi lầm)! Kiếp này Vô cữu! Vì có Đức Như Lai xuất hiện ở đời." Do vậy gọi kiếp này là Vô cữu.

Khi giảng nói về Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang có ba vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sáu vạn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, năm trăm Tỳ-kheo đoạn trừ hết kết lậu, tâm được tự tại, thành A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì, đọc tụng kinh này, ở trong đại chúng diễn nói rộng khắp khiến chánh pháp của ta trụ ở đời lâu dài tạo được nhiều lợi ích cho Bồ-tát nơi đời vị lai.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con xin thọ trì đúng như lời Phật dạy. Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì, nên thọ trì như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này tên là Trừ Tịnh Nghiệp Chướng, cũng gọi là Thần Lực Sở Trì Bất Tư Nghì Quang Bồ-tát Sở Thuyết, nên theo như thế mà thọ trì. Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào trọn đời nhất tâm phụng thờ các Đức Như Lai, cúng dường đảnh lễ, tôn trọng tán thán, dùng đủ các loại hoa nhiều như núi Tu-di, các thứ hương đốt, hương bột, hương thoa, cờ phướn, lọng báu cũng đều như vậy để cúng dường. Lại có thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh pháp Bất Tư Nghì Quang Sở Thuyết này, đọc tụng thông suốt, ở nơi đại chúng rộng vì mọi người giảng nói, như thuyết tu hành, thì phước ấy nhiều hơn người trước. Này A-nan! Nếu ai muốn cúng dường pháp của Như Lai, muốn được trí tuệ sáng suốt thì nên thọ trì đọc tụng kinh này.

Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Bất Tư Nghì Quang, Tôn giả A-nan, tất cả đại chúng, các hàng Trời, Người, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la… nghe Phật giảng nói đều rất vui mừng.

-oOo-

SỐ 485

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ-TÁT

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Xà-na-quật-đa, người Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ngụ trong núi Tỳ-phú-la thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo trăm ngàn người vân tập đông đủ. Lại có trăm ngàn các chúng Bồ-tát, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… Còn có các Thiên tử nơi cõi Dục, các Thiên tử nơi cõi trời Tịnh cư thuộc cõi Sắc... trước sau vây quanh Đức Phật để nghe pháp.

Khi ấy, ở trong chúng hội có Bồ-tát tên là Vô Sở Hữu, quan sát thấy tâm của những Bồ-tát ở đây còn nhiều nghi hoặc. Người thì ăn năn về việc ác mình đã làm, người thì ở trong chỗ điên đảo, người thì bị chướng ngại về nghiệp, người bị chướng ngại nơi pháp và các chúng sinh bị nhiều chướng ngại ngăn che nên không thể hỏi Phật.

Bồ-tát Vô Sở Hữu vì muốn làm thanh tịnh mọi nghiệp chướng cho các chúng sinh nên định hỏi Phật. Bồ-tát lại quán xét trong các chúng ở đây có nhiều Bồ-tát muốn sám hối những lỗi lầm của mình đã tạo, mà trong tâm còn nhiều phiền muộn, nên không thể nghe pháp. Lại thấy các Bồ-tát do tâm còn nhiều lo sợ, hối hận, nên càng không thể nhất tâm lãnh hội giáo pháp. Cũng thấy rõ tâm hành của các vị ấy có nhiều phiền não, ưu tư, uế tạp về các sự khổ của sinh, lão, bệnh, tử, sự khổ do oán ghét phải gặp nhau, thương yêu mà phải xa lìa. Những người như vậy đang muốn thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng bị vô số trói buộc như thế thì làm sao ở trong vô lượng kiếp tu tập hạnh Bồ-tát? Đã bị trói buộc thì làm sao có thể giải thoát cho các chúng sinh?

Bồ-tát Vô Sở Hữu quán xét như vậy xong, liền suy nghĩ: "Nếu Đức Thế Tôn cho phép ta được thỉnh vấn, để cho tất cả chúng sinh trong pháp hội này, đã tạo các việc ác, đã nghi hoặc, sinh hối hận, khiến họ được xa

lìa.”

Lúc này, Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của Đại Bồ-tát Vô Sở Hữu cùng các vị Bồ-tát hiện có, liền bảo Đại Bồ-tát Vô Sở Hữu:

–Này Bồ-tát Vô Sở Hữu! Như Lai cũng không vì các Bồ-tát mà giảng nói về chốn có cấu nhiễm, có tham chấp, có trói buộc, có hệ lụy, có sai phạm và nơi chốn sai phạm. Vì sao? Vì tất cả nơi chốn tham đắm, nơi chốn cấu nhiễm, nơi chốn trói buộc, nơi chốn chướng ngại, nơi chốn phạm tội, Bồ-tát đều đã siêu vượt lìa xa các tướng của chúng, hành không hòa hợp, các pháp không xen lẫn vì không thể nắm bắt, nên chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, tất cả các pháp đều không bị trói buộc, đắm nhiễm, chấp trước, hệ lụy, sai phạm và thủ đắc, do đấy nên thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Này thiện nam! Chốn phát tâm của Nhất thiết chủng trí, chúng sinh không thể chứng đạt, ở trong nơi chốn ấy không có pháp nào có thể bị trói buộc, bị cấu nhiễm, bị đắm chấp, bị hệ lụy, bị chướng ngại, bị sai phạm, có thể đạt được và nhận biết về nơi chốn.

Này Vô Sở Hữu! Ông nên vì các Bồ-tát mà thưa hỏi. Như các vị Đại Bồ-tát không hề mệt mỏi, không hề uế trược, không hề đắm chấp, không bị trói buộc, không bị chướng ngại, như hư không, xa lìa tưởng chấp về hư không, dứt mọi chướng, nghi nên sớm thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng và mở bày làm sáng tỏ chánh pháp ở mọi nơi.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Hữu được Đức Như Lai gia hộ, chỉ dạy về việc thỉnh vấn và dùng trí lực nơi tự thân mình, do ở nhiều trú xứ của Phật đã vun trồng các căn lành, nên đối với Trí tuệ ba-la-mật không còn nghi hoặc, Bồ-tát liền ẩn thân không hiện. Bồ-tát hoàn toàn không tham đắm, mà nhằm để giáo hóa các vị Bồ-tát kia nên hiển bày các thứ phước đức, lại vì các chúng sinh tâm tham đắm, các chúng sinh do chấp giữ nên che lấp các hành nơi tướng, các chúng sinh xa lìa tri thức thiện, gần gũi với hàng tri thức xấu ác. Đối với các Bồ-tát hiện có ở đây, Bồ-tát Vô Sở Hữu do nhận biết tất cả các pháp đều không thể nắm bắt, nhằm khiến họ không còn tham chấp mà được giác ngộ, tức thì đem vô số các loài hoa quý, hoặc các thứ hoa ở dưới nước, các loại hoa trên mặt đất, hoa làm bằng vàng bạc, tung rải khắp để cúng Phật, với tâm chí thành hoan hỷ thù thắng, vi diệu, khiến cho các chúng sinh cũng vui mừng. Bồ-tát tán thán Đức Thế Tôn rồi dùng kệ hỏi:

Bồ-tát đến nơi đâu
Người nào là cha mẹ
Dừng nghỉ ở chốn nào

Những ai là quyến thuộc?

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Chốn hành dũng mãnh "Không"
Cha: Phật, mẹ: Trí tuệ
Tháp Phật là chốn trụ
Bồ-tát là quyến thuộc.
Hành sáu Ba-la-mật
Tâm giác là cha mẹ
Tam-muội là trụ xứ
Các phước là quyến thuộc.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe kệ này xong, tâm rất vui mừng, tùy thuận, lại dùng kệ hỏi Đức Thế Tôn:

Nhất thiết trí vô ngại
Bậc khéo nói lời này
Con vui theo nơi đây
Lại xin hỏi Thế Tôn.
Lấy gì làm nhân duyên
Dùng trí phương tiện nào
Pháp gì được chứng đắc
Biết rõ được những gì?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Duyên Bồ-đề dũng mãnh
Phương tiện độ chúng sinh
Chứng được các pháp không
Trí ấy rõ Bồ-đề.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe kệ xong, tâm rất vui mừng, tùy thuận, lại dùng kệ tán thán Phật và hỏi:

Nhất thiết trí vô ngại
Bậc khéo nói lời này
Con vui theo nơi đây
Lại xin hỏi Thế Tôn.
Làm sao không đọa ác
Nơi nhà lửa đáng sợ
Bỏ tất cả cõi ác
Mau đến các cõi thiện?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Không tạo mọi tội lỗi

Vì thế bỏ đường ác
Thường thực hành chánh pháp
Nhờ vậy đến cõi thiện.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe kệ xong, hết sức vui mừng, tán dương, lại dùng kệ hỏi:

Nhất thiết trí vô ngại
Bậc khéo nói lời này
Con vui theo nơi đây
Lại xin hỏi Thế Tôn.
Vì sao gây nhiều tội
Kẻ vô trí tạo tác
Tất cả mau dứt trừ
Diệt sạch không còn sót?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Chúng sinh cầu giải thoát
Đều phát nguyện Bồ-đề
Các tội đều tận diệt
Chẳng thủ đắc Bồ-đề.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe kệ xong tâm tùy thuận, tán thán, lại dùng kệ ngợi khen và hỏi:

Nhất thiết trí vô ngại
Bậc khéo nói lời này
Con vui theo nơi đây
Lại xin hỏi Thế Tôn.
Duyên gì nhiễm đắm ái
Luân hồi trong khổ não
Khi thành tựu Bồ-đề
Đều dứt sạch tất cả?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Nơi thường, lạc, ngã, tịnh
Điên đảo chấp hư không
Đã giác ngộ chân thật
Khát ái đều dứt sạch.
Không khát ái, ngã mạn
Bình đẳng như hư không
Không trụ ở trong ngoài
Nên đạt chỗ "vô đắc."

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe kệ xong, tâm tùy thuận, vui mừng, lại dùng kệ hỏi:

Nhất thiết trí vô ngại
Bậc khéo nói lời này
Con vui theo nơi đây
Lại xin hỏi Thế Tôn.
Do tạo những nghiệp gì
Chủng tử ấy là sao
Hạng có nhiều tài sản
Thường hằng không cùng tận.
Bố thí cho tất cả
Thí xả không keo kiệt
Cho đầu, thân, của cải
Thảy đều đem bố thí?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Thường đối với Tam bảo
Cúng dường không mệt mỏi
Ai đoạn được sinh tử
Dâng cúng người trí ấy.
Khởi phát tâm Bồ-đề
Vì chúng sinh an lạc
Mà nêu dẫn giác ngộ
Vì họ nói thọ dụng.
Tất cả Nhất thiết trí
Vì chúng sinh giảng nói
Do đó có tài vật
Không bao giờ dùng hết.
Tạo các việc như thế
Gieo hạt giống này rồi
Tất cả nơi sinh ra
Nhiều phước đức, của cải.
Thức ăn thô hoặc tế
Ăn xong tịnh như pháp
Nếu được áo quần mới
Trước nhường người, sau ta.
Cho nên sinh trong đời
Tất cả đều đầy đủ

Không cần thêm công sức
Mà của cải vô tận.
Do bố thí hoàn toàn
Mà không có keo tiếc
Đầu, mắt và tay chân
Đều đem cho hết thảy.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe kệ xong, rất vui mừng tán dương, lại dùng kệ hỏi:

Nhất thiết trí vô ngại
Bậc khéo nói lời này
Con vui theo nơi đây
Lại xin hỏi Thế Tôn.
Làm sao lìa khổ não
Nơi thân, khẩu, tâm, ý
Làm sao có hình sắc
Thanh tịnh không cấu nhiễm?

Thế Tôn dùng kệ đáp:

Thọ trai giới đều đặn
Thường nói đủ về không
Biết tất cả đều không
Nhẫn chịu sự đánh mắng.
Thân khẩu cùng tâm ý
Cho nên không khổ não
Nên được sắc tối thượng
Chúng sinh đều yêu mến.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe kệ xong tâm rất vui mừng, lại dùng kệ hỏi:

Những lời rất hay đã lược nói
Tất cả vấn đề được giải bày
Làm sao cho họ chuyên tinh tấn
Ở khắp mọi nơi không lười bỏ?
Làm sao cho họ chứng các thừa
Nơi thế gian cùng xuất thế gian?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Làm việc không khiếp sợ
Nơi tâm hành phân biệt
Trí tuệ và tinh tấn
Thường có trong các đời.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đức Thế Tôn.
Làm sao đạt được trí
Quyết định trong thế gian
Làm sao có được lực
Không ai chế ngự được?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Thường hỏi pháp chư Phật
Không hủy báng chánh pháp
Cầu phương tiện thiện xảo
Nên họ được diệu trí.
Thường thí năm mùi vị
Cho chúng sinh vô úy
Do đó họ có sức
Không ai chế ngự được.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Sao được sắc thù thắng
Tối thượng trong thế gian
Làm sao được sống lâu
Đến trăm vạn ức tuổi?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Nếu nghe lời xấu ác
Không nói lại người khác
Thường khen ngợi Tam bảo
Danh thơm khắp mười phương.
Không làm khổ chúng sinh
Thấy giết không vui theo
Cho nên được sống lâu
Đến trăm vạn ức tuổi.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Làm sao được phạm âm
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Nghe được âm thanh ấy
Trong tâm rất vui mừng?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Khen ngợi khi nói pháp
Không dùng lời chỉ trích
Không phá hoại hòa hợp
Cho nên được diệu âm.
Giữ bốn nghiệp nơi miệng
Thường nói lời lợi ích
Tỏ bày những lỗi lầm
Nên được âm thượng diệu.
Những âm thanh kèn, trống
Hòa tấu các nhạc hay
Cúng dường chư Phật xong
Vì thế được diệu âm.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Làm sao được thân tướng
Luôn hài hòa cân đối
Có được các quyến thuộc
Hòa thuận, không tranh cãi?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Độc dược cùng phi dược
Không cho, chẳng bảo cho
Tùy bệnh mà cho thuốc
Vì thế bụng thon tròn.
Bạn thân và thù hận
Bình đẳng nơi ánh sáng

Tâm đã bình đẳng rồi
Thì bụng được thon tròn.
Chúng sinh trong thế giới
Nhiều không thể tính đếm
Thương nghĩ như bản thân
Vì thế bụng thon tròn.
Cha mẹ chỉ một con
Nên thường hay yêu mến
Thương chúng sinh cũng vậy
Do đó bụng thon tròn.
Cúng dường không mệt mỏi
Bồ-tát và cha mẹ
Vì thế được thân quyến
Thuận hợp như tự thân.
Đối với các Thế Tôn
Và những bậc tôn quý
Nên phụng sự chư vị
Tâm khiêm tốn, nhu hòa.
Cho nên được quyến thuộc
Thuận hợp như bản thân
Không phân biệt một ai
Tâm bình đẳng như vậy.
Dùng bốn Nhiếp độ người
Độ thoát nhiều chúng sinh
Cho nên được quyến thuộc
Hòa hợp như tự thân.
Dạy làm các việc thiện
Cho hết thảy chúng sinh
Cho nên được quyến thuộc
Hòa hợp như tự thân.
Tâm Bồ-đề hòa hợp
Nơi tất cả chúng sinh
Vì vậy được quyến thuộc
Thuận hợp như chính mình.
Bình đẳng cho tất cả
Không bỏ chúng sinh nào
Nên được các quyến thuộc
Hòa hợp như tự thân.

Đối với các chúng sinh
Cùng chung hành với họ
Nên các chúng sinh ấy
Thường cùng làm quyến thuộc.
Vật gì mình yêu mến
Do đem cho người khác
Không phân biệt, luyến tiếc
Nên có nhiều quyến thuộc.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Thế nào niệm đều tịnh
Hướng đến vô biên cõi
Làm sao vui nơi pháp
Không bao giờ lìa xa?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Người ưa pháp giảng nói
Kẻ quên pháp khiến nhớ
Không làm khổ chúng sinh
Nên được hạnh chánh niệm.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Làm sao nghe pháp rồi
Thường không có nghi hoặc
Nếu được năm Thần thông
Làm sao không bị mất?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Khiến chúng sinh hiểu rõ
Pháp tối thượng chư Phật
Ai nghe đều dứt nghi
Được thần thông không mất.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Làm sao các Bồ-tát
Thường ở trước chư Phật
Các thứ tham, sân, si
Không bị chúng chế ngự?
Khi phiền não phát sinh
Dựa đâu mà đối trị
Lại có thể hổ thẹn
Sinh rồi đạt tịch tĩnh?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Thường nhớ nghĩ chư Phật
Cũng không có chỗ niệm
Không thấy có chúng sinh
Nói họ là giác ngộ.
Nên gọi là Bồ-tát
Thường ở trước chư Phật
Cũng không diệt phiền não
Cũng không lìa chư Phật.
Giống như người có trí
Ngước xem nơi hư không
Không thấy thân và tâm
Không có chỗ sai biệt.
Khi nào người trí ấy
Xem xét nơi hư không
Mà không còn tưởng niệm
Hoặc thân hoặc trong tâm.
Được trí tuệ như thế
Mới ở trước Đức Phật
Thân tâm đều an định
Cũng không lìa chư Phật.
Không vật, vọng phân biệt
Phát khởi các nạn dục
Không vật, không phân biệt
Nên không bị phá hoại.
Còn niệm, còn sinh tử

Vô niệm, hết chướng ngại
Ngộ rồi, nên cùng bỏ
Bỏ rồi, cũng không thật.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi Đức Thế Tôn:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Duyên gì để độ sinh
Bồ-tát thường an vui
Khi chư Phật nói pháp
Sinh nơi các hoa sen?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Các công đức hiện có
An vui trong sinh tử
Dạy chánh pháp chư Phật
Cho tất cả chúng sinh.
Được pháp Ba-la-mật
Đem dạy cho tất cả
Thế gian xuất thế gian
Khiến giác ngộ các pháp.
Tướng hết thảy các pháp
Là vô tướng, không giữ
Trụ các pháp như thế
Giáo hóa cho muôn loài.
Nơi không và vô tướng
Pháp vô sinh cũng vậy
Thế gian không chốn hành
Trong ấy độ chúng sinh.
Cho nên giáo hóa họ
Bồ-tát thường an lạc
Lúc nghe Phật nói pháp
Sinh trong các hoa sen.
Tu công đức như vậy
Bồ-tát không hủy hoại
Và chẳng cho là khó
Pháp lạc chẳng nghĩ bàn.

Tu công đức ấy rồi
Không ai hủy Bồ-tát
Trí thiện xảo trong pháp
Không điều gì không biết.
Nơi các pháp tự tại
Quyết định không còn nghi
Vì chúng sinh thuyết giảng
Thâu giữ hết muôn loài.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe xong rồi thì vui mừng, tán dương, lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Do đâu mà người nữ
Chuyển thân làm nam nhi
Khôi ngô và tuấn tú
Ai thấy đều quý mến?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Người nữ hiện có nghĩ
Nơi duyên dựa giới mình
Là tiếng ca đàn hát
Nơi đó không cùng trụ.
Đều chẳng thích thấy nghe
Nên tránh như chất độc
Lìa xa như rắn dữ
Thường sợ hãi người nữ.
Không tiếp xúc với họ
Đừng khuyên làm thân nữ
Nên chỉ dạy chuyển thân
Được làm thân người nam.
Thực hành mãi như vậy
Mọi việc làm chân chánh
Do đó thân người nữ
Được chuyển thành thân nam.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe xong, tùy hỷ lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí

Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Do đâu chúng sinh được
Khởi phát tâm Bồ-đề
Đạt bậc không thoái chuyển
Cho đến thành Chánh giác?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Không nói pháp Tiểu thừa
Chỉ nêu tuệ thù thắng
Do vậy chúng sinh được
Khởi phát tâm Bồ-đề.
Hoặc còn một chút ít
Các khổ trong hành tưởng
Nêu bày cho chúng sinh
Điều ấy không thể có.

Bồ-tát Vô Sở Hữu vui mừng, ngợi khen, lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Vì sao thấy các bệnh
Mà dấy khởi tâm Từ?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Quán thân là hư vọng
Nơi ấy không tham đắm
Đây là thuốc thế gian
Nhờ vậy thoát hoạn nạn.
Do đấy người bệnh được
Trong chốc lát trừ diệt
Nhân đó khởi tâm Từ
Cho nên diệt khổ hoạn.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi Thế Tôn:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.

Do đâu chúng sinh thấy
Mọi đói khát hiện có
Thảy đều được dứt trừ
Thân no, vui đầy đủ?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Thường bố thí ăn uống
Lại giảng nói chánh pháp
Vì thế chúng sinh thấy
Đói khát tự nhiên diệt.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Do đâu được xa lìa
Chấp thường và chấp đoạn
Ở trong khoảng giữa ấy
Cũng không hề trụ chấp?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Không duyên dựa phân biệt
Vượt trên lời thế gian
Biết các pháp bình đẳng
Chứng đắc không nhiễm vướng.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi Thế Tôn:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Do đâu thấy việc ác
Trói buộc thế gian này
Bỏ tất cả các cõi
Đạt được nghiệp thanh tịnh?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Thân cận tri thức thiện
Khởi phát tâm Bồ-đề
Do đó xa hành ác
Làm thanh tịnh trí Phật.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ khen ngợi và hỏi Đức Thế Tôn:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Do đâu trí hành tưởng
Tất cả đều không có
Trong pháp không chân thật
Mà dứt mọi nghi ngờ.
Duyên đâu được biện tài
Phân biệt được các câu
Biết hành nơi muôn loài
Như thế mà nói pháp?
Làm sao nơi bốn luân
Luôn an trụ trong đó
Không rơi vào tán loạn
Mà được chốn vắng lặng?
Tu tập Đầu-đà nào
Thực hành các khổ hạnh
Mà không có hối ác
Lại không còn phiền não?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:

Chúng sinh chấp tưởng hành
Nói nghĩa như dợn nắng
Rõ không, vô ngã rồi
Nên đạt các biện tài.
Thấu nghĩa thật, tối thắng
Là xa lìa tám nạn
Đầy đủ cả bốn luân
Trí thiện xảo Bồ-tát.
Được các hạnh Đầu-đà
Mà không theo hành khổ
Biết tự ngã là không
Lại không có nghi, hối.
Các pháp như hư không
Rõ rồi không tham đắm
Thấu tỏ nghĩa điên đảo

Nên thành tựu Phật đạo.

Bồ-tát Vô Sở Hữu vui mừng, dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí
Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Nghe rồi đạt chốn tĩnh
Nên không trụ nơi đâu
Làm sao phát Bồ-đề
Mà gọi là tối thượng?

Đức Thế Tôn vì nhằm giải thích nên dùng kệ đáp:

Nghe thế rồi phát tâm
Tâm phát mà chẳng trụ
Chúng sinh thù thắng ấy
Sẽ tu hạnh Bồ-đề.
Nếu hành hóa như vậy
Không nơi chốn trụ, chấp
Mau giác ngộ Bồ-đề
Giống như người bắn tên.
Đây là nói ba hành
Nếu thấu đạt như thật
Như bản tánh tịch tĩnh
Không tu tập Bồ-đề.
Nếu trong có âm thanh
Giảng nói nơi thế gian
Mọi âm thanh đều không
Nên biết là chẳng thật.
Không thật, nên không phát
Hành cũng không thủ đắc
Nếu biết được như vậy
Là tu hạnh Bồ-đề
Dùng vô hành mà hành
Cũng không khai mở, cạn
Đã biết không chốn giác
Thì hành không thủ đắc.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại dùng kệ hỏi:

Bậc đầy đủ các trí

Khéo nói những lời này
Con vui theo nơi đây
Xin hỏi Đấng Thế Tôn.
Do đâu xả các thân
Không còn các thứ khổ
Bình đẳng đến các cõi
Nên bỏ hành thọ mạng.
Lại nằm nghiêng bên phải
Hoặc là ngồi kiết già
Hoặc lại đứng thẳng dậy
Hoặc phải nên chắp tay.
Lúc nói pháp mầu nhiệm
Bát-nhã ba-la-mật
Pháp hết thảy chư Phật
Là pháp tịch, chẳng trụ.
Hoặc khi thấy thành Phật
Hoặc khen ngợi các pháp
Thuyết giảng pháp hiện có
Định tâm ý lắng nghe.
Nên bỏ thân mạng này
Đời sau thọ thân khác
Bất cứ sống nơi đâu
Đều phát tâm Bồ-đề.
Điều phục niệm mê lầm
Nhất niệm chánh trú, định
Làm sao bỏ thân mạng
Lại hiện được thần thông?
Mong Phật giải thích cho
Trí tuệ trụ vô biên
Ở đây biết lược qua
Như chỗ nói điều phục?
Các công đức đạt được
Nhiều không thể nghĩ bàn
Đều đầy đủ thù thắng
Và đều được thành tựu.
Như Lai vì con nói
Như thật có tướng như
Nếu nghe công đức này

Nên cúng dường tất cả.
Hộ trì mười điều thiện
Không nghi nơi pháp không
Đầy đủ bốn phạm hạnh
Tất cả đều thành tựu.
Sáu căn không tham nhiễm
Và tất cả ba cõi
Hết thảy được tự tại
Chỗ nghe không sinh nghi.
Pháp hữu vi hiện có
Nên biết đều như ảnh
Biết được như vậy rồi
Ảnh ấy chẳng hữu vi.
Không hữu vi, không ảnh
Không nói, không phân biệt
Không suy nghĩ, nêu bày
Không keo kiệt, bố thí.
Trong vô vi, không ảnh
Không phân biệt nói năng
Không suy nghĩ, ngôn thuyết
Không trì giới, phá giới.
Trong vô vi, không ảnh
Không nêu, không phân biệt
Không suy nghĩ, ngôn thuyết
Không tranh, không nhẫn chịu.
Trong vô vi, không ảnh
Không nêu, không phân biệt
Không suy nghĩ, ngôn thuyết
Không lười, không tinh tấn.
Trong vô vi, không ảnh
Không nêu bày, phân biệt
Không suy nghĩ, nói năng
Không loạn cũng không định.
Trong vô vi, không ảnh
Không nêu bày, phân biệt
Không suy nghĩ, nói năng
Không ngu cũng không trí.
Đến lúc không ảnh rồi

Thì không có chỗ thấy
Đã không còn chỗ thấy
Nên gọi là không ảnh.
Cũng chẳng không có mắt
Mắt ấy tịnh, không cấu
Không vật gì trong ấy
Không vật, nên chẳng thấy.
Thanh tịnh nên không vật
Không tên, không thanh tịnh
Mắt thanh tịnh như vậy
Thanh tịnh không chỗ thấy.
Ảnh hiện có, không có
Không có cũng lại không
Không ấy ở trong không
Nơi các thứ phiền não.
Hiện không, vị lai không
Hoặc nam hay là nữ
Nay không, vị lai không
Chúng giống như hư không.
Không suy nghĩ, phân biệt
Nếu biết được như thế
Thì không còn tham đắm
Lìa các thân trụ chấp.
Dốc cầu pháp chư Phật
Như hư không vô biên
Không có chốn để trụ
Không trụ, không duyên dựa.
Tùy ý mà đi lại
Như bậc Đại Bồ-tát
Nên biết phương tiện này
Không tham vướng ba cõi.
Nên hành hạnh Bồ-đề
Tâm cùng với thân miệng
Thường làm vì chúng sinh
Không biết thể hư không.
Giống như việc ép dầu
Khi thấy họ đang làm
Không ở nơi biên vực

Khiến trú pháp bất động.
Chẳng trụ ở chốn nào
Luôn luôn thấy chúng sinh
Chịu bao nhiêu thống khổ
Mà khởi tâm thương xót.
Nên hành hạnh Bồ-đề
Nói rõ cho chúng sinh
Tướng chân như như thật
Khiến lìa nẻo hữu vi.
Giác ngộ chỗ chân thật
Điên đảo nên không trí
Không bền cho là bền
Trong thân tướng không bền.
Người ngu si tham đắm
Thân này luôn chuyển thay
Nhờ ăn uống, trao đổi
Chẳng vì mình, vì người.
Hư vọng, chịu mệt mỏi
Lúc tiếp cận với lạc
Cũng không nhớ ân đức
Không ân, niệm suy kém.
Phải nên mau xả bỏ
Khổ đau trong sinh tử
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Vị lai không thủ đắc
Trong sinh tử nhiều dục
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Vị lai không thủ đắc
Sinh tử thọ dục lạc
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Vị lai không thủ đắc
Sinh tử nhiều hỷ lạc
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Vị lai không thủ đắc

Nương theo nơi thân này
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Vị lai không thủ đắc
Lưu chuyển trong sinh tử
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Vị lai không thủ đắc
Mê muội trong sinh tử
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Đương lai không thủ đắc
Khiến thân này thọ lạc
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Đương lai không thủ đắc
Khiến thân này thọ khổ
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Đương lai không thủ đắc
Nuôi dưỡng nơi thân này
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Đương lai không thủ đắc
Thân này khởi ngã sở
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Đương lai không thủ đắc
Ái dục cùng lưu chuyển
Nơi chốn không bến bờ
Nay cũng chẳng thủ đắc.
Đương lai không thủ đắc
Như không thật, không vật
Điên đảo luôn dối lừa
Mê lầm pháp hữu vi.
Đời ngu, dối như thế
Như trẻ con khờ khạo
Bị kẻ khác dối lừa

Ngu, không trí như vậy.
Bị việc giả lừa dối
Ngu tối không thật biết
Vì không biết, không thật
Nên thọ khổ hư vọng.
Ý si khởi tưởng độc
Tự nhiên nơi thân mình
Tự nhiên, tự hợp khổ
Cũng như làm việc ác.
Sau tự nhận hình phạt
Tâm nghĩ rồi mới nói
Thân tạo việc chẳng thiện
Suy xét không thật có.
Nói năng cũng không thật
Âm thanh không quá khứ
Quá khứ cũng lại không
Quá khứ ta đâu nói?
Cũng không có thật tướng
Nếu biết rõ như thế
Thân tâm xúc như vậy
Tức giới hạnh đầy đủ.
Không sinh các cõi ác
Bốn loại kệ nơi đây
Xưa đã tạo mười ức
Từ xưa trong các đời.
Cầu Bồ-đề thù thắng
Ta nghe các kệ này
Chưa từng đọa các ác
Sẽ được gặp chư Phật.
Bậc hùng trong loài người
Lần lượt trong quá khứ
Ta gặp Phật Nhiên Đăng
Được gặp gỡ như thế.
Nên sau được thọ ký
Vì chúng sinh thuyết pháp
Đời sau trụ trí Phật
Ta không còn chấp giữ.
Kẻ ngu không thọ giáo

Các chúng sinh căn độn
Mù tối không trí tuệ
Diệt hết nhân duyên khổ.
Trao truyền, chẳng muốn nhận
Vô trí không thọ lãnh
Chúng sinh ưa pháp nhỏ
Không chọn lấy pháp lớn.
Nếu được vui thế gian
Và giải thoát thế gian
Luôn sinh mắt thế gian
Trao truyền mà không nhận.
Được nghe kệ này rồi
Hoặc đã trụ như thế
Ở đời không phân biệt
Ta ở trong thế gian.
Tịch tĩnh không đắm vướng
Nên thoát khỏi các khổ
Được an vui bất động.

Bấy giờ, trong chúng hội có vị "Chưa điều phục, oán thù hại người", từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, suy nghĩ như thế này: "Ta nên dùng vật gì để cúng dường Đức Thế Tôn? Ngài là bậc đầy đủ Pháp thân không thể dùng một ít phẩm vật để cúng dường. Như Lai là bậc đức lớn đầy đủ Pháp thân, còn ta thì ở trong thế gian có nhiều tối tăm, chướng ngại. Nay gặp Thế Tôn và nghe pháp chính yếu của Ngài giải thích cho Bồ-tát Vô Sở Hữu, ta không còn chướng ngại đối với tất cả pháp, đã dứt trừ tăm tối, chiếu sáng nơi thế gian, tự thấy chính mình đã phát sinh Thiên nhãn, đạt được năm thông, thoát khỏi các thứ khổ não, thấy y phục mình đang mặc đều có máu bẩn. Nếu ta đem y phục này dâng phủ lên trên chỗ Đức Thế Tôn, chỉ sợ không xứng đáng với sự thọ nhận của Đức Như Lai, cúi xin oai thần của Phật khiến cho con lại có được phẩm vật cúng dường tối thắng, vì cúng dường Đức Thế Tôn phải nên dùng phẩm vật như vậy. Pháp thân với đức lớn và tối thắng của Ngài, chúng sinh khó đạt được đầy đủ." Kẻ có tâm xấu ác, khó điều phục, thù oán hại người ấy, khởi nguyện như vầy: "Ta muốn tin tưởng vào thần thông đức lớn của Như Lai." Đương khi suy nghĩ thì trong tay trái tự nhiên có một hộp hoa trời, mềm mại, tươi tốt hơn các loại hoa của chư Thiên, còn nơi tay phải thì tỏa ra các loại hương trầm thơm ngát, tự nhiên lại có các y phục trên, dưới đều đầy đủ, nên vô cùng vui mừng hớn hở, nên càng cầu tin vào thần thông đức lớn

của chư Phật. Khi ấy, người này liền thấy chư Phật nơi vô lượng thế giới khắp mười phương đều phóng ra ánh sáng.

Lúc này, vị ấy lại suy nghĩ: "Ôi! Chư Phật thật không thể nghĩ bàn! Thần thông đức lớn thật không thể lường tính, không gì sánh bằng. Nguyện cho các chúng sinh tin vào đức lớn của chư Phật." Sau khi tự thân tiếp xúc hạnh nguyện đều đạt được, vị ấy liền đem "y thượng y hạ" dâng phủ lên trên Đức Phật, lại dùng thiên hoa tung lên chỗ Phật ba lần, cành trên cành dưới biến thành lọng hoa ở giữa hư không. Tự nhiên nơi vị ấy lại sinh thêm một hộp hoa, lại cũng sinh thêm y thượng y hạ đầy đủ nơi thân, nên vị ấy càng vui mừng khôn xiết, bèn suy nghĩ: "Nếu Phật cho phép ta dùng hoa này dâng lên vô lượng Đức Phật và đem các thứ y phục này tung phủ lên chư Phật để cúng dường, cho ta sinh niềm tin, xin chư Phật Thế Tôn chớ khiến ta có ý hối tiếc mà sự bố thí không thành tựu." Liền nghe trong không trung có tiếng nói: "Này thiện nam! Ông nên dâng cúng tất cả các Đức Như Lai. Này thiện nam! Hết thảy chư Phật đều đồng một Pháp thân. Chư Phật, Thế Tôn đối với các pháp, đối với các vật, không hề có tâm ganh ghét. Này thiện nam! Chư Phật, Thế Tôn thọ dụng phước báo, đối với các vật không hề tham đắm." Vị ấy lại nghĩ: "Nay Đức Thế Tôn đã chấp thuận rồi!" tức thì đem các thứ hoa và y phục từ xa tung lên dâng cúng vô lượng chư Phật, Thế Tôn, thấy các hoa ấy ở phía trên chư Phật tạo thành lọng hoa trụ giữa hư không, còn y thì ở phía trước chư Phật, nên vô cùng vui mừng sung sướng, đảnh lễ nơi chân và hôn vào chân Đức Thế Tôn. Vị ấy lại thấy tự thân mình đảnh lễ chư Phật và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Bấy giờ, chư Thế Tôn và Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đều dùng tay phải xoa lên đầu ông ta và nói: "Này thiện nam! Ông nay đã được vô lượng phước báo."

Vị ấy bèn đứng dậy, chỉ còn thấy Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, liền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vô lượng chư Phật Thế Tôn nay ở nơi nào mà con không thấy?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Đây là Pháp thân, đức lớn của chư Phật, đầy đủ sự mầu nhiệm vô sở đắc ông nên tin như vậy.

Người ấy lại nghĩ: "Ôi! Chư Phật thật không thể nghĩ bàn! Có sắc tướng như vậy để thấy được thể của pháp rộng lớn." Liền đảnh lễ sát chân Phật, đi quanh theo hướng bên phải ba vòng, rồi đứng qua một bên, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con là kẻ có tâm xấu ác, khó điều phục, ôm lòng thù

oán hại người, cúi xin Thế Tôn khiến cho chúng hội ở đây biết rõ những điều con đã làm. Bạch Thế Tôn! Vì những chúng sinh này nên con xin nói rõ như vậy. Các vị nghe rồi tất sẽ lìa bỏ mọi sự xấu ác như thế. Như con trước đây là kẻ độc ác, hung dữ, nên các chúng sinh trông thấy liền sợ hãi bỏ chạy. Bạch Thế Tôn! Sáng sớm nay con đã giết hại mười người đàn ông, gom họ lại một chỗ, rồi dùng răng cắn sâu vào cổ để hút máu. Bạch Thế Tôn! Khi ấy, con bị say máu người, tâm ác càng tăng, lại muốn tìm người để sát hại. Nhưng trong lúc tìm kiếm ở thành Vương xá, con đi dần về hướng Đông bắc, thấy trong phía thành ấy có nhiều người đi bộ trên đường, con liền từ xa vội quay mặt đứng tránh, vì sợ họ trông thấy con thì kinh hãi mà bỏ chạy. Bạch Thế Tôn! Lúc này mọi người ra khỏi thành đều cùng đi đến núi Tỳ-phú-la. Sau khi lên núi, con lại thấy có vô số trăm ngàn chư Thiên hiện diện cùng khắp mọi nơi. Bạch Thế Tôn! Khi ấy con không thấy một ai có thể sánh với ánh sáng, công đức, hình sắc, thân tướng nơi Đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Con tự thấy thân mình thật là ti tiện, hết sức dơ bẩn, xấu ác, hèn kém, chẳng ra gì cả, tự chê trách mình với đời sống xấu ác thật không lợi ích gì đối với mọi người. Con là kẻ hạ tiện, xấu ác, dơ bẩn nhất, hung dữ nhất, chẳng ai bằng. Bạch Thế Tôn! Khi ấy, con chán ghét thậm tệ tự thân cùng hết sức hổ thẹn. Nếu đại địa này có thể dung nạp, thì con chui vào ngay. Bỗng dưng con nghe trên không trung phát ra âm thanh: "Này thiện nam! Ông nên tin tưởng vào đức lớn nơi Pháp thân của chư Phật, thì sẽ lìa được loại thân xấu ác, thấp kém." Nghe rồi con liền suy nghĩ: "Nơi gốc của chánh niệm là nhớ nghĩ về đức lớn nơi Pháp thân của chư Phật." Lúc nhớ nghĩ như vậy, con lại nghe trên không trung có tiếng nói: "Này thiện nam! Ông phải nên chăm chú quan sát kỹ Đức Thế Tôn. Khi quan sát như vậy thì ông sẽ hội nhập vào trong thể tánh của chư Phật, sẽ sinh tâm tin và được chứng đắc." Bạch Thế Tôn! Khi ấy, con bèn chắp tay, hết sức chăm chú để chiêm ngưỡng Thế Tôn, liền thấy nơi các lỗ chân lông của Đức Thế Tôn hiện ra hoa sen lớn, do các loại ngọc báu tạo thành, có vô lượng màu sắc. Những hoa sen ấy như bánh xe lớn, từ nơi thân xuất hiện, ở giữa đài hoa đều có chư Phật với đầy đủ các tướng như Đức Thích-ca Như Lai, đang an tọa trên tòa, đầy khắp cả hư không, không một chúng sinh nào có thể gây trở ngại, cả ánh sáng của mặt trời cũng không ngăn ngại. Bạch Thế Tôn! Khi ấy, con vui mừng tột bậc, cho đấy là diệu lực nơi thần thông của chư Phật, nên sinh tâm thanh tịnh, vì đã thấy Phật Thế Tôn. Khi quan sát như vậy, con liền thấy trong các thế giới hiện có, không đâu là không có Phật giảng nói pháp, thâu phục hóa độ các Bồ-tát, với các pháp không chấp, không tạo tác, không có phiền não, rỗng lặng, không sở hữu,

vô ngôn, vô thuyết, không có chỗ trụ. Bấy giờ có vô số vô lượng trăm ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề, xa lìa pháp điên đảo, tin tưởng nơi pháp không, không thể nêu bày, an trú trong Bồ-đề qua nhiều ức kiếp. Khi quán như vậy, con không còn biết ngày, đêm, nửa tháng, một tháng, một năm. Con cũng được nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật, không có nơi chốn đắm nhiễm, dứt bặt mọi ngôn thuyết. Nghe pháp này rồi, con đối với tướng của các pháp hiện có, không còn chấp vướng, không còn luận bàn, không còn thấy thân mình, không biết, không thủ đắc, cũng không có nơi chốn. Đang khi đó, có hình tướng của Đức Như Lai xuất hiện trước mặt con, con liền tự thấy mình cùng thấy chư Phật, trở lại nhập trong thân của Đức Thế Tôn mà không thấy thân Thế Tôn có tăng giảm, cũng không thấy trú xứ của Đức Thế Tôn có tối tăm hay sáng tỏ.

Phật nói:

–Này thiện nam! Đây là oai lực từ nơi đại thần thông của chư Phật Như Lai.

Vị ấy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay không còn nghi ngờ về diệu lực nơi đại thần thông của Phật. Vì không còn nghi, nên con thấy vô lượng chư Bồ-tát thân đều màu vàng ròng, có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, đem các thứ âm nhạc, vô số hương hoa tươi đẹp, rất đáng ưa thích dâng lên lễ bái cúng dường Đức Thế Tôn, dùng hương hoa ấy tung rải lên trên chỗ Đức Phật xong, nghe Bồ-tát Vô Sở Hữu hỏi pháp rồi, thảy đều hết mực vui mừng, xưng tán và lui ra. Bạch Thế Tôn! Lúc này con suy nghĩ: Đây là oai lực nơi thần thông của chư Phật, không một chúng sinh nào có thể nhận biết được về biên vực lớn lao của uy lực ấy. Con lại suy nghĩ về thần thông của chư Phật, trong khi đang tìm cầu, con nghe thấy các chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già… tất cả trong đại chúng cùng nói kệ:

Biết tĩnh lặng tối thắng
Không đắm nhiễm chốn nào
Nên thoát tất cả khổ
Được an vui bất động.

-oOo-

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ-TÁT

QUYỂN 2

Bạch Thế Tôn! Khi ấy, con lại thấy các đại chúng đang nghe pháp đã dùng hoa và các vật báu của hàng trời, người, tung rải lên trên chỗ Phật cùng các Bồ-tát. Nghe pháp xong, các vị lại đem các thứ âm nhạc, vô số y phục đủ màu sắc cúng dường Đức Thế Tôn, dùng các loại y phục che phủ lên trên Đức Phật, rồi trở về chỗ cũ cùng lãnh hội pháp. Lúc này, con lại suy nghĩ: "Hay thay! Thần thông của chư Phật không hề bị chướng ngại, con suy xét, tin tưởng, tùy thuận mà thực hành." Bạch Thế Tôn! Lãnh hội pháp vô ngại của Thế Tôn nói, con liền giác ngộ và nói kệ:

Khi con biết tịch tĩnh
Không có chỗ chướng ngại
Liền thoát tất cả khổ
Được quả vị bất động.

Bạch Thế Tôn! Bấy giờ, nơi không trung, con thấy thân tướng Đức Như Lai và nghe rõ tiếng nói: Này thiện nam! Chớ có hồ nghi. Ông nên tin vào thần thông của chư Phật, dốc lòng cầu để có sự tin tưởng, hội nhập. Này thiện nam! Ông ở mãi trong nẻo luân hồi, ngu si, không hiểu biết, luôn bị lừa dối nên thọ nhận các khổ não.

Bạch Thế Tôn! Khi nghe lời nói ấy, con rất mực sợ hãi đến rợn người, liền nhất tâm tư duy cầu đạt thần thông Phật. Trong lúc tư duy, con thấy các thứ cây cỏ, rừng rậm, các loại cây lớn nhỏ trong tam thiên đại thiên thế giới đều nở rộ hoa trái, màu sắc tươi đẹp, hương thơm tinh khiết, rất đáng ưa thích, các hàng Trời, Người và A-tu-la… trong thế gian dùng các hoa ấy tung rải lên chỗ Phật, cúng dường xong họ liền biến mất, không còn hiện bày. Lại có các thứ quả, tỏa hương thơm ngào ngạt, không gì sánh bằng, con thấy Đức Thế Tôn, tay trái cầm bát, lấy các thứ quả ấy bỏ đầy trong đó. Lại thấy từ nơi rốn của Đức Thế Tôn hóa ra các vị Bồ-tát, lấy những quả trong bát kia dâng cúng cho vô lượng chư Phật Thế Tôn ở vô số thế giới khắp cả mười phương, nơi mỗi bình bát của các Đức Thế Tôn kia đều đầy ắp những quả. Khi chư Phật Thế Tôn ấy thọ thực, con thấy từ trong rốn của các vị lại hóa ra các Bồ-tát, toàn thân màu vàng ròng, các tướng đều

trang nghiêm. Con lại thấy trong các thế giới đó, có các vị Bồ-tát và những chúng sinh dùng các thứ trái cây dâng lên cúng dường. Cúng dường xong, họ ăn trái cây ấy, ăn xong, con thấy họ đều biến thành thân tướng Như Lai đi đến những thế giới khác không có Phật. Ở đó, họ giảng nói pháp yếu Bát-nhã ba-la-mật, giáo hóa tạo mọi thành tựu đầy đủ cho vô lượng chúng sinh được trụ vào quả vị Bồ-đề, ở trong pháp của chư Phật luôn siêng năng tu tập. Vì để giảng nói pháp nên các vị ấy biến mất, nhưng quả trong bát của Như Lai vẫn đầy như cũ. Con lại thấy quả ấy từ trong bát tuôn ra, cung cấp cho tất cả chúng sinh ở thế gian tự thân đều được no đủ, khiến họ đều đến chỗ Phật đảnh lễ nơi chân, nhiễu quanh theo phía tay phải ba vòng, rồi cung kính chắp tay, đứng về một bên. Ở chỗ Đức Thế Tôn, Bồ-tát Vô Sở Hữu giải thích về pháp tướng, họ đều nhất tâm lắng nghe, ghi nhận, liền không còn những kiến chấp, những hiểu biết sai lầm.

Bạch Thế Tôn! Con cũng được nghe như vậy, tùy thuận hành theo những điều chỉ dạy ấy. Con biết như vầy: Thân con cùng với Phật và đại chúng đây đều là "không", không thể nêu bày. Khi con suy nghĩ như vậy, thì có một vị Phật nói với con: "Này thiện nam! Đây là thần thông, đức lớn của chư Phật." Khi đó, tưởng về ngã và các thứ tưởng khác có được ở nơi con thảy đều vắng lặng, không còn vui mừng, cũng không khiếp sợ. Con chỉ tin vào thần thông của chư Phật và tư duy: "Nguyện cho các chúng sinh chưa tin thì được tin nhập, chưa độ thì được hóa độ." Con lại phát tâm: "Nguyện cho các chúng sinh đối với thần thông của Phật đều được viên mãn, không hề thiếu." Lúc này, con cũng không có tưởng về chúng sinh, nhưng đối với thần thông của Phật, tâm tin của con không thể bị hủy hoại. Vì muốn thành tựu đầy đủ cho các chúng sinh và đại chúng ở đây, nên con nói như vầy: "Ôi! Thần thông, đức lớn của chư Phật thật là hiếm có nay con mới thấy. Mà thần thông của Phật không hề tăng giảm."

Bấy giờ, con lại thấy nơi giữa hư không có Đức Phật nói với con: "Này thiện nam! Dốc lòng cầu thêm tâm tin vào thần thông của chư Phật."

Bạch Thế Tôn! Lúc đó, con nhất tâm tin vào thần thông của chư Phật. Khi nhất tâm suy nghĩ, con liền thấy rõ diệu lực nơi thần thông của chư Thế Tôn. Tất cả chúng sinh tức là một chúng sinh, một chúng sinh tức là tất cả chúng sinh, nhưng con cũng không thấy tất cả chúng sinh đó.

Bạch Thế Tôn! Khi ấy, con nghĩ như vầy: Thần thông của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Như con thấy thần thông lớn của Phật thì không gì bằng. Con muốn có được đầy đủ thần thông đức lớn của chư Phật. Khi con cầu như vậy, liền chuyển đức tin của mình vào sự chuyên niệm, tư duy, tác

chứng, khiến được tăng trưởng rộng lớn. Bạch Thế Tôn! Bấy giờ, con thấy tam thiên đại thiên thế giới này với bốn phương hiện có núi Tỳ-phú-la. Phật và bốn chúng, các hàng Trời, Người, A-tu-la cùng các thế giới khác đều biến thành biển cả thanh tịnh, không nhơ, hoàn toàn không có tướng khác.

Bạch Thế Tôn! Lúc đó, con lại nghĩ: Ôi! Thần thông của chư Phật là như vậy. Bạch Thế Tôn! Khi con nghĩ về thần thông của Phật thì liền thấy Đức Thế Tôn an tọa ở trong nước mà không bị ướt, lại thấy quả Am-ma-la và quả Bồ-đề không chỗ nào bị khuyết hư, các quả ấy nhiễu quanh Phật ba vòng, đứng trước Phật mà nghe pháp. Phật giảng nói về thần thông lớn của chư Phật… Khi nghe pháp thì những quả ấy biến thành hình Bồ-tát, đảnh lễ Phật rồi ẩn mất, không hiện. Con lại thấy Thế Tôn ở núi Tỳ-phú-la giảng nói pháp cho chúng hội. Lược nói như vậy cho đến thành lửa, thành đốm sáng, thành gió, thành quả đại Tỳ-la, thành đại địa như ngón tay cái.

Tất cả thế gian tức là một thế gian. Một thế gian tức là tất cả thế gian. Các thế gian ấy lại thành không trí, đó tức là chân thể. Lúc này, đối với thần thông của Phật, con tự chứng biết như vậy. Tư duy như thế rồi, con không còn hoài nghi, cũng không kinh sợ, tâm Từ an định.

Bấy giờ, có một Đức Như Lai đứng ở trước con, nói: "Này thiện nam! Ông hành sáu pháp Ba-la-mật được bao lâu mà có thể tin vào thần thông lớn của Đức Phật ở đây, lại chứng biết bằng sự tư duy sâu rộng?"

Bạch Thế Tôn! Con thưa với Phật ấy: "Sáu pháp Ba-la-mật mà Phật nói, nghĩa là gì?"

Đức Phật ấy nói: "Đó là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát-nhã ba-la-mật. Này thiện nam! Đó gọi là sáu pháp Ba-la-mật. Thực hành các pháp này rồi thì sẽ chứng nhập thần thông lớn của chư Phật. Ông như vậy là đã chứng được thần thông lớn của chư Phật."

Lúc đó, con thưa: "Do đấy mà các hàng Trời, Người, A-tu-la… trong thế gian sẽ nghe con nói. Đối với các pháp, con đạt được trí vô ngại, xin Đức Thế Tôn chứng minh cho. Đức Thế Tôn hiện biết rõ là con chưa từng tu tập sáu pháp Ba-la-mật mà chứng được thần thông lớn của Phật. Con nay mới nghe giảng nói về sáu pháp Ba-la-mật. Trước đây con ở trong chỗ tối tăm, chẳng thể hiểu biết gì cả. Nay đã được thấy, nghe Đức Thế Tôn giải thích những điều của Bồ-tát Vô Sở Hữu thỉnh vấn, con không còn si ám đối với các pháp, không còn đắm nhiễm nơi các pháp, nơi các ấm, nên nói kệ:

Con được trí tịch tĩnh
Lại không có tham đắm
Nay thoát tất cả khổ

Hiện được vui bất động.
Trí tịch tĩnh hơn hết
Tịch không có chỗ tịch
Làm thế nào bố thí
Đã mấy trăm kiếp rồi?
Con không hành bố thí
Chứng được tịch hơn hết
Trong bố thí làm gì
Thí ấy không phải tịch.
Trí tịch tĩnh hơn hết
Tịch không có chốn tịch
Làm thế nào trì giới
Đã mấy trăm kiếp rồi?
Con nay không trì giới
Đã chứng tịch hơn hết
Trong tịch không trì giới
Giới cũng không là tịch.
Đã biết tịch hơn hết
Tịch tĩnh không chốn tịch
Làm sao tu nhẫn nhục
Đã mấy trăm kiếp rồi?
Con nay không tu nhẫn
Đã chứng tịch hơn hết
Làm sao nhẫn trong tịch
Nhẫn cũng không phải tịch.
Đã biết tịch hơn hết
Tịch tĩnh không chốn tịch
Làm sao để tinh tấn
Đã mấy trăm kiếp rồi?
Con không hành tinh tấn
Được chứng tịch hơn hết
Dùng tinh tấn trong tịch
Tịch diệt không tinh tấn.
Đã biết tịch hơn hết
Tịch tĩnh không chốn tịch
Làm sao tu thiền định
Đã mấy trăm kiếp rồi?
Con nay không tu thiền

Đã chứng tịch hơn hết
Dùng thiền định trong tịch
Trong tịch không thiền định.
Đã biết tịch hơn hết
Tịch tĩnh không chốn tịch
Làm sao tu trí tuệ
Đã mấy trăm kiếp rồi?
Con chưa tu trí tuệ
Đã biết tịch hơn hết
Dùng trí tuệ trong tịch
Trong tịch không trí tuệ.
Sao dùng Thí, Giới, Nhẫn
Tinh tấn, Thiền, Trí tuệ
Tất cả các Độ đó
Sao dùng nhiều chỗ hành?
Con đã dùng vô trí
Biết được tịch hơn hết
Trong đó, trí làm gì
Trong tịch không dùng trí.
Mong Phật giải thích cho
Những điều trong các pháp
Hết thảy trí tự tại
Phật không gì không biết.
Thưa hỏi nghĩa ấy rồi
Đức Thế Tôn giải thích
Như thật là chân như
Không tan cũng không hợp.
Không lấy cũng không bỏ
Ông nay phải nên biết
Ở nơi mình và người
Nên dứt bỏ mọi nghi.
Biết thần thông Phật rồi
Liền xa lìa tưởng ngã
Cũng lại không nêu bày
Tự thân rời vô thượng.
Biết thần thông Phật rồi
Tất cả tội đều diệt
Diệt rồi, phiền não dứt

Nên gọi là trì giới.
Đã nghe thần thông Phật
Đã nói đại thần thông
Như thật không suy tư
Nên gọi là nhẫn nhục.
Đã biết thần thông Phật
Tâm kia không khiếp sợ
Lại phát sinh tinh tấn
Nên gọi là tinh tấn.
Biết thần thông Phật rồi
Tâm kia không tán loạn
Xả bỏ hết thảy tướng
Nên gọi là thiền định.
Đã biết thần thông Phật
Không tham đắm ba cõi
Vượt qua các chướng ngại
Nên gọi là Trí độ.
Thực hành khắp mọi chốn
Dùng các Độ điều phục
Hiểu biết tất cả Phật
Nên gọi thần thông Phật.”

Khi ấy, “Vị có tâm xấu ác, khó điều phục hại người”, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Mỗi mỗi lời dạy bảo của chư Phật khó mà hiểu rõ. Người có trí tuệ nhỏ bé lại suy nghĩ sâu xa và nói kệ:

Nếu được nghe, tự chứng
Thế nào hiểu thần thông?
Kia có thể đầy đủ
Pháp sáu Độ như thế.
Và các pháp trợ đạo
Thế nào thần thông Phật?
Sao có Thể tánh thật
Kia sao có sắc trụ
Làm sao để chứng đắc?

Đức Thế Tôn dùng kệ trả lời cho “Vị có tâm xấu ác, khó điều phục hại người”:

Nếu tự mình biết rõ
Biết không có chúng sinh

Trí trong tất cả pháp
Kia là thần thông Phật.
Tâm chúng sinh đắm vướng
Dạy bảo trong pháp không
Đó là dạy chúng sinh
Sẽ được thần thông Phật.
Tâm chúng sinh tham đắm
Nên nhất tâm hiểu khắp
Cũng không nên phát tâm
Đó là thần thông Phật.
Các cõi Phật hiện có
Tức biết một cõi Phật
Đây kia không cùng nhập
Đó là thần thông Phật.
Biết các pháp không sinh
Nên phát tâm Bồ-đề
Một chúng sinh, tất cả
Nên gọi thần thông Phật.
Nhẫn gọi là thần thông
Thể pháp nhẫn cũng dứt
Vào trong hết thảy pháp
Cũng không có chỗ trụ.
Kia trụ thần thông Phật
Tất cả pháp không nghi
Không nghi, pháp không sinh
Do vậy được thọ ký.
Chúng sinh được thành thục
Nên cõi Phật thanh tịnh
Nơi nhiều kiếp tu hành
Nên được trí của Phật.
Biết tánh không chư Phật
Tất cả là tối thượng
Đạt đến bờ pháp Phật
Chúng sinh được thành thục.
Âm thanh Phật, thần thông
Văn nghĩa đều chứng đạt
Trong giáo pháp bí mật
Tức đạt đến bờ giác.

Rộng lớn không thể giữ
Cũng không thể biết hết
Thần thông Phật như thế
Lại không có biên vực.
Nếu tự chứng đắc rồi
Là bố thí tối thắng
Đứng đầu trong các thí
Không sinh nơi cõi ác.
Thực hành thí tất cả
Lúc thường hành bố thí
Trí không có phân biệt
Cũng không có chỗ trụ.
Đã hiểu lời dạy này
Không vật gì không bỏ
Ở trong tất cả đời
Vì thế bỏ tất cả.
Nếu đã nghe pháp này
Nên dứt bỏ tưởng ngã
Đã diệt mọi tham đắm
Đó là thí tối thượng.
Nghe rồi không phiền não
Thân tâm được tịch tĩnh
Đó là giới tối thượng
Không còn có gì hơn.
Ở trong một pháp không
Không nhẫn, không tranh chấp
Đó là nhẫn tối thắng
Trong ấy là vô thượng.
Đã rõ các pháp không
Không có tâm khiếp nhược
Là tinh tấn tối thắng
Trong đó không gì hơn.
Nơi không thường chẳng loạn
Tâm biết rõ tất cả
Đấy là vui thiền định
Chỉ thị hiện nơi tiếng.
Ở trong không chẳng sợ
Nhất thiết trí dứt tưởng

Lìa phiền não không tỏ
Đó là trí tối thượng.
Do vậy hành các Độ
Hội nhập giáo pháp này
Nếu biết không nêu bày
Tức vượt qua các Độ.
Không hủy hoại các pháp
Cũng không có bức não
Tức biết được chánh pháp
Trí định không dụng công.
Không hủy hoại các pháp
Cũng không có bức bách
Nên tịch tĩnh, vô tri
Thí đạt đến bờ giác.
Nếu không hoại các pháp
Cũng lại không bức bách
Đây là giới thù thắng
Đứng đầu trong các giới.
Nếu không hủy hoại vật
Nơi phi pháp cũng vậy
Như vậy không còn nghi
Và không đọa đường ác.
Nếu nhẫn vô tận rồi
Biết các pháp hữu vi
Đấy là nhẫn tối thắng
Lìa hết thảy tranh chấp.
Thường tu tập nhẫn ấy
Ngày đêm không ngừng nghỉ
Thân tự chứng như vậy
Nên được sắc ưa nhìn.
Như lúc tu tập không
Chẳng sinh ý mệt mỏi
Là tinh tấn hơn hết
Xả bỏ mọi lười biếng.
Tinh tấn ấy như thế
Nếu thân tự chứng rồi
Gọi tinh tấn bậc nhất
Tất cả không gì hơn.

Chẳng đắm nơi pháp không
Và pháp thiền tịch diệt
Đấy là không tối thắng
Xa lìa các giác quán.
An vui trong thiền định
Xả bỏ các phiền não
Như vậy thân tự chứng
Tức không có vội vàng.
Đối với pháp trong ngoài
Không nương tựa, tham đắm
Đấy là trí tối thắng
Không có trí nào hơn.
Nên quán tất cả pháp
Là không có xứ trí
Biết tự chứng như thế
Không đắm nhiễm thế gian.
Biết đúng thật như vậy
Thường hay thí tất cả
Cũng không thí hết thảy
Không có chỗ nắm giữ.
Các pháp không thật có
Tức là thể các pháp
Không có gì tự chứng
Gọi là người có đủ.
Tư duy luôn trong lành
Khéo tu pháp bình đẳng
Không có mọi khiếp nhược
Đoạn nghi, soi chiếu khắp.
Ở trong giới thanh tịnh
Không có các phiền não
Nếu không có chỗ chứng
Giới làm sao mà chuyển?
Giải thoát như hư không
Lại không có chỗ thấy
Như hư không thanh tịnh
Do thế không xét, tạo.
Không thấy có các pháp
Mà cầu đạo vô thượng

Nên vì các chúng sinh
Chỗ dấy khởi phiền não.
Chẳng thấy các thân kia
Lúc chẳng thấy thân ấy
Phiền não không chỗ buộc
Giải thoát đều như mộng.
Lại không chỗ thấy nữa
Đã không, cũng chẳng thấy
Nên gọi là như mộng
Mọi ngôn thuyết như vậy.
Có không cùng sai biệt
Quan sát, phân biệt tiếng
Như không, không thể chấp
Trì giới và phá giới.
Cõi thiện và nẻo ác
Si, hư vọng phân biệt
Xứ ấy không chân thật
Giống như ảnh trong gương.
Phân biệt cho nên thấy
Nơi kia không thật có
Thể sắc thật như thế
Như vậy trong chấp ngã.
Sĩ phu không thủ đắc
Trong đã là không có
Thì ngoài không nắm bắt
Là giáo pháp như như.
Do vậy nói là không
Nếu người biết rõ không
Chắc chứng đạt tịch diệt
Sắc từ nhân duyên sinh.
Sắc không có thật thể
Nếu duyên kia không có
Sắc kia không có nhân
Không nhân nên không sinh.
Bản tánh không: tịch tĩnh
Không lấy, cũng không bỏ
Không khác cũng không giống
Nên chứa pháp không hai.

Tất cả căn thường nhẫn
Nếu đạt nhẫn như vậy
Sẽ mau được thành Phật
Ta đã biết như thế.
Gặp được Phật Nhiên Đăng
Về sau thọ ký ta:
Ông sẽ được thành Phật
Như có hàng thiện nam.
Cùng với hàng thiện nữ
Biết rõ được như vậy
Chắc cũng không là khó
Như có hàng thiện nữ.
Muốn chuyển đổi thân hình
Nên biết thân như vậy
Được đầy đủ sở nguyện
Dung mạo rất đoan chánh.
Người thấy sinh hoan hỷ
Trượng phu, Phú-già-la
Biết giáo pháp như thế
Nghĩ đúng và làm đúng.
Nghe hành trì suy nghĩ
Gọi trượng phu trí tuệ
Vì chúng sinh dứt nghi
Nếu có nhiều chúng sinh.
Nghi hoặc, ý tán loạn
Muốn cầu đạt trí tuệ
Thì cần phải dứt nghi
Nếu trụ đạo không chánh.
Khiến họ trụ nẻo chánh
Các chúng sinh mê tối
Nên vì họ soi chiếu
Nếu có sinh nơi đâu.
Tất cả được sáng tỏ
Vì chúng sinh yêu thích
Hiểu biết lời dạy này
Thọ mạng được dài lâu.
Các căn đều đầy đủ
Thường sinh dòng họ quý

Quyến thuộc đều hòa thuận
Tùy sinh vào chốn nào.
Tạo lợi ích tất cả
Cho các chúng sinh khác
Khiến trụ vào Bồ-đề
Nếu nghe các pháp này.
Hãy mau tự chứng đạt
Các chúng sinh phải nên
Thường cung kính phụng thờ
Nên tạo dựng phước điền.
Gắng nhận tất cả thí
Thường làm trượng phu thiện
Nơi quy kính cho đời
Ở trước các Đức Phật.
Là thí hơn hết thảy
Đấng Thế Tôn vô thượng
Họ gắng làm thí chủ
Hàng phục các thế gian.
Nên tạo các ruộng phước
Nếu nghe pháp như vậy
Siêng tu mau chứng đắc
Tất cả lời chư Phật.
Thuyết giảng trong kinh này
Hiểu Bồ-đề như vậy
Như như không phân biệt
Là giáo pháp lợi ích.
Nên hành hạnh Bồ-đề
Trải qua vô số kiếp
Nghe được giáo pháp này
Nếu ở trong trời, người.
Muốn thọ các quả báo
Mà hay nghe pháp ấy
Siêng năng tu mau chứng
Không gì hàng phục được.
Giáo hóa các chúng sinh
Nên đối các chúng khác
Thường có các oai đức
Trí khéo đạt lợi ích.

Hành thiện được sống lâu
Được gặp Phật ra đời
Hay nghe giáo pháp này
Pháp chư Phật hiện có.
Biết không thể nghĩ bàn
Được làm vị Thanh văn
Lại được tăng công đức
Xả bỏ tất cả pháp.
Bỏ chính cả bản thân
Để lãnh hội kinh điển
Nghe rồi nên hiểu rõ
Pháp này đã giảng nói.
Là xứ không chốn nói
Các pháp đều như vậy
Trong ấy nêu như thế
Không lấy cũng không bỏ.
Không được cũng không mất
Không chỗ nào giữ lại
Là pháp không chỗ trụ
Chư Phật thời quá khứ.
Đều thuyết pháp như vậy
Nếu có Phật vị lai
Nói pháp cũng như thế
Khắp mười phương thế giới.
Chư Như Lai hiện tại
Chỗ giáo pháp thuyết giảng
Cũng như vậy không khác
Nếu có chúng sinh muốn.
Có thể nói pháp này
Nên như ta đã nêu
Như vậy nên biết rõ
Nếu không hiểu pháp ấy.
Mà muốn đạt Niết-bàn
Không bao giờ chứng đắc
Và nên trụ Bồ-đề
Đây kia đều đầy đủ.
Đấy là chư Phật thấy
Pháp hiện có như thế

Cùng chỗ thấy như vậy
Cõi chúng sinh mong cầu.
Khó mà xuất hiện được
Nếu biết các pháp này
Thể chân thật vắng lặng
Các pháp không có thật.
Các pháp cũng không có
Nếu dứt mọi tưởng pháp
Tất cả đều tịch tĩnh
Đây kia biết như thật.
Các pháp không chốn đạt
Chỗ hỏi không có thực
Chỗ nói không hiện có
Bấy giờ Đại Bồ-tát.
Tên gọi Vô Sở Hữu
Nhớ nghĩ đến Như Lai
Lại hỏi Đấng Thế Tôn
Chỗ nói pháp như vậy.
Không thể thấy mà nói
Ai biết được như thế
Người chẳng thể nhận biết
Cùng vô số chư Thiên.
Và với bốn bộ chúng
Đều chắp tay ngang ngực
Chú ý để lắng nghe
Nghe xong rất vui mừng.
Mà không có "chỗ đạt"
Không trí và chốn đạt
Nhiều chúng trụ ý này
Nếu có người chưa biết.
Cũng khởi sinh ưa thích
Phát tâm ý tinh tấn
Nên được nghe rồi biết
Nghe nghĩa thật như vậy.
Chân trí không phân biệt
Tất cả đều như mình
Lại nói thật như thế
Nghe diệu pháp chư Phật.

Thấy được đại thần thông
Đều phát tâm hoan hỷ
Nên đều được giác ngộ
Có rất nhiều chư Thiên.
Và trăm na-do-tha
Đã biết tự chứng đạt
Như điều ta đã nói
Ta nay cùng chúng sinh.
Những người đến nghe pháp
Rất nhiều gấp trăm ngàn
Đã chứng pháp chân thật
Đều đã cùng hòa hợp.
Xưa hằng hà chỗ Phật
Đã nghe biết pháp này
Nghe rồi nay tự chứng
Đây kia sẽ thành Phật.
Như ta hiện ở đây
Nên thuyết pháp như thế
Không hề có tăng giảm
Kẻ giết hại người ấy.
Khi xưa sinh ở đây
Từng nghe pháp như vậy
Mà xưa chưa hề có
Nay ở đây được nghe.
Vô Sở Hữu giải thích
Hội nhập thần thông Phật
Nay nghe biết được nghĩa
Thấy các đại chúng này.
Liền nhàm chán tự thân
Tự thấy mình hèn mọn
Rõ thần thông của Phật
Lại thêm tin sâu xa.
Không thể nghĩ bàn được
Hội nhập rồi liền đạt
Phi pháp, không phi pháp
Đấy là thần thông Phật.
Bậc vô thượng thế gian
Biết không phân biệt rồi

Không có gì thông đạt
Kẻ hại người: lợi căn.
Lãnh hội như vậy rồi
Hướng đến ta mà nói
Thể pháp của chư Phật
Tâm chúng sinh ngu độn.
Vì lưới si che lấp
Tuy lại được nghe nhiều
Không biết thần thông Phật
Ta xưa từng gặp Phật.
Bậc tối thượng trong đời
Biết đại thần thông này
Về sau được thọ ký
Trải qua tám mươi bốn.
Trong a-tăng-kỳ kiếp
Ta gặp Phật Nhiên Đăng
Do rõ pháp hữu vi
Cho có chỗ chứng đắc.
Vì thấy chỗ chứng đắc
Mà đắm vào tưởng ngã
Bị phiền não mê hoặc
Không biết thần thông Phật.
Do có sự chấp trước
Nên trôi lăn sinh tử
Thường chẳng rõ bến bờ
Ngoài mình nếu không biết.
Thần thông Phật như vậy
Các vị Đại Bồ-tát
Nhiều lúc cũng tham đắm
Các vị Bồ-tát ấy.
Muốn mau chứng Bồ-đề
Thần thông Phật tịch tĩnh
Nguyện mau vào giác ngộ
Khó điều phục như thế.
Gọi là kẻ hại người
Được căn trí lanh lợi
Nên chứng đắc không khó.

Lúc này, trong chúng hội có vị Thiên tử tên là Vô Phiền, liền dùng

hoa Mạn-đà-la của trời rải lên chỗ Đức Phật rồi chắp tay cung kính, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì "Kẻ có tâm xấu ác, khó điều phục hại người" lại được các căn thông lợi, trí tuệ vi diệu mới có thể lãnh hội quyết đoán mau chóng như vậy?

Phật nói với Thiên tử Vô Phiền:

–Thiên tử hãy lắng nghe! Kẻ có tâm xấu ác, khó điều phục, hại người, về đời quá khứ xa xưa, từng trong năm trăm kiếp làm thân rắn độc, thấy vật liền sát hại. Do làm thân rắn độc, nên suốt ngày lẫn đêm, có rất nhiều loài chúng sinh bị rắn giết hại. Vì đói khổ nên rắn ăn tất cả mà vẫn không thể no đủ, ăn xong thì hủy diệt thành tro bụi. Rắn vì tìm ăn nên không hề ngủ nghỉ, thân không an ổn, tâm ác ngày càng lớn thêm. Hoặc trải qua ngày, đêm, nửa tháng, một tháng, hoặc rất nhiều năm, vì tâm ác như vậy nên sau khi chết liền bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu nhiều khổ não, đủ trăm ngàn kiếp, cho đến vô số kiếp. Nếu ra khỏi địa ngục A-tỳ thì lại sinh trong loài rắn độc, trải qua năm trăm kiếp như vậy, luôn bị làm thân rắn độc. Nếu xả bỏ thân ấy thì lại đọa vào địa ngục A-tỳ, do điều ác được tích tập luôn dấy khởi như thế. Trong đời sau cùng, rắn độc này được rắn mẹ yêu thích, sát hại rất nhiều vật khác để cho con ăn, ăn xong no nê, nên thân được bình yên, liền ngủ nghỉ không biết ngày đêm. Trong lúc rắn con ngủ, thì rắn mẹ giết hại không biết bao nhiêu loài vật khác, số nhiều đến trăm ngàn. Sau khi giết, đem xác các loài trùng kia để xung quanh, hoặc trước miệng rắn con thành đống rất lớn. Rắn này ngủ dậy ăn tất cả, thân được no nên an ổn, lại ngủ suốt bảy ngày đêm. Mẹ nó trong bảy ngày đêm ấy lại sát hại trăm ngàn vật khác, gom thành một đống lớn. Thấy vậy, nó khởi suy nghĩ: Lạ thay! Mẹ ta làm được nhiều việc khó làm, vì yêu mến ta, muốn đem nhiều loài vật khác cho ta ăn, nhưng ta hôm nay ăn không biết chán, ăn cũng không hết, không biết cùng tận. Hiện tại ta không nên mong ăn như vậy. Mẹ ta vì thương yêu ta muốn cho ta luôn được no đủ, ta làm sao báo đáp được công ân ấy? Rắn con sinh tâm Từ ái đối với mẹ, biết chỗ có lợi ích, biết có ân nghĩa, liền sinh tâm thương mến, tâm tạo lợi ích, thấm nhuần nơi bản thân, lại được chút ít tâm nhu hòa, thương nhớ mẹ, liền ngủ nghỉ, thân tâm an ổn. Lúc ấy, những người đi đốn củi đều nhìn thấy nó, liền lấy búa chém rắn ra từng đoạn. Sau khi chết, rắn con sinh làm con trong một gia đình Chiên-đà-la tên là Khí Hư, tâm cũng rất xấu ác. Bấy giờ, tổ phụ của Khí Hư mất, về sau con của Khí Hư làm người thi hành án tử hình, con của Khí Hư lại mất, dòng tộc chấm dứt, không còn ai làm nghề này nữa. Lúc có người mắc tội chết, không còn ai để thi hành án tử hình, vị đại thần tâu

vua: "Đại vương nên biết! Người thi hành án tử hình là Khí Hư, ông ấy có một người con nối nghiệp cha nay cũng mất luôn, hiện tại không có người thi hành án tử hình cho kẻ có tội đáng chết kia."

Vua hỏi đại thần: "Dòng họ của Khí Hư không còn ai nối dõi chăng?"

Đại thần tâu: "Hiện nhà của Khí Hư có một người con mồ côi đang thừa kế sản nghiệp của ông cha chúng."

Vua ra lệnh cho đại thần: "Các ông nên đến đấy dẫn hắn về đây cho ta gặp."

Đại thần nhận lệnh vua, thi hành đưa gã kia tới gặp vua. Thấy nó vua liền bảo: "Này đồng tử! Ngươi nay đã thừa kế công việc của gia đình Khí Hư trải qua mấy đời, vì sao không làm nghề thi hành án tử hình đối với những tử tội?"

Hắn ta tâu vua: "Con xin nghe theo lệnh của đại vương, nhưng người thân của con không cho con làm nghề sát hại. Nếu hôm nay đại vương bảo con phải phục tùng mệnh lệnh, xin đại vương cho phép con về nhà chốc lát rồi con trở lại."

Nhà vua bảo: "Đồng tử, ngươi nên biết là đã đúng lúc, nhớ cần phải đến đây gấp đấy."

Hắn ta về đến nhà, giết hại tất cả vợ con và quyến thuộc xong, lại đến cung vua, tâu: "Đại vương nên biết, con đã giết hết người thân của con, nay không còn ai ngăn cản con nữa, mong đại vương ban lệnh cho con thực hành công vụ."

Tức thời nhà vua trao đầy đủ binh khí nhưng hắn ta không nhận.

Vua hỏi: "Ngươi nay vì sao không chịu nhận binh khí?"

Hắn tâu: "Đại vương! Con nay đã được gọi là kẻ thi hành án tử hình, tự có nanh vuốt, không cần dùng binh khí. Đại vương nên biết! Nếu không có nanh vuốt thì mới dùng đến binh khí. Con nay có đầy đủ nanh vuốt nên có thể thi hành án được. Con dùng răng nhọn hoắt cắn chết kẻ tử tù rồi uống máu nó xong thì thân thể được thấm nhuần, khí lực tăng rất nhiều."

Ngay lúc đó hắn tóm lấy kẻ tử tội dùng răng cắn cổ, giết chết rồi uống lấy máu, sau đấy khí lực tăng gấp bội, huênh hoang oai thế, tâm ác càng gia thêm.

Này thiện nam! Kẻ khó điều phục, sát hại người kia trong thời gian ấy đã giết hại rất nhiều chúng sinh để uống máu, tâm ác độc càng dữ dội, tâm trí thêm hung tợn. Nhờ căn trí thông lợi như vậy, được nghe Bồ-tát Vô Sở Hữu thỉnh vấn Đức Thế Tôn về nghĩa không, đoạn trừ hết các lậu hoặc,

không sinh khởi phiền não, phân biệt điên đảo, dứt ý sân hận, tham lam, ganh ghét, tâm không biết ân nghĩa đã được phá trừ, đạt pháp "vô ngôn thuyết." Người ấy theo Phật nghe giảng nói về pháp, nghe xong trí tuệ được gia tăng, hội nhập nơi cõi thần thông rộng lớn của chư Phật nên có được các công đức thù thắng như vậy.

Lúc này, lại có Đại Bồ-tát Giáo Thị, từ chỗ ngồi đứng dậy, pháp phục chỉnh tề, bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Thế Tôn nhằm thưa hỏi. Lúc Bồ-tát chắp tay, nhờ thần lực của Phật, nên các loài hoa sống trên cạn và dưới nước thảy đều nở rộ, sắc hương tươi đẹp thơm ngát hiện có đầy nơi tay của Bồ-tát, nên hết sức vui mừng, do tâm hoan hỷ bèn dùng các thứ hoa ấy tung rải lên chỗ Đức Phật ba lần như vậy, rồi bạch Phật:

–Hiện tại Kẻ khó điều phục, sát hại người này đã từng phát tâm Bồ-đề chăng?

Phật nói:

–Này thiện nam! Ông nên đến nơi Kẻ khó điều phục, sát hại người kia mà hỏi, kẻ ấy sẽ vì ông mà nói rõ.

Khi ấy, Bồ-tát Giáo Thị chắp tay hỏi vị kia:

–Thưa Nhân giả! Ông đã từng phát tâm Bồ-đề rồi chăng?

Người ấy đáp:

–Này thiện nam! Nay biết là tôi đã phát tâm Bồ-đề trong sạch, không cấu nhiễm. Như tôi lãnh hội về thần thông lớn của Phật, tức là đã đoạn trừ các điều ác, lại được nghe Đức Phật giải thích về những điều do Bồ-tát Vô Sở Hữu đã thưa hỏi. Nghe như vậy rồi thì tin nhận, nhớ nghĩ, quan sát không còn nghi ngờ.

Đức Thế Tôn nói:

–Tất cả pháp là không, không ngã, không sinh, không diệt, không có cảnh giới, không có nơi chốn của cảnh giới, không có nơi chốn của hư không. Đối với những nơi chốn như vậy thì muốn dấy khởi tâm nào và lấy gì để lãnh hội?

Bồ-tát Giáo Thị lại hỏi vị ấy:

–Thưa Nhân giả! Ông đã lấy gì để hoàn thành tâm Bồ-đề cho chúng sinh?

Vị ấy đáp:

–Này thiện nam! Tôi trong vô lượng kiếp không thể nghĩ bàn, đối với các chúng sinh không khởi tâm sân hận, hạt giống Bồ-đề đã thành thục nơi

số lượng kiếp như thế rồi, lại tạo mọi thành tựu đầy đủ cho các chúng sinh. Này thiện nam! Ví như hư không dung nạp được rất nhiều nơi chốn thứ loại, pháp Phật cũng dung nạp vô lượng đối tượng như vậy. Nếu có sự tin nhận thì người ấy có thể thành thục và tạo mọi thành tựu trọn vẹn cho tất cả chúng sinh, không đi theo đường tà, làm các việc ác. Này thiện nam! Tôi đã vì lợi ích, an lạc cho hết thảy muôn loài nên làm nhân duyên nương tựa. Nay hướng về ông mà nói điều chân thật, Phật tự chứng biết. Nếu như Đức Thế Tôn không thọ ký cho tôi, thì tôi ở nơi đạo giác ngộ sẽ tự mình thọ ký. Vì sao? Vì tôi đã tin tưởng hội nhập nơi chủng tử của Bồ-tát, đã an trú vào pháp tín nhẫn, không nghi, lầm, ở trong cảnh giới đại thần thông của chư Phật. Đó là chỗ các Bồ-tát không còn chấp trước, dùng sự phát tâm Bồ-đề làm căn bản. Khi tâm Bồ-đề đã dần dần tăng trưởng thì sẽ chứng đắc quả vị giác ngộ và thành tựu Nhất thiết trí, sẽ nhận biết rõ pháp của chư Phật, lần lượt thành tựu đầy đủ cho vô lượng chúng sinh, nên đối với đạo Bồ-đề cũng sẽ thành tựu, lại an trú trong pháp bất động của Bồ-tát. Này thiện nam! Như vậy, như vậy không sai khác, người thực hành như vậy mong phát sinh các tướng, nhưng các chúng sinh có tâm chán lìa các tưởng nên không còn nghi ngờ, mong được hội nhập vào cõi thần thông lớn của Phật, tự thấy mình được chút ít thần thông. Vì sao? Vì thần thông của chư Phật là vô lượng. Này thiện nam! Chư Phật, Thế Tôn ở nơi cảnh giới đại thần thông đều có thể quyết đoán, hiểu rõ trọn vẹn. Các vị Bồ-tát nếu chưa đạt được pháp nhẫn thì chỉ nên tín, hành. Nếu các vị Bồ-tát đã đạt được pháp nhẫn tức là đã vào được một phần nơi cảnh giới thần thông của Phật.

Lúc này do diệu lực từ thần thông của Phật, đại địa chấn động đủ sáu cách tạo mọi sự an lạc, không một chúng sinh nào sợ hãi, tất cả các thứ âm nhạc không tấu mà vang lên, từ trên hư không, mưa xuống các loại hoa như: Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi… Cũng từ trên hư không, vô số áo trời quý giá tự hiện ra, treo lơ lững, lại đốt các thứ hương thơm hiện có nơi cõi trời, người. Hết thảy chúng sinh hiện có trong tam thiên đại thiên thế giới kể cả chúng Bồ-tát rất nhiều, không thể kể hết, tất cả đều lấy các thứ hoa ấy tung rải lên chỗ Đức Phật để cúng dường, ba lần như vậy xong rồi cúng dường nơi chúng hội. Lúc này lại có mười sáu ức trăm ngàn na-do-tha hoa sen giống như bánh xe, từ dưới đất vọt lên, trong mỗi đài sen có một vị Bồ-tát an trụ, thảy đều gồm đủ ba mươi hai tướng tốt. Các vị Bồ-tát từ hoa sen bước xuống, lại dùng hoa ấy tung lên chỗ Phật để cúng dường, xong thì đều chắp tay cung kính hướng về phía Phật mà đứng yên.

Bấy giờ, Bồ-tát Giáo Thị thừa oai thần của Đức Phật, hỏi các vị Bồ-

tát kia:

–Này thiện nam! Các vị từ đâu đến?

Các vị Bồ-tát kia trả lời:

–Chúng tôi ở trong vô số thế giới nơi khắp mười phương đến, đã từng cúng dường, phụng sự vô lượng các Đức Phật, nghe pháp xong và tới nơi đây.

Bồ-tát Giáo Thị lại hỏi:

–Này thiện nam! Các vị nghe pháp gì vậy?

Các vị Bồ-tát kia đáp:

–Chúng tôi cũng nghe Đức Thế Tôn giải thích những điều mà Bồ-tát Vô Sở Hữu thưa hỏi. Cũng giống nơi đây, Đức Thích-ca Như Lai giảng nói pháp, giải thích hoàn toàn giống nhau không thêm, không bớt. Vị Bồ-tát kia thỉnh vấn Đức Phật cũng tên là Vô Sở Hữu. Đức Phật kia thuyết giảng cũng lại như vậy, không dấy khởi phiền não, đoạn trừ mọi nghi hoặc, khiến tạo ra ánh sáng, được gần gũi chư Phật, đạt được trí nhất thiết, pháp ấy là tối thượng, không gì sánh bằng.

Lúc này, đại chúng đều sinh tâm cho là ít có, thảy cùng suy nghĩ: Các vị Bồ-tát kia đã khéo được làm thân người, được thọ mạng, được gặp Phật ra đời, được tùy thuận nơi chư Phật, được nghe Bồ-tát Vô Sở Hữu thưa hỏi Phật về các pháp như vậy, tin tưởng, hội nhập phụng hành, không tướng, không thủ đắc, không dấy phiền não. Bạch Thế Tôn! Chúng con ngày nay đạt được lợi ích lớn, khéo được làm thân người, được thọ mạng. Hiện tại, chúng con đã nghe Bồ-tát Vô Sở Hữu thưa hỏi và Đức Phật đã giải thích, chúng con nghe rồi thì tin hiểu, không còn nghi ngờ, đạt được chỗ tự chứng. Nay chúng con được biết về Nhất thiết trí rồi, cũng sẽ vì tất cả chúng sinh tạo mọi lợi ích rộng khắp như vậy. Chúng con ngày nay, giả sử phải dùng tất cả các vật báu đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, cũng không báo được ân đức của Bồ-tát Vô Sở Hữu. Bồ-tát Vô Sở Hữu không hiện thân, nhưng lại thỉnh vấn Như Lai về pháp tịch tĩnh, có thể đoạn trừ ý tưởng nghi lầm, điên đảo của vô lượng chúng sinh. Chúng con hiện tại phải nên làm gì để cúng dường bậc Bồ-tát không hiện thân này?

Lúc này, Bồ-tát Vô Sở Hữu nói:

–Các vị thiện nam! Các vị nếu nghe các pháp như vậy mà có thể tin hiểu, tức là đã thực hiện việc cúng dường bậc nhất đối với chư Phật và Bồ-tát rồi. Chỗ thỉnh vấn của tôi nay đã được Phật giải thích, nếu các vị đạt được chốn không nghi lầm, chốn không phiền não bức bách, thì lúc thành tựu đạo quả Bồ-đề lại vì các chúng sinh mà tạo mọi lợi ích. Như có chúng

sinh còn chấp trước, Bồ-tát sẽ chỉ dẫn khiến họ được giải thoát, như vậy cũng là hóa độ được "Kẻ có tâm ác, oán thù hại người, khó điều phục kia." Đó là từng ấy việc tôi đem thỉnh vấn Đức Như Lai. Tôi hiện đã hiển bày giáo pháp của chư Phật, chiếu sáng đến mọi cõi vô minh mờ mịt.

Lúc này, Kẻ có tâm ác sát hại người, khó điều phục thấy được thần thông rộng lớn của chư Phật rồi, vị ấy đã thấu rõ, không còn chấp có trên dưới, tâm được điều thuận, không còn vui buồn.

Khi Bồ-tát Vô Sở Hữu nói lời này thì Kẻ có tâm ác, sát hại người, khó điều phục ấy liền từ chỗ mình bay lên hư không và nói:

–Này các vị thiện nam! Hết thảy các pháp giống như huyễn hóa, không chân thật, chỉ do phân biệt tạo tác. Thật thể của các pháp là như như bất động, không có điên đảo. Vì vậy các vị đối với các tưởng đã được kiến lập hiện có, các thứ tưởng như thế là tưởng không thật, là tưởng điên đảo, chẳng phải là tưởng có thật. Do đó, hiện tại các vị đạt đến chỗ không còn nghi hoặc, cũng sẽ đạt được biện tài vô ngại. Sau khi các vị đã thoát khỏi mọi nghi lầm, nên lúc cầu đạo Bồ-đề không cần nương nhờ người khác, tự thể luôn được giác ngộ tất cả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo:

–Này các thiện nam! Lành thay! Lành thay! Như lời các vị đã nói.

Khi ấy, Kẻ có tâm ác, khó điều phục hại người thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã được thọ ký, mong Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay! Như vậy là Đức Thế Tôn đã thọ ký cho con, tức đại chúng ở đây đều có được sự vui mừng, tâm ý hoan hỷ, phát tâm thù thắng, không còn sợ hãi. Bạch Thế Tôn! Con nay không thấy có pháp nào là hoan hỷ hết mực. Tất cả pháp đều không có nhớ nghĩ, không có chân thật, vì phân biệt mà phát sinh, vì phân biệt mà có trang nghiêm, giống như huyễn hóa, như mộng, như vòng lửa xoay mãi. Con đối với các pháp ấy đã hiểu biết rõ như vậy, cũng giống như Đức Thế Tôn đã vì Bồ-tát Vô Sở Hữu thỉnh vấn mà giải thích, con nay cũng tùy thuận, tức là không tùy thuận.

-oOo-

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ-TÁT

QUYỂN 3

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền mỉm cười, ánh sáng màu vàng ròng từ kim khẩu phóng ra, lên đến cõi Phạm thế tỏa chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, vây quanh Phật ba vòng rồi nhập vào đỉnh đầu.

Khi ấy, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Bất Nhiễm, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay Thế Tôn mỉm cười là do nhân duyên gì? Chư Phật, Như Lai nếu mỉm cười thì chẳng phải là không có duyên cớ, xin Đức Thế Tôn giảng nói để chúng con được lợi ích, an vui.

Phật bảo Bồ-tát Bất Nhiễm:

–Này thiện nam! Vào đời vị lai, trải qua tám mươi chín trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp, Vị tâm xấu ác, oán thù hại người, khó điều phục ấy sẽ thành Phật hiệu là Lợi Thượng Công Đức, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời.

Này thiện nam! Vị tâm xấu ác oán thù hại người khó điều phục ấy sau khi mạng chung sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất, ở chỗ Bồ-tát Di-lặc thọ mạng tùy ý. Khi Bồ-tát Di-lặc hạ sinh, thì vị ấy làm bậc đại trưởng giả, tài sản vật báu vô lượng, hưởng đầy đủ tất cả phước báo. Trong hai mươi ngày đêm, vị ấy cúng dường Đức Thế Tôn Di-lặc cùng chúng Thanh văn. Thấy cảnh vật trang nghiêm nơi cõi Phật của Đức Thế Tôn Di-lặc, vị ấy nguyện cầu, vì muốn cho cõi Phật được thành tựu đầy đủ mọi thứ trang nghiêm, nên vị ấy cùng các quyến thuộc thỉnh mời Đức Thế Tôn Di-lặc cùng chúng đại Thanh văn để cúng dường tất cả các thứ vật dụng cần thiết. Suốt ba tháng, vị ấy cung kính tôn trọng dâng cúng đầy đủ hết thảy. Lại dùng một tấm vải trắng dài tám mươi khuỷu tay để vẽ hình Đức Như Lai Di-lặc cùng với quanh cảnh trang nghiêm của cõi Phật kia. Sau khi vẽ xong, vị ấy dâng cúng Đức Như Lai Di-lặc, rồi phát nguyện: “Nhờ công đức này, nguyện

cho cõi Phật của con cũng sẽ được đầy đủ tướng trang nghiêm như cõi Đức Thế Tôn Di-lặc Chánh Đẳng Giác hôm nay. Nguyện cho các chúng Thanh văn nơi cõi Phật của con được đầy đủ trí tuệ. Nguyện cho các vị Bồ-tát nơi cõi Phật con đạt được vô lượng trí tuệ."

Phát nguyện xong, vị ấy dùng hoa bằng vàng và bạc tung lên cúng dường Đức Như Lai Di-lặc rồi thưa: "Chúng con sẽ tinh tấn như vậy, cũng sẽ làm cho cảnh giới của chư Phật được trang nghiêm, thành tựu đầy đủ như vậy. Như khi xưa, Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni thuộc chủng tộc họ Thích là hàng vương tộc hơn hết, vì con mà thị hiện tướng ánh sáng chiếu khắp, khiến cho vô lượng, vô số chúng sinh thành tựu đầy đủ quả vị Bồ-đề. Cũng như Đức Thế Tôn Di-lặc với nhiều chúng Bồ-tát. Lại như Đức Như Lai Lợi Thượng Công Đức ở trong hội thứ nhất, có vô lượng chúng Bồ-tát đều được thọ ký, chứng đắc pháp nhẫn. Ở trong hội thứ hai, các chúng Bồ-tát đắc pháp nhẫn lại càng tăng thêm vô lượng. Ở trong hội thứ ba, các chúng Bồ-tát đắc pháp nhẫn lại càng tăng thêm vô lượng. Với phương tiện như vậy Đức Như Lai Lợi Thượng Công Đức Ứng Chánh Biến Tri sẽ có các chúng Bồ-tát như thế. Đức Như Lai Lợi Thượng Công Đức đó chỉ dạy khiến cho các chúng Bồ-tát đạt được lợi ích, an vui, hành theo thệ nguyện, được mới phát tâm rồi, đều khiến thành tựu Nhất thiết trí, cho đến chứng quả Bồ-đề."

Này thiện nam! Sau khi gặp Phật Di-lặc xuất hiện ở đời, vị có tâm xấu ác hại người oán thù khó điều phục ấy sinh vào bất cứ nơi đâu cũng được thọ mạng vô lượng, chỉ trừ trong thời gian ở quả vị Nhất sinh bổ xứ thì thọ hai mươi tuổi. Ở đó, trong một ngày, vị ấy đã nhận đủ tất cả nghiệp ác, vô lượng khổ não. Từ đó về sau, vị ấy tinh tấn tu tập, cho đến khi thành tựu quả vị Bồ-đề Chánh đẳng Chánh giác rồi thì thọ mạng vô lượng. Sau khi Phật ấy diệt độ thì chánh pháp trụ mãi ở thế gian, không có đời xấu ác. Còn ngày nay ở cõi của ta, chúng sinh dua nịnh xấu ác, miệng nói lời thô ác, không có trí tuệ, khó vào đạo, bị ma dẫn dắt, ta dù có nói pháp giáo hóa nhưng các chúng sinh đó cũng khó hiểu, khó chứng nhập, lãnh hội.

Này thiện nam! Ở trong cõi Phật kia không có các hoạn nạn, không có các thứ ma và người làm việc ma, chỉ có đông đảo các chúng sinh thuộc hàng lợi căn, thông minh cho nên khi Phật Lợi Thượng Công Đức giảng nói giáo pháp, các chúng sinh ấy chỉ dùng một ít công đức mà được mở bày tỏ ngộ.

Bấy giờ, trong chúng có Bồ-tát tên là Vô Chướng Tịnh Nguyệt, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối phải chấm đất, chắp tay hướng

về Đức Phật, vì muốn giải trừ mối nghi cho mình và đại chúng ở đây, nên Bồ-tát dùng kệ hỏi Thế Tôn:

Con xin hỏi Thế Tôn
Bậc trí tụ vô ngại
Vì để dứt trừ nghi
Cho mình và đại chúng.
Nay người lợi căn ấy
Do đâu ở chúng này
Trước đây giết nhiều người
Nay thọ ký Bồ-đề.
Xin Thế Tôn giảng nói
Nghiệp xưa của vị ấy
Trải qua ức số kiếp
Thường ở nơi cõi ác.
Tích tụ trong nhiều kiếp
Vì si ám che lấp
Nên trong trăm ức kiếp
Thường chịu nhiều loại khổ.
Lưu chuyển nơi sinh tử
Địa ngục lửa hừng hực
Ngục Đại hô, A-tỳ
Quán nghiệp ấy như vậy.
Trong sinh tử lại tăng
Thọ thân rắn độc ác
Gặp ai cũng giết hại
Tái sinh trăm ức đời.
Chịu nhiều thứ đau khổ
Trải qua trăm ức kiếp
Được sinh làm loài người
Lại làm kẻ sát hại.
Nay được gặp Thế Tôn
Lợi căn liền phát sinh
Sớm đoạn các phiền não
Phát tâm hướng Bồ-đề.
Nhờ Phật thọ ký cho
Nơi a-tăng-kỳ kiếp
Sẽ thành Phật Thế Tôn
Hiệu Lợi Thượng Công Đức.

Việc xưa của vị ấy
Xin Thế Tôn giảng nói
Những việc làm như vậy
Quả báo của ác, khổ.
Do đấy, ức số kiếp
Chịu đủ các thứ khổ
Hoặc có tạo nghiệp thiện
Xin Thế Tôn cũng nêu.
Các việc làm thuở xưa
Nghiệp ác cùng bất thiện
Thế Tôn đều biết rõ
Xin Ngài giảng nói cho.
Đại trượng phu đoạn nghi
Vì con và chúng sinh
Cùng muôn loài vị lai
Nghe lời Phật chỉ dạy.
Nếu có tâm nghi ngờ
Nơi pháp này có nghi
Xin Thế Tôn dứt trừ
Hiện tại Lưỡng Túc Tôn.
Thâu tóm các chúng sinh
Đối với thiện nam ấy
Hạnh nghiệp xưa như vậy
Xin Thế Tôn giảng nói.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Vô Chướng Tịnh Nguyệt:

–Lành thay! Lành thay! Thiện nam! Ông nay vì muốn đoạn trừ nghi hoặc cho tất cả đại chúng, nên hỏi Như Lai về nghĩa như vậy. Này thiện nam! Ông hãy lắng nghe, khéo nhớ nghĩ. Ta sẽ giảng nói về chuyện của thiện nam kia, khi xưa đã tạo các nghiệp, thọ bao thứ khổ não, trải qua trăm ngàn na-do-tha kiếp. Các ông nghe rồi nên tin Như Lai, chớ có lo sợ, nhất tâm phụng trì lời Như Lai giảng nói.

Khi ấy, Bồ-tát Vô Chướng Tịnh Nguyệt bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà giảng nói.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ta nhớ về thời xa xưa, sau khi Phật Nhiên Đăng Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri diệt độ, trải qua chín mươi ức na-do-tha kiếp có Phật xuất hiện ở đời hiệu là Pháp Ý Hỷ Vương, đầy đủ mười

tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật ấy thọ mạng sáu mươi tám ngàn năm. Trong chúng hội thứ nhất của Đức Phật ấy, có sáu mươi hai ức trăm ngàn chúng Thanh văn, các Đại Bồ-tát nhiều gấp đôi số đó. Thế giới của Đức Phật ấy tên là Phạm chủ, kiếp tên là Thanh tịnh ý. Như Lai Pháp Ý Hỷ Vương sống vào kiếp ấy. Vì sao kiếp đó tên Thanh tịnh ý? Vì kiếp đó thường có Như Lai và các Bồ-tát xuất hiện ở đời nên gọi là Thanh tịnh ý.

Này thiện nam! Vào thời Như Lai Pháp Ý Hỷ Vương trụ trong kiếp ấy, thiện nam khó điều phục oán thù kia làm vua tên là Hàng Oán, thỉnh Như Lai cùng các Tỳ-kheo Tăng và Bồ-tát để cúng dường tất cả vật dụng suốt ba tháng. Từ Đức Như Lai đó, vua nghe pháp, phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trồng các căn lành, lại gặp được trăm ngàn chư Phật. Ở bất cứ nơi đâu cũng thường tu phạm hạnh, đạt được sự hiểu biết sâu rộng, hết sức tinh tấn, đắc bốn Thiền định. Nhờ căn lành này nên vua lại gặp Đức Như Lai Kim Cang Diệm Quang, ở chỗ Đức Phật ấy, vua xuất gia tu đạo, thực hành phạm hạnh, siêng năng tinh tấn, hành pháp Đầu-đà, thường sống nơi vắng vẻ, thanh tịnh, tụng đọc mười ngàn bộ kinh Đại thừa, cũng chứng đắc bốn Thiền, bốn Định vô sắc và năm Thần thông.

Này thiện nam! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Kim Cang Diệm Quang có mười ức các chúng Tỳ-kheo đều là A-la-hán, lại có tám mươi bốn ức triệu trăm ngàn các chúng Bồ-tát, thường theo Thế Tôn, đều đắc các pháp nhẫn, Đà-la-ni, chuyển bánh xe pháp bất thoái, thông hiểu pháp sâu xa, nhập vào vô biên môn Đà-la-ni, khéo hội nhập Tam-muội Vô biên pháp giới hải ấn, thần thông tự tại, tâm trụ vững chắc, hiển bày thể tánh nơi thân trụ trì của chư Phật, thường hành tâm Từ bi đối với các chúng sinh.

Này thiện nam! Nơi chúng Bồ-tát của Đức Phật ấy có một Tỳ-kheo Bồ-tát tên là Lợi Ích Thượng đứng đầu trong hàng Pháp sư, khéo giảng nói về diệu nghĩa của pháp, chỉ dạy, tạo lợi ích an vui, khiến cho các Bồ-tát đạt được đầy đủ công đức không thể nghĩ bàn. Vị ấy làm thị giả, thường luôn ở bên Đức Thế Tôn, giống như Tỳ-kheo A-nan ngày nay, đều có thể thọ trì các kinh.

Này thiện nam! Đối với hàng triệu trăm ngàn bài kinh của Đức Như Lai Tự Tại Vương giảng nói, Bồ-tát Lợi Ích Thượng đều có thể thọ trì và giải thích về ý nghĩa cho triệu triệu trăm ngàn Bồ-tát.

Này thiện nam! Thuở ấy, Đức Như Lai Tự Tại Vương Ứng Chánh Biến Tri thọ hai vạn tuổi. Vì các chúng Bồ-tát, Thanh văn và vô số chúng sinh, Đức Phật ấy đã giảng nói pháp, giáo hóa suốt trong hai vạn năm. Sau đó, ở trong đại chúng Bồ-tát, Tỳ-kheo, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn… Đức Phật ấy bảo Bồ-tát Lợi Ích Thượng: "Này thiện nam! Ông nên thọ trì pháp Bồ-đề vô thượng của ta đã tu tập hơn triệu trăm ngàn ức kiếp chẳng thể nghĩ bàn. Vào đời sau cùng, vì nhằm khiến cho hàng trời, người tăng trưởng căn lành, hộ trì pháp này, làm cho giáo pháp Bồ-đề của Như Lai rực sáng, trụ mãi ở đời, ông nên thọ trì giảng giải, biện biệt. Này thiện nam! Vào cuối đêm ấy, chư Phật Như Lai sẽ nhập Niết-bàn."

Nghe Phật sắp vào Niết-bàn, Bồ-tát Lợi Ích Thượng buồn bã, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, nói kệ:

Xin đấng Lưỡng Túc trụ một kiếp
Vì lợi ích trời, người thế gian
Con nay khuyến thỉnh Đức Thế Tôn
Xin chỉ dạy giáo pháp vi diệu.
Bậc Đạo Sư trí sâu thanh tịnh
Trụ nơi công đức hạnh thù thắng
Đấng thấy khắp điều phục trời, người
Bậc đại thần thông, xin trụ mãi.
Nếu nghe Đạo Sư nhập Niết-bàn
Chư Thiên, loài người… đều lo buồn
Xin Đạo sư thương xót chúng sinh
Trụ thêm ở đời để chỉ dạy.
Con cùng trăm ngàn các chúng sinh
Bị bao thứ khổ luôn bức bách
Đều do Đạo Sư xướng diệt độ
Đều do Phật sắp nhập Niết-bàn.
Đấng Điều Ngự điều phục muôn người
Cúi xin Thế Tôn trụ mãi mãi
Vì lợi ích trời, người, thế gian
Nên con khuyến thỉnh Phật Thế Tôn.

Khi ấy, vì muốn tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người nên Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lại Bồ-tát Lợi Ích Thượng:

Ta đã vì đời tạo lợi ích
Chỉ dạy đầy đủ các giáo pháp

Khiến các Bồ-tát được đầy đủ
Trụ pháp vô lậu của chư Phật.
Nên quyết định vào cuối đêm nay
Ta sẽ nhập Niết-bàn vô dư
Nay ta giao ông giáo pháp này
Khiến trụ mãi, sau ta diệt độ.
Đại chúng nghe nói lời ấy xong
Các Bồ-tát thảy đều chắp tay
Cùng nhau chiêm ngưỡng Đức Như Lai
Buồn khóc rơi lệ và cùng thưa:
Cúi xin Đấng Lưỡng Túc xót thương
Con cùng trăm ngàn các chúng sinh
Phật diệt độ rồi, ai làm Phật?
Bậc tôn quý trên các thế gian
Thương xót nên an ủi mà nói:
Nơi hàng trời, người trong thế gian
Ta diệt độ Tỳ-kheo chớ buồn
Sau ta lại có Phật xuất hiện
Có Bồ-tát tên Công Đức Phần
Tu hành chứng đắc Trí vô lậu
Ở đời vị lai sẽ làm Phật
Hiệu là Trí Diễm Lưỡng Túc Tôn
Ta nay khuyên ông nên biết rõ
Vì muốn thâu giữ giáo pháp này
Như pháp ấy được giảng nói rộng
Vì hàng trời, người ở thế gian
Được nghe Thế Tôn nói như vậy
Tức thì an ủi lại nói tiếp:
Sức đại thần thông rất kho ấy
Pháp không thâu nhận đều thâu nhận
Ta là Bậc Đạo Sư tôn quý
Nay đều thâu nhận trong chánh pháp
Sẽ giảng nói rộng giáo pháp ấy
Ta sẽ xả thân cùng thọ mạng
Không còn tham đắm thân mạng này
Để giữ gìn giáo pháp Như Lai
Người nào không tham đắm thân mình
Mới có thể hộ trì chánh pháp.

Này thiện nam! Bấy giờ Đức Phật ấy đã an ủi khiến cho tất cả đại chúng ở đó đều hoan hỷ. Nói pháp và hiển bày oai lực xong, quá nửa đêm, Phật nhập Niết-bàn.

Này thiện nam! Sau khi Đức Thế Tôn vào Niết-bàn, vị Bồ-tát ấy giảng thuyết đầy đủ tám mươi bốn ngàn pháp môn, tùy thuận như vậy để tạo mọi thành tựu đầy đủ cho muôn loài, khiến hàng triệu trăm ngàn chúng sinh sẽ đạt được quả vị Chánh đẳng Chánh giác, huống chi là người đã trụ trong thừa Thanh văn, thừa Bích-chi-phật, đã lưu chuyển trong sinh tử từng gieo trồng căn lành.

Này thiện nam! Sau khi Đức Phật kia vào Niết-bàn, chánh pháp diệt rồi, thì trong thời kỳ tượng pháp có nhiều Tỳ-kheo giảng nói về "hữu" có thể chứng đắc "hữu", cho là có thể diệt. Họ đối với các kinh điển không ưa thích thọ trì, lại sinh phỉ báng.

Này thiện nam! Bấy giờ trong cõi Diêm-phù-đề có một vị vua tên Dũng Kiện Lực, phước báo rộng lớn. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo Bồ-tát Lợi Ích Thượng đến hoàng cung của vị vua ấy để giảng nói pháp Phật. Bồ-tát giảng thuyết giáo pháp bí mật của Như Lai. Nhà vua nghe xong liền sinh tâm kính trọng đối với Tỳ-kheo Lợi Ích Thượng và phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng cùng hết lòng cúng dường Tỳ-kheo ấy. Vị Tỳ-kheo này vì muốn giáo hóa tất cả chúng sinh nên luôn thọ nhận mọi sự cúng dường khắp nơi, không sinh tâm chán nản, hối tiếc và mệt mỏi. Nhà vua cúng dường vị Tỳ-kheo ấy xong, đầy đủ trong ba tháng lại cùng với tám vạn bốn ngàn thể nữ, mỗi người tự trang điểm, đem các hương hoa, âm nhạc, chuỗi ngọc, hương xoa, y phục…, các thứ như vậy đến để cúng dường Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo này cùng với tám ngàn năm trăm đồ chúng thường theo hầu, tất cả đều đạt quả vị Không thoái chuyển đối với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Lúc ấy vị oán thù hại người khó điều phục kia cũng là Tỳ-kheo tên Tịch Định Oai Nghi, khéo giảng nói pháp chính yếu, thông thạo Tổng trì, đầy đủ mười ngàn thứ kinh điển, trì tụng thông suốt, có thể phân biệt rộng các kinh, thường thuyết giảng về ý nghĩa của pháp ít ham muốn, biết đủ. Vị Tỳ-kheo Tịch Định Oai Nghi ấy đã chứng bốn Thiền, lại được năm Thần thông, bốn Định vô sắc, có nhiều đệ tử, số lượng đến năm trăm, thường theo gần gũi với thầy, cũng đều có oai nghi thắng hạnh như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Tịch Định Oai Nghi thấy Tỳ-kheo Bồ-tát Lợi Ích Thượng thì không vui không mừng, mà sinh tâm xấu ác, khởi ý sân hận,

hiện ra sắc ác, ở trước đại chúng, nói như vầy: "Như Tỳ-kheo kia thì có hạnh Bồ-đề ở chỗ nào? Có pháp của chư Phật ở chỗ nào? Tạp hạnh như vậy đối với thế gian oai nghi còn không có, huống là sẽ chứng được trí tuệ thù thắng."

Nhưng mọi người đều hướng về và tin theo, không ai có thể hủy hoại được uy tín của Tỳ-kheo Bồ-tát Lợi Ích Thượng. Khi ấy, Tỳ-kheo Tịch Định Oai Nghi sân hận lại càng tăng thêm, từ đó hầu như ông không còn muốn gặp vị Tỳ-kheo kia và cho: Mình không hài lòng khi thấy việc ác ấy. Nếu vị Tỳ-kheo ấy hành theo tà kiến tất khiến mọi người đều hành theo điên đảo. Đến chỗ vắng lặng, muốn nhập Tam-muội nhưng do có sân hận nên ông ta không thể thuận nhập, huống lại có thể an định. Do sức giận dữ bộc phát mạnh mẽ như vậy, nên các thứ thiền định Tam-muội và năm Thần thông đạt được tất cả đều bị mất. Vì tâm thô ác như thế nên Tỳ-kheo Tịch Định Oai Nghi bị bệnh nặng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bồ-tát Lợi Ích Thượng suy nghĩ: "Nếu như vị Tỳ-kheo này thật là hiếm có, nhưng lại sinh tâm sân hận, độc ác, bất thiện hết sức, ta nên bày tỏ sự thương xót nhằm tạo lợi ích khiến vị ấy được nghe giáo pháp sâu xa.

Lúc này, Tỳ-kheo Bồ-tát Lợi Ích Thượng cùng với năm ngàn các chúng Bồ-tát, quyến thuộc cùng bay vút lên hư không, trụ trên ấy xong, bèn nói kệ:

Ở chốn tự tánh nói Bồ-đề
Muốn không phân biệt, không hủy hoại
Người hiểu việc này nên thuyết giảng
Đạt được an lạc, chứng Bồ-đề.
Tự tánh của sân như Bồ-đề
Thế Tôn đã nói lời này rồi
Người nào hiểu pháp hành như vậy
Là chứng Bồ-đề vô thượng tôn.
Thị hiện ngu si như Bồ-đề
Bồ-đề, ngu si tánh không khác
Thị hiện si ấy bằng một hạnh
Sẽ tỏ Bồ-đề đạo Vô thượng.
Nếu đã nói rồi các kiến hành
Và giác ngộ Bồ-đề thắng thượng
Với người thuyết giảng hai hạnh này
Thấy hành không thủ đắc Bồ-đề.

Pháp chư Phật sâu xa vi diệu
Không dùng "hữu đắc" để nhận biết
Xa lìa phân biệt, chỗ nương tựa
Người trí thiện xảo ngộ Bồ-đề.
Nếu lìa bỏ hết các phân biệt
Và dùng trì giới thấy ngã mạn
Nương vào đa văn mà tự giữ
Bỏ tất cả rồi ngộ Bồ-đề.
Thà ở tại nhà vui tham dục
Nếu nghe pháp này không nghi sợ
Tin hiểu lời dạy Bậc Đạo Sư
Đối với một hạnh giảng nói rộng.
Không dạy pháp này trong xuất gia
"Hữu sở đắc" thấy nơi thanh vắng
Ở trong tưởng ngã thường chấp trước
Khởi niệm ta sẽ chứng Bồ-đề.
Đã có động niệm nơi giảng nói
Như vậy đều là lưới của ma
Nếu biết các pháp như hư không
Nên không hề sinh khởi động niệm.
Chư Như Lai có pháp như vậy
Bậc Thế Tôn đều nói một hạnh
Phiền não, Bồ-đề chẳng có hai
Không thủ đắc phiền não, Bồ-đề.
Nếu không phân biệt dục và sân
Cũng không phân biệt về ngu si
Lìa bỏ đây kia, không có hai
Giác ngộ Bồ-đề của chư Phật.
Nếu không trụ vào "hữu sở đắc"
Cũng không có niệm và chẳng động
Không sinh tưởng ngã, không chỗ dựa
Chứng đắc Bồ-đề đạt an lạc.
Lìa bỏ phân biệt nơi phân biệt
Quanh co dối trá và ganh tỵ
Vui hành phước đức, giới Đầu-đà
Chứng đắc Bồ-đề vô lượng nhãn.
Nếu nghe pháp này không lìa bỏ
Lúc nói rộng ra cũng không nghi

Sẽ mau thành Bậc Lưỡng Túc Tôn
Trí vô thượng thế gian tự tại.
Hiểu sâu các pháp vi diệu nhất
Không thể nghĩ bàn, tịch không thuyết
Nếu người không phá bỏ ngã kiến
Trong nhiều ức kiếp khó giác ngộ.

Này thiện nam! Lúc Tỳ-kheo Bồ-tát Lợi Ích Thượng nói kệ này xong, thì nơi không trung có sáu mươi sáu na-do-tha chư Thiên chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, lại có sáu mươi hai ngàn chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tịch Định Oai Nghi nghe kệ này rồi, ý không vui mừng, tâm sinh khổ não, bức bách, nên toàn thân sưng vù lên. Vị ấy ngược lại với tâm Từ của Bồ-tát Lợi Ích Thượng, chỉ suy nghĩ về một chút tâm Từ, ngoài ra đều là tâm sân hận. Lúc này, đại địa bèn nứt ra, hiện thân của vị ấy bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Ở trong cõi ấy hàng ức na-do-tha trăm ngàn năm, chịu rất nhiều nỗi thống khổ, lúc mạng chung liền thọ sinh nơi loài rắn độc. Như thế lần lượt trải qua nhiều ức na-do-tha đời, đồng thời sinh trong hai cõi ác ấy đến trăm ngàn lần. Vị ấy sinh trong địa ngục Đại a-tỳ, địa ngục Đại khiếu hoán, rồi trở lại sinh vào loài rắn độc. Do những căn bất thiện như vậy, nên trải qua đủ sáu mươi hai ức na-do-tha trăm ngàn kiếp, vì xưa kia đối với Bồ-tát Lợi Ích Thượng có sinh một chút tâm Từ thể hiện qua ánh mắt, nên khi hết bị đọa trong hai cõi ác kia, vị ấy được thọ thân người. Do tâm được huân tập, lại vì thấy rắn độc mẹ mà phát sinh tâm Từ, lại được nghe giáo pháp vô cùng sâu xa vi diệu nên nay đạt được thần thông cùng trí tuệ thù thắng như thế.

Này thiện nam! Ý ông nghĩ sao? Tỳ-kheo Tịch Định Oai Nghi thời ấy đâu phải là người xa lạ, nay chính là Vị khó điều phục oán thù, do từ xa xưa đã tạo nghiệp chướng ấy. Này thiện nam! Ý ông nghĩ sao? Vị Tỳ-kheo Bồ-tát Lợi Ích Thượng thời ấy đâu phải là người xa lạ, nay chính là thân ta, còn vị vua Dũng Kiện Lực thời ấy, đâu phải là người xa lạ, nay chính là Bồ-tát Vô Sở Hữu.

Này các thiện nam! Do xưa kia, vị Tỳ-kheo Tịch Định Oai Nghi ở bên Bồ-tát Lợi Ích Thượng sinh tâm sân hận như vậy, nên phải thọ nhận nghiệp chướng khổ não đáng sợ, khó lường như thế.

Này các thiện nam! Do vậy, nếu có Bồ-tát muốn làm thanh tịnh các thứ nghiệp chướng, thì đối với chư Bồ-tát phải cung kính, tôn trọng, luôn nghĩ như vị thầy dạy dỗ mình.

Này các thiện nam! Nếu có vị nào muốn cho tự thân không bị hại, lại

an trụ nơi quả vị Bồ-tát, thì phải nên tu học như vậy.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói phẩm "Kể lại chuyện xa xưa" này, có chín mươi hai na-do-tha trăm ngàn chúng sinh chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh, ba mươi sáu ức na-do-tha chư Bồ-tát có thể làm thanh tịnh mọi thứ nghiệp chướng.

Bấy giờ, Vị oán thù hại người khó điều phục ấy, nghe Phật thọ ký cho mình thì rất đỗi vui mừng, liền bay lên trụ giữa hư không cao cách đất bảy cây Đa-la và nói kệ:

Nếu muốn trụ cõi tịnh
Nên như Đạo sư giảng
Phải tin lời chư Phật
Đại thần thông tối thượng.
Biết thần thông Phật rồi
Biết chỗ không phân biệt
Nơi thế gian không có
Khó có thể đạt được.
Nếu nghe được kinh pháp
Vô Sở Hữu nên hỏi
Khéo tin nhận, chứng nhập
Tức cúng dường chư Phật.
Nếu học kinh này rồi
Thì trừ các tưởng hữu
Bỏ được việc làm ác
Sẽ gặp các Đạo sư.
Nếu ai học kinh này
Thì sẽ gặp chư Phật
Thân cận các Như Lai
Như kinh đây nói rộng.
Đây tức là Thí độ
Trụ ở nơi Tịnh giới
Nhẫn nhục và Tinh tấn
Thiền định cùng Trí tuệ.
Nếu không có sở đắc
Nơi ấy chẳng thể nói
Như điều Thế Tôn dạy
Điều phục, học như vậy.
Nếu nghe được kinh ấy

Hiểu rõ tất cả nghĩa
Cúng dường đủ các loại
Không báo đáp hết được.
Trải qua vô số kiếp
Tối tăm không hiểu biết
Nếu người nghe kinh này
Thì đến được cõi Phật.
Nơi ngu si tỉnh ngộ
Phá trừ màn vô minh
Đạt được tất cả không
Đều nhờ nghe kinh này.
Dứt tận các phiền não
Chỉ còn lại chút ít
Giống như nơi biển lớn
Còn lại một giọt nước.
Dốc thành tựu chúng sinh
Giọt phiền não chưa hết
Vì thương xót chúng sinh
Chưa dứt phiền não đó.
Làm thanh tịnh cõi Phật
Tất cả chưa viên mãn
Nên độ thoát chúng sinh
Chẳng bỏ một chốn nào.
Khi việc ấy viên mãn
Được thọ ký Bồ-đề
Cho nên các giọt nước
Ở trong bình chẳng tận.
Nếu tất cả mở bày
Thì sẽ có cõi Phật
Được đầy đủ tất cả
Không còn huân tập khác.
Chốn như vậy như vậy
Nghe có kinh như thế
Người khéo hay giảng nói
Đầy đủ các công đức.

Vị oán thù khó điều phục nói kệ này xong thì từ nơi hư không hạ xuống trước chỗ Đức Phật, đảnh lễ sát chân Phật, chắp tay đứng qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi vị ấy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông nói kệ ấy thật hợp với nghĩa lý, không có hư vọng, không có sai khác. Uy lực thần thông của Như Lai như vậy, tất cả chúng Bồ-tát phải nên học. Học như vậy rồi thì sẽ đạt được diệu nghĩa không nơi chúng sinh.

Lúc đó, vị oán thù khó điều phục liền suy nghĩ: Đức Thế Tôn đã khen ta "Lành thay", ta nay rất hoan hỷ, vậy nên dùng vật gì để cúng dường Đức Thế Tôn? Ngay lúc ấy, giữa hư không phát ra âm thanh:

–Ông nên dùng thân để cúng dường Đức Thế Tôn.

Vị Oán thù khó điều phục lại hỏi:

–Cúng dường như thế nào?

Lại nghe nơi hư không đáp:

–Này thiện nam! Hiện tại ông nên bay lên hư không, khiến cho các đại chúng ở đây đều thấy biết, trụ ở giữa hư không nói kệ này:

Tham đắm vào các vật
Đều do chấp nơi thân
Con đã bỏ tất cả
Nay cúng dường Đạo Sư.

Nghe kệ này xong, vị đó rất vui mừng, do diệu lực từ thần thông của Phật, nên bay lên hư không cao một cây Đa-la, nói kệ ấy xong, liền xả thân cúng dường Đức Như Lai, sự việc xong thì có hàng ngàn loại hoa mềm mại, mùi hương tinh khiết đặc biệt, ánh sáng và mùi hương ấy tỏa rộng khắp một do-tuần, giống như ánh sáng mặt trời. Trải qua một giờ hoặc nửa giờ, các hoa đó lại nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng để cúng dường. Do thần lực của Phật nên số hoa đó ở giữa hư không đã kết thành lọng hoa. Từ nơi lọng hoa ấy phát ra lời kệ:

Tôi đã xả thân mình
Cúng dường các Đạo sư
Tôi chẳng biết tự thân
Cũng chẳng biết Thế Tôn.

Khi đó, vị ấy hiện khắp mọi nơi, chẳng biết thân tâm, chẳng biết Như Lai, chẳng biết chúng sinh, chẳng biết trụ xứ, nhập vào Niết-bàn bình đẳng, nhưng cũng không nghĩ là ta đã chứng đắc.

Lúc ấy, có một hóa Phật tự nhiên hiện thân, nói:

–Này thiện nam! Ông đã thành tựu hạt giống nơi cõi Phật, hiện bày tất cả.

Ở trước đức hóa Phật đó, vị ấy đứng chắp tay, tâm rất vui mừng cung kính, lễ bái rồi thưa:

–Con nay đã đảnh lễ thần thông lớn của Phật, khiến cho các hạt giống căn lành cùng phát sinh, trụ khắp trong pháp Niết-bàn bình đẳng, lìa tội, phước đức, như vậy cũng chẳng trụ chấp gần nơi căn lành.

Nhưng trong các pháp Phật, vị đó có khả năng gần gũi, đầy đủ tất cả, luôn khuyến thỉnh khiến trụ nơi cảnh giới giác ngộ, rồi lại nói kệ:

Chúng sinh biết như vậy
Nên thoát nỗi khổ dữ
Đường sinh tử hiểm lớn
Chúng sinh khổ hiện có.
Cũng sẽ chẳng thành tựu
Chỗ có nói về khổ
Cũng chịu sự khổ ấy
Vì chẳng hiểu lời này.
Nói kệ xong thì đứng yên lặng.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Danh nói với vị đó:

–Này thiện nam! Ông nay đã có thể thực hành tất cả thí, như đem thân mình cúng dường Phật. Này thiện nam! Ông lại không thể nói: "Ta được tự tại" dù đã đem thân này cúng dường nơi Phật.

Này thiện nam! Ví như có người đem của cải bố thí cho người khác, sau đó không thể nói: "Vật ấy sẽ trở về với tôi." Người đó đối với tài sản đã bố thí, chẳng được tự tại. Cũng vậy, này thiện nam! Ông đã đem thân cúng Phật với lời nói: "Đời vị lai ta sẽ được thành Phật. Vì đã được thọ ký." Này thiện nam! Nay ông lại muốn làm gì?

Nghe lời nói như thế, vị ấy liền sinh niệm nghi ngờ: "Ta nay làm gì? Ta nay lên làm sao?. Suy nghĩ như vậy liền nghe Bồ-tát Vô Sở Hữu nói:

–Này thiện nam! Nay ông chớ nghĩ tưởng về điều gì khác, chỉ nên nhớ lại thần thông của chư Phật, như đã tin hiểu. Nên trả lời như vậy đối với câu hỏi của Bồ-tát Vô Danh.

Nghe lời nói đó, vị ấy liền phát sinh biện tài, thấy rõ từ trước đến nay không có thân tâm, không có ngôn thuyết, không thí, không giới, không nhẫn, không tấn, không thiền, không trí, không đoạn, không thường, không Thanh văn, không Bồ-tát, không phát tâm Bồ-đề, không có Như Lai, không có pháp của Như Lai, không có Niết-bàn, không có âm thanh của Niết-bàn, không có người tin, không có chỗ trụ, không có chỗ chọn lấy, không có chỗ để nói, không có người trói buộc, không có chỗ nghe, không có người được

nghe, không có chỗ hiện có, không có người hiện có, không có người vâng theo để thâu tóm, không có chỗ vâng theo để mong cầu, tất cả tướng thù thắng đều đã đầy đủ, giáo hóa chúng sinh, mở bày trọn vẹn, thành tựu cõi Phật và Niết-bàn, đều bình đẳng không hai, không có tên gọi, lời nói, như không thể nói, cũng không muốn sinh, như trong "vô ngôn" Như Như là trụ, Như Như đó cũng không có chỗ tạo tác. Vị ấy đối với thần thông lớn của chư Phật, không còn nghi hoặc.

Bấy giờ Bồ-tát Vô Danh khen ngợi vị "Có tâm xấu ác hại người khó điều phục":

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông nay khéo trụ vào đại thần thông của Phật, thành tựu biện tài, nên đã biện thuyết như vậy.

Vị ấy đáp:

–Thưa Đại sĩ! Tôi cũng không trụ chấp nơi thần thông của Phật, vì thần thông của Phật là không thể tạo tác, vì thể chân thật của các pháp là không có tên gọi, không thể thủ đắc, không thể hội nhập, không thể nêu dẫn, không thể nhận biết về nơi chốn. Người đã tin không có chỗ trụ như vậy tức cho thần thông không có chỗ trụ thì không ai có thể nêu được tên gọi, nhưng trong chỗ vô danh ấy, tôi nay xin hỏi Đại sĩ, vì Đại sĩ là người có trí thì sự việc này không lấy làm khó.

Bồ-tát Vô Danh đáp:

–Này thiện nam! Ông nay chỉ hỏi ta về chỗ nhận biết, ta sẽ vì ông mà giải thích.

Vị khó điều phục nói:

–Thưa Đại Bồ-tát! Ông nay vì nhân duyên gì mà gọi là Vô Danh?

Bồ-tát Vô Danh đáp:

–Ở đây, ta không thể nêu bày, cũng như chỗ thị hiện về tên gọi của ông bây giờ.

Vị ấy nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Đại sĩ! Ông nay đã trụ vào thần thông của Phật, xa lìa mọi thứ tên gọi.

Bồ-tát Vô Danh đáp:

–Này thiện nam! Ở trong chỗ bình đẳng thì không có pháp nào có thể lìa, có thể đoạn, có thể kiến lập, không đến, không đi, không có tướng bình đẳng. Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp bình đẳng thì không có ly biệt. Nếu tất cả các pháp bình đẳng thì cũng không có nơi chốn thì làm thế nào đoạn, lìa. Nếu pháp bình đẳng mà có khác biệt thì mới có thể đoạn, lìa.

Bấy giờ, trong chúng hội có một Bồ-tát tên là Bất Tự Tại, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Bồ-tát Vô Sở Hữu mang tên như vậy?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông nên đến hỏi Bồ-tát Vô Sở Hữu, Bồ-tát sẽ nói rõ các nhân duyên ấy cho ông.

Bồ-tát Bất Tự Tại liền đến trước Bồ-tát Vô Sở Hữu hỏi:

–Này thiện nam! Ông nay vì sao có tên là Vô Sở Hữu?

Bồ-tát Vô Sở Hữu đáp:

–Này thiện nam! Ta nay không thấy tự thân mình có thể tạo lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh. Ông nên hỏi Đức Như Lai về những điều như vậy.

Bồ-tát Bất Tự Tại hỏi:

–Những điều hỏi đó và thân của ông ứng hợp hay là không ứng hợp?

Bồ-tát Vô Sở Hữu đáp:

–Chỗ hỏi tôi không ứng hợp với thân.

Bồ-tát Bất Tự Tại hỏi:

–Này thiện nam! Ông nay vì sao không ứng hợp với tự thân, mà thành tựu được chỗ đã hỏi?

Bồ-tát Vô Sở Hữu nói:

–Này thiện nam! Tôi dùng ba nơi để hỏi Đức Như Lai. Đó là thân, khẩu và ý. Này thiện nam! Thân, khẩu, ý này không có nghĩa hòa hợp.

Bồ-tát Bất Tự Tại bảo:

–Này thiện nam! Ông do có ý gì mà không hiện thân?

Bồ-tát Vô Sở Hữu thưa:

–Ông nay nên tin về những điều tôi nói. Tôi vì nhằm tạo an lạc cho tất cả chúng sinh nên không hiện thân.

Bồ-tát Bất Tự Tại nói:

–Tôi dùng Nhục nhãn nên không thể thấy được.

Bồ-tát Vô Sở Hữu bảo:

–Nên dùng Thiên nhãn để nhìn thấy.

Bồ-tát Bất Tự Tại thưa:

–Dùng Thiên nhãn cũng không thể thấy.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nói:

–Dùng Pháp nhãn để nhìn thấy.

Bồ-tát Bất Tự Tại đáp:

–Này thiện nam! Mọi thứ pháp hành hiện có cũng không lìa tất cả các nhãn, ở nơi ấy không có pháp nào có thể thấy được.

Bồ-tát Vô Sở Hữu hỏi:

–Ông làm thế nào để nghe?

Bồ-tát Bất Tự Tại đáp:

–Nơi ấy không có hòa hợp nên có thể nghe. Này thiện nam! Tôi thấy Như như.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nói:

–Này thiện nam! Ở trong Như như không có ba nhãn.

Bồ-tát Bất Tự Tại hỏi:

–Ông làm sao để thấy?

Khi ấy, Bồ-tát Vô Sở Hữu an trụ trong im lặng.

Bồ-tát Bất Tự Tại nói:

–Này thiện nam! Đối với tất cả pháp không thể thấy, tại sao an trú trong im lặng? Hư không lẽ nào chẳng dung thọ các pháp? Hư không tất có thể dung nạp các pháp, nên không có nhiễm chấp, hội nhập không bị chướng ngại. Đối với tất cả các pháp không có nhờ dựa, nơi ấy không có đắm nhiễm, nên có thể giải thích, nêu bày. Này thiện nam! Do nhân duyên gì mà ông im lặng không nói?

Bồ-tát Vô Sở Hữu đáp:

–Tôi nay nếu dùng ngôn ngữ hiện có để giải thích cho ông thì không thể được, do vậy tôi im lặng, không nói. Này thiện nam! Ông hãy nghe tôi hỏi: Vì nhân duyên gì mà ông có tên là Bồ-tát Bất Tự Tại? Này thiện nam! Tôi nhớ lại hàng ức kiếp về trước đã từng nhận biết vì các chúng sinh mà xa lìa lời nói không có lợi ích, vì các chúng sinh mà làm những điều lợi ích, hòa nhã an lạc, tất cả đều tốt đẹp, vi diệu, hoan hỷ, không có thô xấu, dựa vào lúc có lợi ích, nên không sinh sân hận. Nói điều như thế mà không có chúng sinh nào oán hận tôi.

Này thiện nam! Do nhân duyên ấy nên tôi không có lo sợ. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều không có chỗ lo sợ. Vì sao? Vì các ngôn ngữ hiện có không có tự tại. Này thiện nam! Ông nay quán xét các pháp ngôn ngữ không có tự tại ấy. Trong ngôn ngữ tôi nói hôm nay có người nhờ vậy mà được thành tựu, không lệ thuộc vào ba cõi. Mọi ngôn thuyết hiện có của chúng sinh hoặc hợp hoặc tan, hoặc có lợi ích, hoặc không lợi ích, hoặc xen

tạp, hoặc không xen tạp, hoặc niệm, hoặc khởi, hoặc vì chúng sinh khiến họ làm thanh tịnh các phiền não, khiến xả bỏ các phiền não. Tôi thấy tất cả thảy đều bình đẳng, kẻ trí người ngu đều cùng một tên gọi.

Bồ-tát Bất Tự Tại nói:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như ông trước đây đã cúng dường các Đức Phật, nên lời nói, sự giải thích được hòa hợp với chân thật. Này thiện nam! Ông thấy rõ lợi ích gì mà không hiện thân?

Bồ-tát Vô Sở Hữu đáp:

–Ông nay nên hỏi Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Úy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Sở Hữu này vì thấy rõ lợi ích gì mà không hiện thân?

Phật nói:

–Này thiện nam! Chỉ trừ thân ta và thân thù thắng do thần thông biến hóa, ngoài ra không có thân của chúng sinh nào trong ba cõi có thể so sánh. Đạt được thân tướng tốt đẹp thù thắng như vậy là nhờ phước báo, nên chớ để các phụ nữ nhìn thấy. Nếu họ nhìn thấy thì đắm nhiễm, loạn ý, không thể nghe pháp, không làm được việc gì, xa lìa chồng con, ăn uống không vui, đam mê ái dục, chịu nhiều khổ não. Bồ-tát Vô Sở Hữu vì thấy rõ các tai họa như vậy nên không hiện thân.

Lúc này, Bồ-tát Vô Úy và đại chúng đều sinh nghi ngờ, liền nghĩ: "Bồ-tát Vô Sở Hữu này có thân tướng như thế nào mà nay Đức Thế Tôn lại nói như vậy."

Bấy giờ, các người nữ trong đại chúng: Một tên là Giải Nhiễm, hai tên là Bảo Anh, ba tên là Giải Hoa, bốn tên là Bảo Hoa, năm tên là Phổ Hương, sáu tên là Hương Tự Tại, bảy tên là Kim Hoa, tám tên là Tác Ái, chín tên là Bất Nhiễm, mười tên là Thiện Trụ Ý, mười một tên là Tác Quang Minh, mười hai tên là Điểm Vị, mười ba tên là A-na-la-lê-da, mười bốn tên là Trụ Trì, mười lăm tên là Vô Cấu, mười sáu tên là Hải, mười bảy tên là Công Đức Thượng, mười tám tên là Vô Quá Thất, mười chín tên là Điều Thuận, hai mươi tên là Chư Thiên Cúng Dường, hai mươi mốt tên là Hoại Thượng, hai mươi hai tên là Phổ Chiếu Minh, hai mươi ba tên là Bất Bối, hai mươi bốn tên là Thiện Trù Trì Tinh Tấn, hai mươi lăm tên là Thiện Trú, hai mươi sáu tên là An Lạc, hai mươi bảy tên là Vương, hai mươi tám tên là Bi. Hai mươi tám người nữ như vậy, cùng một số thiếu nữ khác từ chỗ ngồi đứng dây, cởi các xâu chuỗi anh lạc trên thân mình đem dâng cúng dường Đức Thế Tôn rồi cùng nhau quỳ gối phải xuống sát đất, chắp tay

bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói về công đức của Bồ-tát Vô Sở Hữu như thế, nguyện cho chúng con nhờ oai lực của Đức Như Lai được thấy thân tướng của Bồ-tát ấy. Bồ-tát đã thành tựu phước báo chân thật thì chớ dùng thân khác biệt mà thị hiện cho chúng con. Chúng con nay muốn thấy thân tướng đích thật của Bồ-tát Vô Sở Hữu.

Phật bảo các nữ nhân:

–Nay các con muốn thấy sắc thân thành tựu của Bồ-tát Vô Sở Hữu chăng?

Các nữ nhân đáp:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con có điều nghi ngờ, cúi mong Thế Tôn giải thích cho.

Phật nói:

–Này các nữ nhân! Sau khi thấy thân tướng của Bồ-tát Vô Sở Hữu rồi, các con có lợi ích gì? Các con trở về nhà chớ lìa bỏ quyến thuộc, nếu thấy được thân tướng của Bồ-tát Vô Sở Hữu thì hãy an trú đầy đủ nơi tất cả công đức.

Các nữ nhân thưa:

–Chúng con đều có thể xả bỏ tất cả, quyết định phải thấy được thân tướng của Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Sở Hữu:

–Này thiện nam! Các nữ nhân ấy muốn được thấy thân tướng của Bồ-tát.

Bồ-tát Vô Sở Hữu thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã hứa với các nữ nhân, con nên hiện thân tướng trước họ sao?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Như Lai đã hứa với họ, nhiều người vui mừng muốn được thấy thân tướng của Bồ-tát, sẽ có lợi ích như có được thân tâm hơn hẳn, đẹp đẽ, thanh tịnh. Nếu thấy được thân ông thì họ quyết định ở nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được chuyển thân nữ thành thân nam. Ông nay đã có tịnh nguyện như vậy là nhờ dùng trăm ngàn thân vun trồng các căn lành nơi nhiều Đức Phật, trụ trong nguyện ấy, ở nơi ba cõi phát nguyện: Tôi sẽ chứng đắc Phật thân tối thắng, có chúng sinh nào thấy được thân tôi thì họ quyết định trụ nơi đạo quả Bồ-đề, được chuyển thân nữ thành thân nam. Nếu ở nơi trú xứ của tôi, đã vun trồng các căn lành thì

suy nghĩ về pháp sâu xa như vậy xong tức chứng đắc bản tánh của "nhẫn", nguyện cho họ chứng nhập trong pháp chân như, đầy đủ các pháp của Bồ-tát, mở bày gần gũi nơi pháp của chư Phật.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nghe Đức Phật nói như thế xong, liền thưa:

–Đúng vậy! Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn đã dạy.

Tức thì trong tay của Bồ-tát, nơi từng ngón một đều phóng ra ánh sáng, mỗi mỗi ánh sáng đều tỏa chiếu đến thành Vương xá, đều xuất hiện nơi nhà của các người nữ kia. Những ánh sáng ấy, nếu có các chúng sinh thấy được thì từ nơi đất vọt ra hóa thành các hoa, rộng tròn một thước, sắc hương đầy đủ, từ trước đến nay chưa từng được thấy.

-oOo-

KINH VÔ SỞ HỮU BỒ-TÁT

QUYỂN 4

Bấy giờ, trong thành Vương xá có vị công chúa con vua Tần-bà-sa-la muốn ra ngoài thành để dạo chơi, nhà vua liền bảo đám thị nữ: "Các ngươi đã luôn hầu cận bên con gái ta và đã hưởng lộc của nhà vua, vậy phải hết lòng với công việc." Đám thị nữ đông đến hàng ngàn người này, nghe vua nói xong liền dùng các thứ chuỗi ngọc đủ loại trang điểm nơi thân. Khi ấy, họ trông thấy các bông hoa tươi đẹp hiếm có ở phía trước, thân tâm rất vui mừng, muốn nắm bắt lấy nhưng không sao nắm bắt được và họ cũng không muốn rời bỏ. Các cành hoa ấy tuy cách tay họ chỉ chừng một thước mà không thể với tới, chúng cứ bay mãi về phía núi Tỳ-phú-la.

Lúc này, đám thị nữ cùng với công chúa con vua Tần-bà-sa-la từ trong thành Vương xá tuần tự đi ra. Các bông hoa kia vẫn bay chầm chậm trước mặt, nhưng họ không thể phân biệt chúng bay hay không bay. Ai nấy đều nghĩ: "Các bông hoa này gần tay chúng ta, sao mà không thể nắm bắt được?" Rồi tất cả các cành hoa đều bay về núi Tỳ-phú-la và đám người đông đảo này cũng trèo lên núi. Đến nơi, mọi người đều thấy hàng vô lượng trăm ngàn đại chúng đang vây quanh Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác để nghe pháp.

Lại thấy có hai mươi tám người con gái, cùng chị em của họ đang chắp tay đứng trước Đức Thế Tôn để cung thỉnh. Công chúa con vua Tần-bà-sa-la nhìn thấy đám người ấy bèn hỏi:

–Các phụ nữ này vì sao chắp tay đứng trước Đức Thế Tôn, để cầu nguyện việc gì chăng?

Tức thì trên hư không có tiếng nói:

–Các vị ấy muốn được thấy thân tướng của Bồ-tát Vô Sở Hữu. Thân tướng của Bồ-tát rất là thù thắng, trừ thân Phật ra, thì trong ba cõi không ai có thể sánh bằng.

Các phụ nữ mới đến núi Tỳ-phú-la cũng đồng thưa:

–Chúng con xin nguyện được thấy sắc thân của Bồ-tát Vô Sở Hữu.

Họ vừa nói dứt lời, thì các bông hoa kia liền bay vào nơi tay, mọi

người bèn dùng các hoa ấy tung lên để cúng dường Đức Như Lai và nói:

–Cúi mong Đức Thế Tôn cho Bồ-tát Vô Sở Hữu hiện thân trước chúng con.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Sở Hữu:

–Này thiện nam! Ông nay nên thị hiện toàn thân, khiến cho nhiều chúng sinh sau khi thấy được rồi sẽ vun trồng nhân Bồ-đề, cũng như ông đã ở nơi trú xứ của trăm ngàn Đức Phật gieo trồng các căn lành.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Hữu liền hiện toàn thân, đại địa hiện đủ các thứ chấn động, nhưng đều an lành, không một chúng sinh nào phải sợ hãi, tất cả mọi âm nhạc không hòa tấu mà tự vang lên, trên không trung mưa xuống các loại hoa trời, hết thảy nơi chốn, bao thứ hương quý của hàng trời, người đều tự đốt lên.

Lúc này, Bồ-tát Vô Sở Hữu đã thị hiện sắc thân đầy đủ, các người nữ trông thấy ai cũng vui mừng, họ đều tự nghĩ: "Bồ-tát Vô Sở Hữu chỉ tạo riêng sự an lạc cho mình."

Bồ-tát Vô Sở Hữu thị hiện trước mặt của mỗi người, nhưng chẳng ai biết đó là do thần thông biến hóa của Bồ-tát. Mỗi người đều nói lên ước nguyện của mình: Ở núi Tỳ-phú-la bên dưới rừng cây kia, chúng ta sẽ ở đây hoan hỷ thọ nhận mọi thứ an lạc. Chúng ta chưa từng được nghe các âm thanh vi diệu, sắc hương khác lạ như vậy. Chúng ta hôm nay xin đội ân của Đức Như Lai.

Các phụ nữ ấy bèn đến ngồi bên các cội cây, xe cộ, bảy báu, tất cả các thứ phước báo đều hiện ra đầy đủ, mọi người an vui thọ nhận không ai nghĩ đến chuyện trở về. Họ vui chơi trong bảy ngày đêm như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đều vì các chúng sinh mà giảng nói giáo pháp chính yếu. Nếu có ai không được thấy thân của Bồ-tát Vô Sở Hữu thì do căn lành của họ chưa thành thục, tuy họ rất muốn nhưng không thể thấy được.

Những người được thấy sắc thân của Bồ-tát Vô Sở Hữu qua bảy ngày đêm rồi dần dần như bị hủy hoại, không còn ánh sáng tinh túy, mọi phước báo thọ dụng cũng đều biến mất, hình tướng các vị Bồ-tát được hóa hiện cũng đều không còn, chỉ còn mỗi rừng cây. Các phụ nữ nghe trên không trung có tiếng nói:

–Này thiện nam! Đây là thể tánh chân thật của các hành, các vị chớ nên dấy khởi tưởng chấp về thường còn, mà hãy khởi lên tưởng lìa bỏ thân tướng người nữ, nguyện có được thân nam nhi, thân không ai sánh bằng thân của chư Phật. Các vị có thể phát tâm Bồ-đề, cầu đạo quả Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, để thọ thân người nam. Những người nữ nghe nói như vậy rồi, thì chỉ trong chốc lát tâm được an trú nơi vắng lặng, thấy được hình tướng của Đức Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân. Thấy như vậy xong, họ cùng nói: "Nguyện cho chúng con sẽ có được thân tướng đẹp đẽ như thế, không có tham nhiễm, không có nơi chốn tham nhiễm, như thân Phật này tịch tĩnh dứt sạch phiền não."

Các vị nữ nguyện như vậy rồi, thì đều chuyển thân nữ thành thân nam, chỉ trừ những vị từ xa xưa đã phát nguyện cúng dường Bồ-tát Vô Sở Hữu, cho đến khi Bồ-tát thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng rồi mới chuyển thân nữ, vì vậy họ không chuyển đổi thân nữ thành thân nam. Còn các vị đã chuyển đổi thành thân nam thì thân sắc đều uy nghiêm, đáng kính, hàng trời, người nơi thế gian ai cũng yêu mến.

Lúc đó, hình ảnh Đức Phật không hiện nữa, chỉ thấy mỗi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Các người nữ chuyển thân nam bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Thật là đặc biệt! Chuyện này xảy ra như sự việc huyễn hóa, từ xưa chưa từng nghe.

Những người phàm phu do tâm ý mê loạn, chưa từng an ổn, như bánh xe ép dầu, nên không thể an trú gần các bậc Thiện tri thức.

Bạch Thế Tôn! Nhờ được thân cận, cúng dường, phụng sự các bậc Thiện tri thức, nhờ diệu lực từ oai thần của các bậc ấy mà hôm nay chúng con đã chuyển lìa thân nữ, làm thân nam, chứng được năm Thần thông.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nhớ lại về thuở xưa, ở nơi trú xứ của nhiều Đức Phật và tri thức thiện đã vun trồng các căn lành, tự xả bỏ thân mạng khiến cho căn lành nơi chúng con càng thêm phát triển. Chư Phật, Thế Tôn lại chỉ dạy ở đời phải chịu rất nhiều khổ não, nên phương tiện tán thán công đức của hàng xuất gia, với các việc thù thắng, vi diệu. Chúng con đã từng nhiều lần gần gũi với các bậc Thiện tri thức, từ xưa đến nay chưa từng sinh vào các đường ác. Do nơi thời quá khứ không được gặp thầy chỉ dạy, nên phải bị lưu chuyển trong cõi trời, người, chịu nhiều khổ não.

Bạch Thế Tôn! Giả sử ngày nay chúng con có thể dùng hằng hà sa số các thứ bảy báu hiện có trong khắp các thế giới, hoặc tự thân để cúng dường đầy đủ cho các bậc Thiện tri thức, tuy làm được công việc như vậy, nhưng cũng không thể báo đáp chỗ ân đức của các bậc Thiện tri thức. Vì sao? Vì nhờ thần lực của các bậc ấy đã khiến cho chúng con sống nơi thế gian mà thành tựu được quả vị Bồ-đề, hiện bày cho chúng con thành tựu được cõi Phật nơi mình cũng nhờ các bậc ấy chỉ dạy, chúng con đến trú xứ của các

Đức Phật gieo trồng nhiều căn lành, lại dạy các phương tiện giúp chúng con mau vào nẻo hành nơi các pháp sâu xa, hoặc nói lời thân ái, hoặc nêu lời chê trách, hoặc nói lời êm dịu, hoặc nói lời khổ não, hoặc có sự chỉ dạy khắt khe…, tất cả vật dụng, hết thảy các thứ lợi dưỡng thảy đều xả bỏ hết. Những chúng sinh kia khó được khó gặp, chưa thể biện giải nếu không gặp được các bậc Thiện tri thức. Chỉ trừ Đức Như Lai, chúng con không có tri thức thiện nào khác, như Đại Bồ-tát Vô Sở Hữu.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Hữu nói với các người nữ được chuyển thành thân nam:

–Này các thiện nam! Ta nay không chỉ là tri thức thiện riêng cho các vị, mà ta cũng là tri thức thiện cho tất cả chúng sinh.

Này các thiện nam! Nếu chúng sinh nào có thể nhận biết Bồ-tát Vô Sở Hữu đã vì các chúng sinh tạo mọi lợi ích, thành tựu, thì các chúng sinh ấy chẳng vâng theo các thầy, bạn khác, lại có thể quên cả ăn uống, không sinh nghi ngờ, không có ái dục mà ngày đêm thân cận bên ta. Vì sao? Vì ta đã chỉ dạy cho họ hòa hợp các căn lành, khiến an trụ đầy đủ nơi các sự việc thế gian và xuất thế gian, khiến hội nhập vô lượng pháp Ba-la-mật, ở trong tất cả các công đức, an trụ vào chỗ không uế trược, không chướng ngại, hoàn toàn thanh tịnh, không còn điên đảo, không hiện bày tất cả các tướng hữu, trụ vào chốn không hành, vui thích tu tập hết thảy, thân tâm huân tập đầy đủ nơi các pháp. Ta đã từng khiến cho vô lượng chúng sinh an trú nơi trí tuệ thiện xảo với pháp như vậy. Ta nay nêu rõ lời chân thật, không hề sai khác, Đức Phật tự chứng tri, hàng trời, người sẽ chứng minh.

Phật nói:

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời Bồ-tát đã nói.

Bấy giờ, đại chúng nhờ thần lực của Phật nên liền thấy ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, có ngàn Đức Phật.

Đức Thế Tôn bảo các đại chúng:

–Này các thiện nam! Các vị hiện thấy các Đức Phật kia chăng?

Mọi người đáp:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con có thấy.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Các vị Phật ấy đã khiến cho những thiện nam này thành tựu đầy đủ đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại chúng nghe lời Phật dạy thì vô cùng vui mừng, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay đã được chuyển thân nữ thành

thân nam, do đó chúng con tin tưởng sâu xa sự việc này, hiểu rõ sự việc này, ghi nhớ nắm giữ sự việc này, không hề nghi hoặc.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nay đã được hội nhập nơi đại thần thông của Phật, lần lượt từng phần nhỏ đều nhờ nơi diệu lực thần thông của Bồ-tát Vô Sở Hữu. Nguyện cho chúng con đều sẽ được mở bày nơi thần thông của chư Phật. Nguyện cho chúng con sẽ ở nơi chư Phật ấy vun trồng các căn lành đạt được đầy đủ tất cả công đức.

Khi ấy, các Đại Bồ-tát suy nghĩ: "Thân hiện có này là nhờ năm ấm tụ hợp nên không thể dùng danh tự giảng nói mà có thể lãnh hội được. Chúng ta làm sao cùng chung với họ để gieo trồng căn lành?"

Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của các vị Bồ-tát ấy, liền bảo Đại Bồ-tát Vô Sở Hữu:

–Này thiện nam! Bồ-tát nay nên vì các Đại Bồ-tát này mà giảng nói về sự hòa hợp của thân năm ấm, nên vì họ mà hiển bày về thân năm ấm hòa hợp, khiến họ nghe rồi thì sẽ diệt trừ ngã kiến, lại có thể thân cận nơi trí tuệ của Phật.

Bấy giờ trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên Ái Ngữ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay vì nhân duyên gì mà Đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác không tự giải thích, lại bảo Bồ-tát Vô Sở Hữu giải thích?

Phật nói:

–Này thiện nam! Chúng hội này đối với Bồ-tát Vô Sở Hữu đã từ lâu trong cõi sinh tử luôn tùy thuận quy hướng, cho nên ta nay khuyên bảo Đại Bồ-tát Vô Sở Hữu giải thích.

Bồ-tát Vô Sở Hữu bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay muốn giảng nói như những điều con đã nhận biết. Như sắc thể của Phật là không, sắc thể của con cũng như vậy. Như sắc thể của Phật, sắc thể của tất cả chúng sinh cũng vậy. Như sắc thể của tất cả chúng sinh, sắc thể của hết thảy rừng cây, cỏ thuốc cũng lại như vậy. Như sắc thể của hết thảy rừng cây, cỏ thuốc, sắc thể của tất cả các cõi hòa hợp cũng như vậy. Sắc của không hiện có, sắc của ngã, sắc của Như Lai, sắc của tất cả chúng sinh, sắc của hết thảy rừng cây, cỏ thuốc, sắc của tất cả cõi hòa hợp, tụ hội, đều không có hai tướng, không biết, không động, không sinh, không gì sánh bằng, không hành, không nêu, phi pháp, không phải phi pháp, phi pháp giới, không phải phi pháp giới, phi không, không phải phi không. Chúng sinh do ngu tối không biết, không hiểu, vọng sinh tham chấp, keo kiệt, ganh ghét, không thể nhổ mũi tên độc hư vọng. Ở trong sự keo kiệt, ganh ghét mà quên mất ân nghĩa, bị lưới vô minh che lấp, có

nhiều nghi ngờ nên xa lìa bậc Thiện tri thức, nên đối với pháp như thế không thể lãnh thọ, lại tạo ra chướng ngại nên không thể thọ trì, đọc tụng, tu tập để có sự chứng đắc.

Chỉ có các Bồ-tát với trí tuệ thiện xảo, giống như hư không, không có đắm nhiễm ở trong các pháp thế gian không hề tưởng chấp về pháp, huống lại có các tưởng chấp khác. Các bậc ấy có thể hội nhập nơi pháp hành này. Những người trí tuệ kém thì ở trong vô sắc, hoặc tạo tưởng chấp hoặc hy vọng muốn vào được nơi pháp hành ấy, ở trong vô sắc mà vọng khởi hành tưởng. Nói lược cho đến ở trong thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như thức của hư không, thức của ngã cũng vậy. Như các thức kia, thức của Như Lai cũng vậy. Như thức của Như Lai, thức của tất cả chúng sinh cũng vậy. Như thức của tất cả chúng sinh, thức của hết thảy rừng cây, cỏ thuốc cũng vậy. Như thức của tất cả rừng cây, cỏ thuốc, thức của tất cả các cõi hòa hợp, tụ hội cũng vậy. Thức của hư không, thức của ngã, thức của Như Lai, thức của tất cả chúng sinh, thức của hết thảy rừng cây, cỏ thuốc, thức của tất cả các cõi hòa hợp, tụ hội cũng vậy, đều không có hai tướng, không thể nhận biết, không thể phân biệt, không sinh khởi, không gì hơn, không hành, không thể tạo ra tên gọi, không pháp, không phải pháp, không pháp giới, không phải là không thuộc về pháp giới, không hư không, không phải là không hư không. Chúng sinh do ngu tối nên không biết, không hiểu, không trí, ít trí tuệ, ít lắng nghe, ganh ghét, keo kiệt, các thứ chấp trước trói buộc, bị lưới vô minh che lấp, do các tri thức xấu ác dẫn dắt nên bị mê hoặc, muốn được nghe pháp này nhưng bị chướng ngại, không thể thọ trì, đọc tụng, tu hành để tự chứng đắc. Chỉ có các Bồ-tát với trí tuệ thiện xảo, không còn tham đắm, chấp vướng đối với tất cả pháp không còn tưởng chấp về pháp, huống là các thứ tưởng khác. Các bậc ấy có thể ở trong pháp hành này mà hành hóa. Còn những vị trí tuệ ít thì đối với pháp hành này không thể nhận biết.

Lúc Bồ-tát Vô Sở Hữu giảng nói về năm loại sắc bình đẳng lìa khỏi các hành không bị hư hoại, không có pháp khác, thì đại địa chấn động, từ hư không mưa xuống vô số các thứ hoa.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Nan Điều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà đại địa chấn động, hư không mưa xuống các thứ hoa?

Phật bảo Đại Bồ-tát Nan Điều:

–Này thiện nam! Đây là do Bồ-tát Vô Sở Hữu giảng nói về "năm ấm không, không hai, không khác, không có chỗ trụ, không thể nêu bày, không

có tích chứa, không có hư hoại, không có hạn lượng, không thích điên đảo."

Lúc giảng nói về chốn tự tại của chư Phật, thì có trăm ngàn ức na-do-tha chư Thiên đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tất cả năm ngàn người nơi chúng hội này cũng đạt được pháp Nhẫn vô sinh, vào đời vị lai sẽ thành Phật hiệu là Bất Khả Thuyết Ấm Tụ Sở Sinh gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, kiếp ấy gọi là Vô trụ. Vì nhân duyên đó mà đại địa chấn động, từ hư không mưa xuống các loài hoa.

Khi ấy, các người nữ được chuyển thành thân nam cùng nói kệ:

Hư vọng không hư vọng
Hư vọng thích hư vọng
Biết được thật như vậy
Nên thọ ký tất cả.
Chúng con biết như thế
Hết thảy đều hư vọng
Hôm nay được thân nam
Chúng con đều đầy đủ.
Chúng con biết hư vọng
Hiểu rõ không còn nghi
Như vậy lại hư vọng
Thật không có biết nêu.
Không thật trong không thật
Lừa dối các chúng sinh
Không biết rõ không thật
Vô Sở Hữu giảng dạy.
Trong chỗ không có giảm
Cũng không có tăng trưởng
Trong đó không thị hiện
Chỉ giả danh mà nói.
Bình đẳng, không hiểm nạn
Không có chốn lìa tan
Đã không có gì bằng
Huống gì có người hơn.
Sắc ấy giống hình sắc
Sắc kia, sắc của sắc

Nếu biết sắc hư vọng
Thì không thể có thật.
Thọ giống nơi hình xúc
Chấp thọ nên là thọ
Biết thọ hư vọng rồi
Thọ không chốn chân thật.
Tưởng là tưởng của dục
Thức ấy do tưởng hiện
Biết tưởng hư vọng rồi
Tưởng không chốn chân thật.
Các hành không tự tại
Giả danh thị hiện hành
Biết các hành hư vọng
Hành không có chân thật.
Thức do nghĩa hiểu rõ
Cho nên thức thị hiện
Nếu biết thức hư vọng
Luôn giống như hư không.
Như vậy đều hư vọng
Nên thế gian lo buồn
Kẻ ngu không biết được
Vì thế chấp ngã kiến.
Đều không được, an lạc
Mà không loại trừ được
Do không có chốn trụ
Ngu si nên không biết.
Pháp này không dễ hiểu
Vắng lặng khó lãnh hội
Chấp ngã tưởng, lười biếng
Bị điều ác ngăn che.
Không thấy Vô Sở Hữu
Không nghe Bồ-tát dạy
Không chỗ để nêu bày
Nên không chốn yên ổn.

Các người nữ chuyển thành thân nam nói kệ xong thì cung kính cúng dường đảnh lễ Phật, rồi nói kệ:

Quy y Tối Đại Lực
Tất cả không ai bằng

Thế Tôn có ân lớn
Khiến dứt mọi chấp trước.

Nói kệ và đảnh lễ Đức Thế Tôn xong, các vị đều chắp tay đứng yên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Ông nay nên thọ trì các pháp mà Bồ-tát Vô Sở Hữu đã thưa hỏi, Như Lai nay đã giảng nói rộng vì tất cả chúng sinh mà nêu bày, làm sáng tỏ ý nghĩa nơi pháp ấy.

A-nan! Ông nên vì hết thảy chúng sinh khiến họ được nghe chánh pháp gốc này, nghe rồi mà có thể hiểu rộng về ý nghĩa nơi các câu văn hoàn chỉnh thì họ đều nhất định sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu tuy được nghe mà không thể hiểu rõ về ý nghĩa thì dần dần về sau cũng sẽ hiểu được nghĩa lý sâu xa nơi pháp ấy để tu tập, tự chứng đắc, tức những người ấy đã ở chỗ trăm ngàn ức Đức Phật gieo trồng các căn lành. Vì sao? Vì đây là hạnh nguyện của Bồ-tát Vô Sở Hữu.

Lúc này, trong chúng tôi có các người nữ trụ nơi pháp Đại thừa, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu mà Đức Thế Tôn đã khuyên bảo Tôn giả A-nan thọ trì pháp này. Vì sao? Vì nay chúng con đã thọ nhận pháp gốc ấy, thực hành đọc tụng thông suốt.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nay đã lãnh hội pháp căn bản ấy, về đời vị lai sẽ giảng nói rộng cho những người khác, trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp chúng con sẽ gắng sức làm cho pháp này luôn được tỏ rạng.

Khi đó, trong chúng hội có trăm Tỳ-kheo, sáu trăm Tỳ-kheo-ni, hai trăm Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, lại có hàng ức các Thiên tử dùng vô số những loại hoa tung rải lên chỗ Đức Phật xong, rồi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này nếu có thể chiếu tỏa thì sẽ hiển bày chỗ như thật của tất cả các pháp.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nay đã được nghe pháp căn bản này rồi tức có thể thọ trì, đọc tụng một cách thông suốt giống như gương sáng thấy được hình tướng. Chúng con dốc sức thọ trì pháp này rồi, do vậy, bạch Thế Tôn! Chúng con ở đời này và đời vị lai, đúng như pháp gốc ấy, trải qua a-tăng-kỳ ức kiếp giảng nói rộng cho mọi người lãnh hội thực hành để được chứng ngộ, khiến họ nhận chúng con đã tạo được lợi ích như thế, chúng con đã an trụ nơi Bồ-đề, đã vì các chúng sinh tạo đầy đủ mọi lợi ích nơi pháp Phật.

Bạch Thế Tôn! Chúng con không tham cầu lợi dưỡng, không thích

tiếng tăm, thọ lãnh pháp này là để giảng nói cho chúng sinh, lại cũng không vì bản thân mình, chỉ vì tất cả muôn loài, muốn đem lại cho họ đầy đủ sự an vui, gần gũi với pháp Phật, diệt trừ mọi thứ phiền não, ái nhiễm.

Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Này các thiện nam! Các ông nay đã khéo nêu bày rõ về pháp ấy.

Lúc này đông đảo các người nữ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Sở Hữu không phát khởi, cũng không thuyết giảng pháp như vậy. Các thiện nam, thiện nữ nên thuyết giảng pháp này nhằm làm cho sáng tỏ.

Bạch Thế Tôn! Các vị ấy nên thọ trì chánh pháp, cũng vì pháp hành của chư Phật đời quá khứ, hiện tại và vị lai mà thọ trì, đọc tụng, thông suốt, giáo hóa những người khác cũng đọc tụng thông suốt, phải chỉ dạy cho mọi người nhận biết rõ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Sở Hữu nói với đông đảo các người nữ:

–Cách đây a-tăng-kỳ trăm ngàn kiếp, lúc ấy có kiếp tên là Pháp bảo khai phu, có đầy đủ năm trăm Đức Phật xuất hiện ở đời. Đức Phật xuất hiện đầu tiên tên là Nan Giáng Tràng, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Bấy giờ, cũng lại có rất nhiều chúng sinh sống trong phiền não, bị nghiệp chướng che lấp nên phiền não càng tăng trưởng, các thứ tham dục, giận dữ, ngu si cũng tăng thêm, nên càng bị ba độc não hại.

Đối với Phật Nan Giáng Tràng Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri thời ấy, ta cũng thỉnh vấn như vậy và Đức Phật đó đã giải thích cũng giống như nay Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đã giải thích.

Này các thiện nữ! Như vậy, tuần tự nơi năm trăm chư Phật, ta cũng thưa hỏi pháp căn bản như thế và đều được các Đức Thế Tôn giảng giải cho ta cũng như nay Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, vua trong dòng họ Thích đã vì ta mà giảng giải.

Này các vị! Các vị nên yên tâm. Ta từ nay cho đến đời vị lai, sẽ ở nơi vô lượng a-tăng-kỳ các Đức Phật, Thế Tôn cũng sẽ thưa hỏi pháp căn bản ấy. Trong các cõi của chư Phật như vậy cũng có các chúng sinh chịu các thứ phiền não hoặc nhiều hoặc ít.

Cùng lúc với Đại Bồ-tát Vô Sở Hữu giảng nói như thế, thì chỉ trong

chốc lát, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà, vua có uy lực lớn, có đủ bốn thứ binh lính vây quanh, lần lượt đi tìm công chúa và đám thể nữ, cả đoàn cùng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ nơi chân rồi đứng qua một bên. Phật an ủi nhà vua và đám tùy tùng, rồi mỗi vị tùy nghi trải tọa cụ ngồi, đại chúng ở đây cũng trải tọa cụ ngồi. Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có một công chúa cùng đám thị nữ ra thành dạo chơi đã lâu, nay vẫn chưa về, con cho tìm khắp nơi mà không thấy, lại nghe có người nói chúng nó đi đến chỗ Đức Thế Tôn, nhưng hôm nay con đến đây, cũng lại không thấy.

Phật bảo:

–Nay nhà vua vào trong chúng hội này thì sẽ gặp.

Nhà vua thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã vào trong chúng hội nhưng cũng không thấy.

Phật bảo:

–Này đại vương! Đại vương nên đến hỏi Bồ-tát Vô Sở Hữu, Bồ-tát sẽ chỉ cho.

Vua thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Sở Hữu ấy là ai?

Phật bảo Bồ-tát Vô Sở Hữu:

–Này Bồ-tát Vô Sở Hữu! Ông nay nên trả lời cho vua Tần-bà-sa-la về nơi chốn của vị công chúa cùng đám thị nữ khiến cả chúng hội này được biết.

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Sở Hữu không hiện thân, nói với vua Tần-bà-sa-la và đại chúng:

–Thưa đại vương! Các người nữ ấy đang ở trong chúng hội này.

Nhà vua thưa:

–Thưa Đại sĩ! Tôi chỉ nghe tiếng mà không thấy thân tướng của Đại sĩ.

Bồ-tát Vô Sở Hữu nói:

–Đại vương nên biết! Các người nữ kia sau khi nghe danh hiệu của tôi thì mỗi vị đều đạt được mọi sự an lạc, sau đó đều bỏ thân nữ nhận lấy thân nam. Các người ấy đã chọn thân tôi mà chuyển thành thân nam, nhưng tôi không có thân, nên gọi là Vô Sở Hữu.

Bồ-tát lại nói với các người nữ đã chuyển thành thân nam:

–Này các thiện nam! Các vị nên hiện rõ sắc thân phước đức của mình. Khi ấy, các người nữ đã chuyển thân thành nam, tập trung tại một nơi, hiện rõ sắc thân đầy đủ tướng tốt của một nam nhi, ai nhìn cũng yêu mến và nói:

–Chúng tôi nay đã xả bỏ thân nữ, chuyển làm thân nam.

Lúc này vua Tần-bà-sa-la và đại chúng đều nghi ngờ, không tin.

Bồ-tát Vô Sở Hữu lại nói:

–Vì cớ gì mà đại vương và mọi người đều còn nghi hoặc không tin? Nay vua đối với Phật mà còn không tin sao? Nếu có thể tin thì nên đến trước Đức Như Lai thưa hỏi. Các thiện nam ấy nói những lời như vậy thì có gì sai khác chăng?

Vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Như tiếng nói trên hư không mà chẳng thấy thân tướng!

Phật bảo:

–Này đại vương! Thảy đều đúng như lời Bồ-tát Vô Sở Hữu đã nói. Ông nay nên tin lời ấy, chớ nên nghi ngờ.

Vua nghe như vậy liền chắp tay, đứng dậy, nói ba lần "Lành thay" rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đây là thần lực của ai, có phải là thần lực của Bồ-tát Vô Sở Hữu hay là thần lực của Phật?

Phật bảo:

–Này đại vương! Nên biết đây là nguyện lực từ thời xa xưa của các người nữ đó. Vị Bồ-tát kia, vào thời quá khứ, ở nơi hàng ngàn Đức Phật đã dạy những người nữ ấy gieo trồng các căn lành, phát tâm Bồ-đề, ở trong pháp của chư Phật đã được thành tựu, nên nay đã được mãn nguyện.

Này đại vương! Vào đời vị lai, vị Bồ-tát này cũng giáo hóa vô lượng người nữ chuyển thành thân nam.

Bấy giờ, Phật lại bảo Bồ-tát Vô Sở Hữu:

–Này thiện nam! Ông nay nên vì mọi người ở đây, khiến cho các người nữ ấy trở lại thân nữ như trước.

Bồ-tát Vô Sở Hữu thưa:

–Như lời con đã nêu bày, sự thật con đã giáo hóa vô lượng, vô biên người nữ chuyển thành thân nam, tất cả đều đúng như vậy, nên sẽ khiến cho những người nữ ấy trở lại thân nữ như trước.

Khi Bồ-tát nói xong, thì các người nữ chuyển thành thân nam đều trở

lại thân nữ như cũ, đủ mọi hình sắc, đủ mọi hành vi, đi đứng đều giống như trước, không khác. Khi ấy, các người nữ và vua Tần-bà-sa-la đều nghĩ: Đây là việc ít có. Vì sao các người nữ đã chuyển đổi thành thân nam, nay trở lại thân nữ? Các người nữ này là thân thật hay chỉ là do biến hóa?

Phật bảo:

–Này đại vương! Các người nữ này không phải là thật, cũng không phải là biến hóa. Vì sao? Này đại vương! Bồ-tát Vô Sở Hữu ấy từ xưa đã có nguyện như vậy: "Nếu các người nữ thấy được thân ta thì liền phát nguyện chuyển đổi thân nữ thành thân nam. Các người nữ ấy nếu đã có chồng, thì chồng họ sẽ chọn lấy người nữ khác, không tăng không giảm, giống như thân người vợ trước, đẹp đẽ, dễ mến, không cùng xa lìa."

Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Các bậc Đại Bồ-tát đã gieo trồng căn lành nên có được thần thông diệu dụng như thế.

Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp là không thể nghĩ bàn, quả báo của chúng sinh cũng không thể nghĩ bàn, người chứng đắc thiền định thì cảnh giới ấy cũng không thể nghĩ bàn.

Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này đại vương! Có ba điều không thể nghĩ bàn. Những gì là ba? Đó là nghiệp huyễn, lượng huyễn *(bản tiếng Phạm thiếu một câu)*. Bồ-tát này đã giác ngộ về các huyễn, tự thân chứng đạt. Bồ-tát này là nhà huyễn thuật nên không thể định lượng được.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng diệu nghĩa nơi pháp hòa hợp với chỗ không thật có, rồi dùng ngôn thuyết để giáo hóa cho đại chúng, khiến họ được vui mừng, được oai thần, tăng trưởng sự giáo hóa. Họ được vui mừng rồi Ngài khuyên:

–Này các vị! Mỗi người hãy tự biết đã đến lúc nên trở về nơi chốn của mình.

Mọi người đều vâng lời, họ ra đi chưa được bao lâu, có một Bồ-tát tên là Sinh Nghi, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Vô Sở Hữu kia có thể vì các chúng sinh mà dùng thần thông biến hóa khiến họ chuyển đổi thân hoặc trở lại như cũ, sao không khiến cho các chúng sinh xa lìa "hữu ái"? Bạch Thế Tôn! Các vị ấy sẽ tạo được những lợi ích gì?

Phật bảo Bồ-tát Sinh Nghi:

–Này thiện nam! Các người ấy và các người nữ từng chuyển đổi thành

thân nam, với mọi thứ nói năng, ăn uống, đi đây đó, vui chơi... Bồ-tát Vô Sở Hữu đã dùng vô số sự việc, vô số phương tiện, trong mọi lúc mọi nơi, đều khiến cho hết thảy đến với đạo Bồ-đề, phát tâm gần gũi nơi pháp giải thoát của Đức Phật. Vì sao? Này thiện nam! Bồ-tát Vô Sở Hữu ấy trong thời quá khứ đã ở chỗ của các Đức Như Lai, dùng tất cả mọi vật dụng để cúng dường, tôn trọng, vun trồng đầy đủ các căn lành, phát nguyện như vậy, nên đã được mãn nguyện, viên mãn ý phân biệt. Bồ-tát ấy đã giáo hóa chúng sinh thành thục như vậy, đã chỉ dạy cho họ hội nhập nơi diệu nghĩa của văn tự, hiểu rõ thể của pháp là không có chốn sinh, không có nơi chốn thành tựu, khiến họ không được, không mất, thành tựu đầy đủ pháp Phật, đạt đến giác ngộ.

Này thiện nam! Bồ-tát Vô Sở Hữu ấy giáo hóa các chúng sinh như thế, không có một ai rơi vào đường ác, không có một ai đã được Bồ-tát chỉ dạy mà không sinh vào cõi Phật.

Này thiện nam! Các chúng sinh ấy cũng sẽ thành tựu đạo quả Bồ-đề, giống như sự thành tựu của Bồ-tát Vô Sở Hữu.

Bồ-tát Sinh Nghi nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng xong, liền dứt trừ được mọi nghi ngờ bèn nói kệ:

Chúng sinh đã được nghe
Ở trong phương tiện học
Theo đó vững tu tập
Gọi là Vô Sở Hữu.
Tâm thuần trực, nhu hòa
Ý dịu dàng không ganh
Không có sự lo sợ
Gọi là Vô Sở Hữu.
Nhiều văn tự hòa hợp
Lại giảng nghĩa như vậy
Sở Hữu không thể thấy
Cũng không chốn tiếp xúc.
Không hai, không thể chấp
Rốt ráo, không thể thấy
Không thể nói mà nói
Giáo pháp không gì bằng.

Bấy giờ, nàng Xà-na-na-tu-đa thưa Bồ-tát Sinh Nghi:

–Thưa Bồ-tát! Bồ-tát vâng theo uy lực của vị nào để có thể nêu bày bài kệ ấy?

Bồ-tát Sinh Nghi đáp:

–Tôi biết bài kệ ấy là từ nơi Bồ-tát Vô Sở Hữu giảng nói. Các vị nên biết, bài kệ này không phải từ nơi tôi nói ra.

Nàng Xà-na-na-tu-đa bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Bồ-tát Vô Sở Hữu ấy đã có thể đắc pháp không thể nghĩ bàn, có thể dùng đủ mọi phương tiện để thuyết pháp mở bày chỉ dẫn cho chúng sinh.

Phật bảo:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này thiện nữ! Đúng như lời nàng nói.

Khi ấy, Bồ-tát Lưỡng Thời Vô Hữu Xuất Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có thể biện thuyết về kinh của Bồ-tát Vô Sở Hữu đã thưa hỏi.

Phật nói:

–Này Bồ-tát Lưỡng Thời Vô Hữu Xuất Sinh! Ông nay nên vì các Đại Bồ-tát, biện thuyết về các cảnh giới như cảnh giới rộng lớn, không có chướng ngại, không thể thủ đắc, không có giới hạn, không bờ cõi, phát khởi sự hiểu biết, cùng tạo tác mọi lợi ích, hãy dùng trí tuệ thiện xảo như các Đại Bồ-tát để làm tăng trưởng cảnh giới của mình, không tham đắm, không thủ đắc về nơi chốn, không có biên vực, không có hạn lượng, tạo lợi ích cho sự hiểu biết, ở trong pháp phương tiện thiện xảo nhằm giáo hóa chúng sinh khiến họ kiến lập, mở bày mau thành tựu đạo quả Bồ-đề.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Lưỡng Thời Vô Hữu Xuất Sinh nói kệ:

Khéo nói kinh này rồi
Chánh niệm vào thiền định
Nên hiểu tất cả pháp
Hiển bày kinh điển ấy.
Khiến rõ tất cả nghĩa
Cùng với các văn tự
Các kinh điển hiện có
Chư Phật đã giảng nói.
Tất cả nghĩa hiện rõ
Đây kia đều được thấy
Vô lượng không nghĩ bàn
Khéo nói rõ các kinh.
Hiểu biết kinh này rồi
Văn tự, nghĩa trang nghiêm

Các pháp không thể thiếu
Tất cả không nghĩ bàn.
Các thứ ấm, giới, nhập
Sẽ được trí phương tiện
Tùy thuận mười hai duyên
Tất cả tiếng, một tiếng.
Một tiếng, tất cả tiếng
Các tiếng hòa hợp nhau
Giác ngộ nơi kinh này
Với các tâm hiện có.
Chỗ suy biết chúng sinh
Chỗ suy xét chấp ngã
Tất cả tâm tạo nhân
Hết thảy đều biết được.
Nhận xét biết như thế
Không có chỗ nghĩ bàn
Giác ngộ nơi kinh này
Cũng không có suy xét.
Tự mình và người khác
Tất cả đều biết được
Như tâm chỗ chuyển hành
Như gương soi các pháp.
Thuyết giảng về kinh này
Đây, kia đều thấy rõ
Kia lại cùng biết đây
Tất cả không phải một.
Chẳng thấy nói khác biệt
Lìa tất cả văn, câu
Nếu ai thấy kinh này
Vì chúng sinh thuyết giảng.
Chúng sinh không đây kia
Làm cho được giải thoát
Trụ vào nơi bất động
Biết thảy đều hư vọng.
Do hư vọng nên nói
Đã biết hư vọng rồi
Không chấp trong hư vọng
Không có chỗ sinh đạo.

Chư Phật thấy tất cả
Không điều gì không biết
Người nào hiểu kinh này
Chỗ tạo các công đức.
Trí, chú thuật, y phương
Cùng lúc trí phát sinh
Đều giác ngộ kinh này
Tất cả Nhất thiết trí.
Hiện có chẳng thể tính
Tất cả thứ lớp ấy
Đều biết rõ kinh này
Xả bỏ mọi kiến chấp.
Chúng sinh vốn mê lầm
Nếu hiểu được kinh này
Không tham đắm danh tự
Chúng sinh thoát mê mờ.
Tướng kia bị che lấp
Nhờ oai lực kinh này
Trong đó được thật chứng
Nếu học được kinh này.
Được tất cả phước báo
Chư Thiên và cõi người
Đều đầy đủ công đức
Đây là pháp Phật dạy.
Đây tức là cha mẹ
Hòa thượng, A-xà-lê
Cũng là tri thức thiện
Pháp thiển dục, biết đủ.
Đầy đủ hạnh Đầu-đà
Hành trang tu tập ấy
Vì chúng sinh mà làm
Như có đại chúng sinh.
Muốn giảng nhiều kinh pháp
Phải nên học kinh này
Học tất cả pháp xứ
Như có đại chúng sinh.
Muốn giảng nhiều kinh pháp
Đều phải học kinh này

Nơi giữ gìn các pháp
Nơi sinh đều đã được.
Thân ít bệnh, sống lâu
Luôn được các thiền định
Tùy thuận kinh này rồi
Thân luôn được an lạc.
Tâm cũng được an lạc
Nếu chứng đắc kinh này
Khẩu nghiệp đều đầy đủ
Pháp sai biệt như vậy.
Kẻ kia được tùy thuận
Nếu chứng đắc kinh này
Tức Tổng trì các kinh
Nếu chứng đắc như vậy.
Như trong kinh này nói
Những người đều rõ kinh
Chư Phật đã thuyết giảng
Các văn tự đều có.
Đã nói các pháp đó
Nếu nghe được kinh này
Tức xa lìa văn tự
Các pháp lìa văn tự.
Dùng văn tự thuyết pháp
Văn tự không phải pháp
Văn tự không phi pháp
Người kia đối kinh này,
Trú ở trong Bồ-đề
Họ cầu ở nơi đây
Bậc hiểu biết thế gian.

Sau khi nói kệ xong, Bồ-tát Lưỡng Thời Vô Hữu Xuất Sinh bèn đảnh lễ Đức Thế Tôn đi quanh theo phía bên phải ba vòng, rồi ở trước Phật liền biến mất. Bấy giờ, trong chúng hội có Bồ-tát tên là Vô Sở Tục, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Lưỡng Thời Vô Hữu Xuất Sinh ấy từ đâu đến?

Đức Phật nói:

–Từ chỗ Như mà đến, cũng từ nơi Như mà trở về.

Bồ-tát Vô Sở Tục hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ấy đến như thế nào? Đi như thế nào?

Đức Phật nói:

–Vị ấy đến, đi như ảnh, như huyễn hóa, như mộng, như dợn nắng, như tiếng vang, như hư không. Sự đến đi ấy thuận hợp với Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, lìa dục, tịch diệt, không thật, không hình tượng. Tất cả các việc như vậy đều do phân biệt mà có đến. Nay ông cho rằng Như Lai sinh ở khắp mọi nơi, nhưng tất cả chúng sinh, tất cả Bồ-tát, tất cả chư Phật cũng như ảnh, như mộng, như huyễn hóa, như dợn nắng, như tiếng vang, như hư không thuận hợp với Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, lìa dục, tịch diệt, Niết-bàn là không thật. Tất cả quả báo, danh tự hiện có của những vị ấy đều là chỗ tạo tác của ta. Vị ấy cùng với ta và tất cả là chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải nhiều, chẳng phải ít, cũng chẳng phải là có vật, chẳng có thể nghe, chẳng cùng đầy đủ, không có người thấy, người nghe, người biết. Do vậy, các ông theo ta được lãnh hội pháp này, phải nên tin hiểu, suy nghĩ, vui mừng, khen ngợi. Những vị ấy nhiều vô lượng, vô số, hành pháp không thật đều chẳng thể thủ đắc, các ông cũng chẳng thể thủ đắc. Các ông chớ dùng lời hư vọng để hủy báng ta, chê bai ta. Ta đã không có một vật, không tướng, không có nơi chốn. Vì những thứ khác nhờ vào đó để được nêu bày nên không thể diễn đạt hơn. Nếu có thuyết giảng thì chỉ nói: Các vị kia trở lại như kia, các vị đây cũng trở lại như đây. Mọi sự đến đi, tác động như thế nên được nêu bày như vậy.

Khi ấy, được nghe hiểu ý nghĩa của những lời dạy này rồi, đại chúng không còn tâm và sắc, không thấy hơi thở ra vào, không còn đắm nhiễm. Những vị ấy ở chỗ Đức Thế Tôn đều được đầy đủ mọi sự an lạc. Những vị ấy đạt được niệm gốc rồi nói như vầy:

–Đây là thể tánh - gốc chân thật, không thật có, không thể chứng đắc, không có đối tượng để phân biệt. Nhờ biết như vậy nên chúng con dứt được mọi sự phân biệt.

–Đúng vậy, đúng vậy! Các vị ấy không từ đâu có, nên không thể nêu bày danh tự.

Bấy giờ, trên không trung có báu vật vô giá hiện bày đầy khắp, Bồ-tát Diệt và Bồ-tát Vô Xuất Sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những vật báu vô giá này hiện bày khắp cả hư không, đó là tướng lành gì?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Có rất nhiều Bồ-tát lãnh hội pháp môn Vô sở khả chứng đạt được giải thoát này thì đều đạt pháp Nhẫn vô sinh, cho nên hiện

tướng lành ấy.

Khi đó, tất cả đại chúng đồng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Các vị Bồ-tát này đã khéo tu học trí phương tiện thiện xảo, vì nhằm để giải thoát cho tất cả chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Các vị ấy có thể nhận biết về bản thân tịch tĩnh của chúng sinh là không thật có, là không, là không động. Tuy nay Đức Thế Tôn vì các chúng sinh mà biện giải, giảng thuyết các pháp đều là như ảnh… nhưng lại dốc tâm giáo hóa, dẫn dắt muôn loài.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này các thiện nam! Như chỗ các ông nói, nếu ta không giảng thuyết, biện giải thì chúng sinh làm sao nhận biết được các pháp là như ảnh, như mộng, như huyễn, như dợn nắng, như tiếng vang, như hư không; là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, lìa dục, Niết-bàn cũng là pháp hư vọng như ảnh tượng…

Bấy giờ, nhờ diệu lực từ oai thần của Phật nên ở trên hư không phát ra âm thanh:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao những hình ảnh kia được xem là bóng? Bạch Thế Tôn! Vì sao những hình ảnh kia, cho đến sự hư vọng cũng chỉ là hình bóng? Thưa Thế Tôn! Tất cả cội gốc của pháp vốn đã đầy đủ sự trang nghiêm, nên không nhờ vào sự trang nghiêm bên ngoài. Thưa Thế Tôn! Ví như họa sư hoặc học trò của ông ta khéo vẽ hình tượng của Đức Như Lai đầy đủ các tướng tốt, lại có thợ mạ vàng giỏi, lấy vàng tốt nhất mạ lên trên mái tóc, làm cho hình tượng ấy càng tăng thêm đẹp đẽ, tất cả chúng sinh khi chiêm ngưỡng đều không thấy chán. Thưa Thế Tôn! Như vậy, gốc của pháp như thế ấy đã có đầy đủ các tướng nên chiêm ngưỡng không thấy chán, nay lại càng tăng thêm vẻ trang nghiêm.

Lúc ấy, Phật nói với âm thanh phát ra từ hư không:

–Ví như vị huyễn thuật tài giỏi hoặc học trò của ông ta, khéo dùng trò huyễn thuật hóa ra một người nam và một người nữ, đều xinh đẹp, đáng kính, đầy đủ các căn. Hai người ấy hòa hợp, sinh ra một đứa con và đặt tên họ cho nó. Tất cả sự việc ấy như ảnh tượng, như mộng, như huyễn, như dợn nắng, như tiếng vang, như hư không, không được tự tại. Đối với vô tướng, vô nguyện, vô tác, lìa dục, Niết-bàn tịch diệt thì các việc làm hư vọng đó có tăng trưởng, thành tựu. Tất cả những việc làm đó giống như nhiều người đi vào trong hang sâu, cùng phát ra âm thanh lớn. Tiếng hô ấy giống như ảnh, như mộng, cho đến như hư không. Âm thanh đó phát ra rồi liền tan biến, không còn nên không thể nắm bắt, đắm nhiễm vào âm thanh

ở nơi hang sâu kia. Khi ấy, mọi người cầu tìm nơi phát ra âm thanh đều biết rõ là chẳng thể đạt được. Tất cả các phiền não cũng là như vậy, hết lòng tìm cầu cũng chẳng thể được, vì chúng như dợn nắng, dao động chập chờn giống như làn nước, nhưng không thể uống được. Như vậy, các pháp như tiếng vang, như dợn nắng đều không có hình tượng.

Bấy giờ, trong chúng hội những người chưa chứng được pháp, sau khi nghe những lời ấy liền được chứng pháp. Hai mươi ức na-do-tha hàng chư Thiên và loài người ở trong chúng hội đều không còn tham đắm đối với tất cả các pháp.

Lúc này, từ trên hư không lại phát ra âm thanh, các chúng trời, người đều thấy, nghe biết đấy chỉ là danh tự, như ảnh, như mộng cho đến như hư không, không thật. Mọi người thưa hỏi về ảnh tượng huyễn hóa này đã được Đức Như Lai giải thích một cách rõ ràng, nên hai mươi ức hằng hà sa hàng trời, người nghe xong đều được an trụ không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và vì để tạo mọi thành tựu đầy đủ cho các chúng sinh nên họ cùng chúng sinh kết bạn.

Lúc này, Bồ-tát Văn Trì bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này nên gọi là gì, chúng con nên thọ trì như thế nào?

Phật nói:

–Pháp căn bản này nên gọi là Các Tội Là Không Tướng Không Bỏ, nên theo như vậy mà thọ trì. Cũng gọi là Như Lai Tự Tại, các ông nên theo đúng như thế mà thọ trì. Cũng gọi là Vô Sở Hữu Bồ-tát Sở Vấn, Thuyết Phật Đại Thần Thông, Ác Tâm Nan Điều Oán Thù Hối Quá, Vô Sở Hữu Pháp Khả Thị Hiện Giả, Phi Bất Kiến Nhất Thiết Chư Pháp. Các ông nên theo đúng như thế mà thọ trì.

Khi Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Vô Sở Hữu cùng với vị Nan Điều Oán Thù, Bồ-tát Văn Trì và đại chúng, các hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 486

KINH BỒ-TÁT SƯ TỬ TRANG NGHIÊM VƯƠNG THỈNH VẤN

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Na-đề, người Trung Ấn.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ, Đại Bồ-tát năm trăm vị, vô lượng tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… cùng vây quanh trước sau nghe Phật thuyết pháp.

Bấy giờ, trong chúng có Đại Bồ-tát tên là Sư Tử Trang Nghiêm Vương, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát hai chân Ngài, nhiễu quanh vô số vòng, rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vào thời quá khứ xa xưa, con đã ở nơi trú xứ của hàng ức trăm ngàn na-do-tha chư Phật dự các đại hội, nhưng chưa từng thấy những việc như hôm nay. Có điều con muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn chấp nhận cho.

Phật nói:

–Tùy theo chỗ ông hỏi, ta sẽ vì ông mà giảng giải rõ.

Lúc ấy, Bồ-tát Sư Tử Trang Nghiêm Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xưa kia Thế Tôn tu hạnh thù thắng gì mà nay được tôn quý trong trời, người như vậy? Được các Bồ-tát, chúng đại Thanh văn, tám bộ chúng trời, rồng… vây quanh cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán? Cúi xin Thế Tôn vì chúng con mà diễn nói về nhân duyên ấy để cho chúng sinh được lợi ích lớn.

Phật bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Trang Nghiêm Vương:

–Lành thay! Lành thay! Nay ông có thể tạo mọi an lạc cho chúng sinh nên mới thưa hỏi như vậy. Ông hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Này thiện nam! Ta nhớ về vô lượng kiếp trong đời quá khứ, thuở ấy có Phật ra đời tên là Bất Khả Tư Nghì Quang Minh gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Bấy giờ có trưởng giả tên là Thượng Thí, tự ỷ mình giàu có và thế lực, không tin nơi chánh pháp, ở chỗ Phật không có tâm quy kính. Đồng thời có một Tỳ-kheo tên là Tỳ-xà-da Tam-bà-bà thấy trưởng giả ấy thì sinh tâm thương xót, khởi phương tiện lớn, cốt yếu làm cho trưởng giả này phát tâm tu hành được thành Chánh giác. Nghĩ như vậy rồi, Tỳ-kheo đó đến nhà trưởng giả. Trưởng giả trông thấy vị Tỳ-kheo này dung mạo đoan nghiêm, oai đức đầy đủ, các căn vắng lặng, uy quang hiện rõ, bỗng nhiên kính trọng liền ra nghinh đón, đảnh lễ xong, thiết bày chỗ ngồi mời Tỳ-kheo an tọa rồi chắp tay thưa: "Thưa Tôn giả! Tôn giả đã chiếu cố đến kẻ tối tăm đức mỏng này."

Tỳ-kheo bảo trưởng giả: "Có đại pháp môn tên là Bát-mạn-trà-la, công đức vô lượng. Nay tôi vì ông mà giảng nói và muốn làm lợi ích cả hàng trời, người. Nếu có chúng sinh được nghe pháp môn này, thường tu hành theo, thì sinh đến đâu cũng sẽ được bốn phước báo thù thắng: Một là cùng thọ sinh ở chỗ bậc Thiện tri thức và chư Đại Bồ-tát, thuộc gia tộc lớn, của cải dồi dào. Hai là quyến thuộc rất nhiều, tự tại vô ngại. Ba là thân tướng đầy đủ, không có tật bệnh. Bốn là các thứ vật dụng tùy theo ý nghĩ tự nhiên hiện đến. Giả sử dù bị núi đè, nhưng thân không đau khổ, có thể nhận biết tâm niệm của chúng sinh, luôn khởi tâm Từ bi cứu giúp."

Trưởng giả Thượng Thí nghe những lời ấy rồi, thì hết mực vui mừng tiếp tục đảnh lễ tán thán: "Lành thay! Xin Tôn giả vì tôi nói rộng pháp môn Bát-mạn-trà-la tối thắng để tôi tu học."

Tỳ-kheo bảo: "Ông muốn biết pháp môn tối thắng này thì trước phải phát nguyện: Con muốn cúng dường các Đức Phật, Đại Bồ-tát cùng chúng Thanh văn, Duyên giác trong ba đời. Nói lời này rồi, ở nơi chỗ trang nghiêm vắng lặng nên lập một đàn tràng vuông vức gọi là Mạn-trà-la, rộng hẹp tùy thời. Đàn nhỏ nhất là mỗi bề bốn ngón tay, hoặc một gang tay, dùng các loại hương thơm và những vật khác, làm ở trên đất, trong khuôn viên nhà ở, đặt tám chỗ thành vòng tròn, vì muốn cúng dường tám vị Bồ-tát. Đó là Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Chấp Kim Cang Chủ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Chỉ Chư Chướng và Bồ-tát Địa Tạng. Như vậy, này trưởng giả! Pháp môn Bát-mạn-trà-la tối thắng này là ánh sáng không thể nghĩ bàn, Như Lai đã giảng nói,

chính tôi đã thọ trì, nay vì ông mà nêu bày, ông nên tu học và lưu truyền rộng rãi, đem căn lành này hồi hướng lên đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trưởng giả nên biết! Nếu có người tu hành tám pháp này, tức là cúng dường chư Phật, Đại Bồ-tát và chúng Thanh văn, Duyên giác trong ba đời, người ấy thường được chư Thiên ủng hộ. Nếu các quốc vương, có thể tự mình thường tu học, hoặc bảo người khác tu học thì trong nước của quốc vương ấy, nhưng điều ác đều dứt sạch. Các thiện nam, thiện nữ tu học tám pháp môn này, sau khi qua đời tất không rơi vào đường ác, vào chốn biên địa, tà kiến, luật nghi bất thiện, cũng không sinh vào nhà bần cùng. Vì vậy nên biết, người nào muốn được phước báo tối thượng trong hiện tại và vị lại, thì nên tu học pháp môn Bát-mạn-trà-la trên. Muốn được thân tướng đẹp đẽ, thông minh, trí tuệ lanh lợi, muốn sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương, cũng nên tu học pháp môn Bát-mạn-trà-la. Như vậy, muốn sinh đến cõi trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, thậm chí làm Đế Thích, Phạm vương, Ma vương và Chuyển luân thánh vương, muốn sinh đến chỗ nào cũng đều nên tu học tám pháp như trên. Muốn sinh lên cõi trời hoặc nơi cõi người trong đại tộc, quyến thuộc thành tựu, của báu dồi dào, thân tâm an lạc, danh tiếng vang xa, nói ra lời gì mọi người đều tin nhận, tôn quý nhất ở trong các chúng, cũng đều nên tu học tám pháp như trên. Nếu muốn chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, vào quả vị Bồ-tát cho đến đạo quả Bồ-đề vô thượng đều nên tu học, cúng dường pháp môn Bát-mạn-trà-la.”

Phật bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Trang Nghiêm Vương:

–Tỳ-kheo Tỳ-xà-da Tam-bà-bà thuở ấy đâu phải là người nào khác, đó chính là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, còn trưởng giả Thượng Thí chính là ta – Phật Thích-ca Mâu-ni. Ta từ đó đến nay, trải qua nhiều kiếp tu hành, cúng dường pháp môn Bát-mạn-trà-la này, được công đức lợi ích đầy đủ như trên. Nếu có chúng sinh nào, tùy theo khả năng tu học cũng đều đạt được mọi sự chứng đắc như ta.

Này thiện nam! Ta hành đạo Bồ-tát đến nay, trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, tu đầy đủ sáu Độ, làm lợi ích cho chúng sinh, thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác, có được ánh sáng, oai đức, diệu lực, phá trừ chúng ma, đó là nhờ vào uy lực nào? Chính là đều do công đức cúng dường đạo tràng Bát-mạn-trà-la. Cho nên nếu chúng sinh được nghe nói về tám thứ pháp môn trên thì không nên không tu học. Nếu dùng hương hoa, đèn sáng, thức ăn, nước uống, cờ phướn, lọng báu, y phục, âm nhạc, lễ bái tán thán phát nguyện sám hối, tùy theo sức mình đều có thể nhờ phước trợ giúp, hoặc khi

hành sáu pháp Ba-la-mật, sửa sang dựng lập đạo tràng, dùng các nước thơm, hoặc hương xoa bôi trên đất, hoặc nước trộn với đất làm đàn tràng vuông tròn, đó gọi là Đàn ba-la-mật. Trong khi sửa sang cúng dường, ba nghiệp thân, khẩu, ý không não hại chúng sinh, đó gọi là Thi-la ba-la-mật. Khi sửa sang cúng dường, nếu có những loài trùng kiến bò vào đạo tràng, đuổi chúng đi, chúng vẫn trở lại mà vẫn an nhẫn, đó gọi là Sằn-đề ba-la-mật. Lúc tu tập cúng dường, tâm thiện tương tục đó gọi là Tỳ-lê-da ba-la-mật. Tâm không tán loạn, một lòng cúng dường, đó gọi là Thiền ba-la-mật. Khi làm công việc ấy, đàn tràng vuông vức, bằng phẳng, không bị nghiêng lệch, có thể thông hiểu, hạ xuống đưa lên ứng hợp đúng thời, đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Này thiện nam! Một pháp như vậy, tùy tâm biến hiện liền có thể đầy đủ sáu Ba-la-mật. Vì vậy các vị phải nên rộng nói, giáo hóa chúng sinh làm lợi ích lớn, cho đến lúc thành Phật.

Đức Thế Tôn giảng nói kinh này rồi, Đại Bồ-tát Sư Tử Trang Nghiêm Vương, chư Thiên, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… đều rất hoan hỷ, tin nhận, phụng hành.

-oOo-

SỐ 487

KINH BỒ-TÁT LY CẤU TUỆ HỎI VỀ CÁCH THỨC LỄ PHẬT

Hán dịch: Đời Đường, Tam tạng Na-đề, người Trung Ấn.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, trong rừng Thắng Đức, thuộc thành Thất-la-phiệt-tất-đề, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị, vô số Bồ-tát, vô lượng Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, các trưởng giả, mỗi mỗi vị ấy đều là những người đứng đầu trong đại chúng, cùng quyến thuộc của họ đi đến chỗ Phật. Lại có tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-ba, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già vây quanh trước sau trong pháp hội lớn.

Bấy giờ, trong pháp hội có Đại Bồ-tát tên Ly Cấu Tuệ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, trịch áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, cung kính chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con có vài điều muốn hỏi, xin Thế Tôn cho phép.

Phật nói:

–Ông cứ hỏi, ta sẽ tùy ý ông mà đáp.

Bồ-tát Ly Cấu Tuệ nghe Phật chấp nhận liền vui mừng không lường, bạch Phật:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào ở chỗ Như Lai thì nên cung kính, lễ bái, cúng dường như thế nào?

Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Bồ-tát Ly Cấu Tuệ! Tâm Từ bi của ông rộng lớn, vì muốn tạo nhiều lợi ích an lạc cho tất cả hàng trời, người. Ông hãy khéo lắng nghe, ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào ở chỗ Phật muốn đem tâm cung kính lễ bái thì trước tiên nên phát nguyện như vầy: Nay con chí tâm đảnh lễ mười phương chư Phật, hội nhập khắp trong tất cả các pháp thù thắng. Nay con

đối với Đức Thế Tôn năm vóc đảnh lễ, vì đoạn năm đường, lìa năm triền cái, nguyện cho các chúng sinh thường được an trụ, không mất năm thông, đầy đủ năm mắt. Nguyện khi gối phải con quỳ sát đất thì khiến cho các chúng sinh được đạo Chánh giác. Nguyện khi gối trái con quỳ sát đất thì khiến cho các chúng sinh đối với pháp ngoại đạo, chẳng khởi tà kiến, đều được an trụ trong đạo Chánh giác. Nguyện khi tay phải con chạm đất, giống như Thế Tôn ngồi nơi tòa kim cang, tay phải chỉ xuống mặt đất thì đại địa chấn động, hiện điềm lành, chứng đại Bồ-đề. Nay con cũng vậy, cùng các chúng sinh đồng chứng đạo Giác ngộ. Nguyện khi tay trái con chạm đất, khiến cho những ngoại đạo khó giáo hóa thì dùng bốn Nhiếp pháp mà điều phục khiến họ nhập vào chánh pháp. Nguyện khi đỉnh đầu con chạm đất thì khiến cho các chúng sinh lìa tâm kiêu mạn, đều được thành tựu tướng Vô kiến đảnh.

Này Bồ-tát Ly Cấu Tuệ! Đây là tướng năm vóc đảnh lễ. Kế đến đảnh lễ chư Phật hiện tại trong mười phương, nên xướng như vầy:

Nam-mô Đông phương Như Lai A-súc cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Nam phương Như Lai Bảo Tướng cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Tây phương Như Lai Vô Lượng Thọ cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Bắc phương Như Lai Diệu Cổ Thanh cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Đông nam phương Như Lai Nhân-đà-la Kê Đô Tràng Vương cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Tây nam phương Như Lai Bảo-du-bộ cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Tây bắc phương Như Lai Sa-la Nhân-đà Vương cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Đông bắc phương Như Lai Vô Lượng Tràng Vương cùng

tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Thượng phương Như Lai Trí Quang cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Nam-mô Hạ phương Như Lai Tỳ-lô-giá-na cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp vô lượng thế giới ở phương ấy.

Tiếp đến, đảnh lễ thế giới Sa-ha Đức Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật, cùng tất cả Như Lai, chư Đại pháp tạng, Đại Bồ-tát nhập địa, Thanh văn, Duyên giác và hết thảy Hiền thánh khắp mười phương vô lượng thế giới ở thế giới này.

Lại nguyện như vầy: Nay con một lòng đảnh lễ tất cả Phật pháp cùng các chúng Hiền thánh, xin chứng tri cho con, từ nay cho đến ngày đắc quả Bồ-đề, con luôn quy y Đức Phật Thế Tôn, Đấng Đại Từ Bi, Đấng Nhất Thiết Trí, Đấng Nhất Thiết Tri Kiến, Đấng đã lìa các sợ hãi, Đấng Đại Sư Tử trong loài người, Đấng Đại Long Vương, Đấng Đại Tiên Sĩ trong cõi người, Đấng Đại Trượng Phu, Đấng Nhất Thiết Biến Tri Thân Bất Tư Nghì, Đấng Thân Vô Thượng, Đấng Thân Vô Đẳng, Đấng thân không chung với Nhị thừa, Đấng Pháp Thân Thanh Tịnh, Đấng Tối Tôn trong tất cả chúng. Nay con một lòng chí thành kính lễ. Kính lễ như vậy trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn lần, cho đến vô lượng, vô số lần, tận đời vị lai, tận cùng nơi thân mạng xin quay về nương nơi các Đức Phật Thế Tôn như trên.

Lại nói như vầy: Nay con đem căn lành của ba nghiệp thân khẩu ý, cùng với các chúng sinh quay về nương nơi Phật, luôn không rời Phật. Quy y Đấng ngồi đạo tràng, Đấng thường trụ thường hằng không dời đổi, Đấng không già chết, không hoại diệt, Đấng tánh không trụ, không duyên, vắng lặng, Đấng an trụ nơi nhà pháp làm bậc hộ niệm lớn, làm hải đảo, Đấng làm nơi nương tựa cho người chứng đắc Niết-bàn, Đấng tối thượng trụ trong các pháp. Nay con chí thành, ân cần kính lễ chánh pháp của các Đức Phật như vậy, cũng như chí thành kính lễ các Bồ-tát… trụ trong chủng tánh, từ địa Hoan hỷ cho đến địa Pháp vân, những Bồ-tát Tăng trụ trong mười Địa.

Thứ đến nên sám hối và nguyện như vầy: Cúi xin mười phương chư Phật Thế Tôn chứng tri, nhớ nghĩ, Từ bi nhận cho con sám hối về ba nghiệp của thân là: sát, đạo, dâm; bốn nghiệp của miệng là: nói dối, nói lời ác, nói hai lưỡi, nói thêu dệt; ba nghiệp của ý là: tham, sân, si, tự mình làm, bảo

người khác làm, thấy người làm mà vui theo. Mười nghiệp ác như vậy con đều xin sám hối. Lại suy nghĩ: Con từ vô thủy đến nay, luân hồi trong sáu nẻo, đối với các chúng sinh tạo đủ cách dối gạt, xảo trá, gây tổn hại cho muôn loài, tất cả, nay đều xin sám hối. Hoặc hủy báng ba thừa, vọng nói pháp luật, khinh mạn Tam bảo, lừa dối cha mẹ, ở trước những vị tôn trưởng như Hòa thượng, A-xà-lê không sinh tâm kính trọng, những tội nơi quá khứ như vậy nay đều xin sám hối. Những nghiệp ác trong hiện tại con cũng xin thành tâm bày tỏ, những điều chưa làm thì không dám làm. Nay ở trước chư Phật, chư Bồ-tát… đứng đầu trong đại chúng, không gì sánh, không gì hơn, tối thượng, con xin bày tỏ, sám hối không dám che giấu, một khi đã sám hối rồi thì không tái phạm. Sám hối như vậy, lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như trên.

Kế đến, nên khuyến thỉnh như vầy: Cúi xin mười phương chư Phật, nếu chưa chuyển pháp luân mà muốn vào Niết-bàn, con đều thỉnh các Ngài trụ lâu ở đời, trong vô lượng kiếp, thương xót chúng sinh, chuyển bánh xe chánh pháp, tuôn mưa đại pháp, không vào Niết-bàn.

Thứ nữa, tùy hỷ nên nói như vầy: Ba thừa Hiền thánh nhiều như cát sông Hằng hiện có trong mười phương và tất cả chúng sinh tu hành sáu Độ, các pháp trợ Bồ-đề, con đều tùy hỷ.

Lại nên hồi hướng, nói như vầy: Mười phương ba đời các Đức Phật tác nghiệp và chư Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác đã hành sáu Độ, đem hết tất cả hồi hướng lên đạo Bồ-đề vô thượng, con cũng như vậy, xin hồi hướng nơi Phật đạo.

Lại phát nguyện như vầy: Ngưỡng mong mười phương ba đời chư Phật, Bồ-tát đều phát nguyện rộng lớn tận hư không khắp pháp giới, vì các chúng sinh mà giáo hóa, thâu gồm ba cõi, nguyện cho các chúng sinh được lợi lạc thành thục, đầy đủ thiện luật nghi, trụ nơi đại Niết-bàn. Bây giờ con cũng như vậy, phát thệ nguyện lớn trang nghiêm. Con nguyện đối với đạo Vô thượng, tâm không tán loạn, thường gặp các Đức Phật, nghe chánh pháp, luôn thừa sự tu hành, làm những pháp thiện, tâm Bồ-đề không thoái mất, sinh đến đâu cũng được cúng dường Thánh chúng, giáo hóa chúng sinh, đắc đạo vô thượng, chuyển bánh xe chánh pháp, đầy đủ thần thông khiến cho các chúng sinh tu học như vậy, đến không thoái chuyển. Lại nguyện cho các chúng sinh sớm dứt các khổ, mau chứng Niết-bàn, trụ vào trí Như Lai, con đã vượt qua sinh tử, giác ngộ cho tất cả, khiến các chúng sinh cũng xa lìa sinh tử, thoát khỏi phiền não, giác ngộ hết thảy. Cúi xin mười phương chư Phật chứng tri cho con hành đạo Bồ-tát, phát nguyện

rộng lớn như biển.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ nói lại nghĩa đó:

Tôi nguyện sinh đến đâu
Được thân hình theo nghiệp
Thành thân đại trượng phu
Thành tín, đủ các căn.
Thông kỹ thuật, tài năng
Hiểu rộng lời Phật dạy
Việc đời đều từ bỏ
Các dục thảy xa lìa.
Chánh ngữ trụ niệm pháp
Trang nghiêm tâm Bồ-đề
Thờ kính tri thức thiện
Hữu tình thấy đều trọng.
Oai nghi đã đầy đủ
Tịnh niệm được an vui
Thường sợ nghiệp ác kia
Hành trì nơi pháp thiện.
Thường nương hạnh mười độ
Vì vậy được giác ngộ
Cho đến thân cuối cùng
Thường ban vui chúng sinh.
Ma-ni hơn các ngọc
Thành tựu việc lợi tha
Tôi nguyện tận vị lai
Làm lợi ích không dừng.

Phật bảo Đại Bồ-tát Ly Cấu Tuệ:

–Nếu có chúng sinh hành đạo Bồ-tát, như ta đã nói, nên nương theo đó mà tu học.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Ly Cấu Tuệ và các đại chúng, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân cùng phi nhân… nghe những lời Phật dạy đều hoan hỷ, phụng hành.

-oOo-

SỐ 488

KINH BẢO THỌ BỒ-TÁT BỒ-ĐỀ HẠNH

Hán dịch: Đời Tống,
Tam tạng Pháp Hiền.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng chúng đại Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị, trú tại lầu gác Đại lâm, thuộc thành Quảng nghiêm.

Những Bí-sô này đều là Đại A-la-hán, các lậu đã tận, không còn phiền não, dứt các trói buộc, đạt được tự lợi, buông các gánh nặng, việc làm đã xong, như đại Long vương, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, đạt được sự giải thoát sâu xa nơi chánh đạo, các căn được điều phục, uy nghi luôn hiện bày, chỉ có Tôn giả A-nan là còn ghi nhận, phụng hành tạng pháp của Phật.

Lại có chúng Đại Bồ-tát gồm một ngàn vị, tất cả đều chứng đắc pháp nhẫn bình đẳng, pháp môn Tổng trì nơi địa Không thoái chuyển, đều là bậc đại trí có lòng tin lớn, nói làm tương ưng, đoạn các nghi hoặc, tướng mạo viên mãn, luôn vui vẻ, không còn lo lắng, hành trì tinh tấn. Chư vị đều là các bậc Pháp vương tử, biết tự tánh của các pháp, giảng nói chánh pháp không hề mệt mỏi, giúp diệt trừ mọi thứ hý luận, hóa độ chúng sinh phát khởi trí Phật, không bỏ qua những việc đem lại lợi lạc, đạt nhẫn nhục lớn, lìa các pháp của cảnh giới điên đảo, đầy đủ mười Địa, khéo biết về ba thời, rõ tự tánh là không sinh không diệt, dứt hẳn trói buộc, chứng đắc các Tam-ma-địa Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tuy ra khỏi sinh tử nhưng vẫn thị hiện vào nẻo luân hồi để độ sinh, chẳng thích hạnh Thanh văn, Duyên giác, chỉ phát huy tâm đại Bồ-đề, tùy theo căn cơ của chúng sinh mà thuyết pháp. Danh hiệu của chư vị là: Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Hương Quang, Bồ-tát Vô Biên Quang, Bồ-tát Trừ Cái Chướng, Bồ-tát Thắng Nghĩa Tâm, Bồ-tát Đắc Quang Vương, Bồ-tát Đoạn Nhất Thiết Ưu Ám, Bồ-tát Tát-lý-pha-vĩ-sa-ma-na-lý-thi, Bồ-tát Nội Hạnh, Bồ-tát Vô Biên Ý, Bồ-tát Cụ Đại Tinh Tấn Bộ Ý, Bồ-tát Bảo Hải, Bồ-tát Trang Nghiêm Vương, Bồ-tát Cụ Đại Thần Thông Vương, Bồ-tát Vô Sai Bộ, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Phổ Mãn, Bồ-tát A-na-phạ-la-noa-

lý-thi, Bồ-tát Thường Hỷ, Bồ-tát Thượng Kim Quang, Bồ-tát Quán Nhất Thiết Pháp Ý, Bồ-tát A-thuật-nghiễn Đà-na-la Câu-tô-di-đa, Bồ-tát Thủ Tích, Bồ-tát Vô Ưu Cát Tường, Bồ-tát Tu-di Tạng, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Hương Tự Tại Vương, Bồ-tát Hoan Hỷ Vương, Bồ-tát Vô Biên Tuệ Tạng, Bồ-tát Trì Nhất Thiết Diệu Pháp Tạng, Bồ-tát Sư Tử Hống Âm. Các Đại Bồ-tát này đều là bậc Thượng thủ.

Đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn đắp y mang bát, cùng chúng đại Bí-sô hai ngàn vị trước vây quanh, đi vào thành Quảng nghiêm khất thực. Đến cửa thành, Đức Thế Tôn dùng tâm đại Từ bi thị hiện lực thần thông, phóng ra ánh sáng lớn chiếu tỏa khắp nơi, khiến thành Quảng nghiêm trông như ngọc lưu ly, làm cho bốn ngả đường đều thanh tịnh. Chúng sinh ở những nơi này, nhờ tiếp xúc với ánh sáng ấy, nên người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người mê hoặc được chánh niệm, trời tuôn hoa như mưa đầy khắp thành, thiên nhạc tự tấu, diệu âm trong lắng, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến cõi trời A-ca-nị-trá, khiến mọi chúng sinh đều được an vui. Bấy giờ, vua Tinh-hạ-lý-tha-vĩ trị vì thành Quảng nghiêm có người con tên là Bảo Thọ mới lên ba tuổi, được nhũ mẫu bế đang ở nơi cung điện. Khi ấy, Bảo Thọ bỗng thấy tướng ánh sáng hiếm có và nghe các việc kỳ lạ trong thành, liền từ trên tay nhũ mẫu bước xuống đất, đứng ngay thẳng trước nhũ mẫu nói kệ:

Lực oai đức người nào
Hiện tướng hy hữu này
Như vô lượng mặt trời
Chiếu khắp ba ngàn cõi?
Trong ấy, các đường ác
Tất cả được thanh tịnh
Thần thông đó như vậy
Vì con mẹ nói rõ.
Trời mưa nhiều hoa đẹp
Rải khắp nơi cõi Phật
Hợp thành lọng vi diệu
Hiện bày giữa không trung.
Mười phương có chim lạ
Bay liệng, hót, tụ tập
Nam, nữ đều rất vui
Trang điểm đẹp khác thường.
Người mù lại thấy rõ
Người điếc lại nghe xa

Người câm thì nói được
Mê hoặc được chánh niệm.
Những xấu xí thô lậu
Biến thành tướng diệu sắc
Tất cả người không thiện
Đều phát tâm Từ bi.
Ai hành ở thế gian
Phát khởi sức thần thông
Đây là việc tối thượng
Vì con mẹ nói rõ.

Nhũ mẫu liền dùng kệ đáp Đồng tử Bảo Thọ:

Công đức báu xuất hiện
Thanh tịnh khó nghĩ bàn
Hạnh thanh tịnh tối thượng
Không cấu, không tăng giảm.
Thế Tôn là mắt sáng
Xem chúng sinh như mình
Hóa độ ở thế gian
Không phân biệt thân sơ.
Thị hiện đến khất thực
Không trụ tướng thế gian
Không nhiễm pháp trần tục
Như hoa sen trong nước.
Đoạn trừ nghi chúng sinh
Từ bi thường lợi vật
Khổ não của muôn loài
Chỉ có Phật trừ sạch.
Khen ngợi cũng không mừng
Hủy báng cũng không giận
Không còn các chướng ngại
Vào đời như gió mát.
Là bậc thầy thế gian
Đại Pháp vương tối thượng
Khéo giải pháp thâm diệu
Sáng tỏ Đệ nhất nghĩa.
Thường nói pháp trung đạo
Dứt mọi nẻo lấy, bỏ
Lời pháp luôn tịch tĩnh

Xa lìa các xứ sở.
Trí chứa tướng vô ngã
Khối phước lớn tối thượng
Thiện Thệ Thế Gian Giải
Là bậc vô biên tướng.
Thân Phật như Tu-di
Cao lớn không ai bằng
Cũng như Ni-câu-đà
Trên dưới đều tương xứng.
Sắc thân như vàng ròng
Tỏa sáng đẹp như ngọc
Trong sạch như pha lê
Như trăng tròn mùa thu.
Đảnh đầu tròn như lọng
Tóc đen sậm bóng mượt
Búi tóc như xoắn ốc
Mỗi mỗi xoay về phải.
Diện môn như trăng rằm
An nhiên và thanh tịnh
Lông trắng giữa đôi mày
Xoay vòng về bên phải.
Hai mắt như sen xanh
Long lanh khéo quán sát
Môi đỏ như quả táo
Răng trắng, thẳng, kín sát.
Tướng lưỡi như lá sen
Dài, rộng phủ hết mặt
Mũi cao dài thẳng đứng
Trán rộng mà bằng phẳng.
Hai mi màu đen xanh
Kéo dài xuống đến tai
Hai tai lớn, cân đối
Tròn dài tiếp đến vai.
Âm thanh Như Lai nói
Trong trẻo như Tần-già
Dịu êm lại hòa nhã
Chúng sinh nghe liền vui.
Có các Khẩn-na-la

Khổng tước, ngỗng, anh vũ
Chim sáo Câu-chỉ-la
Uyên ương Câu-na-la.
Nhĩ-mẫu-đa, mạng mạng...
Các âm thanh như vậy
Cùng âm nhạc chư Thiên
Tất cả tiếng vi diệu.
Chẳng bằng tiếng Như Lai
Ở trong mười sáu phần
Một phần còn chẳng được
Cổ nhỏ lại tròn đủ.
Hai tay dài quá gối
Mười ngón cùng thon đều
Đủ các tướng đẹp quý
Mềm như Đâu-la-miên.
Màu đồng đỏ vi diệu
Lồng ngực rộng và bằng
Rốn nhỏ tròn sâu kín
Âm tàng như mã vương.
Được che nên chẳng lộ
Cho đến xuống hai chân
Màu sắc như sen hồng
Bằng phẳng lại mềm mại.
Nổi lên ngàn hoa văn
Cùng màn lưới nối kết
Đủ các tướng như vậy
Trăm phước đều trang nghiêm.
Đại trượng phu đủ lực
Thầy tất cả thế gian
Thường gầm tiếng sư tử
Thuyết giảng pháp bất nhị.
Những lời Phật nói ra
Chân thật không sai lầm
Lời ái ngữ thuận hợp
Chúng sinh nghe liền vui.
Giác ngộ cho muôn loài
Ứng căn liền mở bày
Có công đức lợi lạc

Là tối thượng bậc nhất.
Trang nghiêm đủ như vậy
Gọi là Phật Thế Tôn
Trong mười phương thế giới
Phàm, Thánh không thể sánh.

Đồng tử Bảo Thọ nghe nhũ mẫu nói kệ tán thán Đức Phật rồi, liền nói:

–Thưa mẹ, con làm thế nào để được thấy Đức Phật?

Lúc này, Đức Phật biết được ý của Đồng tử Bảo Thọ, liền hiện thân đứng trước cung môn. Nhũ mẫu đưa tay chỉ ra cửa, nói:

–Này Bảo Thọ, vị kia là Đức Phật!

Từ trên cung điện trông thấy Đức Thế Tôn, Đồng tử Bảo Thọ chắp tay đảnh lễ và suy nghĩ: "Nếu có chúng sinh được thấy tướng của Như Lai đầy đủ công đức như vậy mà không phát tâm đại Bồ-đề thì khó được lợi lạc cho chính mình." Bảo Thọ lại suy nghĩ: " Trải qua trăm ngàn câu-chi kiếp khó được gặp Phật. Nay ta được gặp Phật thật là hy hữu, ta nên xả thân này để cúng dường." Nghĩ vậy, đồng tử tay cầm đóa sen vàng ngàn cánh, từ trên cung điện nhảy xuống.

Khi đó, Phật dùng thần lực gia trì nên đồng tử trụ giữa không trung, cầm hoa sen vàng dâng cúng Phật. Hoa sen vàng vừa rời khỏi tay đồng tử liền biến thành lọng hoa, do các báu trang nghiêm tươi đẹp hết mực, trụ giữa không trung bên trên chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, Đồng tử Bảo Thọ ở giữa không trung chắp tay hướng về Đức Phật, nói kệ:

Con dâng cúng hoa sen
Không vì đoạn phiền não
Cùng tất cả các pháp
Chỉ vì Bồ-đề Phật.
Như Bồ-đề không sinh
Chẳng có cũng chẳng không
Chẳng lấy cũng chẳng bỏ
Con hóa hiện từ Phật.
Chẳng ngu mê đắm chấp
Các tướng cùng không tướng
Con lìa tất cả tướng
Cúng dường Phật Thế Tôn.
Các công đức đạt được

Cũng lìa tất cả tướng
Nay dâng cúng hoa này
Không mong chứng Nhị thừa.
Chỉ vì đệ nhất thừa
Thường chuyển ở cõi Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng hầu bên phải Phật, thấy sự việc như vậy, liền dùng kệ hỏi Đồng tử Bảo Thọ:

Phật Thích-ca như vậy
Ngươi kính tin, cúng dường
Sao tâm lại điên đảo
Bảo Bồ-đề không sinh?

Bảo Thọ liền dùng kệ thưa Tôn giả Mục-liên:

Các pháp vốn không sinh
Chỗ thí không, vô vi
Pháp tánh vốn như vậy
Tại sao nói có sinh?
Đầu tròn mặc ca-sa
Trụ vào tướng La-hán
Nếu chẳng thể biết "không"
Sao rõ được trí Phật?
Nếu Tôn giả có vọng tưởng
Cúng dường vô lượng Phật
Tuy cúng Phật như vậy
Thật chưa phải cúng dường.
Tôn giả cho đến nay
Còn chưa đoạn vọng tưởng
Tâm Tôn giả nghĩ sao
Không tướng nói có tướng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại hỏi đồng tử:

–Như Lai không chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Cũng chẳng giảng nói pháp sao?

Đồng tử Bảo Thọ đáp:

–Phàm là bậc đại trí thì chẳng trụ nơi tướng Bồ-đề, chẳng trụ nơi tướng Như Lai, tánh của các pháp là vô vi, vốn không có sinh. Nếu biết rõ như vậy, tức biết được pháp tánh, chẳng có kinh sợ, xa lìa thân sơ, không đến không đi, không hành không tướng, chẳng trụ nơi pháp Phật, chẳng trụ nơi pháp Duyên giác, chẳng trụ nơi pháp Thanh văn, cũng chẳng trụ nơi

pháp tham, chẳng trụ nơi pháp sân, chẳng trụ nơi pháp si, cho đến chẳng trụ nơi các pháp phiền não, vô minh, ngu mê của chúng sinh. Cũng lại chẳng trụ nơi có sắc không sắc, có tưởng không tưởng, có tướng không tướng, thanh tịnh hay không thanh tịnh, thân khẩu ý bình đẳng hay không bình đẳng, vì tất cả các pháp đều không có chỗ trụ.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại hỏi:

–Này Đồng tử Bảo Thọ! Như Lai đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng chẳng chứng đắc chăng?

Đồng tử đáp:

–Không có chứng đắc. Nếu có chỗ chứng đắc tức là trụ nơi tướng Như Lai, trụ nơi tướng Bồ-đề, trụ nơi tướng giải thoát. Nếu trụ nơi tướng ấy tức là ngu mê.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói:

–Đồng tử! Tôi cũng vô tướng, đồng tử cho là có tướng. Lại nói: Chỗ hỏi của tôi lúc nãy là theo tục đế.

Đồng tử Bảo Thọ thưa:

–Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Tất cả chúng sinh ngu mê, hư vọng liền sinh các căn chẳng thể điều phục.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói:

–Nếu chúng sinh đầy đủ sự hư vọng thì pháp cũng lại hư vọng, nếu đã hư vọng thì làm sao đồng tử nêu bày?

Đồng tử đáp:

–Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Nói pháp vô tướng mới là nói pháp. Giảng nói như vậy là không có chỗ đến, cũng không có chỗ chứng đắc, cũng không có chỗ biết, cũng không có chỗ thấy.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói:

–Này đồng tử! Nếu nói như vậy, thì nay cớ gì đồng tử lại cúng dường Như Lai?

Đồng tử đáp:

–Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Nếu Tôn giả thấy như thế là thấy tướng Như Lai, thấy tướng người dâng cúng.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Đồng tử Bảo Thọ nói vậy thì im lặng đứng yên.

Đồng tử lại nói:

–Này Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Nếu chúng sinh thấy có tướng ấy

thì chẳng thể giải thoát, chẳng được tự lợi, xa lìa Niết-bàn tịch tĩnh của Như Lai, chắc sẽ hướng đến Thanh văn thừa.

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói kệ:

Đồng tử tuy tuổi nhỏ
Trí tuệ như biển lớn
Trải qua bao thời gian
Thành tựu pháp vô sinh.

Đồng tử Bảo Thọ dùng kệ trả lời:

Học tức chẳng phải học
Tất cả học vô tánh
Đại trí học như vậy
Con học cũng như vậy.
Những điều Tôn giả hỏi
Chấp vào tướng chúng sinh
Chúng sinh vốn vô tướng
Các pháp không thủ đắc.
Nói có tướng Bồ-đề
Ngu mê chẳng chánh kiến
Nay tại sao Tôn giả
Còn trụ vào các kiến?
Người trí đối các kiến
Tất cả đều thanh tịnh
Pháp Phật, pháp ngu mê
Và cùng tất cả pháp.
Đều quán "không" như vậy
Là biết tánh các pháp
Nếu trụ tướng có không
Để cầu chứng Bồ-đề.
Pháp vốn chẳng có không
Bồ-đề sao đắc được!
Thuyết pháp không biên vực
Chúng sinh cũng như vậy.
Chẳng trụ tướng sai biệt
Ấy gọi là Niết-bàn
Hành luân hồi như vậy
Người tu không thật có.
Trong pháp vô tướng ấy

Người trí chẳng ngu mê
Ngu mê nói chứng đắc
Ấy đều trụ luân hồi.
Vô minh càng thêm lớn
Tức bị ma mê hoặc
Ngồi đạo tràng Bồ-đề
Vì chỉ bày tục đế.
Chỗ chứng của chư Phật
Lìa tục, lìa tịch tĩnh
Bồ-đề chẳng thể nói
Xa lìa thấy, chẳng thấy
Nếu thấy thật như vậy
Mới biết rõ pháp diệu.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Đồng tử Bảo Thọ này tu hành pháp ấy từ lúc nào?

Phật đáp:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Khi ta bắt đầu phát tâm Bồ-đề vô thượng thì Đồng tử Bảo Thọ đã chứng pháp Nhẫn vô sinh, trải qua ba trăm ngàn kiếp.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Khi xưa, ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng được thọ ký, ta mới chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh thì Đồng tử Bảo Thọ ở trong pháp hội đó là Đại Bồ-tát hiểu rõ về pháp "không" bậc nhất.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, trải qua thời gian như vậy, Bồ-tát Bảo Thọ vẫn chẳng chứng đắc Bồ-đề vô thượng?

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông đem nghĩa này hỏi Bồ-tát Bảo Thọ, chắc hẳn Bảo Thọ sẽ trả lời cho ông.

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy liền hỏi thẳng Bồ-tát Bảo Thọ:

–Tại sao nay ông chưa thành Phật?

Bồ-tát Bảo Thọ đáp:

–Thưa Tôn giả! Vì Bồ-đề vô thượng là không thể thủ đắc nên con không thành Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Bồ-tát Bảo Thọ, ý ông nghĩ sao? Như Lai thành Phật chẳng có tướng chăng?

Bồ-tát Bảo Thọ đáp:

–Nếu Như Lai đối với Bồ-đề mà có chứng đắc tức là chấp giữ tướng, nếu chấp giữ tướng thì là vọng tưởng.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Này Bồ-tát Bảo Thọ! Từ trước đến nay Bồ-tát trụ nơi hạnh gì? Trụ nơi nhẫn gì? Lại dùng pháp gì để hóa độ bình đẳng?

Bồ-tát Bảo Thọ đáp:

–Đối với một pháp con hãy còn không trụ, huống nữa là có bốn pháp. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả chớ nói con là có thuyết pháp, có chứng Bồ-đề, là Như Lai, được giải thoát?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

–Thật hiếm có, này thiện nam! Nếu đồng tử đối với pháp có khả năng biết rõ như vậy thì hãy đến với Phật xin xuất gia, rất hợp.

Bồ-tát Bảo Thọ liền nói kệ:

Có những người xuất gia
Đắm chấp tướng xuất gia
Tâm vọng tưởng mê hoặc
Xưng là có chứng đắc.
Kiến chấp đối các pháp
Tu hành nhân bố thí
Muốn cầu quả vô vi
Chỗ chứng là hữu vi.
Chẳng rõ địa vô tướng
Thấy có sinh, không sinh
Cùng tướng đắc, không đắc
Nói được vị cam lộ.
Người này đối pháp Phật
Gọi là người phá pháp
Như Lai Thích Sư Tử
Nói pháp tịch, vô tướng.
Chẳng trụ tâm, phi tâm
Chẳng trụ tánh, vô tánh
Nếu thấy nói như vậy
Tức là thấy Phật nói.
Nếu người thấy có tướng
Người ấy mắt chẳng tịnh
Ngã kiến chẳng giải thoát

Người trí chẳng nên hành.
Ngã kiến là ngu mê
Chấp thấy có tướng thường
Vì tự có tướng chấp
Nên nói đắc Niết-bàn.
Chẳng biết tánh mộng huyễn
Cùng trái không, vô tướng
Phật nói người như vậy
Là kẻ đại vô trí.
Cho đến điều các căn
Trì giới, chấp thiền định
Khởi lên tâm vọng tưởng
Trụ tướng mê cầu quả.
Đây là giặc trong pháp
Người trí phải nên biết
Dùng các pháp như vậy
Xuất gia nào ích gì.
Pháp giới vốn vắng lặng
Các pháp không phân biệt
Như âm vang trong núi
Người trí chẳng thấy tướng.
Nên trụ vào như như
Không phân biệt tánh, tướng
Biết rõ pháp như vậy
Sao trụ tướng xuất gia.

Lúc đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi Bồ-tát Bảo Thọ:

–Thế nào gọi là Bồ-đề?

Bồ-tát Bảo Thọ đáp:

–Lìa các nói năng gọi là Bồ-đề.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Đồng tử nói như vậy nghĩa là thế nào?

Bồ-tát Bảo Thọ đáp:

–Vì pháp vốn vô ngôn nên nói như vậy.

Bồ-tát Diệu Cát Tường hỏi:

–Là Bồ-tát ở Địa thứ nhất nên nói điều gì? Nên học thế nào?

Bồ-tát Bảo Thọ đáp:

–Nên nói như vầy: Chẳng đoạn tham dục, sân hận, chẳng bỏ ngu si, chẳng đoạn phiền não, cho đến chẳng bỏ năm uẩn, sáu xứ… Lại nữa, đối với trí tuệ, ngu si chẳng hề sinh nghi hoặc, không tâm niệm Phật, chẳng tư duy pháp, chẳng cúng dường chúng Tăng, cũng chẳng trì giới, đối với bạn bè chẳng cầu tịch tĩnh, cho đến cũng chẳng vượt thoát các nạn.

Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Vì Bồ-tát ở Địa thứ nhất nên nói như vậy, nên học như vậy. Ý Bồ-tát nghĩ sao? Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Không nên đối với các pháp mà có tướng trụ, nếu trụ nơi tướng tức là trụ nơi pháp, người đó là kẻ ngu mê, khởi pháp sinh diệt. Nếu đối với pháp được nói ấy không hề nghi hoặc, tức là biết rõ tánh của pháp giới. Nếu người có thể biết rõ pháp tánh như vậy thì được gọi là nói về Bồ-đề. Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Nếu có Bồ-tát nào nghe pháp này rồi mà không kinh sợ thì nên biết vị ấy đã chứng đắc không thoái chuyển.

Bấy giờ, trong chúng hội có tám Bí-sô vừa nghe nói về chánh pháp vô tướng này thì tâm chẳng ưa thích, liền ra khỏi pháp hội và thổ huyết mạng chung. Tất cả các Bí-sô này đều bị đọa vào đại địa ngục A-tỳ.

Bồ-tát Diệu Cát Tường bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Tại sao tám Bí-sô này vừa nghe chánh pháp ở đây liền sinh tướng không tốt như vậy?

Phật nói:

–Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Ông chớ nói như vậy. Những Bí-sô này, đã trải qua hàng mười ngàn kiếp không được nghe chánh pháp, không được gần thiện hữu, do vậy, ngày nay vừa nghe chánh pháp như thế nên tâm họ chẳng ưa thích. Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Tám Bí-sô này, vào đời vị lai, ở trong ngục A-tỳ bỗng nhớ nghĩ về chánh pháp, liền đó mạng chung, sinh lên cõi trời Đâu-suất-đà làm Thiên tử, hoặc sinh trong nhân gian làm Chuyển luân vương, trải qua sáu mươi tám kiếp, sẽ được phụng sự cúng dường mười na-do-tha Phật. Cuối kiếp đó sẽ có Phật xuất hiện hiệu là Như Lai Vô Cấu Quang, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật Vô Cấu Quang cũng như ta ngày nay, trụ ở thành Quảng nghiêm, rộng vì hàng trời người thuyết pháp, thọ ký. Khi ấy, các Thiên tử đó từ xa dùng Thiên nhĩ nghe Phật thuyết pháp, thọ ký, liền cùng tám vạn Thiên tử đồng đến chỗ Phật. Đến nơi, các Thiên tử đều tung rải các loại hoa trời đầy khắp thành Quảng nghiêm, lễ bái cúng dường Đức Thế Tôn rồi lui ra ngồi một bên, bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Chúng con vui thích nghe nhận chánh pháp. Cúi mong Thế Tôn hãy vì chúng con giảng nói về hạnh Bồ-đề.

Bấy giờ, Như Lai Vô Cấu Quang vì những Thiên tử ấy mà giảng nói

chánh pháp, khiến họ phát khởi tâm đại Bồ-đề. Các Thiên tử này vừa phát tâm, lập tức đối với quả vị Bồ-đề vô thượng đều đạt không thoái chuyển. Lúc này, trong thành Quảng nghiêm cũng có tám vạn bốn ngàn người đối với quả vị Bồ-đề vô thượng đạt được không thoái chuyển. Lại có một ngàn hai trăm người xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Giả sử có Bồ-tát tu hành sáu Độ Ba-la-mật không có tuệ phương tiện trong trăm ngàn kiếp, cũng không bằng trong giây lát được nghe chánh pháp này. Vì sao? Vì người nghe chánh pháp này là đạt được công đức vô lượng, huống nữa là ưa thích ghi nhận cho đến biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói rộng.

Này Bồ-tát Diệu Cát Tường! Nếu có người thích cầu quả vị A-la-hán và Bích-chi-phật thì đối với pháp này họ chẳng nên tu học. Nếu người thích cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên tu học pháp này.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Thọ biết Phật Thế Tôn cùng chúng Bí-sô chưa có nơi thọ thực, liền thưa nhũ mẫu:

–Nhũ mẫu hãy vào trong cung, lấy nhanh đủ các thức ăn để cúng dường Phật và chúng Tăng.

Nhũ mẫu liền vào trong cung lấy một bát đựng đầy trăm vị thức ăn, uống đưa cho Bồ-tát Bảo Thọ. Bồ-tát liền mang bát thức ăn đến trước Phật, phát nguyện: "Như Lai giảng nói tất cả pháp là vô tận, nếu lời nói ấy chân thật thì thức ăn này cũng vô tận, cho đến chúng Bí-sô cũng đều được no đủ."

Bồ-tát Bảo Thọ liền đem bát đầy thức ăn, thức uống dâng lên Phật, rồi thưa với các Bí-sô:

–Các Tôn giả thương xót con mà thọ thực. Con cúng dường chẳng dùng thân, chẳng dùng tâm, lìa xa ba nghiệp, chẳng cầu quả phước, chẳng trụ nơi pháp hữu vi, chẳng trụ nơi pháp vô vi, cũng chẳng chấp trước nơi pháp thế gian, cũng chẳng trụ nơi quả vị Thanh văn, Duyên giác cùng Bồ-đề Phật.

Khi ấy, chúng Bí-sô không một vị nào đưa bát nhận thức ăn. Bồ-tát Bảo Thọ nói tiếp:

–Các Tôn giả nên thọ nhận thức ăn này. Tôn giả vui thích khất thực, nay con cũng vui thích cúng dường, con không mong cầu gì ở các Tôn giả.

Bồ-tát Bảo Thọ lại phát nguyện: "Như lời chân thật của Phật, như Bồ-tát Diệu Cát Tường và trăm ngàn câu-chi Bồ-tát nơi đời vị lai, ở nơi cõi

Phật Công Đức Trang Nghiêm Vương, đều được thành Phật, đồng một danh hiệu. Nếu lời này là chân thật thì nơi bát của các Bí-sô đang cầm đều được tràn đầy đồ ăn, thức uống. Nguyện thức ăn thức uống trong bát của các Bí-sô này là vô tận."

Do nguyện lực ấy, nên trong bát của các Bí-sô tự nhiên thức ăn được đầy đủ.

Lúc này, Bồ-tát Bảo Thọ bèn đem thức ăn còn lại nơi đồ đựng, bố thí cho tất cả dân chúng trong thành Quảng nghiêm, đều khiến họ được no đủ. Vậy mà thức ăn, thức uống trong đồ đựng của Bồ-tát Bảo Thọ vẫn vô tận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Bồ-tát Bảo Thọ:

–Có năm loại pháp bảo, đối với Bồ-tát hành thí có thể khiến được thanh tịnh. Những gì là năm? Một là hành thí không có mong cầu. Hai là tâm không vướng mắc vào việc bố thí. Ba là chẳng khởi tướng đối với việc bố thí. Bốn là chẳng thấy quả báo của thí. Năm là không khiến người thọ thí trả ân mình.

Phật nói:

–Lại có bốn loại pháp bảo nơi hành thí, Bồ-tát phải thường nên nhớ nghĩ: Một là thường niệm về Tam-ma-địa không. Hai là thường niệm Phật. Ba là thường niệm đại Bi. Bốn là thường niệm chẳng mong cầu quả báo cho mình. Nếu Bồ-tát hành bố ví như vậy, gọi là tịnh thí.

Phật bảo Bồ-tát Diệu Cát Tường:

–Sau ba mươi kiếp trong đời vị lai, Bồ-tát Bảo Thọ sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, hiệu là Bất Không Lực xứng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời. Chúng hội của Phật đó có vô biên Bồ-tát, đều trụ nơi địa Không thoái chuyển, oai lực vô biên, thọ mạng vô lượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn và chúng đại Bí-sô thọ thực xong cùng trở về bản xứ.

Bồ-tát Diệu Cát Tường bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Kinh này nên gọi là gì? Chúng con thọ trì như thế nào?

Phật nói:

–Kinh này gọi là Hành Bồ-đề, cũng gọi là Pháp Đứng Đầu Trong Tất Cả Các Pháp, các ông nên theo như vậy mà thọ trì.

Phật giảng nói kinh này rồi, Bồ-tát Bảo Thọ cùng các đại chúng Trời,

Rồng, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà… nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng, tín thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 489

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Đại sư Pháp Hộ.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Tượng đầu cùng với chúng đại Bí-sô là bảy vạn hai ngàn người tụ hội. Các vị đều đã chứng quả A-la-hán, các lậu đã hết, phiền não không còn khởi dậy, tâm khéo giải thoát, trí tuệ khéo giải thoát như đại Long vương, những gì đã làm đều được rõ ràng, trừ bỏ các gánh nặng, kịp được lợi mình, hết những ràng buộc nơi hữu lậu, có trí tuệ chân chánh, tâm thâm diệu đều được giải thoát, mọi nẻo thức đều được tự tại, vượt hẳn sang bờ bên kia, giỏi vào cõi pháp dựng ngọn cờ chánh pháp, tâm có thể vứt bỏ mọi thứ lợi dưỡng, thực sự xuất gia, rất vẹn toàn đầy đủ, hoàn thành mọi sở nguyện an trú nơi Niết-bàn. Chỉ có một vị còn ở bậc Hữu học đó là Tôn giả A-nan.

Các vị Đại Bồ-tát có tám vạn bốn ngàn đều là những bậc Nhất sinh bổ xứ, đạt được các pháp Tổng trì, cầu Nhất thiết trí, ngay trước mắt đang hướng về Bậc Nhất Thiết Trí, dần dần nhập vào Nhất thiết trí, làm tăng trưởng rộng lớn Nhất thiết trí, đạt Tổng trì vô ngại các pháp Tam-ma-địa, lại có thể an trú trong Tam-ma-địa Thủ-lăng-nghiêm vương sâu xa, có được thần thông lớn, diệu dung tự tại, bước lên con đường nhẹ nhàng yên ổn, xa lìa hết thảy những ngăn ngại, vướng mắc, với tâm đại Từ, đại Bi rộng hiển bày khắp mười phương trong tất cả thế giới, vượt lên vô biên hết thảy cõi Phật, thông đạt hạnh không và hạnh vô tướng, các nguyện xa lìa sự chấp trước, siêng năng phát khởi hạnh thù thắng trong các việc làm lợi ích cho hết thảy hữu tình, khéo vào hết thảy cảnh giới của chư Phật, tâm như hư không, đầy đủ trí vô biên, tâm như biển cả không đáy, không bờ, tâm như núi chúa Tu-di chắc chắn không gì lay động được, tâm như hoa sen xa lìa mọi đắm nhiễm, tâm như vật báu nhiệm mầu hết mực thanh tịnh. Tâm của những vị ấy như vàng nguyên chất tinh ròng, trong sạch.

Tên của những vị ấy là Đại Bồ-tát Bảo Tinh, Đại Bồ-tát Bảo Thủ, Đại Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Đại Bồ-tát Bảo Quán, Đại Bồ-tát Bảo Kế, Đại Bồ-tát Bảo Phong, Đại Bồ-tát Bảo Tích, Đại Bồ-tát Bảo Đỉnh, Đại Bồ-tát Bảo Tràng, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, Đại Bồ-tát Kim Tạng, Đại Bồ-tát Bảo Tạng, Đại Bồ-tát Cát Tường Tạng, Đại Bồ-tát Tịnh Tạng, Đại Bồ-tát Tịnh Vô Cấu Tạng, Đại Bồ-tát Như Lai Tạng, Đại Bồ-tát Trí Tạng, Đại Bồ-tát Nhật Tạng, Đại Bồ-tát Đẳng Trì Tạng, Đại Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Đại Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt, Đại Bồ-tát Phổ Nguyệt, Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế, Đại Bồ-tát Phổ Quang, Đại Bồ-tát Phổ Nhãn, Đại Bồ-tát Liên Hoa Nhãn, Đại Bồ-tát Quảng Nhãn, Đại Bồ-tát Phổ Uy Nghi Đạo, Đại Bồ-tát Phổ Nghiêm Tướng, Đại Bồ-tát Phổ Giới Tuệ, Đại Bồ-tát Trí Tuệ, Đại Bồ-tát Pháp Tuệ, Đại Bồ-tát Thắng Tuệ, Đại Bồ-tát Thượng Tuệ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ, Đại Bồ-tát Tối Thắng Tuệ, Đại Bồ-tát Sư Tử Tuệ, Đại Bồ-tát Sư Tử Du Hý, Đại Bồ-tát Đại Âm Thanh Vương, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống Thanh, Đại Bồ-tát Chấn Hống Thâm Diệu Âm Thanh, Đại Bồ-tát Vô Nhiễm Trước, Đại Bồ-tát Ly Chư Cấu, Đại Bồ-tát Nguyệt Quang, Đại Bồ-tát Nhật Quang, Đại Bồ-tát Trí Quang, Đại Bồ-tát Trí Cát Tường, Đại Bồ-tát Hiền Cát Tường, Đại Bồ-tát Nguyệt Cát Tường, Đại Bồ-tát Liên Hoa Cát Tường, Đại Bồ-tát Bảo Cát Tường, Đồng chân Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường... những vị Bồ-tát đó là bậc Thượng thủ trong đại chúng.

Lại có mười sáu vị Đại sĩ thuộc nhóm Bồ-tát Hiền Hộ… Bồ-tát Từ Thị và hết thảy những vị Bồ-tát trong đời Hiền kiếp. Bốn Đại vương Thiên chủ và các vị Thiên tử của bốn vị Đại Thiên vương; vị Thiên chủ cõi trời Đao-lợi là Đế Thích cùng các Thiên tử ở cõi trời Đao-lợi, vị Thiên chủ cõi trời Tu-dạ-ma cùng các Thiên tử ở cõi trời Dạ-ma; vị Thiên chủ cõi trời Đâu-suất-đà và các Thiên tử ở cõi trời Đâu-suất-đà; vị Thiên chủ cõi trời Thiện biến hóa và các Thiên tử ở cõi trời Hóa lạc; vị Thiên chủ cõi trời Tha hóa tự tại cùng các Thiên tử nơi cõi trời Tha hóa tự tại, các vị Đạo sư và các Thiên chúng ở cõi Thiện phân ma vương; vị Thiên chủ cõi trời Đại phạm cùng các Thiên tử nơi cõi trời Phạm chúng; vị Thiên chủ cõi trời Đại tự tại cùng các Thiên tử ở cõi trời Ngũ tịnh cư; A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa-la, A-tu-la vương Đại Lực, A-tu-la vương La-hầu... cùng vô số trăm ngàn chúng A-tu-la. Đại Long vương A-na-bà-đạt-đa, đại Long vương Ma-na-tư, đại Long vương Sa-già-la, đại Long vương A-nan-đà, đại Long vương Phược-tô-chỉ... cùng vô số trăm ngàn chúng Long vương, con của vị Long vương Cát Tường Uy Quang cùng vô số trăm ngàn nam, nữ con của Long vương, còn có vô số trăm ngàn chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-

thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... đã cùng tụ họp trong chúng hội.

Bấy giờ, ở núi Tượng đầu trong vòng bốn do-tuần bao quanh bốn phía là đại chúng trời, người, đầy nơi hư không, đông đảo đến nỗi ở đầu một sợi lông, một hạt bụi nhỏ cũng không thiếu vắng. Nơi khoảng giữa chúng hội gồm các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… như thế đã đặt ở chỗ Phật một tòa Sư tử đẹp đẽ: Chiều cao của tòa là một do-tuần, ngang dọc vuông vức mỗi chiều nửa do-tuần, trên tòa trang trí vô số trăm ngàn vải báu trời, cùng các chuông báu, lưới báu, bên trên che bằng những lọng báu, lại có vô số trăm ngàn tấm vải lụa báu của trời giăng bọc chung quanh. Lại giăng, tung rải hoa trân châu và những hoa quý, những nơi vòng quanh tòa Sư tử đều là kim cương tạo thành làm tăng vẻ trang nghiêm tươi đẹp. Đất bằng như bàn tay mềm mại, trong sạch và tỏa hương thơm, có vô số trăm ngàn loài hoa báu của trời rải trên những chỗ ấy. Lại có những đóa sen to như bánh xe với vô số trăm ngàn lá bằng vàng ròng, lưu ly làm cành, đế thanh làm đài hoa, mã não làm tua của nhị hoa, mùi hương thơm lạ tạo sự vui thích, sung sướng, hết thảy được bày biện trang nghiêm như vậy nơi chỗ Phật ngồi. Lại ở bốn góc của tòa Sư tử cách đó không gần cũng không xa lắm, có bốn cây báu vọt thẳng lên, cao nửa do-tuần, chung quanh đó là cây cỏ xanh tốt rộng độ ba câu-lô-xá.

Khi ấy, Đức Thế Tôn an tọa nơi tòa Sư tử giữa đại chúng, dùng trí tuệ rất thanh tịnh giảng nói pháp nhiệm mầu, hàng phục quân ma, không nhiễm pháp thế gian, bằng giọng oai nghiêm như tiếng sư tử gầm làm rõ đức vô úy, giống như ao lớn trong suốt không xen tạp, lại như biển cả chứa những báu lạ sâu không bờ đáy, như núi Tu-di cao vượt hơn các núi khác, như ánh sáng mặt trời sáng hơn hết thảy, như ánh trăng tròn mọi người đều vui thích, như vua rồng lớn có thể tuôn mưa pháp, như vua trời Đại Phạm là bậc cao tốt trong thế gian, Đức Thế Tôn cùng vô số trăm ngàn triệu ức Phạm vương, Hộ thế, vô biên những đệ tử đã khéo điều phục thân tâm đều hội đủ.

Lúc này, toàn thể đại chúng một lòng chân thành lắng tâm chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn. Khi đó, Đức Thế Tôn trước hết dùng hào quang thường hằng soi rọi đại chúng. Từ nơi hào quang thường hằng ấy và từ trên đỉnh đầu phóng ra luồng hào quang lớn tên là Phổ Chiếu, trong hào quang ấy lại có vô số trăm ngàn ánh sáng phụ thuộc nữa. Hào quang lớn ấy sau khi chiếu soi khắp mười phương trong tất cả thế giới, liền trở về chỗ Phật,

nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi vào miệng Đức Thế Tôn, nhưng miệng vẫn không động tĩnh, ví như ánh sáng mặt trời, mặt trăng từ cõi hư không chiếu ra mà cõi hư không cũng không chút động tĩnh, ánh sáng lúc vào miệng Đức Thế Tôn cũng giống như vậy. Lại như đống cát khô mà đổ dầu hoặc nước vào đó thì cũng không động tĩnh gì, hào quang của Phật lúc đi vào miệng cũng giống như thế.

Bấy giờ, ở phương Đông cách xa cõi Ta-bà này rất nhiều thế giới như số cát sông Hằng, ở đó có một thế giới tên là Đại liên hoa, Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Liên Hoa Nhãn, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì các vị Bồ-tát mà giảng nói yếu nghĩa của pháp Phật. Pháp do Đức Phật kia giảng nói chỉ dùng Nhất thừa để phát khởi lợi ích. Trong cõi của Đức Phật ấy không có danh hiệu Thanh văn, Duyên giác chứ đừng nói là có pháp của thừa Thanh văn, Duyên giác. Những hữu tình ở thế giới ấy đều tu theo pháp của hạnh Bồ-tát, đạt sự không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại ở thế giới ấy cũng không dùng hình thức ăn uống để nuôi thân. Hàng Bồ-tát ở cõi ấy thảy đều dùng pháp Hỷ của đẳng trì, tĩnh lự mà làm thức ăn. Lại nữa, ở thế giới ấy không dùng mặt trời, mặt trăng và các vì sao để soi sáng, ánh sáng của Đức Như Lai kia chiếu soi khắp cả và thảy đều thanh tịnh. Cõi đất nơi ấy không có những cây cỏ, cát, sỏi, núi đất, núi đá, mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay. Nơi cõi ấy có vị Đại Bồ-tát hiệu là Trừ Cái Chướng riêng trụ một chốn, nếu các hữu tình nghe được danh hiệu của vị Đại Bồ-tát ấy thì tất cả những chướng ngại, vướng mắc đều được trừ sạch.

Lúc này, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng thấy được ánh sáng của Phật Thích-ca soi rọi tới, liền rời trú xứ của mình, đến chỗ Đức Phật kia, tới nơi cúi đầu đảnh lễ xuống chân Phật rồi ngồi sang một bên. Cùng lúc, có các vị Bồ-tát khác cũng thấy được ánh sáng của Phật Thích-ca chiếu đến và cũng đều lìa trú xứ của mình, đến chỗ Đức Thế Tôn Liên Hoa Như Lai, đến nơi mỗi mỗi vị đều lễ xuống chân Phật rồi đứng sang một bên.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, gối phải quỳ lên đài hoa sen, chắp tay đảnh lễ rồi bạch Đức Phật Liên Hoa Nhãn:

–Bạch Thế Tôn! Vì lý do gì có ánh sáng lớn này, ánh sáng rất tốt, không bụi nhơ, vô cùng trong sạch, làm vui lòng người, khiến những loài hữu tình được ánh sáng chiếu đến làm cho thân tâm điều hòa, thuận hợp?

Đức Như Lai Liên Hoa Nhãn nói với Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng:

–Này thiện nam! Ở phương Tây cách cõi này xa hơn số thế giới bằng cát sông Hằng, tại đó có thế giới tên là Ta-bà, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nếu các hữu tình được nghe danh hiệu của Đức Như Lai đó thì thảy đều được quả vị Bất thoái chuyển nơi Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Như Lai đó đã hiện ra ánh sáng mà các ông đã thấy.

Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà các hữu tình nghe danh tự của Đức Như Lai kia thảy đều đạt được quả vị Bất thoái chuyển nơi Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?

Đức Như Lai Liên Hoa Nhãn bảo Bồ-tát Trừ Cái Chướng:

–Này thiện nam! Đức Phật Như Lai kia, trong đời quá khứ khi còn tu hạnh Bồ-tát đã phát lời thệ nguyện: Nguyện sau này khi tôi chứng đắc ngôi vị Chánh giác rồi, hết thảy hữu tình khi nghe được danh hiệu của tôi thì thảy đều đạt bậc Bất thoái chuyển nơi ngôi vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng nói:

–Phải chăng trong cõi của Đức Thế Tôn kia hết thảy hữu tình đều đạt được Bất thoái chuyển?

Phật đáp:

–Không phải thế, thiện nam.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng lại hỏi:

–Như vậy phải chăng cũng có những hữu tình không nghe được danh hiệu Đức Phật ấy?

Phật đáp:

–Này thiện nam! Hết thảy đều được nghe.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng hỏi:

–Nếu được nghe thì cớ gì có kẻ không đạt được Bất thoái chuyển?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Điều ta nói về hết thảy Bất thoái chuyển cũng không phải là hết thảy Bất thoái chuyển.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng thưa:

–Như lời Phật vừa nói, hết thảy Bất thoái chuyển cũng không phải là hết thảy Bất thoái chuyển là nghĩa thế nào?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Nếu có hữu tình được nghe danh hiệu của Đức Như Lai ấy, tâm sinh khởi chủng tử Bất thoái chuyển, ta nói những hữu tình ấy đạt được Bất thoái chuyển, không phải là được nghe danh hiệu của Đức Như Lai ấy thì cùng lúc đều đạt được Bất thoái chuyển.

Này thiện nam! Nay ta lại nêu thêm thí dụ để làm rõ nghĩa ấy: Ví như có loài cây mới vừa gieo hạt giống thì hạt giống ấy xa lìa những thứ đã mục nát, sau đó nhờ những duyên mà phát sinh mầm, thân, cho đến lớn dần rồi ra trái, kết hạt.

Này thiện nam! Tại sao cây kia lại chỉ nói về hạt giống?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì cây là do hạt giống phát triển mà thành, do đó phân tích ra mà nói thì là do hạt giống.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Những hữu tình đạt được Bất thoái chuyển cũng lại như vậy. Do các hữu tình kia khi vừa được nghe danh hiệu của Như Lai thì chủng tử Bất thoái chuyển phát sinh đầy đủ, nên hữu tình đó liền đạt được Bất thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật Liên Hoa Nhãn Như Lai:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con muốn đến thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cùng lễ bái, phụng sự, để được gần gũi, cúng dường.

Đức Như Lai Liên Hoa Nhãn bảo Bồ-tát Trừ Cái Chướng:

–Này thiện nam! Ông có thể đến nơi ấy và nay là rất đúng lúc.

Các vị Bồ-tát khác bạch Phật Liên Hoa Nhãn Như Lai:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn đến cõi Ta-bà để chiêm ngưỡng Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cùng lễ bái, gần gũi, cúng dường.

Đức Thế Tôn ấy bảo các Bồ-tát:

–Này các thiện nam! Các ông nay có thể đến đó là đúng lúc, nhưng các ông sang thế giới ấy chớ có phóng túng. Vì sao? Vì trong thế giới kia, những loài hữu tình rất tham, sân, si, không nghĩ đến các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, lại thích làm những điều không đúng với chánh pháp, họ

hung dữ, tàn bạo, miệng nói lời ác, kiêu căng, khinh mạn, mê đắm, biếng lười, phá giới, tạo điều ác, keo kiệt, ganh tị ngày càng tăng, nơi nhiều loại phiền não căn bản và tùy phiền não... như vậy, Đức Thế Tôn kia ở trong các hữu tình xấu ác ấy mà thuyết pháp.

Các vị Bồ-tát bạch Đức Phật Liên Hoa Nhãn:

–Bạch Thế Tôn! Vậy Đức Phật, Như Lai ở cõi Ta-bà kia đã có thể làm điều khó làm, trong cõi có nhiều hữu tình xấu ác mà lại vì những hữu tình ấy thuyết giảng chánh pháp.

Phật trả lời các Bồ-tát:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này các thiện nam! Đức Phật Như Lai kia có thể làm điều khó làm, ở trong cõi hữu tình xấu ác đã vì họ mà giảng nói chánh pháp. Lại nữa, này các thiện nam! Những hữu tình ở thế giới kia cũng như thế, khó làm những điều có thể làm. Trong thế giới tạp nhiễm ấy, có thể khởi một tâm niệm thiện thật là khó. Vì sao? Vì nếu trong thế giới thanh tịnh, các loài hữu tình cũng thanh tịnh thì phát khởi tâm niệm thiện đâu có hiếm thấy. Còn ở trong thế giới tạp nhiễm có thể phát khởi được hạnh thiện thì thực là hiếm có. Có thể chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay mà phát khởi được lòng tin, chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay mà biết quy y Tam bảo Phật Pháp Tăng, chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay mà biết tu trì giới tịnh, chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay mà xa lìa được tâm tham đắm, chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay mà phát khởi được lòng yêu thương, phát tâm đạt đến Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì hết sức hiếm có.

Các vị Bồ-tát nói:

–Thực là thế giới hiếm có, thực hiếm thấy đấng Thiện Thệ như thế.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng và các vị Bồ-tát khác đều lên tiếng khen ngợi:

–Quý hóa thay!

Khi ấy, các vị Bồ-tát từ nơi chỗ Đức Phật với hành tướng như vậy nghe lời Phật bảo, tuân theo sự chỉ giáo của Phật, mỗi vị lần lượt lễ xuống chân Phật, rời khỏi đạo tràng của Phật, cùng lúc đi đến thế giới Ta-bà nơi chỗ Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni để cúng dường. Hoặc có vị hóa ra những cây báu cành lá sum suê, tươi, rậm, hoa trái đầy đủ. Có vị hóa ra cây báu lưu ly, có vị hóa ra cây Phả-chi-ca, hoặc hiện cây Kiếp, hoặc cây vàng ròng, hoặc cây nhiều hoa, hoặc cây nhiều quả, hoặc hiện ra vô số áo quý báu nhiệm mầu, hoặc vô số thứ trang nghiêm, hoặc vô số hương xoa, hoặc vô số lọng báu, hoặc vô số vòng hoa báu, hoặc vô số lọng đẹp, hoặc vô số

hương bột, hoặc vô số âm nhạc tấu vang… như chỗ ứng hợp, đều hóa hiện xong, tất cả cùng nhau họp lại, theo chỗ chỉ dẫn, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng và các vị Bồ-tát cùng đến cõi Ta-bà.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng bảo các Bồ-tát:

–Này các Nhân giả! Các hữu tình ở thế giới Ta-bà chịu nhiều đau khổ sâu nặng, các vị nên tùy thần lực của mình mà hóa hiện, để cho các hữu tình ở cõi đó đạt được niềm vui thù thắng.

Các vị Bồ-tát liền tuân theo lời dặn dò ấy.

Khi ấy, Bồ-tát Trừ Cái Chướng từ sắc tướng vốn có, dùng thần lực của mình biến hóa, liền từ thân phóng ra ánh sáng lớn vi diệu, thanh tịnh, hoàn toàn thuận hợp. Nhờ ánh sáng đó, khiến các loài hữu tình thân tâm điều hòa, an vui. Ánh sáng ấy chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Từ trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, có các nẻo ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, các loài hữu tình ở đấy đều nhờ ánh sáng chiếu đến mà được xa lìa nỗi khổ, dứt tâm giận dữ, mưu hại, cùng nhau đều dấy khởi tưởng của mẹ cha. Nơi cõi tối tăm của tam thiên đại thiên thế giới, những nơi ánh sáng mặt trời, mặt trăng không chiếu tới, nhưng ánh hào quang của Bồ-tát cũng chiếu đến khắp. Vì có thần lực lớn, có uy đức lớn nên hào quang của Bồ-tát át cả ánh mặt trời, mặt trăng, những nguồn sáng ấy không còn tác dụng. Lại trong cõi tam thiên đại thiên thế giới này, ánh sáng kia đều chiếu khắp khiến những hữu tình trong đó nhìn thấy được nhau. Lại nữa, trong cõi tam thiên đại thiên thế giới, những ngọn núi Thiết vi, Đại thiết vi, Mục-chân-lân-đà, Đại mục-chân-lân-đà, các Bảo sơn, Hắc sơn và những núi khác, ánh sáng kia đều chiếu khắp, trên đến cõi Phạm thế, dưới thấu đến đại địa ngục A-tỳ, cả trong khoảng giữa không có nơi nào, hướng nào mà ánh sáng nơi hào quang của Bồ-tát không soi tới.

Lúc này, các chúng Bồ-tát, tùy theo sắc tướng và chỗ hợp ứng của mình, cũng đều dùng thần lực tạo ra các sự việc, khiến các hữu tình: kẻ cần ăn được ăn, kẻ cần uống được uống, kẻ cần áo mặc được áo mặc, kẻ cần xe cộ có xe cộ, cần của cải có của cải, người mù thấy được, người điếc nghe được, kẻ trần trụi được áo quần che phủ, kẻ mê loạn được trở lại chánh niệm, kẻ khổ được vui, người mang thai thì sinh sản dễ dàng.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 2

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng cùng các vị Bồ-tát khác đến núi Tượng đầu. Khi cách núi không xa, các vị Đại sĩ ấy cùng lúc hóa hiện ra lưới báu bao trùm tam thiên đại thiên thế giới, lại từ nơi không trung mưa các loài hoa trời cùng vô số các loài quả trời, vòng báu, hương hoa, y phục cõi trời, hương bột cõi trời, cờ phướn, lọng báu, các vật dụng cúng dường, các vị Bồ-tát biến hóa rộng khắp và tùy theo chỗ đã biến hóa ấy mà các loài hữu tình được nhìn thấy, thảy đều được niềm an lạc tối thượng. Các rừng cây hiện có ở núi Tượng đầu kia liền khi ấy mất đi khung cảnh cũ, đặc biệt hiện ra nhiều loại cây quý báu, kỳ diệu như cây Kiếp, cây Hoa, cây Quả, cây Chiên-đàn hương, cây Trầm thủy hương, tất cả đều do thần lực của các vị Bồ-tát biến hóa. Lại từ nơi không trung phát ra tiếng trống trời vi diệu và trong tiếng trống ấy phát ra lời kệ:

Vườn Long-di-ni sinh tối thắng
Không dùng các phiền não so sánh
Lễ Đấng Vô Đẳng như hư không
Nên con đến núi tối thắng này.
Ngồi nơi cây đạo chứng Chánh giác
Ngăn chặn, bẻ gãy sức quân ma
Đảnh lễ giữ hào quang thanh tịnh
Nên con đến núi tối thắng này.
Như huyễn, dợn nắng, trăng đáy nước
Hiểu rõ được lý các pháp ấy
Đảnh lễ cây đại phước tối thượng
Nên con đến núi tối thắng này.
Rõ pháp thế gian như trò đùa
Khéo hiện các pháp như cung vua
Đảnh lễ kho phước thắng, không động
Nên con đến núi tối thắng này.
Từ lâu trải qua nhiều trăm kiếp
Vì muốn tròn đầy tâm Từ bi

Đảnh lễ Thế Tôn: trăng thanh tịnh
Nên con đến núi tối thắng này.
Nhiều trăm câu-chi chúng Bồ-tát
Chư Thiên cúng dường cũng như thế
Đảnh lễ Đấng lìa các tối tăm
Nên con đến núi tối thắng này.
Đã được kho Thánh pháp tối thượng
Bi tạo nên thân, bỏ của cải
Đảnh lễ bậc đại lợi vô song
Nên con đến núi tối thắng này.
Thường hiện Từ bi tâm vắng lặng
Như sen nơi nước không nhiễm ô
Đảnh lễ Bậc công đức hơn hết
Nên con đến núi tối thắng này.
Tướng tốt hoa nở thân thanh tịnh
Tùy hiện vẻ đẹp nuôi dưỡng đời
Cung kính cây báu nhánh vô biên
Đến đây cúng dường xin thâu nhận.

Lời kệ nơi tiếng trống trời vừa dứt, Tôn giả Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, gối phải quỳ xuống đất chắp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì cớ gì hôm nay hiện ra những điềm lành từ xưa chưa từng nghe, chưa từng thấy?

Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ở phương Đông, cách thế giới này bằng số thế giới nhiều như cát sông Hằng, nơi đó có thế giới tên là Đại liên hoa, Đức Phật Thế Tôn ở thế giới ấy hiệu là Liên Hoa Nhãn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện tại đang thuyết pháp, đem lại lợi ích cho chúng sinh. Trong cõi Phật ấy, có vị Đại Bồ-tát hiệu là Trừ Cái Chướng cùng với vô số câu-chi na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát, Đại sĩ cùng đi đến thế giới Ta-bà này, các vị ấy sắp tới nên hiện ra các điềm lành như thế.

Phật vừa nói dứt thì Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng cùng vô số câu-chi na-do-tha trăm ngàn các vị Bồ-tát khác vây quanh cùng đến, mỗi vị đều dùng uy lực đại thần thông của mình để tới chỗ Phật, đến nơi, các vị đồng cung kính đảnh lễ sát chân Phật.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng liền nói kệ:

Đủ danh hiệu lớn trí tuệ lớn

Đạt vô úy lớn, tĩnh mặc lớn
Đã vượt qua sinh tử, nạn hiểm
Đảnh lễ bậc vượt bờ phiền não.
Phật là ánh sáng chiếu rực khắp
Phật là đuốc lớn soi mọi nơi
Phật đạt hết thảy cửa giải thoát
Đảnh lễ nương theo bậc Đẳng giác.
Vững vàng không động, như núi chúa
Sâu rộng vô ngần, như biển lớn
Tà ma ngoại đạo không phá được
Đảnh lễ ca ngợi Đại Pháp Vương.
Pháp vô sinh xưa nay vắng lặng
Tự tánh như thế vốn Niết-bàn
Thánh pháp Thế Tôn khéo khai sáng
Đảnh lễ đấng Chuyển đại pháp luân.
Có lúc giảng nêu các chánh đạo
Hoặc dạy đường vào lý chân thật
Chỉ cửa mầu nhiệm thực Niết-bàn
Hoặc thọ ký quả vị giác ngộ.
Tâm ý hữu tình Phật biết rõ
Trong ấy không ít kẻ chẳng tỏ
Hữu tình xem Phật trọn pháp hành
Đảnh lễ theo Phật nghe giảng dạy.
Có ba thứ độc: tham, sân, si
Và còn bao thứ cấu nhiễm khác
Ngồi đạo tràng thành Bậc Chánh Giác
Dùng lửa đại trí thiêu hết thảy.
Phật đã đạt đạo, độ chúng sinh
Phật tự giải thoát lợi thế gian
Điều Phật rất mong ở trong đời
Trừ hết các hiểm nạn sinh tử.
Kẻ vô trí chìm trong phiền não
Hữu tình lưu chuyển dòng sinh tử
Vì họ, Phật mở ra đường giác
Đảnh lễ nhận xem như thân hữu.
Phật xem các vị Đại sĩ này
Hết thảy vững tin đạo Bồ-đề
Đều muốn được nghe pháp nhiệm mầu

Cầu mong Thế Tôn vì họ nói.

Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng nói kệ ca ngợi Đức Phật xong, Phật liền bảo ông an tọa nơi bên đài sen. Các vị Bồ-tát khác, Phật cũng khuyên tùy chỗ thích hợp ngồi lên một bên đài sen.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng, từ tòa ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, gối phải quỳ lên đài sen, chắp tay hướng về Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay muốn thưa hỏi Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, mong Phật Thế Tôn thương xót lắng nghe lời con sẽ hỏi và xin Phật giảng giải.

Phật bảo Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng:

–Này Đại sĩ! Việc ông muốn hỏi cũng chỉ là chuyện thường. Chư Phật Như Lai thảy đều cho phép hỏi những điều còn nghi ngờ, Như Lai sẽ vì ông giảng nói tất cả.

Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng vâng theo lời Phật dạy, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Đại Bồ-tát làm sao để việc tu hạnh bố thí được đầy đủ? Làm sao được hạnh trì giới đầy đủ? Làm sao được hạnh nhẫn nhục đầy đủ? Làm sao được hạnh tinh tấn đầy đủ? Làm sao được hạnh thiền định đầy đủ? Làm sao có được trí tuệ đầy đủ? Làm sao được hạnh phương tiện đầy đủ? Làm sao được nguyện đầy đủ? Làm sao được lực đầy đủ? Làm sao được trí đầy đủ? Bồ-tát làm sao được như đất? Làm sao được như nước? Làm sao được như lửa? Làm sao được như gió? Làm sao được như hư không? Làm sao được như mặt trăng? Làm sao được như mặt trời? Làm sao được như sư tử? Làm sao để điều phục? Làm sao hiểu rõ? Làm sao được như hoa sen? Làm sao được tâm quảng đại? Làm sao được tâm thanh tịnh? Sao gọi là tâm không còn nghi hoặc? Sao gọi là được trí như biển? Sao gọi là được trí vi diệu? Sao gọi là được trí biện tài? Sao gọi là được biện tài giải thoát? Sao gọi là được biện tài thanh tịnh? Sao gọi là đạt được biện tài làm cho tất cả hữu tình hoan hỷ? Sao gọi là được lời nói tín thuận? Sao gọi là được lời nói đúng chánh pháp? Sao gọi là được hạnh tùy pháp? Sao gọi là khéo vào pháp giới? Sao gọi là trụ nơi cảnh giới không? Sao gọi là được hạnh vô tướng? Làm sao được các nguyện lìa bỏ tham đắm? Làm sao được thân từ? Làm sao được thân bi? Làm sao được hạnh hỷ? Làm sao được hạnh xả? Làm sao được thần thông diệu dụng? Làm sao xa lìa được tám nạn? Làm sao được tâm Bồ-đề không quên mất? Làm sao được trí túc mạng? Làm sao được không lìa bỏ tri thức thiện? Làm sao được luôn xa lìa tri thức ác? Làm sao đạt được thân pháp tánh của Như Lai? Làm sao đạt được thân kim cang chân thật? Làm sao đạt được bậc đại Đạo sư? Làm sao

được các con đường khéo nhận biết? Làm sao giỏi giảng nói về con đường không điên đảo? Làm sao được an trú vào tâm đẳng dẫn vi diệu? Vì sao mặc y phấn tảo? Vì sao phải giữ ba y? Vì sao thường ngồi không nằm? Vì sao thường đi khất thực? Vì sao chỉ ăn một bữa trong ngày? Vì sao ăn xong không uống nước gạo? Làm sao nhận pháp A-lan-nhã? Vì sao ngồi nơi cội cây? Vì sao ngồi nơi đất trống? Vì sao ở nơi có tử thi? Vì sao phải hạn chế ăn uống? Vì sao trải tọa cụ thuận hợp? Làm sao được hạnh tương ưng? Vì sao nên giữ kinh? Vì sao phải giữ luật? Vì sao phải giữ luận? Làm sao phải theo phép tắc và giữ được uy nghi đạo hạnh đầy đủ? Làm sao xa lìa được sự keo kiệt và ganh tị? Làm sao khởi tâm bình đẳng với tất cả hữu tình? Làm sao khéo thực hành việc cúng dường phụng sự chư Phật Như Lai? Làm sao có thể bẻ gãy các thứ kiêu mạn? Làm sao có thể phát triển rộng, nhiều, tịnh tín? Vì sao khéo nhận biết về thế gian? Làm sao khéo hiểu rõ nghĩa tối thắng? Làm sao khéo biết được các pháp duyên sinh? Làm sao biết được mình? Làm sao rõ được người khác? Làm sao có thể sinh về cõi Phật thanh tịnh? Làm sao có thể lìa sự sinh nơi thai tạng cấu nhiễm? Làm sao có thể lìa bỏ gia đình để xuất gia? Làm sao có thể tự nuôi được tịnh mạng của mình? Làm sao có thể đạt được tâm không mỏi mệt, biếng nhác? Làm sao nhận được lời dạy của chư Phật? Làm sao đạt được tướng mặt vui vẻ? Làm sao lìa bỏ được vẻ mặt nhăn nhó, buồn phiền? Làm sao đạt được đa văn? Làm sao đạt được sự thâu nhận chánh pháp? Làm được thành con của Đấng Pháp Vương? Làm sao có thể vượt hơn các vị Thiên vương: Phạm vương, Đế Thích. Hộ thế? Làm sao có thể biết được tâm ý của các loài hữu tình? Làm sao có thể biết được trọn vẹn các pháp thức của hữu tình? Làm sao có thể thành bậc Trí tuệ? Làm sao có thể thường đạt được sự an lạc nhiệm mầu? Làm sao khéo nhận biết về bốn Nhiếp pháp? Làm sao đạt được tướng tốt đầy đủ? Làm sao có thể làm chỗ nương tựa cho người khác? Làm sao được như cây thuốc lớn vi diệu? Làm sao đạt được hạnh siêng năng tu phước? Làm sao khéo rõ được mọi biến hóa? Làm sao có thể mau chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Những điều ông hỏi thực rất tốt, vì thương xót cõi thế gian, muốn cho hết thảy hàng trời, người đều được những lợi ích an vui, nên đã hỏi Như Lai về những ý nghĩa ấy. Vậy ông nên lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng vâng lời Phật, xin hết sức lắng nghe.

Phật nói:

–Này thiện nam! Bồ-tát nếu thực hành được mười pháp bố thí tức đạt đầy đủ hạnh bố thí. Mười pháp ấy là gì?

1. Pháp thí.

2. Vô úy thí.

3. Tài thí.

4. Bố thí không cầu lợi ích nơi quả.

5. Bố thí tình yêu thương.

6. Bố thí bằng tâm không khinh mạn.

7. Bố thí bằng sự cung kính.

8. Bố thí bằng tâm thừa sự cúng dường.

9. Bố thí bằng tâm không tham đắm.

10. Bố thí bằng tâm thanh tịnh.

Này thiện nam! Thế nào là pháp thí? Đó là Bồ-tát không dùng tâm về của cải, lợi lộc mà dùng những pháp mình thọ nhận được, rồi tùy căn cơ mà trao truyền cho người khác, không lấy việc mong muốn lợi dưỡng, được cung kính làm nguyên nhân, cũng không muốn người khác biết mình, không cầu tìm được tiếng khen, được tên tuổi, cũng không vì bất cứ nguyên nhân nào khác, chỉ nên nghĩ về hữu tình do đâu chịu khổ não, nay ta vì muốn diệt trừ nỗi khổ cho họ nên dùng pháp này, lại cũng không mang tâm mong muốn tìm cầu, nên mang tâm bình đẳng, không phân bỉ - thử mà vì người giảng nói. Như giảng nói cho bậc vua chúa, quan lại, hay giảng nói cho những người Chiên-đà-la, con cái của người Chiên-đà-la cũng với tâm ý như vậy, huống hồ là với những hạng người khác. Bồ-tát khi thực hành hạnh bố thí cũng không khởi tâm cao ngạo.

Này thiện nam! Như thế gọi là pháp thí của hàng Bồ-tát.

Thế nào là vô úy thí? Đó là Bồ-tát từ nơi chỗ hiểm nghi mà bỏ dao gậy cùng những thứ binh khí khác, cũng khuyên người khác lìa bỏ binh khí, cũng đối với hết thảy hữu tình kia, Bồ-tát nên nghĩ đó có thể là cha mình, mẹ mình, con mình, hoặc có thể là bà con thân thuộc, là những bạn bè, quen biết. Vì sao? Lúc ấy, Bồ-tát phát khởi suy nghĩ thế này: Như lời Phật đã dạy, nơi việc chuyển sinh kia, hết thảy đều chuyển dời, trong chỗ các hữu tình tụ họp, chưa chắc là không có những người từng là cha, mẹ, con cái của mình, hoặc là bạn bè thân thuộc. Đến cả những hữu tình có thân hình bé nhỏ đi nữa cũng vì chúng mà phát khởi tâm làm lợi ích, giả như xương thịt của mình hãy còn có thể cho, huống chi là đối với những hữu tình có thân mạng to lớn khác.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát đã đạt vô úy thí.

Thế nào là tài thí? Ấy là Bồ-tát khi thấy có hữu tình đã tạo những nghiệp rất bất thiện thì dùng tài sản để thu phục hữu tình ấy, khi thu phục được rồi, thì khiến những nghiệp bất thiện kia đều được dứt trừ, rồi từ nghiệp thiện khiến hữu tình kia được an trụ. Bồ-tát suy nghĩ thế này: Như lời Phật đã dạy, bố thí là đạo hạnh của Bồ-tát, Bồ-tát hành hạnh bố thí thì trừ diệt được ba pháp bất thiện:

1. Trừ được tánh keo kiệt.

2. Trừ được tánh ganh tị.

3. Trừ được tâm tham lam. Cho nên ta đã thọ nhận pháp bố thí nơi Phật, Như Lai hành bố thí không có tâm cao ngạo.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát đã hành tài thí.

Thế nào là sự bố thí không cầu lợi ích nơi quả? Đó là nếu Bồ-tát làm việc bố thí không lấy sự mong muốn làm nhân, không lấy tài lợi làm nhân, không vì quyến thuộc làm nhân, không lấy việc gần gũi thế gian làm nhân, Bồ-tát phải tu hạnh bố thí cho được như thế. Nhân kia, duyên kia là chỗ hành hạnh bố thí, xa lìa tất cả quả báo tạo nhiều lợi ích.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát làm việc bố thí không cầu lợi ích nơi quả báo.

Sao gọi là hành bố thí bằng lòng yêu thương? Đó là nếu Bồ-tát thương xót các hữu tình chịu nhiều khổ não như đói khát, rách rưới, hoặc có kẻ nhơ bẩn, tật nguyền, không chủ, không ai cứu giúp, không nơi để quy về, không chỗ nương tựa, không gặp may mắn... Bồ-tát thấy thế sinh tâm thương xót: Ta hãy vì những hữu tình ấy mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghĩ đến những trường hợp không có người chỉ dạy, không có người cứu giúp, không chốn về, không nơi nương tựa của các hữu tình đã trôi lăn trong vòng sinh tử, vậy ta nay phải dùng phương tiện nào để vì những hữu tình ấy mà làm người chỉ vẽ, người cứu giúp, làm nơi nương tựa, làm chỗ quay về. Lúc suy nghĩ như thế, Bồ-tát vì sự thúc bách của tâm đại Bi, liền dùng những phương tiện, rồi tùy theo cơ duyên mà thâu nhận những hữu tình ấy. Bồ-tát thâu nhận những hữu tình ấy, đồng thời phát khởi căn lành, không hề cao ngạo.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát đã hành hạnh bố thí với lòng yêu thương.

Thế nào là bố thí không khinh mạn? Tức là như Bồ-tát thực hành bố thí không phân biệt khinh, trọng, không đem tâm coi thường người nhận bố thí, không lấy cớ để hủy báng người nhận bố thí, cũng không khiến

người nhận bố thí phải cực khổ tốn công sức, không dựa vào sự giàu có, tiếng tăm, sự kiêu căng, buông lung mà làm việc bố thí, không mong cầu tiếng tốt mà làm việc bố thí, không cậy mình tài giỏi, biết nhiều mà làm hạnh bố thí. Bồ-tát khi hành hạnh bố thí phải luôn có tâm cung kính, tôn trọng người được bố thí, hết lòng cúng dường, thương yêu, phụng sự.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát hành hạnh bố thí không khinh mạn.

Thế nào là bố thí với lòng cung kính? Đó là Bồ-tát đối với các vị quỹ phạm sư, thân giáo sư và những người đáng tôn trọng, những người tu phạm hạnh... thân rất cung kính, tâm rất tôn trọng, do cung kính, tôn trọng nên nói những lời an ủi, vỗ về, chắp tay đảnh lễ, cúi đầu tiếp đón nhận nơi hữu tình ấy, hiện nhiều tướng lành phù hợp mà bao bọc, giúp đỡ.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát bố thí với sự cung kính.

Thế nào là bố thí với tâm cúng dường, thừa sự? Tức là như Bồ-tát hoặc cúng dường Phật, Pháp, Tăng, hoặc sửa chữa chùa tháp, tượng của Phật bị hư hoại, hoặc quét đất, lau bụi, hoặc làm trang nghiêm thanh tịnh, hoặc dùng các thứ hoa hương vi diệu và hương xoa để cúng dường, đó là Phật sự. Thế nào gọi là hành các pháp sự? Đó là khi nghe những pháp môn của Phật liền thọ trì, biên chép, đọc tụng, suy nghĩ, tu tập, vì người khác mà giảng nói, hoặc tu học theo con đường không điên đảo để khế hợp, đó là pháp sự. Sao gọi là hành hóa Tăng sự? Đó là dùng áo quần, thức ăn, thức uống, dụng cụ để ngồi, nằm, thuốc men chữa bệnh mà phụng sự chúng Tăng, cho đến chỉ dùng một ít nước lạnh trong sạch mà cúng dường, cũng gọi là hành Tăng sự.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát hành bố thí với tâm cúng dường, thừa sự.

Thế nào là bố thí không có tâm tham đắm? Đó là khi làm việc bố thí, Bồ-tát nghĩ như thế này: Nay ta làm việc bố thí không cầu tìm quả báo nơi cõi trời, hoặc các thứ khác nơi cõi trời, không cầu tìm quả báo nơi ngôi vua, hoặc như bậc vua chúa.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát hành hạnh bố thí không tham đắm.

Thế nào là bố thí với tâm thanh tịnh? Đó là Bồ-tát theo như pháp bố thí mà mình đã giảng nói, liền xem xét, lúc Bồ-tát xem xét thấy pháp bố thí ấy không có điều sai lầm, không có cấu nhiễm, không có chướng ngại, khó khăn, tà vạy, thì này thiện nam, như thế là Bồ-tát bố thí với tâm thanh tịnh. Nếu Bồ-tát tu trì được mười pháp bố thí ấy tức là đạt được sự bố thí đầy

đủ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu trì mười loại giới pháp, sẽ đạt được hạnh trì giới đầy đủ. Mười loại ấy là gì?

1. Hành giới biệt giải thoát.

2. Bồ-tát hành giới nhiếp luật nghi.

3. Hành giới lìa các phiền não thiêu đốt.

4. Hành giới lìa tác ý không sâu xa, chắc chắn.

5. Hành giới sợ gây tạo nghiệp.

6. Hành giới sợ tạo tội.

7. Hành giới lo sợ chỗ giữ lấy của cải phi nghĩa.

8. Hành giới với ý chí kiên cố.

9. Hành giới không chấp trước vào chỗ nương tựa.

10. Hành giới ba luân đều thanh tịnh.

Này thiện nam! Sao gọi là hành giới biệt giải thoát? Ấy là nếu Bồ-tát ở nơi kinh điển của các Như Lai, hoặc nơi giới luật và các phần pháp tu học khác đã được Phật nêu giảng, đều khởi tâm tôn trọng lời chỉ dạy của bậc Đại sư, rồi đối với mỗi một pháp, theo đúng lý mà tu học, không tham chấp về giòng họ, không tham chấp về chỗ hiểu biết của mình, không tham chấp về chúng hội, không sai lầm về ngã, về người nhận, nơi những phần pháp đã được học kia phát sinh lòng tôn kính.

Này thiện nam! Như thế gọi là Bồ-tát hành giới biệt giải thoát.

Thế nào là hành giới nhiếp luật nghi? Đó là như Bồ-tát khởi tâm xem xét: Ta ở nơi hành giới biệt giải thoát không thể chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghĩa là ở mỗi mỗi kinh của Như Lai giảng dạy về chỗ Bồ-tát hành hóa và tu học, ta phải y như lý mà tu tập. Những gì gọi là việc hành hóa của Bồ-tát? Đó là Bồ-tát không hề trái xứ, không trái phương, không trái thời, chỗ làm không trái thời, điều nói ra luôn đúng thời, biết rõ phương, đúng lượng. Vì sao? Như có hữu tình đối với Như Lai sinh tâm bất tín, thì Bồ-tát vì họ khiến sinh tâm tin hiểu và tùy theo căn cơ mà thâu giữ họ. Bồ-tát tự có thể thành tựu viên mãn hạnh Bồ-đề tối thắng, khéo gồm đủ các uy nghi, hòa diệu, bao dung, không xen tạp, ồn ào, hướng đến cửa lặng dừng, cửa rất thanh tịnh, đây là chỗ hành hóa của Bồ-tát. Thế nào là phần pháp tu học của Bồ-tát? Đó là những pháp của Như Lai đã giảng dạy cho hàng Bồ-tát ở hầu hết trong các kinh. Bồ-tát từ đó sinh tâm tin tưởng, thuận theo, không gặp phải những khó khăn, ngăn ngại. Đó là những phần pháp tu học của hàng Bồ-tát.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát hành giới Nhiếp luật nghi.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 3

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là hành giới xa lìa các phiền não thiêu đốt? Đó là Bồ-tát đối với lửa tham thiêu đốt, lửa sân thiêu đốt, lửa si mê thiêu đốt, hay lửa nơi các phiền não khác thiêu đốt, hoặc lửa của sự thọ dụng xâm hại khác thiêu đốt. Nếu muốn không bị thiêu đốt thì nên khởi tâm đối trị tham, nên xa lìa duyên của chỗ dấy khởi tham. Thế nào gọi là đối trị tham? Đó là dùng pháp quán bất tịnh là đối trị tham. Quán bất tịnh là quan sát trong thân ta có những vật bất tịnh như tóc, lông, móng, răng, nước miếng, nước mũi, nước mắt, đàm dãi, mồ hôi, đại tiện, da, máu, thịt, xương, tủy, não, mỡ, cách mô, gân mạch, tỳ, thận, tim, phổi, gan, mật, dạ dày, nhau thai, dạ con... Những vật bất tịnh ấy Bồ-tát nên quán tưởng, suy nghĩ như vầy: "Trong thế gian hiện có những kẻ ngu si, vì không hiểu thấu nên tạo nghiệp bất thiện, hãy còn có thể hiểu rõ được những vật bất tịnh mà không khởi tâm tham, huống chi là người trí? Đó là sự quan sát về những vật bất tịnh của Bồ-tát để đối trị tham. Điều gì gọi là duyên của chỗ dấy khởi tâm tham? Đó là tham đắm những dục nhiễm, hoặc thấy người nữ có nhan sắc, xinh đẹp, khởi tâm tham ái, rồi sinh ra ý muốn có được. Nếu như đã nhìn thấy thì nên quan sát thế này: Như lời Phật đã dạy, cảnh trong mộng là không thực, vậy thì cớ gì người trí ở trong cảnh giới như mộng ấy lại khởi tâm ham muốn? Đó gọi là Bồ-tát xa lìa duyên của chỗ dấy khởi tâm tham."

Thế nào là Bồ-tát đối trị tâm sân? Cùng xa lìa duyên của chỗ dấy khởi tâm sân? Tức là Bồ-tát đối với các hữu tình nên khởi tâm Từ bi, do tâm Từ ấy và nhân duyên đó mà có thể thâu phục những hữu tình có tâm ý nóng nảy giận dữ kia và nhân duyên phát sinh giận dữ sẽ được xa lìa. Đó là Bồ-tát đối trị tâm giận dữ và lìa duyên làm phát sinh giận dữ. Khi thực hiện sự quan sát như vậy, tức là lìa các pháp si mê, lìa nguyên do của si nên những chỗ ham muốn, những thọ dụng không bị lửa xâm hại thiêu đốt. Đó chính là Bồ-tát hành giới xa lìa các phiền não thiêu đốt.

Thế nào là hành giới xa lìa tác ý không sâu xa chắc chắn? Nghĩa là Bồ-tát ở một mình nơi vắng vẻ, yên tĩnh, không khởi tâm thế này: Ta không

làm những điều tạp loạn, ta ở chỗ vắng lặng, ta lại có thể tu theo giới luật của Như Lai, còn các Sa-môn, các bậc phạm hạnh khác họ đều làm những điều tạp loạn, nhiều ồn ào, nên đều đánh mất pháp luật của Như Lai. Nếu có thể không dấy khởi tâm niệm như vậy là Bồ-tát đã hành giới xa lìa được tác ý không sâu xa, vững chắc.

Thế nào là Bồ-tát hành giới thu giữ pháp thiện? Đó là nếu Bồ-tát suy xét như vầy: Như Phật đã dạy các Bí-sô nên tôn kính bậc tu phước, tôn kính người giữ giới, tôn kính người tu tuệ. Vì sao? Tôn kính bậc tu phước vì phước là ánh sáng trong lành đáng yêu hiện thọ nhận, là quả báo làm vui thích trong lòng. Người có lòng tin như vậy thì có thể xa lìa những nghiệp bất thiện. Đó gọi là Bồ-tát hành giới thâu giữ pháp thiện.

Thế nào là Bồ-tát hành giới lo sợ tội lỗi? Nghĩa là nếu Bồ-tát có mắc những tội nhỏ như hạt bụi thảy đều lo sợ, không làm theo tội ấy nữa, cho đến có ít tội cũng không sinh tâm xem thường mà nên nghĩ: Như Lai đã dạy: Này các Bí-sô! Ví như có người bị trúng ít độc đưa đến mạng chung và trúng nhiều độc cũng đưa đến mạng chung. Vậy các người có tội dù ít, dù nhiều đều sa vào đường dữ. Nếu lúc khởi tâm suy xét như vậy, Bồ-tát đối với tội lỗi liền sinh lo sợ, thì đó là Bồ-tát hành giới lo sợ tội lỗi.

Thế nào là Bồ-tát hành giới lo sợ chỗ nhận lấy của phi nghĩa? Tức là nếu Bồ-tát, hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn đầy đủ lòng tin cùng những người khác vì tin tưởng Bồ-tát nên đem vàng, bạc, ngọc ma-ni, trân châu, san hô, lưu ly, loa bối, của cải quý báu cùng những vật thọ dụng khác trao gởi nơi Bồ-tát, dù chỉ một mình, Bồ-tát cũng không dấy khởi tâm tham lam muốn chiếm lấy. Lại như những vật nơi chùa tháp, hay vật của chúng Tăng, giả như có người khuyên cầm giữ, Bồ-tát cũng không nhận lấy làm vật nuôi sống mình, mà nghĩ: Như lời Phật dạy, Bồ-tát thà cắt thịt nơi thân mình mà ăn, chứ quyết không nhận lấy những gì của kẻ khác không cho không hứa mà lấy để ăn, uống, hay những vật dụng khác mà sinh tâm muốn chiếm đoạt. Đó là Bồ-tát hành giới lo sợ về chỗ nhận của cải phi nghĩa.

Thế nào là Bồ-tát hành giới với ý chí vững chắc? Đó là nếu Bồ-tát hoặc bị ma vương, hoặc ma chúng, cùng các thiên ma khác, có lúc hiện ra hình người nữ, hay dùng những duyên cớ khác tạo nên ma sự nhằm nhiễu loạn, phá hoại, nhưng Bồ-tát vẫn không dao động, vẫn không giảm sút tâm đạo, đó là Bồ-tát hành giới với ý chí kiên cố.

Thế nào là Bồ-tát hành giới không dựa cậy, không tham đắm? Đó là nếu Bồ-tát khi hành trì giới luật không khởi ý niệm như vầy: Việc giữ hành giới của ta là để cầu phước báo ở cõi trời, hoặc các thứ khác nơi cõi trời, là

để cầu phước báo nơi ngôi vua hoặc địa vị giống như vua. Đó gọi là Bồ-tát hành giới không dựa cậy, không tham đắm.

Thế nào là Bồ-tát hành giới ba luân đều thanh tịnh? Đó là nếu Bồ-tát có được thân nghiệp thanh tịnh, ngữ nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh.

Thân nghiệp thanh tịnh là xa lìa ba nghiệp bất tịnh của thân:

1. Sát sinh.

2. Trộm cắp.

3. Tà nhiễm.

Đó là những nghiệp bất thiện của thân.

Ngữ nghiệp thanh tịnh là xa lìa bốn nghiệp bất thiện trong lời nói:

1. Nói dối.

2. Nói những lời đối nghịch nhau làm đảo điên chân lý.

3. Nói những lời độc dữ.

4. Dùng những lời nói thêu dệt, thêm thắt.

Đó gọi là bốn nghiệp bất tịnh nơi lời nói.

Ý nghiệp thanh tịnh là xa lìa ba nghiệp bất tịnh ở ý:

1. Tham lam.

2. Giận dữ.

3. Tà kiến.

Ba cái đó gọi là ba nghiệp bất thiện của ý. Vì do xa lìa được các nghiệp bất thiện vừa nói nên gọi là đã đạt được ba luân thanh tịnh. Đó là Bồ-tát hành giới ba luân thanh tịnh.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu hành trì được mười pháp đó tức là đạt được hành giới đầy đủ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp là đạt được pháp nhẫn nhục đầy đủ. Mười pháp ấy là gì?

1. Nhẫn chịu nhận lấy những sự khổ.

2. Nhẫn với những điều bên ngoài.

3. Nhẫn chịu khi xét kỹ các pháp.

4. Nhẫn chịu điều Phật đã chấp thuận.

5. Nhẫn chịu không cố định một phương.

6. Nhẫn chịu không sai biệt.

7. Nhẫn chịu không do nguyên cớ của sự việc.

8. Nhẫn chịu sự oán hận, hãm hại.

9. Nhẫn chịu theo tâm Bi.

10. Nhẫn chịu theo nguyện lực cứu độ.

Này thiện nam! Thế nào là nhẫn chịu nhận lấy những sự khổ? Đó là nếu Bồ-tát, hoặc nơi tự tâm có những lo buồn khổ não tùy theo lúc phát sinh, Bồ-tát đều an nhiên nhẫn chịu không khởi tâm giận dữ, thì đó là Bồ-tát nhẫn chịu nhận lấy các sự khổ.

Thế nào là pháp nhẫn nhục với các tâm bên ngoài? Đó là khi Bồ-tát đích thân nghe lời nói xấu ác của người khác, hoặc lần lượt nghe, nhân đấy mà hủy báng cha mẹ, thầy dạy, thân hữu, tri thức của Bồ-tát, hoặc những lời xấu ác hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Bồ-tát nghe mà không sinh giận dữ lại vẫn an nhiên nhẫn chịu. Đó là Bồ-tát nhẫn chịu các sự việc bên ngoài.

Thế nào là nhẫn chịu khi xem xét kỹ về các pháp? Đó là khi Bồ-tát nghe Như Lai giảng nói kinh điển với các pháp vô cùng sâu xa, như pháp có thể dứt trừ chủng tử luân hồi, thoát những trói buộc, hủy được dòng tương tục, đó là các pháp xưa nay vốn vắng lặng và tự tánh của các pháp là Niết-bàn. Bồ-tát nghe được các pháp như vậy rồi, không sinh sợ sệt lại suy nghĩ như vầy: Nếu ta không hiểu rõ những pháp ấy, không đạt được những pháp ấy, thì sao có thể chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Do nhân duyên ấy nên ở nơi pháp sâu xa kia mà thọ trì, suy nghĩ, tu tập, xem xét, cho đến lãnh hội trọn vẹn thì đó là Bồ-tát hành nhẫn nhục khi suy xét kỹ về các pháp.

Thế nào là Bồ-tát nhẫn chịu về lời Phật đã chấp thuận? Đó là giả như Bồ-tát đã phát khởi tâm giận dữ, mưu hại thì liền quan sát kỹ xem tâm giận dữ mưu hại ấy phát khởi từ đâu và theo nơi nào mà diệt mất? Nguyên nhân nào phát sinh sinh rồi thì trụ ở đâu. Lúc quan xét kỹ như thế thì đều không thấy có pháp giận dữ, mưu hại. Hoặc sinh hoặc diệt, hai pháp đều không thể thủ đắc. Theo sinh liền diệt. Cả nhân lẫn duyên đều cũng không thể nắm bắt. Vì do duyên cớ như vậy mà Bồ-tát an nhiên nhẫn chịu, không sinh khởi lần nữa về chỗ chấp thuận của Phật. Đó là Bồ-tát hành pháp nhẫn theo lời chấp thuận của Phật.

Thế nào là pháp nhẫn chịu không cố định theo phương sở? Đó là nếu Bồ-tát hoặc ban ngày nhẫn chịu được, ban đêm không nhẫn chịu được. Hoặc ban đêm nhẫn chịu được, ban ngày không nhẫn chịu được. Ở nước mình nhẫn chịu được, ở nước khác thì không nhẫn chịu được. Hoặc ở nước khác nhẫn được, ở nước mình thì không nhẫn chịu được. Theo tập quán thì nhẫn chịu được, không theo tập quán thì không nhẫn chịu được. Bồ-tát ở đây thì không thế: ở mọi nơi, mọi xứ, mọi lúc, mọi loài, thảy đều có thể

nhẫn chịu được. Đó là Bồ-tát đã hành pháp nhẫn nhục không có phương sở cố định.

Thế nào là Bồ-tát nhẫn nhục không sai biệt? Đó là Bồ-tát không nên ở nơi là cha mẹ, thầy dạy, quyến thuộc, bạn bè quen biết của mình thì có thể nhẫn chịu được, còn ở chỗ những người khác thì không thể nhẫn chịu được. Vì sao? Vì Bồ-tát thậm chí đối với nơi chốn quyến thuộc của hạng Chiên-đà-la có lúc bị họ xâm hại đều có thể nhẫn chịu được. Đấy là Bồ-tát hạnh pháp nhẫn nhục không sai biệt.

Sao gọi là Bồ-tát hành nhẫn nhục không vì nguyên cớ? Đó là khi Bồ-tát hành hạnh nhẫn nhục không vì lý do tài lợi, không vì lý do sợ hãi, không vì lý do đời sống của bản thân, không vì sự gần gũi ở thế gian, không vì nhằm che giấu sự hổ thẹn mà nhẫn nhục. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn có tâm hành nhẫn nhục. Đấy là Bồ-tát hành nhẫn nhục không vì duyên cớ.

Sao gọi là Bồ-tát nhẫn chịu những sự oán hại? Đó là nếu Bồ-tát hoặc có kẻ không duyên cớ gì mà lại đến gây điều ác, Bồ-tát lúc này không có điều gì là không nhẫn chịu. Hoặc có kẻ oán hận dùng dao gậy hay bằng tay, nổi giận đến đánh đập, hoặc dùng lời hung dữ mắng chửi, khi ấy, Bồ-tát thấy những kẻ kia hành hung như thế nhưng vẫn bền lòng nhẫn nhịn và suy nghĩ: Những oán đối này đều do nghiệp của ta chiêu cảm, khi nghiệp đã chín muồi, nên ta phải thọ khổ, thực chất không phải do cha mẹ, hoặc quyến thuộc, bạn bè tạo ra, mà đều là nghiệp do chính mình tạo tác đã tới lúc chín muồi. Nó cũng không phải bốn đại Từ bên ngoài như đất, nước, lửa, gió tạo thành sự chín muồi kia. Lại cũng không phải do bốn đại bên trong làm nên chỗ chín muồi ấy. Bồ-tát suy nghĩ: Do nhân duyên mà có oán hại hay không có oán hại. Ta với tâm bình đẳng thì hết thảy đều có thể nhẫn chịu được. Đó là Bồ-tát hành nhẫn chịu đối với những oán hại.

Thế nào là Bồ-tát nhẫn nhịn với tâm Bi? Đó là nếu Bồ-tát giả như được làm vua hoặc làm quan lớn, giàu có tự tại, oai đức cao quý, thấy những hữu tình có nhiều khổ não, nhưng hữu tình ấy đối với ngôi vua sinh tâm oán giận, tìm đến mắng chửi, phá rối, khi ấy vua không sinh giận dữ, không ỷ thế mạnh quyền cao mà bức hại các chúng sinh kia, lại khởi tâm suy nghĩ thế này: "Ta phải có bổn phận giáo hóa, hướng dẫn các hữu tình này, phải vì họ mà cứu giúp, không nên cậy vào uy quyền, ngôi vua, chỉ nên vì họ mà bảo vệ che chở, khiến họ không phá hoại." Vì nghĩ như thế nên tâm Bi khởi lên, bình thản nhẫn chịu. Đó là Bồ-tát hành nhẫn chịu do tâm bi.

Thế nào là Bồ-tát hành nhẫn chịu với nguyện lực cứu độ? Đó là nếu Bồ-tát suy nghĩ thế này: Ta ở chỗ Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng

Chánh Giác, phát ra lời nguyện như tiếng sư tử gầm: Nguyện khi ta đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, sẽ cứu độ rộng khắp hết thảy hữu tình ra khỏi biển sinh tử. Việc ta siêng năng cứu độ hết thảy hữu tình là không chấp giữ lấy tướng mà chỉ nhằm khiến cho các hữu tình thảy đều được giải thoát, khiến các hữu tình điều phục được tâm và an trụ vào thiền định. Còn nếu Bồ-tát lúc ấy sinh tâm giận dữ, không thể nhẫn chịu, thì như lời Phật đã dạy: Này thiện nam! Giả như có người giỏi chữa bệnh mắt, có thể làm dứt hết mối lo bị tối tăm ngăn che. Bấy giờ, vị thầy chữa mắt ấy suy nghĩ như vầy: "Ta muốn dứt trừ khắp hết mối lo bị tối tăm ngăn che." Bỗng nhiên, vị thầy thuốc ấy bị mất cả mắt.

Này thiện nam! Ý ông nghĩ sao? Vị thầy thuốc kia có thể chữa bệnh mắt được chăng?

Đáp:

–Không thể được.

Phật nói:

–Này thiện nam! Bồ-tát cũng lại như vậy: Muốn dùng Tuệ nhãn mở đường dẫn dắt cho thế gian khiến hết thảy hữu tình khỏi bị ngu si mê mờ, nhưng chính Bồ-tát thì tự mình bị những si mê kia che phủ, thì không thể trừ bỏ si mê mờ ám cho hết thảy hữu tình được. Do vậy, Bồ-tát đối với các việc làm não loạn, tổn hại, không hề sinh tâm giận dữ mà an nhiên nhẫn chịu. Đấy gọi là Bồ-tát hành nhẫn chịu vì nguyện lực cứu độ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập đủ mười pháp ấy tức là đạt được đầy đủ hạnh nhẫn nhục.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp tức đạt hành tinh tấn đầy đủ. Mười pháp ấy là gì?

1. Tinh tấn mặc đủ áo giáp.
2. Hành tinh tấn không gì có thể hơn được.
3. Hành tinh tấn xa lìa sự chấp trước hai bên.
4. Hành tinh tấn làm điều lợi lạc.
5. Tinh tấn gia hạnh.
6. Tinh tấn tương tục.
7. Tinh tấn thanh tịnh.
8. Tinh tấn bất cộng.
9. Tinh tấn không theo giáo pháp khác.
10. Tinh tấn không có tâm cao ngạo.

Này thiện nam! Sao gọi là tinh tấn mặc đủ áo giáp? Đó là như Bồ-tát phát tâm đại tinh tấn, khắp vì hết thảy hữu tình, nếu người nào chưa đạt quả Niết-bàn thì làm cho họ đạt Niết-bàn, người chưa được cứu độ thì cứu độ cho họ, người chưa được giải thoát thì làm cho họ giải thoát, người chưa được yên ổn thì làm cho họ được yên ổn, người chưa thành Chánh giác thì giúp họ đạt được Chánh giác. Bồ-tát lúc phát khởi hành tinh tấn như thế mà có quân ma đến muốn làm mất hạnh nguyện thù thắng ấy, khiến sinh ra rối loạn, buồn bực. Quân ma nói thế này: Thiện nam! Nay ông nên dừng bỏ sự tinh tấn ấy. Vì sao? Vì ta cũng từng phát khởi hành tinh tấn ấy, khắp vì hết thảy hữu tình: Kẻ nào chưa đạt Niết-bàn thì khiến đạt Niết-bàn, chưa được cứu độ thì thảy được cứu độ, chưa được giải thoát thì khiến được giải thoát, chưa an ổn thì làm cho an ổn, chưa đạt chánh giác thì khiến đạt chánh giác, nhưng tất cả những pháp ấy đều là không thực, là pháp hư vọng, sai trái, chỉ là những lời tranh cãi, luận bàn của những kẻ ngu muội. Thiện nam! Ta chưa từng thấy có người phát tâm tinh tấn như vậy mà có thể khiến cho một hữu tình đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta chỉ biết có vô số câu-chi hữu tình hướng tới việc chứng quả Niết-bàn của Thanh văn hoặc Duyên giác. Vì lý do ấy, cần phải thoái chuyển tâm đối với quả vị Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không thế mà cứ phát tâm tinh tấn thì chỉ thêm phiền não, mất hết bao nhiêu công sức đã có.

Ma vương nói xong những lời ấy, Bồ-tát tự nghĩ: Đây là những ma ác muốn tìm cầu nên đến quấy rối ta. Do biết vậy nên Bồ-tát nói với ma vương: Ngươi nay chớ nên bức bách ta, ngươi ở trong đời chớ có lo nghĩ như thế. Đức Như Lai đã nói: Trong cõi đời, tất cả đều từ chủng tử nơi nghiệp của mình, chính mình tạo tác những nghiệp ấy. Đó là chỗ quy hướng. Nay ngươi cũng vậy, từ chủng tử nơi nghiệp của mình sinh ra, do chỗ tạo nghiệp của mình là nơi quy hướng. Nay ngươi từ nơi nào đến thì hãy trở về nơi đó, chớ nên quấy rối ta, nhiễu loạn ta, sẽ khiến cho ngươi trong đêm dài sinh tử, đối với các chúng sinh bị khổ não bức bách, chỉ tạo nên những điều không lợi ích. Khi ấy, ma ác liền âm thầm rút lui, không còn hiện ra ở nơi ấy nữa.

Bồ-tát không bị ma vương làm nhiễu loạn nữa, tâm Bồ-tát không lo sợ, cũng không khiếp nhược. Ấy là Bồ-tát hành tinh tấn mặc đủ áo giáp.

Thế nào là Bồ-tát hành tinh tấn không gì có thể hơn được? Tức là nếu Bồ-tát tùy theo các tướng, phát khởi hành tinh tấn, như lúc phát khởi hành tinh tấn được xem là tối thắng đối với các Bồ-tát khác đã tu tập hành hóa từ lâu, đem so sánh với hạnh tin tấn thù thắng của Bồ-tát này thì không

bằng một phần nhỏ nhất của cái cực nhỏ, huống chi là so sánh với hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì khi Bồ-tát phát khởi tâm tinh tấn dù chỉ một niệm cũng có đầy đủ tất cả những sức mạnh hơn hẳn nên có thể thâu giữ tất cả pháp Phật, dứt trừ được các pháp ác. Đó gọi là Bồ-tát hành tinh tấn không gì có thể hơn được.

Thế nào là hành tinh tấn lìa chấp nơi hai bên? Đó là nếu Bồ-tát khi phát khởi tâm tinh tấn, không nên mãnh liệt quá cũng không nên yếu kém quá. Vì sao? Vì nếu mãnh liệt quá thì tâm sẽ trở thành thái quá, còn yếu kém quá thì tâm trở thành bất cập mà dao động. Lìa hai thái cực ấy mới đúng là hành tinh tấn thù thắng của Bồ-tát. Ấy gọi là Bồ-tát hành tinh tấn lìa chấp nơi hai bên.

Thế nào là Bồ-tát hành tinh tấn tạo lợi lạc? Đó là nếu Bồ-tát phát khởi hành tinh tấn như vầy: Nguyện thân này của ta được sánh bằng thân Phật, có được tướng Vô kiến đảnh và ánh sáng tròn đầy, cùng đủ tướng tốt như Phật, lại có trí tuệ thù thắng vô biên, không gì có thể hơn, uy đức lớn như Phật, tự tại không ai bằng như Phật. Bồ-tát vì thế mà phát khởi hành tinh tấn. Ấy là Bồ-tát hành tinh tấn tạo mọi lợi lạc.

Thế nào là Bồ-tát hành tinh tấn gia hạnh? Gia hạnh là ví như có người lấy ngọc báu ma-ni, hay vàng rồi mài giũa, tôi luyện để loại trừ hết những tạp chất khiến cho các ngọc quý, vàng báu ấy trở nên sáng trong, tinh thuần, màu sắc đẹp đẽ, khi ấy sẽ thấy ngọc ma-ni và vàng ròng kia rực rỡ khác thường. Bồ-tát cũng lại như vậy, do hành các pháp tinh tấn, tăng thêm sự sửa trị rèn luyện khiến trừ bỏ hết các phiền não ô nhiễm, xa lìa mọi lỗi lầm, cấu nhiễm của tinh tấn, tức là những sự biếng lười, thụ động. Việc ăn uống không điều độ là cấu nhiễm của tinh tấn. Vọng chấp về bản ngã là cấu nhiễm của tinh tấn. Không nương vào chánh pháp là cấu nhiễm của tinh tấn. Không tác ý sâu xa vững chắc là cấu nhiễm của tinh tấn. Trong các pháp tinh tấn có những cấu nhiễm như thế gọi là lỗi lầm. Cho nên Bồ-tát xa lìa được sự cấu nhiễm ấy thì tự tánh liền sáng rõ, trở nên trong sạch thuần khiết. Đó là Bồ-tát hành tinh tấn gia hạnh.

Thế nào là Bồ-tát tinh tấn tương tục? Đó là nếu Bồ-tát từ trong các oai nghi, phát khởi hành tinh tấn, tùy theo chỗ phát khởi ấy hoặc thân hoặc tâm không hề biếng lười, mỏi mệt, liên tục không gián đoạn trong đạo hạnh. Đó là Bồ-tát hành tinh tấn tương tục.

Thế nào là Bồ-tát tinh tấn thanh tịnh? Đó là nếu Bồ-tát từ chỗ phát khởi hành tinh tấn tương tục kia, nếu có những nghiệp bất thiện hoặc những chướng ngại đối với đạo pháp Bồ-đề, hay việc không hợp với nghĩa lợi thì

thường nên dứt trừ. Nếu là những pháp thiện tức là thuận theo hạnh quả Niết-bàn, đúng theo chánh đạo, hướng đến pháp Bồ-đề phần để đạt quả vị Bồ-đề, khiến cho các pháp thiện thảy đều tăng trưởng rộng lớn, cho đến trong một niệm cũng không khởi pháp bất thiện cho dù là rất nhỏ, huống chi là những lỗi lầm thô, nặng. Ấy là Bồ-tát hành tinh tấn thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-tát hành tinh tấn bất cộng? Đó là như Bồ-tát suy nghĩ: Giả sử số lượng thế giới nhiều bằng cát sông Hằng khắp trong mười phương, từ nơi địa ngục A-tỳ phát sinh khối lửa lớn, đầy khắp trong số lượng thế giới ấy đều là đống lửa lớn, vượt ra ngoài thế giới ấy. Nếu có một hữu tình nào còn chịu những khổ não cùng tột, không người dìu dắt, không kẻ cứu giúp, không nơi nương tựa, không chỗ trở về, thì ta thà nhẫn chịu những nỗi khổ phải giẫm đạp, vượt qua những đống lửa lớn đến chỗ các chúng sinh kia để cứu độ họ, huống chi chỉ là những nỗi khổ nhỏ nhoi mà ta không nhẫn chịu được sao? Bồ-tát phát tâm tinh tấn như thế thì không cùng chung với hết thảy hàng Thanh văn, Duyên giác, các thứ tà ma ngoại đạo. Ấy là Bồ-tát hành tinh tấn bất cộng.

Thế nào là Bồ-tát hành tinh tấn không theo lời dạy của người khác? Đó là Bồ-tát không giống với hàng Thanh văn, phát khởi tâm như vầy: Trong hàng phàm phu mà cầu quả vị Bồ-đề của Phật thì thật là khó đạt. Hành tinh tấn mà ta phát tâm là rất nhỏ, rất ít, biếng lười, yếu đuối. Ta nếu vì cầu quả vị Bồ-đề, giả như trên đầu đốt lửa, trải qua trăm ngàn câu-chi số kiếp như thế luôn siêng năng hành trì cũng không thể thành đạt được, nên ta không thể nhẫn chịu những nỗi khổ ấy, cũng lại không thể gánh vác được sự việc nặng nề đó. Nhưng Bồ-tát thì nên phát khởi tâm thế này: Chư Phật thời quá khứ đã thành tựu Chánh giác, chư Phật hiện tại hiện đạt quả vị Chánh giác, chư Phật trong vị lai sẽ thành tựu Chánh giác, chư Phật, Thế Tôn vì cầu đạo quả Bồ-đề mà đã siêng năng hành tinh tấn, các vị ấy đã tu tập hành trì hạnh thù thắng, như chư Phật, Như Lai cũng không chỉ vì mình mà cầu thành Chánh giác. Nay ta cũng như thế, nên siêng năng hành tinh tấn, thành tựu các hạnh thù thắng cũng không chỉ vì mình, các căn lành hiện có cũng muốn cho hết thảy hữu tình cùng có được như vậy. Ta vì hữu tình mà phát khởi hành tinh tấn, quả mà ta cầu đạt tới là quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì lợi lạc cho hết thảy chúng sinh, cũng không vì tự lợi để chứng quả Niết-bàn. Vì hữu tình nên ta thà ở luôn nơi đại địa ngục. Đây mới là pháp tối thắng. Ấy gọi là Bồ-tát hành tinh tấn không vì lời dạy của kẻ khác.

Thế nào là Bồ-tát hành tinh tấn tâm không cao ngạo? Đó là khi Bồ-

tát phát khởi hành tinh tấn, không ở trong ấy sinh hứng thú, tham đắm, không chê bai người khác, không tự khen mình. Bồ-tát suy nghĩ: Nếu không siêng năng tu tập và khuyến khích người khác tu tập, thì sao được gọi là người trí? Do đó Bồ-tát phát khởi hạnh thù thắng mà tâm không cao ngạo. Ấy là Bồ-tát hành tinh tấn tâm không cao ngạo.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu hành mười pháp này thì đạt được hành tinh tấn đầy đủ.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 4

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát tu mười thứ pháp thì đạt được thiền định đầy đủ. Mười pháp ấy là những gì?

1. Rộng tích tập các phước đức.
2. Luôn sinh tâm nhàm chán, lo lắng.
3. Phát khởi tinh tấn.
4. Đầy đủ đa văn.
5. Đem giáo pháp không điên đảo trao truyền, siêng năng tu tập.
6. Thuận hành theo chánh pháp.
7. Căn tánh sáng láng, lanh lợi.
8. Tâm thiện thuần thục trọn đủ.
9. Khéo thấu tỏ pháp Chỉ Quán.
10. Không chấp trước các tướng thiền.

Thế nào là rộng tích tập các phước đức? Đó là Bồ-tát đối với pháp Đại thừa từ lâu đã tích chứa căn lành, đời đời sinh ra đều dốc tu trì, hành giới, được các bậc Thiện tri thức thâu nhận, tùy chốn nơi sinh ra thường sinh vào nhà của những tộc họ lớn như Bà-la-môn, hoặc Sát-đế-lợi, hoặc trưởng giả đầy đủ chánh tín. Nơi sinh ra đó nhờ có nhân duyên tốt mà căn lành ngày càng phát triển lớn, cũng không xa lìa Thiện tri thức. Thế nào là nơi chốn của bậc Thiện tri thức? Đó là Phật và Bồ-tát, có thể làm tăng trưởng thiện căn đời trước. Do sức mạnh của sự tu tập thường xuyên nên suy nghĩ thế này: Thế gian là nơi khổ lớn, là nơi có nhiều tai họa, thế gian luôn bị sự si mê, tăm tối ràng buộc, che lấp, ở đó chúng sinh đều do tham dục làm nhân duyên. Hiểu rõ những nguyên nhân ấy đó là Bồ-tát rộng tích tập phước đức.

Thế nào là Bồ-tát luôn sinh tâm nhàm chán và lo lắng? Đó là nếu Bồ-tát vì những duyên cớ này mà suy nghĩ: Ta nay không nên ở trong thế gian kết hợp chồng chất thêm nữa, gần gũi đắm nhiễm những cảnh giới tham dục, rồi từ tham dục nảy sinh phân biệt hư dối, như lời Đức Thế Tôn dạy:

Thường dùng nhiều thứ nhân duyên để chê trách về tham dục, đấy là cho tham dục là cái xoa bén, là cái kích bén, là mũi kiếm, mũi dao, là rắn độc, tham dục lại như đám bọt nước, như ung nhọt, tham dục thật cấu uế. Cảnh trạng của tham dục như thế nên tâm sinh chán ghét, do đó mà cắt bỏ râu tóc, mặc ca-sa, phát tâm chánh tín, lìa gia đình, xuất gia. Ấy gọi là Bồ-tát luôn sinh tâm nhàm chán, lo lắng.

Thế nào là Bồ-tát phát khởi tinh tấn? Đó là Bồ-tát do xuất gia nên phát khởi tinh tấn, tức thấy người nào chưa đắc pháp thì làm cho họ đắc pháp, người chưa giác ngộ thì làm cho họ giác ngộ, người chưa chứng quả thì khiến họ chứng quả. Đó là Bồ-tát hành tinh tấn.

Thế nào là Bồ-tát đầy đủ đa văn? Tức là Bồ-tát nhờ những nhân duyên ấy mà có thể nghe và thọ nhận những điều đã nói về chân lý của pháp thế tục và chân lý của pháp thắng nghĩa. Đó là Bồ-tát đầy đủ về đa văn.

Thế nào là Bồ-tát chỉ dạy trao truyền pháp không điên đảo siêng năng tu tập? Nghĩa là Bồ-tát đối với hai thứ pháp thế tục và thắng nghĩa có thể chỉ dạy trao truyền đúng đắn, siêng năng tu tập, không có pháp điên đảo. Đó là Bồ-tát chỉ dạy trao truyền pháp không điên đảo cùng siêng năng tu tập.

Thế nào là Bồ-tát tu hành thuận theo chánh pháp? Đó là Bồ-tát đối với các pháp chân chánh như: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định, Bồ-tát hành trì như thế liền giác ngộ được chánh đạo. Đó gọi là Bồ-tát tu hành thuận theo chánh pháp.

Thế nào là căn tánh sáng tỏ, lanh lợi? Đó là nếu Bồ-tát do hành trì đúng chánh pháp, trí tuệ biện tài sáng tỏ, căn tánh lanh lợi chuyển hơn. Ấy là Bồ-tát có căn tịnh sáng tỏ, lanh lợi.

Thế nào là tâm thiện thuần thục đầy đủ? Đó là Bồ-tát có căn tánh lanh lợi, hơn hẳn, nên luôn sinh tâm chán ghét, lo lắng, xa lìa hết thảy những thói quen ồn ào của đám đông, xa lìa những lời nói xen tạp của thế gian về các thứ giác nơi tham dục, giận dữ, hại diệt cũng lại không đắm nhiễm các chỗ dục về tri thức, thân ái, tiếng tăm, lợi dưỡng... Nhờ thế mà thân, tâm vắng lặng, đạt được tâm thiện thuần thục, do có tâm thiện nên quán sát thế này: Ta nay với tâm này nên hành trì những pháp gì? Là pháp thiện, pháp bất thiện hay pháp vô ký? Nếu hành pháp thiện thì tâm sẽ được thanh tịnh, hoan hỷ. Những gì là pháp thiện? Đó là ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần. Nếu làm theo pháp bất thiện thì nên sinh tâm chán ghét lo sợ, có nhiều cách quán xét để siêng năng dứt trừ những pháp bất thiện. Thế nào là những

pháp bất thiện? Đó là tham, sân, si. Tham có ba hạng: Thượng, trung, hạ. Hạng tham bậc thượng thì tâm hoặc thân đều ở phần vị tham lam tột bậc nên sinh đắm nhiễm không rời được tâm tham. Vì đắm nhiễm nên đối với tất cả nơi chốn đều không sinh hổ thẹn. Thế nào là không hổ? Đó là khi ở vắng vẻ một mình, suy nghĩ rồi nảy sinh muốn tìm cầu những điều tham dục, ca ngợi cảnh dục lạc, lại tự hiện bên ngoài như người có đức đó là tâm không biết hổ. Thế nào là không thẹn? Do nhân duyên tham dục nên đối trước cha mẹ thì chống trái, hung ác, làm điều não hại, còn đối với thầy dạy hay những bậc tôn trưởng thì không biết xấu hổ, lại tự hiện ra như người có đức hạnh. Đó là không biết thẹn. Vì thế, sau khi chết sẽ bị đọa vào đường dữ. Đấy gọi là tham bậc thượng. Tham bậc trung là khi gần gũi với cảnh tham dục, trước sau tuy có tạo các việc sai trái, nhưng dấy khởi tâm lìa tham, liền sinh hối hận. Đó gọi là tham bậc trung. Tham bậc hạ là khi gần gũi cảnh dục, hoặc thân đụng chạm, hoặc miệng nói năng, hoặc nhìn ngắm, vừa dấy khởi liền diệt, đó là tham bậc hạ. Tóm lại, hết thảy những việc như cứu nạn thọ nhận các vật dụng nuôi sống mà có sự ham muốn đều là tâm tham bậc hạ. Giận dữ cũng có ba bậc: Thượng, trung, hạ. Giận dữ bậc thượng là tùy chỗ phát khởi nơi các cảnh giới giận dữ, sinh ra sự giận dữ tột bậc, bạo ác, đến nỗi gây nên năm tội vô gián, có khi do hoàn cảnh mà phạm một tội vô gián, hoặc như chê bai chánh pháp. Hễ như thế thì đều gồm chung vào năm tội vô gián. Mọi sự tính đếm, thí dụ cho đến chia chẻ thành những phần rất nhỏ nơi sự vi tế cũng không thể kể hết được. Do nhân duyên ấy nên khi thân mạng chết rồi, sẽ bị đọa vào đại địa ngục, còn nếu được sinh làm người thì thân tướng đen đủi, hai mắt đỏ lộ ra tánh hung bạo, tánh lại thường dữ, ác, vì thế mà sau đấy cũng bị đọa vào địa ngục. Đó gọi là giận dữ bậc thượng. Giận dữ bậc trung là tùy theo các hoàn cảnh đáng giận mà nổi cơn giận tạo ra nghiệp tội bất thiện nhẹ, nhỏ, nhưng rồi sau đó biết ăn năn cố khởi tâm đối trị để cho hết giận. Đó gọi là giận dữ bậc trung. Giận dữ bậc hạ là trong cảnh thân ái hòa hợp, theo nơi duyên giận liền sinh khinh khi, chê bai, tuy tâm khởi trong khoảnh khắc rồi sinh tâm ăn năn, khởi tâm đối trị khiến tâm giận dữ kia diệt mất. Đó gọi là giận dữ bậc hạ. Si cũng có ba bậc: Thượng, trung, hạ. Si mê bậc thượng là khi ở mọi nơi, trong những lúc đi, lúc đứng không làm được một điều thiện nào, cũng không lo lắng, chẳng sinh sự biến đổi, hối hận. Đó là si mê bậc thượng. Si mê bậc trung là khi phát khởi một phần nhỏ ít nghiệp bất thiện, tuy có việc đã làm xong nhưng sau đấy thì ăn năn, liền đến chỗ người cùng tu phạm hành bày tỏ tội lỗi, không hiện bày tướng đạo đức của mình. Đó là si mê bậc trung. Si mê bậc hạ là đối với giới luật của Như Lai đã chế, dạy, không

vượt qua tánh tội, chỉ sai phạm nơi tội thuộc phần đầu của giới, đó là si mê bậc hạ.

Hàng Bồ-tát xa lìa những pháp nhiễm ô ấy thì liền có được tâm hoàn toàn vắng lặng. Do vì có chỗ hoàn toàn, chỗ thiện nên có thể lìa tham ái của dục, là những đắm nhiễm của dục. Vì sao? Vì tùy theo chỗ thiện nơi tâm nếu hoặc hành pháp vô ký, tức là luôn nhớ nghĩ, siêng năng hành trì, quán sát. Những gì là pháp vô ký? Nếu tâm không duyên nơi bên ngoài, hoặc không duyên bên trong, không duyên nơi pháp thiện, cũng không duyên nơi pháp bất thiện, không trụ nơi pháp chỉ, cũng không hành nơi pháp quán, tâm thì chìm ngập, vương mắc trong sự ngủ nghỉ. Như người ngủ vừa thức, mắt nhìn chưa rõ. Nếu tâm vô ký hiện tiền thì tâm không sáng suốt, lanh lẹ, cũng lại như vậy. Do vậy Bồ-tát nếu hành theo tâm thiện thì đạt được tâm trạng vui và tâm sẽ được an trụ. Đó là hàng Bồ-tát có đủ tâm thuần thiện.

Thế nào là sự hiểu rõ về pháp Chỉ Quán? Nghĩa là nếu Bồ-tát do có đầy đủ tâm thuần thiện, nên có thể quán xét các pháp: Pháp này như huyễn, pháp này như mộng, pháp này là bất thiện, pháp này là thiện, pháp này là xa lìa, pháp này không phải là lìa xa. Bồ-tát lại suy nghĩ như vầy: Tất cả các pháp kia tâm làm chỗ nương tựa, tâm là người dẫn đường đi trước, nên Bồ-tát phải khéo thu giữ tâm mình, phải khéo điều phục tâm, khéo hiểu rõ tâm, nhờ đó tức có thể khéo thu tóm các pháp, cũng khéo điều phục, khéo hiểu rõ. Như thế, tức có thể quan sát đúng đắn về các pháp. Nhờ nhân duyên đó mà có được tâm vắng lặng. Dùng tâm bó buộc tâm, dùng tâm ngăn chặn tâm, dùng tâm an trụ tâm, như thế tâm được sách tấn để đạt sự vắng lặng, liền đạt được tánh của tâm cảnh hợp nhất, vì tâm cảnh hợp nhất nên thành tựu được Tam-ma-địa, Tam-ma-sí-đa, do đó mà hiện tiếp được ly sinh hỷ lạc vì tâm hỷ lạc nên có thể xa lìa pháp bất thiện tạo nên tội lỗi. Lại có thể thành tựu pháp thiền định bậc thứ nhất là có tầm có tứ ly sinh hỷ lạc. Thứ đến, nơi các tầm tứ đều không có đối ngại. Ở chỗ hỷ lạc kia không sinh đắm vướng nơi hương vị, thực hiện pháp quán vô thường xong, trở lại từ bậc sơ thiền tâm dần dần phát khởi xa lìa tâm có chỗ tham đắm, nên có thể thành tựu được pháp định nơi nhị thiền là định vô tầm, vô tứ định sinh hỷ lạc. Lại từ nơi lạc quán về khổ, thực hiện pháp quán khổ rồi liền thành tựu được hành xả, hành xả niệm, như chỗ quán xét của bậc Thánh, có thể thấu tỏ đứng đắn, về diệu lạc đang hiện tiền nên có thể thành tựu được pháp định nơi tam thiền là ly hỷ diệu lạc. Thứ đến ở trong định của tam thiền, thực hiện pháp quán về không xong thì dần đến tâm tứ thiền. Trong tứ thiền ấy thì trừ bỏ được chấp ngã. Chấp ngã không còn, nên vui khổ cũng dứt. Khổ

vui đã dứt, như chỗ dấy khởi ở trước, các tâm ý vui cũng đều lìa và liền thành tựu được pháp xả niệm thanh tịnh. Tiếp đó, xem tự thân cùng với hư không bằng nhau nên tạo được một thứ giải thoát. Quán xét sự giải thoát như vậy, nên đối với mọi nơi, mọi loài đều vượt qua các tưởng về sắc cùng lìa hết chướng ngại. Do vượt qua mọi tưởng về sắc, các chướng ngại, nên mọi thứ, loại tưởng kia thảy đều không còn duyên để tác ý nữa. Hư không vô biên dùng làm hành tướng, tức có thể thành tựu được pháp định là Không vô biên xứ. Tiếp theo, ở nơi xứ không vô biên cùng thời quán về xứ thức vô biên, lấy đó làm hành tướng liền có thể thành tựu pháp định Thức vô biên xứ. Theo đấy vượt qua xứ thức vô biên ấy duyên nơi xứ vô sở hữu lấy đó làm hành tướng, tức có thể thành tựu pháp định Vô sở hữu xứ. Thứ nữa, lại vượt quá xứ vô sở hữu ấy duyên nơi xứ phi tưởng phi phi tưởng lấy đó làm hành tướng liền có thể thành tựu pháp định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thứ đến, đối với tâm như trên không còn hành tướng, diệt mọi tưởng thọ, lìa các phát khởi, tỏ ngộ gọi là Định diệt tận. Các pháp như thế gọi là Bồ-tát khéo thấu rõ về pháp Chỉ, Quán.

Thế nào là không tham chấp nơi thiền tướng? Đó là nếu Bồ-tát dù đã nhập định diệt tận cũng không vui đắm trong cõi tịch diệt, tức có thể cùng lúc phát khởi tâm Từ, đều lìa các cảnh oán, thân, thuận, nghịch, tâm vận hành rộng lớn, trước hết từ nơi một phương phát khởi hành từ vô lượng, xem xét khắp nơi tạo sự giải thoát rồi, các phương Nam, Tây, Bắc... bốn hướng và hai phương trên, dưới cũng lại như thế. Tâm Từ khởi lên thì các tâm Bi, Hỷ, Xả cũng đều phát khởi như trước, xa lìa các cảnh giới oán, thân, thuận, nghịch, mở tâm rộng lớn khắp cả mười phương, phát khởi hành Bi, Hỷ, Xả vô lượng, xem xét khắp hết thảy tạo sự giải thoát. Bồ-tát như thế liền có thể dấy khởi năm Thần thông, cũng không cho là đủ, không chấp trước nơi tướng thiền, mà lại tiến tới cầu đạt pháp trên hết, với hành thù thắng Bồ-đề viên mãn. Đó là Bồ-tát không tham chấp, vướng mắc nơi thiền tướng.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp như thế tức đạt đầy đủ hạnh thiền định.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp sau đây tức là đạt đầy đủ tuệ thù thắng. Mười pháp ấy là gì?

1. Khéo hiểu rõ về vô ngã.
2. Khéo nhận biết về nghiệp báo.
3. Biết rõ về các pháp hữu vi.
4. Biết rõ nẻo lưu chuyển luân hồi.

5. Khéo nhận biết về pháp căn bản ra khỏi luân hồi.

6. Biết rõ về pháp của thừa Thanh văn, Duyên giác.

7. Hiểu rõ pháp Đại thừa.

8. Có thể giỏi ngăn chặn các nghiệp ma.

9. Đầy đủ trí tuệ không điên đảo.

10. Đầy đủ trí tuệ không gì bằng.

Này thiện nam! Thế nào là khéo hiểu rõ về vô ngã? Đó là Bồ-tát dùng trí tuệ chân chánh quan sát về sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Như quán về sắc: Sắc lúc sinh không thể nắm bắt, sắc tích tập cũng không thể nắm bắt, sắc diệt cũng không thể nắm bắt. Thọ, tưởng, hành, thức sinh cũng không thể nắm bắt, tích tập cũng không thể nắm bắt, diệt cũng không thể nắm bắt. Chân lý của thắng nghĩa kia không rời chân lý của thế tục. Hoặc chân lý của thắng nghĩa, hoặc chân lý của thế tục, tự tánh của hai thứ ấy chỉ có nơi ngôn thuyết, là danh giả, không có thực thể. Bồ-tát tuy xem xét như vậy, nhưng cũng không vì thế mà dứt bỏ hết các hành phát tâm tinh tấn, vì các hữu tình thành tựu những việc lợi ích, xem việc ấy như cứu nạn cháy đầu, cứu nạn cháy áo. Như thế là Bồ-tát khéo hiểu rõ về vô ngã.

Thế nào là khéo biết rõ về nghiệp báo? Đó là nếu Bồ-tát suy xét như vầy: Nay ở thế gian này, những tướng tụ hội vốn như ảo hóa, như thành của Càn-thát-bà, tự tánh đều không. Nếu ở nơi cảnh giới hữu tình hay phi tình mà tham đắm, chấp ngã, thì những hữu tình đó vì thế không thể giác ngộ chánh đạo được. Các hữu tình ấy suy nghĩ: Nếu cho là vô ngã, vô hữu tình, không có thọ mạng, cử động, dù là nhỏ nhặt để nuôi dưỡng, thì nơi quá trình phát triển của con người (Sĩ phu, Bổ-đặc-già-la, Ý sinh, Ma-noa-phược-ca), tức cho là có nghiệp thiện, nghiệp bất thiện để có thể biểu thị ai sẽ thọ nhận, không có hữu tình thực sự với nghiệp báo có thể có được. Bồ-tát dù chỗ hiểu biết đúng như thật của mình là không thật có hữu tình, nhưng vẫn cứ hiển hiện rõ nghiệp báo về thiện, ác. Bồ-tát dùng trí tuệ chân chánh ấy để nhận biết đúng như thật. Đó là Bồ-tát khéo biết rõ về nghiệp báo.

Thế nào là khéo thấu rõ pháp hữu vi? Nghĩa là nếu Bồ-tát ở trong pháp hữu vi, dùng trí tuệ chân chánh ấy có thể nhận biết một cách rành rẽ, rồi suy nghĩ: Pháp hữu vi này luôn luôn lưu chuyển trong từng ý niệm, khác gì những giọt sương, hoặc dòng nước nơi khe suối chảy mãi không dừng. Những bậc có trí tuệ há lại khởi tâm chấp trước, yêu thích đối với các pháp như thế hay sao? Nhưng nếu khi nhận thấy sự tàn tạ của cảnh vui, hoặc sinh tâm sầu buồn, do nhân duyên ấy mà sinh tâm chán lìa một cách sâu xa, vui cầu tìm sự vắng lặng. Đó là Bồ-tát khéo thấu rõ về các pháp hữu vi.

Thế nào là khéo nhận biết về luân hồi, lưu chuyển? Đó là: Bồ-tát thường suy xét thấy những hình tướng do tụ hội mà có trong thế gian này, do vô minh tối tăm che lấp nên luân chuyển không ngừng, điều đó là do sợi dây ái trói buộc. Do ái nên sinh thủ (giữ lấy), do thủ làm nhân nên tạo tác các hành nơi nghiệp thiện, bất thiện. Vì tạo nên những nghiệp thiện, bất thiện đó nên có hữu tiếp nối nhau. Do hữu nên có sinh và do sinh nên có già, chết. Do có pháp chết nên buồn sầu khổ não, do đấy mà tạo sự trói buộc. Như thế là một khối khổ lớn được tích tụ làm nguyên nhân cho sự luân hồi, lưu chuyển liên tục, khác nào bánh xe guồng nước lần lượt lên xuống. Bồ-tát dùng trí tuệ chân chánh của mình ở nơi các pháp ấy hiểu rõ đúng như thật. Đó gọi là Bồ-tát khéo nhận biết về luân hồi lưu chuyển.

Thế nào là khéo hiểu rõ về pháp căn bản để thoát khỏi vòng luân hồi? Đó là khi Bồ-tát khởi tâm xem xét: Nếu không có vô minh thì không có hành, không có hành thì không có thức, không có thức thì không có danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, không có sinh thì già chết lo buồn khổ não thảy đều dứt hết. Bồ-tát dùng trí tuệ chân chánh của mình hiểu rõ đúng như thật về các pháp như thế, đấy là Bồ-tát khéo thấu rõ về pháp căn bản để vượt ra khỏi luân hồi.

Sao gọi là khéo hiểu rõ về pháp của thừa Thanh văn, Duyên giác? Đó là Bồ-tát xem xét, thấy rõ: Pháp này đạt quả Tu-đà-hoàn, pháp này đạt quả Tư-đà-hàm, pháp này đạt quả A-na-hàm, pháp này dứt hết các lậu và những thứ kết sử, không còn thọ thân sau, đạt được Niết-bàn rốt ráo, chứng quả vị A-la-hán. Pháp này chứng quả Duyên giác, như tê giác một sừng. Bồ-tát đối với các quả vị ấy đã dùng trí tuệ chân chánh hiểu rõ đúng như thật rồi, nhưng cũng không ở trong các pháp đó mà thủ chứng. Vì sao? Vì Bồ-tát suy nghĩ: Ta tạo nên tiếng sư tử gầm, thu nhận hết thảy hữu tình, ta phải vì họ, ở nơi đồng trống vắng, chốn hiểm nạn của sinh tử để hành hóa cứu độ, chứ không nên một mình ra khỏi sinh tử. Bồ-tát phát khởi hạnh nguyện kiên cố ấy. Đó là Bồ-tát khéo hiểu rõ pháp của thừa Thanh văn, Duyên giác.

Thế nào là khéo hiểu rõ pháp Đại thừa? Đó là Bồ-tát đối với các pháp môn đều có thể khéo tu học. Nhưng trong lúc tu học không hề chấp giữ, cũng không thủ đắc về đạo pháp đã được tu học, Bồ-tát tuy không chấp giữ nơi hình tướng kia, cũng không do nhân duyên ấy mà rơi vào đoạn kiến. Đó là Bồ-tát khéo hiểu rõ về pháp Đại thừa.

Thế nào là khéo ngăn chặn nghiệp ma? Đó là nếu Bồ-tát ở hết thảy các nơi chốn thường xa lìa tri thức xấu ác, cũng không đến các nước xấu ác, lại không gần gũi, tu tập theo kinh điển của ngoại đạo. Tuy ở khắp mọi

nơi mà thường xa lìa những sự cung cấp lợi dưỡng của thế gian, cùng các phiền não khác gây chướng ngại cho đạo Bồ-đề, phải nên trừ bỏ chúng, tức phát khởi những pháp đối trị, phá trừ những chướng ngại kia. Đó là Bồ-tát khéo ngăn chận những nghiệp ma.

Thế nào là đầy đủ trí tuệ không điên đảo? Đó là Bồ-tát đối với tất cả sự nghiệp văn chương, lý luận, thư tịch của thế gian, thảy đều dùng trí tuệ thù thắng đưa vào pháp tu học. Việc tu học của Bồ-tát chỉ nhằm tạo mọi thành tựu đầy đủ cho hết thảy hữu tình, không vì muốn được sự hiểu biết tiếng tăm, không hiển bày đức hạnh của mình. Nghĩa là luôn xem pháp, luật của Như Lai đó là sự nêu giảng về các pháp tối thượng, tối thắng, đầy đủ uy đức lớn lao. Do hiển bày công đức thù thắng ấy cũng như tinh tấn tu học nên rốt cuộc không sa vào tà kiến của ngoại đạo. Đó là Bồ-tát gồm đủ trí tuệ không điên đảo.

Thế nào là đầy đủ trí tuệ không gì sánh bằng? Tức là nếu Bồ-tát ở trong thế gian với các hàng hữu tình như trời, người, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai sánh bằng trí tuệ của Bồ-tát, chỉ trừ có trí tuệ tối thắng của Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó là Bồ-tát đầy đủ trí tuệ không ai sánh bằng.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp như thế liền đạt được đầy đủ tuệ thù thắng.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập đầy đủ mười thứ pháp thì đạt được đầy đủ phương tiện. Những gì là mười pháp?

1. Phương tiện khéo hiểu rõ về hồi hướng.

2. Phương tiện khéo xoay chuyển những kiến chấp của ngoại đạo.

3. Phương tiện khéo xoay chuyển cảnh giới của năm trần.

4. Phương tiện khéo trừ bỏ nghi ngờ, hối tiếc.

5. Phương tiện khéo nhận biết sự cứu độ hữu tình.

6. Phương tiện khéo biết rõ việc cứu mạng cho hữu tình.

7. Phương tiện khéo biết thọ nhận sự bố thí.

8. Phương tiện khéo xoay chuyển hàng Nhị thừa hướng nhập vào Đại thừa.

9. Phương tiện khéo nhận biết sự chỉ dạy điều lợi lạc an vui.

10. Phương tiện khéo nhận biết sự cúng dường, phụng sự Như Lai.

Này thiện nam! Thế nào là phương tiện khéo hiểu rõ về hồi hướng? Đó là nếu Bồ-tát đối với hết thảy những gì không phải sở hữu của mình, không thuộc về mình như hoa, trái, hoặc cây thơm, cây báu... mà luôn nơi

ngày ba lần, đêm ba lần tưởng nhớ đến việc cúng dường chư Phật, chư Bồ-tát, đem căn lành ấy hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát lại từ trong các kinh điển sâu xa rộng lớn do Phật đã giảng nói, với những pháp cúng dường, nghe rồi từ nơi đáy lòng nảy sinh vui thích, tin tưởng, rồi đem thiện căn ấy hồi hướng đến chư Phật và Bồ-tát. Lại nữa, hết thảy Bồ-tát trong mười phương thế giới cùng các loài hữu tình đã tạo được tất cả nghiệp thiện, đầy đủ hạnh Bồ-đề, khiến thâm tâm của Bồ-tát đều sinh tùy hỷ rồi đem căn lành ấy hồi hướng đến ngôi vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, đối với tháp miếu và hình tượng của Như Lai nên dùng hoa, hương và hương xoa để cúng dường tu đạo, nguyện cho hết thảy hữu tình dứt trừ được thứ hương phá giới, nhơ, xấu, nguyện cho khắp hết thảy chúng sinh đạt được hương giới thanh tịnh. Lại khi quét dọn tháp miếu, sửa sang lại nền đất, nên nguyện cho hết thảy hữu tình xa lìa các tướng xấu, đạt được tướng tốt, đoan nghiêm, đầy đủ mọi uy nghi. Lại khi dùng lọng hoa cúng dường Phật, nên nguyện cho hết thảy chúng sinh xa lìa được các loại phiền não thiêu đốt. Lại nếu khi vào chùa, tháp, nên khởi tâm niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình đều được vào thành Niết-bàn. Lúc ra khỏi chùa tháp nên khởi ý niệm như vầy: Nguyện cho hết thảy chúng sinh được ra khỏi sinh tử. Lại, hoặc nơi chỗ ở, khi mở cửa liền khởi tâm niệm: Xin nguyện mở bày cửa trí tuệ xuất thế gian nơi các cõi thiện. Lúc đóng cửa thì phát khởi niệm: Mong đóng hết các cửa đi vào đường ác. Nếu khi theo chỗ ngồi thì khởi ý niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình được ngồi ở chốn đạo tràng. Khi nằm nghiêng bên phải thì phát khởi ý niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình đều nằm nghiêng bên phải mà vào Niết-bàn. Lúc thức dậy cũng phát khởi ý niệm: Nguyện cho tất cả hữu tình đều vượt khỏi chốn bùn lầy phiền não. Khi đi đứng thì phát khởi ý niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình được đi đứng như bậc đại nhân. Lúc an trụ thì phát khởi ý niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình lìa được mọi lo phiền. Khi đại tiểu tiện thì khởi ý niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình trừ sạch được phiền não cấu nhiễm, lầm lỗi. Lúc rửa tay, phát khởi ý nghĩ: Nguyện cho hết thảy hữu tình trừ diệt được các thứ khí cấu uế của phiền não. Khi rửa chân, khởi niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình diệt được vô số các thứ bụi nhơ của phiền não. Khi xỉa răng, phát khởi ý niệm: Nguyện cho hết thảy chúng sinh xa lìa các thứ cấu nhiễm. Cho đến các phần vị của thân, nếu khi vận động cũng đều nguyện cho hết thảy hữu tình đạt được lợi ích an vui. Khi lễ bái ở chùa, tháp, nơi có thờ hình tượng Như Lai thì khởi ý niệm: Nguyện cho hết thảy hữu tình đều được cả trời, người cung kính, lễ bái. Đó là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo hiểu rõ về hồi hướng.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 5

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là phương tiện khéo xoay chuyển các các kiến chấp của ngoại đạo? Đó là nếu Bồ-tát đến những nơi chốn của các ngoại đạo như Tả-la-ca, Ba-lý-một-la, Nhã-ca-ni-càn-đà... để làm công việc giáo hóa, nhằm điều phục họ, vì muốn họ đạt được những thành tựu đầy đủ. Vì nhân duyên ấy thì Bồ-tát nên suy nghĩ: Những người ngoại đạo này rất ngã mạn, kiêu căng, ta nay, trước hết không nên đóng vai trò bậc thầy giáo hóa mà nên thể hiện làm đệ tử cung phụng họ, rồi sau sẽ tìm cách điều phục. Ta cần xuất gia theo giáo pháp của họ, rồi siêng năng tu tập theo cách tu của họ, từ tri thức đến cách thức tu tập đều cần đạt tới nơi tới chốn, cho đến hơn hẳn họ. Những người ngoại đạo ấy có sai bảo điều gì ta đều thi hành đúng theo, giống như đối với các bậc tôn trưởng, không sai trái, nhờ thế ta được gần gũi họ rồi lựa lời mà nói: "Này các Nhân giả! Pháp tu của chư vị không phải là con đường giải thoát, cũng không phải là cách để xa lìa tham dục, lại không phải là con đường đưa đến Niết-bàn." Cứ thế, dần dần có thể điều phục và đưa họ vào giáo pháp của Như Lai. Lại, đối với những ngoại đạo tu tập phạm hạnh, đạt đủ năm thứ thần thông, Bồ-tát nên theo cách tu tập ấy rồi siêng năng hành trì, đạt được pháp tu của họ, theo đấy có thể thành tựu được công việc. Nếu ngoại đạo tu tập pháp thiền định thì Bồ-tát gắng sức tu tập hơn hẳn họ, nên dũng mãnh tiến tu những hạnh khó hành. Khi những người trí trong hàng ngũ ngoại đạo cũng công nhận, lúc ấy Bồ-tát biết là những người đó căn tánh đã thành thục liền đối với pháp tu thiền định của họ mà biện luận thuyết phục: "Này các Nhân giả! Pháp tu thiền định của các vị không phải là con đường giải thoát, không thể lìa bỏ tham dục, lại không phải là Niết-bàn." Từ đó, dần dần dắt họ trở về an trụ trong pháp của Như Lai. Đó là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo xoay chuyển các kiến chấp của ngoại đạo.

Thế nào là phương tiện khéo xoay chuyển cảnh giới của năm trần? Nghĩa là khi Bồ-tát thấy có người nhiễm sâu nơi tham ái, Bồ-tát không dùng những phương tiện dị biệt, chỉ nên tùy theo sở thích của kẻ ấy mà điều phục họ. Như dùng thần lực biến thành người nữ đoan chánh, xinh đẹp hơn

hẳn những cô gái khác. Người kia trông thấy rồi tất sinh tham đắm, lúc này, người nữ được biến hóa kia chỉ trong chốc lát hóa thành xác chết mục rữa, hôi thối. Kẻ có lòng yêu thích kia chắc sẽ khiếp hãi, sinh tâm chán ngán, đau buồn, nói: Làm thế nào để mau chóng có thể rời khỏi cảnh nhơ bẩn thối tha này? Bấy giờ Bồ-tát liền hiện ra trước người ấy giảng nói pháp thích hợp làm cho kẻ tham đắm kia nhờ đó mà xa lìa ái dục. Đó là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo xoay chuyển cảnh giới của năm trần.

Thế nào là pháp phương tiện khéo dứt trừ được sự nghi ngờ, hối hận? Nghĩa là Bồ-tát khi thấy có người tạo năm nghiệp vô gián hoặc các nghiệp bất thiện, liền đến chỗ kẻ ấy, nói: "Hôm nay vì sao ông buồn bã không vui?" Người kia sẽ đáp: "Thiện nam! Tôi trót tạo năm nghiệp vô gián, vì thế mà buồn lo không vui. Do tội lỗi này, tôi sẽ mãi mãi không bao giờ vui sướng mà luôn rất đau khổ." Lúc này, Bồ-tát sẽ vì kẻ kia giảng nói về giới luật và phương pháp sám hối. Nếu như giảng nói pháp sâu xa mà người kia chưa thể bỏ được tâm trạng nghi ngờ, hối hận, thì Bồ-tát nên hiện thần thông giúp kẻ ấy cởi bỏ tâm trạng đó, khiến sinh tin tưởng, ngay lúc đó, trước Bồ-tát, người ấy nảy sinh lòng tin vui thanh tịnh, từ đó có thể tin nhận được giáo pháp. Bồ-tát vì để dẫn dắt người ấy vào chánh đạo, nên đối trước kẻ tạo năm nghiệp vô gián kia biến hóa ra cha mẹ mình rồi sát hại và nói với người kia: "Tôi và ông cùng gây ra tội giống nhau, vậy chớ nên sinh nghi ngại hối hận nữa." Bồ-tát nói xong lại hiện thần thông. Người ấy suy nghĩ: "Bồ-tát có đủ thần thông trí tuệ mà còn giết hại cha mẹ huống chi là ta." Khi ấy, Bồ-tát mới vì người đó giảng nói các pháp khiến tội ác vơi nhẹ đi như cánh loài muỗi. Đó là Bồ-tát được phương tiện khéo dứt trừ nghi ngờ, hối hận.

Thế nào là phương tiện khéo nhận biết để cứu độ hữu tình? Tức là, nếu Bồ-tát thấy những người có thể thọ nhận được pháp Phật, nhưng người ấy lại tạo nghiệp cực ác. Bồ-tát vì muốn cứu độ những người ấy, nên tùy căn cơ mà hóa hiện. Như bằng hình tướng của hàng vua chúa mà cứu độ được thì hiện thân hàng vua chúa. Nếu thấy cần dùng thân hàng tể quan mà cứu độ được thì dùng thân hàng tể quan để cứu độ. Nếu dùng thân Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, dân thường... mà cứu độ được thì hiện thân Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, dân thường để cứu độ. Nếu bằng thân chư Thiên mà cứu độ được thì hiện thân chư Thiên để cứu độ. Nếu bằng thân Kim cang lực sĩ mà cứu độ được thì hiện thân Kim cang lực sĩ. Nếu dùng thân hiền hòa đáng yêu mà cứu độ được thì hiện ra thân ấy. Nếu dùng thân lo sợ, bị trói cột đánh đập mà cứu độ được thì hiện ra các thân như thế. Nếu có người toan gây tạo năm nghiệp đại ác, lại có người toan làm nhiễu loạn đối với Bồ-tát, thì

Bồ-tát nên dùng các loại phương tiện khiến những kẻ ấy ngưng ý định gây nghiệp ác, hoặc bằng phương tiện khác để kẻ đó không tạo ra nghiệp ác quá nặng, sau đấy đối trước kẻ ấy biến hóa, thậm chí có thể hiện ra cảnh tượng nơi địa ngục để giáo hóa. Lại nếu có người chưa đạt thần thông, sắc tướng, thọ lượng của hàng Bồ-tát, tất nhiên Bồ-tát sẽ biết rõ. Lại có những hữu tình sắp thành tựu, sắp hủy hoại, Bồ-tát khởi tâm đại Bi, đều có thể nhớ nghĩ: Hữu tình ấy sắp hoại diệt, hữu tình ấy đã hoại diệt. Bồ-tát do nhất tâm mà biết rõ đúng như thật khác nào xem quả Am-ma-lặc trong lòng bàn tay. Bồ-tát do khởi tâm chán ghét muốn rời xa cảnh khổ của thế gian mà suy nghĩ: Nếu có một hữu tình tạo nghiệp ác rồi, sắp bị đọa vào địa ngục vô gián, vì định nghiệp của kẻ ấy ta không có phương tiện nào khác để cứu vớt được. Ta thà thay kẻ ấy nhận chịu những nỗi khổ ở địa ngục, cho đến khi kẻ hữu tình kia an trụ trong cảnh giới Niết-bàn vô dư. Đó là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo nhận biết việc cứu độ hữu tình.

Thế nào là phương tiện khéo nhận biết sự cứu giúp đời sống cho hữu tình? Tức là Bồ-tát hoặc thấy những hữu tình lại không đủ năng lực để hiểu được chánh pháp, mà chỉ tham đắm chuyện ăn, mặc, không mong muốn gì khác, Bồ-tát liền vì hạng hữu tình ấy mà hiện ra các thứ sách vở, phép tính toán, cùng những thứ kỹ thuật khác, khiến kẻ có tâm thiện sẽ học tập và tùy chỗ đạt được có thể nhờ đó cứu sống thân mạng. Đó là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo nhận biết sự cứu giúp đời sống cho hữu tình.

Thế nào là phương tiện khéo thọ nhận sự cúng dường? Đó là nếu Bồ-tát hoặc được kho báu nhiều như núi Tu-di, Bồ-tát cũng thọ nhận. Hoặc được những vật dụng nhỏ như sợi lông, Bồ-tát cũng thọ nhận. Vì sao? Vì Bồ-tát suy nghĩ: Những hữu tình trong thế gian thường tham lam, keo kiệt, dua nịnh, nhỏ nhen, do nhân duyên đó, khác nào cá ở trong nước, luôn chìm nổi nơi biển lớn sinh tử. Bồ-tát vì yêu thương sâu xa những hữu tình ấy, nên muốn cho họ được mãi mãi lợi ích, an vui, nên thọ nhận những của cải kia nhưng không làm của riêng mình, không nảy sinh lòng tham, mà đem của ấy bố thí cho hết thảy hữu tình khác, lại còn dùng vào việc phụng sự Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Những người nghèo khổ cũng đều được cứu giúp tất cả khiến cho những thí chủ sinh tâm vui mừng. Đó là Bồ-tát đạt được phương tin khéo nhận sự cúng dường.

Thế nào là phương tiện khéo xoay chuyển hàng Nhị thừa khiến nhập vào Đại thừa? Nghĩa là nếu Bồ-tát thấy người nơi hàng Nhị thừa có thể làm pháp khí cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như đối với thừa Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát dùng phương tiện khiến những hàng Nhị

thừa ấy chuyển đổi tâm thức, an trú vào giáo pháp Đại thừa, cho đến những đồ đệ của họ cũng lìa bỏ được tâm Nhị thừa. Đó gọi là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo xoay chuyển hàng Nhị thừa khiến nhập vào Đại thừa.

Thế nào là phương tiện khéo chỉ dạy giáo hóa đạo lợi ích, an vui? Tức là Bồ-tát đối với mọi người chưa phát tâm Bồ-đề, thì khiến phát tâm. Nếu đã phát tâm mà lười biếng, trễ nãi, chỉ giữ lấy ít hành giới đã cho là đủ, Bồ-tát nên vì người ấy mà khuyến khích tiến tu các hạnh thiện. Nếu đối với kẻ học hành giới có một ít thiếu sót, sai phạm do đó mà lo ngại, không phát khởi được tâm thanh tịnh, vui mừng, Bồ-tát nên vì kẻ ấy giảng nói pháp yếu, bằng phương tiện khéo léo làm cho kẻ ấy phát khởi tâm thanh tịnh. Đó là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo chỉ dạy giáo hóa tạo lợi ích an vui.

Thế nào là phương tiện khéo nhận biết cúng dường phụng sự Như Lai? Tức là nếu Bồ-tát xuất gia, có được chút ít của cải, lợi lạc, sinh khởi tâm vui mừng, cho là đầy đủ, chỉ tìm cái lợi nơi chánh pháp, sau đó đến nơi chốn vắng vẻ để tu tập, đồng thời suy nghĩ: "Nay ta tại sao lại không nhớ đến việc phát tâm cúng dường Như Lai?" Liền đó, khởi tâm dùng các thứ vật dụng để cúng dường chư Phật. Do theo lúc nghĩ tưởng ấy nên có thể thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Tại sao từ sự quán tưởng ấy mà có thể thực hiện đầy đủ sáu hạnh Ba-la-mật? Vì lúc nghĩ đến việc thực hiện cúng dường, tức là đầy đủ hạnh Bố thí ba-la-mật. Hoặc ở trong pháp cúng dường lại khiến hết thảy hữu tình sinh khởi chỗ duyên nơi tâm thiện, tức là đầy đủ hạnh Trì giới ba-la-mật. Nếu trong khi thực hành pháp cúng dường, phát khởi tâm vui mừng, yêu thích, tức là có đầy đủ hạnh Nhẫn nhục ba-la-mật. Hoặc trong khi thực hành pháp cúng dường, tâm không lười biếng, thoái lui, tức là đã đầy đủ hạnh Tinh tấn ba-la-mật. Nếu khi thực hành pháp cúng dường, tâm trụ vắng lặng, tịch tĩnh, tức đầy đủ hạnh Thiền định ba-la-mật. Hoặc khi ở trong pháp cúng dường, các hành đều trang nghiêm, tức là đạt đầy đủ Trí tuệ ba-la-mật. Đó là Bồ-tát đạt được phương tiện khéo nhận biết về cúng dường phụng sự Như Lai.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp như thế tức là đạt được đầy đủ phương tiện.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp này thì đạt đầy đủ các nguyện. Những gì là mười pháp ấy?

1. Không phát nguyện thấp kém.

2. Phát nguyện không sợ sinh tử.

3. Phát nguyện vượt trên hết thảy hữu tình.

4. Phát nguyện được chư Phật ngợi khen.

5. Phát nguyện khéo hàng phục các ma.

6. Phát nguyện không vì duyên cớ khác.

7. Phát nguyện rộng lớn vô biên.

8. Phát nguyện không sợ hãi.

9. Phát nguyện không lười biếng thoái chuyển.

10. Phát nguyện khéo gồm đủ viên mãn.

Thế nào là phát nguyện không thấp kém? Nghĩa là Bồ-tát không vì muốn ở trong ba cõi để thọ hưởng an vui mà phát nguyện. Đó là Bồ-tát phát nguyện không thấp kém.

Thế nào là phát nguyện không sợ sinh tử? Tức là Bồ-tát không chán sợ ba cõi, không mong cầu lìa dục, không hướng đến Niết-bàn mà phát nguyện. Đó gọi là Bồ-tát phát nguyện không sợ sinh tử.

Thế nào là phát nguyện vượt qua hết thảy hữu tình? Tức là Bồ-tát phát nguyện thế này: Trong khắp các cõi hữu tình, chừng nào tất cả đều chứng được đại Niết-bàn, sau đó ta mới vào Niết-bàn. Đó là Bồ-tát phát nguyện vượt qua hết thảy hữu tình.

Thế nào là phát nguyện được chư Phật ngợi khen? Đó là nếu Bồ-tát phát nguyện như vầy: Khắp hết các cõi hữu tình, kẻ nào chưa phát tâm Bồ-đề thì nguyện cho tất cả đều phát tâm Bồ-đề, người nào đã phát tâm thì lần lượt tu hạnh Bồ-tát, đã an tọa nơi đạo tràng, tôi sẽ cung kính cúng dường từng vị một, sau đó sẽ khuyến thỉnh những vị ấy chuyển pháp luân nhiệm mầu. Nếu có vị nào muốn nhập Niết-bàn, thì cũng thành tâm cầu xin ở lại thế gian lâu hơn để làm lợi ích cho chúng sinh. Đó là Bồ-tát phát nguyện được chư Phật ngợi khen.

Thế nào là phát nguyện khéo hàng phục các ma? Đó là nếu Bồ-tát phát nguyện như thế này: Như chỗ ta tu hành, ta và hết thảy hữu tình đến lúc chứng quả Chánh giác, trong cõi Phật không nghe âm thanh của ma chứ đừng nói là có các loài ma. Đó là Bồ-tát phát nguyện khéo hàng phục các ma.

Thế nào là phát nguyện không vì duyên cớ khác? Tức là Bồ-tát không vì duyên cớ nào khác mà phát nguyện cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng trí tuệ thù thắng của mình xem xét trong thế giới hữu tình với vô số nỗi khổ não, vì nhằm cứu độ, nên phát nguyện dốc đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Bồ-tát phát nguyện không vì duyên cớ khác.

Thế nào là phát nguyện vô biên? Đó là phạm vi phát nguyện của hàng Bồ-tát không bị hạn chế ở một nơi chốn nào cả. Vì sao? Là vì hạnh Bồ-đề rộng lớn vô lượng, vô biên, không biên vực. Khi Bồ-tát phát nguyện thì trịch áo vai phải, gối phải quỳ lên đất, đối với các thế gian tâm sinh chán lìa rồi phát lời nguyện này: Xem khắp tất cả các cõi nơi mười phương, những vị Bồ-tát hiện đang tu khổ hạnh, hoặc hiện đang ngồi ở đạo tràng Bồ-đề thành Bậc Chánh Giác, chuyển pháp luân. Cầu xin chư Bồ-tát hãy soi xét tâm tôi, cho đến nói pháp cứu độ, được độ thoát rồi, tôi thảy đều tùy hỷ, rồi đem căn lành của sự tùy hỷ ấy hồi hướng lên quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Bồ-tát phát nguyện vô biên.

Thế nào là phát nguyện không sợ hãi? Tức là khi mới phát tâm, Bồ-tát nghe pháp thâm diệu, hoặc thấy chư Phật có diệu lực của oai đức lớn lao, sâu xa, hoặc nghe các pháp môn thâm diệu, các thứ thần thông diệu dụng của hàng Bồ-tát, lại nghe pháp nơi phương tiện quyền xảo vi diệu của chư Phật... nghe xong thảy đều không kinh sợ. Bồ-tát lại suy nghĩ: Sự giác ngộ của Phật là vô biên. Cảnh giới của Phật là vô biên. Chư Phật Thế Tôn giáo hóa tạo mọi thành tựu đầy đủ cho các hữu tình cũng vô biên. Trí lực của ta không thể hiểu thấu, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu hết được. Đó là Bồ-tát phát nguyện không sợ hãi.

Thế nào là phát nguyện không lười biếng, thoái chuyển? Tức là Bồ-tát hoặc thấy có hữu tình ương ngạnh khó điều phục, vì thế nên có ý muốn từ bỏ để sinh đến cõi thanh tịnh. Ta không muốn nghe những tên gọi xấu ác của các hữu tình đó. Dù như thế nhưng Bồ-tát không lìa bỏ việc làm lợi ích cho hữu tình. Vì sao? Vì Bồ-tát có đầy đủ bi, trí nên phát tâm thế này: Cùng khắp trong các cảnh giới của hữu tình, những kẻ ít trí tuệ, hành tinh tấn yếu kém, những kẻ ngu si mê mờ, câm ngọng không có khả năng đạt đến Niết-bàn, những kẻ ấy nói năng xúc phạm hay xa lánh chư Phật và Bồ-tát, nguyện cho tất cả những hữu tình đó ở trong cõi nước của ta, hết thảy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến ngồi nơi đạo tràng Bồ-đề thành tựu Bậc Chánh Giác. Khi Bồ-tát phát tâm như thế, tất cả cung điện của Ma vương đều chấn động, Phật ngợi khen là đã làm trang nghiêm, trong sạch cõi Phật, nên mau chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Bồ-tát phát nguyện không biếng nhác thoái chuyển.

Thế nào là phát nguyện khéo gồm đủ, trọn vẹn? Đó là nếu Bồ-tát thệ nguyện ngồi nơi đạo tràng Bồ-đề, hàng phục quân ma và chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trên đây thì không còn lời nguyện nào khác nữa.

Này thiện nam! Ví như trong bát đã chứa đầy sữa hoặc dầu nên không thể chứa thêm một hạt bụi nữa. Bồ-tát cũng lại như vậy, đã chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì không thể nào lại giảm đi một lời nguyện, dù nhỏ như hạt bụi. Đó là Bồ-tát phát nguyện khéo gồm đủ, viên mãn.

Này thiện nam! Bồ-tát tu tập mười pháp như thế liền đạt được đầy đủ các nguyện.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát tu tập mười thứ pháp sau đây, liền đầy đủ các lực. Mười pháp ấy là những gì?

1. Lực không ai có thể hơn.
2. Lực không gì khuất phục được.
3. Lực của phước đức.
4. Lực của trí tuệ.
5. Lực của đồ chúng.
6. Lực của thần thông.
7. Lực tự tại.
8. Lực của pháp Đà-la-ni.
9. Lực gia trì bất động.
10. Lực của giáo pháp không thể vượt hơn.

Thế nào là lực không ai có thể hơn được? Tức là lực của Bồ-tát không ai có thể hơn. Như lực của tất cả hàng ngoại đạo, hàng Nhị thừa đều không thể sánh bằng lực của Bồ-tát. Đó là Bồ-tát đạt được lực không ai có thể hơn được.

Thế nào là lực không thể khuất phục? Tức là Bồ-tát có đủ lực thù thắng nên đối với các hữu tình, không một ai có thể khuất phục được lực của Bồ-tát. Đó là Bồ-tát đạt được lực không thể khuất phục được.

Thế nào là lực của phước đức? Tức là Bồ-tát đã tích tập được tất cả phước đức của thế gian và xuất thế gian. Đó là Bồ-tát đạt được lực của phước đức.

Thế nào là lực của trí tuệ? Nghĩa là Bồ-tát đối với pháp Phật, với trí tuệ chân chánh thảy đều biết rõ, không một pháp nhỏ nào mà không thấy, không chứng, hoặc không giác ngộ được. Đó gọi là Bồ-tát đạt được lực của trí tuệ.

Thế nào là lực của đồ chúng? Tức là Bồ-tát có những đồ chúng không sai sót về hành giới, không hủy hoại chánh kiến, không vượt qua các pháp thức, không làm cấu nhiễm đời sống thanh tịnh. Vì sao? Vì đồ chúng của

Bồ-tát cũng có hạnh ngay thẳng, chân chánh như Bồ-tát. Đó là Bồ-tát đạt được lực của đồ chúng.

Thế nào là lực của thần thông? Tức là Bồ-tát có được lực nơi thần thông của thế gian, hãy còn có thể vượt hơn cảnh giới thần thông của hết thảy hàng Thanh văn, Duyên giác. Còn lực nơi thần thông tối thắng của Bồ-tát ấy, ở trong một hạt bụi nhưng có thể dung nạp cả cõi Diêm-phù-đề cùng bốn đại châu, tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, đại thiên thế giới, hoặc vô số thế giới bằng số cát của một sông Hằng, cho đến không thể nói hết, không sao kể hết số cát sông Hằng được, thế giới nhiều như vậy mà trong một hạt bụi nhỏ cũng có thể thâu nạp được, thế nhưng số vi trần không tăng, số thế giới cũng không giảm và những hữu tình trong các thế giới ấy không va chạm, ngăn ngại nhau. Đó là Bồ-tát đạt được lực của thần thông.

Thế nào là lực tự tại? Tức là như lực của Bồ-tát luôn tự tại muốn khiến cho bảy báu đầy khắp nơi, tam thiên đại thiên thế giới thì tùy theo ý muốn, cho đến không thể nói về số thế giới không thể nêu bày được ấy thảy đều đầy đủ tất cả các thứ báu kia. Đó là Bồ-tát đạt được lực tự tại.

Thế nào là lực của Đà-la-ni? Tức là Bồ-tát ở trong số cõi Phật không thể nói, không thể nêu bày hết những pháp mà chư Phật Thế Tôn đã giảng nói, các danh số, câu văn, cùng tất cả những nghĩa lý... chỉ trong một khoảnh khắc Bồ-tát có thể thọ trì, hiểu rõ, tu tập. Đó là Bồ-tát đạt được lực của pháp Đà-la-ni.

Thế nào là lực gia trì bất động? Đó là Bồ-tát có chỗ gia trì của lực gia trì thù thắng, các hữu tình không thể làm lay động lực của Bồ-tát, chỉ trừ Bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó là Bồ-tát đạt được lực gia trì bất động.

Thế nào là lực của sự giáo hóa không thể vượt hơn? Tức là Bồ-tát đối với những hữu tình không còn thấy kẻ nào dám sai trái với giáo pháp và lời dạy của Bồ-tát, chỉ trừ việc dùng phương tiện quyền xảo để tạo lợi ích. Đó là Bồ-tát đã đạt được lực của sự chỉ dạy không thể vượt hơn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đạt được các lực đầy đủ.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 6

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp này thì đạt đầy đủ các trí. Mười pháp ấy là gì?

1. Trí rõ nhân vô ngã.
2. Trí rõ pháp vô ngã.
3. Trí không hạn định phương hướng, địa phận.
4. Trí biết được cảnh giới của thiền định.
5. Trí hộ trì.
6. Trí bất hoại.
7. Trí khéo quan sát hết thảy các hành của hữu tình.
8. Trí không lộ rõ ra.
9. Trí hiểu rõ được tướng của tất cả các pháp.
10. Trí xuất thế gian.

Thế nào là trí rõ nhân vô ngã? Nghĩa là Bồ-tát quan sát sự sinh, diệt của các uẩn. Các uẩn khi sinh thì quan sát thấy rõ các pháp là không thực, hư giả, không bền chắc. Khi các uẩn diệt thì quan sát để thấy sự ly tán, không có chỗ đến của các pháp. Bồ-tát suy nghĩ: Trong các uẩn không có ngã, nhân, hữu tình, sự sống, sự nuôi dưỡng, nhưng hàng phàm phu ngu tối thì sinh chấp trước đối với ngã mà sinh suy nghĩ như vầy: Trong uẩn có ngã chăng? Trong ngã có uẩn chăng? Ngã không phải là uẩn chăng? Uẩn không phải là ngã chăng? Từ đó mà chấp chặt, không hiểu được chỗ chân thật, do không hiểu nên như vòng lửa xoay chuyển trôi lăn trong sinh tử. Bồ-tát đối với các pháp ấy đều hiểu đúng như thật. Đó là trí rõ nhân vô ngã của Bồ-tát.

Thế nào là trí rõ pháp vô ngã? Nghĩa là Bồ-tát đối với các pháp thành hay hoại đều biết rõ đúng như thật. Bồ-tát nghĩ: Do từ sự giả hợp nơi các pháp mà phân biệt, tạo nên chứ các pháp thực ra không có tự tánh, cho đến văn tự cũng không có tự tánh, chỉ là do tưởng tượng, suy nghĩ mà phân biệt nên. Chỗ hành của thế gian không vì như thế mà sinh chấp giữ, nhưng các

pháp dựa mượn trong thế gian kia cũng không phải là không, các pháp nhờ vào nhân duyên mà có, do nhân duyên sinh ra, do nhân duyên nên diệt. Các pháp như thế Bồ-tát đều biết rõ. Đấy gọi là trí rõ pháp vô ngã của Bồ-tát.

Thế nào là trí không hạn định phương sở? Nghĩa là trí của Bồ-tát không hạn định trong một phương sở nào. Không phải ở sát-na thứ nhất trí theo đấy mà chuyển biến, sát-na thứ hai trí không theo đấy mà chuyển biến. Vì sao? Vì trí của Bồ-tát trong một sát-na hiện bày khắp tất cả, theo đấy mà chuyển biến, hiện ra. Đó là trí không hạn định phương sở của Bồ-tát.

Thế nào là trí biết được cảnh giới của định? Đó là Bồ-tát có thể biết được định của hàng Thanh văn, định của hàng Duyên giác, biết được định của Bồ-tát, biết được định của Như Lai. Nếu là cảnh giới tu thiền định của Thanh văn, Bồ-tát theo đó mà nhận biết. Hoặc là cảnh giới tu thiền định của Duyên giác, Bồ-tát cũng theo đó mà nhận biết. Hoặc cảnh giới tu thiền định của hàng Bồ-tát, Bồ-tát cũng theo đó mà nhận biết, kể cả cảnh giới tu thiền định của Như Lai, Bồ-tát cũng nhận biết, nhưng không phải do phước báo từ đời trước tạo nên trí lực của mình để có thể hiểu được, chính là nhờ diệu lực nơi oai thần của Như Lai, Bồ-tát mới có thể biết được. Còn những pháp thiền định khác thì do trí lực của Bồ-tát có thể hiểu rõ. Đó là trí của Bồ-tát có thể hiểu rõ cảnh giới của định.

Thế nào là trí gia trì? Đó là Bồ-tát đối với hàng Thanh văn với các pháp gia trì hiện có như đã nêu bày, đều có thể nhận biết. Pháp gia trì của hàng Duyên giác như đã giảng nói Bồ-tát đều nhận biết, Pháp gia trì của hàng Bồ-tát đúng như chỗ giảng nói, Bồ-tát đều có thể biết được, huống gì là những pháp khác của các loài hữu tình? Đó là trí gia trì của Bồ-tát.

Thế nào là trí bất hoại? Tức là nếu Bồ-tát đạt được trí bất hoại rồi, các thứ quân ma, ngoại đạo cùng hết thảy hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể hủy hoại được. Đó là trí bất hoại của Bồ-tát.

Thế nào là trí có thể xét thấy các hành của hết thảy hữu tình? Nghĩa là Bồ-tát dùng trí không chấp, không đoạn, luôn thanh tịnh, xem rộng hết các cõi hữu tình thảy đều thấy rõ: Hoặc có hữu tình phát tâm Bồ-đề, hoặc có hữu tình không phát tâm Bồ-đề. Hoặc có kẻ đầy đủ hạnh Bồ-đề, hoặc có kẻ không đủ hạnh Bồ-đề. Hoặc có người đạt được bậc sơ địa, cho đến có người đạt được bậc Thập địa. Hoặc có người hiện thành Chánh giác, hoặc có người thành Chánh giác rồi và chuyển pháp luân. Hoặc có người đã rộng tạo nên sự hóa độ đem lại lợi ích cho chúng sinh và nhập đại Niết-bàn. Hoặc có người vào Niết-bàn của hàng Thanh văn, hoặc có người vào Niết-bàn của hàng Duyên giác. Hoặc có người sinh nơi cõi thiện, hoặc có kẻ bị

đọa vào cõi ác... Tất cả những trường hợp ấy, trí của Bồ-tát thảy đều có thể xem xét đến. Đó là trí của Bồ-tát xem xét hết thảy các hành của hữu tình.

Thế nào là trí không phát lộ ra ngoài? Tức là Bồ-tát trong bốn oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi thảy đều không hiển lộ ra ngoài, nhưng trí của Bồ-tát thì luôn chuyển biến. Ví như người khi ngủ không biểu lộ cử động nào, nhưng hơi thở thì vẫn ra vào tự nhiên. Trí của Bồ-tát cũng lại như vậy, đối với hết thảy mọi nơi đều chuyển động không bị ngăn ngại. Đó là trí của Bồ-tát không phát lộ ra ngoài.

Thế nào là trí nhận biết hết thảy các pháp? Tức là Bồ-tát khéo nhận biết về tướng bình đẳng của hết thảy các pháp: Nơi một tướng, mọi loại tướng, nơi tướng như huyễn, tướng phân biệt hư vọng... thảy đều nhận biết đúng như thật. Đó là trí của Bồ-tát nhận biết tướng của hết thảy các pháp.

Thế nào là trí xuất thế gian? Tức là nếu Bồ-tát có đủ trí vô lậu, vượt qua hết thảy trí của các thế gian. Đó là trí xuất thế gian của Bồ-tát.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức đạt các trí đầy đủ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp này liền đạt các hạnh thù thắng như đất. Mười pháp ấy là những gì?

1. Như đất rộng lớn không lường.
2. Luôn cứu độ hết thảy hữu tình.
3. Rời xa sự tổn hại, ích lợi, bình đẳng nuôi dưỡng các hữu tình.
4. Có thể dung nạp khắp vô số các trận mưa pháp lớn.
5. Vì hết thảy hữu tình cũng làm nơi nương tựa.
6. Có thể phát sinh hạt giống của pháp thiện.
7. Thành nơi chứa đựng vật báu lớn.
8. Như vị thuốc nhiệm mầu.
9. Không thể lay chuyển, khuynh đảo.
10. Không sinh ra sợ hãi.

Này thiện nam! Thế nào là như đất rộng lớn vô lường? Ví như đại địa, lớn rộng, trùm khắp, không có giới hạn. Bồ-tát cũng lại như vậy, phước đức, trí tuệ, hạnh nguyện thù thắng của các vị cũng rộng lớn bao la không có giới hạn. Đó là Bồ-tát như đất, rộng lớn vô lượng.

Thế nào là luôn cứu vớt hết thảy hữu tình? Ví như đại địa, cung cấp đủ hết thảy những vật dụng thỏa mãn mọi nhu cầu của mọi hữu tình. Bồ-tát cũng lại như thế, dùng các pháp như Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cùng vô số những pháp hành Bồ-đề, tùy theo chỗ

ứng hợp mà có thể thu nhận, hóa độ khắp các hữu tình. Đó là Bồ-tát luôn cứu độ hết thảy hữu tình.

Thế nào là xa lìa sự tổn hại, lợi ích, bình đẳng nuôi dưỡng hữu tình? Ví như đại địa bị tổn hại không buồn, được nhiều lợi ích cũng không vui, hai tâm tưởng đó đều không, Bồ-tát cũng lại như vậy, ở nơi các hữu tình, bị họ làm tổn hại không buồn, được ích lợi cũng không vui, luôn bình đẳng tạo mọi lợi lạc, đối với hết thảy mọi nơi chốn đều không sinh tâm buồn, vui. Đó là Bồ-tát luôn xa lìa sự tổn hại, lợi ích, tâm bình đẳng, nuôi dưỡng các hữu tình.

Thế nào là có khả năng dung nạp khắp vô số các trận mưa pháp lớn? Ví như đại địa luôn có những đám mây lớn hàm chứa các trận mưa, tất cả đều được đại địa thâu nhận, gìn giữ. Bồ-tát cũng lại như thế, Đức Như Lai phát khởi đám mây dày lớn, tuôn trận mưa pháp lớn, như chỗ giảng nói Bồ-tát thảy đều có thể thọ nhận, giữ gìn. Đó gọi là Bồ-tát có khả năng dung nạp, giữ gìn các thứ mây pháp mưa pháp lớn.

Thế nào là vì các hữu tình cũng làm chỗ nương tựa? Ví như đại địa, hết thảy hữu tình, hoặc đi, hoặc đứng, hết thảy đều nương nơi đất. Bồ-tát cũng lại như vậy, hết thảy hữu tình nhờ nương vào Bồ-tát mà được sinh nơi cõi thiện rồi đạt được đạo quả Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát vì hết thảy hữu tình cũng làm nơi nương tựa.

Thế nào là có thể phát sinh hạt giống của pháp thiện? Ví như đại địa rộng lớn, tất cả hạt giống đều nhờ nơi đất mà được gieo trồng, được sinh trưởng. Bồ-tát cũng lại như thế, hết thảy hạt giống nơi pháp thiện của hữu tình thảy đều nhờ vào Bồ-tát mà ươm trồng, sinh trưởng. Đó là Bồ-tát có thể làm phát sinh hạt giống nơi pháp thiện.

Thế nào là làm nơi chứa đựng vật báu lớn? Ví như từ đại địa mà mọi thứ vật báu đã phát sinh ra, do đó đất được xem là nơi chứa đựng vật báu lớn. Bồ-tát cũng lại như vậy, mọi thứ công đức, trí tuệ quý báu đều phát sinh từ Bồ-tát, vì thế Bồ-tát là nơi chốn chứa đựng vật báu lớn. Đó là Bồ-tát làm nơi chứa đựng vật báu lớn.

Thế nào là thứ thuốc rất nhiệm mầu? Ví như các loài dược thảo hiện có trên đất trong thế gian đều phát sinh từ đất, có thể chữa trị tất cả tật bệnh. Bồ-tát cũng lại như thế, hiện bày thuốc pháp lớn, chữa trị các loại bệnh phiền não cho hết thảy hữu tình trong thế gian. Đó là Bồ-tát làm thuốc pháp lớn.

Thế nào là không thể làm cho lay chuyển? Ví như đại địa, từ những loài trùng nhỏ sinh từ nơi ẩm thấp như muỗi, mòng, ve... đến lớn mạnh như

gió bão cũng không thể làm lay chuyển. Bồ-tát cũng lại như vậy, hết thảy những duyên phát sinh từ bên trong lẫn bên ngoài tạo ra khổ não của các hữu tình, đều không thể làm lay động Bồ-tát. Đó là Bồ-tát không thể bị lay động, khuynh đảo.

Thế nào là không phát sinh hoảng sợ? Ví như đại địa, dù hết thảy loài vua Rồng, vua Hươu cất tiếng gầm thét vang động, nghe rồi thảy đều không sinh hoảng sợ. Bồ-tát cũng lại như thế, nghe tiếng của các thứ Ma vương, ngoại đạo rồi cũng không sinh hoảng sợ. Đó là Bồ-tát không phát sinh hoảng sợ.

Này thiện nam! Bồ-tát nên tu tập mười pháp như thế tức như đại địa.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu mười thứ pháp sau đây liền được như nước. Mười pháp ấy là những gì?

1. Pháp thiện như nước chảy thấm xuống chỗ thấp.

2. Gieo trồng hạt giống của các pháp thiện.

3. Tin tưởng, an vui.

4. Làm tan hoại cội rễ của các phiền não.

5. Tự thể thanh tịnh không xen tạp.

6. Trừ diệt mọi sự cháy bừng của lửa phiền não.

7. Có thể ngăn chặn những khát ái của dục.

8. Sâu rộng không bờ bến.

9. Cao thấp đều sung mãn.

10. Dứt bỏ hết những bụi bặm của phiền não.

Thế nào là pháp thiện như nước thấm chảy xuống chỗ thấp? Ví như đại thủy tuôn chảy xuống chỗ thấp làm nhuần thấm, tốt tươi, mọi vật phát triển. Bồ-tát cũng lại như thế, những pháp thiện đã tu chứng tạo sự nhuần thấm đến các loài, làm tươi nhuận tăng trưởng tâm thiện nơi các hữu tình. Đó là Bồ-tát đạt những pháp thiện như nước, thấm chảy xuống chỗ thấp.

Thế nào là ươm trồng hạt giống của các pháp thiện? Ví như đại địa ươm trồng những khu rừng cây cỏ thuốc, nhờ nước tưới cho mà tươi nhuận, phát triển, đơm hoa kết trái. Bồ-tát cũng lại như vậy, đã gieo trồng rộng khắp hạt giống của tất cả pháp Bồ-đề phần, dùng nước định tưới khiến tươi nhuận và luôn luôn tăng trưởng, cho đến thành tựu được cây Nhất thiết trí. Từ cây Nhất thiết trí vừa thành tựu ấy mà vô số các quả hạt pháp Phật được sum suê, dồi dào, rồi vì tất cả hữu tình mà gìn giữ, cứu vớt tuệ mạng. Đó là Bồ-tát đã gieo trồng các hạt giống của pháp thiện.

Thế nào là tin vui hoan hỷ? Ví như nước, tánh của nó là luôn trôi

chảy, thấm xuống đất. Bồ-tát cũng lại như thế, tự tánh luôn yêu thích, tin tưởng thanh tịnh, hoan hỷ. Lại cũng có thể làm cho tất cả hữu tình yêu thích, tin tưởng thanh tịnh, hoan hỷ. Yêu thích là thích cầu đạt pháp xuất thế gian. Tin tưởng thanh tịnh là tin nơi Phật, Pháp, Tăng. Hoan hỷ là vì tâm được thanh tịnh. Đó là Bồ-tát tin tưởng vui thích hoan hỷ.

Thế nào là làm tan hoại cội rễ của phiền não? Ví như đại địa có các rừng rậm cây cỏ, bị nước ngập chứa lâu mà đều hư hoại. Bồ-tát cũng lại như thế, dùng nước thiền định đã tụ tập làm chìm ngập, hư hoại những mầm móng, cội rễ của phiền não nơi hết thảy hữu tình. Do bị hư hoại như thế, nên cội rễ của phiền não không thể tiếp tục phát sinh được, những tập khí xấu, uế cũng đều được diệt trừ. Đó gọi là Bồ-tát có thể hủy hoại cội rễ của các phiền não.

Thế nào là tự thể thanh tịnh không xen tạp? Ví như đại thủy, tự thể không xen tạp mà lại trong sạch, Bồ-tát cũng lại như vậy, tự thể không xen tạp, bản tánh thanh tịnh. Tự thể là xa lìa nơi phát sinh những thứ tùy phiền não. Không xen tạp là không lẫn lộn các phiền não tham, sân, si. Thanh tịnh là giữ gìn được các căn thanh tịnh hoàn toàn tốt đẹp. Đó là Bồ-tát tự thể thanh tịnh không xen tạp.

Thế nào là dứt bỏ ngọn lửa cháy bừng của phiền não? Ví như tháng mùa hè, mặt đất nóng bức, người cũng nóng nực, nhờ nước có thể giải trừ nóng bức và được mát mẻ. Bồ-tát cũng lại như thế, dùng nước chánh pháp để dứt trừ bao nỗi khổ bức bách nơi ngọn lửa cháy bùng của các phiền não trong cảnh giới của tất cả hữu tình. Đó là Bồ-tát có thể dứt trừ ngọn lửa cháy bừng của phiền não.

Thế nào là có thể ngăn chận những khát ái của dục? Ví như những người trong thế gian bị cơn khát ái bức bách thì nước có thể giải trừ được. Bồ-tát cũng lại như thế, tất cả hữu tình bị những khát ái của trần cảnh bức bách, Bồ-tát sẽ tuôn các trận mưa pháp lớn nhằm giải trừ khiến họ lìa bỏ các thứ khát ái. Đó là Bồ-tát có thể ngăn chặn những thứ khát ái của dục.

Thế nào là sâu rộng không bờ bến? Ví như đại thủy được các dòng nước họp lại nên sâu rộng không bờ bến. Bồ-tát cũng lại như thế, trí tuệ thù thắng tích tụ nên rộng sâu không bến bờ. Các loài ma vương, ngoại đạo đều không thể biết được giới hạn, bến bờ nơi trí tuệ ấy. Đó là Bồ-tát có trí tuệ rộng không bờ bến.

Thế nào là những nơi cao thấp đều được sung mãn? Ví như đại thủy, không có gì ngăn cản, tuôn chảy đến mọi nơi đều được sung mãn, dù được đầy đủ rồi nhưng không làm tổn hại tất cả loài hữu tình. Bồ-tát cũng lại như

vậy, tuôn trận mưa pháp lớn làm thấm nhuần sung mãn khắp cả trên dưới, trong cảnh giới của hết thảy hữu tình, tuy đã đầy đủ nhưng cũng không làm tổn hại những loài hữu tình. Vì sao? Vì Bồ-tát có tâm đại Bi. Đó là Bồ-tát tuôn trận mưa pháp rưới khắp mọi nơi chốn trên dưới đều sung mãn.

Thế nào là làm dứt hết những thứ bụi bặm? Ví như đại thủy tuôn chảy cuốn theo hết thảy bụi bặm, phủ bám các nơi chốn tạo sự bẩn xấu, thảy đều khiến được trơn láng sạch sẽ. Bồ-tát cũng lại như thế, luôn vì khắp tất cả những kẻ tâm ý thô, xấu đều khiến phát khởi tâm nhu hòa, rồi dùng nước thương yêu của tuệ thù thắng trên chỗ dựa là định làm thấm nhuần tất cả hữu tình khiến họ dứt sạch các thứ bụi bặm. Đó là Bồ-tát đã dứt trừ các bụi bặm của phiền não.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp vừa nêu tức được như nước.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây liền được như lửa. Mười pháp ấy là những gì?

1. Có thể đốt cháy các củi phiền não.
2. Làm thành thục pháp Phật.
3. Làm khô cạn hết thảy bùn lầy phiền não.
4. Như đống lửa lớn.
5. Tạo nên ánh sáng tỏa chiếu.
6. Có thể khiến hoảng sợ.
7. Có thể tạo sự an ủi.
8. Tùy theo chỗ đạt được lợi ích mà ban cho các hữu tình.
9. Được mọi người cúng dường.
10. Không bị người khinh mạn.

Này thiện nam! Thế nào là có thể thiêu đốt các củi phiền não? Ví như đại hỏa có thể đốt cháy đủ mọi thứ vật trên mặt đất như cỏ thuốc, rừng rậm… Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng lửa trí tuệ có thể thiêu đốt ba thứ độc dấy khởi là tham, sân, si và những tùy phiền não khác. Đó là Bồ-tát có thể thiêu đốt các thứ củi phiền não.

Thế nào là làm thành thục pháp Phật? Ví như nương nơi đất mà hết thảy các thứ hạt giống cùng các loài cây thuốc được sinh trưởng, đại hỏa đều có thể làm cho chúng thành thục. Bồ-tát cũng lại như thế, dùng lửa trí tuệ bên trong có thể làm thành thục hết thảy pháp Phật. Những điều đã thành thục rồi thì theo đó mà đạt được, không bị hủy hoại. Đó là Bồ-tát đã làm thành thục pháp Phật.

Thế nào là có thể làm khô kiệt những bùn lầy phiền não? Ví như đại hỏa có thể làm khô ráo hết thảy vật ẩm ướt, cùng những bùn lầy... Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng lửa trí tuệ có thể làm khô ráo tất cả bùn lầy hữu lậu. Đó là Bồ-tát có thể làm khô kiệt hết thảy bùn lầy phiền não.

Thế nào như là đống lửa lớn? Ví như có những hữu tình bị lạnh lẽo, khổ sở, lại gặp đống lửa lớn nên được ấm áp. Bồ-tát lại cũng như thế, dùng lửa trí tuệ để có thể làm ấm áp các hữu tình bị bức bách do cơn bệnh lạnh của phiền não. Đó là Bồ-tát được xem như đống lửa lớn.

Thế nào là làm ánh sáng chiếu soi? Ví như có người từ nơi đỉnh núi Tuyết hoặc núi Dân-đà, đốt một đống lửa lớn, ánh sáng của đống lửa ấy chiếu tỏa cả một vùng, rộng một do-tuần, hoặc hai, ba do-tuần. Bồ-tát cũng lại như thế, dùng ánh sáng trí tuệ chiếu soi cùng khắp từ một do-tuần, hoặc trăm ngàn do-tuần, cho đến vô lượng, vô số thế giới, ánh sáng của trí tuệ ấy đều tỏa chiếu khắp đến các loài hữu tình, nhờ ánh sáng ấy mà các chúng sinh không trí tuệ, tối tăm đều được xua tan trở nên sáng suốt. Đó là Bồ-tát tạo nên ánh sáng chiếu soi.

Thế nào là có thể khiến sợ hãi? Ví như đại hỏa khiến các loài thú dữ, hoặc chúa của loài thú dữ hiện có trông thấy đống lửa lớn kia tất thảy hoảng sợ, lìa bỏ hang ổ, tung chạy khắp bốn phương. Uy đức nơi đại trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, nếu có ma vương, chúng thiên ma trông thấy Bồ-tát thảy đều kinh sợ, đánh mất ánh sáng yếu ớt hiện có nơi mình, lìa nơi chốn đang ở, trốn tránh càng xa, vĩnh viễn không còn được nghe tên hiệu của Bồ-tát, chứ đừng nói là nhìn thấy thân tướng. Đó là Bồ-tát có thể khiến cho các thứ ma ác kinh sợ.

Thế nào là có thể tạo sự an ủi, vỗ về? Ví như có người hoặc ở nơi đồng rộng hoang vắng, chốn nguy hiểm, lạc đường không nhận ra phương hướng, bỗng thấy ánh lửa liền biết là nơi có làng xóm, hoặc nơi có người chăn súc vật, liền đến chốn ấy khiến tâm được an ủi, lìa mọi sợ hãi. Bồ-tát cũng lại như vậy, hết thảy hữu tình ở trong cõi sinh tử mênh mông đầy những hiểm nạn, nếu gặp được Bồ-tát rồi thì tâm được an ủi, đều lìa xa mọi nẻo kinh hãi của hết thảy phiền não. Đó là Bồ-tát có thể tạo sự an ủi, vỗ về.

Thế nào là tùy theo chỗ lợi ích đạt được đều ban cho các hữu tình cùng có? Ví như đại hỏa, hết thảy hữu tình đều cùng thọ dụng, từ bậc vua chúa đến hàng con cái của hạng Chiên-đà-la đều bình đẳng thọ dụng không khác. Bồ-tát cũng lại như thế, tùy theo những lợi ích đạt được để thọ dụng nuôi thân, thảy đều ban cho tất cả hữu tình cùng có, dù là vua chúa hay con của hàng Chiên-đà-la đều như nhau, không khác. Đó là Bồ-tát theo chỗ lợi

ích đạt được đều ban cho hết thảy hữu tình cùng có.

Thế nào là được mọi người cúng dường? Ví như ngọn lửa nơi thế gian được các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, hoặc dân chúng... thảy đều thờ phụng và cung kính cúng dường. Bồ-tát cũng lại như vậy, tất cả các hàng Trời, Người, A-tu-la... trong thế gian thảy đều thờ kính, thực hiện các sự cúng dường tưởng như là chư Phật. Đó là Bồ-tát được mọi người cúng dường.

Thế nào là không bị mọi người xem thường? Ví như một đóm lửa nhỏ, nhưng mọi người đều không dám xem thường. Vì sao? Vì có thể đốt cháy được. Bồ-tát cũng lại như vậy, khi đã tin tưởng, hiểu rõ rồi hành hóa, Bồ-tát ở trong pháp Đại thừa, dù mới phát tâm, chưa đủ uy lực, nhưng cũng có thể khiến cho các hàng Trời, Người, A-tu-la... ở thế gian không dám xem thường. Vì sao? Vì các hàng Trời, Người, A-tu-la ấy biết Bồ-tát kia không lâu sẽ an tọa nơi đạo tràng chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là Bồ-tát không bị mọi người xem thường.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp như thế tức được như lửa.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp sau đây thì được như gió. Các pháp đó là những gì?

1. Như gió di chuyển không bị ngăn ngại.

2. Cảnh giới lưu chuyển không có giới hạn.

3. Như gió, xô ngã, phá tan núi kiêu mạn của các loài hữu tình.

4. Thổi rộng khắp các đám mây mưa pháp.

5. Trừ dứt hết thảy ngọn lửa cháy bừng của phiền não trong thế gian.

6. Không làm lay động những pháp thiện, cứu độ và nuôi lớn các loài hữu tình.

7. Cho nhận giữ gìn vô lượng mây pháp, hàm chứa những cơn mưa, tạo nên các trận mưa pháp lớn.

8. Bày biện các pháp lớn nơi vô số ở lầu gác trang nghiêm, đẹp đẽ, lộng lẫy.

9. Nơi cây kiếp đại hết thảy chúng hội được trang nghiêm quyết định luôn phát ra pháp âm chân chánh, nhiệm mầu, hoặc mưa xuống các thứ hoa làm vui vẻ lòng người.

10. Trong vô số kiếp, nơi Thánh hội thanh tịnh, tạo lập, tích tập thành biển pháp môn như Tam-ma-địa, Giải thoát, Tổng trì, rừng rậm giáo pháp như ánh sáng mặt trời mặt trăng soi khắp núi Diệu cao, như cung điện đẹp

đẽ nơi núi Luân vi, cùng hết thảy hữu tình đã được điều phục thành thục, trang nghiêm, khéo trụ nơi vô thượng, không có thân làm chỗ dựa, chuyển di theo ngọn gió trí tuệ nắm giữ các pháp là nhân của giải thoát.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 7

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát như gió đi khắp không bị ngăn ngại? Này thiện nam! Như gió ở thế gian trong tất cả nơi chốn không nương tựa, không vướng mắc, cũng không có hình sắc, nhưng có thể thổi tới bất cứ nơi nào, từ cung điện, lầu gác, cho đến núi Tu-di, biển cả thảy đều có gió thổi. Gió trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như thế, đối với mọi nơi chốn cũng đều không bị vướng mắc, nhưng có thể nêu bày, gây tạo tất cả các pháp như uẩn, xứ, giới. Uẩn, tức sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Giới, tức nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Xứ là nhãn xứ, sắc xứ; nhĩ xứ, thanh xứ; tỷ xứ, hương xứ; thiệt xứ, vị xứ; thân xứ, xúc xứ; ý xứ, pháp xứ; cho đến pháp thế gian và pháp xuất thế gian, cùng với các hàng trời, người, Chuyển luân thánh vương, Phạm vương, Đế Thích, trời Hộ thế, chư Thiên, Đại tự tại thiên, Thanh văn, Duyên giác, các Bồ-tát, Bậc Nhất Thiết Trí... dù có chỗ tạo tác nhưng thảy đều không trụ chấp, vướng mắc. Bồ-tát ở khắp mọi nơi không hề trụ chấp, vướng mắc. Như các chúng sinh, hoặc có tánh, hoặc không tánh, hoặc tánh, hoặc khác tánh, hoặc là tánh chân như... tuy có vô số tâm ý như thế, nhưng không có chủng loại nào dị biệt, không gây tạo cũng không có chỗ duyên dựa, hết thảy đều là cảnh giới giải thoát, không chướng ngại, do đó các vị: Phạm vương, Đế Thích, trời Hộ thế... theo như lý mà hành hóa, nên trong mười phương thế giới không biên vực, hết thảy hữu tình cùng sự việc của hữu tình đều khiến đạt được. Ở mọi nơi chốn đều hoàn thành rồi, cho đến trong biên vực sau cùng của kiếp số ẩn giấu không hiện nhưng Pháp thân thì không thể phân biệt, cũng không phải là không thể chia ra. Đó là Bồ-tát như gió chuyển động không hề bị ngăn ngại.

Thế nào là cảnh giới hành hóa của Bồ-tát không có biên vực? Như gió nơi thế gian có thể ở trong vô lượng thế giới phát khởi, tạo thành tất cả mọi hạt giống. Gió trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như thế, ở trong vô biên tận cùng của tất cả các pháp thế gian và thắng nghĩa, đều hiển hiện rộng lớn,

khai mở nẻo giác ngộ, an lập trọn vẹn cùng giảng nói nơi chúng hội của Như Lai, chúng hội của Bồ-tát và hết thảy chúng hội nơi thế gian, suy nghĩ, hành động luôn thuận hợp, tâm không bị ngăn ngại. Nơi mọi phương xứ thảy đều thông đạt, không có giới hạn. Đó là cảnh giới hành hóa của Bồ-tát không có biên vực.

Thế nào gọi là Bồ-tát như gió có thể làm sụp đổ, phá tan đỉnh núi cao ngạo, kiêu mạn của hữu tình? Như gió trong thế gian, tất cả những thứ như núi đá, rừng rậm, cung điện... đều có thể thổi bay, phá vỡ, khiến sụp lở, ngã đổ. Gió trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như thế, những thứ kiêu mạn, đam mê, chấp trước, thân kiến, cao ngạo, những hữu tình cậy vào hình sắc của tuổi trẻ, khỏe mạnh, sung sức, giàu sang, sống lâu, không bệnh, yên ổn, cùng với những hiểu biết rộng, thông kỹ nghệ, biện tài thân thuộc phú quý... Những hữu tình như thế do duyên cớ ấy nên khởi tâm ngã mạn, chấp tướng, làm điều sai trái với chánh đạo. Bồ-tát có thể vì các chúng sinh ấy giảng nói chỉ bày pháp thù thắng để phá trừ tâm kiêu mạn của họ, khiến họ khéo lìa xa cấu nhiễm, đạt được thanh tịnh. Đó là Bồ-tát như gió có thể thổi làm sụp đổ phá tan ngọn núi kiêu mạn của hữu tình.

Thế nào là Bồ-tát như gió thổi lay tạo các đám mây mưa pháp lớn? Như gió ở thế gian thổi lay các đám mây lớn từ bốn phương nổi lên, những vầng mây nhiều màu sắc chuyển động phát ra âm thanh sâu xa êm dịu, những tiếng sóng biển cùng vô số các âm thanh ca vịnh vang rõ, không ngừng, những âm thanh trong trẻo tuyệt vời khiến tâm ý vui thích, các ánh chớp nối tiếp đẹp đẽ, hiện bày cùng khắp cả đến trăm ngàn ức thế giới đều có thể thổi lay, tất cả những nơi chốn đáng ưa thích trong thế gian, các thứ hạt giống, lúa mạ, rừng cây, luôn tuôn xuống các loại mưa quý giá. Gió trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, thường hiện ra vô số các loại mây thân tướng vi diệu, ánh sáng tỏa chiếu khắp mười phương thế giới, khiến hết thảy hữu tình đều yêu thích, sắc tướng nổi bật hơn hết, ánh sáng rực rỡ, hòa dịu dùng để trang nghiêm, phát ra pháp âm như thật cùng sáu mươi ngàn loại âm thanh nhiệm mầu, hơn hết. Gió đại Bi của Bồ-tát hiện bày khắp pháp giới, thâu tóm khắp các thế gian, che phủ tất cả thế giới, cứu vớt hết thảy các loài hữu tình nơi cõi ác, chốn nạn, hiện đủ mọi tướng tốt rạng rỡ, mọi ánh sáng thanh tịnh tỏa chiếu, hộ trì, khiến cho hết thảy hữu tình đều thành tựu hạnh chân chánh, phá diệt hạnh tà, tuôn các trận mưa pháp lớn, các vật dụng để trang trí mà trang nghiêm cho họ, lập nên các cõi an vui tối thượng, khiến cho hàng trời, người thảy được trụ vào nơi chốn hỷ lạc tột bậc, mọi thứ hạt giống pháp thiện hiện có của thế gian và xuất thế gian nơi cỏ thuốc, rừng rậm đều được ươm trồng, những thời kỳ an lành đều được

trao pháp quán đảnh. Đó gọi là Bồ-tát thổi lay tạo các đám mây mưa pháp lớn.

Thế nào là Bồ-tát có thể diệt trừ mọi ngọn lửa cháy bừng của phiền não nơi thế gian? Như gió trong thế gian có thể thổi lồng làm tung tóe làn nước mát, trong lành, dứt hẳn nỗi khổ bị nung đốt của các hữu tình, khiến họ được mát mẻ, vui thích. Gió trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, tất cả những phiền não như tham, sân, si... của mọi chúng sinh nơi cõi ác, nhận thức sai ác, tạo hành tà ác, rơi vào cảnh giới bần cùng, đắm nhiễm ái dục, khổ vì oán ghét phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà phải xa lìa, hoặc các thứ bệnh tật bức bách, tham ái các pháp... tất cả những lửa cháy bừng ấy đều có thể bị diệt trừ do nước pháp tuôn rưới nên được mát mẻ tột bậc. Dùng nguyện lực "bất không" nên hoặc thấy, hoặc biết, thảy đều không bị ngăn ngại. Đó là Bồ-tát có thể diệt trừ ngọn lửa cháy bừng của tất cả phiền não nơi thế gian, cùng đưa các hữu tình ở vào cõi không còn lo lắng.

Thế nào là Bồ-tát không lay động nơi pháp thiện của tất cả chúng sinh, có thể cứu vớt, nuôi lớn thân mạng? Như người trong thế gian nhờ giữ được sức gió khi thở ra hít vào mà duy trì được mạng sống. Bồ-tát cũng lại như thế, dùng gió trí tuệ của mình thành tựu đầy đủ pháp thiện cho các hữu tình, khiến họ có được trọn vẹn và đều sinh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, này thiện nam! Như gió nơi thế gian có thể tạo nên mọi thứ trang nghiêm, tốt đẹp đáng yêu thích nơi tất cả thế giới. Đó là núi kim cương Luân vi, núi Tiểu thiết vi, núi Đại thiết vi cùng bốn đại châu, những thứ vật báu trong biển lớn được Kim luân giữ lấy, núi Tu-di, núi Đại Tu-di và các núi báu khác, cho đến núi Tuyết, núi Hương túy... cùng các cung điện lầu gác nơi bốn đại châu thuộc cõi Diêm-phù, nơi tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới. Gió trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, tức có thể phát khởi tạo thành khối phước đức rộng lớn cho hết thảy hữu tình, lần lượt bày biện như tạo nên núi Tuyết, nên có sự nhận biết như vậy, tức là chỗ tạo thành khối phước đức trong thế gian, như tạo nên núi Tu-di giữa bốn châu lớn. Nên biết chỗ tạo thành bậc Thanh văn như tạo nên tiểu thiên thế giới. Nên biết chỗ tạo thành bậc Duyên giác như tạo nên trung thiên thế giới. Nên biết chỗ tạo thành tướng rộng lớn của Bồ-tát như tạo nên tam thiên đại thiên thế giới. Nên biết chỗ tạo thành thân tướng trăm phước đức của Như Lai, cao vượt trên tất cả thế gian, tận cùng hư không, được tất cả thế giới xưng tán về sự thanh tịnh vi diệu tột bậc, thực hiện mọi sự cúng dường tối thắng, đủ mọi hình tướng, sự việc. Hết thảy đều hiện tiền thành tựu như thế, thường trụ nơi Tam-ma-sí-đa (chánh định). Như tạo

thành biển lớn, nên biết tức là chỗ tạo thành biển cả chánh định. Như tạo thành châu lớn, châu vừa cùng núi, đá nơi bốn châu lớn... nên biết tức là những Đà-la-ni nhằm hóa độ các học chúng của những hữu tình. Như tạo thành cung điện, lầu gác và các tòng lâm, nên biết tức là đã làm thanh tịnh cõi Phật bằng những công đức trang nghiêm. Như tạo thành vô số thứ biến hóa nơi kiếp thọ, nên biết tức là các pháp rộng lớn, tự tác, tối thượng, như mười Địa, mười Ba-la-mật, mười định, các pháp Đà-la-ni, sáu Thần thông, ba Minh, các trí tuệ sáng suốt, mười pháp tự tại... Lực, Vô úy của Phật và các Bồ-tát tâm đại Bi, các pháp Bất cộng.

Này thiện nam! Trong những pháp ấy thì những gì là tướng trăm phước của chư Phật, Thế Tôn?

Này thiện nam! Ví như mãn trong một kiếp tích chứa khắp mười phương, mà mỗi mỗi phương đều có vô số thế giới nhiều như số cát sông Hằng, trong các thế giới ấy hết thảy những loài hữu tình hiện có đều đầy đủ khối phước đức của các tiểu Chuyển luân vương nơi mười lần tam thiên đại thiên thế giới đã có được. Đem đủ vô số phước đức của các tiểu Luân vương hiện có cũng như khối phước đức nơi các loài hữu tình kia có được gộp lại, so với khối phước đức của một đại Chuyển luân vương là bằng nhau.

Lại vượt qua tất cả thế giới ở phương Đông, trong số thế giới ấy với các loài hữu tình hiện có mỗi mỗi hữu tình đều có đủ nhóm phước đức của một vị đại Chuyển luân vương như đã nói ở trên, như thế cho đến mười phương cùng khắp cõi hư không, tất cả hữu tình trong hết thảy thế giới ấy, mỗi mỗi hữu tình đều có đủ nhóm phước đức như bậc đại Chuyển luân vương có được. Lấy số phước đức ấy để so sánh, thì nhóm phước đức của các loài hữu tình này so với nhóm phước đức của một vị Đế Thích là bằng nhau.

Lại nữa, nếu trong mười phương, mỗi mỗi phương ấy đều có vô số thế giới nhiều như số cát sông Hằng, mỗi mỗi thế giới đó với vô số hữu tình hiện có đều có đủ nhóm phước đức của một vị Đế Thích. Phước đức của các vị Đế Thích ấy góp lại thành của một vị Đế Thích, rồi dùng số phước đức đó, cho đến cùng khắp cõi pháp giới trong hư không, hết thảy hữu tình hiện có nơi các thế giới ấy đều có đầy đủ nhóm phước đức của vị Đế Thích như đã nói trên, dùng số phước đức ấy để so sánh, thì nhóm phước đức của các hữu tình này so với phước đức của một vị Đại phạm thiên là bằng nhau.

Lại, như trong mười phương, mỗi mỗi phương đều có vô số thế giới

nhiều như số cát sông Hằng, các loài hữu tình hiện có nơi mỗi mỗi thế giới kia đều có đủ nhóm phước đức của một vị Đại phạm thiên, tất cả gom lại thành một vị Đại phạm Thiên vương, rồi lấy số lượng như thế tận cùng pháp giới trong hư không, tất cả các loài hữu tình hiện có trong thế giới đó đều có đủ nhóm phước đức như của vị Đại phạm thiên vương đã nói trên, lấy số phước đức ấy để so sánh, thì nhóm phước đức của các hữu tình ấy tức bằng với chỗ chứng đắc của các bậc Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, về vô số hào quang lớn nơi đại địa, trao truyền pháp Quán đảnh, đạt được mười tự tại với những công đức hiện có.

Này thiện nam! Từ sự việc ấy, hết thảy những hữu tình hiện có trong mười phương không hạn lượng thế giới, tận cùng cõi hư không, dồn chứa khối lượng phước đức có được trong ba đời, dùng nhóm phước đức ấy tận cùng khắp cõi hư không, tất cả các thế giới hiện có số lượng nhiều như số hạt bụi, rồi gấp lên hàng trăm lần, tức thành mỗi mỗi lỗ chân lông của Như Lai, trong mỗi mỗi lỗ chân lông ấy có thể thu vào nhóm phước đức kia dùng mười lần bội số của trăm ngàn a-tăng-kỳ, rồi gấp lên lần nữa tức thành tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, trong mỗi mỗi vẻ đẹp kèm theo kia thu nạp hết thảy nhóm phước đức, tăng lên bằng số của mười lần số bất khả thuyết, lại gấp lên nữa tức thành ba mươi hai tướng tốt của Như Lai, trong mỗi mỗi tướng tốt được thành tựu kia, lấy bội số của mười lần số không thể nêu bày được nhân gấp lên tức thành tướng Bạch hào của Như Lai, viên mãn không cấu uế như vầng trăng tròn đầy, sáng trong, thù thắng. Từ những tướng tốt ấy, dùng mười lần số không thể nêu bày không thể nói hết hàng ngàn ức rồi gấp bội lên nữa, tức thành tướng tốt Nhục kế trang nghiêm nơi đỉnh đầu Như Lai, mà hết thảy những gì cao lớn, hiển bày nhất trong thế gian cũng không thể trông thấy được. Từ tướng tốt ấy, lấy mười lần số chẳng thể nêu, chẳng thể nêu bày hàng ức triệu trăm ngàn số gấp bội, rồi gấp bội nữa, mới làm nên sáu mươi ngàn thứ chỗ duyên nơi âm thanh không giới hạn, lan truyền điều mầu nhiệm đặc biệt, khiến không nơi nào khi được nghe mà không khởi tâm giác ngộ, khiến cho khắp các loài hữu tình đều phát sinh tâm đại hoan hỷ, mở bày chỉ rõ hết thảy các thế giới qua ngôn ngữ thanh tịnh, nơi đại biện tài của Phật.

Này thiện nam! Đây là nói về tướng trăm phước đức của chư Phật, Thế Tôn. Như Lai đã dùng phước trí, nơi hạnh thù thắng vô tận này làm trang nghiêm khắp nơi chốn, rộng vì hết thảy các hữu tình mà cứu giúp nuôi dưỡng thân mạng họ.

Này thiện nam! Giả như tận cùng khắp pháp giới nơi hư không trong

mười phương, hết thảy các thế giới ấy với những hữu tình hiện có trọn trong một kiếp thảy đều trụ nơi quả vị của Bồ-tát là địa Pháp vân (Địa thứ mười), đầy đủ các thắng tướng, là chỗ trang nghiêm của thân ngữ ý, đầy đủ các pháp Đà-la-ni cùng mười thứ tự tại, các vị Bồ-tát ấy, dùng những dụng cụ làm bằng vàng Diêm-phù-đàn dung lượng bằng cõi hư không, nhiều như số cát sông Hằng, mỗi mỗi dụng cụ ấy chứa đầy các vật báu, trải qua thời gian như thế cho đến biên vực tận cùng trọn vẹn trong kiếp, nơi từng sát-na luôn đến rồi đi, mỗi mỗi đều giữ lấy nhập vào một lỗ chân lông của Như Lai, mà nơi một lỗ chân lông của Phật Thế Tôn nhóm phước đức hiện có cũng không thêm không bớt.

Này thiện nam! Đó là tướng trăm phước đức không thể nghĩ bàn của Như Lai.

Lại nữa, những gì là mười hai địa? Đó là địa chưa phát tâm Bồ-đề, địa Hoan hỷ, địa Ly cấu, địa Phát quang, địa Diệm tuệ, địa Nan thắng, địa Hiện tiền, địa Viễn hành, địa Bất động, địa Thiện tuệ, địa Pháp vân, địa Phổ biến quang minh Phật, đó là mười hai địa. Trong ấy những gì là địa chưa phát tâm Bồ-đề? Bồ-tát này đã vượt qua hết thảy những hạnh tà của hạng ngu phu, cùng hết thảy các vị trời Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế, các Thanh văn, Duyên giác trong ba đời với những hành tướng an lành hơn hẳn, vượt qua hết thảy thế gian, làm trang nghiêm cho ba nghiệp thân ngữ ý. Nơi vô biên thế giới trong mười phương gồm đủ vầng ánh sáng lớn rực rỡ, chiếu rọi khắp nơi, đạt được diệu lực không bị chướng ngại, hành trì pháp Đà-la-ni nơi vô số thế giới, trong mỗi mỗi tướng mặc tình hiện bày rộng mở. Trong bốn đại châu nơi thế giới, hiện ra khắp nơi các mùi hương, ánh sáng rực rỡ như vòm lưới rộng lớn làm trang nghiêm khắp các cõi ấy. Hoa sen đỡ chân đặt để khắp, cả đến chỗ tận cùng của đại thiên thế giới tôn vẻ trang nghiêm nơi pháp tòa mầu nhiệm, đạt hết thảy các pháp điều phục thuận hợp, khéo xem xét những thành tựu theo ý, không hề bị trở ngại. Duyên theo sự tướng hiện ra mười loại tướng tốt lớn, cùng vô số các tướng hiển hiện, chỉ bày pháp Bất thoái chuyển. Nơi hết thảy xứ sở không biên giới, tùy chốn tùy lúc hóa độ phóng ra lưới ánh sáng rộng lớn không thể nghĩ bàn, hiện thân với vô số sự trang nghiêm theo ảnh tượng đến khắp vô lượng cõi nước nơi các thế giới nhiều đến nỗi không thể nêu bày hoặc lường biết được, có thể vì những bậc chủ của các cõi ấy, khuyên họ thọ trì pháp Quán đảnh, làm tăng trưởng sự gia trì, vì cả cõi thế gian và xuất thế gian, thường xuyên tuôn xuống vô lượng trận mưa pháp báu lớn, với các pháp môn quang minh mầu nhiệm đều không bị ngăn ngại, bao trùm rộng khắp thực hiện phước hạnh đại thí tối thượng, tùy thuận hết thảy thế gian, vì khắp

các loài hữu tình tạo đầy đủ mọi pháp bất không theo đúng ý nguyện của họ. Kẻ nhìn thấy đều phát khởi tâm thanh tịnh thuần thiện, đáng yêu thích, làm chấn động khắp các cõi, theo chỗ suy niệm hướng đến các cõi ác với hết thảy hữu tình ở đấy nhờ đó mà được cứu độ, khắp chốn thâu nhận pháp môn cúng dường vô biên chư Phật, hiện rõ diệu dụng nơi hết thảy các pháp chánh định Tổng trì, giải thoát thông tỏ, vô biên pháp lạc với vườn pháp vi diệu hơn hết nhưng không tham đắm. Đạt được vô biên ức kiếp không phát khởi tỏ ngộ, không dấy bày nghi hoặc, vui thích nơi hạnh sáng rỡ, vô số ức na-do-tha trăm ngàn kiếp tu tập đầy đủ phần vị thanh tịnh của Đại thừa, hoàn thành vô số hạnh lợi tha, trăm ngàn loại phước trí, thắng hạnh rộng lớn, viên mãn rốt ráo, gồm đủ tuyệt đối ba pháp: Tín, Giải, Hạnh, liền đạt được Địa thứ nhất. Nay theo thứ lớp nơi quả vị Bồ-tát. Đó gọi là Địa chưa phát tâm Bồ-đề.

Này thiện nam! Ví như Chuyển luân thánh vương, tuy có sắc tướng vượt hơn hẳn mọi người, nhưng chưa đạt được sắc tướng của chư Thiên. Quả vị Bồ-tát này cũng lại như vậy, tuy đã vượt hơn hết thảy thế gian, các bậc Thanh văn, Duyên giác, nhưng chưa đạt quả vị tối thượng của Bồ-tát.

Lại nữa, ánh sáng chiếu khắp nơi quả vị Phật không ở giữa, không ở ngoài biên, nhưng không sót một nơi chốn nào, hết thảy đều thanh tịnh, đối với các pháp đều tự tại, có thể khéo xem xét khắp vô số thứ tướng khiến tất cả hữu tình cùng đạt được lợi lạc.

Những gì là các Bồ-tát hành trì mười loại Tam-ma-địa? Đó là:

1. Cao quý hơn hết.

2. Khéo an trụ.

3. Không lay động.

4. Không thoái chuyển.

5. Chứa nhóm những thứ báu.

6. Như ánh mặt trời sáng rực.

7. Hết thảy các nghĩa đều thành tựu.

8. Trí tuệ sáng tỏ.

9. An trú hiện tại trước Phật.

10. Đạt pháp Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Như thế tức nẻo hành trì chánh định của Bồ-tát là vô biên.

Lại nữa, có mười hai loại pháp Tổng trì. Những gì là mười hai pháp?

1. Pháp Quán đảnh.

2. Pháp Đại trí.

3. Âm thanh thanh tịnh.

4. Kho chứa vô tận.

5. Chuyển đổi vô biên.

6. Pháp Hải ấn.

7. Hoa sen trang nghiêm.

8. Hướng đến cửa vô ngại.

9. Quyết định xuất sinh các hành, giải vô ngại.

10. Trụ nơi cõi Phật trang nghiêm.

11. Sắc tướng vô biên.

12. Thành tựu viên mãn sắc tướng nơi thân Phật.

Đó là mười hai loại pháp Tổng trì.

Lại có sáu thứ Thần thông. Những gì là sáu?

1. Thiên nhãn thông.

2. Thiên nhĩ thông.

3. Tha tâm trí thông.

4. Túc trụ tùy niệm trí thông.

5. Thần cảnh trí thông.

6. Lậu tận trí thông.

Đó là sáu Thần thông.

Lại nữa, các vị Bồ-tát có mười thứ tự tại. Những gì là mười?

1. Có đủ diệu lực thọ lượng trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tức là thọ mạng tự tại.

2. Có pháp môn Tam-ma-địa vi diệu không thể nêu bày, không thể bàn luận liên tục hội nhập vào những cảnh giới tương ưng thù thắng, tức là tâm tự tại.

3. Có vô số vật dụng trang nghiêm của tất cả thế giới, trang nghiêm, hộ trì chỉ rõ chỗ thuận hợp, tức là thọ dụng tự tại.

4. Tùy theo sức mạnh của nghiệp báo trong thời phần nào đó đều được hiển bày, tức là nghiệp tự tại.

5. Thị hiện thọ sinh nơi tất cả các thế giới, tức thọ sinh tự tại.

6. Gặp Phật thị hiện trọn vẹn ở hết thảy các thế giới, tức là tin hiểu tự tại.

7. Tùy theo lúc muốn thích ở trong các quốc độ hiện thành Bồ-đề, tức là ý nguyện tự tại.

8. Ở nơi hết thảy các thế giới, có thể hiện bày vô biên thần thông, tức là thần thông tự tại.

9. Ánh sáng của pháp môn vô biên, vô trung thường hiện rõ, tức là pháp lực tự tại.

10. Đối với những pháp của Như Lai như mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn vô ngại giải, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cùng hiện chứng quả vị Bồ-đề tối thượng, ba đời đầy đủ nơi hết thảy cõi Phật, trong số lượng cõi nhiều như những hạt bụi đều biết rõ về một tướng, gồm đủ các tướng thù thắng cho đến hiện chứng Nhất thiết trí thảy hiển bày rõ, tức là trí tự tại.

Đó là mười thứ tự tại của Bồ-tát.

Lại nữa, những gì là mười Lực của Bồ-tát? Đó là:

1. Lực của ý vui thích.

2. Lực sâu xa, bền bỉ.

3. Lực của phương tiện.

4. Lực của trí tuệ.

5. Lực của nguyện.

6. Lực hành trì.

7. Lực chuyên chở.

8. Lực biến hóa thần diệu.

9. Lực Bồ-đề.

10. Lực chuyển pháp luân.

Đó là mười Lực của hàng Bồ-tát.

Những gì là bốn Vô sở úy của Bồ-tát? Đó là:

1. Đối với các pháp Tổng trì, tùy chỗ nghe được đều có thể nhận lấy nêu giảng về nghĩa lý, không lo sợ.

2. Thấu rõ pháp vô ngã, nên không nhiễu hại kẻ khác, gồm chứa pháp gốc vô tướng, tu tập oai nghi không thiếu sót, ba nghiệp thanh tịnh, thành tựu việc hộ trì rộng lớn, không hề sợ sệt.

3. Thường giữ gìn chánh pháp không hề quên mất, an trú rốt ráo nơi phương tiện trí tuệ, cứu độ hữu tình, không sinh tâm buông lung, mở bày pháp thiện, đạt được sự xa lìa các chướng ngại, khó khăn không hề sợ hãi.

4. Không quên mất tâm của Nhất thiết trí, cũng như đối với các thừa khác, nơi các con đường xuất ly đều được tự tại, viên mãn, thành tựu được hết thảy các loại, hết thảy các việc, không sợ hãi.

Đó là bốn pháp Vô sở úy của Bồ-tát.

Những gì là mười tám pháp Bất cộng của Bồ-tát. Đó là:

1. Bồ-tát bố thí, không chấp trước.

2. Bồ-tát trì giới, không chấp trước.

3. Bồ-tát thực hành hạnh nhẫn nhục, không chấp trước.

4. Bồ-tát luôn tinh tấn, không chấp trước.

5. Bồ-tát tu tập thiền định, không chấp trước.

6. Bồ-tát đạt trí tuệ, không chấp trước.

7. Bồ-tát dùng bốn Nhiếp pháp để thu phục hữu tình.

8. Khéo rõ các pháp hồi hướng.

9. Khéo dùng các phương tiện khiến cho các hữu tình tăng trưởng các hạnh đã tu tập.

10. Mở bày chỉ rõ con đường xuất ly của pháp thượng thừa.

11. Đối với pháp Đại thừa không hề thoái chuyển.

12. Bày tỏ về cửa sinh tử và Niết-bàn.

13. Đối với văn bản nơi kinh điển không bớt câu chữ.

14. Trong chỗ tạo tác, hành hóa, trí tuệ luôn đi trước.

15. Nơi sinh ra luôn xa lìa lỗi lầm.

16. Đối với thân, khẩu, ý luôn gồm đủ mười nghiệp thiện.

17. Chịu đựng các khổ, không lìa bỏ hết thảy hữu tình.

18. Tất cả những sự yêu thích nơi thế gian thảy đều thể hiện rõ ràng, cùng khắp, từ hàng phàm phu, đến bậc Thanh văn, Duyên giác, khéo dùng những thứ quý báu và cây như ý trang trí đẹp đẽ, vững chắc, khiến tâm của Nhất thiết trí vĩnh viễn không quên mất, đạt tất cả pháp, y theo pháp Quán đảnh, thường theo chỗ mong muốn được gặp Phật, Pháp, Tăng.

Đó là mười tám pháp Bất cộng của Bồ-tát.

Thế nào là mười Lực của Như Lai? Đó là:

1. Trí lực nơi xứ, chẳng phải là xứ.

2. Trí lực giáo hóa, chỉ rõ về nhân quả báo ứng theo nghiệp trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai.

3. Trí lực tin tưởng và hiểu rõ về mọi thứ pháp.

4. Trí lực hiểu rõ đủ loại cảnh giới.

5. Trí lực hiểu rõ, phân biệt được căn trí của mình và của người khác.

6. Trí lực đạt đến nẻo đạo.

7. Trí lực phát khởi hết thảy pháp thiền định, giải thoát, các pháp chánh định, đẳng trì nhiễm, tịnh....

8. Trí lực theo sự nhớ nghĩ về kiếp trước.

9. Trí lực về sinh tử.

10. Lực dứt sạch hết các lậu.

Đó là mười Lực của Như Lai.

Thế nào là bốn pháp Vô sở úy của Như Lai? Đó là:

1. Trí hiện chứng tất cả pháp, không sợ hãi.

2. Trí dứt sạch các lậu, không sợ hãi.

3. Quyết định giảng nói về chướng ngại nơi đạo, không sợ hãi.

4. Xuất ly hết sạch các nẻo khổ, không sợ hãi.

Đó là bốn pháp Vô sở úy của Như Lai.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 8

Lại nữa, những gì là mười tám pháp Bất cộng của Như Lai? Đó là:

1. Thân của Như Lai không lười, mỏi mệt.

2. Lời nói không vội vàng, thô bạo.

3. Không mất chánh niệm.

4. Luôn giữ tâm nơi chánh định.

5. Không có các thứ tưởng.

6. Tâm luôn nhận biết, xả bỏ.

7. Tâm mong cầu không giảm.

8. Tinh tấn không giảm.

9. Niệm không giảm.

10. Định không giảm.

11. Tuệ không giảm.

12. Giải thoát, giải thoát tri kiến không giảm.

13. Ở đời quá khứ không có tri kiến chấp trước, chướng ngại, luôn chuyển biến thuận hợp.

14. Đối với đời vị lai, tri kiến không chấp trước, không chướng ngại, chuyển biến tùy thuận.

15. Đối với đời hiện tại, tri kiến không chấp trước, không chướng ngại, luôn chuyển biến thuận hợp.

16. Đối với các nghiệp về thân, trí tuệ luôn dẫn đường đi trước, theo trí tuệ mà chuyển biến.

17. Đối với các nghiệp về ngôn ngữ, trí tuệ luôn dẫn đường đi trước, theo trí tuệ mà chuyển biến.

18. Đối với các nghiệp về ý, trí tuệ luôn dẫn đường đi trước, theo trí tuệ mà chuyển biến.

Đó là mười tám pháp Bất cộng của Như Lai.

Những gì là tâm đại Bi của Như Lai?

Này thiện nam! Luôn tinh tấn hành hóa ba mươi hai tướng tức dấy khởi tâm đại Bi của Như Lai. Đối với vô biên thế giới khắp mười phương luôn hiện ra các tướng không thể nghĩ bàn, đều từ tâm đại Bi của Như Lai mà biến chuyển.

Những gì là ba mươi hai tướng? Đó là:

1. Các pháp đều không có ngã, nhưng các hữu tình không thể tự hiểu rõ lý vô ngã ấy nên Như Lai vì họ mà phát khởi tâm đại Bi.

2. Hết thảy các pháp đều không có thọ mạng, nhưng các hữu tình chấp là có, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

3. Tất cả các pháp đều không có thọ mạng, nhưng các hữu tình chấp là có, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

4. Tất cả các pháp đều không có Bổ-đặc-già-la, nhưng các hữu tình sinh tâm chấp giữ, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

5. Tất cả các pháp đều không có tự tánh, nhưng các hữu tình lại nhận là có tự tánh, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

6. Tất cả các pháp đều không có chướng ngại, nhưng các hữu tình lại vướng mắc nơi các chướng ngại, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

7. Tất cả các pháp đều không chứa đựng, nhưng các hữu tình lại thích đắm nhiễm, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

8. Các pháp đều không có chủ thể, nhưng các loài hữu tình lại chấp nơi tướng ngã, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

9. Tất cả các pháp đều không có tùy thuộc, nhưng các hữu tình sinh tâm chấp giữ, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

10. Hết thảy các pháp đều không có hình tướng, sự vật, nhưng các hữu tình lại tham vướng nơi cảnh vật, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

11. Các pháp đều không có chủng tộc, nhưng các hữu tình lại sinh tâm chấp trước, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

12. Tất cả các pháp đều không sinh, không diệt, nhưng các hữu tình chấp là có sinh diệt, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

13. Tất cả các pháp đều không có cấu nhiễm, nhưng các hữu tình tự sinh tâm cấu nhiễm, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

14. Tất cả các pháp đều lìa tham, nhưng các hữu tình thì sinh tâm tham ái, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

15. Tất cả các pháp đều lìa sân, nhưng các hữu tình lại sinh tâm giận dữ, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

16. Tất cả các pháp đều xa lìa si, mà các hữu tình luôn dấy tâm si tối,

nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

17. Tất cả các pháp đều không đến, nhưng các hữu tình chấp là có các cõi, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

18. Các pháp đều không đi, nhưng các hữu tình lại chấp là có sinh ra, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

19. Tất cả các pháp đều không hành, mà các hữu tình thì luôn hành động, tạo tác, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

20. Tất cả các pháp đều không hý luận, nhưng các hữu tình ưa thích, tham đắm trong hý luận, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

21. Các pháp đều không, nhưng các hữu tình lại dấy theo chấp có, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

22. Tất cả các pháp đều vô tướng, nhưng các hữu tình lại vướng mắc nơi tướng của cảnh giới, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

23. Tất cả các pháp đều vô nguyện, nhưng các hữu tình đều luôn chuyển theo nguyện, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

24. Các hữu tình trong thế gian khi tụ họp thường tranh tụng dấy các lỗi lầm như: tham, giận... Như Lai xem xét, vì họ giảng nói những pháp cơ bản, khiến họ dứt trừ được tâm tham sân kia, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

25. Các hữu tình trong thế gian khi nhóm họp thường làm những điều điên đảo, giẫm lên đường hiểm ác, ở các nơi chốn tà, quái, nhằm khiến những kẻ đó vào nẻo như thật, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

26. Các hữu tình trong thế giới khi nhóm họp, thường gia tăng lòng tham lam, keo bẩn, xâm phạm hoặc chiếm lấy tài sản của kẻ khác, không biết chán đủ, vì muốn cho những kẻ ấy có đủ những của cải nơi Thánh pháp như giới, văn, xả, tuệ, do đó Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

27. Các hữu tình trong thế gian đối với các thứ như nhà ở, của cải, vợ con, luôn sinh tâm tham ái, phải tự hạ thấp thân mình như kẻ tôi tớ, ở nơi không chân thật mà luôn nghĩ tưởng, tính toán cho là chân thật, Phật vì những kẻ ấy giảng nói pháp yếu khiến họ biết các pháp chỉ đều là vô thường, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

28. Những hữu tình trong thế gian do phải gian khổ để mưu sinh nên luôn dối trá, lừa gạt lẫn nhau, Phật vì những kẻ ấy giảng nói pháp cơ bản nhằm khiến họ có được đời sống trong sạch, tự nuôi thân mạng, do đó Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

29. Những hữu tình ở thế gian vì danh vọng lợi dưỡng luôn dốc sức

kiếm tìm, không hề biết thỏa mãn, vì nhằm khiến những kẻ ấy hiểu rõ như thật, sinh tâm chán đủ, cuối cùng diệt được khổ, đạt được an lạc của Niết-bàn, do đó Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

30. Những hữu tình trong thế gian thường sinh tham ái, ở nơi cõi khổ hầu hết bị cấu nhiễm, Phật vì những kẻ ấy giảng nói pháp chính yếu khiến họ lìa khổ, ra khỏi ba cõi, cho nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

31. Vì cho tất cả các pháp là lìa nhân duyên, nên những hữu tình trong thế gian sinh tâm biếng trễ, nơi cửa giải thoát của Thánh pháp lại dấy chướng ngại. Phật vì những hữu tình đó giảng nói pháp giải thoát chân thật, khiến họ dốc hành tinh tấn, vì thế Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

32. Những hữu tình trong thế gian từ bỏ trí vi diệu tối thượng, không chấp trước của Niết-bàn thù thắng, lại thích cầu quả vị Niết-bàn nơi thừa thấp là Thanh văn, Duyên giác. Vì muốn cho những người ấy ưa thích về cõi rộng lớn, là cầu đạt trí tuệ Phật, vì thế Như Lai phát khởi tâm đại Bi.

Này thiện nam! Siêng năng thực hành ba mươi hai thứ tướng như vậy, nên Như Lai phát khởi tâm đại Bi. Như thế chỗ nói về hạnh đại Bi của Như Lai, nếu có Bồ-tát tinh tấn hành trì ba mươi hai tướng đó phát khởi tâm đại Bi, thì vị Đại Bồ-tát ấy, ở trong cõi công đức phước báo, có thể thành tựu, đầy đủ uy quang rộng lớn, đem lợi lạc cho các hữu tình, khế hợp với sự nghiệp, đạt quả vị bất thoái chuyển. Do vậy nên biết vô lượng, vô số pháp tự tại hiện có như thế nơi phần vị, hoặc chư Như Lai, hoặc các Bồ-tát, cho đến người ở nơi kiếp sau rốt tận cùng giảng nói rộng nhưng đều không thể đạt được nẻo tận cùng kia, nay chỗ nêu bày ấy chỉ là một phần rất nhỏ vì nhằm khiến các hữu tình phát sinh hoan hỷ tin tưởng thanh tịnh tối thượng. Đó là Bồ-tát đạt pháp bất động nơi pháp thiện của hết thảy hữu tình, nhằm cứu độ nuôi dưỡng các loài.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có vô lượng mây pháp hàm chứa sự thấm ướt, tạo nên các trận mưa pháp rộng lớn? Như gió nơi thế gian không có biên vực giới hạn, nhưng phong luân thì rộng lớn, vững bền, nhận giữ hết thảy các thế giới khắp nơi hoặc lúc tạo nên, hoặc khi hủy diệt, cùng với vô số mây nơi thủy luân, gồm biển lớn và bốn đại châu, núi Mục-chân-lân-đà, núi Đại mục-chân-lân-đà, núi Tuyết, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Hương túy và rừng cây, cung điện, lầu gác... Phong luân Đà-la-ni của Đại Bồ-tát cũng lại như thế, đều có thể thâu tóm, nhận giữ hết thảy mây của Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, tuôn ra những trận mưa pháp rộng lớn, không ngăn ngại, ở nơi tất cả thế giới đều có thể thành tựu pháp công đức của Phật. Như điều đã nói về núi Tu-di... Là các tướng sai biệt nơi thế gian,

tức là tướng thù thắng của trăm phước, mười Địa, mười pháp Ba-la-mật, mười pháp chánh định, mười hai pháp Đà-la-ni, sáu pháp Thần thông, mười Tự tại, mười Lực, bốn pháp Vô sở úy, bốn pháp Vô ngại giải, mười tám pháp Bất cộng, tâm đại Bi... là hết thảy pháp của Phật và Bồ-tát, đều có thể thâu nhận nắm giữ đầy đủ, lại thường nắm giữ hết thảy trăm ngàn nhóm pháp của thế gian và xuất thế gian, đều thành tựu trọn vẹn. Đó là Bồ-tát có vô lượng đám mây pháp hàm chứa sự thấm ướt tạo nên những cơn mưa pháp rộng lớn.

Này thiện nam! Thế nào là pháp lớn của Bồ-tát với vô số thứ lầu gác trang nghiêm bày biện uy nghi đẹp đẽ? Như gió nơi thế gian có thể thổi lay cùng khắp tất cả lầu gác trang nghiêm, mọi thứ đều đặt để ổn định, rất nguy nga, đẹp đẽ, đáng yêu thích, cùng với hết thảy rừng cây, cành lá, thân nhánh, hoa, trái, nhụy... Và tất cả bộ phận trong thân của các hữu tình đều do sức gió thường thổi lay mà thành. Gió của Bồ-tát cũng lại như vậy, dùng trí biện tài với diệu lực vô biên, vô ngại, không chấp trước, đều có thể nêu bày tất cả các thứ pháp môn của thế gian và xuất thế gian, thứ lớp đầy đủ khơi mở chỉ rõ, soi chiếu sáng, gồm vô số pháp thù thắng vi diệu. Đó là: Tướng ấy là pháp của cõi ác tạo nên, đây là pháp của cõi thiện tạo nên, đây là pháp tạo thành sự tăng trưởng, đây là địa ngục, đây là ngạ quỷ, đây là súc sinh, đây là hàng người, trời, đây là Chuyển luân thánh vương, đây là các Thiên chủ Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế, đây là quyến thuộc của sắc tướng cùng diệu lực của phước đức thông tỏ, nhanh nhẹn, đây là sự khéo suy tính của trí tuệ sáng suốt, đây là năng lực, tài nghệ, đây là sách vở khéo giải rõ các giáo điển, đây là pháp của thừa Thanh văn làm nên quả vị Thanh văn, đây là pháp của bậc Duyên giác làm nên quả vị Duyên giác, đây là pháp Đại thừa có đủ các tướng hơn hẳn, đầy đủ sự nghiệp tự lợi, lợi tha, thành tựu tất cả thắng trí của hạnh Phổ Hiền, cho đến đây là mười Địa, mười pháp Ba-la-mật, mười pháp Chánh định, mười hai pháp Tổng trì, sáu pháp Thần thông, ba Minh, mười pháp Tự tại, tám pháp Giải thoát, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn pháp Biện giải vô ngại, mười tám pháp Bất cộng.

Này thiện nam! Bồ-tát khéo có thể thiết lập vô lượng các thứ pháp như thế, pháp môn Tổng trì Liên Hoa trang nghiêm, bày biện pháp trang nghiêm diệu xảo. Đó là Bồ-tát có pháp lớn với vô số lầu gác trang nghiêm bày biện uy nghi, đẹp đẽ.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát ở trong các chúng hội, thường quyết định dùng cây quý trang nghiêm phát ra pháp âm chân chánh, nhiệm mầu, tuôn mưa hoa làm tâm ý vui thích? Như rừng cây quý, được gió thổi động,

làm mưa xuống vô số các loài hoa hương, y phục quý báu, tấu các loại nhạc... đầy đủ các thứ trang nghiêm như thế lại liên tục tuôn ra, khiến cho các hàng trời, người đều được hoan hỷ, vui thích, không còn lo buồn, luôn đủ mọi sắc tướng, uy lực, sự siêng năng, vui mạnh không giảm. Gió trí tuệ của Bồ-tát cũng lại như thế. Bồ-tát thường ở trong pháp hội lớn nơi các thế giới thanh tịnh của Như Lai, vì các hữu tình giảng nói về mười hai phần giáo là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Thí dụ, Duyên khởi, Tự thuyết, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghĩa, thường tuôn mưa hoa báu chánh pháp như thế, vì các chúng sinh nơi việc thuận, trái, với những tập quán, từ khởi đầu đến từng thứ bậc trước sau giảng nói trao truyền giáo pháp. Hết thảy các chỗ duyên hợp ở thế gian đều dẫn dắt, chỉ dạy về tánh của pháp là vô ngã, vắng lặng, thanh tịnh, mở bày, làm rõ tất cả các pháp môn, gồm thu chung mọi pháp tánh, chỉ bảo khiến hội nhập vào pháp như huyễn không thể nghĩ bàn, làm hiển lộ trí tuệ lớn nơi pháp môn như huyễn, khiến các hữu tình tăng trưởng tự tại nơi tất cả pháp lạc. Mọi sự hỏi đáp không ở trong, không ở hai bên, nên có thể khéo phát khởi, tạo hoan hỷ rộng khắp, luôn khiến cho mọi vườn rừng chánh pháp không tạo lỗi lầm nơi các nghiệp thân, khẩu, ý. Không tạo thêm mọi vui vẻ, dứt mọi biếng trễ thoái chuyển. Lại khiến cho hàng trời người thọ dụng đầy đủ, pháp thiện không giảm, ánh sáng của trí tuệ chiếu soi, thường an trụ trong pháp thanh tịnh tối thắng. Đó là Bồ-tát ở trong các chúng hội quyết định dùng cây quý trang nghiêm phát ra pháp âm chân chánh, nhiệm mầu, tuôn xuống mưa hoa khiến tâm ý vui thích.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát trong vô số kiếp ở nơi Thánh hội thanh tịnh tạo lập tích chứa thành biển pháp môn Tam-ma-địa, Tổng trì, giải thoát rừng rậm giáo pháp như ánh sáng mặt trời mặt trăng soi khắp núi Diệu cao, như cung điện đẹp đẽ nơi núi Luân vi... cùng tất cả hữu tình đã được điều phục, thành thục, trang nghiêm, khéo an trụ nơi quả vị vô thượng, không thân làm chỗ dựa chuyển biến thuận theo ngọn gió trí tuệ nơi đạo tràng là nhân của giải thoát? Ví như gió kiếp vào thời kỳ thế giới bị hủy hoại, gió ấy không bị ngăn trở, uy lực càng nhanh chóng, mạnh mẽ thổi động cùng khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, với hàng trăm ngàn vô số ức các núi Thiết vi, Tu-di, biển lớn... đều bị phá tan, hủy diệt hết sạch, đồng như hư không. Gió của Bồ-tát cũng lại như thế. Từ trong nhiều trăm ngàn kiếp, tích lũy vô số các loại phước đức, trí tuệ trang nghiêm. Bồ-tát dùng diệu lực rộng lớn có thể hiện ra đủ các thứ thần thông biến hóa, khéo chuyển pháp luân thanh tịnh, không ngăn ngại, phát ra âm thanh nhiệm mầu, điều phục khắp tất cả chúng hội. Do đấy từ phong luân trí tuệ hiện bày các nhóm

pháp từng tích lũy. Chỗ điều phục kia, xem xét ánh sáng của pháp vi diệu tối thượng nên các hành không vướng mắc, dấy khởi ở sức mạnh hơn hẳn, đầy đủ sự bền chắc, trong tâm trụ nơi chân chánh, thành tựu chánh định, nơi tưởng uẩn, xứ, giới, cùng thân nơi ba cõi tạo tác các hành, đều phá trừ chỗ chấp về không thân, hiểu rõ đều là phân biệt hư vọng, vượt lên trên tất cả thế gian, sau đấy mới hiện bày đầy đủ phước đức thù thắng xuất thế gian, vô tướng, không thể nghĩ bàn, nương tựa, biến chuyển, thuận hợp, đạt được sự thanh tịnh tột bậc, trụ vào biên vực sau cùng, lìa mọi sầu khổ. Đó là Bồ-tát trong vô số kiếp từng ở nơi các Thánh hội thanh tịnh, tạo lập, tích chứa thành biển các pháp môn Tam-ma-địa, Tổng trì giải thoát, là nhân của giải thoát.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu mười thứ pháp như thế tức đạt được như gió.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng tiến đến trước chỗ Phật, bạch:

–Hy hữu thay, Thế Tôn! Hy hữu thay bậc Thiện Thệ! Đã khéo giảng nói pháp rộng lớn như vậy, cho đến đầy đủ hết thảy các tướng thù thắng, có thể khiến cho các Bồ-tát, Đại sĩ đều sinh hoan hỷ. Bạch Thế Tôn! Nếu hàng trời, người có thể ở nơi các pháp như thế, tin, hiểu, tu hành, đúng như điều Phật đã giảng dạy, người ấy liền đạt được hết thảy, thọ nhận đầy đủ sự an lạc, vi diệu, hơn hẳn, tự tại như các vị trời Phạm vương, Đế Thích, Hộ thế... mọi đời này, đời khác hiện có người ấy đều đạt được đầy đủ tất cả hạnh lợi tha thù thắng…

Phật nói:

–Này thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói, những hữu tình kia vượt qua hết thảy các thế gian, được nhiều người hết lòng chiêm ngưỡng, dứt hết các pháp ác, đầy đủ các pháp thiện, là chỗ quy hướng của hết thảy thế gian.

Này thiện nam! Nếu các hữu tình ở trong pháp này có thể tu tập, hoặc ngược lại có kẻ nảy sinh tâm khinh thường, chê bai, thì Như Lai nói kẻ ấy là hạng ngu si sẽ bị đọa vào đại địa ngục tối tăm, chịu bao khổ não, các hàng Trời, Người, A-tu-la... nơi thế gian thảy đều buồn thương.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu hành mười thứ pháp sau đây tức được như hư không. Những gì là mười pháp? Đó là:

1. Không có cấu uế.

2. Không ngăn ngại.

3. Vắng lặng.

4. Không có hình tướng.

5. Trí tuệ vô biên.

6. Bình đẳng theo đấy nhận biết hết thảy pháp.

7. Biết rõ tất cả pháp như hư không, tự tánh là giải thoát.

8. Không trụ.

9. Vượt qua tướng của các cảnh giới.

10. Vượt qua mọi nẻo tầm tứ.

Nếu Bồ-tát tu tập mười thứ pháp ấy tức đạt như hư không.

Này thiện nam! Lại có mười pháp, nếu Bồ-tát tu hành theo đấy sẽ được như hư không. Mười pháp ấy là những gì? Đó là:

1. Đối với mọi hình sắc hợp ý hoặc không hợp ý đều không yêu, không ghét.

2. Đối với các loại âm thanh hợp ý hay không hợp ý đều không yêu, không ghét.

3. Đối với các mùi hương vừa ý hoặc không vừa ý đều không yêu, không ghét.

4. Đối với các mùi vị hợp ý hay không hợp ý đều không yêu, không ghét.

5. Đối với các xúc chạm hợp ý hay không hợp ý đều không yêu, không ghét.

6. Đối với tất cả các pháp hợp ý hay không hợp ý đều không yêu, không ghét.

7. Đối với các pháp lợi lạc hay suy tổn đều không yêu, không ghét.

8. Đối với các pháp vui hay khổ đều không yêu, không ghét.

9. Đối với các pháp được khen hay bị chê đều không yêu, không ghét.

10. Đối với các pháp được đề cao hay bị hủy báng đều không yêu, không ghét.

Bồ-tát nếu tu hành mười thứ pháp ấy tức như hư không.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu hành mười thứ pháp sau đây, tức đạt được như mặt trăng. Những gì là mười pháp? Đó là:

1. Khiến cho các loài hữu tình đều sinh hoan hỷ.

2. Mọi người đều thích nhìn thấy.

3. Pháp thiện thêm lớn.

4. Pháp ác tổn giảm.

5. Mọi người đều ca ngợi.

6. Thể tướng thanh tịnh.

7. Hành hóa theo thừa tối thượng.

8. Thường tự trang nghiêm.

9. Pháp lạc tự tại.

10. Đầy đủ đại thần thông, uy đức.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát khiến cho các hữu tình đều sinh hoan hỷ? Như mặt trăng mới mọc, hết thảy hữu tình đều được mát mẻ, vừa ý, nên sinh hoan hỷ. Mặt trăng của Bồ-tát cũng lại như thế, lúc mới xuất hiện, hết thảy hữu tình liền được xa lìa phiền não nung đốt, nên sinh mừng rỡ vui vẻ. Đó là Bồ-tát khiến cho các hữu tình đều sinh hoan hỷ.

Thế nào là Bồ-tát được mọi người vui thích nhìn ngắm? Như trăng mới mọc, hết thảy hữu tình đều thích nhìn ngắm, đều khen là trong sáng, tươi đẹp, khiến các chúng sinh sinh lòng mừng vui. Mặt trăng của Bồ-tát cũng lại như thế, lúc mới xuất hiện hết thảy hữu tình đều yêu thích, vừa ý, tức là các căn thanh tịnh, hạt giống thuần khiết, các nẻo hành hóa làm đều đầy đủ uy nghi. Đó là Bồ-tát được mọi người vui thích nhìn ngắm.

Thế nào là Bồ-tát có pháp thiện tăng trưởng? Như thời gian có trăng, từ lúc mới xuất hiện ngày ngày càng tròn sáng dần, cho đến đêm rằm thì trăng tròn đầy, các hình tướng đều trọn vẹn. Ánh trăng của Bồ-tát cũng lại như thế, từ khi mới phát tâm cho đến lúc ngồi nơi đạo tràng, pháp thiện ngày ngày dần dần thêm lớn, đến khi an tọa nơi đạo tràng rồi thì hết thảy các tướng tốt đẹp đều hiện bày đầy đủ. Đó là Bồ-tát có những pháp thiện tăng trưởng.

Thế nào là Bồ-tát có những pháp ác được tổn giảm? Như thời gian không có mặt trăng, hình tướng sáng tròn của trăng cứ dần dần giảm đi, liên tục như thế cho đến đêm cuối tháng thì tất cả không còn hiện nữa. Mặt trăng của Bồ-tát cũng lại như vậy, đến khi gồm đủ trí xuất thế thì pháp ác dần dần giảm đi, như thế cho đến khi ngồi nơi đạo tràng, tất cả pháp ác đều giảm hết không còn sót gì cả. Đó là Bồ-tát có các pháp ác được tổn giảm.

Thế nào là Bồ-tát đều được mọi người ngợi khen? Như mặt trăng khi vừa mới mọc, các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, nam, nữ lớn, nhỏ, hết thảy dân chúng đều khen ngợi. Mặt trăng của Bồ-tát cũng lại như thế, lúc mới xuất hiện, hết thảy hàng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà... trong thế gian đều ngợi khen. Đó là Bồ-tát được mọi người ngợi khen.

Thế nào là Bồ-tát được thể tướng thanh tịnh? Như Nguyệt Thiên tử,

thể tướng đều thanh tịnh, tinh khiết, sáng trong, không cấu nhiễm, tức là chỗ thành tựu của loại nghiệp báo hơn hẳn. Thể tướng của Bồ-tát cũng lại như vậy, xưa nay không cấu nhiễm, thanh tịnh, tinh khiết, tạo nên chỗ hóa sinh thanh tịnh, không phải từ tinh khí bất tịnh của cha mẹ... sinh ra. Đó là thể tướng thanh tịnh của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát hành hóa theo thừa tối thượng? Như Nguyệt Thiên tử ngự nơi cỗ xe thanh tịnh, chiếu soi khắp cõi thiên hạ. Mặt trăng của Bồ-tát cũng lại như thế, hành hóa nơi thừa Bồ-tát tối thượng chiếu soi khắp vô biên hết thảy các thế giới. Đó là Bồ-tát hành hóa nơi thừa tối thượng.

Thế nào là Bồ-tát thường tự trang nghiêm? Như Nguyệt Thiên tử tướng vốn thanh tịnh, luôn tự trang nghiêm, không dùng sự tắm gội để tự trang nghiêm. Mặt trăng của Bồ-tát cũng lại như thế, các thứ công đức hơn hẳn luôn dùng để tự trang nghiêm. Đó là Bồ-tát thường tự trang nghiêm.

Thế nào là Bồ-tát tự tại nơi các pháp lạc? Như Nguyệt Thiên tử thường thọ nhận diệu lạc nơi cõi trời. Mặt trăng của Bồ-tát cũng lại như thế, thường tự tại nơi các pháp lạc thắng diệu, không nhiễm các cảnh giới dục của thế gian. Đó là Bồ-tát tự tại nơi các pháp lạc.

Thế nào là Bồ-tát có đầy đủ uy đức của đại thần thông? Như Nguyệt Thiên tử đầy đủ đại thần thông, uy đức, soi chiếu rộng khắp tất cả. Mặt trăng Bồ-tát cũng lại như thế, có đầy đủ phước đức, trí tuệ, công đức hơn hẳn. Đó là Bồ-tát có đầy đủ uy đức của đại thần thông.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu hành đủ mười thứ pháp ấy thì được như mặt trăng.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 9

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu hành mười thứ pháp sau đây liền được như mặt trời. Mười pháp đó là những gì?

1. Phá trừ bóng tối của vô minh.
2. Mở bày tất cả.
3. Khắp cả mười phương đều được sự ấm áp hòa dịu.
4. Phát khởi các pháp thiện.
5. Những hữu lậu đều bị diệt hết.
6. Làm ánh sáng chiếu soi.
7. Ngăn chặn các thứ tà vạy, quái dị.
8. Các pháp cao thấp đều được mở bày sáng rõ.
9. Thành tựu những sự nghiệp.
10. Người thiện ưa thích, mong muốn.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát phá trừ những bóng tối của vô minh? Như mặt trời mới mọc có thể trừ bỏ hết thảy những chốn tối tăm. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại như vậy, từ khi mới mọc đã có thể dứt trừ tất cả bóng tối của vô minh. Đó là Bồ-tát phá trừ bóng tối của vô minh.

Thế nào là Bồ-tát mở bày tất cả? Như khi mặt trời mọc, sẽ làm bừng nở hoa sen trong lành cùng các loài hoa khác. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại như vậy, đối với những hữu tình cần được hóa độ, Bồ-tát đều mở bày khiến được giác ngộ. Đó là Bồ-tát mở bày tất cả.

Thế nào là Bồ-tát làm cho khắp cả mười phương đều được ấm áp, hòa dịu? Như khi mặt trời mọc khiến cho cùng khắp mười phương đều được nắng ấm. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại như thế, lúc mới xuất hiện, ánh sáng của trí tuệ Bồ-tát chiếu khắp mười phương, hết thảy đều được ấm áp nhưng không làm rối loạn các hữu tình trong thế gian. Đó là Bồ-tát làm cho khắp cả mười phương đều được ấm áp, hòa dịu.

Thế nào là Bồ-tát phát khởi các pháp thiện? Như khi mặt trời sắp mọc, trong cõi Diêm-phù-đề trước tiên hiện ra tướng sáng rõ, nên biết đó

là mặt trời sắp xuất hiện. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại như thế, khi sắp xuất hiện, trước tiên hiện ra tướng ánh sáng của trí tuệ, các hữu tình liền biết là Bồ-tát sắp ứng hiện. Đó là Bồ-tát phát khởi các pháp thiện.

Thế nào là Bồ-tát diệt trừ hết các hữu lậu? Như ở cõi Diêm-phù-đề, khi ánh sáng mặt trời ẩn mất thì biết là mặt trời lặn. Bồ-tát cũng lại như thế, khi các phiền não cấu nhiễm ẩn khuất không còn hiện ra, thì biết là các lậu nơi Bồ-tát đã hết. Đó là Bồ-tát đã diệt hết các thứ hữu lậu.

Thế nào là Bồ-tát tạo ra ánh sáng soi chiếu? Như mặt trời mới mọc, nơi cõi Diêm-phù-đề, các loài hữu tình đều được nhận ánh sáng soi chiếu khắp. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại như vậy, khi mới xuất hiện, ánh sáng của trí tuệ soi chiếu khắp tất cả hữu tình, trừ bỏ hết thảy si mê, tăm tối che lấp. Đó là Bồ-tát tạo ra ánh sáng soi chiếu.

Thế nào là Bồ-tát ngăn chận các thứ tà vạy, quái dị? Như ánh sáng mặt trời xuất hiện thì che lấp các thứ ánh sáng nhỏ nhưng mặt trời không suy nghĩ: Ta có thể làm mờ các thứ ánh sáng nhỏ. Vì sao? Vì khi ánh sáng mặt trời xuất hiện thì đúng lý phải như thế. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại vậy, khi ánh sáng trí tuệ xuất hiện, thì tất cả ánh sáng nhỏ nhoi của ngoại đạo, tà giáo dị học thảy đều bị che lấp, nhưng Bồ-tát cũng không suy nghĩ: Ta có thể làm mờ khuất ánh sáng nhỏ nhoi của tà giáo, dị học. Vì sao? Vì các thứ ánh sáng nhỏ kia theo như lý thì không thể không mờ khuất được. Đó là Bồ-tát ngăn chận những thứ tà vạy, dị học.

Thế nào là Bồ-tát đối với các pháp cao thấp đều mở bày làm rõ? Như khi mặt trời mọc, thì ở cõi Diêm-phù-đề, tất cả từ nơi gò đồi đến chỗ đất bằng, hết thảy mọi người đều có thể nhìn thấy rõ. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại như vậy, ánh sáng của trí tuệ soi chiếu khắp khiến các loài hữu tình thấy rõ tất cả, từ nơi gò đồi cho đến chốn bằng phẳng. Chốn bằng phẳng tức là tám Chánh đạo, gò đống tức là tám thứ tà đạo. Đó là Bồ-tát khai mở rõ ràng các chốn cao thấp.

Thế nào là Bồ-tát thành tựu các sự nghiệp? Như mặt trời mới mọc tất cả nhà nông trong mùa cày cấy đều thức dậy và bắt đầu công việc. Mặt trời của Bồ-tát xuất hiện cũng lại như thế, tất cả sự nghiệp về pháp thiện của hữu tình đều được thành tựu. Đó là Bồ-tát thành tựu các sự nghiệp.

Thế nào là Bồ-tát được các người thiện ưa thích, mong muốn? Như mặt trời mới mọc, người thiện yêu thích, kẻ dữ nghi, ghét. Mặt trời của Bồ-tát cũng lại như vậy, tất cả người trí tuệ đều sinh lòng yêu mến, những kẻ hướng theo tà đạo, gian ác, ngu tối, không trí thì tham đắm nơi sinh tử, kẻ quay lưng với Niết-bàn thì sinh nghi, ghét. Đó là Bồ-tát được người thiện

vui thích, mong muốn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu mười thứ pháp như thế liền đạt được như mặt trời.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì sẽ như sư tử. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tự mình không sợ hãi.
2. Không sợ kẻ khác.
3. Luôn tiến tới, không thoái lui.
4. Có thể như tiếng gầm của sư tử.
5. Quán xét sự vật không hề sợ hãi.
6. Thường đi trong rừng vắng.
7. Thích ở nơi núi cao.
8. Không hề bị ràng buộc.
9. Tự có đủ sức mạnh, hàng phục được các thứ quân khác.
10. Khéo tạo mọi việc giữ gìn.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tự mình không sợ hãi? Ví như sư tử ung dung bước đi, không kinh không sợ. Vì sao? Vì không thấy có loài thú nào sánh bằng mình. Bồ-tát cũng lại như thế, vòng quanh, lui tới, đi khắp cả mà không hãi không sợ. Vì sao? Vì không thấy có người nào sánh ngang với mình. Đó là Bồ-tát tự mình không sợ hãi.

Thế nào là Bồ-tát không sợ kẻ khác? Như sư tử kia không sợ các loài thú khác cùng những tiếng gầm, rú, tà ác. Bồ-tát cũng lại như vậy, nếu như cùng với tất cả tông phái khác ngoại đạo tranh luận về nghĩa lý, tâm không khiếp sợ, cũng không tự ti. Đó là Bồ-tát không sợ kẻ khác.

Thế nào là Bồ-tát luôn tiến tới không thoái lui? Như sư tử kia mãi tiến tới không lùi. Bồ-tát cũng lại như thế, bản tánh vốn luôn tiến tới theo chánh pháp, không hề thoái lui theo tà giáo dị học, luôn thể hiện biện tài không cùng. Đó là Bồ-tát luôn tiến tới, không thoái lui.

Thế nào là Bồ-tát có năng lực như tiếng gầm của sư tử? Ví như lúc sư tử phát ra tiếng gầm, tất cả các loài hươu nai, chồn cáo đều sợ hãi trốn chạy khắp chốn, Bồ-tát cũng lại như vậy, như khi tạo nên tiếng gầm của sư tử về vô ngã tất khiến cho hết thảy những kẻ tham đắm chấp ngã, tin điều tà, dị nơi ngoại đạo đều kinh sợ trốn chạy khắp các phương, nhưng Bồ-tát không hề não hại những kẻ ấy, chỉ vì họ mà phá trừ tâm tham đắm, chấp ngã nên khởi phát tiếng gầm như thế, lại cũng nhằm điều phục những hữu tình khác. Đó là Bồ-tát có năng lực như tiếng gầm của sư tử.

Thế nào là Bồ-tát quán xét không hề sợ hãi? Như sư tử kia với tư thế không sợ hãi khi nhìn xem cùng khắp. Bồ-tát cũng lại như thế, tâm chí luôn hành thanh tịnh, tạo tướng không sợ hãi khi xem xét cùng khắp. Đó là Bồ-tát xem xét không hề sợ hãi.

Thế nào là Bồ-tát thường đi lại trong rừng? Như bản tánh của sư tử là thích đi lại trong rừng vắng. Bồ-tát cũng lại như vậy, do tự tánh vắng lặng, xa lìa những nơi ồn ào nên thích đi lại trong rừng. Đó là Bồ-tát thường đi lại trong rừng.

Thế nào là Bồ-tát thích ở nơi núi sâu? Như sư tử kia thích ở nơi hang núi. Bồ-tát cũng lại như thế, thích trụ nơi hang núi trí tuệ, thiền định. Đó là Bồ-tát thích ở nơi núi sâu.

Thế nào là Bồ-tát không hề bị ràng buộc? Như sư tử kia không gì trói buộc được. Bồ-tát cũng lại như thế, đã trừ bỏ hết thảy gánh nặng của các phiền não, xa lìa các trói buộc. Đó là Bồ-tát không hề bị ràng buộc.

Thế nào là Bồ-tát tự gồm đủ uy lực có thể hàng phục các thứ quân khác? Như sư tử kia một mình không bạn bè, có thể đánh bại những loài thú khác. Bồ-tát cũng lại như vậy, khi một mình không bạn bè, an tọa nơi đạo tràng, dùng uy lực của chính mình hàng phục các quân ma. Đó là Bồ-tát tự gồm đủ uy lực có thể hàng phục các thứ quân khác.

Thế nào là Bồ-tát khéo tạo sự giữ gìn? Như sư tử kia nếu ở gần làng xóm thì những nơi đó các loài hươu, nai… không dám xâm hại hoa màu. Bồ-tát cũng lại như thế, khi an trụ nơi các quốc độ, thành ấp, hoặc những phương, xứ nào thì các hàng ngoại đạo, tà giáo, dị học hươu nai kia... không thể gây tổn hại đến hạt giống pháp thiện của hữu tình. Đó là Bồ-tát khéo tạo sự giữ gìn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế tức như sư tử.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì có thể tạo được mọi sự điều phục. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tâm Bồ-đề luôn kiên cố.
2. Tu trì hạnh Bồ-đề.
3. Giữ gìn các căn.
4. Hướng đến chánh đạo.
5. Có thể gánh vác việc nặng nề.
6. Vì các hữu tình nên không sinh tâm lười nhác, thoái lui.
7. Tự nuôi dưỡng bằng đời sống chân chánh.
8. Xa lìa dua nịnh.

9. Không dấy lên tâm dối gạt, mê hoặc.

10. Thân tâm luôn chánh trực.

Đó là mười pháp. Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế thì có thể tạo được mọi sự điều phục.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì có thể khéo hành hóa. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tuy tu hành định mà thường quán không.

2. Tuy dứt hết những chướng ngại mà thường tu hạnh thiện.

3. Tuy xa lìa mọi tạo tác mà khéo thuận theo lời Phật dạy, không trái nhau.

4. Bình đẳng hiểu rõ hết thảy các pháp, lãnh hội diệu lý của pháp giới.

5. Nơi thế gian thân luôn có thể tự hạ, khiêm tốn như là hàng Chiên-đà-la.

6. Xa lìa kiêu mạn, đối với người khác luôn nghĩ tưởng là kẻ trí.

7. Dùng trí hiện lượng thấu tỏ pháp Phật, xa lìa nghi hoặc.

8. Tuy biết các pháp sai biệt nhưng đạt được tướng quyết định.

9. Tự giữ lấy chánh đạo, không theo giáo pháp khác.

10. Khéo thuận theo thế gian, làm ruộng phước cho đời.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp ấy có thể khéo hành hóa.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì giống như hoa sen. Mười pháp ấy là những gì?

1. Xa lìa những cấu nhiễm.

2. Không kết hợp với điều ác dù là ít.

3. Hương giới luôn sung mãn.

4. Bản thể thanh tịnh.

5. Vẻ mặt luôn hòa nhã vui vẻ.

6. Mềm dịu không thô tháo.

7. Ai trông thấy đều an lành.

8. Mở bày đầy đủ.

9. Trong sạch, thành thục.

10. Mới sinh đã biết nghĩ tưởng.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát xa lìa những cấu nhiễm? Ví như hoa sen sinh ra trong nước mà nước không làm cấu nhiễm. Vì sao? Vì lý

của pháp là như thế. Bồ-tát cũng lại như vậy, tuy ở trong dòng sinh tử mà không đắm nhiễm. Vì sao? Do phương tiện của trí tuệ đạt lý như vậy. Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo, ở trong cõi sinh tử mà không bị những lầm lỗi của sinh tử làm cho nhiễm ô, lại vận dùng trí tuệ phương tiện để thu nhận các hữu tình. Đó là Bồ-tát lìa những cấu nhiễm.

Thế nào là Bồ-tát không kết hợp với điều ác dù là một ít? Ví như hoa sen không hề lưu giữ lại dù chỉ là một giọt nước. Bồ-tát cũng lại như thế, không hề kết hợp với những cái xấu, dù là chút ít. Đó là Bồ-tát không thể kết hợp với những cái xấu dù là chút ít.

Thế nào là Bồ-tát với hương giới luôn sung mãn? Ví như hoa sen lúc nở, tùy theo nơi chốn mà hương thơm tỏa rộng. Bồ-tát cũng lại như thế, khi đến những cõi nước, thành ấp, xứ sở nào thì hương giới thơm lừng tỏa khắp nơi chốn ấy. Đó là Bồ-tát với hương giới luôn sung mãn.

Thế nào là Bồ-tát với bản thể thanh tịnh? Ví như hoa sen lúc nở, tự nhiên trắng trong, thanh tịnh, tùy theo nơi xuất hiện mà các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi cùng tất cả dân chúng đều ngợi khen. Bồ-tát cũng lại như thế, tùy theo những thôn ấp, nơi chốn sinh ra luôn trong lành, thanh tịnh. Vì sao? Vì giới hạnh của Bồ-tát luôn thanh tịnh. Hết thảy các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... đều cùng ngợi khen, được chư Phật, Bồ-tát thâu nhận. Đó là bản thể thanh tịnh của Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát với vẻ mặt luôn hòa nhã, vui vẻ? Ví như hoa sen lúc vừa nở khiến những người trông thấy tâm ý đều thư thái thích thú. Bồ-tát cũng lại như thế, vẻ mặt hòa nhã, vui vẻ, xa lìa mọi sự buồn lo, các căn thanh tịnh, khiến người trông thấy đều sinh vui vẻ. Đó là Bồ-tát có vẻ mặt hòa nhã, vui vẻ.

Thế nào là Bồ-tát luôn mềm dịu, không thô tháo? Ví như hoa sen thể tánh mềm mại. Bồ-tát cũng lại như thế, tự thể thanh tịnh, mềm dịu, tinh tế nhiệm mầu. Đó là Bồ-tát luôn mềm dịu, không thô tháo.

Thế nào là Bồ-tát, ai trông thấy đều được an lành? Ví như hoa sen, cho đến trong giấc mộng, nếu trông thấy dù trong giây lát, cũng đều tốt đẹp. Vì sao? Vì tất cả những điều tốt đẹp đều thành tựu. Bồ-tát cũng lại như thế, nếu ở trong tất cả các phần vị, người trông thấy đều được an lành, tối thượng. Đó gọi là Bồ-tát, ai trông thấy đều được an lành.

Thế nào là Bồ-tát mở bày đầy đủ? Ví như hoa sen, nếu đã nở rồi thì gọi là đầy đủ. Bồ-tát cũng lại như thế, nếu lúc hoa trí tuệ, giác ngộ đã mở bày thì gọi là đầy đủ. Đó là Bồ-tát mở bày đầy đủ.

Thế nào là Bồ-tát đạt được sự thanh tịnh thành thục? Ví như hoa sen, nếu đã thành thục rồi thì khi mắt nhìn thì nhãn căn thanh tịnh, khi mũi ngửi thì tỷ căn thanh tịnh, khi thân xúc chạm thì thân căn thanh tịnh, khi tâm hoan hỷ thì ý căn thanh tịnh. Bồ-tát cũng lại như thế, khi chứng đắc quả vị trọn vẹn rồi, thì vẻ sáng rỡ của trí tuệ khiến hết thảy hữu tình, khi mắt trông thấy thì nhãn căn thanh tịnh, khi tai nghe thì nhĩ căn thanh tịnh, mùi thơm công đức của giới hạnh nơi Bồ-tát, nếu mũi ngửi được thì tỷ căn thanh tịnh, nếu lúc thân cúng dường thì thân căn thanh tịnh, khi suy nghĩ ngợi khen công đức hơn hẳn của Bồ-tát thì ý căn được thanh tịnh. Đó là Bồ-tát đạt được thanh tịnh thành thục.

Thế nào là Bồ-tát khi sinh ra đã có ý tưởng? Ví như hoa sen lúc nở, hoặc là người, không phải người, sinh rồi liền có ý tưởng. Bồ-tát cũng lại như thế, lúc mới sinh ra, Phật và Bồ-tát, cùng các hàng Thiên chủ như Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế... đều có ý tưởng vui mừng ủng hộ, bảo vệ. Đó là Bồ-tát khi sinh ra đã có ý tưởng.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức như hoa sen.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ đạt được tâm rộng lớn. Mười pháp ấy là những gì?

1. Vì muốn cho các hữu tình đạt được đầy đủ các pháp Ba-la-mật nên khởi tâm rộng lớn.

2. Vì khiến cho tất cả pháp Phật đều được viên mãn.

3. Vì muốn hóa độ các hạng hữu tình.

4. Ngồi nơi đạo tràng chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

5. Khi thành Bậc Chánh Giác rồi, vì các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, Ma vương, Phạm thiên nơi tất cả thế gian chuyển pháp luân nhiệm mầu.

6. Vì khiến cho các hữu tình tạo các việc lợi lạc, nên đi đến khắp vô lượng, vô biên thế giới thực hiện sự hóa độ.

7. Dùng thuyền trí tuệ đưa các hữu tình vượt qua bờ sinh tử.

8. Tất cả những người ở thế gian không nơi nương tựa, không người cứu giúp, không chỗ quy về, không chốn hướng tới, không kẻ thân thuộc, Bồ-tát vì họ mà làm nơi nương tựa, quy về, kẻ thân.

9. Vì nhằm làm hiện rõ Phật là Đại Ngưu vương, là tiếng sư tử gầm vi diệu, các pháp thần thông tự tại của chư Phật, như vua rồng lớn nhìn ngắm, xem xét kỹ, Bồ-tát quan sát rộng khắp tất cả các hạng trong thế gian như Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, Ma, Phạm... khiến cùng đạt được

công đức của Phật.

10. Vì nhằm hóa độ hữu tình có đủ oai đức của Phật, không có hành thô tháo, không có hành khó làm, không có hành yếu kém, không có hạnh thấp hèn, cho nên khởi phát tâm rộng lớn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đạt được tâm rộng lớn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được tâm thanh tịnh. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tâm sâu xa luôn đầy đủ, tâm sâu xa không lay động, tâm sâu xa luôn an trú, tâm sâu xa luôn ngay thẳng, chân chất.

2. Xa lìa sự tác ý không sâu bền. Tác ý không sâu bền, đó là phát khởi hành Thanh văn, hành Duyên giác cùng dấy khởi các duyên nhỏ.

3. Lìa xa các thứ cấu nhiễm. Các thứ cấu nhiễm tức các thứ phiền não cấu uế.

4. Xa lìa những lỗi lầm nơi thân, tức xa lìa các thứ oai nghi giả dối.

5. Xa lìa những lỗi lầm nơi lời nói, tức nêu bày những ý nghĩa không chân thật, đúng đắn.

6. Xa lìa những lầm lỗi nơi tâm ý. Đó là ở trong thân, ngữ, ý lại có chỗ lìa bỏ, biết thân là không hòa hợp, thường nói lời thiểu dục, tri túc, tâm không mong cầu.

7. Biết ân, nghĩ đến sự báo đáp, chịu chút ít ân huệ hãy còn không quên, huống hồ là rộng nhiều.

8. Ban ân cho người, nhưng không hiện bày đức của mình, không chê chỗ kém cõi của người, cho đến một ít ân huệ cũng không mong đáp đền, vui mừng, chỉ dạy, ngợi khen đức hạnh của người kia.

9. Theo như chỗ nêu giảng mà hành hóa. Bồ-tát không hiện ra bên ngoài những lời nói hòa dịu, mềm mỏng mà tâm thì sinh giận dữ. Bồ-tát cũng không hiện ra bên ngoài những lời khen ngợi nhưng trong tâm thì suy nghĩ tìm phương tiện để gây khổ não. Bồ-tát không có bên ngoài nói những lời thân ái mà bên trong lại kết chặt mối cừu thù. Bồ-tát không hiện ra bên ngoài vẻ hiền lành nhưng bên trong lại khởi lên ý xấu xa. Bồ-tát không hiện ra bên ngoài vẻ cung kính mà trong lòng thì khinh mạn. Bồ-tát luôn chân thật, cũng không bao giờ giả dối, lại không keo kiệt, đố kỵ, dua nịnh, dối gạt, không gây tranh cãi, không làm mất sự hòa thuận. Vì sao? Vì Bồ-tát ở trong mọi lúc, thân luôn biểu lộ sự cung kính, lời luôn nêu giảng những nghĩa lý chân thật, tâm niệm luôn thành tựu tất cả các pháp thiện.

10. Đối với giáo pháp của Như Lai luôn xa lìa sự hủy báng. Bồ-tát rốt cuộc không hề ở trong giáo pháp của Như Lai lại sinh tâm chê bai, nói xấu. Vì sao Bồ-tát ở trong giáo pháp của Như Lai không sinh tâm hủy báng? Là vì các Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, cạo bỏ râu tóc, khoác ca-sa, từ trong giáo pháp của Như Lai mà xuất gia thanh tịnh, không vì nạn vua quan mà xuất gia, không vì nạn giặc giã mà xuất gia, không phải vì bị nợ nần bức bách mà xuất gia, không vì sợ không thể kiếm sống được mà xuất gia, chỉ theo niềm tin chân chánh mà xuất gia, tìm cầu các pháp thiện, gần gũi với bậc Thiện tri thức, đích thân cung kính, phụng sự nơi bậc Thiện tri thức nghe nhận chánh pháp, theo đấy tu tập không sinh tâm kiêu căng, ngã mạn. Do lìa bỏ kiêu mạn nên trừ dứt được chấp trước điên đảo, vì không còn điên đảo nên nhận biết rõ về chánh đạo. Hiểu biết rõ về chánh đạo nên có thể hội nhập vào pháp tánh, hội nhập nơi pháp tánh nên chắc chắn sẽ đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đấy, Bồ-tát đối với giáo pháp của Như Lai không sinh tâm hủy báng.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu mười thứ pháp như thế thì đạt được tâm thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được niềm tin sâu xa, không nghi hoặc. Mười pháp đó là những gì?

1. Tin những điều sâu kín nơi thân của Như Lai.

2. Tin những lời nói sâu kín nơi thân của Như Lai.

3. Tin ở sự sâu kín nơi tâm của Như Lai.

4. Tin những sự hành hóa của Bồ-tát.

5. Tin sự xuất sinh của Như Lai.

6. Tin ở pháp giác ngộ.

7. Tin Như Lai chỉ giảng nói một thừa.

8. Tin Như Lai đã giảng nói vô số các thứ giáo pháp.

9. Tin ở âm thanh sâu xa của Như Lai.

10. Tin Như Lai luôn tùy thuận chỗ khế hợp để hóa độ hữu tình.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tin ở sự sâu kín nơi thân của Như Lai? Tức là nếu Bồ-tát khởi lên ý nghĩ: Ta nghe về Pháp thân của Như Lai, thân vắng lặng, thân không gì hơn, thân không gì có thể sánh bằng, thân không hạn lượng, thân bất cộng, thân kim cương, tất cả đều chân thật, không hư dối như vậy, ta từ nơi đó mà tin tưởng, không chút nghi ngờ. Đó là Bồ-tát tin ở sự sâu kín nơi thân của Như Lai.

Thế nào là Bồ-tát tin ở sự sâu kín nơi lời nói của Như Lai? Bồ-tát

nghĩ thế này: Ta nghe lời nói sâu kín của Như Lai vì các hữu tình thọ ký, hoặc thọ ký ẩn mật cho các hữu tình, ta nhận biết thân của Như Lai không sai lầm, lời nói của Như Lai không thô, vội. Do vậy, mà lời nói dối, những sai lầm không từ đâu để phát sinh. Vì sao? Vì Như Lai đã đoạn hết mọi lỗi lầm, lìa các thứ cấu uế, xa lìa hết thảy bụi bặm, bặt mọi sự nung đốt, lìa các thứ phiền não, trong lành, tự tại, thanh tịnh, không còn nhiễm ô. Nếu cho thân của Như Lai có sai lầm, lời nói của Như Lai có thô gấp, là hoàn toàn không có điều ấy. Như vậy, những điều kia là chân thật không hư dối, ta từ nơi đấy mà tin tưởng, không nghi ngờ. Đó là Bồ-tát tin ở sự sâu kín nơi lời nói của Như Lai.

Thế nào là Bồ-tát tin ở sự sâu kín nơi tâm của Như Lai? Bồ-tát suy nghĩ: Ta nghe tâm ý sâu kín của Như Lai, Như Lai có những vui thích thảy đều hòa hợp với tâm của trí tuệ, dựa nơi tâm ấy. Hết thảy hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, tất cả hữu tình khác đều không thể nhận biết, chỉ trừ thần lực của Như Lai gia hộ. Vì sao? Vì trí tuệ của Như Lai sâu xa không cùng, không thể dò xét, vượt quá cảnh giới của sự tìm tòi, dò xét, rộng lớn vô lượng ngang bằng hư không, cũng lại vượt quá tất cả cảnh giới lường xét của thế gian, như thế chân thật là không hư dối, ta từ đấy tin tưởng, không hề nghi ngờ. Đó là Bồ-tát tin ở sự sâu kín nơi tâm tưởng của Như Lai.

Thế nào là Bồ-tát tin ở những nơi hành hóa của các Bồ-tát? Bồ-tát có ý nghĩ: Ta nghe các Bồ-tát vì các hữu tình nên hiện tiền tạo các lợi ích, không sinh mỏi mệt, không khởi sợ hãi, gánh vác nặng nề, ý chí hành động luôn kiên cố bền vững tiến tới, đầy đủ các pháp Ba-la-mật, thứ lớp hoàn thành tất cả pháp Phật, dùng trí tuệ vô ngại, trí tuệ vô biên, trí tuệ không gì bằng, trí tuệ bất cộng... với áo giáp kiên cố, tinh tấn bền chắc, thệ nguyện kiên cố, thệ nguyện chẳng lay động, thệ nguyện bất cộng, ấy là nhân Bồ-đề, tướng Bồ-đề, duyên Bồ-đề... như vậy lần lượt thành tựu trọn vẹn sự nghiệp thần thông rộng lớn. Tất cả đều chân thật không hư dối, ta ở nơi đấy tin tưởng không hề nghi ngờ. Đó là Bồ-tát tin ở những nơi chốn hành hóa của các Bồ-tát.

Thế nào là Bồ-tát tin nơi sự xuất sinh của Như Lai? Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Ta nghe các vị Bồ-tát an tọa nơi đạo tràng rồi đạt được các thứ thần thông, Thiên nhãn trí, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc trụ tùy niệm trí, Thần cảnh trí, Lậu tận trí, đều không vướng mắc, không bị ngăn ngại, lìa các chỗ duyên dựa, ba đời cùng một tướng của trí tuệ bình đẳng, có thể quan sát đúng như thật về các cảnh giới của hữu tình. Loại hữu tình này tạo

các nghiệp ác nơi thân, ngữ, ý, hủy báng Thánh hiền, dấy lên nhận thức sai trái, gồm đủ các nghiệp tà kiến, do nhân duyên đó nên khi thân mạng hư hoại bị đọa vào đường ác, chịu quả báo ở địa ngục. Lại thấy loài hữu tình kia tạo ra các nghiệp thiện nơi thân ngữ ý, không hủy báng Thánh hiền, có những nhận thức chân chánh, gồm đủ hành nghiệp chánh kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung được sinh nơi cõi thiện, nhận được phước báo hơn hẳn ở cõi trời. Bồ-tát xét thấy đúng như thật về cảnh giới của các hữu tình như thế, có thể biết đúng như thật về các nghiệp thiện và bất thiện. Bồ-tát lại suy nghĩ: Như ta ngày xưa, lúc tu tập hạnh Bồ-tát đã phát thệ nguyện lớn, khi ta giác ngộ những hành như thế rồi, sẽ làm cho các hữu tình cũng đều được giác ngộ, ta sẽ đạt được trọn vẹn nơi thệ nguyện như thế, mong ước của ta cũng đủ, những điều đó là chân thật không hư dối, ta từ nơi ấy tin tưởng, không hề nghi ngờ. Đó là Bồ-tát tin nơi sự xuất sinh của Như Lai.

Thế nào là Bồ-tát tin nơi giáo pháp Bồ-đề? Tức là Bồ-tát đối với pháp Bồ-đề của Phật có thể giác ngộ được, dùng trí lực của mình để đạt quả vị Chánh giác, ta từ nơi đấy tin tưởng không nghi ngờ gì cả. Đó là Bồ-tát tin nơi giáo pháp Bồ-đề.

Thế nào là Bồ-tát tin Như Lai chỉ giảng nói giáo pháp Nhất thừa? Bồ-tát khởi ý nghĩ như vầy: Ta nghe pháp Nhất thừa, tức là Như Lai thừa, điều đó là chân thật, không hư dối, thành thật không sai khác, chân lý không gì là không thật. Vì sao? Vì từ Như Lai thừa, phát sinh ra các thừa. Ví như trong cõi Diêm-phù-đề, mỗi mỗi các cồn bãi, các châu nhỏ hiện có đều thuộc cõi Diêm-phù-đề, đều nương tựa vào cõi ấy, cho nên cùng gọi tên, số loại theo cõi Diêm-phù-đề. Thừa của Như Lai cũng lại như vậy. Các thừa khác thảy đều thâu tóm nơi thừa Như Lai, từ nơi thừa Như Lai sinh ra, thảy đều nương tựa vào thừa Như Lai, cho nên Nhất thừa tức là thừa Như Lai. Ta từ nơi ấy tin tưởng không hề nghi ngờ gì cả. Đó là Bồ-tát tin Như Lai chỉ giảng nói pháp Nhất thừa.

Thế nào là Bồ-tát tin Như Lai giảng nói vô số các loại pháp? Bồ-tát khởi ý nghĩ thế này: Ta nghe Như Lai giảng nói vô số giáo pháp, vô số các loại kinh điển, đó là điều chân thật, không hư dối. Vì sao? Vì Như Lai luôn xem xét các hữu tình, kẻ nào đáng được hóa độ, thì tùy theo chỗ tin hiểu của kẻ ấy mà giảng nói pháp cốt yếu, ta từ nơi ấy tin tưởng, không hề nghi ngờ. Đó là Bồ-tát tin tưởng Như Lai đã giảng nói vô số các giáo pháp.

Thế nào là Bồ-tát tin tưởng Như Lai có đầy đủ âm thanh sâu xa? Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Ta nghe Như Lai có đầy đủ âm thanh thanh tịnh, sâu

xa, như thế là chân thật, không hư dối. Vì sao? Vì như các vị Thiên tử, chỉ do sức tu tập một phần ít căn lành hãy còn đạt được âm thanh thâm diệu thanh tịnh, huống chi là Đấng Như Lai, trong vô lượng vô số trăm ngàn kiếp đã tu tập tích lũy các hạnh thù thắng. Ta từ nơi đấy mà tin, không hề nghi ngờ gì cả. Đó là Bồ-tát tin tưởng nơi âm thanh sâu xa của Như Lai.

Thế nào là Bồ-tát tin tưởng Như Lai tùy chỗ ứng hợp mà hóa độ các hữu tình? Bồ-tát khởi ý nghĩ thế này: Ta nghe Đức Như Lai tùy theo tâm niệm của hữu tình, như hữu tình ấy có lòng tin hiểu ứng hợp thì dùng các phương tiện để vì họ mà giáo hóa, cứu độ. Phật dùng một âm thanh dứt trừ các nghi hoặc. Các hữu tình ấy căn tánh đã thành thục, những người đáng được hóa độ ấy đều cho: Như Lai vì ta mà giảng nói chánh pháp, nhân đấy đều hiểu rõ, nhưng Phật Như Lai thì không phân biệt, lại cũng không phải là không phân biệt, những điều đó là chân thật, không hư dối, ta từ nơi ấy tin tưởng không nghi ngờ gì cả. Đó là Bồ-tát tin tưởng Như Lai tùy chỗ ứng hợp mà hóa độ các hữu tình.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy liền đạt tâm không nghi hoặc.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 10

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây liền được như biển cả. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tích tụ các loại báu.
2. Sâu khó dò thấu đáy.
3. Rộng lớn không lường.
4. Lần lượt sâu dần thêm.
5. Không lưu giữ tử thi.
6. Đều cùng một vị.
7. Dung nạp mọi dòng nước.
8. Thủy triều luôn đúng giờ giấc.
9. Các loài thủy tộc có chỗ sinh sống.
10. Không có ranh giới, biên vực.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tích tụ các vật báu lớn? Ví như biển cả rộng chứa các loại báu, tất cả mọi người trong cõi Diêm-phù-đề đều tìm lấy các vật báu nhưng không hết được. Bồ-tát cũng lại như thế, rộng chứa mọi công đức báu của Nhất thiết trí, tất cả các hữu tình đều chọn lấy những báu ấy nhưng cũng không cùng tận. Đó là Bồ-tát tích chứa các loại báu.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả rất sâu, khó dò tới đáy. Bồ-tát cũng lại như vậy, tất cả hữu tình đối với pháp của Bồ-tát đều không thể lường xét về chỗ cùng tận.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả rộng lớn không lường. Bồ-tát cũng lại như thế, trí tuệ, công đức rộng lớn vô lượng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả lần lượt sâu thêm dần. Bồ-tát cũng lại như thế, Nhất thiết trí sâu xa, Nhất thiết trí sâu xa thêm dần và Nhất thiết trí sâu xa tột cùng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả không lưu giữ tử thi. Vì sao? Vì biển cả theo lý là như thế, Bồ-tát cũng lại như vậy, không cùng với phiền não, kết sử, các lậu và các hàng tri thức bất thiện ở chung nhau. Vì sao? Vì

Bồ-tát theo đúng lý là như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả, các dòng chảy đổ vào đều cùng một vị, đó là vị mặn. Bồ-tát cũng lại như thế, chứa góp tất cả pháp thiện đều cùng một vị, đó là vị Nhất thiết trí. Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả dung nạp mọi dòng nước chảy vào, nhưng nước biển vẫn không tăng không giảm. Bồ-tát cũng lại như thế, dung nạp vô lượng tất cả nước chánh pháp, nhưng trí tuệ của Bồ-tát không tăng, không giảm.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như thủy triều của biển cả không sai giờ giấc. Bồ-tát cũng lại như thế, đã tới chỗ ứng hợp để giáo hóa thành thục cho hữu tình thì cũng không sai thời.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả là trú xứ cho các loài thủy tộc nương tựa, sinh sống. Bồ-tát cũng lại như vậy, vì tất cả hữu tình làm chỗ nương tựa cho hết thảy các pháp thiện.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như biển cả, tất cả hữu tình đều chọn lấy nước ấy nhưng không giới hạn. Bồ-tát cũng lại như vậy, rộng vì tất cả hữu tình giảng nói pháp cốt yếu cũng không có biên vực.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như vậy tức như biển cả.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được trí vi diệu. Mười pháp ấy là những gì?

1. Khéo tìm cầu nẻo xuất ly.
2. Khéo biết được pháp xuất ly.
3. Khéo rõ các pháp bình đẳng.
4. Khéo nhận biết các pháp là như huyễn.
5. Khéo nhận biết tướng của tất cả các pháp.
6. Khéo hiểu rõ pháp nhân duyên sinh rất sâu xa, khó lường.
7. Khéo biết về nghiệp là không thể nghĩ bàn.
8. Khéo biết rõ ý nghĩa của các pháp đã giảng nói.
9. Khéo hiểu rõ nghĩa như thật.
10. Khéo quán xét trí chân thật.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát khéo tìm cầu nẻo xuất ly... cho đến khéo quán xét trí chân thật? Nghĩa là nếu Bồ-tát khởi ý nghĩ như vầy: Ta nên xem xét các tướng nơi thế gian, trông thấy ở thế gian lửa Tham thiêu đốt, khói Sân mù mịt, bóng tối Si phủ che hoàn toàn tối tăm, không thể nhờ dựa được. Bồ-tát liền nghĩ: Làm thế nào để các hữu tình này có thể ra khỏi? Bồ-tát liền vì họ gắng sức tìm cầu nẻo xuất ly và pháp xuất ly. Do đạt được pháp xuất ly tức có thể theo đấy biết rõ các pháp bình đẳng. Biết rõ các

pháp bình đẳng tức có thể nhận biết đúng như thật các pháp là như huyễn. Do biết các pháp là như huyễn nên nhận biết đúng như thật về tướng của các pháp. Từ biết rõ tướng của các pháp nên có thể suy nghĩ, xem xét pháp duyên sinh sâu xa, khó lường. Do có thể suy nghĩ, quan sát pháp duyên sinh nên có thể hiểu rõ về nghiệp là không thể nghĩ bàn. Cho nên Bồ-tát tuy nhận biết các pháp nơi thế gian là không thật, nhưng cũng hiển bày vô số các thứ nghiệp báo. Do vậy mà đạt được trí vi diệu, có thể ở trong ý nghĩa của giáo pháp được chư Phật và Bồ-tát giảng nói đều thấu hiểu, vì thấu hiểu nên liền có thể khai mở rõ nghĩa như thật. Thấu đạt nghĩa như thật tức có thể quán xét về trí chân thật. Thấy nẻo chân thật, tức có thể cứu độ hữu tình ra khỏi đường sinh tử.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đạt được trí vi diệu.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được biện tài tùy thuận ứng hợp. Mười pháp ấy là những gì?

1. Mở bày, chỉ rõ các pháp là không ngã.

2. Không có hữu tình.

3. Không có thọ mạng.

4. Không có sự dưỡng nuôi.

5. Không thấy có chúng sinh.

6. Không có sự tạo tác.

7. Không có sự thọ nhận.

8. Không có sự hiểu biết.

9. Không có sự nhận thức.

10. Hiện bày tất cả pháp là không, đều không có chủ thể, đều là phân biệt hư vọng, không thật, các pháp chỉ do duyên sinh mà có.

Này thiện nam! Nếu hiểu được tất cả các pháp tương ưng với vô ngã, tức chúng thuận theo pháp tánh, do đó đối với các pháp là không có hữu tình, không có thọ mạng, không có sự nuôi dưỡng, không có Bổ-đặc-già-la, không có sự tạo tác, không có sự thọ nhận, không có sự hiểu biết, không có sự nhận thức... tương ưng đúng như lý tức có thể tùy theo pháp tánh. Do đó hiểu rõ các pháp là không, không có chủ thể, đều là phân biệt hư vọng, không thật. Các pháp chỉ từ duyên sinh mà có, tương ưng như lý tức có thể thuận theo pháp tánh.

Này thiện nam! Nếu tùy thuận pháp tánh tức đối với pháp tánh không hề trái ngược. Không trái ngược nên có thể giảng nói đúng đắn về các pháp.

Giảng nói đúng đắn về các pháp nên khéo nhập vào pháp tánh. Nhập vào pháp tánh nên có thể mở bày, chỉ rõ về các pháp. Mở bày chỉ rõ về tất cả pháp nên biện tài kia gọi là tùy ứng.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế liền đạt biện tài tùy ứng.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được biện tài lạc thuyết. Mười pháp ấy là những gì?

1. Biện tài không vướng mắc.
2. Biện tài không tận cùng.
3. Biện tài liên tục.
4. Biện tài không sợ chỗ đông người.
5. Biện tài không tự hạ thấp mình.
6. Biện tài không sợ hãi.
7. Biện tài không chung với kẻ khác.
8. Biện tài không khinh mạn.
9. Biện tài vô biên.
10. Biện tài không trở ngại trong sự giảng giải.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như vậy thì đạt được biện tài lạc thuyết.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát tu tập mười pháp sau đây thì đạt được biện tài thanh tịnh. Mười pháp ấy là gì?

1. Nói năng lưu loát.
2. Lời nói không lẫn lộn.
3. Xa lìa sự thấp kém.
4. Lời nói không cao giọng khó nghe.
5. Ý nghĩa không giảm bớt.
6. Câu văn không thiếu sót.
7. Âm thanh luôn hài hòa.
8. Phải biết đúng lúc.
9. Lời nói không thô ác.
10. Luôn tạo sự rõ ràng.

Này thiện nam! Các vị Bồ-tát với biện tài hiện có, nói năng đều lưu loát. Vì sao? Vì Bồ-tát ở trong đại chúng không hề sợ sệt, khiếp nhược.

Lại nữa, các vị Bồ-tát với biện tài hiện có, lời nói không lẫn lộn. Vì

sao? Vì trí tuệ của Bồ-tát luôn an nhiên, không sợ hãi.

Các vị Bồ-tát với biện tài hiện có không hề tỏ ra thấp kém. Vì sao? Vì Bồ-tát ở giữa đại chúng giống như sư tử, xa lìa các nỗi sợ sệt.

Lại nữa, các vị với Bồ-tát biện tài hiện có, lời nói không cao giọng khó nghe. Vì sao? Vì đã lìa bỏ các phiền não.

Lại nữa, các vị Bồ-tát với biện tài hiện có nên không làm giảm mất ý nghĩa. Vì sao? Vì đã đạt được các pháp. Nếu không đạt được giáo pháp thì trong ý nghĩa có điều giảm mất. Đạt được tức là không giảm mất.

Lại nữa, các vị Bồ-tát với biện tài hiện có nên lời văn không thiếu mất. Vì sao? Vì rộng hiểu về các luận. Nếu hiểu về luận còn ít ỏi tức văn có thiếu sót. Do hiểu rộng nên không như thế.

Lại nữa, Bồ-tát với biện tài hiện có âm thanh luôn hài hòa. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn thông đạt về tất cả âm thanh.

Lại nữa, các vị Bồ-tát với biện tài hiện có luôn biết đúng thời. Điều đáng giảng nói trước thì không nên nói sau. Điều nên giảng nói sau thì không nói trước. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn khéo nhận biết về thời phần.

Lại nữa, các vị Bồ-tát với biện tài hiện có lời nói không hề thô ác, không gì là không làm cho tâm ý vui thích, không kẻ nào là không ưa nghe. Vì sao? Vì đã có thể xa lìa những ngôn ngữ sai lầm.

Lại nữa, các vị Bồ-tát với biện tài hiện có luôn tạo được sự rõ ràng, sáng tỏ. Vì sao? Vì căn tánh của Bồ-tát là nhạy bén, nếu căn tánh chậm lụt thì không thể tạo được sự sáng tỏ, rõ ràng. Căn tánh nhạy bén nên không như thế.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì đạt được biện tài thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được biện tài khiến tất cả hữu tình hoan hỷ. Mười pháp ấy là những gì?

1. Lời nói thân ái.
2. Vẻ mặt luôn vui tươi, xa lìa mọi bực bội.
3. Nói những lời đúng với nghĩa lý.
4. Lời nói đúng như pháp.
5. Lời nói bình đẳng.
6. Không tự đề cao mình.
7. Không xem thường kẻ khác.
8. Không nhiễm chấp.

9. Không gây tạo não hại.

10. Gồm đủ các thứ biện tài.

Này thiện nam! Bồ-tát có thể dùng lời nói thân ái khiến cho các hữu tình đều sinh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, các vị Bồ-tát luôn hiện vẻ mặt vui tươi, xa lìa sự bực bội, khiến các hữu tình đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát thường nói ra những lời đúng nghĩa lý, những lời tốt đẹp khiến các hữu tình đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát thường nói lời đúng pháp, những lời có ích lợi khiến họ đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát thường vì hữu tình giảng nói chánh pháp một cách bình đẳng, khiến họ đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát không tự đề cao mình, lìa xa mọi thứ kiêu mạn, khiến các hữu tình đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát không xem thường kẻ khác, thường vì hữu tình mà cung kính thuyết giảng giáo pháp, khiến họ đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát lìa khỏi các vướng mắc cấu nhiễm, có đầy đủ hành giới thanh tịnh, khiến các hữu tình đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát xa lìa mọi sự xúc não, gồm đủ sức nhẫn nhục, khiến các hữu tình đều sinh tâm vui mừng.

Lại nữa, các vị Bồ-tát có đủ các thứ biện tài, thường nói những lời vừa ý, thích thú, khiến các hữu tình đều sinh tâm vui mừng.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đạt được biện tài khiến tất cả hữu tình hoan hỷ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức đạt sự giảng nói chánh pháp làm cho hữu tình tin thuận. Mười pháp ấy là những gì?

1. Nếu không phải là pháp khí thì Bồ-tát không vì những kẻ ấy mà giảng nói chánh pháp.

2. Nếu có chướng ngại thì Bồ-tát không vì họ giảng nói chánh pháp.

3. Nếu có kiến chấp hữu sở đắc thì Bồ-tát không vì họ giảng nói chánh pháp.

4. Đối với ngoại đạo, tà giáo thì Bồ-tát không vì họ giảng nói chánh pháp.

5. Nếu không khởi tâm ưa muốn thì Bồ-tát không vì họ giảng nói

chánh pháp.

6. Nếu không phát tâm thanh tịnh thì Bồ-tát không vì họ giảng nói chánh pháp.

7. Nếu tâm dua nịnh xảo trá, thì Bồ-tát không vì những kẻ đó giảng nói chánh pháp.

8. Nếu chỉ dốc cầu mạng sống cho bản thân thì Bồ-tát không vì kẻ ác ấy giảng nói chánh pháp.

9. Nếu bị ràng buộc do tham đắm lợi dưỡng, keo kiệt, ganh tị thì Bồ-tát không vì những kẻ ấy mà giảng nói chánh pháp.

10. Nếu là đui điếc, câm ngọng thì Bồ-tát không vì những kẻ ấy mà giảng nói chánh pháp.

Vì sao? Này thiện nam! Bồ-tát không có tâm keo kiệt về chánh pháp, cũng không có pháp bí mật đối với hữu tình, không ai là không yêu thương, vì tạo lợi ích cho hữu tình nên không hề từ bỏ. Vì sao? Nếu có hữu tình chẳng phải là pháp khí, Bồ-tát liền khởi ý nghĩ như vầy: Những hữu tình đó, ở trong pháp luật của Như Lai tất dấy lên hành xả bỏ.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như thế thì chư Phật, Bồ-tát sẽ vì họ giảng nói pháp như thế nào?

Phật nói:

–Này thiện nam! Những hữu tình đầy đủ lòng tin thì chư Phật, Bồ-tát sẽ vì họ mà thuyết pháp. Lại nếu hoặc căn lành đã thành thục, hoặc là pháp khí, thì trước hết Phật sẽ ươm trồng cho kẻ ấy gốc rễ của các đức, đối với kẻ không dua nịnh, dối trá, kẻ không giả vờ hiện ra vẻ uy nghi, kẻ không tham đắm lợi dưỡng, kẻ có đầy đủ tâm sâu xa, kẻ được bậc Thiện tri thức thu nhận, kẻ có đủ tướng thiện khiến mọi người ưa thích nhìn thấy, kẻ căn tánh sáng suốt, nhạy bén, đối với giáo pháp nghe được thì hiểu rõ ý nghĩa, những người tùy theo chỗ đạt được về giáo pháp, siêng năng, tinh tấn, hành trì, các kẻ theo như điều Phật giảng dạy mà tu hành thì những hữu tình đó, chư Phật Bồ-tát sẽ vì họ giảng nói chánh pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy liền đạt được sự thuyết pháp có người tin thuận.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây là bậc thầy thuyết pháp. Đó là mười pháp nào?

1. Tu tập pháp Phật nên giảng nói chánh pháp, không thấy có pháp Phật có thể thủ đắc, lại cũng không thấy có chỗ tu tập.

2. Tu tập pháp đáo bỉ ngạn nên giảng nói chánh pháp, không thấy có pháp đáo bỉ ngạn có thể đạt được, lại cũng không thấy có điều tu tập.

3. Tu tập pháp của Bồ-tát nên giảng nói chánh pháp, không thấy có pháp Bồ-tát có thể thủ đắc, lại không thấy có chỗ tu tập.

4. Dứt trừ phiền não nên giảng nói chánh pháp, không thấy có phiền não có thể đắc, cũng không thấy có dứt trừ.

5. Chán lìa, lìa tham, đạt tịnh diệt nên giảng nói chánh pháp, không thấy có sự chán lìa, lìa tham, tịch diệt có thể thủ đắc.

6. Vì đạt quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm nên giảng nói chánh pháp, không thấy có quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm có thể thủ đắc, cũng không thấy có quả vị.

7. Vì đạt quả A-la-hán nên giảng nói chánh pháp, không thấy có A-la-hán có thể thủ đắc cũng không thấy có quả vị.

8. Vì đạt quả vị Duyên giác nên giảng nói chánh pháp, không thấy có Duyên giác có thể thủ đắc, cũng không thấy quả vị.

9. Dứt trừ chấp ngã nên giảng nói chánh pháp, không thấy có ngã có thể thủ đắc, cũng không thấy có sự chấp trước.

10. Hiển bày về nghiệp báo nên giảng nói chánh pháp, không thấy có nghiệp báo có thể thủ đắc, cũng không thấy có quả báo. Vì sao? Vì tất cả pháp như thế đều không có thực thể, chỉ do giả danh để nêu bày, danh cũng không có thực. Vì sao? Vì văn, chữ, không có tự tánh. Pháp vốn lìa văn tự, chỉ do đấy kiến lập tên, chữ của các pháp, vì tên gọi kia là không, vốn là hư giả. Trong thắng nghĩa đế không có tên gọi hư giả vì không giả danh nên ở trong thắng nghĩa không có pháp hư vọng. Chính pháp hư vọng kia đã lừa dối kẻ ngu tối.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức là bậc thầy giảng nói chánh pháp.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau thì có thể quán xét thuận theo pháp tánh. Mười pháp ấy là những gì?

1. Bồ-tát tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không hủy hoại tướng của sắc, tuy quán xét thuận theo pháp tánh, nhưng không hủy hoại tướng của thọ, tưởng, hành, thức.

2. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không hủy hoại tướng của cõi Dục.

3. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không hủy hoại tướng của cõi Sắc.

4. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không hủy hoại tướng của cõi Vô sắc.

5. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không hủy hoại tướng của các pháp.

6. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không thấy tướng tùy thuận của các pháp.

7. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không thấy tướng của hữu tình.

8. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không rơi vào đoạn kiến.

9. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không mất chánh đạo.

10. Tuy quán xét thuận theo pháp tánh nhưng không lìa phương tiện của trí tuệ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập theo mười pháp ấy thì có thể quán xét thuận theo pháp tánh.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì khéo lãnh hội lý của pháp giới. Mười pháp ấy là gì?

1. Có trí tuệ.

2. Được bậc Thiện tri thức thu nhận.

3. Phát khởi tinh tấn.

4. Xa lìa các chướng ngại, cấu nhiễm.

5. Khéo tu tịnh hạnh.

6. Tôn trọng, tán dương pháp.

7. Khéo tu tập quán không.

8. Xa lìa kiến chấp về chỗ có thủ đắc.

9. Luôn hướng tới chánh đạo.

10. Thấy được pháp chân thật.

Này thiện nam! Bồ-tát có đủ trí tuệ nên có thể siêng năng tìm cầu các bậc Thiện tri thức. Gặp bậc Thiện tri thức rồi, tâm sinh vui mừng, như tưởng về bậc thầy tôn kính nên gần gũi, nương tựa. Do có thể nương tựa những bậc Thiện tri thức nên liền phát khởi tinh tấn, dứt trừ tất cả các pháp bất thiện, thành tựu đầy đủ tất cả các pháp thiện thanh tịnh, siêng năng tạo sự xa lìa tất cả chướng ngại cấu nhiễm. Xa lìa chướng ngại cấu nhiễm nên đạt được sự khinh an. Khéo tu tập hạnh thanh tịnh nên xa lìa tất cả lỗi lầm của thân, ngữ, ý. Do thanh tịnh nên đối với các pháp đã đạt được luôn tôn trọng, ngợi khen. Vì tôn trọng pháp nên thường tu tập pháp quán không. Tu

tập pháp quán không nên không khởi lên tâm kiến chấp có chỗ thủ đắc. Lìa kiến chấp có chỗ thủ đắc nên hành hóa thuận với chánh đạo. Chứng nhập chánh đạo nên có thể quán xét chân thật.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chân thật?

Phật nói:

–Này thiện nam! Do nghĩa như thật nên gọi là chân thật.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Sao gọi là như thật?

Phật nói:

–Không hư vọng nên gọi là như thật.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Thế nào gọi là không hư vọng?

Phật nói:

–Đó là chân như, không gì không là chân như, không gì khác với chân như.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Sao gọi là chân như?

Phật nói:

–Này thiện nam! Pháp ấy chỉ từ trong chỗ tự chứng đắc, không phải bằng văn tự, ngôn ngữ có thể biểu thị được. Vì sao? Vì pháp ấy vượt qua các thứ văn tự, xa lìa mọi sự giảng nói, vượt lên cảnh giới của hết thảy ngôn ngữ, ra khỏi nẻo ngôn từ, lìa mọi hý luận, lìa tạo tác, phi tạo tác, không động, không tĩnh, rời khỏi mọi tìm tòi, dò xét, là cảnh giới không thể nghĩ bàn, không tướng, không phải là không tướng, thảy đều xa lìa, ra khỏi cảnh tướng, vượt qua mọi cảnh phàm, mọi hành của hàng phạm phu, vượt quá cảnh giới các ma, vượt lên trên tất cả cảnh giới phiền não, lìa khỏi cảnh của các thức, an ổn nơi vô trụ là cảnh giới Thánh trí tịch tĩnh tối thượng, vì thế, pháp này chỉ là sự chứng đắc từ bên trong, tức không bụi nhơ, không cấu nhiễm, trong lành, thanh tịnh tối thượng, hơn hẳn, là đệ nhất, không gì sánh bằng, thường trụ nơi pháp bền chắc, rốt ráo, không hư hoại, Như Lai ra đời hoặc không ra đời, thì pháp ấy vẫn thường trú.

Này thiện nam! Bồ-tát vì cầu đạt pháp ấy nên trải qua trăm ngàn thứ khó khăn, hành trì khổ hạnh mới đạt được. Đạt được rồi thì khiến cho hữu tình an trụ trong pháp ấy.

Này thiện nam! Nên gọi pháp ấy là chân như, gọi là thật tế, gọi là Nhất thiết trí, gọi là Nhất thiết chủng trí, gọi là cảnh giới bất tư nghì, gọi là cảnh giới bất nhị.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 11

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này làm sao có thể chứng đắc, làm thế nào có thể hiểu rõ?

Phật nói:

–Này thiện nam! Đạt được trí tuệ xuất thế gian mới có thể chứng nhập, sẽ tự lý giải.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng thưa:

–Há không phải là trí tuệ chứng đắc tức là tự trong tâm lý giải, hội nhập sao?

Phật nói:

–Không phải, này thiện nam! Vì sao? Vì trí tuệ chỉ có thể quán xét các pháp đúng như thật. Còn đây là do thân tác chứng.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng thưa:

–Nếu các thiện nam ấy, há chẳng phải là do trí tuệ nơi văn, tư, tu kia, khi chứng đắc pháp thì có thể từ bên trong hiểu rõ, chứng nhập sao?

Phật nói:

–Không phải, này thiện nam! Không phải do trí tuệ nơi văn, tư, tu kia khi vừa chứng đắc liền có thể từ bên trong tự hiểu rõ, hội nhập được. Nay ta dùng ví dụ để lược nêu về ý nghĩa ấy.

Này thiện nam! Ví như trong khoảng đồng trống rộng lớn vắng vào mùa hè nóng bức, hoặc có một người đi từ Đông sang Tây, lại có một người đi từ Tây sang Đông, gặp lúc nóng bức độc hại, cơn khát thúc bách, người đến từ phương Tây nói với người đến từ phương Đông: Tôi nay rất nóng, bị cơn khát bức bách, ông từ đó đến đây chắc trải qua quãng đường dài, vậy nơi nào có dòng suối, ao nước trong mát xin chỉ để tôi uống cho hết cơn nóng, khát. Người đến từ phương Đông khéo nhận biết về đường sá hiện có ở phương Đông, lại cũng biết rõ nơi nào có nước trong mát cùng chỗ nông sâu... liền nói: “Giờ ông hãy đi tới phía trước, đến một nơi có hai ngả

rẽ, ngả bên trái không nên đi, từ ngả bên phải ông có thể đi đến nơi có khu rừng rậm rạp, sum suê, mát mẻ, trong ấy có ao hồ với dòng nước trong mát, ngọt chảy tràn khắp."

Này thiện nam! Theo ý ông thì sao? Người bị khát kia, vừa lúc nghe chỉ bảo có hồ, ao nước trong ngon, khởi lên ý nghĩ thì liền có thể trừ hết nỗi khổ vì khát nước, liền tự được mát mẻ chăng?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng thưa:

–Không phải, bạch Thế Tôn! Người bị khát kia phải tự đến nơi đang có nước để uống nước từ ao hồ đó rồi thì mới dứt được cơn nóng khát và mát mẻ.

Phật nói:

–Này thiện nam! Trí tuệ từ văn, tư, tu không phải vừa nghe được là có thể từ bên trong hiểu rõ và hội nhập vào pháp tánh, cũng lại như thế. Nay ông nên biết: Nơi đồng gò hoang vắng là cõi sinh tử. Người bị khát nước vào mùa hè nóng bức đó là tất cả các loài hữu tình. Sự nóng bức cực độ kia tức là những phiền não nơi cảnh giới ái dục của sáu trần. Người biết rõ đường đi tức là các vị Bồ-tát khéo có thể biết rõ về con đường của Nhất thiết trí. Người uống nước kia tức là người đã từ bên trong hiểu rõ, chứng đắc hội nhập, đạt được pháp vị thù thắng, nhẹ nhàng, trong lành, ngon ngọt là thật tánh của các pháp nơi Đệ nhất nghĩa đế.

Này thiện nam! Nay ông nên lắng nghe, ta lại nêu ví dụ: Giả sử Như Lai thọ mang một kiếp, đối trước tất cả mọi người nơi cõi Diêm-phù-đề khen ngợi thức uống của cõi trời có mùi thơm và màu sắc rất tuyệt, hương vị thanh tịnh, bổ dưỡng bậc nhất, người nào uống vào sẽ có cảm giác an vui vi diệu.

Này thiện nam! Người nơi cõi Diêm-phù-đề nghe những lời ấy về màu sắc, hương vị của thức uống kia thì trong lòng tự cảm nhận một cách tường tận chăng?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng thưa:

–Không thể, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

–Này thiện nam! Do vậy nên biết trí tuệ từ văn, tư, tu, không phải khi vừa nghe được liền có thể tự hiểu rõ và hội nhập vào pháp tánh. Nay ông lại nên lắng nghe về ví dụ. Như có người đối với các loại trái cây biết được tên một loại, tự mình ăn trước, rồi nói cho người chưa ăn về màu sắc, mùi vị của trái ấy. Này thiện nam! Ý ông thế nào? Người chưa ăn kia có thể biết

rõ về hương vị của trái cây ấy chăng?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng thưa:

–Không thể, bạch Thế Tôn!

Phật nói:

–Này thiện nam! Do vậy nên biết trí tuệ từ văn, tư, tu không phải khi vừa nghe được là có thể tự mình hiểu rõ và hội nhập vào pháp tánh.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Đấng Thế Tôn đã khéo giảng nói! Đấng Thiện Thệ đã khéo giảng nói sự chứng đắc về lý nơi các pháp là như vậy. Nếu như thiện nam có thể một lần trải qua như thế, nên biết người ấy tức có thể gồm đủ các pháp văn, tư, tu. Vì sao? Vì người ấy đã có đủ nhân không điên đảo nên đạt được pháp đó.

Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức hiểu rõ về lý của pháp giới.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì khéo hiểu rõ về cảnh giới không. Mười pháp ấy là những gì?

1. Nhận biết về lực không.

2. Nhận biết về vô úy không.

3. Nhận biết pháp Phật bất cộng là không.

4. Nhận biết về giới uẩn không.

5. Nhận biết về định uẩn không.

6. Nhận biết về trí tuệ uẩn không.

7. Nhận biết về giải thoát uẩn không.

8. Nhận biết về giải thoát tri kiến uẩn không.

9. Nhận biết về không không.

10. Nhận biết về thắng nghĩa là không. Tuy nhận biết là không, nhưng cũng không cho không ấy là nhân duyên, để đối với cái không kia có chỗ thủ đắc về tướng. Cũng không vướng mắc nơi không, không dấy lên kiến chấp về không, không dựa nương vào không, lại không do từ nhân duyên không ấy mà rơi vào đoạn kiến.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức khéo nhận biết về cảnh giới của không.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, liền có sự khéo tu về hạnh vô tướng. Mười pháp ấy là những gì?

1. Lìa tướng bên ngoài.

2. Lìa tướng bên trong.

3. Lìa tướng lý luận.

4. Lìa tất cả tướng biến kế.

5. Lìa tất cả tướng có chỗ thủ đắc.

6. Lìa tất cả tướng cử động.

7. Lìa tất cả tướng hư giả.

8. Lìa tất cả tướng của đối tượng được duyên.

9. Lìa tướng hữu đắc của thức.

10. Lìa tướng nới cảnh giới của đối tượng được nhân biết.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp đó thì có thể khéo tu về hạnh vô tướng.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đạt hành tướng như trên tức là Bồ-tát tu tập về hạnh vô tướng. Vậy làm thế nào thấy được chỗ tu tập của Như Lai?

Phật nói:

–Này thiện nam! Nên biết đó là điều không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì đã lìa cảnh giới của tâm. Tất cả hữu tình, nếu người nào cho Như Lai là đối tượng có thể tư duy thì đó là kẻ cuồng loạn. Điều Như Lai hiện có, hoặc ở bờ bên này, hoặc ở bờ bên kia, cho đến với sự mệt nhọc cùng cực, rốt cuộc cũng không thể thấy, không thể đạt được. Vì sao? Vì pháp của Như Lai là không thể nghĩ bàn, hết sức sâu xa, khó lường, không thể xét suy về chỗ tận cùng, sánh bằng hư không, vượt khỏi cảnh giới của mọi tầm tứ, vượt khỏi tất cả các tướng có chỗ thủ đắc, không phải các khả năng suy xét, so sánh, lường tính có thể đạt tới.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có chút nghi ngờ xin được thưa hỏi: Nếu Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cho phép chúng con nêu bày thì xin vì con mà lược giảng.

Phật nói:

–Này Bồ-tát Trừ Cái Chướng! Nay ông nên hỏi, vì đó là điều bình thường.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những người tự cao, thực không phải là bậc Chánh sĩ, thế sao Đức Thế Tôn là bậc Đại Pháp vương, nay lại tự khen, vậy chẳng

phải là tự cao chăng?

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Tâm chí của ông sâu xa, vững vàng, nên có thể nêu lên câu hỏi ấy. Ông hãy lắng nghe, khéo tác ý suy nghĩ, Như Lai sẽ vì ông mà giảng nói.

Lúc ấy, Bồ-tát Trừ Cái Chướng vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật nói:

–Này thiện nam! Như Lai, không có tâm ngã mạn, cũng không tự cao, không vì mong muốn về lợi dưỡng, danh tiếng mà sinh ra ngã mạn, cũng không vì mong có sự biết đến của nhiều người, cũng không sinh tâm dua nịnh, dối gạt mà sinh ra ngã mạn. Chỉ đem pháp mình đã chứng đắc được tạo lợi ích, an lạc rộng khắp cho tất cả hữu tình. Vì sao? Vì muốn khiến cho các hữu tình ở chỗ của Như Lai phát sinh tâm thanh tịnh, hoan hỷ. Người nào có thể là hàng pháp khí tức sẽ khiến người ấy đạt được tất cả pháp thiện, khiến trong cõi sinh tử đạt được lợi lạc lớn.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao hữu tình không thể biết thắng đức của Như Lai?

Phật nói:

–Này thiện nam! Hữu tình đó thực sự không biết. Vì sao? Vì trong cõi Phật này, các loài hữu tình, sự tin, hiểu còn kém, hẹp, ý chí bị vướng mắc nơi chỗ thô xấu, thiếu trí tuệ, thiếu đức tin, căn lành nhỏ ít, nên không thể nhận biết thắng đức của Như Lai. Do đó Như Lai mới tự khen ngợi về những công đức hiện có, ý nhằm khiến cho hữu tình phát sinh sự tin tưởng thanh tịnh, có thể thành tựu các công đức thù thắng của Như Lai.

Này thiện nam! Ví như có người là một đại y sư giỏi trị các bệnh, ở trong nước là người giỏi nhất không ai sánh bằng, nhưng dân chúng nơi nước ấy lại không biết về người đó vốn am hiểu các phương thuốc, có đủ cách chữa bệnh tốt. Lúc này, vị y sư kia thấy có người bị bệnh, khổ sở bức bách liền khởi ý nghĩ: Người này bị bệnh khổ, không có phương thuốc hay, ta nay nên vì người ấy mà chữa trị. Người thầy thuốc bèn tìm đến nhà người bệnh, nói với bệnh nhân: “Tôi là thầy thuốc, rõ các cách điều trị, khéo nhận biết các thứ bệnh cùng rõ về nguyên nhân của chúng. Bệnh khổ của ông tôi có cách điều trị.” Bệnh nhân nghe rồi, liền đối với vị thầy thuốc sinh tâm tin tưởng, tôn trọng, quyết nương nhờ. Khi đó, vị thầy thuốc liền vì bệnh nhân dốc sức chữa trị, bệnh kia được dứt trừ.

Này thiện nam! Ý ông thế nào? Vị thầy thuốc kia, đối trước người bệnh nói mình có thể chữa trị được bệnh, có phải là tự khoe chăng?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không phải.

Phật nói:

–Này thiện nam! Như Lai cũng lại như thế, là Đại Y Vương khéo chữa trị các bệnh phiền não cho hữu tình, biết nguyên nhân của bệnh, đưa ra thuốc pháp lớn. Các hữu tình bị bức bách của những thứ bệnh phiền não như vô minh… Như Lai thấy biết rồi, liền đến trước người ấy, tự xưng nói Như Lai có đủ công đức thù thắng, khiến các hữu tình, kẻ nào bị bệnh khổ bức bách nghe nói về công đức hơn hẳn của Như Lai rồi, có thể sinh tâm tin tưởng, tôn trọng, thanh tịnh, lấy Phật, Như Lai làm chỗ nương nhờ. Cho nên Như Lai là vị Đại Y Vương thù thắng, vì kẻ bệnh kia ban cho thuốc pháp lớn, làm cho các hữu tình bị các bệnh nặng của phiền não đều được tiêu diệt.

Này thiện nam! Những gì là pháp dược lớn? Đó là các hữu tình nhiều tham lam sẽ dạy họ tu pháp quán bất tịnh, các hữu tình nhiều giận dữ sẽ dạy họ tu pháp quán Từ bi, các hữu tình nhiều ngu si dạy họ tu pháp quán duyên sinh. Do duyên cớ ấy, nên thấy hiểu việc Như Lai tự khen ngợi về chỗ đạt được công đức hơn hẳn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được các nguyện, lìa xa chấp trước. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tuy hành bố thí mà có nguyện cầu, cũng không chấp trước về sự bố thí.

2. Tuy giữ giới cấm, cũng không chấp trước việc giữ giới.

3. Tuy hành nhẫn nhục, cũng không chấp trước sự nhẫn nhục.

4. Tuy phát khởi tinh tấn, cũng không chấp trước nơi tinh tấn.

5. Tuy tu tập thiền định, cũng không chấp trước nơi thiền định.

6. Tuy tu tập trí tuệ, cũng không chấp trước về trí tuệ.

7. Tuy nương tựa vào ba cõi, cũng không chấp trước nơi ba cõi.

8. Tuy cầu đạt Bồ-đề, cũng không chấp trước nơi Bồ-đề.

9. Tuy hành chánh đạo, cũng không chấp trước nơi chánh đạo.

10. Tuy vào Niết-bàn, cũng không chấp trước về Niết-bàn. Vì sao? Vì Bồ-tát luôn lìa mọi chỗ chấp trước. Tuy ở thế gian nhưng hết thảy chỗ hành hóa đều không chấp trước.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như vậy thì đạt được các

nguyện, xa lìa chấp trước.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, sẽ đạt được đầy đủ thân từ. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tâm Từ không phân chia nơi chốn.

2. Tâm Từ không có chủng loại.

3. Tâm Từ về pháp.

4. Tâm Từ về định.

5. Tâm Từ không mưu hại.

6. Tâm Từ lợi ích.

7. Tâm Từ bình đẳng với tất cả hữu tình.

8. Tâm Từ bình đẳng không giận dữ.

9. Tâm Từ rộng lớn trùm khắp mười phương.

10. Tâm Từ xuất thế gian.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì đạt đầy đủ thân Từ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được đầy đủ thân Bi. Mười pháp ấy là những gì?

1. Thấy người bị các khổ não, không ai cứu giúp, không chốn nương tựa, không nơi quay về, Bồ-tát thấy rồi phát khởi tâm Bồ-đề.

2. Phát tâm Bồ-đề rồi cầu chứng đắc pháp.

3. Trải qua hành khổ, siêng năng cầu chứng đắc pháp, thành tựu rồi, khắp vì hữu tình tạo lợi ích lớn.

4. Khiến các hữu tình tham lam keo kiệt tu hạnh bố thí.

5. Khiến những hữu tình hủy bỏ giới, tu giữ giới thanh tịnh.

6. Khiến các hữu tình có tâm giận dữ tu hạnh nhẫn nhục.

7. Khiến các hữu tình lười trễ phát khởi hạnh tinh tấn.

8. Khiến các hữu tình bị tán loạn trụ nơi tâm định.

9. Khiến các hữu tình không trí tuệ, tu tập trí tuệ.

10. Bồ-tát vì đem lại lợi ích cho hữu tình nên không vì gian khổ, hư hoại, mất mát mà thoái chuyển thắng hạnh Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy sẽ đạt được thân đầy đủ đức Bi.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì khéo tu tập hạnh Hỷ. Mười pháp ấy là gì?

1. Bồ-tát tự ra khỏi cảnh lửa cháy bừng nơi ba cõi, nên sinh hoan hỷ.

2. Dứt được sợi dây ràng buộc dài lâu nơi nẻo luân hồi qua lại, nên sinh hoan hỷ.

3. Bồ-tát xa lìa các thứ tìm cầu, tự mình đã qua được biển sinh tử với đủ các loại xấu ác, nên sinh hoan hỷ.

4. Bồ-tát tự mình bẻ gãy trụ cột kiêu mạn từ lâu xa đến nay, nên sinh hoan hỷ.

5. Bồ-tát dùng trí tuệ kim cương, tự mình phá tan đỉnh núi phiền não nát nhỏ, không hạt bụi nào nhỏ hơn, nên sinh hoan hỷ.

6. Bồ-tát tự đạt được an ổn, lại cũng làm cho những kẻ khác được an ổn, nên sinh hoan hỷ.

7. Bồ-tát ở nơi thế gian bị tham ái, chấp buộc, tối tăm che phủ không được tự tại, luôn ở trong cảnh ngủ mê mà tự có thể tỉnh táo sáng rõ, lại cũng khiến kẻ khác đều có thể tỉnh giác, nên sinh hoan hỷ.

8. Bồ-tát tự mình có thể giải thoát ra khỏi cõi ác, lại khiến cho người khác cũng được giải thoát ra khỏi cõi ác, nên sinh hoan hỷ.

9. Các hữu tình ở lâu trong cõi sinh tử hoang vắng, nhiều nguy nan, đi một mình không bè bạn, quanh quẩn tới lui, không nhận rõ con đường, không biết nơi chốn, Bồ-tát đã tự có thể vượt qua, xa lìa, lại vì kẻ khác mở bày chỉ dẫn, nên sinh tâm hoan hỷ.

10. Bồ-tát được gần gũi thành trì Nhất thiết trí, nên sinh hoan hỷ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức khéo tu tập hạnh Hỷ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức là khéo tu tập hạnh Xả. Mười pháp đó là những gì?

1. Mắt tuy nhìn sắc, nhưng hành hạnh Xả, nên cũng không trông thấy cảnh sắc của nhãn thức, hoặc thêm, hoặc bớt, hoặc thành, hoặc hoại.

2. Tai tuy nghe tiếng.

3. Mũi tuy ngửi hương.

4. Lưỡi tuy nếm vị.

5. Thân tuy đụng chạm.

6. Ý tuy biết các pháp, nhưng hành hạnh Xả, nên cũng lại không nhận thấy các trần cảnh như tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý biết pháp, hoặc thêm, hoặc bớt, hoặc thành, hoặc hoại.

7. Tuy quán xét về hành khổ, nhưng hành hạnh Xả, nên không thấy

hành khổ, hoặc thêm, hoặc bớt, hoặc thành, hoặc hoại.

8. Tuy quán xét về khổ khổ, nhưng hành hạnh Xả, nên cũng không thấy khổ, hoặc thêm, hoặc bớt, hoặc thành, hoặc hoại.

9. Tuy quán xét về hoại khổ, nhưng hành hạnh Xả, nên cũng không thấy hoại khổ, hoặc thêm, hoặc bớt, hoặc thành, hoặc hoại.

10. Quán xét những việc làm đã hoàn thành cho hữu tình, Bồ-tát đối với điều ấy nên sinh hoan hỷ, liền khởi lên ý nghĩ: Ta muốn cứu độ họ, họ đã tự độ nên tu hạnh Xả.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức khéo tu hạnh Xả.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức đạt được thần thông tự tại. Mười pháp ấy là những gì?

1. Thị hiện việc xả bỏ thọ mạng.

2. Vào thai, thọ sinh.

3. Hiện tướng đồng tử vui chơi trong cung.

4. Xuất gia.

5. Tu hành khổ hạnh.

6. Đi đến đạo tràng Bồ-đề.

7. Thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, hàng phục quân ma.

8. Hiện tướng tịch tĩnh.

9. Chuyển pháp luân nhiệm mầu.

10. Nhập đại Niết-bàn.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng đến trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì duyên cớ gì Bồ-tát lìa bỏ thọ mạng ở cõi trời Đâu-suất-đà, cho đến thị hiện nhập đại Niết-bàn?

Phật nói:

–Này thiện nam! Nơi cõi trời Đâu-suất-đà, phần nhiều các hữu tình sinh tưởng chấp về thường. Các hữu tình ấy thấy Bồ-tát là vị tối thượng, tột bậc đối với tất cả thế gian, luôn hiển bày rõ khiến mọi người nhìn ngắm không chán. Bồ-tát không bị cảnh giới của năm dục làm ô nhiễm, lại có thể dấy lên việc xả bỏ thọ mạng, các hữu tình kia khi đã thấy rồi, liền thay đổi tưởng về thường, sinh tưởng về vô thường. Do dựa theo tưởng về vô thường phát sinh hành không buông lung.

Lại có hữu tình khởi tâm buông lung, đối với Bồ-tát tuy có lòng yêu quý, vui vẻ, tin tưởng, tôn trọng, nhưng ở nơi các cảnh luôn sinh tâm tham ái, đắm chấp, nên không đến trụ xứ của Bồ-tát để gần gũi, cung kính, phụng

sự, các hữu tình ấy lại dấy lên ý nghĩ: "Bồ-tát đã ở lâu nơi đây, ta cũng như vậy", rồi sinh tâm buông lung. Bồ-tát vì nhằm khiến cho các hữu tình kia khởi tâm nhàm chán, dứt bỏ hành phóng dật, từ chỗ không buông lung tức đạt không thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát do duyên cớ ấy nên ở cung trời Đâu-suất-đà thị hiện việc xả bỏ thọ mang.

Này thiện nam! Nếu có hữu tình nên dùng việc vào thai, thọ sinh để có thể hóa độ, Bồ-tát liền hiện tướng vào thai, thọ sinh, khiến kẻ kia trông thấy rồi, sinh tâm cho là ít có. Bồ-tát ở trong thai mẹ, vì những hữu tình kia theo chỗ thích hợp để thuyết pháp khiến họ không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát vì nhân duyên đó nên thị hiện thọ sinh.

Này thiện nam! Nếu có hữu tình nên dùng tướng đồng tử vui chơi trong cung để có thể hóa độ, lại nhân vì các loài hữu tình có lòng tin hiểu yếu kém, Bồ-tát vì muốn đem lại sự thành tựu đầy đủ, nên vì họ mà họ từ, do đó đã hiện tướng đồng tử vui chơi nơi cung điện.

Này thiện nam! Nếu có hữu tình nên dùng tướng người xuất gia để có thể hóa độ, Bồ-tát vì muốn Đạo sư thành tựu đầy đủ cho họ nên hiện tướng xuất gia.

Này thiện nam! Nếu có các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la... tâm chí vướng mắc vào điều thô xấu, nên dùng tướng khổ hạnh để có thể hóa độ, Bồ-tát muốn cho họ được thành tựu đầy đủ cũng để hàng phục các thứ ngoại đạo nên hiện tướng khổ hạnh.

Này thiện nam! Nếu có hữu tình, trong thời gian dài, luôn nghĩ nhớ, cầu nguyện cho Bồ-tát vào lúc nào thì đi đến đạo tràng Bồ-đề, con sẽ tùy chỗ thích hợp mà phụng sự cúng dường. Bồ-tát vì muốn cho hữu tình kia được thành tựu đầy đủ nên thị hiện đi đến đạo tràng Bồ-đề. Đến nơi, tức khiến các hữu tình kia tùy chỗ thích hợp mà cúng dường, xong việc cúng dường, hữu tình kia liền đạt không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Nếu có hữu tình tự thị, kiêu mạn, cao ngạo, Bồ-tát vì muốn khiến cho những kẻ ấy chuyển đổi tâm ngã mạn, nên hiện tướng an tọa ở đạo tràng, đạt quả vị Chánh đẳng Chánh giác, hàng phục các quân ma,

Lại vì những hữu tình ưa thích sự tinh tĩnh, liền nói về chỗ chứng đắc vi diệu hơn hẳn của mình, Bồ-tát bèn thị hiện sự thành tựu đạo quả Đẳng chánh giác. Lúc Bồ-tát thành tựu Bậc Chánh Giác, trong tam thiên đại thiên

thế giới, các thứ âm thanh thảy đều yên lặng. Thường hữu tình kia ưa thích sự vắng lặng, thấy sự việc ấy nên đều phát nguyện: Nguyện xin cho tôi cũng được như vậy, tức đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Nếu có hữu tình vui thích vì bậc thầy tôn kính, nên dốc lòng nguyện cầu nhưng không thể hiểu biết về pháp xuất ly, cũng lại không biết về nhân quả đời sau, Bồ-tát vì những hữu tình ấy khiến căn lành của họ được thành thục, có thể trở thành hàng pháp khí nên vì họ mà chỉ rõ về chánh đạo. Bồ-tát thành Bậc Chánh Giác rồi, đi đến nước Ca-thi, ba lần chuyển mười hai hành tướng pháp luân vi diệu của Thánh pháp.

Này thiện nam! Nếu có hữu tình nên dùng tướng nhập Niết-bàn để có thể hóa độ, Bồ-tát liền vì họ mà thị hiện tướng nhập đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Bồ-tát vì nhân duyên ấy nên thị hiện ở cõi trời Đâu-suất-đà xả bỏ thọ mạng, cho đến nhập đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp ấy thì đạt được thần thông tự tại.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 12

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp sau đây, tức có thể xa lìa tám nạn. Những gì là mười pháp?

1. Xa lìa nghiệp bất thiện.
2. Không vượt trái với giới cấm của Như Lai đã lập nên.
3. Xa lìa sự keo kiệt.
4. Theo cội nguồn của các đức mà chư Phật trước đã vun trồng.
5. Siêng tu phước hạnh.
6. Trí tuệ đầy đủ.
7. Khéo hiểu rõ các phương tiện.
8. Gồm đủ thệ nguyện thù thắng.
9. Thường khởi tâm lo chán.
10. Khởi phát siêng năng tinh tấn.

Này thiện nam! Bồ-tát không tạo nghiệp bất thiện nên không bị đọa vào địa ngục. Giả như thị hiện sinh vào địa ngục, thì cũng không phải chịu những nỗi khổ cùng cực ở cõi đó. Lại cũng không ở lâu trong ấy, đối với các hữu tình kia cũng không sinh tâm giận dữ. Vì sao? Vì bản tánh của Bồ-tát luôn tu tập mười nghiệp thiện. Do nhân duyên đó nên Bồ-tát không bị đọa vào địa ngục.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát đối với giới cấm của Như Lai không trái, vượt, nên không bị đọa vào đường súc sinh. Giả sử thị hiện sinh vào cõi ấy thì cũng không nhận chịu nỗi khổ của loài súc sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát không khởi tâm keo kiệt, không vì nhân duyên keo kiệt mà bị đọa vào đường ngạ quỷ. Giả sử thị hiện sinh vào cõi ấy cũng sẽ không chịu cái khổ của ngạ quỷ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát không sinh vào nhà theo tà kiến. Giả sử có sinh vào nơi ấy thì cũng không bị mất niềm tin thanh tịnh, Bồ-tát thường được gặp gỡ những bậc Thiện tri thức. Vì sao? Vì Bồ-tát tu tập pháp thiện từ lâu, nơi trú xứ của Phật trước đã vun trồng gốc của các đức, nên

luôn được sinh vào nhà có chánh kiến, nhân đấy mà có đầy đủ đức tin thanh tịnh, lại cũng phát triển rộng lớn niềm tin thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Các căn của Bồ-tát cũng không hư, thiếu. Nếu không như thế thì ở trong giáo pháp của Phật, không thể đảm nhận là hàng pháp khí. Vì sao? Bồ-tát tích tập rộng khắp các phước đức, siêng tu phước hạnh, thường tôn trọng, cúng dường tháp miếu của Như Lai, hoặc Pháp, hoặc Tăng, luôn gần gũi để thực hiện các hành thù thắng. Do có các hạnh thù thắng tu tập rộng nơi bản thân mình, nên các căn đầy đủ. Vì các căn đầy đủ nên ở trong pháp Phật là hàng đại pháp khí.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát không sinh nơi nước thuộc biên địa, vì ở đấy các hữu tình nhiều ngu tối, điếc, câm, dáng vẻ, sức lực không đầy đủ, không thể gánh vác nổi việc gì, lời thiện, lời ác đều không hiểu rõ nghĩa, đối với pháp Phật, không thể là hàng pháp khí, không biết cung kính các bậc cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn. Do đó, Bồ-tát thường sinh ở vùng giữa cõi nước. Vì ở đấy, các hữu tình có căn tánh sáng tỏ, nhanh lẹ, nhiều người có trí tuệ, lại vì những người có trí tuệ chấp thuận, nên là nơi chốn đảm nhận được, gồm đủ năng lực, lời thiện lời ác đều hiểu rõ nghĩa, ở trong giáo pháp của Phật-đà là bậc Đại pháp khí, tin tưởng sâu xa các bậc Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì trước họ đã từng tu tập về diệu lực của trí tuệ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát không sinh vào cõi trời Trường thọ, nếu sinh nơi cõi ấy, dù có vô số chư Phật ra đời, cũng không thể gặp được, các điều lợi cho hữu tình không thể hoàn thành. Do đó, Bồ-tát sinh nơi Dục giới, ở đấy, các các hữu tình gặp Phật ra đời, yêu thích, gần gũi, có thể được Phật hóa độ. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo gồm đủ các phương tiện.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát không sinh nơi thế giới không có Phật, vì nếu sinh vào cõi ấy thì không gặp Phật, không nghe Pháp, không cúng dường Tăng, nên Bồ-tát thường sinh trong cõi Phật có đầy đủ Tam bảo. Vì sao? Do từ trước đã tu tập đầy đủ hạnh nguyện thù thắng. Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu nghe những điều đáng chán, không thể không sinh tâm chán ghét điều ác. Vì sao? Vì Bồ-tát vừa nghe sự việc đó liền khởi tâm chán bỏ. Sinh tâm lo chán rồi thì phát khởi hạnh siêng năng tinh tấn, tu tập các pháp thiện, dứt trừ các pháp ác.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể xa lìa tám nạn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ đạt được hạnh không làm mất tâm Bồ-đề. Mười pháp ấy là những gì?

1. Xa lìa dua nịnh, lừa dối.

2. Ngay thẳng không quanh co, thanh tịnh, trong lành, xa lìa sự theo đuổi, do dự, phân biệt.

3. Thọ trì pháp Phật.

4. Đối với pháp không giấu, tiếc.

5. Xa lìa pháp keo kiệt.

6. Không tạo ra nhân duyên làm chướng ngại các pháp.

7. Luôn nói lời chân thật.

8. Thâu nhận pháp Đại thừa, hành trì đúng như điều đã giảng nói. Đối với người thọ trì pháp Đại thừa luôn khởi tâm tôn trọng.

9. Đối với trú xứ của người thọ trì pháp Đại thừa, vì dần dần đi vào pháp Đại thừa nên khởi tưởng thân cận.

10. Nhờ vào sâu pháp Đại thừa, nên đối với người thuyết pháp luôn khởi lên tưởng là bậc thầy tôn kính.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, liền đạt được hạnh không làm mất tâm Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ chứng được túc mạng thông. Mười pháp ấy là những gì?

1. Cúng dường chư Phật.

2. Thu giữ chánh pháp.

3. Tu trì giới tịnh.

4. Diệt bỏ nghi ngờ, xa lìa chướng ngại.

5. Luôn sinh hoan hỷ.

6. Luôn thực hiện quán tưởng.

7. Tâm thường trú nơi định.

8. Sinh khởi nơi chốn thanh tịnh.

9. Thường thọ nhận hóa sinh.

10. Đạt được thức sáng suốt, nhanh nhạy.

Này thiện nam! Bồ-tát do cúng dường rộng khắp chư Phật nên có thể tôn trọng chánh pháp. Do tôn trọng chánh pháp nên tôn trọng người hành trì chánh pháp. Từ nhân duyên đó nên có thể đối với chánh pháp liền thọ trì, đọc tụng. Vì hiểu rõ được chánh pháp nên vì người khác giảng nói rộng, từ đó không tiếc thân mạng, siêng năng tu tập, thọ trì chánh pháp, lại có thể tu giữ giới tịnh. Giới có ba loại: loại dành cho thân, loại dành cho ngữ và loại dành cho ý. Từ giới của ba nghiệp được thanh tịnh, tức có thể dứt trừ nghi ngờ, lìa xa các chướng ngại, cấu nhiễm. Vì sao? Trước hết từ giới hạnh

thanh tịnh, nên có thể trừ diệt nghi ngờ, xa lìa chướng ngại. Rời xa nghi ngờ, chướng ngại nên luôn sinh hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên thường tu quán tưởng. Nhờ tu tập quán tưởng nên tâm được an trú trong định. Tâm trú trong định nên phát sinh nơi chốn thanh tịnh. Nơi chốn thanh tịnh nên thường thọ nhận hóa sinh. Do hóa sinh nên thức được sáng suốt, nhanh nhạy. Nhờ thức sáng suốt, nhanh nhạy nên có thể nhận biết được một đời, hai đời, ba, bốn, năm đời, hoặc từ mười... hai mươi, cho đến trăm ngàn vô số đời, nơi thần túc thông.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy liền đạt được thần túc thông.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, sẽ không lìa xa bậc Thiện tri thức. Mười pháp ấy là những gì?

1. Không lìa việc được gặp Phật, hoặc nghe, hoặc nhớ nghĩ.

2. Không lìa việc nghe chánh pháp.

3. Không lìa việc cúng dường Tăng.

4. Không lìa bỏ việc tán thán, lễ bái, chắp tay cung kính hoặc đảnh lễ chư Phật, Bồ-tát.

5. Không lìa nơi chốn có bậc đa văn để được nghe giảng nói về chánh pháp.

6. Không lìa việc nghe nhận các pháp Ba-la-mật.

7. Không lìa việc nghe nhận pháp Bồ-đề phần.

8. Không lìa việc nghe nhận pháp ba môn giải thoát.

9. Không lìa bỏ nghe nhận bốn pháp phạm hạnh.

10. Không lìa bỏ việc nghe nhận pháp Nhất thiết trí.

Này thiện nam! Bồ-tát tu tập mười pháp ấy thì luôn không xa lìa những bậc Thiện tri thức.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ mãi xa lìa những tri thức ác. Mười pháp ấy là những gì?

1. Xa lìa kẻ phá giới, tức có thể lìa tri thức ác.

2. Xa lìa kẻ phá hoại chánh kiến.

3. Xa lìa kẻ phá hoại khuôn phép.

4. Xa lìa kẻ phá hoại lối sống chân chánh.

5. Xa lìa những kẻ đam mê nghiện ngập.

6. Xa lìa những kẻ lười biếng.

7. Xa lìa kẻ đắm chìm trong sinh tử.

8. Xa lìa kẻ phản lại đạo Bồ-đề.

9. Xa lìa người hay gần gũi kẻ thế tục.

10. Xa lìa những phiền não, nên có thể xa lìa hàng tri thức ác.

Này thiện nam! Bồ-tát nơi những trường hợp ấy tuy đều xa lìa, nhưng đối với các kẻ kia cũng không sinh tâm giận ghét, không sinh tâm não hại, không sinh tâm khinh mạn. Bồ-tát chỉ khởi tâm như vầy: Như Phật đã giảng nói, các cảnh giới của tất cả hữu tình đều do nhân duyên mà thành, tánh ham muốn cùng cấu nhiễm, thói quen cùng gần gũi nên mới có điều hư hoại, vì thế ta nay nên lìa xa các nơi chốn tác động đến tâm tánh.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, liền xa lìa được hàng tri thức ác.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được Pháp thân Như Lai. Mười pháp ấy là những gì?

1. Đạt được thân bình đẳng.

2. Đạt được thân thanh tịnh.

3. Đạt được thân vô tận.

4. Đạt được thân chứa nhóm những pháp thiện.

5. Đạt được Pháp thân.

6. Đạt được thân không thể lường xét tính toán.

7. Đạt được thân không thể nghĩ bàn.

8. Đạt được thân vắng lặng.

9. Đạt thân như hư không.

10. Đạt thân trí tuệ mầu nhiệm.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy liền đạt được Pháp thân Như Lai.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát đạt được Pháp thân Như Lai thì theo những phần vị nào?

Phật nói:

–Này thiện nam! Bồ-tát trụ Địa thứ nhất đạt được thân bình đẳng. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy có thể lìa mọi thân hiểm ác, nhận biết khắp tất cả pháp nơi địa Bồ-tát. Bồ-tát trụ Địa thứ hai đạt thân thanh tịnh, khéo gồm đủ giới hạnh thanh tịnh. Bồ-tát trụ Địa thứ ba đạt được thân vô tận, lìa xa hết những phiền não giận dữ. Bồ-tát trụ Địa thứ tư đạt được thân chứa nhóm các pháp thiện, chứa nhóm các pháp của Phật. Bồ-tát trụ Địa thứ năm đạt được Pháp

thân, biết rõ tất cả các pháp. Bồ-tát trụ Địa thứ sáu đạt thân không thể lường xét tính toán, chứa nhóm tất cả các pháp sâu xa không thể xét lường được. Bồ-tát trụ Địa thứ bảy đạt được thân không thể nghĩ bàn, chứa góp những phương tiện thiện xảo. Bồ-tát trụ Địa thứ tám đạt được thân vắng lặng, xa lìa tất cả lý luận, rời bỏ các phiền não. Bồ-tát trụ Địa thứ chín đạt được thân như hư không, có thể hiện ra vô lượng thân to lớn. Bồ-tát trụ Địa thứ mười đạt được thân trí tuệ nhiệm mầu, chứa nhóm tất cả các pháp đã nhận biết.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai và Pháp thân của Bồ-tát có gì khác nhau?

Phật nói:

–Này thiện nam! Thân thì không có gì khác nhau nhưng tướng công đức của thân ấy thì mỗi bên có khác.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là thân thì không khác mà tướng công đức thì có sai khác?

Phật nói:

–Này thiện nam! Thân thật sự không khác. Vì sao? Vì thân chứa nhóm các yếu tố tạo nên đều cùng một tướng, nhưng tướng của công đức thì có khác.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chỗ khác biệt về công đức đó là thế nào?

Phật nói:

–Này thiện nam! Nay ta nêu ví dụ để làm rõ nghĩa này. Ví như ngọc báu ma-ni không được mài giũa so với ngọc báu ma-ni đã được mài giũa. Hai loại báu ấy đều có tên là ma-ni, nhưng được mài giũa thì ngọc ma-ni kia tỏa chiếu ánh sáng rực rỡ, trong lành đáng yêu thích, đối chiếu với ngọc chưa mài giũa, thực không sao so sánh được. Ngọc ma-ni báu nới thân Bồ-tát, ngọc ma-ni báu nới thân Như Lai cũng lại như vậy, thật sự đều đồng. Nhưng ngọc báu ma-ni nơi thân Bồ-tát đem so trước ngọc báu ma-ni của thân Như Lai, nói về tướng thanh tịnh tỏa sáng thì không thể so sánh được. Vì sao? Vì ngọc báu ma-ni nơi thân Như Lai rộng lớn vô lượng, gồm đủ cảnh giới hữu tình và cảnh giới hư không, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, đứng yên mà hiển bày. Vì sao? Vì ngọc báu ma-ni nơi thân Như Lai đã được mài giũa trong sạch, lìa hết thảy cấu bẩn không thể đem ngọc báu ma-ni nơi thân Bồ-tát để so sánh được. Vì sao? Vì Bồ-tát vẫn còn cấu uế.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như trong thời gian có trăng sáng, ánh trăng nơi hai đêm đầu so với sự tròn của mặt trăng đêm rằm thì khác xa, nhưng thể của trăng thì không khác. Pháp có sai khác dần dần, thân của Như Lai và thân của Bồ-tát cũng lại như thế, đều gọi là thân, nhưng ánh sáng soi chiếu của thân Bồ-tát đối trước Như Lai thì không thể nào sánh bằng, cũng giống như trăng nơi hai đêm đầu và trăng nơi đêm rằm.

Này thiện nam! Do đó nên biết, nói thân Như Lai và thân Bồ-tát tuy đồng một tướng, nhưng công đức thì khác nhau.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được thân kim cương bất hoại. Mười pháp ấy là những gì?

1. Không bị tham, sân, si hủy hoại.

2. Không bị các thứ phiền não như giận dữ, buồn phiền, mỏi mệt, kiêu mạn, nhận thức điên đảo hủy hoại.

3. Không bị tám pháp trong thế gian hủy hoại.

4. Không bị các nỗi khổ ở cõi ác hủy hoại.

5. Không bị tất cả các thứ khổ hủy hoại.

6. Không bị nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết làm cho hư hoại.

7. Không bị lý luận của hàng ngoại đạo dị học làm cho hư hoại.

8. Không bị các thứ ma cùng quyến thuộc của chúng hủy hoại.

9. Không bị các hàng Thanh văn, Duyên giác hủy hoại.

10. Không bị tất cả cảnh cảnh giới ái dục làm hư hoại.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy liền đạt được thân kim cương bất hoại.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ là bậc Đạo sư. Mười pháp ấy là những gì?

1. Được kẻ khác tin tưởng, chấp thuận.

2. Được người khác kính trọng.

3. Khéo làm người chỉ dẫn.

4. Làm chỗ dựa cho người khác.

5. Có thể làm người cứu vớt mạng sống.

6. Khéo gồm đủ mọi hành trang tụ tập.

7. Có nhiều tài sản báu.

8. Không hề dừng chân.

9. Làm người dẫn đường đi trước.

10. Khéo đi đến thành trì Nhất thiết trí.

Thế nào là được người khác tin tưởng ưng thuận? Cho đến khéo đi tới thành trì Nhất thiết trí? Này thiện nam! Như người thầy dẫn đường trên biển, hoặc vua hoặc quan thảy đều tin tưởng, ưng thuận. Bồ-tát là bậc thầy dẫn đường lớn cũng lại như thế, hoặc chư Phật, hoặc đệ tử Thanh văn của Phật thảy đều tin tưởng, ưng thuận.

Lại nữa, này thiện nam! Như bậc thầy dẫn đường trên biển được hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cùng tất cả dân chúng cung kính cúng dường. Bồ-tát là bậc thầy dẫn đường lớn cũng lại như thế, được tất cả chúng Hữu học, Vô học, cùng các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... cung kính cúng dường.

Này thiện nam! Như bậc thầy dẫn đường trên biển có thể ở giữa nơi hoang vắng mênh mông nhiều hiểm nạn để làm người dẫn đường, khiến mọi người được yên ổn, không mệt nhọc. Bồ-tát, bậc thầy dẫn đường lớn, cũng lại như vậy, có thể ở giữa cõi sinh tử mênh mông đầy hiểm nạn, vì các hữu tình chỉ dẫn nẻo đường tu tập, khiến họ biết rõ nơi có giặc ác, phiền não, đạt được yên ổn, không bị mỏi mệt.

Lại nữa, này thiện nam! Như vị thầy dẫn đường trên biển vì các người khốn khổ cô độc làm nơi chốn nương tựa, khiến họ có thể thoát khỏi quãng đường hiểm nguy nơi chốn mênh mông vắng vẻ. Bồ-tát, bậc thầy dẫn đường lớn cũng lại như vậy, có thể làm chỗ nương tựa cho các ngoại đạo... khiến họ ra khỏi con đường đầy hiểm ác nơi chốn đồng trống vắng mênh mông của cõi sinh tử.

Lại nữa, này thiện nam! Như bậc thầy dẫn đường trên biển có thể vì vua, quan cùng tất cả dân chúng tạo lập điều kiện cần thiết để cứu vớt tánh mạng của họ. Bồ-tát, bậc thầy dẫn đường lớn cũng lại như thế, có thể vì các loài hữu tình đang tham đắm, vướng mắc trong cõi sinh tử tạo nên phương tiện nhằm cứu vớt tánh mạng cho họ.

Lại nữa, này thiện nam! Như vị thầy dẫn đường trên biển, tùy theo nơi chốn hoặc đi hoặc dừng, cùng với các thương nhân vượt qua đoạn đường nơi đồng trống vắng mênh mông đầy những hiểm ác, hẹn đến được thành ấp. Lúc ấy, vị thầy dẫn đường khéo chuẩn bị đầy đủ các hành trang khiến các thương nhân cùng ra khỏi quãng đường cho đến khi yên ổn tới được chốn thành ấp. Bồ-tát, bậc thầy dẫn đường lớn cũng lại như vậy, vì muốn tìm đến trụ xứ của Phật để được thân cận, nhằm thu nhận rộng rãi nhiều hữu tình vượt quãng đường sinh tử đầy hiểm ác, khiến họ thảy đều đến chốn thành trì lớn Nhất thiết trí, cho nên Bồ-tát khéo chuẩn bị đầy đủ các hành trang hạnh phước đức, trí tuệ.

Lại nữa, này thiện nam! Như vị thầy hướng dẫn trên biển, muốn dừng lại những nơi chốn có nhiều của cải báu là vật dụng để nuôi thân như vàng, bạc, lưu ly, ngọc ma-ni, san hô, xa cừ... Bồ-tát, bậc thầy dẫn đường lớn cũng lại như vậy, muốn dừng lại nơi thành lớn Nhất thiết trí, nên tập hợp rộng khắp tất cả những hạnh thù thắng hơn hẳn của pháp Phật.

Này thiện nam! Như vị thầy dẫn đường trên biển, đối với những của cải báu chỉ kia thu lấy một ít thì không đủ. Bồ-tát, bậc thầy dẫn đường lớn cũng lại như thế, đối với những của cải là Thánh pháp thì sự tích chứa không cho là đủ.

Lại nữa, này thiện nam! Như vị thầy dẫn đường trên biển, đối với những thương nhân luôn khéo làm người đi trước dẫn đường. Vì sao? Vì là người chủ, vì khéo tăng thêm lợi ích, vì chỗ tạo tác luôn hơn hẳn có thể dùng những lời lẽ thân ái để thu nhận. Bồ-tát, bậc dẫn đường lớn cũng lại như thế, có thể vì tất cả hữu tình, làm người đi trước dẫn đường. Vì sao? Vì khéo tăng trưởng các pháp công đức, vì là phận vị tối thắng, là vị chủ tể hơn hẳn, vì luôn nói ra những lời chân thật.

Lại nữa, này thiện nam! Như vị thầy dẫn đường trên biển, vì có đầy đủ năng lực nên đến được những thành ấp. Bồ-tát, vị thầy dẫn đường lớn cũng lại như thế, có đủ năng lực thù thắng nên đến được thành trì lớn là Nhất thiết trí.

Này thiện nam! Những điều đó gọi là Bồ-tát được kẻ khác tin tưởng chấp thuận cho đến đạt được thành trì Nhất thiết trí.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế tức là bậc thầy dẫn đường lớn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức đạt bậc khéo biết rõ về chánh đạo. Mười pháp ấy là những gì?

1. Khéo nhận biết về đường sá bằng phẳng.
2. Khéo nhận biết về đường sá hiểm ác.
3. Nhận khéo biết về đường sá an ổn.
4. Biết con đường kia là thiện.
5. Khéo nhận biết đường sá lầy lội hay khô ráo.
6. Nhận biết rõ nơi chốn của đường sá.
7. Nhận biết rõ hình tướng của đường sá.
8. Biết rõ con đường ngay thẳng.
9. Biết rõ con đường khúc khuỷu, quanh co.
10. Biết rõ nẻo xuất yếu của con đường.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế tức khéo nhận biết về chánh đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì có thể khéo giảng nói, chỉ bày về đạo không điên đảo. Mười pháp ấy là những gì?

1. Nếu có hữu tình nên dùng pháp Đại thừa để hóa độ, liền vì họ giảng nói pháp của đạo Bồ-tát, không giảng nói pháp của đạo Thanh văn.

2. Có hữu tình nên dùng pháp của bậc Thanh văn để hóa độ, liền vì họ giảng nói pháp của đạo Thanh văn, không giảng nói pháp của đạo Bồ-tát.

3. Có hữu tình nên dùng đạo Nhất thiết trí để hóa độ, liền giảng nói pháp Nhất thiết trí, không giảng nói pháp của đạo Duyên giác.

4. Có hữu tình nên dùng pháp của bậc Duyên giác để hóa độ, liền vì họ giảng nói pháp của đạo Duyên giác, không giảng nói về đạo Nhất thiết trí.

5. Có các hữu tình vướng vào sự chấp ngã, chấp pháp, nên giảng nói về pháp không, vô ngã, không giảng nói các pháp về ngã, chúng sinh, thọ mạng, sự nuôi dưỡng, Bổ-đặc-già-la.

6. Có hữu tình vướng mắc, dựa vào chấp đoạn, chấp thường, liền vì họ giảng nói pháp lìa bỏ hai loại chấp ấy, không giảng nói về pháp vướng mắc nơi hai loại chấp ấy.

7. Có hữu tình tâm bị tán loạn, liền vì họ giảng nói pháp Chỉ, Quán, không giảng nói pháp tán loạn.

8. Có hữu tình tham chấp nơi hý luận, liền vì kẻ ấy giảng nói pháp chân như, không giảng nói pháp của kẻ ngu tối tham chấp nơi hý luận.

9. Có hữu tình mê đắm trong sinh tử, liền vì kẻ ấy giảng nói pháp Niết-bàn, không giảng nói về pháp sinh tử.

10. Có hữu tình đang ở trong tà đạo, Bồ-tát liền vì kẻ ấy giảng nói pháp lìa bỏ những gai gốc của lỗi lầm, không giảng nói về pháp gai gốc của phiền não.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười thứ pháp ấy, tức có thể nên giảng chỉ rõ về đạo không điên đảo.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 13

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức đạt được tâm an trụ nơi pháp định vi diệu. Mười pháp ấy là những gì?

1. Khéo hành thân niệm xứ.
2. Khéo hành thọ niệm xứ.
3. Khéo hành tâm niệm xứ.
4. Khéo hành pháp niệm xứ.
5. Khéo hành niệm xứ về cảnh giới.
6. Khéo hành niệm xứ về A-lan-nhã.
7. Khéo hành niệm xứ về kinh đô, thành ấp, làng xóm.
8. Khéo hành niệm xứ về tiếng tăm, lợi dưỡng.
9. Khéo hành niệm xứ về pháp tu học do Như Lai nêu dạy.
10. Khéo hành niệm xứ về sự đoạn trừ mọi tạp nhiễm của phiền não và tùy phiền não.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát khéo hành thân niệm xứ? Đó là Bồ-tát nơi thân hiện có, theo ngã sở dấy khởi pháp bất thiện, tội lỗi, dùng trí tuệ thù thắng quán xét tỉ mỉ, đều xa lìa. Lại quán xét những lỗi lầm của thân, dưới từ chân, tim, trên đến đỉnh đầu, gân mạch quấn cột... xem khắp toàn thân, không thấy có ngã, đều là pháp không chút dừng nghỉ (vô thường) hư hoại. Thân này là bất tịnh, là những thứ không thành thục, bẩn uế đáng ghét, là những hình sắc xấu ác cùng được tích tụ. Lúc Bồ-tát quan sát như vậy, nếu thân tham ái nơi các dục, hoặc thân suy chấp về ngã tưởng, hoặc thân là nơi chốn chấp trước. Những pháp như thế đều không thể thủ đắc, do duyên cớ ấy, do cùng với những pháp bất thiện kết hợp nên không tự tại, thân cùng với hết thảy pháp thiện kết hợp nên được tự tại. Như thế gọi là khéo hành thân niệm xứ.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành thọ niệm xứ? Nghĩa là Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Những thọ hiện có đều là khổ. Vì sao kẻ ngu ở trong điên đảo lại chấp cho là an lạc? Những kẻ ngu si không rõ về khổ, vui, chỉ có các bậc

Thánh nhân đều biết đó là khổ. Bồ-tát tự mình có thể siêng năng hành trì, dứt trừ các khổ thọ, rồi chỉ dạy cho người khác cùng tu học như mình. Khi Bồ-tát quan sát như thế về thọ thì không sinh tham ái đắm chấp, không khởi giận dữ, siêng năng hành hóa, lại khiến người khác cũng hành hóa như mình. Như thế là Bồ-tát khéo hành thọ niệm xứ.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành tâm niệm xứ? Đó là Bồ-tát suy nghĩ như vầy: Tâm thực sự là vô thường, do suy chấp là thường, cho khổ là vui, không ngã cho là có ngã, bất tịnh cho là tịnh, tâm luôn dao động, bất an, không chút dừng lại, như gió chuyển nhanh. Đó là gốc rễ đầu tiên của phiền não, cũng lại là duyên của các phiền não tùy thuộc, mở cửa cõi ác, phá hoại cõi thiện, lại là nhân duyên phát sinh tham, sân, si, là chủ thể nổi bật của các pháp. Tâm là người dẫn đường trong tất cả các pháp. Nếu tâm có sự nhận biết thì tất cả pháp cũng đều được nhận biết. Tâm như người thầy dạy vẽ, vẽ nên mọi hình tượng. Tâm không thấy tâm. Tâm có thể chứa nhóm nghiệp thiện và bất thiện. Tâm như vòng lửa xoay tròn liên tục. Tâm biến chuyển nhanh như ngựa chạy. Tâm như ngọn lửa nơi đồng rộng bốc cháy dữ dội, tâm như nước lớn tưới thấm làm phát triển mọi vật. Khi Bồ-tát quan sát như thế thấy tâm thực sự không được tự tại. Các vị Bồ-tát có thể tự điều phục tâm. Khi tâm được điều phục thì tất cả pháp đều được điều phục. Như thế gọi là Bồ-tát khéo hành tâm niệm xứ.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành pháp niệm xứ? Nghĩa là nếu Bồ-tát đối với những pháp bất thiện nhận biết đúng như thật đó là tham, sân, si, cùng chỗ nương tựa, dùng những cách đối trị tham, sân, si và những pháp bất thiện khác. Bồ-tát siêng năng dứt trừ những pháp bất thiện rồi, tức có thể biết rõ những pháp thiện. Từ trong những pháp thiện sinh tâm yêu thích, trụ nơi niệm xứ đúng đắn, nơi các pháp ấy mong đạt sự thành tựu, tự mình có thể thực hành rồi chỉ dạy kẻ khác cũng tu học như mình. Như thế gọi là Bồ-tát khéo hành pháp niệm xứ.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về cảnh giới? Nghĩa là nếu Bồ-tát từ trong các cảnh giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc hợp ý hoặc không hợp ý, không sinh tâm tham chấp giận dữ. Bồ-tát suy nghĩ: Ta nay chẳng nên ở trong pháp không thể tướng này mà sinh tham chấp. Nếu sinh khởi tham tức là người ngu. Gồm đủ tánh ngu si thì không hiểu rõ về tánh, là tánh bất thiện, như Phật đã dạy: Nếu sinh tâm tham tức khởi nhiễm đắm do ngu si chấp trước nên không thể phân biệt pháp thiện và bất thiện, từ đó bị rơi vào đường ác. Bồ-tát lại suy nghĩ: Ta nay chẳng nên ở trong pháp không mà dấy tâm sân hận. Khởi tâm sân hận thì không thể nhẫn nhục. Phát sinh

giận dữ, tức luôn bị các bậc Thánh chê bỏ, người cùng tu phạm hạnh chán ghét. Khi Bồ-tát quán xét như thế không hủy hoại cảnh giới, không chấp vào chỗ đạt được. Bồ-tát có thể tự mình hành trì như thế, rồi chỉ dạy cho người khác cũng hành trì như mình. Đó gọi là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về cảnh giới.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về A-lan-nhã? Nghĩa là nếu Bồ-tát suy nghĩ: Tu hạnh không tranh cãi, hạnh vắng lặng, đó gọi là trụ nơi A-lan-nhã. Hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... có vị đạt tha tâm thông, có thể nhận biết tâm ta và các pháp thuộc tâm, vậy ta nay phải nên xa lìa những tác ý không đúng như lý, cùng những suy nghĩ dị biệt, bất cứ nơi nào cũng không có ý nghĩ không đúng như lý, lại ở trong pháp như lý khởi tâm vui thích gia tăng sự tu tập rộng rãi. Đó gọi là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về A-lan-nhã.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về các chốn kinh đô, thành trì, thôn xóm? Nghĩa là nếu khi Bồ-tát vào các nơi chốn kể trên, Bồ-tát nên hành hóa đúng với hạnh Bồ-tát, chỗ không nên ở thì đều phải lìa xa, nơi không phải là người xuất gia nên đến đều cũng lìa bỏ. Những gì là nơi không phải người xuất gia nên đến? Đó là nhà của hàng vua, quan, nơi tụ tập cờ bạc, hàng rượu, chốn tiệc tùng ca múa, nơi các ca kỹ ở, cùng những nơi chốn khác mà người xuất gia không nên đến, tất cả đều phải lánh xa, không được lui tới. Đó gọi là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về các chốn kinh đô, thành ấp, thôn xóm.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về danh tiếng, lợi dưỡng? Nghĩa là Bồ-tát đối với các sự việc danh tiếng, lợi dưỡng, chỉ làm hàng thí chủ, tạo ruộng phước, theo chỗ khởi tâm mà thọ dụng. Khi được thọ dụng, không sinh tâm tham ái, không sinh chấp giữ, cũng không tính toán, nghĩ là của mình, không dấy khởi tướng của ngã sở, theo chỗ mình có được, chia sẻ với các hữu tình, cũng có những kẻ đối với khổ não thì cứu giúp, nuôi dưỡng. Từ duyên cớ ấy, nên đối với tiếng tăm, lợi dưỡng không sinh tâm tự phụ, ngã mạn, cao ngạo, buông lung. Bồ-tát suy nghĩ: Tiếng tăm, lợi dưỡng của các sự việc ấy, hoặc nơi mình, hoặc nơi kẻ khác, chỉ nổi lên trong một thời gian, không lâu bền. Do khởi tạm nổi lên như thế nên ở mọi lúc, mọi nơi, đều không chỗ thủ đắc. Ai là người có trí tuệ, đối với các pháp vô thường, không lâu dài, không bền chắc, không yên ổn... lại sinh tâm tham ái, nhiễm đắm cùng kiêu căng, ngã mạn, buông lung? Đó là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về danh tiếng, lợi dưỡng.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về các môn tu học do Như Lai

nêu dạy? Nghĩa là nếu Bồ-tát suy nghĩ: Tất cả các vị Như Lai từ quá khứ đều đã tu học như thế, rồi sau thành Bậc Chánh Giác, nhập đại Niết-bàn. Các Bậc Như Lai trong thời vị lai cũng đều tu học như thế rồi sẽ thành tựu quả vị Chánh giác, nhập đại Niết-bàn. Trong thời hiện tại các Đấng Như Lai cũng tu tập như thế, hiện đã thành tựu đạo quả Chánh giác rồi nhập đại Niết-bàn. Vì lý do đó, đối với pháp môn tu học này nên phát tâm thanh tịnh, tôn kính, hết mực siêng năng tu tập. Đó gọi là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về các pháp môn tu học do Như Lai nêu dạy.

Thế nào là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về sự dứt trừ nhiễm của các phiền não và tùy phiền não? Nghĩa là nếu Bồ-tát dùng chánh niệm nên có thể hiểu rõ về những thứ tạp nhiễm của hết thảy phiền não và tùy phiền não, do nhân nào phát khởi, do duyên nào nảy sinh? Bồ-tát đều biết rõ về nhân duyên phát khởi, nảy sinh nên đều xa lìa. Đó gọi là Bồ-tát khéo hành niệm xứ về sự đoạn trừ các tạp niệm của phiền não và tùy phiền não.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì tâm luôn an trụ nơi pháp định vi diệu.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì thường được mặc y phấn tảo. Mười pháp ấy là những gì?

1. Thệ nguyện bền chắc.
2. Giữ tâm khiêm tốn.
3. Không sinh mỏi mệt.
4. Lìa bỏ những vướng mắc.
5. Không quán xét những lỗi lầm.
6. Chỉ quán xét về công đức.
7. Không tự ngợi khen mình.
8. Không chê bai người khác.
9. Hành giới đầy đủ.
10. Gần gũi bậc Thánh hiền.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có thệ nguyện bền chắc, cho đến gần gũi bậc Thánh hiền? Nghĩa là nếu Bồ-tát tự có niềm tin thanh tịnh, ý chí đầy đủ, được các Đức Như Lai tin, thuận. Giả như gặp phải hoàn cảnh cần bảo hộ tánh mạng cũng không hủy bỏ điều đã thệ nguyện, cũng không hề chuyển đổi, do có thể kiên cố nơi thệ nguyện, nên có thể khiêm tốn, không sinh ngã mạn. Vì tâm khiêm tốn, nên có thể nhặt lượm những thứ vặt phấn tảo người ta chê bỏ, rồi giặt, tẩy sạch sẽ, may kết thành áo, không hề chán ghét, cũng không mỏi mệt, do không mệt mỏi nên theo việc đã làm

lìa mọi vướng chấp, cho đến nơi nghiệp thù thắng, tu tập được thành tựu. Có thể đối với áo phấn tảo ấy không xem xét phần xấu kém của nó. Vì sao với áo này chỉ xem mặt công đức? Nghĩa là y phấn tảo ấy là phục sức của các vị Tiên, các bậc Thánh lìa dục. Vì thuận theo các bậc Thánh hiền nên được Phật ngợi khen. Được Phật ngợi khen nhưng không vì thế mà tự đề cao mình, chê bai người khác. Nhờ không tự đề cao mình, không chê bai người khác, nên đạt được hành giới đầy đủ. Khi giới hạnh thanh tịnh đầy đủ sẽ được các vị Thánh hiền gần gũi, được chư Phật khen ngợi, các vị Bồ-tát bảo vệ chở che, Nhân phi nhân đều giúp đỡ, các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi và hết thảy dân chúng đều đến kính lễ, những kẻ cùng tu phạm hạnh thì tán dương.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì luôn được mặc y phấn tảo.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng đến trước Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát có đủ tâm rộng lớn vì sao còn hành trì các hạnh thấp, nhỏ như vậy?

Phật nói:

–Này thiện nam! Bồ-tát lo việc bảo vệ thế gian nên phải biết tùy thuận mà biến chuyển, do vậy nên hành trì những hạnh đó.

Này thiện nam! Hàng Bồ-tát có vị đủ uy lực lớn, có vị chưa đủ, cần phải dùng tâm đối trị những phiền não chưa khởi sinh, nên hành trì các hạnh đó. Lại nữa, này thiện nam! Theo ý ông thì sao? Như Lai với các nẻo hành hóa và sự hiểu biết là rộng lớn hay cạn hẹp?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không biện giải được điều đó nên không thể trả lời. Vì sao? Vì không thể lường xét về nẻo hành hóa và sự hiểu biết của Như Lai. Do Như Lai không có pháp gì để có thể chứng đắc, không có pháp gì để có thể thấy biết, vì thế Như Lai không có một pháp nhỏ nào để có thể là hành hóa, hiểu biết.

Phật nói:

–Này thiện nam! Ý ông thế nào? Ông cho Như Lai vì duyên cớ gì trong bốn đại châu hàng nhân và phi nhân cùng những kẻ kém lòng tin khác, nơi các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà... hiện ra những hạnh thô kém này và đối trước những chúng ấy ca ngợi công đức của hạnh Đầu-đà?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai vì muốn hóa độ các hữu tình và hàng Bồ-tát mới trụ nơi pháp Đại thừa, giúp họ đối trị các phiền não chưa phát sinh nên hành trì hạnh này.

Phật nói:

–Này thiện nam! Đúng thế, đúng thế! Các vị Bồ-tát có uy lực lớn, vì muốn hóa độ thành tựu các hữu tình nên mặc y phấn tảo. Đó không phải là hạnh thấp kém. Do duyên cớ ấy, Bồ-tát thường mặc y phấn tảo.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì chỉ thọ nhận ba y. Mười pháp ấy là những gì?

1. Luôn vui đủ.
2. Ít ham muốn.
3. Xa lìa mong cầu.
4. Lìa mọi chỗ tích chứa.
5. Lìa bỏ tích chứa nên không bị hư mất.
6. Không hư mất nên lìa mọi khổ não.
7. Lìa bỏ ý không vui thích.
8. Lìa bỏ buồn than.
9. Không có gì để nhận lãnh.
10. Siêng năng tu tập nên dứt hết các lậu.

Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát luôn vui đủ, cho đến siêng năng tu tập nên dứt hết mọi lậu? Nghĩa là nếu Bồ-tát theo chỗ có được áo mặc nên sinh vui mừng. Do vui đủ nên có thể ít ham muốn. Vì ít ham muốn nên không chỗ mong cầu, lìa mọi tích chứa, không tích chứa nên không hư mất. Không hư mất nên lìa bỏ khổ não. Lìa khổ não nên không gì là không hợp ý vui thích, tức không còn buồn than. Không buồn than không có chỗ thọ nhận. Không chỗ thọ nhận nên siêng năng tu tập cho đến hết các phiền não.

Này thiện nam! Bồ-tát tu tập mười pháp như thế tất chỉ thọ nhận ba y.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức không theo hành khác. Mười pháp ấy là những gì?

1. Không hành theo tham.
2. Không hành theo sân.
3. Không hành theo si.
4. Không hành theo sân hại.
5. Không hành theo keo kiệt, ganh tị.

6. Không hành theo ngã mạn.

7. Không hành theo các việc cầu sự hiểu biết tiếng tăm nơi kẻ khác.

8. Không hành theo sự mong đạt lợi dưỡng.

9. Không hành theo sự cung kính thiên ma.

10. Không hành theo cao ngạo, ái nhiễm. Như thế gọi là không theo hành khác.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đạt không theo hành khác.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức đạt thường đi khất thực. Mười pháp ấy là những gì?

1. Vì nhằm thâu nhận các hữu tình nên đi khất thực.

2. Theo thứ lớp mà đi khất thực.

3. Không sinh mỏi mệt mà đi khất thực.

4. Vui đủ mà đi khất thực.

5. Vì muốn chia sớt khắp nên đi khất thực.

6. Không tham chấp mà đi khất thực.

7. Khéo nhận biết về hạn lượng nên đi khất thực.

8. Vì khiến phẩm hạnh thiện hiện ra nên đi khất thực.

9. Vì nhằm đạt được các căn lành viên mãn nên đi khất thực.

10. Lìa bỏ tưởng chấp về thân nên đi khất thực.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát nhằm thâu nhận hữu tình, cho đến lìa bỏ tưởng chấp về thân nên đi khất thực? Nghĩa là nếu Bồ-tát thấy các hữu tình chịu mọi khổ não, căn lành nhỏ ít vì muốn thâu nhận khiến họ có đủ các căn lành nên đi khất thực. Bồ-tát khi vào thành ấp, xóm làng để khất thực, phải trụ nơi chánh niệm, thân phải trang nghiêm, ngay ngắn, tiến dừng khả quan, uy nghi đúng phép tắc, các căn vắng lặng, ngắm nhìn hợp lý, luôn nghĩ đến pháp thiện, chỗ hành khất thực luôn tuân theo thứ lớp, trọn không bỏ nhà nghèo đến khất thực nơi nhà giàu, nghĩa là nơi nhà của hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, các gia đình thuộc tộc họ lớn... lần lượt từng nhà đúng thứ tự mà khất thực, những thức ăn uống xin được phải biết hạn lượng. Ngoài ra những nơi chốn dị biệt thì không đến. Nơi chốn dị biệt là những nhà có chó dữ, súc vật dữ, có trâu bò mới sinh con, nhà của kẻ phá hoại giới tịnh, đọa vào cõi súc sinh, kẻ thường gây sự phiền nhiễu, rối loạn, hoặc nam, hoặc nữ, đồng nam, đồng nữ, cùng chỗ ghét bỏ, những nơi chốn như thế đều nên xa lìa. Do khất thực theo đúng thứ lớp nên không mỏi mệt, cũng không có sự chê bai, hủy báng. Đối với các hữu tình

kia không sinh nhiễm ái, không khởi giận hờn, cũng không chán bỏ. Thức ăn có được, tùy chỗ ứng hợp mà nhận, nên sinh vui vẻ. Nhận xong lại trở về trú xứ của chúng Tăng, thu dọn y bát, rửa tay chân đến trước tượng hoặc tháp của Như Lai tôn trọng cung kính cúng dường, sau đó vào chỗ ở của mình lấy thức ăn khất thực được chia làm bốn phần: Một phần dành cho người cùng tu phạm hạnh, một phần cho những người nghèo khổ, một phần cho loài bị đọa vào đường ác, một phần để mình ăn. Bồ-tát khi thọ thực không sinh ái nhiễm, không kiêu căng phóng túng, cũng không chấp giữ. Thức ăn nhận được chỉ để nuôi thân, khiến thân không bị gầy ốm, cũng không quá mập mạp. Vì sao? Nếu quá ốm gầy thì có hại cho việc tu tập pháp thiện, còn nếu quá mập thì sẽ thêm lớn việc ngủ nghỉ. Bồ-tát vì khiến cho phẩm hạnh thiện hiện tiền, nên tùy chỗ thọ dụng thức ăn rồi thì phát khởi tinh tấn, lìa bỏ lười biếng, dần dần tu tập đầy đủ các pháp Bồ-đề phần, do đấy không còn chấp ngã, vì không chấp ngã nên thậm chí có thể dùng thịt của thân mình bố thí cho hữu tình.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức thường hành khất thực.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 14

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức đạt pháp Nhất tọa. Mười pháp ấy là những gì?

1. Một lần ngồi nơi đạo tràng Bồ-đề, các ma kinh sợ, hoàn toàn không động.

2. Chứng đắc pháp xuất thế gian vĩnh viễn không động.

3. Đầy đủ tuệ xuất thế gian mãi mãi không động.

4. Đạt tuệ xuất thế gian vĩnh viễn không động.

5. Chứng ngộ tánh không vĩnh viễn không động.

6. Hiểu rõ các pháp đúng như thật vĩnh viễn không động.

7. Đạt được pháp Thánh đạo hoàn toàn không động.

8. Trụ nơi thật tế hoàn toàn không động.

9. Chứng đắc tánh chân như hoàn toàn không động.

10. Thành tựu trí Nhất thiết trí hoàn toàn không động.

Này thiện nam! Pháp Nhất tọa ấy tức là tòa Nhất thiết trí, cũng gọi là Pháp tòa. Cho nên Bồ-tát một lần lên tòa thì hoàn toàn không động. Đó gọi là pháp Nhất tọa.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì đạt được pháp Nhất tọa.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì thường thọ thực một lần. Mười pháp ấy là những gì?

1. Không sinh tâm tham lam, phóng túng.

2. Không khởi nhiễm chấp. Đó là một lần thọ thực rồi hoặc đúng thời, hoặc không đúng thời, đối với những thức ăn nuôi thân khác hiện có đều không nên nhận. Nghĩa là các thứ như sữa dầu, đường phèn, hoa trái, mọi loại ngon bổ thảy đều không nhận.

3. Nếu lúc thấy người khác thọ nhận các thứ thức ăn ngon bổ như sữa, dầu… không sinh tâm sân hại.

4. Không sinh tâm ganh ghét.

5. Nếu Bồ-tát mắc bệnh nặng dây dưa, thì có thể ngoài những giờ giấc quy định, có thể được ăn các thứ thích hợp để trị bệnh.

6. Bồ-tát nếu tánh mạng bị tai nạn, cần nên ăn thì được thọ thực.

7. Bồ-tát nếu khi gặp chướng ngại trong pháp thiện, có những khó khăn mà cần ăn thì được thọ thực.

8. Bồ-tát thọ thực rồi thì không hối hận.

9. Bồ-tát thọ thực rồi thì không nghi ngờ.

10. Bồ-tát tùy lúc thọ thực và xem đó là thuốc trị bệnh.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì thường đạt pháp thọ thực một lần.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ khéo trụ nơi A-lan-nhã. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tu tập phạm hạnh lâu dài.

2. Khéo hiểu rõ giới luật, oai nghi.

3. Các căn viên mãn.

4. Đầy đủ đa văn.

5. Có năng lực lớn.

6. Lìa bỏ chấp ngã.

7. Như loài thú hoang dã.

8. Thân được ở xa.

9. Vắng lặng luôn hiện tiền.

10. Không chán bỏ, cũng không tham đắm.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu tập phạm hạnh lâu dài... cho đến không chán bỏ, cũng không tham đắm? Đó là nếu Bồ-tát đối với giáo pháp tối thượng của Phật mà lìa bỏ gia đình, xuất gia, ba nghiệp thanh tịnh, hành giới đầy đủ, thể tánh khéo léo, hiểu sâu về luật nghi, lui tới đúng mẫu mực, với những pháp Phật đã giảng dạy gồm thượng, trung, hạ, các người tu học không nhờ vào những điều từ kẻ khác, mà khéo tự thấu rỏ. Đó chính là ý nghĩa của giáo pháp và pháp xuất ly. Lại biết về các tội và pháp giải thoát khỏi tội hiện có. Nơi chốn nào nên xa lìa, nơi chốn nào đáng cung kính, tất cả đều có thể nhận biết. Lại đối với những tội đáng chê trách nên rộng tỏ bày sám hối, không được che giấu. Lại biết nơi nào có tội, nơi nào không tội, hoặc tội nặng, tội nhẹ, tội bậc thượng, trung, hạ, tất cả đều biết rõ. Cũng nên biết trong thế gian những điều tạo ra nhân của nghiệp chiêu cảm quả dị thục, tất cả đúng như thật, thảy đều hiểu rõ. Bồ-tát như thế các căn không

giảm, các phần nơi thân đều đầy đủ, trọn vẹn. Thân đầy đủ trọn vẹn tức có thể nơi A-lan-nhã. An trụ nơi A-lan-nhã nên nơi ấy vắng lặng, không có các phiền não nhiễu loạn. Không gần không xa nên khất thực dễ dàng. Suối ngọt sạch trong nên lấy nước không mệt nhọc, là nơi đáng vui thích. Rừng cây xanh tốt, hoa quả sum suê, đều đầy đủ. Lìa xa các loài côn trùng, thú dữ, hang động yên ổn, tuy cao mà bằng, vui vẻ, điều hòa, thích hợp, an nhiên, không bạn bè. Bồ-tát nương tựa nơi A-lan-nhã vắng lặng như thế, được an trụ rồi, tức có nơi chốn tu tập, đọc tụng, những điều được nghe từ trước trong các giáo điển, ngày đêm sáu thời trì tụng không gián đoạn. Âm vận điều hòa, thông suốt, không cao, không thấp. Vẻ mặt, điệu bộ tĩnh lặng, tâm không duyên theo những gì bên ngoài, nên thanh tịnh, dứt hết các cảnh giới, suy nghĩ về nghĩa lý của kinh điển, lìa ngủ nghỉ. Nếu lúc ở chốn A-lan-nhã, có các bậc vua chúa, quan lại, các hàng Bà-la-môn, Sa-môn, Sát-đế-lợi cùng tất cả dân chúng đến nơi ở của mình, Bồ-tát nên cung kính chào đón, nói như thế này: Thật tốt đẹp, nhà vua đã đến. Xin mời đại vương ngồi tạm. Sau đó tùy điều kiện thích hợp mà đặt trải chỗ ngồi. Vua an tọa rồi mình mới ngồi, nếu vua không ngồi thì tùy nơi thích hợp mà đứng. Lại quan sát vua, nếu thấy các căn có chỗ loạn động, tức thì tán thán: Vui thay đại vương, vua có nhiều điều tốt đẹp, lợi lạc, thống lãnh cõi nước lớn, trong nước của vua có nhiều người giữ giới gồm đủ uy đức lớn, lại có các bậc Sa-môn, Bà-la-môn học rộng cư ngụ, không có trộm cướp, giặc giã làm loạn việc của vua quan. Lại quan sát vua, thấy các căn tốt đẹp, vắng lặng, cử chỉ thư thái, an vui, có thể trao truyền đạo pháp được, liền giảng nói các giáo pháp cho vua nghe. Nếu vua không thích các giáo pháp ấy thì nên giảng pháp chán lìa hay thuận theo. Vua lại không muốn nghe các pháp ấy thì nên giảng pháp thù thắng của Như Lai gồm đủ uy đức rộng lớn. Nếu các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi cùng dân chúng tìm đến nơi thì tùy theo chỗ thích hợp mà đều đối xử như thế. Bồ-tát do chỗ gồm đủ đa văn ấy, nên có uy lực lớn, giỏi thuyết pháp, khiến người nghe sinh hoan hỷ khởi tâm thanh tịnh, yêu thích. Bồ-tát do có đủ uy lực ấy, tức có thể vì các các hữu tình đối trị mọi thứ phiền não, đạt được đa văn cùng uy lực lớn, do đó bỏ được chấp ngã, bỏ chấp ngã nên trụ nơi A-lan-nhã được tự tại, vô úy, không sinh kinh sợ, từ đó sự vắng lặng hiện ra, lìa bỏ chốn ồn ào, giống như loài thú hoang dã. Nhưng Bồ-tát khác với loài thú này là không sợ sệt, không có những lỗi lầm. Vì sao? Vì thú hoang dã sống xa con người cùng những nơi có người ở, thường tránh xa để bảo vệ thân mạng. Bồ-tát xa lìa nơi ồn ào chỉ vì không muốn xen tạp với hết thảy thế gian, hoặc nam nữ, đồng nam, đồng nữ, các sự việc ồn ào luôn làm tán loạn mọi tư duy, gây trở ngại, khó khăn cho tâm

thệ nguyện. Vì lý do ấy nên tu tập hạnh chỉ tức, có được sự vắng lặng hiện tiền, nhờ vắng lặng nên có thể thấy nơi A-lan-nhã có công đức hơn hẳn. Vì thấy công đức, trụ nơi vắng lặng, nên không chán lìa, cũng không nhiễm chấp. Nhờ vậy nên thành tựu được pháp không chán lìa, không vướng mắc. Đó là Bồ-tát tu tập phạm hạnh lâu dài, cho đến không chán lìa cũng không nhiễm vướng.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức khéo an trụ nơi A-lan-nhã.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì thường an tọa dưới bóng cây. Mười pháp ấy là những gì?

1. Không được quá gần làng xóm, nương dưới bóng cây mà ngồi thiền.

2. Không được quá xa làng xóm, nương dưới bóng cây mà ngồi thiền.

3. Không nương bóng cây chỗ rừng rậm rạp, gai gốc mà ngồi thiền.

4. Không ngồi thiền dưới bóng cây nơi có dây leo quấn chằng chịt.

5. Không ngồi thiền dưới bóng cây mà lá đã khô héo.

6. Không ngồi thiền dưới bóng cây nơi có loài khỉ vượn ở.

7. Không ngồi thiền dưới bóng cây nơi có loài chim chóc ở.

8. Không ngồi thiền dưới bóng cây nơi có loài chó dữ ở.

9. Không ngồi thiền dưới bóng cây nơi gần đường qua lại.

10. Không ngồi thiền dưới bóng cây nơi có người hung dữ ở.

Vì sao? Bồ-tát nếu ngồi thiền dưới bóng cây xa cách những nơi như thế thì thân được nhẹ nhàng yên ổn, tâm sinh vui vẻ, thư thái.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập những pháp ấy thì thường ngồi thiền dưới bóng cây.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì thường ngồi thiền nơi khoảng đất trống. Mười pháp ấy là những gì?

1. Nơi mùa xuân, hạ, thu, đông, không dựa nơi tường vách mà ngồi thiền.

2. Không nương dưới rừng cây mà ngồi thiền.

3. Không ở chỗ cây cỏ rậm rạp mà ngồi thiền.

4. Không nương nơi hẻm núi mà ngồi thiền.

5. Không nương chỗ thấp trũng ở bờ sông mà ngồi thiền.

6. Không dùng dụng cụ ngăn chận.

7. Không dùng dụng cụ che gió.

8. Không dùng dụng cụ che mưa.

9. Không dùng dụng cụ trừ nóng.

10. Không đặt dụng cụ che sương.

Này thiện nam! Bồ-tát tuy thường ngồi thiền nơi khoảng đất trống, nếu thân bị bệnh nặng, cơ thể ốm yếu thì nên đến trụ xứ của chư Tăng. Bồ-tát lúc ấy suy nghĩ: Như Phật đã dạy, vì nhằm đối trị phiền não không để chúng khởi dậy và lìa bỏ sự chấp giữ, nên Phật khen ngợi công đức của hạnh Đầu-đà. Ta nay cũng vậy, tuy ở trong trụ xứ của Tăng chúng, chỉ vì nhằm dứt trừ các phiền não, xa lìa ái nhiễm, vướng chấp, lại để giáo hóa các thí chủ, nên tuy ở trong khu vực Tăng chúng, nhưng luôn nhớ nghĩ đến nơi đất trống.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì luôn ngồi thiền nơi chỗ đất trống.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì có thể an trụ nơi chốn phần mộ. Mười pháp ấy là những gì?

1. Bồ-tát tùy theo những nơi chốn được xem là tốt cho việc dừng ở thì đều sinh chán lìa.

2. Bất cứ lúc nào cũng nghĩ tưởng về cái chết.

3. Thường nghĩ tưởng đến những gì hư hoại còn sót lại.

4. Nghĩ tưởng quán xét khắp nơi đều thấy màu đỏ.

5. Nghĩ tưởng quán xét khắp nơi đều là màu xanh bầm.

6. Nghĩ tưởng quán xét khắp nơi đều thấy những máu mủ.

7. Nghĩ tưởng quán xét khắp nơi đều là sự sình trướng.

8. Nghĩ tưởng quán xét về sự khô cháy.

9. Nghĩ tưởng quán xét về sự chia lìa, phân tán.

10. Thường quán xét nghĩ tưởng những bộ xương.

Này thiện nam! Ở nơi gò mả, các vị Bồ-tát thường khởi tâm Từ, tâm tạo lợi ích rộng khắp, tâm yêu thương tất cả hữu tình, với hành giới thanh tịnh, tu trì đầy đủ, không ăn các loại thịt. Vì sao? Vì ở những khu gò mả, chung quanh thường có các hàng phi nhân, quỷ thần nương trụ, giả như thấy Bồ-tát ăn thịt thì họ sẽ không khởi tâm yêu thích thanh tịnh, ngược lại, sinh tâm làm rối loạn, nhiễu hại.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát ở nơi gò mả, nếu có lúc vào trú xứ của Tăng chúng, trước hết phải đến trước tháp của Như Lai cung kính lễ bái, kế đó nên đến lễ bái phụng sự bậc lớn tuổi, đáng tôn trọng, sau đấy hỏi han các Bí-sô nhỏ tuổi, không nên ngồi nơi giường, đệm, tọa cụ của chúng

Tăng. Vì sao? Bồ-tát là người hộ trì mọi hình tướng của thế gian, lại ở nơi gò mả. Bồ-tát thuận theo các bậc Thánh, trái với kẻ ngu si ở thế gian. Nếu có vị Bí-sô ở một mình, đem giường, ghế đến dâng Bồ-tát ở nơi gò mả, mời ngồi, lúc ấy Bồ-tát từ chối, dứt khoát không ngồi. Lại quán xét ý của vị Bí-sô kia, sau đấy có hối hận không, quán xét cả những Bí-sô khác thấy không chê bai nói xấu thì có thể ngồi, lúc này tâm nên khiêm tốn, thấy mình ngang bằng với một Đồng tử thuộc hàng Chiên-đà-la, không khác.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì có thể an trụ nơi gò mả.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức có thể thường ngồi thiền. Mười pháp ấy là những gì?

1. Thân không bị bức não nên thường ngồi thiền.

2. Tâm không bị bức não nên thường ngồi thiền.

3. Không vì xa lìa ngủ nghỉ nên thường ngồi thiền.

4. Thân không bị mỏi mệt nên thường ngồi thiền.

5. Bồ-tát vì muốn thành tựu trọn vẹn hạnh Bồ-đề nên thường ngồi thiền.

6. Vì nhằm an trụ vào tánh của tâm cảnh là một nên thường ngồi thiền.

7. Vì muốn Thánh đạo luôn hiện tiền nên thường ngồi thiền.

8. Vì muốn đạt đến đạo tràng Bồ-đề nên thường ngồi thiền.

9. Vì muốn tạo lợi ích cho hữu tình nên thường ngồi thiền.

10. Vì để dứt trừ các phiền não nên thường ngồi thiền.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể thường ngồi thiền.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ tùy chỗ thích hợp mà trải tòa ngồi. Mười pháp ấy là những gì?

1. Không tham đắm về giường, tòa.

2. Không tự sắp đặt, bố trí giường, tòa.

3. Không khiến người khác sắp đặt giường, tòa.

4. Không vì hình tướng mà sắp đặt giường, tòa.

5. Hoặc ở nơi khác, nếu có cỏ hay lá cây, theo chỗ có được mà ngồi.

6. Những nơi chốn hang động có các loài trùng độc, ruồi, nhặng... ở, thì phải lánh xa, không nên sắp bày tòa ngồi.

7. Bồ-tát khi nằm thì hông bên phải sát giường, chân xếp chồng lên

nhau, dùng áo đắp lên mình, nhớ nghĩ chân chánh, hiểu biết chân chánh, luôn tạo tưởng sáng suốt, nghĩ ngợi, nhớ tưởng luôn chuyên nhất.

8. Không tham đắm, vướng mắc nơi sự vui thích của giấc ngủ.

9. Nằm nghiêng bên phải mỏi rồi, nhưng không đổi sang bên trái, hoặc lại mong tìm cái vui trong giấc ngủ chỉ vì nuôi dưỡng các đại chủng (Thân bốn đại).

10. Thường nhớ nghĩ các pháp phần thiện hiện ra trước mặt.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức tùy sự phù hợp mà sắp đặt tòa ngồi.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức thành tựu hạnh Du-già. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tu tập nhiều về pháp quán bất tịnh.

2. Tu tập nhiều về pháp quán Từ bi.

3. Tu tập nhiều về pháp quán duyên sinh.

4. Đối với những lỗi lầm khéo có thể dứt trừ.

5. Tu tập nhiều về pháp quán không.

6. Tu tập nhiều về pháp quán vô tướng.

7. Tu tập nhiều về pháp quán Du-già.

8. Thường có thể tăng thêm pháp tu tập.

9. Tâm không luyến tiếc, hối hận.

10. Giới hạnh đầy đủ.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu tập hành quán bất tịnh? Đó là khi Bồ-tát ở một mình nơi xứ khác, luôn ở trong hiện tại, tịch tĩnh giữ thân ngồi ngay ngắn, thư thái, tâm sáng suốt, ngồi kiết già, an trụ nơi chánh niệm, không cho tâm chạy theo ngoại cảnh, suy nghĩ: Những thứ ăn uống hiện có trong thế gian, hoặc mùi vị thanh tịnh, hoặc hương vị tột bậc, hoặc mùi vị tầm thường. Những thức ăn uống ấy được lửa trong thân tác động đều thành các thứ bất tịnh đáng ghét. Kẻ ngu si trong thế gian có kiến chấp sai trái, đối với những mùi vị kia lại nhiễm đắm tham chấp. Những bậc Thánh trong chúng ta, dựa theo giới pháp của pháp Phật, nên dùng trí tuệ chân chánh quán xét thấy đúng như thật, nơi những điều ấy, thân không nên ái nhiễm tham đắm, vướng mắc. Do vậy, thường khởi tâm chán lìa. Đó là Bồ-tát tu pháp quán bất tịnh.

Thế nào là Bồ-tát tu tập, hành quán Từ bi? Đó là khi Bồ-tát ở một mình nơi khác, thân phải ngay chính, thong thả, khởi ý sáng suốt, ngồi kiết già, an trụ nơi chánh niệm, tâm không để ngoại duyên chi phối, suy nghĩ:

Nếu có các hữu tình, tâm nhiều giận hại, tạo nghiệp bất thiện, đối với ta không có hình tướng mà khởi oán hại, hoặc nơi quá khứ, hiện tại, vị lai trong ba đời, tất cả hữu tình đối với ta hết thảy chỗ khởi oán hại kia, đều khiến dứt trừ, cũng khiến những hữu tình ấy đều sẽ an tọa nơi đạo tràng Bồ-đề. Đấy là Bồ-tát tâm ý vui thích hết sức sâu xa, thường suy nghĩ, không phải chỉ có lời nói mà tất cả đều như thật. Đó là Bồ-tát tu tập pháp quán Từ bi.

Thế nào là Bồ-tát tu tập pháp quán duyên sinh? Nghĩa là nếu Bồ-tát đối với tâm tham, giận, não hại đã sinh ra, thì từ những pháp ấy suy nghĩ: Nếu các pháp sinh ra, đều do duyên phát khởi, thì pháp duyên đó cũng từ duyên sinh. Duyên có thể sinh tức thuộc về pháp duyên, những người trí há trong pháp duyên sinh không mà chấp có ngã tưởng sao? Đó là Bồ-tát tu pháp quán duyên sinh.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 15

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đối với các lỗi lầm khéo có thể dứt trừ? Nghĩa là nếu Bồ-tát nơi bản thân mình có điều lỗi lầm, thì siêng năng tu tập để trừ dứt, nếu nơi thân của người khác có điều lỗi lầm thì chỉ dạy khiến họ dứt trừ. Kẻ không thể nhận lãnh được tức nên lìa bỏ. Những gì là lỗi lầm? Đó là đối với Phật, Pháp, Tăng không sinh tôn trọng, đối với người tu tập giới, các vị Thánh, các vị cùng tu phạm hạnh ở bậc thượng trung hạ, nơi các bậc ấy cũng không tôn trọng, lại sinh ngã mạn, khinh chê người khác, thuận theo các cảnh ái nhiễm trái ngược với Niết-bàn, khởi dấy chấp ngã, chấp hữu tình, thọ mạng, sĩ phu, sự nuôi dưỡng, các loài chúng sinh... Chấp không, chấp đoạn, chấp thường, vô thường, không thích chư Thánh, gần theo kẻ ngu, xa lìa người giữ giới thanh tịnh, tôn trọng, cúng dường người phá giới, chạy theo bạn ác, lìa bỏ bạn lành, chê bai, nói xấu kinh điển thâm diệu của Như Lai, đối với kinh điển thâm diệu ấy lại sinh sợ hãi. Lười biếng, trễ nãi, xem thường bản thân, ý chí thấp kém, không có uy nghi, cũng không biện tài, trái xứ tạo ác, chỗ không nên nghi lại sinh nghi hoặc, điều đáng nghi ngờ lại không thể nghi. Ngăn che, trói buộc, dua nịnh, lừa gạt, chìm đắm tối tăm trong sự ngủ nghỉ, tham chấp về lợi dưỡng, giòng họ, thân thuộc, đất nước… Lại thường gần gũi sách vở của ngoại đạo, chán lìa chánh pháp, hủy bỏ thệ nguyện, quen tu theo pháp bất thiện, lơ là với pháp thiện, thân thiện nơi kẻ không phải là người xuất gia, lại hay giao du với người nam, người nữ, trẻ nam, trẻ nữ, cùng các ngoại đạo, không ưa thích nơi A-lan-nhã. Ăn uống không biết hạn lượng, không ở gần nơi các bậc thầy, bậc tôn trưởng. Nếu có tu niệm cũng không biết đúng giờ giấc, lại cũng chẳng biết nơi chốn hành hóa, học giới vi tế cũng chẳng tôn kính. Đối với những tội nhỏ chẳng sinh sợ hãi. Nơi những người căn tánh si tối lại xem là vắng lặng. Đối với người có căn tánh thù thắng, nhanh nhạy lại sinh kiêu ngạo hành theo tà kiến, thường nói ra những lời xấu ác. Trong những sắc tướng đáng yêu, hay không đáng yêu theo từng trường hợp mà chấp trước. Thấy người giận dữ không khởi tâm Từ, thấy người khổ não không sinh thương xót, thấy người tật bệnh không sinh tâm

chán lìa, thấy người chết không có ý sợ sệt, ở trong ngôi nhà lửa mà không cầu nẻo xuất ly. Không quán xét, tìm hiểu về thân, không quan sát hành giới điều nào đã làm, điều nào sẽ làm, điều nào đang làm. Điều không nên suy nghĩ thì lại suy nghĩ, điều không nên tính toán thì lại tính toán, chỗ không nên theo đuổi thì lại tìm cầu, sự việc không nên lìa ra thì tưởng chấp là nẻo lìa thoát. Không phải là đạo lại chấp tưởng là chánh đạo, chưa đạt sự chứng ngộ thì cho là đã chứng ngộ. Làm việc thế tục thì tâm chuyên nhất, điều không đáng làm lại siêng năng, dốc sức. Pháp thiện rộng lớn lại thường xả bỏ, chê bai pháp Đại thừa, khen ngợi pháp của hàng Thanh văn, nói xấu người có lòng tin sâu xa nơi pháp Đại thừa, ca ngợi người tu hành theo pháp Thanh văn. Thường cùng người khác tranh cãi, lời lẽ luôn xấu xa, thô bỉ, hay tự đề cao, phóng túng, không thành thật, khinh chê người khác, điều không đáng nói lại nói, lời toàn hư dối, yêu thích, tham chấp theo hý luận. Đó là những điều lỗi lầm. Bồ-tát khéo dứt trừ những thứ lỗi lầm đó rồi, lìa xa những hý luận, siêng năng tu tập pháp quán không. Tuy tu tập nhiều về pháp quán không, nhưng ở mọi nơi chốn tâm Bồ-tát luôn rộng mở, trụ chỗ an lạc. Bồ-tát tức thì đối với các cảnh, xứ, tìm khắp tự tánh thảy đều là không, nên rõ là chẳng thể thủ đắc. Do cảnh không, nên quán sát tâm cũng đều là không. Tâm cảnh đều không, nên có thể quan sát trí cũng là không, thấu tỏ là chẳng thể thủ đắc. Bồ-tát lại siêng năng quan sát các tướng đều là không. Bồ-tát tuy quán không tướng, nhưng vẫn có các tướng ấy hiện ra trước mắt, gây tạo đối ngại, cho nên quán không có tướng bên trong. Không có tướng bên trong nên thân không thể thủ đắc. Cả thân niệm trụ càng không thể thủ đắc, cũng chẳng buộc tâm nơi đâu. Nơi thân cũng không có tướng bên ngoài để có thể thủ đắc. Cũng không có niệm trụ của tướng bên ngoài có thể thủ đắc. Tâm không ràng buộc, tướng bên ngoài tách rời, nên tướng thân cũng tách rời. Do các tướng bên trong đã dứt trừ, nên siêng năng phát khởi tu tập ý lạc. Từ việc tu tập nhiều hạnh quán nên thường dốc sức tu tập pháp Chỉ, Quán. Hạnh tu ấy không gián đoạn, đó là tánh của tâm cảnh là một, tức là chỉ. Quán sát như thật về tự tánh của các pháp, đó là quán. Do đạt tánh của tâm nhất cảnh trụ nơi chỉ, tức đối với định tâm hoan hỷ, không hối tiếc. Vì sao? Vì giới pháp thanh tịnh và hành giới đầy đủ đó là hạnh Du-già của Bồ-tát. Vì hành giới đầy đủ nên làm tăng trưởng hạnh Du-già. Hành giới đầy đủ nên tu tập Du-già, đó gọi là tu tập hạnh Du-già.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế tức khéo tu tập hạnh Du-già.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì có thể thọ trì giáo nghĩa nơi Khế kinh của Như Lai. Mười pháp ấy là những

gì?

1. Vì để bảo vệ chánh pháp nên nghe hiểu, thọ trì, không vì của cải.

2. Vì để giữ gìn giáo pháp, nên nghe hiểu, thọ trì, không vì lợi dưỡng.

3. Nhằm khiến cho hạt giống của Tam bảo không bị dứt mất, nên nghe hiểu, thọ trì, không vì mong được người khác cung kính.

4. Vì muốn thu nhận hữu tình an trú nơi pháp Đại thừa, nên nghe hiểu, không vì danh tiếng.

5. Vì đem lại lợi ích cho những hữu tình không nơi nương tựa, không người cứu vớt, nên nghe hiểu, thọ trì.

6. Vì nhằm chiếm những hữu tình khổ não được yên vui, nên nghe hiểu, thọ trì.

7. Nhằm khiến cho người không có Tuệ nhãn đạt được Tuệ nhãn, nên nghe hiểu, thọ trì.

8. Vì những người trụ nơi thừa Thanh văn, giảng nói, chỉ rõ về giáo pháp Thanh văn, nên nghe hiểu, thọ trì.

9. Vì những người trụ nơi Đại thừa, giảng nói, chỉ rõ pháp Đại thừa, nên nghe hiểu, thọ trì.

10. Để tự đắc chứng trí tuệ Vô thượng, nên nghe hiểu, thọ trì. Không vì cầu những thừa thấp kém.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể thọ trì giáo nghĩa nơi Khế kinh của Như Lai.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức có thể thọ trì giáo nghĩa của giới luật. Mười pháp ấy là những gì?

1. Khéo nhận biết về giới luật.

2. Khéo nhận biết về khuôn phép của giới luật.

3. Giỏi khéo nhận biết về ý nghĩa sâu xa của giới luật.

4. Khéo nhận biết về tướng vi tế của giới luật.

5. Khéo nhận biết về điều nên làm điều không nên làm.

6. Khéo nhận biết tự tánh của sự trái, phạm.

7. Khéo nhận biết về sự nêu bày trái, phạm.

8. Khéo nhận biết về nhân duyên dấy khởi của giới luật biệt giải thoát.

9. Khéo nhận biết giới luật của bậc Thanh văn.

10. Khéo biết giới luật của Bồ-tát.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức khéo thọ trì giáo nghĩa của giới luật.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức khéo nhận biết đầy đủ về phép tắc, chỗ hành trì, cảnh giới oai nghi. Mười pháp ấy là những gì?

1. Khéo tu học giới của hàng Thanh văn.

2. Khéo tu học giới của bậc Duyên giác.

3. Khéo tu học giới của Bồ-tát.

4. Đối với tất cả những học xứ kia đều tu tập đầy đủ.

5. Đối với sự hành trì các phép tắc đầy đủ rồi, nên có thể lìa bỏ hạnh không phải là Sa-môn.

6. Do nhân duyên ấy nên Bồ-tát không hành hóa đối với không phải nơi, không phải chốn, không phải lúc.

7. Đối với phép tắc nơi nẻo hành hóa của một vị Sa-môn đã được đầy đủ rồi nên không bị các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn chê bai một cách phi lý.

8. Khiến cho kẻ khác cũng tu học như thế.

9. Chỗ hành trì đúng phép tắc được đầy đủ rồi thì diện mạo hình tướng đoan nghiêm, oai nghi tịch tĩnh.

10. Đầy đủ oai nghi, không giả hiện ra điều khác lạ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, sẽ khéo hiểu rõ về phép tắc, cảnh giới hành hóa, oai nghi đầy đủ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức có thể lìa bỏ keo kiệt, ganh tị. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tự mình làm người bố thí.

2. Dạy người khác hành bố thí.

3. Khen ngợi sự bố thí.

4. Thấy người khác bố thí sinh tâm tùy hỷ.

5. Khiến những người bố thí khác vui vẻ, sung sướng vì lợi ích.

6. Khi thấy người khác nhận bố thí, không nghĩ là vật ấy nên bố thí cho ta, đừng bố thí cho người khác, tộc họ của ta nên được, tộc họ khác thì không nên được.

7. Bồ-tát phát tâm như thế này: Cứu giúp cho các hữu tình có được đời sống đầy đủ của cải, an lạc.

8. Nhằm khiến các hữu tình đều có thể thành tựu sự an lạc tối thượng, thù thắng, xuất thế gian.

9. Bồ-tát suy nghĩ: Ta thường siêng năng tu tập đều vì lợi ích cho hữu tình.

10. Bồ-tát suy nghĩ thế này: Ta trọn không khởi tâm keo kiệt, ganh ghét.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể lìa bỏ keo kiệt, ganh ghét.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức có thể đối với tất cả hữu tình luôn trụ nơi tâm bình đẳng. Mười pháp ấy là những gì?

1. Đối với tất cả hữu tình phát khởi phương tiện bình đẳng.

2. Đối với tất cả hữu tình khởi tâm không chướng ngại.

3. Đối với tất cả hữu tình khởi tâm không giận dữ não hại.

4. Vì tất cả hữu tình hành bố thí rộng khắp.

5. Giữ gìn giới hạnh.

6. Tu trì nhẫn nhục.

7. Phát khởi siêng năng tinh tấn.

8. An trú nơi thiền định.

9. Tu tập trí tuệ thù thắng.

10. Chứa nhóm Nhất thiết trí.

Bồ-tát luôn dựa vào chỗ chứa nhóm tâm vô nhị như thế. Vì sao? Vì Bồ-tát đối với tất cả hữu tình luôn tích chứa bình đẳng, xem tất cả hữu tình là cảnh của đối tượng được duyên để tích tập. Như vậy nhanh chóng có thể khiến khắp thảy đều chứng ngộ pháp tánh. Bồ-tát tự mình có thể lìa khỏi ngôi nhà lửa lớn rồi, lại khiến người khác cũng được lìa khỏi. Do an trú nơi tâm bình đẳng nên tâm không có cao thấp.

Này thiện nam! Ví như vị trưởng giả có sáu người con, mỗi mỗi người con đều xứng đáng theo ý của cha, yêu quý, thương nhớ đều bằng nhau. Các người con ấy còn nhỏ nên không hiểu rằng người cha đã dùng những phương tiện giống nhau để dạy dỗ, nuôi nấng các con. Khi ngôi nhà của cha bỗng nhiên bốc cháy, nhưng các con của ông mỗi đứa ở một nơi.

Này thiện nam! Ý ông nghĩ sao? Lúc ấy ông trưởng giả có thể nghĩ, các người con kia cùng khiến thoát ra một lúc, hay người thoát ra trước, người thoát ra sau?

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Không phải thế, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì ông Trưởng giả với tâm bình đẳng yêu thương không khác, lúc ấy, thấy các con mỗi đứa ở một nơi, nhưng với tâm yêu thương bình đẳng của mình, ông muốn họ đều thoát ra cả.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Bồ-tát cũng lại như vậy. Tất cả hữu tình đều là hàng ngu si, không phải là bậc Thánh, ở lâu trong nhà lửa sinh tử, si mê không nhận biết, không thấu rõ. Mọi hữu tình đều phân tán trong các cõi, Bồ-tát do muốn cứu độ họ nên tùy thuận dùng các phương tiện cùng lúc khiến họ ra khỏi nhà lửa lớn kia, ra khỏi rồi thì được an trú nơi thế giới tịch tĩnh.

Này thiện nam! Bồ-tát tu tập mười pháp như thế, tức có thể đối với các hữu tình trụ tâm bình đẳng.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì khéo có thể thừa sự cúng dường Như Lai. Mười pháp ấy là những gì?

1. Dùng pháp cúng dường, đó là thừa sự cúng dường Như Lai không phải dùng của cải để cúng dường.

2. Như lời giảng mà tu hành, đó là cúng dường.

3. Vì các hữu tình làm những việc lợi lạc, đó là cúng dường.

4. Thu nhận các hữu tình, đó là cúng dường.

5. Vì các hữu tình mà mọi việc làm đều thuận hợp, đó là cúng dường.

6. Không lìa thệ nguyện, đó là cúng dường.

7. Không lìa bỏ sự nghiệp tu tập của Bồ-tát, đó là cúng dường.

8. Như chỗ giảng nói, có thể thực hành, đó là cúng dường.

9. Những chỗ hành trì không sinh ra biếng trễ, mệt mỏi, đó là cúng dường.

10. Không bỏ tâm Bồ-đề.

Đó là thừa sự cúng dường Như Lai, không phải dùng tài sản để cúng dường. Vì sao? Này thiện nam! Pháp thân tức là Như Lai, cho nên dùng pháp cúng dường, đó là cúng dường Như Lai. Lại tích tập những lời dạy của Như Lai, tức là như chỗ nêu giảng mà tu hành. Phát khởi các việc lợi lạc, tức là làm lợi lạc cho hữu tình. Gây tạo sự nghiệp cho hữu tình, đó là thu nhận hữu tình.

Này thiện nam! Nếu không thể tạo lợi ích cho hữu tình thì đó là người có thệ nguyện nhỏ bé. Xả bỏ sự nghiệp tu tập của Bồ-tát, tức không thể thuận theo các hành của hữu tình, không thể làm tăng trưởng thệ nguyện, làm bền chắc sự nghiệp của Bồ-tát. Lại nếu nói lời hư dối, ý chí thiếu giảm, tức là không thể hành trì theo như lời Phật dạy. Lại nếu sinh tâm lười mỏi, tức đối với các việc làm không thể không sinh biếng trễ, mỏi mệt. Lại đối với tâm Bồ-đề có chỗ thoái mất, không chứng ngộ, tức không thể không lìa bỏ tâm Bồ-đề. Vì sao? Này thiện nam! Vì nếu thế thì Bồ-tát đối với quả vị

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vốn không chỗ đạt được, cũng không có chỗ chứng ngộ. Vậy nay ông phải biết như thế, dùng pháp cúng dường tức là thừa sự cúng dường Như Lai, không phải là dùng của cải để cúng dường.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức khéo có thể thừa sự cúng dường Như Lai.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức có thể trừ bỏ được ngã mạn. Mười pháp ấy là những gì?

1. Bồ-tát bỏ nhà đi xuất gia, lìa các bạn bè, bà con, người quen biết, giống như đã chết là trừ bỏ ngã mạn.

2. Từ bỏ dáng vẻ đẹp đẽ của mình, mặc y phục hoại sắc, thuận theo chánh pháp nên trừ diệt ngã mạn.

3. Cạo bỏ râu tóc, tay cầm bình bát, đến từng nhà xin ăn, nên diệt trừ ngã mạn.

4. Do nhân duyên khất thực, hạ thấp tâm ý, so với Đồng tử thuộc hàng Chiên-đà-la không khác nhau, nên từ bỏ ngã mạn.

5. Thường suy nghĩ thế này: Ta xin ăn nơi người khác, thì thân mạng ta thuộc về người khác, nên trừ bỏ ngã mạn.

6. Chỗ ta thọ nhận thức ăn là để được thanh tịnh, chư Phật đã chuẩn hứa, nên trừ bỏ ngã mạn.

7. Vì muốn được gần gũi các bậc sư trưởng, giáo thọ trong Thánh chúng, nên trừ bỏ ngã mạn.

8. Ta có đủ oai nghi phép tắc, những điều làm đúng như pháp, muốn khiến những người đồng tu phạm hạnh trông thấy đều vui mừng, nên trừ bỏ ngã mạn.

9. Đối với những người chưa đầy đủ pháp Phật, nguyện sẽ được đầy đủ, nên trừ bỏ ngã mạn.

10. Đối với những hữu tình có tâm giận dữ, não hại ta phải thường hành trì hạnh nhẫn nhục, nên trừ bỏ ngã mạn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể trừ bỏ được ngã mạn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức có thể sinh tin tưởng thanh tịnh. Mười pháp ấy là những gì?

1. Phước hạnh đều thành tựu trọn vẹn.

2. Do đầy đủ nhân chánh nên đạt được căn lành từ đời trước viên mãn.

3. Không khởi sự tin tưởng tà vạy, nên có đủ chánh kiến.

4. Không nương tựa người thầy tà vạy, nên đạt được ý vui thích đầy đủ.

5. Lìa bỏ lời dua nịnh, dối trá, nên đạt được hành chân chánh, không quanh co.

6. Căn tánh nhanh nhạy nên đạt được trí tuệ hơn hẳn.

7. Luôn được thanh tịnh nên xa lìa các chướng ngại.

8. Xa lìa tri thức ác nên thường được gần những bậc Thiện tri thức, hiểu biết tốt.

9. Thường tìm cầu những lời giảng nói tốt đẹp cho nên trừ bỏ được tâm tăng thượng mạn.

10. Ở trong pháp Phật đã giảng nói có đầy đủ lòng tin lớn lao nên có thể lìa bỏ sự chấp trước tà vạy, hiểu rõ uy đức rộng lớn của Như Lai.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể sinh tin tưởng thanh tịnh.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 16

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai có uy đức rộng lớn, xin Phật Thế Tôn giảng nói ít phần.

Phật nói:

–Này thiện nam! Ông nên lắng nghe, nay ta sẽ vì ông lược nói về những uy đức rộng lớn của Như Lai.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Lành thay, Đức Thế Tôn! Con xin vui thích nghe. Bồ-tát Trừ Cái Chướng vâng lời lắng nghe.

Phật nói:

–Này thiện nam! Như Lai thành tựu đại Từ bình đẳng vô lượng đối với khắp tất cả hữu tình. Như Lai thể hiện hạnh Từ nơi một hữu tình rồi thì đối với tận cùng giới hữu tình, ở mọi nơi, cũng thể hiện hạnh Từ như vậy, cho đến bằng cõi hư không mọi chốn hành hóa. Nhưng thật ra không thể nhận biết được giới hạn nơi tâm đại Từ của Như Lai. Lại nữa, này thiện nam! Sự thành tựu nơi công đức đại Bi của Như Lai không thể lấy công đức của hàng Thanh văn, Bồ-tát so sánh được. Đức Như Lai thể hiện hạnh đại Bi nơi một hữu tình rồi, thì đối với tận cùng giới hữu tình, chỗ hành trì hạnh đại Bi cũng như vậy, luôn vì các hữu tình tạo lợi ích rộng khắp. Lại nữa, này thiện nam! Như Lai thành tựu sự thuyết pháp vô tận, như chỗ thành tựu ấy, hoặc một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến vô lượng vô số kiếp, số hữu tình ấy có bao nhiêu chủng loại, tên gọi, tiếng nói khác nhau, nghĩa lý không giống nhau, Như Lai cùng lúc có thể vì họ mà giảng nói giáo pháp, nhưng thực sự không thể biết hết giới hạn nơi sự thuyết giảng giáo pháp của Như Lai. Lại nữa, này thiện nam! Như Lai thành tựu không lường được những câu hỏi đáp. Nếu các hữu tình, cho đến số đông hữu tình trong cùng một lúc đều dùng vô số thứ khác nhau về ý nghĩa của danh cú văn để hỏi Phật, Thế Tôn, thì Như Lai chỉ trong một sát-na, trong một lạp-phược *(bảy ngàn hai trăm sát-na)*, trong một Mâu-hô-lật-đa *(hai trăm mười*

sáu ngàn sát-na) đều có thể giải đáp, nhưng thực sự là không thể biết được tướng biện tài tận cùng trong việc giải đáp của Như Lai.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai đã thành tựu cảnh giới thiền định không ngăn ngại. Giả sử hết thảy các hữu tình đều an trú vào Thập địa, những hữu tình ấy cùng lúc đều nhập vào vô số trăm ngàn môn chánh định, lúc nhập như thế, trải qua vô số ức trăm ngàn kiếp, chỗ chứng nhập chánh định ấy, mỗi mỗi sai khác, nhưng cũng không thể biết được về các pháp môn chánh định hiện có và cảnh giới chánh định của Như Lai.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai đã thành tựu vô lượng pháp môn hóa hiện sắc thân. Nếu các hữu tình dùng sắc tướng của Như Lai để có thể hóa độ, Như Lai chỉ trong một sát-na, một lạp-phược, một mâu-hô-lật-đa, nơi mỗi một thời điểm ấy đều có thể ở trước hữu tình kia hiện thân Như Lai. Nếu các hữu tình dùng những sắc tướng khác biệt để có thể hóa độ, Như Lai chỉ trong một sát-na, đều hiện ra vô số sắc thân khác nhau.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai đã thành tựu vô lượng cảnh giới Thiên nhãn. Nếu có hữu tình gồm đủ ánh sáng Thiên nhãn, không phải là Nhục nhãn, thì tận cùng cảnh giới của hữu tình, các loài hữu tình nhiều như thế, vượt ngoài mọi tính đếm, suy nghĩ so sánh nơi những thế giới ấy, Như Lai đều có thể nhìn thấy theo từng thế giới như nhìn trái Am-ma-lặc trong lòng bàn tay.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai đã thành tựu vô lượng cảnh giới Thiên nhĩ, như trước đã nói, tất cả hữu tình đều đầy khắp trong vô biên thế giới đó, những hữu tình ấy cũng trong một sát-na, phát ra những âm thanh với vô số uẩn khúc sai biệt, nhưng Như Lai có thể cùng lúc nghe được từng loại tiếng và đều hiểu rõ.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai đã thành tựu vô lượng trí tuệ thù thắng. Giả như vô lượng, vô biên tận cùng cảnh giới của hữu tình cùng với cảnh giới hư không, những loại hữu tình mỗi mỗi đều suy nghĩ, đều tính toán lường xét, tùy theo những tính toán, lường xét ấy, mỗi mỗi đều tạo nên nghiệp khác nhau, Như Lai chỉ trong một sát-na, một lạp-phược, một mâu-hô-lật-đa đều có thể hiểu rõ những loài hữu tình ấy suy nghĩ thế này, loài hữu tình kia tính toán lường xét như thế kia, loài hữu tình này tạo nghiệp như thế này, đạt quả báo thế này... Như Lai dùng hiệu lực của trí tuệ thanh tịnh, vô ngại nơi ba đời đều có thể biết rõ.

Này thiện nam! Như Lai thường trụ trong chánh định, không hề rời chánh định ấy. Vì sao? Vì Như Lai không hề mất chánh niệm, các căn không chút tán loạn, không có suy nghĩ khác lạ, đã dứt trừ tất cả phiền não,

Như Lai luôn tịch tĩnh, hoàn toàn vắng lặng.

Này thiện nam! Nếu có những phiền não thì tâm sẽ tán loạn. Tâm tán loạn thì không thể tích tập các pháp thiện, cho nên Như Lai đã dứt trừ phiền não, lìa bỏ các cấu nhiễm nơi trần cảnh, diệt sạch hết các lậu, đạt tất cả các pháp, bình đẳng, tự tại, hoàn thành hạnh thù thắng nơi cảnh giới tịnh quán.

Này thiện nam! Như Lai nơi mỗi mỗi nẻo uy nghi, mỗi mỗi pháp chánh định thường tu hành, cho đến khi nhập Niết-bàn, những hạnh tu tập ấy vẫn không sai mất, huống chi là pháp chánh định siêu vượt, hơn hẳn.

Này thiện nam! Như Lai đã tích tập công đức trong vô số kiếp, do đó công đức hiện có của Như Lai không thể lường xét, không thể gọi tên, suy nghĩ, kể đếm.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lẽ nào chẳng phải Như Lai đã tích chứa công đức trong ba vô số vô lượng kiếp sao?

Phật bảo:

–Không phải, không thể, này thiện nam! Cảnh giới của Như Lai là không thể nghĩ bàn, nếu trụ ở quả vị Bồ-tát không thể nghĩ bàn thì mới có thể chứa nhóm, không phải là trong ba vô số kiếp có thể chứa nhóm được. Vì sao? Nếu Bồ-tát có thể hội nhập vào tất cả các pháp bình đẳng, mới đi vào số kiếp, không phải người mới phát tâm có thể hội nhập được.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như điều đã nói thì Như Lai có uy đức rộng lớn, nên người nào được nghe rồi, có thể sinh tin tưởng thanh tịnh, hoan hỷ, vui thích, nên biết là người ấy có đầy đủ phước đức lớn, tạo tác các nghiệp thiện, dứt trừ các nghiệp chướng, tin hiểu rộng lớn, người ấy được gần đạo Bồ-đề, huống chi lại ở trong pháp ấy, nghe hiểu, thọ trì, đọc tụng thông suốt, có thể vì người khác mà giảng nói rộng khắp, nên biết người ấy chẳng bao lâu sẽ phát sinh những uy đức rộng lớn ngang bằng với Như Lai.

Phật nói:

–Đúng thế, đúng thế! Này thiện nam! Như lời ông nói, người ấy sẽ được chư Phật nhiếp hộ vì đã vun trồng sâu xa căn lành, nơi trú xứ của nhiều Đức Phật luôn tôn trọng cung kính. Do đó các thiện nam, thiện nữ, nghe giảng nói về uy đức lớn của Như Lai rồi chớ sinh nghi ngờ, chớ khởi do dự. Nếu các thiện nam, thiện nữ kia, có thể trong bảy ngày đêm, chuyên chú, buộc giữ niệm, tâm không tán loạn, tưởng nghĩ về uy đức rộng lớn của Như Lai, theo chỗ suy nghĩ, tác ý sâu bền, tin hiểu rõ chắc, tùy theo chỗ

ngộ nhập, quá bảy ngày đêm, nên sạch sẽ, nghiêm trang, trải bày các thứ cúng dường, mặc y phục mới, sạch, tâm thanh tịnh, tưởng nghĩ chân thành, tức trong đêm ấy được thấy Như Lai. Nếu lại không thể đúng y như cách thức ấy hay giảm bớt điều gì, chỉ có thể chuyên chú nhất tâm, người ấy khi lâm chung cũng được Như Lai hiện ra trước mặt.

Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hoặc có người khi nghe giảng nói về uy đức lớn lao của Như Lai, lại sinh tâm không tin tưởng chăng?

Phật nói:

–Này thiện nam! Cũng có những hữu tình nghe nói về uy đức lớn lao của Như Lai lại khởi tâm ý xấu ác, tổn hại. Đối với bậc thầy thuyết pháp, lại khởi ý tưởng về người bạn xấu. Do duyên cớ ấy các hữu tình kia khi thân hoại mạng chung sẽ bị đọa vào địa ngục.

Này thiện nam! Lại nếu có người, khi nghe nói về uy đức lớn lao của Như Lai sinh tâm tin tưởng thanh tịnh, đối với bậc thầy nói pháp khởi tưởng về hàng tri thức thiện, về bậc sư trưởng tôn quý, người như thế chắc chắn trong kiếp trước đã từng nghe nói về uy đức rộng lớn của Như Lai, đời đời nối tiếp nhau, cho đến hiện tại thường ở trong chúng hội, được nghe công đức của Như Lai.

Này thiện nam! Như Phật đã nói, nếu có người được nghe chánh pháp này, thì người ấy nơi đời trước đã từng được nghe.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện bày tướng lưỡi thanh tịnh, che khuất khuôn mặt, che đỉnh đầu, lại đảo vòng che toàn thân, rồi che quanh tòa Sư tử, lần lượt che các hàng Bồ-tát, hàng Thanh văn trong chúng hội, cho đến trời Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế cùng tất cả đại hội. Như vậy thứ lớp vòng che rộng khắp, xong rồi thì thâu tướng lưỡi trở lại như thường, bảo khắp đại chúng trong pháp hội: Này các thiện nam! Các ông xem tướng lưỡi của Như Lai như thế biểu thị lời nói của Như Lai là chân thật, không hư dối, các ông phải tăng thêm tâm tin tưởng thanh tịnh, sẽ khiến cho các ông ở trong cõi sinh tử được lợi lạc lớn.

Khi Phật giảng nói pháp ấy, trong chúng hội có tám vạn bốn ngàn Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, vô số trăm ngàn các chúng hữu tình xa lìa được bụi bặm cấu uế, đạt Pháp nhãn thanh tịnh. Lại có vô số hữu tình, trước đó chưa từng phát tâm Bồ-đề, nay đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Trừ Cái Chướng:

–Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức khéo nhận

biết về thế tục. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tuy nêu bày sắc uẩn, nhưng ở trong Thắng nghĩa đế, thì sắc uẩn không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ. Tuy nêu bày các uẩn: Thọ, tưởng, hành, thức, nhưng trong Thắng nghĩa đế, thức uẩn không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

2. Tuy kiến lập địa giới, nhưng ở trong Thắng nghĩa đế, thì địa giới không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ. Tuy kiến lập các giới như: Thủy, hỏa, phong, không, thức, nhưng ở trong Thắng nghĩa đế, thức giới không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

3. Tuy kiến lập nhãn xứ, nhưng trong Thắng nghĩa đế, thì nhãn xứ không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ. Tuy gây dựng các xứ như: Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, nhưng trong Thắng nghĩa đế, ý xứ không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

4. Tuy kiến lập về ngã, nhưng trong Thắng nghĩa đế, ngã không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

5. Tuy kiến lập các hữu tình, nhưng trong Thắng nghĩa đế, các hữu tình không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

6. Tuy kiến lập thọ mạng, sự nuôi dưỡng, bậc trượng phu, các chúng sinh, con người, nhưng trong Thắng nghĩa đế, thì các thứ ấy đều không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

7. Tuy kiến lập thế gian, nhưng trong Thắng nghĩa đế, thế gian không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

8. Tuy kiến lập các pháp của thế gian, nhưng trong Thắng nghĩa đế, pháp của thế gian không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

9. Tuy kiến lập pháp Phật, nhưng trong Thắng nghĩa đế, pháp Phật không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ.

10. Tuy kiến lập đạo Bồ-đề, nhưng trong Thắng nghĩa đế thì Bồ-đề là không thể thủ đắc, cũng không chấp giữ, cũng không có người đắc đạo Bồ-đề.

Này thiện nam! Kiến lập tên gọi và hình tướng, đó là pháp thế tục, nhưng Thắng nghĩa đế cũng không xa lìa pháp thế tục mà có. Nếu không có pháp thế tục tức không thể đạt được Thắng nghĩa đế. Bồ-tát đối với các "xứ" như thế hiểu rõ về thế tục tức là khéo thấy tỏ về pháp thế tục.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế tức khéo nhận biết về pháp thế tục.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 17

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì khéo nhận biết được Thắng nghĩa đế. Mười pháp ấy là những gì?

1. Thành tựu pháp không sinh.
2. Thành tựu pháp không diệt.
3. Thành tựu pháp không hoại.
4. Thành tựu pháp không ra không vào.
5. Thành tựu cảnh giới vượt khỏi ngôn ngữ.
6. Thành tựu pháp không giảng giải.
7. Thành tựu pháp không hý luận.
8. Thành tựu pháp không thể nêu bày.
9. Thành tựu pháp vắng lặng.
10. Thành tựu pháp bậc Thánh. Vì sao? Này thiện nam! Vì lý của Thắng nghĩa đế vốn không thể hủy hoại, Phật có ra đời hay không ra đời lý ấy vẫn là như vậy, không sinh, không diệt, không ra, không vào, không thể nêu bày bằng văn tự, không thể giảng giải biểu thị bằng văn tự, rời xa mọi hý luận, thủ chứng.

Này thiện nam! Thắng nghĩa đế ấy trong suốt, vắng lặng, không thể nói bàn, chỉ những bậc Thánh tự chứng đắc từ bên trong. Lại nữa, này thiện nam! Thắng nghĩa đế ấy, hoặc Phật ra đời, hoặc Phật không ra đời, vốn không bị hủy hoại, từ ý nghĩa đó, nếu có thiện nam khởi tâm chánh tín, xuất gia thanh tịnh, cạo bỏ râu tóc, khoác ca-sa, đã xuất giá rồi, luôn siêng năng tinh tấn tu tập các hạnh thiện, như đầu che lụa vải cứu lửa cháy, cầu pháp cũng như thế.

Này thiện nam! Nếu không đạt được pháp Thắng nghĩa đế thì kết quả của sự tu phạm hạnh là hư vọng, không lợi lạc, dù Như Lai có ra đời cũng chẳng tạo được lợi ích. Vì vậy, này thiện nam! Nếu đạt được Thắng nghĩa đế thì gọi là Bồ-tát hiểu rõ về thắng nghĩa.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, tức khéo nhận biết

về Thắng nghĩa đế.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức khéo nhận biết về duyên sinh. Mười pháp ấy là những gì?

1. Nhận biết các pháp là không.
2. Nhận biết các pháp là không thực có.
3. Nhận biết các pháp là không chân thật.
4. Nhận biết các giống như hình tượng.
5. Nhận biết các pháp như hình bóng.
6. Nhận biết các pháp như tiếng vang.
7. Nhận biết các pháp như huyễn.
8. Nhận biết các pháp là không tồn tại lâu.
9. Nhận biết các pháp luôn chuyển động.
10. Nhận biết các pháp đều từ duyên sinh.

Bồ-tát suy nghĩ thế này: Các pháp như vậy là không, là không sở hữu, là không chân thật, là như ảnh tượng, là hình bóng, là huyễn ảo, không tồn tại lâu, luôn chuyển động, là do duyên sinh. Tuy biết rõ các pháp có sinh ra nhất định không tồn tại lâu dài mà nhanh chóng bị hủy hoại, nhưng cũng tạo lập pháp về sinh, về diệt, về trụ. Lại suy nghĩ kỹ các pháp như vậy từ nguyên nhân nào sinh, từ nguyên nhân nào diệt. Suy nghĩ như thế rồi liền biết pháp ấy từ vô minh sinh ra, nhân vô minh mà có, do vô minh làm kẻ dẫn đường đi trước, hết thảy đều nương ở vô minh. Dựa vào vô minh nên các hành phát sinh, dựa vào hành nên có thức, do có thức mà có danh sắc, có danh sắc nên có sáu xứ, có sáu xứ nên xúc sinh ra, do có xúc nên thọ sinh ra, do thọ làm nhân, kẻ ngu phu sinh ra ái, ái thúc bách nên khởi ra thủ, từ có thủ trói buộc nên có hữu, do có hữu mà có sinh, có sinh nên có lão, có lão nên các chúng sinh, sĩ phu đều chết, vì có chết nên lo buồn, khổ não, sầu than, như thế nên có khối khổ lớn được nhóm chứa. Vì thế, những người có trí tuệ là phải siêng năng, gắng sức dứt trừ vô minh, phá trừ vô minh, nhổ gốc rễ của vô minh, tiêu diệt pháp vô minh. Do vô minh bị diệt tức có thể diệt trừ pháp nương tựa vào chỗ không có trí tuệ. Ví như mạng căn bị diệt rồi thì các căn khác cũng bị diệt. Vô minh diệt rồi, các pháp dựa vào chỗ không có trí tuệ đều bị tiêu diệt, cũng lại như thế. Vì sao? Vì không có vô trí nên không sự tích tập của hết thảy các phiền não, không chuyển đến các đường ác, tức có thể dứt trừ nguyên nhân của sinh tử, gần với Niết-bàn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức khéo nhận biết về

duyên sinh.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức có thể tự hiểu biết rõ. Mười pháp ấy là những gì?

1. Bồ-tát khéo tự quan sát mình: Nay thân ta từ tộc họ nào sinh ra? Bà-la-môn? Sát-đế-lợi? Trưởng giả? Hay tộc họ cao quý, giàu sang? Hoặc thuộc đẳng cấp thấp kém? Nếu sinh ra nơi dòng họ cao quý, giàu sang, ta không nên dựa vào đấy để sinh kiêu ngạo. Nếu như sinh từ đẳng cấp thấp kém, thì suy nghĩ thế này: Do từ xưa ta tạo ra các nghiệp không tốt nên phải sinh vào giòng dõi như thế. Từ nhân duyên đó nên chán lìa thế gian, do chán lìa nên tìm cầu xuất gia.

2. Bồ-tát đã xuất gia rồi, nên quán sát: Nay ta vì ý nghĩa gì mà cầu xuất gia? Bèn tự suy xét: Xuất gia tức có thể tự độ được mình và khiến kẻ khác cũng được độ. Tự mình giải thoát rồi, cũng khiến kẻ khác đều được giải thoát. Vì duyên cớ ấy nên cuối cùng không sinh trễ nãi lười biếng.

3. Bồ-tát quan sát thế này: Nay ta xuất gia nên dứt trừ tất cả tội, diệt trừ hết sạch những pháp bất thiện, nếu đã đoạn các pháp bất thiện, tất sẽ hoan hỷ, vui thích, còn như chưa dứt trừ hết chúng thì phải gắng sức mau chóng làm cho dứt trừ.

4. Bồ-tát quan sát thế này: Ta nay xuất gia phải nên gia tăng tu tập rộng rãi các pháp thiện. Nếu đã phát triển rộng lớn các pháp thiện, thì tâm được vui mừng, thích thú. Còn nếu chưa gia tăng tu tập pháp thiện thì phải gắng sức nhanh chóng khiến chúng tăng trưởng.

5. Bồ-tát quan sát: Nếu ta nương tựa vào bậc tôn sư, tức có thể tăng trưởng tất cả pháp thiện, diệt trừ tất cả các pháp bất thiện. Từ nhân duyên đó ở chỗ các vị Thân giáo sư (Hòa thượng) không lấy việc nghe ít hay nghe nhiều, có trí tuệ, không có trí tuệ, giữ giới hay phá giới, mà phải nên dấy khởi tưởng về bậc Đại sư là Phật. Nơi bậc thầy tôn kính kia, luôn yêu thích, tin kính, tôn trọng, phụng sự. Đối với bậc thầy khuôn phép mẫu mực (A-xà-lê), cũng giống như trên, là luôn tôn trọng, cung kính.

6. Bồ-tát quan sát: Nếu ta do nương nhờ nơi bậc thầy khuôn phép mẫu mực rồi đối với các pháp Bồ-đề phần nếu chưa viên mãn thì có thể thành tựu trọn vẹn, đối với những phiền não chưa dứt trừ thì có thể dứt trừ tất cả, cho nên ở chỗ các bậc thầy mẫu mực, khuôn phép, phải hết lòng cung kính, phụng sự như tưởng nghĩ về bậc Thân giáo sư (Hòa thượng) tâm rất vui mừng. Bậc thầy đáng kính kia tất dùng chánh đạo và các pháp thiện để thâu nhận ta, không dùng tà đạo, pháp bất thiện để thu phục.

7. Bồ-tát quán sát: Ai là thầy ta? Liền suy xét kỹ: Tất cả những bậc

có trí tuệ đều là thầy lớn của ta. Người đó hiểu biết rõ về tất cả, yêu thương thế gian, khởi tâm đại Bi, làm ruộng phước lớn, có thể là bậc thầy của cả hàng Trời, Người, A-tu-la... Do duyên cớ ấy nên tâm rất vui mừng, sung sướng. Lại suy nghĩ: Nếu Đức Phật Thế Tôn là bậc Đại sư của ta thì ta thực sự được lợi ích tốt đẹp lớn lao. Như Phật Thế Tôn kiến lập việc học đạo, ta sẽ suốt đời vâng theo lời dạy mà tu học, như chỗ đã lãnh hội, theo đó chuyển đổi, suốt đời không lỗi lầm.

8. Bồ-tát suy nghĩ: Ta nên tìm đến những ai để khất thực? Quán sát khắp cả, ta thấy nên đi đến từ nhà Bà-la-môn, Sát-đế-lợi cho tới nhà của thứ dân để khất thực, khiến cho người bố thí thức ăn đạt được phước báo lớn, thành tựu được nghĩa lợi lớn, đầy đủ uy đức lớn. Vì muốn cho mọi người đạt phước quả nên ta tuần tự khất thực như thế.

9. Bồ-tát suy nghĩ: Các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi... vì nghĩ tưởng về gì mà cho ta thức ăn? Suy xét kỹ thì hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi kia chắc nghĩ: Ta là Sa-môn, là Bí-sô, là ruộng phước, nên cho ta thức ăn. Ta nay phải nên tích lũy, chứa nhóm công đức tu hành của hàng Sa-môn, công đức của hàng Bí-sô, công đức của ruộng phước.

10. Bồ-tát suy nghĩ: Ta sẽ làm thế nào để có thể lìa khỏi sinh tử từ vô thỉ? Suy ngẫm, quán xét, như thế: Một là ta thành tựu được hình tướng Bí-sô, đây là điều thứ nhất để lìa bỏ sinh tử; hai là ta đã thành tựu các công đức hiện có của bậc Bí-sô, đây là điều thứ hai để lìa bỏ sinh tử; ba là ta có thể phát khởi tinh tấn, lìa bỏ biếng trễ, tu tập các hạnh thiện, chứng ngộ pháp tánh, đây là điều thứ ba để lìa bỏ sinh tử; bốn là tu tập khắp các hạnh cho đến thành Phật hóa độ hữu tình. Đây là điều thứ tư để lìa khỏi sinh tử. Bồ-tát nếu có thể quán xét kỹ và luôn quán xét thì đó gọi là khéo tự mình hiểu biết rõ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đạt khéo tự mình hiểu biết rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ đạt khéo biết rõ về thế gian. Mười pháp ấy là những gì?

1. Thấy kẻ cao ngạo thì nên tự khiêm tốn.

2. Thấy kẻ ngã mạn thì nên xa lìa kiêu mạn.

3. Thấy kẻ dua nịnh dối trá, mình nên hiện bày ngay thẳng.

4. Thấy kẻ nói dối thì ta nên nói lời chân thật.

5. Thấy kẻ nói lời xấu ác, nên vì người đó mà dùng lời hòa ái.

6. Thấy kẻ hung bạo thì ta nên hiện tướng hiền hòa.

7. Thấy kẻ giận dữ thì mình nên hành nhẫn nhục.

8. Thấy kẻ độc ác, mưu hại, thì ta nên khởi tâm Từ bi.

9. Thấy kẻ khổ não, nên khởi tâm thương xót.

10. Thấy kẻ keo kiệt bủn xỉn thì nên hành hạnh bố thí.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức sẽ khéo rõ biết về thế gian.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ được sinh vào các cõi Phật thanh tịnh. Mười pháp ấy là những gì?

1. Gồm đủ hành giới thanh tịnh, không dứt mất, không xen tạp, thành tựu giới hạnh không cấu nhiễm.

2. Thực hiện tâm bình đẳng, vì tất cả hữu tình tạo nên những phương tiện bình đẳng.

3. Thành tựu những căn lành rộng lớn, không thiếu, không ít.

4. Xa lìa những thứ danh tiếng, lợi dưỡng của thế gian, cũng không cấu nhiễm, vướng mắc.

5. Đầy đủ sự tin tưởng trong sạch không có tâm nghi ngờ.

6. Phát khởi sự siêng năng tinh tấn, lìa bỏ biếng lười.

7. Tu tập đầy đủ về thiền định không để tâm tán loạn.

8. Tu tập hạnh đa văn mà không có trí tuệ xấu ác.

9. Căn tánh lanh lợi, trí tuệ nhạy bén không tối tăm, chậm lụt.

10. Rộng rãi thi hành hạnh Từ bi không có tâm làm tổn hại.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế liền được sinh đến những cõi Phật thanh tịnh.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói tu tập đủ mười pháp mới có thể được sinh về cõi Phật? Nếu tu tập một pháp không thiếu sót có được sinh nơi cõi Phật không?

Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu tu một pháp môn, không dứt đoạn, không thiếu sót, không xen tạp, không nhiễm ô, thanh tịnh hoàn toàn tức có thể thành tựu các pháp hạnh khác.

Này thiện nam! Trong ý nghĩa ấy, nếu có thể tu tập các pháp không thiếu, không bớt, sẽ được sinh nơi cõi Phật, chắc chắn không nghi ngờ.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp thì không sinh theo nẻo bào thai cấu nhiễm. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tu tập đối trị theo hình tượng của Như Lai.

2. Sửa chữa làm trang nghiêm những tháp miếu bị hư hoại.

3. Dùng loại hương vi diệu, sơn quét lên bảo tháp của Như Lai.

4. Dùng nước thơm tinh khiết để tắm rửa tượng Phật.

5. Tô bồi, trang trí, rảy nước quét dọn nền đất nơi bảo tháp Như Lai.

6. Cung kính tôn thờ cha mẹ.

7. Cung kính tôn thờ vị thầy mẫu mực, khuôn phép, vị Hòa thượng cùng những người đồng tu phạm hạnh.

8. Tuy hành hóa như thế nhưng không mong cầu.

9. Đem những căn lành hiện có ấy để hồi hướng, nguyện dùng những điều thiện ấy làm cho tất cả hữu tình không sinh theo nẻo bào thai cấu nhiễm.

10. Tâm chí sâu xa bền vững.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy sẽ không sinh theo đường bào thai cấu nhiễm.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì tuy ở tại gia nhưng là xuất gia. Mười pháp ấy là những gì?

1. Đạt không chỗ chấp giữ.

2. Không ở nơi tạp loạn.

3. Từ bỏ các cảnh.

4. Xa lìa những ái chấp nơi các cảnh.

5. Không bị cấu nhiễm nơi các lỗi lầm hiện có của những cảnh.

6. Đối với những pháp môn tu học do Như Lai đã nêu dạy, nên cung kính tu tập, gia tăng sự gắng sức, không chán.

7. Tuy có được một ít thức ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc men, nhưng tâm thường vui, cho là đủ.

8. Tùy chỗ có được về ứng khí, lìa bỏ tâm chấp giữ.

9. Chán lìa các cảnh, thường sinh lo sợ.

10. Thường siêng năng tu tập, khiến tịch tĩnh luôn hiện ra trước.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy liền đạt sự xuất gia nơi tại gia.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 18

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ đạt nếp sống trong sạch. Mười pháp ấy là những gì?

1. Lìa bỏ sự dua nịnh nhằm mưu cầu lợi dưỡng.

2. Xa lìa tâm vì mưu cầu lợi dưỡng nên giả hiện các hình tướng.

3. Lìa bỏ tâm vì mưu cầu lợi dưỡng nên nói lời hư vọng, xúi giục, dụ dẫn.

4. Lìa bỏ tâm cầu tìm những lợi dưỡng xấu ác.

5. Lìa bỏ những lợi dưỡng phi pháp.

6. Lìa bỏ những lợi dưỡng không trong sạch.

7. Không tham đắm vướng mắc nơi lợi dưỡng.

8. Không bị ái nhiễm theo lợi dưỡng.

9. Không vì lợi dưỡng mà sinh tâm bứt rứt, khổ não.

10. Đạt được lợi dưỡng đúng như pháp, nên vui mừng, cho là đủ.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có thể xa lìa sự dua nịnh để cầu lợi dưỡng? Đó là Bồ-tát không vì cầu lợi dưỡng mà thân thể, lời nói, tâm ý làm những điều dua nịnh, tà vạy. Thân không làm chuyện dua nịnh, Bồ-tát nếu thấy người bố thí hoặc hỗ trợ việc bố thí mà không cố ý tỏ ra có oai nghi thư thả, ung dung, bước đi từng bước ngay ngắn, mắt nhìn thẳng phía trước, hoặc có tâm chán trông những điều xấu ác hay tạo sự vắng lặng không nhìn rõ. Đó gọi là thân không làm điều dua nịnh.

Lời nói không dua nịnh: Bồ-tát không vì duyên cớ lợi dưỡng mà nói năng hòa nhã, từ tốn, nói lời dịu dàng, yêu thích, hay nói lời thuận theo. Đó là lời nói không dua nịnh.

Tâm ý không dua nịnh: Bồ-tát thấy người bố thí và người phụ giúp bố thí khi đem lợi dưỡng đến với sự sống mà không nói năng hay hiện bày vẻ thiểu dục, không khởi tâm tham ái, bên trong nhằm hủy diệt nỗi khổ sở bức bách. Đó gọi là tâm ý không sinh dua nịnh. Như thế gọi là Bồ-tát khéo có thể xa lìa sự dua nịnh để cầu lợi dưỡng.

Sao gọi là khéo có thể lìa bỏ tâm vì lợi dưỡng nên giả hiện các hình tướng? Đó là nếu Bồ-tát tuy vì y phục, đồ ưng khí, thuốc men trị bệnh và những vật dụng cần thiết khác thúc bách, nhân đó có thể giả hiện sự hư dối, nhưng rốt cuộc không bày lời cầu xin thí chủ và người trợ giúp bố thí. Đó là Bồ-tát khéo có thể xa lìa tâm vì lợi dưỡng nên giả hiện các hình tướng.

Thế nào là khéo có thể xa lìa tâm vì lợi dưỡng nên nói lời hư vọng, xúi giục, dụ dẫn? Tức là nếu Bồ-tát thấy người bố thí hay người giúp đỡ việc bố thí, không nói những lời: Ông…(tên gì đó) là thí chủ, mang những vật đó là đem cho tôi, vì tôi là người giữ giới, nghe nhiều hiểu rộng, ít ham muốn, biết đủ, do đấy đã đem vô số những vật dụng riêng bố thí cho tôi. Cũng vì đấy mà khởi tâm thương xót, tạo nhiều lợi ích để thu phục người ấy nên mới thọ nhận. Đó gọi là Bồ-tát khéo có thể xa lìa tâm vì lợi dưỡng nên nói lời hư giả, xúi giục, dẫn dụ.

Thế nào là khéo có thể xa lìa sự cầu tìm lợi dưỡng xấu ác? Đó là Bồ-tát không vì cầu lợi dưỡng mà thân tâm làm điều xấu ác. Thân làm điều xấu ác là lăng xăng lui tới để tranh giành, trải bao gian khó, phá bỏ giới tịnh. Tâm làm điều xấu ác là vì lợi dưỡng nên khi thấy người đồng tu phạm hạnh có được lợi dưỡng rồi, thì đối với người ấy sinh tâm gây tổn hại. Đó gọi là Bồ-tát khéo có thể xa lìa sự mong cầu lợi dưỡng xấu ác.

Thế nào là khéo có thể xa lìa những lợi dưỡng phi pháp? Đó là Bồ-tát không dối gạt khi làm công việc cân, đong. Kẻ khác có tin tưởng giao gởi vật gì cũng không chiếm lấy, cũng không gian ác để tích chứa của cải lợi lộc. Đó gọi là Bồ-tát khéo có thể xa lìa lợi dưỡng phi pháp.

Thế nào là khéo có thể xa lìa những lợi dưỡng không thanh tịnh? Tức là nếu Bồ-tát đối với những lợi dưỡng, hoặc ở nơi tháp, hoặc của Pháp, hoặc của Tăng, những vật dụng ấy không cho, không hứa thì Bồ-tát thảy đều không nhận. Đó gọi là Bồ-tát khéo có thể xa lìa những lợi dưỡng không thanh tịnh.

Thế nào là không tham đắm vướng mắc nơi lợi dưỡng? Tức là nếu Bồ-tát tuy được lợi dưỡng nhưng không tự xem là hoàn toàn phụ thuộc về mình, cũng không tự cho mình là giàu đủ, lại không tích chứa mà nên bố thí khắp cho các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác, cùng cha mẹ, bà con, bạn bè, người quen biết, hoặc cứ theo đúng thời mà thọ dụng. Đó là Bồ-tát không tham đắm vướng mắc nơi lợi dưỡng.

Thế nào là không ái nhiễm theo lợi dưỡng? Tức là nếu Bồ-tát tuy được thọ dụng lợi dưỡng nhưng không sinh tâm ái nhiễm. Đó gọi là Bồ-tát không ái nhiễm theo lợi dưỡng.

Thế nào là không vì lợi dưỡng mà sinh tâm khổ? Nghĩa là nếu Bồ-tát khi không có được lợi dưỡng, tâm không sinh khổ, cũng không thấy bị bức bách, đau buồn. Đối với người bố thí hay người trợ giúp bố thí không duy tâm oán ghét hay từ bỏ. Đó gọi là Bồ-tát không vì lợi dưỡng mà sinh tâm khổ não bức bách.

Thế nào là được lợi dưỡng đúng như pháp nên sinh tâm vui đủ? Tức là Bồ-tát hoặc theo chúng Tăng lần lượt nhận được lợi dưỡng đúng như pháp, đúng lúc, Như Lai thuận cho, chúng Bồ-tát không quở trách, các bậc Thánh hiền khen ngợi, người cùng tu phạm hạnh không chê bỏ. Thọ dụng như thế xong, sinh tâm vui mừng cho là đủ. Đó là Bồ-tát được lợi dưỡng đúng như pháp nên sinh vui vẻ, cho là đủ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy liền đạt được nếp sống trong sạch.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì tâm không lười, mỏi. Mười pháp ấy là những gì?

1. Vì tạo lợi ích cho các hữu tình nên ở lâu trong cõi sinh tử mà không lười mỏi.

2. Vì muốn tạo lợi ích cho hữu tình nên thọ nhận khổ nơi sinh tử mà không lười, mỏi.

3. Vì các hữu tình tạo mọi lợi ích mà không lười mỏi.

4. Tạo ra các nghiệp thiện cho các hữu tình không lười mỏi.

5. Vì đối với các hữu tình tạo các sự nghiệp mà không lười mỏi.

6. Vì người cầu quả vị Thanh văn nên giảng nói đạo pháp ấy mà không lười mỏi.

7. Đối với người tu tập quả vị Thanh văn, không nên ở trước người đó nói là không tin pháp ấy.

8. Thành tựu được các pháp Bồ-đề phần mà không lười mỏi.

9. Gồm đủ hành trang của sự giác ngộ mà không lười mỏi.

10. Không thủ chứng Niết-bàn, không khởi tâm hướng về sự vui thích của Niết-bàn. Bồ-tát do nhân duyên đó nên có thể hướng về Bồ-đề, dần dần đến gần Bồ-đề, chứng đắc quả vị Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức tâm không lười mỏi.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức có thể hành trì tất cả lời dạy của Như Lai. Mười pháp ấy là những gì?

1. Siêng năng tu tập hạnh không buông lung, lìa bỏ mọi phóng dật.

2. Đầy đủ oai nghi thiện, thân không làm điều ác.

3. Đầy đủ luật nghi thiện, miệng không hành ác.

4. Gồm đủ luật nghi thiện, ý không hành ác.

5. Lo sợ cho đời khác, nên dốc sức trừ những thứ ác.

6. Nói những lời đúng như lý, xa lìa những lời phi lý.

7. Giảng nói những lời chánh pháp, xa lìa những lời phi pháp.

8. Xa lìa nghiệp bất thiện, tu tập nghiệp thiện.

9. Thường đối với lời dạy của Như Lai không nói điều lỗi, xấu, lìa bỏ các phiền não cấu uế, xấu độc.

10. Luôn thuận theo để giữ gìn chánh pháp của Như Lai, ngăn ngừa, chế ngự tất cả những pháp bất thiện.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể hành trì tất cả lời dạy của Như Lai.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ đạt được vẻ mặt hòa ái, xa lìa mọi vẻ cau có. Mười pháp ấy là những gì?

1. Các căn thù thắng, vi diệu.

2. Các căn thanh tịnh.

3. Các căn không thiếu mất.

4. Các căn không cấu uế.

5. Các căn sạch, trong.

6. Lìa xa sự giận dữ.

7. Xa lìa các phiền não.

8. Xa lìa những trói buộc.

9. Xa lìa những uất kết giận hờn.

10. Xa lìa sự phẫn nộ.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì được vẻ mặt hòa ái, xa lìa mọi sự cau có, căng thẳng.

Khi ấy, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo như con hiểu về ý nghĩa nơi những điều Phật dạy, do các căn thanh tịnh nên Bồ-tát có được vẻ mặt hòa ái, do dứt trừ các phiền não nên xa lìa những cau có, căng thẳng.

Phật bảo:

–Đúng đấy, đúng đấy, này thiện nam! Do các căn thanh tịnh nên Bồ-tát có được vẻ mặt hòa ái, do dứt trừ các phiền não nên lìa được mọi sự cau

có, căng thẳng.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì đạt được sự nghe nhiều hiểu rộng. Mười pháp ấy là những gì?

1. Biết đúng như thật là trong cõi sinh tử, lửa tham cháy rực.

2. Biết đúng như thật là lửa sân lừng mạnh.

3. Biết rõ đúng như thật là lửa ngu si làm tối tăm, rối loạn.

4. Biết rõ đúng như thật các pháp hữu vi đều là vô thường.

5. Hiểu rõ đúng như thật các hành là khổ.

6. Hiểu rõ đúng như thật thế gian thảy đều là không.

7. Hiểu rõ đúng như thật các pháp là vô ngã.

8. Có thể lìa bỏ mọi hý luận trong thế gian.

9. Hiểu rõ đúng như thật các pháp đều từ duyên sinh.

10. Hiểu rõ đúng như thật Niết-bàn là vắng lặng.

Những giáo pháp trọng yếu này do văn, tư, tu mà thành trí tuệ, rồi mới có thể chứng ngộ, không thể chỉ dùng ngôn ngữ, âm thanh mà có thể chứng đắc được. Bồ-tát biết như thế rồi liền khởi tâm thương xót vững chắc, khởi hạnh tinh tấn vì các hữu tình tạo nên những lợi ích.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đạt bậc nghe nhiều, hiểu rộng.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức có thể thu nhận được chánh pháp. Mười pháp ấy là những gì?

1. Về sau này, sau năm trăm năm cách Phật Niết-bàn, vào lúc chánh pháp chuyển biến, giảm mất, các hữu tình ở trong giáo pháp của Phật lập nên tà đạo, ngọn đèn trí tuệ khuất mất, đúng vào lúc ấy, Bồ-tát có thể giảng nói kinh điển rộng lớn của Như Lai đã truyền dạy, tạo nên lợi ích lớn, đầy đủ uy đức lớn, như mẹ của các pháp, có thể thọ trì, đọc tụng, cung kính, phụng sự, tức là có thể thâu nhận chánh pháp.

2. Vì người khác mà giảng nói, khiến người nghe lãnh hội, khai mở, hiểu biết ý nghĩa.

3. Đối với những người tu hành theo chánh pháp, thì yêu thích, tin tưởng, tôn trọng, hoan hỷ, vì họ mà thu nhận.

4. Vì người khác mà giảng nói chánh pháp, không hề có mong cầu.

5. Đối với vị thầy thuyết pháp, phát khởi nghĩ tưởng về bậc tôn sư.

6. Đối với chánh pháp luôn nghĩ tưởng như vị cam lồ.

7. Luôn nghĩ tưởng như là Thánh dược.

8. Nghĩ tưởng như vị thuốc hay.

9. Vì cầu chánh pháp nên không tiếc thân mạng.

10. Cầu được pháp rồi thì tu hành viên mãn.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể thâu nhận được chánh pháp.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì sẽ là vương tử của chánh pháp. Mười pháp ấy là những gì?

1. Đầy đủ các tướng trang nghiêm.

2. Thân đạt được các vẻ đẹp.

3. Các tướng tốt đầy đủ, các căn trọn vẹn hoàn chỉnh.

4. Đối với nơi chốn chư Phật, Như Lai gần gũi thì thuận theo mà gần gũi.

5. Đối với những nơi chốn Phật Như Lai hành trì chánh đạo thì thuận theo đó mà hành trì.

6. Đối với pháp được Phật, Như Lai chứng ngộ, thì thuận theo đó mà giác ngộ.

7. Cứu độ tất cả những chúng sinh khổ não trong thế gian.

8. Khéo có thể tu học tất cả hạnh của bậc Thánh.

9. Khéo có thể tu tập, thành tựu các phạm hạnh.

10. Khéo an trụ nơi thành Nhất thiết trí là chỗ trụ của Như Lai.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy sẽ là bậc vương tử của chánh pháp.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây thì có thể vượt lên hơn các Thiên chủ Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế. Mười pháp ấy là những gì?

1. Đối với quả vị giác ngộ của Phật, đạt không thoái chuyển.

2. Không bị các ma làm cho lay động.

3. Không xa lìa tất cả pháp Phật.

4. Thuận theo để có thể hiểu rõ, hội nhập nơi chánh lý của các pháp.

5. Thông đạt được các pháp bình đẳng.

6. Không tin tưởng nơi kẻ khác.

7. Đối với pháp Phật, khéo đạt được trí tuệ giác ngộ.

8. Không cùng chung, ngang bằng với tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác.

9. Vượt ra khỏi tất cả thế gian.

10. Chứng đắc được pháp Nhẫn vô sinh.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể vượt hơn hẳn các vị trời Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế...

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức có thể nhận biết ý thích của các hữu tình về những phiền não. Mười pháp ấy là những gì?

1. Biết rõ đúng như thật tất cả hữu tình ý thích về tham dục.

2. Hiểu biết rõ ý thích về giận dữ.

3. Biết rõ ý thích về sự si mê.

4. Biết rõ ý thích về thượng phẩm.

5. Biết rõ ý thích về trung phẩm.

6. Biết rõ ý thích hạ phẩm.

7. Biết rõ ý thích về các điều thiện.

8. Biết rõ ý thích về sự bền vững.

9. Biết rõ thường khởi các phiền não.

10. Biết rõ những phiền não xấu ác.

Những pháp như thế đối với một hữu tình đã biết rõ đúng như thật, cho đến cùng tận các giới hữu tình khác, cũng đều rõ biết như thế.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy, thì có thể nhận biết ý thích của hữu tình về các phiền não.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức khéo nhận biết pháp làm thành thục các hữu tình. Mười pháp ấy là những gì?

1. Người nên dùng sắc tướng của chư Phật để điều phục, liền hiện sắc tướng của chư Phật.

2. Người nên dùng sắc tướng của Bồ-tát để điều phục, liền hiện tướng Bồ-tát.

3. Người nên dùng sắc tướng của Duyên giác để điều phục, liền hiện sắc tướng của hàng Duyên giác.

4. Người nên dùng sắc tướng của hàng Thanh văn để điều phục, liền hiện tướng của hàng Thanh văn.

5. Người nên dùng sắc tướng của Đế Thích để điều phục, liền hiện tướng Đế Thích.

6. Người nên dùng sắc tướng của ma vương để điều phục, liền hiện

sắc tướng của ma vương.

7. Người nên dùng sắc tướng của Phạm vương để điều phục, liền hiện sắc tướng của Phạm vương.

8. Người nên dùng sắc tướng của Bà-la-môn để điều phục, liền hiện sắc tướng của hàng Bà-la-môn.

9. Người nên dùng sắc tướng của hàng Sát-đế-lợi để điều phục, liền hiện tướng của hàng Sát-đế-lợi.

10. Người nên dùng sắc tướng của hàng Trưởng giả để điều phục, liền hiện tướng của hàng Trưởng giả.

Này thiện nam! Các loài hữu tình nên dùng vô số những sắc tướng như thế để điều phục, giáo hóa. Bồ-tát liền có thể tùy theo chỗ ứng hợp mà hiện những hình tướng khác nhau.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế, tức khéo nhận biết pháp làm thành thục các hữu tình.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức đạt được sự an trụ nơi niềm vui thù thắng. Mười pháp ấy là những gì?

1. Ngay thẳng.

2. Hoà nhã, mềm dịu.

3. Không có tâm dua nịnh, quanh co.

4. Không có tâm giận dữ.

5. Không có tâm cấu uế.

6. Đầy đủ tâm thanh tịnh.

7. Không nói lời hung tợn.

8. Dứt bỏ những lời nói nhơ bẩn, độc ác.

9. Thường hành nhẫn nhục.

10. Gồm đủ sự yêu thích tốt đẹp.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì đạt được sự an trụ nơi niềm vui thù thắng.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, thì an trụ nơi sự an lạc. Mười pháp ấy là những gì?

1. Đầy đủ chánh kiến.

2. Nhận biết đầy đủ về hành giới thanh tịnh, trọn vẹn.

3. Oai nghi phép tắc thanh tịnh.

4. Thuận theo cảnh giới tu hành.

5. Không trụ nơi các phiền não, tạp loạn.

6. Không còn lỗi lầm.

7. Tu tập đầy đủ các phạm hạnh.

8. Đạt được đồng phạm hạnh.

9. Trụ nơi đạo Nhất thừa.

10. Không tôn thờ các bậc thầy khác.

Này thiện nam! Bồ-tát tu tập được mười pháp như thế, tức được trụ nơi an lạc.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 19

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức có thể khéo nhận biết về hành bốn Nhiếp pháp. Mười pháp ấy là những gì?

1. Hành bố thí tạo ích lợi để thu phục, giáo hóa các hữu tình.
2. Hành bố thí an lạc.
3. Hành bố thí không cùng tận.
4. Nói những điều lợi ích.
5. Nói những điều đúng như nghĩa.
6. Nói những điều đúng như pháp.
7. Nói những điều đúng như lý.
8. Hành điều lợi ích.
9. Cùng đem mọi thứ của cải để tạo lợi ích.
10. Đem mọi thứ của cải dùng để cứu vớt tánh mạng, tạo lợi ích nhằm thâu phục giáo hóa hữu tình.

Này thiện nam! Bố thí lợi ích tức là bố thí pháp. Bố thí an lạc tức là bố thí của cải. Bố thí không cùng tận tức là giảng nói, chỉ rõ cho người khác về chánh đạo. Nói lời lợi ích là giảng nói các pháp thuộc phần thiện. Nói những lời đúng như nghĩa tức là nêu giảng về lý chân thật. Nói lời đúng như pháp nghĩa là thuận theo giáo pháp chân chánh của Như Lai để nêu giảng về các pháp. Nói lời đúng như lý, nghĩa là không hủy hoại ý nghĩa chân thật. Hành lợi ích nghĩa là khiến các hữu tình bất thiện không phát khởi pháp thiện được an lập. Đem mọi thứ của cải để làm lợi ích, nghĩa là những của cải vật dụng, thức ăn, thức uống bố thí bình đẳng. Đem mọi thứ của cải dùng để cứu giúp tánh mạng, tạo lợi ích, nghĩa là dùng vàng, bạc, ma-ni, trân châu, lưu ly, ốc quý, ngọc bích, voi, ngựa, xe, cộ... cùng bố thí để làm lợi ích.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế, tức có thể khéo nhận biết hành bốn Nhiếp pháp.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây tức sẽ

đầy đủ sắc tướng vi diệu. Mười pháp ấy là những gì?

1. Thường tu tập oai nghi vắng lặng.

2. Thường tu tập oai nghi không giả dối.

3. Thường tu tập oai nghi thanh tịnh.

4. Người nhìn thấy đều sinh tâm yêu thích.

5. Người trông thấy đều sinh tướng thiện.

6. Người nhìn thấy không chán.

7. Người trông thấy đều có ý vui thích.

8. Tất cả hữu tình trông thấy đều không bị trở ngại.

9. Tất cả hữu tình trông thấy đều sinh tâm hoan hỷ.

10. Tất cả hữu tình khi nhìn thấy đều sinh tâm thanh tịnh.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức đầy đủ sắc tướng vi diệu.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức sẽ làm chỗ nương tựa cho người khác. Mười pháp ấy là những gì?

1. Đối với hữu tình sống lâu trong cõi sinh tử đầy sợ hãi, nên vì họ mà làm người giúp đỡ.

2. Hữu tình sống lâu nơi cõi sinh tử mênh mông đầy dẫy những hiểm nguy, hoạn nạn, nên vì họ mà làm người khéo dẫn đường.

3. Hữu tình chìm đắm nơi biển lớn sinh tử, nên vì họ mà cứu vớt.

4. Những hữu tình không có thân thuộc, nên vì họ mà làm người bảo hộ, chở che.

5. Những hữu tình bị buộc trói lâu trong bệnh nặng phiền não, khổ đau, nên vì họ mà làm vị thầy thuốc.

6. Những hữu tình không có người giúp đỡ, cứu vớt, nên vì họ làm người giúp đỡ, cứu vớt.

7. Những hữu tình không có chỗ nương thân, nên vì họ mà làm nơi cư ngụ.

8. Có những hữu tình không nơi để quay về, nên vì họ mà làm nơi quay về.

9. Những hữu tình không nơi ở yên, nên vì họ mà làm bến bãi.

10. Những hữu tình không nơi chốn hướng đến, nên vì họ làm nơi hướng đến.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế tức có thể làm nơi nương tựa cho kẻ khác.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây sẽ giống như cây thuốc lớn.

Này thiện nam! Ví như ở thế gian có cây thuốc lớn, tên là Thiện kiến. Nếu có hữu tình bị trói buộc vào các thứ bệnh khổ, tùy từng bộ phận của cây thuốc dùng để chữa trị, khiến các tật bệnh đều được thiện. Mười pháp ấy là những gì?

1. Dùng phần rễ của cây thuốc.

2. Dùng phần thân của nó.

3. Dùng phần cành nhánh của nó.

4. Dùng phần lá của nó.

5. Dùng phần hoa của nó.

6. Dùng trái của nó.

7. Tùy lúc trông thấy mà dùng hình sắc của nó.

8. Tùy lúc ngửi mà dùng mùi hương của nó.

9. Tùy lúc nếm mà dùng vị của nó.

10. Tùy theo cử động mà dùng sự xúc chạm nơi nó.

Này thiện nam! Bồ-tát cũng lại như vậy. Từ khi mới phát tâm trở đi đều khéo có thể trị dứt những bệnh phiền não của các hữu tình, các hữu tình tùy chỗ tu hành nên bệnh tật thảy đều thuyên giảm:

1. Thọ dụng Bố thí ba-la-mật của Bồ-tát.

2. Thọ dụng Trì giới ba-la-mật của Bồ-tát.

3. Thọ dụng Nhẫn nhục ba-la-mật của Bồ-tát.

4. Thọ dụng Tinh tấn ba-la-mật của Bồ-tát.

5. Thọ dụng Thiền định ba-la-mật của Bồ-tát.

6. Thọ dụng Trí tuệ ba-la-mật của Bồ-tát.

7. Thấy được thân của Bồ-tát, thọ dụng sắc tướng ấy.

8. Nghe được danh hiệu của Bồ-tát, thọ dụng âm thanh ấy.

9. Nếm được pháp vị công đức thanh tịnh của Bồ-tát.

10. Được gần gũi để cung kính cúng dường Bồ-tát.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức được như cây thuốc lớn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát tu tập mười pháp sau đây tức có thể siêng năng tu tập hạnh phước. Mười pháp ấy là những gì?

1. Tùy theo sức, cúng dường Tam bảo.

2. Đối với những hữu tình bệnh khổ, vì họ mà cho thuốc vi diệu.

3. Các hữu tình đói khát, vì họ mà bố thí thức ăn uống.

4. Nếu các hữu tình bị lạnh, nóng bức bách đau khổ, vì họ tạo sự bảo vệ che chở.

5. Thường phải tôn kính bậc thầy khuôn mẫu (A-xà-lê) và các bậc Thân giáo sư (Hòa thượng).

6. Gặp những người cùng tu phạm hạnh nên đứng lên đón tiếp, chắp tay cung kính lễ bái và hỏi han.

7. Tu sửa, chăm sóc nơi vườn rừng, tinh xá.

8. Luôn luôn lấy ra từ kho tàng những của cải, lúa thóc đem bố thí, cấp phát cho hữu tình.

9. Đối với những tôi tớ và người làm thuê thì nuôi nấng, giúp đỡ, bảo vệ bình đẳng.

10. Trong các thời thường siêng cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy tức có thể siêng năng tu tập hạnh phước.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, thì khéo có thể hiện bày sự biến hóa. Mười pháp ấy là những gì?

1. Từ nơi một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể ở nơi vô số cõi Phật khác, Bồ-tát tại các trụ xứ của chư Như Lai ấy thưa hỏi về những nghĩa lý sâu xa.

2. Từ nơi một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể ở nơi vô số cõi Phật khác, trước các Đức Như Lai, nghe nhận những giáo pháp sâu xa.

3. Từ một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể đối với vô số cõi Phật khác, nơi chỗ các Đức Như Lai thừa sự cúng dường.

4. Từ nơi một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể đối với vô số cõi Phật khác, thành tựu trọn vẹn các hành trang giác ngộ.

5. Từ nơi một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể đối với vô số cõi Phật khác, có các vị Bồ-tát thành tựu quả vị Chánh giác, đều tôn trọng và cung kính cúng dường.

6. Từ một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể đối với vô số cõi Phật khác, tự thân thị hiện chứng đắc bậc Đẳng chánh giác.

7. Từ một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể trong vô số cõi Phật khác, thị hiện đi tới đạo tràng Bồ-đề.

8. Từ một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể trong vô số cõi Phật khác, chuyển pháp luân nhiệm mầu.

9. Từ một cõi Phật, thân tướng bất động, nhưng có thể ở trong vô số cõi Phật khác, thị hiện Niết-bàn.

10. Từ một cõi Phật, thân tướng bất cộng, nhưng có thể ở nơi vô số cõi Phật khác, cho đến những nơi hữu tình có thể sinh tới, tùy theo sự thích hợp mà biến hóa để hóa độ. Bồ-tát tuy thường biến hóa nhưng không phân biệt người biến hóa và đối tượng được biến hóa.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thường biến hóa nhưng không phân biệt người biến hóa với đối tượng được biến hóa?

Phật nói:

–Này thiện nam! Nay ta nêu ví dụ, ông hãy lắng nghe. Ví như mặt trời, mặt trăng soi khắp bốn châu lớn, tùy theo mỗi châu thu nhận ánh sáng, tất cả hữu tình ở châu đó đều được soi chiếu cùng khắp, nhưng mặt trời, mặt trăng kia không có phân biệt: Ta là chủ thể soi sáng, còn tất cả hữu tình là đối tượng được soi sáng. Vì sao? Vì mặt trời mặt trăng kia từ xa xưa đã tu tập, nay được quả báo nên có thể soi sáng.

Này thiện nam! Bồ-tát cũng lại như vậy, tuy làm việc biến hóa, nhưng không phân biệt chủ thể biến hóa và đối tượng được biến hóa, đều không nêu bày sự tỏ ngộ cũng không gây tạo nên. Vì sao? Vì Bồ-tát từ xa xưa, đã thành tựu được nghiệp báo thiện thù thắng. Từ xa xưa, khi Bồ-tát tu trì hạnh Bồ-tát, tùy theo nguyện lực, tùy theo hành nghiệp, cho nên ngày nay có thể biến hóa mà không phân biệt.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp ấy thì khéo có thể hiện bày sự biến hóa.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp sau đây, tức có thể nhanh chóng chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mười pháp ấy là những gì?

1. Có thể khéo gồm đủ và khéo tích lũy hạnh bố thí.

2. Khéo gồm đủ hạnh giới, khéo tích lũy hạnh giới, không thiếu sót về hạnh giới, không có hành giới tạp nhiễm. Vượt qua tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, thành tựu trọn vẹn các hạnh giới thanh tịnh trắng trong.

3. Khéo gồm đủ hạnh nhẫn nhục.

4. Khéo gồm đủ hạnh tinh tấn.

5. Khéo gồm đủ hạnh thiền định.

6. Khéo gồm đủ tuệ thù thắng.

7. Khéo gồm đủ phương tiện.

8. Khéo gồm đủ các hạnh nguyện.

9. Khéo gồm đủ các lực.

10. Khéo gồm đủ trí chân chánh, tích chứa, tập hợp đủ trí, do Bồ-tát thành tựu trí bất cộng nên có thể vượt qua trí của tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, vượt trên trí của Bồ-tát trụ Địa thứ nhất, cho đến Bồ-tát trụ Địa thứ chín.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu tu tập mười pháp như thế tức có thể nhanh chóng chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc Đức Thế Tôn giảng nói chánh pháp như thế thì trong tam thiên đại thiên thế giới liền có đủ sáu cách chấn động. Lại, trong tam thiên đại thiên thế giới này, các núi hiện có như Tu-di sơn vương, núi Mục-chân-lân-đà, núi Đại mục-chân-lân-đà, núi Tiểu thiết vi, núi Đại thiết vi, cùng các núi Báu, núi Đen, những núi nhỏ khác... đỉnh cao nơi các dãy núi ấy tự nhiên đều thấp xuống, hướng về núi Tượng đầu, bày tỏ sự cúng dường Phật và chánh pháp. Lại, trong tam thiên đại thiên thế giới ấy, tất cả những cây có hoa, có quả cũng đều cúi thấp hướng về núi Tượng đầu để cúng dường Đức Thế Tôn và chánh pháp. Lúc ấy, lại có vô số trăm ngàn ức ức Bồ-tát hóa hiện vô số các loại y phục trang nghiêm, số lượng chất chứa như núi Tu-di để cúng dường Đức Thế Tôn và chánh pháp. Lại có vô số trăm ngàn vị Thiên chủ Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế... thảy đều chắp tay đảnh lễ Đức Thế Tôn, tuôn xuống trên chỗ Phật hoa trời Mạn-đà-la, hoa Đại mạn-đà-la. Lại có vô số trăm ngàn các chúng Thiên tử, mỗi vị đều cầm loại áo trời, ở giữa hư không uốn thân xoay vòng, cất lên trăm ngàn âm thanh trong trẻo vi diệu để cúng dường, lại dùng hoa trời tung rải trên Đức Phật, rồi cùng nói:

–Chúng con hôm nay thấy được Đức Phật, Thế Tôn là lần thứ hai xuất hiện ở thế gian, là lần thứ hai chuyển chánh pháp luân. Bạch Thế Tôn! Nếu các hữu tình có đủ phước đức lớn, tu tập các nghiệp thiện, nơi trú xứ của Phật trước đã vun trồng cội rễ các phước đức, người ấy mới được nghe chánh pháp này, huống chi lại có thể nghe rồi phát sinh tâm thanh tịnh.

Lại có vô số trăm ngàn vị Ma-hầu-la-già thảy đều cùng phát ra những âm thanh rất lớn như tiếng sấm, tiếp theo là biến hóa hiện ra những vầng mây lớn bao trùm cả tam thiên đại thiên thế giới cùng núi Tượng đầu, tuôn các loại nước thơm đều đầy đủ, nhưng các các hữu tình ở đấy cũng không thấy bị quấy nhiễu, tạo nên những hiện tượng đó là để cúng dường pháp

Phật.

Lại có vô số trăm ngàn long nữ đến trước Đức Thế Tôn cất lên lời ca vịnh để cúng dường Phật.

Lại có vô số trăm ngàn chúng Càn-thát-bà, chúng Khẩn-na-la, nhiễu vòng theo phía bên phải, cả tam thiên đại thiên thế giới và núi Tượng đầu, cất lên những lời ca vịnh trong thanh vi diệu để cúng dường Phật.

-oOo-

KINH TRỪ CÁI CHƯỚNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

QUYỂN 20

Lúc ấy, còn có vô số trăm ngàn chúng Dạ-xoa, tuôn xuống các hoa sen để cúng dường Phật, lại thổi, gõ hòa cùng gió khiến người chạm xúc đều được an lạc.

Lại có vô số cõi Phật, các Bậc Như Lai nơi các cõi ấy, để cúng dường Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni cùng chánh pháp, nên mỗi vị, từ giữa chân mày phóng ra luồng hào quang lớn, gồm đủ các màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng của ngọc pha lê, ngọc phỉ thúy... với đủ các hình tướng. Những luồng hào quang đó xoay vòng theo phía bên phải, tỏa khắp tam thiên đại thiên thế giới, chiếu sáng rực rỡ, phá trừ tất cả những tối tăm. Hào quang ấy lại xoay vòng quanh núi Tượng đầu, sau đó lại theo nơi đỉnh đầu của Đức Thế Tôn mà thu vào.

Còn có vô số trăm ngàn Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, sĩ phu, dân chúng, mỗi người đều cầm hương hoa, hương xoa, hương bột, các vòng hoa tuyệt đẹp, các thứ y phục, cờ phướn, lọng báu đem dâng trước Phật để cúng dường.

Lúc Phật đang giảng nói về chánh pháp như thế và các vị trời, rồng, thần... cùng cúng dường thì có bảy mươi hai ức Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, vô số trăm ngàn ức ức hữu tình xa lìa bụi nhơ, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh, vô số trăm ngàn ức ức hữu tình trước đó chưa từng phát tâm Bồ-đề đều đã phát tâm cầu đạo quả Đại Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, có một vị Thiên nữ tên là Trường Thọ, đã từ lâu cư trú nơi núi Tượng đầu, cùng với đám quyến thuộc đều có mặt trong pháp hội của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để cúng dường Đức Phật, nên trở về cung mình lấy những thứ cúng dường rồi trở lại chỗ Phật, bày tỏ sự tôn trọng, cung kính, một lòng chuyên chú, dâng lên những thứ cúng dường. Tâm chí thành cúng dường như vậy, rồi đến trước Phật, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con biết từ rất lâu, trong đời quá khứ có mười vạn hai ngàn các Đức Phật, Như Lai đều từng ở nơi núi Tượng đầu này giảng nói chánh pháp, cũng nghĩa như thế, cũng lý như thế, cũng văn như thế.

Phật nói:

–Này Thiên nữ Trường Thọ! Ngươi chính đã đạt được điều lợi lành là gặp được giáo pháp quý báu như thế xuất hiện ở đời, mỗi dịp đều được đích thân nghe pháp.

Lúc ấy, trong pháp hội có các vị Thiên tử đều suy nghĩ: Nay vị Thiên nữ này, từ lâu đã từng nghe chánh pháp như thế, lại từng gần gũi nhiều Đức Phật, Như Lai, vì sao lại không chuyển đổi thân nữ?

Khi đó, Bồ-tát Trừ Cái Chướng biết sự suy nghĩ của các Thiên tử rồi, nên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thiên nữ Trường Thọ có đủ uy đức lớn, từ lâu từng nghe chánh pháp như thế, lại từng gần gũi nhiều Đức Phật Như Lai, vì sao không chuyển đổi thân nữ ấy?

Phật nói:

–Này thiện nam! Không chuyển đổi thân nữ vì có nguyên do lớn, đó là làm lợi lạc cho tất cả hữu tình. Vì sao? Này thiện nam! Vị Thiên nữ này đã trụ nơi quả vị Bồ-tát giải thoát không thể nghĩ bàn. Ta biết Thiên nữ Trường Thọ ấy, từng ở trú xứ của các Như Lai, số lượng vượt hơn mọi sự tính đếm, khuyến thỉnh phát tâm Bồ-đề, cho đến khi nhập đại Niết-bàn. Do duyên cớ ấy, nên vị Thiên nữ này đạt được uy đức thần thông rộng lớn.

Này thiện nam! Vị Thiên nữ Trường Thọ này, trong Hiền kiếp cúng dường chư Phật rồi, ở nơi cõi Phật ấy sẽ thành Phật hiệu là Trường Thọ Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Thiên nữ Trường Thọ:

–Ngươi hãy hiện bày sự trang nghiêm nơi cõi Phật của mình. Lúc ấy, Thiên nữ Trường Thọ liền nhập pháp Tam-muội Hiện nhất thiết sắc tướng, từ trong chánh định ấy hiện ra tam thiên đại thiên thế giới này đất bằng như lòng bàn tay, loại bỏ Hắc sơn, các núi đất đá... cùng những cây cối vốn có khác, nên hoàn toàn thanh tịnh đáng yêu thích vì đều do lưu ly tạo thành, mọi nơi đều có cây quý Kiếp ba, mọi nơi đều có ao hồ, nguồn suối rất trong lành tươi đẹp. Nước có tám công đức đầy trong những ao hồ ấy. Không có những hạng người tầm thường, cũng lại không nghe có tiếng người nữ, chốn chốn đều hiện ra hoa sen lớn, mỗi đóa hoa to bằng bánh xe, trong các đóa hoa sen ấy đều có tượng Bồ-tát xếp chân ngồi kiết già. Lại hiện Đức Thế Tôn Trường Thọ, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cùng các vị Bồ-tát đồng hội họp giảng nói chánh pháp. Có vô số trăm ngàn ức ức Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế... hiện diện trước sau. Lại có vô số trăm ngàn ức ức chúng Bồ-tát vây quanh nghe pháp, cũng nêu giảng pháp môn

như vậy.

Bấy giờ, Thiên nữ Trường Thọ biến hiện như thế rồi, liền ra khỏi chánh định, đến trước Đức Thế Tôn, đi vòng quanh theo phía bên phải ba vòng rồi ẩn, không hiện ra nữa.

Khi ấy, Bồ-tát Trừ Cái Chướng đến bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ đối với chánh pháp này nghe rồi thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ, giải rõ ý nghĩa, lại vì người khác giảng nói, rộng khắp thì người ấy có được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Giả sử như trong tam thiên đại thiên thế giới, đầy khắp những hữu tình và họ đều tu hạnh bố thí, trải qua vô lượng thời gian liên tục không dứt. Lại có thiện nam, thiện nữ, đối với chánh pháp này phát tâm thanh tịnh đúng như pháp mà biên chép, lại khéo đối chiếu, so sánh kỹ lưỡng, đem tâm thanh tịnh chuyển bàn cho người khác, thì người ấy có phước đức hơn hẳn người trước. Vì sao? Này thiện nam! Vì bố thí tài vật của cải không ra khỏi sinh tử, còn pháp thí là vô cùng cao cả, là vô cùng thù thắng. Vì sao? Tất cả hữu tình sống trong cõi sinh tử, phần nhiều tham nhận các thứ của cải lợi lộc, nên không thể thọ nhận pháp vị tối thượng, vượt khỏi thế gian.

Lại nữa, này thiện nam! Giả như có người vì các hữu tình đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều khiến họ an trụ vào đạo mười nghiệp thiện. Lại nếu có người đối với chánh pháp này lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ suy nghĩ, giải thích ý nghĩa, rồi vì người khác mà giảng nói rộng rãi, thì phước đức của người này gấp hơn người trước nhiều lần. Vì sao? Này thiện nam! Vì đạo pháp mười nghiệp thiện phát sinh từ chánh pháp này.

Lại nữa, này thiện nam! Giả sử các hữu tình đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều làm cho họ chứng được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Lại nếu có người đối với chánh pháp này lắng nghe, thọ trì, ghi nhớ, giải thích ý nghĩa, rồi vì người khác giảng nói rộng rãi, thì người ấy được phước đức nhiều gấp bội, hơn hẳn người trước. Vì sao? Này thiện nam! Nên biết tất cả quả vị Thanh văn, Duyên giác đều từ nơi pháp tánh này mà đạt đến. Các vị Bồ-tát cũng đều từ trong pháp tánh này mà thành tựu. Như Lai cũng đạt được pháp tánh ấy nên xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu người nào có thể đối với chánh pháp này thọ trì, đọc tụng, hiểu rõ ý nghĩa, thì người ấy tức cùng ở trong các

kinh, thọ trì, đọc tụng, giải thích nghĩa lý sâu xa. Vì sao? Vì pháp tánh này là mẹ của các pháp.

Này thiện nam! Như các vị Bồ-tát nếu không đạt được pháp tánh chân chánh này, thì không thể chứng đắc pháp tánh rộng lớn.

Bấy giờ, trong pháp hội, các vị Đại Thanh văn, từng vị đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đã đạt pháp tánh này rồi, thì có thể hiện bày khắp hết cõi sinh tử rộng lớn chăng?

Phật nói:

–Này các Bí-sô! Đúng vậy, đúng vậy!

Đức Thế Tôn nói với tất cả đại chúng trong pháp hội:

–Này thiện nam! Nếu như các địa phương có thể là nơi chốn giảng nói chánh pháp như thế thì địa phương ấy đúng là đạo tràng Bồ-đề lớn, tức là nơi chuyển pháp luân, là nơi có linh tháp vĩ đại, phải nên khởi suy nghĩ đó là nơi vị thầy lớn của ta đã du hóa, dừng lại. Vì sao? Này thiện nam! Vì pháp tánh tức là Bồ-đề, tức là chuyển pháp luân, pháp luân tức là Như Lai.

Này thiện nam! Nếu cúng dường chánh pháp tức là cúng dường chư Phật Như Lai.

Nếu các địa phương có những vị thầy giảng pháp du hóa dừng chân, nên đối với địa phương ấy khởi tưởng có linh tháp, đối với vị thầy giảng nói chánh pháp đó nên khởi tưởng là bậc Đại sư. Lại nên khởi tưởng là bậc Thiện tri thức, nên khởi tưởng là vị thầy dẫn đường tốt. Vì duyên cớ ấy, khi được thấy bậc thầy giảng pháp, nên sinh tâm hoan hỷ, tin tưởng thanh tịnh, tôn trọng cung kính, mời đón, ca ngợi tán dương và nói: Lành thay!

Lại nữa, này thiện nam! Nếu ta nêu bày việc khen ngợi, tôn trọng, cung kính về công đức của vị thầy giảng nói chánh pháp, cũng như nói về phước báo và ân lớn của vị thầy ấy, những sự việc như thế, nếu trải qua một kiếp hay hơn một kiếp, cũng không thể nói được một phần nhỏ.

Này thiện nam! Nếu có người yêu thích giáo pháp, những thiện nam, thiện nữ ấy, lấy máu của chính thân mình rưới rải trên mặt đất, cũng không thể báo đáp được một phần nhỏ ân đức của vị ấy. Vì sao? Vì vị thầy giảng nói chánh pháp ấy, do có thể nhận lãnh, hành trì Pháp nhãn của Như Lai, là việc rất khó làm.

Này thiện nam! Vì vậy các vị Pháp sư khi giảng nói chánh pháp như thế nên thể hiện đức vô úy, không nên e sợ mà sinh tâm ngăn ngại, phải

mặc áo mới, sạch sẽ, giữ tâm thanh tịnh. Lúc đang nêu giảng, nếu được người khen ngợi, không khởi tâm tự cao, không hiện tướng ngã mạn, không sinh chấp trước, không tự tán dương, không xúc phạm người khác, không sinh tâm đắm nhiễm, vướng mắc, phải nên cung kính, tôn trọng việc giảng nói chánh pháp.

Lúc ấy, vua trời Đế Thích tiến đến trước Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu ở những nơi chốn khác có giảng nói chánh pháp như thế, con sẽ tự mình hướng dẫn các quyến thuộc trong cung cùng đến nơi ấy lắng nghe, thọ nhận chánh pháp vô cùng sâu xa ấy và giúp đỡ, ủng hộ vị thầy đang giảng nói chánh pháp ấy.

Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này Kiều-thi-ca! Ông nên khéo trì hộ chánh pháp của Như Lai, như điều ông cần làm là hoàn toàn thích hợp.

Bấy giờ, Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì, chúng con nên phụng hành thế nào?

Phật nói:

–Này thiện nam! Kinh này tên là Nói Về Điều Bồ-tát Trừ Cái Chướng Thưa Hỏi, cũng gọi là Mây Báu, cũng gọi là Chứa Nhóm Các Công Đức Báu, cũng gọi là Ngọn Đèn Trí Tuệ. Các vị cứ theo tên ấy mà thọ trì.

Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Trừ Cái Chướng cùng với chúng Đại Bồ-tát, chúng Bồ-tát, Thanh văn trong pháp hội, các vị vua trời như Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế, trời Đại tự tại... vô số trăm ngàn các Thiên tử, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... tất cả nghe lời Phật dạy đều vui vẻ, tin tưởng, phụng hành.

-oOo-